TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA
VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

NGÔ THÌ NHẬM

TOÀN TẬP

TẬP I

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA
VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

NGÔ THÌ NHẬM

TOÀN TẬP

TẬP 1

Chủ biên
LÂM GIANG

Sưu tầm, biên dịch, giới thiệu
LÂM GIANG-LÊ VIỆT NGA-NGUYỄN THỊ PHƯỢNG
PHẠM THỊ THOA-NGUYỄN HUY THỨC
NGUYỄN CÔNG VIỆT

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2003

LỜI NÓI ĐẦU

Ngô Thì Nhậm (1746-1803), một danh nhân nổi tiếng đất Bắc Hà nguyên quán người xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay thuộc huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội). Ngô Thì Nhậm sinh ra và lớn lên trong một dòng tộc văn võ song toàn, với truyền thống dòng họ và được sự giáo dưỡng của ông cha, Ngô Thì Nhậm đã sớm trở thành nhà trí thức lỗi lạc vào cuối thế kỷ XVIII trong lịch sử Việt Nam. Năm 30 tuổi, Ngô Thì Nhậm thi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Ất Mùi, niên hiệu Cảnh Hưng 36 (1775) đời vua Lê Hiển Tông. Sau đó, Ngô Thì Nhậm đã giữ các chức quan, như: Hiến sát phó sứ Hải Dương, Giám sát ngự sử xứ Sơn Nam, Đốc đồng Kinh Bắc và Thái Nguyên, Đông các Hiệu thư, Hàn lâm viện Hiệu thảo, Hữu thị lang Bộ Công.

Khi nhà Lê mất, Ngô Thì Nhậm đã vượt lên những ràng buộc của lễ giáo phong kiến, ông theo nhà Tây Sơn và được vua Quang Trung trọng dụng. Khi gặp Ngô Thì Nhậm, vua Quang Trung đã nhận xét "Ngô Thì Nhậm là dòng văn học Bắc Hà, thông thạo việc đời." Sau đó, Ngô Thì Nhậm được bổ giữ các chức quan, như: Tả thị lang Bộ Lại, Thượng thư Bộ Binh, tước Tình phái hầu và được Vua Quang Trung giao trọng trách soạn thảo các văn bản ngoại giao của triều đình với nhà Thanh. Ngô Thì Nhậm đã hết lòng phục vụ triều đại Tây Sơn và bằng tài trí của mình, ông đã có những đóng góp quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Những cống hiến của Ngô Thì Nhậm cho triều đại Tây Sơn đã được các nhà nghiên cứu khẳng định trên các lĩnh vực, như chính trị, quân sự, ngoại giao và kinh tế. Đặc biệt là trong lĩnh vực phát triển văn hoá, Ngô Thì Nhậm là một trong những tác gia tiêu biểu của thời kỳ Tây Sơn về: văn học, sử học và triết học.

Khi Nguyễn Ánh đưa quân ra Bắc chiếm thành Thăng Long, Ngô Thì Nhậm bị bắt, sau đó ông bị Nguyễn Ánh đưa ra kể tội và đánh đòn ở

Văn Miếu nhằm cảnh cáo những sĩ phu Bắc Hà đã theo nhà Tây Sơn. Sau trận đòn này, Ngô Thì Nhậm đã qua đời.

Trong bối cảnh xã hội phong kiến nước ta cuối thế kỷ XVIII, Ngô Thì Nhậm thực sự là một người yêu nước và thức thời, ông không bảo thủ cố chấp như các cựu thần nhà Lê khác mà sẵn lòng phục vụ đất nước và phục vụ nhân dân. Xuất phát từ lý tưởng cao cả của mình, Ngô Thì Nhậm đã lấy tên tự là Hy Doãn với hàm ý là hy vọng làm nên sự nghiệp như Y Doãn thời nhà Thương (Trung Quốc).

Ngày nay, khi đánh giá về Ngô Thì Nhậm, có những ý kiến đã xếp ông vào hàng ngũ "... Những thiên tài như thế mãi mãi là những ngôi sao sáng trên bầu trời Việt Nam"[1] và "Một người trí thức chân chính."[2] Như vậy, sự nghiệp của Ngô Thì Nhậm xứng đáng để các thế hệ người Việt Nam hôm nay và mai sau mãi mãi ghi nhớ, ngợi ca và tự hào.

Bên cạnh sự nghiệp chính trị, quân sự, ngoại giao của mình; Ngô Thì Nhậm còn để lại cho đời một di sản thơ văn rất phong phú, đồ sộ và là nhiều nhất so với những tác gia cùng thời. Theo sự ghi chép của sử sách, thì Ngô Thì Nhậm có khoảng 20 tác phẩm thơ văn, nhưng hiện tại chúng ta mới tìm được 13 tác phẩm của ông mà thôi. Nghiên cứu và giới thiệu về thơ văn của Ngô Thì Nhậm, xưa nay, đã có nhiều công trình, có thể kể như: *Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm* (hai quyển), Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội - 1978; *Thơ văn Ngô Thì Nhậm* (tập 1), *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội - 1979; *Ngô Thì Nhậm - Tác phẩm* (4 tập), Trung tâm Nghiên cứu Quốc học và Nhà xuất bản Văn học, 2001 - 2002; và trong nhiều bộ *Tổng tập văn học, Hợp tuyển văn học* khác; cùng hàng trăm bài viết công bố trên các báo và tạp chí khoa học, v.v...

Để giới thiệu về di sản thơ văn của Ngô Thì Nhậm, một tác gia văn

---

[1] Trường Chinh, *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, Nxb Sự Thật, Hà Nội -1975, tr.171.

[2] Cao Xuân Huy: *Ngô Thì Nhậm, một người trí thức chân chính* trong *Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm*. Nxb. KHXH, Hà Nội – 1978, tr.9.

học lớn của nền văn học Việt Nam thế kỷ XVIII. Ngay từ năm 1975, Ban Hán Nôm (nay là Viện Nghiên cứu Hán Nôm) đã có chủ trương sưu tầm, nghiên cứu, biên dịch và công bố xuất bản bộ *Thơ văn Ngô Thì Nhậm*, với quy mô gồm 4 tập: Dịch tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* (tập 1); tuyển dịch thơ ở các *tập Bút hải tùng đàm, Thuỷ vân nhàn vịnh, Ngọc đường xuân khiếu* (tập 2); dịch tác phẩm *Kim mã hành dư* (tập 3); dịch tác phẩm *Hàn các anh hoa* (tập 4). Công việc kéo dài đến 5 - 6 năm, với sự tham gia của các vị túc nho, như: Cao Xuân Huy, Thạch Can, Đào Phương Bình, Hoàng Tạo, Trần Duy Vôn, Đỗ Văn Hỷ, v.v... và một số cán bộ khác, như: Lâm Giang, Hà Thúc Minh, Mai Hồng, Đỗ Thị Hảo, Nguyễn Huy Thức, Nguyễn Thị Phượng, v.v... Nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau, sau chỉ công bố được *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* (tập 1) mà thôi. Tiếp bước sự nghiệp nghiên cứu về Ngô Thì Nhậm của những người đi trước và trên cơ sở thu thập, chỉnh lý, bổ sung nhiều tác phẩm khác của Ngô Thì Nhậm; Viện Nghiên cứu Hán Nôm thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia có kế hoạch giới thiệu bộ *Ngô Thì Nhậm toàn tập*, nhằm giúp người Việt Nam hôm nay hiểu đầy đủ hơn về di sản thơ văn mà Ngô Thì Nhậm đã cả đời sáng tác và để lại cho chúng ta.

Bộ *Ngô Thì Nhậm toàn tập* dự kiến xuất bản thành 5 tập, gồm:

- Tập 1: Có các tập *Bút hải tùng đàm* (thơ), *Thuỷ vân nhàn vịnh* (thơ), *Kim mã hành dư* (văn).

- Tập 2: Có các tập *Ngọc đường xuân khiếu* (thơ), *Cúc hoa thi trận* (thơ), *Thu cận dương ngôn* (thơ), *Hào mân ai lục* (văn xuôi), *Hàn các anh hoa* (văn xuôi).

- Tập 3: Có các tập *Hoàng hoa đồ phả* (thơ), *Bang giao hảo thoại* (văn xuôi).

- Tập 4: *Xuân thu quản kiến* (văn xuôi).

- Tập 5: Có các tập *Cẩm đường nhàn thoại* (thơ), *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* (văn xuôi).

Cách chia tập như trên, chúng tôi dựa vào thời điểm sáng tác (tuy

nhiên là ở mức tương đối) của Ngô Thì Nhậm và rất mong được độc giả cảm thông.

Viện Nghiên cứu Hán Nôm xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc bộ *Ngô Thì Nhậm toàn tập* do nhà nghiên cứu Lâm Giang chủ biên, người mà đã có ngót 30 năm theo đuổi và tìm hiểu, nghiên cứu về tác gia Ngô Thì Nhậm. Trong quá trình biên soạn nhóm biên dịch đã cố gắng ở mức độ cao nhất, nhưng chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Mong được độc giả chỉ giáo để có thể bổ sung và sửa chữa được tốt hơn.

Xin chân thành cảm ơn.

Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Viện Trưởng

PGS.TS.Trịnh Khắc Mạnh

NGÔ THÌ NHẬM - THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

Ngô Thì Nhậm là nhà chính trị, quân sự đại tài hồi cuối thế kỷ XVIII và là cây bút tiêu biểu của thời Tây Sơn về các lĩnh vực văn học, triết học, sử học...

Để hiểu thân thế và sự nghiệp của ông được đầy đủ, và thuận tiện, chúng tôi xin giới thiệu thành 4 tiểu mục sau đây: 1- Tiểu sử tóm tắt; 2- Niên biểu tác giả (tiện theo dõi, so sánh sự kiện...); 3- Trích dịch *Ngô gia thế phả* (để hiểu kĩ hơn về phẩm chất và đời tư của Ngô Thì Nhậm); 4-Đôi nét về tùng thư *Ngô gia văn phái* (Ngô Thì Nhậm là một tác giả lớn trong tùng thư, hầu hết các tác phẩm của ông đều được tập hợp lại trong tùng thư này).

I. TIỂU SỬ

Ngô Thì Nhậm 吳時任 sinh ngày 11 tháng 9 năm Bính Dần, tức ngày 25 tháng 10 năm 1746, tại làng Tả Thanh Oai, tục gọi là làng Tó, trấn Sơn Nam, nay thuộc huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội, thuở nhỏ tên là Phó 付, sau đổi Nhậm 任, tự Hy Doãn 希尹, hiệu Đạt Hiên 達軒, khi nghiên cứu Thiền học lấy đạo hiệu Hải Lượng 海亮.Ông đỗ Tiến sĩ năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775), làm quan tới Đốc đồng Kinh Bắc, thăng Công bộ Hữu thị lang. Năm 1788, Ngô Thì Nhậm ra với nhà Tây Sơn và được Nguyễn Huệ trọng dụng, trao cho chức Thị lang Bộ Công, tước Tình Phái hầu晴派侯, sau thăng Thượng thư Bộ Binh. Ông mất ngày 16 tháng 2 năm Quý Hợi (9-3-1803).

Dòng họ Ngô đến lập nghiệp tại Tả Thanh Oai đã nhiều đời, nhưng *Ngô gia thế phả* cũng chỉ coi từ đời cụ Phúc Cơ (Khoảng đầu thế kỉ XVI) là người mở đầu cho dòng họ Ngô tại Tả Thanh Oai. Tên thuỵ hiệu của cụ tổ đều không rõ, năm Giáp Ngọ, cháu đời thứ 12 là Ngọ Phong, họp họ, xin đặt thuỵ hiệu, tôn làm Triệu tổ (*Ngô gia thế phả*).

Đời thứ hai là cụ Mỹ Đức, giữ chức Cao Sơn cục chính trưởng.

Đời thứ ba là cụ Hoằng Nghị, tự Minh Dực tướng quân.

Đời thứ tư là cụ Cẩn Tiết, Nho sinh trúng thức.

Bắt đầu từ đây dòng họ Ngô chia ra làm hai chi Giáp và chi Ất.

Ngô Thì Nhậm thuộc chi Giáp, và kể từ đời cụ Phúc Cơ thì ông thuộc đời thứ 13 của dòng họ.

Ngô Thì Nhậm là con trưởng của Ngô Thì Sĩ (1726-1780), Ngô Thì Sĩ thuộc đời thứ 12, tên tự Thế Lộc, hiệu Ngọ Phong, biệt hiệu Nhị Thanh cư sĩ.

Ngô Thì Sĩ có tài, từ chương nổi tiếng, nhưng nhiều năm liền thi không đỗ, gia cảnh đã nghèo túng lại càng nghèo túng hơn. Đến khoa Nhâm Thân, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 12 (1752), ông thi lại trượt, nhưng được Minh Đô Vương Trịnh Doanh mến tài cho làm một chức nhỏ Thiêm sai tri Công phiên ở Phủ Chúa. Năm này con trai đầu là Ngô Thì Nhậm đã 6 tuổi, chưa đi học. Nếu như người cha Ngô Thì Sĩ 7 tuổi đi học, 8 tuổi làm được văn, 9 tuổi biết làm thơ, 11 tuổi mồ côi cha theo học ông nội Đan Nhạc công, thì Ngô Thì Nhậm 7 tuổi cũng bắt đầu đi học, và đến năm 11 tuổi cũng được cụ nội là Đan Nhạc công (tức Ngô Trân) dạy bảo, và hai năm sau, năm 14 tuổi Ngô Thì Nhậm đã đọc thông các loại sách Kinh, Truyện, Sử và Tính lý, đến năm 16 tuổi (Tân Tỵ-1761), cụ nội Đan Nhạc qua đời, Ngô Thì Nhậm học với phụ thân. Vốn thiên tư thông minh, lại cần cù học tập, nên mới 16 tuổi Ngô Thì Nhậm đã soạn sách *Nhị thập thất sử toát yếu*. Có lẽ đây là sách chủ yếu dùng cho học tập. Năm 17 tuổi, sát hạch ở trường huyện hai lần đều đạt loại ưu. Cũng năm này mẹ ông qua đời, thọ 33 tuổi, để lại 5 người con, con trưởng Ngô Thì Nhậm, con thứ hai Ngô Thị Thục, sau lấy Tiến sĩ Phan Huy Ích, con thứ ba Ngô Thì Chí, con thứ tư Ngô Thị Viêm (có chỗ chép Ngô Thị Diễm), con thứ năm Ngô Thì Điện.

Đến năm Quý Mùi (1763), Ngô Thì Nhậm 18 tuổi, người cha Ngô Thì Sĩ được Chúa Ân Vương Trịnh Doanh, đặc cách cho tiến triều, trao cho chức Cấp sự trung Bộ Công, năm sau Giáp Thân (1764) trao chức Giám sát Ngự sử đạo Sơn Tây, không đầy vài tháng thăng làm Đốc đồng xứ Thái Nguyên (*Hào mân ai lục*). Từ đây gia đình Ngô Thì Sĩ mới dần dần thoát khỏi cảnh nghèo khó, và cũng năm này Ngô Thì Sĩ lấy vợ kế, bà đưa 4 người con chồng đến nhậm sở ở với chồng tại Sơn Tây, chỉ còn Ngô Thì Nhậm ở nhà với người vợ mới cưới là Ngô Thị Anh, tiếp tục học tập.

Đến năm Bính Tuất (1766), Ngô Thì Nhậm đã 20 tuổi, cùng với Lưu Hi Trí (người cùng ấp, đỗ đầu thi Hương khoa Ất Dậu) đến theo học

thầy Đan Sĩ, là Tham chính Thanh Hoa, và cũng năm đó, Ngô Thì Sĩ thi đậu Hoàng giáp (khoa Bính Tuất, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 26 - 1766). Năm sau (Đinh Hợi 1767), Ngô Thì Nhậm 21 tuổi, soạn cuốn *Tứ gia thuyết phả*.

Đến năm Mậu Tý (1768), Ngô Thì Nhậm 23 tuổi, thi Hương đậu Giải nguyên, năm sau, Kỉ Sửu (1769), 24 tuổi, đỗ khoa Sĩ vọng, được bổ chức Hiến sát phó sứ Hải Dương (hàm Chánh thất phẩm). Ngô Thì Nhậm làm quan thanh liêm, giản dị, khi rỗi việc, mở lớp dạy học, học trò theo học rất đông (*Ngô gia thế phả*).

Năm Tân Mão (1771), Ngô Thì Sĩ làm Tham chính Nghệ An, Tư đồ Hoàng Ngũ Phúc ghen ghét, ghép ông vào tội gian lận ở trường thi hương, bị cách tuột chức tước mấy năm liền. Cũng năm đó, bà vợ kế của Ngô Thì Sĩ mất, khi ông còn đang ở Nghệ An. Mọi việc thuốc thang, rồi tang ma đều do Ngô Thì Nhậm lo toan. Bà sống với Ngô Thì Sĩ được 7 năm, để lại hai người con là Ngô Thì Trí và Ngô Thì Hoàng. Sau đó, Ngô Thì Nhậm, cũng xin cáo quan về nhà, với cái cớ sớm hôm phụng dưỡng cha, năm đó ông 26 tuổi.

Năm Nhâm Thìn (1772), Ngô Thì Nhậm dự khảo khoá ở Quốc Tử Giám, đỗ hạng ưu, nhưng lấy lý do ốm, cố từ không ra làm quan. Năm ấy ông viết xong cuốn *Hải Dương chí lược*.

Năm Ất Mùi (1775), Ngô Thì Nhậm thi đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân, đứng hàng thứ 5, vừa tròn 30 tuổi, cùng đỗ khoa này còn có em rể của ông là Phan Huy Ích, và người cùng làng Nguyễn Nha. Sau khi thi đỗ ông được bổ làm Hộ bộ Đô cấp sự trung. Năm sau lại thăng Giám sát Ngự sử đạo Sơn Nam, lại được bổ làm quan Giám khảo trường thi hương ở Hải Dương.

Năm Mậu Tuất (1778), Ngô Thì Nhậm được thăng chức Đốc đồng Kinh Bắc. Chức Đốc đồng một trấn, dưới chức Trấn thủ một bậc, là chức phó, có nhiệm vụ tra xét ngục tụng. Năm ấy, Ngô Thì Sĩ cũng nhậm chức Đốc trấn Lạng Sơn. Hai cha con cùng đi nhậm chức một ngày (*Ngô gia thế phả*). Khi đi nhậm chức, hai cha con cùng từ quê nhà ra đi, đến ngang đường, Ngô Thì Nhậm rẽ vào một ngôi miếu bên đường làm lễ và nghỉ ngơi. Ngô Thì Sĩ đi trước, vừa đi vừa đợi, đến gần tối không thấy con đuổi kịp thì rất lo lắng, cho người quay lại tìm. Ngô Thì Nhậm sau này, trong

một buổi lễ cúng giỗ cha, thầm nhủ, là cha thì con mình lúc nào cũng vẫn còn nhỏ phải lo lắng *(Hào mân ai lục).*

Sự kiện hai cha con cùng đi nhậm chức một ngày này khiến Ngô Thì Nhậm rất hài lòng làm bài thơ *Hạ nghiêm thân phó trị* (Mừng cha đi nhậm chức), có câu:

Ngũ sắc tường vân giáp đạo kỳ,

Sủng quang thử nhật bách ban kỳ.

Nhất gia binh mã liên tam trấn;

Vạn lý phong cương khống nhị thuỳ...

Cờ quạt bên đường như năm sắc mây lành,

Ngày quang vinh này, trăm vẻ kỳ diệu.

Binh mã một nhà nối liền ba trấn;

Cõi bờ muôn dặm, giữ vững hai miền... *(Bút hải tùng đàm).*

Lại bài *Phụng nghĩ Đốc trấn tiễn Đốc đồng* (Vâng thay quan Đốc trấn (Ngô Thì Sĩ) làm bài thơ tiễn quan Đốc đồng (Ngô Thì Nhậm), có câu:

Nhất gia nhất lộ hội đô ti,

Vạn lại hồng chiêm phúc lực kỳ.

Lưỡng trấn quận thành vi phụ tử;

Tứ phương hiệu lệnh thị nam nhi...

Cùng một nhà đi cùng một đường, họp nhau ở đô ti,

Muôn đội ơn dầy, phúc lực diệu kỳ.

Quận thành hai trấn, cha con cùng coi giữ;

Hiệu lệnh [ban ra] bốn phương, ấy chí nam nhi... *(Bút hải tùng đàm).*

Năm ấy, Ngô Thì Nhậm còn kiêm giữ chức Đốc đồng Thái Nguyên. Ở đây ông đã từng cùng cha phối hợp với Trấn thủ Tuân Vãng hầu đánh dẹp tại vùng Vũ Nhai, và năm đó soạn xong tập *Công vụ thành thư.* Năm Kỷ Hợi (1779), Ngô Thì Nhậm thăng chức Đông các hiệu thư, phụng mệnh hiệp đồng với Trấn thủ Tuyên, Thái đánh dẹp cuộc nổi dậy của Hoàng Văn Đồng ở Tuyên Quang. Ít lâu sau ông lại được sai đi kinh lược ở mỏ bạc Tống Tinh. Năm Canh Tý (1780) trở về, dâng sớ về phương sách thu thuế ở xưởng bạc, được chúa Trịnh Sâm khen ngợi, ban thưởng trọng

hậu. Gần cuối năm ấy xảy ra vụ án tranh đoạt ngôi chúa, người đời sau thường gọi "Vụ án năm Canh Tý."

Nguyên Trịnh Khải con trưởng của Trịnh Sâm, vì là con của một phi tần và không vừa ý chúa Trịnh Sâm, nên lúc này đã 18 tuổi mà vẫn chưa được lập làm thế tử. Con thứ của nhà chúa là Trịnh Cán do ái phi Tuyên phi Đặng Thị Huệ sinh ra, được chúa rất yêu mến. Nhân lúc chúa Trịnh Sâm ốm nặng, Trịnh Tông bèn cùng tôi tớ trong nhà, sửa soạn khí giới, đợi khi chúa mất, đóng cửa thành lại, bắt trói Đặng Thị Huệ, giết phe cánh là quyền thần Quận Huy Hoàng Tố Lý, rồi báo cho hai trấn Sơn Tây và Kinh Bắc đem quân về hộ vệ đưa Trịnh Tông lên ngôi. Nhưng vừa lúc đó thì bệnh của Trịnh Sâm khỏi, sự việc bị phát giác. Trịnh Sâm sai Quận Huy Hoàng Tố Lý triệu Trấn thủ Sơn Tây là Nguyễn Khản và Trấn thủ Kinh Bắc là Nguyễn Khắc Tuân về, bắt trói giam trong phủ. Hai vị Trấn thủ cầu cứu Ngô Thì Nhậm thanh minh với nhà chúa. Chúa Trịnh Sâm càng tức giận, giao cho Ngô Thì Nhậm xét xử, giữa lúc ấy Ngô Thì Sĩ qua đời tại Lạng Sơn, Ngô Thì Nhậm dâng khải xin về chịu tang. Chúa bèn giao vụ án cho Lê Quý Đôn xử trí.

Về sự kiện này, các sử gia triều Nguyễn, trong *Việt sử thông giám cương mục* viết rằng, chính Ngô Thì Nhậm cùng với Nguyễn Huy Bá đã cáo giác vụ án; rằng Ngô Thì Nhậm khi đó là thày dạy (nhật giảng) của Trịnh Tông, rất rõ vụ việc, nhân cáo giác để nhận chức Công bộ Hữu thị lang; rằng Ngô Thì Sĩ vì can ngăn con mình không được, dẫn đến cái chết của bạn mình là Nguyễn Khắc Tuân, Nguyễn Phương Đĩnh, Chu Xuân Hán... buồn dầu uống thuốc độc chết tại Lạng Sơn. Cho nên đương thời truyền tụng câu: "Sát tứ phụ nhi đắc Thị lang" (Giết bốn cha để được làm chức Thị lang).

Đây là cách đánh giá không thiện ý của triều đình nhà Nguyễn, vốn thù địch với nhà Tây Sơn, không ưa gì những người đi theo phong trào Tây Sơn mà Ngô Thì Nhậm là một người tích cực nhất.

Sách *Hoàng Lê nhất thống chí*, viết đương thời, cho biết: Tên giữ sổ sách Hà Như Sơn, là học trò Ngô Thì Nhậm biết việc đó, báo cho ông biết, ông đã nói rằng: "Thế tử là người thay thế chúa nắm quyền hành. Nước là nước của Thế tử, lo gì mất ngôi mà làm chuyện ấy..." Rồi lập tức báo cho Trấn thủ Nguyễn Khắc Tuân đình chỉ ngay, nhưng không kịp. Vụ án xử

xong, khi xét công phát giác, quyền thần Hoàng Tố Lý vốn ghét Ngô Thì Nhậm, muốn nhân chuyện này tìm cách dè bỉu, nên ra sức xin thăng cho ông chức Công bộ Hữu thị lang. Ngô Thì Nhậm giận lắm, lấy cớ có tang cha, không dâng biểu tạ ơn. Sách *Hậu Lê thời kỉ lược*, bộ sử có những quan điểm độc lập, *Ngô gia thế phả* do Ngô Giáp Đậu viết cuối đời Nguyễn cũng cùng quan điểm trên.

Sự thực bốn người cha bị giết đó là những ai, chưa rõ lắm. Có thuyết cho rằng bốn người cha đó là: Ngô Thì Sĩ (thân phụ), Trịnh Tông (quân phụ), Nguyễn Khắc Tuân, Chu Xuân Hán (phụ chấp-bạn của cha). Ở đây, Trịnh Tông chỉ bị truất xuống làm con thứ, chưa bị giết, thuyết này chưa thật thuyết phục. Lại có thuyết cho rằng bốn người cha đó là: Ngô Thì Sĩ, Nguyễn Khản, Nguyễn Phương Đĩnh, Nguyễn Khắc Tuân, nhưng sự thật thì có Ngô Thì Sĩ bị bệnh chết, chỉ có Nguyễn Khắc Tuân, Chu Xuân Hán ép phải uống thuốc độc chết *(Hoàng Lê nhất thống chí)*.

Vụ án xảy ra khoảng cuối tháng 7, đến cuối tháng 9, Ngô Thì Sĩ bị cảm tại động Nhị Thanh, rồi ít ngày sau thì qua đời. Trong bài *Tiên công hạnh trạng* (Hạnh trạng Ngô Thì Sĩ) do Ngô Thì Nhậm viết, cho biết: "Ngày 17 tháng 9 năm Canh Tý (1780), có việc công ở cửa Nam Quan về, đi qua núi, dừng cờ quạt mà vào trong động, gục trước tượng mà chợp ngủ, ước hơn nửa trống canh. Thân thể thấy không được khoẻ, liền trở về trấn, đóng cửa lại, không tiếp khách, mà cũng không làm việc nữa. Ngày 25 bệnh hơi đỡ, lại dựa gối xem sách, bạn bè hầu tiếp, cười nói tự nhiên, tới nửa đêm, lên giường nằm tắt thở. Tin cáo phó tới kinh thành, chúa Thịnh Vương rất thương xót, trao cho chức Thừa chánh sứ xứ Tuyên Quang, tặng hàm Hữu thị lang Bộ Hộ, cho tên thuỵ là Ôn Bác..." *(Hào mân ai lục)*.

Lời vè "Sát tứ phụ nhi đắc Thị lang" của những người không cùng chính kiến, ghen ghét Ngô Thì Nhậm đặt ra sau đó ít lâu. Sự thực không phải do Ngô Thì Nhậm vì cáo giác vụ án mà được thăng chức. Như đã biết, năm đó trước khi vụ án xảy ra, Ngô Thì Nhậm cũng đã có công lao về việc xử trí xưởng đúc bạc ở mỏ Tống Tinh, sau khi trở về Trịnh Sâm mới chỉ khen ngợi, chưa thưởng chức. Khi vụ án xảy ra, ông được giao cho xử trí, nhưng công việc chưa tiến hành thì Ngô Thì Sĩ đột ngột qua đời tại Lạng Sơn. Có thể để thưởng công cho những việc đã làm trước đây, an ủi

phần nào trước nỗi đau mất cha của Ngô Thì Nhậm mà Trịnh Sâm đã thăng chức cho ông. Việc làm ngẫu nhiên mà trở thành hữu ý. Chính Ngô Thì Nhậm cũng không ngờ rằng sự việc lại dẫn đến nông nỗi ấy, ông từng tâm sự:

"Thật khó hiểu, mầm hoạ lại do cái phúc gây ra,

Bỗng xui nên tội trạng chính vì cái công dắt rủ đến..." *(Thuỷ vân nhàn vịnh).*

Sự ưu ái ấy của Trịnh Sâm, Ngô Thì Nhậm còn thể hiện trong bài *Trần tình cáo Tĩnh Vương văn,* viết khi lánh nạn tại Sơn Nam, rằng "Thần được Chúa thượng quá lòng chú ý tới... Không cho thần là ngu vụng mà dạy dỗ, vun vén, mong cho làm nên nghiệp lớn..." Chính vì có sự ưu ái ấy mà "Thần ở vào cái thế '*xử qua lý chi địa*': Qua ruộng dưa sửa dép, qua gốc mận sửa mũ" *(Kim mã hành dư),* một việc làm ngay thẳng, nhưng ở vào thế bị hiềm nghi.

Lại trong khi lánh nạn bị một trận ốm nặng, Ngô Thì Nhậm làm bài "Mật đảo văn" (Bài văn bí mật cầu được bình yên), đã nói thẳng ra rằng, mình nhận chức Thị lang khi mất cha là chuốc lấy tai vạ, không chỉ cho riêng bản thân mình phải long đong lẩn tránh, mà còn khổ đến gia đình, vợ con: "Tự mình sơ hở mà liên luỵ cả nhà. Mất cha mà được chức, đắn đo sự được mất, tiểu nhân này quả là có tội nặng." Nhận chức trước tình cảnh bị mất cha, nên bị đặt điều "Sát tứ phụ nhi đắc Thị lang," dẫn đến việc "vơi người" mà "đầy mình" ấy, ông chỉ biết kêu lên: "Con tạo hỡi sao mà khéo tá!" (*Kim mã hành dư).* Ấy là những điều khấn trước thần minh, chắc là lời nói đúng, để mong cho được phù trợ, mau tai qua nạn khỏi.

Còn như *Ngô gia thế phả* hay *Hoàng Lê nhất thống chí* và một số sách khác nói rằng, Hoàng Tố Lý vốn ghen ghét Ngô Thì Nhậm, nên cố xin thăng chức cho ông, để xỉ nhục ông. Có lẽ mối quan hệ giữa hai người không đến nỗi thế, mà ngược lại. Chẳng thế sau khi chạy thoát xuống Bách Tính, Sơn Nam, Ngô Thì Nhậm mới kịp làm bài văn điếu Quận Huy. Trong lời điếu tỏ rõ nỗi thương xót thực sự:

"Sinh ra, khí phách anh hùng đã tự gửi vào thân xác,

Chết đi, tinh thần còn lưu trong vũ trụ mênh mông..."

Và viếng:

"Xin nhờ ngòi bút viếng hồn người trung nghĩa,

Ngàn năm nơi chín suối người vẫn có thể vùng đứng lên..."

(Thuỷ vân nhàn vịnh).

Như vậy, nếu có sự ghen ghét nhau chắc không có được những lời như thế.

Sau khi được thăng chức, đúng như *Ngô gia thế phả* nói, vì đang có đại tang, không dâng biểu tạ ơn, mà ông xin với Chúa đưa thi hài cha về quê. Trịnh Sâm liền cấp ngay cho tiền bạc và 20 tên lính đi áp tải quan tài. Đoàn người vội vã lên đường, đến nơi lập tức trở về ngay. Ngày Canh Dần, tháng 10 năm Canh Tý khởi hành, mười chín ngày sau vào ngày Nhâm Thân, tháng mười thì đưa quan tài về tới quê Tả Thanh Oai.

Công việc đưa linh cữu về quê chậm trễ, dài ngày vì ngoài việc khiêng vác vất vả, hàng ngày dừng đợi cúng cơm... ra, còn xảy ra một việc hết sức đau lòng.

Phải nói, Ngô Thì Sĩ về đường vợ con, thật "cao số." Người vợ đầu tên Thản sinh được 5 người con thì qua đời ở tuổi 33; người vợ thứ hai họ Nguyễn, phong tặng Thuận Nhân, hiệu Trang Chính, sinh được hai người con trai thì mất; người vợ thứ ba họ Bùi, hiệu Tuệ Chân sinh được một trai Ngô Thì Hoàng, một gái Ngô Thị Nhận rồi cũng ra đi; người vợ thứ tư họ Hoàng, hiệu Tuệ Trang, theo Ngô Thì Sĩ lên Lạng Sơn, sinh được một trai nhưng không nuôi được, mới sinh được bé gái còn nhỏ thì Ngô Thì Sĩ qua đời. Lúc đưa linh cữu về quê, bà quá đau xót mà sinh bệnh, không thể đi cùng. Linh cữu đi được vài ngày, có tin báo bà đã mất. Ngô Thì Nhậm phải dừng linh cữu giữa đường, quay lại Đoàn Thành lo tang ma cho người mẹ kế, chôn cất tại đó, hẹn ba năm sau cải táng đưa về quê, cái thế lúc này không thể đưa linh cữu mẹ kế về cùng.

Lại khi linh cữu về gần đến kinh thành Thăng Long, vì tang đại thần, không được đi qua kinh đô, Ngô Thì Nhậm phải đưa đi đường vòng xuống phía hạ lưu sông Hồng, vượt sông về đến đầu làng Tả Thanh Oai, dựng rạp bên bờ sông Nhuệ, làm ma. Lại cũng vì lệ người chết nơi tha hương không được đem linh cữu về nhà mình! Tại nhà tế này Ngô Thì Nhậm đề đôi câu đối, bao quát cả cuộc đời hoạt động của người cha:

Tam đô xuất trấn kiêm văn vũ;
Lưỡng tiến đăng triều sáng cổ kim.
Ba lần ra trấn thủ xứ ngoài, tài kiêm văn võ;
Hai lượt được tiến triều, là dịp hiếm có xưa nay. *(Hào mân ai lục).*

Ngô Thì Sĩ bốn đời vợ, để lại 10 người con, một gánh nặng dồn lên đôi vai Ngô Thì Nhậm (*Kim mã hành dư*).

Năm Tân Sửu (1781), Ngô Thì Nhậm được nhà Chúa giao soạn cuốn *Thánh triều giám thư,* sách xong dâng lên, liền được ban thưởng chức Nhập thị bồi tụng, rồi lại giữ chức Đồn điền xứ lộ Trường Yên, cai quản Sơn thuỷ đội, trông coi việc khai phá, mở mang đồng điền...

Năm Nhâm Dần (1782), trong kinh có biến. Trịnh Sâm qua đời, nhân ngày cúng cơm, kiêu binh nổi loạn, giết Quận Huy, phế Trịnh Cán, lập Trịnh Tông. Những người có liên quan ít nhiều đến vụ án năm Canh Tý hoặc bị giết, hoặc bị bắt giam, tịch thu gia sản... Ngô Thì Nhậm vì bị dư luận ghép cho đã đính líu vụ án năm Canh Tý, vả cũng là thày học của Trịnh Tông, nên lo không bảo toàn tính mạng, phải lánh về quê vợ ở am Lệ Trạch, xã Đội Trạch, trấn Sơn Nam (nay là Vũ Thư, Thái Bình). Ở đây ông nương nhờ tại nhà người em vợ là Đồng Lạc thị. Trong gần bốn năm trời (1782-1786) sống tại đây, ông suy ngẫm quãng đường làm quan đã qua của mình, cái được, cái mất, bước thăng, bước trầm... Tất cả những chiêm nghiệm đã qua được thể hiện trong lời bình bộ sách lớn có tên *Xuân Thu quản kiến* của ông và thổ lộ tình cảm riêng tư của mình ở tập thơ *Thuỷ vân nhàn vịnh*. Ngoài thời gian soạn sách ra, ông còn dạy học, giúp thêm miếng cơm manh áo.

Năm Bính Ngọ (1786), Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc rứt họ Trịnh, giao quyền cho Lê Hiển Tông, rồi lại trở về Nam. Em ông là Ngô Thì Chí về am Lệ Trạch, nơi ông đang lánh mình đón về kinh. Trên đường về, Lê Hiển Tông qua đời, Lê Chiêu Thống nối ngôi. Về đến nơi, Chiêu Thống ban cho chức Hộ bộ Đô cấp sự trung, sau thăng Hiệu thảo kiêm Toản tu Quốc sử, nhân sửa chữa thêm bớt bộ *Ngũ triều thực lục* chép từ đời Hi Tông đến đời Ý Tông (5 đời) của Ngô Thì Sĩ để lại.

Năm Đinh Mùi (1787), Vua Lê Chiêu Thống được Nguyễn Hữu Chỉnh giúp, chống lại nhà Tây Sơn. Nguyễn Huệ cho Vũ Văn Nhậm ra đánh. Chiêu Thống chạy về vùng núi Bảo Lộc (nay là Lục Nam, tỉnh Bắc Giang), sai người sang nhà Thanh xin cầu viện, còn Ngô Thì Nhậm ẩn náu tại làng Kim Lan, huyện Thạch Thất (nay thuộc tỉnh Hà Tây).

Năm Mậu Thân (1788), Nguyễn Huệ ra Bắc lần thứ hai, xuống lệnh tìm kiếm quan lại cũ của triều đình nhà Lê - Trịnh ra giúp việc

nước. Chính sách trọng dụng hiền tài này của Nguyễn Huệ được Ngô Thì Nhậm đón nhận ngay, không bảo thủ cố chấp như một số cựu thần nhà Lê khác, như các vị Tiến sĩ: Trần Danh Án, Nguyễn Nha, Ninh Tốn; Giải nguyên Ngô Tưởng Đạo, chú ruột Nhậm; Tiến sĩ Chế khoa Trần Bá Lãm, v.v... Họ đều bị giam hãm trong chữ "trung" chật hẹp, thiển cận, cố ôm lấy cái lẽ "cô trung" với triều đình đã không còn chỗ đứng nữa. Được người quen Trần Văn Kỷ, một danh sĩ đất Thuận Hoá đang được Nguyễn Huệ trọng dụng, quen biết Ngô Thì Nhậm, khi Kỷ đến Thăng Long thi Hội vào khoa Canh Tuất (1778) giới thiệu, Ngô Thì Nhậm vào yết kiến Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ. Bắc Bình Vương nói:

"Ngày trước ngươi vì chúa Trịnh không dung, một mình bỏ nước mà đi. Nếu ta không đến đây, ngươi làm sao thấy được bóng mặt trời? Có lẽ đó là ý trời muốn để dành người tài cho ta dùng. Vậy ngươi hãy cố gắng mà lo việc báo đáp, thế là được!" (*Hoàng Lê nhất thống chí*).

Rồi Nguyễn Huệ trao cho Nhậm chức Hữu thị lang Bộ Công, tước Tình phái hầu, cùng với Võ Văn Ước coi tất cả các quan văn võ của nhà Lê. Nguyễn Huệ lại trở về Phú Xuân lo công việc trong Nam.

Công việc đầu tiên mà Ngô Thì Nhậm phải làm để đáp lại lòng mong mỏi của Nguyễn Huệ là làm sao thuyết phục được những nhân sĩ trí thức Bắc Hà sớm nhận rõ thời thế mà trở về với nhà Tây Sơn. Đó là việc làm Ngô Thì Nhậm cho là quan trọng bậc nhất lúc bấy giờ. Bắc Hà đang trong tình trạng rối ren, lòng người chưa ổn định. Vua Chiêu Thống lúc đó đã chạy ra khỏi Thăng Long, sử gọi "Xuất Đế," đang cùng với một số bầy tôi thân cận, trong đó có em ruột Nhậm là Ngô Thì Chí, tính cách trung hưng nhà Lê một lần nữa. Rất đông những nhà khoa bảng nổi tiếng như Trần Danh Án, Bùi Huy Bích, Trần Công Xán, Phạm Quí Thích, Phạm Thái... chống lại nhà Tây Sơn, có người đã mộ quân khởi nghĩa. Tuy chuốc lấy thất bại, nhưng họ cho rằng đó là sự thể hiện "tôi trung không thờ hai chúa," một luận điểm đã lỗi thời, ít nhất là xét trong hoàn cảnh lúc đó. Trước tình hình phức tạp ấy, Ngô Thì Nhậm không ngần ngại mà vạch ra cho họ thấy được xu thế tất yếu của lịch sử. Bởi vậy ông đã thuyết phục nhiều người về với nhà Tây Sơn, như: Phan Huy Ích, Trần Bá Lãm, Đoàn Nguyễn Tuấn, Võ Huy Tấn, Ninh Tốn, Nguyễn Đề... Chính sách thu dụng nhân tài, không phân biệt kẻ mới người cũ, đại

đoàn kết, cô lập kẻ thù, thu phục nhân tâm về một mối của Nguyên Huệ đã được Ngô Thì Nhậm thực hiện một cách xuất sắc, góp phần rất lớn vào việc củng cố nền chính trị ở Bắc Hà, tạo điều kiện thuận lợi sau này chống trả giặc ngoại xâm, giành thắng lợi huy hoàng.

Tháng 10 năm Mậu Thân (1788), với cái cớ Xuất Đế cầu viện để "hưng diệt, kế tuyệt" (dấy nước đã bị diệt, nối lại dòng đã tuyệt), Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị đem 29 vạn quân, cùng hàng chục vạn dân phu phục dịch, vượt biên giới, tiến sâu vào nội địa nước ta, với dã tâm xâm lược. Quân địch một mặt truyền hịch kêu gọi tướng sĩ Tây Sơn nổi lên chống lại anh em Tây Sơn, mặt khác thúc quân tiến đánh rất nhanh, nên chẳng mấy chốc chúng chiếm được Thị Cầu, trực tiếp uy hiếp thành Thăng Long.

Ngô Thì Nhậm cùng tướng của Tây Sơn Ngô Văn Sở bàn tính kế lui giặc. Một cống hiến to lớn của Ngô Thì Nhậm là "nước cờ Tam Điệp" đã đi vào lịch sử dân tộc. Trong hàng ngũ tướng lĩnh có người như Chưởng phủ Nguyễn Văn Dụng, bàn áp dụng kinh nghiệm chống quân Minh trước đây "Lấy quân nghỉ ngơi mà đánh quân mệt nhọc." Nhưng Ngô Thì Nhậm đã phân tích rất rõ tình thế thời nay đã khác xa với tình thế khi ấy. Khi ấy, cả nước đồng lòng đánh giặc, còn ngày nay các cựu thần nhà Lê đang mong quân Thanh đến để hòng nhờ ngoại viện mà khôi phục, sĩ nhân trong nước nhiều người đang mắc lừa độc kế của kẻ thù. Không thể dùng kế phục binh nơi hiểm yếu như Nguyễn Văn Dụng đã đề xuất, lại không thể giữ thành cố thủ chờ viện binh ở Nam ra, vì thành Thăng Long ở giữa nơi đồng bằng khó bề gìn giữ. Vậy chỉ có cách rút về lập phòng tuyến ở dãy núi Tam Điệp, để "Thăng Long cho chúng trọ một đêm, rồi lại đuổi đi." Kế sách ấy của Ngô Thì Nhậm đã đúng, đã góp phần to lớn để Quang Trung hành quân thần tốc ra Thăng Long lập nên chiến thắng mùa xuân năm Kỉ Dậu (1789) lừng lẫy.

Sau chiến thắng 1789, khoảng đầu tháng 3 năm Kỉ Dậu, Quang Trung quay trở về Phú Xuân, giao mọi việc bang giao với nhà Thanh cho Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích định liệu. Ngô Thì Nhậm đã hoàn thành xuất sắc trọng trách này. Những công văn, giấy tờ giao thiệp với nhà Thanh của ông thảo sau đã tập hợp thành tập *Bang giao hảo thoại*, cũng là một kiệt tác về văn học.

Ngô Thì Nhậm đã thuyết phục được nhà Thanh, không "hổ thẹn" mà báo thù, tránh nạn đao binh lại xảy ra, góp phần củng cố uy thế quân sự, nâng cao uy tín quốc gia. Đó là đóng góp to lớn nữa của Ngô Thì Nhậm về ngoại giao.

Qua thư từ, công văn, qua việc Ngô Thì Nhậm ba lần lên biên giới phía bắc đàm phán, cuối cùng, năm Canh Tuất (1790), triều đình Mãn Thanh đã phải tiếp nhận sứ thần An Nam sang dâng biểu, nộp cống. Càn Long lại mời Quang Trung đích thân sang thăm, nhân lễ "Bát tuần đại khánh." Nhân có việc đó, Quang Trung bèn yêu sách Càn Long phải phong vương cho mình. Càn Long đã chấp thuận. Điều này khẳng định, triều đình nhà Thanh đã thừa nhận nhà Tây Sơn, bỏ rơi Xuất Đế. Nhưng sau đó, Quang Trung lấy cớ có tang mẹ mà thoái thác cuộc viếng thăm. Để Càn Long khỏi mất mặt với các "chư hầu," Ngô Thì Nhậm đã cùng Tổng đốc Lưỡng Quảng Phúc Khang An bày kế tìm người đóng giả Quang Trung sang triều kiến. Công việc trót lọt, thật là chuyện lạ hiếm có xưa nay.

Sau lần ngoại giao thành công này, Ngô Thì Nhậm được thăng chức Binh bộ Thượng thư. Năm sau, Tân Hợi (1791), ông lại được thăng Thị lang đại học sĩ, ban Dực vận công thần.

Năm Nhâm Tý (1792), Ngô Thì Nhậm kiêm chức Quốc sử thự Tổng tài, nhưng vẫn tiếp tục các công việc về ngoại giao, như giao thiệp với nhà Thanh đòi bỏ lệ cống người vàng, đòi lại đất sáu châu Hưng Hoá, cầu hôn công chúa, xin đất đóng đô, đòi sứ giả phải đến Phú Xuân tuyên phong, v.v... Công việc đang tiến triển thuận lợi, thì Quang Trung lâm bệnh đột ngột qua đời vào ngày 29 tháng 7 (nhuận), năm ấy.

Tháng 2 năm sau (1793), Ngô Thì Nhậm lãnh chức Chánh sứ sang Thanh báo tang và cầu phong cho vua mới Quang Toản. Lần đi sứ ấy rất gấp gáp. Sứ bộ khởi hành từ Thăng Long vào ngày 20 tháng 2 năm Quí Sửu (1793), đến ngày 8 tháng 5 năm đó tới Yên Kinh, ngày 20 tháng ấy về nước, tháng 9 mùa thu về đến kinh đô Phú Xuân. Sứ bộ chỉ lưu lại Yên Kinh mươi ngày, trong thời gian ngắn ngủi ấy, mọi việc phải giải quyết chóng vánh. Đình thần nhà Thanh vốn biết tiếng ông, nhiều người muốn gặp *(Ngô gia thế phả)*. Trong chuyến đi, mặc dù gian nan vất vả, nhưng Ngô Thì Nhậm mỗi khi đi qua những nơi thắng cảnh nước người, đều có

thơ vịnh, đặc biệt ông đã vẽ lại đường đi từ Thăng Long đến Yên Kinh, trên là hình vẽ đường đi, thành quách, danh thắng, dưới là thơ vịnh, tập hợp thành tập *Hoàng hoa đồ phả* có giá trị vào bậc nhất trong số những tập thơ của Ngô Thì Nhậm hiện có.

Trở về đến Thăng Long, Ngô Thì Nhậm chỉ kịp ghé qua nhà viếng mộ con trai vừa mất, rồi lại vào Phú Xuân ngay, mãi đến cuối năm Giáp Dần (1794) mới trở lại quê nhà.

Quang Trung mất, Ngô Thì Nhậm mất đi người hiểu mình, biết đến tài năng và tin dùng mình. Quang Toản mới 15 tuổi lên nối ngôi, nội bộ triều đình dần dần bị chia rẽ sâu sắc, rồi lâm vào cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, bởi người cậu Bùi Đắc Tuyên lợi dụng Quang Toản còn nhỏ tuổi, chuyên quyền, lộng hành, vơ vét của cải cho bản thân, gây ra năm bè bảy mối, gạt bỏ dần những bầy tôi giỏi, trung thành của Quang Trung.

Trước tình hình nội bộ triều đình Quang Toản rối ren ấy, Nguyễn Ánh đã tận dụng thời cơ, cấu kết với các địa chủ phản động, dựa vào thế lực tư bản nước ngoài, liên tiếp phản công, làm cho triều đình Quang Toản ngày càng suy yếu. Ngô Thì Nhậm trong hoàn cảnh như vậy, đã không phát huy được tài năng của mình, ông cùng với một số bầy tôi cũ của nhà Lê được tin dùng như Phan Huy Ích, Nguyễn Đề, Ninh Tốn, Đoàn Nguyễn Tuấn, Nguyễn Huy Lượng, v.v... chỉ còn là những quan soạn sách, trông coi việc lễ nghi..., như năm Đinh Tị (1797) Ngô Thì Nhậm phụng mệnh trông coi việc san, tu Quốc sử. Chính trong thời gian này, ông đem quyển *Việt sử tiêu án* của Ngô Thì Sĩ ra khắc ván in. Đến năm Mậu Ngọ (1798), trông coi Văn Miếu Bắc Thành. Trải nhiều năm binh đao khói lửa, Văn Miếu trở thành hoang phế, nhà Quốc học tiêu điều, đền Khải Thánh siêu vẹo, hai bên từ vũ tan hoang... Tất cả ông đều cho sửa sang lại.

Ngô Thì Nhậm không thể đóng góp được gì trước tình cảnh triều đình Quang Toản ngày một rối nát, ông âm thầm đau xót, cuối cùng thì tìm lối thoát trong Thiền học. Vì vậy, khoảng cuối năm Kỷ Mùi đến đầu năm Canh Thân (1789-1800), Thiền viện Trúc Lâm được lập nên ở phường Bích Câu. Những triết lý của phái Trúc Lâm đời Trần được ông thể hiện trong tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*.

Năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn Ánh đánh chiếm Phú Xuân, triều

đình Quang Toản chạy ra Thăng Long, đổi niên hiệu Bảo Hưng, mong dựa vào thế Bắc Hà mà bảo vệ và trung hưng triều đình của Quang Trung dầy công gây dựng. Nhưng chẳng bao lâu nhà Tây Sơn hoàn toàn sụp đổ.

Năm Quý Hợi (1803), Nguyễn Ánh bắt đầu trả thù những người trước đây theo phong trào Tây Sơn. Vì vậy, Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích bị đưa ra Văn Miếu kể tội, đánh đòn. Ngô Thì Nhậm qua đời sau trận đòn ấy, vào ngày 16 tháng 2 (tức ngày 9 tháng 3 năm 1803), hưởng thọ 58 tuổi.

Ngô Thì Nhậm để lại khá nhiều sáng tác, phần lớn được tập hợp trong tùng thư *Ngô gia văn phái,* và là tác gia có nhiều tác phẩm nhất trong tùng thư này:

1.*Nhị thập thất sử toát yếu.* Biên soạn năm 1762, đã mất. Thấy nói trong *Ngô gia thế phả.*

2.*Tứ gia thuyết phả.* Biên soạn năm 1766, đã mất. Thấy nói trong *Ngô gia thế phả.*

3.*Hải Dương chí lược.* Biên soạn năm 1772, đã mất. Thấy nói trong *Ngô gia thế phả.*

4.*Tự học toản yếu.* Không rõ năm soạn, đã mất. Còn bài tựa trong *Kim mã hành dư,* có lẽ là sách *Tam thiên tự giải nghĩa.*

5.*Công vụ thành thư.* Soạn năm 1778, mất. Thấy nói trong *Ngô gia thế phả.*

6.*Thánh triều hội giám.* Soạn năm 1781, mất. Đề cương thấy nói trong *Kim mã hành dư.*

7.*Bút hải tùng đàm.* Soạn khoảng năm 1769-1782, hiện có 3 dị bản chép trong tùng thư *Ngô gia văn phái.*

8.*Thủy vân nhàn vịnh.* Sáng tác năm 1782-1786, hiện có 3 dị bản chép trong tùng thư *Ngô gia văn phái.*

9. *Xuân thu quản kiến.* Soạn năm 1782-1786, hiện có 3 dị bản chép trong tùng thư *Ngô gia văn phái.*

10.*Kim mã hành dư.* Sáng tác năm 1775-1788, hiện có 13 dị bản chép trong tùng thư *Ngô gia văn phái.*

11.*Ngọc đường xuân khiếu.* Sáng tác năm 1789-1792, hiện có 3 dị bản chép trong tùng thư *Ngô gia văn phái.*

12.*Hoàng hoa đồ phả.* Sáng tác năm 1793, hiện có 7 dị bản chép

trong tùng thư *Ngô gia văn phái.*

13.*Cúc hoa thi trận.* Sáng tác khoảng năm 1796, hiện có 7 dị bản chép trong tùng thư *Ngô gia văn phái.*

14.*Cẩm đường nhàn thoại.* Sáng tác khoảng năm 1785-1797, hiện có 4 dị bản chép trong tùng thư *Ngô gia văn phái.*

15.*Thu cận dương ngôn.* Sáng tác khoảng năm 1797-1798, hiện có 4 dị bản chép trong tùng thư *Ngô gia văn phái.*

16.*Hào mân ai lục.* Sáng tác khoảng năm 1780- 1800, hiện có 5 dị bản chép trong tùng thư *Ngô gia văn phái.*

17.*Bang giao hảo thoại.* Sáng tác khoảng năm 1789- 1800, hiện có 11 dị bản chép trong tùng thư *Ngô gia văn phái.*

18.*Hàn các anh hoa.* Sáng tác khoảng năm 1789- 1801, hiện có 8 dị bản chép trong tùng thư *Ngô gia văn phái.*

19.*Liên hạ thi minh.* Sáng tác năm 1800, mất, chỉ có bài thuyết chép trong *Ngô gia văn phái.*

20.*Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh.* Không thấy chép trong *Ngô gia văn phái*, mà có sách in riêng.

2. NIÊN BIỂU TÁC GIẢ

NĂM ÂL	NĂM DL	SỰ KIỆN	GHI CHÚ
Bính Dần	1746	Sinh 11 tháng 9 Bính Dần (tức 25-10).	
Quý Dậu	1753	Đi học	7 tuổi
Đinh Sửu	1757	Học cụ nội Đan Nhạc công (Ngô Trân).	11 tuổi.
Tân Tỵ	1761	Học bố là Ngọ Phong công (Ngô Thì Sĩ). Tự soạn tập *Nhị thập thất sử toát yếu*	16 tuổi.
Nhâm Ngọ	1762	Sát hạch trường huyện 2 lần, hạng ưu.	17 tuổi.
Bính Tuất	1766	Theo học thầy Đan Sĩ, Tham chính Thanh Hoa.	20 tuổi.
Đinh Hợi	1767	Soạn *Tứ gia thuyết phả.*	21 tuổi.
Mậu Tý	1768	Thi Hương đậu Giải nguyên.	23 tuổi.
Kỷ sửu	1769	Thi khoa Sĩ vọng, đỗ, bổ Hiến sát phó sứ Hải Dương.	24 tuổi.

Tân Mão	1771	Ngô Thì Sĩ bị cách chức. Ngô Thì Nhậm cũng xin về nhà.	26 tuổi.
Nhâm Thìn	1772	Khảo khóa ở Quốc Tử Giám đỗ hạng ưu. Cố từ, không ra làm quan. Viết *Hải Dương chí lược.*	27 tuổi.
Ất Mùi	1775	Đỗ Tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân. Bổ chức Đô cấp sự trung Bộ Hộ.	30 tuổi.
Bính Thân	1776	Thăng Giám sát Ngự sử đạo Sơn Nam. Bổ Giám khảo trường thi Hương tại Hải Dương	31 tuổi.
Mậu Tuất	1778	Đốc đồng Kinh Bắc, kiêm Đốc đồng Thái Nguyên. Cha Ngô Thì Sĩ Đốc trấn Lạng Sơn, hai cha con cùng đi nhậm chức một ngày. Tham gia đánh dẹp tại vùng Vũ Nhai, soạn *Công vụ thành thư.*	33 tuổi.
Kỷ Hợi	1779	Thăng Đông các Hiệu thư, hiệp đồng với Trấn thủ Tuyên, Thái đánh dẹp Hoàng Văn Đồng ở Thái Nguyên. Kinh lược xưởng đúc bạc tại mỏ Tống Tinh.	34 tuổi
Canh Tý	1780	Trịnh Sâm ốm nặng. Trịnh Tông mưu giành ngôi chúa. Sâm đột nhiên khỏi bệnh. Sự việc bại lộ. Có tin đồn Ngô Thì Nhậm phát giác ra vụ án này, nên được thăng Hữu thị lang Bộ Công, giao cho xét xử vụ án. Ngô Thì Sĩ mất ở Lạng Sơn. Ngô Thì Nhậm xin về chịu tang, đưa thi hài cha về an táng tại quê Tả Thanh Oai.	35 tuổi.
Tân Sửu	1781	Phụng mệnh soạn bộ *Thánh triều giám thư,* được ban Nhập thị bồi tụng, rồi Đồn điền xứ lộ Trường Yên, cai quản Sơn thủy đội.	36 tuổi.
Nhâm Dần	1782	Trịnh Sâm mất. Tháng 10, kiêu binh bạo động, đưa Trịnh Tông lên ngôi chúa. Vì lời đồn trước đây: Ngô Thì Nhậm phát giác Trịnh Tông làm phản năm Canh Tý (1780). Nên nay phải trốn ra vùng La Xuyên, Đội Trạch, Bách Tính (nay thuộc tỉnh Thái Bình). Dạy học và soạn bộ *Xuân thu quản kiến,* sáng tác tập *Thuỷ vân nhàn vịnh.*	37 tuổi.
Bính Ngọ	1786	Nguyễn Huệ ra Bắc dẹp họ Trịnh, trao trả quyền bính cho nhà Lê. Ngô Thì Nhậm từ am Lệ Trạch xã Đội Trạch trở về, ngang đường Lê Hiển Tông	41 tuổi.

		qua đời, Lê Chiêu Thống nối ngôi, trao cho chức Đô cấp sự trung Bộ Hộ, thăng Hiệu thư kiêm Toản tu Quốc sử. Sửa chữa thêm bớt bộ *Ngũ triều thực lục* của Ngô Thì Sĩ để lại.	
Đinh Mùi	1787	Lê Chiêu Thống được Nguyễn Hữu Chỉnh giúp, chống lại nhà Tây Sơn, Nguyễn Huệ sai Vũ Văn Nhậm ra dẹp. Lê Chiêu Thống chạy ra khỏi kinh đô. Ngô Thì Nhậm về ẩn ở thôn Kim Quan, huyện Thạch Thất (Hà Tây).	42 tuổi
Mậu Thân	1788	Nguyễn Huệ ra Bắc dẹp Vũ Văn Nhậm. Ngô Thì Nhậm được Trần Văn Kỉ giới thiệu, Nguyễn Huệ trao giữ chức Thị lang Bộ Công, tước Tình Phái hầu.	43 tuổi.
Kỷ Dậu	1789	Sau chiến thắng Đống Đa, cùng với Phan Huy Ích chịu trách nhiệm về ngoại giao, Ngô Thì Nhậm chịu trách nhiệm chính. Các công văn về ngoại giao do Ngô Thì Nhậm thảo, sau tập hợp thành *Bang giao tập*.	44 tuổi.
Canh Tuất	1790	Thăng Thượng thư Bộ Binh.	45 tuổi.
Tân Hợi	1791	Thăng Thị lang đại học sĩ, ban Dực vận công thần.	46 tuổi.
Nhâm Tý	1792	Kiêm Tổng tài Quốc sử quán.	47 tuổi.
Quý Sửu	1793	Chánh sứ sang nhà Thanh cầu phong cho vua Quang Toản. Sáng tác tập *Hoàng hoa đồ phả* (*Hoa trình gia ấn thi tập*, hay còn có tên *Hoa trình thi phú sao*). Giữa năm đó đi sứ trở về, vào Phú Xuân triều cận vua Quang Toản.	48 tuổi.
Giáp Dần	1794	Từ Phú Xuân trở về Bắc Thành. Khoảng cuối năm 1795, đầu năm 1796, cùng Phan Huy Ích lại vào Phú Xuân triều cận Quang Toản, sáng tác tập *Cúc hoa thi trận (Cúc thu thi trận, Cúc hoa bách vịnh, Cúc thu bách vịnh)*.	49 tuổi.
Đinh Tỵ	1797	Trông coi việc san tu, bổ sung Quốc sử, nhân đưa khắc tập *Việt sử tiêu án* của Ngô Thì Sĩ.	52 tuổi.

Mậu Ngọ	1798	Được giao cho trông coi Văn Miếu ở Bắc Thành. Nhân dựng lại nhà Quốc học, sửa sang đền Khải Thánh...	53 tuổi
Canh Thân	1800	Đầu năm, lại vào Phú Xuân triều cận vua Quang Toản *(Kim mã hành dư)*, sau trở ra mở Thiền viện ở phường Bích Câu, viết *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*. Nhà Tây Sơn mất.	55 tuổi
Quý Hợi	1803	Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Gia Phan bị bắt đưa ra đánh đòn tại Văn Miếu. Ngô Thì Nhậm qua đời.	58 tuổi.

3.TRÍCH NGÔ GIA THẾ PHẢ

Để hiểu rõ thêm về thân thế, sự nghiệp, cũng như về đời tư của Ngô Thì Nhậm, xin trích dịch một đoạn trong *Ngô gia thế phả* do Ngô Giáp Đậu soạn sau đây.

Ngô Giáp Đậu sinh năm Tự Đức Quý Sửu (1853), hiệu Tam Thanh, biệt hiệu Sự Sự Trai, là người đời thứ 16 trong hệ phả họ Ngô Thì, đỗ Cử nhân năm Thành Thái thứ 3 (1891), làm quan đến Đốc học, không rõ năm mất.

Ngô gia thế phả hiện còn 2 dị bản, 1 bản tại Paris, ký hiệu *SA.HM. 2169,* 1 bản để tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu *VHv.1345.* Toàn văn chữ Hán, chép tay, chân phương, gồm 67 tờ, tờ 18 dòng, dòng 24 chữ, khổ 27,5 x 15cm. Mở đầu là hai bài tựa, 1 của Ngọ Phong công (tức Ngô Thì Sĩ), viết năm Cảnh Hưng 16 (1755), 1 của Trưng Phủ công (tức Ngô Thì Du, em con chú Ngô Thì Nhậm) viết năm Minh Mệnh thứ 9 (1828). *Ngô gia thế phả* được biên soạn lại trên cơ sở gia phả cũ của Ngọ Phong và Trưng Phủ. Bản hiện còn không ghi niên đại biên soạn, chỉ có năm tháng sao chép: Tháng Mạnh thu năm Ất Dậu (1945). Trong lời phàm lệ, soạn giả có ghi: "Cháu đời thứ 16 Ngô Giáp Đậu, cử nhân khoa Tân Mão (1891), làm Tri huyện huyện An Lạc, kính cẩn biên chép." Vậy gia phả được biên soạn khoảng cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

Sau đây là đoạn viết về Ngô Thì Nhậm kèm theo những lời đánh

giá, nhận định của Ngô Giáp Đậu:

...Đời thứ 13: Hiển tằng tổ khảo, Tiến sĩ khoa Ất Mùi, Dực vận công thần, Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Thị trung đại học sĩ, Tri Quốc Tử Giám Khâm thiên giám, kiêm Tri mật thư Hàn lâm viện Thự Quốc sử tổng tài Binh bộ Thượng thư, tước Tình Phái hầu Ngô tướng công, tự Hy Doãn, hiệu Đạt Hiên tiên sinh.

Chính thất là Ngô Thị hiệu Từ Minh phu nhân.

Thứ thất là Hoàng Quí Thị hiệu Từ Chính huy nhân.

Tổ khảo húy Nhậm, lúc nhỏ tên là Phó, sinh giờ Dậu ngày 11 tháng 9 năm Bính Dần, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 7 (1746), mất giờ Hợi ngày 16 tháng 2 năm Quí Hợi, niên hiệu Gia Long thứ 2 (1803), thọ 58 tuổi.

Chính tổ tỷ huý Anh, người làng Bách Tính huyện Nam Chân, sinh năm Canh Ngọ, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 11 (1750), là con gái cụ Thông Duệ chức Thông chánh sứ, cháu gái cụ Động Huyền, làm Tham hiệp ở Kinh Bắc, sinh được 2 trai, 1 gái: Con trai trưởng húy Điển, con trai thứ húy Nghi. Chính tổ tỉ mất ngày 3 tháng 5 năm Đinh Mão, niên hiệu Gia Long thứ 6 (1807), thọ 58 tuổi.

Thiếu tổ tỷ húy Yến, người xã Khê Tang, huyện Thanh Oai, sinh giờ Mùi ngày 8 tháng 3 năm Canh Thìn, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 21 (1760), là con gái cụ Phúc Nghiêm, họ Hoàng, sinh được 3 trai 2 gái: Người con trưởng húy Quán, người con trai út húy Thập, Trang Nghị là con thứ 2 của cụ. Thiếu tổ tỷ mất giờ Tuất ngày 13 tháng 9 năm Canh Thìn, niên hiệu Minh Mệnh nguyên niên (1820), thọ 61 tuổi.

Sơ lược về hành trạng:

Tằng tổ khảo bản tính sớm thông minh, 7 tuổi bắt đầu đi học, 11 tuổi theo học cụ Đan Nhạc, 14 tuổi đọc thông các sách *Kinh, Truyện, Sử* và *Tính lí*, 15 tuổi lại được bố là Ngọ Phong dạy bảo. 16 tuổi đã soạn cuốn *Nhị thập thất sử toát yếu*, 17 tuổi sát hạch ở trường huyện 2 lần đều chiếm hạng ưu. Năm 20 tuổi, cụ cùng với Lưu Hy Trí, người cùng ấp (đỗ đầu thi Hương năm Ất Dậu) đến theo học cụ Đan Sĩ là Tham chính Thanh Hoa cũ. Năm 21 tuổi, hợp đính *Tứ gia thuyết phả*, năm 23 tuổi, đỗ đầu thi Hương khoa Mậu Tý. Năm Kỷ Sửu, cụ 24 tuổi, dự thi khoa Sĩ vọng, được bổ làm Hiến sát phó sứ Hải Dương. Cụ làm quan thanh liêm, giản dị, mỗi khi việc công rỗi rãi liền mở lớp dạy học, học trò theo học rất

đông. Năm Tân Mão, kính vâng sắc chỉ phúc khảo sĩ tử. Thời gian ấy, Hiến sát Hải Dương đều do việc khảo phúc mà bị trách phạt. Cụ biết tệ ấy, yết bảng nghiêm cấm. Tuy Tham nghị Nguyễn Quân có sự cầu cạnh riêng, nhưng cụ không nghe theo. Viên mục Hải Dương có dâng tờ khải nói cụ dụng tâm giữ phép công đủ thận trọng. Gặp ngày cụ Ngọ Phong từ quan, cụ bèn xin về nhà sớm hôm phụng dưỡng.

Năm Nhâm Thìn thi ở Quốc Tử Giám, đỗ hạng ưu, rồi lấy lý do ốm, cố ý không ra làm quan. Năm ấy cụ viết xong cuốn *Hải Dương chí lược*. Năm Ất Mùi, cụ thi đỗ Tam giáp tiến sĩ, được bổ làm Đô cấp sự trung Bộ Hộ. Năm Bính Thân, được thăng Giám sát Ngự sử đạo Sơn Nam, rồi bổ làm Giám khảo trường thi Hương ở Hải Dương, sau đó, lại được thăng chức Đốc đồng Kinh Bắc, bái mệnh cùng một ngày với cha là Ngọ Phong nhận chức Đốc trấn Lạng Sơn. Năm Mậu Tuất được kiêm Đốc đồng hàng Tham chính ở Thái Nguyên, lại hiệp đồng với quan kiêm Trấn thủ là Tuân Vãng hầu đi đánh dẹp bọn giặc ở Vũ Nhai. Tác phẩm có tập *Công vụ thành thư*. Năm Kỷ Hợi cụ được thăng chức Đông các hiệu thư, lại được phụng mệnh hiệp đồng với quan các đạo Tuyên, Thái đi đánh dẹp Hoàng Văn Tướng (tức Hoàng Văn Đồng). Các việc điều khiển có chép vào cuốn *Tuyên Quang nhung vụ thành thư*. Ít lâu sau, cụ lại được sai đi kinh lược xưởng bạc ở mỏ Tống Tinh. Năm Canh Tý trở về, dâng sổ sách xưởng bạc và tăng lệ thuế bạc, được Chúa ban thưởng rất hậu.

Khi đó, con trưởng của Trịnh Vương là Trịnh Tông không được Chúa yêu, con thứ của Chúa là Trịnh Cán do Đặng Tuyên phi sinh ra thì được Chúa rất yêu mến. Tuyên phi cùng với quyền thần là Hoàng Tố Lý, trong ngoài giao kết, cùng mưu đoạt ngôi Thế tử. Nhân lúc Chúa ốm nặng, Trịnh Tông lo sợ không được bảo toàn tính mệnh, bèn cùng với tôi tớ trong nhà sửa soạn khí giới, đợi khi Chúa mất, đóng các cửa thành lại, giết Tố Lý, trói Tuyên phi, cấp tốc báo cho hai trấn Tây, Bắc đem quân vào bảo vệ, để được yên ngôi. Nhưng vừa lúc đó, bệnh của Chúa khỏi, công việc bị bại lộ, Tuyên phi sai Nguyễn Huy Bá đem sự việc ấy tâu lên Chúa. Chúa gọi Tố Lý vào giao cho phải cấp tốc trừng trị. Tố Lý xin gọi các trấn thần Tây và Bắc về trước, trói giam trong Phủ, rồi sau tra khảo. Cụ khi đó là thày dạy Trịnh Tông, tên giữ sổ sách là Hà Như Sơn cũng là học trò của cụ, biết mưu đó báo cho cụ biết. Cụ kinh ngạc, nói rằng: "Thế tử là người thay thế Chúa nắm quyền hành. Nước sẽ là nước của Thế tử, lo gì mất ngôi mà làm chuyện ấy! Chúa thượng ngài thông minh, làm sao

dấu diếm được tội lỗi." Cụ lập tức mật báo với Trấn thủ Tuân, đình chỉ ngay việc ấy. Nhưng nếu sự việc bất đắc dĩ xảy ra, thì qui tội cho bọn tiểu thần đầy tớ. Tuân không nghe. Đến đây Tuân và Trấn thủ Sơn Tây là Nguyễn Khản đều bị triệu về. Tuân xin vào yết kiến chịu tội, nhưng Chúa không nghe. Khản cùng với Tuân cầu cứu đến cụ và làm tờ khải trình bày đầu đuôi sự việc. Chúa nhận được tờ khải, lại càng nổi giận, quát: "Đúng như lời người ta nói, không sai." Liền giao cho cụ xử trí vụ án này. Cụ muốn lựa chiều cứu thoát. Nhưng không may gặp ngày cha mất ở Lạng Sơn cụ dâng khải về chịu tang. Chúa bèn giao cho Lê Quí Đôn tra hỏi lại. Đôn vốn có thù riêng với Khản, nên hết sức cho y như cáo trạng. Bản án lập xong, truất hẳn Trịnh Tông và lập Trịnh Cán làm Thế tử. Còn các quan nào tham gia vụ này, đều xử tội chết. Tố Lý vốn ghét cụ, muốn nhân chuyện này, dùng lời phỉ báng buộc tội cho cụ, nên khi xét công phát giác, đã xin thăng cho cụ chức Thị lang Bộ Công. Cụ căm giận, hết sức từ chối. Em cụ là Học Tốn khuyên hãy đợi xong tang. Còn chức Thị lang của Triều đình sẽ dùng lời khéo léo mà từ chối cũng được. Cụ bèn nhân cớ có tang, không dâng khải tạ ơn.

Năm Tân Sửu phụng mệnh soạn bộ *Thánh triều giám thư*. Sách làm xong, dâng lên, được phê chuẩn ban cho chức Nhập thị bồi tụng, rồi lại ban chức Đồn điền xứ lộ Trường An, lại cai quản Sơn thủy đội trông coi Sơn thủy cung. Khi đó, trong triều, đình thần gây bè kéo cánh. Cụ chỉ muốn nhân có việc mà xin từ chức.

Năm Nhâm Dần, kiêu binh Tam phủ phế Trịnh Cán, lập Trịnh Tông lên làm Đoan Nam Vương, giết cố mệnh đại thần Hoàng Tố Lý, rồi đến các quan ở kinh. Cụ vì có tiếng đồn trong vụ án năm Canh Tý nên phải trốn ở Đội Trạch, La Xuyên, Bách Tính trấn Sơn Nam. Trong thời gian náu mình, nghe tin bọn kiêu binh hiếp chế cả Vua lẫn Chúa, biết vận nước nguy lắm, cụ thường tỏ ý lo buồn.

Năm Bính Ngọ, Tây Sơn Nguyễn Huệ đã lấy được kinh đô Phú Xuân, rồi theo mưu Nguyễn Hữu Chỉnh, đem quân từ Nam tới, mượn tiếng phò Lê diệt Trịnh. Đoan Nam Vương Trịnh Tông bị giết. Huệ dẫn bộ thuộc đến triều kiến vua Hiển Tông, giúp vua thống nhất sơn hà, ban chiếu thư cho các trấn, tìm vời các bề tôi liên lụy xưa cho về triều. Em trai cụ là Học Tốn bèn xin ấn của Triều đình làm bằng chứng, rồi về đón cụ tại am Lệ Trạch thuộc xã Đội Trạch. Giữa đường nghe tin vua Hiển Tông mất, Nguyễn Huệ giúp Xuất Đế lên ngôi, và lo liệu tang lễ. Cụ đi

đường tắt về Kinh khóc viếng, rồi thừa lệnh Xuất Đế theo lệ khoa cử bổ nhiệm cho cụ chức Đô cấp sự trung Bộ Hộ, sau lại thăng chức Hiệu thảo kiêm toản tu, nhân lấy cuốn *Thực lục tục biên* từ đời Hi Tông đến thời Ý Tông, cả thảy 5 triều vua, của cụ Ngọ Phong còn để lại, đem ra thêm bớt.

Trước đấy, làm lễ sơn lăng của vua Hiển Tông xong, Huệ ngầm rút quân về Nam, để Nguyễn Hữu Chỉnh trấn thủ Nghệ An, Xuất Đế nắm giữ triều chính, triệu các đại thần khuyên gắng sức giúp đỡ Hoàng gia.

Khi ấy, quận Thạc là Hoàng Phùng Cơ, quận Liên là Đinh Tích Nhưỡng, ép vua lập Trịnh Bồng làm Án Đô Vương. Trịnh Bồng đã được lập, chuyên quyền lấn át quyền hành của vua. Vua bí mật triệu Nguyễn Hữu Chỉnh ra giúp. Hữu Chỉnh mộ các nghĩa dũng ở Nghệ An lập tức kéo quân về triều, đuổi Trịnh Bồng, tự mình lên làm phụ chính, rồi gây hấn với Tây Sơn. Huệ sai tướng của mình là Vũ Văn Nhậm ra đánh. Chỉnh đem quân chạy lên Kinh Bắc, đến núi Tam Tầng thì Chỉnh bị bắt. Vua chạy trốn trong vùng núi Bảo Lộc, rồi sai sứ sang Thanh cầu viện binh. Vua Cận Long sai Tổng đốc Lưỡng Quảng là Tôn Sĩ Nghị đem quân áp sát bờ cõi, đuổi tướng Tây Sơn và phong cho Xuất Đế làm An Nam Vương. Huệ nghe tin này, tự cầm quân đánh lại quân Thanh. Bèn lên ngôi vua vào tháng 12 năm Mậu Thân ở kinh thành Phú Xuân, lấy niên hiệu là Quang Trung, kéo quân tiến thẳng ra Thăng Long, đánh cho Sĩ Nghị một trận tan tành. Sĩ Nghị một mình một ngựa tháo chạy về Lạng Sơn. Vua Lê cũng chạy theo về Yên Kinh. Vua Thanh lại sai Phúc Khang An đem binh sang đánh nước Nam. Quang Trung lo nhân dân sẽ bị dày xéo, nên muốn tìm văn thần triều Lê cũ, giỏi về từ mệnh ngoại giao, may ra có thể dùng lời nói mà thay cho binh đao. Đúng lúc chưa biết chọn ai, thì tướng Tây Sơn là Trần Văn Kỉ, vốn quen biết cụ, nhân tiến cử lên. Cụ khi đó ẩn tại làng Kim Lan, huyện Thạch Thất. Nhận được lời triệu, cụ đi ngay tới kinh đô để vào yết kiến. Quang Trung trao cho cụ chức Công bộ thị lang, tước Tình Phái hầu, và giao cho soạn thảo 10 điều ứng đáp với Nội địa, khi dâng lên, rất hợp lòng vua. Thế rồi vua giao cho cùng Phan Huy Ích đảm nhiệm đối ngoại, tùy nghi ứng đáp, để rứt họa binh đao. Tác phẩm của cụ có *Bang giao tập*.

Năm Canh Tuất, đối ngoại thành công, cụ được thăng chức Binh bộ Thượng thư. Năm Tân Hợi, lại được thăng Thị lang đại học sĩ, được ban Dực vận công thần. Năm Nhâm Tý, kiêm chức Quốc sử thự tổng tài. Năm Quí Sửu niên hiệu Cảnh Thịnh, được sung làm Chánh sứ sang Thanh cầu

phong. Đến Yên Kinh được vào yết kiến, vua Thanh rất khen ngợi. Các sĩ phu trong triều, vốn nghe tiếng cụ, không ai là không muốn được gặp mặt. Tác phẩm có tập thơ *Hoa trình gia ấn*. Năm Đinh Tỵ, phụng mệnh trông coi việc san định, tu sửa Quốc sử. Nhân đó đem tác phẩm *Việt sử tiêu án* của cụ Ngọ Phong ra khắc in. Năm Mậu Ngọ, cụ được giao trông coi Văn Miếu Bắc Thành. Khi đó, sau khi trải qua cuộc loạn lạc, nhà Quốc học tiêu điều, cụ đề đạt với tướng Trấn thủ cho xây dựng lại từ vũ, sửa sang đền Khải Thánh và học đường bên tả, bên hữu, cùng cửa lầu Thái học, qui chế nhà Quốc học hoàn toàn đổi mới. Vả lại, từ sau năm Đinh Mùi, phép thi cử bị bãi bỏ, nên học sĩ bốn phương ngày càng ít. Cụ kiến nghị khôi phục lại chế độ thi cử từ xưa, mở khoa thi chọn kẻ hiền sĩ. Người nắm quyền hành lúc bấy giờ, đại để không ở chân khoa cử mà ra, nên gây khó khăn trở ngại nhiều. Cụ khéo léo mềm dẻo nói với các phiên phủ và các quan đại thần nắm giữ quyền hành, tạm thời mở khoa thi: Một năm 4 tháng trọng trường Quốc học, trường trấn học, định kỳ khảo phúc. Người nào trúng gọi là thượng hạ khoá sinh, được miễn mọi việc tạp dịch. Từ đấy văn phong bắt đầu được chấn hưng. Năm Canh Thân, hộ nhi đèn hương trong Văn Miếu thuộc giáp Minh Triết, suy tôn bầu cụ làm Hậu thần. Cụ bèn tự đặt duệ hiệu là Long Biên thành thị đại ẩn sĩ. Năm Nhâm Tuất (1802), Quốc triều nắm giữ ngôi vua, cụ và Phan Huy Ích vì giúp nhà Tây Sơn nên bị Đặng Trần Thường sai đánh đòn. Cụ mất vào ngày 16 tháng 2 năm Gia Long Quí Hợi (1803), thọ 58 tuổi.

Cụ vốn tính rất hiếu kính. Thuở nhỏ cụ Đan Nhạc ốm nặng, khi đó cụ Ngọ Phong được triệu về kinh, cụ sớm tối hầu hạ ngay bên hàng hơn một tháng trời, không rời đi đâu nửa bước. Cụ Đan Nhạc trong lòng mừng thầm. Khi cụ để tang Trinh Từ chánh phu nhân, vừa khóc vừa học, mọi việc đều làm theo lễ. Khi làm quan Hiến sát phó sứ Hải Dương, cụ Ngọ Phong làm quan ở châu Hoan xa cách. Mẹ kế là Trang Chánh Thuận nhân ốm nặng, nằm ở kinh đô. Cụ từ nơi sảnh đường về phục thuốc chăm nom. Khi Thuận Nhân mất, cụ lo liệu mọi việc rất chu đáo. Cụ Ngọ Phong rất yên lòng. Khi cụ Ngọ Phong mất, tất cả các lễ lớn và tang tế cụ đều hết sức hết của. Xem tập *Hào mân* sẽ thấy lòng thành khẩn của cụ thể hiện cả ra ngoài lời nói. Khi ở nhà, cụ luôn luôn răn bảo con cháu phải chăm chỉ đọc sách học sử, cho là đời trọng kẻ văn nhân, không muốn cho con cháu chạy vạy đường lợi, để mang tiếng cho gia đình. Khi đi Yên Kinh, chỉ lo con cháu sai lầm những điều đã dạy bảo, cho nên trước khi đi, cụ viết *Qui gia yếu ước* để khuyên bảo, cửa nhà luôn hòa thuận, mọi

người không nhân chỗ sơ hở mà chê trách. Tiền của chi dùng trong nhà tuyệt nhiên không suy bì tính toán thiệt hơn. Lòng hữu ái của cụ nổi tiếng hơn tất cả mọi người trong làng, trong xã. Đến như việc kinh bang tế thế, vốn cụ có chí lớn, nhưng gặp phải đường đời trắc trở, xử vào cảnh vua tôi biến loạn, lòng thường nghĩ tới mà thấy đau xót. Năm Canh Tý phải chạy trốn, có làm bài văn *Trần tình cáo* lên Tĩnh Vương. Tác phẩm có bộ *Xuân thu quản kiến,* lấy 2 chữ "Trung hiếu" làm gốc lớn để lập thân. Khi ra làm quan với triều đình Tây Sơn, rất được tri ngộ, nhưng đó không phải là điều vui trong lòng. Mỗi khi nhàn rỗi, đối với con em, không bao giờ tỏ nỗi ta thán, buồn tủi. Lại khi bị người đời ghen ghét với tài danh, nhìn xung quanh thấy cả một đời không cùng ai tâm đầu ý hợp. Bởi thế mới mượn cửa Phật làm vui, phường Bích Câu, nơi cụ ở, mở ra Trúc lâm thiền viện, thuật lại hành trạng Tam tổ. Giác Hoàng, Pháp Loa và Huyền Quang mà thờ cúng. Cấp độ điệp cho em trai là Huyền Trai làm thượng túc đệ tử. Khi ấy, mượn tiếng cùng chơi nơi cửa thiền là Hải Hòa tăng, Hải Âu hòa thượng, đều suy tôn cụ làm Hải Lượng đại thiền sư. Cụ viết ra tập *Trúc lâm tông chỉ*, gồm 24 chương thuyết pháp, đầu đề là *"Thái chân viên giác thanh,"* lấy kiến thức hiện thân của Tam tổ tự nghĩ mà bình luận. Những lời cụ nói ra đều là những nghĩa lý thuộc bản lĩnh, chủ yếu là làm cho những người theo đạo Phật trở về với đạo Nho, đồng thời cũng ngụ ý mình vào đấy. Nỗi niềm gửi gắm rộng lớn của cụ thì Tam Lư phải thán phục là bực Trùng Hoa. Những lời tự khen chê của cụ, thì Vương Đán phải tự cởi áo thâm, Hứa Tử phải đề thơ trên mộ. Đó là những điều chỉ mình cụ lĩnh hội được. Bình sinh cụ học sâu và rộng, khi đến tuổi trung niên thì trái ngược hẳn với đời, thích ngao du cảnh giang hồ, sở đắc rất thâm thúy. Văn thơ của cụ đẹp đẽ phong phú, cốt cách thì hùng vĩ khác thường. Tất cả các bản thảo đều ghi trong bộ *Ngô gia văn phái* lưu truyền ở đời.

Tằng thiếu tổ tỷ mồ côi mẹ từ sớm, theo cụ Hoàng Phúc Nghiêm ra kinh đô. Khi đó cụ hầu trong Phủ Chúa. Tổ tỷ ra vào trong cung cấm, Vương Thái phi thấy người có nhan sắc, mới nhận nuôi trong cung. Khi đến tuổi cài trâm thì gả cho tằng tổ ta. Khi về, thờ phụng đích phu nhân rất cẩn thận, lễ phép với xóm làng, họ hàng, hòa thuận với người ngang hàng. Cụ Ngọ Phong khi còn sống thường khen rằng: "Đức hạnh con sau này đáng được hưởng hạnh phúc."

Năm Nhâm Dần gặp tai biến, cụ nương tựa vào nhà Huy Cung phu nhân ở Linh Đường. Phu nhân thường thử rằng: "Tướng quân gặp nạn, chưa biết ngày nào trở về, vẻ đẹp son phấn e rằng khó có thể giữ nổi. Nếu

đợi tướng quân thoát nạn, thì tình cảnh li biệt này khổ không kể xiết. Ta muốn cải tiết cho nàng. Lời nói của ta cũng như lời nói của tướng quân vậy." Tổ tỷ sầm nét mặt từ tạ rằng: "Phu nhân hết lòng thương thiếp, thiếp đội ơn không bao giờ quên. Nghĩ rằng, thiếp được phụng thờ tướng quân, không ngờ gặp nạn mà vội cải giá, e rằng không hợp nghĩa chuyên nhất. Thiếp dù có chết cũng không bao giờ đi bước nữa." Phu nhân từ đấy lại càng yêu mến tổ tỷ ta.

Ở đó được 3 năm, lại trở về với tằng tổ ở La Xuyên. Năm Kỷ Dậu, tằng tổ nhận được chiếu vời của vua. Năm ấy, cha là cụ Phúc Nghiêm mất, việc tang tế do tổ tỷ lo liệu giúp đỡ. Năm sau, bang giao thành công, tằng tổ vào triều kiến ở kinh đô Phú Xuân, tổ tỷ cùng đi, làm người trượng phu ngồi trên yên ngựa, thay phu nhân coi việc tay hòm chìa khóa. Khi lâm nạn, cụ không từ nan, thấy lợi lộc không xiêu lòng, không kiêu căng, không xa xỉ, thực là bậc phụ nữ anh hùng. Sau khi thời cuộc thay cũ đổi mới, gia đình ta gặp nhiều biến cố, tổ tỷ chống bên phải, đỡ bên trái, gìn giữ cửa nhà. Bản thân tự cầy cấy, lại thêm canh cửi để giúp thêm tiền phí tổn đèn sách cho Trang Nghị ta. Việc thờ cúng nơi từ đường, lễ vật hàng năm, những công việc có quan hệ tới bản chi, cụ đều kính cẩn làm, không suy bì này nọ. Trong nhà nghèo túng rỗng không, những người ngoài nhìn vào thì như là nhà rất phong lưu, không ai biết được sự túng thiếu của gia đình vậy...

4. ĐÔI NÉT VỀ TÙNG THƯ NGÔ GIA VĂN PHÁI

Ngô gia văn phái là một tùng thư lớn của dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Đây là một tập hợp thơ, văn, sử, triết... của 15 tác giả, sáng tác trong suốt 3 thế kỷ (XVII- XIX). Trong tùng thư có khá nhiều tác phẩm có giá trị đặc biệt, nhất là những sáng tác của Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm, Ngô Thì Chí, Thì Điển... (Xin xem Biểu thống kê tác giả tác phẩm *Tùng thư Ngô gia văn phái* kèm theo đây).

Hiện ở Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm có 12 bộ *Ngô gia văn phái*. Những bộ này được thu thập từ những nguồn gốc khác nhau, nên sự sắp xếp rất lộn xộn. Có bộ sắp xếp theo thể loại, co bộ xếp theo tác gia... Và hiện không có bộ nào trọn vẹn, hoặc mất phần đầu, hoặc thiếu phần sau, hoặc có nội dung trùng lặp:

1-Ngô gia văn phái A.117a/1-30: 30 cuốn, 1809 tờ, sắp xếp theo tác giả. Mở đầu là tập *Nghi Vịnh thi tập* của Tuyết Trai tiên sinh (tức Ngô Thì Ức).

2-Ngô gia văn phái VHv.1743/1-36: 36 cuốn, 2370 tờ. Sắp xếp theo thể loại. Mở đầu là *ký loại*, gồm các bài ký của Ngọ Phong công (tức Ngô Thì Sĩ).

3-*Ngô gia văn phái tuyển A.1330:* 1 cuốn, 106 tờ, sắp xếp theo tác giả, mở đầu là *Sóc Nam hành kính* của Dưỡng Hạo (tức Ngô Thì Trí), tiếp theo là tác phẩm của Trưng Phủ (Ngô Thì Du), *Dưỡng chuyết thi văn* của Tĩnh Trai (Ngô Thì Điển)...

4-*Ngô gia văn phái VHv.1461*: 1 cuốn, 92 tờ, sắp xếp theo tác giả, tập này chỉ chép tập *Ngọ Phong toàn tập* của Ngô Thì Sĩ.

5-Ngô gia văn phái VHv.1831: 1 cuốn, 71 tờ, sắp xếp theo tác giả. Tập này chỉ chép *Bang giao hảo thoại* của Ngô Thì Nhậm.

6-*Ngô gia văn phái VHv.16/1-13:* 13 cuốn, 981 tờ, sắp xếp theo tác giả, mở đầu là tập *Nghi Vịnh thi tập* của Ngô Thì Ức...

7-Ngô gia văn phái VHv.806/1-4: 4 cuốn, 505 tờ, sắp xếp theo tác giả, tập này chỉ chép tập *Xuân thu quản kiến* của Ngô Thì Nhậm.

8-*Ngô gia văn phái A.117b/1-4:* 4 cuốn, 716 tờ, sắp xếp theo tác giả, mở đầu là tập *Ngọ Phong văn tập* của Ngô Thì Sĩ.

9-Ngô gia văn phái A.117c/1-3, 3 cuốn, 529 tờ, sắp xếp theo tác giả, chép *Hi Doãn công di thảo* của Ngô Thì Nhậm.

10-*Ngô gia văn tuyển A.117d/1-3, 3 cuốn, 163 tờ,* sắp xếp theo tác giả, mở đầu là tập *Huyền Trai công di thảo* của Ngô Thì Hoàng; *Trưng Phủ công di thảo* của Ngô Thì Du...

11-Ngô gia văn phái A.117đ, 18 tờ, sắp xếp theo tác giả, mở đầu là *Thanh Xuyên Cư sĩ Cường Phủ công di thảo* của Ngô Thì Giai...

12-Ngô gia văn phái Quốc sử tập biên A.117e, 17 tờ...

Bộ sách càng về sau càng được các nhà văn trong dòng họ Ngô Thì bổ sung, làm cho nó càng thêm phong phú, lẽ dĩ nhiên cũng phong phú cả về số dị bản.

Ngô gia văn phái xuất hiện nhiều dị bản, gồm nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó chủ yếu vì nó được nhiều người đương thời hâm mộ, truyền tay nhau sao chép, như lời đề tựa cho tùng thư của Phan Huy Ích

đã nói rõ: "Nay nhờ phúc ấm của tổ tiên mà dòng văn đời đời nối tiếp, tinh hoa đầy rẫy trong văn từ mà bản lĩnh vẫn qui vào đạo lý, rõ ràng phong cách của một đại gia, vẻ đẹp mùi thơm, liên tiếp ngọt ngào rực rỡ. Nên gọi là "Văn phái" cũng hợp ý cả mọi người, không phải riêng một nhà mình. Toàn tập có 20 quyển, gần đây truyền bá khắp trong nước ai ai cũng ca tụng..."

Như vậy, ngay từ buổi đầu, bộ sách đã thu hút được nhiều người tìm đọc, và cũng đã khá đồ sộ. Có lẽ, cũng chính vì vậy mà nó không có điều kiện để khắc ván in, mặc dù Ngô Thì Điển từng có ý định làm việc này. Đây cũng là một điều kiện khiến tùng thư không được ổn định, gây ra nhiều biến động về văn bản. Chính quá trình không ổn định ấy, cộng với sự tùy tiện, chủ quan, luộm thuộm của những người sao chép, nhất là những người sao chép bổ sung về sau, đã làm cho bộ *Ngô gia văn phái* rơi vào tình trạng lộn xộn, nhầm lẫn, sai sót khá phổ biến. Trong tình trạng văn bản như vậy, chỉ có thể tập hợp các dị bản lại, sắp xếp, phân loại... cũng có thể cho một bộ *Ngô gia văn phái* tương đối đầy đủ.

Về soạn giả của tùng thư, gần đây có những nhận định khác nhau. Có người cho rằng, người có công đầu thu thập các sáng tác của họ Ngô, và đặt tên cho bộ sách là Ngô Thì Trí, cũng có người cho là Ngô Thì Điển.

Xét lời đề tựa cho bộ sách của Ngô Thì Trí thấy có đoạn: "Tôi tài đức kém cỏi, học vấn mỗ mãng, từ lâu muốn soạn thành sách, trên để tỏ công lao của cha ông, dưới để khảo cứu đầy đủ dòng văn trong một nhà. Nhưng vì việc đời ràng buộc, chưa được như ý. Nên việc làm sách này, *lại do đứa con của ông anh cả tôi, kế tục chí ấy.* [Anh ta], đã tập hợp văn thơ ba bốn đời mà ghi chép lại, rồi chia mục quy loại, sách làm xong, bàn với tôi, đặt tên là *Ngô gia văn phái*..."

Theo *Ngô gia thế phả,* Ngô Thì Sĩ có 5 người con trai, Ngô Thì Nhậm là cả, Ngô Thì Trí là em thứ ba. Như vậy, người tập hợp sách này phải là con Ngô Thì Nhậm. Mà Ngô Thì Nhậm cũng có 5 người con là Ngô Thì Điển, Thì Nghi, Thì Quán, Thì Hiệu, Thì Thập. Trong 5 người con đó, Ngô Thì Nghi có thể loại trừ, vì đã qua đời từ rất sớm (1776-1793) 17 tuổi, chắc chưa làm được việc này. Vậy trong bốn người con của Ngô Thì Nhậm ai là người tập hợp *Ngô gia văn phái*? Cũng rất may, trong những bộ *Ngô gia văn phái* hiện còn, có ba sách ghi rõ người biên tập là Ngô Thì Điển, còn lại không thấy sách nào ghi là Ngô Thì Quán, Thì Hiệu hay Thì Thập biên tập.

-Sách kí hiệu thư viện A.117b/4, khổ 27x17, bìa cậy, chữ thảo, có lẽ sách được chép sớm, giấy đã cũ, bị sờn mỏng, có thể được chép từ đầu đời Nguyễn, rất gần với bản gốc, không thấy xuất hiện một chữ kiêng huý nào. Trong sách, tập hợp thơ văn của Ngô Thì Ức và Ngô Thì Sĩ:

Tờ 1a chép: *Ngô gia văn phái*. Quyển chi nhất. *Nghi Vịnh thi tập*. Tằng tổ Tuyết Trai tiên sinh trước. Tằng tôn Điển biên tập (*Ngô gia văn phái*. Quyển 1, *Nghi Vịnh thi tập*. Trước tác của cụ Tuyết Trai [Ngô Thì Ức]. Chắt nội là Điển biên tập).

Tờ 13a chép: *Ngô gia văn phái*. Quyển chi nhị. *Anh Ngôn thi tập*. Tiên tổ Thế Lộc công trước. Đích tôn Điển biên tập (*Ngô gia văn* phái. Quyển 2. *Anh Ngôn thi tập*. Trước tác của ông nội là Thế Lộc [Ngô Thì Sĩ]. Cháu đích tôn Điển biên tập).

-Sách có ký hiệu thư viện A.117b/3, cũng cùng một khổ như sách trên, cả thảy 199 tờ, đều chép thơ, văn, câu đối của Ngô Thì Sĩ, gồm từ quyển 20 đến quyển 24; từ quyển 29 đến quyển 32. Trước mỗi quyển đều ghi rõ tên tác phẩm, tác giả và người biên tập như sách trên.

-Sách có kí hiệu thư viện A.117a/1, khổ 27x15, bìa giấy tây màu đỏ, là sách mới được chép lại gần đây, vì giấy còn mới. Mép để mộc, nét mực còn tươi, rõ, nhưng viết thảo, khó đọc. Cả sách 159 tờ, gồm từ quyển 33 đến quyển 37; từ quyển 50 đến quyển 59. Sách chỉ chép thơ văn Ngô Thì Nhậm, và trước mỗi quyển đều ghi rõ người biên tập như hai sách trên.

Ba sách trên đây, tuy bắt nguồn từ những nguồn sao chép khác nhau, nhưng đều thống nhất ở một điểm: Các tác phẩm đều được sắp xếp theo thứ tự thời gian, mở đầu cho tùng thư là tập *Nghi Vịnh thi tập* của Ngô Thì Ức chứ không phải là Ngô Thì Sĩ như *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam* đã nhận định. Có thể nói, ba dị bản trên đây, đã làm sáng tỏ công lao biên soạn tùng thư *Ngô gia văn phái* của Ngô Thì Điển.

Để tiện theo dõi, dưới đây chúng tôi xin lập biểu thống kê các tác giả, tác phẩm trong tùng thư *Ngô gia văn phái:*

SỐ TT	HỌ TÊN TÁC GIẢ	THẾ THỨ	HỌC LỰC	CHỨC VỤ NGHỀ NGHIỆP	TÁC PHẨM CHÍNH	GHI CHÚ
1	Nhận Trai Ngô Đình Thạc (1678-1740)	Đời thứ 9 thuộc chi Ất	Tiến sĩ.	Thượng thư Bộ Binh.	Thanh tiết thi tập.	

2	Đan Nhạc Ngô Trân (1679- 1761)	Đời thứ 10 thuộc chi Giáp.	Cử nhân.	Tự thừa.	-Tích mệnh đạo giáo tứ chân. -Huấn mông tập.	
3	Tuyết Trai Ngô Thì Ức (1709-1736)	Đời thứ 11 Con Ngô Trân.	Á nguyên thi Hương.	Dạy học.	-Tuyết Trai thi tập. -Nam trình liên vận tập.	
4	Ngọ Phong Ngô Thì Sĩ (1726-1780)	Đời thứ 12. Con trai đầu của Ngô Thì Ức.	Hoàng giáp	Đốc trấn Lạng Sơn.	-Ngọ Phong văn tập.. -Bảo chướng hoành mô. -Anh Ngôn thi tập. -Anh Ngôn phú tập. Việt sử tiêu án. -Sách chế khải tập. -Quốc sử tục biên (Soạn chung).	
5	Văn Túc Ngô Thì Đạo (1732-1792)	Đời thứ 12. Con trai thứ 2 của Ngô Thì Ức.	Giải nguyên.	Tri phủ.	Văn Túc công thi văn.	
6	Đạt Hiên Ngô Thì Nhậm (1746-1803)	Đời thứ 13. Con đầu Ngô Thì Sĩ.	Tiến sĩ.	Thượng thư Bộ Binh.	-Hàn các anh hoa. -Bang giao hảo thoại. -Xuân thu quản kiến. -Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh. -Hải Đông chí lược... (xem tr. 23)	
7	Học Tốn Ngô Thì Chí (?-1788)	Đời thứ 13. Con thứ 2 của Ngô Thì Sĩ.	Á nguyên hương tiến.	Thiêm thư bình chương sự.	-Học phi văn tập. -Học phi thi tập. -Hào mãn khoa sớ. -Tân đàn tâm kính. -An Nam nhất thống chí.	

8	Dưỡng Hạo Ngô Thì Trí (1766-1822)	Đời thứ 13. Con thứ 3 Ngô Thì Sĩ.		Hữu thị lang Bộ Hộ.	-Sóc nam hành kính.	Chưa rõ học lực.
9	Huyền Trai Ngô Thì Hoàng (1768-1814)	Đời thứ 13. Con thứ 4 Ngô Thì Sĩ.	Tú tài.	Đi tu.	-Thạch ổ di chương. (Huyền Trai công di thảo).	
10	Ước Trai Ngô Thì Hương. (1774-1820)	Đời thứ 13. Con thứ 5 Ngô Thì Sĩ.		Tham tri Bộ Lại.	-Mai dịch tu dư. -Thành Phủ công thi văn.	Sau đổi Thì Vị. Chưa rõ học lực
11	Văn Bác Ngô Thì Du (1772-1840)	Đời thứ 13. Con Ngô Thì Đạo.		Đốc học	-Trưng Phủ công thi văn.	Không thi đỗ
12	Tĩnh Trai Ngô Thì Điển. (? - ?)	Đời thứ 14. Con trai đầu Ngô Thì Nhậm.	Giám sinh Quốc Tử Giám.	Dạy học	-Ngô gia văn phái, (biên soạn). -Dưỡng Chuyết thi văn.	
13	Dưỡng Hạo Ngô Thì Hiệu (1792-1830).	Đời thứ 14. Con trai thứ 4 Ngô Thì Nhậm.	Giám sinh Quốc Tử Giám.	Dạy học	-Lang hành kí sự (Dưỡng Hiên công di thảo).	
14	Thuật Trai Ngô Thì Lữ (? - ?)	Đời thứ 14. Con trai Ngô Thì Chí.		Hiệp trấn Hải Dương.	-Ngô Sào thi tập (Thuật Trai công di thảo).	Chưa rõ học lực
15.	Văn Lâm. Ngô Thì Giai (1818-1881)	Đời thứ 15. Con trai Ngô Thì Hiệu.		Dạy học	-Tùng song di vận thi tập. -(Thanh Xuyên Cư sĩ Cường Phủ công di thảo).	Thi nhiều lần không đỗ.

QUY CÁCH BIÊN SOẠN

Tập *Thơ văn Ngô Thì Nhậm* do *Lâm Giang* làm chủ biên được tiến hành khảo cứu, phiên dịch từ những năm 1975 - 1980. Nhưng trong những năm đó, giấy in khan hiếm, công trình đành gác lại với một mớ bản thảo chưa hoàn chỉnh.

Lần này, trên cơ sở bản thảo cũ của chúng tôi đã dịch và hiệu đính trước đây, lại kế thừa những tác phẩm đã dịch công bố, mà thu thập, chỉnh lí, sửa chữa lại, so sánh dị bản, tiến hành khảo dị, dịch lại, hiệu đính lại. Đồng thời, dịch bổ sung những phần trước đây hoặc chưa dịch, hoặc đã dịch nhưng bản thảo đã bị thất lạc, tập hợp thành: *Ngô Thì Nhậm toàn tập.*

Ngô Thì Nhậm toàn tập, tập hợp thơ và văn xuôi hiện có của Ngô Thì Nhậm, gồm các tập:

-Thơ: *1.Bút hải tùng đàm, 2.Thuỷ vân nhàn vịnh, 3.Ngọc đường xuân khiếu, 4.Cẩm đường nhàn thoại, 5.Hoàng hoa đồ phả, 6.Cúc hoa thi trận, 7.Thu cận dương ngôn.*

-Văn: *1.Kim mã hành dư, 2.Hào mân ai lục, 3.Bang giao hảo thoại, 4.Hàn các anh hoa, 5.Xuân thu quản kiến, 6.Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh.*

Trong số đó, có lược đi một số bài văn: Tế văn, sớ văn, cáo văn... Hoặc các bài đó quá ngắn, nội dung nghèo nàn, có tính hình thức, hoặc nội dung gần giống nhau, hoặc chỉ là những lời tán tụng... như: Cáo Thổ thần văn (trong *Kim mã hành dư),* Cáo trọng hạ sóc sớ (Sớ cúng mồng1 tháng 5), Cáo trọng hạ vọng sớ (Sớ cúng ngày15 tháng 5), Kì yên sớ (Sớ cầu yên) (trong *Hào mân ai lục*), v.v... Những bài lược đi sẽ kê tên bài ở phần đầu mỗi tác phẩm có bài đó.

Các vị tham gia biên dịch, hiệu đính trước đây, nay đã qua đời là các cụ: Đào Phương Bình (Hiệu đính, dịch thơ), Hoàng Tạo (Dịch thơ), Trần Duy Vôn (Dịch nghĩa, dịch thơ, dịch phú), Đỗ Văn Hỷ (Dịch nghĩa), với số lượng nhiều ít khác nhau của một số bản thảo chép tay, hoặc đã đánh máy còn giữ lại được, nay dùng làm tài liệu tham khảo để dịch lại, hoặc sửa chữa lại, chỉ dùng lại những bài dịch thành thơ, thành phú...

Riêng ba tập thơ: *Bút hải tùng đàm, Thuỷ vân nhàn vịnh, Ngọc đường xuân khiếu*, sau khi hiệu đính đánh máy đưa in, đã được cụ Vũ Tuân Sán đọc duyệt khá kĩ, chỉ ra những chỗ cần sửa chữa bổ sung. Lần này cũng đã dựa vào những ý kiến ấy hoặc dịch lại, hoặc sửa lại. Mặt khác, cũng dựa vào tập *Thơ văn Ngô Thì Nhậm tuyển tập* đã xuất bản của cố Giáo sư Cao Xuân Huy, Mai Quốc Liên như đã nói trên, tiếp thu hoặc những chú thích tốt, hoặc những câu dịch hay. Riêng về phần văn xuôi, thì dựa hẳn vào bản dịch của lần xuất bản ấy, với số bài đã tuyển chọn, chỉ bổ sung phần phiên âm, khảo dị.

Ngô Thì Nhậm toàn tập, dự kiến xuất bản thành 5 tập, mỗi tập thường có tác phẩm văn xuôi và tác phẩm là thơ... Thí dụ *Ngô Thì Nhậm toàn tập* Tập 1, gồm các tác phẩm *Bút hải tùng đàm* (Thơ), *Thuỷ vân nhàn vịnh* (Thơ), *Kim mã hành dư* (Văn). Tập 2: *Ngọc đường xuân khiếu* (Thơ), *Cẩm đường nhàn thoại* (Thơ), *Cúc hoa thị trận* (Thơ), *Thu cận dương ngôn* (Thơ), *Hào mân ai lục* (Văn), *Hàn các anh hoa* (Văn), v.v...

Trước mỗi tác phẩm, thơ hoặc văn, đều có ghi tên người dịch, người hiệu đính và lời giới thiệu đôi nét về nội dung, niên đại sáng tác, tình hình văn bản hiện còn...

Tiếp theo là các bước: 1.Nguyên văn chữ Hán. 2.Phiên âm. 3.Dịch nghĩa. 4.Khảo dị. 5.Nguyên chú. 6.Chú thích. 7.Nếu là thơ hoặc phú có thêm phần dịch thành thơ hoặc thành phú theo luật cho một số bài.

Hà Nội ngày 5 tháng 10 năm 2001.

Lâm Giang

筆海叢談

BÚT HẢI TÙNG ĐÀM

Dịch, chú thích:

NGUYỄN THỊ PHƯỢNG
NGUYỄN HUY THỨC
LÊ VIỆT NGA

Hiệu đính, giới thiệu:

LÂM GIANG

筆海叢談
BÚT HẢI TÙNG ĐÀM

Bút hải tùng đàm hiện chép trong tùng thư *Ngô gia văn phái*. Tập thơ do soạn giả của tùng thư tập hợp và đặt tên, cho biết đây là di thảo của Tiến sĩ Thượng thư Hi Doãn công, không nói rõ tập thơ sáng tác vào thời kỳ nào. Nhưng đọc vào nội dung thấy rõ đây là những bài thơ của Ngô Thì Nhậm sáng tác trong thời kỳ tham gia chính quyền triều đình Lê- Trịnh. Mở đầu tập thơ là bài *Tân niên cung hạ nghiêm thân* (Năm mới kính chúc cha), trong lời đề dẫn có nhắc tới "Hùng trấn Dinh Đoàn," tức là thành Lạng Sơn, nơi Ngô Thì Sĩ giữ chức Đốc trấn từ năm 1778, đến năm 1780. Tiếp theo lại có bài *Hạ nghiêm thân phó trị* (Mừng cha đi nhậm chức), chắc hẳn bài này viết vào dịp Ngô Thì Sĩ lên đường nhậm chức Đốc trấn Lạng Sơn năm 1778. Hay trong bài *Nghĩ Trấn thủ tiễn Đốc đồng* (Vâng viết thay quan Trấn thủ tiễn quan Đốc đồng), có câu:

"Cùng một nhà, đi cùng một đường, gặp nhau ở đô ti,
Quận thành của hai trấn, cha con ta coi giữ."

Là nói năm 1778, Ngô Thì Nhậm cũng đi theo con đường lên phía bắc mà năm trước Ngô Thì Sĩ đã đi lên Lạng Sơn, để tới Kinh Bắc nhậm chức Đốc đồng.

Lại ở giữa tập thơ có loạt bài vịnh cảnh Đồng Lại. Theo nguyên chú thì Đồng Lại là trụ sở của Hiến ty Hải Dương. Hẳn các bài thơ này Ngô Thì Nhậm sáng tác khi giữ chức Hiến sát phó sứ Hải Dương năm Cảnh Hưng Kỷ Sửu (1769), hoặc khi ông làm giám khảo trường thi Hương khoa Bính Thân niên hiệu Cảnh Hưng 37 (1776) tại đây. Có điều, sự sắp xếp giữa các bài thơ ở đây không được thống nhất, như bài *Hạ hữu Ninh Chuyết Sơn đăng đệ* (Mừng bạn Ninh Chuyết Sơn thi đỗ), Chuyết Sơn là tên hiệu Ninh Tốn (1743 - ?) đậu Tiến sĩ khoa Mậu Tuất niên hiệu Cảnh Hưng thứ 39 (1778), lại đặt trước loạt bài vịnh cảnh Đồng Lại sáng tác khoảng năm 1769 hoặc năm 1776 như đã nói ở trên. Và cũng đặt trước bài *Uý niên quyến Phan Thụy Nham bổ ngoại* (An ủi Phan Thụy Nham, người em rể đỗ đồng khoa được bổ làm quan ở ngoài), Phan Thụy Nham tức Phan Huy Ích, cùng đỗ Tiến sĩ với Ngô Thì Nhậm khoa Ất Mùi niên hiệu Cảnh Hưng 36 (1775). Sau khi đỗ, họ Phan được bổ Hàn lâm thừa chỉ,

làm Tham chính sứ Sơn Nam.

Lại bài *Hạ hữu Phan Huy Ôn đăng đệ* (Mừng bạn Phan Huy Ôn thi đỗ) lại đặt vào giữa tập thơ, không đặt cùng chỗ với bài *Mừng bạn Ninh Chuyết Sơn thi đỗ*, vì Phan Huy Ôn (1754 - 1786), người làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc (Can Lộc, Hà Tĩnh), cùng đỗ một khoa với Ninh Tốn năm Cảnh Hưng 39 (1778).

Tiếp theo là loạt bài *Kinh lược nhập Tuyên Quang giới* (Đi kinh lược vào đất Tuyên Quang), *Kim Đài trú xa* (Dừng xe ở Kim Đài), *Thạch Long tuyền* (Suối Thạch Long), *Bình thị trú quân* (Đóng quân ở chợ Bằng)... là những bài thơ Ngô Thì Nhậm sáng tác khi tham gia đàn áp cuộc nổi dậy của Thổ ty Hoàng Văn Đồng ở vùng Tuyên Quang năm 1779. Ngoài ra, còn loạt bài khác nói đến những sự kiện, những nhân vật... thuộc thời Lê - Trịnh như: *Đại Hoãn quận công tiễn Cổn quận công chi tác* (Viết thay Hoãn quận công tiễn Cổn quận công về hưu), Hoãn quận công tức Nguyễn Hoãn, người làng Lan Khê, Nông Cống Thanh Hóa, Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1739) làm Thị giảng cho Trịnh Sâm, khi Sâm lên ngôi chúa được phong Quốc sư. Cổn quận công, tức Trương Khuông, từng đánh dẹp cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Hữu Cầu. Rồi bài đáp *Hương La khế hữu* (Trả lời người bạn ở Hương La), người bạn đó là Lê Duy Đản, người làng Hương La, huyện Yên Phong (Bắc Ninh), đậu Tiến sĩ cùng một khoa với Ngô Thì Nhậm. Lại bài *Hạ đồng chí Dương huynh văn mệnh sung Hải Đông Hiến sứ* (Mừng người bạn cùng chí hướng là Dương huynh vâng mệnh sung chức Hiến sứ Hải Đông), *Xuân tiết hạ Vương thế tử* (Gặp tiết xuân mừng Vương thế tử), *Phụng canh Vương tử tặng thi nguyên vận* (Vâng hoạ nguyên vận thơ của Vương tử tặng cho), v.v... đều là những bài có thể khẳng định Ngô Thì Nhậm sáng tác trong thời gian tham gia chính quyền của triều đình Lê - Trịnh khoảng từ năm 1769, năm Ngô Thì Nhậm bắt đầu ra làm quan, đến năm 1782, năm xảy ra nạn kiêu binh phế Trịnh Cán lập Trịnh Tông lên ngôi Chúa, Ngô Thì Nhậm vì có liên can phải chạy trốn khỏi kinh thành Thăng Long.

Tập thơ hiện có ba dị bản đều chép trong tùng thư *Ngô gia văn phái:*

1. Bản ký hiệu Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm VHv.16/3 có khổ rộng 27x 15cm, bìa cậy mầu cánh gián, giấy bản loại tốt đã ố vàng. Tờ đầu và tờ cuối tập sách đóng con dấu son khổ 2,5 x 2,5, với dòng chữ

"Danh gia tàng bản," chứng tỏ đây là sách quý được "thư viện gia đình" cất giữ. Sách để lề rộng, không đánh số trang, chữ viết bút lông, chân phương, có chấm câu bằng son. Cả sách 82 tờ, tờ 16 dòng, dòng 23 chữ. Tất cả những chữ "Ánh", "Thì", "Hoa" đều viết kiêng húy bớt nét, nên có thể sách được chép vào thời Tự Đức. Toàn sách chép 4 tập thơ của Ngô Thì Nhậm:

Tờ 1a: *Bút hải tùng đàm,* 78 bài thơ.

Tờ 22: *Thủy vân nhàn vịnh*, 56 bài thơ.

Tờ 39a: *Ngọc đường xuân khiếu*, 77 bài thơ.

Tờ 62a: *Cẩm đường nhàn thoại,* 63 bài thơ.

Bản này sao chép có hệ thống, đầy đủ rõ ràng, ít sai sót hơn so với những bản khác, nên xin dùng làm bản nền để so sánh, khảo dị bổ sung cho cả 4 tập thơ của Ngô Thì Nhậm đã chép ở đây.

2. Bản ký hiệu Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm VHv.1743/22 gồm 84 tờ, tờ 16 dòng, dòng 23 chữ, viết bằng bút lông, chữ viết chân phương, có đôi chỗ viết theo lối đá thảo, có chấm câu và khuyên bằng son đỏ, giấy bản loại tốt, đã úa vàng, bìa đóng bằng giấy tây màu hồng nhạt, đóng gáy, mép sách bôi mực đỏ sẫm, mép trên chừa chỗ không bôi mực đỏ để ghi tên tác giả, mép dưới chừa chỗ ghi tên tác phẩm, khổ 27x16. Toàn bộ tập sách chép 4 tập thơ của Ngô Thì Nhậm:

Tờ 1a tập *Bút hải tùng đàm*, gồm 78 bài thơ.

Tờ 22a tập *Thủy vân nhàn vịnh,* gồm 56 bài thơ.

Tờ 39 b tập *Ngọc đường xuân khiếu,* gồm 73 bài thơ.

Tờ 63a tập *Cẩm đường nhàn thoại*, gồm 69 bài thơ.

Trước mỗi tập thơ đều ghi: *Ngô gia văn phái*. Tiến sĩ Thượng thư Hi Doãn công di thảo.

78 bài thơ chép trong tập *Bút hải tùng đàm* này, thứ tự sắp xếp và số bài thơ giống hệt như bản nền.

3. Bản ký hiệu thư viện A.177c/1 (kí hiệu ghi lại tại bản chụp: A.117/31), gồm 258 tờ, tờ 16 dòng, dòng 23 chữ, viết thảo và đá thảo, khổ 27x16. Toàn bộ tập sách chép thơ văn Ngô Thì Nhậm:

Tờ 1a tập *Bút hải tùng đàm*, gồm 94 bài thơ.

Tờ 44a tập *Ngọc đường xuân khiếu*, gồm 75 bài thơ.

Tờ 66a tập *Hoa Trình gia ấn*, gồm 21 bài thơ.

Tờ 108a tập *Kim mã hành dư* (văn).

Tờ 202a tập *Hào mân ai lục* (văn).

Ở bản này tập *Bút hải tùng đàm* chép 94 bài thơ, như vậy, so với bản nền, số thơ chép ở đây chênh lệch tới 16 bài:

- *Phụng đề họa bình đồ* (5 bài).
- *Xuân tiết hạ Vương thế tử* (5 bài).
- *Đề ngự bình họa đồ tứ tuyệt* (4 bài).
- *Phụng hạ Thụy Lan ứng chế* (1 bài).
- *Phụng canh Vương tử tứ thi nguyên vận* (1 bài).

Mười sáu bài thơ trên đây không thấy xuất hiện ở bất cứ tập thơ nào hiện còn trong *Ngô gia văn phái* này. Như vậy bản nền có 78 bài, bổ sung thêm 16 bài. Vậy:

BÚT HẢI TÙNG ĐÀM 94 BÀI

***

1. 新年恭賀嚴親

陽和布令，斗曜宣輝。雄鎮數春腳之榮；高堂彩絢眉之色。圍營晏帖，遙拜慶以稱觴；月德澄清，謹陳詩而獻壽。

韶花燦爛景光新
萬里天清朔塞雲
日月實增松柏紀
山川添讚黍苗春
大人發達多宜戍
元后褒超恰好辰
倍慶南山年晉祇
桂蘭膝下競數芬

PHIÊN ÂM:

TÂN NIÊN CUNG HẠ NGHIÊM THÂN [a]

Dương hoà bố lệnh, Đẩu diệu tuyên huy. Hùng trấn phu xuân cước chi vinh; cao đường thái huyễn mi chi sắc. Đoàn dinh yến thiếp, dao bái khánh dĩ xứng tràng; Nguyệt Đức trừng thanh, cẩn trần thi nhi hiến thọ.

Thiều hoa xán lạn cảnh quang tân,
Vạn lý thiên thanh sóc tái vân.
Nhật nguyệt thực tăng tùng bách kỷ;
Sơn xuyên thiêm hộ thử miêu xuân.
Đại nhân phát đạt đa nghi Tuất;
Nguyên hậu bao siêu cáp hảo thần.
Bội khánh Nam Sơn niên tấn chỉ,
Quế lan tất hạ cạnh phu phân.

DỊCH NGHĨA:

NĂM MỚI KÍNH MỪNG CHA

Khí Dương hoà[1] ban lệnh, sao Bắc Đẩu[2] sáng ngời. Hùng trấn[3] tràn xanh tốt mùa xuân; cao đường[4] chói nét mi rực rỡ. Dinh Đoàn[5] yên

tĩnh, xa xa nâng chén chúc mừng; Nguyệt Đức[6] lắng trong, kính cẩn dâng thơ chúc thọ.

Ngày xuân rực rỡ, quang cảnh đổi thay,
Trời trong muôn dặm, quang mây ải Bắc.
Tháng ngày thực làm tăng tuổi thọ bách tùng;
Sông núi giúp thêm xanh tươi lúa mạ.[7]
Bước tiến của Cha phần nhiều hợp với năm Tuất;[8]
Đức Hoàng thượng khen ngợi đúng vào dịp lành.
Thêm mừng cho tuổi Nam Sơn mà dâng phúc,[9]
Quế lan dưới gối đua nở thơm tho.[10]

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117/31: Tân niên cung hạ thi 新年恭賀詩

CHÚ THÍCH:

1. Dương hoà là hơi ấm mùa xuân.

2,4. Bắc Đẩu, cao đường: Chỉ người Cha.

3. Hùng trấn, là thế đất ở vào nơi hiểm yếu, binh lực đủ để khống chế bốn phương. Ở đây nói về nơi Ngô Thì Sĩ, thân phụ của Ngô Thì Nhậm đi trấn thủ, tức Lạng Sơn.

5. Dinh Đoàn, tức thành Lạng Sơn, nơi Ngô Thì Sĩ trấn thủ.

6. Nguyệt Đức, là sông Cầu, thuộc Kinh Bắc (nay là Bắc Ninh), nơi Ngô Thì Nhậm làm Đốc đồng.

7. Lúa mạ (thử miêu): Thơ *Thử Miêu*, trong thiên *Tiểu Nhã*, *Kinh Thi*, có câu: "Bông bông thử miêu. Âm vũ cao chỉ" (Lúa mạ mơn mởn. Mưa làm mỡ màng). Bài thơ nói công đức của Thiệu Bá nhà Chu nhuần tới muôn dân.

8. Hợp với năm Tuất, vì Ngô Thì Sĩ đã đỗ Hội nguyên Hoàng giáp năm Bính Tuất (1766), năm Mậu Tuất (1778), thăng Đốc trấn Lạng Sơn. Bài thơ trên làm vào dịp này.

9. Nam Sơn : Thơ *Thiên Bảo*, *Kinh Thi* có câu: "Như Nam Sơn chi thọ" (Thọ như núi Nam). Người đời sau thường dùng chữ Nam Sơn để chỉ việc chúc thọ.

10. Quế lan: Con cháu hiền đạt gọi là "Quế tử lan tôn" (Con quế cháu lan).

DỊCH THƠ:

Hơi dương ban lệnh,
Sao Đẩu sáng ngời.
Nơi hùng trấn toả gốc đua tươi,
Chốn cao đường rạng mi vẻ thọ.

Thành Đoàn bụi sạch, xa xôi rót chén lạy mừng,
Sông Nguyệt sóng yên, kính cẩn dâng thơ chúc thọ:
Sáng tươi muôn dặm cảnh xuân rồi,
Ải bắc mây quang lại sáng ngời!
Ngày tháng thêm dài tùng bách thọ;
Non sông ủ ấm lúa ngô tươi.
Vận hay các cụ chừng ưa Tuất;
Ơn rộng nhà vua chính chọn thời .
Mừng thấy non Nam năm tiến phúc,
Đầy sân lan quế ngát hương trời.

Hoàng Tạo

2. 賀 嚴 親 赴 治

五 色 祥 雲 夾 道 旗
寵 光 此 日 百 般 奇
一 家 兵 馬 聯 三 鎮
萬 里 封 疆 控 二 陲
出 格 殊 恩 眞 遇 主
陪 歡 勝 會 遂 爲 兒
舞 斑 願 獻 南 山 壽
晝 錦 堂 前 慶 彩 眉

PHIÊN ÂM:

HẠ NGHIÊM THÂN PHÓ TRỊ [a]

Ngũ sắc tường vân giáp đạo kỳ,
Sủng quang thử nhật bách ban kỳ.
Nhất gia binh mã[b] *liên tam trấn;*
Vạn lý phong cương khống nhị thùy.
Xuất cách thù ân[c] *chân ngộ chúa;*
Bồi hoan thắng hội toại vi nhi.
Vũ ban nguyện hiến Nam Sơn thọ,
Trú cẩm đường tiền khánh thái my.

DỊCH NGHĨA:

MỪNG CHA ĐI NHẬN CHỨC

Cờ quạt bên đường như năm sắc mây lành,
Ngày quang vinh này, trăm vẻ kỳ diệu.
Binh mã một nhà, nối liền ba trấn;[A]
Cõi bờ muôn dặm, giữ vững hai miền.
Ơn đặc biệt vượt ngoài thể thức, quả gặp chúa hiền;
Hội đẹp thêm vui, thực thoả lòng làm con.
Nguyện múa áo mầu, chúc cha thọ như non Nam,[1]
Trước nhà "Trú cẩm," dâng chén mừng cha già.[2]

NGUYÊN CHÚ:

A. Ba trấn: Lạng Sơn, Thái Nguyên, Kinh Bắc. (Năm 1777, Ngô Thì Nhậm làm Đốc đồng Kinh Bắc, kiêm Đốc đồng Thái Nguyên, Ngô Thì Sĩ năm 1777 nhậm chức Đốc trấn Lạng Sơn).

KHẢO DỊ:

(a) Bản A.117/31: Hạ tôn thiều phó Hùng trấn 賀尊韶赴雄鎮.

(b) Bản A.117/31: Binh tượng 兵象

(c) Bản VHv.16/3: Thù tư 殊私

CHÚ THÍCH:

1. Múa áo mầu (vũ ban): Lão Lai đời Xuân Thu, đã 80 tuổi mà cha mẹ vẫn còn, ông bèn mặc áo mầu, đeo trống bỏi, múa cho cha mẹ vui. Từ *vũ ban* sau trở thành thuật ngữ dùng cho việc chúc thọ.

Non Nam (Nam sơn): Xem chú thích số 9, bài 1.

2. Trú cẩm (gấm ban ngày): Hạng Võ từng nói: "Giầu sang chẳng về quê hương như mặc áo gấm đi đêm." Về sau, Hàn Kỳ, danh thần đời Tống, khi làm Tể tướng đã lập một biệt thự ở quê cũ và đặt tên là *Trú cẩm đường* (nhà gấm ban ngày).

DỊCH THƠ:

Cờ quạt bên đường năm sắc mây,
Trăm điều vinh hiển có hôm nay.
Một nhà binh mã liền ba trấn;
Đôi ngả sơn hà nắm một tay.
Được chúa mới mừng ơn lạ ấy;

Làm con khôn xiết hội vui này.
Áo ban chuốc chén non Nam hiến,
Mừng chốn "ban ngày áo gấm" đây.

Hoàng Tạo

3. 奉擬鎮守餞督同

一家一路會都司
萬賴鴻沾福力奇
兩鎮郡城爲父子
四方號令是男兒
宦程雲郁成風雅
山館塵清屬指揮
尚有錦堂重慶日
衮斑交映樂耆眉

PHIÊN ÂM:

PHỤNG NGHĨ TRẤN THỦ TIỄN ĐỐC ĐỒNG[a]

Nhất gia nhất lộ hội đô ty,[b]
Vạn lại hồng chiêm phúc lực kỳ.
Lưỡng trấn quận thành[c] *vi phụ tử;*
Tứ phương hiệu lệnh thị nam nhi.
Hoạn trình vân úc thành phong nhã;
Sơn quán trần thanh thuộc chỉ huy.
Thượng hữu cẩm đường trùng khánh nhật,
Cổn ban giao ánh lạc kỳ my.

DỊCH NGHĨA:

VÂNG LỜI VIẾT GIÚP QUAN TRẤN THỦ TIỄN QUAN ĐỐC ĐỒNG[1]

Cùng một nhà, đi cùng một đường, họp nhau ở đô ty,[2]
Muôn đội ơn dầy, phúc lực diệu kỳ.
Quận thành hai trấn, cha con cùng coi giữ;[3]
Hiệu lệnh [ban ra] bốn phương, ấy chí nam nhi.

Đường làm quan mây rợp, trở nên bậc phong nhã;
Quán núi sạch bụi, do tài người chỉ huy.
Nơi nhà gấm, sẽ có ngày lại mở tiệc mừng thọ,[4]
Áo cổn xen áo màu lấp lánh, niềm vui hiện khoé mắt cha già.[5]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Thừa nghĩ 承擬

b. Bản A.117/31 và VHv.16/3: Đô ti hội 都司會

c. Bản VHv.16/3: Đô thành 都城

CHÚ THÍCH:

1. Quan Trấn thủ, tức Ngô Thì Sĩ, Trấn thủ Lạng Sơn. Quan Đốc đồng, tức Ngô Thì Nhậm, Đốc đồng Kinh Bắc và Thái Nguyên (năm 1778). Ngô Thì Nhậm vâng mệnh và thay cha làm bài thơ này để tiễn mình.

2. Đi cùng một đường từ Kinh đô qua Kinh Bắc đến Lạng Sơn. Câu này ý nói: Hai cha con ta cùng đi một đường, cùng giữ chức vụ quan trọng ở tỉnh.

3. Tức cha làm Đốc trấn Lạng Sơn, con là Đốc đồng Kinh Bắc.

4. Nhà gấm (cẩm đường), cũng tức là "trú cẩm đường"(Xem chú thích số 2 bài 2).

5. Áo cổn là áo vẽ rồng, phượng, các quan to thường mặc.

Áo màu: Xem chú thích số 1 bài 2.

DỊCH THƠ:

Một nhà một lối họp đô ty,
Trông cậy ơn trên phúc lạ kỳ.
Hai trấn đô thành là phụ tử;
Bốn phương hiệu lệnh ấy nam nhi.
Mây tuôn hoạn lộ thành phong nhã;
Bụi sạch sơn đài thuộc chỉ huy.
Nhà gấm còn nhiều phen tái hội,
Sân Lai áo cổn xiết mừng vui.

Đào Phương Bình

4. 前中秋浪吟和友阮好德原韻 四首

其一

人間一歲一中秋
幾度攜壺泮渙遊

不作機登清院裏
靜觀宮鏡錦山頭
文章得竊清平祿
風雅相逢俊爽州
吟詠尋常希點樂
不將五斗妒風流

PHIÊN ÂM:

TIỀN TRUNG THU LÃNG NGÂM HOẠ HỮU NGUYỄN HIẾU ĐỨC NGUYÊN VẬN[a] (TỨ THỦ)

KỲ NHẤT

Nhân gian nhất tuế nhất trung thu,
Kỷ độ huề hồ phán hoán du.[b]
Bất tác cơ đăng thanh viện lý;
Tình quan cung kính cẩm sơn đầu.
Văn chương đắc thiết thanh bình lộc;
Phong nhã tương phùng tuấn sảng châu.
Ngâm vịnh tầm thường hi Điểm lạc,
Bất tương ngũ đẩu đố phong lưu.

DỊCH NGHĨA:

HOẠ NGUYÊN VẬN BÀI NGÂM THƠ TRONG TIẾT TRUNG THU NĂM TRƯỚC CỦA BẠN NGUYỄN HIẾU ĐỨC [1] (BỐN BÀI)

BÀI 1

Ở nhân gian cứ mỗi năm lại một lần trung thu,
Mấy độ xách bầu rượu chơi lang thang đây đó.
Không làm chiếc đèn cù quay trong viện thanh u;
Lặng xem gương nga soi trên đầu non gấm.
Nhờ văn chương trộm hưởng lộc buổi thanh bình;
Bậc phong nhã gặp nhau ở châu sáng trong bậc nhất.
Ngâm vịnh tầm thường mong có thú vui thày Tăng Điểm,[2]
Chẳng để cho "năm đấu" đố kỵ với tính phong lưu.[3]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Tiền trung thu lãng ngâm hoạ Động công nguyên vận 前中秋浪吟和洞公原韻

b. Bản A.117/31: Bạn hoán du 伴奐遊

CHÚ THÍCH:

1. Nguyễn Hiếu Đức, tức Phạm Nguyễn Du (1739 - 1786) nguyên tên là Phạm Vĩ Khiêm, tự Hiếu Đức, hiệu Thạch Động, người làng Đăng Điền, huyện Chân Phúc (nay thuộc Nghệ An). Ông đậu Hoàng giáp niên hiệu Cảnh Hưng thứ 40 (1779), làm quan đến Đông các Đại học sĩ, sau không ra cộng tác với nhà Tây Sơn.

2. Tăng Điểm: Học trò Khổng Tử, ông ta nói chí hướng của mình: Tắm sông Nghi, hóng gió mát ở đàn Vũ Vu, ngâm vịnh rồi ra về...

3. Năm đấu: Đào Tiềm người đời Tấn, làm Huyện lệnh ở Bành Trạch, không chịu khuất phục tên Đốc bưu do quan trên phái xuống, liền bỏ quan về, nói với mọi người rằng: "Đâu phải vì năm đấu gạo mà phải khom lưng." Đời sau lấy "ngũ đấu" (năm đấu gạo) làm thuật ngữ để chỉ bổng lộc.

DỊCH THƠ:

Mỗi năm đời có một trung thu,
Đôi lúc lang thang tay xách hồ.
Mặc chốn thanh u đèn máy chạy;
Kìa đầu non gấm mảnh trăng thu.
Văn chương đời trị mừng ăn lộc;
Phong nhã anh tài bạn gặp nhau.
Tăng Điểm ngâm nga mà thú thật,
Không vì năm đấu mất phong lưu.

Hoàng Tạo

5. 其二

三邊無事別防秋
協闔偷閑作浪遊
臬院無塵來客案
長春有鏡照檐頭
趣於琴鶴相賓主
情在芝蘭匪海州
會意可能圖盡意
球山常峙月江流

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Tam biên vô sự biệt phòng thu,[a]
Hiệp khổn thâu nhàn tác lãng du.
Niết viện vô trần lai khách án,[b]
Trường Xuân hữu kính chiếu thiềm đầu.
Thú ư cầm hạc tương tân chủ;
Tình tại chi lan phỉ hải châu.
Hội ý khả năng đồ tận ý,
Cầu sơn thường trĩ Nguyệt giang lưu.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Ba mặt biên cương vô sự, không phải lo phòng vệ,
Giúp nơi khổn ngoại, trộm lúc thư nhàn dong chơi đó đây.
Trong viện Hiến sát, không bụi bay vào bàn khách;[1]
Bên cung Trường Xuân, mảnh gương soi đầu thềm.[2]
Thú vui đàn, hạc, thay nhau làm chủ, lại làm khách;[3]
Tình bè bạn, đâu phân biệt người bãi bể kẻ trung châu.
Hiểu ý nhau, có thể vì nhau mà hết lòng lo liệu,
Như núi Cầu luôn sừng sững và nước sông Nguyệt trôi xuôi.[4]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/ 31: Triệt phòng thu 撤防秋

b. Bản VHv.1743/22: Lai khách yến 來客晏

CHÚ THÍCH:

1. Viện Hiến sát, là viện chuyên trông coi về hình sự kiện cáo ở cấp tỉnh, sau đổi là Án sát.

2. Cung Trường Xuân, tên cung điện đời Đường. Ở đây chỉ Triều đình.

3. Đàn, hạc (cây đàn, chim hạc): Triệu Biện đời Tống, làm quan rất ngay thẳng, trong sạch, luôn đem theo bên mình một cây đàn và con chim hạc. Vì thế người đời sau dùng chữ "cầm hạc" để chỉ người làm quan có phong thái ung dung.

4. Núi Cầu, có lẽ là núi thuộc vùng Thị Cầu và Đáp Cầu Bắc Ninh.

Sông Nguyệt, tức sông Nguyệt Đức, nay là sông Cầu, chảy qua Hiệp Hoà, Việt Yên, Quế Võ, tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh. Hai câu kết ý nói, bạn bè hiểu nhau, giúp đỡ nhau là việc thường tình.

6. 其 三

四時佳景莫如秋
宜雨宜晴宜夜遊
雙潤不行三夏令
重陽應在上弦頭
素娥霓羽如今夕
吾輩琴樽更此州
自信屋梁長有照
不妨把鏡問名流

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Tứ thời giai cảnh mạc như thu,
Nghi vũ nghi tình nghi dạ du.
Song nhuận bất hành tam hạ lệnh;
Trùng dương ưng tại thượng huyền đầu.
Tố Nga nghê vũ như kim tịch;
Ngô bối cầm tôn cánh thử châu.
Tự tín ốc lương trường hữu chiếu,
Bất phương bả kính vấn[w] danh lưu.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Cảnh đẹp bốn mùa, chẳng cảnh nào đẹp bằng cảnh thu,
Ưa mưa, ưa nắng, ưa cả cuộc chơi ban đêm.
Nếu không có tháng nhuận trong tiết ba tháng hạ;[(1)]
Thì tiết trùng dương ắt ở đầu tuần thượng huyền.[(2)]
Như đêm nay, Hằng Nga mặc áo lông, múa khúc nghê thường;
Bọn ta ở châu này, cùng gẩy đàn, nhắp chén.
Tin chắc rằng, trên nóc nhà mãi được sáng soi,[(3)]
Chẳng ngại ngần gì đem gương hỏi bậc danh sĩ.

KHẢO DỊ:

a. Bản VHv.16/3 và VHv.1743/22: Hướng danh lưu 向名流

CHÚ THÍCH:

1. Bài này viết vào năm 1778 có nhuận vào tháng Sáu âm lịch, đúng vào mùa hè (xem bài sau).

2. Tiết trùng dương, tức ngày mồng 9 tháng 9. Tuần thượng huyền, tức tuần tráng non đầu tháng. Hai câu này nói, nếu trong mùa hạ không có một tháng nhuận, thì hôm nay đã vào tiết trùng dương (9 - 9) rồi, đâu còn là ngày trung thu nữa.

3. Câu này và câu sau mượn ý thơ Đỗ Phủ: "Lạc nguyệt mãn ốc lương, do nghi chiếu nhan sắc" (Ánh trăng đầy xà nhà, còn ngờ soi nhan sắc) trong bài "*Mộng Lý Bạch*." tả mối tình thân thiết nhớ bạn thân.

7. 其 四

戊 戌 秋 猶 壬 戌 秋
錙 衣 孟 浪 效 坡 遊
從 容 魚 宴 陳 貍 首
約 略 蟾 光 照 兔 頭
已 幸 兩 年 三 閏 幕
更 忻 一 會 兩 荊 州
怡 懷 觴 詠 時 行 樂
敢 詫 才 情 弟 一 流

PHIÊN ÂM:

KỲ TỨ

Mậu Tuất thu do Nhâm Tuất thu,
Tri y mạnh lãng hiệu Pha du.
Thung dung ngư yến trần Ly thủ;
Ước lược thiềm quang chiếu thố đầu.
Dĩ hạnh lưỡng niên tam khổn mạc;
Cánh hân nhất hội lưỡng Kinh Châu.
Di hoài tràng vịnh thời hành lạc,
Cảm sá tài tình đệ nhất lưu.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 4

Thu năm Mậu Tuất cũng như thu năm Nhâm Tuất,[1]
Phóng lãng khoác áo thâm, bắt chước cuộc chơi của Đông Pha.[2]
Tiệc cá ung dung, trình bày thơ Ly thủ,[3]
Ánh trăng thấp thoáng, soi món Thỏ đầu.[4]
May thay, hai năm ba lần giúp nơi khổn mạc;
Càng vui, một dịp mà hai lần gặp được Kinh Châu.[5]
Lòng thảnh thơi, luôn vui thú, uống rượu, làm thơ,
Đâu dám tự khoe khoang là người tài tình bậc nhất.

KHẢO DỊ:

a. Bản VHv.16/3 và VHv.1743/22: Ánh thố đầu 映兔頭

CHÚ THÍCH:

1. Năm Nhâm Tuất: Ngày rằm, tháng bảy, năm Nhâm Tuất, Tô Đông Pha thả thuyền chơi trên sông Xích Bích, ông có làm hai bài *"Tiền, Hậu Xích Bích phú"*. Ở đây ý nói, cuộc chơi năm Mậu Tuất này (1778) của tác giả cũng giống như cuộc chơi năm Nhâm Tuất trên sông Xích Bích xưa của Tô Đông Pha.

2. Áo thâm, trang phục của khanh sĩ thường mặc sau khi thoái triều.

Đông Pha, tức Tô Đông Pha, tên là Tô Thức, đại văn hào đời Tống. Bài *"Tiền, Hậu Xích Bích phú"* là hai kiệt tác của ông.

3. Ly thủ (đầu cáo), thơ *Ly thủ* là thơ được hát khi tập bắn, toàn bài gồm bẩy tiết, cứ hát xong một tiết thì bắn đi một mũi tên.

Thiên *Xạ nghĩa, Kinh Lễ* giải thích: Dẫu Ly thủ (đầu cáo) là vật rất tầm thường, song người quân tử khi hội họp không vì thế mà bỏ lễ.

4. Thỏ đầu (đầu thỏ): Thơ *Hồ diệp (Tiểu nhã, Kinh Thi)* có câu: "Hữu thố tư thủ, bào chi bàn chi" (Có đầu thỏ này, thui nó nướng nó). Bài thơ nói tới "lá bầu" và "đầu thỏ" trong bữa ăn, ý nói bữa ăn đạm bạc bình thường, nhưng gặp bạn vẫn giữ lễ và cùng vui.

5. Kinh Châu, Hàn Triều Tông đời Đường, làm Thứ sử ở Kinh Châu, có chính sách chiêu hiền đãi sĩ, nên sĩ tử nô nức đến ra mắt họ Hàn. Đương thời có câu: Sống ở đời chẳng muốn phong chức hầu vạn hộ, chỉ muốn được gặp Hàn Kinh Châu.

DỊCH THƠ:

Thu Mậu Tuất cũng như thu Nhâm Tuất,
Tấm áo đen phóng bước học Tô Công.
Chiếc đầu ly tiệc cá vẫn thong dong;

Món đầu thỏ ánh trăng soi thấp thoáng.
Những may mắn hai năm ba khổn trướng;
Lại một phen vài bận gặp ông Hàn.
Tiệc vui chén nhặt chén khoan,
Dám đâu khoe với thế gian mình tài!

Hoàng Tạo

8. 送友阮好德（石洞）陪駕幸萬年宮依韻二首

時有小恙，不能造朝，聞天蹕萬年宮，石洞公陪駕，送二首：

其一

臣職當然節以趨
盡忠愛處闕如湖
況逢秋日金波好
得近天香寶篆浮
韓酒范舟何謂趣
虞弦周瑟最宜圖
更難得是公無冗
品勝評佳在帝都

PHIÊN ÂM:

TỐNG HỮU NGUYỄN HIẾU ĐỨC (THẠCH ĐỘNG) BỒI GIÁ HẠNH VẠN NIÊN CUNG Y VẬN[a] (NHỊ THỦ)

Thời hữu tiểu dạng, bất năng tháo triều, văn thiên tất Vạn Niên cung, Thạch Động công bồi giá, tống nhị thủ.

KỲ NHẤT

Thần chức đương nhiên tiết dĩ xu,
Tận trung ái xứ khuyết như hồ.
Huống phùng thu nhật kim ba hảo;
Đắc cận thiên hương bảo triện phù.

Hàn tửu Phạm chu hà vị thú;
Ngu huyền Chu sắt tối nghi đồ.
Cánh nan đắc thị công vô nhũng,
Phẩm thắng bình giai tại đế đô.[b]

DỊCH NGHĨA:

TIỄN BẠN NGUYỄN HIẾU ĐỨC (THẠCH ĐỘNG) THEO XA GIÁ NHÀ VUA ĐẾN CUNG VẠN NIÊN, Y THEO VẬN[1] (HAI BÀI)

Khi ấy, [tôi] hơi mệt, không vào chầu được, nghe tin xe vua đến cung Vạn Niên, ông Thạch Động đi theo xa giá, bèn làm hai bài thơ tiễn.

BÀI I

Chức phận bầy tôi, đương nhiên phải đi theo xa giá,
Lòng tận trung tận ái, coi cửa khuyết, cũng như ở chốn giang hồ.
Huống chi gặp ngày thu, ánh trăng như sóng vàng êm ả;
Được gần đỉnh hương trời, khói hình chữ triện báu bay lên.[2]
Rượu Hàn thuyền Phạm, sao thể chạy theo?[3]
Đàn Thuấn nhạc Chu, rất nên lo liệu.[4]
Càng khó đạt được là sao cho việc công không nhũng nhiễu,
Để thưởng thức thắng cảnh và bình phẩm văn hay tại đế đô.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Thư tống khế hữu Thạch Động công 書送契友石洞公
b. Bản A.117/31: Đế châu 帝州

CHÚ THÍCH:

1. Nguyễn Hiếu Đức, tên chữ là Phạm Nguyễn Du (Xem chú thích số 1 bài 4). Cung Vạn Niên: ?

2. Triện báu: Khi đốt hương, khói từ lò hương xông lên như hàng chữ triện.

3, 4. Rượu Hàn thuyền Phạm: Đời Tống, Hàn Thế Trung không theo chính sách hoà với nước Liêu của Tần Cối, bèn bỏ quan trở về. Hàn thường cưỡi lừa dạo chơi bên Tây Hồ, mang theo rượu và mấy đứa trẻ theo hầu, lấy thế làm vui.

Phạm Lãi giúp Việt Vương Câu Tiễn lấy lại nước xong, cưỡi thuyền đi chơi Ngũ Hồ, không ra làm quan phò tá cho Câu Tiễn nữa. Đây, nói hai ông đã bỏ cung khuyết về nơi giang hồ, không màng đến công danh, nhưng tấm lòng

trung ái thì ở đâu cũng thế. Trong hai câu tác giả nhắc nhở bổn phận kẻ sĩ không làm theo Hàn, Phạm, nên lo liệu cho công việc giúp dân. Nổi đàn Thuấn nhạc Chu là nói các công việc trong triều đình.

DỊCH THƠ:

Cho tròn tiết tháo phận tôi chung,
Trung ái đôi đường đáp chửa xong
Gặp buổi sóng vàng sương nắng đẹp;
Gần nơi triện ngọc khói hương lồng.
Rượu Hàn, thuyền Phạm tìm đâu dễ?
Nhạc Thuấn đàn Chu, ý vẫn mong.
Khó được việc công không bận rộn,
Đế đô cảnh đẹp vịnh sao cùng!

Hoàng Tạo

9. 其 二

吾 王 今 幸 太 湖 宮
宮 在 湖 光 秋 景 中
聖 世 無 波 長 泮 渙
治 朝 之 日 甚 從 容
庚 歌 喜 起 玉 階 會
品 藻 清 平 石 洞 公
有 友 得 君 臣 共 慶
願 偕 儀 鳳 獻 三 嵩

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Ngô Vương kim hạnh Thái Hồ cung,
Cung tại hồ quang thu cảnh trung.
Thánh thế vô ba trường phán hoán;[a]
Trị triều chi nhật thậm thung dung.
Canh ca hỉ khởi ngọc giai hội;
Phẩm tảo thanh bình Thạch Động công.
Hữu hữu đắc quân thần cộng khánh.[b]
Nguyện giai nghi phượng hiến tam tung.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Vua ta hôm nay tới thăm cung Thái Hồ,[1]
Cung ở trong quang cảnh hồ mùa thu.
Đời thánh minh không nổi sóng, luôn luôn phẳng lặng;
Buổi triều đình thịnh trị, rất mực thung dung.
Khơi dậy niềm vui nối vần thơ ở hội thềm ngọc;
Ông Thạch Động ca tụng cảnh thanh bình.
Có bạn gặp được cảnh vua tôi cùng hưởng phúc,
Nguyện làm chim phượng đẹp dâng ba tiếng tung hô!

KHẢO DỊ:

a. Bản VHv.16/3 và các bản khác đều chép 'phán hoán'泮奐, đúng ra phải chép 泮涣.

b. Bản VHv.16/3 chép "hữu khánh" 有慶

CHÚ THÍCH:

1. Cung Thái Hồ: Chưa rõ ở đâu.

DỊCH THƠ:

Gặp buổi vua thăm cung Thái Hồ,
Cung lồng bóng nước giữa mùa thu.
Cảnh không sóng gió đời minh thánh;
Ngày vẫn thong dong buổi thắng du.
Mừng chốn thềm hoa trao khúc hát,
Vui ông Thạch Động hoạ vần thơ.
Vua tin tưởng bạn, mình thêm phúc,
Phượng đẹp ba lần "vạn tuế" hô!

Hoàng Tạo

10. 餞舊憲北

年來握手僭相親
耿服襟期迥出倫
忠壯如公誠白日
餞揚之處是青雲

二球山峙名偕重
三德江澄志已申
此上玉京多好會
堯聰廣運燭如神

PHIÊN ÂM:

TIỄN CỰU HIẾN BẮC[a]

Niên lai ác thủ tiếm tương thân,
Cảnh phục khâm kỳ quýnh xuất luân.
Trung tráng như công thành bạch nhật;
Tiền dương chi xứ thị thanh vân.
Nhị Cầu sơn trĩ danh giai trọng ;
Tam Đức giang trừng chí dĩ thân.
Thử thướng Ngọc Kinh đa hảo hội,
Nghiêu thông quảng vận chúc như thần.

DỊCH NGHĨA:

TIỄN CỰU HIẾN SÁT SỨ KINH BẮC

Mấy năm nay, lạm nắm tay nhau tình thân kết bạn,
Khâm phục ông sáng suốt, hoài bão hơn hẳn người thường.
Lòng trung hăng hái như ông, thực như ban ngày sáng tỏ;
Nơi ông đặt chân tới là chốn mây xanh.
Tiếng tăm nổi, sánh ngang núi Nhị Cầu sừng sững;[1]
Chí đã thoả, như nước sông Tam Đức lắng trong.[2]
Nay tới Ngọc Kinh gặp nhiều dịp tốt,
Vì có vua hiền trí sáng suốt soi xét như thần.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Thư tiễn cựu Hiến bắc 書餞舊憲北

CHÚ THÍCH:

1. Núi Nhị Cầu: Xem chú thích số 4, bài 5.

2. Sông Tam Đức: Tức là 3 con sông Thiên Đức (sông Đuống), Nguyệt Đức (sông Cầu), Nhật Đức (sông Thương), thuộc địa phận tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

DỊCH THƠ:

Cầm tay năm trọn lạm thân rồi,
Chí khí anh minh khác mọi người.
Thờ Chúa lòng ông như ánh sáng;
Tiến thân bước ấy sẵn thang trời.
Tiếng tăm sánh Nhị Cầu sừng sững;
Chí thoả như Tam Đức lặng trôi.
Nay được lên kinh nhiều dịp tốt,
Vua Nghiêu đức sáng đuốc thần soi.

Hoàng Tạo.

11. 送高平督同

園林趣占利名場
適興油然自點妝
仙閣試球纏日彙
錦城鋪玉映華塘
禪機醒喝宜鐘朗
樂曲傳歌對月腔
蓮染碧絲坡綠柳
園林趣占利名場

PHIÊN ÂM:

TỐNG CAO BẰNG ĐỐC ĐỒNG

Viên lâm thú chiếm lợi danh trường,
Thích hứng du nhiên tự điểm trang.
Tiên các thí cầu triền nhật vựng ;
Cẩm thành phô ngọc ánh hoa đường.
Thiền cơ tỉnh hát nghi chung lãng;
Nhạc khúc truyền ca đối nguyệt soang.
Liên nhiễm bích ty pha lục liễu,
Viên lâm thú chiếm lợi danh trường.

DỊCH NGHĨA:

TIỄN QUAN ĐỐC ĐỒNG CAO BẰNG

Thú vui vườn rừng hơn hẳn nơi danh lợi,
Theo hứng dạt dào, tự nó điểm trang.
Gác tiên thi tung cầu, vây quanh vầng nhật;[1]
Thành gấm phô vẻ ngọc, dọi ánh ao trong.
Tiếng chuông vang là tiếng hát thức tỉnh cơ thiền;
Trước vành trăng, truyền khúc ca điệu nhạc.
Sen nhuốm tơ biếc, liễu rủ xanh trên dốc,
Thú vui vườn rừng hơn hẳn nơi danh lợi.

Bài này tác giả làm theo lối "Hồi văn cách," đọc xuôi là thơ chữ Hán, đọc ngược lại là thơ chữ Nôm, và dùng điệu thủ vĩ ngâm:

Trường danh lợi chiếm thú lâm viên,[2]
Liễu lục pha tơ biếc nhuốm sen.[3]
Soang nguyệt đối ca truyền khúc nhạc;[4]
Lắng chuông nghe hát tỉnh cơ thiền.[5]
Đường hoa ánh ngọc, phô thành gấm;
Vầng nhật giờn cầu, thử gác tiên.
Trang điểm tự nhiên dầu hứng thích,
Trường danh lợi chiếm thú lâm viên.

CHÚ THÍCH:

1. Tức thi ném còn.
2. Lâm viên: Vườn, rừng.
3. Liễu lục: Liễu xanh; liên: Cây sen.
4. Soang nguyệt: Vừng trăng.
5. "Nghe hát," có thể dịch "nghe hét."

12. 送友北使二首

其一

皇華盛選賦周詢
乃眷星軺屬舊人
玉帛虔將蒲阪北

煙波飽閱洞庭春
應酬正妙經權酌
接際專宜禮度馴
靡古此懷留簡注
歸軿載錫寵光新

PHIÊN ÂM:

TỐNG HỮU BẮC SỨ[a] *(NHỊ THỦ)*

KỲ NHẤT

Hoàng hoa thịnh tuyển phú "Chu tuân,"
Nãi quyến tinh thiều thuộc cựu nhân.
Ngọc bạch kiền tương[b] *Bồ Bản bắc;*
Yên ba bão duyệt Động Đình xuân.
Ứng thù chính diệu kinh quyền chước;
Tiếp tế chuyên nghi lễ độ tuần.
Mĩ cổ thử hoài lưu giản chú,
Quy biền tái tích sủng quang tân.

DỊCH NGHĨA:

TIỄN BẠN ĐI SỨ PHƯƠNG BẮC (HAI BÀI)

BÀI 1

Tuyển lựa tốt người đi sứ, ngâm câu "Chu tuân,"[1]
Lại thấy xe tinh thiều thuộc về người bạn cũ.[2]
Kính đem lụa ngọc tới phía bắc Bồ Bản;[3]
Thoả thích xem khói sóng mùa xuân ở Động Đình.[4]
Ứng đáp thù tạc, phải khéo cân nhắc kinh quyền;[5]
Giao dịch tiếp xúc, chỉ nên tuân theo lễ độ.
Tấm lòng siêng năng ấy, sẽ được lưu tâm cất nhắc,
Xe sứ trở về, ân sủng mới sẽ ban.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117c/1 (A.117/31): Tống *khế* hữu Bắc sứ 送契友北使 (Tiễn người bạn *thân* đi sứ phương Bắc).

b. Bản A.117/31: Dao tương 遙將

CHÚ THÍCH:

1. Thơ *Hoàng hoa, Kinh Thi* nói về việc đi sứ, trong đó có câu: "Chu viên tư tuân"(Thăm hỏi khắp mọi người trong nước đó).

2. Tinh thiều, tên sao, chỉ xe của sứ giả.

"Thuộc về người cũ" là nói người bạn đã đi sứ một lần rồi.

3. Bồ Bản, địa danh cổ, kinh đô Đế Thuấn, nay ở huyện Thủy Tế, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc. Nói "phía bắc Bồ Bản"là để chỉ Yên Kinh, kinh đô nhà Thanh đang đóng.

4. Động Đình, tên hồ ở Hà Nam Trung Quốc, hồ có nhiều cảnh đẹp, khi đi sứ thường phải đi qua.

5. Kinh, tức là nói đến nguyên tắc, quyền là nói đến sự quyền biến, linh hoạt trong giải quyết một vấn đề nào đó.

DỊCH THƠ:

Hoàng Hoa sứ mệnh mới trao tay,
Ngó cỗ xe là bạn trước đây.
Bồ Bản bắc dâng sân ngọc lụa;
Động Đình xuân ngắm cảnh hồ mây.
Kinh quyền vận dụng đua tài khéo;
Lễ độ điều hoà tỏ chước hay.
Cất nhắc hẳn nhờ trên nghĩ tới,
Xe quay sau đó móc mưa đầy.

Đào Phương Bình

13. 其二

緬懷鄰好展嘉儀
特簡詞臣擁節麾
萬里關河輕旅況
兩期霜雪拂征衣
咨詢式藉觀方俗
專對全憑重國威
準擬公完膺厚眷
桑弧不負此襟期

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Miến hoài lân hiếu triển gia nghi,
Đặc giản từ thần ủng tiết huy.
Vạn lý quan hà khinh lữ hướng;
Lưỡng kỳ sương tuyết phất chinh y.
Tư tuân thức tạ quan phương tục,[a]
Chuyên đối toàn bằng trọng quốc uy.
Chuẩn nghĩ công hoàn ưng hậu quyến,[b]
Tang hồ bất phụ thử khâm kỳ.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Nghĩ tới tình giao hiếu lân bang, mở nghi thức đẹp,
Riêng chọn người bề tôi giỏi từ chương, mang cờ tiết.[1]
Quan hà muôn dặm, coi nhẹ cảnh lữ thứ;
Sương tuyết hai kỳ,[2] phất trên áo kẻ đi xa .
Nhờ hỏi han mà xem biết phong tục từng phương;
Dựa vào tài đối đáp mà tăng thêm uy nước.
Xong việc công, nhất định được hậu thưởng,
Thật chẳng phụ ước nguyện chí hồ thỉ tang bồng.

KHẢO DỊ:

a. Bản VHv.16/3 chép: Tư tuân thức tạ quan phương *vật* 咨詢式藉觀方物 (Nhờ hỏi han mà được xem *cảnh vật* từng phương).

b. Bản A.117/31: Hậu đáp 厚答

CHÚ THÍCH:

1. Cờ tiết: Cờ của sứ giả.
2. Chỉ người bạn 2 lần đi sứ.

14. 坐浴翠山淺石巒即景

策杖山崖看暮潮
江風颯颯吹寒簫
桃三月浪開紅臉

錦半屏巒見細腰
地湧須瀰迎薩那
天將箕潁覲唐堯
宮臣無狀承沾厚
飽聽宮鶯奏九招

PHIÊN ÂM:

TOẠ DỤC THÚY SƠN THIỂN THẠCH LOAN TỨC CẢNH[a]

Sách trượng sơn nhai khán mộ triều,
Giang phong táp táp xúy hàn tiêu.[b]
Đào tam nguyệt lãng khai hồng kiểm;
Cẩm bán bình loan hiện tế yêu.
Địa dũng Tu Di [c]*nghinh Tát Ná;*
Thiên tương Cơ Dĩnh cận Đường Nghiêu.
Cung thần vô trạng thừa triêm hậu,
Bão thính cung oanh tấu Cửu Chiêu.

DỊCH NGHĨA:

NGỒI MOM ĐÁ NÚI DỤC THUÝ, TỨC CẢNH[1]

Chống gậy lên sườn non, ngắm thủy triều muộn,
Gió sông vi vu, tiếng tiêu thổi lạnh lùng.
Sóng tựa hoa đào tháng ba, nở ửng má hồng;
Mom núi giống nửa bức bình gấm, hiện dáng lưng ong.
Đất trồi lên núi Tu Di đón Tát Ná;[2]
Trời đem núi Cơ sông Dĩnh triều cận Đường Nghiêu.[3]
Làm tôi nơi cung cấm, có công trạng gì mà mang ơn trọng hậu!
Chỉ được nghe thỏa tiếng oanh trong cung, khi tấu nhạc Cửu Chiêu.[4]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117c/1: Tức hứng 即興.

b. Bản A.117c/1: Hàn phong 寒風

c. Bản A.117c/1: Địa dũng *Di Đà* 地湧瀰沱 Bản VHv.1743/22: Địa dũng Tu Đà 地湧須沱

CHÚ THÍCH:

1. Núi Dục Thúy, thuộc thị xã Ninh Bình ngày nay.

2. Tu Di, tên núi, còn gọi là Tuyết Sơn, nơi phật Thích Ca tu đạo.

Tát Ná, theo kinh Phật, thành Tát Ná ở Tây Vực, là nơi Phật Như Lai thuyết pháp.

3. Núi Cơ sông Dĩnh: Theo *Cao Sĩ truyện*, vua Nghiêu định nhường ngôi cho Hứa Do, nhưng ông từ chối, bèn trốn đến chân núi Cơ phía nam sông Dĩnh. Người đời sau gọi Cơ Dĩnh là nơi ở ẩn của cao sĩ. Ở đây chỉ núi Dục Thuý giống như Cơ, Dĩnh, đã từng có Trương Hán Siêu đời Trần, sau khi làm quan về đây ở ẩn.

4. *Cửu Chiêu*, còn gọi là *Cửu Thiều*, tên khúc nhạc của vua Thuấn.

DỊCH THƠ:

Trèo non đứng ngắm thuỷ triều chiều,
Gió thổi trên sông lạnh tiếng tiêu.
Sóng gợn tháng ba hây má đỏ;
Gấm phô nửa núi lộ lưng eo.
Tu Di đất vượt đón Bồ Tát;
Cơ Dĩnh trời khiêng chầu Đế Nghiêu.
Hầu nội đáng chi, ơn lại hậu,
Nghe no oanh hót nhạc quân thiều.

Hoàng Tạo

15. 賀友寧拙山登第

兩進登朝眞韻事
堂堂倡始拙家翁
我誠不肖公何肖
地有相同福亦同
自是奇緣奇事業
除非大志大英雄
吾王粉飭平規會
無限黃扉得意中

PHIÊN ÂM:

HẠ HỮU NINH CHUYẾT SƠN ĐĂNG ĐỆ[a]

Lưỡng tiến đăng triều chân vận sự,
Đường đường xướng thủy Chuyết gia ông.
Ngã thành bất tiếu công hà tiếu?
Địa hữu tương đồng phúc diệc đồng.
Tự thị kỳ duyên kỳ sự nghiệp;
Trừ phi đại chí đại anh hùng.
Ngô vương phấn sức bình qui hội,
Vô hạn hoàng phi đắc ý trung.[b]

DỊCH NGHĨA:

MỪNG BẠN NINH CHUYẾT SƠN THI ĐỖ[1]

Hai đời được tiến triều, thật là một việc phong nhã,[2]
Ông nhà họ Chuyết, đường đường xướng suất trước.[3]
Ta thật chẳng giống, ông sao mà giống vậy[4]?
Đất có chỗ như nhau, nên phúc cũng như nhau.
Đó là sự nghiệp kỳ diệu của nhân duyên kỳ diệu,
Chỉ dành cho bậc đại anh hùng có đại chí khí.
Vua ta tu sức cho cái hội Bình Qui,[5]
Trong đắc chí, chốn cửa vàng là vô hạn.[6]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Hạ khế hữu Chuyết *ông* đăng đệ 賀契友拙翁登第

b. Bản A.117/31: Đắc chí trung 得志中

CHÚ THÍCH:

1. Ninh Chuyết Sơn, tên hiệu của Ninh Tốn (1743- ?), người làng Côi Trì, huyện Yên Mô (Ninh Bình), đậu Tiến sĩ năm Cảnh Hưng thứ 39 (1778), lúc này ông đã tiến triều, chỉ đỗ Hương cống nhưng được làm quan trong triều, giữ chức Hàn lâm viện Hiệu thảo Toản tu Quốc sử quán (Bia Tiến sĩ 1778). Dưới triều Tây Sơn, làm quan đến Binh bộ Thượng thư.

2. "Lưỡng tiến đăng triều," đây chỉ vui được "tiến triều." Tuy chỉ đỗ hương khoa và được tiến cử làm quan ở triều. Họ Ninh Tốn có ông tổ năm đời là Ninh Đạt đỗ Tiến sĩ năm 1659, và ông chú là Ninh Địch đỗ Hoàng giáp năm 1718. Ninh Tốn được tiến triều trước khi đỗ đại khoa. Có thể Ninh Địch cũng trong

trường hợp này. Lệ tiến triều có từ đời Vĩnh Thọ (Theo *Lịch triều hiến chương loại chí*).

3. Câu này ý nói, vinh dự có hai người trong họ được "tiến triều" bắt đầu có từ gia đình Chuyết Sơn.

4. Chẳng giống (bất tiếu): Tài năng, phẩm chất của con tương đương với cha là "vô bất tiếu," ngược lại là "bất tiếu." Theo gia phả, Ngô Thì Sĩ đỗ Hương cống năm 1763, được dự hàng "tiến triều"(tuy rằng trước đó ông từng giữ chức Tùy giảnh trong triều). Ngô Thì Nhậm không được "tiến triều" nên tự cho là "bất tiếu" (không giống cha), kém Ninh Tốn đã được "tiến triều," giống như bậc cha chú.

5. Bình Qui, có lẽ chỉ phép tắc công bằng tuyển lựa nhân tài thông qua việc thi cử.

6. Cửa vàng: Thơ *Dương Hựu* đời Tống: "Hoàng triều tứ thập tam long thủ. Thân đáo hoàng phi chỉ tứ nhân"(Hoàng triều có bốn mươi ba người đỗ đầu. Đích thân đến được cửa vàng chỉ có bốn người). Cửa vàng, chỉ chức Tể tướng.

16. 勝日賦得桐瀨十二宜

其一

桐瀨景景宜琴
萬籟天成趣致深
秋蛤能爲魚聽樣
春蛩似作鳳求音
舞嬌產得多情樹
歌巧生來不俗禽
勝日命童曾上訪
偷閑喚出少年心

PHIÊN ÂM:

THẮNG NHẬT PHÚ ĐẮC ĐỒNG LẠI THẬP NHỊ NGHI

KỲ NHẤT

Đồng Lại cảnh cảnh nghi cầm,
Vạn lại[a] *thiên thành thú trí thâm.*

Thu cáp năng vi ngư thính dạng;
Xuân cùng tự tác phượng cầu âm.
Vũ kiều sản đắc đa tình thụ;
Ca xảo sinh lai bất tục cầm.
Thắng nhật mệnh đồng Tằng Thượng phỏng,
Thâu nhàn hoán xuất thiếu niên tâm.

DỊCH NGHĨA:

NGÀY ĐẸP TRỜI VIẾT NÊN MƯỜI HAI CẢNH THÍCH HỢP Ở ĐỒNG LẠI[A]

BÀI 1

Cảnh Đồng Lại, cảnh hợp cung đàn,
Muôn tiếng sáo trời tạo nên hứng thú sâu đậm.
Ếch mùa thu làm ra vẻ loài cá lắng nghe;
Dế mùa xuân kêu tiếng như chim phượng tìm bạn.
Loài cây đa tình đẻ ra điệu múa yêu kiều;
Giống chim khác tục sinh ra giọng hót véo von.
Ngày đẹp trời, sai tiểu đồng tìm hỏi đến Tằng Thượng,[B]
Trộm lúc thư nhàn gợi lại tấm lòng hồi trẻ trai.

NGUYÊN CHÚ:

A. Đồng Lại, trụ sở Hiến sát ty ở Hải Dương.

B. Tằng Thượng, tên xã, cùng với Đồng Lại, là nơi có nhiều kỹ nữ.

KHẢO DỊ:

a. BảnVHv.16/3: Vạn mị 萬媚

DỊCH THƠ:

Đồng Lại cảnh hay hợp tiếng đàn,
Sáo trời vi vút vẳng không gian.
Ếch thu ngóng tiếng như loài cá;
Dế hạ kêu nhau tựa phượng hoàng.
Yểu điệu cây rung, cành múa rộn;
Véo von chim hót, tiếng ca vang.
Trời quang, ngày đẹp, thăm Tằng Thượng,
Gợi tấm lòng thơ buổi thưởng nhàn.

Lâm Giang

17. 其二

桐瀨景景宜棋
風定雲閒細玩辰
爭鬥但看孤壘在
贏輸更有幾人知
爛柯祇是迷樵叟
賭墅還應戲小兒
見景偶然窮變幻
消閑何用竹樓爲

PHIÊN ÂM:

KÌ NHỊ

Đồng Lại cảnh cảnh nghi kỳ,
Phong định vân nhàn tế ngoạn thì.
Tranh đấu đãn khan cô lũy tại;
Doanh thâu cánh hữu kỷ nhân tri.
Lạn kha chỉ thị mê tiều tẩu;
Đổ thự hoàn ưng hí tiểu nhi.[a]
Kiến cảnh ngẫu nhiên cùng biến ảo,
Tiêu nhàn hà dụng trúc lâu vi.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Cảnh Đồng Lại, cảnh hợp cuộc cờ,
Là khi lặng gió, mây nhàn, ngẫm ngợi xét tìm cặn kẽ.
Cuộc tranh giành, nay chỉ còn chiếc lũy trơ vơ;
Trận thua được, nào có mấy ai hay biết.[A]
Để mục cán búa, chỉ vì ông tiều phu mải mê;[1]
Đặt cược biệt thự, lại là trò đùa con trẻ [2]
Thấy cảnh, ngẫu nhiên thấu hết lẽ biến ảo,
Tiêu khiển thú an nhàn, cần đến lầu trúc đâu?[B]

NGUYÊN CHÚ:

A. Có bản chép: "Đối địch thành hào do cố tại; đàm binh phụ lão thượng kim di" (Thành, hào chống kẻ thù, vẫn còn dấu cũ; cụ già nói chuyện binh đao, nay còn sống).

B. Bài *Ký Lầu trúc*: "Đánh cờ, con cờ tiếng lách cách."[3]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Mục nhi 牧兒

CHÚ THÍCH:

1. Mục cán búa (lạn kha): Theo *Thuật dị ký* thì Vương Chất đời Tấn vào rừng kiếm củi, thấy hai đứa trẻ đánh cờ, bèn chống cán búa đứng xem, tan cuộc cờ, cán búa đã mục nát.

2. Đổ cược (đổ thụ): Sách *Thi lâm* chép: Tạ An và Tạ Huyền là hai chú cháu, đều là tướng tài đời Tấn. Một hôm, Bồ Kiên từ nước Tấn tới xâm chiếm đất Hợp Phì, cả kinh sư hoảng sợ. Vua Tấn phong cho Tạ An (là chú) làm Chinh thảo Đại đô đốc. An vẫn bình tĩnh cùng bạn bè ra biệt thự cùng Tạ Huyền (là cháu) đánh cờ, sáng sớm mới về, sắp đặt tướng tá đi đánh dẹp, cử Huyền trấn giữ phía cổng Bắc, giao ước với nhau, ai thắng sẽ được biệt thự. Sau Tạ Huyền phá tan quân Bồ Kiên, có thư báo về, Tạ An đang đánh cờ với khách, đọc xong thư, vẫn ung dung không lộ gì trên sắc mặt. Thân khách hỏi thư gì? Tạ An đáp: "Bọn trẻ con đã phá tan giặc rồi!"

3. Bài *Ký Lầu trúc*: Tức *Hoàng chân Trai lâu ký* của Vương Vũ Xương đời Tống.

DỊCH THƠ:

Cảnh hay Đồng Lại hợp bàn cờ,
Căn kẽ ngắm nhìn mây nhởn nhơ.
Thua được chuyện xưa ai quyến luyến;
Tranh giành ngày ấy luỹ trơ vơ.
Say cờ nát búa, ông tiên núi;
Thua được mất nhà, đứa trẻ thơ.
Trông cảnh ngẫu nhiên tường biến ảo,
Thú nhàn đâu chỉ chiếc lầu trơ.

Lâm Giang

18. 其三

桐瀨景景宜詩
四季風光興趣奇

涼到牛眠童蹴果
煖來魚樂叟垂絲
寒江洲渚潮生侯
野寺松篁月上辰
公幹無多清玩遍
推敲幾度欲成癡

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Đồng Lại cảnh cảnh nghi thi,
Tứ quí phong quang hứng thú kỳ.
Lương đáo ngưu miên đồng xúc quả;
Noãn lai ngư lạc tẩu thùy ty.
Hàn giang châu chử triều sinh hậu;
Dã tự tùng hoàng nguyệt thượng thì[a].
Công cán vô đa thanh ngoạn biến,
Thôi xao kỷ độ dục thành si.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Cảnh Đồng Lại cảnh hợp với thơ,
Quang cảnh bốn mùa gợi lên hứng thú kỳ diệu.
Gió mát thổi đến, mục đồng đá cầu, trâu nằm ngủ;[1]
Hơi ấm tràn về, ông già buông câu, cá tung tăng.
Đợi nước triều lên bên bãi sông vắng;
Là lúc trăng nhô khỏi khóm trúc chốn chùa quê.
Việc công không nhiều, thanh thản đi chơi khắp,
Mấy độ thôi xao[2]nên sắp thành kẻ dẫn đờ.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Nhật thượng thì 日上時

CHÚ THÍCH:

1. Đá cầu, dịch thoát từ "Xúc quả" (Dẫm đạp lên quả), đoán là trò chơi đá cầu dùng quả của trẻ?

2. Thôi xao: Giả Đảo nhà thơ đời Đường, khi lên kinh đô thi, tức cảnh làm

thơ. Có câu: "Tăng thôi nguyệt hạ môn" (Thày tăng đẩy cửa chùa dưới ánh trăng), cứ băn khoăn có nên đổi chữ "thôi" (đẩy) thành chữ "xao" (gõ) hay không, vừa suy nghĩ, vừa dùng tay làm động tác đẩy và gõ. Giữa lúc ấy, Hàn Dũ đi tới, hỏi nguyên do, rồi đề nghị sửa là "Tăng xao nguyệt hạ môn" (Thầy tăng gõ cửa dưới ánh trăng). Sau từ "thôi xao" được dùng để chỉ việc lựa từ, chọn nghĩa khi làm thơ.

DỊCH THƠ:

Cảnh Đồng Lại, cảnh ưa thi,
Bốn mùa quang cảnh hứng ly kỳ.
Đá cầu lũ trẻ, nồm đưa đến;
Câu cá ông già, gió thổi về.
Triều cuốn bãi sông nơi bến lạnh;
Trăng lên khóm trúc chốn chùa quê.
Việc công chẳng vướng nên chơi khắp,
Mấy độ thôi xao đắm đuối ghê.

Lâm Giang

19. 其四

桐瀨景景宜酒
煮灶釀瓶隨處有
勝品奇濃飲得甘
秘方巧製傳來久
可憐過口輒成狂
更喜賞心偏得友
無事無憂日倘徉
細君爲我辰供斗

PHIÊN ÂM:

KỲ TỨ

Đồng Lại cảnh cảnh nghi tửu,
Chử táo nhưỡng bình tùy xứ hữu.
Thắng phẩm kỳ nồng ẩm đắc cam;
Bí phương xảo chế truyền lai cửu.

Khả lân quá khẩu triếp thành cuồng;
Cánh hỉ thưởng tâm thiên đắc hữu.[a]
Vô sự vô ưu nhật thảng dương,
Tế quân vị ngã thời cung đẩu.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 4

Cảnh Đồng Lại, cảnh cũng ưa rượu,
Đốt lò, ủ chĩnh, nơi nào cũng có.
Uống thấy ngọt lịm, chất ngon đậm đà;
Cách chế sành sỏi, truyền lại lâu đời phương thức bí mật.
Thương thay khi quá chén, bèn thành kẻ mê cuồng;
Trong lòng càng vui, vì mình có thêm bạn[1].
Không việc, không lo, ngày ngày nhởn nhơ,
Vợ ta cũng thường vì ta mà nâng chén.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Đáo xứ hữu 到處有

CHÚ THÍCH:

1. Ý nói, rất mừng có rượu làm bạn. Cũng có nghĩa là "rượu ngon có bạn hiền."

DỊCH THƠ:

Cảnh Đồng Lại, cảnh ưa rượu,
Ủ chĩnh châm lò chả thiếu đâu.
Vị đậm chất ngon nên uống ngọt;
Phương hay chế khéo đã truyền lâu.
Đáng thương quá chén thành điên dại;
Rất thích mua vui họp bạn bầu.
Thanh thản không lo càng thoải mái,
Vợ thương, nên rượu cấp ta nhiều.

Đào Phương Bình

20. 其五

桐瀨景景宜風
十八姨姨苦用功

聲爲山迢吹得爽
勢因海近上來雄
無塵官舍晴暉後
得信芳園皓照中
興到輒希曾氏樂
村亭野館日攜童

PHIÊN ÂM:

KỲ NGŨ

Đồng Lại cảnh cảnh nghi phong,
Thập bát di di khổ dụng công.
Thanh vị sơn thiều xuy đắc sảng;
Thế nhân hải cận thượng lai hùng.
Vô trần quan xá tình huy hậu;
Đắc tín phương viên hạo chiếu trung.
Hứng đáo triếp hi Tăng thị lạc,
Thôn đình dã quán nhật huề đồng.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 5

Cảnh Đồng Lại, cảnh hợp với gió,
Mười tám bà dì dụng công vất vả.[1]
Vì xa núi, nên tiếng gió thổi tới thanh;
Do gần biển, mà thế gió ào lên hùng.
Sau khi tạnh ráo, nhà quan không gợn bụi;
Lúc trời sáng bừng, được tin từ vườn thơm.
Hứng đến, bèn mong có thú vui của họ Tăng,[2]
Ngày ngày dắt trẻ dạo chơi nơi quán quê, đình núi.

CHÚ THÍCH:

1. Mười tám bà dì, tức thần gió.
2. Họ Tăng, tức Tăng Điểm, (Xem chú thích số 2, bài 4.)

DỊCH THƠ:

Cảnh Đồng Lại, cảnh ưa gió,
Mười tám bà dì những khổ công.
Thanh, bởi non xa vang đến rõ;

Thế, vì biển sát dấy lên hùng.
Bụi quang nhà khách bừng tia nắng;
Tia đến vườn thơm rực ánh hồng.
Muốn học thú vui Tăng Điểm trước,
Quán quê đình núi dắt nhi đồng.

Đào Phương Bình

21. 其六

桐瀨景景宜花
不必千紅萬紫奢
清品慣嘗君子菜
香心曾試小姑茶
閒觀野趣芭蕉葉
默會生機大柰芽
春色自然描不著
狂蜂無計借鉛華

PHIÊN ÂM:

KỲ LỤC

Đồng Lại cảnh cảnh nghi hoa,
Bất tất thiên hồng vạn tử sa.
Thanh phẩm quán thường quân tử thái;
Hương tâm tằng thí tiểu cô trà.
Nhàn quan[a] dã thú ba tiêu diệp;
Mặc hội sinh cơ đại nại nha.
Xuân sắc tự nhiên miêu bất trước,
Cuồng phong vô kế tá diên hoa.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 6

Cảnh Đồng Lại, cảnh cũng ưa hoa,
Chẳng phải xa hoa muôn hồng ngàn tía.

Quen thưởng thức rau quân tử, phẩm chất thanh tao;[A]
Từng nhấp chén trà tiểu cô,[1]lòng thấy thơm phức.[B]
Nhàn ngắm thú quê, qua tàu chuối tiêu;
Ngầm hiểu sự sinh thành, ở mầm cây mít.[C]
Sắc xuân tự nhiên, không sao vẽ nổi,
Chú ong cuồng cũng hết kế mượn chút phấn hoa.

NGUYÊN CHÚ:

A. Đất này trồng nhiều sen (Xưa coi cây sen, cây trúc là loại cây quân tử, tượng trưng cho phẩm chất thanh tao, trang nhã của người quân tử).

B. Ở chùa Vân Mộng xã này trồng nhiều chè.

C. Ở đây có nhiều mít, hàng năm cứ vào tháng 5, tháng 6 thân cây mít nẩy mầm non, bắt đầu trổ hoa (Tức quả dều dều).

.KHẢO DỊ:

a. Bản VHv.16/3 và VHv.1743/22: Gián quan 間觀

CHÚ THÍCH:

1. Trà tiểu cô: Tiểu cô là chữ dùng để đối với chữ "quân tử" ở câu trên, và có nghĩa là "cô em gái." Huyện Túc Tùng, tỉnh An Huy (Trung Quốc) có ngọn núi Tiểu Cô, có lẽ tác giả mượn tên trái núi thực để chỉ trái núi nói chung, ở đây mượn để chỉ loại chè núi.

22. 其七

桐瀨景景宜雪
暘谷凝初晴亦冽
銀蓋亭亭榔樹明
玉丸皎皎柑兒潔
臨江童子髮皤然
入市大姑顏艷絶
冗暇偷閑閱景多
兔園興熟和梨綴

PHIÊN ÂM:

KỲ THẤT

Đồng Lại cảnh cảnh nghi tuyết,
Dương cốc ngưng sơ tình diệc liệt.

Ngân cái đình đình lang thụ minh;
Ngọc hoàn kiểu kiểu cam nhi khiết.
Lâm giang đồng tử phát ba nhiên;
Nhập thị đại cô nhan diệm tuyệt.
Những hạ thâu nhàn duyệt cảnh đa,
Thố viên hứng thục hòa lê xuyết.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 7

Cảnh Đồng Lại cảnh hợp với tuyết,
Khi mới đọng ở dương cốc[1] dù nắng vẫn rét.
Cây cau toả sáng, sừng sững như lọng bạc;
Trái cam sạch bóng, lung linh tựa viên ngọc.
Trẻ con tới sông, tóc đầu trắng lốp;
Cô gái vào chợ, nhan sắc tuyệt vời.
Rảnh việc thừa nhàn, lắm người đi thăm cảnh,
Hứng thỏ viên khơi dậy[2] hoà vào điểm xuyết cho cành lê.

CHÚ THÍCH:

1. Dương cốc: Nơi mặt trời mọc.

2. Thỏ viên, là một cái vườn do Lương Hiếu Vương mở ở Hồ Nam, nên cũng gọi là Lương uyển. Tạ Linh Vận, người đời Nam Bắc Triều, làm bài *Tuyết phú* có câu: "Tuế tương mộ, thời ký hôn, hàn phong tích, sầu vân phồn. Lương vương bất duyệt, du vu Thỏ viên" (Năm gần hết, ngày đã tối, gió lạnh dồn, mây đen nhiều. Vua Lương không vui, ra chơi Thỏ viên). Đây vì nói cảnh tuyết ở Đồng Lại, nên tác giả nhắc đến chữ Thỏ viên trong bài phú vịnh tuyết của họ Tạ. Nói "hứng Thỏ viên" là ý muốn dạo chơi ngắm cảnh.

23. 其八

桐瀨景景宜月
煙柳尋常不須說
妙在無山自瑩然
趣於有水尤清絶
狂童見樹急捕鴞

醉叟望燈忙殺鷺
得景徘徊每苦吟
忽思安樂邵康節

PHIÊN ÂM:

KỲ BÁT

Đồng Lại cảnh cảnh nghi nguyệt,
Yên liễu tầm thường bất tu thuyết.
Diệu tại vô sơn tự oánh nhiên;
Thú ư hữu thủy vưu thanh tuyệt.
Cuồng đồng kiến thụ cấp bổ hưu;
Túy tẩu vọng đăng mang sát miết.
Đắc cảnh bồi hồi mỗi khổ ngâm,
Hốt tư An Lạc Thiệu Khang Tiết.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 8

Cảnh Đồng Lại, cảnh hợp với trăng,
Liễu, khói, tầm thường, chả cần nói tới.
Kỳ diệu ở chỗ, không núi mà tự sáng trong;
Thích thú ở chỗ, có sông nên càng thanh nhã.
Trẻ con nghịch, cứ thấy cây là vội trèo bắt cú;(A)
Ông già say, hễ thấy đèn vội đi giết ba ba.(B)
Gặp cảnh bồi hồi, thường hay gắng gượng ngâm nga,
Bỗng nhớ tới An Lạc Thiệu Khang Tiết. (1)

NGUYÊN CHÚ:

A. Đất ấy có nhiều chim cú, đêm đêm cú kêu ra rả, cây nào cũng có.

B. Ở đây rất nhiều ba ba.

CHÚ THÍCH:

1. Thiệu Khang Tiết, tức Thiệu Ung, người ở Phạm Dương đời Tống, hiệu là An Lạc tiên sinh. Ông là người đồng thời với Trình Tử, rất tinh thông Dịch Lý. Ở đây có lẽ tác giả muốn nói, cảnh Đồng Lại, theo truyền thuyết phong thuỷ là nơi đất tốt.

DỊCH THƠ:

Cảnh Đồng Lại, cảnh ưa trăng,
Khói liễu tầm thường sá nói năng.

Không núi thế mà trong đáo để;
Có sông nên bội sáng vô chừng.
Giết ba ba, lão già say khướt;
Bắt cú mèo, con nít nghịch cuồng.
Gặp cảnh bồi hồi ngâm xít giọng,
Nhớ ông Khang Tiết lại mơ màng.

Đào Phương Bình

24. 其九

桐瀨景景宜春
春在民如太上醇
牛膾登盤來薦廟
龍饘盛簋用祠親
歌求太古無求媚
殽貴常羞不貴珍
春滿乾坤茲更好
華胥已往又渠民

PHIÊN ÂM:

KỲ CỬU

Đồng Lại cảnh cảnh nghi xuân,
Xuân tại dân như thái thượng thuần.
Ngưu khoái đăng bàn lai tiến miếu;
Long chiên thịnh quỹ dụng từ thân.
Ca cầu thái cổ vô cầu mỵ;
Hào quý thường tu bất quí trân.
Xuân mãn càn khôn tư cánh hảo,
Hoa Tư dĩ vãng hựu cừ dân.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 9

Cảnh Đồng Lại, cảnh hợp mùa xuân,
Khi xuân còn, dân thuần phác như thời xa xưa.

Tái bò đơm lên mâm, tiến dâng đền miếu;[A]
Xôi nếp thơm đựng vào bát cúng mẹ cha.[B]
Hát chỉ cần điệu cổ sơ, không cần lả lướt;
Cỗ cốt luôn có đồ ngon, không cốt cầu kỳ.
Xuân tràn ngập đất trời, cảnh đó càng thêm đẹp,
Dân Hoa Tư đã qua rồi, lại có dân ở đây.[1]

NGUYÊN CHÚ:

A. Hàng năm ở đây có tục lệ làm lễ cầu phúc, giết bò làm tái để tế thần.

B. Ngày lễ, người ta đựng cơm nếp vào bát để cúng tổ tiên.

CHÚ THÍCH:

1. Hoa Tư: Theo sách *Liệt Tử* thì Hoàng Đế ngủ ngày, mơ đi tới nước Hoa Tư, ở đó không có người đứng đầu, người dân không ham muốn gì hết, họ sống hồn nhiên thuần phác.

DỊCH THƠ:

Đồng Lại cảnh này hợp tiết xuân,
Xuân vui dân sống tục xưa thuần.
Tái bò nghi ngút dâng đền miếu;
Xôi nếp thơm hương cúng đấng thân.
Hát điệu cổ sơ không lả lướt;
Cỗ ngon luôn có, đủ đồ ăn.
Nơi nơi xuân đến, trời xuân đẹp,
Chốn ấy, Hoa Tư lại có dân.

Lâm Giang

25. 其十

桐瀨景景宜夏
爽朗自然渾巧畫
雨後東西煮麥煙
潮來遠近捕魚火
牛童浴罷日方中
鵝子歸來天向夜
解慍風來輒駕禧

PHIÊN ÂM:

KỲ THẬP

Đồng Lại cảnh cảnh nghi hạ,
Sảng lãng tự nhiên hồn xảo hoạ.
Vũ hậu đông tây chử mạch yên;
Triều lai viễn cận bổ ngư hoả.
Ngưu đồng dục bãi nhật phương trung;
Nga tử quy lai thiên hướng dạ.
Giải uẩn phong lai triếp giá xiêm,
Thôn ông bả tửu lai tư ngã.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 10

Cảnh Đồng Lại, cảnh hợp mùa hè,
Trong sáng tự nhiên, hệt bức vẽ tuyệt khéo.
Sau trận mưa, đó đây nghi ngút khói nấu cơm;
Thuỷ triều lên, xa gần lập loè lửa đèn đánh cá.
Trẻ chăn trâu tắm xong, mặt trời vừa đứng bóng.
Người chăn ngỗng trở về, ngày sắp vào đêm.
Gió giải nồng thổi đến, đi xe có mành che,
Ông già xóm đem rượu ngon tới mời ta uống.

DỊCH THƠ:

Cảnh Đồng Lại cảnh hợp mùa hạ,
Bức vẽ thiên nhiên khéo lạ thường.
Khói bếp gần xa, mưa đã tạnh;
Lửa chài đây đó, nước đang dâng.
Trẻ trâu tắm đoạn ô tròn bóng;
Bầy ngỗng tìm về thỏ hé gương.
Căng bức mành khi nồm thổi tới,
Thôn ông mời rượu tỏ vui mừng.

Đào Phương Bình

26. 其十一

桐瀨景景宜秋
秋來人物總風流

燕坊娘子輕移棹
鴨隊將軍勇駕舟
窈窕金鱗朝向市
猖狂鐵甲夕浮洲
昔人騎鶴如曾到
應爲腰錢覓一遊

PHIÊN ÂM:

KỲ THẬP NHẤT

Đồng Lại cảnh cảnh nghi thu,
Thu lai nhân vật tổng phong lưu.
Yến phường nương tử khinh di trạo;
Áp đội tướng quân dũng giá chu.
Yểu điệu kim lân triêu hướng thị;
Xương cuồng thiết giáp tịch phù chu.
Tích nhân kỵ hạc như tằng đáo,
Ưng vị yêu tiền mịch nhất du.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 11

Cảnh Đồng Lại, cảnh hợp mùa thu,
Thu về, người và vật thảy đều phong lưu.
Cô nàng phường Yến, nhẹ nhàng bơi mái chèo;[A]
Tướng quân đội Vịt, dũng mãnh cưỡi thuyền.[1]
Gái yểu điệu gánh cá vảy vàng, sớm mai tới chợ;[B]
Trai ngang tàng chở thuyền trai vỏ cứng như sắt, chiều hôm lênh đênh bên bãi sông.[C]
Người xưa cưỡi hạc nếu từng qua đây,
Ắt phải đeo tiền trên lưng mà kiếm một cuộc chơi.[2]

NGUYÊN CHÚ:

A. Tục ở đây có phường trống, phường gồm tám thiếu nữ, đầu đội mũ đuôi yến, mình mặc áo cánh tiên. Cứ vào tiết trung nguyên (ngày rằm) tháng bảy, người ta bèn mời họ tới nhà, than văn bài ca "*Nhị thập tứ hiếu*" để giúp việc thường buồn, mỗi người tay cầm chiếc bơi chèo, gọi là chèo bồn lan.

B. Cá vảy vàng: Tục gọi là cá "Kim vị"(cá vị vàng), mùa thu mới bắt đầu béo, cá theo thuỷ triều vào sông, các ông chài bủa lưới bắt lấy.

C. Trai vỏ cứng như sắt: Sông này có rất nhiều trai hến lớn.

CHÚ THÍCH:

1. Đội vịt: Ngày hội, người xưa thường thả vịt xuống hồ nước, rồi tổ chức thành từng đội thi bắt, đội nào bắt được sẽ được thưởng. Tướng quân đội vịt là chỉ những chàng trai trong đội thi bắt vịt.

2. Theo *Thương Nghệ tiểu thuyết*, thì có mấy người bạn đường cùng nói ý muốn của mình, người muốn làm Thứ sử ở Dương Châu, người thích có nhiều tiền, người muốn cưỡi hạc bay lên cõi tiên, tới người thứ tư nói: "Ta muốn có mười vạn quan tiền đeo ngang lưng, cưỡi hạc bay lên Dương Châu." Ý chừng muốn được cả ba, đó là ước mơ hão huyền. Trong thơ ý nói, cảnh ở đây đẹp, giầu có, không kém cảnh tiên.

DỊCH THƠ:

Cảnh Đồng Lại, cảnh ưa thu,
Thu về cảnh vật thảy phong lưu.
Yến phường cô gái chèo buông nhẹ;
Đội vịt chàng trai thuyền lướt theo.
Yểu điệu vảy vàng bên chợ sớm;
Ngang tàng giáp sắt bãi sông chiều.
Người xưa cưỡi hạc như từng đến,
Chi phải lưng tiền kiếm chốn đâu!

Lâm Giang

27. 其十二

桐瀨景景宜冬
草自芊眠樹自濃
萬里青天村始市
三竿紅日寺初鍾
霜晨鼠凍希驚鐸
午後雞殘早勸舂
等待窗晴看小圃
梅枝次第帶嬌容

PHIÊN ÂM:

KỲ THẬP NHỊ

Đồng Lại cảnh cảnh nghi đông,
Thảo tự thiên miên thụ tự nùng.
Vạn lý thanh thiên thôn thủy thị;
Tam can hồng nhật tự sơ chung.
Sương thần thử đống hi kinh đạc;
Ngọ hậu kê tàn tảo khuyến thung.
Đẳng đãi song tình khan tiểu phố,
Mai chi thứ đệ đới kiều dung.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 12

Cảnh Đồng Lại, cảnh hợp mùa đông,
Cỏ thì rậm rạp, cây um tùm.
Trời xanh muôn dặm, thôn xóm bắt đầu họp chợ;
Vầng hồng lên ba con sào, chùa mới đánh chuông.
Trong sương sớm, chuột rét cóng, ít khi sợ mõ khua;
Quá trưa, tiếng gà thưa thớt, sớm nhắc đi giã gạo.
Chờ nắng tới cửa sổ, ngắm mảnh vườn con,
Dáng vẻ yêu kiều cành mai lớp lớp.

DỊCH THƠ:

Cảnh Đồng Lại cảnh hợp mùa đông,
Cây cối xanh tươi cỏ mượt đồng.
Trời biếc mênh mang thôn họp chợ;
Vừng hồng lấp lánh tiếng chuông rung.
Run run chuột sớm, chuông chùa điểm;
Xao xác gà trưa, gạo giã cùng.
Nắng toả vườn trưa bên cửa sổ,
Cành mai lớp lớp, vẻ thung dung.

Lâm Giang

28. 賀友舉男

進士之孫進士兒
流光正喜及申期

文章甲第君家舊
卿相公侯相地宜
提印可徵成器日
充閭好及長年辰
僭曾猶視如蘭馥
深慶高門福履綏

PHIÊN ÂM:

HẠ HỮU CỬ NAM

Tiến sĩ chi tôn, tiến sĩ nhi,
Lưu quang chính hỉ cập thân kì.
Văn chương giáp đệ quân gia cựu;
Khanh tướng công hầu tướng địa nghi.
Đề ấn, khả trưng thành khí nhật;
Sung lư hảo cập trưởng niên thì .
Tiếm tằng do thị như lan phức,
Thâm khánh cao môn phúc lý tuy.

DỊCH NGHĨA:

MỪNG BẠN SINH CON TRAI

Con ông là cháu quan nghè, con quan nghè,
Đức sáng để lại, đáng mừng dịp sinh con trai.(1)
Nền nếp cũ nhà ông: Văn chương, khoa bảng;
Hợp vào kiểu đất quí: Khanh tướng, công hầu.
Sẽ có ngày thành tài, tay cầm quả ấn;(2)
Đợi đến tuổi trưởng thành, rạng rỡ cửa nhà.(3)
Từng trộm coi nhau như bạn lan thơm phức,(4)
Thật mừng cho chốn cửa cao phúc lộc đầy.

CHÚ THÍCH:

1. Đức sáng để lại (lưu quang): *Cốc Lương truyện* chép: "Đức hậu giả lưu quang" (Người có đức sâu dầy, ánh sáng truyền lại cho con cháu), nghĩa là dòng dõi tốt đẹp của một gia tộc được nối tiếp mãi.

2. Tay cầm quả ấn (đề ấn): Đời Tống, khi Tào Bân sinh mới đầy năm, cha mẹ bày đồ "Bách ngoạn"(một trăm đồ chơi) để bói xem tương lai của con mình.

Khi cho Bân vào xem, trước hết tay trái cầm lấy gươm mác, tay phải cầm đồ tế khí và một quả ấn, khi trưởng thành, quả nhiên Tào Bân trở thành một võ tướng có tài.

3. Rạng rỡ cửa nhà (sung lư: Ánh sáng đầy nhà): Giả Sung đời Tấn khi mới đẻ, cha mừng rỡ nói: "Mai sau hẳn làm rạng rỡ cửa nhà." Khi trưởng thành cũng trở thành một tướng tài giỏi.

4. Bạn lan thơm phức: Chỉ tình bạn bè thân thiết.

29. 賀 國 師 阮 郡 公 致 仕

景 仰 秋 陽 稔 有 年
經 綸 体 用 適 方 圓
相 師 德 望 宜 今 式
衡 宰 風 猷 媲 昔 賢
梅 鼎 成 功 光 美 蔭
槐 堂 綏 慶 倡 榮 旋
黃 扉 重 步 裁 閻 侃
湯 邑 堯 畿 不 遠 千

PHIÊN ÂM:

HẠ QUỐC SƯ NGUYỄN QUẬN CÔNG TRÍ SĨ[a]

Cảnh ngưỡng thu dương nẫm hữu niên,
Kinh luân thể dụng thích phương viên.
Tướng sư đức vọng nghi kim thức;
Hành tể phong du tỉ tích hiền.
Mai đỉnh thành công quang mĩ ấm;
Hoè đường[b] *tuy khánh xướng vinh tuyền.*
Hoàng phi trùng bộ tài ngân khản,
Thang ấp Nghiêu kỳ bất viễn thiên.

DỊCH NGHĨA:

MỪNG QUỐC SƯ NGUYỄN QUẬN CÔNG VỀ HƯU [1]

Đã nhiều năm ngước trông mặt trời mùa thu,[2]
Việc kinh luân, thể dụng đều thích ứng với vuông tròn.[3]
Công đức, danh vọng bậc Quốc sư, hợp khuôn phép ngày nay;

Phong thái, đạo đức Tể tướng, sánh bậc hiền tài thuở trước.
Vạc canh có mơ cho vào thành công, phúc nhà rạng rỡ tốt lành;[4]
Nhà trồng cây hoè, tiếp nối phúc khánh, xướng khúc vinh quang trở về.[5]
Mong được thấy quay trở lại cửa vàng, cùng các triều thần bàn bạc,[6]
Ấp thang mộc[7]với kinh kì đế Nghiêu chẳng hề ngàn dặm xa xôi.[8]

CHÚ THÍCH:

1. Quốc sư Nguyễn Quận công, tức Nguyễn Hoãn(1713-1791), người làng Lan Khê, huyện Nông Cống tỉnh Thanh Hoá. Về hưu năm 1777 (xem *Đăng khoa lục bị khảo*). Năm Cảnh Hưng thứ 4(1743), ông đậu Tiến sĩ, khi Trịnh Sâm làm Thế tử, được sung chức Thị giảng. Sau Sâm nối ngôi Chúa, ông được thăng tới Bồi tụng, phong làm Quốc sư Hoãn Quận công.

2. Mặt trời mùa thu: Sách *Mạnh Tử* có câu: "Thu dương dĩ bộc chi" (Phơi dưới ánh mặt trời thu). Chỉ người tài cao đức trọng.

3. Câu này ý nói: Sắp đặt sự việc cái nào cũng đúng khuôn phép trị nước.

4. Vạc canh có vị mơ: (mai đỉnh), *Kinh Thư* chép: "Nhược tác hoà canh, nhĩ duy diêm mai"(Nếu phải nêm canh, nhà ngươi là muối và mơ). Đây là lời Ân Cao Tông khen Phó Duyệt xưa. Trong bài ý nói, Nguyễn Quận công cũng có tài như Phó Duyệt xưa.

5. Nhà trồng cây hoè (hoè đường), Vương Hựu người đời Tống, trồng trước sân ba cây hoè, nói "Con cháu sau này ắt có kẻ làm tới tam công." Sau con là Vương Đán quả làm tới Tể tướng. Người đời sau dùng chữ "hoè đường"để chỉ nhà có con cháu nối được nghiệp cha ông.

6. Cửa vàng, chỉ nơi làm việc của Tể tướng.

Cùng triều thần bàn bạc (ngân khẩn) *Luận ngữ*, thiên *Hương đảng* chép: "Triều, dữ Hạ đại phu ngôn, khẩn khẩn dã; dữ Thượng đại phu ngôn, ngân ngân như dã" (Khổng Tử ở trong triều, khi cùng nói chuyện với các quan Hạ đại phu, thì dùng lời cương trực, khi cùng nói chuyện với các quan Thượng đại phu, thì dùng lời hòa nhã chân thành).

Ấp thang mộc: Chỉ ấp của nhà vua (tức đất Thanh Hóa, quê hương của vua Lê, và cũng là quê của Nguyễn Hoãn và là nơi Nguyễn Hoãn về nghỉ).

8. Kinh kì Đế Nghiêu (Nghiêu kì): Chỉ kinh đô (tức kinh thành Thăng Long).

Ý câu 7 và câu 8 nói: Dù về hưu ở đất thang mộc nhưng vẫn quan tâm đến triều chính, mỗi khi cần thiết đều có khả năng lai kinh để tỏ bầy chính kiến của mình với nhà vua.

DỊCH THƠ:

Trời thu vầng nhật dõi bao niên,
Tài trí kinh luân thật vạn truyền.
Đức vọng Quốc sư nêu hiện đại;
Huân lao Tể tướng sánh tiên hiền.
Mai trong vạc sánh tài phò nước;
Hoè trước nhà vui ngựa ngoảnh yên.
Xã tắc ví chăng dâng kế sách,
Quê vua cửa khuyết vẫn đường liền.

Đào Phương Bình

30. 題龍魚飛躍圖

密雲不雨碧霄外
巨浪如山青海中
頭角崢嶸奇變化
精神活潑大豪雄
巍巍五位乘天后
赫赫三魁及弟公
相應相求含妙理
明良感會一機同

PHIÊN ÂM:

ĐỀ [a]LONG NGƯ PHI DƯỢC ĐỒ

Mật vân bất vũ bích tiêu ngoại,
Cự lãng như sơn thanh hải trung.
Đầu giác tranh vanh kỳ biến hoá;
Tinh thần hoạt bát[b] đại hào hùng.
Nguy nguy ngũ vị thừa thiên hậu;
Hách hách tam khôi cập đệ công.
Tương ứng tương cầu hàm diệu lý,
Minh lương cảm hội nhất cơ đồng.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ BỨC TRANH CÁ NHẢY RỒNG BAY

Ngoài bầu trời biếc, mây dầy mà chẳng mưa,
Giữa mặt biển xanh, sóng lớn như núi.
Sừng, sỏ, chênh vênh, biến hoá diệu kỳ;
Tinh thần hoạt bát, rất mực hùng tráng.
Chót vót như vị vua trên trời ở ngôi cửu ngũ;[1]
Rạng rỡ tựa ông thi đỗ tam khôi.[2]
Hàm lẽ huyền diệu: "Tương cầu tương ứng,"[3]
Vua sáng tôi hiền gặp gỡ, cũng như vậy thôi!

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Hí đề 戲題

b. Bản A.117/31: Hạo bát 浩潑

CHÚ THÍCH:

1. Ngôi cửu ngũ: *Kinh Dịch* quẻ *Kiền* nói: "Cửu ngũ, long phi tại thiên" (Tượng hào cửu ngũ, rồng bay trên trời). Nghĩa bóng là vua ngồi nơi cửu bệ, thay trời cai trị thiên hạ. Rồng tượng trưng cho ngôi vua. Ở đây vì tả rồng, nên tác giả nhắc tới để ví với ngôi vua.

2. Đỗ tam khôi: Theo phép thi cử xưa, người đậu Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa, được ghi tên ở đầu bảng rồng và được gọi là Tam khôi.

Ngày xưa, có tục truyền rằng, cứ đến ngày mồng tám tháng tư âm lịch, cá chép thi nhau vượt sóng ở Vũ Môn. Nếu con cá nào vượt qua được ba tầng sóng sẽ hoá thành rồng, con nào không vượt được, sảy vảy trở về, cá vẫn hoàn cá. Sau, người ta ví chuyện này với việc thi cử, thi đã trúng cách, gọi cá vượt Vũ Môn.

3. Tương cầu tương ứng: Quẻ *Kiền* trong lời *Văn Ngôn* có chép: "Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, vân tòng long, phong tòng hổ..." (Đồng thanh thì cùng ứng với nhau, đồng khí thì cùng tìm tới nhau, như mây theo rồng, gió theo hổ). Trong bài ý nói, cá và rồng quấn quýt với nhau giống như vua sáng hoà với tôi hiền.

DỊCH THƠ:

Không mưa, mây kéo trời xanh sẫm,
Sóng cuốn tựa non giữa biển trong.
Sừng sỏ chênh vênh, kỳ biến hoá;
Tinh thần hoạt bát, rất hào hùng.
Đăng quang ngũ vị cao vòi vọi;

Cập đệ tam khôi tiếng lẫy lừng.
Thanh khí lẽ hằng mầu nhiệm lắm,
Tôi hiền vua sáng ấy duyên chung.

Đào Phương Bình

31. 送契友行邊二首

茲者方召出疆，旗旆夙駕。馬首梅花鳴劍珮，在在香風，屋梁月色，照罘罳團團寶鏡。聊效陽關而作賦，預唱天山之凱歌。

其一

元后掄才屬世臣
家庭講貫具經綸
旄旗作閫渾閒事
裘帶安邊到底人
盤錯多爲賢者地
知仁嘗護有官身
此番措置憑開闔
宗子維城詩不云

PHIÊN ÂM:

TỐNG KHẾ HỮU HÀNH BIÊN[a] *(NHỊ THỦ)*

Tư giả phương triệu xuất cương, kỳ kỳ túc giá. Mã thủ mai hoa minh kiếm bội, tại tại hương phong, ốc lương nguyệt sắc, chiếu phầu tư đoàn đoàn bảo kính. Liêu hiệu Dương Quan nhi tác phú, dự xướng Thiên Sơn chi khải ca.

KÌ NHẤT

Nguyên hậu luân tài thuộc thế thần,
Gia đình giảng quán cụ kinh luân.

Mao dư tác khốn hồn nhàn sự;
Cừu đái an biên đáo để nhân.
Bàn thác đa vi hiền giả địa;
Trí nhân thường hộ hữu quan thân.
Thử phiên thố trí bằng khai hạp,
Tông tử duy thành thi bất vân.

DỊCH NGHĨA:

TIỄN BẠN THÂN LÊN BIÊN GIỚI (2 BÀI)

Vừa đây, có lệnh ra nơi biên cương, cờ xí buổi sớm lên đường. Hoa mai trên đầu ngựa, vang tiếng kiếm bội, gió ngát nơi nơi; ánh trăng trên nóc nhà, soi xuống rèm thưa, gương ngọc vành vạnh. Tạm phỏng khúc Dương Quan [1] mà làm thơ ghi sự việc; chuẩn bị ca khải hoàn chốn Thiên Sơn.[2]

BÀI I

Thiên tử kén tài trong hàng bầy tôi dòng dõi,
Vì tự gia đình giảng tập, nên đủ tài kinh luân.[3]
Dựng cờ trấn giữ cõi ngoài, thảy là việc nhàn hạ;[4]
Nhận áo đai vỗ yên biên tái, lại đến với người này.[5]
Nơi khó khăn phần nhiều là đất của bậc hiền tài;
[Nước] trí [non] nhân thường giúp người thân mang trọng trách.[6]
Lần sắp đặt này, dựa vào tài khéo léo[của ông],
Kinh Thi há chẳng nói: "Con dòng là bức thành" [7] hay sao?

CHÚ THÍCH:

1. *Khúc Dương Quan*: Vương Duy, một nhà thơ đời Đường, bẻ cành liễu tặng người bạn đi xa và tặng bài thơ nhắc đến Dương Quan, cửa ải miền Cam Túc xa xôi. Cho nên, Dương Quan còn có tên là khúc hát tặng biệt.

2. Thiên Sơn, tên núi thuộc vùng Tân Cương. Tiết Nhân Quí nhà Đường đánh họ Vưu ở Thiên Sơn, bắn ba phát tên giết ba tướng giặc. Trong quân vang lên tiếng hát mừng rỡ: "Tướng quân ba phát dẹp Thiên San, tráng sĩ ca vang vào Hán Quan." Vậy, nhắc đến *khúc hát Thiên Sơn* là nói đến sự chiến thắng kẻ địch.

3. Tài kinh luân: Giỏi kinh bang tế thế.

4. Thảy là việc nhàn hạ (hồn nhàn sự): Ý thơ nói, con người đại tài dù phải đảm đang trách nhiệm nặng nề cũng chỉ coi là việc nhàn hạ thôi.

5. Áo đai (cừu đái): *Tấn thư* chép, Dương Hỗ đi trấn thủ nơi xa, ông mặc áo

cừu nhẹ, thất đai lỏng, tỏ ra phong thái ung dung mà dân nơi ông trị nhậm đều sợ oai đức.

6. Nước trí non nhân: Dịch từ hai chữ "trí nhân." Riêng ở văn cảnh này nên lý giải theo câu: "Người nhân ưa cảnh núi, người trí ưa cảnh nước" (Nhân giả nhạo sơn, trí giả nhạo thủy) ở *Luận ngữ*. Ý thơ động viên ông bạn đi giữ trọng trách ở phương xa, ắt được núi sông phù trợ và gặp nhiều điều thuận lợi.

7. Con dòng là bức thành (Tông tử duy thành): Câu trong *Kinh Thi*, *Đại nhã*, thơ *Bản*: "Tông tử" có nghĩa bà con họ hàng.

32. 其二

握手戎軺閱月餘
情於相照匪胞如
英雄不作麀麋伴
枳棘原非鸞鳳居
宇宙馳驅臣所職
江山品彙祿之餘
事君日正長相會
剩喜平安有竹書

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Ác thủ nhung thiều duyệt nguyệt dư,
Tình ư tương chiếu phỉ bào như.
Anh hùng bất tác lộc mê bạn;
Chỉ cức nguyên phi loan phượng cư.
Vũ trụ trì khu thần sở chức;
Giang sơn phẩm vựng lộc chi dư.
Sự quân nhật chính trường tương hội,
Thặng hỉ bình an hữu trúc thư.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Nắm tay nhau bên xe nhà binh đã hơn một tháng,

Đã tỏ lòng nhau, chẳng còn là phôi thai nữa.
Người anh hùng không làm bạn với hươu nai;[1]
Chốn gai góc vốn chẳng phải nơi chim loan phượng ở.[2]
Ruổi rong trong vũ trụ, là chức phận của kẻ làm tôi;
Đề vịnh cảnh non sông, là sự dôi ra của phần bổng lộc.[3]
Dịp vua tôi gặp gỡ dài ngày, chính là lúc thờ vua,
Rất mừng có trúc thư báo tin bình an.[4]

CHÚ THÍCH:

1. Ý nói đã là người anh hùng thì không nên đi ở ẩn.

2. Ý nói, người bạn vốn có trí vươn lên, bay cao, nhảy xa hơn nữa.

3. Đề vịnh, dịch thoát từ chữ "Phẩm vựng." Phẩm vựng, nghĩa là mọi sinh vật, hay phẩm loại, chủng loại. Ở đây theo ý thơ mà dịch thoát.

4. Thư trúc: Sách *Dậu dương tạp trở* chép: Chùa Đồng Tử ở Bắc Đô có một khóm trúc, vị sư trụ trì chùa đó hàng ngày báo tin bình an cho trúc biết. Vì thế sau này, người ta thường đề trên đầu phong thư bốn chữ *trúc báo bình an* để báo tin bình an.

33. 慰年眷潘瑞岩補外

平原不是遊英地
龐統殊非治郡才
縱未璽書完要會
豈無琴鶴帶歸來
官途緊慢碁當局
人事妍蚩鏡裏臺
自古循牆多可懼
福謙實喜厚公裁

PHIÊN ÂM:

ỦY NIÊN QUYẾN PHAN THUỴ NHAM BỔ NGOẠI[a]

Bình Nguyên bất thị du anh địa,
Bàng Thống thù phi[b] *trị quận tài.*
Túng vị tỉ thư hoàn yếu hội;

Khởi vô cầm hạc đới quy lai.
Hoạn đồ khẩn mạn kỳ đương cục;
Nhân sự nghiên xi kính lý đài.
Tự cổ tuần tường đa khả cụ,
Phúc khiêm thực hỷ hậu công tài.

DỊCH NGHĨA:

AN ỦI NGƯỜI ANH EM ĐỒNG NIÊN PHAN THỤY NHAM ĐƯỢC BỔ QUAN Ở NGOÀI[1]

Nhà Bình Nguyên, đâu phải là nơi người anh tuấn chơi bời,[2]
Tài Bàng Thống, vốn không phải chỉ cai quản một quận.[3]
Dẫu chưa nhận thư ấn, hoàn thành sứ mệnh trọng yếu;
Há không đem phong thái cây đàn chim hạc trở về hay sao?[4]
Đường làm quan nhanh chậm, như cuộc cờ đang tiếp diễn;
Việc đời hay dở, tựa chiếc đài hiện trong gương.[5]
Từ xưa "men tường mà chạy" phần nhiều là đáng sợ,[6]
"Ban phúc cho người khiêm tốn" mừng ông tự đặt bày. [7]

KHẢO DỊ:

a. Bản VHv.1743/22: Uỷ niên quyến Phan Thuỵ Nham bổ ngoại chi tác 慰年眷潘瑞岩補外之作

Bản A.117/31: Uỷ niên quyến ngoại bổ 慰年眷外補

b. Bản A.117/31: Bàng Thống nguyên phi 龐統原非

CHÚ THÍCH:

1. Phan Thụy Nham: Tức Phan Huy Ích (1751- 1822), vì cha Phan Huy Ích là Phan Huy Cẩn dời nhà ra ở Thụy Khê, thuộc phủ Quốc Oai (Sơn Tây), nên Phan Huy Ích lấy tên hiệu Thụy Nham. Ông người làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc (nay là Can Lộc- Hà Tĩnh) là em rể Ngô Thì Nhậm, đậu Tiến sĩ năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775), được bổ Hàn lâm thừa chỉ. Nhà Lê mất, ông cộng tác với nhà Tây Sơn, làm quan tới Lễ bộ Thượng thư. Tây Sơn mất, ông và Ngô Thì Nhậm bị nhà Nguyễn đưa ra đánh đòn ở Văn Miếu, sau về ở ẩn.

2. Bình Nguyên, tức Bình Nguyên Quân, người đời Xuân Thu, tính hào hiệp, chiêu hiền đãi sĩ, trong nhà lúc nào cũng có ba nghìn thực khách.

3. Bàng Thống, tức Bàng Sĩ Nguyên, người Tương Dương, thời Thục Hán. Lưu Huyền Đức sai ông cai quản huyện Lôi Dương, ông bỏ công việc bê trễ. Lỗ Túc có di thư nói rằng: "Sĩ Nguyên không phải chỉ có tài trăm dặm." Sau đó ông ta được cử chức Trị trung tòng sự.

4. Xem chú thích số 3, bài 5.

5. Ý nói, việc tốt, xấu rõ ràng như đứng trước gương soi, không dấu nổi.

6. Men tường (tuần tường): *Tả truyện*, Chiêu Công năm thứ bảy chép: Chính Khảo Phủ giúp việc cho Đái Công Võ ba lần thăng chức, mỗi lần như vậy, càng thêm khiêm tốn. Nên câu văn khắc vào đỉnh thờ như sau: "Lần thứ nhất cúi đầu, lần thứ hai khom lưng, lần thứ ba cúi rạp men tường mà chạy, tự bảo không còn bị kẻ khác khinh nhờn." Ở đây, việc "men tường" là đáng sợ, vì được trọng dụng, thường đem lại tai vạ, do sự ghen ghét của một số người.

7. Người khiêm tốn: Phan Huy Ích lấy tên tự là Khiêm Thụ Phủ. Theo *Kinh dịch* thì: "Quỷ thần hại doanh như phúc Khiêm," nghĩa là: Quỷ thần hại kẻ kiêu căng mà ban phúc cho kẻ khiêm tốn (quẻ Khiêm).

34. 經略入宣光界

地盡狼煙入大蠻
太宣封域此江關
龍遊京國西流水
虎抱中州北上山
武服煌煌衝雪頂
歲華灼灼見梅顏
登高回首彤雲處
玉闕鈞韶咫尺間

PHIÊN ÂM:

KINH LƯỢC NHẬP TUYÊN QUANG GIỚI

Địa tận Lang Yên nhập Đại Man,
Thái Tuyên phong vực thử giang quan.
Long du kinh quốc tây lưu thủy;
Hổ bão trung châu bắc thượng san.
Vũ phục hoàng hoàng xung tuyết đỉnh;
Tuế hoa chước chước hiện mai nhan.
Đăng cao hồi thủ đồng vân xứ,
Ngọc khuyết quân thiều chỉ xích gian.

DỊCH NGHĨA:

ĐI KINH LƯỢC VÀO ĐỊA GIỚI TUYÊN QUANG[1]

Hết đất Lang Yên thì vào đến Đại Man,[2]
Cửa sông này là ranh giới vùng Tuyên-Thái.[A]
Nước đổ về tây, như rồng lượn quanh kinh khuyết;[B]
Núi trên phía bắc, tựa hổ ôm lấy Trung châu.[C]
Võ phục lấp lánh, vượt qua núi tuyết ;
Tuổi hoa rực rỡ, hiện ở vẻ mặt tựa bông mai.
Lên cao, ngoái lại, nhìn vùng mây đỏ,
Nhạc quân thiều nơi ngọc khuyết, gần trong tấc gang.[3]

NGUYÊN CHÚ:

A. Dòng sông Lô chảy từ dãy Côn Lôn thành ranh giới giữa Tuyên Quang và Thái Nguyên.

B. Nước ở phía tây ngọn Bình Lũng, chảy theo hướng tây, đổ vào sông Lô. Nước ở phía đông ngọn núi đó, chảy theo hướng đông rồi đổ vào sông Nguyệt Đức (sông Cầu).

C. Dãy núi ở Tuyên Quang, Thái Nguyên nằm phía tay phải vùng Lưỡng Quảng. Mạch núi đó chạy từ dãy Côn Lôn bên Nội địa vào địa giới Tuyên Quang, xuống đến núi Tống Tinh thì chia thành hai dãy. Một dãy chạy ngược xuống Võ Nhai, rồi đi ngược về Lạng Sơn, An Quảng. Một dãy chạy xuống Đông Lũng, Tam Đảo, rồi xuôi về phía Kinh Bắc, Cổ Bi.

CHÚ THÍCH :

1. Năm 1779 Ngô Thì Nhậm tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa của Hoàng Văn Đồng ở Tuyên Quang. Bài thơ này làm vào dịp ấy.

2. Lang Yên, Đại Man, tên đất. Châu Lang Yên thuộc địa phận Thái Nguyên, châu Đại Man thuộc địa phận Tuyên Quang.

3. Quân thiều: Nhạc nhà trời, ở đây chỉ nhạc của nhà vua .

Ngọc khuyết (cửa ngọc) chỉ nơi vua ở.

DỊCH THƠ:

Hết đất Lang Yên vào Đại Man,
Cửa sông Tuyên Thái rẽ đôi đàng.
Hướng tây nước chảy long chầu dọc;
Phương bắc đồi nhô hổ phục ngang.
Giáo sắt băng qua đồi tuyết trắng;
Tài hoa hiện ở đóa mai vàng.
Lên cao ngoái cổ nhìn mây tía,
Kinh khuyết quân thiều chỉ tấc gang.

Lâm Giang

35. 魚朝湖記瑞

一水光涵萬景新
迎師個個獻金鱗
鳳池遙向朝明聖
虎幕先來謁將軍
嶽瀆有天開霧障
谷崖何地不陽春
朝廷威德中孚信
於物休徵祝紫宸

PHIÊN ÂM:

NGƯ TRIỀU HỒ KÝ THỤY

Nhất thủy quang hàm vạn cảnh tân,
Nghinh sư cá cá hiến kim lân.
Phượng trì dao hướng triều minh thánh;
Hổ mạc tiên lai yết tướng quân.
Nhạc độc hữu thiên khai vụ chướng;
Cốc nhai hà địa bất dương xuân.
Triều đình uy đức trung phu tín,
Ô nhận hưu trưng chúc tử thần.

DỊCH NGHĨA:

GHI ĐIỀM LÀNH CẢNH HỒ CÁ CHẦU[1]

Một vùng nước lấp loáng, muôn cảnh sắc mới mẻ,
Đón quân nhà vua, cá lũ lượt dâng vẩy vàng.[2]
Hướng về ao Phượng, xa xa lạy chầu minh thánh;[3]
Nhưng trước tiên hãy tới trướng hùm ra mắt tướng quân.[4]
Sông núi khắp vùng xua tan màn lam chướng;
Hang đèo nào mà chẳng ấm áp nắng xuân.
Uy đức triều đình biểu hiện ở lòng tin,[5]
" Cá nhẩy đầy rẫy" là điềm lành chúc mừng cung tía.[6]

CHÚ THÍCH:

1. Mỗi khi thời tiết thay đổi, áp suất không khí trong nước cũng thay đổi, do đó, có ảnh hưởng đến lượng ôxi trong nước. Một số loài cá mè, chép ... vì chưa thích ứng với lượng ôxi bị thay đổi, phải kéo hàng đàn lên mặt nước để thở. Người xưa gọi hiện tượng này là cá ngoi lên chầu vua, và cho đó là điềm lành.

2 + 4. Có lẽ, hồ cá này ở gần nơi đóng quân của một vị tướng, nên nói như vậy.

3. Ao phượng, là ao trong vườn dạo chơi của nhà vua.

5. Biểu hiện ở lòng tin (trung phu tín), "*trung phu*" là một quẻ trong *Kinh Dịch*. Trong quẻ có câu: "Tín cập đồn ngư," là lòng tin được truyền đến cả loài lợn và cá (là những con vật coi như kém thông minh nhất). Thơ nói "cá chầu" nên nhắc đến quẻ *Trung phu*. Ở đây ý nói, cái uy đức của triều đình đã chiếm được lòng tin của mọi người.

6. Cá nhẩy đầy rẫy, nguyên văn: "Ô nhận" lấy điển ở *Kinh Thi (Đại nhã, Linh đài)* "Ô nhận ngư dược"(Ôi! cá nhẩy đầy rẫy). Cung tía (tử thần): Cung vua.

DỊCH THƠ:

Mặt nước lòng gương vạn cảnh tươi,
Vẩy vàng lũ lượt đón quân người.
Phượng trì xa ngóng chầu vua thánh;
Hổ trướng mau mong yết tướng tài.
Sông núi một trời tan khí độc;
Gò hang đầy đất hiện xuân vui.
Triều đình uy đức lòng tin rộng,
Cá nhảy điềm hay chúc phúc trời.

Hoàng Tạo

36. 金臺駐軍

林巒開處見金臺
冠劍人從雲裏來
客地煙花新路柳
臘天風物曉山梅
馳驅臣分何夷險
耕鑿吾人自阜懷
布德宣威今日事
我王風教暨天涯

PHIÊN ÂM:

KIM ĐÀI TRÚ QUÂN

Lâm loan khai xứ hiện Kim Đài,
Quan kiếm[a] nhân tòng vân lý lai.
Khách địa yên hoa tân lộ liễu;
Lạp thiên phong vật hiểu sơn mai.
Trì khu thần phận hà di hiểm;
Canh tạc ngô nhân tự phụ hoài.
Bố đức tuyên uy kim nhật sự,
Ngã vương phong giáo ký thiên nhai.

DỊCH NGHĨA:

ĐÓNG QUÂN Ở KIM ĐÀI [A]

Kim Đài hiện ra nơi núi rừng quang đãng,
Người đội mũ, đeo gươm từ trong mây đi ra.
Khói hoa đất khách, liễu bên đường mới mở;
Cảnh vật tháng chạp, mai trong núi sớm mai.
Phận bầy tôi rong ruổi, kể gì gập ghềnh hay bằng phẳng;
Dân ta cày cấy, từ đây no đủ yên vui.
Công việc ngày nay là tỏ oai, ban đức,
Cho phong giáo vua ta đến tận chân trời.[1]

KHẢO DỊ:

a.Bản VHv. 1743/22 và VHv. 16/3: *Quan bội nhân tòng vân lý lai* 冠珮人從雲裏 (Người đội mũ, đeo *thể ngọc* từ trong mây đi tới).

NGUYÊN CHÚ:

A. Kim Đài: Địa danh.

CHÚ THÍCH:

1. Phong giáo: Phong tục và giáo hoá.

DỊCH THƠ:

Khoảng thưa rừng núi thấy Đài vàng,
Gươm mũ người trong mây kéo sang.
Phong cảnh trời đông, mai đỉnh núi;

Khói hoa đất khách, liễu bên đường.
Trèo non lội suối quên gian khổ;
Đào giếng cầy nương tự đảm đương.
Ban đức gia ơn là việc kíp,
Vua ta giáo hóa khắp muôn phương.

Hoàng Tạo

37. 石龍泉

太原西上峙千峰
一派清泉躍石龍
盤古以來頭角老
長流自此爪牙雄
水山腌映揚光處
風月收藏太巧中
品藻自從明鏡照
五雲欲向覲宸楓

PHIÊN ÂM:

THẠCH LONG TUYỀN

Thái Nguyên tây thượng trĩ thiên phong,
Nhất phái thanh tuyền dược thạch long.
Bàn Cổ dĩ lai đầu giác lão;
Trường lưu tự thử trảo nha hùng.
Thủy sơn yểm ánh dương quang xứ;
Phong nguyệt thu tàng thái xảo trung.
Phẩm tảo tự tòng minh kính chiếu;
Ngũ vân dục hướng cận thần phong.

DỊCH NGHĨA:

SUỐI THẠCH LONG [1]

Trên miền tây Thái Nguyên, chót vót nghìn ngọn núi,
Một dòng suối trong, như rồng đá vọt lên.
Có từ thời Bàn Cổ lại đây, đầu sừng già cấc;[2]

Dòng suối chảy dài từ đó, nhe nanh múa vuốt oai hùng.
Chỗ ánh sáng soi tới, núi sông lấp lánh;
Trong chốn tuyệt khéo, cất giấu gió trăng.
Tỏ vẻ đẹp, từ khi có gương sáng soi tới,
Mây năm sắc muốn đến triều cận sân rồng.[3]

CHÚ THÍCH:

1. Suối Thạch Long: Ở giáp giới Thái Nguyên và Tuyên Quang, hình uốn khúc như con rồng lượn nên có tên ấy. Những mỏm đá lởm chởm bên suối được hình dung thành đầu, sừng, răng, móng.

2. Bàn Cổ: Theo truyền thuyết Trung Quốc thì Bàn Cổ là một người sáng lập ra toàn thể vũ trụ. Ở đây dùng để chỉ thời xa xưa.

3. Mây năm sắc là khí vượng của Đế vương. Ở đây vịnh "suối rồng đá"(thạch long tuyền), rồng thì phải có mây, nên tác giả nhắc tới.

Sân rồng: Dịch chữ "thần phong," sân triều đình thường hay trồng cây phong, nên gọi "thần phong" hay "phong đình".

DỊCH THƠ:

Phía tây tỉnh Thái núi nghìn trùng,
Rồng đá nhô lên giữa suối trong.
Bàn Cổ đến nay sừng sỏ rắn;
Trường giang từ đấy vuốt nanh hùng.
Này non này nước tinh hoa tụ;
Nào gió nào trăng kho đụn chung.
Từ buổi phẩm đề gương ngọc chiếu,
Năm mây như muốn đến chầu cung.

Hoàng Tạo

38. 賀友陞授新命

幹猷偉負，特簡宸淵；翰墨名家，接登朝列。

蓋備福乃儒書之振；而世臣九紳笏之榮。誼在芦聯，情殷柏悅。

聖世無波海以南
羨君忠信試初帆
受知得事舜文后

濟美眞爲伊呂男
慶在家庭斑舞四
樂於門闊珮環三
學優好及經綸會
九陛方隆雨露覃

PHIÊN ÂM:

HẠ HỮU THĂNG THỤ TÂN MỆNH [a]

Cán du vĩ phụ, đặc giản thần uyên; hàn mặc danh gia, tiếp đăng triều liệt. Cái bị phúc nãi nho thư chi chấn; nhi thế thần cửu thân hốt chi vinh. Nghị tại duẩn liên, tình ban bách duyệt.

Thánh thế vô ba hải dĩ nam,
Tiện quân trung tín thí sơ phàm.
Thụ tri đắc sự[b] *Thuấn, Văn hậu;*
Tế mỹ chân vi Y, Lã nam.
Khánh tại gia đình ban vũ tứ;
Lạc ư môn phiệt bội hoàn tam.
Học ưu hảo cập kinh luân hội,
Cửu bệ phương long vũ lộ đàm.[c]

DỊCH NGHĨA:

MỪNG BẠN ĐƯỢC THĂNG CHỨC, VÂNG MỆNH LỆNH MỚI

Mưu lược giỏi thì gánh vác nặng nề, nhà vua hiểu sâu sắc nên đặc biệt lựa chọn; gia đình nổi danh về bút mực, được đưa lên hàng quan triều. Có lẽ, phúc trọn đầy là sự đền đáp của sách nho; mà bậc đại thần dòng dõi, càng làm vẻ vang cho khách thân hào. Nghĩa ở hàng măng;[1] tình nồng ý bách.[2]

Đời thánh minh bể nam lặng sóng;
Khen ông đem lòng trung tín, thử cánh buồm đầu tiên.
Lãnh ơn tri ngộ, được thờ vua như vua Thuấn, vua Văn;[3]
Làm đẹp nghiệp nhà, khác gì con trai Y Doãn, Lã Thượng.[4]
Phúc ở gia đình, múa làm vui cha mẹ, có bốn áo màu sặc sỡ;[5]
Vui trong thế phiệt, ba người vinh hiển, đeo ngọc bội xênh xang.[6]
Học giỏi, vừa hay gặp hội kinh luân,[7]
Dưới chín bệ, đương đậm đà ơn mưa móc.[8]

KHẢO DỊ:

a. Bản A. 117C/1 (A.117/31): Hạ khế hữu tịnh ngữ 賀契友並語

b. Bản A.117/31: Đắc hữu 得有

c. Bản A.117/31: Vũ lộ đàm 雨露潭

CHÚ THÍCH:

1. Hàng măng (duẩn ban), xuất xứ từ "ngọc duẩn ban"(ban măng ngọc), chỉ những người tài giỏi trong một ban, trong triều đình .

2. Ý bách (bách duyệt), xuất xứ từ câu: "Tùng mậu nhi bách duyệt" (cây tùng xanh tốt thì cây bách vui) ở bài phú "*Hoan thệ*" của Lục Cơ người đời Tấn. Chữ "ý bách" sau được dùng để chỉ tình bè bạn thân thiết.

3. Vua Thuấn, vua Văn, tức Ngu Thuấn và Văn Vương, hai ông vua hiền đời Ngu, Chu.

4. Y Doãn, Lã Thượng, hai vị hiền thần đời Ân, Chu.

5. Múa áo màu (xem chú thích số 1 bài 2).

6. Câu này ý nói, nhà ông bạn có ba người làm quan to.

7. Hội kinh luân: Dịp thi thố tài năng kinh bang tế thế.

8. Chín bệ: Chỉ nơi vua ngự triều.

DỊCH THƠ:

Sóng lặng miền nam biển một phương,
Cánh buồm trung tín bắt đầu dương.
Thuấn, Văn vua thánh, tình tri ngộ;
Y, Lã tài trai, chí dọc ngang.
Chung cửa bốn đời dâng phúc thọ;
Riêng nhà ba vị chiếm quan sang.
Trổ tài tế thế do tài học,
Mưa móc ơn trên hậu lạ nhường.

Đào Phương Bình

39. 代浣郡公餞滾郡公致仕之作

慶今：泰字逢辰；廳庭歌露。

任海波澄元輔楫；香山雲燦老仙圖。

大老爺：世德象賢；嵓神挺峻。

文經武緯，四朝留書券之勳；少貴老全，六衮貴軒蒲之色。

牙帳齊伸賀悃，郢書音聊侑芳筵。

櫜鞬追隨四紀中
江山橫槊凜雄鋒
寬嚴節度元臣範
文武才猷古將風
忠簡宸旒膺寵命
榮開畫錦貴華宗
投膠尚有同甘日
權勁營前佇令公

PHIÊN ÂM:

ĐẠI HOÃN QUẬN CÔNG TIỄN CỔN QUẬN CÔNG TRÍ SĨ CHI TÁC[a]

Khánh kim: Thái tự phùng thời; sảnh đình ca lộ.

Nhậm hải ba trừng nguyên phụ tiếp; Hương sơn vân xán lão tiên đồ.

Đại lão da:[b] *Thế đức tượng hiền; tùng thần đĩnh tuấn*[c].

Văn kinh vũ vĩ, tứ triều lưu thư khoán chi huân;[d] *thiếu quý lão toàn, lục cổn bí hiên bồ chi sắc.*

Nha trướng tề khôn hạ khổn, dĩnh thư âm liêu hựu phương diên.[e]

Thác kiện truy tùy tứ kỷ trung,
Giang sơn hoành sáo lẫm hùng phong.
Khoan nghiêm tiết độ nguyên thần phạm;
Văn vũ tài du cổ tướng phong.
Trung giản thần lưu ưng sủng mệnh;
Vinh khai trú cẩm bí hoa tông.
Đầu giao thượng hữu đồng cam nhật,
Quyền kính doanh tiền trữ lệnh công.

DỊCH NGHĨA:

VIẾT THAY HOÃN QUẬN CÔNG TIỄN CỔN QUẬN CÔNG VỀ HƯU[1]

Nay mừng: Cõi đời gặp buổi thái hoà; sân sảnh hát bài triêu lộ.[2]

Chèo nguyên phụ bổ lớp sóng im trong bể hoạn; tranh lão tiên in

cơn mây đậm trước non Hương.[3]

Xem như ông: Là bậc hiền tài nối đức tổ xưa; là tuấn kiệt sinh ra từ núi xuống.[4]

Vào văn chương, ra vũ lược, bốn triều vua khoán sắt ghi công; trẻ phú quý, già vẹn toàn, sáu chục tuổi xe bồ nổi sắc.[5]

Nơi nha trướng,[6] đồng lòng xin chúc tụng, mấy lời thơ tạm chúc trước sân thơm:

Bao tên trên lưng ngựa, bốn mươi năm đeo đuổi,
Chỉ ngang ngọn dáo sắc nhọn trước non sông, oai hùng lẫm liệt.
Nghiêm túc, khoan dung, chừng mực, quả là khuôn mẫu bậc đại thần;
Văn tài, võ giỏi, mưu hay, đúng là phong độ một vị tướng đời xưa.
Lòng trung giản dị ở cung vua, nhận được sự sủng ái;
Vinh hiển mở ra nơi nhà trú cẩm,[7] rạng rỡ nếp nhà.
Tình bạn keo sơn, còn có ngày cùng chia bùi xẻ ngọt,
Việc quyền biến cứng cỏi trước quân doanh vẫn chờ ông.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Đề bài thêm hai chữ "tịnh ngữ" 並語

b. Bản A.117/31: Quyến duy đại lão da 眷惟大老爺

c. Bản A.117/31: Tùng thần 松神

d. Bản A.117/31: Chi hương 之香

e. Bản A.117/31: Trình thư liêu hựu phương diên 呈書聊侑芳筵

CHÚ THÍCH:

1. Hoãn Quận công, tức Nguyễn Hoãn, người Lan Khê, Nông Cống, Thanh Hoá, đỗ Tiến sĩ khoa Kỉ Mùi (1739). Ông từng làm Thị giảng cho Trịnh Sâm, khi lên ngôi Sâm phong làm Quốc sư.

Cốn Quận công, tức Trương Khuông (chưa rõ người ở đâu), năm Giáp Tý (1744), có công đánh Nguyễn Hữu Cầu ra khỏi thành Kinh Bắc.

2. Triêu lộ: Hạt sương sớm, ý nói, cảnh già ví như hạt móc buổi sớm, tan đi không mấy chốc. Bài *Đoản ca hành* của Ngụy Vũ Đế có câu: "Nhân sinh kỉ hà, thí như triêu lộ" (người sống được bao, ví như hạt móc buổi sớm).

3. Non Hương: Bạch Cư Dị, nhà thơ lớn đời Đường, khi về hưu, tập hợp được chín cụ già ngoại 70 tuổi, thành lập "Hương sơn cửu lão hội"(Hội 9 cụ già ở non Hương), làm thơ ngâm vịnh. Có người hâm mộ, vẽ thành tranh gọi là "Cửu lão đồ."

4. Sinh từ núi xuống: *Kinh Thi* có câu: "Tung cao duy nhạc, tuấn cực vu

thiên, duy nhạc giáng thần, sinh Phủ cập Thân" (Kia núi cao chót vót, nhô vút lên đến trời, thần núi giáng sinh xuống, sinh ra ông Phủ và ông Thân). Ý trong bài nói, Cổn Quận công là bậc tuấn kiệt sinh ra từ nơi danh tiếng.

5. Xe bồ: Bánh xe cuốn cỏ bồ xung quanh để đi cho êm, dùng cho những người già.

6. Nha trướng: Bức màn ở dinh quan đại tướng, dùng cán cờ bằng ngà làm cột để căng.

7. Trú cẩm: Hàn Kỳ, đại thần đời Tống, có biệt thự ở quê nhà đặt là "Trú cẩm đường." Ở đây mượn để nói Cổn Quận công về cố hương vơi thanh thế rạng rỡ. (Xem thêm ở chú thích số 2 bài 2).

DỊCH THƠ:

Bốn mươi năm trọn, sách bao cung,
Ngọn dáo chỉ ngang trước núi sông.
Tiết độ nghiêm trang, sao mẫu mực;
Tài năng văn vũ, thực thung dung.
Tôi hiền trọng dụng ghi lòng dạ;
Nhà gấm hiển vinh rạng giống dòng.
Chia ngọt xẻ bùi tình gắn bó,
Quyền uy trước trại vẫn chờ ông.

Lâm Giang

40. 啓户

初秋侍視，政出閣門。余及希章氏同在私寓談詩，適府吏呈上公事一札，是當朝參從相公批云：付知户官，這五啓奉傳照查端郡公備計，限一個月奉納。因共摘取啓户端知月照公七字爲起。

啓户端知月照公
一輪寶鏡掛晴空
無私如日常兼愛
不閉之年此大同
才子吟成移斗酌
美人織就捲紗籠
風情自有風情伴
何事孤眠笑粉紅

PHIÊN ÂM:

KHẢI HỘ[a]

Sơ thu thị thị, chính xuất các môn. Dư cập Hi Chương thị đồng tại tư ngụ đàm thi, thích phủ lại trình thượng công sự nhất trát, thị đương triều Tham tụng tướng công phê vân: "Phó Tri hộ quan, giá ngũ khải phụng truyền[b] *chiếu tra Đoan Quận công bị kê, hạn nhất cá nguyệt phụng nạp." Nhân cộng trích thủ "Khải hộ đoan tri nguyệt chiếu công" thất tự vi khởi.*

Khải hộ đoan tri nguyệt chiếu công,
Nhất luân ngọc kính quải tình không.
Vô tư như nhật thường kiêm ái;
Bất bế chi niên thử đại đồng.
Tài tử ngâm thành di đẩu chước;
Mĩ nhân chức tựu quyển sa lung.
Phong tình tự hữu phong tình bạn,
Hà sự cô miên tiếu phấn hồng.

DỊCH NGHĨA:

MỞ CỬA

Đầu mùa thu, vào coi việc, công việc thuộc Nội các. Ta và ông Hi Chương đang bàn chuyện thơ ca với nhau ở nhà riêng, giữa lúc đó, một viên lại ở phủ đệ đem trình một tờ trát về việc công, trong đó có lời quan đương triều là Tham tụng Tướng công phê rằng:"Giao năm tờ khải này cho quan Tri hộ, vâng mệnh chiếu xét về việc Đoan Quận công tố giác, hạn trong vòng một tháng phải dâng nộp." Nhân đó, ta trích lấy 7 chữ: "*Khải hộ đoan tri nguyệt chiếu công*" làm câu mở đầu:

Mở cửa mới biết có trăng soi khắp nơi nơi,
Một vầng gương ngọc treo giữa bầu trời quang tạnh.
Vô tư như mặt trời thường yêu hết thảy;[1]
Suốt năm không đóng cửa, đó là buổi đại đồng.[2]
Tài tử ngâm thơ xong, chuyển bình rượu rót;
Người đẹp dệt xong, cuốn tấm rèm the.
Khách phong tình tự có bạn phong tình,
Việc gì phải ngủ một mình cười khách má phấn.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Khải hộ tịnh ngữ 啓户並語

b. Bản A.117/31: Phụng thị 奉侍

CHÚ THÍCH:

1. Vô tư như mặt trời: *Kinh Lễ* thiên *Vô tư* chép "Thiên vô tư phú, địa vô tư tái, nhật nguyệt vô tư chiếu" (Trời không che riêng, đất không chở riêng, mặt trời, mặt trăng không soi riêng). Đây nói "vô tư như mặt trời" là mặt trăng cũng vô tư như mặt trời, không sáng cho riêng ai, và để thích thực bốn chữ "mặt trăng soi khắp" ở câu đề.

2. Không đóng cửa là buổi đại đồng: *Kinh Lễ*, thiên *Lễ vận* chép: "Ngoại hộ bất bế, thị vị đại đồng" (Cửa ngoài không phải đóng, đó là buổi đại đồng), ý nói nếu thi hành được cái chủ nghĩa công cộng thì thiên hạ là của chung, sẽ không có trộm cắp, không phải đóng cửa coi giữ.

DỊCH THƠ:

Mở cửa rầy hay nguyệt chiếu chung,
Một vầng gương ngọc gác trên không.
Ô soi khắp chốn tình kiêm ái;
Cửa ngỏ thâu đêm buổi đại đồng.
Tài tử ngâm xong đưa rượu rót;
Mĩ nhân dệt đoạn cuốn sa lồng.
Phong tình có bạn phong tình đó,
Giấc lẻ cười chi khách phấn hồng.

Hoàng Tạo

41. 賀左納言清源侯

錦堂深處綠荷深
百舌笙歌響好音
五色慶雲纏帝座
一泓秀水照臣心
維城阯第環蘭省
斯翼庭階譜菊琴
最是玩蟾朝見暇
東山明月上瓊林

PHIÊN ÂM:

HẠ TẢ NẠP NGÔN THANH NGUYÊN HẦU

Cẩm đường thâm xứ lục hà thâm,
Bách thiệt sanh ca hướng hảo âm.
Ngũ sắc khánh vân triền đế toạ;
Nhất hoằng tú thủy[a] *chiếu thần tâm.*
Duy thành để đệ hoàn lan sảnh;
Tư dực đình giai phổ cúc cầm.
Tối thị ngoạn thiềm triều kiến hạ,
Đông sơn minh nguyệt thướng quỳnh lâm.

DỊCH NGHĨA:

MỪNG QUAN TẢ NẠP NGÔN LÀ THANH NGUYÊN HẦU [1]

Nơi sâu kín trong nhà gấm, có nhành sen xanh sẫm,[2]
Có con khướu [hót] như điệu đàn sáo, vang dậy âm thanh dịu ngọt.
Năm sắc mây lành, quấn quanh toà vua ngự;
Một vùng nước đẹp trong, soi tỏ tấm lòng bầy tôi.
Phủ đệ như bức thành vây quanh sảnh lan;[3]
Sân thềm như giúp việc phổ nhạc cho đàn cúc.[4]
Nhất là ngắm trăng sau buổi triều kiến thư nhàn,
Khi trăng sáng non đông nhô khỏi rừng Quỳnh.[5]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Trí thuỷ 智水

CHÚ THÍCH:

1. Tả nạp ngôn là một chức quan chuyên lãnh việc dâng lời tấu, sớ... của các quan lên cho vua.

Thanh Nguyên hầu: Chưa rõ tên thật là ai.

2. Nhà gấm (cẩm đường), chỉ nơi làm quan.

3. Sảnh lan là nơi tàng trữ sách vở, tấu sớ... trong triều đình.

4. Đàn cúc, đây là lối chơi chữ, dùng chữ "cúc" để đối với chữ "lan" ở vế trên. Câu thơ này ý nói, phải thận trọng cung kính, khi dâng tấu, sớ lên cho vua.

5. Rừng Quỳnh: Đời Minh lập vườn Quỳnh Lâm ở phía thành Khai Phong làm nơi đãi tiệc những người đỗ Tiến sĩ.

DỊCH THƠ:

Thẳm sâu nhà gấm rợp sen xanh,
Tiếng khướu vui ca rộn phách xênh.
Bệ thánh năm màu mây ấp ủ;
Lòng tôi một dải nước long lanh.
Đài lan vây bọc nơi dinh thự;
Đàn cúc nghiêm trang chốn đế thành.
Nhất lúc tan chầu nhìn chị nguyệt,
Non đông vằng vặc chiếu rừng Quỳnh.

Hoàng Tạo

42.答香羅契友

丈夫何處不光明
況復晴天一敘情
官舍江山都有趣
春遊琴管自成聲
中流擊楫關懷切
外物浮漚放眼輕
相照如君還有幾
此番心事對和平

PHIÊN ÂM:

ĐÁP HƯƠNG LA KHẾ HỮU[a]

Trượng phu hà xứ bất quang minh,
Huống phục tình thiên nhất tự tình.
Quan xá[b] *giang sơn đô hữu thú;*
Xuân du cầm quản tự thành thanh.
Trung lưu kích tiếp[c] *quan hoài thiết;*[d]
Ngoại vật phù âu phóng nhãn khinh.
Tương chiếu như quân hoàn hữu kỉ,
Thử phiên tâm sự đối hoà bình.[e]

DỊCH NGHĨA:

TRẢ LỜI NGƯỜI BẠN THÂN Ở HƯƠNG LA[1]

Đấng trượng phu thì ở nơi nào mà chẳng sáng suốt,
Huống chi lại vào buổi trời quang tạnh, bày tỏ tâm tình.
Núi sông nơi quan xá,[2]đều có những điều thú vị;
Đàn sáo lúc du xuân, tự nó thành tiếng vang.
Đập mái chèo giữa dòng, lòng thấy da diết;[3]
Chiếc bọt ngoài cõi đời, buông mắt nhìn thấy nhẹ tênh.[4]
Cùng hiểu rõ nhau như anh, hỏi được mấy người?
Lần tâm sự này, thật công bằng hoà nhã.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Đáp tiễn Hương La khế hữu 答餞香羅契友

b. Bản A.117/31: Quan trị 官治

c. Bản VHv.16/3 và VHv. 1743/22: "Trung lưu *hệ* tiếp quan hoài thiết" 中流繫楫關懷切 (*Buộc* mái chèo giữa dòng, cõi lòng da diết vấn vương).

d. Bản A.117/31: Quan tình thiết 關情切

e. Bản A.117/31: Tâm đãi đối hoà bình 心待對和平

CHÚ THÍCH:

1. Lê Duy Đản (1742-?), người làng Hương La, huyện Yên Phong (nay thuộc Bắc Ninh). Ông đậu Tiến sĩ niên hiệu Cảnh Hưng thứ 36 (1775), bạn đồng khoa với Ngô Thì Nhậm; làm quan đến Hàn lâm viện Thị thư, không cộng tác với nhà Tây Sơn, cuối đời lại làm quan cho Gia Long.

2. Quan xá: Nhà quan ở.

3. Gõ mái chèo: (Kích tiếp): *Tấn thư* chép: Tô Địch đem quân chinh phạt phương bắc, khi qua Trường Giang, đập mái chèo xuống nước: "Không chiếm được vùng Trung Nguyên, sẽ chết ở con sông này." Người đời sau dùng thuật ngữ "Kích tiếp" để chỉ kẻ có chí đi thanh trừng thiên hạ.

4. Chiếc bọt nổi (phù âu), thuyết của nhà Phật cho rằng: Cuộc đời con người chẳng qua chỉ là chiếc bong bóng nổi trên mặt nước mà thôi. Ý nói mau tan.

DỊCH THƠ:

Tài trai đâu đó cũng đàng hoàng,
Huống lại tâm tình buổi tạnh quang.
Sông núi nơi quan đều có thú;
Sáo đàn xuân đẹp tự riêng xoang.

Giữa dòng nhịp gõ lòng coi thiết;
Ngoài cuộc bèo trôi mắt rẻ thường.
Hiểu thấu lòng nhau nhờ bác mấy?
Phen này tâm sự lặng như gương.

Hoàng Tạo

43. 送友寧拙山協同暉郡公出洋討水匪三首

其一

天嬌鶯木春長好
咿喔雞籌夜欲更
難學作人佺九字
祇祈得友慰三生
唐虞后幸遭逢早
頗牧公原號令明
舟楫不妨遊俊會
登仙敢眺錦衣行

PHIÊN ÂM:

TỐNG HỮU NINH CHUYẾT SƠN[a] HIỆP ĐỒNG
HUY QUẬN CÔNG XUẤT DƯƠNG THẢO THỦY PHỈ (TAM THỦ)

KỲ NHẤT

Yêu kiều oanh mộc xuân trường hảo,
Y ốc kê trù dạ dục canh.
Nan học tác nhân[b] mâu cửu tự;
Chỉ kỳ đắc hữu úy tam sinh.
Đường Ngu hậu hạnh tao phùng tảo;
Phả Mục công nguyên hiệu lệnh minh.
Chu tháp bất phương du tuấn hội,
Đăng tiên cảm diểu cẩm y hành.

DỊCH NGHĨA :

TIỄN BẠN NINH CHUYẾT SƠN HIỆP ĐỒNGVỚI HUY QUẬN CÔNG RA KHƠI DẸP CƯỚP BIỂN[1] (BA BÀI)

BÀI 1

Chim oanh yêu kiều trên cây, thì xuân còn đẹp mãi,
Tiếng gà eo óc, đêm sắp sang canh.
Khó học tác thành người, sánh ngang với chín chữ;[2]
Chỉ mong có bạn hiền để an ủi kiếp ba sinh.[3]
Bác may sớm gặp gỡ vua Đường, vua Ngu;[4]
Hiệu lệnh vốn sáng suốt như ông Phả, ông Mục.[5]
Dẫu trên sạp thuyền cũng không cản cuộc chơi người anh tuấn,
Dám mong bác được lên tiên, mặc áo gấm trở về.[6]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Tiễn Hi Ninh Chí 餞希寧志

b. Tác nhân 作仁

CHÚ THÍCH:

1. Ninh Chuyết Sơn, tức Ninh Tốn (1743-?), hiệu Chuyết Am, người làng Côi Trì, huyện Yên Mô (nay thuộc tỉnh Ninh Bình). Ông đậu Tiến sĩ năm Cảnh Hưng thứ 39 (1778), dưới triều Lê Chiêu Thống, làm quan tới chức Hữu thị lang Bộ Lễ. Nhà Lê mất, ông làm quan cho nhà Tây Sơn tới Binh bộ Thượng thư, tước hầu.

Huy Quận công, tức Hoàng Đình Bảo, người làng Phụng Công, xã Phụng Công, huyện Yên Dũng, (Bắc Giang). Đỗ Tạo sĩ khoa thi võ năm Bính Tuất, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 27 (1766), được Trịnh Sâm tin dùng.

2. Chín chữ (cửu tự): Tức chín chữ cù lao ở thơ *Lục nga*, *Kinh Thi*, nói về công ơn của cha mẹ. Ý thơ nói, Ninh Tốn đối với vấn đề tác thành con người lớn như công lao của cha mẹ đối với con cái. Tác giả tự cảm thấy mình khó mà học tập được như bạn.

3. Ba sinh (Tam sinh): Theo học thuyết của Phật giáo, người ta chết sẽ tái sinh, luân hồi nhiều kiếp khác. Sau này, thuật ngữ "tam sinh" được dùng để chỉ cho một kiếp sống của con người.

4. Đường, Ngu: Tức Đường Nghiêu và Ngu Thuấn hai đời vua hiền Trung Quốc cổ.

5. Phả, Mục: Tức Liêm Phả và Lý Mục, hai danh tướng của nước Triệu thời Chiến Quốc.

6. Lên tiên (đăng tiên): Ban Thanh Cảnh đời Tống khi đi qua châu Đại

Lương được viên quan Thứ sử châu ấy ca ngợi "Ban Sinh đi chuyến này khác nào kẻ lên tiên" (Ban Sinh thử hành, hà dị đăng tiên), ở đây mượn để ca ngợi họ Ninh đi làm nhiệm vụ quân sự, và có ý chúc tụng sự thành công của chuyến đi ấy.

DỊCH THƠ:

Lộng lẫy chim oanh xuân đẹp mãi,
Râm ran gà gáy sắp sang canh.
Học tác thành người sao khó vậy;
Bạn hiền mong đợi kiếp ba sinh.
Bác may sớm gặp Đường Ngu ấy;
Như ông Phả Mục lệnh nghiêm minh.
Sạp thuyền đâu cản người anh tuấn,
Áo gấm có ngày bác hiển vinh.

Lê Việt Nga

44. 其二

經綸際遇千年再
文武勳猷一月三
細柳英風綰黼扆
膏苗陰雨滿東南
秋毫不入圖書篋
海颶何驚信義帆
傅鼎正今調劑會
問公藥物幾辛甘

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Kinh luân tế ngộ thiên niên tái,
Văn vũ huân du nhất nguyệt tam.
Tế liễu anh phong đề phủ ỷ;
Cao miêu âm vũ mãn đông nam.
Thu hào bất nhập đồ thư khíp;

Hải cụ hà kinh tín nghĩa phàm.
Phó đỉnh chính kim điều tễ hội,
Vấn công dược vật kỷ tân cam.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Cơ hội kinh luân ngàn năm mới gặp được,[1]
Mưu lược lập công văn võ, một tháng ba lần báo tin về.
Gió lành bên hàng liễu quyện chặt võ phục;[2]
Mưa dầm khiến lúa mạ mầu mỡ khắp miền đông nam.
Hòm đồ thư, một mảy lông mùa thu không lọt;[3]
Buồm tín nghĩa, bão biển có sợ gì đâu.
Nay đúng là dịp điều chế cái vạc Phó Duyệt,[4]
Xin hỏi, dược phẩm của ông có bao nhiêu vị ngọt vị cay?

CHÚ THÍCH:

1. Thơ nêu chữ "thiên niên"(nghìn năm) chỉ là ước lệ, chỉ thời gian dài lâu. Ý thơ phảng phất câu "thiên tuế nhất thời" (nghìn năm mới có một hội) ở *Tấn thư*.

2. Dinh Tế Liễu: Chu Á Phu, tướng tài đời Hán, đóng quân ở Tế Liễu để trấn giữ rợ Hồ. Một hôm, Hán Văn Đế đi uý lạo ba quân, khi đến Bá Thượng vua đi thẳng vào cửa quân, nhưng khi đến Tế Liễu thì không được vào. Nhà vua sai sứ cầm cờ tiết vào báo với Chu Á Phu, lúc đó Á Phu mới ra lệnh mở cửa, Văn Đế khen: "Đây mới đúng là cửa quân, còn Bá Thượng thực là trò trẻ." Tế Liễu sau dùng để chỉ nơi đóng quân nghiêm mật.

3. Ý nói quân lệnh nghiêm minh.

Đồ thư: Sách vở, bản đồ.

4. Cái vạc Phó Duyệt: Vì Phó Duyệt là hiền thần của Ân Cao Tông. Cao Tông thường nói: "Nhược tác điều canh, nhữ duy diêm mai" (Nếu điều hoà mùi vị canh thì nhà ngươi là muối là mơ). Ở đây ý nói, ông bạn họ Ninh cũng giống Phó Duyệt, đang được nhà vua tin dùng.

Ý thơ mong bạn đem hết tài kinh luân ra y quốc, cứu chữa mọi bệnh tật của xã hội khi ấy.

DỊCH THƠ:

Kinh luân lại gặp hội nghìn năm,
Tháng báo công dồn cả võ văn.
Dinh liễu gió hùng gây khí thế;
Đồng ngô mưa mượt khắp đông nam.

Sách đàn gánh quảy, lông thu nhỏ;
Tín nghĩa buồm dương bão biển tan.
Vạc Phó nay đang thời chế biến,
Thuốc ngài có mấy vị tân cam.

Đào Phương Bình

45. 其三

九重溫旨召三司
親覲天顏白玉墀
策勵人臣今日事
勤勞吾友兩年茲
此行已別槃於鋭
新政方嚴障與絲
奮迅好逢交泰會
知公有喜報公知

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Cửu trùng ôn chỉ triệu Tam ti,
Thân cận Thiên nhan Bạch Ngọc trì.
Sách lệ nhân thần kim nhật sự;
Cần lao ngô hữu lưỡng niên tư.
Thử hành dĩ biệt bàn ư nhuệ;
Tân chính phương nghiêm chướng dữ ti.
Phấn tấn hảo phùng giao thái hội,
Tri công hữu hỉ báo công tri.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Ý chỉ ôn hoà nơi Cửu trùng vời tới Tam ti,[1]
Đích thân triều cận Thiên nhan, trước thềm Bạch Ngọc.
Việc hôm nay, phận sự làm tôi phải gắng sức;
Hai năm này, bạn ta phải vất vả gian lao.
Chuyến đi này đã rõ giữa sự lớn lao với sắc bén;[2]
Chính sự mới đương nghiêm bên chướng buông mành.[3]

Gặp được dịp tốt, gắng cùng nhau vui vẻ,
Biết ông có tin mừng, nên báo cho ông hay.

CHÚ THÍCH:

1. Tam ti tức Tam công, đời Đông Hán đổi Đại tư mã làm Thái uý và Tư đồ, Tư không, đều gọi là Tam công, cũng gọi Tam ti.

2. Lớn lao sắc bén (bàn ư nhuệ), cũng có thể "bàn ư nhuệ" là tác giả giản hóa từ chữ "thác bàn lợi khí." Vì chữ " Lợi" là quốc huý triều Lê (Lê Lợi), nên đổi là "Nhuệ," và có nghĩa là: Làm thợ gặp thứ gỗ quánh, mới biết rõ khí cụ của thợ đó là sắc. Trong thơ ý nói, sẽ biết được sự tài giỏi của ông đối với việc binh nhung.

3. Bên chướng buông mành (chướng dữ ti), cũng có thể dịch "Che chở hay rút của dân." *Tấn ngữ* chép: Triệu Giản Tử sai Doãn Đạc ra làm quan ở Tấn Dương, hỏi rằng: "Ông sẽ rút tơ ở tổ kén hay làm bình phong che chở"? Đạc trả lời: "Xin làm chiếc bình phong che chở." Đây tác giả khuyên bạn nên làm theo người xưa. Dẹp giặc bảo vệ dân, không nên vơ vét của dân.

46. 渡如鐵水

四顧閭閻景入圖
茫茫野水一橫舟
鏡涵漢表疑霞落
碑湧波間見石浮
征旆爲承天子詔
睨軺只解相公遊
登高按劍舒長眺
萬嶺雲邊是上游

PHIÊN ÂM:

ĐỘ NHƯ THIẾT THỦY

Tứ cố lư diêm cảnh nhập đồ,
Mang mang dã thủy nhất hoành chu.

Kính hàm hán biểu nghi hà lạc;
Bi dũng ba gian kiến thạch phù.
Chinh bái vị thừa thiên tử chiếu;
Nghê thiều chỉ giải tướng công du.
Đăng cao án kiếm thư trường diểu;
Vạn lĩnh vân biên thị thượng du.

DỊCH NGHĨA:

QUA ĐỒNG NƯỚC NHƯ THIẾT[1]

Nhìn bốn phía, thấy cảnh xóm làng như trong tranh vẽ,
Đồng nước mênh mông, một chiếc đò ngang.
Gương in cuối trời, ngỡ là ráng sa xuống;
Bia nhô khỏi sóng, thấy như đá nổi lên.
Vì vâng chiếu thiên tử, dương ngọn cờ chiến;
Chỉ biết tướng công dong chơi, bởi thấy xe đi.
Lên cao chống kiếm, thả tầm mắt nhìn khắp,
Muôn ngọn núi bên mây, đó là vùng thượng du.

CHÚ THÍCH:

1. Như Thiết, tên làng, nay thuộc huyện Việt Yên, Bắc Giang.

DỊCH THƠ:

Làng xóm bên đồng tựa bức tranh,
Đò ngang một chiếc, nước mông mênh.
Cuối trời gương ngậm, mây tha thướt;
Giữa sóng bia nhô, đá bập bềnh.
Nhận chiếu vua ban, cờ toả khắp;
Thấy xe quan tới mắt nhìn quanh.
Lên cao chống kiếm, thư nhàn ngắm,
Đồi núi thượng du bát ngát xanh.

Lâm Giang

47. 渡月德江

轅門下令發千軍
象馬喧闐滿北津
敵愾不嫌楊柳往

招安祇作黍苗巡
秋防永撤無薪楚
春暖添榮有扇巾
宣布教聲臣子職
願將甘雨潤山民

PHIÊN ÂM :

ĐỘ NGUYỆT ĐỨC GIANG

Viên môn hạ lệnh phát thiên quân,[a]
Tượng mã huyên điền mãn bắc tân.
Địch khái bất hiềm dương liễu vãng;
Chiêu an chỉ tác thử miêu tuần.
Thu phòng vĩnh triệt vô tân sở;
Xuân noãn thiêm vinh hữu phiến cân.
Tuyên bố giáo thanh thần tử chức,
Nguyện tương cam vũ nhuận sơn dân.

DỊCH NGHĨA:

QUA SÔNG NGUYỆT ĐỨC[1]

Cửa quân hạ lệnh cho nghìn quân xuất phát,
Voi ngựa rậm rịch, đầy bến bắc.
Bởi căm thù giặc, nên không ngại ra đi lâu ngày;[2]
Việc chiêu an, chỉ là cuộc tuần tra lúa mạ.[3]
Phòng vệ mùa thu bỏ hẳn, vì không còn gai góc;
Nắng ấm mùa xuân thêm tươi, bởi có khách quạt, khăn.[4]
Ban bố nền giáo hoá, là chức phận của bầy tôi,
Vậy xin đem mưa ngọt, nhuần tưới cho dân miền núi.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Tam quân 三軍

CHÚ THÍCH:

1. Sông Nguyệt Đức, tức sông Cầu ngày nay.

2. Ra đi lâu ngày: *Kinh Thi*: "Tích ngã vãng hĩ, dương liễu y y. Kim ngã lai tư, vũ tuyết phi phi"(Lúc ta ra đi, liễu còn đang xanh rờn. Nay trở về, tuyết bay phới phới), ý thơ, nói việc ra đi dẹp giặc lâu ngày.

3. Tuần tra lúa mạ: *Kinh Thi*, thơ *Thử miêu*: "Bông bông thử miêu, âm vũ cao chi"(rườm rà lúa mạ, mưa tưới mượt mà). Ở đây, mượn để nói việc tuần tra, xem xét đời sống của dân.

4. Quạt, khăn: Tức "Quạt lông, khăn lượt" mà Khổng Minh hay dùng. Đây chỉ phong thái ung dung của bậc đại tướng.

48. 平市軍駐

邊情一自達承明
仰奉天綸予踏平
閭節掃清山嶺障
村塵划作將軍營
椎牛士卒歡寬令
看象旄倪慶吉行
公濟如承宣室問
堯民原自不知兵

PHIÊN ÂM

BÌNH THỊ QUÂN TRÚ

Biên tình nhất tự đạt thừa minh,
Ngưỡng phụng thiên luân dữ đạp bình.
Khổn tiết tảo thanh sơn lĩnh chướng;
Thôn triền hoạch tác tướng quân dinh.
Chùy ngưu sĩ tốt ca khoan lệnh;
Khán tượng mao nghê khánh cát hành.
Công tế như thừa Tuyên Thất vấn,[a]
Nghiêu dân nguyên tự bất tri binh.

DỊCH NGHĨA:

QUÂN ĐÓNG Ở CHỢ BẰNG[1]

Tình hình biên cương vừa truyền đến trước điện,
Bèn vâng theo ý chỉ nhà vua, cho quân đi dẹp bằng.

Cờ tiết quan trấn thủ, quét sạch mọi chướng ngại nơi đồi núi;
Chợ làng san phẳng dựng doanh trại cho tướng quân.
Quân sĩ mổ trâu, ca ngợi pháp lệnh khoan dung;
Già trẻ xem voi, chúc mừng chuyến đi tốt đẹp.
Việc công song xuôi nếu nhà vua hỏi tới,
Xin thưa: Dân vua Nghiêu vốn không biết việc binh đao.[2]

KHẢO DỊ:

a. BảnVHv.1743/22: Thất phỏng 室訪

CHÚ THÍCH:

1. Có lẽ bài này sáng tác khi Ngô Thì Nhậm tham gia đàn áp Hoàng Văn Đồng ở Tuyên Quang.

2. Dân đời Nghiêu Thuấn được thái bình thịnh trị. Ở đây ý nói, vùng này nay đã được bình yên, không còn giặc giã nữa.

49. 秋日山遊三首

其一

標致原來薄謝安
祇於秋日賞秋山
嚴霜不許松顏老
微雨偏容石嶺斑
金籟恬時聽戍角
碧煙開處見禪關
登高回首江西岸
彷彿鈞韶咫尺間

PHIÊN ÂM

THU NHẬT SƠN DU[a] *(TAM THỦ)*

KỲ NHẤT

Tiêu trí nguyên lai bạc Tạ An,
Chỉ ư thu nhật thưởng thu san.

Nghiêm sương bất hứa tùng nhan lão;
Vi vũ thiên dung thạch lĩnh ban.
Kim lại điểm thời thinh thú giác;[b]
Bích yên khai xứ kiến thiền quan.
Đăng cao hồi thủ giang tây ngạn,
Phảng phất quân thiều chỉ xích gian.

DỊCH NGHĨA:

NGÀY THU CHƠI NÚI (BA BÀI)

BÀI 1

Phong thái của ta vốn gần với Tạ An,[1]
Là chỉ ở những ngày thu, thưởng thức non thu.
Sương giá buốt, không làm vẻ cây thông già cỗi;
Mưa lất phất, riêng để cho núi đá lổ loang.
Khi lặng gió, nghe rõ tiếng ốc nơi đồn thú;
Nơi khói biếc tan, thấy ngay cửa thiền.
Lên cao, ngoái đầu nhìn bờ tây dòng chảy,
Tiếng nhạc quân thiều phảng phất trong tấc gang.[2]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Thu *nguyệt* sơn du 秋月山遊

b. Bản A.117/31: Kim lại *minh* thời *xuy* thú dốc 金籟鳴時吹戍角

CHÚ THÍCH:

1. Tạ An: Một tướng giỏi đời Tấn. Khi còn trẻ, nhiều lần vua Tấn triệu ra, nhưng ông đều từ chối. Về sau, Tần Bồ Kiên đem trăm vạn quân sang đánh, dân chúng đều nói "Nếu Tạ An không ra, thì dân sao sống được." Tạ bất đắc dĩ phải nhận chức Chinh thảo đại đô úy. Sau khi sắp đặt việc quân xong, ông bèn rủ cháu là Tạ Huyền lên biệt thự trên núi ung dung đánh cờ, đánh chưa xong ván cờ, thì có tin báo về là đã phá tan được quân Bồ Kiên. Đây vì bài thơ "*chơi núi*," nên tác giả nhắc tới để ví cuộc chơi của mình cũng gần giống việc đánh cờ trên núi của Tạ An xưa. (Xem thêm chú thích số 2 bài 17).

2. Nhạc quân thiều: Xem chú thích số 3 bài 34.

DỊCH THƠ:

Phong thái ta gần với Tạ An,
Chỉ khi thu đến thưởng ngày nhàn.
Sương khuya chẳng để thông già cỗi;
Mưa nhỏ riêng cho đá lổ loang.

Chòi gác gió im kèn rộn tiếng;
Cửa chùa mây tản khói bay ngang.
Lên cao ngoái lại trông dòng nước,
Phảng phất quân thiều chỉ tấc gang.

Lâm Giang

50. 其二

那得官身盡日閒
乾坤佳景與人看
雲煙錯落如來土
巒嶼縱橫自在山
車馬影從雲隊裏
管絃響在石中間
卷阿正好優游會
樂在同心臭有蘭

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Ná đắc quan thân[a] tận nhật nhàn,
Càn khôn giai cảnh dữ nhân khan.
Vân yên thác lạc Như Lai thổ;
Loan dữ tung hoành tự tại san.
Xa mã ảnh tòng vân đội lý;
Quản huyền hưởng tại thạch trung gian.
Quyển A chính hảo ưu du hội,
Lạc tại đồng tâm xú hữu lan.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Thân phận làm quan, đâu được suốt ngày nhàn hạ,
Cảnh đẹp đất trời, là để cho người ta nhìn ngắm.

Mảnh đất Như Lai, khói mây rải rác;[1]
Dãy non tự tại, gò đảo dọc ngang.[2]
Giữa đám mây, bóng xe ngựa xuất hiện;
Trong lèn đá, tiếng sáo đàn vang lên.
Dịp dong chơi này đúng như thơ Quyển A,[3]

Vui với bạn đồng tâm như hoa lan thơm nức.

KHẢO DỊ:

a. Bản A. 117/31: Quan cư 官居

CHÚ THÍCH:

1. Như Lai, theo kinh *Kim Cương*: "Không từ đâu tới, cũng không đi đến đâu, gọi là Như Lai." Nó là phật hiệu, nhưng ở đây chỉ mảnh đất hoàn toàn tự tại.

2. Tự tại, từ nhà Phật dùng để chỉ sự thông suốt, không trở ngại gì.

3. Quyển A là "gò uốn quanh," tên bài thơ trong *Kinh Thi (Đại nhã)* do Thiệu Khang Công nhà Chu làm nhân theo vua Thành Vương dạo chơi và ca hát. Trong thơ có câu: "Ưu du nhĩ hưu hĩ" (Ung dung ngài nghỉ ngơi). Bài thơ ca ngợi đức độ của vua Thành Vương qua cuộc dạo chơi thư thái.

DỊCH THƠ:

Thân phận làm quan chẳng được nhàn,
Cảnh hay từng trải mắt nhân gian.
Như Lai mây khói hình rời rạc;
Tự tại đầu non thế dọc ngang.
Thấp thoáng trong mây xe ngựa dóng;
Lắng nghe lèn đá sáo đàn vang.
Thung dung trẩy hội ngâm thơ cổ
Vui bạn đồng tâm nức huệ lan.

Lâm Giang

51. 其 三

秋 日 承 涼 赴 盛 園
登 山 歡 話 又 登 山
金 風 簫 瑟 天 容 淡
錦 嶺 翱 翔 客 步 寬
勝 賞 兼 逢 吹 以 竹

英遊剩有臭如蘭
春和況在唐虞宇
且效衢歌祝泰安

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Thu nhật thừa lương phó Thịnh Đoàn,[a]
Đăng sơn hoan thoại hựu đăng sơn.
Kim phong tiêu sắt thiên dung đạm;
Cẩm lĩnh cao tường khách bộ khoan.
Thắng thưởng kiêm phùng xuy dĩ trúc;[b]
Anh du thặng hữu xú như lan.
Xuân hòa huống tại Đường Ngu vũ,
Thả hiệu Cù ca chúc thái an.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Ngày thu chơi mát tới Thịnh Đoàn,[1]
Lên núi nói chuyện vui, lại lên núi.
Hiu hắt gió thu, vẻ trời nhàn nhạt;
Tiêu dao non gấm, khách sải bước chân.
Cuộc thắng thưởng, thêm gặp người thổi sáo trúc;[2]
Chuyến anh du, may có bạn thơm nức hoa lan.
Huống hồ bờ cõi Đường Ngu, hơi xuân ấm áp,[3]
Hãy học theo bài ca Khang Cù, mừng buổi trị bình.[4]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117c/1 (A.117/31): "Thu nguyệt thừa *thanh ngoại* Thịnh Đoàn" 秋月承清外盛團 (*Ra ngoài* Thịnh Đoàn *hứng gió mát* dưới trăng thu).

b. Bản A.117c/1 (A.117/31): "*Thắng cảnh* kiêm phùng xuy dĩ chúc" 勝景兼逢吹以竹 (*Cảnh đẹp* thêm gặp người thổi sáo).

CHÚ THÍCH:

1. Thịnh Đoàn, chưa rõ ở đâu.

2. Người thổi sáo trúc (xuy dĩ trúc), *Tấn thư* chép: Tạ Thượng đêm thu thả thuyền chơi sông Ngưu Chử, bỗng gặp Viên Hoàng đương ngâm vịnh trong

thuyền. Tạ hỏi: "Bác cũng tới đây với tôi ư"? Rồi sang thuyền Viên thổi sáo, đàm luận văn thơ tới sáng. Ở đây ý nói, chuyến đi chơi này cũng có bạn thơ cùng đi.

3. Đường Ngu, tức Nghiêu Thuấn: (Xem chú thích số 4 bài 43). Câu này nói cảnh thái bình yên vui.

4. Bài ca Khang Cù, vua Nghiêu một hôm vi hành dò xét dân tình, thấy trẻ con đứng ở đường cái lớn mà hát. Đại ý bài hát là ca ngợi cuộc sống thái bình thịnh trị.

DỊCH THƠ:

Chơi mát ngày thu tới Thịnh Đoàn,
Lên non trò chuyện thật hân hoan.
Gió thu hưu hắt, trời mờ mịt;
Non gấm tiêu dao, khách xốn xang.
Gặp được cuộc vui, người thổi sáo;
Chuyến đi có bạn nức hương lan.
Đường Ngu bờ cõi, hơi xuân ấm,
Học khúc Khang Cù buổi trị an.

Lê Việt Nga

52. 贈年眷潘瑞岩侯命關上

我越封疆萬餘里
北抵諒山南地哩
北來山嶺萬千重
南過海門餘十二
觀軍旌節既當年
諮度幢幡又今歲
丈夫魏闕更江湖
男兒琴劍與弧矢
清奇何處不賞心
揚歷如君多浮志
祿馬山頭燦軍營

二青寺中饒勝致
想應北塞樂陪遊
相似南陲娛拜彩
使旌竣在菊初花
邊幹完於梅結蕊
馳驅吾輩有官身
鄭重此番無盡意
相期聯珮慶彈冠
何必一杯持上壽
情於秋月渭北南
思在清山德江水

PHIÊN ÂM:

TẶNG NIÊN QUYẾN PHAN THỤY NHAM[a]
HẬU MỆNH QUAN THƯỢNG

Ngã Việt phong cương vạn dư lý,
Bắc để Lạng Sơn nam Địa Lý.
Bắc lai sơn lĩnh vạn thiên trùng;
Nam quá hải môn dư thập nhuy.
Quan quân tinh tiết ký đương niên;[b]
Tư đạc chàng phan hựu kim tuế.
Trượng phu ngụy khuyết[c] cánh giang hồ;
Nam nhi cầm kiếm dữ hồ thỉ.
Thanh kỳ hà xứ bất thưởng tâm;
Dương lịch như quân đa đắc chí.
Lộc Mã sơn đầu xán quân doanh;[d]
Nhị Thanh[e] tự trung nhiêu thắng trí.
Tưởng ưng bắc tái lạc bồi du;
Tương tự nam thùy ngu bái thái.

Sứ tinh[g] tuấn tại cúc sơ hoa;
Biên cán hoàn ư mai kết nhụy.
Trì khu ngô bối hữu quan thân;
Trịnh trọng thử phiên vô tận ý.
Tương kỳ liên bội khánh đàn quan;
Hà tất nhất bôi trì thượng bí.
Tình ư thu nguyệt Vị bắc nam;
Tứ tại Thanh sơn Đức giang thủy.

DỊCH NGHĨA:

TẶNG NGƯỜI ANH EM RỂ ĐỖ ĐỒNG KHOA PHAN THỤY NHAM CHỜ MỆNH TRÊN CỬA ẢI[(1)]

Bờ cõi nước Việt ta hơn vạn dặm,
Bắc đến Lạng Sơn, nam tới Địa Lý.[(2)]
Trở lên phía bắc, núi non muôn nghìn trùng;
Đi vào phía nam, trên mười hai cửa bể.
Năm ấy, ông đã cờ xí coi việc quân;
Năm nay lại quạt cờ đi sứ.
Bậc trượng phu khi cửa khuyết, lúc giang hồ;
Đấng nam nhi, lúc gươm đàn, khi tên nỏ.
Để lòng thưởng thức chốn thanh kỳ;
Từng trải như ông, thật nhiều điều đắc chí.
Đầu núi Lộc Mã, rực rỡ quân doanh;[(3)]
Trong động Nhị Thanh, dạt dào thắng cảnh.[(4)]
Nghĩ nên vui với cuộc bồi du nơi ải bắc;
Giống như vui lúc bái mệnh ở cõi nam.
Xong việc cờ sứ, thì cúc vừa nở hoa;
Việc biên cương hoàn tất đúng lúc mai kết nhị.
Bọn ta rong ruổi vì thân mang trọng trách;
Lần này trịnh trọng, hàm ý vô cùng.
Hẹn nhau đeo ngọc bội, mừng sửa mũ;[(5)]
Hà tất phải nâng chén khi lên ngựa cầm cương.
Tình ở trăng thu, bắc nam sông Vị;[(6)]
Tứ ở sông Đức và ở núi Thanh.[(7)]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Tặng niên quyến Phan chi dụ 贈年眷潘之裕
b. Bản A.117/31: Kí cổ niên 既古年

c. Bản A.117/31: Phó khuyết 赴闕

d. Bản A.117/31: Tân doanh 新營

e. Bản A.117/31: Tam Thanh 三清

g. Bản A.117/31: Sứ kì 使期

CHÚ THÍCH:

1. Phan Thụy Nham, tức Phan Huy Ích. Ngô Thì Nhậm là anh vợ Phan Huy Ích, hai người đỗ cùng khoa, nên xưng hô "niên quyến"(quyến là thân quyến, niên là đồng niên, tức đồng khoa).

2. Địa Lý: Tức châu Lý, thuộc vùng Thuận Hoá, nguyên đất của Chiêm Thành, sáp nhập vào bản đồ nước Việt ta từ triều Trần Anh Tông năm Hưng Long 14 (1302).

3,4. Núi Lộc Mã, động Nhị Thanh, đều là địa danh thuộc tỉnh Lạng Sơn.

5. Sửa mũ (đàn quan): *Hán thư* có câu:"Vương Dương giữ chức, Cống công sửa mũ," ý nói Cống Vũ làm bạn với Dương Vương, Dương đã ra làm quan, Vũ cũng sửa lại cái mũ của mình để chuẩn bị ra làm quan, vì Vũ nghĩ rằng nhất định bạn sẽ tiến cử mình.

6. Phía bắc sông Vị (Vị bắc): Lấy ý ở câu: "Vị bắc xuân thiên thụ, Giang Đông nhật mộ vân"(cây mùa xuân ở Vị bắc, mây chiều hôm ở Giang Đông), trong bài thơ *Ngày xuân nhớ Lý Bạch* của Đỗ Phủ. Sau người ta thường dùng ý này để chỉ những người bạn ở xa mong nhớ nhau.

7. Núi Thanh, sông Đức, tức núi Tam Thanh, sông Bác Đức đều ở Lạng Sơn.

DỊCH THƠ:

Cõi bờ nước ta muôn dặm lẻ,
Bắc đến Lạng Sơn, nam Địa Lý.
Bắc qua nghìn vạn đợt non cao,
Nam vượt mười hai lần cửa bể.
Cờ xí duyệt quân năm trước qua;
Sứ mệnh họp bàn nay lại ghé .
Một thân nguỵ khuyết lại giang hồ,
Hai vai gươm đàn với hồ thỉ.
Thanh kì đâu đó chẳng vui lòng!
Kiên quyết như ông bao xứng ý!
Đầu non Lộc Mã trại quân cao,
Trong động Nhị Thanh đẹp xiết kể.
Tưởng như ải bắc vui hầu vua,
Chẳng khác cõi nam lạy cha mẹ.
Hoàn thành sứ mệnh cúc đơm hoa ,
Kết thúc biên phong mai kết nhị.

Ruổi rong tôi bác chửa nhàn thân,
Thận trọng phen này cho hết ý.
Mang đai, phẩy mũ hẹn cùng nhau,
Chén rượu bên yên chí đáng kể.
Tình như dòng Vị dưới trăng thu,
Tứ gửi Thanh sơn cùng Đức thủy.

Hoàng Tạo

53. 答范石洞入侍添差得病

十載與君交
徒能誦其文
連日與君遊
乃益服其人
文章既白雪
心地尤陽春
中夜我沉思
難得友如君
君好自珍重
毋輕萬金身
大抵不相照
更復誰相鄰
我看君氣力
十瘦四五分
雖然必無死
瘦形不瘦神
風雅能醫俗
英華不療貧
所以嘗無錢
不能買八珍
無妄自有喜
勸君且飲醇

PHIÊN ÂM:

ĐÁP PHẠM THẠCH ĐỘNG NHẬP THỊ THIÊM SAI ĐẮC BỆNH

Thập tải dữ quân giao,
Đồ năng tụng kỳ văn.
Liên nhật dữ quân du,
Nãi ích phục kỳ nhân.
Văn chương ký Bạch Tuyết,
Tâm địa[a] vưu Dương Xuân.
Trung dạ ngã trầm tư,
Nan đắc hữu như quân.
Quân hảo tự trân trọng,
Vô khinh vạn kim thân.
Đại để bất tương chiếu,
Cánh phục thùy tương lân.
Ngã khan quân khí lực,
Thập sấu tứ ngũ phân.
Tuy nhiên tất vô tử,
Sấu hình bất sấu thần.
Phong nhã năng y tục,
Anh hoa bất liệu bần,
Sở dĩ thường vô tiền.
Bất năng mãi bát trân.
Vô võng tự hữu hỷ,
Khuyến quân thả ẩm thuần.

DỊCH NGHĨA:

PHÚC ĐÁP NHẬP THỊ THIÊM SAI PHẠM THẠCH ĐỘNG BỊ ỐM[1]

Chơi với ông đã mười năm,
Luống những đọc văn ông viết.
Ngày ngày cùng ông dong chơi,
Nên càng khâm phục con người ông.
Văn chương đã là bài ca Bạch Tuyết,[2]
Thì tấm lòng lại càng như khúc hát Dương Xuân.[3]
Nửa đêm tôi nghĩ suy sâu lắng,
Thấy khó có người bạn như ông.

Ông nên tự quý trọng [sức khoẻ],
Chớ coi nhẹ tấm thân ngàn vàng.
Nếu như lòng nhau không hiểu rõ,
Thì ai còn thương xót ai đâu?
Tôi xem sức khoẻ của ông,
Mười phần đã gầy đi ba bốn.
Tuy vậy mà nhất định chưa chết,
Thân thể dẫu gầy, tinh thần có gầy đâu!
Phong nhã có thể chữa được thói tục,
Nhưng hào hoa không chữa khỏi cảnh đói nghèo.
Vì thế mà thường chẳng có tiền,
Nên một thang bát trân cũng không mua nổi.(4)
Không dông càn sẽ tự có nguồn vui,(5)
Ông hãy cố gắng, cùng nhắp chén rượu nồng.(6)

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Tâm tình 心情

CHÚ THÍCH:

1. Phạm Thạch Động tức Phạm Nguyễn Du. (Xem chú thích số1 bài 4).

2-3. *Bạch Tuyết, Dương Xuân*, đều là những khúc hát hay ít người học theo được. Ở đây Dương Xuân lại có nghĩa là mặt trời mùa xuân, hòa dịu trong sáng, chỉ những điều đặc biệt mà riêng Thạch Động mới có.

4. Bát trân: Tên bài thuốc bổ khí huyết của Trunng y, trong đó có 8 vị thuốc quý.

5. Không dông càn, có nguồn vui. (vô vọng hữu hỉ), *Kinh Dịch, hào cửu ngũ, quẻ Vô vọng* có nói: "Vô vọng chi tật, vật dược hữu hỉ." (Đã không dông càn, nếu gặp tật bệnh không uống thuốc cũng khỏi, có nguồn vui).

6. Nhắp chén rượu nồng, dịch chữ "ẩm thuần": Nguyên văn "Ẩm thuần tự tuý." Lời chú của *Tam quốc chí*: Dữ Chu Công Cẩn giao, nhược ẩm thuần giao, bất giác tự tuý (Kết giao với Chu Công Cẩn, dù uống rượu thật nồng, cũng không biết mình say).

DỊCH THƠ:

Mười năm cùng kết bạn,
Mới đọc văn ông thôi.
Nay ngày ngày gần gụi,
Càng mến phục con người.
Văn chương bài tuyết trắng,
Lòng dạ xuân đầy trời.

Đang đêm tôi ngẫm nghĩ,
Bạn như ông mấy mươi?
Hãy gìn vàng giữ ngọc!
Muôn vàn chớ coi chơi!
Nếu không hiểu tâm sự,
Thì đời ai thương ai!
Tôi xem khí lực ông,
Mười giảm bốn năm rồi.
Song chắc sẽ không chết,
Thân gầy sắc vẫn tươi.
Nhã chữa tục thì được,
Văn trị nghèo không xuôi.
Bởi vậy hễ tiền thiếu,
Thì cao lương vắng mùi.
Chắc có tin mừng đấy,
Xin nhắc chén cùng tôi.

Hoàng Tạo

54. 賀眷弟黃倬嶺侯按鎮乂安

揚鞭一躍跨青雲
萬里亨衢驥足伸
四牡騤騤華冑將
八鸞噦噦御林軍
展騏好及英年會
勒駿應高不世勳
五色錦雲開瑞彩
馬家美業屬之君

PHIÊN ÂM:

HẠ QUYẾN ĐỆ HOÀNG TRÁC LĨNH HẦU ÁN TRẤN NGHỆ AN[a]

Dương tiên nhất dược khóa thanh vân,
Vạn lý hanh cù ký túc thân.

Tứ mẫu quỳ quỳ hoa trụ tướng;
Bát loan nhuế nhuế ngự lâm quân.
Triển kì hảo cập anh niên hội;
Lặc tuấn ưng cao bất thế huân.
Ngũ sắc cẩm vân khai[b] thụy thái,
Mã gia mỹ nghiệp thuộc chi quân.

DỊCH NGHĨA:

MỪNG EM VỢ LÀ TRÁC LĨNH HẦU HỌ HOÀNG VÀO TRẤN THỦ NGHỆ AN [1]

Vung roi nhẩy một bước, cưỡi lên mây xanh,
Đường muôn dặm thuận lợi, vó ngựa ký thênh thang.
Viên tướng nhà dòng đi xe tứ mã đĩnh đạc;
Đoàn quân ngự lâm gióng ngựa tám nhạc leng keng.
Thúc ngựa hay ra đi, vừa kịp hồi tuổi trẻ;
Gò cương lại, nên nêu công lao hơn đời.
Mây gấm năm màu, sắc lành đã mở,
Sự nghiệp vẻ vang nhà họ Mã, nay thuộc về em.[2]

KHẢO DỊ:

a. Đầu bài này ở bản A.117/31 chép: Hạ quyến đệ Trác Lĩnh hầu án Nghệ An 賀眷弟倬領侯按乂安

b. Bản A.117/31: Ngũ sắc cẩm khai vân thuỵ khí 五色錦開雲瑞色

CHÚ THÍCH:

1. Trác Lĩnh: Chưa rõ họ tên thật là gì.

2. Họ Mã, có lẽ là Mã Lân, cháu Mã Viện, người đời Hán. Khi Lân đọc tới câu: "Bậc đại trượng phu nên chết ở ngoài biên, lấy da ngựa bọc thây..." của Mã Viện, bèn khẳng khái nói rằng: "Huân nghiệp của ông ta, nay đổ sụp rồi chăng?" Rồi tự phấn phát lên trở thành danh tướng.

DỊCH THƠ:

Vung roi phất ngựa vượt mây trời,
Vó ký thênh thang vạn dặm dài.
Bốn ngựa thêm oai ông tướng giỏi;
Tám chuông vang tiếng đội quân oai.
Phất cờ anh tuấn cho vừa hội;
Dừng ngựa công danh phải nhất đời.
Điềm mở mây năm màu gấm dệt,
Nghiệp nhà họ Mã hẳn trong tay.

Hoàng Tạo

55. 餞綺羅楊憲使宣旨富春城

君侯萬里捧絲綸
爲把春陽扇富春
琴劍有香濃將幕
關河出色見王人
桑蓬志概何言遠
膠膝情懷況是鄰
早早勾當傳竹信
五雲樓下覲楓宸

PHIÊN ÂM:

TIỄN Ỷ LA DƯƠNG HIẾN SỨ TUYÊN CHỈ PHÚ XUÂN THÀNH[a]

Quân hầu vạn lý bổng ty luân,
Vị bả xuân dương phiến Phú Xuân.
Cầm kiếm hữu hương nùng tướng mạc;
Quan hà xuất sắc hiện vương nhân.
Tang bồng chí khái hà ngôn viễn;[b]
Giao tất tình hoài huống thị lân.
Tảo tảo câu đương truyền trúc tín,
Ngũ vân lâu hạ cận phong thần.

DỊCH NGHĨA:

TIỄN QUAN HIẾN SỨ HỌ DƯƠNG Ở Ỷ LA TỚI THÀNH PHÚ XUÂN TUYÊN CHỈ [1]

Ông bưng chiếu chỉ vượt xa vạn dặm,
Để đem nắng xuân, quạt cho thành Phú Xuân.
Thơm nồng tướng mạc, bởi gươm đàn hương toả;
Nhìn thấy người nhà vua, non sông lộ vẻ tươi.
Kể gì xa xôi, chí tang bồng hồ thỉ;
Huống lại là lân bang, sẵn mối tình keo sơn.

Mong xong việc sớm, truyền về tin trúc,[2]
Dưới lầu năm sắc mây,[3] triều cận nhà vua.[4]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Hí Ỷ La Dương Hiến sứ tuyên chỉ Phú Xuân thành 戲綺羅楊憲使宣旨富春城

b. Bản A.117/31: Hà phương viễn 何方遠

CHÚ THÍCH:

1. Hiến sứ họ Dương, tức Dương Nguyễn Huống người làng Ỷ La (nay thuộc huyện Hoài Đức, Hà Nội). Ông đậu Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn, niên hiệu Cảnh Hưng 33 (1772), làm quan đến Hiến sát sứ.

2. Tin trúc: Tin tức bình an gọi là: "Trúc báo" hay "Trúc tín." Xem thêm chú thích số, 3 bài 32.

3. Lầu năm sắc mây: Chỉ nơi vua ngự.

4. "Nhà vua,"dịch thoát từ "Phong thần," *thần* là nơi cung cấm, *phong* là loại cây cổ thụ thường trồng ở cung vua.

56. 春日示范石洞

東君昨夜北窗過
次第梅華茁玉葩
今日風光應似此
來朝景況定如何
人間易度是年少
詩客多情於歲華
舉筆欲題春賞句
先將此意問東坡

PHIÊN ÂM

XUÂN NHẬT THỊ PHẠM THẠCH ĐỘNG

Đông quân[a] tạc dạ bắc song qua,
Thứ đệ mai hoa[b] truyết ngọc ba.
Kim nhật phong quang ưng tự thử;
Lai triêu cảnh huống định như hà.

Nhân gian dị độ thị niên thiếu;
Thi khách đa tình ư tuế hoa.
Cử bút dục đề xuân thưởng cú,
Tiên tương thử ý vấn Đông Pha.

DỊCH NGHĨA:

NGÀY XUÂN NGỎ Ý CÙNG PHẠM THẠCH ĐỘNG[1]

Đêm qua, chúa xuân đi qua cửa sổ phía bắc,
Hoa ngọc nở rộ, lần lượt tô điểm cành mai.
Cảnh sắc hôm nay hãy như vậy đã;
Tình huống ngày mai biết thế nào đây?
Đời người dễ trôi qua là hồi niên thiếu;
Khách thơ đa tình vào lúc tuổi hoa.
Nâng bút toan đề câu thưởng xuân,
Nhưng trước hết hãy đem ý này hỏi bác Đông Pha đã.[2]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Mỗ quân 某君

b. Bản VHv.1743/22 và VHv.16/3: Mai trang 梅粧

CHÚ THÍCH:

1. Phạm Thạch Động, tức Phạm Nguyễn Du. (xem chú thích số 1 bài 4).

2. Tô Đông Pha, tức Tô Thức, đại văn hào đời Tống. Trong bài thơ *Đêm xuân* của ông có câu: "Xuân tiêu nhất khắc tự thiên kim"(Mỗi khắc đêm xuân đáng giá nghìn vàng). Đây tác giả làm thơ "Ngày xuân," muốn có câu thưởng xuân thật hay như câu trong bài "*Đêm xuân*," nên đem ý này hỏi ông Tô Đông Pha.

DỊCH THƠ:

Đêm qua song bắc chúa xuân qua,
Nhú ngọc cành mai nở rộ hoa
Cảnh sắc hôm nay nên vậy đã;
Phong quang ngày khác biết sao mà.
Kiếp người dễ mất thời niên thiếu;
Thi khách đa tình lúc tuổi hoa.
Nâng bút đề xuân câu thưởng ngoạn,
Trước đem ý nọ hỏi ông Pha.

Lâm Giang

57. 詠耕

大地如何剔起他
勞攘最是力田家
夏秋勤動謀原濕
旦暮思量藝黍禾
耜趾無忘之日賦
倉箱且應有年歌
長教順則緣南畝
心燭原非照綺羅

PHIÊN ÂM

VỊNH CANH

Đại địa như hà dịch khởi tha,
Lao nhương tối thị lực điền gia.[a]
Hạ thu cần động mưu nguyên thấp;
Đán mộ tư lường nghệ thử hòa.
Trĩ chỉ vô vong chi nhật phú;
Thương sương thả ứng hữu niên ca.
Trường giao thuận tắc duyên nam mẫu,
Tâm chúc nguyên phi chiếu ỷ la.

DỊCH NGHĨA:

VỊNH NGƯỜI ĐI CÀY

Đất bằng sao phải cày sới nó lên?
Người lực điền là khó nhọc bậc nhất.
Thu, hè chăm chỉ lo toan việc đồng áng ;
Sớm chiều suy tính chuyện cấy trồng.
Cày cuốc chớ quên lời thơ kể từng ngày tháng;[1]
Đụn kho sẽ ứng vào bài ca được mùa.[2]
Luôn thuận theo phép, chăm chỉ nơi vườn ruộng,
Ngọn đuốc lòng vốn không soi tới chốn lụa là.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Lực điền khoa 力田科

CHÚ THÍCH:

1. Thơ kể ngày tháng (Nhật phú), chưa rõ xuất xứ.

2. Bài ca được mùa: Thơ *Phủ điền, Kinh Thi*; Phần *Tiểu nhã*, ca ngợi sự được mùa: "Tự cổ hữu niên... Nãi cầu thiên tư thương. Nãi cầu vạn tư sương..." (Từ xưa vẫn được mùa ... Bèn tìm nghìn kho. Bèn tìm vạn đụn).

DỊCH THƠ:

Đất lớn làm sao sới được mà,
Khó khăn ai sánh bạn nông gia?
Thu hè lăn lóc đồng cao thấp;
Sớm tối lo âu mạ trẻ già.
Tính việc ghi lòng ngày tháng ấy;
Được mùa thêm số đụn kho ra.
Sao cho thuận nẻo đường Nam mẫu,
Đuốc trí không riêng chiếu lượt là.

Hoàng Tạo

58. 詠牧

自從四鄙絕防秋
放盡桃林無限牛
布野寢訛日蕃息
牧童逐隊相嬉遊
斜陽一曲笛橫背
扣角數聲月在樓
太平治世康且阜
長歌義閱謠堯衢

PHIÊN ÂM:

VỊNH MỤC

Tự tòng tứ bỉ tuyệt phòng thu,
Phóng tận Đào Lâm vô hạn ngưu.
Bố dã tẩm ngoa nhật phồn tức;
Mục đồng[a] trục đội tương hi du.

Tà dương nhất khúc địch hoành bối;
Khấu dốc sổ thanh nguyệt tại lâu.
Thái bình trị thế khang thả phụ,
Trường ca Hy quỹ dao Nghiêu Cù.

DỊCH NGHĨA:

VỊNH TRẺ CHĂN TRÂU

Từ khi bốn phía ngoài biên dứt bỏ việc canh phòng,
Vô số trâu bò thả khắp bãi Đào Lâm.[1]
Đầy đồng, con nằm, con đứng, ngày một sinh sôi;
Trẻ trâu, từng đoàn, từng bọn, cùng nhau đùa nghịch.
Khi bóng ngả, khúc sáo thổi ngang lưng nghé;
Gõ sừng mấy tiếng, trăng đã lên khỏi lầu.[2]
Đời bình trị [trâu bò] cũng khoẻ và béo,
Hát mãi khúc ca vua Hy, bài Khang Cù vua Nghiêu.[3]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Nhi đồng 兒童

CHÚ THÍCH:

1. Đào Lâm: *Thiên Vũ thành* trong *Kinh Thi* có câu: "Phóng ngưu vu Đào Lâm chi dã, thị thiên hạ phất phục": Thả trâu ra cánh đồng Đào Lâm, có ý cho thiên hạ biết không dùng tới việc binh nữa.

2. Gõ sừng: Nịnh Thích người đời Xuân Thu, nhà nghèo đi đánh xe trâu thuê, khi qua nước Tề, đêm cho trâu ăn no cỏ, bèn gõ vào sừng trâu mà rằng: "Sinh ở đời không gặp buổi Nghiêu Thuấn truyền cho ngồi, nên từ tối đến đêm vẫn phải cho trâu ăn. Đêm dài dằng dặc biết bao giờ sáng?" Nghe lời câu ca, Tề Hoàn Công biết là người có chí, bèn dùng làm Thượng tướng. Câu thơ trên dẫn điển ấy để phù hợp với đề tài chăn trâu.

3. Khúc ca vua Hy: Tức vua Phục Hy, một nhân vật thần thoại của Trung Quốc cổ đại. Phục Hy đã chế ra các dụng cụ, vật dùng, điển lễ... cho dân, còn đặt ra những câu ca. Trong bài ca *Phù lai* (giúp đỡ) có câu: "Giúp đỡ nhiều chừ, thiên hạ được hoà bình! Giúp đỡ mạnh chừ, thiên hạ được thịnh trị..." Nói "hát khúc ca vua Hy" là để ca ngợi đời thái bình thịnh trị.

Bài Khang Cù: Xem chú thích số 4, bài 51.

.DỊCH THƠ:

Từ khi thu được thái hoà,
Người ta thả hết trâu ra vườn Đào.
Đầy đồng con thấp con cao,
Mục đồng từng bọn rủ nhau nô đùa.
Chiều tà tiếng sáo vi vu,

Gõ sừng dứt tiếng, trăng thu ngang lầu.
Thời bình nước mạnh dân giầu.
Ca lên: Ông Phục, ông Nghiêu mỗi bài.

Hoàng Tạo

59. 賀同年明杲阮公憲察清華

丈夫得志在澄清
熙代掄才屬老成
岐鳳沛龍眞上郡
桓驄趙鶴蓋能聲
君家霖槨原貽燕
今日霜稜預策名
此地時賢多發足
江山青眼佑公卿

PHIÊN ÂM:

HẠ ĐỒNG NIÊN MINH TẢO NGUYỄN CÔNG HIẾN SÁT THANH HOA

Trượng phu đắc chí tại trừng thanh,
Hy đại luân tài thuộc lão thành.
Kỳ phượng Bái long chân thượng quận;
Hoàn thông Triệu hạc cái năng thanh.
Quân gia lâm tiếp nguyên di yến;
Kim nhật sương lăng dự sách danh.
Thử địa thời hiền đa phát túc,
Giang sơn thanh nhãn hựu công khanh.

DỊCH NGHĨA:

MỪNG BẠN ĐỒNG KHOA LÀ NGUYỄN CÔNG NGƯỜI Ở MINH TẢO LÀM HIẾN SÁT THANH HOA [1]

Đấng trượng phu đắc chí ở chỗ được chất lọc,
Đời thịnh trị kén nhân tài lại thuộc về bậc lão thành.

Núi Kỳ có phượng, đất Bái có rồng, thực là những quận cao bậc nhất;[2]

Họ Hoàn cưỡi ngựa trắng xanh, họ Triệu dắt theo hạc, đều rất mực tiếng tăm.[3]

Gia đình ông vốn có truyền thống làm mưa dầm mùa cạn, làm mái chèo qua sông;[4]

Ngày nay ông lại được ghi tên vào hạng người oai nghiêm, kiên nghị[5]

Đất này, từng thời đều nẩy nở nhiều bậc hiền tài,

Vì núi sông có mắt xanh, nâng đỡ bậc công khanh.[6]

CHÚ THÍCH:

1. Nguyễn Công, tức Nguyễn Huy Vượng người làng Minh Tảo, huyện Từ Liêm (Hà Nội), đỗ Tiến sĩ năm Ất Mùi (1775) cùng khoa với Ngô Thì Nhậm, làm quan đến Hiến sát sứ. Khi đỗ, Nguyễn Huy Vượng đã 45 tuổi, nhiều tuổi nhất so với bạn đồng khoa, cho nên mới có câu 2 trong bài thơ.

2. Núi Kỳ có Phượng: Núi Kỳ ở huyện Kỳ Sơn, nơi khởi nghiệp của nhà Chu. Nói "Phượng núi Kỳ" là có ý: Ở đó là đất quý, sản sinh ra người tài giỏi.

Đất Bái có Rồng: Đất Bái tức huyện Bái, nơi Hán Cao Tổ dấy quân. Khi sắp dấy quân, người ta thấy có mây năm sắc như rồng bay xuất hiện ở đó. Tác giả nêu hai sự việc này cũng chỉ để nói xứ Thanh Hoa là đất đế vương.

3. Ngựa họ Hoàn: Hoàn Điển, người đời Hậu Hán làm quan Ngự sử, có đức tính cương trực, không kiêng nể gì cả. Ông ta thường cưỡi con thông mã (ngựa có sắc xanh trắng). Người trong kinh có câu nói về ông rằng: "Hành hành thả chỉ, tị thông mã Ngự sử" (Chầm chậm và dừng lại, tránh quan Ngự sử đi ngựa trắng xanh).

Hạc họ Triệu: Triệu Biện, người Tây An, đời Tống, làm quan đến Điện trung Ngự sử, đức tính cương trực, đàn hặc bọn quyền quý không chút kiêng nể. Người đương thời gọi ông là Ngự sử mặt sắt (thiết diện Ngự sử). Khi đi làm quan ở đất Thục, ông đem theo một cây đàn, một con chim hạc. Trong thơ, tác giả mong bạn cũng có phong cách như hai người trên.

4. Mưa dầm mùa cạn, mái chèo qua sông (lâm tiếp): Vua Ân Cao Tông đánh giá tài năng của hiền thần Phó Duyệt: "Nhược tuế đại hạn, dụng nhữ tác lâm vũ; nhược tế cự xuyên, dụng nhữ tác chu tiếp"(Nếu trời đại hạn, dùng ngươi làm mưa dầm; nếu qua sông lớn, dùng ngươi làm mái chèo). Trong bài là để nói, gia đình Nguyễn Công là gia đình dòng dõi có nhiều tôi hiền.

5. Oai nghiêm kiên nghị: Dịch thoát từ chữ: "Sương lăng"(sương lạnh lẽo), người xưa cho là hình tượng của sự oai nghiêm. Thanh gỗ có cạnh góc vuông vắn thì gọi là:"lăng," để tượng trưng cho người mẫu mực. Người giữ chức Hiến sát, chức Ngự sử, phải có đức tính công bằng, cương trực, nên phải oai nghiêm mẫu mực.

6. Mắt xanh: Nguyễn Tịch, người đời Tấn có đức tính cương trực, khi tiếp

chuyện với người hiền tài, người tốt thì con mắt trở thành màu xanh, khi tiếp chuyện với kẻ xấu, con mắt trở nên màu trắng. Trong ý thơ ở đây mượn để nói sự ưu đãi của non sông đối với người hiền tài.

60. 復范石洞原韻

中秋前後與尊而
時作歌詞又作詩
大抵無如文字樂
算來不枉水山知
髀亭底事其相憶
心地如君誰謂癡
若問秋情何處好
秋情好在並遊辰

PHIÊN ÂM:

PHÚC PHẠM THẠCH ĐỘNG NGUYÊN VẬN

Trung thu tiền hậu dữ Tôn Nhi,
Thời tác ca từ hựu tác thi.
Đại để vô như văn tự lạc;
Toán lai bất uổng thủy sơn tri.
Bễ Đình để sự kí[a] tương ức;
Tâm địa như quân thùy vị si.
Nhược vấn thu tình hà xứ hảo,
Thu tình hảo tại tịnh du thì.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁP NGUYÊN VẬN BÀI THƠ CỦA PHẠM THẠCH ĐỘNG[1]

Cùng với Tôn Nhi sau trước, buổi trung thu,[A]
Lúc thì làm ca, từ, khi lại làm thơ.
Đại để không gì vui bằng văn tự;
Xem ra chẳng uổng cái biết nước non.[2]
Câu chuyện Bễ Đình cùng nhau nhớ lại; [3]

Người bụng dạ như ông, ai bảo vụng về.
Nếu hỏi, tình thu đẹp ở chỗ nào?
Tình thu đẹp ở lúc cùng nhau dạo cảnh.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Mạc tương ức 莫相憶

NGUYÊN CHÚ:

A. Tôn Nhi: Tên chữ của Thạch Động.

CHÚ THÍCH:

1. Phạm Thạch Động, tức Phạm Nguyễn Du: (Xem chú thích số 1 bài 4).

2. Cái biết nước non (sơn thuỷ tri), theo sách *Liệt Tử*: Bá Nha và Chung Tử Kỳ là hai người bạn thân. Khi Bá Nha gẩy đàn cầm, ý ở non cao, Chung Tử Kỳ nói: "Khéo thay! Chon von như Thái Sơn." Ý ở nước chảy, Tử Kỳ nói: "Khéo thay! Mênh mông như sông nước." Người đời sau dùng tích này để chỉ bạn tri âm.

3. Việc ở Bễ Đình: Chưa rõ xuất xứ.

DỊCH THƠ:

Cùng ông sau trước buổi trung thu,
Câu hát lời thơ vận xướng thù.
Đại để từ chương vui khó sánh;
Suy ra non nước hiểu từ lâu.
Bễ Đình việc cũ nên nhớ lại;
Tâm địa ông rầy há bảo ngu?
Chốn đẹp tình thu như muốn hỏi,
Tình thu đẹp ở lúc đồng du.

Trần Duy Vôn

61. 奉執事苓塘坤儀宮和友石洞之作

昨霄風雨滿城南
驅僕馳車漏正三
椒里晨趨雞未唱

粉鄉曉望馬仍諳
宮香馥郁餘清廟
水鏡澄凝影碧潭
飽景況兼饕重祿
歸來兒女喜分甘

PHIÊN ÂM:

PHỤNG CHẤP SỰ LINH ĐƯỜNG KHÔN NGHI CUNG HOẠ HỮU THẠCH ĐỘNG CHI TÁC[a]

Tạc tiêu phong vũ mãn thành nam,
Khu bộc trì xa, lậu chính tam.
Tiêu lý thần xu kê vị xướng;
Phần hương hiểu vọng mã nhưng am.
Cung hương phức úc dư thanh miếu;
Thủy kính trừng ngưng ảnh bích đàm.
Bão cảnh huống kiêm xan trọng lộc,[b]
Quy lai nhi nữ hỷ phân cam.

DỊCH NGHĨA:

VÂNG LỆNH TRÔNG COI CÔNG VIỆC CUNG KHÔN NGHI Ở LINH ĐƯỜNG HOẠ THƠ CỦA BẠN THẠCH ĐỘNG[1]

Đêm qua, mưa gió tràn trề phía nam thành,
Giục đầy tớ ruổi xe lúc giọt đồng canh ba vừa điểm.[2]
Mờ sớm, đi về xóm Tiêu, khi gà chưa gáy;[3]
Sáng ra, nhằm thẳng làng Phần, ngựa đã quen đường.[4]
Hương trong cung ngào ngạt, tràn trề miếu vắng;
Gương nước trong lắng, bóng in đầm xanh.[5]
Ngắm cảnh thoả thuê, lại được ăn lộc hậu,
Trở về, con cái hân hoan chia ngọt, xẻ bùi.

KHẢO DỊ:

a. Bản A. 117/31: Chấp sự Linh Đường Khôn Nghi cung hoạ Thạch Động chi tác 執事苓塘坤儀宮和石洞之作

b. Bản A. 117/31: San lộc trọng 餐祿重

CHÚ THÍCH:

1. Cung Khôn Nghi ở Linh Đường: Theo phả họ Trịnh, Chính phi của Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm là bà Ngọc Phương, thụy Từ Thục, quán làng Đại Từ, xã Linh Đường, huyện Thanh Trì (Hà Nội). Trịnh Sâm xây dựng cung Khôn Nghi Linh Đường cho bà, để phân biệt với cung thất của Tuyên Phi Đặng Thị Huệ, vợ yêu của Sâm.

Chấp sự là người làm việc tế lễ, nhưng cũng có khi chỉ người làm việc nói chung.

Thạch Động, tức Phạm Nguyễn Du (xem chú thích số 1 bài 4).

2. Giọt đồng, loại đồng hồ bằng nước thời xưa.

3. Xóm Tiêu: Phòng của vợ vua ở gọi là "Tiêu phòng," còn xóm Tiêu chỉ nơi cung phi, hoàng hậu ở. Riêng ở đây tác giả mượn để chỉ đất Linh Đường quê của bà Ngọc Phương.

4. Làng Phần (phần hương): Phần là loại cây xưa hay trồng ở làng quê Trung Quốc, sau mượn để chỉ quê hương. Ý tác giả nói đường về quê nhà của Chính phi, nơi ngựa về nhiều lần nên đã quen đường.

5. Gương nước (thủy kính): Người xưa cho mặt trăng là tấm gương nước (và cũng cho mặt trời là cái tán lửa hay cái bánh xe lửa).

DỊCH THƠ:

Thành nam mưa gió suốt đêm qua,
Giục tỏ khua xe lúc trống ba.
Sớm tới làng Tiêu gà chửa gáy;
Ngày trông xóm Tử ngựa quen nhà.
Hương ngào ngạt toả nơi thanh miếu;
Đầm lặng lờ soi bóng tố nga.
No mắt lại thêm no cả bụng,
Về nhà lũ trẻ rộn chia quà.

Hoàng Tạo

62. 賀友潘輝溫登第

父子兄弟，同時三進士，中興以來有二家：丹輪武月盎阮。今復於潘大家見之。文章机杼，頑詰三蘇，科名遭逢，又曠世罕見。然而爲眉山易，爲子瞻易，爲子由尤難。開拓書澤，非大宗師不能。過庭之訓，爲兄者早得及時

進修。若夫户有高車，室有鳴鍾，爲順境子弟，貴游而秉禮者絶少。至於同時發達，紳笏蟬聯，尤爲儒家艷談，朝紳盛事。潘侯英年得選，其才學蘊蓄，無待云云。他日遊岩廊謨宇宙，勒鼎彝記旂常，皆前程分事。惟於人家弟子之所難，而平步直詣，等閒優爲之，以承我元后無疆之休，顯我大宗師義方之教。貴令兄堂構之美，此乃其不可及處。忝在門眷，柏悦殊深，黍具俚言一律，聊表歡宗，亦以誌世慶雲耳。

萬里扶搖趁鳳池
賓興盛典渥隆施
科名肖子兼難弟
學行才郎亦老師
講貫淵源皆抱負
經綸際遇定希奇
書田得歲今收獲
樂在吾儒也不私

PHIÊN ÂM:

HẠ HỮU PHAN HUY ÔN ĐĂNG ĐỆ[a]

Phụ tử huynh đệ, đồng thời tam tiến sĩ, trung hưng dĩ lai hữu nhị gia: Đan Luân Vũ, Nguyệt Áng Nguyễn. Kim phục ư Phan đại gia kiến chi.[b] *Văn chương cơ trữ, ngoan cật tam Tô, khoa danh tao phùng, hựu khoáng thế hãn kiến. Nhiên nhi vi Mi Sơn dị, vi Tử Chiêm dị, vi Tử Do vưu nan. Khai thác thư trạch, phi đại tông sư bất năng. Quá đình chi huấn, vi huynh giả tảo đắc cập thời tiến tu. Nhược phù hộ hữu cao xa, thất hữu minh chung, vi thuận cảnh tử đệ, quý du nhi bỉnh lễ giả tuyệt thiểu. Chí ư đồng thời phát đạt, thân hốt thiền liên, vưu vi nho gia diễm đàm, triều thân thịnh sự. Phan hầu anh niên đắc tuyển, kỳ tài học uẩn súc, vô đãi vân vân. Tha nhật du nham, lang mô vũ trụ, lặc đỉnh di ký kỳ thường, giai tiền trình phận sự.*[c] *Duy ư nhân gia*[d] *đệ tử chi sở nan, nhi bình bộ trực nghệ,*[e] *đẳng nhàn ưu vi chi, dĩ thừa ngã nguyên hậu vô*

cương chi hữu, hiến ngã đại tông sư nghĩa phương chi giáo. Quý lệnh huynh đường cấu chi mỹ, thử nãi kì bất khả cập xứ. Thiêm tại môn quyến, bách duyệt thù thâm, dẫn cụ lý ngôn nhất luật,[g] liêu biểu hoan tông, diệc dĩ chí thế khánh vân nhĩ.

Vạn lý phù dao sấn phượng trì,
Tân hưng thịnh điển[h] ốc long thi.
Khoa danh tiếu tử kiêm nan đệ;
Học hạnh tài lang diệc lão sư.
Giảng quán uyên nguyên giai bão phụ;
Kinh luân tế ngộ[i] định hy kỳ.
Thư điền đắc tuế kim thu hoạch,
Lạc tại ngô nho dã bất tư.

DỊCH NGHĨA:

MỪNG BẠN PHAN HUY ÔN THI ĐỖ[1]

Việc cha con anh em, ba người đỗ tiến sĩ cùng thời thì từ thời trung hưng lại đây mới có hai nhà: Họ Vũ ở Đan Luân,[2] họ Nguyễn ở Nguyệt Áng.[3] Nay lại thấy có việc đó ở đại gia họ Phan. Văn chương có phong cách riêng biệt, xấp xỉ tam Tô,[4] khoa danh gặp gỡ lại càng hiếm thấy ở đời. Thế nhưng làm My Sơn dễ,[5] làm Tử Chiêm dễ,[6] làm Tử Do[7] là khó nhất. Mở mang truyền thống đọc sách của gia đình, nếu không phải là bậc đại tông sư, thì không thể làm được. Lời dạy lúc qua sân,[8] với huynh, thì sớm được kịp thời tu tiến. Còn như người mà ngoài cửa có xe cao, trong nhà có chuông gọi, là con nhà thuận cảnh, trong quyền quý mà vẫn giữ lễ là điều rất hiếm thấy. Đến như việc phát đạt cùng thời, trâm hốt[9]thành hàng, là việc càng làm cho nhà nho ta tán tụng. Việc lớn được tấn thân trong triều, Phan hầu tuổi trẻ đã đạt được do tài năng uẩn súc, thật là một việc không phải đợi bàn đến. Một ngày kia, nhởn nhơ chốn miếu đường, mưu toan việc vũ trụ, tên họ khắc vào chuông, vạc, ghi trên cờ biển biểu dương, đều là phận sự của con đường phía trước. Việc này, riêng đối với con em nhà khác thì khó, nhưng đối với Phan hầu thì thẳng bước đi lên, thảnh thơi thừa sức làm được, hưởng cái lộc vô cương của vua ta, làm rạng rỡ lời dạy nghĩa phương[11]của thầy ta. Phan hầu có cái vinh dự nối nghiệp cha ông, đó là chỗ ta không theo kịp. Ta trong hàng quyến thuộc, lại là chỗ bạn thiết tình thâm, kính viết một vần thơ quê kệch tạm giãi tỏ lòng vui và cũng để ghi lại cái phúc khánh nối đời [của Phan hầu] vậy:

Cơn gió xoáy từ nơi muôn dặm thẳng tới ao phượng, [12]

Dịp thịnh điển tân hưng, ơn to lớn chứa chan.[13]
Về khoa danh, thì con giống cha, lại kiêm làm em kiệt xuất;[14]
Nết học hạnh, là trang tài hoa, cũng là người thày dạn dày.
Việc giảng tập, đi sâu đến ngọn nguồn, đều phải lo gánh vác;
Tài kinh luân được gặp gỡ, đúng là việc hiếm có diệu kỳ.
Ruộng sách được mùa, nay là lúc thu hoạch,
Nhà nho ta đều mừng, chẳng phải riêng ai.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Hạ Phan Huy Ôn đăng đệ tịnh ngữ 賀潘輝溫登第並語
b. Bản A.117/31: Hựu kim ư Phan đại gia kiến chi 又今於潘大家見之
c. Bản A.117/31: Phân nội sự 分內事
d. Bản A.117/31: Duy kì nhân gia 惟其人家
e. Bản A.117/31: Trực tạo 直造
g. Bản A.117/31: Ngẫu ngôn nhất luật 偶言一律
h. Bản A.117/31: Thịnh hội 盛會
i. Bản A.117/31: Tao ngộ 遭遇

CHÚ THÍCH:

1. Phan Huy Ôn (1754-1786), còn có tên là Uông người làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc (Can Lộc, Hà Tĩnh), đỗ Tiến sĩ năm Cảnh Hưng 40 (1779), được phong đến tước Bá. Cha là Phan Huy Áng, anh trai là Phan Huy Ích đều đỗ Tiến sĩ, ba cha con làm quan cùng triều.

2. Họ Vũ ở Đan Luân, tức dòng họ Vũ Thạnh ở làng Đan Luân, huyện Đường An (Bình Giang, Hải Dương).

3. Họ Nguyễn ở Nguyệt Áng, tức là dòng họ Nguyễn Đình Trụ, người làng Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

4. Tam Tô, tức Tô Tuân và hai con là Tô Thức, Tô Triệt, ba cha con đều là bậc đại gia đời Tống.

5. My Sơn, tức Tô Tuân, vì ông là người ở My Sơn, nên có tên gọi này.

6. Tử Chiêm, tên chữ của Tô Thức, là con cả của Tô Tuân.

7. Tử Do, tên chữ của Tô Triệt em Tô Thức.

8. Lời dạy lúc qua sân: *Luận ngữ* có câu: "Lý Ngư xu nhi quá đình" (Lý Ngư đi rảo bước qua sân): Lý Ngư, con trai của Khổng Tử, khi đi qua sân, Khổng Tử trông thấy hỏi: "Đã học lễ chưa"? Thưa: "Chưa". "Thế thì hãy học lễ đi..." Đời sau gọi lời dạy của cha là gia huấn lúc qua sân.

9. Trâm, hốt: Phù hiệu do triều đình cấp cho người đỗ cao và làm quan to.

10. Phan hầu, chỉ Phan Huy Ôn.

11. Lời dạy nghĩa phương: *Tả truyện* có câu: "Thần văn át tử, giáo chi dĩ nghĩa phương."(Thần nghe nói, người yêu con là người lấy nghĩa phương để dạy nó), ý nói đường hướng theo đạo nghĩa.

12. Ao phượng, là ao trong vườn cấm nhà vua. Sảnh Trung thư lệnh làm trên bờ ao, cho nên đời sau chỉ nơi Tể tướng làm việc là phượng hoàng trì (ao phượng hoàng).

13. Tân hưng, là phép tiến cử người tài, học giỏi ở nơi thôn dã vào Quốc học của nhà Chu. Đời sau, thường dùng từ này để chỉ việc thi cử tuyển dụng nhân tài.

14. Vì Huy Ôn cùng đỗ tiến sĩ như cha và anh.

15. Phan Huy Ôn khi đỗ tiến sĩ, đang giữ chức Huấn đạo.

63. 春日和范天一之作六首

其一

太昊韶光春二月
故人詩酒夜三更
江山每與繁華誤
風雅多從磊隗生
自古文章雙腳壯
何人仙俗兩眸明
簡書偏幸英遊爽
益我朋龜子是行

PHIÊN ÂM:

XUÂN NHẬT HOẠ PHẠM THIÊN NHẤT CHI TÁC (LỤC THỦ)

KỲ NHẤT

Thái hiệu Thiều quang xuân nhị nguyệt,
Cố nhân thi tửu dạ tam canh.
Giang sơn mỗi dữ phồn hoa ngộ;
Phong nhã đa tòng lỗi khôi sinh.
Tự cổ văn chương song cước tráng;

Hà nhân tiên tục lưỡng mâu minh.
Giản thư thiên hạnh anh du sảng,
Ích ngã bằng quy tử thị hành.

DỊCH NGHĨA:

NGÀY XUÂN HOẠ THƠ PHẠM THIÊN NHẤT[1](6 BÀI)

BÀI 1

Xuân tháng hai, bầu trời nắng đẹp,
Đêm canh ba cùng bạn cũ uống rượu ngâm thơ.
Thú non sông thường lầm lỡ do cảnh phồn hoa;
Tài phong nhã phần nhiều nẩy sinh từ lòng uất ức.
Văn chương từ thủa xưa vẫn là đôi chân rắn rỏi;
Có ai mà cả hai mắt tiên, tục đều sáng đâu?
Cùng sách bút, sảng khoái rong chơi, riêng may mắn,
Chuyến đi này như do ông giúp ta bạc tiền.[2]

CHÚ THÍCH:

1. Phạm Thiên Nhất: Chưa rõ.

2. Bạc tiền, dịch thoát chữ "bằng qui," đơn vị tiền tệ cổ. Thượng cổ, trao đổi hàng hoá bằng mai rùa và vỏ sò, 5 chiếc vỏ sò là một "bằng."

DỊCH THƠ:

Xuân tháng hai, trời ấm lại thanh,
Cố nhân thơ rượu suốt ba canh.
Non sông cứ để phồn hoa lỡ,
Phong nhã hay từ trắc trở sinh.
Bao thuở văn chương chân rắn rỏi;
Ai người tiên, tục mắt long lanh.
Riêng cùng sách vở rong chơi được,
Bởi chuyến đi này, trợ giúp anh.

Đào Phương Bình

64. 其二

祇今駒蒨爲情重
向此鶯梭幾度更
聚會每從心裏照

遺 逢 恰 似 魄 哉 生
花 於 合 處 知 香 潤
泉 到 清 辰 見 盞 明
邀 月 有 船 浮 赤 壁
未 應 輕 放 子 瞻 行

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Chỉ kim câu hoắc vi tình trọng,
Hướng thử oanh thoa kỷ độ canh.
Tụ hội mỗi tòng tâm lý chiếu;
Tao phùng cáp tự[a] phách tai sinh.
Hoa ư hợp xứ tri hương nhuận;
Tuyền đáo thanh thời kiến trản minh.
Yêu nguyệt hữu thuyền phù Xích Bích,
Vị ưng khinh phóng Tử Chiêm hành.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Ngày nay nặng tình với việc cho ngựa ăn cỏ,[1]
Trước đó, mặc cho thoi đưa, thay đổi mấy phen.
Sự sum họp, luôn luôn thấy rõ trong lòng;
Dịp gặp gỡ tựa như trăng đêm mười sáu.[2]
Nơi hoa tụ hội, thì biết được hương đậm đà;
Nước suối khi trong, mới thấy chén sáng bóng.
Sông Xích Bích có con thuyền lênh đênh đón trăng.
Cuộc chơi của Tử Chiêm chớ nên vội bỏ.[3]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Chỉ tự 祇似

CHÚ THÍCH:

1. Cho ngựa ăn cỏ (câu hoắc), thơ *Bạch câu*, *Kinh Thi*: "Kiểu kiểu bạch câu, thực ngã tràng hoắc. Chấp chi duy chi, dĩ vĩnh kim tịch." (Ngựa lông trắng tinh,

ăn rau hoắc trong vườn ta. Buộc chân cột cổ lại, để giữ người hiền suốt đêm nay). Ở đây, tác giả mượn để nói tình bạn quý trọng, lưu luyến lẫn nhau.

2. Đêm mười sáu, dịch chữ "phách tai sinh," tức là vầng trăng bắt đầu khuyết, chỉ đêm 16 âm lịch. (Chữ *Kinh Thư*, thiên *Khang cáo*). Ý thơ chỉ sự gặp gỡ hơi muộn.

3. Tử Chiêm, tên chữ của Tô Thức đời Tống. Ông hai lần thả thuyền chơi trên sông Xích Bích, viết hai bài *Tiền, Hậu Xích Bích* phú nổi tiếng.

65. 其三

宦蹟係今曾歷考
政紘董督又重更
馳驅閩穀聊吾事
酬應詩壇觀我生
清興極知三日到
高懷原自萬川明
過庭聞已閑家訓
何驟吾郊接淅行

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Hoạn tích hệ kim[a] tằng lịch khảo,
Chính huyền Đổng đốc hựu trùng canh.
Trì khu khổn cốc liêu ngô sự;
Thù ứng thi đàn quán ngã sinh.
Thanh hứng cực tri tam nhật đáo;[b]
Cao hoài nguyên tự vạn xuyên minh.
Quá đình văn dĩ nhàn gia huấn,
Hà sậu ngô giao tiếp tích hành.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Công tích làm quan, đến nay từng qua khảo nghiệm,
Việc chính sự, quan Đổng đốc lại đổi thay.[1]

Việc làm chúng ta, tạm ruổi rong xe khổn ngoại;
Cuộc sống bọn mình, là thù tạc trên thi đàn.
Hứng thanh tao, biết chắc ba ngày nữa sẽ đến;
Lòng cao thượng, vốn được vạn dòng sáng soi.
Lời gia huấn lúc qua sân,[2] đã được nghe,
Thì vội gì phải hấp tấp đi ra ngoại thành của ta.[3]

KHẢO DỊ:

a. Bản VHv .16/3 và bản VHv .743/22 chép: Ti dao 絲 緐

b. Bản A.117/31: Tam nhật biệt 三日別.

CHÚ THÍCH:

1. Đổng đốc, quan đứng đầu tỉnh.

2. Qua sân: Xem chú thích số 8 bài 62.

3. Hấp tấp, dịch chữ "Tiếp tích." Sách *Mạnh Tử* có câu: "Khổng Tử khử Tề, tiếp tích nhi hành" (Khổng Tử đi ra khỏi nước Tề, hấp tấp ra đi).

66. 其四

白雪晴開千嶺出
和風信入萬條更
書田無待勤勞遺
玉樹還看寧馨生
兌講且爲鴻鴈序
豐謀何用虎狼明
勸君休錯南皮會
萬里無雲月自行

PHIÊN ÂM:

KỲ TỨ

Bạch tuyết tình khai[a] thiên lĩnh xuất,
Hoà phong tín nhập vạn điều canh.
Thư điền vô đãi cần lao dị?
Ngọc thụ[b] hoàn khan ninh hính sinh.

Đoài giảng thả vi hồng nhạn tự;
Phong mưu hà dụng hổ lang minh.
Khuyến quân hưu thác Nam Bì hội,
Vạn lý vô vân nguyệt tự hành.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 4

Tuyết trắng tan hết, thì nghìn ngọn núi lộ ra,
Tin chắc gió xuân về, vạn cành cây thay đổi.
Chẳng đợi ruộng sách, để lại sự siêng năng khó nhọc;(1)
Còn thấy ở cây ngọc, cũng như vậy toả hương thơm.(2)
Giảng tập, hãy theo thứ tự như chim hồng chim nhạn;(3)
Mưu hay há phải dùng đến điểm sáng con hổ con lang.(4)
Hội Nam Bì, mong ông chớ để lỡ,(5)
Trăng vẫn trôi đi, muôn dặm quang mây.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Tình khai 情開

b. Bản A.117/31: Ngọc chủng 玉種

CHÚ THÍCH:

1. Ruộng sách, chỉ việc học hành, đọc sách nói chung.

2. Cây ngọc, tượng trưng cho người có con quý hiển. Ý hai câu nói, con cái đã cố gắng học hành, thì ắt phải làm nên.

3. Chim hồng, nhạn: Theo *Thế thuyết*, chim hồng, chim nhạn có thứ tự anh em: Con lớn bay trước con nhỏ bay sau. Ở đây, mượn để chỉ tình nghĩa anh em, có trước có sau.

4. Điểm sáng: Theo *Thế thuyết*, con hổ, con lang có tình nghĩa cha con (không ăn thịt lẫn nhau). Loài vật chỉ có một điểm sáng đó, còn con người ta kiêm đủ cả ngũ luân (cha con, vua tôi, chồng vợ, anh em, bầu bạn). Trong thơ ý nói, không phải chỉ vì tình nghĩa cha con mà là vì nghĩa vụ chung, dạy bảo con cái.

5. Hội Nam Bì: Nam Bì, tên huyện thuộc quận Bột Hải, nơi Ngụy Văn Đế thường cùng với bầy tôi ra săn bắn chim trĩ, và như vậy cũng gọi hội Nam Bì.

67. 其五

醴酒祇因高士設
緇衣還許故人更

幸能耳目爲男子
不敢鬚眉枉此生
敝郡官冰知我拙
冗廳詩囊爲公明
入春吾北多佳瑞
曾見占言太白行

PHIÊN ÂM:

KỲ NGŨ

Lễ tửu chỉ nhân[a] cao sĩ thiết,
Tri y hoàn hứa cố nhân canh.
Hạnh năng nhĩ mục vi nam tử;
Bất cảm tu mi uổng thử sinh.
Tệ quận hoạn băng tri ngã chuyết;
Nhũng thính thi thác vị công minh.
Nhập xuân ngô bắc[b] đa giai thụy,
Tằng kiến chiêm ngôn Thái Bạch hành.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 5

Rượu nếp kính bày ra nhân có cao sĩ tới, (1)
Áo đen cũng vì bạn cũ mà thay.(2)
May mà, tai mắt là trang nam tử;
Dám đâu để đấng mày râu sống uổng cuộc đời này.
Chốn tệ quận, việc quan cứng nhắc, biết là ta vụng;
Nơi nhũng sảnh, vẫn có túi thơ, vì ông sáng lòng.
Vào xuân, ta lên phía bắc, nhiều điềm tốt,
Vì thấy lời chiêm đoán hướng sao Thái Bạch đi.(3)

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Chỉ nhân 只因

b. Bản A.117/31: Ngô tỉ 吾比

CHÚ THÍCH:

1. Rượu nếp (lễ tửu): Sở Nguyên Vương cùng với Mục Sinh chơi thân, vì Mục Sinh không biết uống rượu, cho nên mỗi khi thiết tiệc đều có rượu nếp...ý

thơ nói tình bạn thân thiết và hiểu biết nhau.

2. Áo đen (tri y): *Kinh Thi* có câu: "Áo đen thích nghi, rách thì lại thay cho cái khác"(Trì y chi nghi hề, tệ dư hựu cải vi hề), ý nói lòng yêu mến người hiền.

3. Sao Thái Bạch: Tinh phận ở phương tây, nên còn gọi là sao Kim Tinh. Khi mọc ở phương đông gọi là sao Khải Minh, tức là sao Mai, khi xuất hiện thì trời đã sáng. Ở đây ý nói chuyến đi này mở ra nguồn ánh sáng .

DỊCH THƠ:

Rượu nếp vốn vì cao sĩ đặt,
Áo đen chờ để cố nhân thay.
Cũng may tai mắt làm vai cậu;
Đâu để mày râu uổng kiếp này.
Quan ế quận buồn mình vụng đấy,
Việc nhiều thơ lắm bác tài thay!
Sang xuân miền bắc ta nhiều hứng,
Thái Bạch từng xem mọc lối này!

Hoàng Tạo

68. 其六

瑰池直跨長風浪
石洞親陪禁漏更
萬里相逢惟月色
百年幾聚是人生
有朋自遠誠余樂
無事於心見子明
夜永傍爐多得意
清香未許瑞蘭行

PHIÊN ÂM:

KỲ LỤC

Côi Trì trực khoá trường phong lãng,
Thạch Động thân bồi cấm lậu canh.
Vạn lý tương phùng duy nguyệt sắc;
Bách niên kỷ tụ thị nhân sinh.

Hữu bằng tự viễn thành dư lạc;
Vô sự ư tâm kiến tử minh.
Dạ vĩnh bạng lô đa đắc ý,
Thanh hương vị hứa thụy lan hành.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 6

Bác Côi Trì cưỡi sóng, thẳng theo gió thổi mạnh,[1]
Ông Thạch Động chờ chực canh giờ trong cấm đình.[2]
Gặp nhau nơi muôn dặm chỉ có vầng trăng sáng;
Cái đọng lại trăm năm là kiếp sống con người.
Bạn từ phương xa đến, ta thực lòng vui sướng;
Lòng không vướng việc, thấy ông thực thông minh.
Đêm dài ngồi bên lò, nhiều điều đắc ý,
Hoa lan báu, hương thơm mát chưa bay đi.

CHÚ THÍCH:

1. Côi Trì: Tên hiệu của Ninh Tốn, người làng Côi Trì huyện Yên Mô thuộc Ninh Bình, đậu Tiến sĩ đời Cảnh Hưng thứ 39 (1778), làm quan đến Công bộ Hữu thị lang, tước bá. Dưới triều Tây Sơn làm quan đến Binh bộ Thượng thư, tước hầu.

2. Thạch Động, tức Phạm Nguyễn Du. Xem chú thích số 1 bài 4.

DỊCH THƠ:

Côi Trì cưỡi sóng gió thổi dài,
Thạch Động cầm canh chốn các đài.
Muôn dặm gặp nhau duy bóng nguyệt;
Trăm năm mấy bận họp trên đời.
Bạn xa lui tới, ta vui sướng;
Việc chúa xong xuôi, bác sáng ngời.
Lò sưởi đêm khuya bao đắc ý,
Hương lan thơm mát quện bên người.

Đào Phương Bình

69. 賀同志楊兄聞命充海東憲使

昨公寢我長安中
我方酣睡公匆匆
欲待醒來訪大雄

則公午前已乘驄
家身琴劍如萍蓬
豈易片間醉清風
可堪情種種相同
相同時少少相逢
屋梁如有月玲瓏
想應相照吾輩衷
偶得門眷來自東
說道此間公務叢
爲憑雁使焚香封
瀉我相懷如面公
蚤將聲績聞九重
士歌輿頌公之功
萬里青雲衢亨通
金蘭此樂何太濃

PHIÊN ÂM:

HẠ ĐỒNG CHÍ DƯƠNG HUYNH VĂN MỆNH SUNG HẢI ĐÔNG HIẾN SÚ[a]

Tạc công tẩm ngã Trường An trung,
Ngã phương hàm thụy công thông thông.
Dục đãi tỉnh lai phỏng đại hùng,
Tắc công ngọ tiền dĩ thừa thông.
Gia thân cầm kiếm như bình bồng,
Khởi dị phiến nhàn[b] *túy thanh phong.*
Khả kham tình chủng, chủng tương đồng,
Tương đồng thời thiểu, thiểu tương phùng,
Ốc lương như hữu nguyệt linh lung.
Tưởng ưng tương chiếu[c] *ngô bối trung.*

Ngẫu đắc môn quyến lai tự Đông,
Thuyết đạo thử gian công vụ tùng.
Vị bằng nhạn sứ phần hương phong,
Tả ngã tương hoài như diện công.
Tảo tương thanh tích văn cửu trùng,
Sĩ ca dư tụng công chi công.
Vạn lý thanh vân cù hanh thông,
Kim lan thử lạc hà thái nùng.

DỊCH NGHĨA:

MỪNG NGƯỜI ĐỒNG CHÍ LÀ DƯƠNG HUYNH VÂNG MỆNH SUNG CHỨC HIẾN SÚ HẢI ĐÔNG[1]

Đêm qua ông ngủ với ta ở Trường An,[2]
Ta đang ngủ say, ông đã vội vã [ra đi].
Toan đợi tỉnh dậy hỏi ông về Phật pháp, [3]
Thì ông đã lên ngựa lúc gần trưa rồi.
Tấm thân gươm đàn [trôi dạt] như cánh bèo ngọn cỏ,
Đâu dễ được chút thư nhàn mà say cùng gió mát trong![4]
Đúng là cái nòi đa tình đều giống nhau cả,
Khi ít giống nhau, là lúc ít gặp nhau.
Trên xà nhà nếu như có ánh trăng lóng lánh,[5]
Tưởng cũng nên cùng soi thấu tấm lòng bọn ta.
Tình cờ gặp người bà con từ miền Đông tới,
Nói rằng nơi đó ông đang bận bịu việc công.
Nay nhờ có sứ nhạn mà đốt phong hương,[6]
Để giãi lòng ta mong nhớ, như đã giáp mặt.
Hãy sớm dâng công tích về tâu với cửu trùng, [7]
Công lao ông, ắt sĩ dân ca tụng.
Mây xanh muôn dặm, đường dài hanh thông,
Cuộc vui lan vàng này sao mà đậm nồng![8]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Văn mệnh Hiến Đông 聞命憲東

b. Bản VHv.1743/22: Phiến gian 片間

c. Bản A.117/31: Tương chiếu tưởng ưng 相照想應

CHÚ THÍCH:

1. Dương huynh, tức Dương Nguyễn Huống (Xem chú thích số 1 bài 55).

Hiến sứ, chức quan coi việc hình sự thuộc cấp tỉnh.

Hải Đông, tức Hải Dương ngày nay.

2. Trường An: Kinh đô nhà Hán, sau được dùng để chỉ kinh đô nói chung. Ở đây chỉ kinh đô Thăng Long.

3. Phật pháp, dịch chữ "đại hùng," chỉ phép tắc nhà Phật. Khi Phật còn trụ thế, tùy tiện nói ra để độ chúng sinh. Khi Phật nhập diệt, các đệ tử thu thập những lời nói ấy thành kinh Tam Tạng.

4. Thân cầm kiếm: Chỉ người đi làm quan ở ngoài.

5. Xà nhà (ốc lương): Thơ Đỗ Phủ nhớ Lý Bạch nói ánh trăng soi vào xà nhà mà tưởng như trông thấy mặt người bạn thân.

6. Sứ nhạn: Chỉ người đưa thư từ tin tức.

Đốt phong hương: Đốt hương cho thơm, rồi cầm bút viết thư, tỏ ý kính cẩn. Chữ sáo của nhà thơ thường dùng.

7. Cửu trùng, chỉ nhà vua.

8. Cuộc vui lan vàng: "Lan vàng" chữ *Kinh Dịch, Hệ từ*, chỉ cuộc vui giữa bạn bè với nhau.

DỊCH THƠ:

Đêm qua cùng ngủ ở Trường An,
Tôi giấc say, ông đã vội vàng.
Toan tỉnh dậy hỏi về Phật pháp,
Thì nghe đâu ông đã lên đàng.
Thân gươm đàn cánh bèo trôi dạt,
Đâu dễ thư nhàn say gió mát.
Vì đa tình nên cũng như nhau,
Ít giống vì ít khi gặp mặt.
Nếu đầu nhà trăng sáng lung linh,
Sẽ soi thấu tấm lòng bè bạn.
Tình cờ gặp được người miền Đông,
Biết được ông còn bận việc công.
Tôi gửi phong thư nhờ sứ nhạn,
Như được gặp ông tỏ nỗi lòng.
Mong ông sớm về dâng công trạng,
Để sĩ dân ca tụng chiến công.
Mây xanh muôn dặm đường thông thuận,
Tình thân bè bạn thật thơm nồng.

Lê Việt Nga

70. 春暮

榮開寒谷正融融
欲試薰絃解慍風
也有韶華渾未老
一般生意不言中

PHIÊN ÂM:

XUÂN MỘ

Vinh khai hàn cốc chính dung dung,
Dục thí huân huyền giải uẩn phong.
Dã hữu thiều hoa hồn vị lão,
Nhất ban sinh ý bất ngôn trung.

DỊCH NGHĨA:

CUỐI XUÂN

Đúng khi ấm áp, nơi hang lạnh, cây cối tốt tươi,
Ngọn gió giải nồng như muốn thử dây đàn dịu ngọt.[1]
Còn có cảnh xuân đẹp hoàn toàn chưa hết hẳn,
Mọi sự sinh sôi đều ở trong sự lặng thinh.

CHÚ THÍCH:

1. Bài *Nam phong ca* của vua Thuấn có câu: "Nam phong chí huân hề, khả dĩ giải ngô chi uẩn hề" (Gió nam êm dịu, có thể cởi bỏ sự sầu muộn của dân ta). Ở đây ý nói, mùa xuân ấm áp sắp qua mùa hè oi ả đang đến.

DỊCH THƠ:

Cỏ cây tươi tốt cảnh hang không,
Muốn thử cung đàn giải gió nồng.
Còn được ánh xuân chưa hết hẳn,
Lặng thinh sự sống ngụ bên trong.

Lâm Giang

71. 挽安寧申家宅三首

其一

左支山水安寧地
見說申家宅此中
紳笏猶傳三進邑
絃歌尚想五陵風
有生瞻伏誰眞景
不死文章即太空
騷雅豈隨雲物變
樹禽章鳥爲公忠

PHIÊN ÂM:

VÃN AN NINH THÂN GIA TRẠCH[a] (TAM THỦ)

KỲ NHẤT

Tả chi sơn thuỷ An Ninh địa,[b]
Kiến thuyết[c] Thân gia trạch thử trung.
Thân hốt do truyền Tam Tiến ấp;
Huyền ca thượng tưởng Ngũ Lăng phong.
Hữu sinh chiêm phục[d] thùy chân cảnh;
Bất tử văn chương tức thái không.
Tao nhã khởi tùy vân vật biến,
Thụ cầm chương điểu[e] vị công trung.[g]

DỊCH NGHĨA:

VIẾNG NHÀ HỌ THÂN Ở AN NINH[1]

BÀI I

Đất An Ninh bên tả là dãy núi, nhánh sông,
Nghe nói trong đó có nhà họ Thân.
Còn để lại áo khăn, trâm hốt ở ấp Tam Tiến;[2]
Thường nhớ tới giọng hát, dây đàn bởi gió Ngũ Lăng.[3]

Sinh thời được cung kính, ai thực sự được ngưỡng mộ như thế?(4)
Văn chương bất tử, tức là nguyên khí của đất trời.(5)
Sự tao nhã há biến đổi theo sự vật?
Văn chương như chim hót trên cây, vẫn trung thành với ông.

KHẢO DỊ:

a. Bản VHv.16/3, VHv.1743/22: Vãn Thân gia trạch (nhị thủ) 挽申家宅二首

b. Ở đây trong *Danh ngôn tạp trứ*, (A. 1073): "*Đại* chi sơn thuỷ An Ninh *hảo*" 大支山水安寧好 (Đất An Ninh *rất đẹp* bên dòng *sông, dải núi lớn*). Các bản VHv.16/3, VHv.1743/22, A.117/31 đều chép "Đại chi sơn xuyên," như vậy bài thơ bị thất niêm.

c. Bản A.117/31: Kiến ngữ 見語

d. Bản VHv.16/3, VHv.1743/22: Thai phục 台伏

e. Bản A.117/31: Thụ chương cầm điểu 樹章禽鳥

g. Trong *Danh ngôn tạp trứ* chép: 樹章禽韻到金忠 "*Thụ chương cầm vận đáo kim trung*" (Lời đẹp, vần hay vẫn trung thành đến nay).

CHÚ THÍCH:

1. Họ Thân, tức Thân Nhân Trung, người An Ninh huyện Yên Dũng (nay thuộc Việt Yên, Bắc Giang).

Theo lời nguyên dẫn của Bùi Huy Bích, mục "*Tao Đàn thoại cổ*" trong "*Danh ngôn tạp trứ*" (A.1073) thì, Bùi Huy Bích nhân có việc đi qua An Ninh, gặp mưa trọ lại. Bích tìm hỏi cháu chắt Thân Nhân Trung thì gặp một cụ già nói, có ông tổ họ xa, húy Nhân Trung, làm Tao Đàn phó nguyên súy. Hỏi đến hành trạng và phả hệ, ông cụ không biết gì hơn, miếu thờ vắng không, phần mộ chẳng biết ở chỗ nào. Bùi Huy Bích ngậm ngùi mà làm ba bài thơ cảm khái. Sau, Phạm Nguyễn Du, Ninh Tốn, Ngô Thì Nhậm, Vũ Huy Tấn mỗi người hoạ lại ba bài. Trong *Ngô gia văn phái* chỉ chép 2 bài (số1 và số2), ở đây xin bổ sung từ *Danh ngôn tạp trứ* bài số 3 cho đủ.

2. Dòng dõi, Trâm hốt, tức dòng dõi làm quan. Ấp Tam Tiến, là một ấp thuộc vùng quê Thân Nhân Trung.

3. Ngũ Lăng: Trường lăng, An lăng, Dương lăng, Mậu lăng, Bình lăng gọi là ngũ lăng (Năm lăng vua Hán ở Trường An), cũng chỉ vùng phụ cận năm lăng này, đời Hán là nơi tụ tập nhiều trang niên thiếu hào hiệp. Ở đây, mượn để chỉ họ Thân là một dòng họ hiển quý ở đất An Ninh, cũng giống như Ngũ Lăng.

4. Sinh thời, Thân Nhân Trung làm Phó nguyên súy Hội Tao Đàn mà Lê Thánh Tông là Tao Đàn Nguyên súy, nên được mọi người kính mến, đó là hiện thực thời Hồng Đức .

5. Nguyên khí của trời đất (thái không): Theo quan niệm của các nhà lý học thì trời đất sở dĩ được tồn tại là nhờ có nguyên khí. Ở đây, ý nói văn chương của họ Thân là bất tử.

72. 其二

直須強記姓爲申
野叟原非錯聽聞
但喜昔人貽白雪
豈愁墳宇委行雲
詩家豪徹無机智
世路浮名大糾紛
答應模糊忙鼓腹
不文之表是爲文

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Trực tu cường ký tính vi Thân,
Dã tẩu nguyên phi thố thính văn.
Đãn hỷ tích nhân di Bạch Tuyết;
Khởi sầu phần vũ uỷ hành vân.
Thi gia hào triệt vô cơ trí;
Thế lộ phù danh đại củ[a] phân.
Đáp ứng mô hồ mang cổ phúc,
Bất văn chi biểu thị vi văn.[b]

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Nên thẳng thắn làm cho ông cụ nhớ rõ mình là họ Thân,
Ông già quê này, vốn chẳng đã nghe sai. [1]
Những mừng người xưa để lại bài ca Tuyết trắng;[2]
Há chẳng buồn vì phần mộ phó mặc cho mây bay?
Nhà thơ hào phóng, không chút cơ mưu;
Ở đời, cái danh hão là đại rối rắm.
Trả lời ậm ờ vì còn bận vỗ bụng mà chơi,[3]
Vẻ thuần phác, không mầu mè ấy mới thực là đẹp.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Thái củ 太糾

b. Câu này *Danh ngôn tạp trứ* chép: "Bạch đầu phác thực hữu dư văn"白頭朴實有餘文 : Ông cụ đầu bạc chất phác có thừa văn chương.

CHÚ THÍCH:

1. Xem chú thích số 1 bài trên.

2. Bài ca Tuyết trắng, một bài hát hay mà họa lại rất khó. Trong thi liệu dùng để chỉ thơ văn kiệt tác.

3. Vỗ bụng, sách *Trang Tử* chép: "Dân cư bất tri sở vi, hành bất tri sở chi, hàm bộ nhi hi, cổ phúc nhi du" (Dân không biết làm gì, đi không biết đi đâu, chỉ biết ngậm miếng mớm làm vui, vỗ bụng mà chơi). Ý nói đời thái bình, nhàn hạ vô sự, thể hiện lối sống tự nhiên của đời thái cổ.

DỊCH THƠ:

Hãy nhớ Thân là họ trước kia,
Ông quê nào đã lãng tai nghe.
Chỉ mừng thơ Tuyết người xưa để;
Chi ngán nhà mây nấm mộ che.
Thi khách tính hào toan tính mấy;
Thế tình danh hão rối ren ghê!
Qua loa đối đáp còn khua bụng,
Mộc mạc mà văn vẫn giữ lề.

Hoàng Tạo

73. 其三

天昌吟韻降叢申
錦繡明王此好臣
翰苑九重青眼客
騷壇千古白眉人
朴愚不是逢豚叟
風韻何緣寫故臣
詩種自應詩種報
此鄉安得往來頻

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Thiên xương ngâm vận giáng tùng Thân,
Cẩm tú minh vương thử hảo thần.
Hàn uyển cửu trùng thanh nhãn khách;
Tao Đàn thiên cổ bạch mi nhân.
Phác ngu bất thị phùng đồn tẩu;
Phong vận hà duyên tả cố thần.
Thi chủng tự ưng thi chủng báo;
Thử hương an đắc vãng lai tần.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Vận trời thịnh văn thơ, nên giáng xuống họ Thân cao vời vợi,
Vua tôi sáng trong như gấm vóc, là vào thời kỳ tốt đẹp đó.
Hàn uyển ở ngay chốn cửu trùng, làm xanh con mắt khách;[1]
Tao Đàn còn lại ngàn năm, làm trắng lông mi người muôn thuở.[2]
Nếu không gặp ông già thôn quê chất phác;[3]
Thì làm gì có cớ khiến ta viết vần thơ cho vị bầy tôi cũ?
Nòi thơ tự nó sẽ có nòi thơ báo đáp,
Mong sao được luôn luôn qua lại làng này.

CHÚ THÍCH:

1. Khách mắt xanh, ý nói Thân Nhân Trung là bạn tri kỷ của nhà thơ Lê Thánh Tông.

2. Lông mi trắng (bạch mi): Mã Lương người thời Tam Quốc có một sợi lông mày trắng toát, người đương thời cho là người có tài năng khác thường, ý thơ ca ngợi Thân Nhân Trung là con người kiệt xuất trong Hội Tao Đàn.

3. Xem chú thích số1 bài 71.

DỊCH THƠ:

Vần thơ cao vút núi non Thân,
Vận hội "Minh lương" vẻ gấm nhuần.
Văn uyển mắt xanh bừng chín bệ;
Tao Đàn mày trắng trội nghìn xuân.
Dẫn ngu ví chẳng qua hương lão;

Phong độ si cho hiểu cố thần.
Thơ có nòi thơ đền đáp nhỉ,
Quê đây đi lại phỏng bao lần?

Đào Phương Bình

74. 南山石

嵯峨甚處與天參
維石山兮節彼南
聳出午維城矗矗
排來艮象望岩岩
國鈞實可斯名況
周尹能無此位慚
聖壽仰今山與並
嘗聞萬歲應聲三

PHIÊN ÂM:

NAM SƠN THẠCH

Ta nga thậm xứ dữ thiên tham,
Duy thạch sơn hề tiệt bỉ nam.
Tủng xuất Ngọ duy thành súc súc;
Bài lai Cấn tượng vọng nham nham.
Quốc quân thực khả tư danh huống;
Chu Doãn[a] năng vô thử vị tàm.
Thánh thọ ngưỡng kim sơn dữ tịnh,[b]
Thường văn vạn tuế ứng thanh tam.

DỊCH NGHĨA:

ĐÁ NÚI NAM [1]

Nơi cao chót vót nhất thì sánh ngang với trời,
Núi đá liền đá, cao vút lên ở phương nam.
Trồi lên từ phương Ngọ, như bức thành sừng sững;[2]
Bày ra tượng quẻ Cấn, trông dáng cao chênh vênh.[3]

Người cầm cân cho nước, thực có thể sánh với cái tên ấy;
Họ Doãn nhà Chu liệu có thể không thẹn với địa vị này chăng.[4]
Nay ngửa trông tuổi thọ Thánh hoàng sánh ngang núi đó,
Vì từng nghe tiếng núi hô "muôn năm" ba lần.[5]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Chu tể 周宰

b. Bản A.117/31: Thánh thánh ngưỡng kim sơn tịnh dữ 聖聖仰今山並與

CHÚ THÍCH:

1. Núi Nam, tức núi Chung Nam, dãy núi phía nam đất Quan Trung (Trung Quốc). Trong thơ văn thường dùng để ví với tuổi thọ. Xuất xứ từ câu: "Tiệt bỉ Nam Sơn, duy thạch nham nham" *Tiểu nhã. Kinh Thi*. Nội dung thơ chê vua nhà Chu dùng quân sư họ Doãn làm cho nước loạn. Có lẽ, Ngô Thì Nhậm mượn ý này gửi gắm niềm tâm sự của mình về thời cuộc.

2. Phương Ngọ: Tức phương Nam.

3. Cấn là tên một quẻ ở *Kinh Dịch*, hình tượng của Cấn là núi.

4. Quan thái sư họ Doãn: Theo chú giải của Chu Hy thì ông ta là dòng dõi Doãn Cát Phủ, làm quan tới Thái sư, vì chính sự không tốt, gây ra họa loạn, dân tình phải khốn cùng.

5. Núi hô muôn năm: Hán Võ Đế chơi núi Tung Sơn, bỗng nghe tiếng hô "Vạn tuế" (muôn năm) vang lên ở trên núi ba lần. Sau "vạn tuế" thường được dùng để chúc tụng nhà vua.

75. 和契友原韻三首

其一

直將騷雅實詩囊
溫厚風流見大方
泉石趣中君自逸
功名路上我殊忙
芝顏思在今秋月
蘭室懷深昔日香
久渴正殷肝鬲敘
豈惟詞藻羨堂皇

PHIÊN ÂM:

HỌA KHẾ HỮU NGUYÊN VẬN

TAM THỦ

KỲ NHẤT

Trực tương tao nhã thực thi nang,
Ôn hậu phong lưu kiến đại phương.
Tuyền thạch thú trung quân tự dật;
Công danh lộ thượng ngã thù mang.
Chi nhan tư tại kim thu nguyệt;
Lan thất hoài thâm[a] tích nhật hương.
Cửu khát chính ân can cách tự,
Khởi duy từ tảo tiễn đường hoàng.

DỊCH NGHĨA:

HOẠ NGUYÊN VẬN THƠ CỦA NGƯỜI BẠN THÂN *(BA BÀI)*

BÀI 1

Những đem sự tao nhã chứa đầy túi thơ,
Phong cách ôn hoà nhân hậu, đúng là bậc danh tiếng.
Ông được nhàn hạ trong thú suối rừng;
Tôi thực bộn bề trên đường công danh.
Đêm nay ngắm trăng thu, dáng linh chi ấy nhớ mãi;[1]
Hương thơm đưa từ ngày trước, mong hoài chốn nhà lan.[2]
Khao khát đã lâu, đương thiết tha được giãi bầy gan dạ,
Há chỉ có lời đẹp, ngợi ca cái thế đường hoàng ở ông.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Thâm hoài 深懷

CHÚ THÍCH:

1. 2. Linh chi, nhà lan: "Chi","Lan"là thuật ngữ chỉ tình bạn thân thiết. Sách *Gia Ngữ* chép: "Dữ thiện nhân giao như nhập chi lan chi thất" (Chơi với người tốt như vào nhà chi lan).

DỊCH THƠ:

Tao nhã đem dồn chặt túi thơ,
Phong lưu ôn hậu bậc không vừa.

Trên đường danh lợi tôi riêng bận;
Trong thú lâm tuyền bác vẫn thư.
Nét mặt chi mơ vầng nguyệt mới;
Căn nhà lan nhớ vị hương xưa.
Khát khao mong được bầy gan dạ,
Đâu chỉ lời hay chúc tụng ư.

Trần Duy Vôn

76. 其二

知公思慎括坤囊
未是猶龍倦四方
陶徑煙花驢背穩
霸橋雲錦馬蹄忙
靈凰暫戢層霄翼
幽谷難藏萬里香
謾道離群招過事
吾師三月也皇皇

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Tri công tư thận[a] quát khôn nang,
Vị thị do long quyện tứ phương.
Đào kính yên hoa lư bối ổn;
Bá kiều vân cẩm mã đề mang.
Linh hoàng tạm tập tằng tiêu dực;
U cốc nan tàng vạn lý hương.
Mạn đạo ly quần chiêu quá sự,
Ngô sư tam nguyệt dã hoàng hoàng.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Biết ông suy nghĩ chín chắn như cái túi thắt lại trong quẻ Khôn,[1]
Chưa phải con rồng này, đã mỏi chí bốn phương.
Vững chãi lưng lừa trong khói hoa ngõ Đào;[2]

Rộn rã vó ngựa bên gấm mây cầu Bá.(3)
Chim linh phượng tạm dừng cánh trên từng xanh;
Nhưng trong hang tối, khó giấu nổi hương bay muôn dặm.
Chớ nói đến lìa đàn, vì sẽ chuốc lấy lỗi lầm,
Thầy ta ba tháng [không vua nào vời], trong lòng băn khoăn.(4)

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Tư tận 思儘

CHÚ THÍCH:

1. Quẻ Khôn trong *Kinh Dịch* có câu: "Quát nang vô cữu vô dự" (Thắt túi lại không có lỗi mà cũng không có tiếng khen). Ý nói cẩn thận thì vẫn tốt hơn, không nên phô trương. Trong bài, dùng để nhấn mạnh sự suy nghĩ chín chắn của bạn.

2. Ngõ Đào, tức ngõ nhà Đào Tiềm đời Tấn. Ông đã không vì: "Năm đấu gạo mà khom lưng," treo mũ từ quan trở về vui thú cảnh điền viên. Ở đây, chỉ người bạn đang ở ẩn.

3. Cầu Bá: Một chiếc cầu ở huyện Trường An tỉnh Thiểm Tây. Đời Đường kinh đô đóng ở Trường An, nên nơi này diễn ra nhiều cuộc tiễn đưa. (Câu này có ý muốn khuyên bạn ra làm quan).

4. Thầy ta, tức Khổng Tử. Sách *Mạnh Tử (Đằng văn công hạ)* chép, Khổng Tử ba tháng mà không được vua nào dùng tới thì trong lòng băn khoăn không yên.

Trong thơ ý nói: Bạn nên biết rằng, đến Khổng Tử ba tháng không được đem tài ra giúp vua, lòng còn áy náy nữa là.

DỊCH THƠ:

Quẻ "Khôn" thắt túi, ông suy nghĩ,
Đâu nói rồng thiêng chỉ bốn phương.
Hoa khói ngõ Đào, lưng ngựa vững;
Gấm mây cầu Bá, vó câu vương.
Từng xanh linh phượng dừng đôi cánh;
Hang kín hương thơm ngát dặm trường.
Chớ nói lìa đàn mà chuốc lỗi,
Thày còn mong mỏi gặp thiên nhan.

Lâm Giang

77. 其三

龍城分袂幾年來
鬼乙東西各一涯

有 榻 不 妨 徐 孺 下
臨 窗 還 打 卯 雍 乖
羨 君 餐 飽 東 籬 菊
愧 我 潮 深 北 隴 梅
異 趣 同 歸 儒 者 事
知 心 好 共 曲 江 盃

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Long thành phân duệ kỷ niên lai,
Phầu ất đông tây các nhất nhai.
Hữu thạp bất phương Từ Nhụ há;
Lâm song hoàn đả Thiệu Ung quai.
Tiện quân xan bão đông ly cúc;
Quý ngã trào thâm bắc lũng mai.
Dị thú đồng quy nho giả sự,
Tri tâm hảo cộng Khúc Giang bôi.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Chia tay nhau ở thành Thăng Long đã mấy năm nay,
Như chim phù, ất, hết đông lại sang tây mỗi con một ngả.(1)
Có giường, đâu ngại hạ xuống cho Từ Nhụ ngồi;(2)
Đến bên cửa sổ, còn sửa sự ngang trái của Thiệu Ung.(3)
Khen ông, đã ăn no hoa cúc ở giậu đông;(4)
Ta thẹn, vì như mai Lũng Bắc ngập sâu trong nước thuỷ triều.(5)
Cách đi khác, nhưng cùng về một điểm là việc nhà nho,
Đã hiểu lòng nhau, xin cùng nâng chén rượu Khúc Giang.(6)

CHÚ THÍCH:

1. Chim phù ất, là hai loài chim thường sống trên mặt nước và có thể bay xa. Trong văn chương thường dùng để chỉ sự lênh đênh đây đó.

2. Từ Nhụ, tức Từ Trĩ, tên chữ là Nhụ Tử. Một cao sĩ đời Đông Hán. Thái

thú Trần Phồn dành riêng cho ông một cái giường hẹp, khi ông đến thì hạ xuống, ông đi lại treo lên để tỏ lòng tôn kính, quý trọng người hiền.

3. Thiệu Ung, người đời Tống, rất tinh thông dịch lý. Ông có bài "*Đả quai ngâm*"(sửa chữa những sự trái ngược). Ở đây mượn để chỉ sự quan tâm của bè bạn.

4. Hoa cúc giậu đông: Đào Tiềm, một nhà thơ điền viên nổi tiếng đời Tấn, đã từ quan về ở ẩn. Ông thường trồng nhiều hoa cúc để thể hiện khí tiết thanh cao của mình. Trong bài thơ "Ẩm tửu" của ông có câu: "Thái cúc đông ly hạ, du nhiên kiến Nam sơn" (Dưới dậu đông hái cúc, ngắm non Nam xa vời).

5. Hoa mai Lũng Bắc: Tác giả mượn ý trong câu thơ tiễn bạn của Lục khải đời Tấn: "Chiết mai phùng dịch sứ, ký dữ Lũng Đầu nhân" (Bẻ một cành mai, gặp người phu trạm, nhờ gửi người ở Lũng Đầu) để nói sự tiễn bạn đi xa.

Hai câu thơ trong bài ý nói: Bác vui với cảnh ẩn dật, còn tôi thực xấu hổ, cứ luẩn quẩn ở chốn quan trường.

6. Chén rượu Khúc Giang: Đỗ Phủ, nhà thơ lớn đời Đường, có hai bài thơ *Khúc Giang* có câu: "Thả khan dục tận hoa kinh nhãn. Mạc yếm thương đa tửu nhập thần" (Hãy xem qua trước mắt hoa đã tàn gần hết rồi. Dù có vì đau thương nhiều mà phải nhắc chén cũng đừng nên ân hận).

Ở đây mượn để nói tâm tình phóng khoáng của nhà nho.

DỊCH THƠ:

Chia tay ngày ấy tại Thăng Long,
Kẻ bắc người nam những ngóng trông.
Nào ngại hạ giường mời bác Nhụ;
Dám đâu sửa trái học ông Ung.
Cành mai Lũng Bắc tôi thường phạm;
Cây cúc dậu đông vẫn phục ông.
Tuy khác cách đi nhưng vẫn đến,
Khúc Giang nâng chén bởi chung lòng.

Lê Việt Nga

78. 秋風行寄范石洞

七月秋風吹滿江
急流如箭奔飛艭
制臣啣命赴南海
袁絰登舟擁墨幢
堯舜恤孤予升斗

由米何年空斷腸
鼓砲官舸馳月夜
中流穩棹發章陽
官舸咫尺在前渚
忽逐浮漚出大黃
推蓬見澒墜雙淚
戍春過此下文郎
先親愛子憐跋涉
中道馳書汝無忙
風濤到海太頑猛
汝身萬金戒垂堂
兩奴今已各泉下
吾親長駕白雲鄉
孤子單存牛馬齒
忝叨遭遇捧綸章
回頭前事一瞬息
人世百年如黃粱
維舟入訪外姑宅
外姑捐幃將及祥
千里奔喪不得唁
離合聚散何參商
閒庭寂寞苔生砌
花樹無言在園牆
寒潮來往依前度
黃封累累古隴崗
把酹臨阡淚不禁

嗚呼浮生煩惱場
悲感在心愁在鬢
數莖對鏡半斑蒼
吾年今始三十六
飽經歡樂與悲傷
年華此後許多日
乾坤無窮米在倉
呼童無櫛犯斑鬢
此鬢不斑即爲殤
僥倖不殤又過壯
此生更得事君王
臣心不隨臣鬢改
臣親遺囑在經箱
馳驅臣分何濤岸
且駕輕舟南出洋
海門十二此其一
碧天悠悠水茫茫
佃郡跡空邊海岸
錢卿夢斷鵝鵝艙
古今底事一太息
不覺吾淚又汪汪
宇宙以來題浴翠
十四年前字字香
文星上天山在地
孤子重臨空淒涼
天地至仁福愚蠢
孤身幸得常康彊

海山自在思不盡
索筆一書秋風長
秋風近來誰管領
持上石洞做主張

PHIÊN ÂM:

THU PHONG HÀNH KÝ PHẠM THẠCH ĐỘNG

Thất nguyệt thu phong xuy mãn giang,
Cấp lưu như tiễn bôn phi xang.
Chế thần hàm mệnh phó Nam hải,
Thôi điệt đăng chu ủng mặc chàng.
Nghiêu Thuấn tuất cô dữ thăng đẩu,
Do mễ hà niên không đoạn tràng.
Cổ pháo quan kha trì nguyệt dạ,[a]
Trung lưu ổn trạo phát Chương Dương.
Quan kha chỉ xích tại tiền chử,
Hốt trục phù âu[b] *xuất Đại Hoàng.*
Thôi bồng kiến lạn trụy song lệ,
Tuất xuân quá thử hạ Văn Lang.
Tiên thân ái tử lân bạt thiệp,
Trung đạo trì thư:"Nhữ vô mang.
Phong đào đáo hải thái [c]*ngoan mãnh,*
Nhữ thân vạn kim giới thùy đường."
Lưỡng nô kim dĩ các tuyền hạ,
Ngô thân trường giá bạch vân hương.
Cô tử đơn tồn ngưu mã xỉ,
Thiểm thao tao ngộ phủng luân chương.
Hồi đầu tiền sự nhất thuấn tức,
Nhân thế bách niên như hoàng lương.
Duy chu nhập phỏng ngoại cô trạch,
Ngoại cô quyên vi tương cập tường.
Thiên lý bôn tang bất đắc nghiễn,
Ly hợp tụ tán hà Sâm Thương.

Nhàn đình tịch mịch đài sinh thế,
Hoa thụ vô ngôn tại viên tường.
Hàn triều lại vãng y tiền độ,
Hoàng phong lũy lũy cổ lũng cương.
Bả loại lâm thiên lệ bất cấm,
Ô hô! Phù sinh phiền não trường.
Bi cảm tại tâm, sầu tại tu,
Sổ kinh đối kính bán ban thương.
Ngô niên kim thủy tam thập lục,
Bão kinh hoan lạc dữ bi thương.
Niên hoa thử hậu hứa đa nhật?
Càn khôn[d] vô cùng mễ tại thương.
Hồ đồng vô trất phạm ban tu,
Thử tu bất ban tức vi thương.
Kiêu hãnh bất thương hựu [d]quá tráng,
Thử sinh cánh đắc sự quân vương.
Thần tâm bất tùy thần mấn cải,
Thần thân di chúc tại kinh sương.[e]
Trì khu thần phận hà đào ngạn,
Thả giá khinh chu nam xuất dương.
Hải môn thập nhị thử kỳ nhất,
Bích thiên[g] du du thủy mang mang.
Điền quận tích không Liêu Hải ngạn,
Tiễn khanh mộng đoạn nga nga hoàng.
Cổ kim để sự nhất thái tức,
Bất giác ngô lệ hựu uông uông.
"Vũ trụ dĩ lai" đề Dục Thuý,
Thập tứ[h] niên tiền tự tự hương.
Văn tinh thướng thiên sơn tại địa,
Cô tử trùng lâm không thê lương.
Thiên địa chí nhân phúc ngu xuẩn,
Cô thân hạnh đắc thường khang cường.
Hải sơn tự tại tư bất tận,
Sách bút nhất thư thu phong trường.
Thu phong cận lai thùy quản lĩnh,
Trì thượng Thạch Động tố chủ trương.

DỊCH NGHĨA:

HÀNH KHÚC GIÓ THU GỬI PHẠM THẠCH ĐỘNG[1]

Gió thu tháng bẩy, thổi đầy sông,
Nước xiết tựa tên, thuyền lướt như bay.
Bầy tôi có đại tang mang mệnh đến bể Nam,[2]
Mặc tang phục lên thuyền, rủ bức trướng đen.
Nghiêu Thuấn thương đứa con côi, ban cho lộc thăng đấu,[3]
Trọng Do đội gạo năm nào, luống đứt ruột gan.[4]
Thuyền quan thúc trống lướt dưới đêm trăng,
Vững tay lái giữa dòng, từ bến Chương Dương ra đi.[5]
Thuyền quan gần trong gang tấc, đang ở bến phía trước.
Chợt theo bọt nổi, ra sông Đại Hoàng.[6]
Tựa bồng nhìn sóng, hai hàng lệ rỏ,
Xuân năm Tuất từng qua đây, rồi xuôi xuống Văn Lang.[7]
Cha ta xưa yêu con, thương con phải lặn lội,
Giữa đường vội gửi thư dặn: "Con chớ nên vội vàng.
Sóng gió xô tới biển vô cùng dữ dội,
Thân con nghìn vàng, hãy giữ gìn."
Hai đứa con đòi nay đã ở suối vàng,
Cha ta cũng mãi mãi ngự trên làng mây trắng.[8]
Chỉ còn lại đứa con côi, tuổi dại ngây,
Thẹn mình lạm gặp gỡ, bưng bức chiếu thư.
Việc trước nghĩ lại, mới chỉ trong nháy mắt,
Đời người trăm năm, quả như giấc mộng kê vàng.[9]
Buộc thuyền vào thăm nhà mẹ vợ,
Mẹ vợ qua đời sắp tới giỗ đầu.
Từ nghìn dặm chịu tang cha, không kịp về kính viếng,[A]
Ly, hợp, tụ, tán khác nào sao Sâm với sao Thương![10]
Sân vắng, quạnh hiu, rêu phong đầy bậc,
Cây, hoa lặng thinh trong mảnh vườn tường vây.
Nước triều lạnh lên xuống y như độ trước,
Phần mộ vàng úa lớp lớp nơi gò đống xưa.
Rót rượu trước mồ, không cầm nổi nước mắt,

Than ôi! Kiếp phù sinh này chỉ là cảnh phiền não.
Thương cảm để trong lòng, u sầu hiện ở chòm râu,
Soi gương thấy mấy sợi đã nửa phần đốm bạc.
Tuổi ta nay mới ba mươi sáu,
Mà đã trải chán chê vui thú với thương đau!
Tuổi tác từ nay về sau còn được bao ngày nữa?
Trời đất là vô cùng, [sinh mệnh người ta] như hạt gạo trong kho.
Bảo trẻ chớ chải lược, kẻo chạm phải chòm râu đốm bạc của ta,
Vì râu không đốm bạc, tức là chết non.
May mắn không chết non, mà còn được mạnh khoẻ,
Thì kiếp sống này lại được thờ vua.
Lòng thần không đổi thay theo chòm râu đốm bạc,
Lời trăng trối của cha thần vẫn còn trong hòm kinh.[B]
Ruổi rong là phận làm tôi, có ngại gì sóng cao, bờ dốc,
Hãy cưỡi con thuyền nhẹ đi ra biển Nam.[C]
Trong mười hai cửa biển, đây là cửa thứ nhất,
Trời xanh bát ngát, nước mênh mông.
Vết tích Quận Điền hãy còn trên bờ Liêu Hải,[D]
Dứt mộng tiễn chàng trên con thuyền lênh đênh.
Câu chuyện ấy, xưa nay chỉ những thở dài,
[Nay] không dè, nước mắt ta lại hai hàng ràn rụa.
"Từ khi có vũ trụ đến nay" là chữ đề trên núi Dục Thuý,[11]
Đã mười bốn năm rồi mà chữ chữ vẫn còn thơm.
Sao Văn đã lên trời, mà núi vẫn còn ở dưới đất,[12]
Đứa con côi lại đến thăm, chỉ thấy cảnh thê lương.
Trời đất rất nhân từ, ban phúc cho kẻ xuẩn ngu,
May cho tấm thân đơn côi này luôn được mạnh khoẻ.
Núi cao, bể rộng còn đó, khiến lòng ta nhớ khôn nguôi,
Bèn tìm bút viết một bài "Gió thu" thổi dài.
Gió thu gần đây, mấy ai quản lĩnh?
Xin dâng cho bạn Thạch Động làm người chủ trương.[i]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Chì dạ nguyệt馳夜月
b. Bản A.117/31: Phù âu 浮鷗
c. Bản A.117/31: Đại ngoan mạnh 大頑孟

d. Bản A.117/31: Khôn càn 坤乾

đ. Bản A.117/31: Hoàn quá tráng 還過壯

e. Kinh tại sương 徑在箱

g. Bản VHv.16/3 và VHv.1743/22: Bích thuỷ du du thuỷ mang mang 碧水悠悠水茫茫

h. Bản A.117/31: Tứ thập niên tiền 四十年前

i. Bản A.117/31: Tố khai trương 做開張

NGUYÊN CHÚ:

A. Tháng chín năm ngoái, mẹ vợ ta từ trần, lúc đó ta đang chịu tang cha ở Lạng Sơn, nên không về thăm viếng được, đến nay mới có dịp đến viếng mộ.

B. Cái ý của cha ta là vô cùng vô tận, trong kinh có câu "Đổi chữ hiếu làm chữ trung".

C. Từ phía nam thuận dòng xuống cửa Lác, rồi vào cửa Đài, men theo đường biển vào con đường đi Trường Yên.

D. Quận Điền nhẩy xuống dòng nước, đánh nhau với thủy thần, làm nước tắc nghẽn cửa Liêu Hải, dấu tích ấy hãy còn.

CHÚ THÍCH:

1. "Hành" là một thể thơ cổ, trường thiên.

Phạm Thạch Động: Xem chú thích số1 bài 4.

2. Bể Nam, tức vùng biển Nam Định, vì quê người vợ cả của tác giả ở làng Bách Tính, Nam Định.

3. Nghiêu, Thuấn: Hai vua hiền đời thượng cổ Trung Quốc. Ở đây chỉ vua Ngô Thì Nhậm phụng sự.

Thăng đấu, đơn vị đo lường thời xưa. Ở đây, dùng chỉ bổng lộc nói chung. Xem thêm chú thích số 3 bài 4.

4. Trọng Do: Người đời Xuân Thu, tự là Tử Lộ, học trò Khổng Tử, là người con hiếu thường đội gạo thuê ngoài trăm dặm lấy tiền nuôi mẹ.

5. Bến Chương Dương, nằm trên sông Hồng, nay tại huyện Thường Tín giáp bờ sông Hồng còn có thôn Chương Dương.

6. Sông Đại Hoàng, khúc sông Hồng phía bắc tỉnh Nam Định, chảy qua ngã ba Hoàng Giang và giáp với làng Đại Hoàng thuộc phủ Lý Nhân, Hà Nam.

7. Văn Lang: Chưa rõ.

8. Ý nói cha đã qua đời.

9. Giấc mộng kê vàng: Lư Sinh đời Đường, thi hỏng về nhà nằm ngủ, mơ thấy mình được giầu sang, thi đỗ làm quan to, sinh được năm con trai đều giỏi giang, mà mình sống đến 80 tuổi. Khi Lư tỉnh dậy thì thấy nồi kê nhà trọ vẫn chưa chín. Trong thơ, dùng để chỉ đời người rất ngắn ngủi.

10. Sao Sâm, Thương: Tức sao Hôm và sao Mai, hai ngôi sao ở hai phương trời khác nhau, và không bao giờ cùng xuất hiện. Trong thơ dùng để chỉ sự xa cách, chia ly.

11. Ngô Thì Sĩ, khi qua Ninh Bình có đề trên núi Dục Thúy, dòng chữ: "Vũ trụ dĩ lai..."

12. Câu này ý nói, nhà văn đã mất mà ngọn núi còn đó.

79. 春節賀王世子五首

其一

融怡康樂發祥天
燦爛前星耀紫垣
日月光華符旦旦
山川增至慶年年
太和宇宙無疆界
給足人家有管絃
輝潤休徵多喜辨
願賡戩穀續葩篇

PHIÊN ÂM:

XUÂN TIẾT HẠ VƯƠNG THẾ TỬ (NGŨ THỦ)

KỲ NHẤT

Dung di khang lạc phát tường thiên,
Xán lạn Tiền tinh diệu Tử Viên.
Nhật nguyệt quang hoa phù đán đán;
Sơn xuyên tăng chí khánh niên niên.
Thái hoà vũ trụ vô cương giới;
Cấp túc nhân gia hữu quản huyền.
Huy nhuận hưu trưng đa hỷ biện,
Nguyện canh Tấn cốc tục ba thiên.

DỊCH NGHĨA:

GẶP TIẾT XUÂN, MỪNG THẾ TỬ NHÀ CHÚA *(5 BÀI)*

BÀI 1

Khoẻ mạnh, hoà vui, trời ban phát điềm lành,
Ngôi Tiền tinh rực rỡ, chòm Tử Viên chói lọi.(1)
Nhật nguyệt sáng trong, hợp với sớm sớm;
Sông núi tăng thêm phúc khánh năm năm.
Vũ trụ thái hoà, vô bờ vô bến;
Mọi nhà no đủ, vang tiếng sáo đàn.
Điềm lành: Sao sáng bể nhuần, mừng vui khôn xiết,
Xin hoạ vần "Tấn cốc," nối bài thơ hoa.(2)

CHÚ THÍCH:

1. Tiền tinh: Vì sao ứng vào địa vị thái tử.

Sao Tử Viên, vì sao ứng vào địa vị nhà vua.

2. "Tấn cốc": Thơ *Thiên bảo, Kinh thi,* thơ chúc tụng nhà vua, có câu: "Tỉ nhĩ tấn cốc" (trời khiến nhà ngươi rất mực tốt lành).

Bài thơ hoa (ba thiên), tức bài thơ *Thiên bảo, Kinh Thi* thường được gọi là "Ba kinh."

80. 其二

乾 坤 英 粹 毓 重 華
浚 哲 溫 恭 德 靡 瑕
旄 鉞 憂 完 常 武 事
宮 庭 能 奉 媚 親 和
日 三 誠 孝 儀 型 在
月 兩 純 休 懿 美 多
景 仰 元 良 隆 國 棟
億 年 香 火 是 山 河

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Kiền khôn anh túy dục Trùng Hoa,
Tuấn triết ôn cung đức mỹ hà.
Mao việt ưu hoàn thường vũ sự;
Cung đình năng phụng mị thân hòa.
Nhật tam thành hiếu nghi hình tại;
Nguyệt[a] lưỡng thuần hưu ý mĩ đa.
Cảnh ngưỡng nguyên lương long quốc đống,
Ức niên hương hoả thị sơn hà.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Tinh tuý anh hoa của đất trời, chung đúc nên bậc Trùng Hoa,[1]
Sáng suốt, ôn hoà, cung kính, đức ấy không chút tì vết.
Nên lo trọn việc cờ búa, thường xuyên lưu tâm đến võ bị;
Biết phụng dưỡng chốn cung đình, đẹp lòng hoà thuận với đấng thân.
Một ngày ba lượt tỏ lòng hiếu kính, khuôn phép hay còn đó;[2]
Cả tháng đôi lần tỏ niềm vui, ý đức tăng thêm nhiều.
Ngước trông bậc nguyên lương, vững vàng giường cột cho nước,
Non sông này, ức vạn năm hương lửa lưu truyền.

KHẢO DỊ:

a. Chữ nguyệt 月, nguyên văn chép "minh" 明, không rõ nghĩa trong câu thơ, vả lại đối chưa thật chỉnh, ngờ là chữ "nguyệt" viết lầm.

CHÚ THÍCH:

1. Trùng Hoa, có nghĩa là lồng vẻ đẹp, tức ông cha trước đã có sự nghiệp tốt đẹp, nay mình cũng thừa kế được. Trùng Hoa, cũng chỉ vua Thuấn, ông vua hiền đời nhà Ngu.

2. Ngày ba lần tỏ lòng thành kính: Theo *Kinh Lễ* thì Văn Vương khi làm Thế tử, ngày ba lần đến hỏi thăm sức khoẻ của cha. Ở đây, tác giả khuyên, Vương Thế tử nên theo đúng khuôn phép như trong *Kinh Lễ*.

81. 其三

光輝發越自天成
本領居然具粹精
至道與年偕進長

新心如日共清明
不舒恒体欽恭德
無斁彌應愷悌名
聞望顯昂昭懿燦
同符三善媲三英

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Quang huy phát việt tự thiên thành,
Bản lĩnh cư nhiên cụ túy tinh.
Chí đạo dữ niên giai tiến trưởng;
Tân tâm như nhật cộng thanh minh.
Bất thư hằng thể khâm cung đức;
Vô dịch di ưng khải đệ danh.
Văn vọng ngung ngang chiêu ý thước,
Đồng phù tam thiện tỉ tam anh.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Sáng suốt toả phát, do trời phú cho,
Bản lĩnh như vậy, đủ vẻ tinh túy.
Đạo lý cùng trưởng thành với tháng năm;
Tấm lòng như ban ngày cùng trong sáng.
Luôn thể hiện đức khiêm cung, không chút lơi là;
Càng xứng với tiếng hay khải đễ, chẳng hề chán nản.
Đức vọng lớn lao, vẻ đẹp sáng ngời,
Hợp cùng ba điều thiện, phối với ba đức sáng.[1]

CHÚ THÍCH:

1. Ba điều thiện: Thiên *Văn Vương Thế tử* trong *Kinh Lễ* có nói vị Vương Thế tử " làm một việc mà được cả ba điều thiện," tức là bản thân Thế tử khi vào học ở nhà Quốc học mà biết kính nhường người hơn tuổi mình thì ai nấy đều cảm hoá mà biết đạo yêu mến người thân, tôn kính vua, tôn trọng người lớn. Như vậy là làm một việc mà được cả ba điều tốt lành.

Ba đức sáng (tam anh) chỉ ba đức cần cho người cầm quyền: Cương quyết, nhu thuận, chính trực.

82. 其四

春秋鼎盛仰如今
睿秀英謀足有臨
端實克推三著要
操持恒謹一眞心
淵冰有惕勤湯旦
夕夜無荒競禹陰
光大高明皆典學
時將聖訓式臣欽

PHIÊN ÂM:

KỲ TỨ

Xuân thu đỉnh thịnh ngưỡng như câm,
Duệ tú anh mưu túc hữu lâm.
Đoan thực khắc suy tam trứ yếu;
Thao trì hằng cẩn nhất chân tâm.
Uyên băng hữu dịch cần Thang đán;
Tịch dạ vô hoang cạnh Vũ âm.
Quang đại cao minh giai điển học,
Thời tương thánh huấn thức thần khâm.[a]

DỊCH NGHĨA:

BÀI 4

Ngước thấy[Thế tử] nay, đang thời dạt dào tuổi trẻ,
Sáng suốt, mưu hay đủ để trị đời.
Có thể suy đức thật thà chính trực từ ba điều cốt yếu;[1]
Luôn luôn thận trọng giữ gìn một tấm lòng thành.
Phải lo như xa vực, đạp băng, tựa vua Thang chăm dậy sớm;[2]
Không phí dù buổi chiều, hay một tối, như vua Vũ đua với thời gian.[3]
Sáng suốt giỏi giang, đều do chăm chỉ học hành,
Luôn đem lời dạy thánh hiền, làm gương cho bày tôi noi theo.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: Thời tương thánh hiến thức thần khâm 時將聖憲式臣欽 (Luôn dùng phép tắc của thánh làm gương cho bầy tôi noi theo).

CHÚ THÍCH:

1. Ba điều cốt yếu, cũng như "một ngày ba lần tỏ lòng thành kính." Xem chú thích số 2 bài 80.

2. Vua Thang dậy sớm: *Kinh Thư* chép: Y Doãn bảo con vua Thang rằng: "Đấng tiên vương khi trời mới tảng sáng, đã dậy ngồi đợi trời sáng để làm việc"(*Thái giáp thượng*).

3. Theo *sử ký:* Vua Vũ chăm chỉ làm việc tiếc từng tấc bóng mặt trời.

83. 其五

萬國咸寧至治時
和風瑞氣正熙熙
仰昭聖武清烏障
實把隆平作燕貽
學有就將光盛業
功多播獲闡平基
陳常失德當爲事
舊服無疆有式儀

PHIÊN ÂM:

KỲ NGŨ

Vạn quốc hàm ninh chí trị thì,
Hoà phong thụy khí chính hi hi.
Ngưỡng chiêu thánh võ thanh ô chướng;
Thực bả long bình tác yến di.
Học hữu tựu tương quang thịnh nghiệp;
Công đa bá hoạch xiển bình ky.
Trần thường thất đức đương vi sự,
Cựu phục vô cương hữu thức nghi.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 5

Muôn nước đều yên, khi thời rất trị bình,

Khí lành, gió thuận: Đương lúc ngời ngời.
Ngước trông, sáng bừng công thánh võ, quét sạch bóng đen;
Thật đã đem nền hưng long, truyền cho con cháu.
Học hành tấn tới, rạng rỡ nghiệp hưng thịnh;
Nhiều công gieo trồng ắt thu hoạch, mở nền thái bình.
Việc nên làm, thường xuyên trình bày khúc "Thất đức,"[1]
Có khuôn phép, bờ cõi cũ truyền đến vô cùng.

CHÚ THÍCH:

1. *Thất đức*: Tên vũ khúc. *Đường thư* chép: Nhạc Phá quân của Tần Vương gọi là "Thất đức vũ" (điệu vũ Thất đức)

Câu thứ 3 bài thơ nói võ công dẹp giặc, nên câu này lại nhắc đến khúc vũ nhạc Thất đức để hô ứng với ý thơ nêu trên.

84. 奉賡王子賜詩原韻並語

臣章逢俗，學叨到講壇；樗櫟凡才，濫隨戎幕。

居官日久，未答乾元飄造之高毫；侍學對疏，骨裨蒙養薰聞之萬一。

葑菲全憑俯就；錦堂幸賜備褒。

捧瑤章而翹望清光，添慶海潤星輝之象；仰邃閣而料其素簡，願酬山增川至之章。

祥光燦爛紫微邊
炯炯前星照萬緣
一脈聖神浮虎步
億年祚胤翠龍編
輝華誠協愚玄德
孝悌心遊孟大賢
有幸微臣逢盛際
忻昭震象福純全

PHIÊN ÂM:

PHỤNG CANH VƯƠNG TỬ TỨ THI NGUYÊN VẬN

(TỊNH NGỮ)

Thần chương phùng tục, học thao đáo giảng đàn; sư lịch phàm tài, lạm tuỳ nhung mạc.

Cư quan nhật cửu, vị đáp càn nguyên phiêu tạo chi cao hào; thị học đối sơ, cốt bì mông dưỡng huân văn chi vạn nhất.

Phong phỉ toàn bằng phủ tựu; cẩm đường hạnh tứ bị bao.

Phủng dao chương nhi kiều vọng thanh quang, thiêm khánh hải nhuận tinh huy chi tượng; ngưỡng thuý các nhi liệu kỳ tố giản, nguyện thù sơn tăng xuyên chí chi chương.

Tường quang xán lạn Tử Vi biên,
Quýnh quýnh Tiền tinh chiếu vạn duyên.
Nhất mạch thánh thần phù hổ bộ;
Ức niên tộ ấm củng Long Biên.
Huy hoa thành hiệp Ngu huyền đức;
Hiếu đễ tâm du Mạnh đại hiền.
Hữu hạnh vi thần phùng thịnh tế,
Hân chiêu Chấn tượng phúc thuần tuyền.

DỊCH NGHĨA:

PHỤNG HOẠ NGUYÊN VẬN
BÀI THƠ CỦA VƯƠNG TỬ TẶNG CHO

(KÈM THEO LỜI DẪN)

Thần: Văn chương thói tục, trộm được tới chốn giảng đường; củi rác tài hèn, may được theo nơi nhung mạc.

Ngày làm quan đâu phải mới, ơn trời cao gây dựng, đáp lại mảy may; buổi đầu hầu học đã từng lâu, công giáo dục nung rèn, mong đền bù muôn một.

Đã thương tới chọn rau phong phỉ;[1] lại hậu cho vui chốn cẩm đường.[2]

Nâng tờ Ngọc dao mà trông vẻ sáng trong, thêm rạng cảnh biển nhuần sao tỏ; ngước thấy gác thúy mà sửa lời giản trát, mong dâng câu: "Sông chảy núi bền"[3]:

Ánh sáng lành chói lọi bên toà Tử Vi,[4]

Ngôi Tiền tinh vằng vặc soi khắp muôn loài.[5]

Một mạch máu thánh thần, hợp bước đi như hổ;

Nghìn năm phúc ấm , bền vững đất Long Biên.

Lòng chân thành trong sáng hợp với đức lớn vua Ngu;[6]

Niềm hiếu đễ, có thể giao du cùng bậc đại hiền họ Mạnh.[7]

Kẻ bầy tôi nhỏ mọn này, may gặp thời thịnh trị,

Mừng thấy sáng tượng quẻ Chấn, phúc được vẹn toàn.[8]

CHÚ THÍCH:

1. Rau phong phỉ: Loại rau tầm thường. Trong thơ văn thường dùng chỉ người tự khiêm là hèn mọn.

2. Cẩm đường: Chỉ nơi làm quan.

3. "Sông chảy núi bền" (Xuyên chí, sơn tăng), dựa vào câu chúc phúc nhà vua trong thơ *Thiên bảo, Kinh Thi*: "như sơn như phụ ... như xuyên chi phương chí, dĩ mạc bất tăng" (như núi như gò ... như nước sông cuộn chảy đến, mọi thứ đều trội thêm).

4. Tử Vi, tức toà sao ứng vào ngôi vua.

5. Tiền tinh: Ngôi sao ứng vào ngôi thái tử.

6. Vua Ngu, tức Đế Thuấn.

7. Họ Mạnh, tức Mạnh Tử.

8. Tượng quẻ Chấn: Chấn là tên quẻ tượng trưng cho người con trưởng. Ở đây chỉ ngôi thái tử.

85. 奉題畫屏五絶

其一

蘭橈桂棹溯周經

五色祥雲護繡瑩

天定江澄憑眺爽

仙洲景物入權衡

PHIÊN ÂM:

PHỤNG ĐỀ HOẠ BÌNH (NGŨ TUYỆT)

KỲ NHẤT

Lan nhiêu quế trạo tố Chu kinh,
Ngũ sắc tường vân hộ tú oanh.
Thiên định giang trừng bằng diếu sảng,
Tiên châu cảnh vật nhập quyền hành.

DỊCH NGHĨA:

PHỤNG ĐỀ BỨC BÌNH PHONG CỦA CHÚA

NĂM BÀI

BÀI 1

Buồm lan, chèo quế, đi vòng ngược dòng sông,[1]
Năm sắc mây lành che tấm ngọc thêu.
Trời yên, sông lặng, đưa mắt nhìn sảng khoái,
Cảnh vật tiên châu thu cả vào tầm cân nhắc.[2]

CHÚ THÍCH:

1. Nguyên văn "tố" 訴, xét thấy không hợp nghĩa, đoán là chữ "tố"溯 (ngược dòng sông) viết lầm.

2. Bài này có lẽ tả bức vẽ (hoặc bức thêu) "Con thuyền nhà vua đi chơi trên sông."

86. 其二

金甌江上不風濤
岸渚簞盆佇畫舠
爲把光輝恢照燭
莫非赤子與兼胞

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Kim âu giang thượng bất phong đào,
Ngạn chử đan bồn trữ hoạ đao.
Vi bả quang huy khôi chiếu chúc,
Mạc phi xích tử dữ kiêm bào.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Vững như âu vàng, trên sông không sóng gió,
Bờ bến như nêm như chậu, đứng lặng con thuyền vẽ nhỏ.
Những đem ngọn đuốc sáng soi rộng khắp,
Vì ai chẳng là con đỏ cùng đồng bào.[1]

CHÚ THÍCH:

1. Bài này có lẽ tác giả tả bức vẽ "Nhà vua đứng trên con thuyền xem cảnh vật hai bên bờ sông."

DỊCH THƠ:

Âu vàng sông ấy lắng phong ba,
Thuyền gấm nhìn xuyên bến nước xa.
Hãy lấy đuốc soi cho rộng khắp,
Thảy đều con cái giống nòi ta.

Đào Phương Bình

87. 其三

耕斂民時皆可省
風光天巧不能留
年來織得江山錦
爲度如今作一遊

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Canh liễm dân thời giai khả tỉnh,
Phong quang thiên xảo bất năng lưu.
Niên lai chức đắc giang sơn cẩm,
Vi độ như kim tác nhất du.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Khi dân cấy cày, gặt hái, đều nên xem xét,
Phong cảnh thiên nhiên kỳ xảo không thể lưu lại được.
[Muốn cho] sang năm non sông dệt thành bức gấm,
Hãy làm khuôn phép như năm nay, tổ chức buổi tuần du.[1]

CHÚ THÍCH:

1. Bài này có lẽ để bức vẽ "Nhà vua đi tuần du."

DỊCH THƠ:

Dân ta cấy gặt đều xem xét,
Khéo đẹp trời sinh, cảnh khó lưu.
Sông núi sang năm thành gấm dệt,
Năm nay định phép hãy tuần du.

Đào Phương Bình

88. 其四

北瞻南顧此關河
穩泛中流品彙多
旄羽不妨耕鑿事
無情鷗鷺戲滄波

PHIÊN ÂM:

KỲ TỨ

Bắc chiêm nam cố thử quan hà,
Ổn phiếm[a] trung lưu phẩm vựng đa.
Mao vũ bất phương canh tạc sự,
Vô tình âu lộ hí thương ba.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 4

Ngóng bắc, trông nam, vẫn non sông này,
Thả thuyền yên ả giữa dòng, thấy bao cảnh vật.
Cờ quạt dong chơi không hại gì đến việc đào giếng, cày nương,
Chim âu, cò trắng vô tình, cứ rỡn với sóng xanh.[1]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/31: ổn trạo 穩棹

CHÚ THÍCH:

1. Bài này có lẽ để bức vẽ "Thuyền vua đi trên sông."

DỊCH THƠ:

Ngắm bắc nhìn nam sông núi ấy,

Giữa dòng thuyền thả, cảnh bao quanh.
Nhởn chơi, cuộc sống dân nào hại,
Cò vạc vô tình rỡn sóng xanh.

Đào Phương Bình

89. 其五

四海盡爲家
泛舟漢池下
衢叟不知堯
帝力何有我
美哉此江山
武功開鑿得
流水戲龍飛
憑高看四極

PHIÊM ÂM:

KỲ NGŨ

Tứ hải tận vi gia,
Phiếm chu Hán trì hạ.
Cù tẩu bất tri Nghiêu,
Đế lực hà hữu ngã ?
Mỹ tai thử giang san,
Võ công khai tạc đắc.
Lưu thuỷ hí long phi,
Bằng cao khan tứ cực.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 5

Bốn bể thảy là nhà,
Thả thuyền dưới ao Hán.[1]
Ông già giữa ngã tư không biết vua Nghiêu,
Nói rằng, thế lực vua có ảnh hưởng gì đến ta ?[2]
Đẹp thay, non sông này!
Nhờ võ công mà khai phá được.

Nước chảy rồng rỡn bay,

Dựa tầng cao mà ngắm nhìn bốn cõi.

CHÚ THÍCH:

1. Nhà Hán là một triều đại lâu dài ở Trung Quốc, ao nhà Hán cũng như nói ao của Thiên tử. Song, chữ "Hán" nghi là chữ "Hoàng" viết sai, vì "hoàng trì" mới có chữ.

2. Sách *Liệt Tử* nói: Vua Nghiêu muốn xem xét dân tình, bèn mặc thường phục dạo chơi, tới ngã tư đường, thấy có 8-9 ông già cùng gõ cái nhuỡng và hát: "Mặt trời mọc thì dậy, mặt trời lặn thì nghỉ, cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, chứ thế lực nhà vua có [giúp gì được] ta."

90. 題御屏畫圖四絶

其一

桃園三結義

天將英傑作同胞
誓把深心訴與桃
哥叔此番香火訂
肯教寸土割孫曹

PHIÊN ÂM:

ĐỀ NGỰ BÌNH HOẠ ĐỒ (TỨ TUYỆT)

KỲ NHẤT

ĐÀO VIÊN TAM KẾT NGHĨA

Thiên tương anh kiệt tác đồng bào,
Thệ bả thâm tâm tố dữ đào.
Ca thúc thử phiên hương hoả đính.
Khẳng giao thốn thổ cát Tôn Tào?

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ BỨC VẼ TẤM BÌNH PHONG CỬA NHÀ VUA

(BỐN BÀI TỨ TUYỆT)

BÀI I

BA NGƯỜI KẾT NGHĨA Ở VƯỜN ĐÀO[1]

Trời xui những bậc anh kiệt kết làm anh em ruột thịt,
Thề đem tấm lòng sâu kín, cùng ngỏ với cây đào.
Phen này anh anh, chú chú, đính ước bên lò hương lửa,[2]
Đâu chịu đem một tấc đất cắt cho họ Tôn, họ Tào?[3]

CHÚ THÍCH:

1. Thời Tam Quốc, Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi kết nghĩa làm anh em ruột thịt ở vườn đào, để khôi phục lại cơ nghiệp nhà Hán.

2. Lò hương lửa: Người xưa, khi minh thệ, thường đốt lò hương lên để thề.

3. Họ Tôn, tức Ngô Tôn Quyền. Họ Tào, tức Tào Tháo. Tôn Quyền, Tào Tháo, Lưu Bị, là ba nhân vật đứng đầu ba nước: Ngô, Ngụy, Thục thời Tam Quốc.

DỊCH THƠ:

Trời xui hào kiệt kết đồng bào,
Thề tấm lòng son với gốc đào.
Hương lửa phen này anh với chú,
Há đem tấc đất nhượng Tôn, Tào.

Đào Phương Bình

91. 其二

躍馬過橋溪

逐鹿屠龍若不休
無情溪水一回頭
登津若問源從出
睢水滹沱最上流

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

DƯỢC MÃ QUÁ KIỀU KHÊ

Trục lộc đồ long nhược bất hưu,
Vô tình khê thuỷ nhất hồi đầu.
Đăng tân nhược vấn nguyên tùng xuất,
Thư Thủy Hô Đà tối thượng lưu.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

PHÓNG NGỰA QUA KHE KIỀU

Đuổi hươu giết rồng, như không nghỉ ngơi,[1]
Nước suối thật vô tình, mỗi khi ngoái đầu nhìn lại.
Tới bến, nếu muốn hỏi nguồn từ đâu ra?

Từ mãi vùng thượng lưu sông Thư Thủy, Hô Đà.[2]

CHÚ THÍCH:

1. Hươu, chỉ thiên hạ nhà Tần, rồng tức Tổ long, tên mà người ta thường gọi Tần Thủy Hoàng xưa. Vậy "đuổi hươu, giết rồng" là ý nói giành lại thiên hạ của Tần Thủy Hoàng.

2. Thư Thủy, nơi Hán Cao Tổ đánh và chiến thắng Hạng Võ.

Hán Quang Vũ đánh nhau với Hung Nô, thua chạy, khi đến sông Hô Đà, nước kết thành băng, quân đội qua sông xong, băng lại tan thành nước, nên địch không đuổi kịp. Hán Cao Tổ và Quang Vũ đều là tổ tiên của Hán Lưu Bị. Vì vậy ở đây nhắc tới.

DỊCH THƠ:

Đuổi giết hươu rồng có nghỉ đâu,
Vô tình khe suối mỗi quay đầu.
Hỏi nguồn bến nước từ đâu đến,
Thư Thủy, Hô Đà ấy thượng lưu.

Đào Phương Bình

92. 其三

三顧草蘆

漢賊分明至枕邊
堂堂之冑草蘆前
誰知頃刻談心處
媒得江山五十年

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

TAM CỐ THẢO LƯ

Hán tặc phân minh chí chẩm biên,
Đường đường chi trụ thảo lư tiền.
Thùy tri khoảnh khắc đàm tâm xứ,
Môi đắc giang sơn ngũ thập niên.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

BA LẦN THĂM TÚP LỀU TRANH [1]

Nghiệp Hán, thế giặc, được phân chia rõ ràng, đặt bên gối,[2]
Bậc dòng dõi đường đường trước lều tranh.
Nào ngờ từ chỗ tỏ bày tâm sự trong chốc lát,
Mà giành được non sông năm chục năm trời.[3]

CHÚ THÍCH:

1. Lưu Bị ba lần đến Nam Dương, nơi Gia Cát Lượng đang ở ẩn, mới mời được ông ra giúp việc khôi phục nghiệp nhà Hán.

2. Gia Cát Lượng khi tiếp Lưu Bị trong túp lều tranh đã đưa ra bức địa đồ và vạch rõ thế chia ba cùng hướng đi của Lưu Bị để giữ cơ nghiệp nhà Hán.

3. Năm chục năm: Lưu Bị đã dựng nên cơ nghiệp nhà Hậu Hán, Hậu Hán tồn tại được 43 năm. Đây nói năm mươi năm là nói cái thành số trong khoảng đó.

DỊCH THƠ:

Hán- giặc, rành chia bên chiếc gối,
Lều tranh nhận rõ kẻ con dòng.
Ai hay chốc lát lời tâm đắc,
Năm chục năm trời dựng núi sông.

Đào Phương Bình

93. 其四

諸葛祭風

十八姨姨上漢臺
心情只得臥龍來
羽輪吹出長江瀨
橫槊之雄安在哉

PHIÊN ÂM:

KỲ TỨ

GIA CÁT TẾ PHONG

Thập bát di di thướng Hán đài,
Tâm tình chỉ đắc Ngoạ Long lai.
Vũ luân xuy xuất trường giang lại
Hoành sáo chi hùng an tại tai.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 4

GIA CÁT CẦU GIÓ[1]

Mười tám dì gió lên đài nhà Hán,
Việc ấy chỉ có Ngoạ Long mới làm được.[2]
Quạt lông thổi cho sóng nước sông cuộn lên,[3]
Đấng anh hùng chĩa ngang ngọn giáo nào còn đâu![4]

CHÚ THÍCH:

1. Chu Du muốn phá quân Tào Tháo ở sông Xích Bích bằng hoả công. Nhưng về mùa đông không có gió, Gia Cát Lượng từ Thục Hán sang giúp, bèn lập đàn để cầu gió đông. Gió đông nổi lên, Chu Du phóng hoả đốt hết thuyền của Tào Tháo.

2. *Việc ấy*, dịch thoát chữ "tâm tình" (tâm địa tình hình).

3. Quạt lông và khăn lượt, là trang phục của Khổng Minh hàng ngày và cả lúc ra chỉ huy trận đánh.

4. Đấng anh hùng ở đây chỉ Tào Tháo. Tào Tháo kéo quân xuống đánh Tôn Quyền ở Giang Đông, đánh trên sông Xích Bích. Trăng sáng uống rượu say, cầm ngang ngọn giáo và ngâm thơ. Câu thơ Ngô Thì Nhậm dựa vào câu phú Tiền Xích Bích của Tô Đông Pha: "Hoành sáo phú thi ... nhi kim an tại tai!"

DỊCH THƠ:

Dì gió lên đài Hán cả rồi,
Tâm tình chỉ tự Ngoạ Long thôi.
Quạt lông gió nổi trên sông ấy.
Ngọn giáo anh hùng đâu mất rồi.

Đào Phương Bình

94. 奉賀瑞蘭應制 並語

茲奉見聖德日新，天休滋孚。香萬呈瑞；瓊出尋常。臻長發之嘉祥；世馨香之治象。恭憑葩韻，庶表芹心。

天香馥郁五雲端
仙品栽成禁曙蘭
冰穫雙枝擎玉幹
線粧疊蕊瑩珠顏
虞華旦旦春光恰
周瓞綿綿瑞氣團
慶萃宮庭忻集泰
籌添聖壽對南山

PHIÊN ÂM:

PHỤNG HẠ THỤY LAN ỨNG CHẾ (TỊNH NGŨ)

Tư phụng kiến thánh đức nhật tân, thiên bản tư chuyên. Hương vạn trình thụy; Quỳnh sơn tầm thường. Trăn trường phát chi gia tường; thế hinh hương chi trị tượng. Cung bằng ba vận, thứ biểu cần tâm.

Thiên hương phức úc ngũ vân đoan,
Tiên phẩm tài thành cấm thự lan.
Băng hoạch song chi kình ngọc cán;
Tuyến trang điệp nhị oánh chu nhan.
Ngu hoa đán đán xuân quang cáp;
Chu điệt miên miên thụy khí đoàn.
Khánh tụy cung đình hân tập thái,
Trù thiêm thánh thọ đối Nam san.

DỊCH NGHĨA:

PHỤNG MỆNH LÀM BÀI THƠ MỪNG CÂY LAN QUÝ (KÈM LỜI DẪN)

Nay vâng thấy: Đức nghiệp của thánh nhân ngày thêm đổi mới,

thân thể của thánh nhân càng thêm khỏe mạnh. Hương lan báo điềm tốt; khác hẳn tầm thường. Cảnh hạ phát mãi đưa đến; buổi trị bình thơm ngát mở ra. Kính dựa vần hoa, may tỏ lòng mọn:

Hương trời sực nức nơi năm sắc mây,
Lan sớm chốn cung cấm trở nên phẩm giá bậc tiên.
Đôi cành điểm băng tuyết, vươn chồi ngọc;
Tầng nhị tô kim tuyến, sáng vẻ châu.
Hoa Ngu Thuấn sớm sớm hoà vào nắng xuân;
Dưa nhà Chu dằng dặc vây tụ nên khí lành.[1]
Phúc lành đọng ở cung đình, mừng cảnh thái hoà tụ tập,
Thêm thẻ ghi tuổi thánh, thọ sánh non Nam.

CHÚ THÍCH:

1. Câu trên ví vẻ đẹp của hoa lan với đức sáng đẹp của vua Ngu Thuấn (*Kinh Thư*, thiên *Thuấn điển*). Câu dưới tả khóm hoa lan phát triển ví như cây dưa lan dần của nhà Chu, tượng trưng sự hưng thịnh của nhà này (*Kinh Thi, Đại nhã*). Cả hai câu tả khóm lan, đồng thời mượn để khen đức sáng đẹp và sự hưng thịnh của nhà Chúa.

水雲閒詠

THỦY VÂN NHÀN VỊNH

Dịch - chú thích:

NGUYỄN THỊ PHƯỢNG
NGUYỄN HUY THỨC
NGUYỄN CÔNG VIỆT

Hiệu đính- giới thiệu:

LÂM GIANG

水雲閒詠
THỦY VÂN NHÀN VỊNH

Thủy vân nhàn vịnh, có bản chép *Thủy vân nhàn đàm*, tập thơ Ngô Thì Nhậm sáng tác khi lánh nạn ở Thái Bình (1782-1786). Tác phẩm đã ghi rõ "tị nạn thời tác." Nói là "Vịnh cảnh nước mây khi nhàn rỗi" (*Thủy vân nhàn vịnh*), nhưng thật ra đây là tập thơ bộc bạch nhiều điều tâm sự, nói nỗi lòng cố quốc, nhiều khi là nỗi buồn man mác khi phải xa quê, hay tự nhắn nhủ mình phải gắng tu dưỡng vươn lên...

Như đã biết, Ngô Thì Nhậm ủng hộ phe Trịnh Cán, được Trịnh Sâm tin dùng, nên sau khi xảy ra vụ án năm Canh Tý (1780) bị tiếng là "Sát tứ phụ nhi đắc Thị lang" (Giết bốn người cha để được chức Thị lang). Đến năm Nhâm Dần (1782), Trịnh Tông dựa vào thế lực của một số đình thần và binh lính trong phủ nổi dậy phế truất Trịnh Cán, lập Trịnh Tông. Đám kiêu binh cậy thế hoành hành đập phá những nhà quan đại thần trước đây ủng hộ phe Trịnh Cán. Ngô Thì Nhậm vì vậy phải một thân một mình chạy về Sơn Nam Hạ (Thái Bình) nương nhờ vào người em vợ là Đồng Lạc thị. Suốt những năm tháng sống ở vùng quê này, ông phải sống bằng nghề gõ đầu trẻ và sự trợ giúp của người em vợ ấy. Lúc này Ngô Thì Nhậm mới có đủ thì giờ để ngẫm lại việc đời, nhìn nhận lại chặng đường mà mình đã đi qua, và đã thể hiện trong tập *Xuân thu quản kiến* khá đồ sộ. Còn những tình cảm đời thường, những tâm sự riêng tư... của ông được thể hiện trong tập *Thủy vân nhàn vịnh* này. Đó là tâm trạng của ông khi vừa rời khỏi chốn quan trường đầy trắc trở:

Thân như chim sợ hãi trong áng mây thẳm,
Lòng tựa cá đần dại giữa dòng nước to.

(Khiển hoài)

Đó là những lúc buồn rầu vì một thân một mình phải lẩn tránh nơi góc bể, đến ngày giỗ cha cũng không được xum vầy cùng người thân:

Mặt biển gió lạnh hiu hắt,
Buồn rầu tựa cửa thuyền qua ngày...

(Bát nguyệt kỵ cảm hoài)

Xa quê, nhớ nhà, nhớ người thân là lẽ đương nhiên. Ngô Thì Nhậm gửi gắm nỗi nhớ ấy vào những bài thơ gửi cho người em trai thứ hai là Học Tốn. Học Tốn tên tự là Ngô Thì Chí, hiệu Lê Uyên Mật, đỗ Á nguyên hương tiến, làm quan cho triều đình Lê - Trịnh đến chức Thiêm thư bình chương sự. Trong tập *Thủy vân nhàn vịnh* này, Ngô Thì Nhậm có tới 8 bài viết gửi cho Học Tốn, lúc thì: "Ở đây có rượu chẳng có người say" hay "Tình anh em ta phảng phất như trong giấc mộng"... (*Ký đệ Học Tốn thị.*" Và ông chỉ biết giải khuây bằng:

Làm thơ để khuây ngày dài,
Khi nao mới được vui vầy?
Ông quán đần không hiểu,
Trò nhỏ ngây biết chi...

(Hứng đình thảo ký Học Tốn)

Đôi lúc Ngô Thì Nhậm thấy hối hận vì đã dấn thân trong chốn quan trường, ông tâm sự với em:

Tạo hóa phú cho tấm thân ta không đến nỗi dốt nát,
Nhưng nực cười thay, đã một lần lầm lỡ ở chốn phồn hoa!

(Hựu ký đệ Học Tốn thị)

Nực cười cho anh em ta tựa Ngưu Lang, Chức Nữ,
Phải đứng trên sông Ngân trông đợi nhau biết bao giờ thôi!

(Ký đệ Học Tốn thị)

Trong tập thơ còn có hai bài nhớ vợ, hai bài viếng Trịnh Sâm, một bài điếu Quận Huy. Nghĩa là, tình nhà nghĩa nước, tình cảm bạn đồng liêu... đều được bộc bạch ở đây. Với người vợ ở quê nhà thì:

Ăn năn lúc ban đầu không làm người đưa cơm đi cày,
Chỉ vì giầu sang mà lụy đến khách khuê phòng.

(Hoài nội I)

Rằng:

Bầy tôi bỏ nước trốn đi có ai như ta?
Vợ hiền lo liệu việc nhà, ít người như nàng.

(Hoài nội II)

Năm 1782 Trịnh Sâm qua đời, thì xảy ra ngay vụ kiêu binh cầm câu liêm móc cổ Quận Huy xuống khỏi mình voi, phế Trịnh Cán lập Trịnh Tông lên ngôi Chúa. Ngô Thì Nhậm lúc ấy chưa kịp làm thơ viếng Trịnh Sâm và Quận Huy, đến lúc lánh nạn này mới làm thơ:

Bề tôi này bơ vơ góc bể, xa nơi bái vọng,

Chỉ biết ngóng đàn hương khói chốn non kiều muôn dặm xa.

(Cung văn Tiên Thánh Vương I)

Ông ca ngợi Trịnh Sâm:

Đức chí hiếu của Tiên Vương, sánh ngang vua Nghiêu Thuấn,

Bề tôi nhỏ mọn đang lẩn trốn này, nhớ tới nghĩa cũ càng thêm cảm động.

(Cung văn Tiên Thánh Vương II)

Với Quận Huy là bạn đồng liêu cùng cảnh ngộ, cùng phò Trịnh Cán, cùng được Trịnh Sâm tin dùng. Nay người bạn ấy đã qua đời:

Sinh ra, khí phách anh hùng tự gửi mình vào thân xác,

Chết đi, tinh thần còn lưu lại trong vũ trụ mênh mông.

Trông lên thật chẳng thẹn với trời xanh, cúi xuống không hổ với đất.

(Điếu Huy quận công)

Tập *Thủy vân nhàn vịnh* là một tập thơ hay. Trên đây nêu ra vài ý, còn có ý để chứng tỏ rằng, nó được sáng tác trong thời kỳ Ngô Thì Nhậm lánh nạn kiêu binh (1782 - 1786).

Tập này hiện còn ba dị bản khác nhau chép trong tùng thư *Ngô gia văn phái:*

1. Bản ký hiệu thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm VHv.16/3 là bản sao chép tốt nhất, đã miêu tả kỹ trong tập *Bút hải tùng đàm*. Từ tờ 22a đến tờ 38b chép *Thủy vân nhàn vịnh* gồm 56 bài. Xin chọn bản này làm bản nền.

2. Bản ký hiệu VHv.1743/22, cũng được miêu tả kỹ ở tập *Bút hải tùng đàm*. Từ tờ 22a đến tờ 39a chép tập *Thủy vân nhàn vịnh*, gồm 56 bài. Thứ tự sắp xếp giữa các bài giống như bản nền.

3. Bản ký hiệu A.117c/1, cũng được miêu tả kỹ ở tập *Bút hải tùng*

đàm. Từ tờ 25a đến tờ 42a chép *Thủy vân nhàn vịnh* gồm 56 bài. Thứ tự sắp xếp giữa các bài có bị đảo lộn đôi chút so với bản nền.

Như vậy cả ba dị bản tập *Thủy vân nhàn vịnh* đều chép 56 bài, thống nhất nhau cả về số lượng và thứ tự trước sau giữa các bài thơ.

THỦY VÂN NHÀN VỊNH 56 BÀI.

*

* *

1. 遣懷

身如鷺鳥深雲裏
心似愚魚慢水中
寒渚隨潮看釣艇
疏園對月伴書童
羈愁滴盡芭蕉雨
懶夢敲殘揚柳風
最是蟹肥堪下酒
不妨短褐叫村翁

PHIÊN ÂM:

KHIỂN HOÀI

Thân như kinh điểu thâm vân lý,
Tâm tự ngu ngư mạn thủy trung.
Hàn chử tùy trào khan điếu đĩnh;
Sơ viên đối nguyệt bạn thư đồng.
Ky sầu trích tận ba tiêu vũ;
Lãn mộng xao tàn dương liễu phong.
Tối thị giải phì kham hạ tửu,
Bất phương đoản hạt khiếu thôn ông.

DỊCH NGHĨA:

TIÊU KHIỂN NỖI LÒNG

Thân như chim hãi, trong mây thẳm,[1]
Lòng tựa cá khờ, giữa dòng nước lờ đờ.
Nhìn chiếc thuyền câu, theo nước triều trên bến vắng;
Ngắm trăng, bạn cùng trò nhỏ trong vườn thưa.
Mưa trên tầu tiêu, gió hết nỗi buồn đất khách;

Gió trong hàng liễu, khua tàn giấc mơ lười.
Nhất là, có món cua béo, đáng đem nhấm rượu,
Gọi là ông già quê mặc áo ngắn, ngại gì đâu!

CHÚ THÍCH:

1. Chim hãi (kinh điểu), tức "kinh cung chi điểu," ý nói mình như con chim bị tên, sợ, bay vút lên cao.

DỊCH THƠ:

Thân như chim hãi trong mây thẳm,
Lòng tựa cá đần giữa nước sa.
Trào đẩy thuyền câu nghiêng bến lạnh;
Trăng soi trò nhỏ bạn vườn thưa.
Mưa rơi tầu chuối buồn da diết;
Gió thổi hàng dương tàn giấc mơ.
Cua béo rượu ngon là thú nhất,
"Già quê áo ngắn" ngại chi mà!

Lâm Giang

2. 八月忌感懷

海上寒風蕭瑟
悶倚蓬窗度日
隴崗松竹雲深
遊子天邊鳧乙
蘋藻焚忽今年
淚向秋潮催出
懸弧枉作鬚眉
爲女當初恨不

PHIÊN ÂM:

BÁT NGUYỆT KỊ CẢM HOÀI[a]

Hải thượng hàn phong tiêu sắt,

Muộn ỷ bồng song độ nhật.
Lũng Cương tùng trúc vân thâm;
Du tử thiên biên phù ất.
Tần tảo[b] thúc hốt kim niên;
Lệ hướng thu trào thôi xuất.[c]
Huyền hồ uổng tác tu mi,
Vị nữ đương sơ hận bất.

DỊCH NGHĨA:

NGÀY GIỖ THÁNG TÁM CẢM HOÀI[1]

Mặt biển gió lạnh hiu hắt,
Buồn rầu tựa cửa thuyền qua ngày.
Núi Lũng Cương tùng trúc quện trong mây thẳm;[2]
Du tử [lênh đênh] chân trời như chim ất chim phù.[3]
Lễ rau tần rau tảo, thoắt đến năm nay;[4]
Lệ như nước triều thu tuôn chảy.
Treo cung, uổng làm đấng mày râu,[5]
Hận rằng buổi đầu không làm phận gái.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117c/1: Bát nguyệt kỵ thời 八月忌時

b. Bản VHv.16/3: Thôi cấp 催急

c. Bản A.117c/1 và VHv.16/3: Tần phồn 蘋蘩

CHÚ THÍCH:

1. Đây là ngày giỗ mẹ Ngô Thì Nhậm. Bà mất ngày 20 tháng 8, Cảnh Hưng thứ 23 (1762), thọ 33 tuổi (*Ngô gia thế phả).*

2. Núi Lũng Cương, thuộc dãy Phượng Hoàng, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Đời Tống, Âu Dương Tu mai táng cha mẹ ở đó. Tùng trúc là cây người xưa thường hay trồng bên mộ. Ở đây, mượn để chỉ mồ mả ở quê nhà.

3. Phù, ất là hai loài chim thường sống trên mặt nước và có thể bay xa. Đây chỉ sự phiêu bạt.

4. Lễ tần tảo, chỉ ngày giỗ, tần tảo là hai loài rau mọc ở khe suối, người xưa dùng để cúng tổ tiên.

5. Treo cung: Theo *Kinh Lễ,* thời xưa khi đẻ con trai, người ta treo chiếc cung bằng cây dâu trước cửa ra vào, để khi lớn lên đứa trẻ có chí hướng đó đây.

DỊCH THƠ:

Gió lạnh biển khơi hiu hắt,
Tựa thuyền qua ngày tẻ nhạt.
Lũng Cương tùng trúc mây sâu;
Du tử bên trời: Phù ất.
Cúng giỗ thoắt lại năm nay;
Trào thu lệ tràn khóe mắt.
Treo cung uổng đấng mày râu,
Buổi đầu chẳng làm gái phắt.

Lâm Giang

3. 寄弟學遜氏三首

其一

春日春花岸岸開
春風習習到天涯
昌黎有酒無人醉
范蠡乘舟幾日回
雲塢翹瞻先隴竹
雪枝空憶故鄉梅
壎篪約略南窗夢
三筆同君拜斗台

PHIÊN ÂM:

KÝ ĐỆ HỌC TỐN THỊ (TAM THỦ)

KỲ NHẤT

Xuân nhật xuân hoa ngạn ngạn khai,
Xuân phong tập tập đáo thiên nhai.
Xương Lê hữu tửu vô nhân túy;
Phạm Lãi thừa chu kỉ nhật hồi.

Vân ổ kiều chiêm tiên lũng trúc;
Tuyết chi không ức cố hương mai.
Huân trì ước lược nam song mộng,
Tam bút đồng quân bái Đẩu Thai.

DỊCH NGHĨA:

GỬI CHO EM HỌC TỐN[1] (BA BÀI)

BÀI 1

Ngày xuân, hoa xuân bờ bờ nở rộ,
Gió xuân nhè nhẹ thổi tới chân trời.
Xương Lê có rượu, chẳng có người say;[2]
Phạm Lãi bơi thuyền biết ngày nào lại.[3]
Nghển trông khóm trúc quện mây nơi xóm cũ;
Nhớ hoài cây mai phô cành tuyết chốn quê xưa.
Bên song nam, phảng phất trong mơ tiếng sáo, tiếng khuyển,[4]
Vài ba nét bút[5] cùng em dâng lậy Đẩu Thai.[6]

CHÚ THÍCH:

1. Học Tốn là tên tự của Ngô Thì Chí, hiệu Uyên Mật, em thứ hai của Ngô Thì Nhậm, đỗ Á nguyên hương tiến, làm quan đến Thiêm thư bình chương tỉnh sự. Ông là người cô trung với nhà Lê, dâng "*Trung hưng sách*" mong khôi phục nhà Lê sau khi bị nhà Tây Sơn lật đổ. Ông chết trên đường tòng vong theo Lê Chiêu Thống năm 1788.

2. Xương Lê, tức Hàn Dũ đời Đường, đỗ Tiến sĩ, làm quan đến Lại bộ Thị lang. Sau bị biếm xuống làm Thứ sử Tào Châu, nơi xa vắng ít bè bạn.

3. Phạm Lãi, người nước Sở, đời Xuân Thu, làm quan ở nước Việt, giúp Việt Vương Câu Tiễn diệt Ngô Phù Sai; Phạm Lãi không làm quan cho Việt Vương Câu Tiễn vì cho rằng người này "chỉ sống chung trong hoạn nạn, mà không thể sống chung trong lúc phú quý được." Phạm Lãi bèn đem theo người yêu là Tây Thi, cưỡi thuyền đi chơi ở Ngũ hồ, không bao giờ trở lại với Việt Vương Câu Tiễn nữa.

4. Tiếng sáo tiếng khuyển (huân trì), hai loại nhạc cụ thời cổ. Huân trì nghĩa bóng là anh em hoà thuận với nhau.

5. Ba nét bút, có lẽ chỉ thơ của ba anh em: Ngô Thì Nhậm (anh cả), Ngô Thì Trí (em thứ ba), cùng với Ngô Thì Chí (tức Học Tốn, em thứ hai) mừng cha là Ngô Thì Sĩ. Còn các em Ngô Thì Hoàng, Ngô Thì Hương đều còn nhỏ, chưa làm thơ được.

6. Đẩu Thai, tức chùm sao Bắc Đẩu và chùm sao Tam Thai, là những chòm sao sáng trên nền trời. Đây có lẽ để chỉ người cha có đạo đức, danh vọng lớn.

DỊCH THƠ:

Hoa xuân xuân nở khắp nơi nơi,
Gió dập dìu xuân tận góc trời.
Chén rượu Xương Lê say vắng bạn;
Con thuyền Phạm Lãi bặt bao hồi.
Xóm mây giậu cũ còn mong trúc;
Cành tuyết làng xưa vẫn nhớ mai.
Phảng phất huân trì bên cửa sổ,
Vài ba nét bút lậy Đẩu Thai.

Hoàng Tạo

4. 其二

卻笑吾儕似女牛
銀河佇盼幾時休
天台朗照青雲漢
樛水光含皎月秋
白雪襟懷緣嶺轡
紫荊心緒泝流舟
相思時展花箋看
翕孺聲和五鳳樓

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Khước tiếu ngô sài tự Nữ Ngưu,
Ngân hà trữ miện kỉ thời hưu.
Thiên Thai lãng chiếu thanh vân hán;
Giao[a] Thủy quang hàm kiểu nguyệt thu.
Bạch tuyết khâm hoài duyên lĩnh bí; [b]

Tử kinh tâm tự tố lưu chu.
Tương tư thời triển hoa tiên khán,
Hấp nhụ thanh hoà Ngũ Phượng lâu.

ĐỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Nực cười cho bọn ta tựa Ngưu Lang Chức Nữ,[1]
Đứng bên sông Ngân trông đợi nhau biết bao giờ thôi!
Mây sông Ngân xanh xanh, dọi chiếu núi Thiên Thai;[2]
Trăng thu vằng vặc, bóng in dòng Giao Thủy.[3]
Lòng như tuyết trắng bám theo sườn núi;
Tình nghĩa anh em[4]tựa con thuyền ngược dòng.
Khi nhớ nhau, thường mở xem bức hoa tiên,[5]
Tiếng hòa hợp, mến mộ vang trên lầu Ngũ Phượng.[6]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117c/1: Giao 膠
b. Bản VHv.16/3: Lĩnh thạch 嶺石

CHÚ THÍCH:

1. Ngưu Lang, Chức Nữ: Theo *Kinh Sở tuế thời kí:* Phía đông Ngân Hà có nàng Chức Nữ, con Thiên đế, suốt năm dệt vải vất vả, vua thương phải sống lẻ loi bèn gả cho chàng Khiên Ngưu ở phía tây Ngân Hà. Sau khi có chồng, nàng sinh ra lười biếng, vua giận quá bắt trở về phía đông Ngân Hà, mỗi năm cho gặp nhau một lần. Sau này, từ Ngưu Lang, Chức Nữ hay "Ả Chức", "Chàng Ngưu" dùng để chỉ sự xa cách, ít gặp gỡ.

2. Thiên Thai, một ngọn núi thuộc huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh, có lẽ là nơi Học Tốn đang ở.

3. Giao Thủy: Đoạn sông Hồng tiếp giáp huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định và huyện Vũ Tiên (Thái Bình), nơi tác giả đang trú ngụ.

4. Tình nghĩa anh em (tử kinh), xem chú thích số 2 bài 23.

5. Bức hoa tiên: Một tờ giấy có vẽ hoa, thường dùng để viết câu đối, thơ hay khai bút đầu xuân, thơ tiễn tặng bạn bè (Xem thêm chú thích số 2 bài 9).

6. Hoà hợp, mến mộ (hấp nhụ) chữ trong thơ *Thường lệ* ở *Kinh Thi,* nói về tình nghĩa anh em hoà thuận "Huynh đệ kí hớp, hoà lạc thả nhụ" (Anh em đã hoà hợp, vui vẻ mến mộ).

Lầu Ngũ Phượng: Chỉ văn chương tuyệt vời của người em. Hàn Phố và

Hàn Kỵ là hai anh em đều giỏi cổ văn, nhưng Hàn Kỵ (là em) thường nói: "Anh ta làm văn như cái nhà tranh, chỉ tạm che mưa gió thôi, còn văn của ta như lầu Ngũ Phượng."

5. 其三

貞固何妨犨用牛
無私視善自申休
火心虛內離居午
土性成終艮屬秋
天地有懷留碩果
江河無怒到虛舟
勉行眞績吾儒事
皎皎輝光月在樓

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Trinh cố hà phương củng dụng ngưu,
Vô tư thị thiện tự thân hưu.
Hoả tâm hư nội Ly cư Ngọ;
Thổ tính thành chung Cấn thuộc thu.
Thiên địa hữu hoài lưu thạc quả;
Giang hà vô nộ đáo hư châu.
Miễn hành chân tích ngô nho sự,
Kiểu kiểu huy quang nguyệt tại lâu.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Vốn đã vững, phương hại gì mà phải buộc bằng da trâu,[1]
Vô tư nhìn nhận việc thiện, tự mình thấy thảnh thơi.
Tâm hoả trống phía trong là tượng quẻ Ly thuộc phương Ngọ;[2]

Tính thổ thành công về cuối, là tượng quẻ Cấn thuộc mùa thu.[3]

Trời đất như có ý lưu lại quả lớn;[4]

Sông nước cũng chẳng giận con thuyền rỗng không.[5]

Gắng giành được công tích thật sự, là việc nhà nho ta,

Vằng vặc trên lầu trăng soi sáng.

CHÚ THÍCH:

1. Da trâu: Hào sơ cửu, quẻ Cách *Kinh Dịch* có câu: "Củng dụng hoàng ngưu chi cách" (ràng bọc dùng da trâu vàng). Đây ý nói, cần phải dùng đạo trung chính, tự giữ cho bền thì không lo lắng gì.

2. Tượng quẻ Ly là hai hào dương ở trên và dưới, một hào âm ở giữa, nên gọi là "Ly trung hư" (Quẻ Ly rỗng giữa lòng). Liên hệ Ly với Ngũ hành, Ly thuộc hoả (lửa) liên hệ với thập nhị chi (12 chi) Ly thuộc về Ngọ (phương nam). Ở đây, tác giả khuyên em phải như quẻ Ly, nghĩa là phải hư tâm mà làm việc.

3. Quẻ Cấn: Thuộc hành thổ, tháng thứ ba của mùa thu thuộc quẻ Cấn. Ý thơ nói thành công muộn như quẻ Cấn thuộc cuối thu, có ý khuyên em hãy kiên trì phấn đấu dù có muộn màng cũng không lo.

4. Quả lớn (thạc quả): *Kinh Dịch* quẻ Bác hào *Thượng cửu* "Thạc quả bất thực" (quả lớn không ăn), vì không ăn thì còn, nên người sau thường dùng bốn chữ đó để chỉ việc ông cha để phúc lại cho con cháu.

5. Con thuyền không (hư chu): Lời *Thoán,* quẻ *Trung Phu, Kinh Dịch*: "Lợi thiệp đại xuyên, thừa mộc chu hư dã" (Vượt sông lớn có lợi là do đi con thuyền rỗng không), nghĩa là: Đem trung tín mà vượt qua mọi hoạn nạn cũng như cưỡi con thuyền rỗng không vượt qua sông. Đây ý nói, nếu mình vô tâm không mưu cầu gì thì vượt qua được mọi hiểm nghèo.

6. 春吟二首

其一

野外有凡鳥

亂叫既到老

軒中有斑鳩

長鳴懷此都

問你懷都懷富貴

飢飽隨人何浮意

羨渠到老到田園
翱翔由我長掀翻
人生在世三萬六千日
韶光似箭等閒白了少年頭
不知野外魚蝦好
偏向軒中粟米求
君不見斑鳩長鳴偶欲啄
舊主歡欣新主薄
又不見凡鳥亂叫忽高飛
縱有矰繳何所施
勸君且撫淵明琴
庭前鶯燕皆知音
願汲南溟不濁水
爲君洗硯書皓紙
人間樂事更何如
名教綱常焉耳矣

PHIÊN ÂM:

XUÂN NGÂM (NHỊ THỦ)

KỲ NHẤT

Dã ngoại hữu phàm điểu,
Loạn khiếu ký đáo lão.[a]
Hiên trung hữu ban cưu,
Trường minh hoài thử đô.
Vấn nhĩ hoài đô hoài phú quý?
Cơ bão tùy nhân hà đắc ý?
Tiện cừ đáo lão[a] *đáo điền viên,*

Cao tường do ngã trường hân phiên.
Nhân sinh tại thế tam vạn lục thiên nhật,
Thiều quang tự tiễn, đẳng nhàn bạch liễu thiếu niên đầu!
Bất tri dã ngoại ngư hà hảo,
Thiên hướng hiên trung túc mễ cầu.
Quân bất kiến ban cưu trường minh ngẫu dục trác,
Cựu chủ hoan hân tân chủ bạc.
Hựu bất kiến phàm điểu loạn khiếu hốt cao phi,
Túng hữu tăng kiểu hà sở thì?
Khuyến quân thả phủ Uyên Minh cầm,
Đình tiền oanh yến giai tri âm.
Nguyện cấp nam minh bất trọc thủy,
Vị quân tẩy nghiễn thư hạo chỉ.
Nhân gian lạc sự cánh hà như?
Danh giáo cương thường yên nhĩ hỹ!

DỊCH NGHĨA:

KHÚC NGÂM MÙA XUÂN

BÀI 1

Ngoài đồng có con chim thường,
Hót ríu rít đã đến lúc già yếu.
Trong hiên có con cưu hoa;[1]
Cứ kêu hoài nhớ nơi đô hội ấy.
Hỏi mi nhớ nơi đô hội hay nhớ cảnh giầu sang?
Đói no tùy ở người có gì đắc ý?
Khen mi đã già rồi vẫn đến với điền viên,
Tự mình tung cánh liệng bay mãi.
Người ta sống ở đời ba vạn sáu nghìn ngày,[2]
Bóng thiều quang tựa tên bay, lần lữa bạc mái đầu niên thiếu,
[Mi] không biết ngoài đồng có tôm cá ngon ư?
Sao cứ đến trong hiên tìm lúa gạo!

Anh không thấy con cưu hoa kêu hoài thỉnh thoảng
mới mổ ăn ư?
Chủ cũ thì hân hoan, còn chủ mới thì bạc đãi.
Lại không thấy phượng kêu rộn rồi bỗng bay cao,
Dù tên bắn cũng không sao tới được.
Khuyên anh hãy vỗ cây đàn Uyên Minh,[3]
Oanh yến trước sân đều là tri kỉ.
Nguyện múc nước trong ở bể nam,
Vì anh mà rửa nghiên, viết lên giấy trắng.
Việc vui ở đời là như thế nào nhỉ?
[Chỉ là] cương thường danh giáo đấy thôi!

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117c/1: Lão đáo 老到

CHÚ THÍCH:

1. Chim cưu, dưới thời vua Thiếu Hiệu, Trung Quốc (2897-2814 trước Công nguyên) được dùng để đặt tên cho năm chức quan to trong triều, như Cưu quỹ, Tư đồ (coi lễ giáo), Thư cưu, Tư mã (coi quân binh)... (*Tả truyện,* Chiêu Công năm 17).

2. Tức là 100 năm.

3. Uyên Minh, biệt hiệu của Đào Tiềm, một nhà thơ khoáng đạt nổi tiếng đời Tấn. Ông bỏ quan về làm ruộng, thường làm cây đàn không dây, để mỗi khi hội họp vỗ đàn ngâm thơ xướng hoạ.

DỊCH THƠ:

Ngoài nội con chim phượng,
Già rồi vẫn hót vang.
Trước sân con cưu hoa,
Cất tiếng nhớ quê hương.
Cưu ơi! Mày hót vì chỗ ở,
Hay vì cảnh giầu sang?
No đói do người thí,
Lấy gì làm vẻ vang?
Chi bằng già đời nơi vườn ruộng;
Mặc sức mình bay lượn xênh xang.

Cuộc đời ba vạn sáu nghìn ngày vùn vụt,
Mái đầu xanh mấy lúc đã pha sương.
Bởi không biết ngoài đồng tép tôm là quý,
Cứ trực chầu hạt thóc, hạt gạo trong giương.
Anh không thấy:
Cưu hoa kêu mãi có lúc đói;
Chủ cũ còn tử tế, nhưng chủ mới khinh thường.
Lại chẳng thấy:
Con chim phượng hót mãi rồi bay bổng,
Phường lưới dò đành đứng mắt giương?
Thôi! Khuyên anh cứ vuốt ve cây đàn Uyên Minh;
Khách tri âm trước cửa là đàn én ca oanh!
Sẽ vì anh múc nước bể nam tinh khiết,
Sẽ vì anh rửa nghiên rửa bút.
Để viết lên tờ giấy trắng tinh,
Ở đời có gì vui thú nhất?
Là cương thường danh giáo,
Phải không anh?

Hoàng Tạo

7. 其二

桃花開李花開
東風一夜栽
葭管催春春入牖
喚醒英雄午夢酌青梅
青梅青梅何處來
爾不怕鶯和燕穿花弄葉
銀朵鎔成如意果
等世間知己攜爾到金臺
爾不見魚翁輕把掉寒潮

來 往 長 江 限
滄 浪 歌 罷 往 兮 誰 逐 來
誰 催 消 息 盈 虛 螞 蟻 轉
冬 深 三 尺 雪
春 動 一 聲 雷
且 點 檢 樽 前 見 在
放 開 雙 眼
紅 塵 陌 上
誰 名 誰 利
吾 心 明 處 有 蓬 萊

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Đào hoa khai lí hoa khai,
Đông phong nhất dạ tài.
Hà quản thôi xuân xuân nhập dũ,
Hoán tỉnh anh hùng ngọ mộng chước thanh mai.
Thanh mai thanh mai hà xứ lai,
Nhĩ bất phạ oanh hoạ yến xuyên hoa lộng diệp.
Ngân đoá dung thành như ý quả,
Đẳng thế gian tri kỉ, huề nhĩ đáo kim đài.
Nhĩ bất kiến ngư ông khinh bả trạo hàn triều,
Lai vãng trường giang ôi.
Thương lang ca bãi vãng hề thùy trục lai,
Thùy thôi tiêu tức doanh hư mã nghị chuyển.
Đông thâm tam xích tuyết,
Xuân động nhất thanh lôi.
Thả điểm kiểm tôn tiền hiện tại,
Phóng khai song nhãn,
Hồng trần mạch thượng,
Thùy danh thùy lợi,
Ngô tâm minh xứ hữu bồng lai.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Đào nở hoa, mận nở hoa,
Gặp gió đông một đêm nở hết.
Ống than cỏ sậy giục xuân, xuân vào cửa sổ,[1]
Gọi tỉnh giấc mơ ban trưa người anh hùng,
để chuốc chén với mơ xanh.
Mơ xanh! Mơ xanh! Từ đâu tới?
Mi không sợ oanh yến dỡn lá, luồn hoa?
Từ đóa hoa bạc mà nặn thành quả như ý,[2]
Đợi kẻ tri kỉ ở thế gian, dắt mi đến đài vàng.
Mi không thấy ông chài, nhẹ bơi mái chèo trong sóng lạnh ư?
Qua lại trên eo sông dài.
Khúc Thương Lang hát xong, ra đi chừ, ai còn đuổi theo,[3]
Kìa ai giục dã cái lẽ "thêm bớt vơi đầy" như kiến bò quanh?[4]
Đông về, tuyết dày ba thước,
Xuân sang, một tiếng sấm vang.
Hãy kiểm xem những gì còn lại trước vò rượu,
[Mà] mở to đôi mắt ra!
Trên đường bụi hồng,
Mặc cho ai danh ai lợi,
Chỗ sáng của lòng ta là cảnh Bồng Lai.[5]

CHÚ THÍCH:

1. Ống than cỏ sậy, một dụng cụ dùng để đo thời tiết xưa. Người ta làm một căn nhà kín, xung quanh căng màn, trong kê chiếc bàn gỗ, trên bàn đặt 6 chiếc ống, theo từng phương vị nhất định, đốt màng mỏng bên trong thân cỏ sậy, lấy than cho vào ống. Tùy thời tiết trong năm mà than bay ra từ một ống nhất định nào đó.

2. Như ý: Tên đồ dùng nhà Phật, hình trái tim, dùng ghi điều cần nhớ, hoặc cầm giữ khi ngồi thiền định (ý giữ vững lòng yên tĩnh). Có lẽ quả mơ hình trái tim nên được gọi đây là "quả như ý."

3. Thương Lang: Đoạn thơ trên nhắc lại đoạn cuối bài *"Ngư phủ"* của

Khuất Nguyên: Ông chài mỉm cười, khua mái chèo đi, bèn hát rằng:

"Nước sông Thương Lang trong có thể giặt dải mũ của ta,

Nước sông Thương Lang đục, có thể rửa chân ta."

(Ý nói tùy thời xử thế). Bài ca *Thương Lang* là một bài hát cổ có từ thời *Khổng Tử*. (Xem *Mạnh Tử - Li lâu thượng*).

4. Thêm bớt, vơi đầy (tiêu tức doanh hư): *Kinh Dịch* (quẻ Phong) có câu: "Mặt trời đến giữa trưa thì xế, mặt trăng đến khi tròn thì khuyết, trời đất đầy vơi theo thời tiết mà thêm hay bớt." Đó là cái lẽ biến đổi của tự nhiên theo quy luật tuần hoàn.

Kiến bò quanh (bàn nghĩ chuyển): *Tấn thư* nói: "Trời tròn như cái lọng, đất vuông như bàn cờ, trời chuyển bên trái, mặt trời mặt trăng chuyển bên phải giống như bầy kiến xoay chuyển vậy."

5. Bồng Lai, tên một ngọn núi tiên. Theo *Sử ký* thì Bồng Lai, Phương Trượng và Doanh Châu là ba ngọn núi ngoài biển Bột Hải có thần tiên ở. Nói cảnh "Bồng Lai" là nói cảnh tiên. Trong bài chỉ tác giả có ý muốn tu tiên.

8. 恭挽先聖王二 首

其 一

綱常禮樂植中天
夤畏嚴恭十六年
文治武功光誼哲
神謨聖烈媲羲軒
雲深五岳餘鸞鵠
晝永三歸老杜鵑
海角孤臣瞻拜獻
橋山萬里望香筵

PHIÊN ÂM:

CUNG VÃN TIÊN THÁNH VƯƠNG

NHỊ THỦ

KỲ NHẤT

Cương thường lễ nhạc thực trung thiên,
Di uý nghiêm cung thập lục niên.
Văn trị võ công quang Nghị Triết;
Thần mô thánh liệt tỉ Hi Hiên.
Vân thâm Ngũ Nhạc dư anh vũ;
Trú vĩnh Tam Quy lão đỗ quyên.
Hải giác cô thần khuê bái hiến,
Kiều sơn vạn lý vọng hương diên.

DỊCH NGHĨA:

KÍNH VIẾNG TIÊN THÁNH VƯƠNG[1] (HAI BÀI)

BÀI 1

Cương thường lễ nhạc trồng ở giữa trời,

Mười sáu năm dòng trang nghiêm, khiêm tốn, kính cẩn, răn sợ.[2]

Văn đức võ công, sáng nghiệp Nghị Vương, Triết Vương xưa[3]

Mưu thần chước thánh, sánh kịp Phục Hi, Hiên Viên thuở trước.[4]

Núi Ngũ Nhạc mây che, còn sót lại chim anh vũ;[A; 5]

Xứ Tam Quy ngày dài vang tiếng quyên xưa.[B; 6]

Bề tôi này bơ vơ góc bể, xa nơi bái vọng,

Chỉ biết ngóng đàn hương khói chốn non Kiều muôn dặm xa.[7]

NGUYÊN CHÚ:

A. Ngũ Nhạc, nơi đặt lăng tẩm chúa Trịnh Sâm.

B. Tam Quy, địa danh (có lẽ là núi Tam Quy ở Hà Trung, Thanh Hoá).

CHÚ THÍCH:

1. Tiên Thánh Vương tức Trịnh Sâm.

2. Trịnh Sâm ở ngôi chúa 16 năm: 1767-1782. "Di uý nghiêm cung"(khiêm tốn, kính cẩn, răn sợ), chữ ở *Kinh Thư* (Thiên *Vô dật*).

3. Nghị Vương, tức Trịnh Tráng (1623-1657); Triết Vương tức Trịnh Tùng (1570-1623) là những người mở đầu việc xưng Chúa của họ Trịnh.

4. Phục Hi, Hiên Viên hai vua hiền thời thái cổ Trung Quốc.

5. Sót lại chim anh vũ: Tống Cao Tông nuôi chim anh vũ biết nói, sau thả chim về Lũng Sơn. Sau khi vua mất, có sứ thần đi qua Lũng Sơn gặp chim anh

vũ, chim hỏi: "Thượng hoàng còn sống không?" Sứ thần cảm động có câu thơ:

"Bên tai đau xót nghe anh vũ.

Còn tại đầu cành hỏi Thượng hoàng."

(*Lục tuyết đường tạp ngôn* trích dẫn trong *Sự loại phú).*

6. Vang tiếng đỗ quyên xưa: Chim đỗ quyên tương truyền là kiếp sau của họ Thục, tiếng kêu thảm thiết, người nước Thục nghe tiếng chim, đau buồn nói: "Vua ta đó" (*Hoàn vũ kí).*

7. Non Kiều: Nơi đặt phần mộ Hoàng Đế, đây mượn để chỉ mộ Trịnh Sâm.

9. 其 二

先 君 聖 孝 媲 姚 虞
誰 啻 號 旻 後 雨 秋
社 飯 一 匙 悲 鬱 悤
橋 山 萬 里 泣 松 楸
臣 民 實 願 惟 胞 血
社 稷 誠 堪 賴 髮 膚
逋 播 微 臣 增 舊 感
蕉 園 臘 夜 憶 龍 舟

PHIÊN ÂM:

CUNG VÃN TIÊN THÁNH VƯƠNG[a]

KỲ NHỊ

Tiên quân thánh hiếu tí[b] *diêu Ngu,*
Thùy sắc hào mân hậu vũ thu.
Xã phạn nhất thi bi uất sưởng;
Kiều sơn vạn lý khấp tùng thu.
Thần dân thực nguyện duy bào huyết;
Xã tắc thành kham lại phát phu.
Bô bá vi thần tăng cựu cảm,
Tiêu viên lạp dạ ức long chu.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Đức chí hiếu của Tiên Vương, sánh ngang Ngu Thuấn,[1]
Ai ngăn được tiếng khóc kêu trời sau trận mưa thu.[2]
Một bữa cơm tế xã, chén uất sưởng nẫu lòng;[3]
Muôn dặm non Kiều, cây tùng cành thu nhỏ lệ.[4]
Thần dân thực tưởng nhớ, vì tình máu mủ ruột dà;
Xã tắc quả trông dựa vào thịt da râu tóc.
Tôi mọn đang trốn tránh này, nghĩ tới nghĩa cũ càng thêm cảm kích,
Nhớ buổi thuyền rồng chơi đêm tháng chạp, bên vườn chuối tiêu.

KHẢO DỊ:

a. Bản VHv.1743/22: Văn tiên thánh vương 挽先聖王
b. Bản A.117c/1: Mại 邁

CHÚ THÍCH:

1. Ngu Thuấn, một bậc vua hiền nổi tiếng về đạo hiếu của Trung Quốc cổ, khi đi cầy ở Lịch Sơn, đã "đau khóc kêu trời" vì chưa làm hài lòng cha mẹ (Hào khấp vu mân thiên -*Kinh Thư, Đại Vũ mô*).

2. Trịnh Sâm mất ngày 13 tháng 9 năm 1782 giữa mùa thu, trước mẹ là Nguyễn Thái Phi hai năm nên mới có 2 câu thơ trên. Ý nói, Trịnh Sâm đau xót không được sống thêm để phụng dưỡng mẹ. Câu 2 cũng có thể dịch: "Nào ai ngăn nổi nỗi đau kêu trời sau trận mưa thu."

3. Uất sưởng, loại rượu có mùi thơm dùng để cúng tế.

4. Non Kiều, nơi táng mộ Hoàng Đế, đây dùng để chỉ mộ Trịnh Sâm.

10. 恭挽先親

文章留世望留朝
祿馬丹成上九霄
只許德容龕石洞
不將道骨伴塵囂
三台峰上餘槐陰
一碧池邊長柳條
千里竹崗遊子夢
悠悠春海湧新潮

PHIÊN ÂM:

CUNG VĂN TIÊN THÂN[a]

Văn chương lưu thế vọng lưu triều,
Lộc Mã đan thành thướng cửu tiêu.
Chỉ hứa đức dung kham thạch động;[b]
Bất tương đạo cốt bạn trần hiêu.
Tam Thai phong thượng dư hoè ấm;
Nhất Bích trì biên trưởng liễu điều.
Thiên lý trúc cương du tử mộng,
Du du xuân hải dũng tân triều.

DỊCH NGHĨA:

KÍNH VIẾNG CHA

Văn chương để lại trên đời, đức vọng để lại triều đình,
Luyện đan xong trên núi Lộc Mã, thì lên chín tầng xanh.(1)
Chỉ cho động đá nhận giữ đức dung;(2)
Không để bụi đời huyên náo bạn cùng đạo cốt.
Trên ngọn Tam Thai còn rợp bóng hòe;(3)
Bên ao Nhất Bích vẫn nẩy sinh chồi liễu.(4)
Đứa con đi xa luôn mơ tới gò trúc nơi nghìn dặm,(5)
[Lòng] dằng dặc như biển xuân, nước triều mới tuôn.

KHẢO DỊ:

a. Bản VHv.16/3: Văn tiên thân quan 挽先親官
b. Bản VHv.16/3 và VHv.1743/22: Thế động 世洞

CHÚ THÍCH:

1. Núi Lộc Mã ở phía bắc Châu Ôn, cách tỉnh lị Lạng Sơn mười bốn dặm (nay thuộc tỉnh Lạng Sơn). Câu này ý nói, sau khi luyện đan song, cha tác giả đã trở về cõi tiên.

2. Đức dung: Chân dung của người có đức. Ý thơ nói chân dung của cha khắc trên vách đá động Nhị Thanh.

3. 4. Tam Thai, Nhất Bích, có lẽ là hai cảnh đẹp ở Lạng Sơn.

5. Gò trúc (trúc cương), chỉ nơi đặt phần mộ, vì ngày xưa, xung quanh phần mộ người ta thường trồng cây tùng hoặc trúc.

DỊCH THƠ:

Nổi tiếng văn chương bậc lão thần,
Thành đan Lộc Mã, thoát siêu thần.
Đức dung riêng vẫn lưu hang động;
Đạo cốt không cho nhuốm bụi trần.
Trên núi Tam Thai hoè rủ bóng;
Bên ao Nhất Bích liễu khoe xuân.
Đồi tre nghìn dặm mơ du tử,
Man mác trào tuôn biển chứa chan.

Đào Phương Bình

11. 興庭草寄弟學遜氏

庭前草交翠
遊子去未歸
東林鶯信至
南浦雁書稀
野鳥啼爲甚
村雞唱阿誰
晚煙寒渚過
曉露故鄉飛
往事三更夢
前因一局棋
對花新景色
臨鏡舊鬚眉
門外桃方嫩
堤邊柳自垂
春天眞太好

海地少相宜
赤壁鶴仍瘦
吳江鱸正肥
推敲消永日
翁孺在何時
館叟魯無識
書童愚不知
乃看靈武傳
王縉與王維

PHIÊN ÂM:

HỨNG ĐÌNH THẢO KÍ ĐỆ HỌC TỐN THỊ

Đình tiền thảo giao thúy,
Du tử khứ vị quy.
Đông lâm oanh tín chí,
Nam phố nhạn thư hi.
Dã điểu đề vi thậm,
Thôn kê xướng a thùy.
Văn yên hàn chử quá,
Hiểu lộ cố hương phi[a].
Vãng sự tam canh mộng,
Tiền nhân nhất cục kỳ.
Đối hoa tân cảnh sắc,
Lâm kính cựu tu mi.
Môn ngoại đào phương nộn,
Đê biên liễu tự thùy.
Xuân thiên chân thái hảo,
Hải địa thiểu tương nghi.
Xích Bích hạc nhưng sấu,
Ngô giang lư chính[b] *phì.*

Thôi xao tiêu vĩnh nhật,
Hấp nhụ tại hà thì?
Quán tẩu lỗ[c] vô thức,
Thư đồng ngu bất tri.
Nãi khan Linh Võ truyện,
Vương Tấn dữ Vương Duy.

DỊCH NGHĨA:

CẢM HỨNG
CỎ MỌC TRƯỚC SÂN GỬI CHO EM LÀ HỌC TỐN THỊ[1]

Trước sân cỏ chen xanh,
Du tử đi chưa về.
Rừng đồng, tin oanh đến,
Bến nam, thư nhạn thưa.
Chim nội da diết hót,
Gà xóm gáy giục ai?
Khói chiều qua bến vắng,
Sương sớm về cố hương.
Việc trước, như mộng ba canh,
Chuyện xưa, tựa cờ một cuộc.
Ngắm hoa, thấy cảnh sắc mới,
Soi gương vẫn râu mày xưa.
Ngoài cửa, đào đang non,
Bên đê, liễu rủ cành.
Mùa xuân, thật đẹp quá,
Miền biển, ít điều ưa.
Chim hạc Xích Bích vẫn gầy,[2]
Cá vược sông Ngô đang béo.[3]
Làm thơ khuây khoả ngày dài,
Khi nao mới được xum họp?
Ông quán, dần không hiểu,
Trò nhỏ ngây biết chi!

Bèn xem truyện Linh Võ,[4]
Vương Tấn và Vương Duy.[5]

KHẢO DỊ:

a. Bản VHv.16/3: Cố hương qui 故鄉歸

b. Bản VHv.16/3: Dục phì 欲肥

c. Bản A.117c/1: Tòng 從, bản VHv.16/3: Tao 曹

CHÚ THÍCH:

1. Học Tốn: Xem chú thích số 1 bài 3.

2. Chim hạc Xích Bích: Trong bài "*Hậu Xích Bích phú,*" Tô Đông Pha có viết: "... Lúc đó, gần nửa đêm, bốn bề vắng lặng. Bỗng có con hạc lẻ từ phía đông bay ngang qua sông, cánh chim như bánh xe... kêu dài, lướt qua thuyền bay về phía tây." Ý nói phong cốt cao thượng, nhàn tản của người ẩn sĩ.

3. Cá vược sông Ngô: *Tấn thư* chép: Trương Hàn đi làm quan xa, sực nhớ đến mùi vị quê hương là canh rau thuần và gỏi cá vược, bèn nói rằng: Ở đời quý hồ thích chí, cần gì phải tước lộc mà đi xa đến mấy nghìn dặm." Ý nói, lòng nhớ quê hương tha thiết.

4. Linh Võ, chưa rõ tích này.

5. Vương Tấn, là em Vương Duy, người đời Đường, tự là Hạ Khanh, nhỏ hiếu học, làm quan đến Hoàng môn Thị lang, rất sùng đạo Phật. Cùng anh là Vương Duy nổi tiếng về văn chương.

Vương Duy, nhà thơ và nhà hoạ nổi tiếng đời Đường, làm quan đến Thượng thư hữu thừa, cũng rất hâm mộ đạo Phật.

12. 又寄弟學遜氏三首

其一：自尉

雲箋到手苦爲情
儋耳雖然載是兄
也有文章連海氣
豈無風韻鼓秋聲
葉身去國誠希介
草意臨窗默悟程

名 教 塤 篪 饒 樂 趣

定 吾 泰 宇 陂 中 平

PHIÊN ÂM:

HỰU KÝ ĐỆ HỌC TỐN THỊ (TAM THỦ)

KỲ NHẤT: TỰ ÚY

Vân tiên đáo thủ khổ vi tình,
Đam Nhĩ tuy nhiên Thức thị huynh.
Dã hữu văn chương liên hải khí;
Khởi vô phong vận cổ thu thanh.
Diệp thân khứ quốc thành hi Giới;
Thảo ý lâm song mặc ngộ Trình.
Danh giáo huân trì nhiêu lạc thú,
Định ngô thái vũ bỉ trung bình.

DỊCH NGHĨA:

LẠI GỬI THƯ CHO EM LÀ HỌC TỐN[1] *(BA BÀI)*

BÀI 1: TỰ AN ỦI

Khi bức vân tiên[2]tới tay, lòng ta khó tả xiết,
Tuy cùng ở Đam Nhĩ, nhưng Tô Thức là đàn anh.[3]
Đã có văn chương liền với hơi biển;
Há không phong vận gõ vào tiếng thu.[4]
Chiếc thân bỏ nước, thực mong được như ông Giới;[5]
Ý mọn bên song, ngầm hiểu họ Trình.[6]
Anh em hoà thuận, theo lời dạy thánh hiền, đầy lạc thú,[7]
Giúp ta định tâm thấy được sự bằng phẳng trong gập ghềnh.

CHÚ THÍCH:

1. Học Tốn, xem chú thích số 1 bài 3.

2. Bức Vân tiên, cũng là bức hoa tiên. Ngày xưa khi hoạ thơ hay làm thơ đưa cho bạn, người ta thường viết lên tờ giấy in hoa đẹp. Sau này từ "hoa tiên"

được dùng để chỉ bức thư nói chung. Trong thơ ý nói, từ khi nhận được thư của người em là Học Tốn, trong lòng thấy băn khoăn khó tả.

3. Đam Nhĩ, tên huyện, còn gọi là huyện Chiêm, thuộc phủ Quỳnh Châu, Quảng Đông, Trung Quốc.

Tô Thức, một nhà thơ, nhà văn lớn đời Tống. Ông vì không cùng chính kiến với Vương An Thạch, nên bị biếm đến Đam Nhĩ.

Trong thời kì này, Ngô Thì Nhậm đang lánh nạn ở Vũ Tiên, Thái Bình, nên ông tự ví mình như Tô Thức xưa. Tuy cùng cảnh ngộ, nhưng ông thấy mình chỉ là bậc đàn em của Tô Thức mà thôi.

4. Phong vận: Phong thái ung dung.

Tiếng thu (thu thanh), ở Trung Quốc, về mùa thu gió tây thổi, cỏ cây nghiêng ngả, lá reo xào xạc, gợi cho người ta một nỗi buồn. Người xưa gọi đó là "tiếng thu" dùng để chỉ nỗi buồn man mác. Thơ Mạnh Hạo Nhiên đời Đường có câu: "Cánh văn phong diệp lạc, tích lịch độ thu thanh" (Càng nghe lá phong rơi, xào xạc tiếng thu qua).

Ở đây, tác giả đã tự thú rằng, ở nơi đất khách này tuy lấy việc văn chương làm vui, nhưng không phải không có những nỗi buồn.

5. Đời Tống, Đường Giới làm Ngự sử, vì trung trực can vua, bị biếm ra Anh Châu. Quan Thị chế là Lý Sư Trung làm thơ tiễn, có câu: "Khứ quốc nhất thân khinh tự diệp." (Bỏ nước ra đi, chiếc thân nhẹ như mảnh lá). Sang đời Thần Tông, ông được đại dụng. Đây, tác giả bôn ba như chiếc lá trôi dạt, song vẫn mong được như Đường Giới sẽ có ngày gặp hội gió mây.

6. Họ Trình, tức hai anh em Trình Hạo và Trình Di, đều là danh nho đời Tống. Đầu đời Triết Tông, Trình Di được bổ làm Sùng chính điện Thuyết thư. Sau vì không hợp chính kiến với Tô Thức nên bị biếm.

7. Anh em hoà thuận: Xem chú thích số 5 bài 3.

13. 其二： 自彊

洪鈞賦予不愚身
卻笑繁華誤一巡
還有浩然吾是我
且看卓爾彼何人
理心到底彭非夭

欲境尋常合亦分
今日與君相勉處
希賢事業顯吾親

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ: TỰ CƯỜNG

Hồng quân phú dữ bất ngu thân,
Khước tiếu phồn hoa ngộ nhất tuần.
Hoàn hữu hạo nhiên ngô thị ngã;
Thả khan trác nhĩ bỉ hà nhân.
Lí tâm đáo để bành phi yểu;
Dục cảnh tầm thường hợp diệc phân.
Kim nhật dữ quân tương miễn xứ,
Hi hiền sự nghiệp hiển ngô thân.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2: TỰ CƯỜNG

Tạo hóa phú cho tấm thân ta không đến nỗi dốt nát,
Nhưng nực cười thay, đã một lần lầm lỡ ở chốn phồn hoa!
May còn có khí hạo nhiên, nên ta vẫn là ta;[1]
Hãy coi người dáng cao vòi vọi kia là ai đó?
Lòng giữ được lẽ trời, đến cùng sẽ thọ chứ không yểu;
Cõi dục vọng là tầm thường, dẫu hợp cũng như tan.
Điều mà anh em ta hôm nay cùng gắng sức,
Mong sao sự nghiệp như bậc hiền nhân, rạng danh mẹ cha.

CHÚ THÍCH:

1. Khí hạo nhiên, là khí thiêng của trời đất, khí quang minh chính đại phú cho con người.

DỊCH THƠ:

Thân ta không dại bởi ơn trời,
Lỡ bước phong trần thực đáng cười.
Còn có khí thiêng mình vẫn tỏ;

Thử xem tài giỏi họ là ai.
Lòng bền đạo lí già không yểu;
Ý muốn tầm thường hợp vẫn rời.
Hãy nhớ khuyên nhau cùng gắng gỏi,
Mong sao cha mẹ vẻ vang đời.

Hoàng Tạo.

14. 其三：自誨

皇天未絕那孱身
日每提撕十二辰
時雨域中瞻孔孟
浮雲塢裏讓儀秦
室於暗處無非日
心向明間自有春
此境不隨人境變
宜兄宜弟更宜人

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM: TỰ HỐI

Hoàng thiên vị tuyệt ná sàn thân,
Nhật mỗi đề tê thập nhị thần.
Thời vũ vực trung chiêm Khổng Mạnh;
Phù vân ổ lý nhượng Nghi Tần.
Thất ư ám xứ vô phi nhật;
Tâm hướng minh gian tự hữu xuân.
Thử cảnh bất tùy nhân cảnh biến,
Nghi huynh nghi đệ cánh nghi nhân.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3: TỰ RĂN MÌNH

Ông trời kia còn chưa dứt bỏ tấm thân hèn mọn này,
Thì hàng ngày phải luôn nhắc nhở mình đủ mười hai giờ.(1)

Trong cõi mưa gió phải thời, nên ngước trông họ Khổng
họ Mạnh;[2]

Còn chốn mây nổi kia, xin nhường cho ông Nghi, ông Tần.[3]

Só tối trong nhà, không phải không có mặt trời;

Lòng cứ hướng về cõi quang minh, sẽ tự có ánh xuân.

Cảnh này không thay đổi theo cảnh người,

Thì thuận anh thuận em, lại thuận cả với mọi người.

CHÚ THÍCH:

1. Mười hai giờ: Ngày xưa, người ta chia một ngày đêm thành mười hai giờ: Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Mỗi một giờ gọi là một chi, và bằng hai giờ đồng hồ của dương lịch.

2. Mưa gió phải thời (thời vũ), Sách *Mạnh Tử* có câu: "Hữu như thời vũ hóa chi giả" (Nền giáo hóa có khi như cơn mưa thuận). Đời sau, người ta dùng "thời vũ" để chỉ nền giáo hóa tốt đẹp của nho gia.

3. Mây nổi: Sách *Luận ngữ* chép: "Bất nghĩa nhi phú thả quý, ư ngã như phù vân" (Làm điều bất nghĩa mà được giầu sang, đối với ta chỉ như áng mây nổi mà thôi). Câu này có ý chê bai những người làm điều bất nghĩa để được giầu sang.

Nghi, Tần, tức Trương Nghi và Tô Tần, hai nhà thuyết khách nổi tiếng thời Chiến Quốc. Trương Nghi đại biểu cho phái "Liên hoành," Tô Tần đại biểu cho phái "Hợp tung."

Hai câu thơ trong bài nói, ta nên (chỉ tác giả) kính trọng và làm theo giáo hóa của nho gia, chẳng nên thi thố tài năng như Trương Nghi, Tô Tần để hưởng giầu sang.

DỊCH THƠ:

Dẫu hèn, trời vẫn rủ lòng nhân,

Ngày tới mười giờ nhắc nhở thân.

Giữa cõi mưa nhuần theo Khổng Mạnh !

Trong vòng mây nổi kệ Nghi Tần!

Nhà nơi u ám treo vầng nhật;

Tìm chốn huy hoàng đượm vẻ xuân.

Cảnh đấy người đây không biến đổi,

Thuận anh em hẳn thuận nhân quần.

Đào Phương Bình

15. 莞爾吟二首

其一

難透禍机緣福釀
翻教罪狀爲功媒
麝臍不解香爲累
象齒寧知賄取災
省己無能追既往
反躬猶可諫將來
見幾明哲吾儒事
進退存亡理妙哉

PHIÊN ÂM:

HOẢN NHĨ NGÂM (NHỊ THỦ)

KỲ NHẤT

Nan thấu họa cơ duyên phúc nhưỡng,
Phiên giao[a] tội trạng vi công môi.
Xạ tê bất giải hương vi lụy;
Tượng xỉ ninh tri hối thủ tai.
Tỉnh kỉ vô năng truy ký vãng;
Phản cung do khả giám[b] tương lai.
Kiến cơ minh triết ngô nho sự,
Tiến thoái tồn vong lý diệu tai.

DỊCH NGHĨA:

KHÚC NGÂM MỈM CƯỜI (2 BÀI)

BÀI I

Thật là khó hiểu, mầm "hoạ" lại do cái "phúc" gây ra,
Bỗng xui nên tội trạng, chính vì cái "công" dắt rủ đến.

Con xạ nào hay vì rốn có hương mà phải mang vạ;[A]

Chú voi đâu biết bởi ngà có giá mà chuốc tai ương.[B]

Tự mình xét mình, không thể truy cứu những việc đã qua;

Nhưng xem lại mình, còn có thể uốn nắn được việc sắp tới.

Công việc nhà nho ta là phải sáng suốt thấy được sự cơ.

Vì cái lẽ tiến lui, còn mất, kì diệu lắm thay!

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117c/1: Hiếu phiên 孝翻

b. Bản A.117c/1: Khả hối 可悔

NGUYÊN CHÚ:

A. Theo Hàn Phi Tử, con xạ vì có chất hương thơm ở rốn mà bị chết.

B. Theo sách *Tả truyện*, con voi bị thiêu chết vì nó có ngà đẹp.

DỊCH THƠ:

Mầm hoạ sinh ra do phúc ấy,
Tội tình xui khiến bởi công này.
Do ngà mắc họa, voi đâu biết;
Vì rốn chuốc oan, xạ có hay.
Xét lại, không sao theo việc cũ;
Xem ra, có thể hướng tương lai.
Kiến cơ sáng suốt, ta nên nhớ,
Tiến thoái tồn vong, lẽ diệu thay.

Lâm Giang

16. 其二

假令鐘呂尋常手
何至風波險難程
能靜能安明德博
不求不技理情輕
樹桑熟瞰成都宅
旋馬何塵太祝龐
愚魯昔人曾有志
無災無害到公卿

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Giả linh chung lã tầm thường thủ,
Hà chí phong ba hiểm nạn trình.
Năng tĩnh năng an minh đức bác;
Bất cầu bất kĩ lý tình khinh.[a]
Thụ tang thục hám Thành Đô trạch;
Toàn mã hà trần Thái Chúc thinh.
Ngu lỗ tích nhân tằng hữu chí
Vô tai vô hại đáo công khanh.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Giá như kẻ chơi chung lã là một tay xoàng xĩnh,[1]
Thì đâu phải đến bước đường gian nan sóng gió này.
Hay tĩnh hay yên, thì rộng đức sáng;[2]
Không tài không tham, sẽ nhẹ lý tình.
Khi trồng dâu, nào ai nhìn về ngôi nhà ở Thành Đô;[A]
Lúc quay ngựa, đâu còn bụi vương sảnh đường Thái Chúc.[3]
Thật thà, dần độn, người xưa từng có chí ấy,
Không tai không vạ, vẫn tới chức công khanh.[B]

KHẢO DỊ:

a. Bản VHv.16/3; VHv.1743/22 chép:

能靜能安明德傳
不求不技理情經

"Năng tĩnh năng an minh đức truyện; Bất cầu bất kĩ lí tình kinh" (Hay tĩnh hay an là nghĩa của "truyện," làm sáng tỏ đức; Chẳng tài chẳng tham là lời của "Kinh," rèn luyện tấm lòng).

NGUYÊN CHÚ:

A. Ngôi nhà Thành Đô: Nhà Khổng Minh ở Thành Đô trồng 800 cây dâu.

B. Thơ Tô Đông Pha có câu: "Đãn nguyện ngô nhi ngu thả lỗ" (Những

muốn con ta ngu và dại). Nguyên văn cả câu thơ của Tô Đông Pha:

Đãn nguyện ngô nhi ngu thả lỗ,
Vô tai vô hoạ đáo công khanh.

CHÚ THÍCH:

1. Chung lã, tức hoàng chung và đại lã, là hai loại nhạc cụ xưa. Ở đây "Chung lã" được dùng như "Kinh luân" để chỉ người có tài kinh bang tế thế.

2. Hay tĩnh hay yên (năng tĩnh năng an), là một trong những cương lĩnh của sách *Đại học*, có nghĩa, tâm tư yên tĩnh suy nghĩ việc trị nước, bình thiên hạ.

3. Thái chúc, một chức quan thuộc Bộ Lễ. Ý thơ, quay ngựa trở về, không làm quan thì làm gì có bụi ở sảnh đường nữa.

DỊCH THƠ:

Ví chăng "chung lã" tay xoàng xĩnh,
Đâu phải phong ba nẻo hiểm nghèo.
Đức vốn vững vàng, to lộng lộng;
Lòng không ham muốn, nhẹ teo teo.
Thành Đô dâu tốt, nhà im phắc;
Thái Chúc xe quay, bụi sạch vèo.
Ngu lỗ, người xưa từng lập chí,
An cư đến với tướng khanh nhiều.

Đào Phương Bình

17. 石牛行

千戈一自動天閽
紅塵年年飛闕門
膏環元篤由竇走
歌管丞相出國奔
唐朝太阿在貔虎
牛耳倉皇盟至尊
選曹堆積賞驕牝
兵樞紛紜貽赫盆
苔提庭院不得靜
石牛驚惶忽能言

其應爲兵著天鏡
天心仁愛欲保存
聞道襆妖有長策
祝融驅牛入炎崑
乾綱墜地不收拾
姑息寄生何足論
啓寵納侮謀太拙
牝雞司晨深禍根
先王經營十六載
間關整頓此乾坤
鼎湖騎龍何飄忽
太平勿啻遺子孫
寂寞柳楊湖上寺
淒涼柏松江頭源
天涯孤臣淚不禁
夜夜霑襟對紫垣

PHIÊN ÂM:

THẠCH NGƯU HÀNH

Can qua nhất tự động thiên hôn,
Hồng trần niên niên phi khuyết môn.
Cao hoàn nguyên cữu do đậu tẩu,
Ca quản thừa tướng xuất quốc bôn.
Đường triều Thái A tại tì hổ,
Ngưu nhĩ thương hoàng minh chí tôn.
Tuyển tào đôi tích thưởng kiêu tấn,
Binh khu phân vân di hách bồn.

Đài đề đình viện bất đắc tĩnh,
Thạch ngưu kinh hoàng hốt năng ngôn.
Kỳ ứng vi binh trước thiên kính,
Thiên tâm nhân ái dục bảo tồn.
Văn đạo nhương yêu hữu trường sách,
Chúc dung khu ngưu nhập viêm côn.
Càn cương trụy địa bất thu thập,
Cô tức ký sinh hà túc luân.
Khải sủng nạp vụ mưu thái chuyết,
Tẫn kê tư thần thâm hoạ côn.
Tiên vương kinh doanh thập lục tải,
Gian quan chỉnh đốn thử càn khôn.
Đỉnh Hồ kị long hà phiêu hốt,
Thái bình vật sắc di tử tôn.
Tịch mịch liễu dương hồ thượng tự,
Thê lương bách tùng giang đầu nguôn.
Thiên nhai cô thần lệ bất cấm,
Dạ dạ triêm khâm đối tử vôn.

DỊCH NGHĨA:

BÀI HÀNH TRÂU ĐÁ

Từ khi giáo mác khua động cửa trời,
Bụi hồng năm lại năm bay qua cửa khuyết.
Quốc cữu ăn ngon mặc đẹp lủi qua lỗ hổng, (1)
Thừa tướng đàn ngọt hát hay, chuồn khỏi cửa quan. (2)
Tướng quốc nhà Đường lạc giữa đám hùm sói,
Đấng chí tôn vội vã chủ trì việc hội thề.
Tuyển quan hàng đống, ngựa cái kiêu căng ngợi khen,
Chốn quân cơ rối bời, để lại chậu lửa rừng rực.
Đến sân chùa rêu bám, cũng không được yên,
Trâu đá phải kinh hoàng, bỗng bật ra tiếng nói. (3)
Điềm ứng binh đao, gương trời soi tỏ,

Vì lòng trời nhân ái muốn bảo tồn.
Nghe nói, muốn trừ yêu phải có kế sách lâu dài,
Như thần Chúc Dung xua trâu vào núi lửa.[4]
Giường mối của trời đã sập, không thu nhặt lại được nữa,[5]
Tạm bợ sống gửi nằm nhờ, còn gì để bàn!
Vì sủng ái mà chuốc lấy khinh nhờn, mưu quá vụng,
Gà mái gáy sáng, mầm hoạ càng khơi sâu.[6]
Đấng Tiên Vương kinh dinh suốt mười sáu năm dòng,[7]
Vất vả sửa sang trời đất này.
Cưỡi rồng lên Đỉnh Hồ: Sao vội vàng thế![8]
Chỉ dặn lại con cháu chớ làm ngưng trệ vận hội thái bình.
Dương liễu lặng lẽ bên chùa trên hồ,
Tùng bách buồn bã bên đầu sông ngọn suối.
Bầy tôi bơ vơ chân trời, khoé lệ khôn cầm,
Đêm đêm trông về tử cấm thành đầm vạt áo.

CHÚ THÍCH:

1. 2. Sau khi binh lính Tam phủ phế Trịnh Cán, lập Trịnh Khải lên ngôi chúa (1782) thì Dương Khuông, cậu Trịnh Khải, làm Quốc cữu, cùng với Thừa tướng Nguyễn Lệ lộng hành trong phủ Chúa. Năm 1784 binh lính lại nổi lên bắt Dương Khuông, thì Dương Thái phi tức mẹ Trịnh Khải phải bỏ tiền ra chuộc, còn Nguyễn Lệ cải trang chạy trốn ra Sơn Tây. Trong thơ, tác giả nói về chuyện này.

3. Đây có lẽ nhắc tới truyền thuyết trâu đá chùa Tiên Tích năm Ất Tị (1785) bỗng bật tiếng kêu như tiếng khóc, triều đình coi là điềm gở, sai thợ đập vỡ vất vào lò lửa. (xem *Tang thương ngẫu lục* mục Chùa Tiên Tích).

4. Chúc Dung: Thần lửa.

Núi lửa, *Kinh Thi:* "Hoả viên côn cương" (Lửa thiêu cháy gò núi).

5. Giường mối của trời: Tức quyền bính nhà vua.

6. Gà mái gáy sáng (tẫn kê tư thần): Chỉ việc phụ nữ nắm quyền bính trong triều. Ở đây mượn để chỉ việc phế trưởng lập thứ của Trịnh Sâm do vợ là Đặng Thị Huệ xui giục.

7. Đấng Tiên Vương, chỉ Trịnh Sâm đã mất sau khi ở ngôi mười sáu năm (1767-1782).

8. Đỉnh Hồ: *Sử kí, Phong thiện thư* chép: Hoàng Đế đúc vạc ở dưới núi Kinh Sơn, đúc song cưỡi rồng bay lên trời. Người đời sau đặt tên núi ấy là Đỉnh

Hồ. Trong văn thơ dùng" rồng bay Đỉnh Hồ" để chỉ vua đã từ trần. Trong bài này dùng để chỉ Trịnh Sâm đã qua đời.

18. 八月忌感懷

先慈是秋產惟勤
惟勤今年既成人
同胞三男與二女
辜負劬勞惟某身
某之爲男近四十
叨忝一第未顯親
功名既誤半生局
海角天涯爲遣臣
江南兩秋對寒月
祠堂萬里瞻白雲
終身之喪日又日
暗室焚香泣蒼旻
嗚呼秋風何瑟瑟
何處衣裳奉蘋蘩
嗚呼秋雨何密密
何階簠簋趨冠紳
嗚呼秋夜何寂寂
何時香火恪昭烹
嗚呼秋潮何渺渺
何日京邑重鼎新
吾母憐兒九腸苦
在天洋洋如有聞
此生之年尚未艾
願將秋心答三春

PHIÊN ÂM:

BÁT NGUYỆT KỊ CẢM HOÀI

Tiên từ thị thu sản Duy Cần,
Duy Cần kim niên[a] ký thành nhân.
Đồng bào tam nam dữ nhị nữ,
Cô phụ cù lao duy mỗ thân.
Mỗ chi vi nam cận tứ thập,
Thao thiêm nhất đệ vị hiển thân.
Công danh ký ngộ bán sinh cục,
Hải dốc thiên nhai vị bô thần.
Giang Nam lưỡng thu đối hàn nguyệt,
Từ đường vạn lý chiêm bạch vân.
Chung thân chi tang nhật hựu nhật,[b]
Ám thất phần hương khấp thương mân.
Ô hô! Thu phong hà sắt sắt?
Hà xứ y thường phụng tảo tần!
Ô hô! Thu vũ hà mật mật?
Hà giai phủ quỹ xu quan thân!
Ô hô! Thu dạ hà tịch tịch,
Hà thời hương hoả khác chiêu huân.
Ô hô! Thu trào hà diểu diểu?
Hà nhật kinh ấp trùng đỉnh tân!
Ngô mẫu lân nhi cửu trường khổ,
Tại thiên dương dương như hữu văn?
Thử sinh chi niên thượng vị ngải,
Nguyện tương thu tâm đáp tam xuân.

DỊCH NGHĨA:

CẢM XÚC NHÂN NGÀY GIỖ THÁNG TÁM[1]

Mẹ sinh Duy Cần mùa thu ấy,
Nay Duy Cần đã nên người.

Anh em ruột thịt: Ba trai và hai gái,
Phụ đức cù lao chỉ có thân ta.
Ta là trai đã gần bốn mươi tuổi,
Lạm thêm một lần, chưa làm cho mẹ cha hiển vinh.
Nửa cuộc đời bởi công danh làm cho lầm lỡ,
[Nay] là bầy tôi trốn tránh góc bể chân trời .
Ở Giang Nam ngắm trăng lạnh đã hai thu,[2]
Chốn từ đường xa muôn dặm, chỉ biết nhìn mây trắng![3]
Cái tang trọn đời ngày lại ngày,
Thắp hương nơi phòng tối khóc với trời xanh!
Than ôi! Gió thu sao mà hiu hắt?
Mặc áo đeo xiêm nơi nào được, để dâng cúng rau tảo rau tần.[4]
Than ôi! Mưa thu sao mà rả rích?
Bệ nào đặt mâm, mũ đai tới cúng đây?
Than ôi! Đêm thu sao mà tịch mịch!
Khi nào hương lửa kính cẩn dâng, ngào ngạt sáng ngời?
Than ôi! Nước triều thu sao mà man mác?
Ngày nào kinh đô lại đổi thay!
Mẹ ta thương con, ruột đau chín khúc,
[Linh hồn mẹ] trên trời lồng lộng như có hay?
Tuổi con còn chưa đến năm chục,[5]
Xin đền đáp ba xuân bằng tấm lòng thu.[6]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117c/1: Đốn 頓
b. Bản A.117c/1: Nguyệt 月

CHÚ THÍCH:

1. Đây là ngày giỗ mẹ Ngô Thì Nhậm, bà huý Thản, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1730, mất ngày 20 tháng 8 năm 1762. Bà thọ 33 tuổi, sinh được 5 người con, con cả là Ngô Thì Nhậm, con thứ hai là Ngô Thị Thục, con thứ ba là Ngô Thì Chí, thứ tư là Ngô Thị Viêm, con thứ năm Ngô Thì Điện.

2. Giang Nam, ở đây chỉ phía nam kinh đô, tức Thái Bình, nơi tác giả đang lánh nạn.

3. Mây trắng: Địch Nhân Kiệt đời Đường đi làm quan nơi xa, nhìn thấy

mây trắng đang bay trên núi Thái Hàng, bùi ngùi nói: "Nhà cha mẹ ta ở dưới chùm mây trắng kia." Ở đây mượn để nói nỗi cảm nhớ ngày giỗ mẹ mà mình ở xa không về cúng lễ ở từ đường.

4. Rau tảo rau tần: Xem chú thích số 3 bài 2.

5. Tuổi năm mươi: Dịch thoát từ chữ "ngải" trong thơ. Theo *Mạnh Tử*, người ta lúc bé mến cha mẹ, lớn lên thì mến sắc đẹp, kẻ đến năm mươi tuổi mà còn mến cha mẹ, phải chăng là Thuấn? Ý thơ viết như thế để nói nỗi lòng nhớ mẹ đã qua đời rất da diết.

Nguyên văn "vị ngải" cũng có thể hiểu là "chưa hết" và câu thơ có thể dịch "Năm tháng đời sống của con chưa hết; Nguyện mãi đem tấm lòng mùa thu đền đáp ba xuân".

6. Ba xuân, chỉ công lao vất vả sinh dưỡng của cha mẹ. Thơ "*Du tử ngâm*" của Mạnh Giao: "Thùy ngôn thốn thảo tâm, báo đắc tam xuân huy?" (Ai bảo một tấc cỏ, báo đáp được ánh sáng ba tháng xuân). Ý nói tình con nhỏ mọn, đức cha mẹ lớn lao, báo đáp sao cho đáng.

DỊCH THƠ:

Mẹ sinh Duy Cần mùa thu ấy,
Duy Cần nay đã lớn khôn rồi.
Cùng mẹ ba trai và hai gái,
Phụ ơn cúc dục duy mình tôi!
Phận trai tuổi đã gần bốn chục,
Chiếm bảng chưa đủ làm vinh người.
Nửa kiếp công danh lại lầm lỡ,
Chân trời góc bể lẻn thân côi.
Giang Nam hai thu ngắm trăng lạnh,
Bàn thờ muôn dặm mây bạc trôi.
Đau thương suốt đời lần lữa mãi,
Nén hương góc tối những than trời.
Than ôi! Gió thu sao hiu hắt!
Nơi nào áo xiêm dâng cơm canh?
Than ôi! Mưa thu sao dào dạt!
Nơi nào đai mũ khấn cho đành?
Than ôi! Đêm thu sao tĩnh mịch?
Bao giờ hương khói ngào ngạt bay?
Than ôi! Trào thu sao dào dạt,

Bao giờ kinh ấp lại đổi thay?
Lòng mẹ thương con quặn chín khúc,
Trời cao văng vẳng tiếng như gần.
Kiếp này chưa đến nửa trăm tuổi,
Xin dốc tình thu đáp bóng xuân!

Hoàng Tạo

19. 感興

夜曙雲空見翠微
天邊遊子掛征衣
月斜遠寺鍾初動
霜落寒江汐始歸
秋入五湖知我共
心關三疊有誰知
星言此夕如何夕
禁漏更深被召辰

PHIÊN ÂM:

CẢM HỨNG

Dạ thự vân không kiến thúy vi,
Thiên biên du tử quải chinh y.
Nguyệt tà viễn tự chung sơ động;
Sương lạc hàn giang tịch thủy quy.
Thu nhập Ngũ Hồ tri ngã cộng;
Tâm quan Tam Điệp hữu thùy tri.
Tinh ngôn thử tịch như hà tịch,
Cấm lậu canh thâm bị triệu thì.

DỊCH NGHĨA:

CẢM HỨNG

Rạng sáng, mây quang, thấy trời xanh biếc,
Du tử bên trời, khoác chiếc áo đi xa.

Trăng xế, chùa xa, tiếng chuông vừa thỉnh;
Sương rơi, sông lạnh, con nước mới về.
Thu vào Ngũ Hồ, biết rằng ta cùng ở đó;[1]
Lòng vẫn để ở Tam Điệp, nào có ai hay.[2]
Sao đêm nói: Đêm ấy là đêm nào,
Mà được vời vào lúc giọt đồng trong cấm
điểm canh khuya?[3]

CHÚ THÍCH:

1. Ngũ Hồ: Xem chú thích số 3 bài 3.

2. Tam Điệp, dãy núi có ba ngọn ở giữa tỉnh Ninh Bình và Thanh Hóa; Giữa núi này là đường giao thông trọng yếu, cổ họng giữa Bắc- Nam *(Đại Nam nhất thống chí)*, có lẽ vì thế mà trong bài thơ, Tam Điệp coi như biểu tượng của đất nước. Khi quân Thanh xâm lược nước ta, Ngô Thì Nhậm đã hiến kế lập phòng tuyến ở đây, để cùng với đại quân Quang Trung tạo nên chiến thắng Kỷ Dậu (1789) lịch sử. Bài thơ này viết khi đang tị nạn ở Thái Bình khoảng 1782-1786, trước chiến thắng Kỉ Dậu (1789).

3. Giọt đồng trong cấm (cấm lậu): Xem chú thích số 2 bài 61, tập *Bút hải tùng đàm*. Ý 2 câu kết: Nhớ lại một đêm như đêm nay được triệu vào cung cấm.

DỊCH THƠ:

Mây tạnh trời trong núi cũng trong,
Bên trời khoác tấm áo long đong.
Trăng tà chuông động chùa đâu tá?
Sương rụng triều xuôi nước lạnh lùng.
Thu đến Ngũ Hồ mình chẳng khác;
Lòng mơ Tam Điệp khách hay không?
Đoán xem đêm ấy đêm gì nhỉ?
Lệnh triệu canh khuya tự cửu trùng.

Hoàng Tạo

20. 懷內 二首

其一

悔不當初饒與耕
遂因富貴累閨卿

履危恥我前年誤
攜幼怜君此日行
金鏡掛軒秋八月
銀河當户夜三更
歸鴈奚磐春秋義
最是相關一片情

PHIÊN ÂM:

HOÀI NỘI (NHỊ THỦ)

KỲ NHẤT

Hối bất đương sơ hạp dữ canh,
Toại nhân phú qúi lụy khuê khanh!
Lý nguy xỉ ngã tiền niên ngộ;
Huề ấu linh quân thử nhật hành.
Kim kính quải hiên thu bát nguyệt;
Ngân hà đương hộ dạ tam canh.
Quy Huề hề khánh Xuân Thu nghĩa,
Tối thị tương quan nhất phiến tình.

DỊCH NGHĨA:

NHỚ VỢ (2BÀI)

BÀI 1

Tiếc rằng, xưa không đi cày để vợ đưa cơm,[1]
Chỉ bởi giầu sang mà để lụy cho nàng.
Gặp phải nguy nan, hổ cho ta năm xưa lầm lỡ;
Dắt díu con thơ, thương cho nàng ngày ấy lận đận.
Mùa thu tháng tám, gương vàng treo bên mái hiên;
Đêm canh ba, sông Ngân Hà vắt ngang trước cửa.
Trở về đất Huề, sao cho trọn nghĩa Xuân Thu;[2]
Nhất là cùng nhau một mảnh tình vương vấn.

CHÚ THÍCH:

1. Đưa cơm, đi cày (hạp dữ canh): Khích Khuyết người nước Tấn, đời Xuân Thu, làm nghề cày ruộng, khi vợ đưa cơm đến, hai vợ chồng chào hỏi nhau kính cẩn như đối với tân khách vậy. Tấn Văn Công được tin, cho là bậc hiền giả bèn dùng làm Hạ quân đại phu. Đây ý nói, lúc trước cứ ở quê nhà mà cày cuốc, làm lụng có nhau, thì đâu phải long đong lưu lạc, chồng bắc vợ nam như thế.

2. Trở về đất Huề: Theo *Kinh Xuân Thu* Trang Công năm thứ ba; nước Kỉ bị nước Tề xâm chiếm, em Kỉ Hầu là Kỉ Quý đem ấp Huề dâng nộp cho Tề, vì thế Kỉ Hầu phải bỏ nước, đem quyến thuộc tránh nạn. Năm Trang Công 12, Kỉ Hầu mất, vợ Kỉ Thúc (Kì Thúc là em Kỉ Hầu, anh Kỉ Quý) trở về đất Huề để phụng thờ tông miếu, giữ cho toàn vẹn tiết nghĩa, không vì có mất nước mà thiếu đạo đức làm nàng dâu. Đây ý tác giả mong được cùng vợ trở về quê hương, cũng như vợ Kỉ Thúc trở về ấp Huề thời Xuân Thu.

DỊCH THƠ:

Tiếc chẳng anh cầy em xách cơm,
Khiến em cũng vướng lụy giầu sang.
Xông pha những thẹn lầm phen trước;
Bồng bế thêm thương lạc bước đường.
Tháng tám gương vàng treo mái trước;
Canh ba dòng bạc vắt trời ngang.
Về Huề vẹn nghĩa Xuân Thu chửa?
Một tấm tình chung dạ vẫn mang.

Hoàng Tạo

21. 其二

去國亡臣誰似我
憂家令婦少如卿
雲山一姓猶相聚
石室三年亦並行
松閱嚴冬千嶺秀
月離濛霧萬川明
生生原我夫妻約
十八年前是一生

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Khứ quốc vong thân thùy tự ngã,
Ưu gia lệnh phụ thiểu như khanh.
Vân Sơn nhất tính do tương tụ;
Thạch Thất tam niên diệc tịnh hành.
Tùng duyệt nghiêm đông thiên lĩnh tú;
Nguyệt ly mông vụ vạn xuyên minh.
Sinh sinh nguyên ngã phu thê ước,
Thập bát niên tiền thị nhất sinh.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Bầy tôi bỏ nước trốn đi, có ai như ta,
Vợ hiền lo liệu việc nhà, ít người như nàng.
Một họ ở Vân Sơn, còn cùng nhau xum họp;[1]
Ba năm ở Thạch Thất, cùng đi bên nhau.[2]
Thông trải mùa đông giá lạnh mà vẫn xanh rợp nghìn núi;
Trăng ra khỏi sương mù thì lại soi sáng muôn sông.
Ước nguyện vợ chồng ta, vui sống và làm việc,[3]
Mười tám năm trước, là một quãng đời.

CHÚ THÍCH:

1. Vân Sơn, nghi là Vân Môn, tên làng ở huyện Vũ Tiên nay thuộc huyện Vũ Thư, Thái Bình. Ở đây có thể dùng để chỉ nơi quê nhà, họ hàng, chồng vợ xum họp.

2. Thạch Thất, tên huyện, nay thuộc Hà Tây, quê người em rể Phan Huy Ích. Ở đây có thể dùng để chỉ ngôi nhà mà hai vợ chồng tác giả từng sống chung trong 3 năm.

3. Nguyên văn "sinh sinh" chữ trong *Kinh Thi* (Bàn canh trung) có nghĩa: Vui sống làm việc để cuộc sống được đầy đủ (lạc sinh hưng sự đắc kì sinh dã hậu-chú thích của Thái Trầm).

DỊCH THƠ:

Tôi xa bỏ nước ai như tớ,
Vợ giỏi lo nhà ít được em.

Một họ Vân Sơn thường tụ họp;
Ba năm Thạch Thất vẫn đi kèm.
Đông sang nghìn núi rừng thông biếc;
Mù tạnh muôn sông bóng nguyệt in.
Mười tám năm qua rồi một kiếp,
Đôi ta những muốn vẹn lời nguyền.

Hoàng Tạo

22. 大 風

萬 隊 游 龍 擁 玉 皇
威 加 海 內 共 飛 揚
掃 空 積 霧 開 秋 色
依 舊 中 天 見 太 陽
吹 去 已 無 塵 垢 在
新 來 重 睹 室 家 昌
披 襟 獨 自 吟 遊 子
西 上 祥 雲 是 故 鄉

PHIÊN ÂM:

ĐẠI PHONG

Vạn đội du long ủng Ngọc Hoàng,
Uy gia hải nội cộng phi dương.
Tảo không tích vụ khai thu sắc;
Y cựu trung thiên hiện thái dương.
Xuy khứ dĩ vô trần cấu tại;
Tân lai trùng đổ thất gia xương.
Phi khâm độc tự ngâm du tử,
Tây thượng tường vân thị cố hương.

DỊCH NGHĨA:

GIÓ LỚN

Muôn đoàn rồng bơi, hộ vệ Ngọc Hoàng,
Cùng bay bổng ra oai trong cõi.
Quét quang mây mù, mở ra cảnh sắc mùa thu;
Vừng dương hiện lên giữa trời, vẫn y như cũ.
Thổi đi hết, không còn bụi bẩn phủ;
Cảnh mới đến, lại thấy nhà cửa phồn vinh.
Du tử phanh áo, một mình ngâm ngợi,
Mây lành trời tây, phía đó là cố hương.

23. 吊暉郡公

生來英雄寄軀殼
死去精神留磅礴
軀殼有壞磅礴存
仰眞不愧俯不怍
尋常棺槨也何爲
志士不忘在溝壑
萬里泱泱瀘珥河
九龍矗矗岩軿岳
長洲雖然埋此人
羞剎未埋頑與薄
爲憑一筆吊忠魂
千載九泉猶可作

PHIÊN ÂM:

ĐIẾU HUY QUẬN CÔNG

Sinh lai anh hùng ký khu xác,
Tử khứ tinh thần lưu bàng bạc.
Khu xác hữu hoại bàng bạc tồn,

Ngưỡng chân bất quý phủ bất tạc.
Tầm thường quan quách dã hà vi,
Chí sĩ bất vong tại câu hác.
Vạn lý ương ương Lô Nhĩ hà,
Cửu Long súc súc Nham Biền nhạc.
Trường châu tuy nhiên mai thử nhân,
Tu sát vị mai ngoan dữ bạc.
Vị bằng nhất bút điếu trung hồn,
Thiên tải cửu tuyền do khả tác.

DỊCH NGHĨA:

VIẾNG HUY QUẬN CÔNG[1]

Sinh ra, khí phách anh hùng tự gửi mình vào thân xác,
Chết đi, tinh thần còn lưu trong [vũ trụ] mênh mông.
Thân xác nát tan, nhưng vũ trụ mênh mông còn đó,
Trông lên thật chẳng thẹn với trời, cúi xuống không hổ với đất.
Quan quách tầm thường có nghĩa lý gì?
Vì kẻ sĩ có chí khí không quên rằng có thể chết ở nơi ngòi lạch.[2]
Sông Nhị dòng Lô mênh mang muôn dặm;[3]
Ngọn Nham Biền sừng sững như chín con rồng.[4]
Tuy người ấy phải chôn trên bãi sông dài,
Nhưng thẹn chết cho bọn chưa bị chôn gian ngoan bạc ác.
Xin mượn ngòi bút viếng hồn người trung nghĩa,
Ngàn năm nơi chín suối người vẫn có thể vùng đứng lên.

CHÚ THÍCH

1. Huy Quận công tức Hoàng Đình Bảo, người làng Phụng Công huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang.

Hoàng đỗ Tạo sĩ khoa thi võ năm Bính Tuất, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 27(1766), được Trịnh Sâm tin dùng, cùng vào một phe với Đặng Thị Huệ lập Trịnh Cán lên ngôi chúa khi Trịnh Sâm chết. Sau đó ít lâu, kiêu binh nổi lên giết Đình Bảo, bắt giam mẹ con Đặng Thị Huệ, lập Trịnh Khải lên ngôi chúa.

2. Câu này trích nguyên văn trong sách *Mạnh Tử,* thiên *Vạn chương hạ:*

"Chí sĩ bất vong tại câu hác, dũng sĩ bất vong táng kì nguyên" (Kẻ sĩ có chí khí không quên có thể chết ở nơi ngòi lạch, kẻ sĩ hùng dũng không quên có thể chết mất đầu), để nói người có chí khí thì dù khi bị chém chết, không có quan quách, chôn vùi nơi khe suối, cũng không can gì.

3. Sông Nhị, đoạn sông Hồng ở khu vực Hà Nội ngày nay. Sông Lô cũng có tên là sông Phú Lương, đoạn sông Hồng ở phía trên Hà Nội (Xem *Hoàng Việt địa dư*).

4. Núi Nham Biền: Một dãy núi thuộc huyện Yên Dũng Bắc Giang, vì dãy núi gồm 99 ngọn, nên tác giả ví như chín con rồng và cũng là quê hương của Quận Huy.

24. 慰眷弟同樂氏

艱難共濟今年事
形跡豈應分彼此
若把秦越看瘠肥
未聞管鮑賭生死
多君急難兩年情
重我分攜千里思
蹇利西南驗吉占
知心好照心中語

PHIÊN ÂM:

ÚY QUYẾN ĐỆ ĐỒNG LẠC THỊ

Gian nan cộng tế kim niên sự,
Hình tích khởi ưng phân bỉ thử.
Nhược bả Tần, Việt khan tích phì;
Vị văn Quản, Bão đổ sinh tử.
Đa quân cấp nạn lưỡng niên tình;
Trọng ngã phân huề thiên lý tứ.
Kiển lợi tây nam nghiệm cát chiêm,
Tri tâm hảo chiếu tâm trung ngữ.

DỊCH NGHĨA:

AN ỦI NGƯỜI EM VỢ LÀ ĐỒNG LẠC[1]

Năm nay cùng nhau vượt gian nguy,
Công việc há nên phân chia này nọ?
Như người Tần người Việt nhìn nhau béo gầy.[2]
Chưa nghe chuyện Quản, Bão cược nhau sống chết.[3]
Em sẵn lòng, cứu nạn đã hai năm;
Ta nặng tình với việc chia tay nơi ngàn dặm.
Quẻ Kiển lợi đi về phương tây nam, nghiệm thấy quẻ bói tốt[4]
Biết lòng em, thấu tỏ lời nói em để trong lòng.

CHÚ THÍCH:

1. Đồng Lạc: Chưa rõ tên hủy, là em vợ cả Ngô Thì Nhậm ở Bách Tính, đạo Sơn Nam (Vũ Thư, Thái Bình), nơi Ngô Thì Nhậm đang lánh nạn.

2. Tần, Việt nhìn gầy béo, *Trách thần luận*: "Như người Việt nhìn người Tần, thấy béo không mừng, thấy gầy không lo." Tần và Việt là hai nước cách nhau rất xa, nên hai chữ dùng để chỉ sự cách biệt dửng dưng. Ý thơ, anh em ta quan tâm đến nhau vừa phải thôi.

3. Quản, Bão, tức Quản Trọng và Bão Thúc Nha một đôi bạn thân thời Xuân Thu. Quản Trọng bàn với Bão Thúc Nha, hai người cùng nhau mỗi người chọn phò một công tử con Tề Tương Công, người nào thành đạt sẽ tiến cử người kia. Ý thơ, chuyện như thế nầy anh em ta chưa cần phải nghe.

4. Quẻ Thuỷ sơn Kiển trong *Kinh Dịch*, quái từ ghi rằng: "Kiển, lợi tây nam bất lợi đông bắc, lợi kiến đại nhân, trinh cát."Kiển là hiểm nạn. Nếu đi về hướng tây nam sẽ tránh được hiểm nạn, tất sẽ nhờ được bậc đại nhân phi thường giúp. Trong bài dùng để chỉ việc Ngô Thì Nhậm chạy về phương tây nam là vùng Đội Trạch, Thái Bình, tránh được hiểm nạn vì được em Đồng Lạc cưu mang.

25. 有所嘆

有所嘆有所嘆
嘆世道嘆人情
世道崎嶇最不平
人情朝夕同虧盈

割股啖君節何苦
盤餐寘壁眸何明
史彬間關四十載
天台鴈蕩黔南溟
此人寥寥已千古
不如原濕歌鶺鴒
紫荊是我同根生
何嘗東西岐枯榮
不必嘆不必嘆
處困無妨得所亨
孝恭錫類吾家樂
歲寒松柏長青青

PHIÊN ÂM:

HỮU SỞ THÁN

Hữu sở thán, hữu sở thán,
Thán thế đạo thán nhân tình!
Thế đạo khi khu tối bất bình,
Nhân tình triêu tịch đồng khuy doanh.
Cát cổ hám quân tiết hà khổ,
Bàn xan trí bích mâu hà minh.
Sử Bân gian quan tứ thập tải,
Thiên Thai Nhạn Đãng Kiềm Nam minh,
Thử nhân liêu liêu dĩ thiên cổ.
Bất như nguyên thấp ca tích linh.
Tử kinh thị ngã đồng căn sinh,[(a)]
Hà thường đông tây kỳ khô vinh.
Bất tất thán, bất tất thán,
Xử khốn vô phương đắc sở hanh.
Hiếu cung tích loại ngô gia lạc,
Tuế hàn tùng bách trường thanh thanh.

DỊCH NGHĨA:

CÓ ĐIỀU THAN THỞ

Than ôi! Than ôi!
Than vì việc đời, than vì tình người!
Việc đời gập ghềnh, rất không bằng phẳng,
Tình người sớm đầy chiều vơi.
Cắt thịt đùi mình nuôi vua, khí tiết vì sao khổ thế?
Đặt ngọc trong mâm cơm, đôi mắt vì sao mà sáng vậy?(A)
Sử Bân bốn mươi năm long đong,
Từng qua vùng Thiên Thai, Nhạn Đãng, Kiềm Nam.(B)
Những người ấy xa vắng đã nghìn xưa,
Không bằng chim Tích Linh ca nơi đồng cao, đồng trũng.(1)
Ta với cây tử kinh ấy sinh ra cùng một cội,(2)
Đâu có chuyện chia rẽ cành tươi này, cây khô kia.
Than thở mà chi, than thở mà chi!
Ở cảnh khốn cùng cũng chẳng hại gì, rồi sẽ được hanh thông.
Hiếu kính thuộc loại chì thiếc, song nhà ta vẫn vui,
Dẫu năm giá lạnh tùng bách vẫn xanh tươi.

NGUYÊN CHÚ:

A. Tấn Văn Công lưu vong, Giới Tử Thôi cắt thịt đùi mình cho vua ăn. (Giới Tử Thôi người nước Tấn đời Xuân Thu theo Tấn Văn Công lưu vong 19 năm. Khi Tấn Văn Công lập được nghiệp bá vương, ban thưởng tước lộc cho những người đi theo, duy có Giới Tử Thôi bị bỏ quên, ông bèn đi ở ẩn trên núi. Sau Tấn Văn Công biết đến vời ra không được, bèn cho người đốt núi, nhưng Tử Thôi đành chịu chết thiêu chứ nhất định không ra nữa).

Vợ Hi Phụ Ky đặt viên ngọc trong mâm cơm. (Khi Tấn Văn Công lưu vong qua nước Tào, người vợ của Phụ Ky biết sau này Văn Công sẽ thành đạt, bàn với chồng tìm cách giúp đỡ, để sau cậy nhờ. Vợ chồng Phụ Ky dâng một mâm cơm trong có giấu một viên ngọc quý, nhưng Tấn Văn Công chỉ ăn cơm, trả lại ngọc).

B. Kiến Văn Công nhà Minh chạy trốn, Thiên Thai, Nhạn Đãng, Kiềm Nam là nơi trú chân. Cha con Sử Bân đi theo điều hành chính sự đến 40 năm. Đến niên hiệu Chính Thống năm đầu, Kiến Văn Công tự ra đầu thú, được rước

vào cung, và được gọi là Thọ Hầu [bỏ mặc cha con Sử Bân].

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117c/1: Đồng căn thụ 同根樹

CHÚ THÍCH:

1. Tích Linh, chim chìa vôi, khi di chuyển thường nhẩy nghiêng ngả như hoảng sợ vì tai nạn. *Kinh Thi*, thiên *Tiểu nhã*, thơ *Thường lệ* nói về tình nghĩa anh em có câu: "Tích linh tại nguyên, huynh đệ cấp nạn (Chim Tích linh nhẩy nhót ở đồng bằng, anh em vướng nạn gấp).

2. Cây tử kinh: Tích ba anh em họ Điền bàn chia gia tài, của cải chia đều làm ba, còn cây tử kinh ở trước sân dự định chặt, thì bỗng cây khô héo. Anh em kinh ngạc, bàn nên đoàn tụ lại như trước, thì cây bỗng tươi xanh... Họ Điền trở thành một gia đình nổi tiếng hiếu thuận (*Tục Tề hải chí*).

DỊCH THƠ

Thật ngậm ngùi!
Thật ngậm ngùi!
Ngậm ngùi thay! Cuộc đời.
Ngậm ngùi thay! Lòng người.
Việc đời trắc trở chẳng vừa ý,
Lòng người sớm đầy tối vơi!
Xẻo vế vua ăn gan rắn thế?
Mâm cơm giấu ngọc mắt sao sáng ngời?
Sử Bân bốn mươi năm lận đận,
Thiên Thai, Nhạn Đãng, Kiềm Nam khơi.
Người ấy bặt tiếng từ ngàn thuở,
Đồng xa này khúc tích linh vui.
Tử kinh chúng ta vốn cùng gốc,
Chưa từng đông tây chia héo tươi.
Chớ ngậm ngùi,
Chớ ngậm ngùi,
Khó khăn ta tìm lấy thảnh thơi.
Hiếu cung gương mẫu nhà vui sẵn,
Sương tuyết bách tùng vẫn tốt tươi.

Hoàng Tạo

26. 神遊吟

直將壓斗擬吞牛
約略神遊寤未休
廊廟先生蒼樹老
江湖遁叟碧潮秋
雪花津送藍關馬
煙景招邀蠡口舟
棣萼有芳留異馥
乘風共上五雲樓

PHIÊN ÂM:

THẦN DU NGÂM

Trực tương Áp Đẩu nghĩ thôn Ngưu,
Ước lược thần du ngộ vị hưu.
Lang miếu tiên sinh thương thụ lão;
Giang hồ độn tẩu bích triều thu.
Tuyết hoa tân tống Lam quan mã;
Yên cảnh chiêu yêu Lãi khẩu chu.
Lệ ngạc hữu phương lưu dị phức,
Thừa phong cộng thướng ngũ vân lâu.

DỊCH NGHĨA:

KHÚC NGÂM THẦN DU[1]

Những đem nhà sách Áp Đẩu so với chí nuốt sao Ngưu,[2] [A]
Cuộc thần du mơ màng, vẫn thức không thôi.
Bậc tiên sinh nơi lang miếu như cây xanh đã già dặn;[3]
Ông lão ẩn dật chốn giang hồ tựa làn sóng biếc sang thu.
Hoa tuyết tiễn đưa vó ngựa Lam quan;[4]
Cảnh khói vẫy vời con thuyền Lãi khẩu.[5]
Hoa đường lệ thơm, đọng hương ngát lạ lùng,[6]
Hãy cùng [ta] cưỡi gió bay lên lầu Ngũ vân.[7]

NGUYÊN CHÚ:

A. Nguyễn Trung Ngạn đời Trần, hiệu là Giới Hiên tiên sinh, người làng Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi (nay thuộc tỉnh Hưng Yên). *Quốc sử* chép: Giới Hiên tiên sinh mong được ở triều đình, tuổi trẻ đã từng có chí nuốt sao Ngưu.[8] Thư viện Áp Đẩu ở gần làng ông.

CHÚ THÍCH:

1. Thần du: Cuộc dạo chơi bằng tinh thần, thân thể không cử động mà tinh thần đi tới (Chữ *Liệt Tử*).

2. Câu này cũng có thể hiểu: "Muốn ở gần sao Đẩu để nuốt sao Ngưu."

3. Lang miếu, tức nơi triều đình. Câu này ý nói: Bậc hiền tài ở triều đình đã đủ tài kinh bang tế thế giúp vua trị nước. Câu này cũng có thể hiểu: "Bậc tiên sinh ở triều đình nay chỉ là cây xanh đã già."

4. Vó ngựa Lam quan: Hàn Dũ đời Đường, bị đầy ở Triều Châu, khi đi tới ải Lam quan, tuyết đọng thành núi, ngựa không đi được, nhân đó làm một bài thơ, có câu: "Vân hoàng Tần lĩnh gia hà tại? Tuyết ủng Lam quan mã bất tiền." (Mây chắn ngang núi Tần, nhà ta ở đâu? Tuyết phủ ải Lam quan, ngựa không tiến được). Ở đây tác giả mượn để ví thân phiêu dạt của mình cũng như cảnh Hàn Dũ bị đi đày khi xưa.

5. Lãi khẩu: Tức cửa Lãi hồ, tên một trong Ngũ hồ, nơi mà Phạm Lãi sau khi giúp Việt Vương Câu Tiễn diệt Ngô Phù Sai xong đến dạo chơi và ở ẩn.

6. Hoa đường lệ, loài hoa đẹp, trong thơ dùng để ví tình nghĩa anh em thân thích.

7. Lầu Ngũ Vân: Lầu mây năm sắc, nơi ở của thần tiên.

8. Nguyên văn: "Giới Hiên tiên sinh lang miếu khí. Diệu linh dĩ hữu thôn ngưu chí." Theo *Việt sử tổng vịnh*, câu thơ trên là của Nguyễn Trung Ngạn đời Trần tự thuật chí mình.

27. 寓興

偶閱傳奇陶氏傳詠山猿之句云：約略巢南侶。註者引或問隅子曰：孔子何其隱約也。曰孔子宅天下而不言廣，居一室而自以爲綽，奚其隱約哉！

夫！吾儒固孔子之徒也。子曰：顚沛必於是，造次必於是，苟志於仁斯可爾。窮通顯晦何容心焉。

隱約巢南侶
縈回舍北流

嫩潮浮小艇
寒雪落輕裘
江樹頻迎送
村雲乍去留
園琴調韻鳥
野笛品閒牛
橈岸遮羅幔
蜞蟾噴露珠
晚田賓白鷺
狎渚伴蒼鷗
牧唱消長恨
魚歌寫宿愁
疏鍾何處寺
遠角不知樓
蕉葉看舒卷
煙花悟放收
靜觀多得意
晴眺豁凝眸
一室居常綽
一餐飽不求
波濤饒世局
風月是身謀
名教榮非辱
文章樂匪憂
相隨何所有
一部魯春秋

PHIÊN ÂM:

NGỤ HỨNG

Ngẫu duyệt Truyền kỳ Đào thị truyện Vịnh sơn viên chi cú vân: Ước lược Sào Nam lữ. Chú giả dẫn hoặc vấn Ngưng Tử viết: "Khổng Tử hà kỳ ẩn ước dã"? Viết: "Khổng Tử trạch thiên hạ nhi bất ngôn quảng, cư nhất thất nhi tự dĩ vi xước, hề kỳ ẩn ước tai"!

Phù! Ngô nho cố Khổng Tử chi đồ dã. Tử viết: Điên bái tất ư thị, tháo thứ tất ư thị, cẩu chí ư nhân tư khả nhĩ. Cùng thông hiển hối hà dung tâm yên.

"Ẩn ước Sào Nam lữ,"
Oanh hồi xá bắc lưu.
Nộn trào phù tiểu đĩnh,
Hàn tuyết lạc khinh cừu.
Giang thụ tần nghinh tống,
Thôn vân sạ khứ lưu.
Viên cầm điều vận điểu,
Dã địch phẩm nhàn ngưu.
Thánh ngạn dà la mạn,
Kì thiềm phún lộ châu.
Nghê điền tân bạch lộ,
Hiệp chử bạn thương âu.
Mục xướng tiêu trường hận,
Ngư ca tả túc sầu.
Sơ chung hà xứ tự?
Viễn giác bất tri lâu.
Tiêu diệp khan thư quyển,
Yên hoa ngộ phóng thu.
Tình quan đa đắc ý,
Tình diếu khoát ngưng mâu.
Nhất thất cư thường xước,
Nhất xan bão bất cầu.
Ba đào nhiêu thế cục,

Phong nguyệt thị thân mưu.
Danh giáo vinh phi nhục,
Văn chương lạc phỉ ưu.
Tương tùy hà sở hữu,
Nhất bộ Lỗ Xuân Thu

DỊCH NGHĨA:

GỬI VÀO CẢM HỨNG

Tôi chợt đọc được câu thơ: "Vịnh con vượn núi" của Đào Thị trong truyện *Truyền kì,*[1] rằng: "Ẩn ước Sào Nam lữ" (Bầu bạn ẩn ẩn hiện hiện ở núi Sào Nam).[2] Người chú giải có dẫn rằng: Có người hỏi Ngung Tử: "Sao Khổng Tử có vẻ ẩn ẩn hiện hiện thế?" Trả lời: "Khổng Tử coi cả gầm trời là chỗ ở mà vẫn không cho là rộng, ở một căn nhà mà vẫn lấy làm thoải mái. Khổng Tử có vẻ gì là ẩn ẩn hiện hiện đâu!"

Ôi! Bọn nhà nho chúng ta, cố nhiên đều là học trò của Khổng Tử. Khổng Tử thường nói: "Lúc nguy nan cũng vậy, khi vội vàng cũng vậy. Nếu cứ dốc lòng mà làm điều nhân là được." Thế thì bế tắc hay hanh thông, hiển đạt hay lánh ẩn, có gì là đáng để tâm.

"Bầu bạn ẩn ẩn hiện hiện ở Sào Nam,"
Dòng sông quanh co bên nhà về phía bắc.
Nước triều mới lên, chiếc thuyền con lênh đênh,
Tuyết lạnh rơi xuống, khoác tấm áo cừu nhẹ.
Cây bên sông thường đón đưa,
Mây lối xóm vụt trôi vụt đứng.
Điệu đàn trong vườn hòa với giọng chim,
Tiếng sáo ngoài nội ngợi ca đàn trâu nhàn hạ.
Bờ liễu buông màn the,
Cua cóc phun hạt ngọc.
Liếc thấy: Khách đồng ruộng, là đàn cò trắng,
Bạn rởn bến nước, là chim âu xanh.
Tiếng hát trẻ trâu, tiêu nỗi hờn man mác,
Lời ca ngư phủ, gột mối sầu xưa.
Hồi chuông thưa, chùa ở nơi đâu,

Tiếng ốc vẳng, chòi nào không rõ.
Biết tầu chuối khi cuộn khi mở,
Hiểu khói hoa lúc toả lúc thu.
Lặng lẽ ngắm, thấy nhiều điều đắc ý,
Nhìn cảnh trời quang, mắt mở rộng đăm đăm.
Ở một căn nhà luôn cho là rộng,[3]
Chẳng cầu chi một bữa cơm no.[4]
Sóng ba đào cuộn, mặc cho cuộc thế,
Thân này chỉ tìm tới thú gió trăng.
Danh giáo là vinh, đâu phải là nhục,
Văn chương là vui, chẳng phải là buồn.
Có vật gì đem theo bên mình đâu,
Chỉ một bộ *Xuân Thu* nước Lỗ.

CHÚ THÍCH:

1. Nguyễn Dữ, còn có tên là Nguyễn Tự (thế kỷ XVI), người làng Đỗ Tùng, huyện Trường Tân (nay là làng Đỗ Lâm, huyện Thanh Miện, Hải Dương). Ông đậu Hương tiến (cử nhân) khoảng đầu thế kỉ XVI, làm quan Tri huyện. Ít lâu sau, ông về nghỉ để nuôi mẹ, cũng trong thời kì đó, soạn bộ *Truyền kì mạn lục*. *Đào Thị nghiệp oan kí* là một trong những truyện trong bộ sách. Câu "Ẩn ước Sào Nam lữ" là câu mở đầu bài "Vịnh con vượn núi" của Đào Thị làm khi ứng thù với người tình là sư Vô Kỷ ở chùa Lệ Kỳ (Chí Linh, Hải Dương).

2. Sào Nam: *Sách Thiên hạ dị kí* chép: Đời Đường có bốn người bạn tụ họp nhau lại ở rừng Sào Nam. Trong khi đang cao hứng đàm luận văn thơ thì bỗng cả bốn người đều hóa vượn, bỏ vào rừng sâu.

3. Xem lời dẫn đầu bài.

4. *Luận ngữ,* thiên Thuật nhi có câu: "Quân tử thực vô cầu bão, cư vô cầu an." (Người quân tử ăn không cần no, ở không cần yên).

28. 有 所 笑

這 般 恁 地 若 斯 乎
忠 孝 翻 成 這 個 夫
自 有 煙 霞 藏 蠢 口
未 能 鉛 汞 學 蚍 蠶

瞰蛟刻石眞藏幻
騎鶴腰錢實也誣
謾道黃庭傳不死
傳心丹藥有春秋

PHIÊN ÂM:

HỮU SỞ TIẾU

Giá ban nhẫm địa nhược tư hồ?
Trung hiếu phiên thành giá cá phu!
Tự hữu yên hà tàng Lãi khẩu;
Vị năng diên hống học Cù Tu.
Hám giao khắc thạch chân tàng[a] *ảo;*
Kị hạc yêu tiền thực dã vu.
Mạn đạo Hoàng Đình truyền bất tử,
Truyền tâm đan dược hữu Xuân Thu.

DỊCH NGHĨA:

CÓ ĐIỀU NỰC CƯỜI!

Việc này, tại sao lại như thế nhỉ?
Giữ điều trung hiếu mà lại thành người như thế này đây!
Phải ẩn mình ở vùng cửa Lãi,[A] nơi có khói mây.
Muốn học theo Cù Tu,[B] nhưng chưa có chì và nước thuỷ.
Nhìn giao long khắc trên đá, thật mà lại ảo;[1]
Cưỡi hạc, lưng đeo tiền, thực mà cũng hoá hư.[2]
Chớ nói kinh *Hoàng Đình* truyền phép bất tử,[C]
Đây đã có bộ *Xuân Thu*[D] làm bài thuốc truyền tâm.[3]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117c/1: Hoàn 還

NGUYÊN CHÚ:

A. Phạm Lãi xuất phát từ cửa Tam Giang đi chơi Ngũ hồ, nhân đó gọi là cửa Lãi. (Ở đây dùng để chỉ nơi Ngô Thì Nhậm đang ẩn tránh).

B. Cầu Tu: Trong *Liệt tiên truyện.*[4]

C. Kinh *Hoàng Đình*, do tiên truyền lại.[5]

D. *Xuân Thu* tức sách *Xuân Thu quản kiến*.[6]

CHÚ THÍCH:

1. Giao long, tức là con thuồng luồng, trong văn học cổ thường dùng làm hình tượng nói việc bay nhẩy tung hoành. Trong cảnh đi lánh nạn này, tác giả nghĩ tới cuộc đời tung hoành là sự thật, nhưng nhiều khi cứ tưởng như hư ảo.

2. Cưỡi hạc đeo tiền (xem chú thích số 2 bài 26 Tập *Bút hái tùng đàm*, nói cảnh làm quan to, có tiền được cưỡi hạc lên tiên. Ở đây, nói cảnh phú quý là thực mà cũng là cảnh không thực.

3. Truyền tâm, tức nói đến nghĩa lý của thánh hiền.

4. *Liệt tiên truyện* nói về việc luyện đan của các vị tiên, trong đó có truyện Cù Tu, tức Cù Nhiêm Khách (Khách râu rồng), do Trương Duyệt đời Đường chép: Khách Cù Nhiêm từ biệt Lý Tỉnh, lánh ra ở hải đảo, luyện đan tu tiên, vì biết Lý Thế Dân (Đường Thái Tông) là bậc anh minh, không thể tranh đoạt.

Muốn luyện đan phải có 2 chất chì và thuỷ ngân.

5. Nguyên văn: "Hoàng Đình tiên truyền." Hoàng Đình không phải là tên người, mà tên bộ sách (*Hoàng Đình kinh*) nói về phép dưỡng sinh của Đạo giáo.

6. Khi Ngô Thì Nhậm lánh nạn có đem theo bộ *Xuân Thu*, một bộ sử của nước Lỗ. Nhân đó ông viết một cuốn sách bàn về bộ sử ấy gọi là *Xuân Thu quản kiến*.

DỊCH THƠ:

Làm sao lại đến nỗi này ru?
Trung hiếu mà thành kẻ sất phu!
Giấu tiếng cũng đành nương Lãi khẩu;
Luyện đan chưa dễ học Cù Tu.
Nhìn rồng khắc đá chân mà ảo;
Cưỡi hạc đeo tiền thực hóa hư.
Chẳng thiết Hoàng Đình phương bất tử,
Truyền tâm thuốc có bộ Xuân Thu.

Đào Phương Bình

29. 寄友之美氏眷弟同樂氏

聞道圍棋勝會新
可能遊墅訪閒人
幽齋晝永慵開牖

寒渚煙深礙問津
岸北晚潮魚狎少
園東看樹鳥來頻
幾回往事贏輸夢
心照還應對兩君

PHIÊN ÂM:

KÝ HỮU[a] CHI MỸ THỊ QUYẾN ĐỆ ĐỒNG LẠC THỊ

Văn đạo vi kỳ thắng hội tân,
Khả năng du thự phỏng nhàn nhân.[b]
U trai trú vĩnh dung khai dũ;
Hàn chử yên thâm ngại vấn tân.
Ngạn bắc nghễ trào ngư hiệp thiểu;
Viên đông khán thụ điểu lai tần.
Kỷ hồi vãng sự doanh thâu mộng,
Tâm chiếu hoàn ưng đối lưỡng quân.

DỊCH NGHĨA:

GỬI BẠN CHI MỸ THỊ VÀ EM VỢ ĐỒNG LẠC THỊ [1]

Nghe nói có cuộc thắng thưởng chơi cờ mới,
Có thể đến chơi biệt thự hỏi thăm người nhàn.[2]
Ngày dài, nhà vắng, lười mở cửa sổ;
Khói dầy, bãi lạnh, ngại hỏi bến đò.
Ngắm nước bờ bắc, cá ngoi rất ít;
Trông cây vườn đông, chim bay tới luôn.
Việc cũ bao phen được thua như giấc mộng,
Còn nên tỏ rõ tấm lòng trước hai em.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117c/1: Kí khế hữu 寄契友
b. Bản VHv.1743/22: Phóng nhàn nhân 放閒人

CHÚ THÍCH:

1. Đồng Lạc thị, xem chú thích số 1 bài 22. Chi Mĩ thị chưa rõ lai lịch.
2. Đến biệt thự: Xem chú thích số 2 bài 17, tập *Bút hải tùng đàm.*

DỊCH THƠ:

Cuộc vui nghe nói đánh cờ đua,
Thăm hỏi người nhàn, cất bước vô.
Nhà vắng, ngày dài lười mở cửa;
Khơi sâu bãi lạnh ngại thăm dò.
Vườn đông cây rợp chim năng đến;
Ngàn bắc triều dâng cá ít đùa.
Thua được chiêm bao ơi việc trước.
Soi lòng, hai bạn thấu tình cho.

Đào Phương Bình

30. 罵兩可縣官

爾宰一縣民
斷訟持兩可
朝廷授爾官
正祿非爾餓
何事作昧心
四三用狙詐
爾爲貪蠅頭
賺人排牆下
爾雖不操刀
爾誠剎人者
作俑何可誅
大惡在首禍
嗟乎利心微
燎原起星火
所以古賢良

四知畏暮夜
上官爾可欺
暗室豈爾貧
誰爲暗室人
隱太子洗馬

PHIÊN ÂM:

MẠ LƯỠNG KHẢ HUYỆN QUAN

Nhĩ tể nhất huyện dân,
Đoán tụng trì lưỡng khả.
Triều đình thụ nhĩ quan,
Chính lộc phi nhĩ ngã.
Hà sự tác muội tâm?
Tứ tam dụng thư trá.
Nhĩ vị tham giăng đầu,
Trãm nhân bài tường hạ.
Nhĩ tuy bất thao đao,
Nhĩ thành sát nhân giả.
Tác dũng hà khả chu,
Đại ác tại thủ họa.
Ta hồ lợi tâm vi,
Liêu nguyên khởi tinh hoả.
Sở dĩ cổ hiền lương,
Tứ tri uý mộ dạ.
Thượng quan nhĩ khả khi,
Ám thất khởi nhĩ thạ.
Thùy vi ám thất nhân,
Ẩn thái tử Tẩy mã.

DỊCH NGHĨA:

MẮNG VIÊN QUAN HUYỆN LẬP LỜ HAI MẶT

Ngươi trông coi dân một huyện,
Mà xử kiện lại hai mặt lập lờ.

Triều đình trao cho ngươi chức quan,
Lộc chính chẳng để ngươi phải đói.
Cớ sao sinh lòng ám muội,
Gạt người: Sớm bốn chiều ba.[1]
Ngươi tham lam như con nhặng,
Lừa người, núp dưới chân tường.
Tuy tay ngươi không cầm dao,
Nhưng ngươi thực là kẻ giết người.
Tạc tượng gỗ tuẫn táng, có gì đáng trách?[2]
Kẻ đầu sỏ reo hoạ, thật đại ác.
Than ôi! Lòng tham lợi dù nhỏ,
Nhưng là đốm lửa thiêu cháy cả cánh đồng.
Cho nên các bậc hiền lương thuở trước,
Dù đêm tối vẫn sợ "Tứ tri."[3]
Quan trên, ngươi có thể lừa dối,
Nhưng trong nhà tối kia há tha thứ cho ngươi?
Ai là người trong nhà tối ấy?
Chính là quan Tẩy mã của thái tử Ẩn.[4]

CHÚ THÍCH:

1. Xưa có người nuôi khỉ, anh ta cho khỉ ăn quả "dư," nói: "Hàng ngày cho ăn sáng ba, chiều ăn bốn". Khỉ tỏ vẻ không bằng lòng, anh ta lại nói: "Vậy sáng ăn bốn, chiều ăn ba." Khỉ đồng ý ngay (*Trang Tử- Tề vật luận).*

2. Tạc tượng gỗ tuẫn táng (tác dũng): Thời thượng cổ ở Trung Quốc có tục tạc tượng gỗ để chôn theo người chết. Khổng Tử chê việc làm đó là bất nhân (*Mạnh Tử - Lương Huệ vương thượng*).

3. Tứ tri: Đời Hậu Hán có người đem vàng đến hối lộ Dương Chấn, nói: "Đêm tối không ai biết được đâu". Dương Chấn trả lời: "Có trời biết, thần biết, ta biết, ngươi biết, sao lại bảo không ai biết?" Sau Dương Chấn chết, người ta lập miếu thờ, gọi là miếu "Tứ tri."

4. Tẩy mã, là chức quan chuyên trách việc bảo vệ vua hoặc thái tử.

Ẩn thái tử, tức thái tử Kiến Thành, con trưởng Đường Cao Tổ, sau bị em là Thế Dân giết ở cửa Huyền Vũ, cho thụy là Ẩn thái tử. Quan Tẩy mã của Ẩn thái tử là Ngụy Trưng, một người nói thẳng hay can, sau khi Kiến Thành bị sát hại, thì lại làm quan cho Thế Dân, được Thế Dân rất kính nể. Tục truyền, Ngụy

Trưng khi còn sống được âm giới cử làm Diêm Vương, mỗi khi có trọng án, thường được mời đi giải quyết trong giấc chiêm bao.

31. 改罵魏徵

隱太子洗馬
爲人亦兩可
縱使能罵人
未必人不罵
何如孤竹子
首陽寧守餓
亦有魯叔眸
織屨衡門下
論語稱得仁
春秋貴賢者
我思古之人
我心孰與瀉
嗚呼范太史
利字深勘破
丹霄幸忘讎
貪宰一流亞
小人惜得喪
君子重風化
吾儒善擇術
汗簡無乾唾

PHIÊN ÂM:

CẢI MẠ NGỤY TRƯNG

Ẩn thái tử Tẩy mã,
Vi nhân diệc lưỡng khả.
Túng sử năng mạ nhân,

Vị tất nhân bất mạ.
Hà như Cô Trúc tử,
Thú Dương ninh thủ ngã.
Diệc hữu Lỗ Thúc mâu,
Chức lũ hành môn hạ.
Luận Ngữ *xưng đắc nhân,*
Xuân Thu *quý hiền giả.*
Ngã tư cổ chi nhân,
Ngã tâm thục dữ tả.
Ô hô! Phạm Thái sử,
Lợi tự thâm kham phá.
Đan tiêu hạnh vong thù,
Tham tể nhất lưu á.
Tiểu nhân tích đắc táng,
Quân tử trọng phong hóa.
Ngô nho thiện trạch thuật,
Hãn giản vô càn thóa.

DỊCH NGHĨA:

LẠI MẮNG NGUỴ TRƯNG[1]

Quan Tẩy mã của thái tử Ẩn,
Cũng là người hai mặt lập lờ.
Nếu như có thể chửi người được,
Chưa hẳn người không chửi lại.
Sao chẳng như những người con vua Cô Trúc,[2]
Đành chịu đói ở núi Thú Dương.
Lại cũng có con mắt họ Thúc nước Lỗ,[3]
Tết giầy dưới cửa đơn hàn.
Sách *Luận ngữ* khen là "đắc nhân,"[4]
Kinh *Xuân Thu* tôn là bậc 'hiền giả."[5]
Ta nhớ những người xưa,
Lòng này biết giãi tỏ cùng ai được.

Hỡi ôi! Quan Thái sử họ Phạm,[6]
Đã khám phá được chữ "lợi" sâu xa.
[Những kẻ] được vua yêu thì quên hận,
Chỉ là một lũ tham lam.
Việc mất còn, bọn tiểu nhân tiếc nuối,
Nếp phong hoá, đấng quân tử chẳng xem thường.
Nhà nho ta giỏi chọn thuật sống,
Ít tốn sức mà không bị khinh thường.

CHÚ THÍCH:

1. Ngụy Trưng vì trước làm quan Tẩy mã cho Kiến Thành, sau lại qui phục Thế Dân, cho nên theo quan điểm của đạo nho, không phải là người theo chính đạo, mà là kẻ làm bầy tôi thờ hai chúa, đáng phê phán, nguyền rủa (Xem thêm chú thích số 4 bài trên).

Lại mắng: Nguyên văn "cải mạ." Bài trước mắng viên huyện quan, nay đổi lại, mắng Ngụy Trưng.

2. Con vua Cô Trúc nhà Ân là Bá Di và Thúc Tề. Hai anh em vì nhường nhau ngôi vua mà cùng bỏ đi ở ẩn trên núi Thú Dương. Sau nhà Ân mất, nhà Chu lên trị vì thiên hạ. Bá Di và Thúc Tề không thèm ăn thóc nhà Chu, hái rau vi trên núi Thú Dương mà ăn rồi chết đói trong núi. Nhà nho xưa coi đây là một tấm gương trong sạch đáng ca ngợi và noi theo.

3. Họ Thúc, tức Thúc Phất, người nước Lỗ, là em mẹ Lỗ Tuyên Công không chịu ăn lộc Tuyên Công mà làm nghề tết giầy, sống thanh bạch.

4. Đắc nhân: Sách *Luận ngữ* chép: "Cầu nhân nhi đắc nhân hựu hà oán?" (Tìm điều nhân thì được điều nhân, còn oán hận gì nữa). Ý thơ nói, Bá Di, Thúc Tề vì giữ được tiết tháo mà chết đói, điều đó hợp với nguyện vọng của hai người ấy.

5. Cốc Lương Xích một trong ba người viết "truyện," giải thích kinh *Xuân Thu,* Tôn Thúc Phất là người hiền.

6. Thái sử họ Phạm, tức Phạm Tổ Vũ làm quan Thái sử đời Bắc Tống, đã dọn lại sử từ Đường đến Ngũ đại, lược bớt những chi tiết rườm rà, chỉ nêu bật những sự kiện quan trọng, có liên quan đến việc thịnh suy của nước và đời sống của dân. Người xưa cho những sự việc tốt xấu được ghi lại trong pho sử toát yếu ấy của họ Phạm có thể làm gương và răn đe cho đời sau.

32. 和友之美氏

東皇催出送寒牛
萬紫千紅門不休
秀媚靜觀臺在鏡
堅貞默悟菊於秋
照窮今古青梨燭
閱盡英雄赤壁舟
益我十朋原有約
韋編攜手竹書樓

PHIÊN ÂM:

HOẠ HỮU CHI MỸ THỊ

Đông hoàng thôi xuất tống hàn ngưu,
Vạn tử thiên hồng đấu bất hưu.
Tú mị tĩnh quan đài tại kính;
Kiên trinh mặc ngộ cúc ư thu.
Chiếu cùng kim cổ thanh lê chúc;
Duyệt tận anh hùng Xích Bích chu.
Ích ngã "thập bằng" nguyên hữu ước,
Vi biên huề thủ trúc thư lâu.

DỊCH NGHĨA:

HOẠ [THƠ] BẠN CHI MỸ [1]

Chúa xuân giục con trâu đất ra tiễn khí lạnh,[2]
Muôn tía ngàn hồng, không thôi đua tươi.
Lặng lẽ nhìn vẻ tuấn tú trong đài gương;
Thầm hiểu tiết kiên trinh của cúc mùa thu.
Đuốc thanh lê soi khắp xưa nay;[3]
Thuyền Xích Bích duyệt hết những bậc anh hùng.[4]
Thêm cho ta "mười đồng" vốn có hẹn trước,[5]
Sách dắt trong tay lên lầu trúc thư.[6]

CHÚ THÍCH:

1. Chưa rõ lai lịch.

2. Trâu đất tiễn khí lạnh, xưa vào tháng cuối đông, người ta nặn một con trâu bằng đất, rước ra trước phủ đường làm lễ tiễn khí lạnh mùa đông, đón hơi ấm mùa xuân, khuyến khích việc làm ruộng. Ở đây, dùng để chỉ mùa xuân đã tới.

3. Đuốc thanh lê, tức bó đuốc bằng cành lê xanh. Lưu Hướng, một danh nho đời Hán, khi hiệu đính *Ngũ Kinh* ở gác Thiên Lộc, đêm khuya có cụ già cầm chiếc gậy bằng cành lê xanh xin vào tiếp chuyện. Thấy Hướng chăm chú xem sách, cụ già thổi đầu gậy, gậy cháy thành đuốc sáng và tự xưng là sao Thái Ất. Thơ xưa hay dùng điển này để phiếm chỉ việc biên soạn sử sách hoặc nghiên cứu, học hành.

4. Thuyền Xích Bích: Năm Nhâm Tuất (1082) đời Tống, Tô Đông Pha hai lần thả thuyền chơi trên sông Xích Bích. Ông viết hai bài phú nổi tiếng, trong đó có nói đến trận hoả công nổi tiếng của Chu Du đánh Tào Tháo và có câu: "Đó thật là anh hùng một đời, mà nay thì đâu."

5. Thêm cho ta mười đồng (ích ngã thập bằng): Quẻ Ích trong *Kinh Dịch* có câu: "Hoặc thêm cho con rùa mười bằng" (hoặc ích chi thập bằng chi qui). Đời thượng cổ chưa có tiền tệ, người ta lấy vỏ cứng của loài thủy sản để trao đổi mua bán với nhau. Những loại dùng để trao đổi [giống như tiền tệ] gọi là "bối." "Bằng" là đơn vị đáng giá mười "bối." Ý thơ ở đây nói mình với bạn Chi Mỹ thị chơi thân với nhau hiểu biết nhau là điều rất bổ ích.

6. Sách (vi biên): Đời xưa chưa có giấy, phải viết chữ lên thẻ tre, lấy dây làm bằng da kết lại thành sách, gọi là "vi biên." Ý thơ nói mình với Chi Mỹ thị kết giao với nhau trong quan hệ văn chương.

DỊCH THƠ:

Trâu đất giục xuân xua khí lạnh,
Muôn hồng ngàn tía cảnh đua tươi.
Lặng nhìn: Tuấn tú đài gương ấy;
Thầm hiểu: Kiên trinh đóa cúc thôi.
Kim cổ thanh lê, cây đuốc sáng;
Anh hùng Xích Bích, chiếc thuyền trôi.
"Chục bằng" muốn được, ta mong ước,
Ôm sách cùng lên lầu trúc chơi.

Lâm Giang

33. 十二月感懷

五更唱罷一聲雞
起視庭中月已西
千里祠堂瞻曉靄
三盃旅卓向晨奎
文村松柏濃香蔭
銳派波瀾護相堤
簠簋尚留旋拜日
平明天色太陽躋

PHIÊN ÂM:

THẬP NHỊ NGUYỆT KỊ CẢM HOÀI

Ngũ canh xướng bãi nhất thanh kê,
Khởi thị đình trung nguyệt dĩ tê.
Thiên lý từ đường chiêm hiểu ái;
Tam bôi lữ trác hướng thần Khuê.
Văn thôn tùng bách nồng hương ấm;
Nhuệ phái ba lan hộ tướng đê.
Phủ quỹ thượng lưu tuyền bái nhật,
Bình minh thiên sắc thái dương tê.

DỊCH NGHĨA:

CẢM TƯỞNG NGÀY GIỖ THÁNG CHẠP [1]

Canh năm, tiếng gà gáy vừa dứt,
Dậy nhìn trong sân, trăng đã ngả về tây.
Từ đường xa ngàn dặm, chỉ biết ngửa nhìn mây mù ban sớm;
Bàn thờ đất khách, đặt ba chén rượu, trông lên sao Khuê buổi mai.
Tùng bách thôn Văn rủ bóng đậm hương;

Sóng nước sông Nhuệ có đê gìn giữ.[2]
Đồ cúng còn lưu lại, chờ ngày về bái yết,
Sắc trời hửng sáng, mặt trời đang lên.

CHÚ THÍCH:

1. Có lẽ là ngày giỗ Ngô Trân (1679-1861) là ông tổ bốn đời của Ngô Thì Nhậm, và từng dạy Ngô Thì Nhậm học, ông mất ngày 11 tháng chạp Canh Tuất (16-1-1761).

2. Thôn Văn, sông Nhuệ thuộc về quê hương tác giả.

DỊCH THƠ:

Gà gáy canh năm vừa đốc thôi,
Mái tây dậy ngắm ánh trăng trôi.
Từ đường nghìn dặm trong mây sớm;
Án lễ ba tuần dưới sao mai.
Tùng bách thôn Văn dầy bóng mát;
Sóng cồn sông Nhuệ vững đê bồi.
Đồ thờ còn hẹn khi về lễ,
Rạng rỡ ban mai ánh mặt trời.

Hoàng Tạo

34. 春日

剩無一味擬茲暾
採草章陵向薊門
樹掛客琴沿碧洞
花迎旅艇向桃源
釣魚遊子來前澗
尋酒朝人入遠村
已有天涯僧藥採
三生繞弄近流樽

PHIÊN ÂM:

XUÂN NHẬT

Thặng vô nhất vị nghĩ tư đôn,
Thái thảo Chương Lăng hướng Kế Môn.[a]
Thụ quải khách cầm duyên bích động;
Hoa nghênh lữ đĩnh hướng đào nguyên.
Điếu ngư du tử lai tiền giản;
Tầm tửu triêu nhân nhập viễn thôn.
Dĩ hữu thiên nhai tăng dược thái,[b]
Tam sinh nhiễu lộng cận lưu tôn.

DỊCH NGHĨA:

NGÀY XUÂN

Phong vị nào sánh nổi buổi sớm mai này,[A]
[Vì được] hái cỏ ở Chương Lăng và đến Kế Môn.[B]
Cây lao xao khúc đàn chào khách, ven theo động biếc;
Hoa đón thuyền lữ khách, hướng tới nguồn đào.
Kẻ du tử câu cá, đến khe suối phía trước;
Buổi sớm, người đi tìm mua rượu vào thôn xa.
Phía chân trời có nhà sư hái cây thuốc,[C]
Chén rượu bên dòng nước đùa vây kiếp ba sinh.

KHẢO DỊ:

a. Bản A. 177c/1: Vũ môn 武門

b. Bản A. 177c/1: Dược khách 藥客

NGUYÊN CHÚ:

A. Nói là ở đất khách không có thú vị gì hơn là được ngày đi chơi thoả chí.

B. Trú ngụ ở Chương Lăng, hái cỏ để tiêu khiển ngày nhàn rỗi, đi thăm dấu tích của Tô Vũ ở Kế Môn vậy thôi. Kế Môn tức Tô Môn, là cảnh đẹp thứ nhì trong tám cảnh ở Yên Sơn, (Trung Quốc). Ở đây dùng để chỉ việc đi thăm cảnh trong vùng.

C. Bản trước viết "Trồng thuốc" (chủng dược).

35. 寓興

水分牛頂下雲門
浩浩長流似箭奔
常國戈沉鯨亦老
明空鍾在蠢能言
三春風月斑雙鬢
萬里煙霞白一樽
旅況惟餘玄鶴伴
數聲短笛杏花村

PHIÊN ÂM:

NGỤ HỨNG

Thủy phân Ngưu Đỉnh há Vân Môn,
Hạo hạo trường lưu tự tiễn bôn.
Thường Quốc qua trầm, kình diệc lão;
Minh Không chung tại, lãi năng ngôn.
Tam xuân phong nguyệt ban song mấn;
Vạn lý yên hà bạch nhất tôn.
Lữ huống duy dư huyền hạc bạn,
Sổ thanh[a] đoản địch hạnh hoa thôn.

DỊCH NGHĨA:

GỬI HỨNG

Nước chia ngọn đỉnh Đầu Trâu,[1] đổ xuống Vân Môn,[A]
Dòng sông dài chảy cuồn cuộn như mũi tên lao đi.
Giáo Thường Quốc chìm sâu, bọn kình nghê cũng hết;[b]
Chuông Minh Không còn đó, núm đã mòn vì nó hay kêu.[c]
Hai mái tóc hoa râm, trải trăng gió ba xuân;
Một chén rượu trong, nơi khói mây muôn dặm.
Tình cảnh lữ thứ thừa dịp bạn cùng chim huyền hạc,
Vài tiếng sáo ngắn lại văng vẳng trong xóm hoa hạnh.[2]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117c/1: Thu phong 收風

NGUYÊN CHÚ:

A. Vân Môn tên ấp (nay thuộc xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình).

B. Thường Quốc công là Nguyễn Quyện, đại chiến ở sông Giao Thủy. Sự việc ghi lại ở sách *Trung hưng thực lục*.

C. Chùa Minh Không Nam Hải thiền sư ở bờ bắc sông cái Dũng Nhuệ, huyện Giao Thủy.

CHÚ THÍCH:

1. Núi Đầu Trâu là ngọn núi thuộc huyện Nga Sơn Thanh Hóa. Trước kia từ ấp Vân Môn và huyện Giao Thủy tới đó liền một bãi bể, về sau huyện Hải Hậu nổi lên ở giữa, thành ra mới xa cách nhau.

2. Xóm hoa hạnh (hạnh hoa thôn): Thơ Đỗ Mục có câu: "Ướm hỏi chỗ nào nhà bán rượu? Mục đồng trỏ xóm hạnh đâm hoa." (Tá vấn tửu gia hà xứ hữu? Mục đồng dao chỉ hạnh hoa thôn), ở đây mượn để chỉ chỗ có rượu bán.

36. 夢中記勝（並語）

先是夢至壹所，樓臺巍業，院宇軒昂。後有松柏交加，棠槐茂密。旁引一條山，斑石隱約，禽鳥翱翔。山下泓水，一碧澄清，眞人間絶勝。予遍玩良久，行至門前遇書友之美氏問，曰：此是何名藍？對曰：此瓊林寺也。余因口占一句云：

人間何處是瓊林，

一座樓臺翠碧深。

既覺約之美氏成其詩，之美氏先唱予和之並用夢中首句。

人間何處是瓊林
一座樓臺翠碧深
鷲嶺糢糊阿耨衲
鳳揚彷彿伯牙琴
梅岩傳相傳來信

杏苑姬公悟道心
寤寐馳神君與我
不妨攜手唱龍吟

PHIÊN ÂM:

MỘNG TRUNG KÍ THẮNG (TỊNH NGỮ)

Tiên thị mộng chí nhất sở, lâu đài nguy nghiệp, viện vũ hiên ngang. Hậu hữu tùng bách giao gia, đường hoè mậu mật. Bàng dẫn nhất điều sơn, ban thạch ẩn ước, cầm điểu cao tường. Sơn hạ hoằng thuỷ nhất bích trừng thanh, chân nhân gian tuyệt thắng. Dư biến ngoạn lương cửu, hành chí môn tiền ngộ thư hữu Chi Mỹ thị vấn viết: "Thử thị hà danh lam?" Đối viết: "Thử Quỳnh Lâm tự dã."Dư nhân khẩu chiếm nhất cú vân:

Nhân gian hà xứ thị Quỳnh Lâm,

Nhất tọa lâu đài thuý bích thâm.

Kí giác, ước Chi Mỹ thị thành kỳ thi, Chi Mỹ thị tiên xướng, dư hoạ chi, tịnh dụng mộng trung thủ cú.

Nhân gian hà xứ thị Quỳnh Lâm,
Nhất toạ lâu đài thúy bích thâm.
Thứu lĩnh mô hồ A Nậu nạp;
Phượng dương phảng phất Bá Nha cầm.
Mai nham Phó tướng truyền lai tín;
Hạnh uyển Cơ Công ngộ đạo tâm.
Ngộ my trì thần quân dữ ngã,
Bất phương huề thủ xướng Long Ngâm.

DỊCH NGHĨA:

GHI CẢNH ĐẸP TRONG MỘNG

Trước đó, [ta] mơ đi tới một nơi, lâu đài nguy nga, nhà cửa cao ngất. Phía sau, tùng bách xen cành, đường hoè xanh tốt. Bên cạnh là một dãy núi, đá loang lổ lờ mờ, chim chóc bay lượn. Dưới núi có vũng nước trong biếc một màu, quả là một cảnh tuyệt đẹp ở trần gian. Ta dạo khắp, rất lâu rồi đi, tới trước cửa, gặp ngay bạn thơ là Chi Mỹ thị [1] bèn hỏi:

"Đây là danh lam nào?" Đáp rằng: "Đây là chùa Quỳnh Lâm."[2] Ta khi đó ứng khẩu ngâm một câu:

"Nhân gian hà xứ thị Quỳnh Lâm,

Nhất tọa lâu đài thúy bích thâm."

Tỉnh dậy, hẹn với Chi Mỹ thị làm thành bài thơ này, Chi Mỹ xướng, ta hoạ, và dùng câu mở đầu ở trong mộng:

Ở nhân gian, nơi đâu là chùa Quỳnh Lâm,

Một toà lâu đài thâm u xây đá xanh biếc.

Đỉnh núi Thứu Áo cà sa A Nậu mờ mờ;[3]

Bên non Phượng, tiếng đàn Bá Nha phảng phất.[4]

Trên núi mơ, truyền lại lòng tin Phó tướng;[5]

Bên đàn hạnh, thấu hiểu lòng đạo Cơ Công.[6]

Tôi và ông, tinh thần rong ruổi cả khi thức lẫn khi ngủ,

Chẳng cần trở gì dắt tay nhau, hát khúc Long Ngâm.[7]

CHÚ THÍCH:

1. Chi Mỹ thị: Chưa rõ lai lịch.

2. Quỳnh Lâm , nơi Phật ở.

3. A Nậu tiếng Phạn có nghĩa là vô thường. Đạo Vô thường là đạo ở trên hết. Chỉ đạo Phật.

Núi Thứu: Một ngọn núi ở Ấn Độ, nơi Phật thường hiện thân thuyết pháp.

4. Bá Nha, người đời *Xuân Thu* gẩy đàn rất hay.

Non phượng, chưa rõ điển.

5. Phó tướng, tức Phó Duyệt, tướng quốc của Ân Cao Tông. Trước đây, Ân Cao Tông nằm mơ gặp được một người tài giỏi đến giúp mình. Sau đó quả gặp Phó Duyệt, một người kiệt xuất ra phò tá, luôn được Cao Tông khen: "Nếu điều hoà canh người là muối mơ." Chữ "núi mơ" dùng cho đẹp và để đối với chữ "đàn hạnh" ở câu dưới, đồng thời cũng để chỉ việc trên. Cả câu thơ này có nghĩa là. Phó Duyệt vẫn giữ được lòng tin để làm muối mơ cho Cao Tông điều hòa canh.

6. Đàn hạnh, nơi Khổng Tử dạy học.

Cơ Công, tức Cơ Đán, còn gọi là Chu Công, một vị tôn thất đại thần nhà Chu giỏi trị nước, được Khổng Tử và các nhà nho đời sau rất tán thưởng.

7. *Khúc Long ngâm*, tên khúc đàn, theo *Bắc Tề thư* thì do Trịnh Thuật Tổ làm ra.

37. 和之美氏喜雨之作

蕊珠宮錦映江梅
五色雲開片片裁
海面平分千里月
天心靜悟一聲雷
新心葉葉芭蕉展
雅趣團團薜荔開
一葦長江誰謂廣
時聞流水好音來

PHIÊN ÂM:

HỌA CHI MỸ THỊ "HỈ VŨ" CHI TÁC

Nhị châu cung cẩm ánh giang mai,
Ngũ sắc vân khai phiến phiến tài.
Hải diện bình phân thiên lý nguyệt;
Thiên tâm tĩnh ngộ nhất thanh lôi.
Tân tâm[a] diệp diệp ba tiêu triển;
Nhã thú đoàn đoàn tiết lệ khai.
Nhất vĩ trường giang[b] thùy vị quảng,
Thời văn lưu thủy hảo âm lai.

DỊCH NGHĨA:

HỌA BÀI THƠ: "MỪNG TRỜI MƯA" CỦA CHI MỸ THỊ

Cung Nhị Châu[1] như gấm, mai óng ánh bên sông,
Mây ngũ sắc trôi, cắt thành từng mảnh.
Trăng ngàn dặm, trải đều trên mặt biển;
Một tiếng sấm vang, ngầm hiểu lòng trời.
Lòng mới mẻ tựa tầu chuối tiêu mở ra từng lá;
Thú tao nhã như cỏ tiết lệ mọc thành từng lùm.[2]

Sông dài, một ngọn lá lau qua được, ai bảo là rộng?[3]

Thường nghe âm thanh dìu dịu của dòng nước đưa về.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117c/1: Tân tri 新知

b. Bản A.117c/1: Trường hà 長河

CHÚ THÍCH :

1. Nhị châu: Theo truyền thuyết là nơi cung điện thần tiên.

2. Tiết, lệ, là loài cỏ mọc thành từng búi.

3. Lá lau: Chỉ con thuyền nhỏ, dài hình như chiếc lá lau, (xuất xứ từ thơ *Hán quảng ở Kinh Thi*).

38. 麗澤庵即興

五簾樹下曲池邊
移椅迎風賦採蓮
醉德何求無量酒
買涼不費幾多錢
五三墳典消閒日
六七冠童樂少年
麗澤庵清書石潤
武仙絃誦喚文仙

PHIÊN ÂM:

LỆ TRẠCH AM TỨC HỨNG

Ngũ liêm thụ hạ khúc trì biên,
Di ỷ nghênh phong phú thái liên.
Túy đức hà cầu vô lượng tửu;
Mãi lương bất phí kỉ đa tiền.
Ngũ tam phần điển tiêu nhàn nhật;
Lục thất quan đồng lạc thiếu niên.
Lệ Trạch am thanh thư thạch nhuận,
Vũ Tiên huyền tụng hoán Văn Tiên.

DỊCH NGHĨA:

Ở AM LỆ TRẠCH NHÂN HỨNG VIẾT NGAY [1]

Dưới gốc cây khế cạnh bờ ao quẹo,
Xoay ghế hóng gió, vịnh thơ hái sen.[2]
Say vì đức, cần gì phải nhiều rượu;
Mát phải mua, nhưng chẳng tốn bao tiền.
Tiêu khiển ngày nhàn, đọc Tam Phần Ngũ Điển;[3]
Vui với tuổi trẻ đã có sáu bảy học trò.
Am Lệ Trạch mát, vì nhuần ơn sách bút,
Vời "Văn Tiên" đến gảy đàn ngâm vịnh tại Vũ Tiên.[4]

CHÚ THÍCH:

1. Am Lệ Trạch thuộc huyện Vũ Tiên (nay là Vũ Thư tỉnh Thái Bình). Ngô Thì Nhậm từng lánh nạn ở đây.

2. Thơ hái sen, ý chỉ *Thái liên khúc* của Lý Bạch, nhà thơ nổi tiếng đời Đường. Bài hát *Thái liên khúc* tả người con gái hái hoa sen ở khe Nhược Nha.

3. Tam Phần, Ngũ Điển: Theo *Tả truyện* thì, sách của Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế gọi là Tam Phần. Sách của Thiếu Hạo, Chuyên Húc, Cao Tân, Đường, Ngu , gọi là Ngũ Điển. Ở đây chỉ sách vở nói chung.

4.Tiếng gảy đàn ngâm vịnh, chỉ việc tu dưỡng đường học vấn. Câu thơ chơi chữ "Vũ tiên," tên huyện nơi có am Lê Trạch, có nghĩa: "Tiên vũ dũng". "Văn tiên" có nghĩa là "Tiên văn chương."

DỊCH THƠ:

Trên bờ ao cong, dưới gốc khế,
Ngâm khúc "Hái sen" xoay hướng ghế.
Say đức cần chi rượu ít nhiều;
Mua gió mát chẳng tốn tiền mấy tí.
Năm ba bộ sách qua ngày dài;
Sáu bảy học trò vui tuổi trẻ.
Hát đàn Lệ Trạch Vũ Tiên đây,
Nếu gọi Văn Tiên càng hợp lý.

Hoàng Tạo

39. 答眷弟同樂氏

敢把冥鴻況飯牛
江湖多幸浮舒眸
琴書靜裏消長夏
雲水閒中爽有秋
添我棣花今日萼
憑君蘭棹此番舟
人倫樂地都名教
不枉塤篪百尺樓

PHIÊN ÂM:

ĐÁP QUYẾN ĐỆ ĐỒNG LẠC THỊ

Cảm bả minh hồng huống phạn ngưu,
Giang hồ đa hạnh đắc thư mâu.
Cầm thư tĩnh lý tiêu trường hạ;
Vân thủy nhàn trung sảng hữu thu.
Thiêm ngã lệ hoa kim nhật ngạc;
Bằng quân lan trạo thử phiên chu.
Nhân luân lạc địa đô danh giáo,
Bất uổng huân trì bách xích lâu,

DỊCH NGHĨA:

TRẢ LỜI EM VỢ LÀ ĐỒNG LẠC [1]

Đâu dám đem cánh hồng bay bổng sánh với kẻ cho trâu ăn,[2]
Được mở rộng tầm mắt nơi sông hồ, thực nhiều may mắn.
Trong yên tĩnh, gẩy đàn đọc sách, tiêu khiển ngày dài mùa hạ;
Lúc thanh nhàn, ngắm mây trông nước, rạng vẻ mùa thu.[3]
Ngạc hoa hôm nay, thêm cho ta bông đường lệ;[4]
Con thuyền lần này, mái chèo lan dựa vào em.
Chỗ vui của đạo làm người đều là danh giáo,
Không uổng tình anh em hòa hợp trên lầu trăm thước cao.[5]

CHÚ THÍCH:

1. Đồng Lạc : Xem chú thích số 7 bài 27.

2. Cánh hồng bay bổng (minh hồng) là để ví bậc cao sĩ, xa lánh vòng danh lợi của thế tục, không hề vương vấn lụy đời.

Kẻ cho trâu ăn (phạn ngưu): Nịnh Thích thời Xuân Thu, làm nghề buôn bán thường chở hàng bằng xe trâu. Một hôm, anh ta vừa cho trâu ăn, vừa gõ vào sừng trâu mà hát. Lời hát nói lên tài năng và chí hướng của mình. Giữa lúc đó, Tề Hoàn Công đi qua nghe được, bèn mời về triều phong làm quan đại phu.

Câu thơ này ý nói: Đâu dám đem chí cao thượng so sánh với kẻ mưu đồ danh lợi tầm thường.

3. Hoa đường lệ: Xem chú thích số 6 bài 24.

4. Mái chèo lan (lan trạo) mái chèo làm bằng gỗ mộc lan, một loài gỗ nhẹ, có hoa thơm.

5. Lầu cao trăm thước: Lầu rất cao, ý nói địa vị cao quý.

40. 病述三首

其一

不教病骨侵詩骨
未許閒身是客身
調我藥湯心腑照
糊余饘粥肺腸親
逢迎車馬渾餘事
物色塵埃有幾人
榮衛幸憑無妄喜
扶持在處有洪鈞

PHIÊN ÂM:

BỆNH THUẬT (TAM THỦ)

KỲ NHẤT

Bất giao bệnh cốt xâm thi cốt,
Vị hứa nhàn thân thị khách thân.
Điều ngã dược thang tâm phủ chiếu;

Hồ dư chiên chúc phế trường thân.
Phùng nghênh xa mã hồn dư sự;
Vật sắc trần ai hữu kỷ nhân.
Vinh vệ hạnh bằng vô võng hỉ,
Phù trì tại xứ hữu hồng quân.

DỊCH NGHĨA:

THUẬT HOÀI TRONG KHI ỐM (BA BÀI)

BÀI 1

Không để gầy ốm hại đến cốt cách nhà thơ,
Chưa cho phép tấm thân nơi đất khách là thân nhàn hạ.
Thuốc thang chữa chạy cho ta, đã thấu vào lòng dạ;
Cháo lão chăm chút nuôi ta, đã thấm đến ruột gan.
Xe ngựa đưa đón hoàn toàn là chuyện vặt;
Đoán biết anh hùng trong trần ai, dễ có mấy ai.
May nhờ được bình phục, thì vui mừng thực,
Ở chỗ phù trì đã có ông trời.

41. 其二

雙將斗酒一扁舟
十二年前帝闕遊
水勢去留雙著眼
雲情散聚一回頭
潦衝江面應歸海
月到天心合作秋
獨倚胡床思往事
循環天道一星周

PHIÊN ÂM:

KỲ NHỊ

Song tương đấu tửu nhất biên chu,

Thập nhị niên tiền đế khuyết du.
Thủy thế khứ lưu song trước nhãn;
Vân tình tán tụ nhất hồi đầu.
Lạo xung giang diện ưng quy hải;
Nguyệt đáo thiên tâm hợp tác thu.
Độc ỷ hồ sàng tư vãng sự,
Tuần hoàn thiên đạo nhất tinh chu.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 2

Với hai đấu rượu và một con đò,
Mười hai năm trước từng chơi cửa khuyết đế đô.(A)
Đôi mắt nhìn rõ thế nước trôi đi hay dừng lại;
Mỗi lúc ngoảnh đầu nhìn thấy cảnh mây tụ, mây bay.
Nước lụt tràn mặt sông, phải trôi về biển;
Trăng đến giữa trời, đúng là cảnh thu.
Một mình dựa giường, ngẫm nghĩ việc đã trải,
Thấy như ngôi sao xoay quanh vòng trời.

NGUYÊN CHÚ:

A. Năm Quý Tị (1773), [ta] ở nhà riêng tại kinh đô. Năm đó, đê Vạn Xuân vỡ, nước tràn vào thành.[Ta] thường đi thuyền ra ngoại thành. Nay ghi lại sự việc ấy. (Như vậy, bài này Ngô Thì Nhậm sáng tác năm 1785).

DỊCH THƠ:

Với hai đấu rượu, một con thuyền,
Cửa khuyết du chơi quá chục niên.
Thế nước dừng trôi đưa mắt ngắm;
Cảnh mây tụ tán ngoảnh đầu xem.
Phải trôi về biển dòng sông cả;
Vừa đến cảnh thu bóng nguyệt in.
Suy xét việc xưa bên sập gụ,
Đạo trời vần chuyển đã vài phen.

Lâm Giang

42. 其三

抱膝長吟學孔明
高才疾足讓時英
屈伸動靜隨天氣
奔走馳驅任世情
楚客舉高空傲物
齊男忘貴亦貪名
丈夫行止何留意
運到天衢步步亨

PHIÊN ÂM:

KỲ TAM

Bão tất trường ngâm học Khổng Minh,
Cao tài tật túc nhượng thời anh.
Khuất thân động tĩnh tùy thiên khí;
Bôn tẩu trì khu nhiệm thế tình.
Sở khách cử cao không ngạo vật;
Tề nam vong quí diệc tham danh.
Trượng phu hành chỉ hà lưu ý,
Vận đáo thiên cù bộ bộ hanh.

DỊCH NGHĨA:

BÀI 3

Cũng học Khổng Minh ngồi ôm gối, ngâm thơ hoài,(1)
Tài cao chân nhanh, xin nhường bậc anh tuấn thời nay.(2)
Co duỗi động tĩnh, tùy theo thời tiết;
Bôn tẩu ruổi rong, mặc nhân tình thế thái!
Khách nước Sở cao bước chân, tỏ ra ngạo đời;(A)
Trai nước Tề quên hiển quý, nhưng cũng là tham danh.(3)
Kẻ trượng phu xuất xử, nào có để ý gì đến,(4)
Vận tới, trên con đường lớn bước bước hanh thông.

NGUYÊN CHÚ

A. Mạo Giao cử chỉ cao ngạo. (chưa rõ điển.)

CHÚ THÍCH:

1. Khổng Minh tức Gia Cát Lượng, làm Thừa tướng nước Thục thời Tam Quốc. Khi chưa gặp Lưu Huyền Đức, ông thường ngồi ôm gối ngâm bài thơ "*Lương phụ*".

2. Tài cao chân nhanh (cao tài tật túc), chỉ những người tài giỏi.

3. Trai nước Tề: Chưa rõ xuất xứ. Nhưng qua ý tứ thơ có thể thấy rằng tuy là "vong quý" mà thực chất vẫn là ham muốn danh vọng. Nói như thế để chỉ trích con người sống với thái độ hai mặt.

4. "Xuất xứ," cũng như "hành tàng," là quan niệm về lẽ sống của nhà nho xưa, khi gặp thời thì đem tài năng phục vụ, nếu gặp chính sự thối nát thì về ở ẩn.

43. 題二叟倚松

香生兩腋迸清風
一對鬚眉好羽仝
人自太平松自老
這般情趣不言中

PHIÊN ÂM:

ĐỀ NHỊ TẨU Ỷ TÙNG

Hương sinh lưỡng dịch nhạ thanh phong,
Nhất đối tu mi hảo vũ đồng.
Nhân tự thái bình tùng tự lão,
Giá ban tình thú bất ngôn trung.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ BỨC TRANH HAI ÔNG GIÀ TỰA CÂY THÔNG

Hương thơm toả ra, hai nách đón luồng gió mát,[1]
Hai bậc mày râu đẹp như ông Vũ ông Đồng.[2]

Người tự thanh thản, thông tự già cỗi,

Thú tâm tình này là trong sự lặng thinh.

CHÚ THÍCH:

1. Lư Đồng, nhà thơ đời Đường, tạ ơn quan Gián nghị họ Mạnh cho trà uống, có câu: "Dã duy giác lưỡng dịch, tập tập thanh phong sinh" (Duy chỉ biết hai nách, gió mát phe phẩy sinh).

2. Ông Vũ, ông Đồng, tức Lục Vũ và Lư Đồng. Lục Vũ cũng như Lư Đồng, đều có tài văn thơ, nhưng không thích đi làm quan, ở ẩn, có tiên phong đạo cốt nổi tiếng đời Đường.

DỊCH THƠ:

Hai nách hương đưa gió thoảng lồng,

Một đôi ông cụ Vũ và Đồng.

Người càng vô sự thông càng rắn,

Ý tứ bao lời ngụ ở trong.

Hoàng Tạo

44. 和北客登山氏

年來江海落蚿風
不料名飄五嶺中
底事看來隨左右

這般推轉自西東

誦絃冬夏三千士

衮斧春秋十二公

吾道行藏師法在

曾西亦恥管君同

PHIÊN ÂM:

HOẠ BẮC KHÁCH ĐĂNG SƠN THỊ [a]

Niên lai giang hải lạc huyền phong,

Bất liệu danh phiêu Ngũ Lĩnh trung.

Để sự khán lai tùy tả hữu,

Giá ban thôi chuyển tự tây đông.
Tụng huyền đông hạ tam thiên sĩ;
Cổn phủ Xuân Thu thập nhị công.
Ngô đạo hành tàng sư pháp tại,
Tăng Tây diệc sỉ Quản quân đồng.

DỊCH NGHĨA:

HOẠ THƠ NGƯỜI KHÁCH PHƯƠNG BẮC LÀ ĐĂNG SƠN

Mấy năm nay lênh đênh nơi sông biển,(A)
Chẳng ngờ tiếng tăm lan khắp vùng Ngũ Lĩnh.(B)
Xem ra việc ấy, tùy nó muốn tả hay là hữu;
Chuyện xoay chuyển này, mặc nó muốn sang đông hoặc về tây.
Ba ngàn học trò gẩy đàn đọc sách hết đông lại sang hè;(1)
Mười hai công trong bộ Xuân Thu hết khen lại chê.(C)
Lẽ hành tàng của đạo nho ta, khuôn phép mẫu mực còn đây,(2)
Ông Tăng Tây(3) cũng hổ thẹn khi sánh với Quản Trọng.

KHẢO DỊ:

a. Bản VHv. 16/3 và VHv.1743/22 viết: 和山客燈山氏 "Họa *sơn* khách Đăng Sơn thị" (Hoạ thơ người khách trên núi là Đăng Sơn).

NGUYÊN CHÚ:

A. *Sách Trang Tử* chép: "Con rắn thương con rết, con rết thương làn gió," ý nói dấu chân đi không được ổn định.

B. Vùng Lưỡng Quảng, nằm trong phạm vi Ngũ Lĩnh.

C. Khi ấy đang viết sách *Xuân Thu quản kiến* cho nên nói vậy.

CHÚ THÍCH:

1. Học trò của Khổng Tử có ba nghìn người.

2. "Lẽ hành tàng," cũng như "Xuất xử," (xem chú thích số 4 bài Bệnh thuật).

3. Tăng Tây là người theo đạo Nho. Quản Trọng là tướng có tài phò giúp Tề Hoàn Công làm nên nghiệp Bá, nhưng bị nhà nho chê là tiểu khí, vì Quản Trọng không theo nho. Thiên *Công Tôn Sửu thượng*, sách *Mạnh Tử* chép: Có người hỏi Tăng Tây so với Quản Trọng ai hơn. Tăng Tây không bằng lòng nói:

Sao lại so ta với Quản Trọng? Quản Trọng thờ vua thì chuyên quyền, làm quan thì tham quyền cố vị, công trạng thì thấp kém. Sao lại so ta với con người đó được!

45. 和弟學遜氏遙題盤阿山

絳闕仙人捧玉盤
蒼顏古勁下江干
意中光景招邀易
言外精神會悟難
一自吾翁歸大化
何勝俗子泛狂瀾
逍遙便是巢棲處
風月尋常晉謝安

PHIÊN ÂM:

HỌA ĐỆ HỌC TỐN THI "DAO ĐỀ BÀN A SƠN"

Giáng khuyết tiên nhân phủng ngọc bàn,
Thương nhan cổ kính há giang can.
Ý trung quang cảnh chiêu yêu dị;
Ngôn ngoại tinh thần hội ngộ nan.
Nhất tự ngô ông quy đại hóa;
Hà thăng tục tử phiếm cuồng lan.
Tiêu dao tiện thị sào thê xứ,
Phong nguyệt tầm thường Tấn Tạ An.

DỊCH NGHĨA:

HOẠ BÀI THƠ "XA ĐỀ NÚI BÀN A" CỦA NGƯỜI EM TRAI LÀ HỌC TỐN [1]

Như nàng tiên dâng mâm ngọc trước cung điện màu hồng,[2]
Sắc mặt xanh xanh cổ kính soi xuống bến sông.

Quang cảnh trong ý nghĩ, thấy như dễ vẫy mời;

Tinh thần ở ngoài lời, khó mà hiểu nổi.

Từ khi ông tôi về cõi đại hóa;[3]

Biết bao bọn tục tử lênh đênh trong làn sóng cuồng.[4]

Nơi nghỉ đỗ[5] này lại chính là chỗ tiêu dao,

Tầm thường thay, cảnh gió trăng Tạ An đời Tấn.[6]

CHÚ THÍCH:

1. Núi Bàn A ở xã Đại Khánh, huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa. Năm Đinh Hợi, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 28 (1767), Ngô Thì Sĩ làm Hiến sứ Thanh Hóa có đến đây chơi và lập "Quan lan sào" trong hang núi.

2. Cung điện màu hồng: Chỉ nơi thần tiên ở.

3. Tức Ngô Thì Sĩ.

4. Tục tử là bọn người tầm thường dung tục.

5. Nghỉ đỗ (sào thê), chỉ quan lan sào (Tổ ngắm sóng) của Ngô Thì Sĩ.

6. Tạ An, một tướng tài đời Tấn, khi ông còn ở ẩn có lập một biệt thự ở núi để đánh cờ, hóng gió, ngắm trăng. Ở đây ý nói, đối với cảnh trăng thanh gió mát ở "Quan lan sào" trên núi Bàn A của Ngô Thì Sĩ, thì phong cảnh ở miền Cối Kê của Tạ An chỉ là tầm thường.

DỊCH THƠ:

Bưng ngọc nàng tiên chốn cửa hồng,

Mặt xanh già giặn ánh lòng sông.

Dễ thay cảnh đẹp nuông chiều ý;

Khó nhất tình yêu gặp gỡ lòng.

Từ độ ông nhà về cõi hóa;

Bao phường tục tử cũng chơi ngông.

Dong chơi ấy chính nơi nương tổ,

Trăng gió gì hơn, hỏi Tạ công?

Hoàng Tạo

46. 春日訪黃舍舒川祠堂

先生事業在豐碑

曾把文章對紫微
上國皇華留齲齧
故鄉世廟穆裳衣
魯公誄在不遺老
王氏慶存必做兒
翠柏亭亭瞻雅範
九原可作更誰歸

PHIÊN ÂM:

XUÂN NHẬT PHỎNG HOÀNG XÁ THƯ XUYÊN TỪ ĐƯỜNG[a]

Tiên sinh sự nghiệp tại phong bi,
Tằng bả văn chương đối tử vi.
Thượng quốc hoàng hoa lưu phủ phất;
Cố hương thế miếu mục thường y.
Lỗ Công lỗi tại bất di lão;
Vương thị khánh tồn tất tố nhi.
Thúy bách đình đình chiêm nhã phạm,
Cửu nguyên khả tác cánh thùy qui?

DỊCH NGHĨA:

NGÀY XUÂN ĐẾN THĂM TỪ ĐƯỜNG
THƯ XUYÊN Ở HOÀNG XÁ[1]

Sự nghiệp văn chương của tiên sinh còn ghi trên tấm bia lớn,
Từng đem văn chương ứng đối trước tòa tử vi.[2]
Lễ phục còn lưu lại từ hồi đi sứ thượng quốc;
Áo xiêm vẫn kính cẩn nơi từ đường quê nhà.
Văn viếng Lỗ Công: "Không để lại người già" vẫn đó;[3]
Phúc ấm họ Vương: "Con cái hẳn làm nên" còn kia.[4]
Ngước trông khuôn phép cao nhã như cây bách xanh sừng sững,
Nếu người chín suối sống dậy, thì còn phải về đâu?

KHẢO DỊ:

a. Bản VHv.1743/22: Xuân nhật phỏng Hoàng Xá Nguyễn công Thư Xuyên từ đường 春日訪黃舍阮公書川祠堂

CHÚ THÍCH:

1. Thư Xuyên là hiệu của Nguyễn Xuân Huyên, còn có hiệu nữa là Thư Trì, người xã Hoàng Xá, huyện Thư Trì, Thái Bình, đỗ Tiến sĩ năm Cảnh Hưng thứ 13 (1752), được cử đi sứ nhà Thanh.

2. Tòa tử vi: Là ngôi đế tinh, ở đây chỉ triều đình nhà Thanh.

3. Trong bài văn viếng Khổng Tử của vua Lỗ Ai Công đời Xuân Thu, có câu: "Hiệu thiên bất điếu bất ngận di nhất lão" (Trời cao không thương ta, không để lại một người già nào). Ở đây ý nói, người đức hạnh được vua chúa thương tiếc.

4. Họ Vương, tức Vương Hựu đời Tống, trồng ba cây hòe trong sân và nói: "Đời ta chưa làm nên, thì con ta sau này ắt làm nên." Trong bài, để chỉ con cháu của Thư Xuyên đã nối được chí ông cha.

47. 賦得玄光萬緣截斷一身閒之句

萬緣截斷一身閒
特立乾坤舉足寬
風月壺中皆府庫
沂雩道上有童冠
江湖今古雙移掉
草樹冬春一倚欄
底意渾然留混沌
行藏付與會心看

PHIÊN ÂM:

PHÚ ĐẮC HUYỀN QUANG
"VẠN DUYÊN TIỆT ĐOẠN NHẤT THÂN NHAN" CHI CÚ

Vạn duyên tiệt đoạn nhất thân nhàn,

Đặc lập càn khôn cử túc khoan.
Phong nguyệt hồ trung giai phủ khố;
Nghi Vu đạo thượng hữu đồng quan.
Giang hồ kim cổ song di trạo;
Thảo thụ đông xuân nhất ỷ lan.
Để ý hồn nhiên lưu hỗn độn,
Hành tàng phó dữ hội tâm khan.

DỊCH NGHĨA:

VỊNH CÂU THƠ "MUÔN DUYÊN NỢ CẮT ĐỨT THÌ THÂN ĐƯỢC NHÀN" CỦA HUYỀN QUANG [1]

Muôn duyên cắt đứt thì một thân được nhàn,
Ung dung trong trời đất, mà sải bước rộng.
Trong bầu trăng gió đều là kho tàng;
Trên đường sông Nghi, dàn Vu có lũ học trò.[2]
Đẩy hai mái chèo trên sông hồ kim cổ;
Tựa hàng lan can [ngắm] cỏ cây qua tiết đông xuân.
Ý ấy hồn nhiên lưu trong cõi hỗn mang,
Lẽ hành tàng phó mặc, lòng tự hiểu lòng.

CHÚ THÍCH:

1. Huyền Quang, hay còn gọi là Huyền Quang Tôn Giả (1254-1334), là đệ tam tổ của phái Trúc Lâm thời Trần.

2. Sông Nghi, đàn Vu (Nghi Vu): Tăng Điểm học trò Khổng Tử nói chí mình: Tắm mát ở nước sông Nghi, hóng gió mát ở đàn Vũ Vu, ngâm vịnh rồi ra về...

Học trò, dịch thoát từ chữ "Đồng quan," từ 19 tuổi trở xuống gọi là "đồng;" 21-22 tuổi gọi là "quan." Ở đây tác giả muốn nói mình đang cùng lũ học trò, cắt đứt mọi sự giàng buộc, thảnh thơi nơi sông biển như ước muốn của Tăng Điểm xưa.

DỊCH THƠ:

Muôn duyên cắt đứt một thân nhàn,
Cất bước ung dung trước thế gian.

Đài Vũ sông Nghi, bầy trẻ nhỏ;
Ánh trăng làn gió, chiếc kho vàng.
Vượt hồ kim cổ con thuyền đẩy;
Trải tiết đông xuân khóm cỏ lan.
Ý nọ hồn nhiên ngoài vũ trụ,
Hiểu nhau, phó mặc lẽ hành tàng.

Lâm Giang

48. 賦得明道傍花隨柳過前川之句

長房不學地行仙
輕罷羅浮一葉船
水折神光銀派靜
洲環古越粟峰圓
景如劉阮雞雲澗
客似陶朱雁澤邊
今我故吾渾若許
傍花隨柳過前川

PHIÊN ÂM:

PHÚ ĐẮC MINH ĐẠO
"BẠNG HOA TÙY LIỄU QUÁ TIỀN XUYÊN" CHI CÚ

Trường Phòng bất học địa hành tiên,
Khinh bãi La Phù nhất diệp thuyền.
Thủy chiết Thần Quang ngân phái tĩnh;
Châu hoàn Cổ Việt túc phong viên.
Cảnh như Lưu Nguyễn kê vân giản;
Khách tự Đào Chu nhạn trạch biên.
Kim ngã cố ngô hồn nhược hử,
"Bạng hoa tùy liễu quá tiền xuyên."

DỊCH NGHĨA:

VỊNH CÂU THƠ "HOA KỀ HÀNG LIỄU ĐẾN BÊN SÔNG" CỦA MINH ĐẠO [1]

Chẳng học Trường Phòng làm tiên trên trần thế,[2]

Hãy nhẹ chèo con thuyền tới La Phù.[3]

Khúc sông quẹo bên chùa Thần Quang, tĩnh lặng như dải bạc;[A]

Bãi sông vây quanh làng Cổ Việt, tròn xoe tựa núi thóc.[B]

Cảnh như Lưu Nguyễn lạc Thiên Thai, có gà gáy khe mây;[4]

Khách tựa Đào Chu[5] [lênh đênh] ở bên chầm nhạn.

Ta ngày nay và ta ngày xưa đều như thế cả,

"Kề bên hoa, theo dặng liễu, lướt qua con sông phía trước".

NGUYÊN CHÚ:

A. Chùa Thần Quang ở quãng sông ngoặt, thuộc địa phận Giao Thủy.

B. Quanh ấp Cổ Việt đều có bãi sông, núi cao. Trong ấp có một thôn thờ vị thần gà, khi cúng dùng thóc.

CHÚ THÍCH:

1. Minh Đạo, tức Trình Hạo là nhà lý học nổi tiếng đời Tống. Câu: "Bạng hoa tùy liễu quá tiền xuyên" là một trong bốn câu thơ ở bài "*Ngẫu thành*" của ông.

2. Trường Phòng, tức Phí Trường Phòng, người đất Nhữ Nam đời Đông Hán, theo Hồ Công học phép tiên.

3. La Phù, một ngọn núi ở tỉnh Quảng Đông. Tương truyền, Cát Hồng đời Đông Tấn tu thành tiên ở đây.

4. Lưu Nguyễn, tức Lưu Thần và Nguyễn Triệu, người đời Đông Hán, hai người cùng vào núi Thiên Thai hái thuốc, mải ngắm cảnh đẹp, nên lạc vào động tiên, khi trở về thì con cháu đã bảy đời rồi.

5. Đào Chu, tức Phạm Lãi, người đời Xuân Thu, sau khi giúp Việt Vương Câu Tiễn diệt Ngô xong, bèn đem nàng Tây Thi đi chơi Ngũ Hồ. Sau đó sang Tề, trú ở đất Đào buôn bán, xưng là Đào Chu.

49. 舟泊會溪津

不是漕溪是會溪
數椽依約柳楊堤
橫斜疏影桑間女

隱映香趺駙馬妻
千里煙花春去住
一帆風月水東西
停舟見說梧桐好
如可靈鳳借一棲

PHIÊN ÂM:

CHU BẠC HỘI KHÊ TÂN

Bất thị Tào Khê thị Hội Khê,
Sổ duyên y ước liễu dương đê.
Hoành tà sơ ảnh tang gian nữ;
Ẩn ánh hương phù phụ mã thê.
Thiên lý yên hoa xuân khứ trú;
Nhất phàm phong nguyệt thủy đông tê.
Đình chu kiến thuyết Ngô Đồng hảo,
Như khả linh hoàng tá nhất thê.

DỊCH NGHĨA:

ĐẬU THUYỀN Ở BẾN ĐÒ HỘI KHÊ [1]

Nơi đây không phải Tào Khê[2] mà là Hội Khê,
Mấy nóc nhà lấp ló bên đê dương liễu.
Cô gái trong ruộng dâu, bóng thưa chênh chếch;[A]
Vợ chàng phò mã, thấp thoáng gót thơm.[B]
Nghìn dặm khói hoa, xuân đi rồi trở lại;
Một buồm trăng gió, nước chảy về đông lại về tây.
Dừng thuyền, nghe nói cảnh ở Ngô Đồng đẹp lắm,[C]
Có thể cho con phượng thiêng này đậu nhờ chút chăng?

NGUYÊN CHÚ:

A. Trong ấp trồng nhiều dâu, ở đó có phong tục "trong ruộng dâu" (Tang gian chi phong), (Tức trai gái tìm hiểu nhau trong ruộng dâu).

B. Trong ấp có viên Giám sinh lấy công chúa.

C. Ngô Đồng, tên cửa biển.

CHÚ THÍCH:

1. Hội Khê, tên làng, thuộc huyện Vũ Tiên (nay là xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

2. Tào Khê, tên một con suối có nhiều cảnh đẹp ở Thiều Châu, Trung quốc.

DỊCH THƠ:

Chẳng phải Tào Khê, ấy Hội Khê,
Mấy hàng dương liễu đứng trên đê.
Ngàn dâu bóng ngả cô nàng hát;
Gót ngọc hương theo phụ mã về.
Nghìn dặm khói hoa xuân đắp đổi;
Một buồm trăng gió nước đông tê.
Dừng chèo nghe nói Ngô Đồng đẹp,
Phượng được nhờ chăng tạm một khi.

Hoàng Tạo

50. 訪雲洞書堂

輕舟擊楫浮雲洞
萬斛春風和我共
洲渚寒鷗迭去留
江村晴樹頻迎送
板橋六七醉來歸
牧笛五三戲裡弄
中有書齋綠柳陰
銀釭靜對談韓董

PHIÊN ÂM:

PHỎNG VÂN ĐỘNG THƯ ĐƯỜNG

Khinh chu kích tiếp phù Vân Động,
Vạn hộc[a] xuân phong hòa ngã cộng.
Châu chử hàn âu điệt khứ lưu;
Giang thôn tình thụ tần nghinh tống.
Bản kiều lục thất túy lai quy;
Mục địch ngũ tam anh lý lộng.
Trung hữu thư trai lục liễu âm,
Ngân cang tĩnh đối đàm Hàn Đổng.

DỊCH NGHĨA:

THĂM PHÒNG SÁCH Ở VÂN ĐỘNG [1]

Thuyền nhẹ, gõ mái chèo bơi tới Vân Động,
Muôn hộc gió trong cùng hòa vào ta.
Dưới bãi sông, hàn âu hết bay đi rồi đậu lại;
Thôn xóm bên bờ, hết đón lại đưa.
Sáu bảy ông say trở về trên cây cầu ván;
Năm ba trẻ trâu thổi sáo trúc nô đùa.
Trong thôn có phòng sách, dưới bóng liễu xanh,
Lặng lẽ trước đèn, bàn về họ Hàn, họ Đổng.[2]

KHẢO DỊ:

a. Bản VIIv.1743/22: Vạn vật 萬物

CHÚ THÍCH:

1. Vân Động, thuộc tổng Hội Khê, huyện Vũ Tiên (nay là Vũ Thư tỉnh Thái Bình).

2. Hàn tức Hàn Dũ xem chú thích số 2 bài 3; Đổng tức Đổng Trọng Thư, nhà nho lớn đời Hán.

51. 君不見

君不見長洲有白鷺

盡日睨魚忘旦暮
又不見田上信天翁
直行魚躍滿口中
凡厥有生皆有吃
底意一如物視物
白鷺甚忙天信閒
到頭飛去無留餐
穿吃無過隨分足
何須馳騖謀盈縮
五湖簑笠覺身輕
回憶乘軒遊帝城
帝城繁華滿囊橐
五湖煙景殊淡薄
囊橐時滿又辰虧
煙景吾藏可療饑
且浮吾舟舉吾白
濯掉中流隨興適
乾坤何處不陽春
還有文章見在身
誰忙誰閒同誰老
長嘯一聲江色好

PHIÊN ÂM:

QUÂN BẤT KIẾN

Quân bất kiến trường châu hữu bạch lộ,
Tận nhật nghễ ngư vong đán mộ.
Hựu bất kiến điền thượng tín thiên ông,

Trực hành ngư dược mãn khẩu trung.
Phàm quyết hữu sinh giai hữu ngật,
Để ý nhất như vật thị vật.
Bạch lộ thậm mang, thiên tín nhàn,
Đáo đầu phi khứ vô lưu xan.
Xuyên ngật vô quá tùy phận túc,
Hà tu trì vụ mưu doanh súc.
Ngũ Hồ suy lạp giác thân khinh,
Hồi ức thừa hiên du đế thành.
Đế thành phồn hoa mãn nang thác,
Ngũ Hồ yên cảnh thù đạm bạc.
Nang thác thời mãn hựu thời khuy,
Yên cảnh ngô tàng khả liệu ky.
Thả phù ngô chu cử ngô bạch,
Trạc trạo[a] *trung lưu tùy hứng thích.*
Càn khôn hà xứ bất dương xuân,
Hoàn hữu văn chương hiện tại thân.
Thùy mang thùy nhàn đồng thùy lão,
Trường khiếu nhất thanh giang sắc hảo!

DỊCH NGHĨA:

ANH CHẲNG THẤY Ư ?

Anh chẳng thấy trên bãi sông dài có con cò trắng,
Suốt ngày rình cá quên cả sớm chiều.
Lại chẳng thấy con bồ nông trên mặt ruộng,[1]
Chỉ đi thẳng mà cá nhảy đầy mồm.
Phàm đã sống thì đều phải ăn cả,
Về mặt ấy, vật nào cũng giống vật nào.
Cò trắng rất bận rộn mà tín thiên thì thư thả,
Cuối cùng đều bay đi, không trữ lại cái ăn.

Ăn mặc đủ, không nên quá phận mình,
Sao cứ phải chạy vạy lo toan chuyện thừa thiếu.
Áo tơi nón lá trên Ngũ Hồ, cảm thấy thân nhẹ nhõm,[2]
Nhớ lại hồi cưỡi xe rong chơi chốn đế thành.[3]
Cảnh phồn hoa chốn đế thành chứa đầy túi bao,
Cảnh khói mây Ngũ Hồ thì rất đạm bạc.
Túi bao khi đầy lại có khi vơi,
Cảnh khói mây ta tàng trữ có thể chữa cho khỏi đói.
Hãy bơi thuyền ta và nâng chén rượu của ta,
Buông mái chèo giữa dòng, tùy theo hứng.
Trong trời đất, nơi nào mà chẳng có nắng ấm mùa xuân,
Lại còn có cả văn chương hiện trong thân mình.
Ai bận rộn, ai thảnh thơi, ai ai cũng đều già yếu,
Hãy hết một tiếng dài trước cảnh sông đẹp tươi.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117c/1: Trạc ca 濯歌

CHÚ THÍCH:

1. Tín thiên ông, một loài chim nước lớn, bay rất khoẻ, sinh sản nhiều ở các đảo trên Thái Bình Dương. Khi kiếm ăn, suốt ngày chỉ đứng ở một chỗ nước chảy, chờ cá bơi qua mổ lấy ăn.

2. Ngũ Hồ, xem chú thích số 3 bài 3.

3. Đế thành, tức thành nhà vua, ở đây chỉ kinh đô.

DỊCH THƠ:

Bác chẳng thấy!
Bãi sông có con cò trắng.
Rình cá mà quên bẵng sớm chiều,
Lại chẳng thấy?
Bồ nông trên ruộng nọ,
Thủng thẳng đi mà tôm tép vẫn đầy diều.
Sống như nhau thì ăn uống cũng như nhau,
Ý nghĩa ấy dù con nào cũng thế.
Cò trắng long đong, bồ nông thư thả,

Rốt cuộc con nào ăn hết mới bay đi.
Đời cơm áo có phận phải tùy,
Cần chi phải suy bì lo thiếu đủ.
Nhẹ tơi nón, thân "năm hổ" vẫn thú,
Ngán thành vua khi xe ngựa nghênh ngang.
Thành vua đẫy bạc túi vàng,
Năm hồ đạm bạc cảnh càng dễ ưa.
Túi vàng bạc dễ thừa dễ thiếu,
Kho gió trăng chữa dịu đói lòng.
Rượu ta dốc, thuyền ta rong,
Mái chèo khua sóng giữa dòng thảnh thơi.

Hoàng Tạo

52. 書題勉齋

學問無他在勉旃
一須當百十當千
凌霄泰岳應加簣
追日驊騮快著鞭
身可豐肥惟道味
歲無水旱是書田
古來卿相何常種
業廣功崇看枕圓

PHIÊN ÂM:

THƯ ĐỀ MIỄN TRAI

Học vấn vô tha tại miễn chiên,
Nhất tu đương bách thập đương thiên.
Lăng tiêu Thái Nhạc[a] ưng gia quỹ;

Truy nhật Hoa Lưu khoái trước tiên.
Thân khả phong phì duy đạo vị;
Tuế vô thủy hạn thị thư điền.
Cổ lai khanh tướng hà thường chủng,
Nghiệp quảng công sùng khán chẩm viên.

DỊCH NGHĨA:

VIẾT ĐỀ NHÀ SÁCH MIỄN TRAI [1]

Học vấn không gì khác là ở chỗ phải cố gắng lên,
Người biết một, ta nên biết trăm, người biết mười,
ta nên biết nghìn.
Dù núi Thái, Nhạc cao vút từng mây vẫn nên thêm sọt đất.[2]
Dẫu ngựa Hoa, Lưu đuổi kịp mặt trời, cũng còn phải lanh tay
ra roi.[3]
Chỉ có mùi đạo, mới khiến cho tấm thân được đẫy đà;[4]
Nơi ruộng sách, hàng năm không xảy ra lụt hạn.
Xưa nay, khanh tướng nào có dòng giống gì đâu?
Hãy xem chiếc gối tròn, công cao nghiệp lớn là ở đấy![5]

KHẢO DỊ:

a. Bản VHv.1743/22 và bản VHv.16/3: Thái hoa 泰華

CHÚ THÍCH:

1. Miễn Trai: Tên nhà đọc sách, có nghĩa là "Nhà thanh tịnh cố gắng hết sức mình."

2. Thái, Nhạc, là Thái Sơn và Kiều, Nhạc hai ngọn núi cao ở Trung Quốc.

3. Hoa Lưu, tên một con ngựa hay của Chu Mục Vương.

4. Mùi đạo, chỉ đạo học, tức việc học hành tu dưỡng đạo đức.

5. Gối bằng gỗ hình tròn dễ lăn khiến người ngủ say dễ tỉnh; cũng gọi là "cảnh chẩm" (gối tỉnh giấc). Tư Mã Quang, tự Ôn Công, người đời Tống, thường đọc sách đêm, tựa vào gối tròn, mỗi khi ngủ gật, gối lăn đi lại tỉnh giấc liền đọc sách.

53. 晨起即事

凌晨露未晞
早起看魚磯

汐水新歸海
朝陽始上枝
田桑花漠落
洲渚草依微
村廟鳥聲曉
溪橋人跡希
呼蘆敲雪急
佩犢怕霜遲
盆院烝初熟
篔煙點已隨
北窗扉半啓
南壁帳長垂
消夢談寅漏
閒盃酌卯辰
老翁殊太古
今我夢無知
隔床惟會睡
對案剩言醫
邂逅閒中趣
招邀靜裏奇
呵呵還自笑
點檢橐中詩

PHIÊN ÂM:

THẦN KHỞI TỨC SỰ

Lăng thần lộ vị hi,
Tảo khởi khán ngư ky.
Tịch thủy tân quy hải,

Triêu dương thủy thượng chi.
Điền tang hoa mạc lạc,
Châu chử thảo y vi.
Thôn miếu điểu thanh lượng,
Khê kiều nhân tích hy.
Hô lư xao tuyết cấp,
Bội độc phạ sương trì.
Bồn viện chưng sơ thục,
Dũng yên điểm dĩ tùy.
Bắc song phi bán khải,
Nam bích trướng trường thùy.
Tiêu mộng đàm Dần lậu,
Nhàn bôi chước Mão thì.
Lão ông thù thái cổ,
Kim ngã mộng vô tri.
Cách sàng duy hội thụy,
Đối án thặng ngôn y.
Giải cấu nhàn trung thú,
Chiêu yêu tĩnh lý kỳ.
Ha ha hoàn tự tiếu,
Điểm kiểm thác trung thi.

DỊCH NGHĨA:

DẬY SỚM TỨC SỰ

Tinh mơ, móc chưa ráo,
Sớm dậy, nhìn đá câu.
Nước triều mới về biển,
Nắng mai vừa rọi cành.
Ruộng dâu, hoa lác đác,
Bãi sông, cỏ lưa thưa.
Miếu xóm, chim lảnh lót,
Cầu khe, dấu chân thưa.

Gọi chó săn rũ tuyết gấp,
Dắt nghé đi chăn, sợ sương xuống chậm.
Trong bếp, cơm vừa chín,
Khói hút thuốc, phả theo ra.
Song bắc, cánh mở hé,
Vách nam, rèm buông dài.
Tỉnh mộng nói chuyện lúc giờ Dần,
Chén trà rót vào giờ Mão.
Ông lão quá già nua,
Nay ta mơ cũng không biết.
Cách gường chỉ ngủ khì,
Đối án, những nói chuyện thuốc.
Gặp gỡ là thú lúc thư nhàn,
Đón mời là điều tuyệt diệu khi yên tĩnh.
A ha! Ta lại tự cười ta!
[Vì chỉ biết] lục lọi thơ trong túi.

54. 眞定道中

建昌一帶水朝東
地盡雲曼入洞中
奮郡江溪沉古劍
昂婆院宇響晨鐘
有天草樹春增色
無土塗泥歲屢豐
聞道會羅光景好
可能同地不同風

PHIÊN ÂM:

CHÂN ĐỊNH ĐẠO TRUNG

Kiến Xương nhất đới thủy triều đông,
Địa tận Vân Man nhập Động Trung.
Phấn Quận giang khê trầm cổ kiếm ;
Ngang bà viện vũ hưởng thần chung.
Hữu thiên thảo thụ xuân tăng sắc;
Vô thổ đồ nê tuế lũ phong.
Văn đạo hội La quang cảnh hảo,
Khả năng đồng địa bất đồng phong.

DỊCH NGHĨA:

TRÊN ĐƯỜNG ĐI CHÂN ĐỊNH [1]

Một giải sông Kiến Xương nước chảy về đông,
Cuối đất Vân Man là vào Động Trung.[A]
Khe ngòi Quận Phấn, chìm thanh gươm cổ;[B]
Gác chùa Bà Ngang, vang hồi chuông mai.[C]
Khắp vùng, cỏ cây thêm tươi xuân sắc;
Đất mỡ mầu, luôn năm luôn mùa được.
Nghe nói ở hội La quang cảnh hay!
Đủ thấy, cùng một vùng, mà phong tục không cùng.[D]

NGUYÊN CHÚ:

A. Vân Man, Động Trung đều là tên xã (thuộc Kiến Xương, Thái Bình).

B. Quận Phấn, quán tại xã Động Trung, triều trước dấy binh làm "giặc" khai sông Lịch Bài để thông thủy quân, di tích này nay vẫn còn.

C. Chùa bà Ngang ở xã Đông Nhuế (thuộc Kiến Xương, Thái Bình).

D. Xã Hội Khê, huyện Vũ Tiên thờ dâm thần. Họ có tục, ngày xuân làm kịch vui dâm. Đàn ông đàn bà trong ấp tụ hội trước thần, lấy việc tranh nhau đoạt được dâm cụ, coi là điều tốt lành, và gọi đó là hội La; xã này tiếp giáp với đất Chân Định mà phong tục thì khác nhau xa.

CHÚ THÍCH:

1. Chân Định, tên huyện thuộc phủ Kiến Xương, sau đổi là Trực Định xã

Động Trung, nay là huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình.

DỊCH THƠ:

Kiến Xương một giải nước về đông,
Đổ xuống Vân Man tới Động Trung.
Quận Phấn sông trong chìm kiếm cổ;
Bà Ngang chuông vẳng tiếng thu không.
Đất đai mầu mỡ tăng thu hoạch;
Cây cỏ xanh tươi, trải khắp vùng.
Nghe nói hội La quang cảnh đẹp,
Đất chung một dải tục không chung.

Lâm Giang

55. 雲門寺

春天攜手到雲門
一座禪林淨六根
碗灶苔生僧不在
柴扉雨落佛無言
半文不值腐紅院
八字空迷煙水村
人定夜深多少客
可能慧眼照乖棍

PHIÊN ÂM:

VÂN MÔN TỰ

Xuân thiên huề thủ đáo Vân Môn,
Nhất tọa thiền lâm tịnh lục côn.
Uyển táo đài sinh[a] tăng bất tại;

Sài phi vũ lạc Phật vô ngôn.

Bán văn bất trị hủ hồng viện;

Bát tự không mê yên thủy thôn.

Nhân định[b] *dạ thâm đa thiểu khách,*

Khả năng tuệ nhãn chiếu quai côn.

DỊCH NGHĨA:

CHÙA VÂN MÔN [1]

Ngày xuân dắt tay nhau tới Vân Môn,

Một tòa rừng thiền, lục căn thanh tịnh.[2]

Rêu mọc bếp oản, sư không có;[3]

Mưa rơi cửa sài, Phật chẳng nói năng.

Viện hồng đổ nát, không đáng giá nửa đồng;

Thôn bên sông khói quện, những mờ cả dòng chữ "bát."[A]

Bao nhiêu khách đêm khuya ngủ yên giấc,

Mắt trí tuệ[4] có thể soi rõ bọn côn đồ không?[B]

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117c/1: Đài phong 臺封

b. Bản A.117c/1: Nhân tĩnh 人靜

NGUYÊN CHÚ

A. Sông Giao Thủy chảy đến xã Hạc Châu, thì dòng nước chia thành chữ "bát."

B. Chùa hoang thành nơi ẩn nấp của bọn trộm cướp, nên nói thế.

CHÚ THÍCH:

1. Vân Môn: Xem chú thích số 1 bài 15.

2. Rừng thiền (thiền lâm), chỉ nhà chùa.

Lục căn (Ayatana): Căn tức là gốc rễ, căn nguyên, có sức sinh sôi nảy nở. Như mắt là căn nguyên nẩy sinh ra sự nhìn thấy. Lục căn gồm: Nhãn căn, Nhĩ căn, Tỵ căn, Thiệt căn, Thân căn, Ý căn. Trong thơ nói "lục căn thanh tịnh" có nghĩa "trên trừ các tội ác do lục căn sinh ra".

3. Bếp oản, bếp của nhà chùa.

4. Mắt trí tuệ: Mắt sáng suốt nhìn nhận thấu mọi chân lí sự vật.

DỊCH THƠ:

Vàn Môn xuân dạo cảnh thanh trời,
Cả sáu căn thiền sạch hết rồi.
Bếp oản rêu phong, sư khuất bóng;
Cửa sài mưa xối, phật im hơi.
Viện xoàng khéo kém nửa tiền giá;
Xóm nước mây mờ chữ "bát" trôi.
Bao khách đêm khuya yên giấc ngủ,
Phật ngời sáng biết bọn tay chơi.

Đào Phương Bình

56. 賦得近水樓臺先得月之句

一腔春府毓鮮研
近水樓臺月浔先
呂父廠新開岸渚
明妃鏡已掛簾前
閒中浔意觀天地
靜裏知心對聖賢
默會向陽花草趣
新枝新德樂吾天

PHIÊN ÂM:

PHÚ ĐẮC
"CẬN THỦY LÂU ĐÀI TIÊN ĐẮC NGUYỆT" CHI CÚ

Nhất xoang xuân phủ dục tiên nghiên,

"Cận thủy"lâu đài nguyệt đắc tiên.

Lã Phụ xưởng tân khai ngạn chử;

Minh Phi kính dĩ quải liêm tiền.

Nhàn trung đắc ý quan thiên địa;

Tĩnh lý tri tâm đối thánh hiền.

Mặc hội hướng dương hoa thảo thú,

Tân chi tân đức lạc ngô thiên.

DỊCH NGHĨA:

VỊNH CÂU
"LÂU ĐÀI Ở BÊN SÔNG ĐÓN ÁNH TRĂNG TRƯỚC " [1]

Một bầu xuân nuôi chiếc nghiên sáng,

"Lâu đài bên sông đón trước ánh trăng."

Ngôi nhà Lã Phụ, mới cất lên trên bãi ven sông;[2]

Mảnh gương Minh Phi, treo trước rèm cửa.[3]

Lúc thảnh thơi, đắc ý nhìn ngắm trời đất;

Trong yên tĩnh, biết rõ lòng mình đối với thánh hiền.

Ngẫm hiểu cái thú của cỏ hoa hướng về thái dương,

Có cành mới thì có đức mới, ta vui với lẽ trời.[4]

CHÚ THÍCH:

1. Sách *Thanh dạ lục* chép: Phạm Trọng Yêm đời Tống làm quan ở Hàng Châu, có một viên Tuần kiểm là Tô Lân cầu cạnh để được tiến cử, bèn dâng cho Phạm Trọng Yêm hai câu thơ là:

"Cận thủy lâu đài tiên đắc nguyệt.

Hướng dương hoa thảo dị vi xuân."

(Lâu đài ở bên sông đón ánh trăng trước, cỏ hoa hướng về mặt trời, dễ làm cho mùa xuân đến). Hai câu trên là thơ của Đỗ Phủ. Tác giả vịnh câu thơ này để tỏ chí mình.

2. Lã Phụ, tức Thái Công, một hiền thần đời Chu. Khi chưa ra làm quan, suốt ngày câu cá ở bên sông Vị, vua Văn Vương biết là người tài mời ra phò tá. Tác giả nói lúc Lã Phụ còn ở ẩn và cũng để chỉ chính bản thân mình.

3. Minh Phi tức Vương Chiêu Quân một cung nữ đẹp đời Hán Nguyên Đế,

sau bị cống sang rợ Hồ làm tỳ thiếp. Trong câu thơ, tác giả miêu tả mặt trăng như mảnh gương của Chiêu Quân.

4. Trong bài vịnh *"Cây chuối tiêu"* của Trương Tử đời Tống, có dùng chữ "Tân chí" "tân đức" để nói đạo đức cuộc sống con người cũng như cảnh của vạn vật luôn thay đổi.

DỊCH THƠ:

Bầu xuân hun đúc vẻ vui tươi,
Gần nước lâu đài trăng sớm soi.
Lá Phủ bờ xa nhà mở mới;
Minh Phi rèm trước kính treo rồi.
Đất trời thoả ý thong dong ngắm;
Hiền thánh hay lòng lắng lặng coi.
Ngậm cảm cỏ hoa cười dưới nắng,
Cành tươi đức mới thoả ơn trời.

Hoàng Tạo

金馬行餘

KIM MÃ HÀNH DƯ

Dịch, chú thích:

LÂM GIANG - PHẠM THỊ THOA

Hiệu đính, giới thiệu:

LÂM GIANG

金馬行餘

KIM MÃ HÀNH DƯ

Kim mã hành dư tập hợp các bài theo thể loại: Ký, bi ký, thư, cáo văn, tế văn, tự, phú, nghị, khải... do Ngô Thì Nhậm sáng tác chủ yếu vào thời kỳ làm việc cho triều đình Lê - Trịnh, trong đó có một số sáng tác vào thời Tây Sơn, nhưng số đó không nhiều. Những sáng tác vào thời Tây Sơn chủ yếu được tập hợp trong tập *Hàn các anh hoa.*

Kim mã hành dư phần nào phản ánh thực trạng xã hội thời Lê-Trịnh ở giai đoạn cáo chung của nó, một xã hội đang có những biến đổi sâu sắc, một khí thế mới đang vươn lên của triều đại Tây Sơn. *Kim mã hành dư* còn giúp hiểu thêm về cuộc đời hoạt động đầy năng động của Ngô Thì Nhậm và những tâm tư tình cảm cùng những cống hiến của ông.

Nếu các bài nghị, khải, chế, cho biết thực trạng xã hội thời Lê - Trịnh, Tây Sơn thì loạt bài ký lại phản ánh những hoạt động của chính tác giả trong những thời kỳ đó. Nếu loạt bài tựa, bi ký, phú, phản ánh tâm hồn trong sáng, tình cảm nồng thắm của Ngô Thì Nhậm nói với người đời thì loạt bài cáo văn, tế văn lại nói đến những dằn vặt, những bức bối riêng tư trước thực trạng xã hội đầy biến động rối ren và cuộc sống đời thường của ông. Nhất là trong đó có một số bài có những tình tiết về vụ án năm Canh Tý với những băn khoăn, dằn vặt của Ngô Thì Nhậm, đã hé mở phần nào về sự liên quan giữa sự ra đi của Ngô Thì Sĩ với vụ án ấy...

Kim mã hành dư, tên tác phẩm do soạn giả Tùng thư *Ngô gia văn phái* đặt ra, tất cả các tác phẩm của các tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì nói chung và của Ngô Thì Nhậm nói riêng đều nằm trong tên chung *Ngô gia văn phái*. Hiện tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm có nhiều bộ tùng thư chép tập *Kim mã hành dư* này:

1. *Ngô gia văn phái* VHv.1743/17, 86 tờ, tờ 16 dòng, dòng 20 chữ, viết đá thảo, khổ 25,5 x 15,5. Có ghi rõ tác giả: Tiến sĩ Thượng thư Hi Doãn công di thảo. Từ tờ 1a đến tờ 33b chép *Kim mã hành dư* gồm 14 bài ký của Ngô Thì Nhậm, trong đó có 3 bài ký trên văn bia, 1 bài ký trên chuông. Từ tờ 34 đến tờ 86 ghi đầu đề riêng: *Ngô gia văn tuyển*, chép các bài minh, ký, thư... của một số tác giả tùng thư *Ngô gia văn phái*, nhưng không nói rõ của ai.

2. *Ngô gia văn phái* VHv.1743/18, gồm 76 tờ, tờ 16 dòng, dòng 21 chữ, viết theo thể hành thư, khổ 26 x 16. Có ghi rõ: *Kim mã hành dư,* Tiến

sĩ Thượng thư Hi Doãn công di thảo, gồm các bài văn: Tế văn, biểu văn, tấu văn.

3. *Ngô gia văn phái* VHv.1743/19, 59 tờ, tờ 16 dòng, dòng 21 chữ, viết theo thể hành thư, khổ 26 x 16. Tờ 1a đến tờ 22b chép *Kim mã hành dư,* Tiến sĩ Thượng thư Hi Doãn công di thảo. Gồm các bài tựa và tự. Tờ 23 đến tờ 59 là tập *Hào mân ai lục* chép các câu đối của Ngô Thì Nhậm.

4. *Ngô gia văn phái* VHv.1743/21, 104 tờ, tờ 16 dòng, dòng 27 chữ, viết đá thảo, khổ 27 x 16. Ghi rõ: *Kim mã hành dư,* Tiến sĩ Thượng thư Hi Doãn công di thảo. Gồm các bài ký, bi ký, tựa, phú, nghị, thư, văn.

5. *Ngô gia văn phái* VHv.1743/26, 78 tờ, tờ 16 dòng, dòng 26 chữ, viết đá thảo, khổ 29,5 x 17. Ghi rõ: *Kim mã hành dư,* Tiến sĩ Thượng thư Hi Doãn công di thảo. Gồm các bài ký, bi ký, minh, tán, tụng, văn, châm, luận, thư.

6. *Ngô gia văn phái* VHv.1743/27, 86 tờ, tờ 16 dòng, dòng 24 chữ, viết đá thảo. Ghi rõ : *Kim mã hành dư,* Tiến sĩ Thượng thư Hi Doãn công di thảo. Gồm các bài văn, trong đó có một số bài chép lộn từ tập *Hào mân ai lục*.

7. *Ngô gia văn phái* VHv.1743/28, 53 tờ, tờ 16 dòng, dòng 8 đến 10 chữ, viết chân phương, khổ 29,5 x 17. Tờ 1a đến tờ 19b chép *Kim mã hành dư,* Tiến sĩ Thượng thư Hi Doãn công di thảo. Gồm các bài tựa. Từ tờ 20 đến 53 là tập *Hào mân ai lục,* chép các câu đối của Ngô Thì Nhậm. Nội dung của dị bản này tương tự như bản VHv.1743/19.

8. *Ngô gia văn phái* VHv.16/6, 90 tờ, tờ 16 dòng, dòng 21 chữ, chữ viết chân phương, khổ 26 x 16, không ghi tên tác giả, chỉ ghi tên tác phẩm: *Kim mã hành dư,* gồm các bài thư, thuyết, văn, nghị, biện, tế, chế.

9. *Ngô gia văn phái* VHv.16/7, 93 tờ, tờ 16 dòng, dòng 21 chữ, chữ viết chân phương, khổ 26 x 16. Không ghi tên tác giả, chỉ ghi tên tác phẩm: *Kim mã hành dư,* gồm các bài phú, văn, ký, tựa của Ngô Thì Nhậm.

10. *Ngô gia văn phái* A.117/8, (VHc.887),[1] gồm 58 tờ, tờ 16 dòng, dòng 20 chữ, chữ viết chân phương. Ghi rõ: *Kim mã hành dư,* Tiến sĩ Hi Doãn công di thảo. Gồm các bài phú, ký, bi ký.

11. *Ngô gia văn phái* A.117/9 (VHc.889), 59 tờ, tờ 16 dòng, dòng 20 chữ, viết chân phương, ghi rõ: *Kim mã hành dư,* gồm các bài tựa, văn, thuyết, nghị, thư.

12. *Ngô gia văn phái* A.117/10 (VHc.891), 73 tờ, tờ 16 dòng, dòng 20

chữ, viết chân phương. Ghi rõ *Kim mã hành dư,* Tiến sĩ Thượng thư Hi Doãn công di thảo, gồm các bài biện, từ, thuyết, chế, văn.

13. *Ngô gia văn phái* A.117c/2, 136 tờ, tờ 16 dòng, dòng 20 chữ, chữ viết chân phương. Toàn sách chép 4 tác phẩm của Ngô Thì Nhậm, trước mỗi tác phẩm đều ghi rõ: Tiến sĩ Thượng thư Hi Doãn công di thảo. Trưởng nam Điển biên tập.

Tờ 1a tập *Cúc hoa thi trận.*

Tờ 19a tập *Thu cận dương ngôn.*

Tờ 48a tập *Hàn các anh hoa*, gồm các bài ký, bi ký, phú. Những bài này cũng được tập hợp trong tập *Kim mã hành dư.* Ở đây có lẽ người sao chép đã lầm tên tập *Kim mã hành dư* ra tập *Hàn các anh hoa.*

Tờ 114a tập *Kim mã hành dư,* gồm các bài thư, tán, ước.

14. *Ngô gia văn phái* A.117c/1, 258 tờ, tờ 16 dòng, dòng 22 chữ. Toàn sách chép 5 tác phẩm Ngô Thì Nhậm. Trước mỗi tác phẩm đều ghi: Tiến sĩ Thượng thư Hi Doãn công di thảo. Trưởng nam Điển biên tập. Gồm các tập:

Bút hải tùng đàm, thơ (tờ 1).

Ngọc đường xuân khiếu, thơ (tờ 44)

Hoa trình gia ấn, thơ (tờ 66).

Kim mã hành dư, văn (tờ 108).

Hào mân ai lục, văn (tờ 202).

Tại văn bản này, tập *Kim mã hành dư* chép 56 bài thư, nghị, dụ, chiếu, khải.

15. *Ngô gia văn phái* A.11734 (VHc.925), 112 tờ, tờ 16 dòng, dòng 21 chữ, viết chân phương. Đầu sách có bài tựa đề cho bộ *Ngô gia văn phái* của Phan Huy Ích. Tập này gồm ba tác phẩm của ba tác giả như sau:

Tờ 3a chép các bài tự (thuật lại) của Ngô Thì Sĩ. Không có tên tác phẩm, chỉ ghi: Chánh tiến sĩ Đốc trấn Ngọ Phong công di thảo.

Tờ 51a tập *Kim mã hành dư,* Tiến sĩ Thượng thư Hi Doãn công di thảo, gồm các bài phú, ký, bi ký.

Tờ 88a tập *Mai dịch tu dư,* Lại bộ Tham tri Thành Phủ công di thảo, chép các bài thơ của Thành Phủ công tức Ngô Thì Hương, người em thứ 4 của Ngô Thì Nhậm.

Những bài viết trong ba tập *Kim mã hành dư, Hàn các anh hoa, Hào mân ai lục* được soạn giả tùng thư *Ngô gia văn phái* phân chia theo thể loại, như *Kim mã hành dư* gồm các bài viết thuộc thể loại: Phú, Kí, Bi

kí, Nghị, Luận, Khải, Cáo văn, Tế văn, Tự, Thư, Hiểu, Ước, Đáp, Dẫn, Biện. Ở *Hàn các anh hoa* tập hợp theo thể loại: Biểu, Chiếu, Chế, Sắc, và là những bài chủ yếu được viết dưới thời Tây Sơn. Ở *Hào mân ai lục* thì tập hợp theo các thể loại: Câu đối, Sớ văn, Tế văn, Cáo văn. Trong đó thể Cáo văn và Tế văn đã được dùng ở *Kim mã hành dư,* nhưng Cáo văn, Tế văn dùng trong *Hào mân ai lục* chỉ gồm những bài Ngô Thì Nhậm viết riêng cho Ngô Thì Sĩ. Đó là những tiếng "kêu trời" (hào mân) của ông đối với người cha thân yêu của mình qua đời một cách đột ngột tại nhậm sở.

Như trên đã thấy, *Kim mã hành dư* được chép trong nhiều bộ *Ngô gia văn phái*, số dị bản nhiều, sự sai dị trong từng bản khác nhau cũng khá nhiều, nhất là số bài chép trong từng bản có số lượng nhiều ít khác nhau... Lại trong *Kim mã hành dư* có những bản chép lộn những bài thuộc *Hàn các anh hoa*, ví như tập *Ngô gia văn phái* VHv.1743/18 chép lộn ba bài Biểu văn (Tờ 61a – 65a). Hay tập *Ngô gia văn phái* A.117c/1 chép 13 bài chiếu, 2 sắc, 1 chế của *Hàn các anh hoa*. Ngược lại, ở *Hàn các anh hoa* cũng có những bản chép lộn vào những bài thuộc tập *Kim mã hành dư,* ví như: *Ngô gia văn phái* A.117c/2, mục *Hi Doãn công di thảo*, chép ba tập thơ *Cúc hoa thi trận, Thu cận dương ngôn, Cẩm đường nhàn thoại,* và hai tập văn *Kim mã hành dư* và *Hàn các anh hoa*, trong đó *Hàn các anh hoa* lại chép tới 8 bài phú, 6 bài ký, bi ký, mà lý ra những bài này thuộc tập *Kim mã hành dư* !

Trước tình hình văn bản có chỗ chưa thống nhất như vừa trình bày trên, lần này chỉ bằng phương pháp thống kê lại toàn bộ số bài đã chép trong 15 dị bản, lọc ra những bài có nội dung trùng nhau, sau đó tập hợp sắp xếp lại theo thể loại, trả lại những bài chép không đúng chỗ về đúng tập của nó, như chủ trương của soạn giả tùng thư *Ngô gia văn phái*. Ở *Kim mã hành dư* lần này sẽ sắp xếp lại theo trật tự sau:

1. Phú, 2. Kí - Bi Kí, 3. Nghị - Luận, 4. Khải, 5. Văn (Cáo văn - Tế văn), 6. Tự - Thư, 7. Hiểu - Ước - Đáp - Dẫn.

CHÚ THÍCH:

1.VHc. 925: VHc là ký hiệu bản chụp. Bộ *Ngô gia văn phái* ký hiệu A.117 đã chụp nhân bản. Bản gốc của bộ sách này gồm 6 ký hiệu khác nhau: A.117a/1-30; A.117 b/1-4; A.117 c/1-3; A.117 d/1-3; A.117 đ; A.117e. Sau khi chụp, thủ thư lên ký hiệu cho bản chụp là VHc, và chua thêm ký hiệu cũ vào từng bản chụp tương đương, nhưng chỉ dùng một ký hiệu A.117/1-42, không đúng như ký hiệu cũ. Bản gốc hiện không được đọc vì đã có bản chụp, nên ở đây, có một số bản đã tra ra ký hiệu cũ, còn những bản không tra ra, xin dùng kèm cả hai loại ký hiệu, 1 của bản chụp VHc, một của ký hiệu A.117/ 1-42 đã chữa sau khi chụp.

PHÚ

Có 16 bài phú tập hợp trong *Kim mã hành dư,* nằm trong các bộ của tùng thư *Ngô gia văn phái* khác nhau, có ký hiệu Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm: VHv.1743/21, VHv.16/7, A.117/8, A.117c/2, A.11734.

Phú của Ngô Thì Nhậm phần nhiều viết theo lối cổ thể, khá phóng khoáng, thể hiện tư tưởng tình cảm thật đậm đà đối với thiên nhiên, cùng triết lý sống của mình trong suốt cuộc đời từ khi ra làm việc cho nhà Lê-Trịnh đến thời kỳ đem hết tài năng và sức lực của mình đóng góp cho nhà Tây Sơn. Có thể nói, ông là tác giả viết nhiều phú nhất trong thời kỳ ấy. Lần này do chưa xử lý kịp tư liệu, nên còn 3 bài chưa được dịch, xin bổ sung vào dịp thuận lợi khác. Đó là các bài:

-Vi chi phú (Hai bài) 爲之賦

-Lâm trì phú (Bài 2) 臨池賦

1. 耀武亭賦

己亥冬予經略太原，本道各奇號官兵進抵同姥分屯駐札。中屯構立層樓，大軍於樓前操演。因名耀武亭，作賦扁題。

己亥之年；玄冥維月。

雪嶺開以將高；朔風凜乎欲冽。

轅門下令，雷轟電契；戎車啓行，雲流霧掇。

指上游而直搗；即古城而暫歇。

爾乃：治鎧甲，繕戈矛。

理旌旗；營櫓樓。

爰相勝地；于城西隅。

鳩工集兮不日；牛飲鼓兮千夫。

東林之木，北林之竹；乃墨乃削，棧高架浮。

虎豹之窟，豺狼之室；既堵既屋，誅撬刈蕪。

蓋山林之中興；亦飛蓋之雄遊。

若乃：木脫山明；天空月出。

開四面之玲瓏；盼千峰之崒嵂。

雞鳴犬吠，林也有村；鶴色猿聲，與耶吾物。

瀉吾懷之悠悠；絕塵纓之鬱鬱。

既而：顧瞻三島；俯視錦川。

縹緲夕陽之草樹；幽沉古廟之香煙。

厥若有人；壯氣長天。

兩朝綱紀；一派清漣。

亦有髦士；僊侶山邊。

奮袂英豪；寫爲詩篇。

慨草莽之蕪沒；懷古人兮渺綿。

亦或漁子歌殘；樵夫夢斷。

淒涼滄浪之歌；慷慨戰場之怨。

衣冠攜手，空上勾稽；戈戟同心，惟餘藥碑。

開百千無盡之清奇；暢萬隊同彊之歌管。

於是：穹亓予順；流峙協靈。

豁明堂於鈴閣；趨駿彩於大庭。

何處綺羅，煙花片片；誰家絲竹，禽韻聲聲。

望敵樓，美人屋；都闔府，醉翁亭。

爽吾懷於遨遊；代口舌乎甲兵。

爰有緩帶輕裘；綸巾羽扇。

屹二鎮之長城；壯三軍之冠冕。

賦詩退虜，實我不才；參幄籌邊，匪公有彥。

偷閒勝日，相攜放鶴之樓；連理高吟，如跨鳴鳳之院。

然則：登斯亭也，抬頭碧漢；驤首青雲。

彷彿鈞韶之響；依稀霓羽之神。

揮吐風霆；斡運曦輪。

縮山河於顧盼；掃闔塞之妖氛。

一將授成，三陲受命；層梯直上，萬里無塵。

實節度公之奇勳；吾有不能盡其雲雲。

PHIÊN ÂM:

DIỆU ĐÌNH PHÚ

Kỷ Hợi đông, dư kinh lược Thái Nguyên, bản đạo các cơ hiệu quan binh tiến đế Đồng Mụ phân đồn trú trát. Trung đồn cấu lập tằng lâu, đại quân ư lâu tiền thao diễn. Nhân danh Diệu Vũ đình, tác phú biển đề.

Kỷ Hợi chi niên; Huyền Minh duy nguyệt.

Tuyết lĩnh khai dĩ tương cao; sóc phong lẫm hồ dục liệt.

Viên môn hạ lệnh, lôi oanh điện khiết; nhung xa khải hành, vân lưu vụ bát.

Chỉ thượng du nhi trực đảo; tức cổ thành nhi tạm yết.

Nhĩ nãi: *Trị khải giáp, thiện qua mâu.*

Lý tinh kỳ; dinh lỗ lâu.

Viên tương thắng địa; vu thành tây ngung.

Cưu công tập hề bất nhật; ngưu ẩm cổ hề thiên phu.

Đông lâm chi mộc, bắc lâm chi trúc; nãi mặc nãi tước, sạn cao giá phù.

Hổ báo chi quật, sài lang chi thất; ký đổ ký ốc, tru sàm ngải vu.

Cái sơn lâm chi trung hưng; diệc phi cái chi hùng du.

Nhược nãi: *Mộc thoát sơn minh; thiên không nguyệt xuất.*

Khai tứ diện chi linh lung; miện thiên phong chi tốt luật.

Kê minh khuyển phệ, lâm dã hữu thôn; hạc sắc viên thanh, dữ da ngô vật.

Tả ngô hoài chi du du; tuyệt trần anh chi uất uất.

Ký nhi: *Cố chiêm Tam Đảo; phủ thị Cẩm Xuyên.*

Phiếu diểu tịch dương chi thảo thụ; u trầm cổ miếu chi hương yên.

Quyết nhược hữu nhân; tráng khí trường thiên.

Lưỡng Triều Cương Kỷ; nhất phái thanh liên.

Diệc hữu mao sĩ; Tiên Lữ sơn thiên.

Phấn quyết anh hào; tả vi thi biên.

Khái thảo mãng chi vu một; hoài cổ nhân hề diểu miên.

Diệc hoặc: *Ngư tử ca tàn; tiều phu mộng đoạn.*

Thê lương Thương Lương chi ca; khẳng khái chiến trường chi oán.

Y quan huề thủ, không thương Câu Kê; qua kích đồng tâm, duy dư Dược Đạn.

Khai bách thiên vô tận chi thanh kỳ; sướng vạn đội đồng cường chi ca quản.

Ư thị: *Khung thị dư thuận; lưu trĩ hiệp linh.*

Khoát minh đường ư linh các; xu tuấn thái ư đại đình.

Hà xứ ỷ la, yên hoa phiến phiến; thùy gia tì trúc, cầm vận thanh thanh.

Vọng địch lâu, mỹ nhân ốc; Đô khổn phủ, Túy ông đình.

Sảng ngô hoài ư ngao du; đại khẩu thiệt hồ giáp binh.

Viên hữu: *Hoãn đới, khinh cừu; luân cân, vũ phiến.*

Ngật nhị trấn chi trường thành; tráng tam quân chi quán miện.

Phú thi thoái lỗ, thực ngã bất tài; tham ốc trù biên, phỉ công hữu ngạn.

Thâu nhàn thắng nhật, tương huề phóng hạc chi lâu; liên lý cao ngâm, như khóa Minh Hoàng chi viện.

Nhiên tắc: *Đăng tư đình dã, đài đầu Bích Hán; tương thủ thanh vân.*

Phảng phất Quân thiều chi hưởng; y hy Nghê vũ chi thần.

Huy thổ phong đình; cán vận hy luân.

Súc sơn hà ư cố miện; tảo khổn tái chi yêu phân.

Nhất tướng thụ thành, tam thùy thụ mệnh; tầng thê trực thượng, vạn lý vô trần.

Thực Tiết độ công chi kỳ huân; ngô hữu bất năng tận kỳ vân vân.

DỊCH NGHĨA:

PHÚ ĐÌNH DIỆU VŨ

Mùa đông năm Kỷ Hợi, ta đi kinh lược đạo Thái Nguyên, các quân lính trong cơ ngũ ở bản xứ cùng đến Đồng Mỗ, chia đồn đóng giữ. Chiếc đồn giữa dựng chiếc lầu cao mấy tầng, đại quân thường thao diễn ở trước. Nhân đặt tên là đình Diệu Vũ, làm bài phú để vào biển treo trên.

Năm Kỷ Hợi; tháng Huyền Minh.[1]

Núi tuyết mở dần cao; gió bấc buốt như cắt.

Cửa trướng ra lệnh tựa sấm vang chớp giật; xe quân kéo đi như khói tỏa mây vần.

Chỉ miền thượng du phải đảo lộn; tới nơi thành cũ sẽ tạm dừng.

Nhàn mới:

Sửa áo giáp; chọn mộc mác. Trương cờ quạt; làm chòi canh.

Chọn khoảnh đất đẹp; ở góc tây thành.

Không đầy một ngày, họp đủ thợ thuyền;

Hàng nghìn phu dịch nghe trống tới, tấp nập ăn uống.[2]

Gỗ lấy ở rừng đông, tre chuyển từ rừng bắc;

Mực thước đẽo vạc, bắc giáo cắm sàn.

Hang hổ báo, lỗ sài lang; vượt thành nền, đắp thành tường, gai cỏ san bằng.

Có lẽ khu rừng núi mới được sửa sang lại; cũng là nơi cho những nhà mũ lọng rập rìu.

Nào là: Rừng thoáng núi quang; trời im trăng mọc.

Mở toang bốn cửa vòm rộng thênh; ngắm hàng nghìn ngọn núi cao vót.

Gà gáy chó khua, khu rừng này mà có thôn xóm ở; chim kêu vượn hót, giống vật cùng mình cùng bạn bầu.[3]

Giải được nỗi hoài cảm của ta; dứt được giải mũ bị bụi hoen ố.

Rồi mà: Nhìn núi Tam Đảo; nhòm sông Cẩm Xuyên.

Cỏ cây tha thướt dưới bóng tà; hương khói mịt mờ nơi miếu cổ.

Đã có những người, khí mạnh bốc ngất trời; như hai ông Triều Cương Triều Kỷ, chiếm một vùng nước trong.[4]

Cũng có nhà danh sĩ, tối bên non Tiên Lữ; vẫy vạt áo hùng hào, đề nên thơ một thiên.[5]

Cảm cỏ hoang chằng chịt; buồn người xưa xa vời.

Cũng khi: Chú chài im hát; anh tiều ngủ say.

Câu ca Thương Lương lạnh lùng; nỗi oán mặt trận hăng hái.

Nào người áo cạo mũ dài vui vẻ dan tay, nay chỉ còn trơ núi Câu Kê; nào kẻ vung gươm giật giáo đoàn kết cùng lòng, nay chỉ sót lại thôn Đan Dược.[6]

Mở thú thanh kỳ, trăm nghìn năm vô cùng tận; vui tiếng đàn hát, muôn đội ngũ cùng hào hùng.

Nhờ đó: Trời đất thỏa thuận; sông núi linh phù.

Trước gác chuông,[7] hồ gương mở rộng; trên sân rộng vẻ đẹp nhởn nhơ.

Mầu là lượt chốn nào? Kìa ngọn khói lớp lớp; tiếng đàn sáo nhà ai? Kìa giọng chim líu lo.

Lầu Vọng địch, nhà mỹ nhân; phủ Đô khổn đình Túy ông.

Trong lúc rong chơi, lòng ta khoan khoái; đem những giọng lưỡi thay cho giáp binh.

Nhân có: Người đai mỏng áo nhẹ;[8] khăn gốc quạt lông.[9]

Là trường thành cao ngất cho hai trấn; làm quan miện tráng lệ cho ba quân.

Ngâm nên bài thơ lui ngay được giặc, tôi thật không đủ tài năng; góp mưu trong màn, tính việc ngoài biên, ông [10] cũng chẳng là tuấn kiệt.

Ngày đẹp gặp lúc rảnh, cùng dắt nhau lên lầu phóng hạc; ngâm vang câu thơ liên vận, như bước vào viện Minh Hoàng.

Thế thì: Lên lầu này, nghển đầu chạm sông Bích Hán; chạm trán những đám mây xanh.

Văng vẳng khúc nhạc Quân thiều; thấp thoáng điệu múa Nghê vũ.[11]

Buông nhả sấm gió; xoay chuyển trăng sao.

Rút hẹp non sông dưới tầm con mắt; quét sạch vẩn bụi ở ngoài biên cương.

Một tướng ra uy, ba quân nghe mệnh; lên thẳng tầng thang, muôn dặm mây quang.

Thật là huân tích kỳ lạ của Tiết độ công; tôi đây không thể tả hết được.

CHÚ THÍCH:

1. Huyền Minh: Vị thần coi về mùa đông.

2. Nguyên chữ: 牛飲 "ngưu ẩm" có nghĩa là "cúi cổ uống rượu như trâu uống nước," Chúa Kiệt đổ rượu xuống ao, đánh trống báo nhân dân cúi cổ xuống mà uống.

3. Bài *Tập minh* của Trương Tái, có câu: "Dân ngô đồng bào, vật ngô đồng dữ" (dân cùng một bào thai với ta, vật cùng dảng dữ với ta).

4. *Nguyên chú:* Thành Đồng Mỗ xây từ đời Mạc, khoảng năm Lê Vĩnh Tộ có hai ông Triều Cương hầu và Triều Kỷ hầu, chiếm giữ thành đó (chống Lê) nay còn miếu thờ.

5. *Nguyên chú:* Phía bắc sông Đồng Mỗ có núi Tiên Lữ, bán triều (Lê) ông Vũ Quỳnh có đề thơ.

6. *Nguyên chú:* Ở tây thành có núi Câu Kê, bên núi có nhà kho dạn dược, nay kho thành ra thôn.

7. Nguyên văn "linh các "鈴閣 là gác treo chiếc chuông nơi tướng soái ở khua để báo hiệu.

8. Đời Tấn, ông Dương Hựu ở trong trướng doanh thường mặc áo cừu nhẹ, thư thả thắt dai lưng.

9. Gia Cát Lượng thường dùng.

10. Chỉ Tiết độ công ở lầu đó. (Xem câu ở cuối).

11. Điệu múa đời Đường Minh Hoàng, học được ở tiên cung.

Quán Thiều là nhạc của vua Thuấn hoặc là thiên nhạc.

DỊCH PHÚ:

Năm là năm Hợi; tháng là tháng đông,

Núi tuyết mở cao vút; gió tuyết đưa lạnh lùng.

Lệnh tướng quân thi hành, mạnh như sấm chớp rộn rã; quân sĩ xuất phát, đông tựa mây khói mịt mùng.

Chỉ miền thượng du mà quyết đảo cho lộn hẳn; hẹn tới cổ thành mà tạm nghỉ ngơi cùng.

Bèn mới:

Sửa sang chiến hào; kiểm điểm mộc mác.

Căng thẳng lá cờ; dựng cao chòi gác,

Ở phái tây thành; đất mới chọn được.

Không đầy nửa buổi, các thợ thuyền tập hợp hiến dù tài năng; hàng nghìn dân phu, nghe tiếng trống đánh cùng đến như trâu uống nước.

Chuyển tre cùng gỗ, đông bắc hai ngàn; mực thước đẽo đục, cấm giá, bắc sàn.

Vít lỗ sài lang, lấp hang hổ báo; đắp nền đắp chái, phá cỏ hoang tàn.

Có lẽ cảnh trùng tân ở nơi rừng núi; cũng là chốn tiêu dao của khách y quan.

Nào là: *Cây quang lửng, núi sáng trưng; bầu trời cao, trăng trong suốt.*

Cửa bốn mặt mở kìa linh lung; non nghìn ngọn cao kìa chót vót.

Gà gáy chó sủa, giữa rừng âu lại có thôn quê; vượn hót chim kêu, vạn vật với ta cùng bạn tốt.

Nỗi lọng buồn, giãi hết xa xôi; dải giũ bụi, dứt không vương sót.

Rồi mà:

Nhìn hòn Tam Đảo, ngắm lạch Cấm Xuyên.

Dưới bóng tàn cỏ cây tha thướt; trong đền xưa hương khói liên miên.

Vẫn có những người; hào khí bốc lên,

Hai ông Cương, Kỉ; chiếm giữ một miền,

Cũng có tao sĩ; tới động non Tiên.

Phẩy mạnh vạt áo; đề thơ một thiên.

Buồn nỗi nay cỏ cây sao hoang vắng; nhớ người xưa dẫu xa mà không quên.

Cũng khi:

Chú chài im hát; anh tiều ngủ say.

Điệu ca Thương Lương buồn bã; nỗi oán chiến trường gắt gay.

Nào người mũ áo dan tay, sao trơ trọi núi Câu Kê chốn đó; những kẻ giáo gươm một dạ, chỉ suông không thôn Đạn Dược nơi đây.

Mở cảnh vô tận trăm năm, mầu thanh thú lạ; vui lúc đồng cường muôn đội, đàn ngọt hát hay.

Nhờ đó:

Trời đất trợ thuận; sông núi hiển linh.

Trước linh các gương trì dường sáng tỏ; giữa lạc đình vẻ hùng tuấn đua tranh.

Hoa mây khói tần vần, tựa chốn đó đãi mầu là lượt; vẫn chim muông rỏo rắt, tưởng nhà ai dạo khúc dương tranh.

Vọng địch này lầu, mỹ nhân này quán; đô khổn này phú, túy ông này đình.

Thoả chút lòng trong khi du lãm; đẩy tấc lưỡi thay cho giáp binh.

Nhân có vị tướng: *Lỏng đai, nhẹ áo; phảy quạt chít khăn.*

Cao ngất trường thành cho hai trấn; vững bền quan miện cho ba quân.

Tôi đã bất tài, trận thoái lỗ vần thơ ca vịnh; ông đàu tuấn kiệt, màn tham mưu con toán xoay vần.

Trộm buổi thư nhà, lầu phóng hạc dan tay sát cánh; ngâm câu cao bổng, viện Minh Hoàng rảo bước mau chân.

Thế thì lên đỉnh này vậy! Chạm đầu sông bạc; sát trán mây cao.

Vang vẳng khúc quân thiều nổi tiếng; lơ thơ áo nghệ mũ giải mầu.

Nhà cuốn sấm gió; xoay chuyển trăng sao.

Rút sông núi cho nhìn ngó tiện; quét ải quan không vẩn bụi vào.

Tướng đã trao quyền, ba quân vâng lệnh; tầng thang thẳng tiến, muôn dặm trong veo.

Đó thật là thành tích của Tiết độ công lớn lao; như tôi đây còn biết nói thế nào!

Trần Duy Vôn (dịch)

2. 天君泰然賦

也翁也闢，何慮何思？

蓋陶鑄之由命，豈智力之能爲？

天君泰然遵道乎無反無側；上帝臨汝順則於不識不知。

何爲天？

浩浩無垠，洋洋峻極。

雲行雨施各流形，日往月來無休息。

鼓鑄機緘默運，慘則萬物皆慘，舒則萬物皆舒；發生道理自然，白者萬古常白，黑者萬古常黑。

何謂天君？

靈臺瑩靜，虛室玲瓏。

無意必固我；知剛柔變通。

用則行舍則藏，出處語默皆通乎時義；言之信行之果，死生驚懼不入乎胸中。

故君子：

知所操持，在茲紬繹。

雍雍以迓喈喈，蕩蕩而無戚戚。

恭敬而事上，如風從虎雲從龍；明哲以保身，毋據于藜困于石。

乃能：

吉無不利，動罔弗藏。

可以任重致遠，於焉受祉發祥。

享君子之備福，完君子之令名，天保“俾爾戩穀”；居天下之廣居，行天下之達道，洪範“身其康彊”。

試觀：

載諸簡編，足爲監戒。

屈原介子孤憤自戕；靈運義之輕投取敗。

郭汾陽安義命，伏忠信少貴老全；呂平章處大事不糊塗，國安家泰。

居吾語子：

爲臣不易，行路甚難。

頭角雖云昂聳，鬢髦忽已蒼斑。

上下無常，進退無恒，且要勤行不息。西南爲夷，東北爲險，必思順處乃安。

深思哉：

太清一鐘，大燕三爵。

須覺悟於未明，勿沉酣而自虐。

時推移而變化，輪彈隨與往來；剛短折柔久長，齒舌豈爭疆弱。

余蓋論性命之一端若全體處，尚猶滄海之一勺！

PHIÊN ÂM:

THIÊN QUÂN THÁI NHIÊN PHÚ

Dã hấp dã tịch, hà lự hà tư?

Cái đào chú chi do mệnh, khởi trí lực chi năng vi?

Thiên quân thái nhiên, tuân đạo hồ vô phản vô trắc; thượng đế lâm nhữ, thuận tắc tư bất thức bất tri.

Hà vi thiên?

Hạo hạo vô ngân, dương dương tuấn cực.

Vân hành vũ thí các lưu hình, nhật vãng nguyệt lai vô hưu tức.

Cổ chú cơ dam mặc vận, thảm tắc vạn vật giai thảm, thư tắc vạn vật giai thư; phát sinh đạo lý tự nhiên, bạch giả vạn cổ thường bạch, hắc giả vạn cổ thường hắc.

Hà vị thiên quân?

Linh đài oánh tĩnh, hư thất linh lung.

Vô ý tất cố ngã; trì cương nhu biến thông.

Dụng tắc hành xả tắc tàng, xuất xử ngữ mặc giai thông hồ thời nghĩa; ngôn chi tín, hành chi quả, tử sinh kinh cụ bất nhập hồ hung trung.

Cố quân tử:

Trí sở thao trì, tại tư trừu dịch.

Ung ung dĩ nhạ giai giai, đãng đãng nhi vô thích thích.

Cung kính nhi sự thượng, như phong tòng hổ, vân tòng long; minh triết dĩ bảo thân, vô cứ vu lê khốn vu thạch.

Nãi năng:

Cát vô bất lợi, động võng phất tàng.

Khả dĩ nhậm trọng chí viễn, tư yên thụ chi phát tường.

Hướng quân tử chi bị phúc, hoàn quân tử chi lệnh danh, Thiên bảo: "Tỉ nhĩ tiền cốc;" cư thiên hạ chi quảng cư, hành thiên hạ chi đạt đạo, Hồng phạm: "Thân kỳ khang cường."

Thí quan:

Tái chử giản biên, tức vi giám giới.

Khuất Nguyên, Giới Tử, cô phẫn tự tường; Linh Vận, Hi Chi, khinh đầu thủ bại.

Quách Phần Dương an nghĩa mệnh, trượng trung tín, thiếu quý, lão toàn; Lã Bình Chương xử đại sự bất hồ đồ, quốc an, gia thái.

Cử ngộ ngữ tử:

Vi thần bất dị, hành lộ thậm nan.

Đầu giác tuy vân ngang tủng, mấn mao hốt dĩ thương ban.

Thượng hạ vô thường, tiến thoái vô hằng, thả yếu cần hành bất tức; tây nam vi dị, đông bắc vi hiểm, tất tư thuận xử nãi an.

Thâm tư tai:

Thái Thanh nhất chung, đại yến tam tước.

Tu giác ngộ tư vị minh, vật trầm hàm nhi tự ngược.

Thời, suy dĩ nhi biến hoá, luân đàn tuỳ dữ vãng lai: cương đoản chiết, nhu cửu trường, xỉ thiệt khởi tranh cường nhược.

Dư cái luận tính mệnh chi nhất đoan, nhược toàn thể xứ thượng do thương hải chi nhất thược!

DỊCH NGHĨA:

PHÚ LÒNG LUÔN THANH THẢN

Khi đóng khi mở, lo gì nghĩ gì?

Bởi hun đúc là do mệnh, há trí, sức làm được chi?

Lòng dạ thảnh thơi, tuân theo đạo không nghiêng, không ngả; cao xanh soi dọi, thuận lẽ trời không biết, không hay.

Trời là như thế nào? Mênh mông cao thẳm.

Mây bay, mưa dội, hình thảy trôi đi; tháng lại ngày qua, chút không ngừng lặng.

Máy huyền vi xoay vần hun đúc, khi thảm ắt muôn loài đều thảm, lúc thư thì vạn vật đều thư; đạo phát sinh từ chỗ tự nhiên, sắc đen thì muôn thuở vẫn đen, mầu trắng ắt muôn đời vẫn trắng.

Vì sao gọi là "thiên quân" [1]?

"Đài thiêng" trong lắng, "nhà trắng" sáng trưng.

Không tư lợi, chấp nê, vị kỉ,[2] biết cứng mềm, hiểu lẽ biến thông.

Đời dùng thì làm, đời bỏ thì về ẩn, ra hay ẩn, nói hay im, đều bởi hiểu thông thời vận; lời nói thì giữ tin, việc làm thì quyết xong, sống với chết, lo với sợ, chút không vướng bận trong lòng.

Bởi vậy nên người quân tử:

Biết cách giữ gìn, đắn đo trong dạ.

Ung dung mà đón niềm vui, phẳng lặng mà không lo sợ.

Kính cẩn thờ trên, như gió theo hổ, như mây theo rồng; sáng suốt giữ mình, không vướng vào gai, chẳng va vào đá.

Do đó mà:

Điều điều thuận lợi, việc việc thành công.

Có thể đi xa mang nặng:

Nhờ đó phúc lộc hanh thông.

Phúc, quân tử hưởng trọn mức, danh quân tử giữ vẹn trong,

Thơ *Thiên bảo* nói: "Cho người phúc lộc."[3]

Ở chỗ rộng trong thiên hạ,[4] đi đường lớn trong thiên hạ.

Thiên *Hồng phạm* nói: "Thân được khang cường."[5]

Thử xem sử sách, cũng đủ làm gương.

Khuất Nguyên, Giới Tử, ôm hận, hại mình;[6] Linh Vận, Hi Chi, làm liều, thất bại.[7]

Quách Phần Dương[8] an nghĩa mệnh, giữ trung tín, trẻ hiển vinh, già được vẹn toàn; Lã tể tướng,[9] xét việc lớn chẳng hồ đồ, nước yên ổn, nhà thêm khang thái.

Này, ta nói cho người biết: Làm bầy tôi chẳng dễ, đi đường rất khó khăn.

Đầu óc tuy to lớn, râu tóc thoắt điểm ban...

Trên dưới không thường, tiến lui chẳng định, hãy cốt xiêng làm chẳng nghỉ; tây nam bằng phẳng, đông bắc hiểm nghèo, ắt nên thuận lẽ mới an!

Cần nghĩ cho sâu vậy thay!

Một tiếng chuông cung Thái Thanh, ba chén rượu cuộc đại yến.

Sớm thấy ra từ lúc tối mờ, chớ say đắm mà mua tai biến.

Lựa theo thời mà biến hoá, bánh xe, hòn đạn, tuỳ lúc tới lui; cứng chóng gãy, mềm bền lâu, lưỡi nọ, răng kia, tranh cường hão chuyện!

Ta mới bàn qua về tính với mệnh mà thôi, đối với toàn thể, chỉ là một vốc nước con trong biển!

Ngô Linh Ngọc (dịch)

(Theo *Tuyển tập Thơ văn Ngô Thì Nhậm*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978)

CHÚ THÍCH:

1.Thiên quân: Chỉ trái tim, sách *Tuân Tử*: "Tâm cư trung hư, dĩ trị ngũ quan phù vị chi thiên quân" (Tim ở giữa và rỗng, để trị ngũ quan nên gọi là thiên quân).

2.Nguyên văn: "Vô ý, tất, cố, ngã." Sách *Luận ngữ*, thiên *Tử Hãn*: "Vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã" (Chớ làm theo ý riêng mình, chớ cố chấp, chớ cố định, chớ tự ý, ích kỉ).

3.Thơ *Thiên bảo*, *Tiểu nhã*, *Kinh Thi*, có câu: "Tỷ nhĩ tiên cốc" (Cho người phúc lộc).

4.Ở chỗ rộng...: Sách *Mạnh Tử*: "Cư thiên hạ chi quảng cư, lập thiên hạ chi chính lộ, hành thiên hạ chi đạt đạo, phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất, thử chi vi đại trượng phu" (Ở cái nhà rộng trong thiên hạ, đứng ở lối chính trong thiên hạ, đi trong đường lớn trong thiên hạ, giầu sang không dâm dật, nghèo hèn không đổi dời, uy vũ không khuất phục, đó là kẻ đại trượng phu). Quảng cư, chính lộ, đạt đạo nói ở đây, tức là nhân, nghĩa và đạo thường.

5.*Kinh Thư*, thiên *Hồng phạm*, có câu "Thân kì khang cường."

6.Khuất Nguyên: Người đời Chiến Quốc, là một trung thần có lòng yêu nước thương dân, nhưng Sở Hoài Vương vì nghe lời dèm pha của bọn gian thần, nên đã đuổi ra ở Giang Nam, về sau ông phẫn chí, nhảy xuống sông Mịch La mà chết.

Giới Tử Thôi, người nước Tấn đời Xuân Thu, theo công tử Trùng Nhĩ đi lưu vong 20 năm, sau Trùng Nhĩ về làm vua nước Tấn, tức Tấn Văn Công, lúc thưởng công, Giới Tử Thôi bị bỏ quên, ông ta bèn đi ở ẩn tại núi Miên Sơn rồi chết ở đó. Ở đây ý tác giả nói, Khuất

Nguyên, Giới Tử Thôi cố chấp, tự hại mình.

7.Vương Hi Chi người đời Tấn, làm quan đến Hữu quan tướng quân, về sau bị can vào vụ Vương Luân mưu phản, rồi bị hại.

Tạ Linh Vận người đời Nam triều (cháu Tạ Huyền), làm quan Nội sử Lâm Xuyên, sau đổi sang Quảng Châu, có ý mưu phản, bị giết. Ở đây ý tác giả nói, Hi Chi, Linh Vận làm theo ý riêng mình, vội vàng, khinh suất, nên mang vạ vào thân.

8.Quách Phấn Dương, tức Quách Tử Nghi, người họ Đường, có công dẹp loạn An Lộc Sơn, được phong Phấn Dương Vương.

9.Lã Tể tướng, tức Lã Đoan, người đời Tống, giữ chức Hộ bộ Thị lang bình chương sự. Tống Thái Tông phong làm Tể tướng, có người nói: Lã Đoan là người hồ đồ. Tống Thái Tông nói: Ông ta chỉ hồ đồ việc nhỏ, không hồ đồ việc lớn.

3. 夢天台賦

六龍之歲，
黃花維月。
金風在樹，
寒威欲冽。
雲邊遁夫，
午睡幽齋。
童報有客，
自遠方來。
披衣而起，
延客臨几。
一揖爲敬，
詢其名氏。

客曰：
予天台山之主人也！
聞君乘范蠡之舟，
下大黃，出文郎，入涇陶，居三吳。

閱歷星霜，倏忽兩秋。

江湖之樂，何如巖邱？

欲攜君爲吾山之遊。

曰：

子非劉阮之主人乎？

吾聞劉阮仙之隱者。

衣荷葉以不凍，

餐松英而無餓。

雲務鋪其氈帳，

鸞鶴役爲車馬。

扶採藥之閒蹤，

實騰空而羽化。

蓋與吾子周旋，幾世幾年，而何求于我？

客乃大譁，子見何蝸！

吾之天台，豈子所聞劉阮之山也耶！仙境渺茫，月洞星槎；子未能忘親戚，屏妻孥，辟麥稻，卻魚蝦。

吾何能挈子於無何有之鄉，棲白石而鍊丹砂？

夫吾之山，平陽巖谷，

不高不低，非仙非俗。

東望六頭之綿渺，

北瞻九龍之飛伏。

三德縈迴以照耀，

八萬蜿蜒而接續。

間煙霞於土石，

隱桑麻乎松竹。

左廛陌而右閭閻，
降原田而陟坡麓。
九夏和南之響，禪院聲聲；
三春渭北之遊，大堤曲曲。
蓋相傳曰：
天台山實嘉定東究山，江北之大名目也！
當其：
調御出世，法螺皈寂。
自南柵而北遊，
即吾山以卓錫。
玄光傳其衣缽，
寤語倚於深石。
安子崇嚴頡頏其招提；
建初天心絡繹乎金碧。
此吾山之悟釋。
及其：
翠華北巡，萬馬千軍。
歷禧裕之兩朝，
陟斯山爲亭云。
樓臺絢於碧嶺，
冠蓋羅乎彤雲。
直可以：低昂仙辣，拱揖龍華；
伯仲升恒，臣僕鄧春。
此又吾山之得君。
子將何居？仙歟？釋歟？抑又瞻黃屋之後塵歟？
以吾觀子：

去國懷鄉，憂讒畏譏。
難爲劉阮之高蹈，
可學三祖之慈悲。
靜方寸於欲動，
斂萬事於無爲。
韞美玉以深藏，
潛神龍乎莫窺。
以待夫知吾子者，行吾子之志，運八極而幹九壖。
予聞客言，撫掌大笑。
吾何能仙，釋亦不到。
聊從事於經籍，
求無歉乎名教。
縱合浦之有年，
覺孤松之將老！
其或：
天地無隘，江山相邀。
掛一瓢兮倘徉，
拂兩袖兮遊遨。
遍宇宙以爲廬，
夫何繫乎鴻毛？
吾子點檢斯山，待吾逍遙。
人生邂逅皆前定，
豈直桃源能樹桃？
於是：舉酒酌客，叩案而爲之歌曰：
遊桃源兮訂天台，

訂天台兮吾未來。
吾未來兮，渺渺乎吾懷。
吾懷寄寥廓，
斯山長催嵬。
望知己兮天一涯！
何人識兮吾靈臺？
吾靈臺兮對磅礴，
顧衿影兮無愧怍。
盼山遊兮放山歌，
歌一闋兮添一酌。
心吾平兮命吾安！
命吾安兮心吾樂！
歌罷客去，予夢亦覺。雖然非夢也，予設爲夢也！

PHIÊN ÂM:

MỘNG THIÊN THAI PHÚ

Lục long chi tuế,
Hoàng hoa duy nguyệt.
Kim phong tại thụ,
Hàn uy dục liệt.
Vân biên độn phu,
Ngọ thụy u trai.
Đồng báo hữu khách,
Tự viễn phương lai.
Phi y nhi khỉ (khởi),
Diên khách lâm kỉ,
Nhất ấp vi kính,
Tuân kỳ danh thị.

Khách viết:

Dư, Thiên Thai sơn chi chủ nhân dã!

Văn quân thừa Phạm Lãi chi chu,

Há Đại Hoàng, xuất Văn Lang, nhập Kinh Đào, cư Tam Ngô.

Duyệt lịch tinh sương, thúc hốt lưỡng thu,

Giang hồ chi lạc, hà như nham khâu,

Dục huề quân vi ngô sơn chi du.

Viết:

Tử phi Lưu, Nguyễn chi chủ nhân hồ?

Ngô văn Lưu, Nguyễn tiên chi ẩn giả.

Ỷ hà diệp dĩ bất đông,

Xan tùng anh nhi vô ngạ.

Vân vụ phô kỳ chiên trướng,

Loan hạc dịch vi xa mã.

Phù thái dược chi nhàn tung,

Thực đằng không nhi vũ hoá.

Cái dữ ngô tử chu toàn, kỉ thế kỉ niên, nhi hà cầu vu ngã?

Khách nãi đại hoa: *Tử kiến hà oa!*

Ngô chi Thiên Thai, khởi tử sở văn Lưu, Nguyễn chi sơn dã da!

Tiên cảnh diểu mang, nguyệt động tinh xà.

Tử vị năng vong thân thích, bình thê noa,

Tịch mạch đạo, khước ngư hà.

Ngô hà năng khiết tử ư vô hà hữu chi hương, thê bạch thạch nhi luyện đan sa?

Phù ngô chi sơn, bình dương nham cốc;

Bất cao, bất đê, phi tiên, phi tục.

Đông vọng Lục Đầu chi miên diểu,

Bắc chiêm Cửu Long chi phi phục.

Tam Đức oanh hồi dĩ chiếu diệu,

Bát Vạn uyển diên nhi tiếp tục.

Gián yên hà ư thổ thạch,

Ẩn tang ma hồ tùng trúc.

Tả triền mạch nhi hữu lư diêm,

Giáng nguyên điền nhi trắc pha lộc.

Cửu hạ hoà nam chi hưởng, thiền viện thanh thanh;

Tam xuân Vị Bắc chi du, đại đê khúc khúc.

Cái tương truyền viết:

Thiên Thai sơn thực Gia Định Đông Cứu sơn, Giang Bắc chi đại danh mục dã!

Đương kì:

Điều Ngự xuất thế, Pháp Loa qui tịch.

Tự Nam Sách nhi bắc du,

Tức ngô sơn dĩ trác tích.

Huyền Quang truyền kỳ y bát,

Ngộ ngữ ỷ ư thâm thạch.

Yên Tử, Sùng Nghiêm, hiệt hàng kỳ chiêu đề,

Kiến Sơ, Thiên Tâm, lạc dịch hồ kim bích.

Thử ngô sơn chi ngộ Thích.

Cập kỳ:

Thuỷ hoa bắc tuần, vạn mã thiên quân.

Lịch Hy, Dụ chi lưỡng triều,

Trắc tứ sơn vi đình vân.

Lâu đài huyến ư bích lĩnh,

Quan cái la hồ đồng vân.

Trực khả dĩ: *Đê ngang Tiên Lát, củng ấp Long Hoa,*

Bá trọng Thăng Hằng, thần bộc Đặng Xuân.

Thử hựu ngô sơn chi đắc quân.

Tử tương hà cư? Tiên dư? Thích dư? Ức hựu chiêm hoàng ốc chi hậu trần dư?

Dĩ ngô quan tử:

Khứ quốc, hoài hương, ưu sàm, uý kỵ.

Nan vi Lưu Nguyễn chi cao đạo,

Khả học Tam tổ chi từ bi.

Tình phương thốn ư dục động,

Liễm vạn sự ư vô vi.

Uẩn mỹ ngọc dĩ thâm tàng,

Tiềm thần long hồ mạc khuy.

Dĩ đãi phù tri ngô tử giả, hành ngô tử chi chí, vận bát cực nhi cán cửu di.

Dư văn khách ngôn, phủ chưởng đại tiếu:

Ngô hà năng Tiên, Thích diệc bất đáo.

Liêu tòng sự ư kinh tịch,

Cầu vô khiếm hồ danh giáo.

Túng Hợp Phố chi hữu niên,

Giác cô tùng chi tương lão!

Kỳ hoặc:

Thiên địa vô ải, giang sơn tương yêu.

Quải nhất biều hề, thảng dương,

Phất lưỡng tụ hề, du ngao.

Biến vũ trụ dĩ vi lư,

Phù hà hệ hồ hồng mao?

Ngô tử điểm kiểm tư sơn, đãi ngô tiêu dao.

Nhân sinh giải cấu giai tiền định,

Khởi trực Đào Nguyên năng thụ đào?

Ư thị: Cử tửu chước khách, khấu án nhi vi chi ca viết:

"Du Đào Nguyên hề, đính Thiên Thai"

"Đính Thiên Thai hề ngô vị lai"

"Ngô vị lai hề, diểu diểu hồ ngô hoài"

"Ngô hoài ký liêu khuyếch"

"Tư sơn trường thôi ngôi"

"Vọng tri kỉ hề, thiên nhất nhai!"

"Hà nhân thức hề, ngô linh đài?"

"Ngô linh đài hề, đối bàng bạc"

"Cố khâm ảnh hề, vô quý tạc"

"Miện sơn du hề, phóng sơn ca"

"Ca nhất khuyết hề, thiêm nhất chước"

"Tâm ngô bình hề, mệnh ngô an!"

"Mệnh ngô an hề, tâm ngô lạc!"

Ca bãi, khách khứ, dư mộng diệc giác. Tuy nhiên phi mộng dã, dư thiết vi mộng dã!...

DỊCH NGHĨA:

PHÚ GIẤC MỘNG Ở THIÊN THAI[1]

Năm thuộc sáu rồng,[2]
Tháng vừa hoa cúc.
Gió vàng hắt hưu,
Giá sương lạnh buốt.
Ẩn sĩ bên trời,
Hiên trưa nằm ngơi.
Trẻ báo có khách,
Từ xa tới nơi.
Mặc áo ngồi dậy,
Hỏi tên họ người.

Khách rằng:

Ta là chủ của núi Thiên Thai này đó!

Nghe ông: Cưỡi thuyền Phạm Lãi,

Xuống Đại Hoàng, ra Văn Lang, vào kênh Đào, ở Tam Ngô.[3]

Lần trải tháng ngày, thoắt bỗng hai thu.

Thú chơi giang hồ chi bằng núi gò.

Ta muốn cùng ông trên ngọn núi này, một chuyến ngao du?

Ta rằng:

Ngài há chẳng là chủ nhân của Lưu, Nguyễn đó ru?

Tôi nghe Lưu, Nguyễn hai tiên ẩn,

Mặc áo lá sen mà không cóng lạnh,

Ăn cơm hạt thông mà chẳng đói lòng.

Lấy mây mù làm chăn màn,

Lấy hạc, loan làm xe ngựa.

Đi hái thuốc theo dấu tiên,

Vút trời cao mà mọc cánh.

Họ từng quanh quẩn bên ngài, bao kỉ, bao niên, lọ phải cầu tôi chi nữa?

Khách bèn lớn tiếng bảo:

Kiến thức hẹp hòi sao!

Núi Thiên Thai ta đó, phải đâu chòm Lưu, Nguyễn mà ông từng nghe bấy lâu?

Cõi tiên kia mờ ảo,

Động nguyệt với bè sao.

Ông chưa thể:

Rời thân thích, lìa vợ con,

Kiêng thóc gạo, chừa cá tôm.

Ta không thể dắt ông tới cõi ngồi trên hòn đá trắng mà luyện liều tiên đơn!

Này ngọn núi của ta: Đất bằng hang động mọc;

Không thấp cũng không cao, chẳng tiên mà chẳng tục.

Sông đằng đông Sáu Ngọn vươn dòng,

Núi mặt bắc Chín Rồng uốn khúc.

Sông Tam Đức toả sáng quanh co,[4]

Chòm Bát Vạn lượn dài chẳng dứt.[5]

Đất đá lẫn khói mây;

Dâu gai xen tùng trúc.

Lối chợ, bên trái quanh;

Xóm làng, bên phải mọc.

Bước xuống: Ruộng với đồng;

Trèo lên: Gò với dốc.

Cuối hạ tiếng "Nam vô"[6] đưa vẳng: Chùa Phật râm ran;

Mùa xuân bờ Vị Bắc dạo chơi: Đê dài khúc khúc.

Tương truyền rằng chòm Thiên Thai này chính là ngọn Đông Cứu của hạt Gia Định lừng tiếng đẹp ở miền Giang Bắc vậy!

Gặp khi:

Điều Ngự xuất thế,[7] Pháp Loa quy y.
Từ Nam Sách, Ngài vân du cõi bắc,
Đến núi ta mà trượng trụ trì.
Sư Huyền Quang được truyền y bát,
Ngồi giảng kinh bên sườn hang kia.
Yên Tử, Sùng Nghiêm, sơn môn qua lại;[8]
Kiến Sơ, Thiền Tâm, Thiền viện đi về.[9]
Ấy là lúc núi của ta ngộ Thích vậy!
Lại đến thuở:
Nẻo bắc rong cờ ngự,
Muôn ngựa với nghìn quân.
Trải hai triều Hy, Dụ,[10]
Lên núi đặt hành cung.
Rực sáng lâu đài đỉnh núi biếc,
La liệt mũ lọng giữa mây hồng!
Thật có thế:
Núi Tiên Lát, đọ mức,[11]
Ngọn Long Hoa bạn cùng.[12]
Rẫy Thăng, Hằng, chẳng sút,[13]
Chòm Đặng Xuân coi thường.[14]
Ấy là lúc ta được gặp chúa vậy!
Nay ông định sao nhỉ?

Theo Tiên ư? Theo Phật ư? Hay theo ngắm bụi đường của xe hoàng ốc ru[15]?

Ta xem ông, rõ kẻ:
Bỏ nước nhớ mong quê.
Đã ngại lời dèm báng,
Lại sợ tiếng cười chê.
Khôn theo Lưu, Nguyễn đường cao ẩn,[16]
Nên học Tam tổ đạo từ bi.
Gửi lòng mình vào tĩnh lặng,
Gác mọi việc vào vô vi.

Ngọc tốt dấu kín nơi sâu,
Rồng thần lặn không kẻ thấy.
Chờ khi người biết đến mình,
Chí lớn nọ đem ra vùng vẫy.
Giúp tám cực mà chuyển xoay,
Vỗ chín cõi yên rường mối.
Nghe lời khách nói xong, ta vỗ tay, cười bảo:
Tôi sao thể thành tiên?
Phật, cũng không đắc đạo!
Chỉ theo hướng Thi, Thư,
Khỏi trái đường "danh giáo."
Hợp Phố kia về, hoặc có phen,
Gốc thông lẻ xem chừng sắp lão!
Thẳng hoặc:
Đất trời chẳng hẹp,
Núi sông yêu cầu.
Quẩy một bầu chừ, chơi thoả thích,
Phất tay áo chừ, đi ngao du.
Khắp vòng vũ trụ, nhà ta đó,
Đôi cánh chim hồng buộc được nao?
Núi này xin dành lại,
Đợi tôi về tiêu dao.
Đời người gặp gỡ do tiền định,
Há chỉ Đào Nguyên mới có đào.
Bèn lúc đó:
Cất chén mời khách uống, gõ án mà ca rằng:
"Chơi Đào Nguyên chừ, hẹn Thiên Thai,
"Hẹn Thiên Thai chừ, ta chửa tới nơi.
"Ta chửa tới nơi chừ, lòng nhớ khôn nguôi!
"Lòng ta gửi man mác,
"Núi này mãi cao vời.

"Mong người tri kỉ chừ, một phương trời!

"Lòng ta, lòng ta chừ, tri âm ai người?

"Lòng ta vời vợi chừ, đối mênh mông,

"Nhìn bóng, nhìn áo chừ, không thẹn thùng.

"Mong buổi chơi núi chừ, hát bài ca núi,

"Hát xong một khúc chừ, rót thêm một chung.

"Lòng ta phẳng lặng chừ, mệnh ta yên ổn.

"Mệnh ta yên ổn chừ, ta vui lòng..."

Hát xong, khách đi khỏi, mộng ta cũng tỉnh.

Thế nhưng có phải mộng đâu, ta bày ra mộng đó!...

Ngô Linh Ngọc (dịch)

(Theo *Tuyển tập Thơ văn Ngô Thì Nhậm* – S đ d)

CHÚ THÍCH:

1. Núi Thiên Thai, tức núi Đông Cứu, nay thuộc huyện Gia Lương, Bắc Ninh.

2. Nguyên chú: Năm Giáp Thìn (1784), thuộc năm Sáu rồng trị thuỷ.

3. Đại Hoàng, tức sông Hoàng Giang, còn gọi là sông Ngũ Huyện Khê, chảy qua năm huyện, trong đó có địa phận Đông Anh (Hà Nội). Có thuyết ngờ là sông Đại Hoàng, thuộc Ninh Bình.

Văn Lang, chưa rõ là địa phận nào. Có thuyết ngờ thuộc địa phận Hà Nam.

Kênh Đào, còn gọi là Đào Giang, tức sông Cà Lồ. Có thuyết nói là con sông nhỏ, thuộc tỉnh Nam Định.

Tam Ngô, chưa rõ địa phận nào. Có thuyết ngờ là thuộc Thái Bình, quê vợ Ngô Thì Nhậm. Cũng có thuyết ngờ là xã Tam Sơn, Bắc Ninh.

4. Tam Đức, tức ba con sông Thiên Đức (Sông Đuống), Nhật Đức (Sông Thương), Nguyệt Đức (Sông Cầu).

5. Núi Bát Vạn thuộc địa phận hai huyện Yên Phong và Võ Giàng (Quế Võ), Bắc Ninh.

6. Tiếng "Nam vô," dịch ý hai chữ "hoà nam," gốc tiếng Phạn, có nghĩa là chào. Theo *Tăng sử lược*: Người ở Tây Vực gặp nhau, chắp tay nói "hoà nam."

7. Điều Ngự, tức Trần Nhân Tông, tổ thứ nhất của phái Trúc Lâm Thiền Tông nước ta.

Xuất thế, tiếng nhà Phật, chỉ việc Phật Như Lai xuất thế để phổ độ chúng sinh. Nhiều khi cũng dùng như chữ "xuất gia" để chỉ người đi tu. Ở đây, dùng theo nghĩa trên.

8. Nguyên chú: Điều Ngự tu ở ngọn Tử Tiêu Phong trên dãy núi Yên Tử. Sư Pháp Loa đi vân du các núi Sùng Nghiêm, Đông Cứu. (Ở câu này chữ "sơn môn" dịch từ chữ

"chiêu đề" và chữ "chiêu đề" nguyên dịch từ tiếng Phạn, có nghĩa là "tăng phường", "tự viện"...).

9. Nguyên chú: Chùa Kiến Sơ ở Phù Đổng, chùa Thiền Lâm ở Tiêu Sơn (Bắc Ninh).

(Ở câu này, chữ "thiền viện" dịch từ chữ "kim bích" lấy ở điển "Kim mã Bích Kê." "Kim bích" nguyên để chỉ thần từ, về sau thường dùng để chỉ nơi thờ cúng nói chung).

10. Hy Tổ, tức Trịnh Cương. Dụ Tổ, tức Trịnh Giang.

11. Nguyên chú: Núi Tiên Lát thuộc huyện Việt Yên (Bắc Giang), đời Trịnh Giang có dặt hành cung ở đó.

12. Nguyên chú: Núi Long Hoa thuộc huyện Nghi Dương (?), đời Trịnh Cương có dặt hành cung ở đó.

13. Nguyên chú: Núi Nhật Hằng, tức núi Mộc Phàm ở huyện Vũ Giàng (Quế Võ, Bắc Ninh). Núi Nguyệt Hằng, tức là núi An Lão ở huyện Bình Lục (Hà Nam).

14. Nguyên chú: Đặng Sơn, tức là Đặng Xuân Sơn, huyện Tiên Du (Bắc Ninh).

15. Hoàng ốc, xe của đế vương đi, có tán lọng màu vàng.

16. Đường cao ẩn, dịch ý hai chữ "cao đạo." *Tả truyện* có câu "Sử ngã chi cao đạo," có kèm lời chú: "cao đạo," cũng như nói đi xa. Về sau người ta dùng hai chữ "cao đạo" để chỉ người đi ở ẩn.

4. 逍遙遊賦

風和日暖，

景清物幽。

雲間翁兮逍遙遊，

詩一囊兮酒一壺。

從者五六人，

詩云子曰儔。

問先生兮何之，

余將訪兮蟠之流。

於是：

舒徐散步，

浴溪水滸。

尋獨樂之芳園，
訪圍棋之名墅。
樹對客兮如迎，
花向人兮不語。
既披拂以吟哦，
乃徘徊而延佇。
茅依約兮岸上亭，
瓦參差兮村邊寺。
惟春水之清漣，
若識予之心緒。
既而：
園中主人，
膾鱸蓴蓴。
恍盤餐而賓璧，
疑方寸之羅珍。
殽匪哉兮情甚眞，
酒不濃兮甘如醇。
鄙酩酊兮俗飲，
樂太和兮微薰。
切鬱陶兮予心，
望西方兮美人，
彼美人兮擁翠雲。
五岳深兮鸚鵡樓，
三歸寂兮魚龍洞。
驛路三千兮草樹微，
海門十二兮煙波濛。

想紫闥之何年，
實荊山之在夢。
酌一酌兮醉如癡，
吟復吟兮瞻又望。
望知己兮誰與歸？
紅霞落兮白雲飛。
苟無怨兮寡怨，
能不知兮是知。
回如愚兮樂簞瓢，
雍自在兮安柴扉。
鼓淵明兮素琴，
歌八闋兮離徽。
觀太虛兮象茫茫，
發天光兮吾熙熙。
試觀河水，
汪洋千里。
流迴環兮生落洲，
帆去來兮名利市。
萬艦金戈兮出海陬，
千重鐵網兮沉江底。
是非成敗兮月何心，
得喪盈虧兮雲無意。
羨田上兮群鷗，
笑隙中兮六驥。
何如：
高吟考盤，

長歌去來。
金菊花兮滿徑，
玉蘭香兮盈懷。
新德新心兮芭蕉葉，
濯纓濯足兮滄浪隈。
悟化工兮生意，
靜塵機兮死灰。
天地中兮吾明命，
宇宙內兮吾靈臺。
馬生卵兮外物觀物，
鵬扶搖兮天涯之涯。
乃從而爲吳歌曰：
蹇何爲兮夕儂睡，
羌何爲兮旦儂起。
嘻何爲兮水儂船，
呵胡爲兮陸儂氈！
動靜屈伸兮一太極，
愚者冥兮智者識。
紛鬧繁花兮落燕泥，
達者豁兮冥者迷。
對虛空兮心自知，
攜吾從兮詠雩沂。
詠雩沂兮觀尺素，
但見：
恒心河漢，
南北晶熒。
孰轉輪兮同此路？

PHIÊN ÂM:

TIÊU DAO DU PHÚ

Phong hoà nhật noãn,
Cảnh thanh vật u.
Vân gian ông hề tiêu dao du,
Thi nhất nang hề, tửu nhất hồ.
Tòng giả ngũ lục nhân,
"Thi vân" "Tử viết" trù.
Vấn tiên sinh hề hà chi,
Dư tương phỏng hề bàn chi lưu.
Ư thị:
Thư từ tản bộ,
Dục khê thuỷ hử.
Tầm độc lạc chi phương viên,
Phỏng vi kì chi danh thự.
Thụ đối khách hề như nghênh,
Hoa hướng nhân hề bất ngữ.
Kí phi phất dĩ ngâm nga,
Nãi bồi hồi nhi diên trữ.
Mao y ước hề ngạn thượng đình,
Ngoã xâm xi hề thôn biên tự.
Duy xuân thuỷ chi thanh liên,
Nhược thức dư chi tâm tự.
Ký nhi:
Viên trung chủ nhân,
Khoái lô canh thuần.
Hoảng bàn xan nhi trí bích,
Nghi phương thốn chi la trân
Hào phỉ tái hề tình thậm chân,
Tửu bất nùng hề cam như thuần.

Bỉ dính đính hề tục ẩm,
Lạc thái hoà hề vi huân.
Thiết uất đào hề dư tâm,
Vọng Tây phương hề mỹ nhân.
Bỉ mỹ nhân hề ủng thuý vân,
Ngũ Nhạc thâm hề Anh Vũ lâu.
Tam Quy tịch hề ngư long động.
Dịch lộ tam thiên hề thảo thụ vi,
Hải môn thập nhị hề yên ba mộng.
Tưởng tử thát chi hà niên,
Thực Kinh sơn chi tại mộng.
Chước nhất chước hề tuý như si,
Ngâm phục ngâm hề chiêm hựu vọng.
Vọng tri kỉ hề thuỳ dữ qui,
Hồng hà lạc hề bạch vân phi.
Cẩu vô oán hề quả oán,
Năng bất tri hề thị tri.
Hồi như ngu hề lạc đan biều,
Ung tự tại hề an sài phi.
Cổ Uyên Minh hề tố cầm,
Ca Bát Khuyết hề ly huy.
Quan thái hư hề tượng mang mang,
Phát thiên quang hề ngô hy hy.
Thí quan Hà thuỷ,
Uông dương thiên lý.
Lưu hồi hoàn hề sinh lạc châu,
Phàm khứ lai hề danh lợi thị.
Vạn hạm kim qua hề, xuất hải nhưng,
Thiên trùng thiết võng hề, trầm giang đế.
Thị phi thành bại hề, nguyệt hà tâm,
Đắc táng doanh khuy hề, vân vô ý.

Tiễn điền thượng hề quần âu,
Tiếu khích trung hề lục ký.
Hà như:
Cao ngâm khảo bàn,
Trường ca khứ lai.
Kim cúc hoa hề mãn kính,
Ngọc lan hương hề doanh hoài.
Tân đức, tân tâm hề, ba tiêu diệp,
Trạc anh, trạc túc hề, Thương Lang ôi.
Ngộ hoá công hề sinh ý,
Tĩnh trần cơ hề tử hôi.
Thiên địa trung hề ngô minh mệnh,
Vũ trụ nội hề ngô linh đài.
Mã sinh noãn hề, ngoại vật quan vật,
Bằng phù dao hề, thiên nhai chi nhai.
Nãi tòng nhi vi Ngô ca viết:
"Kiển hà vi hề tịch nùng thụy?
"Khương hà vi hề đán nùng khởi?
"Hy hà vi hề thuỷ nùng thuyền,
"Kha hồ vi hề lục nùng chiên?
"Động, tĩnh, khuất, thân hề nhất thái cực,
"Ngu giả minh hề trí giả thức.
"Phân náo phồn hoa hề lạc yến nê,
"Đạt giả khoát hề minh giả mê.
"Đối hư không hề tâm tự tri,
"Huề ngô tụng hề vịnh Vu, Nghi,
"Vịnh Vu, Nghi hề quan xích tố,
"Đãn kiến: Hằng, Tâm, Hà, Hán,
"Nam, Bắc tinh huỳnh.
"Thục chuyển luân hề đồng thử lộ?

DỊCH NGHĨA:

PHÚ TIÊU DAO DU[1]

Gió êm trời ấm,
Cảnh vật thanh u.
Ông lão trong mây chừ, tiêu nhàn ngao du,
Thơ một túi chừ, rượu mang một bầu.
Năm sáu người theo chừ, một lũ nhà nho,
Hỏi tiên sinh chừ, đi đâu?
Dạo phong cảnh chừ, xem sao!
Đó rồi:
Khoan thai tản bộ,
Bến kia khe nọ.
Tìm khu "độc lạc" chốn vườn thơm,
Xem cuộc "cờ vây" nơi biệt thự.
Cây thấy khách chừ, về đón chào,
Hoa nhìn người chừ, lời chẳng ngỏ.
Đã phơi phới mà ngâm nga,
Lại bồi hồi mà nấn ná.
Ngôi đình cỏ tranh chừ, thấp thoáng bên bờ,
Nếp chùa bên làng chừ, so le ngói đỏ.
Riêng nước xuân kia trong veo,
Nỗi lòng ta dường hiểu rõ.
Bỗng thấy:
Chủ nhân trong vườn,
Gỏi lô, canh thuần.
Cỗ bàn bày biện,
Lòng dạ ân cần.
Cỗ chẳng nem chả chừ, thật tấm lòng thành,
Rượu chẳng đậm nồng chừ, thơm ngọt vô vàn.
Chẳng tuý luý chừ, như phường tục ẩm,
Mà ngà say chừ, như được thoát trần.
Đau đáu chừ, lòng ta,

Mong ngóng về phương Tây chừ, người đẹp phương xa!
Người đẹp nơi kia chừ, mây biếc phủ mờ,
Cung Ngũ Nhạc[2] thẳm sâu chừ, lầu Anh Vũ.
Đất Tam Quy[3] vắng lạnh chừ, hang cá rồng,
Ba ngàn dặm đường chừ, cây cỏ mông lung,
Mười hai cửa biển chừ, khói sóng trập trùng.
Nhớ nơi gác tía chừ, những năm nao,
Chơi chốn non Kinh chừ, trong chiêm bao.
Chén lại chén chừ, say như ngây,
Ngâm lại ngâm chừ, ngóng trông hoài.
Mong người tri kỷ chừ, về với ai đây?
Ráng hồng rơi xuống chừ, mây trắng bay!
Chẳng oán giận chừ, ít kẻ oán,
Không hay biết chừ, ấy là hay.[4]
Nhan Hồi như ngu chừ, vui bầu nước,
Trọng Ung thong dong chừ, yên cửa sài.[5]
Gẩy đàn Uyên Minh chừ, cung tuyệt diệu,
Ca khúc Bát Khuyết chừ, hồn ngất ngây.
Nhìn cõi thái hư chừ, khoảng không bát ngát,
Rực ánh thiên quang chừ, lòng ta vút bay...
Thử xem nước Hoàng Hà,
Mênh mông ngàn dặm dài.
Dòng chảy vòng quanh chừ, bãi nổi, bãi chìm,
Cánh buồm ngược xuôi chừ, chợ danh, chợ lợi.
Muôn thuyền giáo vàng chừ, cửa bể vút ra,
Ngàn trùng lưới thép chừ, đáy sông nằm kỹ.
Phải, trái, bại, thành chừ, trăng có màng chi?
Được, mất, đầy, vơi chừ, mây hay gì nhỉ?
Trên đồng ruộng chừ, lượn đàn âu,
Qua cửa sổ chừ, đua sáu ngựa.
Sao bằng lều ẩn, tiếng ngân vang,

Bài từ *Trở về* ca hát tràn.[6]
Hoa cúc vàng chừ, nở đầy ngõ,
Chòm ngọc lan chừ, bay ngát hương.
Đức mới, lòng mới chừ, như tàu chuối nõn,
Giặt mũ, rửa chân chừ, bên bến Thương Lang.[7]
Ý hoá công chừ, khi hiểu rõ,
Mảnh trần tâm chừ, như tro tàn.
Mệnh sáng của ta chừ, ở trong trời đất,
Lòng son của ta chừ, khắp trong không gian.
Ngựa đẻ ra trứng chừ, ngoài vật nhìn vật,[8]
Chim bằng cưỡi gió chừ, thẳm xanh trời xanh.[9]
Bèn nhân đó mà làm bài ca rằng:
"Ban đêm người ngủ, vì sao?
"Sáng mai, người lại vì đâu dậy liền?
"Cớ chi mặc áo đi thuyền?
"Mà trên mặt đất chăn chiên trải nằm?
"Động tĩnh, co duỗi chừ, khuôn tạo vật,
"Người ngu mờ mịt chừ, kẻ trí biết.
"Huyên náo, phồn hoa chừ, vết én kia,
"Khoáng đạt thì thấy chừ, si thì mê.
"Đối cảnh hư không chừ, lòng ta, ta hay,
"Dẫn đoàn theo ta chừ, Vu, Nghi vịnh chơi.
"Vịnh Vu, Nghi chừ, xem sách vở,
"Chỉ thấy sao Hằng, sao Tâm, sông Hà, sông Hán.
"Nam, Bắc, cả hai đầu rực sáng!
"Ai chuyển bánh xe chừ, đi trên đường kia?.

Ngô Linh Ngọc và Mai Quốc Liên (dịch)
(Theo Tuyển tập Thơ văn Ngô Thì Nhậm – S đ d)

CHÚ THÍCH:

1. *Tiêu dao du* là tên một thiên trong sách *Trang Tử*, đại ý nói, vật ở trên đời không cứ lớn nhỏ đều gửi hình trong khoảng trời đất; vật tuy có lớn nhỏ khác nhau, nhưng đều có sở

năng riêng, nếu đặt nó trong hoàn cảnh thích hợp sở tính, sở năng thì nó tiêu dao tự tại. Tác giả lấy chữ "Tiêu dao du" để đặt tên cho bài phú cũng là nhằm ý đó.

2. Ngũ Nhạc là tên một ngôi cung, có lẽ tên một cung trong phủ Chúa Trịnh ?

3. Tam Quy là tên đất, nơi Ngô Thì Nhậm ở khi lánh nạn (Thái Bình).

Trong bài *Cung văn Tiên thánh vương* (Viếng Trịnh Sâm), ở tập thơ *Thuỷ vân nhàn vịnh* của Ngô Thì Nhậm, có nguyên chú: "Ngũ Nhạc" là tên cung; "Tam Quy" là tên đất.

4. Dịch câu "Năng bất tri hồ thị tri" dùng chữ *Luận ngữ*: "Tri vi tri, bất tri vi bất tri, thị tri" (Mình biết thì nói là biết, mình không biết thì nói là không biết, đó là biết).

5. Hối, tức Nhan Hồi, học trò Khổng Tử.

Ung, tức Trọng Ung, học trò Khổng Tử.

6. Bài từ *Khứ lai*, tức bài *Quy khứ lai từ* của Đào Tiềm.

7. Thương Lang, tên sông, một khúc sông thuộc sông Hán (tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc). Câu này lấy từ câu: "Thương Lang chi thuỷ thanh hề, khả dĩ trạc ngã anh; Thương Lang chi thuỷ trọc hề khả dĩ trạc ngã túc" (Nước sông Thương Lang trong chừ, có thể giặt dải mũ của ta, nước sông Thương Lang đục chừ có thể rửa chân ta) trong bài *Ngư phủ* của Khuất Nguyên.

8. Ngựa dê trứng: Lời ngụ ngôn trong sách *Trang Tử*.

9. Chim bằng cưỡi gió: Chữ trong bài *Tiêu dao du*, sách *Trang Tử*: "Biển Bắc có con chim bằng to hàng mấy ngàn dặm, khi bay từ biển Bắc sang biển Nam phải cưỡi gió "phù dao dương dốc" lên cao chín vạn dặm."

5. 遊蕉山賦

歲己亥之二月兮，希尹遊于蕉山。

盼安昌之名勝兮，爰斯土其盤桓。

山不高以秀麗兮，水縈屈而迴瀾。

乃停車而登臨兮，山之西曰禪關。

問此山之行藏兮，胡爲乎其行路難。

豈春樹之無情兮，遮老石於雲端。

[illegible]之巍峩兮，花草鬱其滋漫。

[illegible]之故宮兮，鳥飛而來還。

見村翁之耘[illegible]兮，倚春鋤以長嘆。

予徘徊以顧望兮，問遺事於駝顏。
曰僧萬行之眞禪兮，傳李祖於此間。
山之旁有感選院兮，此白犬之見斑。
相傳有猴精之瑞兮，石不可紀而難攀。
暨十八子之成就兮，此寺燦其塗丹。
蹇何爲而蒙翳兮，鉢水瑩以自乾。
慨嬋娟之多誤兮，落葉頹其欄干。
老僧朝以暮鐘兮，几白石而琴青湍。
羌寂寥其松風兮，煙爲膳而雲爲餐。
繫佛家之中興兮，我聖祖進寧朔之金鑾。
悠風塵之變幻兮，此山饑車蓋而渴衣冠。
余有懷於往事兮，酌黃目於更闌。
召小小於東鄰兮，攜琵琶之素蠻。
焚楞嚴於寺前兮，悟虛空之何觀。
匪余心之殷樂兮，擁塵纓于五官。
魚賚何羨兮，女昭何慳。
慶文何駑兮，僧行何圓。
瞬興廢以寐息兮，慧日長以團圓。
吾友希重氏兮，悟余心之則謹。
匪矗斯同兮，不膠乃完。
挈壺氏之投曉兮，揖斯山以策鞍。
馳吾車于坦衢兮，縱吾轡而長安。
盼斯山之縹緲兮，祝吾王壽考如山石之不可刊。
奠億載之金甌兮，赫湯孫之如磐。
某不才而在列兮，幸毋譴于乃鰥。
仗洪靈之烜赫兮，偷二鎮之片閒。

聊簡古而榮今兮，匪誇詡以傳瞞。

從而爲之歌曰：

蕉之山鬱以葱兮，蕉之寺崇以隆。

我金仙之植立兮，偕霄壤爲始終。

我聖世之開拓兮，與磅礴相無窮。

望三德之纏繞兮，此山綿亙于寺中。

瞻四勝之對待兮，此寺巍業乎橫空。

記斯遊之匪偶兮，實吾言之不工。

PHIÊN ÂM:

DU TIÊU SƠN PHÚ.

Tuế Kỷ Hợi chi nhị nguyệt hề, Hi Doãn du vu Tiêu san.

Miện An Xương chi danh thắng hề, viên tư thổ kỳ bàn hoàn.

Sơn bất cao dĩ tú lệ hề, thủy oanh khuất nhi hồi lan.

Nãi đình xa nhi đăng lâm hề, sơn chi tây viết thiền quan.

Vấn thử sơn chi hành tàng hề, hồ vi hồ kỳ hành lộ nan.

Khởi xuân thụ chi vô tình hề, già lão thạch ư vân đoan.

Vọng lâu đài chi nguy ngật hề, hoa thảo uất kỳ tư man.

Tượng Lộc Minh chi cố cung hề, sơn điểu phi nhi lai hoàn.

Kiến thôn ông chi khu lũ hề, ỷ xuân sừ dĩ trường than.

Dư bồi hồi dĩ cố vọng hề, vấn dị sự ư đà nhan.

Viết tăng Vạn Hạnh chi chân thiền hề, truyền Lý Tổ ư thử gian.

Sơn chi bàng hữu Cảm Tuyền viện hề, thử bạch khuyển chi kiến ban.

Tương truyền hữu Hầu Tinh chi thụy hề, thạch bất khả kỷ nhi nan phàn.

Ký thập bát tử chi thành tựu hề, thử tự xán kỳ đồ đan.

Kiển hà vi nhi mông ế hề, bát thủy oánh dĩ tự càn.

Khái thiền quyên chi đa ngộ hề, lạc diệp đồi kỳ lan can.

Lão tăng triêu dĩ mộ chung hề, kỷ bạch thạch nhi cầm thanh thoan.

Khương tịch liêu kỳ tùng phong hề, yên vi dũ nhi vân vi xan.

Ế Phật gia chi trung hưng hề, ngã Thánh Tổ tiến Ninh Sóc chi kim loan.

Thúc phong trần chi biến ảo hề, thử sơn cơ xa cái nhi khát y quan.

Dư hữu hoài ư vãng sự hề, chước hoàng mục ư canh lan.

Triệu tiểu tiểu ư Đông lân hề, huề tỳ bà chi tố man.

Phần Lăng Nghiêm ư tự tiền hề, ngộ hư không chi hà quan.

Phỉ dư tâm chi ban lạc hề, ủng trần anh vu ngũ quan.

Ngư Cảnh hà tiển hề, nữ Chiêu hà kiên.

Khánh Văn hà chất hề, tăng Hạnh hà viên.

Thuần hưng phế dĩ mị tức hề, tuệ nhật trường dĩ đoàn viên.

Ngô hữu Hy Trọng thị hề, ngộ dư tâm chi tắc hoan.

Phỉ bị tư đồng hề, bất giao nãi hoàn.

Khiết Hồ thị chi đầu hiểu hề, ấp tư sơn dĩ sách an.

Trì ngô xa vu thản cù hề, túng ngô bí nhi trường an.

Miện tư sơn chi phiếu diểu hề, chúc ngô vương thọ khảo như sơn thạch chi bất khả san.

Điện ức tải chi kim âu hề, hách thang tôn chi như bàn.

Mỗ bất tài nhi tại liệt hề, hạnh vô khiển vu nãi quan.

Trượng hồng linh chi huyễn hách hề, thâu nhị trấn chi phiến nhàn.

Liêu giản cổ nhi vinh kim hề, phỉ khoa hử dĩ truyền man.

Túng nhi vi chi ca viết:

Tiêu chi sơn uất dĩ thông hề, Tiêu chi tự sùng dĩ long.

Ngã kim tiên chi thực lập hề, giai tiêu nhưỡng vi thủy chung.

Ngã thánh thế chi khai thác hề, dữ bàng bạc tương vô cùng.

Vọng Tam Đức chi triền nhiễu hề, thử sơn miên cẳng vu tự trung.

Chiêm tứ thắng chi đối đãi hề, thử tự nguy nghiệp hồ hoành không.

Ký tư du chi phỉ ngẫu hề, thực ngô ngôn chi bất công.

DỊCH NGHĨA:

PHÚ CHƠI NON TIÊU

Tháng hai năm Kỷ Hợi (1779) Hi Doãn công lên chơi núi Tiêu.

Xem cảnh danh thắng ở An Xương, nên mới thơ thẩn ở chốn này,

Núi không cao mà hình dáng đẹp, sông khuất khúc mà làn sóng quanh co.

Nhân dừng xe lên xem, thấy tây núi có ngôi chùa.

Đem sự hành hay tàng hỏi núi này, sao mà đường đi vất vả.

Cây mùa xuân há vô hình mà che cả các mom đá trên tầng mây.

Ngắm xem lâu đài chót vót, hoa cỏ rườm rà.

Hình tượng như cung Lộc Minh cũ, chim trên núi bay trở về.

Chợt thấy ông quê lụ khụ tới, tựa chiếc bừa mà thở dài.

Ta bồn chồn ngóng trông, hỏi việc cũ ở ông già.[1]

Đáp: Đây là ngài chân tu Vạn Hạnh; nuôi dạy vua Thái Tổ nhà Lý ở chốn này.

Bên núi có viện Cảm Tuyền, nơi sinh ra con chó vằn.[2]

Tương truyền có điềm Hầu Tinh,[3] đá không thể làm thành nền, nên khó trèo.

Tới khi họ Lý[4] đã thành, chùa này mới được sửa sang rạng rỡ.

Ôi! Vì sao lại mờ tối, bát nước đương trong, tự nhiên thành khô cạn.

Thương bọn thiền quyên nhiều lỗi lầm, những lá rụng làm nghiêng ngả lan can.

Sư già sớm tối khua chuông, lấy đá trắng làm ghế, suối trong làm đàn.

Gió thổi ngàn thông tịch mịch, khói làm cửa sổ còn mây làm món ăn.

May nhà Phật gặp hội trung hưng, vua Thánh Tổ ta ngự giá xe loan tới hạt Ninh Sóc.

Thốt nhiên phong trần thay đổi, núi này thèm khát xe lọng mũ áo.

Tôi đây nhớ tới việc cũ, rót chén rượu vàng lúc canh khuya.

Gọi thằng nhỏ xóm Đông đưa cây đàn tỳ bà dây trắng tới.

Đốt kinh Lăng Nghiêm ở trước chùa, biết rằng xem thuyết hư không làm gì.

Không phải là lòng ta ham vui chơi, giải mũ bụi che lấp cả tai, mắt, miệng, mũi.

Trần Cảnh con cháu nhà chài đâu đáng khen, Chiêu Hoàng là nữ giới sao đáng trách?

Lý Khánh Văn âm chất gì? Tăng Vạn Hạnh tu hành viên mãn gì?

Sự phế hưng mau chóng như chớp mắt, bóng tuệ dài mà tròn.

Bạn ta bác Hi Trọng, hiểu lòng ta thì mừng.

Chẳng phải cố mà vẫn tâm đồng, chẳng phải gắn mà lòng vẫn trọn vẹn.

Họ Khiết Hồ đã báo sáng,[5] chào núi này rồi lên yên.

Xe ta dong duổi trên con đường bằng phẳng, buông dây cương mà vẫn bình yên hoài.

Trông núi này xa xa, chúc vua ta sống lâu như đá núi không tan.

Thế nước như âu vàng yên ổn muôn năm.

Thành đồng ao nóng như tảng đá vững bền.[6]

Tôi bất tài mà ở vào hàng quan trường.

Mong may sao khỏi khiển trách về sự khiếm khuyết.

Nhờ uy linh rực rỡ của Tiên Đế, trấn này được chút thư nhàn.

Bèn kê cứu truyện xưa mà vinh diệu cho đời nay, không phải quá khoe khoang mà tuyên truyền man trá.

Nhân theo đó mà làm bài ca rằng:

Non Tiêu sầm uất mà âm u chừ;

Chùa Tiêu Sơn cao mà to.

Phật tổ ta mở mang chừ;

Cùng trời đất cùng trước sau.

Tiên thánh ta khai thác chừ;

Cùng khí hóa cùng dài lâu.

Trông sông Tam Đức kia vòng quanh chừ;[7]

Núi này bao bọc cảnh chùa.

Trông thắng cảnh bốn xung quanh chừ;

Chùa này chon von trên cao.

Ghi lại buổi chơi này không phải ngẫu nhiên chừ;

Thật lời ta nói còn vụng về sao.

CHÚ THÍCH:

1. Nguyên văn: "Đà nhan" là da mặt nảy đồi mồi, tức chỉ ông già.

2. Chưa hiểu nghĩa.

3. Chưa rõ tích.

4. Họ Lý, nguyên văn "Thập bát tử" 十八子, 3 chữ này ghép thành chữ Lý 李. Chữ trong câu sấm ở chùa đó.

5. *Chu Lễ:* Khiết Hồ thị là quan coi về thời giờ.

6. Nguyên văn: "Hách thang tôn chi như bàn," chữ "thang tôn" 湯樽 chưa tìm thấy điển, nên tạm cho là "kim thang" mà dịch là thành đồng ao nóng.

7. Tam Đức: Chỉ các sông Thiên Đức (sông Đuống), Nguyệt Đức (sông Cầu), Nhật Đức (sông Thương).

6. 秋月長天賦

答石洞公

幸際丕時又做官
敢於勝事等閒看
逢公知已金千鎰
照我同心玉一團
好會逢迎如有待
良時邂逅果非難
此情長對此秋月
指月江兮與月山

續作歌曰：

北有江山兮，自開鑿以至于今年。
秋月行天兮，不知其幾度圓。
蕉山住僧行兮，此月照于祇園。
究山棲鄧春兮，此月照于儒軒。
覽山縱倚欄兮，此月照于瞿曇之法筵。
南望六頭，煙水無邊。
月隨潮而下上兮，見墜鐘之迴旋。
北瞻九龍，草樹鬱然。

月與雲而掩映兮，領珠瑩以相先。
或沉于五縣之溪兮，寒鷺草穿。
或浴于冷涇之流兮，杜宇聲怜。
或瀟湘江冷兮，鏡光和一缽而隨緣。
或明珠石落兮，桂魄與天香而沉泉。
迭往事之寒暑兮，惟素娥之孤眠。
吾欲登清虛以脫塵俗兮，少法善之銀鞭。
吾欲泛斗槎以觀金鏡兮，不可問夫織與牽。
自吾有官于此土兮，中秋前後爲六弦。
睹銀粧之灼灼兮，如神女之翻躚。
見寒光之灩灩兮，如玉燭之夜懸。
宦舍如齋兮，無行不與。
瞻之在後兮，忽焉在前。
然徒知月之爲月兮，而不能窮天象之渺綿。
徒知秋之爲秋兮，而未得會梧桐之何爲掀翻。
欲邀霓羽于夢寐兮，不可買以錢。
徒孟浪于五斗兮，負此月與此山川。
吾友石洞公兮，月桂中仙。
月雖盈而有虧兮，公既純而且全。
月雖柔而不剛兮，惟公可經以權。
月雖明而或暗兮，惟公光霽而無愆。
帝謂朔方民兮，多策肥而乘堅。
命公之治兮，賦吉甫之篇。
公實愛余兮，借秋月以爲韋絃。
吾輩今各中年兮，不如娥之常嬋娟。
願此心之皎皎兮，豈敢焚爲俗而忽爲禪。

幸同聲于此州兮，更舟楫之相連。

賡斯歌以白吾心兮，古人云賢希聖而士希賢。

PHIÊN ÂM:

THU NGUYỆT TRƯỜNG THIÊN PHÚ
(ĐÁP THẠCH ĐỘ VỊ CÔNG)

Hạnh tế phi thời hựu tạ man,
Cảm ư thắng sự đẳng nhàn khan.
Phùng công trì kỷ kim thiên dật,
Chiếu ngã đồng tâm ngọc nhất đoàn.
Hảo hội phùng nghinh như hữu đãi,
Lương thời giải cấu quả phi nan.
Thử tình trường đối thử thu nguyệt,
Chỉ Nguyệt giang hề, dữ Nguyệt san.

Tục tác ca viết:

Bắc hữu giang san hề, tự khai tạc dĩ chí vu kim niên.

Thu nguyệt hành thiên hề, bất trì kỳ kỷ độ viên.

Tiêu Sơn trú tăng Hạnh hề, thử nguyệt chiếu vu kỳ viên.

Cửu Sơn thê Đặng Xuân hề, thử nguyệt chiếu vu nho hiên.

Lãm Sơn túng ỷ lan hề, thử nguyệt chiếu vu Cổ - Đàm chi pháp diên.

Nam vọng Lục Đầu, yên thủy vô biên,

Nguyệt tùy trào nhi há thượng hề, kiến trụy chung chi hồi tuyền.

Bắc chiêm Cửu Long, thảo thụ uất nhiên.

Nguyệt dữ vân nhi yểm ánh hề, hàm châu oánh dĩ tương tiên.

Hoặc trầm vu Ngũ Huyện chi khê hề, hàn lộ thảo xuyên.

Hoặc dục vu Lãnh Kinh chi lưu hề, đỗ vũ thanh liên.

Hoặc Tiêu Tương giang lãnh hề, kính quang hoà nhất bát nhi tùy duyên.

Hoặc Minh Châu thạch lạc hề, quế phách dữ thiên hương nhi trầm tuyền.

Điệt vãng sự chi hàn thử hề, duy Tố Nga chi cô miên.

Ngô dục đăng thanh hư dĩ thoát trần tục hề, thiểu Pháp Thiện chi ngân tiên.

Ngô dục phiếm Đẩu sà dĩ quan kim kính hề, bất khả vấn phu Chức dữ Khiên.

Tự ngô hữu quan vu thử thổ hề, trung thu tiền hậu vi lục huyền.

Đối ngân trang chi chước chước hề, như Thần nữ chi phiên thiên.

Kiến hàn quang chi diệm diệm hề, như ngọc chúc chi dạ huyền.

Hoạn xá như trai hề, vô hành bất dữ.

Chiêm chi tại hậu hề, hốt yên tại tiền.

Nhiên đồ tri nguyệt chi vi nguyệt hề, nhi bất năng cùng thiên tượng chi diểu miên.

Đồ tri thu chi vi thu hề, nhi vị đắc hội ngô đồng chi hà vi hân phiên,

Dục yêu nghê vũ vu mộng mị hề, bất khả mãi dĩ tiền.

Đồ mạnh lãng vu ngũ đẩu hề, phụ thử nguyệt dữ thử sơn xuyên.

Ngô hữu Thạch Động công hề, nguyệt quế trung tiên.

Nguyệt tuy doanh nhi hữu khuy hề, công ký thuần nhi thả tuyền.

Nguyệt tuy nhu nhi bất cương hề, duy công khả kinh dĩ quyền.

Nguyệt tuy minh nhi hoặc ế hề, duy công quang tễ nhi vô khiên.

Đế vị Sóc Phương dân hề, đa sách phì nhi thừa kiên.

Mệnh công chi trị hề, phú Cát Phủ chi thiên.

Công thực ái dư hề, tá thu nguyệt dĩ vi vi huyền.

Ngô bối kim các trung niên hề, bất như Nga chi thường thiền quyên.

Nguyện thử tâm chi kiểu kiểu hề, khởi cảm thúc vi tục nhi hốt vi thiền.

Hạnh đồng sự vu thử châu hề, cánh châu tháp chi tương liên.

Canh tư ca dĩ bạch ngô tâm hề, cổ nhân vân "hiền hi thánh, nhi sĩ hi hiền."

DỊCH NGHĨA:

PHÚ VÒM TRỜI TRĂNG THU
(ĐÁP ÔNG THẠCH ĐỘNG)[1]

Nay gặp đời trị bình lại ra làm quan,

Những việc vui đâu dám xem thường.

Gặp ông là tri kỷ quý tựa nghìn lạng vàng,

Như một viên ngọc soi tỏ lòng ta.

Dịp tốt tiếp đón như cùng đợi nhau,

Nay tình cờ gặp gỡ quả không khó.

Tình này đối mãi với trăng thu này,

Chỉ hẹn với sông Nguyệt cùng non Nguyệt.[2]

Nối làm bài ca rằng:

Xứ Bắc có non sông từ thuở mở mang tới nay,

Trăng thu đi qua vòm trời không biết đã mấy độ trăng tròn.

Khi sư Vạn Hạnh tu ở Tiêu Sơn, trăng này đã soi ở vườn chùa.

Lúc Đặng Xuân ngụ ở Cứu Sơn, trăng này soi ở hiên nhà nho.

Tựa ngang lan can ở non Lãm, trăng này soi đàn chay họ Cồ Đàm.

Trông về phía nam là sông Lục Đầu, mây nước mênh mang.

Trăng theo thủy triều mà lên xuống, thấy bóng chuông rơi xoay tròn.

Trông phía bắc là sông Cửu Long, cỏ cây um tùm.

Trăng cùng sắc mây lóng lánh như ngậm hạt châu cùng ở trước.[3]

Hoặc chìm ở Ngũ Huyện[4] như chiếc cò xuyên qua bãi cỏ.

Hoặc tắm ở dòng Lãnh Kinh, có tiếng chim quyên gợi buồn.[5]

Hoặc ở sông Tiêu Tương lạnh lẽo tựa bóng gương hòa bát nước mà tùy duyên.[6]

Hoặc là đá rơi đầm Minh Châu như phách quế cùng hương trời chìm giữa dòng.[7]

Việc xưa luôn thay đổi như nóng lạnh, duy chỉ có nàng Tố Nga vẫn nằm trơ một mình.

Ta muốn lên cõi thanh hư để thoát trần tục, xong còn thiếu chiếc roi bạc của Pháp Thiện.[8]

Ta muốn cưỡi bè lên sao Đẩu để xem gương vàng, xong chưa sao hỏi được Chức Nữ cùng Khiên Ngưu.[9]

Từ khi ta làm quan ở xứ này, tính ra trước sau tiết trung thu đã được ba tháng.[10]

Thấy ánh bạc lóa ra rực rỡ như vị Thần nữ dạo chơi.

Thấy bóng sáng lấp lánh như đuốc ngọc treo trong đêm.

Nhà quan như trai phòng vậy, không đi đâu là không theo.

Vừa trông thấy đằng sau, hốt nhiên đã ở đằng trước .

Song chỉ biết trăng là trăng, mà không suy cùng được chốn huyền bí của trời.

Chỉ biết thu là thu, mà chưa hiểu vì sao ngô đồng rụng lá.[11]

Muốn đón khách xiêm nghê áo mũ[12] ở trong giấc mộng, không thể mua được bằng tiền.

Chỉ những lêu lổng vì năm đấu thóc lương mà phụ với trăng này và sông này.

Bạn ta, ông Thạch Động là vị tiên trong chồi quế cung trăng.

Trăng có khi đầy khi khuyết, còn ông thì đã thuần thục lại vẹn toàn.

Trăng dù nhu mà không cương, duy ông có cả kinh và quyền.

Trăng dù tỏ mà cũng có khi mờ, duy ông trong sáng không chút sai lầm.

Nhà vua bảo: Dòng họ Phương Sóc [13] kia phần nhiều giống ngựa béo ruổi xe bền.[14]

Sai ông ra trị nước, ngâm bài thơ Cát Phủ.[15]

Ông quả thật yêu mến tôi, nên mượn trăng thu để làm dây cung.

Tuổi chúng ta nay tới lứa trung niên cả rồi, không như Hằng Nga cứ trẻ đẹp mãi.

Mong lòng này cứ vằng vặc mãi, đâu dám chợt tục chợt thiền đổi thay.

Hân hạnh cùng làm việc ở châu này, thuyền liền thuyền, giường kề giường.

Nối lời ca này để tỏ rõ lòng ta.

Người xưa rằng: Người hiền mong thành bậc thánh, còn kẻ sĩ mong thành người hiền.

CHÚ THÍCH:

1. Thạch Động tức Phạm Nguyễn Du.

2. *Nguyên chú:* Nguyệt giang, Nguyệt sơn tức sông Nguyệt Đức núi Nguyệt Hằng.

3. *Nguyên chú:* Sông Phả Lại, tương truyền Không Lộ thiền sư đánh rơi chuông

xuống chỗ nước xiết; khi trời xanh nước trong, còn thấy bóng chuông giữa dòng.

Núi Cửu Long là thế đất đại địa, núi ở làng Cổ Dũng, như hàm rồng nhả ngọc.

4. Nguyên chú: Triều Lý đào sông Ngũ Huyện (5 huyện) để dẫn nước sông Nguyệt Đức thông tới đầm Minh Châu. Sông đó đi quanh co như chữ chi 之 chữ huyền 玄 chạy theo các huyện Đông Ngàn, Kim Hoa, Tiên Phúc, Yên Phong, Vũ Giang gồm 5 huyện, nên gọi là sông Ngũ Huyện.

5. *Nguyên chú:* Lãnh kinh, tức sông đào, từ sông Nguyệt Đức thông tới sông Nhĩ Hà. Triều Trần xẻ sông đó để cắt đứt long mạch làng Cổ Pháp nơi phát tích triều Lý.

6. *Sử kí:* Vua Lý Thánh Tông mộng thấy Phật thuyết pháp câu: "Nhất bát công đức thủy, tuỳ duyên hóa thế gian." Nghĩa là, một bát nước công đức, tùy duyên mà hóa độ cho thế gian.

7. *Nguyên chú*: Sông Tiêu Tương phát nguyên từ núi Tiên Sơn là dưỡng long thủy của làng Cổ Pháp.

Đầm My Châu ở xã Đình Vĩ huyện Đông Ngàn. Tương truyền khi Lý Chiêu Hoàng lấy chồng, sau lại bị trục xuất, bà tự đội đá trầm mình xuống đầm này, nay có đền thờ.

8. Chiếc roi Pháp thiện: Chưa rõ diển tích.

9. Đời Hán, Trương Khiên đi sứ tìm nguồn sông Hoàng Hà, cưỡi bè đi đến một nơi có đầy đủ thành quách châu phủ, trong nhà thấy có một cô gái đang dệt vải, lại thấy một người chăn trâu cho uống nước. Sau ông về hỏi Nghiêm Quân Bình, Bình nói rằng: Năm đó tháng 8, khách tinh phạm tới tinh phận sao Khiên Ngưu và Chức Nữ, chỉ việc Trương Khiên đã tới đó.

10. Mỗi tháng ngày mồng 8 là thượng huyền, ngày 23 là hạ huyền; huyền là chiếc cung đã giương dây, ngày đó trăng có nửa vòng như chiếc cung giương lên nên gọi là ngày huyền. Ý nói đã làm quan ở đây được 6 năm.

11. Có gió thu, thì lá ngô đồng rụng. Thơ cổ: *Ngô đồng nhất diệp lạc, Thiên hạ cộng tri thu* (Cây ngô đồng đã rụng một lá, Thiên hạ ai cũng biết có thu rồi).

12. Đường Minh Hoàng đêm trung thu xem trăng, có phương sĩ là La Công Viễn tâu rằng: Bệ hạ muốn lên cung trăng không? Liền lấy chiếc gậy chống ném ra, thành một cái cầu như bạc, vua leo đi tới cung trăng, cửa có đề "Quảng Hàn thanh hư chi phủ," thấy có vài mươi cô gái đẹp múa hát dưới trụ, chim bạch loan múa ở trên. Viễn bảo đó là khúc "Nghê thường vũ y" (Xiêm nghê áo vũ).

13. Sóc phương: Phương bắc, chưa rõ diển tích.

14. *Hán thư: Thừa kiên sách phì, lí tì duệ cảo.* Nghĩa là: Cỗi xe bền, giong ngựa béo, đi giầy tơ, thắt lưng lụa. Ở đây có lẽ dùng để chỉ Thạch Động, từng dong ruổi việc binh.

15. Kinh Thi, thơ *Lục nguyệt*: *Văn vũ Cát Phủ, vạn bang vi hiến.* Nghĩa là: Ông Cát Phủ gồm tài văn vũ, làm phép cho muôn nước.

7. 臨池賦

即東洫池

雲遊別院，院前東有池。池彊一畝，塘樹參差。魚揚鰭而奮躍；鳥振羽以紛飛。

中有龍眼，樹斜水畔。葉蒙茸而垂幔；枝扶疏以張傘。余乃移椅，攜客臨玩。清水滌其塵埃；和風助其伴奐。

須臾白雲，腌映錦鱗。縱余目之所抵；恍千尋之水痕。余謂故人，何以賞春？乃張捕蝦之布羅，散芳餌乎水津。聊寓懷於遊觀，實余心之云云。

既而雲散，客各歸院。池水無言，予獨纏綿。倚樹枝以移時；望美人兮未見。明道去兮誰歸；盆水魚兮清淺。天生意兮渾然，慨聖賢之既遠。

夫韶光猶逆旅，天地一浮槎。何必眞吾土，風光在誰家。范蠡遊五湖，長夜聽魚歌；蘇軾謫朱崖，觸目皆滄波。化工無盡藏；人事不勝多。何戚戚於物外；且揚揚以婆娑。

但看之理，天之與水。恢浩茫乎在空；澎湃洸以亙地。盈虛消息，循環不已。月何爲乎上下泓？潮何爲乎朝夕至。花何爲乎謝又開？冰何爲乎堅復脆？豈造化之用心；實摧移之無意。

是以君子，霽月光風，風來兮楊柳，月照兮梧桐。隨處而樂，於心何容。愛庭草兮濂溪翁，悟道心兮蓮花峰；嗜山水兮文貞公，寄幽懷兮至靈松。混沌只如此；磅礴終無窮。

余觀於池，不改其樂。風掃拂涼以徐來；紋蕩漾而交錯。不鏡何光；匪樓而閣。會物理之空虛；悟塵機之今昨。彼浴沂兮何人？縱居巷兮何薄。況池水之清明；助余懷之蕭索。復鄉黨之卒章。時哉！時哉！三嘆而作。

PHIÊN ÂM:

LÂM TRÌ PHÚ

(TỨC ĐÔNG NHUẾ TRÌ)

Vân du biệt viện, viện tiền đông hữu trì. Trì cương nhất mẫu, đường thụ sâm si. Ngư dương kỳ nhi phấn dược; điểu chấn vũ dĩ phân phi.

Trung hữu long nhãn, thụ tà thuỷ bạn. Diệp mông nhung nhi thùy mạn; chi phù sơ dĩ trương tản. Dư nãi di ỷ, huề khách lâm ngoạn. Thanh thủy địch kỳ trần ai; hoà phong trợ kỳ bạn hoán.

Tu du bạch vân, yểm ánh cẩm lân. Túng dư mục chi sở để; hoảng thiên tầm chi thủy ngấn. Dư vị cố nhân, hà dĩ thưởng xuân? Nãi trương bộ hà chi bố la, tán phương nhĩ hồ thủy tân. Liêu ngụ hoài ư du quan, thực dư tâm chi vân vân.

Ký nhi vân tán, khách các quy viện. Trì thủy vô ngôn, dư độc khiển quyển. Ỷ thụ chi dĩ di thời; vọng mĩ nhân hề vị kiến. Minh Đạo khứ hề thùy quy; Bồn thủy ngư hề thanh thiển. Thiên sinh ý hề hồn nhiên, khái thánh hiền chi ký viễn.

Phù, thiều quang do nghịch lữ, thiên địa nhất phù sà. Hà tất chân ngô thổ, phong quang tại thùy gia. Phạm Lãi du Ngũ Hồ, trường dạ thính ngư ca; Tô Thức trích Chu Nhai, xúc mục giai thương ba. Hóa công vô tận tàng; nhân sự bất thăng đa. Hà thích thích ư vật ngoại; thả dương dương dĩ bà sa.

Đãn khán chi lý, thiên chi dữ thủy. Khôi hạo mang hồ tại không; bành bái quang dĩ cẳng địa. Doanh hư tiêu tức, tuần hoàn bất dĩ. Nguyệt hà vi hồ thượng hạ hoằng? Triều hà vi hồ triêu tịch chí. Hoa hà vi hồ tạ hựu khai? Băng hà vi hồ kiên phục thúy? Khởi tạo hóa chi dụng tâm; thực suy di chi vô ý.

Thị dĩ quân tử, tễ nguyệt quang phong, phong lai hề dương liễu, nguyệt chiếu hề ngô đồng. Tùy xứ nhi lạc, ư tâm hà dung. Ái đình thảo hề Liêm Khê ông, ngộ đạo tâm hề Liên Hoa phong; thị sơn thủy hề Văn Trinh công, ký u hoài hề Chí Linh tùng. Hỗn độn chỉ như thử; bàng bạc chung vô cùng.

Dư quan ư trì, bất cải kì lạc. Phong tảo phất lương dĩ từ lai; văn đăng dạng nhi giao thác. Bất kính hà quang; phỉ lâu nhi các. Hội vật lý

chi không hư; ngộ trần cơ chi kim tạc. Bỉ dục nghi hề hà nhân? Túng cư hạng hề hà bạc. Huống trì thủy chi thanh minh; trợ dư hoài chi tiêu tác. Phục Hương đảng chi tốt chương. Thời tai! Thời tai! Tam khứu nhi tác.

DỊCH NGHĨA:

PHÚ LÂM TRÌ[1]

(TỨC AO ĐÔNG NHUẾ)

Trong khi nhàn hạ tới thăm chùa, trước chùa, bên đông có chiếc ao. Ao ước chừng già một mẫu, cây quanh bờ cao thấp lô nhô. Cá dương vây nhẩy, chim vỗ cánh bay.

Giữa có cây long nhãn, ngả xuống mé nước, lá rườm rà như quây màn, cành đỡ lưa thưa tựa giương ô. Ta đưa ghế ra, dẫn khách tới ngồi xem. Nước trong rửa lớp bụi trần, gió hoà giúp khi nhàn rảnh.

Chốc lát mây trắng kéo đến, long lanh như vẩy gấm. Ta đưa mắt nhìn qua, hoảng vì thấy ngấn nước sâu nghìn tầm. Nhân bảo bạn rằng, lấy gì mà thưởng thức cảnh xuân? Bèn mới mắc chiếc vó cất tôm, rắc mồi cho thơm xuống nước, để ngụ cái ý nghĩa tiêu dao, thật là bản tâm của ta đó!

Rồi thì mây bay đi hết, khách trở về viện. Nước ao lặng lẽ không lên tiếng, riêng ta trằn trọc vẩn vơ tựa cành cây hồi lâu, mong mỹ nhân mãi mà chưa gặp.[2] Ông Minh Đạo đi rồi, ai trở về, cá ở Bồn Giang nước vẫn trong và nông[3] lẽ của trời vẫn hồn nhiên, buồn nỗi thánh hiền xa đời đã lâu.

Ôi! Bóng xuân loáng thoáng như quán trọ, trời đất là một chiếc bè nổi, phải đâu là cõi đất chân chính của ta, phong quang biết đích ở nhà ai? Ông Phạm Lãi[4] chơi ở Ngũ Hồ, thâu đêm nghe tiếng hát của chú chài; ông Tô Thức bị đầy ở Chu Nhai[5] mắt nhìn toàn là bể khơi. Kho của tạo hóa không bao giờ hết, việc người nhiều khôn xiết, ở ngoài cõi đời sao phải băn khoăn, chỉ nên nhảy múa xênh xang.

Song lấy "lý" mà xem, trời với nước, đằng thì bao la rộng lớn trên không, đằng thì rào dạt quay vòng quả đất, đầy vơi, mờ ảo, quay mãi không ngừng. Mặt trăng vì sao mà khi lặn khi mọc? Nước triều vì sao mà khi xuống khi lên? Hoa vì sao khi nở khi tàn? Băng vì sao mà rắn lại mềm? Đâu phải là tạo hóa dụng tâm, chỉ là sự xoay vần vô ý.

Thế nên, người quân tử trong lòng như trăng trong gió mát, gió thổi

tới cành dương liễu,[6] trăng soi ngọn ngô đồng,[7] gặp cảnh ngộ nào vui cảnh ngộ ấy, với lòng không vướng vất gì. Ông Châu Liêm Khê yêu đám cỏ mọc ở sân,[8] tỉnh ngộ, lòng chí đạo để ở ngọn núi Liên Hoa, ông Chu Văn Trinh thích non xanh nước biếc, gửi gắm chút tình u nhã ở ngàn thông Chí Linh.[9] Lúc hỗn độn đen trắng chưa phân, thì chỉ có thế, khi tràn trề thì vô tận vô cùng.

Ta xem ao này lòng vui không đổi, gió lất phất, hơi mát từ từ thổi tới. Gợn sóng nổi lên, lớp này chen lớp khác, không phải gương mà sao vẫn tỏ, không phải lầu mà có gác cao, hiểu được cái lẽ vạn vật ở cõi hư không, tỏ được cái cơ trần ai trong buổi xưa nay. Kẻ tắm mát ở sông Nghi kia là ai?[10] Ví dù ở ngõ hẻm cũng không chi đáng khinh bạc.[11] Huống chi nước ao trong sáng, giúp nguôi được nỗi buồn sâu kín của ta. Đọc lại câu ở chương cuối thiên *Hương đảng*: "Có thời vậy! Có thời vậy! Ba lần thán thưởng rồi đứng lên."[12]

CHÚ THÍCH:

1. Ao Lâm Trì, thuộc làng Đông Nhuế (nay xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, Thái Bình), nơi Ngô Thì Nhậm lánh mình, khoảng năm 1782-1786).

2. Phú *Tiền Xích Bích*: Diểu diểu hề dư hoài, vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương. (Dằng dặc lòng ta nhớ, mong mỹ nhân xa cách một phương trời).

3. Đời Tống, Trình Hiệu tự là Minh Đạo, nhà ở dưới núi Liên Hoa, trước nhà có khe gọi là Bồn Giang.

4. Phạm Lãi đời Xuân Thu, giúp Việt Vương Câu Tiễn diệt được nước Ngô. Khi đã thành công không chịu làm quan mà bỏ tới Ngũ hồ buông thuyền rong chơi, đổi là họ Đào, tự hiệu Đào Chu công.

5. Tô Thức đỗ Tiến sĩ triều Tống Gia Hựu, làm quan ở Sử Quán. Vương An Thạch thi hành chính sách mới, có nhiều điều bất lợi cho dân, ông dâng sớ can vua. An Thạch giận biếm ông đi Hàng Châu, rồi Hồ Châu, Hoàng Châu, Huệ Châu, Quỳnh Châu, sang đời Chiết Tông được triệu về, làm quan tới Đoan minh điện thị đại học sĩ.

6. Đời Tống, Hoàng Đình Kiên khen Chu Đôn Di: "Hung trung như quang phong tế nguyện, thị lưu thủy chi hám hàn, ái đình thảo chi giao thúy (Trong bụng như gió mát trăng trong, thích nước chảy trong mát, ưa cỏ mọc ở sân nhánh ngọn rườm rà).

7. Thơ *Thiệu Ung, Kinh Thi*: Nguyệt dáo ngô đồng, phong lai dương liễu (Trăng tới trên ngọn ngô đồng, gió đến bên cành dương liễu).

8. Liêm Khê là hiệu của Chu Đôn Di.

9. Chí Linh thuộc tỉnh Hải Dương, Văn Trinh là tên thụy của Chu Văn An, danh sĩ triều Trần.

10. *Luận ngữ:* Tăng Điểm nói cái chí hướng của mình: Tắm ở sông Nghi, hóng mát ở đàn Vũ Vu , ca vịnh rồi về.

11. *Luận ngữ:* Khổng Tử khen Nhan Hồi: Hiền vậy ông Hồi, cơm một giỏ, nước một bầu, ở chốn ngõ hẻm. Ngay ta không chịu được nỗi buồn đó mà Nhan Hồi vẫn vui không thay đổi. Hiền vậy ông Hồi!

12. *Luận ngữ:* Cuối thiên *Hương đảng*: Sắc tri cử hĩ tường nhi hậu tập. Viết: Sơn Lương thư trĩ, thời tai! Thời tai! Tử Lộ củng chi tam khứu nhi tác (Đổi sắc mà sau cất cánh, liệng mà sau mới đỗ. Khổng Tử khen: Chim thư trĩ ở núi Sơn Lương, phải thời vậ! Phải thời vậy. Ông Tử Lộ khoanh tay đứng, [tỏ vẻ kính phục] ba lần dánh sống mũi rồi đi).

DỊCH PHÚ:

Đến chơi viện riêng; trước viện có đìa (ao),

Ao hơn một mẫu; bờ cây so le.

Cá nhẩy vây thường chĩa; chim bay cánh vẫn xoè.

Giữa có cây nhãn; ngả xuống nước hẳn.

Lá rườm rà như quây màn; cành nâng lên như giương tán.

Ta bèn đặt ghế; cùng khách du ngoạn.

Nước trong rửa lớp bụi nhơ; gió hòa giúp hứng nhàn tản.

Vụt mây trắng qua; vảy gấm thướt tha.

Nợi mắt ta đã nhìn tới; khoảng muôn tầm nước trắng loà.

Ta bảo bạn ta; nào thưởng xuân a?

Bèn giương chiếc vó bắt cua; đem mồi thơm rắc ra.

Tạm gửi niềm riêng ở nơi du ngoạn; thật lòng ta hiện nay là thiết tha.

Rồi mà mây chạy tán loạn, khách về cả viện.

Nước ao vắng trơ; tình ta riêng bện.

Tựa cành cây luống hồi lâu; mong mỹ nhân chửa đến.

Ông Trình đi rồi chừ còn ai trở về; cá sông Bồn chừ riêng bầu thanh thiển.

Sinh ý của trời chừ vẫn hồn nhiên; buồn nỗi thánh hiền sao xa biệt.

Này ! Bóng xuân như quán trọ; trời đất chiếc bè trôi.

Đâu phải là quê ta; quang cảnh của nhà ai!

Phạm Lãi chơi Ngũ hồ; nghe khách hát lúc canh dài.

Tô Thức đầy ở Chu Nhai; sát mắt sóng lút trời.

Tạo hóa kho vô tận; việc đời rồi bời bời.

Bể ngoài hơi đâu mà buồn bã; cũng nên bay nhảy làm vui.

Lấy lý xem chơi; kìa nước cùng trời.

Trời mênh mang trên không gian; nước dạt dào quanh đất đai.

Tan, nở, đầy, vơi; quay mãi không rời.

Trăng vì sao khi mọc khi lặn? Triều thủy vì sao lúc lên lúc lui?

Băng vì sao có rắn có lỏng? Hoa vì sao có lụi có khai?

Thế nên lòng người quân tử, vẫn như gió mát trăng trong.

Gió tới chừ trên cành dương liễu; trăng soi chừ bên ngọn ngô đồng.

Cảnh nào cũng vui; lòng vẫn thoáng không.

Nuôi đạo tâm ở ngọn núi Liên Hoa chừ, vui cỏ cây chừ Liêm Khê ông; gửi u hoài ở rừng thông Chí Linh chừ, thích núi nước chừ Văn Trinh công.

Hỗn độn chỉ là thế; tràn trề thì vô cùng.

Xem đìa như tôi; không đổi niềm vui.

Trận gió mát từ từ thổi lại; gợn sóng tràn lai láng tiến lui.

Không gương treo mà có ánh sáng; chẳng lầu cao mà có gác chơi.

Lẽ "không hư" xét rành mầu nhiệm; cơ "tích kim" suy rõ rạch ròi.

Tắm sông Nghi kìa như ai đó? Ở ngõ sâu đâu chán hẹp hòi.

Hướng nước đìa đầy màu trong sáng; giúp lòng ta tan nỗi ngậm ngùi.

Đọc lại cuối thiên Hương đảng:

Tốt thay chữ thời,

Tốt thay chữ thời.

Ba tiếng rồi lui.

Trần Duy Vôn (dịch)

8. 表忠賦

(暉郡公死得其正，故以繩墨之賦賦之)

心關名教；身任綱常。

羨北江之豪傑；洵南國之名良。

其生也榮，當時推爲碩望，雖死不朽，後世傳其餘芳。

厥有矯矯虎臣；堂堂鶻將。

裹文表武之才猷；外鎮內朝之局量。

天潢肺腑，威容雅稱於雀屏；王室股肱，承弼遍陪於難障。

於是：責隆寄命；任重受遺。

負扆不辭於艱擔；居廬獨冒於群疑。

榻庭瞑目托孤，先生已九原無憾；仗下鏟心討賊，孤臣於萬世有辭。

對鬼神而增氣；當日月以爭暉。

莫不嶺石推堅；東松讓翠。

以一生將相之身；立萬世君臣之義。

正氣轟轟流宇宙，文山振古無雙；精忠赫赫揭春秋，荀息至今爲二。

信足當社稷之臣；直不負君王之寄。

嗚乎！時窮見烈節；板蕩識誠臣。

人紀莫先於立信；聖門尤貴於成仁。

綴衣宣命當年，奉遺旨雖云七輔；禁闥奮身此日，不食言只此一人。

實大臣之難得；誠信史之曠聞。

雖以　履滿未謙；處盈無懼。

[illegible]蹈危幾；形便塗中開怨府。

釁隙釀於集枯集苑，日華之謗議難閑；嫌疑生於踰戚踰尊，田野之謗言莫杜。

遂難完明哲之高；蓋自用智謀之誤。

然而：忠誠貫日；壯烈橫秋。

易面不隨范質；鞠躬尚友武侯。

從容一筆留朝，心無愧如存之靈爽；慷慨單刀赴賊，骨已寒

未死之奸娧。

諒臣節不辜於付託；信人倫有賴於撐扶。

噫！世局滄桑；時幾雲物。

惟信義是賢哲所珍；而成敗在英雄難必。

聖訓豈欺後世，易生二字植三才；忠臣不貳先君，崇正千秋如一日。

余閒研簡册，潛究古今；本朝有這般人，敢不表之而出。

PHIÊN ÂM:

BIỂU TRUNG PHÚ

(HUY QUẬN CÔNG TỬ ĐẮC KỲ CHÍNH, CỐ DĨ THẰNG MẶC CHI PHÚ PHÚ CHI)

Tâm quan danh giáo; thân nhậm cương thường.

Tiễn Bắc Giang chi hào kiệt; tuân Nam quốc chi danh lương.

Kỳ sinh dã vinh, đương thời thôi vi thạc vọng; tuy tử bất hủ, hậu thế truyền kỳ dư phương.

Quyết hữu kiểu kiểu hổ thần; đường đường cốt tướng.

Lý văn biểu vũ chi tài du; ngoại trấn nội triều chi cục lượng.

Thiên Hoàng phế phủ, uy dung nhã xứng ư tước bình; Vương thất cổ quăng, thừa bật nhĩ bồi ư kê chướng.

Ư thị: Trách long ký mệnh; nhiệm trọng thụ di.

Phụ ỷ bất từ ư gian đảm; cư lư độc mạo ư quần nghi.

Tháp đình minh mục thác cô, Tiên sinh dĩ cửu nguyên vô hám; trượng hạ thù tâm thảo tặc, cô thần ư vạn thế hữu từ.

Đối quỷ thần nhi tăng khí; đương nhật nguyệt dĩ tranh huy.

Mạc bất lĩnh thạch suy kiên; đông tùng nhượng thúy.

Dĩ nhất sinh tướng tướng chi thân; lập vạn thế quân thần chi nghĩa.

Chính khí oanh oanh lưu vũ trụ, Văn Sơn chấn cổ vô song; tinh trung hách hách yết xuân thu, Tuân Tức chí kim vi nhị.

Tín túc đương xã tắc chi thần; trực bất phụ Quân Vương chi ký.

Ô hô! Thời cùng kiến liệt tiết; bản đãng thức thành thần.

Nhân kỷ mạc tiên ư lập tín; thánh môn vưu quý ư thành nhân.

Xuyết y tuyên mệnh đương niên, phụng di chỉ tuy vân thất phụ; cấm thát phấn thân thử nhật, bất thực ngôn chỉ thử nhất nhân.

Thực đại thần chi nan đắc; thành tín sử chi khoáng văn.

Tuy dĩ, lý mãn vị khiêm; xử doanh vô cụ.

Uy quyền tịnh lý đạo nguy cơ; hình tiện đồ trung khai oán phụ.

Hấn khích nhưỡng ư tập khô tập uyển, nhật hoa chi báng nghị nan nhàn; hiềm nghi sinh ư du thích du tôn, điền dã chi báng ngôn mạc đỗ.

Toại nan hoàn minh triết chi cao; cái tự dụng trí mưu chi ngộ.

Nhiên nhi: Trung thành quán nhật; tráng liệt hoành thu.

Dị diện bất tùy Phạm Chất; cúc cung thượng hữu Vũ Hầu.

Thung dung nhất bút lưu triều, tâm vô quý như tồn chi linh sảng; khảng khái đơn đao phó tặc, cốt dĩ hàn vị tử chi gian du.

Lượng thần tiết bất cô ư phó thác; tín nhân luân hữu lại ư xanh phù.

Y! Thế cục thương tang; thời cơ vân vật.

Duy tín nghĩa thị hiền triết sở trân; nhi thành bại tại anh hùng nan tất.

Thánh huấn khởi khi hậu thế, dịch sinh nhị tự thực tam tài; trung thần bất nhị tiên quân, sùng chính thiên thu như nhất nhật.

Dư nhàn nghiên giản sách, tiềm cứu cổ kim; bản triều hữu giá ban nhân, cảm bất biểu chi nhi xuất.

DỊCH NGHĨA:

PHÚ BIỂU LÒNG TRUNG

[HUY QUẬN[1] VÌ CHÍNH NGHĨA MÀ CHẾT, CHO NÊN VIẾT BÀI PHÚ PHÂN BIỆT RÕ KHÚC TRỰC (CẦM CÂN NẨY MỰC) ĐỂ GIÃI BÀY]

Tâm thì quan hệ ở danh giáo; thân thì gánh vác lấy cương thường.

Đáng khen đấng hào kiệt ở Bắc Giang; quả là bậc danh tướng ở nước Nam.

Sống thì vẻ vang, người đời tôn là có danh vọng lớn; dù chết không bị mai một, đời sau vẫn truyền dấu thơm.

Nay có vị hổ thần mạnh mẽ; vị cốt tướng đàng hoàng.

Tài đủ trong văn ngoài võ; danh lừng lẫy ngoài trấn trong triều.

Làm gan dạ cho phái Thiên Hoàng,[2] uy nghi xứng với tài bắn khổng tước vẽ trên bình phong;[3] làm tay chân trong chốn Vương thất, giúp dập hầu hạ ở bên trướng thêu gà.[4]

Vì thế: Nhận mệnh phó thác to lớn; chịu lời di chúc nặng nề.

Tựa ỷ[5] không từ gánh nặng; ở nhà tang[6] riêng chịu nỗi ngờ.

Trên giường khi nhắm mắt, ký thác lại con côi, Tiên Vương ở dưới chín suối đã không hối hận; dưới bệ thờ thề quyết tâm đánh giặc, muôn đời sau cô thần vẫn thanh minh được.

Đối với quỷ thần tăng thêm khí mạnh; cùng mặt trời mặt trăng tranh bóng quang minh.

Ai cũng khen là: Kiên cường hơn đá trên núi; bền bỉ lá thông mùa đông phải nhường.

Đem một tấm thân văn kiêm võ; nêu nghĩa muôn đời giữa vua tôi.

Chính khí lẫm liệt tràn khắp vũ trụ, cùng so với Văn Sơn[7] xưa không kém; tinh trung rực rỡ đầy cả xuân thu, ông Tuân Tức[8] tới nay là hai.

Đủ tin là bầy tôi coi xã tắc, thật không phụ sự ký thác của Quân Vương.

Than ôi! Thời đến lúc cùng, thì khí tiết mới phát hiện;[9] nước gặp buổi loạn, thì ai trung thành mới hay.[10]

Đạo người trước hết phải giữ lấy điều tín; cửa thánh không gì quí bằng thành được điều nhân.[11]

Năm đó chốn màn trướng[12] ra lệnh, vâng theo di chỉ tuy có bẩy người; bây giờ vươn mình trong cửa cấm, không sai lời, chỉ còn một ông.

Đại thần thật là hiếm có; tín sử ít khi được nghe.

Dẫu cho, gặp hội "mãn" mà không khiêm tốn; xử lúc "doanh" mà không lo sợ.

Vì uy quyền mà sa vào nguy cơ trong cạm bẫy; vì cứng cỏi[13] mà mở ra thù oán ở giữa đường.

Hấn khích vì chỗ "tập khô tập uyển"[14] khó ngăn được lời gièm báng ở Vương cung; hiềm nghi sinh ở tình "du thích du tôn"[15] khôn bịt miệng chê bai nơi thôn dã.

Thành thử, khó trọn vẹn được trí cao cả của bậc minh triết; mà tự

mắc vào sự lầm lẫn như hạng trí mưu.

Nhưng mà, lòng trung thành thấu qua bóng nhật; chí tráng liệt ngang chắn trời thu.

Không theo Phạm Chất mà giở mặt;[16] bạn với Vũ Hầu[17] thường cúc cung.

Thung dung một nét bút lưu lại triều đình, hồn tiên linh như còn sống, lòng vẫn không thẹn;

Khẳng khái một thanh đao xông pha trận địch, bọn gian du tuy chưa chết, mà xương đã lạnh rồi.[18]

Tin rằng, tiết tháo của nhân thần không chịu đơn độc với sự phó thác; mà luân lý của đời người cũng nhờ đó chống chọi cho.

Ôi! Cuộc thế dâu cồn bể vực; thời gian vật đổi sao dời.

Duy tín nghĩa là bậc hiền triết rất quý; mà thành hay bại kẻ anh hùng khó lòng quyết định.

Lời dạy của thánh nhân đâu phải lừa dối đời sau, hai chữ xả sinh[19] bồi đắp cho tam tài;[20] kẻ trung thành không trái lời chúc của tiên quân, tôn sùng chính nghĩa nghìn thu vẫn như một ngày.

Ta nhân lúc thư nhàn: Nghiên cứu sử sách; khảo xét xưa nay.

Bản triều có nhân vật đó; há không đem mà nêu lên?

CHÚ THÍCH:

1. Huy Quận công tức Hoàng Đình Bảo, con rể chúa Trịnh Doanh, em rể Trịnh Sâm, Sâm khi gần chết, Bảo chịu cố mệnh lập Trịnh Cán nối ngôi chúa. Khi quân Tam phủ nổi dậy, phò Trịnh Khải truất Trịnh Cán, Bảo cưỡi voi vào dẹp bị chúng lấy câu liêm kéo xuống đánh chết (1782). Bảo là cháu Hoàng Ngũ Phúc.

2. *Sử ký*: Trên chòm sao Vương Lương có 8 vì sao, trong đó có sao Thiên Hoàng được ví với Hoàng tộc.

3. Đời Đường, Đậu Nghị có con gái, nhân vẽ con khổng tước vào bức màn, hứa rằng, ai dùng tên bắn trúng giữa mắt chim thì sẽ gả con gái cho. Đường Cao Tổ khi còn tiềm long, bắn trúng cả hai mắt. Ở đây dùng để chỉ Huy Quận công đã làm việc đó, lấy được con gái Trịnh Doanh.

4. Sách *Thiêm bảo di sự*: Đường Minh Hoàng vì yêu An Lộc Sơn, nên đặt bức bình phong thêu con gà bằng kim tuyến 金雞障. *Quảng sự loại*, mục *Duy mạc*, quyển 27: Trướng hữu kim kê chi sức 障有金雞之飾 (trướng có trang sức con gà vàng).

Trướng là bình phong, dùng để che cách trong ngoài. Ở đây ý chỉ quận Huy được Trịnh Sâm sủng ái.

5. Ỷ là chiếc bình phong, khi triều hội thiên tử tựa lưng vào bình mà đứng. Sách *Hoài Nam tử:* Thiên tử tựa ỷ coi chư hầu vào chầu.

6. Nguyên văn: Cư lư. *Tang phục ký:* Có tang cha mẹ thì ở nhà ỷ lư. Chữ ỷ lư là nhà không cột, mái sát đất.

7. Văn Sơn tức Văn Thiên Tường, Trạng nguyên Tể tướng triều Tống mạt, chịu chết không hàng Nguyên.

8. *Tả truyện*: Tấn Hiếu Công mất, Tuân Tức nhận lời di chúc giúp Hề Tề, thề xin hết lòng trung trinh. Sau Lý Khắc định giết Hề Tề, bảo trước Tuân Tức rằng: Ba kẻ thù oán (Thân Sinh, Trùng Nhĩ, Di Ngô), cùng nổi dậy, Tấn ở ngoài, Tấn ở trong cùng phụ hội vào, nhà ông xử trí thế nào? Tuân Tức đáp: Sẽ chết theo, vì ta đã đem một cái chết hứa với tiên quân không thể thay đổi lời nói được. (Ngô dữ tiên quân ngôn hĩ, bất khả dĩ nhị)

9. Bài *Chính khí ca* của Văn Thiên Tường: Thời cùng tiết nãi hiện, nhất nhất trùng đan thanh (Thời cùng, khí tiết mới phát hiện, nhất nhất đã chép rõ ở sử).

10. Thơ Đường Thái Tông cho Tiêu Vũ: Tật phong tri kính thảo, bản đãng thức thành thần (Gặp gió mạnh mới biết thứ cỏ cứng, qua đời loạn mới biết kẻ bầy tôi trung thành).

11. *Luận ngữ*, thiên *Vệ Linh công*: Khổng Tử nói : Chí sĩ nhân nhân, vô cầu sinh dĩ hại nhân, hữu sát thân dĩ thành nhân (Kẻ chí sĩ nhân nhân, không tham sống để hại điều nhân, có khi mình chịu chết để thành điều nhân).

12. *Từ nguyên:* Xuyết y là chiếc màn che. *Kinh Thư* thiên *Cố mạnh*: Xuất xuyết y vu đình (bỏ xuyết y ra ở sân). Ở đây dùng để chỉ nơi màn trướng của chúa Trịnh Sâm.

13. Nguyên văn: Hình tiện. *Chiến quốc sách*: Công chi bất khả dắc, thủ chi bất khả hoại, cố viết hình tiện dã (Đánh không thể lấy được, giữ không thể hủy hoại được, cho nên nói là hình tiện).

14. *Quốc ngữ, Tấn ngữ:* Nhân giai tập uyển, kỷ độc tập ư khô (Người người đều đậu ở cành mềm, mình ta đỗ lại ở cành khô).

15. Chưa rõ điển tích.

16. Phạm Chất là tôi của nhà Chu, khi Tống Thái Tổ được bọn Thạch Thủ Tín sách tôn làm thiên tử, rồi cựu thần ai cũng vào lậy, Chất không chịu theo, sau thấy lậy cả, Chất bất dắc dĩ cũng lậy, chịu làm quan tước cho Tống.

17. Vũ Hầu, tức Gia Cát Lượng Khổng Minh, cúc cung tận tuỵ giúp Hán Hậu chủ (Lưu Huyền Đức).

18. Đời Tống, Lý Thời Trung tặng Đường Giới bị biếm trích di Anh Châu: Tịnh du anh tuấn nhan hà hậu, vị tử gian du cốt dĩ hàn. Nghĩa là: Những anh tuấn cùng chơi với nhau, mặt những dày dạn; kẻ gian du tuy chưa chết mà xương đã lạnh rồi.

19. Nguyên văn: Dịch sinh 易生 chưa rõ điển tích ở đâu. Nay tạm dùng chữ "xả sinh," chữ ở *Mạnh Tử:* Sinh ngã sở dục dã, nghĩa diệc ngã sở dục dã, nhị giả bất khả đắc kiêm, xả sinh nhi thủ nghĩa. Nghĩa là: Đời sống ta rất muốn, điều nghĩa ta cũng muốn, hai cái không thể kiêm cả được, bỏ sống mà ta lấy điều nghĩa thôi.

20. Tam tài: Trời, đất, người.

DỊCH PHÚ:

Lòng vui danh giáo, thân gánh cương thường.

Đáng quý vị hào kiệt nơi Giang bắc, thật là bậc danh nhân miền Nam bang.

Sống vẫn vinh quang, quyền lớn được đương thời coi trọng; chết nhưng bất hủ, tiếng thơm truyền hậu thế noi gương.

Nay có: Hổ thần sức mạnh; cốt tướng mưu cao.

Tài đủ vào văn ra võ; quyền kiêm ngoài trấn trong triều.

Giúp họ Vương gan dạ giãi bày, xứng đáng dung nghi, trên bình tước vẽ; thờ nhà chúa, chân tay tin cậy, theo đời giúp đỡ, trước trướng gà thêu.

Vì thế: Ký mệnh vâng lời; thụ di nhận chức.

Tựa bình đâu quản gian lao; để trở những mang điều ngờ vực.

Gần nhắm mắt gửi con trước chiếu, Tiên Vương đã chín suối yên tâm; thề với lòng giết giặc dưới quân, cô thần vẫn muôn đời học hạnh.

Đối quỷ thần nhất khí đều thông; cùng nhật nguyệt đôi vừng sáng rực.

Ai cũng khen: Đá trên non thua chất rắn; thông mùa đông nhường mầu tươi.

Chính khí cùng vũ trụ dạt dào, từ trước Văn Sơn có một; tinh trung khắp xuân thu rực rỡ, tới nay Tuân Tức là hai.

Tin rằng, xã tắc thần thật đáng; lẽ nào quân vương mệnh dám sai.

Than ôi! Vận cùng mới hiểu người khí tiết; đời loạn thêm rõ kẻ danh thần.

Đạo người trước hết phải giữ điều tín; cửa thánh quý nhất là điều nhân.

Chốn màn trướng tuyên mệnh năm nào, vâng di chỉ tuy là bảy vị; cửa cấm đát vươn mình buổi đó, chẳng nghe lời chỉ có một thân.

Tôi trung thật sao hiếm có; sử xanh ít được nghe rành.

Dù cho: Thiếu khiêm tốn trong khi lý mãn; chẳng lo âu vào lúc xử doanh.

Bởi uy thế, mà trong cạm xẩy, nguy cơ đưa đến; vì kiên cường mà giữa đường thù oán kết thành.

Hấn khích sinh vì "tập uyển tập khô," trăm oán ở miếu đường khó

tránh; hiềm nghi xảy bởi "du tôn du thích," trăm gièm nơi điền dã khôn ngăn.

Minh triết thành ra khó vẹn; trí mưu lầm ở dụng tình.

Nhưng mà: Trung thành thấu bóng nhật; tráng liệt khắp trời thu.

Trở mặt đâu thèm theo Phạm Chất; cúc cung sánh bạn cùng Vũ Hầu.

Thung dung nét bút lưu triều, như xưa lòng chẳng thẹn thò, yên hồn linh sảng; khẳng khái thanh gươm tới địch, chưa chết, xương đã nguội lạnh, chán nỗi gian du.

Tin rằng, làm tôi không phụ lời phó thác; mà cho đạo người được nhờ sức khuông phù.

Ôi! Cuộc thế bể dâu đổi lớp; cơ đời mây chớ xoay vòng.

Tín nghĩa là điều quý của người minh triết; thành bại đâu có bàn với khách anh hùng.

Lời thánh răn, há lừa dối đời sau, hai chữ "xả sinh" dựng trong ba cõi; kẻ tôi tốt chẳng phụ phàng vua cũ, nghìn năm "sùng chính" liền giữ một lòng.

Ta đây, sử sách rỗi xem, cổ kim nghiên cứu, bản triều có nhân vật như thế, nếu không biểu dương cho tỏ ra được không?

Trần Duy Vôn (dịch)

9. 雪月疑賦

(奉使時作)

一色紛紛，吾不知其何爲兮霄歟晨。

吾欲觀夫太虛兮，長庚與啓明而俱泯。

指前山而拭望兮，草樹堆白以輪囷 。

豈長夜之未央兮，胡爲乎鳥聲約略相聞 。

將清晨之初晞兮，胡爲乎板橋窶不見人 。

余有疑乎雪月兮，喚輿者而諮詢。

乃倏倏之不辨兮，手指口而云云。

行獨會於余心兮，宇宙洪荒之未分。

下誰爲川岳兮，上誰爲星辰。

中以何狀爲物兮，以何形爲人。

又何爲乎上中下兮，使各類聚而群分。

是理底倥侗兮，是氣底渾淪。

何名利之相逐兮，孰爲疏而爲親。

何送迎之相煩兮，孰爲僞而爲眞？

自舟車之既陳兮，彼爲苗而此爲獯。

既矛戟之相尋兮，乃玉帛之相鄰。

始有萬里之修途兮，重三譯而策驊騮。

人跡之所到兮，皆履青霜而踏紅塵。

又何疑夫雪月兮，計較深霄之與大昕。

願長康乎此身兮，效蓬車之轔轔。

幸諮諏之無咎兮，期少答乎洪鈞。

賦蓮社之歸來兮，囂囂然希莘野之天民 。

PHIÊN ÂM:

TUYẾT NGUYỆT NGHI PHÚ

(PHỤNG SỨ THỜI TẠC)

Nhất sắc phân phân, ngô bất tri kỳ hà vi hề tiêu dư thần.

Ngô dục quan phù thái hư hề, Trường Canh dữ Khải Minh nhi câu dân.

Chỉ tiền sơn nhi thức vọng hề, thảo thụ đôi bạch dĩ luân khuân.

Khởi trường dạ chi vị ương hề, hồ vi hồ điểu thanh ước lược tương văn.

Tương thanh thần chi sơ hy hề, hồ vi hồ bản kiều quỳnh bất kiến nhân.

Dư hữu nghi hồ tuyết nguyệt hề, hoán dư giả nhi tư tuân.

Nãi thù ly chi bất biện hề, thủ chỉ khẩu nhi vân vân.

Hành độc hội ư dư tâm hề, vũ trụ hồng hoang chi vị phân.

Hạ thùy vi xuyên nhạc hề, thượng thùy vi tinh thần

Trung dĩ hà trạng vi vật hề, dĩ hà hình vi nhân.

Hựu hà vi hồ thượng trung hạ hề, sử các loại tụ nhi quần phân.

Thị lý để không đồng hề, thị khí để hỗn luân.

Hà danh lợi chi tương trục hề, thục vi sơ nhi vi thân.

Hà tống nghênh chi tương phiền hề, thục vi ngụy nhi vi chân.

Tự chu xa chi ký trần hề, bỉ vi Miêu nhi thử vi Huân.

Ký mâu kích chi tương tầm hề, nãi ngọc bạch chi tương lân.

Thủy hữu vạn lý chi tu đồ hề, trùng tam dịch nhi sách hoa nhân.

Nhân tích chi sở đáo hề, giai lý thanh sương nhi đạp hồng trần.

Hựu hà nghi phù tuyết nguyệt hề, kế giảo thâm tiêu chi dữ đại hân.

Nguyện trường khang hồ thử thân hề, hiệu Cừ xa chi lân lân.

Hạnh tư tu chi vô cữu hề, kỳ thiểu đáp hồ hồng quân.

Phú Liên xã chi quy lai hề, hiêu hiêu nhiên hy Sần dã chi thiên dân.

DỊCH NGHĨA:

PHÚ ÁNH TRĂNG NGỠ LÀ ÁNH TUYẾT (LÀM KHI ĐI SỨ)

Một màu lờ mờ, ta chưa biết rõ còn đêm hay đã sáng?

Ta muốn xem trên vòm trời, thì sao Trường Canh và sao Khải Minh[1] đều không thấy.

Chỉ ngọn núi đằng trước mà nghển trông, thì chỉ thấy cỏ cây như chiếc gò bạc trắng quây quanh.

Có lẽ đêm dài chưa dứt hẳn chăng? Sao mà tiếng chim còn kêu văng vẳng?

Hay là buổi sớm vừa tang tảng chăng? Sao trên cầu ván vắng vẻ, chẳng thấy ai?

Ta không rõ đó là ánh trăng hay ánh tuyết, mới gọi phu xe tới mà hỏi.

Thì líu lo không rõ, chỉ tay vào miệng mà lắp bắp.

Đi một mình lòng ta mới hiểu ra: Bầu vũ trụ còn lẫn lộn chưa phân biệt rõ.

Ở dưới đâu là sông là núi, ở trên đâu là trăng là sao?

Ở khoảng giữa lấy dáng gì là vật, lấy hình gì là người?

Lại làm gì có trên , có dưới, có khoảng giữa, khiến cho sự vật theo từng loại mà tụ mà phân.(2)

Vậy lý đó là trống không, vậy khí đó là hỗn độn.

Sao cùng theo đuổi đường danh lợi, ai thân ai sơ?

Sao cùng đưa đón phiền hà, ai thật ai giả?

Từ khi có thuyền và xe, thì kia là rợ Miêu, mà đây là rợ Huân![3]

Giáo mác đã chạm nhau, thì dâng ngọc, dâng lụa để cùng giao hảo!

Mới có con đường dài muôn dặm, trải ba lần dịch tiếng,(4) mà giong ruổi ngựa hoa, ngựa nhân.(5)

Nơi dấu chân người đi tới, đều giày trên sương xanh mà đạp lên bụi đỏ.

Lại đáng ngờ sao giữa tuyết và trăng, mà so sánh giữa đêm khuya và trời sáng.

Mong thân này được mạnh khỏe mãi, theo xe ông Cừ Bá Ngọc bon bon.(6)

Họa may việc đi sứ này không mắc lỗi, để đền đáp ơn cao dầy.

Làm bài phú trở về Liên xã (7) tự nhiên như vị "thiên dân" ở bãi Hữu Sần."(8)

DỊCH PHÚ:

Lờ mờ một màu, tôi chưa hiểu chừ trời đã sáng hay đêm còn lâu!

Tôi muốn xem vòm trời chừ, thì sao Kim cùng sao Mai không thấy đâu.

Trỏ núi trước mà nghển trông chừ, cỏ cây như chiếc cồn quanh co mà trắng phau.

Há đêm dài chưa canh ba chừ, sao còn nghe tiếng chim văng vẳng gắt gao?

Hay là trời vừa sáng chừ, sao bóng người còn vắng ngắt chưa qua cầu?.

Tôi có nghi ngờ là tuyết trắng hay trăng chừ, gọi mà hỏi chàng dư phu.(9)

Thì hắn líu lo không rõ chừ, tay trỏ miệng mà nói những câu...

Vừa đi, lòng tôi tự nghĩ chừ, trời đất trước khi còn hỗn độn một bầu,

Ở dưới gì là sông núi chừ, ở trên gì là trăng sao du?

Ở giữa lấy dáng gì làm vật chừ, lấy hình gì làm người du?

Lại là sao có trên, dưới, giữa chừ, khiến cho các sự vật chia rẽ nhau.

Lý đó vẫn lơ mơ chừ, khó đó vẫn mịt mù;

Danh lợi gì cùng theo đuổi chừ, đâu là thân mà đâu là sơ âu?

Đưa đón gì cùng phiền lụy chừ, đâu là chân mà đâu là nguỵ âu?

Từ khi có thuyền có xe giao thông chừ, kia mới là Huân mà đây là Miêu.

Đã có giáo mác cùng theo rõi chừ, rồi mà ngọc lụa tiếp theo sau.

Mới có con đường xa xa muôn dặm chừ, trải ba lần dịch tiếng mà rồi dong ruổi vó câu.

Dấu chân người đã qua chừ, đạp sương tan mà giầy bụi sạch lầu.

Lại còn nghi ngờ gì trăng tuyết chừ, bàn cãi sáng rồi hay đêm còn sâu.

Thân này mong sao mạnh luôn chừ, họa xe ông Cừ bon bon không chậm không mau.

Họa may việc giao hảo được tốt chừ, để đền đáp trời cao.

Phú bài trở về Liên xã chừ, mong như vị thiên dân ở bãi Hữu Sần tự do tiêu dao!

Trần Duy Vôn (dịch)

CHÚ THÍCH:

1. Trường Canh là sao Thái Bạch, cũng có tên là sao Kim; Khải Minh ta gọi là sao Mai.

2. Nguyên văn: "Loại tu nhi quần phân." Lời *Thượng hệ ở Kinh Dịch*: "Phương dĩ loại tụ, vật dĩ quần phân, cát hung sinh hĩ." Nghĩa là: Sự sự vật vật đều do loại chia ra, mà rồi tốt xấu quyết định được.

3. Miêu là Tam Miêu; Huân là Huân Dục, tên hai dân tộc thiểu số có từ đời cổ Trung Quốc.

4. Sứ giả đi qua nhiều nước, qua nước nào nước đó phải phiên dịch ra tiếng nói của họ. Đây nói ba lần dịch tức trải qua ba nước.

5. Ngựa hoa, ngựa nhân, thứ ngựa đi nhanh, sứ giả thường dùng.

6. Đời Xuân Thu, Cừ Bá Ngọc là người hiền, đại phu ở nước Vệ. Một hôm Linh Công

cùng phu nhân đêm khuya vẫn còn ngồi, chợt nghe có tiếng xe tới cửa khuyết thì im. Phu nhân nói đó là xe của Bá Ngọc! Công hỏi sao mà biết? Đáp: Người quân tử không vì đêm tối vắng vẻ mà bỏ lễ phép. Bá Ngọc là bậc hiền đại phu nên mới thế. Sau vào bệ kiến thì quả là Bá Ngọc.

7. Liên xã: Đời Đông Tấn, nhà sư Tuệ Viễn ở núi Lư Sơn, cùng với bọn Lưu Di Dân mở rộng chùa cảnh, tu về môn tịnh độ. Trong khu vực đó có chiếc ao trồng sen trắng, nhân gọi đó là Bạch Liên xã.

8. *Mạnh Tử*: Y Doãn cấy ở bãi Hữu Sần, vua Thành Thang đem lụa tới mời về, ông dương dương tự đắc nói: "Ta ở nơi đồng ruộng, vui về đạo Nghiêu Thuấn, chứ nhận lụa của nhà vua làm gì?" Sau vua Thang ba lần tới vời, ông mới đổi sắc mặt nói: "Ta là bậc *thiên dân* giác ngộ trước, ta sẽ đem đạo Nghiêu Thuấn đó để giác ngộ cho nhân dân sau đây."

9. Dư phu, là bọn phu xe.

10. 黃鶴樓賦

帝玄元之降系兮，十八子其雲昆。
開皇唐之靈寶兮，天潢潤乎葛根。
稟玉牒之曈曈兮，降眞仙于塵世。
毓純陽于諸方兮，躡丹梯而不墜。
薄鉛汞之糟粕兮，運靈袂於長空。
收太一之眞精兮，萃英華夫仙躬。
駕靈鶴于神霄兮，吸丹霞與玉露。
覽八極以揮斥兮，乃徜徉乎天府。
羌至人之隱見兮，粒寥廓以寄形。
既仙跡之過去兮，匪玉笛之無聲。
蓋斯山之棲神兮，亙萬古以長在。
環谷王之朝宗兮，亦汪洋而澎湃。
合流峙之大觀兮，縫樓臺於其間。
紛奇巧之萬狀兮，雖朝暮而殊看。
方其：

梧桐一葉，涼生孤觀。

仰觀太虛，雲影散亂。

煙光徘徊，羽衣來也。

江濤洶湧，吹聲送也！

鳥雀低高，遊逍遙也。

魚龍出沒，象焱忽也。

澄瞻翠微，遠樹依依。

又疑其仙人去而將歸也。

縱一葦之所如，若爭迎乎水湄。

織往來乎歲月，而不知其所期。

騷人無奈，遊子何極。

拾級登高，瞻望何憶。

臨景風而長歌。

豈模擬之得盡。

悲往事之渺茫。

假靈景而吾問。

自湮渤之肇開兮，川岳凝以流形。

方混沌之未宛兮，神仙邈乎無名。

彼雲霧之誰駕兮，即煙霞其曷傲。

實仙景之獨立兮，夫何妨乎巧造。

漢陽樹兮歷歷。

鸚鵡洲兮凄凄。

豈煙景之慕仙兮，

抑仙慕煙景而隱栖。

夫蓬山與瑤島，

罕人跡之得到。

閑佺期之遊息。

同夢寐之綿渺。

非古人之藍輦兮，啓三楚之山林。

窟龍蛇於三湘兮，帆檝礙乎幽深。

徒長江之流漸兮，亦百雉之未立。

登楚山之崔嵬兮，聞秋風之怨泣。

靈鶴翔于千仞兮，固自引而高飛。

縱笛聲之嘹喨兮，認爲某與爲誰。

余登臨乎斯樓兮，忽若開乎靈府。

愛純陽之善樓兮，占山川之靈秀。

繫天地之開闢兮，假刓鑿乎吾人。

仙得景而成名兮，景有人以長春。

躡層雲兮巍峨。

夔重霄兮直上。

望坱埒兮無垠。

觀溥博乎浩蕩。

滌名利兮塵襟。

想鳴皋兮遺音。

匪仙人兮與言。

實獨會兮余心。

PHIÊN ÂM:

HOÀNG HẠC LÂU PHÚ

Đế Huyền Nguyên chi giáng hệ hề, thập bát tử kỳ vân côn:
Khai Hoàng Đường chi linh bảo hề, Thiên Hoàng nhuận hồ cát căn.
Đản ngọc điệp chi vỉ vỉ hề, giáng chân tiên vu trần thế.

Dục thuần dương vu chư phương hề, kiệu đan thê nhi bất trụy.
Bạc diên hống chi tao phách hề, vận linh duệ ư trường không.
Thu thái nhất chi chân tinh hề, tụy anh hoa phù tiên cung.
Giá linh hạc vu thần tiêu hề, hấp đan hà dữ ngọc lộ.
Lãm bát cực dĩ huy xích hề, nãi thảng dương hồ thiên phủ.
Khương chí nhân chi ẩn hiện hề, lạp liêu khuếch dĩ ký hình.
Ký tiên tích chi quá khứ hề, phỉ ngọc địch chi vô thanh.
Cái tư sơn chi thê thần hề, cắng vạn cổ dĩ trường tại.
Hoàn Cốc Vương chi triều tông hề, diệc uông dương nhi bành bái.
Hợp lưu trĩ chi đại quan hề, phùng lâu đài ư kỳ gian.
Phân kỳ xảo chi vạn trạng hề, tuy triêu mộ nhi thù khan.
Phương kỳ:
Ngô đồng nhất diệp, lương sinh cô quán.
Ngưỡng quan thái hư, vân ảnh tán loạn.
Yên quang bồi hồi, vũ y lai dã.
Giang đào hung dũng, xúy thanh tống dã!
Điểu tước đê cao, du tiêu dao dã.
Ngư long xuất một, tượng thúc hốt dã.
Trừng chiêm thúy vi, viễn thụ y y.
Hựu nghi kỳ tiên nhân khứ, nhi tương quy dã.
Túng nhất vĩ chi sở như, nhược tranh nghênh hồ thủy mi.
Chức vãng lai hồ tuế nguyệt, nhi bất tri kỳ sở kỳ.
Tao nhân vô nại, du tử hà cực.
Thập cấp đăng cao, chiêm vọng hà ức.
Lâm cảnh phong nhi trường ca.
Khởi mô nghĩ chi đắc tận.
Bi vãng sự chi diểu mang.
Giả linh cảnh nhi ngô vấn.
Tự nhân bột chi triệu khai hề, xuyên nhạc ngưng dĩ lưu hình.
Phương hỗn độn chi vị uyển hề, thần tiên mạc hồ vô danh.
Bỉ vân vụ chi thùy giá hề, tức yên hà kỳ hạt ngộ.

Thực tiên cảnh chi độc lập hề, phù hà phương hồ xảo tạo.
Hán Dương thụ hề lịch lịch.
Anh Vũ châu hề thể thê.
Khởi yên cảnh chi mộ tiên hề,
Ức tiên mộ yên cảnh nhi ẩn thê.
Phù Bồng sơn dữ dao đảo,
Hãn nhân tích chi đắc đáo.
Văn Thuyên Kỳ chi du tức;
Đồng mộng mỵ chi miên diểu.
Phi cổ nhân chi lam tất hề, khải tam Sở chi sơn lâm.
Quật long xà ư Tam Tương hề, phàm tiếp ngại hồ u thâm.
Đồ Trường Giang chi lưu tê hề, diệc bách trĩ chi vị lập.
Đăng Sở sơn chi thôi ngôi hề, văn thu phong chi oán khấp.
Linh hạc tường vu thiên nhận hề, cố tự dẫn nhi cao phi.
Túng địch thanh chi liêu lượng hề, nhận vi mỗ dữ vi thùy.
Dư đăng lâm hồ tư lâu hề, hốt nhược khai hồ linh phủ.
Ái Thuần Dương chi thiện lâu hề, chiếm sơn xuyên chi linh tú.
Ế thiên địa chi khai tịch hề, giả ngoan tạc hồ ngô nhân.
Tiên đắc cảnh nhi thành danh hề, cảnh hữu nhân dĩ trường xuân.
Nhiếp tầng vân hề nguy nga.
Lăng trùng tiêu hề trực thượng.
Vọng ương loát hề vô ngân.
Quan phổ bác hồ hạo đãng.
Địch danh lợi hề trần khâm.
Tưởng minh cao hề di âm.
Phỉ tiên nhân hề dữ ngôn.
Thực độc hội hề dư tâm.

DỊCH NGHĨA:

PHÚ LẦU HOÀNG HẠC[1]

Huyền Nguyên Hoàng đế giáng sinh phả hệ,[2] họ Lý[3] tức là con cháu ông;

Mở Hoàng phái triều Đường quý báu thiêng liêng, nguồn Thiên Hoàng[4] nhuần thấm tới cội rễ.

Tin rằng cuốn ngọc phả kéo dài mãi, giáng bậc chân tiên xuống cõi trần.

Chung đúc được khí thuần dương[5] của bốn phương, đạp lên thang mây đỏ mà không nghiêng ngả.

Coi nhẹ việc nấu thủy ngân để luyện thuốc[6] làm cám bã, vì đã vận dụng được môn bí quyết ở khắp không gian;

Thu hút cả chân tinh của bầu thái cực, chứa góp anh hoa vào thân thể nhà tiên.

Cõi hạc thiêng vượt trên vòm trời, ngậm uống ráng đỏ và móc trong;

Vừa xem, vừa chỉ huy khắp tám cõi, rồi nhởn nhơ ở nơi phủ lỵ nhà trời.

Ôi! Bậc chí nhân khi ẩn khi hiện, thu cả trời đất vào trong chiếc vỏ trấu, để giữ hình hài;

Dấu vết thần tiên dẫu đã qua rồi, mà tiếng sáo ngọc văng vẳng vẫn còn đó.

Có lẽ ký thác tinh thần ở núi này, suốt muôn đời vẫn còn tồn tại;

Các thần sông nước vây quanh chầu về, cùng lai láng mà dào dạt.

Hợp cả khung lớn của non cao nước chảy, xây dựng lên lâu đài ở trong;

Đủ cả muôn hình dáng kỳ kỳ xảo xảo, dẫu chỉ một sớm một chiều, mà xem ra đã khác hẳn.

Đương lúc: Một chiếc lá ngô đồng mới rụng, khí mát sinh ở chốn quán các cô đơn;

Ngước trông bầu trời, bóng mây tản mạn.

Bóng khói thướt tha, đó là khách mặc áo tiên tới vậy;

Sóng sông tung toé, đó là tiếng nhạc thổi tiễn đưa vậy!

Chim sẻ bay cao bay thấp, đó là bước tiêu dao vậy;

Rồng cá khi nổi khi lặn đó là tượng trưng thời gian chốc lát vậy!

Xem kỹ sườn núi, ngàn cây san sát nơi xa, lại nghi là người tiên đi mà sẽ trở về vậy!

Một mảng bè cỏ buông trôi tự do, như là tranh nhau đón ở bến nước.

Năm tháng đi lại lần lữa, mà không hiểu kỳ hạn nào.

Nhà thơ biết làm sao, khách du chơi đâu đến nỗi cực.

Lần thang mà lên, trông ngóng sao mà tưởng nhớ.

Nhân phong cảnh mà ca bài trường thiên.

Có đâu đã mô tả được hết!

Buồn vì việc xưa mù mịt.

Ta nhờ cảnh thiêng mà hỏi rằng:

Từ khi khí hóa chìm nổi đã mở mang rồi, sông núi đọng lại mà thành hình;

Đương lúc:

Còn hỗn độn chưa phân kia, thần tiên lờ mờ, làm gì đã có tên tuổi.

Mây mù kia ai là người cõi? Tức như cảnh khói ráng ai là khách ngạo nghễ;

Quả thật cảnh tiên đứng trơ vơ, nào có phương hại gì đến sự khéo léo của tạo hóa.

Cây ở bờ sông Hán Dương nhìn rõ ràng;

Bãi sông Anh Vũ thì lạnh lùng.[7]

Há cảnh mây khói say mê người tiên chăng?

Hay là người tiên say mê cảnh mây khói mà ẩn núp chăng?

Ôi! Non Bồng cùng đảo Ngọc,[8]

Vết chân người ít đến đó.

Nghe rằng, có ông Thuyên Kỳ đã qua chơi,[9]

Như trong giấc mộng mơ màng thôi!

Không phải người xưa mặc áo tơi đi xe tre, mở ra rừng núi ba đất Sở;[10]

Khoét hang rồng rắn ở ba sông Tương[11] những nơi sâu thẳm tối tăm ngáng trở thuyền bè.

Sông Trường Giang luống những chảy dài, tường cao trăm thước cũng chưa dựng;

Trèo lên non Sở chon von kia, nghe tiếng gió thu thổi như oán như khóc.

Hạc thiêng liệng trên tầng trời nghìn nhận kia, chỉ tự sức mình mà bay cao.

Tiếng sáo vút lên véo von kia, nhận rõ là ta hay là ai?

Ta lên tới lầu này, hốt nhiên tấm lòng như rộng mở.

Yêu chiếc lầu đẹp của sông Thuần Dương,[12] riêng chiếm non thiêng nước biếc.

Này, trời đất muốn mở mang, cũng phải nhờ người ta đẽo gọt thêm.

Tiên nhờ có cảnh mà nổi tiếng, cảnh nhờ có người mà xuân mãi lâu dài.

Đạp lên tầng mây cao ngất;

Vượt thẳng lên mấy tầng trời.

Nhìn trái đất thì bạt ngàn;

Ngắm bầu trời thì bao la.

Rửa sạch tấm lòng danh lợi trần tục;

Nghĩ tới tiếng hạc văng vẳng, âm thanh đọng lại ở bờ đầm kia.[13]

Không gặp người tiên nào, để cùng nói chuyện;

Thật ra chỉ riêng lòng ta hiểu được thôi.

CHÚ THÍCH:

1. Bài này rút từ tập *Hoàng hoa đồ phả*, sáng tác năm 1793.

Lầu Hoàng Hạc ở trên gò Hoàng Hạc thuộc huyện Vũ Xương tỉnh Hồ Bắc, được xây dựng từ đời Đường, do xưa kia có người tiên tên là Tử An cỡi hạc tới đây, nhân đặt tên. Sau đời Hán tiên ông Phí Văn Vĩ cũng cỡi hạc qua đây.

2. Lão Đam xưa sinh ở dưới gốc cây lý (cây mận), nhân lấy họ là Lý. Đường Cao Tổ là Lý Uyên, nhận Lý Lão Đam làm thủy tổ mở dấu ra họ Lý của mình, nhân truy tôn ông làm Huyền Nguyên hoàng đế. Ông là vị sáng lập ra Đạo giáo. Lão Tử tức là ông, có soạn cuốn *Đạo đức kinh*.

3. Nguyên văn: "Thập bát tử" 十八子, ba chữ ghép lại thành chữ "Lý" 李.

4. Thiên Hoàng: Một vòng sao ở bên sông Vân Hán, người ta thường dùng để ví với họ nhà vua.

5. Khí thuần dương, tức là toàn thể trong sạch nhẹ nhàng, không chút nhơ bụi, phản với khí thuần âm.

6. Luyện thuốc, tức là luyện đan, tương truyền linh đan, uống vào thì thân thể nhẹ nhàng, lâu dần thì trở thành tiên, bay lên được.

7. Cả hai câu này rút trong câu luận bài thơ *vịnh Hoàng Hạc lâu* của Thôi Hiệu đời Đường:

"Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ,

Phương thảo thê thê Anh Vũ châu."

(Buổi tạnh nắng cây ở sông Hán Dương sáng tỏ rõ ràng;

Thứ cỏ thơm ở bãi sông Anh Vũ xanh tốt mơn mởn.)

Hai chữ: "Thê thê"萋萋 ở thơ Thôi Hiệu thì viết có thảo đầu, nghĩa là xanh tốt mơn mởn. Trong bài phú này thì viết 2 chữ "thê thê"凄凄 có chấm băng ở bên, mà không viết thảo đầu. Nên dịch là "lạnh lùng."

8. Nguyên văn: "Bồng sơn, đảo đảo" chỉ nơi ở của thần tiên.

9. Thuyên Kỳ, vị tiên ở đời vua Nghiêu.

10. *Tả truyện:* Mặc áo tơi, đún xe tre, để mở rừng núi (tất lộ lam lũ, dĩ khải sơn lâm): Ý nói công nghiệp khai sáng vất vả, khởi tự khi còn hàn vi, mà quật khởi lên.

Ba đất Sở: Giang Lăng là Nam Sở; Ngô là Đông Sở; Bành Thành là Tây Sở.

11. Ba sông Tương là Tương Hàm, Tương Âm, Tương Dương, thuộc về tỉnh Hồ Nam. Lại còn ba Tương nữa là Tiêu Tương, Hồ Dương và Chương Đương.

12. Đời Đường, Lã Nham hiệu là Động Tân, biệt hiệu là Thuần Dương Tử, là một trong bát tiên, thường dạo chơi các thắng cảnh, trong đó có lầu Hoàng Hạc này.

13. *Kinh Thi* thơ *Hạc minh*: Hạc minh vu cửu cao, thanh văn vu thiên. (Chim hạc kêu ở bờ đầm rộng 9 dặm, tiếng vang tới trời).

11. 續隘雲賦

由親弟炳峰侯著遜呈因續之

山胡爲乎雲以名：雲胡爲乎隘以形？

此林邑最高之山，而扶南海際之門扃也。

詮山根於海澨，溯隱隆乎發祖。

實崑崙之降勢；迤逶蜿蜒以入于興邦路。

蓋金川大小之分腋；撐越裳南掌之兩股。

控河西逸乎流沙；珥水北襟乎龍肚。

濁流迴環以朝宗，大幹到海而回顧。

當其環王雄據；掩有占臘。

火珠不順乎中土；喇嘛難辨夫嚅囁。

雖有峻發；誰分堆疊。

雲自爾其鬱鬱，山安然乎巍巍。

縱若有人，登絶巘而躡層霄；餐紅霞而飲玉屑。

靡表識而可傳；何名狀之足別，

及其玄珍出關，海不生瀾。

通帆楫于靈江，撤防秋於橫山。

乃州明令，乃郡奠磐。

立提鎮於思容，設府路於閩粲。

於是乎畫雲爲隘，表隘以雲，而隘雲遂爲山顏。

暨夫：隱星分界，二百餘載。

閫門擊鼓，廠開雄伯之鎡基；劍閣分茅，控厄巨山之要害。

余聞其畫蛈題詩，刻屏述話。

形容其縹緲；鋪張其煙靄。

若斯山則余未之登，蓋不知其高與大。

丕休哉！天啓帝圖；肇始晉都。

統一中外，臣妾寰區。

協天人其應順；恢雄算之廟謨。

矗彼南方兮，自桀海隅，爰整其旅兮，王用三驅。

山出雲以迎師兮，隘披荆而爲夷途；馬嘶長楊兮，劍鳴伊吾。

威陵毅韃兮，氣蓋擒胡。

余日侍著作之庭，時望斯山之隅；但見其晴明以開顏，而絡繹乎奏膚。

吾弟炳峰，儒冠共武。

方投筆以從戎，爰執爨而作賦。

蓋曾舒徐六轡，賦者華於契丹之宮；既乃逍遙輕裘，敞所愾於眞臘之宇。

行遠揮斥乎地輿；登高橫摩夫天府。

是眞余之難弟，其所見所聞，豈予所能耳提而面授。

夫宇宙內事風雲前程。

不息故能悠久，得朋乃在安貞。

山本靜而雲自飛；地無心而天有情。

山從地兮重濁；雲從天兮輕清。

余觀夫山兮，一武思不出户；余觀夫雲兮，八荒如在明廷。

苟能目之所及；足之所經。

可以吾力運動，吾心經營。

雖蹈危履險；亦不負乎平生。

吾地有峰；旺在丙丁。

吾弟勉旃，使余得爲香山老有弟之兄。

又續爲之歌曰：

山不老人老。

好報與山知道。

好在收拾山梅瘦。

吩咐山梅嫩。

瘦來雪骨屹寒峰。

嫩到芳英墜雲島。

山無窮思兮，梅無窮神。

山不改容兮梅不改操。

隔天山兮奏塤篪。

向天山兮吹梨棗。

三箭早；三箭早。

余方酌紫霞杯。

賡常辣而歌天保。

PHIÊN ÂM:

TỤC ẢI VÂN PHÚ

(DO THÂN ĐỆ BỈNH PHONG HẦU TRƯỚC ĐỆ TRÌNH, NHÂN TỤC CHI).

Sơn hồ vi hồ Vân dĩ danh? Vân hồ vi hồ Ải dĩ hình?

Thử Lâm Ấp tối cao chi sơn, nhi Phù Nam hải tế chi môn quynh dã.

Niệm sơn căn ư hải phệ, tố ẩn long hồ phát tổ?

Thực Côn Lôn chi giáng thế; đà uỷ uyển diên dĩ nhập vu Hưng Bang lộ.

Cái Kim Xuyên đại tiểu chi phân dịch; xanh Việt Thường Nam Chưởng chi lưỡng cổ.

Khống Hà tây nhiễu hồ Lưu Sa; Nhĩ thủy bắc khâm hồ Long Đỗ.

Trọc lưu hồi hoàn dĩ triều tông; đại cán đáo hải nhi hồi cố.

Đương kỳ, *Hoàn Vương hùng cứ; yểm hữu Chiêm Lạp.*

Hỏa châu bất thuận hồ trung thổ; Lạt Ma nan biện phù nhu nhiếp.

Tuy hữu tuấn phát; thùy phân đôi điệp.

Vân tự nhĩ kỳ ái đãi; sơn an nhiên hồ nguy nghiệp.

Túng nhược hữu nhân, đăng tuyệt nghiễn nhi nhiếp tằng tiêu; xan hồng hà nhi ẩm ngọc tiết.

Mi biểu thức nhi khả truyền; hà danh trạng chi túc biệt.

Cập kỳ, *Huyền Trân xuất quan; hải bất sinh lan.*

Thông phàm tiếp vu Linh Giang; triệt phòng thu ư Hoành San.

Nãi châu Minh Linh; nãi quận Điện Bàn.

Lập đề trấn ư Tư Dung; thiết phủ lộ ư Đồ Bàn.

Ư thị hồ hoạch vân vi ải, biểu ải dĩ vân; nhi Ải Vân toại vi sơn nhan.

Ký phù: Ẩn tinh phân giới, nhị bách dư tải.

Xương môn kích cổ, sưởng khai hùng bá chi tư cơ; Kiếm Các phân mao, khống ách cự sơn chi yếu hại.

Dư văn kỳ hoạ bát đề thi; khắc bình thuật thoại.

Hình dung kỳ phiếu diểu; phô trương kỳ yên ái.

Nhược tư sơn tắc dư vị chi đăng, cái bất tri kỳ cao dữ đại.

Phi hưu tai! Thiên khải đế đồ; triệu thủy tấn đô.

Thống nhất trung ngoại; thần thiếp hoàn khu.

Hiệp thiên nhân kỳ ưng thuận; khôi hùng toán chi miếu mô.

Xuẩn bỉ Nam phương hề, tự kiệt hải ngung; viên chỉnh kỳ lữ hề, vương dụng tam khu.

Sơn xuất vân dĩ nghênh sư hề, ải phi kinh nhi vi di đồ; mã tê Trường Dương hề, kiếm minh Y Ngô.

Uy lăng sát Thát hề, khí cái Cầm Hồ.

Dư nhật thị trước tác chi đình, thời vọng tư sơn chi ngung; đãn kiến kỳ tình minh dĩ khai nhan, nhi lạc dịch hồ tấu phu.

Ngô đệ Bính phong, nho quan cộng vũ.

Phương đầu bút dĩ tòng nhung, viên chấp cao nhi tác phú.

Cái tằng thư từ lục bí, phú Giả hoa ư Khiết Đan chi cung; ký nãi tiêu dao khinh cừu, địch sở khái ư Chân Lạp chi vũ.

Hành viễn huy xích hồ địa dư; đăng cao hoành ma phù thiên phủ.

Thị chân dư chi nan đệ, kỳ sở kiến sở văn, khởi dư sở năng nhĩ đề nhi diện thụ.

Phù vũ trụ nội sự; phong vân tiền trình.

Bất tức cố năng du cửu; đắc bằng nãi tại an trình.

Sơn bản tĩnh nhi vân tự phi; địa vô tâm nhi thiên hữu tình.

Sơn tòng địa hề trọng trọc; vân tòng thiên hề khinh thanh.

Dư quan phù sơn hề, nhất vũ tư bất xuất hộ; dư quan phù vân hề, bát hoang như tại mình đình.

Cẩu năng mục chi sở cập; túc chi sở kinh.

Khả dĩ ngô lực vận động; ngô tâm kinh dinh.

Tuy đạo nguy lý hiểm, diệc bất phụ hồ bình sinh.

Ngô địa hữu phong, vượng tại Bính Đinh.

Ngô đệ miễn chiên, sử dư đắc vi Hương Sơn lão hữu đệ chi huynh.

Hựu tục vi chi ca viết:

Sơn bất lão, nhân lão.

Hảo báo dữ sơn tri đạo.

Hảo tại thu thập sơn mai sấu.

Phún phù sơn mai nộn.

Sấu lai tuyết cốt ngật hàn phong,

Nộn đáo phương anh xán vân đảo.

Sơn vô cùng tư hề, mai vô cùng thần;

Sơn bất cải dung hề, mai bất cải tháo.

Cách thiên sơn hề, tấu huân trì;

Hướng Thiên Sơn hề xuy lê táo.

Tam tiễn tảo;

Tam tiễn tảo.

Dư phương chước tử hà bôi;

Canh Thường Lệ, nhi ca Thiên Bảo.

DỊCH NGHĨA:

NỐI BÀI PHÚ ẢI VÂN

NGUYÊN BÀI CỦA EM RUỘT LÀ BỈNH PHONG HẦU LÀM ĐƯA XEM NHÂN NỐI THEO

Núi vì cớ gì lấy chữ Vân mà đặt tên? Vân vì cớ gì lấy Ải mà hình dung?

Đó là núi cao nhất ở nước Lâm Ấp, mà là then chốt của cửa bể Phù Nam vậy.

Nhớ chân núi này mọc sát bãi bể,

Tổ sơn thì phát tích ở giữa ngọn cao nhất.

Từ đảo Côn Lôn thế núi đổ xuống, cứ vòng vèo chạy vào tới lộ Hưng Bang.

Vì là nó chia đều hai nách cho Đại Kim Xuyên và Tiểu Kim Xuyên; và như hai cánh tay chống cho Việt Thường và Nam Chưởng.

Sông Khống Hà ở phía tây quanh bọc lấy đất Lưu Sa; sông Nhị Hà ở phía bắc làm cổ áo cho xứ Long Đỗ.

Dòng nước đục lượn quanh chầu về, cán long (nhánh núi) của nó tới bể thì quay đầu lại.

Đương lúc: Hoàn Vương[1] uy thế còn mạnh, chiếm giữ cả Chiêm và Lạp.

Ngọc hoả châu không chịu cống hiến cho trung thổ; đạo Lạt Ma[2]

của chúng thì rủ rỉ khó phân biệt.

Dẫu núi có cao chăng nữa, trùng điệp có ai chia xẻ được.

Mây cứ tự ý lơ lửng bay; núi cứ lặng lẽ mà cao vút.

Nếu có người lên tuyệt đỉnh mà đạp trên tầng mây, ăn ráng đỏ mà uống tinh ngọc; nghi biểu đã không truyền được, thì danh trạng còn phân biệt thế nào.

Kịp tới lúc, công chúa Huyền Trân ra khỏi cửa ải,[3] bể im sóng lặng.

Buồm chèo vượt tới sông Ranh, sự canh gác ở đèo Ngang cũng rút.

Bèn lệnh cho đặt tên châu Minh Linh; đặt quận Điện Bàn.

Dựng đề trấn ở Tư Dung, dựng phủ lộ ở Đồ Bàn.

Bấy giờ mới vạch vân làm ải, gọi ải là Vân, mà rồi lấy Ải Vân đặt tên cho núi.

Tới khi Ẩn tinh[4] chia rẽ mốc giới, trải hơn hai trăm năm .

Cửa Xương Hạp nổi tiếng, mở ra cơ nghiệp đời hùng bá; núi Kiếm Các[5] chia mốc, giữ chốn hiểm yếu non cao.

Ta được nghe những bài thơ đề trong chiếc bát vẽ, những lời nói thuật lại ở trên bức chạm trổ.

Hình dung vẻ thướt tha của vân, phô trương màu mây khói của núi.

Còn như núi đó thì ta chưa lên, thật không rõ tầm cao và bề lớn của nó.

Rực rỡ thay! Trời mở nghiệp vua, xây dựng đô thành. Thống nhất trong ngoài, khắp cõi đều làm thần thiếp cả. Phối hợp với sự hòa thuận giữa trời và người, suy tính mưu mô cho tôn miếu được hùng tráng.

Ngu xuẩn sao bọn dan ở phương Nam kia, tự hăng hái ở góc bể; khiến nhà Vương phải chỉnh đốn ba quân đi đánh dẹp. Núi bốc vân để đón quân, ải quét sạch chông gai thành đường bằng phẳng. Ngựa gầm tự cung Trường Dương, kiếm khua tới đất Y Ngô, oai hùng vươn cao cánh tay sát Thát, khí mạnh trùm khắp cửa ải Cầm Hổ.[6]

Ta lúc đó đứng hầu ở sân trứ tác, đôi lúc nhìn góc núi, chỉ thấy lóa khắp ánh sáng, mà người thì đi lại luôn luôn báo tin thắng lớn.

Bỉnh Phong em ta, đội mũ nhà nho theo đòi vội vã, vừa mới quăng bút ra tòng quân, bèn cầm chiếc bao đựng tên mà làm bài phú. Vì thường lúc dong cương nhẩn nha, phú bài Giả hoa[7] ở cung Khiết Đan, rồi sau lại mặc áo cừu nhẹ đi tiêu dao, giết kẻ thù ở cõi đất Chân Lạp. Đi xa thì đánh

dẹp quá địa phận, lên cao thì ngang sát tới thiên phủ.

Đó chính là việc vất vả của em ta, cái mà trông thấy nghe thấy, đâu phải ta đã hay ghé vào tai chỉ vào mặt mà bảo.

Ôi! Việc bổn phận ở trong vũ trụ, con đường mây gió ở tương lai, bởi không ngừng nên dài lâu[8] mà được bạn ở chỗ yên ổn chính đáng.[9]

Núi vẫn tĩnh, mà vân tự bay, đất vô tâm mà trời thì cố ý. Núi theo đất nặng mà chìm xuống, vân theo trời nhẹ mà nổi lên.

Ta xem núi kia, một bước nghĩ cũng không phải ra khỏi cửa; ta xem vân kia, tám cõi như ở ngang trước sân. Nếu mà mắt đã trông thấy, chân đã đi đến, có thể dùng sức ta mà vận động, đem tâm ta suy tính, dẫu sa bước vào chốn hiểm nghèo, cũng không phụ với bình sinh của ta.

Địa hạt ta ở cũng có núi, vượng khí ở phương Bính Đinh.[10] Em ta cứ cố đi, để ta được làm ông anh già trong hội Hương Sơn,[11] có ông em tốt như thế.

Lại có ca nối thêm:

Núi không già, người thì già,

Báo rõ cho núi biết.

Đẹp ở chỗ thu thập vẻ mai gầy;

Sơn mai phun nhả màu non tơ.

Sương tuyết gầy guộc trên ngọn núi lạnh lẽo,

Vẻ hoa tươi rực rỡ trên đảo mây mù.

Tình tứ của núi không cùng, tinh thần của mai cũng không cùng,

Núi không đổi màu sắc, mai cũng không đổi tiết tháo.

Cách dải Thiên Sơn mà thổi ống huân ống trì,[12]

Hướng vào Thiên Sơn mà luyện quả lê quả táo.[13]

Bắn ba mũi tên cho sớm,[14]

Bắn ba mũi tên cho sớm.

Ta đương rót rượu vào chén tử hà.[15]

Nối vần Thường Lệ[16] mà ngâm thơ Thiên bảo.[17]

CHÚ THÍCH:

1. Hoàn Vương, tên nước Lâm Ấp xưa, sau phụ thuộc vào Chiêm Thành.

2. Lạt Ma giáo do ở Phật giáo chia ra, thuộc vào phái Tiểu thừa.

3. Trần Nhân Tông gả con gái là Huyền Trân công chúa cho chúa Chiêm Thành là

Chế Mân; Mân dâng 2 châu Ô, Rí, nay là đất Quảng Nam.

4. Sắm cây gạo ở chùa Cổ Pháp có câu: "Đoái cung ẩn tinh." Đây tác giả có lẽ cho ẩn tinh là chúa Nguyên. Cho nên nhắc tới việc Trịnh Kiểm chia mốc giới ở Linh Giang.

5. Kiếm Các: *Thủy Kinh chú:* Dãy núi Đại Kiếm và Tiểu Kiếm chạy liền mà hiểm trở, làm các cao cũng không giao thông được nên gọi là Kiếm Các.

6. Thế kỷ XIII, triều nhà Trần khi chống quân Nguyên, các quân sĩ đều trổ vào cánh tay hai chữ "sát Thát" (giết giặc Nguyên). Khi đã bình, Trần Quang Khải làm bài thơ *Ký thắng* có câu: "Cẩm Hồ Hàm Tử quan."

7. *Kinh Thi* thiên *Tiểu nhã:* "Hoàng hoàng giả hoa" là thơ sai người đi sứ.

8. *Trung Dung*: Giữ lòng chí thành không ngừng (gián đoạn) thì lâu bền, đã lâu bền thì xa kịp bốn phương.

9. *Kinh Dịch* quẻ Khôn: Tây nam đắc bằng, đông nam táng bằng, an trinh cát (Sang lối tây nam thì được bạn, sang lối đông bắc thì mất bạn, yên giữ trinh chính thì tốt).

10. Phương nam.

11. Đời Đường, Bạch Cư Dị tự là Lạc Thiện, khi hưu quan về, triệu tập được 9 cụ già từ 70 tuổi trở lên vào một hội lão gọi là Hương Sơn cửu lão hội.

12. *Kinh Thi*: Bá thị xuy huân, Trọng thị xuy trì (Anh thổi ống huân, em thổi ống tì), nói về anh em hoà thuận.

13. Môn thuốc luyện để tu tiên, đời Tấn Hứa Mục thường dùng.

14. *Đường thư:* Đời Đường Thái Tông, Vưu Tính làm loạn, Tiết Nhân Quý đem quân đi đánh, phát ba mũi tên trúng chết ba tướng giặc. Chúng đều khiếp phục xin đầu hàng. Trong quân làm bài ca ca ngợi chiến công, có câu: Tướng công tam tiễn định Thiên Sơn, tráng sĩ trường ca nhập Hán quan (Tướng quân bắn ba mũi tên bình định được giặc ở núi Thiên Sơn; tráng sĩ hát bài trường ca đi vào cửa ải nhà Hán).

15. Chén rượu tiên uống.

16. Thường Lệ là thơ nói về anh em. *Kinh Thi*: Thường lệ chi hoa, ngạc bất vĩ vĩ, phàm kim chi nhân, mạc như huynh đệ (Hoa cây thường lệ, sao chẳng rực rỡ, phàm người đời nay, không ai bằng anh em).

17. Thiên bảo, thơ ở *Tiểu nhã, Kinh Thi*, có 9 chữ "như," để chúc phúc và chúc tuổi thọ nhà vua.

DỊCH PHÚ:

Núi làm sao mà lấy Vân để gọi; Vân làm sao mà hình dung cho ải?

Đó là ngọn núi cao nhất ở Lâm Ấp xưa; cũng là then chốt cho cửa biển Phù Nam vậy.

Nhờ chân núi mọc sát bãi bể xa; mà chốn cao nhất ở giữa là nơi phát tổ.

Bắt đầu từ đảo Côn Lôn thấp dần về; uốn éo vằn vèo đổ vào tới Hưng Bang lộ.

Như hai cánh tay chống đất Vạn Tượng đất Việt Thường; như đôi mang nách chia thành Kim Xuyên lớn Kim Xuyên nhỏ.

Tây thì sông Khống Hà vòng lấy đất Lưu Sa; bắc thì sông Nhị Hà khép lấy hạt Long Đỗ.

Nhánh đục lượn vòng mà chầu về; mạch lớn tới biển mà hồi cố.

Đương khi Hoàn Vương hùng cứ; chiếm Chiêm và Lạp.

Dẫu có người giỏi, khó chia mốc giáp.

Vân tự ý mà lửng lơ, núi thản nhiên mà trùng điệp.

Nếu có người:

Lên tuyệt đỉnh, đạp tầng mây; khai ráng hồng, uống ngọc tiết.

Biểu thức khó mà lưu truyền; danh trạng gì mà phân biệt.

Kịp khi:

Gả Huyền Trân ra ngoài cửa quan; khắp mặt biển im lớp sóng tràn.

Thông thuyền bè tới sông Linh Giang; rút canh phòng ở đèo Hoành San.

Đặt châu Minh Linh; đặt quận Điện Bàn.

Lập đề trấn ở cửa Tư Dung; lập phủ lộ ở thành Đồ Bàn.

Rồi rạch vân làm ải; nên ải là vân, gọi tên Ải Vân từ đó thành quen.

Kịp tới đời:

Nguyễn, Trịnh chia mốc; hai trăm năm linh.

Mở cơ đồ tranh bá xưng hùng, Xương môn nọ khua vang tiếng trống; chiếm hiểm địa non cao núi thẳm, Kiếm Các kia chia lớp cỏ tranh.

Ta nghe:

Bài thơ đề bát; câu chuyện khách bình.

Phô trương những điều rực rỡ; hình dung những vẻ mông mênh.

Như núi này thì tôi chưa đi tới, cao và to không biết rõ tình hình.

Tốt đẹp thay:

Trời mở nghiệp vua; xây mới hoàng đô.

Trong ngoài thống nhất; tôi tớ toàn khu.

Cả trời, người, thảy đều ứng thuận; khắp miếu đường mở rộng mưu mô.

Ngu xuẩn kìa bọn Nông Nãi (Đồng Nai) chừ, quấy biển nam ngu; quân vua mới chỉnh đốn chừ, ba bề đuổi khua.

Núi nổi vân mà đón tiếp chừ, ải bạt cây thành đường phẳng mà không gồ; ngựa thét trên bãi Trường Dương chừ, kiếm reo bến nước Y Ngô.

Uy hùng vương cánh tay sát Thát chừ, khí thế trùm qua bến Cầm Hồ.

Ta khi đó: Chầu trước sân trứ tác; ngắm dẫy núi nhấp nhô.

Chỉ thấy trong sáng đầy màu sắc; tiếp tục báo những chiến công to.

Em ta là Bỉnh Phong, đội mũ nhà nho, theo đòi việc võ.

Vừa quăng bút mà bước lên chiến trường; nhân kiếm cung mà nghĩ thành bài phú.

Vì thường lúc phóng cương thong thả, ngâm mấy vần Giả hoa ở Khiết Đan cung; rồi mà khi đai áo xênh xang, gặp những kẻ bất đình[1] nới Chân Lạp thổ.

Vùng vẫy đi xa khắp cõi địa dư; ngang dọc lên cao sát nơi thiên phủ.

Đó thực là em tốt của ta, những trông và nghe đó; đâu ta đã trỏ mặt ghé tai mà khuyên nhủ.

Ôi! Trong vũ trụ đều là phận sự; hội phong vân ngắm bước tiền trình.

Vì bất tức mới hay bền vững; mà đắc bằng ở chốn an trình.

Núi vẫn tĩnh mà vân tự bay; đất vô tâm mà trời dụng tình.

Núi theo đất chừ, vừa nặng vừa trọc; vân theo trời chừ, vừa nhẹ vừa thanh.

Ta xem kìa núi chừ, một bước không ngoài cửa ngõ; ta xem kìa sông chừ, tám cõi như bầy xung quanh.

Nếu chân đi tới sát; mắt nhìn rõ rành.

Có thể ta lấy sức mà xoay chuyển; đem tài mà kinh doanh.

Dẫu vượt qua nơi nguy hiểm, cũng không phụ chí bình sinh.

Làng ta có núi; vượng phương Bình Đinh.

Em cố, cố đi! Cho ta được làm ông anh già trong hội Hương Sơn có

ông em thành danh.

Tiếp theo lại ca rằng:

Người già núi chẳng già,
Nhắn cho núi biết qua.
Mai còn thu nhặt lấy,
Mai non phun nhả đậm đà.
Còn như sương tuyết vương đầy vắng,
Non tựa hoa thơm ngát đảo xa.
Tứ núi vô cùng chừ, tinh thần mai bất diệt.
Sắc núi không đổi chừ, tiết tháo mai vẫn như xưa.
Cách dải Thiên Sơn chừ, huân trì tấu nhạc.
Trông dải Thiên Sơn chừ, xôi lê tảo thuốc nhà.
Tên bắn ba;
Tên bắn ba!
Ta đương rót chén Tử hà.
Vần Thường Lệ chương Thiên Bảo vang dậy lời ca.

Trần Duy Vôn (dịch)

CHÚ THÍCH:

1. Bất đình 不庭 dứa không chịu tới sân đầu hàng.

12. 太學門樓賦

玉皇讓宸宮於人天兮，湧凌層於龍編；稟吉秀之所鍾兮，印筠臺之眞詮。

枕濃山之正中兮，縈珥水之朝前；鬚碧溝之遊蝦兮，翼朱雀之飛蟬。

腦浪泊之澄浸兮，懷臨康之瀋淵；匪琢削之施巧兮，實肇判之自然。

方李皇之啓建兮，奠辟雍之初址；暨歷代之潤色兮，尤奐輪夫丹堊。

共工獻鷙而上樑兮，媧皇貢練石以納陛；馮相攻不日之作堵兮，公輸揮成風之斲鼻。

城郭環數重之壇壝兮，樓臺奪七襄之文綺。

黃河既背北而向南兮，帝車乃流昌乎桂郊；秋陽不興泯之明翳兮，靈臺常仰鑽之堅高。

升堂見亦說之富美兮，由户群在明之譽髦。

長庚蘸書府而生白兮，太乙聚緇臺以焚膏；樂地時寒暑之教育兮，神氣騰風霆之君萬。

於赫聖代，文德宏肆。

潤鴻業於渠虎兮，廠前規乎膠序；摘牛翼之三垣兮，拱島圓之列嶼。

白玉睨而失素兮，蕊珠傾而敢拒。

繫春秋之享嘗兮，遵吉日其上丁；燦彤雲於重圓兮，朝紫府之百靈。

焚未央之燎光兮，列千宮之弁纓；洋三噱之雅歌兮，旅九成之簧笙。

伏虎臣於闕下兮，獻古臘爲犧牲；鵠淑問之峨冠兮，奏肺石之風清。

欽皇旨於三候兮，趨群英於六館；山禿竹於筆林兮，海傾膠於硯畔。

開六藝之津梁兮，陳九經之几案；軋茁聽命於繩墨兮，楫柮受制於檃栝。

聖眞統一其歸極兮，賢關雲集夫闉侃。

振作承休於皇王兮，飛躍儷美乎雍泮。

乃於焉而遊息兮，時麗兌以登臨；樹習禮以鞠躬兮，鳥學詩而鳴琴。

蚪陳詩於屋壁兮，龜負易於碑陰；瑩金井之高潔兮，澄玉湖之淵深。

登雲物於眼界兮，闓沂雩乎胸襟；追樵薪於械樸兮，廣疑問於青衿。

望皇極而稽首兮，冀岱禋之飭駕；貢色笑於和鸞兮，廑論思而息馬。

鼓霄肆於大昕兮，騰駿聲於稷下；爛聚奎之五星兮，廣陳常之肆夏。

懿嘉德於周郊兮，來豐章於堯野；臣不才而司業兮，揚皇風以宣化。

賦學樓之參天兮，獻壽考作人之雅。

PHIÊN ÂM:

THÁI HỌC MÔN LÂU PHÚ

Ngọc Hoàng nhượng Thần cung ư nhân thiên hề, dũng lăng tằng ư Long Biên; đàn cát tú chi sở chung hề, ấn Quân đài chi chân thuyên.

Chẩm Nùng sơn chi chính trung hề, oanh Nhĩ thủy chi triều tiền; tu Bích Câu chi du hà hề, dực Chu Tước chi phi thiền.

Não Lãng Bạc chi trừng tẩm hề, hoài Lâm Khang chi thẩm uyên; phỉ trác tước chi thi xảo hề, thực triệu phán chi tự nhiên.

Phương Lý hoàng chi khải kiến hề, điện Bích Ung chi sơ chỉ; ký lịch đại chi nhuận sắc hề, vưu hoán luân phù đan kỳ.

Cung Công hiến ngao nhi thượng lương hề, Oa Hoàng cống luyện thạch dĩ nạp bệ; Phùng Tướng công bất nhật chi tác đổ hề, Công Thâu huy thành phong chi trác tị.

Thành quách hoàn sổ trùng chi đàn man hề, lâu đài đoạt thất tương chi văn ỷ.

Hoàng Hà ký bối bắc nhi hướng nam hề, Đế Xa nãi lưu xương hồ Quế giao; thu dương bất hứng dẫn chi minh ế hề, linh đài thường ngưỡng toàn chi kiên cao.

Thăng đường kiến diệc thuyết chi phú mỹ hề, do hộ quần tại minh chi dự mao.

Trường Canh trám thư phủ nhi sinh bạch hề, Thái Ất tụ tri đài dĩ

phần cao; lạc địa thời hàn thử chi giáo dục hề, thần khí đẳng phong đình chi huân cao.

Ư hách thánh đại, văn đức hoằng tứ.

Nhuận hồng nghiệp ư Cừ Hổ hề, xướng tiền quy hồ Giao Tự; trích Ngưu Dực chi tam viên hề, củng Đảo Viên chi liệt dữ.

Bạch Ngọc nghễ nhi thất tố hề, Nhị Châu khuynh chi cảm cự.

Hệ xuân thu chi hưởng thường hề, tuân cát nhật kỳ thượng Đinh; xán đồng vân ư trùng viên hề, triều tử phủ chi bách linh .

Phần vị ương chi liệu quang hề, liệt thiên cung chi biền anh; dương tam thán chi nhã ca hề, lữ cửu thành chi hoàng sinh.

Phục hổ thần ư quyết hạ hề, hiến Chiêm Lạp vi hy sinh; hộc thục vấn chi nga quan hề, tấu phế thạch chi phong thanh.

Khâm hoàng chỉ ư Tam hậu hề, xu quần anh ư lục quán; sơn thốc trúc ư bút lâm hề, hải khuynh tề ư nghiễn bạn.

Khai lục nghệ chi tân lương hề, trần cửu kinh chi kỷ án; loát trát thính mệnh ư thằng mặc hề, cốt đốt thụ chế ư ly sạn.

Thánh chân thống nhất kỳ quy cực hề, hiền quan vân tập phù ngôn khẩn.

Chấn tác thừa hưu ư hoàng vương hề, phi dược lệ mỹ hồ Ung Phán.

Nãi ư yên nhi du tức hề, thời lệ đoài dĩ đăng lâm; thụ tập lễ dĩ cúc cung hề, điểu học thi nhi minh cầm.

Khoa trần thi ư ốc bích hề, quy phụ dịch ư bi âm; oánh kim tỉnh chi cao khiết hề, trừng Ngọc hồ chi uyên thâm.

Đăng vân vật ư nhãn giới hề, khoát Nghi Vu hồ hung khâm; truy do tân ư vực phác hề, quảng nghi vấn ư thanh khâm.

Vọng Hoàng Cực nhi khể thủ hề, ký Đại nhân chi sức giá; bí sắc tiếu ư hoà loan hề, cận luận tư nhi tức mã.

Cố tiêu dị ư đại hân hề, đẳng tuấn thanh ư Tắc Hạ; lạn tụ Khuê chi ngũ tinh hề, quảng trần thường chi Tứ hạ.

Ý súc đức ư Chu giao hề, lai phong chương ư Nghiêu dã; thần bất tài nhi Tư nghiệp hề, dương hoàng phong dĩ tuyên hóa.

Phú học lâu chi tham thiên hề, hiến thọ khảo tác nhân chi nhã.

DỊCH NGHĨA:

PHÚ NHÀ LẦU Ở CỬA NHÀ THÁI HỌC

Ngọc Hoàng Thượng đế nhường Hoàng cung cho trời ở cõi người, nổi lên tầng tầng cao vót trên dải đất Long Biên; tin rằng tinh anh chung đúc, lật được cái ý nghĩa chân chính trong tập Quân đài.[1]

Gối vào giữa núi Nùng, sông Nhĩ thì lượn mà chầu trước mặt;[2] dòng Bích Câu như râu tôm đương bơi, đền Chu Tước như cánh ve đương bay.[3]

Hồ Lãng Bạc là vẻ lắng trong; hồ Lâm Khang là lòng sâu thẳm;[4]

Không phải chạm trổ mà đẹp; thật là xuất phát tự nhiên.

Đương lúc vua Lý bắt đầu kiến thiết, mới xây nên nhà Bích Ung;[5] rồi sau các triều đại tô điểm thêm, sơn thiếp rực rỡ.

Ông Cung Công dâng đầu ngao để làm xà; bà Oa Hoàng luyện đá hoa để lát bệ.[6]

Xây tường một ngày xong, nhờ có họ Phùng Tướng đôn đốc; quay rìu nhanh như gió, thợ giỏi như ông Công Thâu;[7]

Thành quách bao vòng rộng rãi hàng mấy trùng; lâu đài hơn hẳn màu gấm thất thể.

Sông Hoàng Hà đã quay lưng về bắc mà hướng về nam, sao Đế Xa[8] cũng ló ánh sáng tới miền Quế Hải;

Mặt trời mùa thu không bao giờ sáng lên hay tối đi, chốn linh đài ngước trông càng cao, mà dùi vào càng bền.[9]

Lên thềm thấy những vẻ tốt đẹp diệc duyệt;[10] vào ngõ họp những bạn nhanh nhẹn tại minh.[11]

Sao Trường Canh soi tới lầu sách, ló vẻ trắng xoá, sao Thái Ất tụ chốn đài đen để châm đèn;[12] vui thú dạy bảo trong lúc nóng lạnh, thần khí bốc cuồn cuộn như cơn sấm gió.

Ôi! Rực rỡ đời thánh minh, đức văn vẻ mở rộng.

Thấm nhuần đức nghiệp lớn tới các Thạch Cừ quán Bạch Hổ, mở rộng khuôn khổ trước nhà Tự nhà Giao; trên cao với ba hàng sao Ngưu sao Dực, tả hữu là dẫy núi Tam Đảo và Tản Viên.[13]

Lầu Bạch Ngọc nhìn xuống mà mất vẻ đẹp, cung Nhị Châu nghiêng hẳn mà không đọ cùng.[14]

Mùa xuân mùa thu, cứ chọn ngày thượng Đinh[15] thì cúng tế.

Mây đỏ rực rỡ ở tầng trời; các bách thần chầu về phủ tía.

Đốt cây đình liệu sáng rực ở giữa trời; các quan chỉnh mũ áo nghìn hàng la liệt.

Tấu ba khúc nhã nhạc; thổi chín hồi sinh huỳnh.

Các vũ thần rạp ở dưới cửa khuyết, dâng vật tế chủ cho Chiêm và Lạp.[16]

Vị quan đội mũ cao, khéo hỏi tra về tù phạm, nghe lời tâu rõ ràng của bên bị ngồi trên hòn đá đỏ.[17]

Kính theo chỉ dụ nhà vua cứ mỗi tháng Tam hậu[18] các bậc anh tuấn cùng tới nhà lục quán.

Bút chứa như rừng, thành trên núi trơ trụi cả trúc; nghiên đựng nước nhiều, thành bể rộng trơ cả rốn.

Mở đường lối sáu nghề[19] bầy bàn ghế chín kinh;[20] trời đất và vạn vật phải theo mực thước, gỗ cốt đốt phải chịu bào gọt.[21]

Đạo thánh thống nhất về nơi tuyệt đối, các hiền giả như mây họp hoà vui; nhờ ơn chúa mà phấn khích hẳn lên, bay nhẩy tốt ở Bích Ung và Phán Thủy.[22]

Rồi mà tiêu dao ở đó, cùng bầu bạn[23] cùng tới lui. Loài cây uốn mình mà tập lễ, loài chim học thơ và gẩy đàn.

Vết con sên bò như đề thơ trên tường, lưng rùa đội Lạc thư ở tấm bia.

Ánh sáng ở kim tỉnh cao mà sạch, vẻ trong của Ngọc hồ rộng mà lại sâu.

Vân vật giàn trước mắt, trong lòng bát ngát những nước ở sông Nghi, gió thổi đàn Vũ Vu.[24] Thu hút nhiều bậc hiền tài, mở rộng đường học hỏi cho các sĩ tử.[25]

Trông ngôi Hoàng Cực mà cúi đầu, mong lễ núi Đại[26] mà rảo xe. Tỏ vẻ tươi cười như chim loan hòa kêu, cùng giảng bàn mà dừng ngựa.

Trường học khua trống báo ngay từ sáng sớm,[27] tiếng hát vang dội ở cung Tắc Hạ,[28] rực rỡ năm sao tụ họp cả vào vòng sao Khuê,[29] rầm rộ khúc nhạc Tứ hạ ở nơi bầy cờ quạt.[30]

Nuôi đức tính cho tốt ở ngoại ô nhà Chu, bài ca phong niên đưa lại từ đồng ruộng vua Nghiêu.[31]

Bất tài như tôi mà được lĩnh chức Tư nghiệp,[332] xin nêu phong phạm của nhà vua để tuyên truyền giáo hóa; phú ngợi ca lầu học cao ngất trời, dâng chén rượu chúc Chúa Thượng thọ khảo vô cương, để đào tạo nhân tài.[333]

CHÚ THÍCH:

1. *Nguyên chú:* Đời Đường, Cao Quýnh theo cha là Cao Biền sang ở Giao Châu, có đi xem hết sông núi, chép thành bài *Cửu long ca* (bài ca chín long mạch), tên sách đó là *Quân đài tập.*

2. *Nguyên chú:* Nay là điện Kính Thiên, *Cửu long ca* nói: Núi Nùng ở nơi trung chính, nay sông Nhĩ Hà, đời Đường về trước gọi là sông Lô, lại đổi làm sông Phú Lương. Đời Minh, Hoàng Phúc đổi gọi là Nhĩ Hà, vì khúc sông chạy vòng như chiếc vòng deo. Nhà Quốc Tử Giám hướng về tây nam, giữa khúc lượn sông Nhĩ, bãi cao chính thẳng trước mặt.

3. *Nguyên chú:* Xưa có tên Tú Uyên cùng yêu nữ trong tranh gặp nhau ở giữa hồ, nhân đó mà gọi hồ Tú Uyên. Nước hồ chảy vào chiếc hào phía nam, gọi là Bích Câu, ngoặt vào hồ Huy Văn. Nhà Quốc Tử Giám lấy hai dòng nước giao nhau ở Bích Câu là hà tu thủy (nước râu tôm).

Đền Chu Tước ở sau chùa Huy Văn, làm thành cái lọng trước cửa nhà Thái học Quốc Tử Giám.

4. *Nguyên chú:* Nay là Hồ Tây, nhà Quốc Tử Giám lấy Hồ Tây làm não thủy (nước óc); nước hồ Lâm Khang chảy rót vào trước cửa Thái học, nó là canh thủy nhập hoài (nước canh (tây) chảy vào bụng).

5. Bích Ung, tên nhà học đời Chu. *Nguyên chú:* Triều Lý Thánh Tông năm Thần Vũ thứ 2 (1070) sửa lại Văn miếu.

6. Cung Công ở đời Nghiêu, Nữ Oa ở đời Hoàng Đế là hai nhân vật trong thần thoại Trung Quốc. Ngu Công dời núi và Nữ Oa đội đá vá trời.

7. *Nguyên chú:* Sách *Chu lễ:* Họ Phùng Tướng đi xem các khu vực, những công việc đào lấp, kiến trúc, đều do họ đó xếp đặt.

Sách *Trang Tử:* Thợ giỏi người ở đất Sính quay lưỡi rìu nhanh như gió. Người đất Ba bị chứng trĩ mũi, người Sính dùng rìu vạc nhằn đi, mà mũi không bị thương (ví là khéo).

8. Đế Xa là sao Bắc Đẩu.

9. Linh đài có hai nghĩa, *Kinh Thi*: "Kinh thủy linh đài," là nói lâu đài để ở của Văn Khương; *Tống sử*: "Nhất điểm linh đài, dan thanh mạc trạng," đây là Bùi Độ tả cái tâm của mình. Có lẽ ở đây linh đài phải hiểu theo nghĩa lâu đài, chứ cho nghĩa là cái tâm thì chữ "toàn kiên" (càng dùi vào càng thấy bền thêm), không hợp.

10, 11. *Nguyên chú: Luận ngữ:* "Bất diệc duyệt hồ" (không vui về sao?) *Đại học:*

"Tại minh minh đức" (ở chỗ làm sáng cái đức sáng).

12. Trường Canh là sao Thái Bạch, đời Hán Cảnh Đế, Lưu Hướng hiệu đính *Ngũ kinh* ở các Thiên Lộc. Đêm có ông lão mặc áo vàng cầm chiếc gậy bằng cành lê xanh, ông ta thổi đầu gậy này lửa sáng rực soi cho Hướng làm việc. Tự xưng là tinh sao Thái Ất.

13. Các Thạch Cừ do Tiêu Hà tạo ra để chứa đồ thư lấy ở Quan Trung khi trước. Đến khoảng niên hiệu Cam Lộ (58-55 Tr. Công nguyên) các nho giả nghị luận những nghĩa dị đồng của *Ngũ kinh* cũng ở đó.

Bạch Hổ là tên điện có từ đời Hán Chương Đế, cũng là nơi bàn luận nghĩa sách của các nhà nho, rồi làm ra cuốn *Bạch Hổ thông*.

Đời Ân gọi là Tự, đời Châu gọi là Giao, đều là nhà học.

Việt Nam thuộc tinh phận sao Dực, sao Chẩn, từ sao Ngưu sao Đẩu 12 độ đến sao Tu 7 độ, tức là sao Việt Môn. Thơ *Khẩu Chuẩn*: "Nguy lâu cao bách xích, thủ khả chích tinh thần." Nghĩa là: Lầu cao ba trăm thước, tay có thể với các vì sao.

Nước ta núi Tam Đảo làm trấn sơn cho chi giữa, núi Tản Viên làm trấn sơn cho chi tả, nhà Quốc Tử Giám như chào đón hai núi ở tả và hữu.

14. *Nguyên chú:* Lầu Bạch Ngọc là nơi ở của Thiên đế, dầu tráng lệ cao rộng, so với lầu này còn kém.

Cung Nhị Chu là nơi ở của các thiên tiên.

15. Đinh thuộc phương nam, là tượng văn minh, cho nên ngày học hay khi tế Khổng Thánh dùng ngày Đinh.

16. *Kinh Thi*, thiên *Lỗ tụng*: "Kiều kiều hổ phần, tại phán hiến quắc," nghĩa là: Kẻ hổ thần mạnh mẽ, dâng đầu giặc ở nhà Phán (nhà Học).

Nước ta xưa kia những ngày đại lễ, bọn Linh quan tấu nhạc, chạm người Chiêm Thành và Chân Lạp bằng gỗ, tức là tên giặc phạm tội, chặt đầu gỗ đó dâng trước nhà Học.

17. *Nguyên chú: Kinh Thi*, thiên *Lỗ tụng*: "Thục vấn nhi Cao Dao, tạ Phán hiến tù," nghĩa là: Khéo hỏi kiện như ông Cao Dao, dong tù binh ở nhà Phán.

Phép của triều Hán, quan Bộ Hình tâu những số ngục tốt trong một năm mà mình đã xét xử lên tông miếu; Học hiệu tâu những số tử tù. Tâu việc hình ngục như thế là để nghiệm xem sự thành hiệu của giáo hóa.

Phế thạch, sách *Chu lễ*, chức Thu quan Đại tư khấu dùng hòn đá đỏ để thấu suốt được tình trạng nhân dân. Phàm những kẻ quan quá cô độc già và trẻ, nếu muốn ngỏ nguyện vọng gì với cấp trên, mà bị bọn cha anh mình không chuyển đạt cho, thì đứng trên hòn đá đỏ đó ba ngày, quan Sĩ sư lấy cung xong, tâu lên trên, mà bắt tội bọn cha anh đó.

(Chú thích: Phế thạch: Đá đỏ, phế là phổi sắc đỏ, ngồi trên đá đỏ để biểu lộ lòng son thắm của mình không phải tố cáo bừa).

18. *Nguyên chú:* 5 ngày là một hậu, 15 ngày là ba hậu (Xuất xứ: *Địa lý Thiên tông).*

19. Sáu nghề: Lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số.

20. Chín kinh: *Thi, Thư, Dịch, Xuân thu, Tả truyện, Lễ ký, Chu lễ, Hiếu kinh, Luận ngữ.*

21. *Nguyên chú: Lưu Cơ phú:* "Thiên địa loát, vạn vật choát, thánh nhân phát," nghĩa là: "Trời đất nghiêng ngả, muôn vật nẩy nở, thánh nhân xuất hiện." Sĩ tử truyền tụng câu phú đó, song lại bị Âu Dương Tu làm chủ khảo đánh hỏng.

Cốt đốt gỗ trắng, lấy làm đồ dùng. Thơ Nguyên Quang: "Ôi dư cốt đốt độc phần hương," nghĩa là, thổi lửa rồi trên triện những đốt hương (Cái triện hương làm bằng cành cốt đốt).

22. Nhà Bích Ung, nhà Phán Cung đều là học quán đời Chu.

23. Nguyên văn: Lệ đoái, *Kinh Dịch, Đại tượng, quẻ Đoài*: "Lệ trạch Đoái quân tử dĩ bằng hữu giảng tập," nghĩa là: Rặt những đầm, là hình tượng của quẻ Đoái. Người quân tử phải bắt chước mà gần bầu bạn để giảng tập.

24. *Luận ngữ:* Tăng Điểm ngỏ cái chí của mình chỉ muốn tắm ở sông Nghi, hóng mát ở đài Vũ Vu, ngâm thơ rồi về.

25. Nguyên văn: Do tân, vực phác: *Kinh Thi*, thiên *Đại nhã:* "Bỏng bông vực phác, tân chỉ do chi" nghĩa là: "Cành cây rườm rà, làm củi chứa sẵn," ý khen ngợi Văn Vương có nhiều hiền tài giúp đỡ bên tả bên hữu.

Sĩ tử, nguyên văn: Thanh khâm. *Kinh Thi, Trịnh phong*: "Thanh thanh tử khâm" nghĩa là: "Xanh xanh chiếc áo của người," ý chỉ các sĩ tử, vì sĩ tử thường mặc áo xanh.

26. Núi Đại ?

27. *Kinh Lễ:* Thiên tử thị học, đại hân cổ chủy, nghĩa là: Thiên tử đi coi nhà học, sáng sớm đã khua tiếng chủy (chủy một tiếng trong năm tiếng thuộc về tháng tư).

28. *Nguyên chú:* Tắc Hạ là tên đất, học cung của nước Tề.

29. Khuê là vì sao văn tinh, cũng như sao Bích.

Ngũ tinh là ngũ hành tinh, kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. *Hán sử:* "Ngũ tinh tụ Đông Tỉnh" (Năm vì sao tụ họp cả vào vòng sao Đông Tỉnh).

30. Tứ hạ là tên một nhạc chương. *Kinh Lễ:* "Kỳ xuất Tứ hạ nhi tống chi," nghĩa là: Khi ra thì tấu khúc Tứ hạ mà tiễn đưa.

Bầy cờ, nguyên văn: Quảng trần thường chi tứ hạ. "Trần thường" không hiểu nghĩa (?); "thường" có nghĩa là cờ, nên tạm dịch là bầy cờ.

31. Chưa rõ điển cố.

32. Tư nghiệp, chức quan giảng học ở trường Quốc Tử Giám.

33. *Kinh Thi*, thơ *Vực phác*: "Chu vương thọ khảo, hà bất tác nhân" nghĩa là: Vua Chu thọ khảo, há không tác thành nhiều bậc nhân tài.

13. 賞蓮亭賦

卜予築兮，龍編城南。
接故基兮，族紳公庵。
予幼年所歷覽兮，相府深以潭潭。
草樹鬱其青葱兮，花石錯乎嶔嵌。
予曾倚棠樹而放紙鳶兮，晨夕看相公之朝參。
蓋予符相公之年庚兮，相公七十三而予十三。
予幾冠而志于學兮，回粉榆之精舍。
從我茂祖而受業兮，離京華而田野。
隔皇城之跬步兮，忽狗衣之變化。
換族紳之堂構兮，起相師之臺榭。
崇文綺之雕梁兮，織錦鄰之綠瓦。
列簷牙之數重兮，郁瓊花之千朵。
環二八之歌鐘兮，奏晉卿之肆夏。
翠華臨於不時兮，三門紛乎車馬。
儼黃扉之祇寨兮，引方丈之行仙。
煉丹爐之鉛汞兮，撮方沼之青蓮。
煮黃粒之珍珠兮，飛寶鼎之香煙。
固將收標致之陶謝兮，友不老之喬錢。
先主聞之而嘆息兮，馳中使而採驕嫣。
擲御前之元寶兮，市沼中之百瓣。
架丈六之橫橋兮，跨長虹於水面。
演歌兒之新曲兮，泳綠泓之清淺。
拾銀蕊與金英兮，走紅塵之追電。
登天府之茶灶兮，召麗華之彩殿。

賞相師之巧栽兮，誇仙娥之善翦。
既南風之大競兮，凝白雲乎紫微。
迷翠藹之江濤兮，天地慘以傾欹。
失太液之芙蓉兮，啼上林之子規。
悵六龍飛之不知處兮，傷一老之不悠遺。
蓮隨人而零謝兮，惟餘青草之幽池。
蘆荻密其修翳兮，泥燕驚以紛飛。
故址夢乎繁華兮，蒐牧群夫豎兒。
慨風景之非昨兮，起予心之懷古。
雖盛晚之推移兮，實英奇之如故。
枕濃山之正中兮，對皇極而拱手。
環臨康之朝宗兮，凜朱雀之顧祖。
尺雪護其儲胥兮，倚歲寒於柏府。
文瀾遞其縹緲兮，炯秋陽於翼宇。
亶名勝之藏旺兮，若有待夫契悟。
予盤桓而留戀兮，按定中而規措。
內起易林之著室兮，外構竹林之禪堂。
右築烹茶之北屋兮，左營擊壤之迴廊。
中結臨池之一室兮，俯瞰半頃之方塘。
乃求蓮於鄰眷兮，葆眞觀所植之香。
投白藕之幾根兮，纔半月而騰芳。
引玉眞之翠翟兮，施素娥之衣裳。
雀畏碧而高舉兮，魚駭皓而潛藏。
樹青淡而斂影兮，水色涵其銀光。
蝶粉殘而失容兮，月色凝夫素粧。

每臨風而寓目兮，足薰辰之徜徉。

顧予心之賞蓮兮，以相師而似異。

匪遠求於蓬瀛兮，寓三祖之深致。

惟淡泊以自遣兮，實穢華之非意。

愛吾亭之清虛兮，包寥廓於眼底。

羨此蓮之清香兮，恒隱隱而樸鼻。

非皎皎之易污兮，眞太白之與比。

薄董香之自消兮，惟紺寒之足擬。

生於泥而不染兮，凌玉壺而逶迤。

自曰若之既遠兮，誰奉一而脱屣。

引香風於紫霄兮，郁瑞蓮於丹陛。

繫左右之二僧兮，享煙霞之富貴。

與白蓮而同心兮，眞覺皇之知己。

予有憾於蓮宗兮，存雲遊之勝址。

賞吾亭以蓮名兮，披二十四聲以益發予之竹林宗旨。

PHIÊN ÂM:

THƯỞNG LIÊN ĐÌNH PHÚ

Bốc dư trúc hề, Long Biên thành nam,

Tiếp cố cơ hề, tộc thân công am.

Dư ấu niên sở lịch lãm hề, tướng phủ thâm dĩ đàm đàm,

Thảo thụ uất kỳ thanh thông hề, hoa thạch thố hồ khâm kham.

Dư tằng ỷ đường thụ nhi phóng chỉ diên hề, thần tịch khán Tướng công chi triều tham,

Cái dư phù Tướng công chi niên canh hề, tướng công thất thập tam nhi dư thập tam.

Dư cơ quán nhi chí vu học hề, hồi phần du chi tinh xá,

Tòng ngã mậu tổ nhi thụ nghiệp hề, ly kinh hoa nhi điền dã.

Cách hoàng thành chi khuể bộ hề, hốt cẩu y chi biến hoá,
Hoán tộc thân chi đường cấu hề, khởi Tướng sư chi đài tạ.
Sùng văn ỷ chi điêu lương hề, chức cẩm lân chi lục ngoã,
Liệt thiềm nha chi sổ trùng hề, úc quỳnh hoa chi thiên đoá.
Hoàn nhị bát chi Ca chung hề, tấu tấn khanh chi Tử hạ,
Thúy hoa lâm ư bất thời hề, tam môn phân hồ xa mã.
Nghiễm hoàng phi chi để trại hề, dẫn phương trượng chi hành tiên,
Luyện đan lô chi diên hống hề, toát phương chiểu chi thanh liên.
Chử hoàng lạp chi trân châu hề, phi bảo đỉnh chi hương yên,
Cố tương thu tiêu chí chi Đào, Tạ hề, hữu bất lão chi Kiều, Tiền.
Tiên Chúa văn chi nhi thán tức hề, trì trung sứ nhi thái kiều yên,
Trịch ngự tiền chi nguyên bảo hề, thị chiểu trung chi bách biền.
Giá trượng lục chi hoành kiều hề, khoá trường hồng ư thuỷ diện,
Diễn ca nhi chi tân khúc hề, vịnh lục hoằng chi thanh thiển.
Thập ngân nhị dữ kim anh hề, tẩu hồng trần chi truy điện,
Đăng Thiên phủ chi trà táo hề, triệu Lệ Hoa chi Thái điện.
Thưởng tướng sư chi xảo tài hề, khoa tiên nga chi thiện tiễn,
Ký Nam phong chi đại cạnh hề, ngưng bạch vân hồ Tử Vi.
Mê Thuý Ái chi giang đào hề, thiên địa thảm dĩ khuynh khi,
Thất Thái Dịch chi phù dung hề, để Thượng Lâm chi tử qui.
Trướng lục long phi chi bất trì xứ hề, thương nhất lão chi bất ngận di,
Liên tuỳ nhân nhi linh tạ hề, duy dư thanh thảo chi u trì.
Lô địch mật kỳ tu ế hề, nê yến kinh dĩ phân phi,
Cố chỉ mộng hồ phồn hoa hề, nghiêu mục quần phù thụ nhi.
Khái phong cảnh chi phi tạc hề, khởi dư tâm chi hoài cổ,
Tuy thịnh vãn chi suy di hề, thực anh kỳ chi như cố.
Chẩm Nùng Sơn chi chính trung hề, đối hoàng cực nhi củng thủ,
Hoàn Lâm Khang chi triều tông hề, lẫm Chu Tước chi cố tổ.
Xích tuyết hộ kỳ trừ tư hề, ỷ tuế hàn ư bách phủ,
Văn lan đệ kỳ phiếu diểu hề, quýnh thu dương ư huỳnh vũ.
Đàn danh thắng chi tàng vượng hề, nhược hữu đãi phù khế ngộ,

Dư bàn hoàn nhi lưu luyến hề, án định trung nhi quy thổ.

Nội khởi Dịch Lâm chi thi thất hề, ngoại cấu Trúc Lâm chi Thiền đường,

Hữu trúc phanh trà chi bắc ốc hề, tả doanh kích nhưỡng chi hồi lang.

Trung kết lâm trì chi nhất thất hề, phủ hám bán khoảnh chi phương đường,

Nãi cầu liên ư lân quyến hề, Bảo Chân quán sở thực chi hương.

Đầu bạch ngẫu chi kỷ căn hề, tài bán nguyệt nhi đẳng phương,

Dẫn Ngọc Chân chi thúy địch hề, thi Tố Nga chi y thường.

Tước uý bích nhi cao cử hề, ngư hãi hạo nhi tiềm tàng,

Thụ thanh đạm nhi liễm ảnh hề, thuỷ sắc hàm kỳ ngân quang.

Điệp phấn tàn nhi thất dung hề, nguyệt sắc ngưng phù tố trang,

Mỗi lâm phong nhi ngụ mục hề, túc huân thần chi thảng dương.

Cố dư tâm chi thưởng liên hề, dĩ Tướng sư nhi tự dị,

Phỉ viễn cầu ư Bồng doanh hề, ngụ "Tam tổ" chi thâm chí.

Duy đạm bạc dĩ tự khiển hề, thực nùng hoa chi phi ý,

Ái ngô đình chi thanh hư hề, bao liêu khuếch ư nhãn để.

Tiễn thử liên chi thanh hương hề, hằng ẩn ẩn nhi phác ty,

Phi hạo hạo chi dị ô hề, chân Thái Bạch chi dữ tỉ.

Bạc đổng hương chi tự tiêu hề, duy cám hàn chi túc nghĩ,

Sinh ư nê nhi bất nhiễm hề, lăng ngọc hồ nhi ủy dĩ.

Tự "Viết nhược" chi kí viễn hề, thuỳ "phụng nhất" nhi thoát tỷ,

Dẫn hương phong ư tử tiêu hề, úc thụy liên ư đan bệ.

Ế tả hữu chi nhị tăng hề, hưởng yên hà chi phú quý,

Dữ bạch liên nhi đồng tâm hề, chân Giác Hoàng chi tri kỉ.

Dư hữu ngộ ư Liên Tông hề, tồn vân du chi thắng chỉ,

Thưởng ngô đình dĩ liên danh hề, phi nhị thập tứ thanh dĩ ích phát dư chi Trúc Lâm tông chỉ...

DỊCH NGHĨA:

PHÚ ĐÌNH THƯỞNG SEN

Chọn đất, ta dựng nhà chừ, phía nam thành Long Biên,

Nhà quan Quận trong họ ta[1] chừ, nền xưa kề sát bên.

Thuở nhỏ ta đã vào xem chừ, phủ tướng xiết thâm nghiêm,[2]

Cây cỏ xanh tốt um tùm chừ, hoa đá cùng mọc chen.

Ta thường dựa gốc cam đường mà thả diều chơi chừ, sớm chiều Tướng công đi vào chầu, hằng được xem,

Ta và Tướng công vốn trùng niên canh chừ, ngài bảy ba mà ta mười ba.[3]

Ta chưa đến tuổi đội mũ[4] mà đã ham học chừ, về học trường nơi quê nhà,

Bỏ kinh kì về nơi điền dã chừ, mà theo học Mậu tổ ta.[5]

Rời hoàng thành mới vài bước chân chừ, thoắt biển dâu bao biến hoá!

Thay vào ngôi nhà của cụ họ ta chừ, nay dinh "Tướng sư"[6] xây đài tạ.

Kèo, cột chạm, rui mè khắc chừ, ngói biếc xanh ken vẩy cá,

Hành lang dài nhô lớp lớp chừ, ngàn đóa quỳnh hương ngát toả.

Bày giàn nhạc "Ca chung" chừ, tấu khúc nhạc "Tứ hạ,"[7]

Cờ thuý hoa nườm nượp đến thăm chừ, xe ngựa rộn ngoài ba cửa.[8]

Nơi phủ đệ bao trang nghiêm chừ, nhà phương trượng luyện thuốc tiên,[9]

Lò luyện đan nấu thuỷ ngân chừ, nơi ao vuông trồng đầy sen.[10]

Nấu trân châu từng hạt vàng chừ, khói đỉnh ngọc thơm bốc lên,

Đã thâu tóm được cái thanh lịch của Đào, Tạ chừ, lại bạn với cái bất tử của Kiều, Tiền.[11]

Tiên Chúa hay tin luống ngợi khen chừ, sai trung sứ đến hái sen,

Trích tiền ngự khố chừ, trăm bông trong hồ cho mua liền.[12]

Bắc cầu ngang vừa trượng sáu chừ, như cầu vồng trên mặt nước vươn,[13]

Sai ca nhi hát khúc ca mới chừ, vịnh cái "trong" nơi ao "biếc."[14]

Hái nhụy bạc và tua vàng chừ, rồi chạy về nhanh tựa biến,

Đem về bếp trà nơi phủ Chúa chừ, mời bà Lệ Hoa sang Thái điện.

Khen Tướng sư giỏi trồng sen chừ, ngợi tiên nga tài hái chọn,[15]

Từ buổi gió Nam bùng thổi chừ, cung Tử Vi mây trắng ngưng.[16]

Sông Thuý Ái mịt mùng khói sông chừ, trời đất thảm sầu mà đổ nghiêng,

Hồ Thái Dịch vắng bóng phù dung chừ, vườn Thượng Lâm rền tiếng quyên.

Buồn nỗi sáu rồng đi mất nơi đâu chừ, thương một ông già chẳng còn yên!

Sen theo người mà héo tàn chừ, cỏ trong ao tù, duy còn nguyên!

Lau lách rậm che khắp nơi chừ, chiếc én hoảng vụt bay lên!

Giấc mộng nơi phồn hoa nơi đất cũ chừ, trẻ chăn trâu kiếm củi họp trên nền!

Cảm nỗi phong cảnh khác xưa chừ, não lòng ta bao chuyện cũ,

Dẫu thịnh suy mãi xoay vần chừ, chỗ đất quí vẫn còn đó.

Hướng hoàng cực mà chầu xa chừ, gối Nùng Sơn nơi chính giữa,[17]

Hồ Lâm Khang chầu phía trước chừ, đền Chu Tước bên tay hổ.[18]

Hồ nước chắn ngang ngôi đền chừ, sát kề bên đài Ngự sử,[19]

Làn sóng văn như vẫn chập chờn chừ, mặt trời thu vẫn soi nhà học cũ[20]!

Thật là vượng khí nơi danh thắng chừ, như đợi chờ người tri kỉ,

Ta bồi hồi mà lưu luyến chừ, việc dựng xây nhằm tính thử.

Trong dựng nhà Dịch Lâm mà bói cỏ thi chừ, ngoài xây Thiền đường thờ tổ Trúc Lâm,

Bên phải xây gian nhà để uống trà chừ, bên trái làm nơi gõ mõ trên hành lang.

Giữa dựng một căn nhà ở bên ao chừ, ước nửa khoảnh ao vuông,

Rồi xin giống sen của họ hàng chừ, đúng sen thơm quán Bảo Chân.[21]

Gieo mấy ngó sen trắng chừ, được nửa tháng ngát mùi thơm,

Lộ mầu biếc áo nàng Ngọc Chân chừ, bày xiêm áo nàng Tố Nga.

Chim hãi màu biếc mà bay cao chừ, cá sợ màu trắng mà lặn xa,

Cây nhạt màu xanh mà thu bóng lại chừ, nước ngậm đầy ngân quang.

Phấn bướm tàn mà mất vẻ đẹp chừ, bạc đọng tràn ánh trăng,

Khi gió lên mà ngắm cảnh chừ, luống say sưa mà bâng khuâng.

Nhưng lòng ta thưởng sen chừ, với Tướng sư xưa có khác,

Chẳng mơ tìm thú cõi Tiên chừ, theo Tam tổ mà hướng bước.[22]

Lấy đạm bạc mà tiêu khiển chừ, cảnh phồn hoa nào ao ước?

Yêu ngôi đình của ta trong sạch chừ, rộng bao la trong tầm mắt.

Khen hương sen này thanh khiết chừ, trước mũi ta đưa thoảng ngát,

Chẳng trắng toát mà dễ nhơ chừ, thật sánh ngang sao Thái Bạch.

Thơm nhè nhẹ mà tự vui chừ, chỉ màu thanh may sánh kịp,

Sinh trong bùn mà chẳng nhuốm bùn chừ, có khác chi trong bầu ngọc?

Từ Nghiêu, Thuấn[23]đã khuất xa chừ, ai bỏ ngai vàng như quăng đôi giày rách,[24]

Đưa gió thơm lên tận mây tía chừ, trên "bệ đỏ" hương sen ngát.

Hai bên có hai vị cao tăng[25]chừ, hưởng mây khói, kho đầy ngất,

Cùng sen trắng kết đồng tâm chừ, với Giác Hoàng chung tâm thức.

Ta ngộ đạo ở chùa Liên Tông chừ, thuở vân du, nguyên nền trước,[26]

Đặt tên cho ngôi đình của ta là "Đình Sen" chừ, lấy hai mươi bốn thanh để phát huy cái "Tôn chỉ rừng Trúc."[27]

Ngô Linh Ngọc và Mai Quốc Liên (dịch)

(Theo *Tuyển tập Thơ văn Ngô Thì Nhậm* – S đ d)

CHÚ THÍCH:

1. Quan Quận họ ta: Tức Phương quận công, tên Ngô Đình Chất, thuộc chi "ất" đời thứ chín, họ Ngô ở Tả Thanh Oai. Ngô Thì Nhậm thuộc chi "giáp," đời thứ mười ba.

2. Nguyên chú: Vương Khảo ta xưa cũng làm nhà xế phía đông đất này. (Vương Khảo, tức phụ thân của Ngô Thì Nhậm, đó là Ngô Thì Sĩ, được vua Quang Trung phong "Đại Vương," nên tác giả mới gọi là Vương Khảo).

3. Phương quận công sinh năm Bính Dần (1686), Ngô Thì Nhậm cũng sinh năm Bính Dần, nhưng ở hoa giáp sau (1746).

4. Tuổi đội mũ, tức tuổi thành niên. Theo tục xưa, con trai đến mười sáu tuổi là tuổi thành niên, làm lễ đội mũ và đặt tên tự.

5. Mậu tổ, tức Ngô Trân, hiệu Đan Nhạc, là cụ nội Ngô Thì Nhậm.

6. Nguyên chú: Sau khi Phương quận công qua đời, các con đem dinh cơ này bán cho

quan Quốc sư là Hoàn quận công. (Hoàn quận công, tức Nguyễn Hoàn, người Nông Cống, Thanh Hoá, từng làm Thái phó dạy Trịnh Sâm, khi Sâm chấp chính, ông được làm Tham tụng, nên tác giả gọi là "Tướng sư").

7. Nguyên chú: "Ca chung" là tên dàn chuông, gồm tám chuông to, tám chuông nhỏ treo trên một cái giá, thường dùng để cử lên trước và sau khi hát.

Tứ hạ, tên một khúc nhạc xưa.

8. Nguyên chú: Phủ đệ Hoàn quận công mở ba cửa: Trước, sau, và bên hữu.

9. Nguyên chú: Quận công luyện phương thuốc tiên, nên bên trong dựng điện thờ các tiên.

10. Nguyên chú: Quận công trồng sen dưới ao, thường hái sen ướp trà.

11. Nguyên chú: Họ Đào, họ Tạ, ông Kiều, ông Tiền là những người tu tiên, luyện đan sa thời xưa.

12. Nguyên chú: Trịnh vương (chúa Trịnh Sâm) nghe việc đó, sai Quận công cứ phương thuốc đó mà luyện để dâng lên. Lại ban cho 30 lạng bạc để thưởng cho việc ướp trà sen.

13. Nguyên chú: Quận công bắc cầu ngang trên mặt nước để xem các nàng thiếp hái sen.

14. Nguyên chú: Lúc hái sen, các thị nữ bơi thuyền nhỏ, hát bài ca *Người câu cá* để mua vui.

15. Nguyên chú: Mỗi lần hái được nhị sen, Quận công liền cho chạy ngựa dâng tiến phủ Chúa. Chúa Thịnh vương mỗi khi pha trà đó, thế nào cũng mời Tuyên phi (Đặng Thị Huệ) cùng thưởng thức. Tuyên phi rất thích trà sen, người chị họ của Quận công vào hầu cũng được dự thưởng.

16. Nguyên chú: Đoạn này nói về sự biến năm Bính Ngọ. (Năm Bính Ngọ tức năm 1786, Nguyễn Huệ đem quân ra Thăng Long lật đổ họ Trịnh).

17. Nguyên chú: Đất này lấy núi Nùng làm "tổ sơn," mạch do hướng "Kiền Hợi" chuyển sang hướng "Cấn" (*Kiền Hợi* là tây bắc, *Cấn* là đông bắc).

18. Nguyên chú: Hồ Lâm Khang ở trước mặt, đền Chu Tước ở bên tay hổ, hơi xế về hướng tây.

19. Nguyên chú: Đất cũ đài Ngự sử ở đây.

20. Nguyên chú: Quốc Tử Giám ở phía tây bắc, hồ Giám ở phía tả.

21. Nguyên chú: Tên đạo quán của quan Thị ngự (tức Phan Huy Ích).

22. Tam tổ, tức Trúc Lâm tam tổ: Trần Nhân Tông, Pháp Loa, và Huyền Quang.

23. Nguyên văn :Viết nhược," xin dịch Nghiêu, Thuấn, "viết nhược" là một phát ngữ

từ, lấy ở thiên *Nghiêu điển* trong *Kinh Thư*: "Viết nhược kê cổ đế Nghiêu," dùng hai chữ "viết nhược" để nói "kê cổ đế Nghiêu," là một lối thường dùng của cổ Hán ngữ.

24. Đoạn này nói về Giác Hoàng (Trần Nhân Tông) xuất gia đầu Phật.

25. Hai vị cao tăng, ở đây chỉ Pháp Loa và Huyền Quang.

26. Chùa Liên Tông ở phía nam thành, do Giác Hoàng dựng.

27. Hai mươi bốn thanh, tức là chính văn trong *Đại chân viên giác thanh* do Ngô Thì Nhậm viết, in trong *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*.

*

* *

KÝ - BI KÝ

Ký 10 bài, Ngô thì Nhậm chủ yếu viết vào thời Lê Trịnh, còn bi ký 6 bài, chủ yếu được viết thời Tây Sơn. Những bài ký, bi ký tập hợp trong *Kim mã hành dư* chép trong các bộ tùng thư *Ngô gia văn phái* khác nhau, có ký hiệu Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm sau:

Ngô gia văn phái VHv.1743/17, VHv.1743/21, VHv.1743/26, VHv.16/7; A.117c/2, A.1173, A.117/8.

Ở đây xin dùng bản có ký hiệu Thư viện VHv.1743/17 làm bản nền để so sánh, đối chiếu, khảo dị với các bản còn lại.

1. 奉擬朗照臺漏鐘記

鐘樂器也，配之律呂，諧八音之和，登之臺閣，警群音之動。是故顯王懸於朝以聽治道，儒家懸於學以助論思，佛氏詔於門以覺塵夢。易曰形於上謂之道形於下謂之器，發天地之元音，以表天地之至順。自昔勒鴻徽銘駿烈，以器形道，義實取斯。

惟我皇上，雄謨睿略，神武聖文，親政以來，百姓内寧，五辰順撫，興化鎮寧之囚，次第清夷，逋寇底平，天下歸于一統，神威顯績，卓冠千古。於是超然遠覽，極深研幾，仿有虞衢室之制，廠成周靈臺之址。丙申夏，命工於太和門外築層臺，以望雲物，顏之曰：朗詔，取軍獲之銅器鑄刻漏鐘置臺中，象武功也。鐘成，叩之鉤鉤然，達之楓庭，助雞鳴求衣之響，鼓之朝端，唱省成率作之歌。播之康衢，協鑿井耕田之曲，於以宣暢和風，笙鏞治象，小魯林而齊夏蠡，儀舜鳳而舞軒麟。其爲道器，不亦宏且遠歟。

丕休哉，聖朝以仁覆四海，普天率土，罔不臣服。天惟視我有德，用錫遷鼎，以爲國寶，吹仁義之爐，鼓慈愛之冶，取其遠

物，鑄爲金聲，有大球庭實旅百之象焉，有兑戈垂矢，殷彝夏勺，陳之郊社之意焉。此臺與此鐘屹於中天，鏘於上玄，悠久無疆，萬世不移，歌頌聖德，曷有窮已。謹拜手稽首而爲之銘曰。

惟太清之此鐘兮，銅非採於首陽。
天畀我以大寶兮，來方物于遠疆。
炭其銅以爲鐘兮，誌聖武之惟揚。
登挈壺于層樓兮，昭聖德之無荒。
聞巨庭之響喨兮，集瑞雲以翱翔。
鼓大昕而警覺兮，列環珮以趨蹌。
時雷聲於淵嘿兮，協廣樂于慈祥。
宣爽朗于四表兮，納諧和于八方。
瞻高臺之巍業兮，揚洪鐘之磊硠。
仰豐功之莫狀兮，誦壽考於我王。

PHIÊN ÂM:

PHỤNG NGHĨ LÃNG CHIẾU ĐÀI LẬU CHUNG KÝ

Chung nhạc khí dã, phối chi luật lữ, hài bát âm chi hoà, đăng chi đài các, cảnh quần âm chi động. Thị cố hiển vương huyền ư triều dĩ thính trị đạo, Nho gia huyền ư học dĩ trợ luận tư, Phật thị chiếu ư môn dĩ giác trần mộng. Dịch viết: *Hình ư thượng vị chi đạo, hình ư hạ vị chi khí, phát thiên địa chi nguyên âm, dĩ biểu thiên địa chi chí thuận. Tự tích lặc hồng huy minh tuấn liệt, dĩ khí hình đạo, nghĩa thực thủ tư.*

Duy ngã Hoàng Thượng hùng mô duệ lược, thần vũ thánh văn, thân chính dĩ lai, bách tính nội ninh, ngũ thời thuận phủ, Hưng Hóa, Trấn Ninh chi tù, thứ đệ thanh di, bổ khấu để bình, thiên hạ quy vu nhất thống, thần uy hiển tích, trác quán thiên cổ. Ư thị siêu nhiên viễn lãm, cực thâm nghiên cơ, phỏng Hữu Ngu cù thất chi chế, xưởng Thành Chu Linh đài chi chỉ. Bính Thân hạ, mệnh công ư Thái Hoà môn ngoại trúc tầng đài, dĩ vọng vân vật, nhan chi viết: Lãng Chiếu, *thủ quân hoạch chi đồng khí, chú khắc lậu chung trí đài trung, tượng vũ công dã. Chung thành*

khấu chi hoanh hoanh nhiên, đạt chi phong đình, trợ kê minh cầu y chi hưởng, cổ chi triều đoan, xướng tỉnh thành suất tác chi ca. Bá chi khang cù, hiệp tạc tỉnh canh điền chi khúc, ư dĩ tuyên xướng hoà phong, sinh dung trị tượng, tiểu Lỗ Lâm nhi tề Hạ lãi, nghi Thuần phượng nhi vũ Hiên lân. Kỳ vi đạo khí, bất diệc hoằng thả viễn dư?

Phi hữu tai, thánh triều dĩ nhân phú tứ hải, phá thiên suất thổ, võng bất thần phục. Thiên duy thị ngã hữu đức, dụng tích thiên đỉnh, dĩ vi quốc bảo, xúy nhân nghĩa chi lô, cổ từ ái chi dã, thủ kỳ viễn vật, chú vi kim thanh, hữu Đại Cầu đình thực lữ bách chi tượng yên, hữu Đoài qua thùy thỉ, Ân di Hạ thược, trần chi Giao Xã chi ý yên. Thử đài dữ thử chung ngật ư trung thiên, tương ư thượng huyền, du cửu vô cương, vạn thế bất di, ca tụng thánh đức, hạt hữu cùng dĩ. Cẩn bái thủ khể thủ nhi vi chi minh viết:

Duy thái thanh chi thử chung hề, đồng phi thái ư Thú Dương.

Thiên tỉ ngã dĩ đại bảo hề, lai phương vật vu viễn cương.

Hôi kỳ đồng dĩ vi chung hề, chí Thánh vũ chi duy dương.

Đăng khiết hồ vu tằng lâu hề, chiêu Thánh đức chi vô hoang.

Văn cự đình chi hưởng lượng hề, tập thụy vân dĩ cao tường.

Cổ đại hân nhi cảnh giác hề, liệt hoàn bội dĩ xu thương.

Thời lôi thanh ư uyên mặc hề, hiệp Quảng Nhạc vu từ tường.

Tuyên sảng lãng vu tứ biểu hề, nạp hài hòa vu bát phương.

Chiêm cao đài chi nguy nghiệp hề, dương hồng chung chi lôi lương.

Ngưỡng phong công chi mạc trạng hề, tụng thọ khảo ư ngã vương.

DỊCH NGHĨA:

PHỤNG NGHĨ BÀI KÝ TRÊN CHUÔNG DÒ Ở ĐÀI LÃNG CHIẾU

Chuông là nhạc khí, phối với luật lữ,[1] hòa vào tám âm[2] treo trên đài các, làm tiếng động cảnh tỉnh quần âm. Vì vậy cho nên, các bậc hiền vương treo ở triều đình để nghe đường lối trị nước, nhà Nho treo ở cửa trường học để giúp việc bàn luận, suy nghĩ, nhà Phật treo ở cửa chùa để đánh thức mộng trần. *Kinh Dịch* nói: "Những cái thuộc về tinh thần thì gọi là đạo, những cái thuộc về vật chất thì gọi là khí." Phát ra nguyên âm của trời đất, là để nêu cái lẽ chí thuận của trời đất; từ xưa ghi tạc công to

đức lớn là dùng vật chất để thể hiện tinh thần, nghĩa thực chính là ở chỗ đó.

Nghĩ về Thánh Thượng ta, mưu mô lớn lao, văn vũ kiêm toàn, từ khi thân hành nắm giữ triều chính đến nay, trong nước trăm họ an ninh, năm mùa[3] thuận hòa, bọn tù trưởng ở Hưng Hóa, Trấn Ninh, lần lượt san bằng, bọn cướp lẩn tránh đều được dẹp yên, thiên hạ thu về một mối, uy phong như thánh như thần, công tích hiển nhiên rõ rệt hơn hẳn nghìn xưa. Thế là Thánh Thượng đã vượt lên nhìn xa, nghiền ngẫm sâu sắc, phỏng theo chế độ cù thất của nhà Ngu,[4] dựng thành chốn Linh đài của triều Thành Chu.[5] Mùa hè năm Bính Thân (1776),[6] sai thợ tới ngoài cửa Thái Hoà xây chiếc đài cao mấy tầng để xem sắc mây, gọi là đài Lãng Chiếu, lấy những đồ đồng mà quân lính thu được của địch, đúc chiếc lậu chung (chuông đồng hồ) đặt trong đài, để tượng trưng cho võ công vậy. Đúc xong, gõ thử tiếng kêu ngân nga, vang tới sân rồng, hỗ trợ cho tiếng gà gáy để tìm áo mặc;[7] đưa tới buổi chầu, xướng nên bài ca "Tỉnh thành suất tác" thấu tới xóm ngõ, hoà vào khúc "Tạc tỉnh canh điền,"[8] để tỏ phong khí hòa thuận, ca vang cảnh tượng trị bình, coi nhỏ chuông Lâm nước Lỗ, sánh với chuông quai mòn nhà Hạ,[9] hợp với chim phượng vua Thuấn, múa điệu kỳ lân của Hiên Viên.[10] Vậy lối làm *đạo, pháp* và *khí cụ* đó chẳng cũng rộng lớn, sâu xa đấy ư?

Lớn lao thay, Hoàng triều ta đem điều *nhân* mà trùm xuống bốn bể, khắp cõi trời đất, không đâu là không thần phục. Trời kia chỉ trông vào ta có đức, chuyển cho chiếc đỉnh, để dùng làm vật báu của nước, thổi lò nhân nghĩa, quạt bếp từ ái, lấy vật liệu ở nơi xa, đúc thành tiếng kim, có cái cảnh tượng của hàng trăm chiếc khánh Đại Cầu chứa chất đầy sân;[11] có cái ý của chiếc giáo ông Đoài, mũi tên ông Thùy, chiếc đỉnh nhà Ân, chiếc thược nhà Hạ, bầy đặt ở nền Giao, đàn Xã.[12] Đài này và chuông này, cao ngất giữa trời, sẽ cùng với bầu thái hư dài lâu vô tận, hàng vạn đời bất di bất dịch. Như vậy thì việc ca tụng công đức của Thánh Thượng sao có thể hết được! Xin kính cẩn cúi đầu chắp tay vái lậy mà làm bài minh rằng:

Duy chuông này, tiếng vang trong chừ, đồng không phải lấy từ núi Thú Dương,[13]

Trời ban cho ta làm vật báu chừ, là vật địa phương đưa tới từ nơi xa biên cương.

Nấu đồng để làm chuông chừ, để tuyên dương võ công của Thánh Hoàng,

Treo trên lầu cao làm đồng hồ chừ, tỏ rõ Thánh đức thêm rỡ ràng.

Tiếng vang lanh lảnh đưa tới sân rồng chừ, mây lành tụ họp phiêu dương,

Khua khi mặt trời chưa mọc mà thức tỉnh chừ, trang sức chỉnh tề để đi lại được nhịp nhàng.[14]

Tiếng sấm ầm ì ở nơi sâu thẳm chừ, hiệp với điềm lành từ khúc Quảng Nhạc truyền sang,[15]

Soi sáng ngoài bốn cõi chừ, thu tiếng hài hòa của bốn phương.

Nghển trông đài cao chót vót chừ, treo lơ lửng một quả chuông,

Ngửa thấy công nghiệp to lớn khôn tả chừ, đem lời thọ khảo chúc mừng quân vương.

CHÚ THÍCH:

1. Luật lữ: Xưa dùng ống luật, ống lữ để định các thứ tiếng về âm nhạc, do Hoàng Đế sai Linh Luân chế ra: Cắt đóng trúc làm thành 6 ống dương, 6 ống âm, dài ngắn khác nhau để có âm thanh khác nhau. Dương gọi là ống *luật*, 6 ống *luật* là: Hoàng chung, Thái thốc, Cô tiển, Di tân, Di tắc, Vô dịch; Âm gọi là ống *lữ*, 6 ống *lữ* là: Đại lữ, Giáp chung, Trọng lữ, Lâm chung, Nam lữ, Ứng chung.

2. Tám âm (bát âm) gồm: Bào (dàn bầu), thổ (trống cơm), cách (trống), mộc (mõ), thạch (khánh), kim (chuông), ti (đàn dây), trúc (sáo).

3. Năm mùa: Xuân, hạ, thu, đông và tứ quí.

4. Cù thất: Nơi vua Nghiêu thường đến đó để hỏi việc trong dân gian. *Hán chí:* Hiên Viên có lời bàn ở Minh đường, Phóng Huân (vua Nghiêu) có lời hỏi ở Cù thất, đều là mở rộng con đường thăm hỏi kẻ dưới.

5. Linh đài: Là nhà ở của Chu Văn Vương. *Kinh Thi*: "Kinh thủy Linh đài, kinh chi dinh chi, thứ dân tử lai, bất nhật thành chi" (Bắt đầu làm nhà Linh đài, ra sức kinh dinh, kẻ thứ dân như con đối với cha mà tới, chẳng mấy chốc làm xong).

6. Năm Bính Dần (1776) là năm Cảnh Hưng thứ 37, sau năm Ngô Thì Nhậm thi đỗ 1 năm.

7. Gà gáy: *Kinh Lễ:* Văn Vương khi còn là Thái tử, mỗi ngày ba lần vào chầu Vương Quí, sáng sớm nghe gà gáy đã chỉnh tề khăn áo tới ngoài cửa ngồi đợi.

8. "Tinh thành suất tác": Chưa rõ điển cố.

"Tạc tỉnh canh điền" (đào giếng cày ruộng), Liệt Tử nói: Vua Nghiêu trị vì đã 50 năm, một hôm cải trang ra ngã ba đường chơi, nghe trẻ hát: "Giúp kẻ nhân dân ta, không việc gì là không đến chốn, ta không hiểu gì, không biết gì, chỉ thuật phép nhà vua thôi." Lại có ba

bốn ông già dánh khăng, hát rằng: "Mặt trời mọc thì làm, mặt trời lặn thì nghỉ, đào giếng mà uống, cầy ruộng mà ăn."

9. Coi nhỏ chuông Lâm nước Lỗ: Thận Tử nói: Lỗ Trang Công đúc chuông đại Lâm, Tào Quế vào can rằng: Nay nước nhỏ mà chuông thời to, sao ông không nghĩ kỹ?

Chuông quai mòn nhà Hạ: *Mạnh Tử:* Cáo Tử nói: Tiếng chuông của Hạ Vũ hay hơn tiếng chuông của Văn Vương (ý nói là nhạc của Hạ Vũ hay hơn nhạc của Văn Vương). Mạnh Tử hỏi: Sao lại nói thế? Cao nói: Vì cái quai mòn đã gần đứt.

10. Phượng vua Thuấn: Vua Ngu Thuấn chế khúc nhạc thiều, khi múa có chim phượng hoàng lại châu.

Lân Hiên Viên: Hiên Viên nằm mơ thấy kỳ lân là loài thú có nhân hậu về ở trong vườn.

11. Khánh Đại Cầu: Là khánh bằng ngọc.

Chứa chất dầy sân (Đình thực lữ bách): *Tả truyện*: "Sính thi hiến vật, ư thị hồ hữu, đình thực lữ bách" (Triều sính mà dâng đồ vật, rồi dầy rẫy chứa chất ở sân, kể hàng trăm).

12. Chiếc dáo ông Đoài, ông Thùy: *Kinh Thư:* Chiếc giáo của ông Đoài chiếc cung của ông Hòa, mũi tên bằng tre của ông Thùy, đều ở phòng bên đông (Đoài chi qua, Hoà chi cung, Thùy chi trúc thỉ, tại đông phòng). *Tả truyện* chú: Đoài và Hoà là hai người thợ giỏi đời cổ, Thuỳ làm chức Cung công đời Đế Thuấn.

Đỉnh nhà Ân, thược nhà Hạ: Ân, Hạ là hai trong ba đời Vương, do Thành Thang và Đại Vũ sáng nghiệp ra.

Thược là vật đúc bằng đồng, để dùng trong âm nhạc.

13. Núi Thú Dương: Nơi Hoàng Đế lấy đồng về đúc ba chiếc đỉnh.

14. *Kinh Lễ:* Ngày Thiên tử đến nhà học, sáng sớm phải khua trống để báo cho các quan học sĩ cùng đến.

15. Khúc Quảng nhạc: Khúc nhạc tập hợp nhiều thứ nhạc mà thành. Thơ *Ngụy Trưng:* "Đình thực siêu vương hội, Quảng nhạc thịnh quân thiên" (Cống phẩm dầy sân, hơn hẳn vương hội đời xưa. Tấu khúc Quảng nhạc hay như nhạc quân thiên của trời). Ý nói, triều Tống, đời Thái Tông hơn hẳn triều đại trước.

2. 奉擬始一亭記

天地之數，始於一元，陰陽之理，始於一圈。一者化工所以藏無盡，聖人所以儲不竭。無盡不竭，惟江山風月，足以當之。

然江山爲風月將，風月爲江山客。苟徒高之爲山，長之爲江，清之爲風，白之爲月，此象形而未能會意也。

夫橫泰山之高，未必長於天下，縱天下之廣，未必短於泰山。吾夫子登泰山而小天下，其果攀崖乘嶺，下瞰八極，若見块圠之不容莽耶。毋寧會意而策諸方寸也。

浴翠之山，名於十三宣。景有萬殊，四時並秀。一水一石，一雲一物，一亭一榭，一樓一觀，一碑一塔，一花一樹，一禽一獸，登臨縱玩，舉目而盡得之。此其形之可觀。至於陟月山，登絶巘，看開鑿之殊巧，訪古今之往來，窮儒者之萬世不世，會釋氏之萬相無相，寄懷物表，放心希夷，深有風月一般性情，升甫智柔之所獨得，而托于文字者也。

若夫中流砥柱，鎖籥南溟，平地浮巒，襟喉西土，峨冠屹立，爲群山之表，束帶不解，爲眾流之會，拱神京奠湯州，猶五岳之有泰山，云云亭亭，萬世同尊，爲國朝千萬世鎮山，非其爲天下之鎮也歟。能爲鎮故爲相，而風月爲客，萬景又爲相客之輔焉。會萬于一，合殊于貫，天地陰陽之理數在是焉。故曰 天得一而清，地得一而寧，聖人得一而天下正。

洪惟聖朝龍興西都，天啓永昌，乃眷名山，歌風所繇，經之營之，爲行在宮，萬屋星陳，山無隱巧，水不韜秀，景星卿雲，奔走而獻瑞。珍禽寶獸，翔躍而出色，靈花吉草，芻蔚而並產。顯至德之嘉運，燦天宮之休祥。

壬寅仲春奉旨重修。一瓦一椽體制仍堅，灑掃庭除，外無施勞。謹相山門，別構小亭，茅竹錯雜，樹石無巧，恭顏之曰：始一，志一級之始見萬景之會于一。瞻凌雲之巍峨，望翠花之後塵，祝國祚之如盤，仰聖壽之無疆。萬古此江山，一天此風月，無盡與不竭，永爲國家寶。

監山水宮臣某恭記。

PHIÊN ÂM:

PHỤNG NGHĨ THỦY NHẤT ĐÌNH KÝ

Thiên địa chi số, thủy ư nhất nguyên, âm dương chi lý, thủy ư nhất khuyên. Nhất giả hóa công sở dĩ tàng vô tận, thánh nhân sở dĩ sức bất kiệt. Vô tận bất kiệt, duy giang sơn phong nguyệt, túc dĩ đương chi.

Nhiên giang sơn vi phong nguyệt tướng, phong nguyệt vi giang sơn khách. Cầu đồ cao chi vi sơn, trường chi vi giang, thanh chi vi phong, bạch chi vi nguyệt, thử tượng hình nhi vị năng hội ý dã.

Phù! Hoành Thái Sơn chi cao, vị tất trường ư thiên hạ, tung thiên hạ chi quảng, vị tất đoản ư Thái Sơn. Ngô phu tử đăng Thái Sơn nhi tiểu thiên hạ, kỳ quả phan nhai thừa lĩnh, hạ hám bát cực, nhược kiến ưởng ất chi bất dung mãng da. Vô ninh hội ý nhi sách chư phương thốn dã.

Dục Thúy chi sơn, danh ư thập tam tuyên. Cảnh hữu vạn thù, tứ thời tịnh tú. Nhất thủy nhất thạch, nhất vân nhất vật, nhất đình nhất tạ, nhất lâu nhất quán, nhất bi nhất tháp, nhất hoa nhất thụ, nhất cầm nhất thú, đăng lâm túng ngoạn, cử mục nhi tận đắc chi. Thử kỳ hình chi khả quan. Chí ư trắc nguyệt sơn, đăng tuyệt hiểm, khán khai tạc chi thù xảo, phỏng cổ kim chi vãng lai, cùng Nho giả chi vạn thế bất thế, hội Thích thị chi vạn tướng vô tướng, ký hoài vật biểu, phóng tâm hy di, thâm hữu phong nguyệt nhất ban tính tình, Thăng Phủ Trí Nhu chi sở độc đắc, nhi thác vu văn tự giả dã.

Nhược phù trung lưu để trụ, tỏa thược Nam minh, bình địa phù loan, khâm hầu Tây thổ, nga quan ngật lập, vi quần sơn chi biểu, thúc đái bất giải, vi chúng lưu chi hội, củng thần kinh điện thang châu, do Ngũ Nhạc chi hữu Thái Sơn, vân vân đình đình, vạn thế đồng tôn, vi Quốc triều thiên vạn thế trấn sơn, phi kỳ vi thiên hạ chi trấn dã dư? Năng vi trấn cố vi tướng, nhi phong nguyệt vi khách, vạn cảnh hựu vi tướng khách chi phụ yên. Hội vạn vu nhất, hợp thù vu quán, thiên địa âm dương chi lý số tại thị yên. Cố viết thiên đắc nhất nhi thanh, địa đắc nhất nhi ninh, thánh nhân đắc nhất nhi thiên hạ chính.

Hồng duy thánh triều long hưng Tây Đô, thiên khải vĩnh xương, nãi quyến danh sơn, ca phong sở do, kinh chi dinh chi, vi hành tại cung, vạn ốc tinh trần, sơn vô ẩn xảo, thủy bất thao tú, cảnh tinh khanh vân, bôn

tẩu nhi hiến thụy. Trân cầm bảo thú, tường dược nhi xuất sắc, linh hoa cát thảo, sô uất nhi tịnh sản. Hiển chí đức chi gia vận, xán thiên cung chi hưu tường.

Nhâm Dần trọng xuân, phụng chỉ trùng tu. Nhất ngoã nhất suy, thể chế nhưng kiên, sái tảo đình trừ, ngoại vô thí lao. Cẩn tương sơn môn, biệt cấu tiểu đình, mao trúc thố tạp, thụ thạch vô xảo, cung nhan chi viết: Thủy Nhất, chí nhất cấp chi thủy, kiến vạn cảnh chi hội vu nhất. Chiêm lăng vân chi nguy nga, vọng Thúy hoa chi hậu trần, chúc quốc tộ chi như bàn, ngưỡng thánh thọ chi vô cương. Vạn cổ thử giang sơn, nhất thiên thử phong nguyệt, vô tận dữ bất kiệt, vĩnh vi quốc gia bảo.

Giám sơn thủy cung thần mỗ cung ký.

DỊCH NGHĨA:

PHỤNG NGHĨ BÀI KÝ ĐÌNH THỦY NHẤT[1]

Số của trời đất, bắt đầu từ một hội nguyên;[2] lý của âm dương trước hết ở một khuyên thái cực.[3] Số "một" là nơi hóa công chứa cái "vô tận" và thánh nhân chứa đựng cái không bao giờ cạn kiệt. Cái vô tận và cái không bao giờ cạn kiệt, chỉ có núi sông trăng gió mới đương nổi mà thôi.

Nhưng, non sông là chủ của gió trăng, gió trăng là khách của non sông. Nếu chỉ thấy: Cao cho là núi, dài cho là sông, mát cho là gió, trong cho là trăng, thì mới chỉ biết nhìn hình bên ngoài mà chưa biết đến cái ý bên trong vậy.

Ôi! Hãy đặt ngang núi Thái Sơn, thì chưa hẳn Thái Sơn đã dài hơn thiên hạ; đặt dọc bề ngang của thiên hạ, thì chưa chắc thiên hạ đã ngắn hơn Thái Sơn. Phu tử ta lên núi Thái Sơn mà thấy thiên hạ nhỏ, việc đó quả như người vịn vách đá leo lên đỉnh núi, cúi nhìn tám cõi, như thấy một đám mịt mờ vô hạn kia không chứa nổi một hạt cải, không định tâm lại được để vạch ra thước tấc vậy.

Núi Dục Thúy nổi tiếng trong 13 thừa Tuyên,[4] cảnh có muôn vẻ khác nhau, bốn mùa đều tươi đẹp: Một dòng nước, một mỏm đá, một đám mây, một giống vật, một nóc đình, một đài tạ, một ngôi lầu, một cái quán, một tấm bia, một ngọn tháp, một đóa hoa, một chòm cây, một loài chim, một giống thú, trèo lên mà trông, thu hết vào tầm mắt. Đó là cái hình có thể thấy được. Đến như lên trên núi, trèo lên đỉnh cao, nhìn những chỗ khơi đào khéo léo của tạo hóa, tìm những vết qua lại của cổ kim, xét đến công "Vạn thế, bất thế" của nhà Nho,[5] hiểu được thuyết "Vạn tướng vô

tướng" của nhà Phật,[6] lòng gửi vào nơi thảnh thơi, thả hồn vào chốn hoang vắng, sẽ có một tình cảm và tấm lòng sâu sắc trong khoảng gió trăng, thì đó lại là cái riêng mà ông Thăng Phủ và ông Trí Nhu nắm được đã gửi gắm vào chương chữ nghĩa vậy.[7]

Còn như, cột đá chống giữa dòng làm then khóa cho bể Nam, đất bằng trồi trái núi, làm vạt áo cuống họng cho cõi Tây; núi như chiếc mũ cao sừng sững, làm tiêu biểu cho mọi trái núi, sông tựa đai lưng không cởi, làm nơi tụ hội cho mọi dòng sông, chầu về thần kinh, vững cho thang ấp, khác nào như Ngũ Nhạc có núi Thái Sơn, dằng dặc sừng sững, muôn đời cùng tôn trọng, làm trái núi trấn giữ nghìn vạn đời cho Quốc triều. Đó chẳng phải là một ngọn núi trấn giữ cho cả thiên hạ đó sao? Có thể trấn giữ được, cho nên làm tướng, mà gió trăng chỉ là khách, còn muôn cảnh thì chỉ là hỗ trợ cho khách mà thôi. Gộp muôn số thành một, hợp những cái khác nhau thành xâu, lý số âm dương của trời đất đều ở đó. Cho nên có câu: "Trời được "một" thì trong, đất được "một" thì yên, thánh nhân được "một" thì thiên hạ trị bình."[8]

Lớn lao thay thánh triều ta, dấy lên từ Tây Đô, trời mở ra cảnh thịnh trị lâu dài, mới lưu ý đến cảnh danh sơn này, là nơi ngợi ca phong cảnh, trù tính làm cung hành tại, vạn nóc nhà trải ra như sao, núi không dấu vẻ khéo, sông không che cái đẹp, sao sáng mây lành, kéo nhau đến dâng điềm lành, chim quí thú lạ, đua nhảy phô sắc, hoa thiêng cỏ lành, um tùm sinh sôi, tỏ rõ vận tốt của bậc chí đức, soi sáng điềm lành ở chốn thiên cung.

Tháng trọng xuân năm Nhâm Dần (1782), phụng lệnh chỉ sửa lại cung này. Một viên ngói, một chiếc rui, thể chế vẫn vững chắc như xưa, trừ việc quét dọn sân thềm, ngoài ra không phải vất vả gì. Kính cẩn ngắm cửa núi, rồi lập thêm một chiếc đình nhỏ, gianh tre lẫn lộn, cây đá sơ sài, kính đề tên là đình "Thủy Nhất," ghi lấy bước khởi đầu của một cấp, thấy rõ muôn cảnh đều quy vào một, trông cái thế nguy nga vượt tầng mây, nhìn lớp bụi sau giàn hoa núi Thúy; chúc vận nước vững như bàn thạch, mừng tuổi thánh trường thọ vô bờ; núi sông này còn lại muôn thuở, trăng gió này đầy ắp một bầu. Những cái vô cùng và bất tận đó, mãi mãi là của báu cho nước nhà.

Người coi cung sơn thủy, thần mỗ kính ghi.

CHÚ THÍCH:

1. Thủy nhất: Số một đầu tiên.

2. Nguyên: Điểm bắt đầu.

3. Khuyên thái cực: Theo thuyết Chu Đôn Di đời Tống, trời đất bắt đầu từ thời kỳ hỗn mang, gọi là "Thái cực." Thái cực sinh ra âm dương, ngũ hành, rồi từ đó sinh ra muôn vật. Chu Đôn Di vẽ thành một bản đồ, gọi là Thái cực đồ, và hình dung "Thái cực" bằng một chiếc khuyên tròn.

4. Thừa Tuyên: Triều Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận 10 (1469), định bản đồ trong thiên hạ, chia nước thành 13 thừa Tuyên.

5. Vạn thế, bất thế: Công lớn có thể lưu truyền đến muôn đời là công "vạn thế;" công lớn vang dội không đời nào có là công "bất thế."

6. Vạn tướng vô tướng: Tướng là hình thái các sự vật ở đời; mắt trông thấy được, theo truyền thuyết Phật thì hình thái các sự vật ở đời kể tới hàng vạn, nhưng đều là giả cả. Chỗ "thập" là không có hình thái nào (vô tướng).

7. Thăng Phủ: Tên tự của Trương Hán Siêu, danh sĩ đời Trần, trước làm quan, sau về ẩn ở núi Dục Thúy, đã làm bài ký để vào tháp Linh Tế của Trí Nhu.

Trí Nhu: Tên một vị cao tăng đời Trần, người đã xây tháp Linh Tế trên núi Dục Thúy.

8. Cả đoạn này phỏng theo lời của Lão Tử: "Thiên đắc nhất dĩ thanh, địa đắc nhất dĩ ninh, Hầu Vương đắc nhất dĩ vi thiên hạ trinh."

3. 清閑寺洪鐘記

余聞，五方西爲佛土，五行金爲佛身。西方堅剛之土，生利銳之金。佛氏大雄力不變壞。毓德于金，托之于物而爲鐘。鐘金器也，其爲器堅以利，故其聲洪以長。佛以鐘警下塵而覺群迷，亦猶儒以鐘和六律而諧八音也。鐘之爲用大矣哉。

余生長於儒，晚年加心釋典，推崇竹林三祖，得河柳社杜河村佛龍之土，啓建玄宇以爲禪遊，常與村人暇日參禪。

其村之清閑寺，乃余 邦L之北偏，而余所屐履寓目焉者。前挹蘇江之水，後擁永盛迤邐之山。地稱石鉗，景宜四季。

己未春，村民捐資鳩銅，謀鑄鐘懸于其寺之樓。

鑄之日，余與其會焉，一方士女駢集以千數。遂乃驅回祿，役祝融，火範圍之爐，燃陶鑄之炭，金精融熠，銅液燀燦。鎔既成於九孔，質斯備於六齊，金索繫以須鳴，寶坊懸而交叩。匪風伯之瑟瑟，實雷師之圓圓。悟眾生之迷津，挽群有于樂國。眞所謂功侔鬼神，德被天人，可以擬並合同而超詣點化者也。

鐘既成，余舉酒而酌父老曰：渠與余皆百年之人，鐘與渠金亦皆百年之器以形器言，則可以百年爲限。至其得於形器之外者，發越而無終極，渠由之而不知。余知之而不盡言，雖言之亦不盡意，銘之于鐘，於意云何。乃爲之銘曰：

天一個理，渾然無聲。
何聞天言，驚蟄一鳴。
佛一切相，萬般是空。
何觀世音，太清一鐘。
聲聞非聲，佛說如是。
時聞我鐘，善念乃起。
於萬斯年，受福不已。

PHIÊN ÂM:

THANH NHÀN TỰ HỒNG CHUNG KÝ

Dư văn: Ngũ phương tây vi Phật thổ, ngũ hành kim vi Phật thân. Tây phương kiên cương chi thổ, sinh lợi nhuệ chi kim. Phật thị đại hùng lực bất biến hoại. Dục đức vu kim, thác chi vu vật nhi vi chung. Chung kim khí dã, kỳ vi khí kiên dĩ lợi, cố kỳ thanh hồng dĩ trường. Phật dĩ chung cảnh hạ trần nhi giác quần mê, diệc do nho dĩ chung hòa lục luật nhi hài bát âm dã. Chung chi vi dụng đại hĩ tai.

Dư sinh trưởng ư nho, vãn niên gia tâm Thích điển, suy sùng Trúc Lâm tam tổ, đắc Hà Liễu xã Đỗ Hà thôn Phật Khám chi thổ, khải kiến

huyền vũ, dĩ vi thiền du, thường dữ thôn nhân hạ nhật tham thiền.

Kỳ thôn chi Thanh Nhàn tự, nãi dư trúc lâm chi bắc thiên, nhi dư sở kĩ lý ngụ mục yên giả. Tiền ấp Tô giang chi thủy, hậu ủng Vĩnh Áng dĩ lý chi sơn. Địa xưng Thạch kiềm, cảnh nghi tứ quý.

Kỷ Mùi xuân, thôn dân quyên tư cựu đồng, mưu chú chung huyền vu kỳ tự chi lâu.

Chú chi nhật, dư dữ kỳ hội yên, nhất phương sĩ nữ biền tập dĩ thiên số. Toại nãi khu Hồi Lộc, dịch Chúc Dung, hỏa phạm vi chi lô, nhiên đào chú chi thán, kim tinh dung tập, đồng dịch hạo xán. Dung ký thành ư cửu khổng, chất tư bị ư lục tề, kim sách hệ dĩ tu minh, bảo phường huyền nhi giao khấu. Phỉ phong bá chi sắt sắt, thực lôi sư chi viên viên. Ngộ chúng sinh chi mê tân, vãn quần hữu vu lạc quốc. Chân sở vị công mâu quỷ thần, đức bị thiên nhân, khả dĩ nghĩ tịnh hợp đồng nhi siêu nghệ điểm hóa giả dã.

Chung ký thành, dư cử tửu nhi chước phụ lão viết: Cừ dữ dư giai bách niên chi nhân, chung dữ cừ kim diệc giai bách niên chi khí, dĩ hình khí ngôn, tắc khả dĩ bách niên vi hạn. Chí kỳ đắc ư hình khí chi ngoại giả, phát việt nhi vô chung cực, cừ do chi nhi bất tri. Dư tri chi nhi bất tận ngôn, tuy ngôn chi diệc bất tận ý, minh chi vu chung, ư ý vân hà? Nãi vi chi minh viết:

Thiên nhất cá lý,
Hồn nhiên vô thanh.
Hà văn thiên ngôn,
Kinh trập nhất minh.

Phật nhất thiết tướng,
Vạn ban thị không.
Hà quan thế âm,
Thái Thanh nhất chung.

Thanh văn phi thanh,
Phật thuyết như thị.

Thời văn ngã chung,

Thiện niệm nãi khởi.

Ư vạn tư niên,

Thụ phúc bất dĩ.

DỊCH NGHĨA:

BÀI KÝ QUẢ CHUÔNG LỚN Ở CHÙA THANH NHÀN

Tôi nghe người ta nói rằng: Năm phương, phương tây là đất Phật; ngũ hành, hành kim là mình (thân) Phật. Cái đất bền bỉ cứng rắn ở phương tây, nảy nở ra thứ kim sắc bén. Sức đại hùng của Phật là bất biến, bất hoại. Nuôi dưỡng cái đức ở kim thác vào làm thành chuông. Chuông là kim khí, khí đó bền mà sắc, cho nên tiếng to mà ngân dài. Phật dùng chuông cảnh tỉnh cõi trần, đánh thức mọi người u mê, cũng như nhà Nho dùng chuông điều 6 ống luật hòa vào tiếng.(1) Cái công dụng của chuông lớn lắm thay!

Tôi sinh trưởng ở nhà nho, khi luống tuổi để tâm tới kinh sách nhà Thiền, tôn sùng ba vị tổ sư rừng Trúc,(2) mua được mảnh đất Phật- Khám thuộc thôn Đỗ Hà xã Hà Liễu, xây ngôi chùa để làm chốn thiền du, thường cùng người trong thôn lúc rỗi tới tham thiền.

Chùa Thanh Nhàn của thôn đó, ở ngay phía bắc rừng trúc, mà tôi vẫn đi qua nhìn tới. Sông Tô ôm lấy đằng trước, dãy núi Vĩnh Áng liên tiếp đỡ đằng sau. Kiểu đất này gọi là Thạch kiềm (chiếc ấn đá), những tháng tứ quý(3) viếng cảnh rất tốt.

Mùa xuân năm Kỷ Mùi (1799), dân ở thôn quyên tiền mua đồng, bàn đúc chuông treo lên lầu ở chùa.

Ngày đúc chuông, tôi tới dự hội, thiện tín thập phương tập hợp kể hàng nghìn. Bèn xin thần Hồi Lộc, sai thần Chúc Dung,(4) châm lò phạm vi,(5) đốt than đào chú,(6) vàng tan đồng chảy sáng quắc. Đúc đã thành chín lỗ,(7) chất đủ cả sáu tề,(8) buộc dây vàng để đợi kêu, treo lên lầu báu đổi nhau khua. Không phải gió mà vi vu, thật như sấm mà ầm ì. Gọi tỉnh chúng sinh ở bến mê, đưa mọi loài về cõi cực lạc. Thật là công sánh cùng quỷ thần; đức trùm khắp cõi trời và người, có thể cùng hợp lực đồng công

mà tới chỗ chỉ điểm cảm hóa đó vậy.

Chuông đúc xong, tôi rót rượu mời các vị phụ lão mà bảo rằng: Các ông với tôi, đều là hạng người trăm nặm, chuông và kim (vàng) của các ông cũng đều là cái đồ dùng của trăm năm. Lấy hình và khí mà nói, thì có thể lấy trăm năm làm mức. Đến như sở đắc ở ngoài cái hình và khí, vượt ra chốn vô cùng cực, thì các ông không thể biết. Tôi biết nhưng không nói được hết, dù nói cũng không hết ý. Nhưng nay làm bài minh cho chuông, nói thay thì ý thế nào? Bèn làm bài minh rằng:

Trời là một lẽ phải,
Lặng lẽ không tiếng tăm.
Sao nghe tiếng trời nói?
Kinh trập tiếng kêu ầm.[9]

Hết thảy hình tướng Phật,
Muôn sắc đều là không.
Gì là tiếng quán thế,
Thái Thanh[10] vang tiếng chuông.

Tiếng nghe không phải tiếng,
Lời Phật nói như thế.
Lúc nghe tiếng chuông ta,
Lòng lành tự dấy lên.

Ôi ! Hàng vạn năm trường,
Hưởng phúc lành mãi mãi.

CHÚ THÍCH:

1. Sáu luật (lục luật); tám âm (bát âm), xem chú thích số 1và 2 bài *Phụng nghĩ Lãng chiếu đài lậu chung ký*.

2. Điều Ngự Vương Phật (Trần Nhân Tông); Pháp Loa (Đồng Kiên Cương); Huyền Quang (Lý Đạo Tái), là ba vị tổ sư phái Trúc Lâm đời Trần.

3. Tứ quý là 4 tháng cuối của bốn mùa, đó là các tháng 3, 6, 9, 12.

4. Tên vị thần coi về mùa hạ.

5. Trời đất (Phạm vi thiên hạ).

6. Âm dương (âm dương đào chú).

7. Chín lỗ, thơ Bạch Hương Sơn: "Tiễn tước can lư tháp hàn trúc, cửu khổng lậu thanh, ngũ âm túc." 翦削乾蘆插寒竹，九孔漏聲五音足. Nghĩa là: Cắt ống sậy khô dút vào ống tre, 9 lỗ để hở, tiếng phát ra thành đủ 5 thứ tiếng: Cung, thương, giác, chủy, vũ.

8. Sáu tề: Đồng pha thiếc để đúc sáu loại: Chung đỉnh tề, phủ cân tề, qua kích tề, đại nhận tề, sát thí tề, tạc toại tề, (tức loại đúc chuông đúc vạc, loại đúc rìu búa, loại đúc giáo mác, loại đúc dao, loại đúc mũi tên, loại đúc rìu thuổng).

9. Kinh trập là tiết sâu nở, ở vào khoảng tháng 2 âm lịch, lúc đó mới bắt đầu có sấm kêu, là 1 trong 24 tiết.

10. Thái Thanh là 1 trong tầng trời Tam Thanh.

4. 敘睦亭記

天以亭育萬物，地以亭畜萬坤，人以亭相聚，而萬物萬類爲之賓。故吾人於相聚之處有亭。或以天地形色名，或以事物名，或以象類名，或以形色事物象類之理名。要之形而上者謂之道，形而下者謂之器。亭也者形器之用也。而吾人相生相養於天地之間，循是降衷，好是秉彝，以有倫常之樂，井邑之安，則形道之體者也。有體不可以無用，有散不可以無聚，有異不可以無同。明乎散聚異同之理，乃可以言道。道托于事，事形于物，故物屯蒙之後有需，需爲人道之成，成而不有以節之，則訟矣。亨利之下必爲貞，貞爲人事之盛，盛而不有以守之，則悔矣。屯蒙需亨利貞之道備，而天地人之情見焉。

程傳曰：放之則彌六合，卷之則退藏於密。密與六合一理也，人與天地一機也。吾人之所以爲屯蒙需亨利貞，固不待有年如喬彭，力如夸父，然後能屈指而數計之也。當其千騎萬乘，郁天香於銳江，翠翟魚軒，賦雞鳴而歌好逑，豈非吾邑之一泰乎。

李陳之間，誰爲將相，誰爲公卿，族姓誰爲喬木，人物誰爲閭左，則有不可得而知。此非泰之復爲屯乎。聖朝中興，文運大亨，百有餘年以來，科甲蟬聯，公侯相望，文振中華，聲籍海

宇，今又非吾邑之一元乎。夫居元之時，諟以會，利足以和，貞足以固，乃可以保元。綱常禮樂，聖人所以立人之準也。忠信孝弟，聖人所以教人之則也。居禮義之鄉，處禮義之鄰，父兄爲儒，子弟其有以詩禮而發塚乎。父兄爲農，子弟其有以耰鋤而遷於異物乎。父兄爲工爲商，子弟其有不學爲箕裘，剖稱衡而爲股篋乎。吾不顧夫形於下者之徒爲奐輪。

壬寅之春，召匠計材，華顛齒鮐，構廬爲亭。乃會四民，而宣班氏之書曰：士食舊德之名氏，農服先疇之田畝，商修族氏之所鬻，工用高曾之規矩。燦乎靄靄，乃爲名邑。逮乎是而登斯亭也，吾則羞之恥之。謹乎是而登斯亭也，吾則敬之重之。然人心之不同，其如面然，亦非應聚何能相聚，故於不必同而同之以道理相遊，不常聚而聚之以德性相規。奉神明不失爲齋莊，事君父不失爲忠孝，處家庭不失爲善良，在鄉曲不失爲行誼，侃侃而不爭，雍雍以相和。使文物世昌，科目日隆，爲鳴珂之里，爲會賢之閭，此吾邑所以作亭意也。是宜顏之曰：敘睦。

若夫，北占三台，西臨九曲，南俯碧月之泓，東拱影照之山，春賽秋祈，衣冠蹌蹌，爆竹管弦，環堵洋洋，此亭四時之景色。吾故曰：天地一屋廬也，日月一燈燭也，山川一簷溜也，民物一屋廬之具也，草樹一燈燭之器也，風景一簷溜之具也。何只于此亭，亦何待乎吾之云云。

PHIÊN ÂM:

TỰ MỤC ĐÌNH KÝ

Thiên dĩ đình dục vạn vật, địa dĩ đình súc vạn loại, nhân dĩ đình tương tụ, nhi vạn vật vạn loại vi chi tân. Cố ngô nhân ư tương tụ chi xứ hữu đình. Hoặc dĩ thiên địa hình sắc danh, hoặc dĩ sự vật danh, hoặc dĩ tượng loại danh, hoặc dĩ hình sắc sự vật tượng loại chi lý danh. Yếu chi

hình nhi thượng giả vị chi đạo, hình nhi hạ giả vị chi khí. Đình dã giả hình khí chi dụng dã. Nhi ngô nhân tương sinh tương dưỡng ư thiên địa chi gian, tuần thị giáng trung, hảo thị bỉnh di, dĩ hữu luân thường chi lạc, tỉnh ấp chi an, tắc hình đạo chi thể giả dã. Hữu thể bất khả dĩ vô dụng, hữu tán bất khả dĩ vô tụ, hữu dị bất khả dĩ vô đồng. Minh hồ tán tụ dị đồng chi lý, nãi khả dĩ ngôn đạo. Đạo thác vu sự, sự hình vu vật, cố vật Truân Mông chi hậu hữu Nhu, Nhu vi nhân đạo chi thành, thành nhi bất hữu dĩ tiết chi, tắc Tụng hĩ. Hanh Lợi chi hạ tất vi Trinh, Trinh vi nhân sự chi thịnh, thịnh nhi bất hữu dĩ thủ chi, tắc Hối hĩ. Truân Mông Nhu Hanh Lợi Trinh chi đạo bị, nhi thiên địa nhân chi tình kiến yên.

Trình Truyện viết: Phóng chi tắc di lục hợp, quyển chi tắc thoái tàng ư mật. Mật dữ lục hợp nhất lý dã, nhân dữ thiên địa nhất cơ dã. Ngô nhân chi sở dĩ vi Truân Mông Nhu Hanh Lợi Trinh, cố bất đãi hữu niên như Kiều Bành, lực như Khoa Phủ, nhiên hậu năng khuất chỉ nhi sổ kế chi dã. Đương kỳ thiên kỵ vạn thặng, úc thiên hương ư Nhuệ giang, thúy địch ngư hiên, phú Kê minh *nhi ca* Hảo cầu, *khởi phi ngô ấp chi nhất "Thái" hồ.*

Lý Trần chi gian, thùy vi tướng tướng, thùy vi công khanh, tộc tính thùy vi kiều mộc, nhân vật thùy vi lư tả, tắc hữu bất khả đắc nhi tri. Thử phi Thái chi phục vi Truân hồ. Thánh triều trung hưng, văn vận đại hanh, bách hữu dư niên dĩ lai, khoa giáp thiền liên, công hầu tương vọng, văn chấn Trung Hoa, thanh tịch hải vũ, kim hựu phi ngô ấp chi nhất Nguyên hồ. Phù! Cư Nguyên chi thời, Hanh túc dĩ hội, Lợi túc dĩ hòa, Trinh túc dĩ cố, nãi khả dĩ bảo Nguyên. Cương thường lễ nhạc, thánh nhân sở dĩ lập nhân chi chuẩn dã. Trung tín hiếu để, thánh nhân sở dĩ giáo nhân chi tắc dã. Cư lễ nghĩa chi hương, xử lễ nghĩa chi lân, phụ huynh vi nho, tử đệ kỳ hữu dĩ thi lễ nhi phát trủng hồ. Phụ huynh vi nông, tử đệ kỳ hữu dĩ ưu sừ nhi thiên ư dị vật hồ. Phụ huynh vi công vi thương, tử đệ kỳ hữu bất học vi cơ cầu, phẫu xứng hành nhi vi cổ khiếp hồ. Ngô bất cố phù hình ư hạ giả chi đồ vi hoán luân.

Nhâm Dần chi xuân, triệu tượng kế tài, hoa điên xỉ nhi, cấu lư vi đình. Nãi hội tứ dân, nhi tuyên Ban thị chi thư viết: Sĩ thực cựu đức chi danh thị, nông phục tiên trù chi điền mẫu, thương tu tộc thị chi sở dục, công dụng cao tằng chi quy củ. Xán hồ ái ái, nãi vi danh ấp. Vi hồ thị nhi

đăng tư đình dã, ngô tắc tu chi sỉ chi. Cẩn hồ thị nhi đăng tư đình dã, ngô tắc kính chi trọng chi. Nhiên nhân tâm chi bất đồng, kỳ như diện nhiên, diệc phi lục tụ hà năng tương tụ, cố ư bất tất đồng nhi đồng chi dĩ đạo lý tương du, bất thường tụ nhi tụ chi dĩ đức tính tương quy. Phụng thần minh bất thất vi trai trang, sự quân phụ bất thất vi trung hiếu, xử gia đình bất thất vi thiện lương, tại hương khúc bất thất vi hành nghị, khẩn khẩn nhi bất tranh, ung ung dĩ tương hòa. Sử văn vật thế xương, khoa mục nhật long, vi minh kha chi lý, vi hội hiền chi lư, thử ngô ấp sở dĩ tác đình ý dã. Thị nghi nhan chi viết: Tự Mục.

Nhược phù, bắc chiếm Tam Thai, tây lâm Cửu Khúc, nam phủ Bích Nguyệt chi hoằng, đông củng ảnh chiếu chi sơn, xuân trại thu kỳ, y quan thương thương, bộc trúc quản huyền, hoàn đổ dương dương, thử đình tứ thời chi cảnh sắc. Ngô cố viết: Thiên địa nhất ốc lư dã, nhật nguyệt nhất đăng chúc dã, sơn xuyên nhất thiềm lưu dã, dân vật nhất ốc lư chi cụ dã, thảo thụ nhất đăng chúc chi khí dã, phong cảnh nhất thiềm lưu chi cụ dã. Hà chỉ vu thử đình, diệc hà đãi hồ ngô chi vân vân.

DỊCH NGHĨA:

BÀI KÝ ĐÌNH TỰ MỤC

Trời nhờ đình để sinh muôn vật, đất dùng đình để nuôi muôn loài; người lấy đình để cùng nhau tụ họp, mà muôn loài muôn vật thì đều là khách. Cho nên, nơi người ta cùng nhau tụ họp gọi là đình. Đình, hoặc lấy hình sắc của trời đất mà đặt tên, hoặc lấy sự vật mà đặt tên, hoặc lấy dáng dấp mà đặt tên, hoặc theo cái lý của hình sắc, sự vật, dáng dấp mà đặt tên. Tóm lại cái hình nhi thượng là "đạo," cái hình nhi hạ là "khí"(những cái thuộc về tinh thần thì gọi là "đạo," những cái thuộc về vật chất thì gọi là "khí"). Vậy thì, đình là vật dụng của "hình" và "khí"(đình gồm cả tinh thần và vật chất), mà con người ta thì cùng sinh cùng dưỡng trong khoảng trời đất, phải noi theo lòng trung trời phú, giữ đạo thường vốn có, để có cái vui trong đạo luân thường, được yên ổn trong từng xóm ngõ, thì đó là cái "thể" của hình "đạo." Đã có cái "thể" không thể không có cái "dụng," có cái "tán" thì không thể không có cái "tụ," có cái "dị" không thể không có cái "đồng." Có hiểu rõ được cái lẽ của sự tụ tán, đồng dị đó thì mới có thể nói được về "đạo." "Đạo" thể hiện ra ở việc, việc thể hiện ra ở vật, cho nên sau quẻ "Truân," quẻ "Mông," tất phải có quẻ "Nhu." "Nhu" làm thành cái "đạo" của người, đã thành mà không có gì để hạn chế, thì

sinh ra "Tụng." Sau "Hanh," "Lợi," tất phải là "Trinh", "Trinh" là sự thịnh vượng của người, đã thịnh vượng mà không thể giữ lấy thì sinh ra "Hối." Cái đạo Truân, Mông, Nhu, Hanh, Lợi, Trinh có đầy đủ, thì cái tình của trời, đất và người mới hiện ra rõ được.

Truyện của họ Trình[1] nói: "Buông thả thì khắp cả sáu cõi, thu lại thì cất dấu kín đáo." Nơi kín đáo đó cùng với sáu cõi chỉ là một "lý"mà thôi. Con người cùng với trời đất cũng chỉ là một chiếc then máy. Người ta sở dĩ làm được Truân, Mông, Nhu, Hanh, Lợi, Trinh vốn không phải đợi có tuổi cao như ông Kiều, ông Bành, có sức lực như Khoa Phủ[2] rồi sau mới bấm đốt ngón tay mà tính số. Đương lúc nghìn xe muôn ngựa, toả hương trời ngào ngạt ở sông Nhuệ, quạt lông trả, xe da cá, vịnh thơ *Kê minh* mà hát khúc *Hảo cầu*, đó há chẳng phải là một quẻ "Thái" (hanh thông) của ấp ta sao?

Trong khoảng thời Lý Trần, ai làm tướng văn võ, ai làm công khanh, trong họ ai là cây kiều mộc, nhân vật ai liệt vào hàng lư tả,[3] thì đều lờ mờ chưa biết được rõ. Thế thì, chẳng phải từ "Thái" đã quay trở lại "Truân" đó sao? Thánh triều trung hưng, văn vận đại hanh thông, đã hơn trăm năm nay, khoa bảng kế tiếp, công hầu nối nhau, văn chương lừng lẫy cả Trung Hoa, thanh danh vang dội trong cõi, vậy thì nay lại há không phải là một "Nguyên"[4] của làng ta đó sao? Kìa như: Khi ở trong "Nguyên," thì "Hanh" có thể đủ để tập hợp, "Lợi" có thể đủ để hòa, "Trinh" có thể đủ để vững, thế là lại có thể bảo vệ được "Nguyên," Cương thường, lễ nhạc, thánh nhân lập ra để làm chuẩn mực cho mọi người; trung tín, hiếu đễ, thánh nhân đem ra làm khuôn phép để dạy người. Ở trong làng lễ nghĩa, xử sự với láng giềng bằng lễ nghĩa, cha anh theo nghiệp nho, con em dám đâu lại mượn thi lễ mà đi quật mồ?[5] Cha anh làm nghề nông, con em dám đâu lại vứt bỏ cày bừa đi làm nghề khác? Cha anh làm nghề công, nghề thương, con em dám đâu lại không học làm thúng, may vá áo chăn mà lại đập cân chẻ thước, đi cắp tráp theo hầu? Tôi không cho bọn thể hiện ra ở dưới là có thể tốt đẹp được.

Mùa xuân năm Nhâm Dần (1782), gọi thợ tính gỗ, tập hợp già trẻ, cất mái làm đình. Rồi tập hợp dân chúng bốn nghề lại, tuyên đọc sách họ Ban[6] rằng: "Kẻ sĩ thì lấy cái thanh danh của những bậc có đức đời trước làm món ăn; nhà nông thì đem những ruộng nương của tổ tiên đã khai phá từ xưa để sinh sống; người đi buôn thì sửa sang lại những hàng hóa

mà người nhà đã mua sắm; người làm thợ thì dùng cái khuôn mẫu của ông cha để lại." Có rực rỡ nhộn nhịp là để làm cho ấp có danh tiếng. Người nào nếu làm trái, thì khi bước chân lên đỉnh này, ta thấy hổ thẹn cho họ lắm; Người nào thận trọng với điều trên, thì khi bước chân lên đỉnh này, ta thấy kính lắm, trọng lắm. Song người ta, ngoài mặt không giống nhau thì trong lòng cũng không giống nhau, cũng không phải như giống hươu nai[7] sao có thể cùng nhau tụ họp được. Cho nên, cái bất tất phải giống nhau mà giống nhau, thì lấy đạo lý mà ứng xử với nhau; chỗ không thường xuyên tụ tập mà tụ tập, thì lấy đức tính làm phép tắc. Thờ thần minh không lỗi đạo thành kính, thờ vua cha không lỗi đạo trung hiếu, ở gia đình thì làm người lương thiện, ở làng xóm làm người nết na, thẳng thắn mà không tranh giành, hòa nhã để cư xử với nhau. Khiến cho văn vật đời đời xương thịnh, khoa mục ngày càng khởi sắc, trở thành một làng "minh kha," một xóm "hội hiền." Đó là cái chủ ý làm đình của ấp ta. Vì vậy nên đặt tên cho ngôi đình là đình Tự Mục.[8]

Còn như về hình thế: Phía bắc chiếm được gò Tam Thai, phía tây kề sông Cửu Khúc, phía nam nhìn xuống đầm Bích Nguyệt, phía đông dãy núi rọi bóng chầu về, mùa xuân vào đám, mùa thu cầu yên, áo mũ rập rìu, pháo đốt nhạc hòa, quây quần tấp nập. Đó là cảnh sắc bốn mùa của đình này. Cho nên, ta có thể nói: "Trời đất là một toà nhà, mặt trời mặt trăng là đèn đuốc, núi sông là chái thềm. Người và vật đều là đồ dùng trong tòa nhà; cỏ cây là những vật mà đèn đuốc soi tới, phong cảnh là những vật trong chái thềm." Những thứ đó đâu phải chỉ có đình này có? Cũng đâu phải đợi ta nói tới!

CHÚ THÍCH:

1. *Truyện* nói, tức là lời nói của Trình Tử viết ở đầu sách *Trung dung*.

2. Kiều tức Vương Tử Kiều đắc đạo thành tiên.

Bành tức Bành Tổ sống 800 năm.

Khoa Phủ, nhân vật thần thoại cổ Trung Quốc, có sức khoẻ có thể chạy thi với mặt trời.

3. Tả tả (bên trái làng). Xưa quy định: Những người giầu sang thường ở bên hữu của

làng, người nghèo khó thì ở bên tả của làng.

Truyện Trần Thiệp trong *Sử ký* có chép việc bắt hơn 900 người ở Lư tả di thú ở Ngư Dương.

4. Nguyên là một trong bốn đức của quẻ Kiền (Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh), thì Nguyên đứng đầu và quan trọng nhất, vì từ đó bắt đầu sinh ra mọi vật. Nhưng muốn giữ được địa vị trọng yếu đó cần phải có ba đức kia.

5. Quật mồ, sách *Trang Tử* chép: Có hai nhà nho đi đào trộm mồ người giầu có để lấy một viên ngọc ở trong miệng, lại viện một câu thơ cổ, ý nói: Kẻ này sống không bố thí cho ai, chết còn ngậm hạt châu...

6. Họ Ban tức Ban Cố là sử gia đời Đông Hán.

7. Giống hươu nai: Con dực thường quần tụ bên con cái.

8. Tự Mục: Ngôi đình để tỏ tình hòa mục.

5. 范氏祠堂記

嘗聞：禮莫重於祀，祀莫重乎親。親也者親也。禮有祠堂以祀乎其先，其諸以明親親之義歟。

夫！自其始出之祖，以至于高曾祖考妣，世代有遠近，而本根一也。自其三年之歲，以至於期功袒免，等衰有隆殺，而血脈同也。是故祠堂之禮，陳其裳衣，薦其時食，於以報本反始者焉。序其昭穆，明其譜牒，於以敦倫序族者焉。凡皆孝子慈孫之所當爲也。

濃東范族，世有遠德，始祖考妣，恢拓仁厚，克篤其慶，生下先祖勝山侯，負千鈞之力，膺五等之封，堂堂信圭，肇啓建業。祖妣鄧氏禮簪義珥，有淑德之意焉。

八代祖考直志公，恬和居鄉邑，卓茂風標，祖妣杜氏，孝敬穆門庭，孟光態度。

七代祖考直德公，年踰耳順，齒德爲族黨之先，祖妣鄧氏，境邁含飴，慈祥裕兒孫之福。

六代祖考富豪男，醇厚起家於萬石，穀璧留芳，祖妣段氏儉勤比德於三盆，琚珩嗣美。

高祖考福靜公，蜚文聲於庠校，發輝之書派初榮，祖妣劉氏，正內教於清閨，培壅之善基增固。

曾祖直敬公，勤行職業，忠厚敦田畯之風，祖妣吳氏，恪守閨儀，義方得名家之訓。

祖考東嶺子，黑綬分司百里，杜母興歌，祖妣楊氏，彤管靜守三章，供姜溢頌。

顯考輝濤公，以翰墨儒流，守冰壺素節，居易行簡，標致沛乎有餘，以其陰騭，垂裕後昆。

此累世行狀之大略也，在禮祖宗之有功德者不遷。今參酌典禮，制祠堂三間，中間奉祀始祖，下逮富豪公，並爲世世不遷之祖。左邊奉祀福靜公，東嶺公，爲昭；右邊奉祀直敬公，輝濤公，爲穆，奕世之後，以次升祔于祖，昭穆左右，各依其序。旁親兄弟，時節配享，以厚本支。忌臘歸別祀，以辨宗派。

春秋烝嘗，歲時伏臘，登斯堂也，觀祖宗之積累，必思以繼述而光顯之，對昭穆之烹薦，必思以萃假而昭享之。書之立愛惟親。詩之孝思不匱。於是乎觀法，以上事祖考，下睦宗族，則親親之道得，穰穰之福至，而無窮之澤，直與膠水長流，同其悠久矣。遂爲之銘曰：

濃東范氏。

世篤行誼。

恫愊無華。

儒書不墜。

德厚流光。

子孫綿昌。

乃立祠堂。

以烝以嘗。

烝嘗伊何。

必誠必敬。

誠敬伊何。

禮守其正。

詔爾後人。

毋忘祖功。

奉先思孝。

百福是崇。

PHIÊN ÂM:

PHẠM THỊ TỪ ĐƯỜNG KÝ

Thường văn: Lễ mạc trọng ư tự, tự mạc trọng hồ thân. Thân dã giả thân dã. Lễ hữu từ đường dĩ tự hồ kỳ tiên, kỳ chư dĩ minh thân thân chi nghĩa dư?

Phù! Tự kỳ thủy xuất chi tổ, dĩ chí vu Cao Tằng Tổ Khảo Tỉ, thế đại hữu viễn cận, nhi bản căn nhất dã. Tự kỳ tam niên chi tuế, dĩ chí ư cơ công đản miễn, đẳng suy hữu long sát, nhi huyết mạch đồng dã. Thị cố từ đường chi lễ, trần kỳ thường y, tiến kỳ thời thực, ư dĩ báo bản phản thủy giả yên. Tự kỳ chiêu mục, minh kỳ phả điệp, ư dĩ đôn luân tự tộc giả yên. Phàm giai hiếu tử từ tôn chi sở đương vi dã.

Tương Đông Phạm tộc, thế hữu viễn đức, thủy tổ khảo tỉ, khôi thác nhân hậu, khắc đốc kỳ khánh, sinh hạ tiên tổ Thắng Sơn hầu, phụ thiên quân chi lực, ưng ngũ đẳng chi phong, đường đường tín khuê, triệu khải vĩ nghiệp. Tổ tỷ Đặng Thị lễ trâm nghĩa nhĩ, hữu thục đức chi ý yên.

Bát đại tổ khảo Trực Chí công, điềm hòa cư hương ấp, trác mậu

phong tiêu, tổ tỉ Đỗ Thị, hiếu kính mục môn đình, Mạnh Quang thái độ.

Thất đại tổ khảo Trực Đức công, niên du nhĩ thuận, xỉ đức vi tộc đảng chi tiên, tổ tỉ Đặng Thị, cảnh mại hàm di, từ tường dụ nhi tôn chi phúc.

Lục đại tổ khảo Phú Hào nam, thuần hậu khởi gia ư vạn thạch, cốc bích lưu phương, tổ tỉ Đoàn Thị kiệm cần tỉ đức ư tam bồn, cư hành tự mỹ.

Cao tổ khảo Phúc Tĩnh công, phỉ văn thanh ư tường hiệu, phát huy chi thư phái sơ vinh, tổ tỉ Lưu Thị, chính nội giáo ư thanh khuê, bồi ủng chi thiện cơ tăng cố.

Tằng tổ Trực Kính công, cần hành chức nghiệp, trung hậu đôn điền tuấn chi phong, tổ tỉ Ngô Thị, khác thủ khuê nghi, nghĩa phương đắc danh gia chi huấn.

Tổ khảo Đông Lĩnh tử, hắc thụ phân tư bách lý, Đỗ mẫu hưng ca, tổ tỉ Dương Thị, đồng quản Tĩnh thủ tam chương, Cung Khương dật tụng.

Hiển khảo Huy Đào công, dĩ hàn mặc nho lưu, thủ băng hồ tố tiết, cư dị hành giản, tiêu trí bái hồ hữu dư, dĩ kỳ âm chất, thùy dụ hậu côn.

Thử lũy thế hành trạng chi đại lược dã, tại Lễ tổ tông chi hữu công đức giả bất thiên. Kim tham chước điển Lễ, chế từ đường tam gian, trung gian phụng tự thủy tổ, hạ đãi Phú Hào công, tịnh vi thế thế bất thiên chi tổ. Tả biên phụng tự Phúc Tĩnh công, Đông Lĩnh công, vi chiêu; hữu biên phụng tự Trực Kính công, Huy Đào công, vi mục, dịch thế chi hậu, dĩ thứ thăng phụ vu tổ, chiêu mục tả hữu, các y kỳ tự. Bàng thân huynh đệ, thời tiết phối hưởng, dĩ hậu bản chi. Kị lạp quy biệt tự, dĩ biệt tông phái.

Xuân thu chưng thường, tuế thời phục lạp, đăng tư đường dã, quan tổ tông chi tích luỹ, tất tư dĩ kế thuật nhi quang hiển chi, đối chiêu mục chi huân cao, tất tư dĩ tuỵ hạ nhi chiêu hưởng chi. Thư chi lập ái duy thân. Thi chi hiếu tư bất quỹ. Ư thị hồ quan pháp, dĩ thượng sự tổ khảo, hạ mục tông tộc, tắc thân thân chi đạo đắc, nhương nhương chi phúc chí, nhi vô cùng chi trạch, trực dữ giao thủy trường lưu, đồng kỳ du cửu hĩ. Toại vi chi minh viết:

Tương Đông Phạm Thị,

Thế đốc hành nghị.

Khổn bức vô hoa,

Nho thư bất trụy.

Đức hậu lưu quang,
Tử tôn miên xương.
Nãi lập từ đường,
Dĩ Chưng dĩ Thường.

Chưng Thường y hà,
Tất thành tất kính.
Thành kính y hà,
Lễ thủ kỳ chính.

Chiếu nhĩ hậu nhân,
Vô vong tổ công.
Phụng tiên tư hiếu,
Bách phúc thị sùng.

DỊCH NGHĨA:

BÀI KÝ TỪ ĐƯỜNG HỌ PHẠM

Từng nghe: Lễ không gì quan trọng bằng tế tự, tế tự không gì quan trọng hơn thờ đấng thân. Thân là thân thiết. Cho nên, theo lễ phải có từ đường để thờ cúng gia tiên, việc làm đó há chẳng phải là để tỏ cái nghĩa thân thiết với đấng thân đó sao?

Ôi! Từ cụ tổ khởi đầu, cho đến các vị Cao, Tằng, Tổ, Khảo, Tỉ, đời dẫu có xa gần, mà gốc thì chỉ là một. Từ cái tang ba năm, cho tới cái tang sáu tháng, hoặc không phải để tang, chỉ truồng đầu xõa tóc, sự thương buồn có tăng giảm, mà huyết mạch thì vẫn cùng. Cho nên, sự tế lễ ở từ đường, sắp đặt mũ áo, dâng tiến mùa nào thức ấy, là để tỏ lòng báo đáp lại nơi nguồn gốc, bầy hàng Chiêu hàng Mục,[1] rõ ràng thế phả là để hậu cho luân lý gia tộc, phàm những con hiếu cháu hiền cần phải như thế.

Họ Phạm ở Tương Đông,[2] đời xưa vẫn có ơn đức, các vị thủy tổ khảo tỉ, mở mang nhân hậu, làm rạng phúc nhà, sinh hạ đấng tiên tổ là Thắng Sơn hầu, có sức khoẻ mang nổi nghìn cân, được phong tước vào hàng ngũ đẳng,[3] đàng hoàng hốt ngọc, xây dựng nghiệp lớn. Tổ bà người

họ Đặng, lấy lễ làm trâm cài, dùng nghĩa làm khuyên đeo, có đức thuần thục.

Cụ tổ khảo tám đời là Trực Chí công, cư xử với hàng xóm điềm đạm hòa nhã, phong cách cao thượng; tổ bà họ Đỗ xử việc nhà hiếu kính, có tính nết như bà Mạnh Quang.[4]

Cụ tổ khảo bảy đời là Trực Đức công, tuổi quá sáu mươi, tuổi tác cũng như đức hạnh đứng đầu trong họ; tổ bà họ Đặng vui cảnh hàm di[5] bụng dạ hiền lành để phúc cho con cháu.

Cụ tổ khảo sáu đời là Phú Hào nam, là thuần hậu gây dựng nên nghiệp nhà, thóc lúa nhiều tới vạn thạch, tiếng tăm lừng lẫy cầm ngọc cốc bích[6] để lại dấu thơm; tổ bà họ Đoàn, có đức cần kiệm, sánh với tam bồn,[7] đeo ngọc cư hành[8] nối những tiếng tốt.

Cụ Cao tổ khảo (tổ 5 đời) là Phúc Tĩnh công, nổi tiếng văn chương ở trường tỉnh, phát huy được nguồn phái thi thư, khởi đầu sự vinh hiển; tổ bà họ Lưu, chấn chỉnh giáo hóa ở khuê phòng, bồi đắp nền thiện thêm vững chắc.

Cụ Tằng tổ khảo (tổ 4 đời) là Trực Kính công, cần cù chăm chỉ, là một nhà nông trung hậu; tổ bà họ Ngô, kính giữ lễ nghi phép tắc chốn khuê phòng, chí hướng hợp với lời dậy bảo của các bậc danh gia vọng tộc.

Cụ Tổ khảo (tổ 3 đời) là Đông Lĩnh tử, đeo đai đen, nắm quyền coi giữ trăm dặm, được ca ngợi như bà mẹ họ Đỗ[9]; tổ bà họ Dương, đức hạnh như thơ Tĩnh nữ, sánh cùng nàng Cung Khương.[10]

Hiển khảo (bố đã mất) là Huy Đào công, vì dòng dõi bút nghiên, nên giữ tiết tháo trong sạch, nơi ở đơn sơ, làm việc không câu nệ, phong thái, tính tình khí khái, để lại phúc ấm cho con cháu.

Đó là kể qua hành trạng các đời, theo Lễ, tổ tông mà có công đức, thì miếu thờ không di dịch. Nay tham chước trong Lễ làm ba gian từ đường, gian giữa thờ cụ thủy tổ, dưới thờ Phú Hào công, và các vị tổ đời đời không thiên đổi. Gian bên tả thờ Phúc Tĩnh công, Đông Lĩnh công, là hàng chiêu; gian bên hữu, thờ Trực Kính công, Huy Đào công, là hàng mục, đời đời sau cứ theo thứ tự mà phụ theo tiên tổ, hàng tả chiêu hay hữu mục cứ y thứ tự. Các anh em họ hàng thân thuộc, theo tuần tiết được phối hưởng, thể hiện sự đối đãi nồng hậu của bản chi. Gặp kỵ lạp thì về nơi thờ riêng, để phân biệt dòng phái.

Hàng năm những tiết: Tế xuân, cơm mới, tam phục và tuần chạp, chân bước lên từ đường này, xem thấy công nghiệp tích luỹ của tổ tiên,

phải nghĩ sao nối đời cho thêm vẻ vang, thắp nén hương ở hàng chiêu, hàng mục, tất phải mong sao tiền linh tụ họp mà về hâm hưởng cho. *Kinh Thư* có câu: "Tạo dựng niềm tin yêu duy trước hết đối với người thân," *Kinh Thi* có câu: "Nghĩ đến điều hiếu phải không để thiếu sót." Thế là khuôn phép tắc, để trên thì phụng thờ tổ khảo, dưới thì hòa thuận họ hàng, thì đạt tới cái đạo thân thân (thân với người thân), cái phúc đầy rẫy sẽ đưa tới, mà nguồn ơn trạch vô cùng, sẽ cùng dòng nước sông Giao mà lâu dài vậy. Bèn làm bài minh rằng:

Họ Phạm ở Tương Đông,
Hạnh nghĩa vẫn dốc lòng.
Thành thật không hoa mĩ,
Chẳng hổ nếp nho phong.

Đức dầy truyền vẻ sáng,
Cháu chắt ắt phồn xương.
Nhà thờ nhân mới lập,
Lễ Chưng và lễ Thường.

Chưng, Thường lễ thế nào?
Cốt phải thành và kính.
Thành kính lòng thế nào?
Giữ lễ cho trung chính.

Khuyên người kế tiếp sau,
Chớ quên công cha ông!
Phụng thờ nhớ điều hiếu,
Trăm phúc đến trùng trùng.

CHÚ THÍCH:

1. *Chiêu* là sáng tỏ; *mục* là hoà nhã, cứ cha ở hàng *chiêu* thì con phải ở hàng *mục*, để phân biệt thứ tự cha con cho khỏi rối loạn (*Chu Lễ* chú).

2. Tương Đông, trước kia thuộc huyện Nam Chân, tỉnh Nam Định. Sau vì sông Hồng lở, một nửa làng di dời vào trong, một nửa làng di sang bên bắc sông thuộc huyện Thư Trì,

tỉnh Thái Bình, mới từ đầu đời Nguyễn.

3. Ngũ dẳng là tước: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam.

4. Mạnh Quang là vợ Lương Hồng đời Hán, có đức hạnh cao nhã.

5. Hàm di, là ngậm bánh ngọt mớm cho cháu. Đời Hán Chương Đế, gặp năm đại hạn, vua muốn phong tước cho các cậu là anh em bên mẹ, Mã Thái Hậu là mẹ không đồng ý, nói: Nay nước dương tai họa mà vội phong tước cho họ ngoại, rất trái ngược với bản ý của ta. Đợi khi nào âm dương điều hòa, sẽ thi hành việc đó, bấy giờ ta chỉ ngậm bánh ngọt mớm các cháu, không phải quan tâm tới việc nước nữa.

6. Tiếng tăm lừng lẫy (Cốc bích lưu phương): Cốc bích thứ ngọc của tước Tỷ đeo khi vào chầu vua.

7. Tam bồn, ba lần khoả tay vào chậu để ươm tơ rút sợi. *Lễ ký:* Bà phu nhân ba lần khoả tay vào chậu ươm để rút sợi ra.

8. Ngọc cư hành, thứ ngọc dàn bà thường đeo.

9. Đời Hán Quang Vũ có Đỗ Thi làm Thái thú quận Nam Dương, có chứng tích tốt, dân khen là Đỗ mâu (mẹ họ Đỗ). Đây Lĩnh tử cũng làm quan nên đem để so sánh .

10. *Kinh Thi* thiên *Bội phong*, thơ *Tĩnh nữ*, chương 2: "Tĩnh nữ kì luyến, di ngã đồng quản, đồng quản hữu vĩ, duyệt dịch mĩ nữ." Nghĩa là: "Cô gái thuần nhã khá đẹp, cho ta chiếc ống sơn đỏ, ống sơn đỏ có vẻ đẹp rực rỡ, ta yêu cô gái đẹp ấy." Đây là thơ trai gái gặp gỡ nhau. Ngô Thì Nhậm cho là thơ của bà Cung Khương là sai.

Cung Khương chồng là Cung Bá thế tử nước Vệ mất sớm, bà thề không tái giá, nhân đó làm thơ *Bách châu* để tỏ chí của mình.

6. 阮族祠堂譜記

左青威阮族，其先潮曲來也。自漁隱公卜遷此土，傳十二世，至雙玉公，登景興甲戌科進士。中間衣冠不絕，迨公科途宦業，乃顯于世，爲人純粹精白，孝友慈愛，風度如和風慶雲，即之也溫，鄉里宗族，咸以活佛誦之。

公沒未幾，家道寒約，祠堂圮壞，子弟遊學四方，遭惟板蕩，其譜牒亦散漫無徵。公某舅也，某深惟外家中否，感愴不寧。嘗見外祖於夢。乃求譜而謀祀，得一遺編於次白阮玾所藏，世次臚列，名號無舛，將築壇而碑之故址。筮得蹇卦，六爻俱靜，其辭曰：蹇利西南，不利東北，利見大人，貞吉。某潛玩彖辭，感外家之靈

未泯也，喜外家之澤未艾也。遂止壇議，規建屋，使雙玉公之次子俊，暫居監守，以待公之長子覽歸。乃編譜付俊，並錄忌諱日月，照常伏臘，不改其朔。

夫運有推移，會有盛晚，推移者理也，盛晚者時也，君子察其理以知時，故不敢先時而彊爲，亦不敢悖理而傷道。自復而臨，臨而泰泰而垢，垢而又至於復，更迭十二月，周流二十四氣，天猶不能暴爲之，而況於人乎。此義先進於復論之詳矣。外家今日，其剝之終而復之始也。剝復之間，厥生爲屯，在行爲蹇。是以筮而得蹇，然蹇者履之基，泰之階也。雙玉公必有後，其後必昌。今山藩阮文玾是其後。某不知其當在公之子若孫，及其曾玄，有能恢拓此門閭，光大此廟庭，以應夫蹇之利且吉者。

方今處蹇，當思西南之爲義，西南平易之方也。易曰：易簡之理得。故有功有親，有親可久，有功可大。凡我外族，皓髮兒齒，承先祖之蔭，當思衍先祖之蔭，穆淳風，敦素業，守常，居平，以俟夫時。致於裳衣鼎俎之奉，軒駟珂笏之昌，有山影照，有水縈迴，此吾風土之無所私也。壬子冬外孫某恭記。

PHIÊN ÂM:

NGUYỄN TỘC TỪ ĐƯỜNG PHẢ KÝ

Tả Thanh Oai Nguyễn tộc, kỳ tiên Triều Khúc lai dã. Tự Ngư Ẩn công bốc thiên thử thổ, truyền thập nhị thế, chí Song Ngọc công, đăng Cảnh Hưng Giáp Tuất khoa Tiến sĩ. Trung gian y quan bất tuyệt, đãi công khoa đồ hoạn nghiệp, nãi hiển vu thế, vi nhân thuần túy tinh bạch, hiếu hữu từ ái, phong độ như hòa phong khánh vân, tức chi dã ôn, hương lý tông tộc, hàm dĩ hoạt phật tụng chi.

Công một vị cơ, gia đạo hàn ước, từ đường tị hoại, tử đệ du học tứ phương, tào duy bản đãng, kỳ phả điệp diệc tán mạn vô trưng. Công mỗ cữu dã, mỗ thâm duy ngoại gia trung bĩ, cảm thương bất ninh. Thường kiến ngoại tổ ư mộng. Nãi cầu phả nhi mưu tự, đắc nhất di biên ư thứ cữu

Nguyễn Giáp sở tàng, thế thứ lô liệt, danh hiệu vô suyễn, tương trúc đàn nhi bi chi cố chỉ. Phệ đắc Kiển quái, lục hào câu tĩnh, kỳ từ viết: "Kiển lợi tây nam bất lợi đông bắc, lợi kiến đại nhân, trinh cát." Mỗ tiềm ngoạn thoán từ, cảm ngoại gia chi linh vị dẫn dã, hỉ ngoại gia chi trạch vị ngải dã. Toại chỉ đàn nghị, quy kiến ốc, sử Song Ngọc công chi thứ tử Tuấn tạm cư giám thủ, dĩ đãi công chi trưởng tử Lãm quy. Nãi biên phả phó Tuấn, tịnh lục kỳ huý nhật nguyệt, chiếu thường phục lạp, bất cải kỳ sóc.

Phù! Vận hữu suy di, hội hữu thịnh vãn, suy di giả lý dã, thịnh vãn giả thời dã, quân tử sát kỳ lý dĩ tri thời, cố bất cảm tiên thời nhi cưỡng vi, diệc bất cảm bột lý nhi thương đạo. Tự Phục nhi Lâm, Lâm nhi Thái, Thái nhi Cấu, Cấu nhi hựu chí ư Phục, canh điệt thập nhị nguyệt, chu lưu nhị thập tứ khí, thiên do bất năng bạo vi chi, nhi huống ư nhân hồ. Thử nghĩa tiên tiến ư Phục luận chi tường hĩ. Ngoại gia kim nhật, kỳ Bác chi chung nhi Phục chi thủy dã. Bác Phục chi gian, quyết sinh vi Truân, tại hành vi Kiển. Thị dĩ phệ nhi đắc Kiển, nhiên Kiển giả Lý chi cơ, Thái chi giai dã. Song Ngọc công tất hữu hậu, kỳ hậu tất xương. (Kim sơn phiên Nguyễn Văn Giáp thị kì hậu). Mỗ bất tri kỳ đương tại công chi tử nhược tôn, cập kỳ tằng huyền, hữu năng khôi thác thử môn lư, quang đại thử miếu đình, dĩ ứng phu Kiển chi Lợi thả Cát giả.

Phương kim xử kiển, đương tư tây nam chi vi nghĩa, tây nam bình dị chi phương dã. Dịch *viết: Dị giản chi lý đắc. Cố hữu công hữu thân, hữu thân khả cửu, hữu công khả đại. Phàm ngã ngoại tộc, hạo phát nhi xỉ, thừa tiên tổ chi ấm, đương tư diễn tiên tổ chi ấm, mục thuần phong, đôn tố nghiệp, thủ thường, cư bình, dĩ sĩ phù thời. Chí ư thường y đỉnh trở chi phụng, hiên tứ kha hốt chi xương, hữu sơn ảnh chiếu, hữu thủy oánh hồi, thử ngô phong thổ chi vô sở tư dã.*

Nhâm Tý đông ngoại tôn mỗ cung ký.

DỊCH NGHĨA:

PHẢ KÝ TỪ ĐƯỜNG HỌ NGUYỄN

Họ Nguyễn ở làng Tả Thanh Oai, do tiên tổ ở xã Triều Khúc tới. Bắt đầu từ Ngư Ẩn công xem đất dời đến vùng này, truyền 12 đời đến Song Ngọc công, đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1754) triều Lê Cảnh Hưng.[1] Trước kia mấy đời giữa, mũ áo vẫn liên tiếp, tới ông thì đường khoa lối hoạn mới hiển hách với đời. Tính ông thuần túy trong sạch, hiếu thuận từ

ái, phong độ vẫn như gió hòa mây lành, rất là ôn tồn, họ hàng làng xóm ai nấy đều khen là "bụt sống."

Sau khi ông mất chưa được bao lâu, đạo nhà nghèo sút, từ đường đổ nát, các con em du học nơi xa, gặp đời loạn lạc, gia phả cũng bị tản mát, không còn chứng cứ. Song Ngọc công tức là cậu tôi, nghĩ tới gia đình họ ngoại, trung gian gặp vận bĩ, tôi vẫn bùi ngùi trong dạ không yên. Đôi khi được gặp ông ngoại trong giấc mộng. Nhân mới tìm kiếm thế phả, để mưu tính việc thờ cúng, được một bản cũ, do ông cậu là Nguyễn Giáp giữ được, thứ tự các đời, tên tự, tên hiệu, không sai suyển, bèn đắp đàn, dựng bia trên nền cũ. Lại bói được quẻ Kiển, cả sáu hào đều yên tĩnh, lời rằng: "Kiển, lợi tây nam, bất lợi đông bắc, lợi kiến đại nhân, trinh cát"(Gặp lúc gian hiểm, phương tây nam thì có lợi, phương đông bắc thì bất lợi. Lợi được thấy bậc đại nhân, cứ trinh chính thì tốt). Tôi xem kỹ lời thoán,[2] cảm thấy sự linh thiêng bên ngoại, chưa đến nỗi mai một; mừng phúc trạch của họ ngoại chưa đến nỗi điêu tàn. Bèn thôi việc đắp đàn mà xây thành nhà, để con trai thứ của Song Ngọc công là Tuấn tạm ở trông coi, để đợi người con trưởng là Lãm trở về. Bèn chép phả giao cho Tuấn, và kê những ngày tháng húy kỵ, cứ theo tuần tiết, không đổi sóc vọng.

Ôi! Vận có thay đổi, hội có thịnh suy, thay đổi là lý, thịnh suy là thời, người quân tử suy xét cái lý để rõ cái thời, cho nên không dám miễn cưỡng mà làm trước thời cơ, cũng không trái lý mà làm hại đạo. Từ quẻ Phục rồi quẻ Lâm, quẻ Lâm rồi quẻ Thái, quẻ Thái rồi quẻ Cấu, quẻ Cấu rồi lại quẻ Phục,[3] thay đổi 12 tháng, vòng quanh 24 khí,[4] trời còn không thể làm ẩu được, huống chi người ta ư! Nghĩa đó trước hết tiến từ quẻ Phục, đã bàn bạc rõ ràng. Họ ngoại ta hiện đứng vào giữa cuối quẻ Bác, đầu quẻ Phục. Khoảng giữa quẻ Bác và quẻ Phục, thành ra quẻ Truân, mà làm thì ra quẻ Kiển. Thế nên bói mà được quẻ Kiển, thì Kiển là nền cho quẻ Lý, là bậc thềm cho quẻ Thái. Song Ngọc công tất có dòng dõi kế tiếp sau, dòng dõi kế tiếp sau tất thịnh vượng vậy.[5] Không biết hiện con cháu ông, đến chút chít của ông có thể khôi phục lại nền nếp cũ, làm rạng rỡ nơi miếu đình, để hợp với chữ Lợi chữ Cật (cát) của quẻ Kiển?

Nay đương xử vào cảnh ngộ quẻ Kiển, nên nghĩ tới cái nghĩa của phương tây nam, tây nam là một phương bằng phẳng dễ dàng. *Kinh Dịch*

có câu: "Cái lý dễ dàng đơn giản đã đạt được," cho nên có công thì có thân, có thân thì có thể trường cửu, có công thì có thể quảng đại. Những bà con họ ngoại ta, nào già nào trẻ, thừa hưởng phúc ấm tổ tiên, nên nghĩ sao kéo dài mãi phúc ấm tổ tiên, giữ thói thuần, noi nghiệp cũ, cư xử bình thường, để đợi thời cơ. Đến như mũ cao áo dài, chuông khua vạc nấu để phụng sự, xuống ngựa lên xe, hèo hoa hốt bạc mới lộng lẫy, thì đã có bóng núi soi, có dòng nước lượn, đó là phong thổ của làng ta, không của riêng ai!

Mùa đông năm Nhâm Tý (1792).

Cháu ngoại mỗ, kính ghi.

CHÚ THÍCH:

1. *Đăng khoa lục*: Năm Cảnh Hưng thứ 15 Giáp Tuất (1754) Nguyễn Công Lý quán làng Tả Thanh Oai, tuổi 33 đỗ Đình nguyên tiến sĩ. Quan tới Đốc thị.

2. Thoán là lời của Khổng Tử giải thích mỗi quẻ trong *Kinh Dịch*.

3. Hậu nho đem 12 quẻ trong *Kinh Dịch* để phối 12 tháng: Phục là tháng 11, Lâm là tháng 12, Thái tháng 1, Tráng tháng 2, Quải tháng 3, Kiền tháng 4, Cấu tháng 5, Độn tháng 6, Bĩ tháng 7, Quan tháng 8, Bác tháng 9, Khôn tháng 10.

4. Mỗi năm có 24 khí (tiết), tháng giêng: Lập xuân, vũ thủy; tháng 2: Kinh trập, xuân phân; tháng 3: Thanh minh, cốc vũ; tháng 4: Lập hạ, tiểu mãn; tháng 5: Mang chủng, hạ chí; tháng 6: Tiểu thử, đại thử; tháng 7: Lập thu, thử thử; tháng 8: Bạch lộ, thu phân; tháng 9: Hàn lộ, sương giáng; tháng 10: Lập đông, tiểu tuyết; tháng 11: Đại tuyết, đông chí; tháng 12: Tiểu hàn, đại hàn.

5. Nguyên chú (người sau chú thích): Nguyễn Văn Giáp giữ chức Phiên sứ tỉnh Sơn Tây, là con cháu. Tra *Đăng khoa lục:* Năm Tự Đức 17 Giáp Tý (1864) trường Hà Nội Nguyễn Văn Giáp quán làng Tả Thanh Oai đỗ cử nhân thứ 8. Quan tới Bố chính Sơn Tây.

7. 金蘭約記

古人有言，大信不約，金蘭之言，何待約？約也者反說約之約，非要約之約也。吾儕三人，同里閈，同科第，同契譜，中間出處語默，所遇不同，然其所同者，則吾儕自知之。里閈科第契譜之同，又其粗跡者也。詎非所不同者博，而所同者約歟。約言之。

一爲竹林禪師。

一爲左溪大士。

一爲青峰遊禪。

爲禪者，愛根未斷，故修夫禪；爲士者俗障未澄，故修夫士。吾儕同求入於無餘涅槃，與所謂古之人及其不可傳者死焉，而無他好矣。此吾儕之反說約處。又欲說說以夫吾之徒，遂相與卜吾邑下流之山而居之。君子之所惡居，吾儕乃要居焉。是將以萃吾爲禪爲士之精神。若曰下流人可與居下流山云耳。子不云乎，“慮以下人”，下者安，安者永，因名之曰：永安山。二人同心，其利斷金，同心之言，其臭如蘭。他日吾儕並遊，可顏之曰：金蘭祠，使後人知吾之不同，又當知吾之同處也。

PHIÊN ÂM:

KIM LAN ƯỚC KÝ

Cổ nhân hữu ngôn, đại tín bất ước, Kim lan chi ngôn, hà đãi ước? Ước dã giả phản thuyết ước chi ước, phi yếu ước chi ước dã. Ngô sài tam nhân, đồng lý hãn, đồng khoa đệ, đồng khế phả, trung gian xuất xử, ngữ mặc, sở ngộ bất đồng, nhiên kì sở đồng giả tắc ngô sài tự tri chi. Lý hãn khoa đệ khế phả chi đồng, hựu kỳ thô tích giả dã. Cự phi sở bất đồng giả bác, nhi sở đồng giả ước dư. Ước ngôn chi:

Nhất vi Trúc Lâm thiền sư.

Nhất vi Tả khê đại sĩ.

Nhất vi Thanh phong du thiền.

Vi thiền giả ái căn vị đoạn, cố tu phu thiền; vi sĩ giả tục chướng vị trừng, cố tu phu sĩ. Ngô sài đồng cầu nhập ư vô dư Niết bàn, dữ sở vị cổ chi nhân cập kỳ bất khả truyền giả tử yên, nhi vô tha hảo hĩ. Thử ngô sài chi phản thuyết ước xứ. Hựu dục thuyết thuyết dĩ phu ngô chi đồ, toại tương dữ bốc ngô ấp hạ lưu chi sơn nhi cư chi. Quân tử chi sở ố cư, ngô sài nãi yếu cư yên. Thị tương dĩ tụy ngô vi thiền vi sị chi tinh thần. Nhược viết hạ lưu nhân khả dữ cư hạ lưu sơn vân nhĩ. Tử bất vân hồ, “lự dĩ hạ nhân,” hạ giả an, an giả vĩnh, nhân danh chi viết: Vĩnh An sơn. Nhị nhân đồng tâm, kỳ lợi đoạn kim, đồng tâm chi ngôn, kỳ xú như lan. Tha nhật

ngô sài tịnh du, khả nhan chi viết: Kim Lan từ, sử hậu nhân tri ngô chi bất đồng, hựu đương tri ngô chi đồng xứ dã.

DỊCH NGHĨA:

GHI LỜI HẸN ƯỚC KIM LAN[1]

Người xưa có nói: "Đã đại tín thì không phải hẹn ước," thế thì lời của Kim lan sao phải đợi hẹn ước? Ước đó là trái với cái nghĩa chữ ước trong thuyết ước, không phải là cái nghĩa chữ ước nói trong yếu ước. Bọn ta ba người cùng làng xã, cùng khoa bảng, cùng khế phả, trung gian xuất hay xử, nói ra hay yên lặng, cảnh ngộ không giống nhau, nhưng cái chỗ giống nhau thì bọn ta đều biết. Biết sự giống nhau là ở chỗ cùng làng xã, cùng khoa bảng, cùng khế phả, và đều cùng có sự khởi đầu rất đơn giản vậy. Đó há chẳng phải cái chỗ không giống nhau là nhiều, mà chỗ giống nhau là ít đấy sao? Lời hẹn ước rằng:

Một làm Trúc Lâm thiền sư.

Một làm Tả khê đại sĩ.

Một làm Thanh phong du thiền.

Làm thiền là vì cái căn chưa dứt, cho nên phải tu thiền; làm sĩ là vì tục chướng chưa trong sạch, cho nên phải tu sĩ. Bọn ta cùng mong vào tới cõi Vô dư niết bàn,[2] cùng với cái gọi là người thiên cổ, nghĩa là khi không thể truyền được thì chết, mà không có điều gì tốt hơn thế. Đó là cái chỗ trái với thuyết ước của chúng ta. Lại muốn nói, nói về bọn ta, bọn ta đã cùng tìm được trái núi ở hạ lưu ấp ta để ở. Người quân tử thì ghét ở đó, bọn ta thì cần ở đó, là muốn để tập trung cái tinh thần làm thiền, làm sĩ của ta. Cũng như bảo là người hạ lưu có thể ở cùng với núi dưới hạ lưu vậy thôi. Khổng Phu Tử há chẳng nói: "Lự dĩ hạ nhân" (Lo cho người ở dưới) thì dưới yên, yên thì lâu dài, nhân cho tên là "Vĩnh An sơn" (quả núi được yên ổn lâu dài). Hai người cùng một lòng, thì sự sắc bén của nó chặt được vàng; lời nói cùng một lòng, cái hương vị của nó thơm như hoa lan.[3] Ngày khác bọn ta cùng đến chơi, có thể đặt tên là "Kim Lan từ" (ngôi đền Kim Lan), khiến cho người sau hiểu chỗ không giống nhau của ta, lại nên hiểu chỗ tương đồng của ta nữa.

CHÚ THÍCH:

1. 3: Chữ ở hệ từ *Kinh Dịch*.

2. *Kinh Phật:* Ngoài vòng luân hồi gọi là Niết bàn (nirvana) tức là bất sinh bất diệt.

8. 太原地形兵情賊勢記。

太原地勢，自定化州以東，山一層高一層，溪水盡流東，林樹密水惡。自大蠻州（屬宣光鎮)以西，山一層低一層，溪水盡流西，林樹密，水良。自送星降平隴下嫩洪（大慈縣）三島 一條，山甚高，軍行上平隴山嶺，下琅煙山，入宣光。行程以太原居巽，指宣光大蠻庚酉方，河陽聚龍稍轉乾亥方，眞是掛旆 天山。其山 秀無樹木，四望甚寬闊。至暄河，即襟河，上通崑崙河，下合 三岐江，太原彼油發源。渡軍此河，見砂浮急流，亦有趣致。

過大蠻抵渭川州，山溪實爲險峻，自平衡以上，每上一高山，其下即有三數重山環列如石郭。林深不見天日，在處皆可埋伏，使賊於山上，或林中，發射一聲，掛旗一葉，雖彼無甚從眾， 官軍亦未敢輕進也。

仰賴洪福，鼓行如入無人，敏奏膚功，實爲大幸。

承查地方民情，皆爲逆演勢脅，非樂從賊，故魚爛至此。

今其軍民，已易別管，聚龍諸客人，苦被逆演抑寫領債文字，既寫受債，又抑令爲匪，始除其債爲糧，客人甚怨。

今他奔遁，得免債還，爭就大軍，乞領招集文憑，尋殺逆演。他雖偷生，亦無能爲也。

各道凱旋，他必來降掌府官。但前他隻身入林，無人尋得。惟衛蓮知他去向，亦不肯言。攜他降必在衛蓮。但於事定之後， 他始敢出面耳，倣大意不過如此。然及今他當奔竄，尋得蹤跡，或拎或殺，即賞格具在，黃顯寧所乞，亦爲一計，不可泯擲也。

PHIÊN ÂM:

THÁI NGUYÊN ĐỊA HÌNH BINH TÌNH TẶC THẾ KÝ

Thái Nguyên địa thế, tự Định Hóa châu dĩ đông, sơn nhất tằng cao nhất tằng, khê thủy tận lưu đông, lâm thụ mật thủy ác. Tự Đại Man châu (thuộc Tuyên Quang trấn) dĩ tây, sơn nhất tằng đê nhất tằng, khê thủy tận lưu tây, lâm thụ mật, thủy lương. Tự Tống Tĩnh giáng Bình Lũng hạ Nộn Hồng (Đại Từ huyện) Tam Đảo nhất điều, sơn thậm cao, quân hành thướng Bình Lũng sơn đỉnh, há Lương Yên sơn, nhập Tuyên Quang. Hành trình dĩ Thái Nguyên cư Tốn, chỉ Tuyên Quang Đại Man Canh Dậu phương, Hà Dương Tụ Long sảo chuyển Càn Hợi phương, chân thị quải bái thiên sơn. Kỳ sơn tú vô thụ mộc, tứ vọng thậm khoan khoát. Chí Huyên hà, tức Khâm hà, thượng thông Côn Lôn hà, hạ hợp Tam Kỳ giang, Thái Nguyên Bể Dầu phát nguyên. Độ quân thử hà, kiến giáp phù cấp lưu, diệc hữu thú trí.

Quá Đại Man để Vị Xuyên châu, sơn khê thực vi hiểm tuấn, tự Bình Hành dĩ thượng, mỗi thượng nhất cao sơn, kỳ hạ tức hữu tam sổ trùng sơn hoàn liệt như thạch quách. Lâm thâm bất kiến thiên nhật, tại xứ giai khả mai phục, sử tặc ư sơn thượng, hoặc lâm trung, phát xạ nhất thanh, quải kỳ nhất diệp, tuy bỉ vô thậm tòng chúng, quan quân diệc vị cảm khinh tiến dã.

Ngưỡng lại hồng phúc, cổ hành như nhập vô nhân, mẫn tấu phu công, thực vi đại hạnh.

Thừa tra địa phương dân tình, giai vi nghịch Diễn thế hiếp, phi lạc tòng tặc, cố ngư lạn chí thử .

Kim kỳ quân dân, dĩ dị biệt quản, Tụ Long chư Khách nhân, khổ bị nghịch Diễn ức tả lĩnh trái văn tự, ký tả thụ trái, hựu ức lệnh vi phỉ, thủy trừ kỳ trái vi lương, Khách nhân thậm oán.

Kim tha bôn độn, đắc miễn trái hoàn, tranh tựu đại quân, khất lĩnh chiêu tập văn bằng, tầm sát nghịch Diễn. Tha tuy thâu sinh, diệc vô năng vi dã.

Các đạo khải tuyển, tha tất lai hàng Chưởng phủ quan. Đãn tiền tha chích thân nhập lâm, vô nhân tầm đắc. Duy Vệ Liên tri tha khứ hướng, diệc bất khẳng ngôn. Huề tha hàng tất tại Vệ Liên. Đãn ư sự định chi hậu, tha thủy cảm xuất diện nhĩ, phỏng đại ý bất quá như thử. Nhiên

cập kim tha đương bôn xoán, tầm đắc tông tích, hoặc cầm hoặc sát, tức thưởng cách cụ tại, Hoàng Hiển Ninh sở khất, diệc vi nhất kế, bất khả dẫn trịch dã.

DỊCH NGHĨA:

GHI VỀ: THẾ LỰC ĐỊCH, TÌNH TRẠNG QUÂN ĐỘI, ĐỊA HÌNH ĐẤT ĐAI Ở TRẤN THÁI NGUYÊN

Địa thế ở Thái Nguyên, từ châu Định Hóa về đông, núi cứ mỗi tầng lại cao lên một tầng; nước suối thì đổ hết về đông, rừng sâu nước độc. Từ châu Đại Man (thuộc trấn Tuyên Quang) về tây, núi cứ mỗi tầng lại thấp một tầng; nước suối đổ hết về tây, rừng rậm nước lành. Từ dãy Tống Tinh xuống Bình Lũng tới Non Hồng (huyện Đại Từ) và Tam Đảo, một dải núi rất cao, quân đi lên đỉnh ngọn Bình Lũng, xuống núi Lương Yên thì vào Tuyên Quang. Đi đường phải lấy Thái Nguyên ở phương Tốn (đông nam), chỉ sang châu Đại Man ở Tuyên Quang là phương Canh Dậu (tây); châu Tụ Long ở Hà Giang hơi chuyển về phương Kiền Hợi (tây bắc). Thật là kiểu đất "Treo cờ trên ngọn núi cao ngất trời."[1] Núi non xinh đẹp, cây cỏ không mọc, trông bốn mặt rất quang đãng. Đi tới sông Huyên Hà tức sông Gâm, trên thì tiếp sông Côn Lôn, chảy xuống thì hợp vào sông Tam Kỳ, do phát nguồn từ sông Bể Dầu ở Thái Nguyên. Quan quân qua sông này, thấy những tảng đá lộ lên ở giữa dòng nước chảy mạnh, rất thú vị.

Qua Đại Man tới châu Vị Xuyên, sông núi thật là hiểm trở, từ Bình Hành trở lên, mỗi khi lên một ngọn núi cao, thì ở dưới có những dẫy núi quanh vòng hai ba lần như chiếc quách bằng đá. Rừng thì sâu, không trông thấy mặt trời, nơi nào cũng có thể mai phục được, nếu giặc ở trên núi hay ở giữa rừng, bắn một phát súng, treo một lá cờ, tuy bọn chúng không đông, quan quân cũng không dám coi nhẹ mà vội tiến.

Ngửa trông phúc lớn nhà vua, trống nổ dồn, quân xông lên, như vào chỗ không có người, tâu công chiến thắng mau chóng, thật là may mắn.

Tôi thừa lệnh điều tra tình hình dân địa phương, thấy đều do thế của nghịch Diễn bức hiếp, chứ không phải vui theo, cho nên cá nát đến như vậy.[2]

Nay quân dân đó đã thay người cai quản khác, những người Khách[3] ở mỏ Tụ Long khổ về nỗi bị tên nghịch Diễn bức phải viết văn tự

vay nợ, đã viết văn tự chịu nợ rồi, lại bắt phải theo làm giặc, thì mới trừ số nợ đó để làm lương ăn, người Khách rất là thù oán.

Nay những người Khách chạy trốn, cho khỏi phải trả nợ, tranh nhau tới đại quân ta, xin trình tờ văn bằng đi chiêu tập, để giết nghịch Diễn. Bọn đó dẫu sống một cách lẻn lút, cũng không thể làm gì được.

Các đạo quân thắng trận trở về, hắn tất phải ra hàng quan Chưởng phủ. Nhưng vì trước kia hắn một thân một mình vào rừng, không ai tìm được. Duy có Vệ Liên là biết nơi chúng bỏ trốn, cũng không chịu nói. Đưa chúng về đầu hàng phải ở tay Vệ Liên. Nhưng sau khi công việc đã ổn định, hắn mới dám thò mặt ra mà thôi. Đại ý phỏng đoán bất quá chỉ có thế. Song như hôm nay hắn đương trốn tránh, tìm được tông tích, hoặc ai bắt được, hoặc ai giết được, tức đã có ngạch ban thưởng rõ ràng. Như việc ông Hoàng Hiển Ninh xin làm, cũng là một diệu kế, không thể bỏ ngơ.

CHÚ THÍCH:

1. Nguyên văn: "Quải bái thiên sơn," một kiểu đất trong sách địa lý.

2. Truyện *Công Dương*: "Năm Lỗ Hy Công 19, nước Lương mất... mất là tại sao? cá nát mà thôi;" cá nát là từ trong bụng nát ra, ví với nước vì nội loạn mà mất.

3. Khách là khách trú, là người Khách từ Trung Quốc sang, ta thường gọi là khách trú, nghĩa là người khách trú ngụ, rồi đảo ngược lên gọi là chú khách.

9. 宣光黃文桐事狀記

宣光演郡黃文桐之父兼武，開聚龍銅廠，嘈口大旺，囑其長子派忠，世守此廠，可雄據一方。

兼死，派襲蔭官，演次出子也，年幼與同居。時遼公遙領鎮，派攜演來京，入爲門下。公爲請于朝，兄弟並受侯爵。派死贈郡公，演領其眾，管監聚龍廠，京客來依者甚眾。演據有厚利，益恣驕橫。置四壁小侯，出入清道。燦忠侯代遼公爲鎮守，稍以法繩之。演不堪，以事誣構。遂易鎮，勛忠侯代之。演以賂得兼管保樂州，又爲倖求郡公爵。既得志，無所忌憚，歸廠宣制，大會三河（瀧襟瀧奇瀧沚）藩臣，張旗驟聲，遂有非望，厚結驕桀者，置

爲羽翼。自渭川州以上，驅使儂土，縱橫如意。有欲發擊者，勛忠侯輒遮蔽之。其後牌嶺侯儀忠侯迭爲鎮。儀忠侯尤貪鄙，演以賂深結，握手如朋友，增結環鎮兵民，財力益富盛。義派侯（黎貴惇）深知其情，繩以公課，苦監絶糧粒，欲索演厚賂。演僅以一百笏許之，而賂獄吏得脱。

既歸，遂仇京人之入聚者，與其黨璉武、珍武、平武、碧武、秉忠、榜忠謀殺京人以招客，厚賂内地開化府土官，冀爲幫助。

戊戌冬，海匪蠢動，上游訛言山南失守。演信之，十一月十六日，開旗稱新王，飛檄大蠻渭川保樂諸州，言犯乘輿，分三支攻破所在地方。一支下洮江攻屯守武淳（武廷蓉之子）滅其家。一支上保樂屠中忙鋪，逐伊州藩臣寬朝農福縉取其地。演自將一支，下河陽寧邊，盡屠二鋪居人男婦千餘口，投之瀘江，水爲盡赤。有匿寺中，演追殺之，今猶血漉佛像。儀忠侯聞變，隱其事不以聞，久之，劾啓于朝，奉傳督本鎮藩臣捕之。演之岳父齊武管大蠻州，率兵赴河陽查掌匪徒。演以兵來會，籍所部儂岸三千人，立新王旗號，屯河陽子鋪，（河陽二鋪一子一午）齊武屯寧邊。演使其黨，賄武以牛三頭，銀十鎰，遺齊約與同舉事。齊不敢亦不答。演即單騎赴寧邊，請齊觀演軍容。齊曰：公欲反當繳還朝廷制敕，若頂重葉巾穿覆後衣稱左雄軍豎新王旗，齊當與決戰，不管翁婿情面。

齊武之弟智武亦罵曰：公欲圖事，先殺京人，誰與爲計，我兄弟決不肯從。

演舉扇揮其屬號曰：齊武既不肯從，誰從我者立，從齊者坐。皆起立無敢坐者。演即挈眾回聚龍，齊不得已歸三岐。

事聞，奏放齊郡公爵，爲此會也。

演歸廠，大會其眾，僞加郡爵，與左右將等名色，刻日分道寇三岐。

十二月十二日，璥武、碧武將兵掠綺羅，攻副鎮所。奉傳諫責儀忠侯，放炘郡公遙領鎮。差中勝軍營按守鎮所。演不克寇而歸。炘郡公辭鎮，儀忠侯以憂死。時忠侯代之。演再下綺羅劫鎮。潘派侯擊卻之。

三月演差其黨，海武等再下桃林雄異，大肆劫掠。潘派侯又敗之。演遂收兵回聚龍，壘筏郭，武郭，峙他隘口諸要地。自營巖鎷山爲巢穴，投書鎮所，又陳啓于朝，自言："無叛志，爲璥武所脅，七月期殺璥函首以獻，輸明銅三十餘萬斤"。而不敢來降，亦不敢質納妻子。

遺書齊武曰：父子榮辱與同，豈有各居一方之理。

大抵他之狡譎萬狀，其大略如此。而其成此亂階釀此兵端，勛忠侯儀忠侯有以啓之。此二員者，當追奪職爵，收取民祿，方爲國法之公。且懲貪官之誤國事者。

PHIÊN ÂM:

TUYÊN QUANG HOÀNG VĂN ĐỒNG SỰ TRẠNG KÝ

Tuyên Quang Diễn quận công Hoàng Văn Đồng chi phụ Kiêm Vũ, khai Tụ Long đồng xưởng, tào khẩu đại vượng, chúc kỳ trưởng tử Phái Trung thế thủ thử xưởng, khả hùng cứ nhất phương.

Kiêm tử, Phái tập ấm quan, Diễn thứ xuất tử dã, niên ấu dữ đồng cư. Thời Liêu Công dao lĩnh trấn, Phái huề Diễn lai kinh, nhập vi môn hạ. Công vị thỉnh vu triều, huynh đệ tịnh thụ hầu tước. Phái tử tặng quận công, Diễn lĩnh kỳ chúng, quản giám Tụ Long xưởng, Kinh Khách lai y giả thậm chúng. Diễn cứ hữu hậu lợi, ích tứ kiêu hoành. Trí tứ bích tiểu hầu, xuất nhập thanh đạo. Xán Trung hầu đại Liêu Công vi Trấn thủ, sảo dĩ pháp thằng chi. Diễn bất kham, dĩ sự vu cấu. Toại dịch trấn, Huân Trung

hầu đại chi. Diễn dĩ lộ đắc kiêm quản Bảo Lạc châu, hựu vị hãnh cầu Quận công tước. Ký đắc chí, vô sở kị đạn, quy xưởng tuyên chế, đại hội Tam Hà (Lũng Khâm, Lũng Cơ, Lũng Chỉ) phiên thần, trương kỳ hoan thanh, toại hữu phi vọng, hậu kết kiêu kiệt giả, trí vi vũ dực. Tự Vị Xuyên châu dĩ thượng, khu sử Nùng, Thổ, tung hoành như ý. Hữu dục phát kích giả, Huân Trung hầu triếp già tế chi. Kỳ hậu Bài Lĩnh hầu, Nghi Trung hầu điệt vi trấn. Nghi Trung hầu vưu tham bỉ, Diễn dĩ lộ thâm kết, ác thủ như bằng hữu, tăng kết hoàn trấn binh dân, tài lực ích phú thịnh. Nghĩa Phái hầu (Lê Quý Đôn) thâm tri kỳ tình, thằng dĩ công khoá, khổ giam tuyệt lương li, dục sách Diễn hậu lộ. Diễn cẩn dĩ nhất bách hốt hứa chi, nhi lộ ngục lại đắc thoát.

Ký quy, toại cừu kinh nhân chi nhập tụ giả, dữ kỳ đảng Cảnh Vũ, Trân Vũ, Bình Vũ, Bích Vũ, Bỉnh Trung, Bảng Trung mưu sát Kinh nhân dĩ chiêu Khách, hậu lộ Nội địa Khai Hóa phủ thổ quan, ký vi bang trợ.

Mậu Tuất đông, hải phỉ xuẩn động, thượng du ngoa ngôn Sơn Nam thất thủ. Diễn tín chi, thập nhất nguyệt thập lục nhật, khai kỳ xưng Tân Vương, phi hịch Đại Man Vị Xuyên Bảo Lạc chư châu, ngôn phạm Thừa dư, phân tam chi công phá sở tại địa phương. Nhất chi hạ Thao giang công đồn thủ Vũ Thuần (Vũ Đình Dung chi tử) diệt kỳ gia. Nhất chi thượng Bảo Lạc đồ Trung Mang phố, trục y châu phiên thần Khoan Triều Nông Phúc Tấn thủ kỳ địa. Diễn tự tướng nhất chi, hạ Hà Dương, Ninh Biên tận đồ nhị phố cư nhân nam phụ thiên dư khẩu, đầu chi Lô giang, thủy vi tận xích. Hữu nặc tự trung, Diễn truy sát chi, kim do huyết lịch Phật tượng. Nghi Trung hầu văn biến, ẩn kỳ sự bất dĩ văn, cửu chi, dĩ kiếp khải vu triều, phụng truyền đốc bản trấn phiên thần bổ chi. Diễn chi nhạc phụ Tề Vũ quản Đại Man châu, suất binh phó Hà Dương tra nã phỉ đồ. Diễn dĩ binh lai hội, tạ sở Bộ Nùng ngạn tam thiên nhân, lập Tân Vương kỳ hiệu, đồn Hà Dương Tý phố (Hà Dương nhị phố nhất Tý nhất Ngọ), Tề Vũ đồn Ninh Biên. Diễn sử kỳ đảng, Phụ Vũ dĩ ngưu tam đầu, ngân thập dật, di Tề ước dữ đồng cử sự. Tề bất cảm diệc bất đáp. Diễn tức đơn kỵ phó Ninh Biên, thỉnh Tề quan Diễn quân dung. Tề viết: "Công dục phản, đương yêu hoàn triều đình chế sắc, nhược đỉnh trùng điệp cân xuyên phúc hậu y xưng Tả hùng quân thụ Tân Vương kỳ, Tề đương dữ quyết chiến, bất quản ông tế tình diện."

Tề Vũ chi đệ Trí Vũ diệc mạ viết: "Công dục đồ sự, tiên sát kinh nhân, thùy dữ vi kế, ngã huynh đệ quyết bất khẳng tòng."

Diễn cử phiến huy kỳ chúc hiệu viết: "Tề Vũ ký bất khẳng tòng, thùy tòng ngã giả lập, tòng Tề giả toạ." Giai khởi lập vô cảm toạ giả. Diễn tức khiết chúng hồi Tụ Long, Tề bất đắc dĩ quy Tam Kỳ.

Sự văn, tấu ban Tề Quận công tước, vi thứ hội dã.

Diễn quy xưởng, đại hội kỳ chúng, ngụy gia Quận tước, dữ tả hữu tướng đẳng danh sắc, khắc nhật phân đạo khấu Tam Kỳ.

Thập nhị nguyệt thập nhị nhật, Cảnh Vũ, Bích Vũ tương binh lược Ỷ La, công phó trấn sở. Phụng truyền khiển trách Nghi Trung hầu, ban Hân quận công dao lĩnh Trấn. Sai Trung Thắng quân doanh án thủ trấn sở. Diễn bất khắc khấu nhi quy. Hân Quận công từ Trấn, Nghi Trung hầu dĩ ưu tử. Thì Trung hầu đại chi. Diễn tái hạ Ỷ La kiếp trấn. Phan Phái hầu kích khước chi.

Tam nguyệt Diễn sai kỳ đảng, Hải Vũ đẳng tái hạ Đào Lâm Hùng Dị, đại tứ kiếp lược. Phan Phái hầu hựu bại chi. Diễn toại thu binh hồi Tụ Long, lũy Phạt Quách, Vũ Quách trĩ tha ải khẩu chư yếu địa. Tự doanh Nham Mã sơn vi sào huyệt, đầu thư trấn sở, hựu trần khải vu triều, tự ngôn: "Vô bạn chí, vi Cảnh Vũ sở hiếp, thất nguyệt kỳ sát Cảnh hàm thủ dĩ hiến, du minh đồng tam thập dư vạn cân." Nhi bất cảm lai hàng, diệc bất cảm chất nạp thê tử.

Di thư Tề Vũ viết: "Phụ tử vinh nhục dữ đồng, khải hữu các cư nhất phương chi lý."

Đại để tha chi dảo quyệt vạn trạng, kỳ đại lược như thử. Nhi kỳ thành thử loạn giai, nhương thử binh đoan, Huân Trung hầu Nghi Trung hầu hữu dĩ khải chi. Thử nhị viên giả, đương truy đoạt chức tước, thu thủ dân lộc, phương vi quốc pháp chi công. Thả trừng tham quan chi ngộ quốc sự giả.

DỊCH NGHĨA:

GHI VỀ SỰ TRẠNG HOÀNG VĂN ĐỒNG Ở TUYÊN QUANG

Kiêm Vũ là cha của Quận Diễn Hoàng Văn Đồng, mở xưởng đồng Tụ Long, việc làm ăn đại thịnh vượng, dặn lại con trưởng Phái Trung là đời đời giữ lấy xưởng đó, vì có thể dựa vào đó mà hùng cứ một phương.

Kiêm Vũ chết, Phái Trung được tập ấm chức quan, Diễn là con người vợ thứ, tuổi còn nhỏ cùng ở. Khi ấy Liêu Công từ nơi xa đến, lĩnh

chức Phiên trấn, Phái liền dắt Diễn vào Kinh, xin làm môn hạ. Liêu Công vì nể mà xin với triều đình, anh em đều được nhận tước hầu. Phái chết, được tặng Quận công, Diễn nắm quân của Phái, coi quản xưởng Tụ Long, người Khách người Kinh đến nương nhờ rất đông. Diễn vì được nguồn lợi lớn, ngày càng kiêu căng ngang ngược: Đặt ra đội quân tiểu hậu canh gác bốn mặt, ra vào đường xá có đội quân dẹp đường. Khi Xán Trung hầu thay Liêu Công làm Trấn thủ, dần dần, dùng pháp luật dẹp đi, Diễn không chịu, bịa đặt ra việc để vu cáo. Xán Trung hầu phải đổi đi, Huân Trung hầu đến thay. Diễn đem lễ vật đến đút lót, được kiêm quản châu Bảo Lạc, lại may mắn cầu cạnh được tước Quận công. Khi đã đắc chí rồi, không còn sợ sệt gì nữa, trở về xưởng tuyên đọc tờ chế cáo, tập hợp tất cả các phiên thần ở Tam Hà (Lũng Khâm, Lũng Cơ, Lũng Chỉ) treo cờ, giao kết với bọn kiêu căng kiệt hiệt đặt làm vây cánh. Từ châu Vị Xuyên trở lên, sai khiến dân Thổ, dân Nùng, tung hoành tùy ý. Có người định tố giác đánh dẹp, thì Huân Trung hầu che chở cho. Sau đó, Bài Lĩnh hầu, Nghi Trung hầu lần lượt thay nhau đến trấn thủ. Nghi Trung hầu lại quá tham lam, bỉ lậu, Diễn dùng của đút lót, kết thân giao, nắm tay nhau như bè bạn, lại kết giao thêm với binh dân xung quanh trấn, vì vậy mà của cải, thế lực ngày càng giầu mạnh. Nghĩa Phái hầu (Lê Quý Đôn) biết rõ tình hình đó, đem phép công ra trừng trị, tống giam, không cho tiếp tế lương thực, muốn đòi Diễn phải đút lót lễ vật lớn. Diễn chỉ cho 100 hốt bạc, nhưng ngầm đút lót cho tên cai ngục mà trốn thoát.

Diễn đã trở về nhà rồi, bèn thù ghét những người Kinh, tập hợp quân, cùng với bọn bè đảng bọn Cảnh Vũ, Trân Vũ, Bình Vũ, Bích Vũ, Bỉnh Trung, Bảng Trung, mưu giết những người Kinh, chiêu tập người Khách, đút lót rất hậu cho thổ quan phủ Khai Hoá trong Nội địa, mong được giúp đỡ.

Mùa đông năm Mậu Tuất (1778), bọn giặc biển nổi lên như ong, miền thượng du phao tin đồn rằng, trấn Sơn Nam đã thất thủ. Diễn tin là thực, ngày 16 tháng 11, mở cờ, tự xưng là Tân Vương, truyền hịch khẩn cấp cho các châu Đại Man, Vị Xuyên, Bảo Lạc nói là xa giá vua bị phạm, chia làm ba cánh, đánh phá các địa phương sở tại: Một cánh xuống sông Thao đánh viên đồn thú là Vũ Thuần (là con Vũ Đình Dung) và giết chết cả nhà. Một cánh lên châu Bảo Lạc giết hết dân phố Trung Mang, đuổi phiên thần châu đó là Khoan Triều, Nông Phúc Tấn, giành lấy đất đó. Diễn tự cầm một cánh xuống Hà Dương, Ninh Biên giết dân cư ở hai phố,

gồm nam phụ lão ấu hơn một ngàn người, ném xác xuống sông Lô, máu đỏ cả nước sông. Có người ẩn nấp trong chùa, Diễn cũng tìm tới mà giết, hiện máu còn vương vào tượng Phật. Nghi Trung hầu nghe có biến, giấu đi không cho triều đình biết, mãi lâu mới báo là có cướp, xin với triều đình truyền cho viên phiên thần bản trấn đi bắt. Bố vợ của Diễn là Tề Vũ coi châu Đại Man, xuất quân đến Hà Dương tra bắt bọn phỉ. Diễn tập hợp binh lính dựa vào bờ dốc Bộ Nùng, gần 3000 người, lập hiệu cờ Tân Vương, rồi đóng đồn ở phố Tý của Hà Dương (Hà Dương có hai phố Tý và Ngọ), còn Tề Vũ đóng đồn ở Ninh Biên. Diễn sai người trong đồng bọn là Phụ Vũ đem ba con trâu 10 nén bạc đưa cho Tề, hẹn với nhau là cùng khởi sự. Tề không dám bàn cũng không trả lời. Diễn lập tức đơn phương đem quân đến Ninh Biên, mời Tề xem thế quân của Diễn. Tề nói: "Ông muốn làm phản nên trả lại sắc chế của triều đình, nếu trên đầu vẫn đội khăn trùng điệp, mặc áo phúc hậu, lại xưng là Tả hùng quân, treo cờ Tân Vương, thì Tề này cùng quyết chiến với ông, chứ không kể tình nghĩa bố vợ con rể đâu."

Người em của Tề Vũ là Trí Vũ cũng rủa rằng: "Ông muốn khởi việc, trước đã giết người Kinh, thì cùng ai mà bàn tính? Anh em tôi, quyết không dám theo."

Diễn cầm quạt vẫy bọn tay chân, ra hiệu nói: "Tề Vũ đã không chịu theo, vậy ai theo ta thì đứng lên, ai theo Tề Vũ ngồi tại chỗ." Nghe nói, mọi người đều đứng cả lên, không dám ngồi. Diễn lập tức đưa cả đám đông trở về Tụ Long, Tề bất đắc dĩ trở về Tam Kỳ.

Triều đình được tin, Tề được ban tước Quận công là vào dịp này.

Diễn về xưởng Tụ Long, tập hợp đồng bọn, ngụy xưng là Quận công, ban phẩm tước cho các tướng tả hữu, định ngày chia đường đi cướp châu Tam Kỳ.

Ngày 12 tháng chạp, Cảnh Vũ, Bích Vũ đem quân cướp châu Ỷ La, đánh thẳng vào trấn sở. Phụng truyền lệnh khiển trách Nghi Trung hầu. Ban cho Hân Quận công đến lĩnh chức Trấn thủ. Sai quân doanh Trung Thắng án giữ trấn sở. Diễn không cướp được phải trở về. Hân Quận công từ chối chức Trấn thủ. Nghi Trung hầu vì quá lo nghĩ mà chết. Thì Trung hầu lên thay. Diễn lại kéo quân xuống châu Ỷ La cướp lấy trấn. Phiên Phái hầu đánh cho phải lùi.

Tháng 3, Diễn sai đồ đảng là bọn Hải Vũ lại đem quân xuống Đào Lâm, Hùng Dị, cướp bóc dữ dội, Phiên Phái hầu lại đánh cho phải lùi. Diễn bèn thu quân về Tụ Long, đóng đồn luỹ ở Phạt Quách, Vũ Quách, chặn nơi hiểm yếu của các cửa ải khác. Tự đóng doanh trại ở Nham Mã để

làm sào huyệt, đưa thư đến trấn sở, lại dâng khải về triều đình, tự nói là "không có chí hướng làm phản, chỉ vì bị Cảnh Vũ ức hiếp, xin hạn trong 7 tháng, chém đầu Cảnh bỏ vào hòm đem dâng, xin chở nộp hơn ba vạn cân đồng." Nhưng hắn không dám lai hàng, cũng không dám cho vợ con làm con tin.

Lại đưa thư cho Tề Vũ rằng: "Trong tình cha con, vinh nhục cùng hưởng, đâu lại có cái lý mỗi người ở riêng một phương."

Đại để sự gian giảo của nó không thể hình dung hết, chỉ nói tóm tắt như thế. Nhưng việc xảy ra thành mầm loạn, gây ra mối họa binh đao là do Huân Trung hầu và Nghi Trung hầu gây ra. Hai viên đó nên truy đoạt chức tước, thu lại lộc dân, mới công bằng phép nước. Và, như thế mới răn dạy bọn quan tham mà làm lỡ việc nước vậy.

10. 仙靈殿碑記

我大越華山降勢，洞庭爲腦。珥河之水，發源於小金川，與星宿海通，靈秀特異於他邦，故神仙出焉。

敬惟天仙第一：柳杏公主，敕封制勝和妙大王，義興之天本人，儲精紫府，托跡塵寰，清淑邁於列仙，靈通周乎三極。

第二天仙：九重青雲半天卯酉公主，稟粹清都，遊神貝闕，銀漢粧其明鏡，金波織夫羽衣。

第三天仙：洞庭麟玉水晶公主，派出天潢，姿符月桂，來往天宮三十六，逍遙海國萬千重。

既乃聚精會神，發祥顯聖，役蛟龍於浪泊，驅波瀾爲石翰；駕雲霧於層霄，散香花於洲渚，降衷帥府，出色皇都。

爰有西定府永康縣，特進衛國上將軍都督誠信侯莫文誠妻某氏等，默契機緣，妙粧色相，乃於珥河西岸，昇龍城之北偏，奉天府廣德縣，安華坊地界，相擇淨土，啓建神宮。天仙假靈，德士雲合。洮沱之林木，聯絡而來集，京鋪之金寶，奔走而呈獻。鳩

徒治役，爲臺殿三重；刻桷丹楹，計資斧巨萬。繚牆周圍，呑江濤而包岸渚，門樓巍業，舞彩鳳而朝玉龍。面瞰長流，腰連百雉。若玉宇瓊樓，移來重構，如蓬萊方丈，湧出人寰。眞天府之壯觀，占仙都之獨步。

殿成顏曰：靈仙殿。內奉安三位神像，外奉事天府地府水府。科儀整肅；法象莊嚴。蛟麟登門以吐符，蚌舌孕珠而出寶。

莫將軍完圓功果，騎箕乃歸。此則行或使之。大力量菩薩未來者，須一番現在，既現在，便當化去。列仙於沖漠之中，本不當以塵纓爲將軍累也。

夫！天一生水，故坎次於乾，而萬物之生胚胎於水。列仙稟質坤弘，爲水妃爲坎母，存神過化，儼縹緲于乾宮。

溯鐘毓之所自來，則嫗貉降神，宜其永鎮南郊，享馨香而樹昭明也。

莫將軍以南陽宿將，爲北土干城，留遺跡於峴山，存餘恩於棠樹。將軍正室，克篤恒貞，遞追善志，即殿堂之左，奉安將軍神牌，配享列仙。記曰：有功則祀之。將軍有此大功，他日當餘靈妥侑，與此殿相爲無窮。此亦施報之理，太上之所與也。因繫之銘曰：

瀘深傘高。
結作龍肚。
旺氣所鐘。
坤靈同護。
爰相斯干。
迺興百堵。

是廣基堂。

是新棟宇。

蓬島列仙。

烹蒿攸聚。

赫靈濯聲。

揮斥龍虎。

俯壓重瀾。

馮夷回首。

長江不竭。

寶殿今古。

PHIÊN ÂM:

TIÊN LINH ĐIỆN BI KÝ

Ngã Đại Việt Hoa sơn giáng thế, Động Đình vi não. Nhĩ Hà chi thủy, phát nguyên ư Tiểu Kim xuyên, dữ Tinh Tú hải thông, linh tú đặc dị ư tha bang, cố thần tiên xuất yên.

Kính duy thiên tiên đệ nhất: Liễu Hạnh công chúa, sắc phong Chế Thắng hòa diệu Đại Vương, Nghĩa Hưng chi Thiên Bản nhân, trừ tinh tử phủ, thác tích trần hoàn, thanh thục mại ư liệt tiên, linh thông chu hồ tam cực.

Đệ nhị thiên tiên: Cửu Trùng thanh vân bán thiên Mão Dậu Công chúa, bẩm tụy Thanh Đô, du thần Bối Khuyết, Ngân Hán trang kỳ minh kính, kim ba chức phù vũ y.

Đệ tam thiên tiên: Động Đình Lân ngọc Thủy Tinh Công chúa, phái xuất thiên hoàng, tư phù nguyệt quế, lai vãng thiên cung tam thập lục, tiêu dao hải quốc vạn thiên trùng.

Ký nãi tụ tinh hội thần, phát tường hiển thánh, dịch giao long ư Lãng Bạc, khu ba lan vi thạch hàn; giá vân vụ ư tằng tiêu, tán hương hoa ư châu chử, giáng trung súy phủ, xuất sắc hoàng đô.

Viên hữu Tây Định phủ Vĩnh Khang huyện, Đặc tiến Vệ quốc

Thượng tướng quân Đô đốc Thành Tín hầu Mạc Văn Thành, thê mỗ thị đẳng, mặc khế cơ duyên, diệu trang sắc tướng, nãi ư Nhĩ Hà tây ngạn, Thăng Long thành chi bắc thiên, Phụng Thiên phủ Quảng Đức huyện, An Hoa phường địa giới, tướng trạch tịnh độ, khải kiến thần cung. Thiên tiên giả linh, đức sĩ vân hợp. Thao Đà chi lâm mộc, liên lạc nhi lai tập, kinh phố chi kim bảo, bôn tẩu nhi trình hiến. Cửu đồ trị dịch, vi đài điện tam trùng, khắc dốc đan doanh, kế tư phủ cự vạn. Liêu tường chu vi, thôn giang đào nhi bao ngạn chử, môn lâu nguy nghiệp, vũ thái phượng nhi triều ngọc long. Diện hám trường lưu, yêu liên bách trĩ. Nhược Ngọc vũ Quỳnh lâu, di lai trùng cấu như Bồng Lai Phương Trượng, dũng xuất nhân hoàn. Chân thiên phủ chi tráng quan, chiếm tiên đô chi độc bộ.

Điện thành nhan viết: Linh Tiên điện. Nội phụng an tam vị thần tượng, ngoại phụng sự Thiên phủ Địa phủ Thủy phủ. Khoa nghi chỉnh túc; pháp tượng trang nghiêm. Giao lân đăng môn dĩ thổ phù, bạng thiệt dựng chu nhi xuất bảo.

Mạc tướng quân hoàn viên công quả, kỵ Cơ nãi quy. Thử tắc hành hoặc sử chi. Đại lực lượng Bồ Tát vị lai giả, tu nhất phiên hiện tại, ký hiện tại, tiện đương hóa khứ. Liệt tiên ư xung mạc chi trung, bản bất đương dĩ trần anh vi tướng quân luỵ dã.

Phù! Thiên nhất sinh thủy, cố Khảm thứ ư Càn, nhi vạn vật chi sinh phôi thai ư thủy. Liệt tiên bẩm chất Khôn hoằng, vi Thủy phi vi Khảm mẫu, tồn thần quá hóa, nghiễm phiếu diểu vu Càn cung.

Tố chung dục chi sở tự lai, tắc Âu Lạc giáng thần, nghi kỳ vĩnh trấn Nam Giao, hưởng hình hương nhi thụ chiêu minh dã.

Mạc Tướng quân dĩ Nam dương túc tướng, vi Bắc thổ can thành, lưu di tích ư Nghiễn sơn, tồn dư ân ư đường thụ. Tướng quân chính thất, khắc đốc hằng trinh, duật truy thiện chí, tức điện đường chi tả, phụng an Tướng quân thần bài, phối hưởng liệt tiên. Ký viết: Hữu công tắc tự chi. Tướng quân hữu thử đại công, tha nhật đương dư linh thỏa hựu, dữ thử điện tương vi vô cùng. Thử diệc thi báo chi lý, thái thượng chi sở dữ dã. Nhân hệ chi minh viết:

Lô thâm Tản cao,
Kết tác Long Đỗ.
Vượng khí sở chung,
Khôn linh đồng hộ.

Viên tương tư can,
Nãi hưng bách đổ.
Thị quảng cơ đường,
Thị tân đống vũ.
Bồng đảo liệt tiên,
Huân cao du tụ.
Hách linh trạc thanh,
Huy xích long hổ.
Phủ áp trùng lan,
Phùng Di hồi thủ.
Trường giang bất kiệt,
Bảo điện kim cổ.

DỊCH NGHĨA:

BÀI KÝ TRÊN BIA ĐIỆN TIÊN LINH

Nước Đại Việt ta, hình thế từ núi Hoa Sơn đưa xuống,[1] hồ Động Đình[2]là bộ não. Nước sông Nhị Hà bắt nguồn từ sông Tiểu Kim,[3] cùng thông ra bể Tinh Tú,[4] có khí thiêng đặc biệt khác hẳn nước khác, cho nên thần tiên giáng sinh.

Kính nghĩ vị thiên tiên thứ nhất: Liễu Hạnh công chúa, sắc phong Chế Thắng hòa diệu Đại Vương, là người ở huyện Thiên Bản[5] phủ Nghĩa Hưng, tinh anh chứa nơi phủ tía, thác sinh xuống cõi hồng trần, trong sáng hơn các vị tiên, linh thông khắp ba cõi.

Vị thiên tiên thứ hai: Cửu Trùng thanh vân bán thiên Mão Dậu Công chúa, bẩm thụ tinh túy ở chốn Thanh Đô, đem tinh thần chơi nơi Bối Khuyết,[6] sông Ngân Hán điểm nền gương sáng, gợn sóng vàng dệt áo vũ y.

Vị thiên tiên thứ ba: Động Đình Lân ngọc Thủy Tinh Công chúa, nhan sắc in hoa quế ở cung trăng, đi về ba mươi sáu thiên cung, tiêu dao ba nghìn trùng nơi hải quốc.

Rồi, tụ họp tinh thần, giáng điềm hiển thánh, sai khiến loài giao long ở hồ Lãng Bạc, xua sóng cuồng làm bức thạch hàn; cõi mây mống

trên tầng trời, rắc hương hoa xuống bờ bãi, giáng lòng thành nơi phủ chúa, hiện sắc tướng chốn đô vua.

Nhân có quan Đặc tiến Vệ quốc Thượng tướng quân Đô đốc tước Thành Tín hầu là Mạc Văn Thành ở huyện Vĩnh Khang phủ Tây Định, vợ là mỗ thị, thấu suốt cơ duyên, sắc tướng lộng lẫy, nhân nơi bờ tây sông Nhĩ, ngay mặt bắc thành Thăng Long, thuộc địa giới phường An Hoa huyện Quảng Đức phủ Phụng Thiên, kén chọn đất tốt, xây dựng cung thần. Thiên tiên nức tiếng thiêng; tăng sĩ như mây họp. Gỗ lạt tự sông Thao sông Đà liên tiếp đưa tới, tiền của từ kinh đô chuyển về dâng. Thuyền thợ khởi công, làm ba trùng đài điện; chạm kèo sơn cột, trả hàng vạn tiền công. Tường giậu bao quanh, ngăn sóng sông mà bọc bờ bến, cửa lầu chót vót, thái phượng múa mà ngọc long chầu. Mặt trước sông dài; thành cao lưng tựa. Khác chi điện Ngọc lầu Quỳnh, rời về xây lại, như thể non Bồng núi Trượng, hiện cõi nhân gian. Thật là kỳ quan ở khu thiên phủ; chiếm riêng một bước, trong cảnh tiên đô.

Điện làm xong, đặt tên là Linh Tiên điện. Bên trong đặt thần tượng ba vị, bên ngoài thờ tam phủ Thiên, Địa và Thủy. Nghi vệ chỉnh tề nghiêm túc; tự khí trang nghiêm. Rồng lân tới cửa nhả bùa thiêng; lưỡi trai ngậm ngọc dâng vật báu.

Khi công quả đã hoàn thành, Mạc tướng quân cỡi sao Cơ về chầu trời. Điều đó như việc phải làm, hoặc được sai làm. Bậc đại lực lượng Bồ Tát vị lai đó đã một lần hiện ra ở đời, đã ở đời rồi lại hoá đi. Các vị tiên trong cõi yên tĩnh, vốn không muốn tướng quân phải phiền lụy trong đám mũ áo chốn bụi trần.

Ôi! Số thiên nhất sinh ra hành thủy, cho nên quẻ Khảm nối liền với quẻ Kiền, mà muôn loài muôn mống phát sinh ở thủy. Các vị tiên bẩm thụ được Khôn chất rộng lớn, nào làm Thủy phi, nào làm Khảm mẫu, còn thì là thần, quá thì là hóa, nghiễm nhiên phảng phất ở cung Kiền.

Rõi lại buổi đầu, từ khi khí thiêng chung đúc đến nay, thì vua Lạc Long và bà Âu Cơ giáng sinh, trấn trị cõi Nam lâu dài, hưởng cúng tế nêu đức sáng.

Mạc Tướng quân là lão tướng ở miền Nam, làm thành cho xứ Bắc, lưu di tích ở núi Nghiễn, tồn dư ân ở cây đường.[7] Bà chính thất của Tướng quân thường dốc lòng trinh, noi thiện chí cũ, tức ngay bên tả điện

đường, đặt bài vị Tướng quân phối hưởng cùng chư tiên. *Lễ ký* nói: "Có công thì thờ," Tướng quân có công lớn như thế, sau này hẳn thừa linh thiêng, cùng với điện này dài lâu đến vô cùng. Đó cũng là cái lẽ thi ơn báo đức, bậc thái thượng vốn cũng như vậy. Nhân nối bài minh rằng:

Lô sâu Tản cao,
Kết thành Long Đỗ.
Vượng khí chung đúc,
Đất thiêng phù hộ.
Chọn nơi bến nước,
Tập hợp thợ thuyền.
Mở chái đắp nền,
Đống vũ đổi mới.
Quần tiên non Bồng,
Khói hương nghi ngút.
Hiển hách linh thiêng,
Trừ ngăn rồng bể.
Cúi áp tầng sóng,
Phùng Di quay đầu.[8]
Sông dài không tận,
Điện báu trước sau.

CHÚ THÍCH:

1. Hoa Sơn ở phía tây Trung Quốc là một trong Ngũ nhạc.

2. Động Đình ở Ngạc Châu Trung Quốc, là một trong Ngũ hồ.

3. Tiểu Kim Xuyên thuộc Tứ Xuyên Trung Quốc.

4. Bể Tinh Tú thuộc tỉnh Thanh Hải, Trung Quốc.

5. Huyện Thiên Bản, năm Tự Đức thứ 15 (1862) đổi là huyện Vụ Bản.

6. Thanh Đô, Bối Khuyết là nơi tiên ở.

7. Núi Nghiễn ở huyện Tương Dương tỉnh Hồ Bắc. Đời Tấn, Dương Hựu làm quan ở Tương Dương thường uống rượu ngâm thơ ở núi đó, khi chết dân lập bia kỷ niệm, ai xem cũng sa lệ, nhân gọi là Lệ Trung bi.

Đường văn, *Kinh Thi* thơ Tế phế cam dường, ghi nhớ ơn trạch của Thiệu Bá.

8. Phùng Di là tên thần sóng.

11. 白衫普濟寺碑記

通玄居士，余世家誼也！始余薦侍鑾坡，數年遂托于禪，得其邑之頹寺，治財重修之，乃棄官而禪隱焉。

噫！玄光至今，世之無禪隱久矣，忸利天何人得到。不過修十二頭陀，曰通禪而隱於禪，此猶得隱禪之粗者。

吾喜飲酒，吾喜吟詩，吾亦喜談玄。萬機截斷，痩藤扶衰，身遊禪之中，心遊禪之外，此則得禪之精，可以隱於禪矣。

余蓋予通玄之隱，喜其寺之不廢，以爲通玄棲。想三藐三菩提，亦當與余同志，許通玄詩酒佛印爲禪林遊也。

若夫蓉鵲巢於頂上，掛蛛網於眉門，則世之學佛淺而苦行深者，蓋能之矣。

悟禪拙夫記。

PHIÊN ÂM:

BẠCH SAM PHỔ TẾ TỰ BI KÝ

Thông Huyền cư sĩ, dư thế gia nghị dã! Thủy dư tiến thị loan pha, sổ niên toại thác vu thiền, đắc kỳ ấp chi đổi tự, trị tài trùng tu chi, nãi khí quan nhi thiền ẩn yên.

Y! Huyền Quang chí kim, thế chi vô thiền ẩn cửu hĩ, nựu lợi thiên hà nhân đắc đáo. Bất quá : ; thập nhị Đầu Đà, viết thông thiền nhi ẩn ư thiền, thử do đắc ẩn thiền chi thô giả.

Ngô hỷ ẩm tửu, ngô hỷ ngâm thi, ngô diệc hỷ đàm huyền. Vạn cơ tiệt đoạn, du đằng phù suy, thân du thiền chi trung, tâm du thiền chi ngoại, thử tắc đắc thiền chi tinh, khả dĩ ẩn ư thiền hĩ.

Dư cái dư Thông Huyền chi ẩn, hỷ kỳ tự chi bất phế, dĩ vi Thông Huyền thê. Tưởng tam diểu tam bồ đề, diệc đương dữ dư đồng chí, hứa Thông Huyền thi tửu Phật ấn vi thiền lâm du dã.

Nhược phù dung thước sào ư đỉnh thượng, quải thù võng ư mi môn, tắc thế chi học Phật tiển nhi khổ hạnh thâm giả, cái năng chi hĩ.

Ngộ thiền Chuyết phu ký.

DỊCH NGHĨA:

BI KÝ CHÙA PHỔ TẾ XÃ BẠCH SAM

Cư sĩ Thông Huyền, ông bạn dòng dõi thế gia của tôi! Trước tôi tiến vào hầu trong viện Hàn lâm, được vài năm bèn để ý về đạo thiền, được ngôi chùa nát của làng, bỏ tiền tu sửa, rồi cáo quan mà ở ẩn trong cửa thiền.

Ôi! Từ sư Huyền Quang[1] tới nay, không người ở ẩn nơi cửa thiền đã lâu, cõi đời quen trục lợi ai còn tới được. Bất quá tu 12 năm Đầu Đà[2] bảo là thấu suốt đạo thiền mà ẩn cửa thiền, đó chỉ là lĩnh hội được cái nghĩa thô sơ của ẩn thiền vậy.

Tôi thích uống rượu, tôi thích ngâm thơ, tôi lại cũng thích giảng bàn về huyền lý. Muôn cơ sự trong lòng đã cắt đứt, chống chiếc gậy song đỡ mệt, thân chơi trong cảnh thiền, mà tâm chơi ngoài cõi trần, đó mới là thu lượm được tinh túy của đạo thiền, có thể ẩn ở cảnh thiền vậy.

Cái ẩn của bạn Thông Huyền, tôi cũng ưng ý, mừng ngôi chùa đó không bị hoang phế, để làm nơi cho Thông Huyền trụ trì. Nghĩ rằng: Bậc tam miểu, tam bồ đề[3] cũng nên cùng chí hướng với tôi, ban cho Thông Huyền tâm ấn của Phật bằng thơ bằng rượu, để làm thú tiêu dao trong rừng thiền.

Đến như, yên lặng cho chim chích làm tổ trên đỉnh đầu,[4] cho loài nhện chăng tơ ở đôi lông mày,[5] thì đó là những người đời nông về Phật học mà sâu về tu khổ hạnh mới có thể được.

Ngộ thiền Chuyết phu ký.

CHÚ THÍCH:

1. Nguyễn Đạo Tái, quán xã Vạn Ty, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, năm 22 tuổi, đỗ Trạng nguyên triều Trần Thánh Tông, năm Bảo Phù thứ 3, khoa Ất Hợi (1275). Sau xin đi tu ở Yên Tử, hiệu là Huyền Quang, tức một trong Trúc Lâm tam tổ.

2. Môn tu khổ hạnh, bằng cách hàng bữa đi xin ăn.

3. Tiếng Phạn: A nậu đa la tam diểu tam bồ đề. Đường dịch là: Vô thượng đẳng chính giác. Nghĩa là, bậc đã giác ngộ chân chính trên hết.

4. Sư Năng Nhân ngồi thiền định trên núi, đã nghe được tiếng chim. Có đôi chim chích tha rác về làm tổ ở đỉnh đầu, đẻ trứng rồi ấp nở ra con, chim mái đi tha mồi về mớm.

Một buổi tối, qua hồ thấy có con sâu trong đóa hoa sen, đỗ xuống bắt, không ngờ hoa cụp ngay lại, không sao ra được, mãi tới sáng hôm sau hoa nở mới bay về. Chim đực coi con ở tổ, cho là chim mái theo chim khác, nên mới cách đêm không về, rồi bên buộc bên chối, cãi cọ om xòm, làm phân tán cả định tâm của Năng Nhẫn, ông giận quá, cầm ổ vật chết hết, phạm vào giới sát, thành ra không đắc đạo.

5. Chưa rõ điển tích.

12. 大慈后佛碑記。

記自佛祖西來，梵王東渡，瞥觀遺教，執識眞言。大士得白檀飛天，抱見慈母；上乘以黃金瞻地，易取祇園。佛眞愛其所親，人何施而不報。

敬惟：前黎侍內宮嬪修容官阮氏，大乘正覺，號慈忠，本邑上村望族之淑媛也。稟秀朔方，篤生貴氏。作嬪于京，晉位右宮皇后。儼光乾耀，媲厚坤貞。裹雞鳴於求衣，協關雎於荇菜。實遵慈訓，允愜母儀。

丙辰春，法駕旋鄉，拜瞻梵宇。褕褘華乎貝闕，琚璜麗於璇宮。陳無遮之上儀；舉不匱之盛世。燃須彌之寶炬；揮兢伽之金沙。

乃啓檀越，必敬梓桑。廣恩渥，勤噢咻。錫之土田，予之錢幣。滅其兵籍，免其户賦。仰東朝之厚澤；感北堂之陰施。眞可以蔭普人天而配慈佛母者也。

夫！翟苐魚軒，徽音存乎卷葛，羽葆鼓吹，美業隆於婺塗。豈必求報芻靈，隨緣鉢水，而吉符帝乙，貴侔太上。縱施報之不務；寧秉好之終泯。鶴鳴子和，理機斯其茫渺；烏反慈哺，孝放準諸寥廓。

肇我武寧之爲郡，實古幽靈之所。不顯其光，惟慈啓孝。凡我老稚，群居我鄉。

耕而食，鑿而飲，誰之德也。

官不詰，吏不擾，誰之力也。

歲旦社田謳歌無事，誰之施也。

春享秋嘗，粢盛無缺，誰之捨也。

德力施捨，非夫我皇后之賜歟。

我皇后之賜，非我慈宮之澤歟。

欲報我慈宮之澤，非我鄉之人而誰歟。

佛放眉間，白髮相光，照東西萬八千里，南北稱是。東南北之人，以廣照燈，長報佛恩。我鄉相謀，願以報佛爲報。佛之爲德慈也孝也，人之爲報忠也信也，必有忠信之念，方能報慈孝之恩。歲時之祀，歌侑之節，迎奉之儀，祈賽之典，條例臚列碑陰。凡我後人，當從其朔。然無忠則僞，僞則不誠；無信則弛，弛則不久。忠則誠，誠則不息；信則久，久則無疆。莫若以慈孝觀佛音，以忠孝守人道。風有采蘋采蘩，雅有行葦泂酌，昭忠信也。山莫高於佛山，日月猶出其下；水莫弱於佛水，針芥且不能容。高者勢而弱者理。佛有大雄力，能大濟渡，故雖日月皆在所包。若無中孚之誠以感應之，不幾針芥之不容於弱水者乎。

此約既成，此珉既鑒，睇佛山之現在，想佛水之縈流，厚我曰后，我慈宮之德實厚于我後人。南無觀世音大菩薩證明，願我大佛后擬曦舒而並鬼神，生群曰民，我鄉人之心對越于我佛祖。南無長壽王大菩薩證明，願我同鄉人詔後昆而式終古，從而爲之銘曰：

天一切理，佛一切法。

人一切心，一花魁臘。

厥初甚明，理玄法精。

忠信弗固，百花乃爭。

厥爭伊何，事過意息。

紅紫易移，青素無力。

所以者何，人心流波。

碑空守約，龜歸洛河。

天眼可畏，佛眼如是。

監觀下民，感應孔邇。

我願來世，得菩提時。

無違忠信，有如斯碑。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI TỪ HẬU PHẬT BI KÝ

Ký tự Phật tổ Tây lai, Phạn Vương đông độ, miết quan di giáo, thục thức chân ngôn. Đại sĩ đắc bạch đàn phi thiên, bão kiến Từ Mẫu; thượng thừa dĩ hoàng kim chiêm địa, dịch thủ Kỳ viên. Phật chân ái kỳ sở thân, nhân hà thi nhi bất báo?

Kính duy: Tiền Lê Thị nội cung tần Tu dung quan Nguyễn Thị, đại thừa chính giác, hiệu Từ Trung, bản ấp Thượng thôn vọng tộc chi thục viên dã. Bẩm tú sóc phương, đốc sinh quý thị. Tác tần vu kinh, tấn vị Hữu cung Hoàng hậu. Nghiêm quang Càn diệu, tì hậu khôn trinh. Tương kê minh ư cầu y, hiệp Quan thư ư hạnh thái. Thực tôn từ huấn, doãn hiệp mẫu nghi.

Bính Thìn xuân, pháp giá tuyền hương, bái chiêm phạn vũ. Du vĩ hoa hồ bối khuyết, cư hoàng lệ ư Tuyền cung. Trần vô già chi thượng nghi, cử bất quỹ chi thịnh thế. Nhiên Tu Di chi bảo cự; huy Căng Già chi kim sa.

Nãi khải đàn việt, tất kính tử tang. Quảng ân ốc, cần úc hưu. Tích chi thổ điền, dư chi tiền tệ. Diệt kỳ binh tịch, miễn kỳ hộ phú. Ngưỡng đông triều chi hậu trạch; cảm bắc đường chi âm thi. Chân khả dĩ ấm phổ

nhân thiên nhi phối Từ Phật mẫu giả dã.

Phù! Địch phất ngư hiên, huy âm tồn hồ Quyển Cát, vũ bảo cổ xuý, mỹ nghiệp long ư Sằn, Đồ. Khởi tất cầu báo sô linh, tùy duyên bát thủy, nhi cát phù Đế Ất, quý mâu Thái Thượng. Túng thi báo chi bất vụ; ninh bỉnh hiếu chi chung dẫn. Hạc minh tử họa, lý cơ tư kỳ mang diểu; ô phản từ bô, hiếu phóng chuẩn chư liêu khoách.

Ế ngã Vũ Ninh chi vi quận, thực cổ u linh chi sở. Bất hiển kỳ quang, duy từ khải hiếu. Phàm ngã lão trĩ, quần cư ngã hương.

Canh nhi thực, tạc nhi ẩm, thùy chi đức dã!

Quan bất cật, lại bất nhiễu, thùy chi lực dã?

Tuế đán xã điền âu ca vô sự, thùy chi thí dã?

Xuân hưởng thu thường, tư thỉnh vô khuyết, thùy chi xả dã?

Đức lực thí xả, phi phù ngã Hoàng hậu chi tứ dư?

Ngã Hoàng hậu chi tứ, phi ngã Từ cung chi trạch dư?

Dục báo ngã Từ cung chi trạch, phi ngã hương chi nhân nhi thùy dư?

Phật phóng mi gian, bạch phát tương quang, chiếu đông tây vạn bát thiên lý, nam bắc xứng thị. Đông nam bắc chi nhân, đĩ quảng chiếu đăng, trường báo Phật ân. Ngã hương tương mưu, nguyện dĩ báo Phật vi báo. Phật chi vi đức từ dã hiếu dã, nhân chi vi báo trung dã tín dã, tất hữu trung tín chi niệm, phương năng báo từ hiếu chi ân. Tuế thời chi tự, ca hựu chi tiết, nghênh phụng chi nghi, kỳ trại chi điển, điều lệ lô liệt bi âm. Phàm ngã hậu nhân, đương tòng kỳ sóc. Nhiên vô trung tắc nguỵ, nguỵ tắc bất thành; vô tín tắc thỉ, thỉ tắc bất cửu. Trung tắc thành, thành tắc bất tức; tín tắc cửu, cửu tắc vô cương. Mạc nhược dĩ từ hiếu quan Phật âm, dĩ trung hiếu thủ nhân đạo. Phong hữu Thái tần Thái phồn, Nhã hữu Hành vĩ Quỳnh chước, chiêu trung tín dã. Sơn mạc cao ư Phật sơn, nhật nguyệt do xuất kỳ hạ; thủy mạc nhược ư Phật thủy, châm giới thả bất năng dung. Cao giả thế nhi nhược giả lý. Phật hữu đại hùng lực, năng đại tế độ, cố tuy nhật nguyệt giai tại sở bao. Nhược vô trung phu chi thành dĩ cảm ứng chi, bất cơ châm giới chi bất dung ư nhược thủy giả hồ.

Thử ước ký thành, thử mân ký thụ, để Phật sơn chi hiện tại, tưởng Phật thủy chi oanh lưu, hậu ngã viết hậu, ngã Từ cung chi đức thực hậu

vu ngã hậu nhân. Nam vô Quan Thế Âm Đại Bồ Tát chứng minh, nguyện ngã Đại Phật Hậu nghĩ nghi thư nhi tịnh quỷ thần, sinh quần viết dân, ngã hương nhân chi tâm đối việt vu ngã Phật Tổ. Nam vô Trường Thọ Vương Đại Bồ Tát chứng minh, nguyện ngã đồng hương nhân chiếu hậu côn nhi thức chung cổ, tòng nhi vi chi minh viết:

Thiên nhất thiết lý,
Phật nhất thiết pháp.
Nhân nhất thiết tâm,
Nhất hoa khôi lạp.
Quyết sơ thậm minh,
Lý huyền pháp tinh.
Trung tín phất cố,
Bách hoa nãi tranh.
Quyết tranh y hà ,
Sự quá ý tức.
Hồng tử dịch di,
Thanh tố vô lực.
Sở dĩ giả hà,
Nhân tâm lưu ba.
Bi không thủ ước,
Quy quy Lạc Hà.
Thiên nhãn khả úy,
Phật nhãn như thị.
Giám quan hạ dân,
Cảm ứng khổng nhĩ.
Ngã nguyện lai thế,
Đắc Bồ Đề thì.
Vô vi trung tín,
Hữu như tư bi.

DỊCH NGHĨA:

BÀI KÝ BIA HẬU PHẬT CHÙA ĐẠI TỪ

Nhớ từ khi Phật tổ từ Tây Vực tới;[1] Phạn Vương cõi bè sang cõi đông,[2] nhận xem tông giáo để lại, ai rõ được lời chân ngôn.[3] Bậc đại sĩ

được cây gỗ bạch đàn bay lên trời, ôm lấy mà gặp thấy mẹ;[4] bậc thượng thừa đem vàng giải kín đất, để đổi lấy vườn Kỳ.[5] Phật vẫn yêu kính người thân, người nào thi ân mà lại không muốn được báo đáp lại?

Kính nhớ: Đức bà họ Nguyễn, chức Tu dung quan[6] trong Nội thị cung tần ở triều tiền Lê, là bậc Đại thừa chính giác, hiệu Từ Trung, vốn là người hiền thục trong họ lớn thôn Thượng bản ấp. Bẩm thụ khí tốt phương bắc, giáng sinh vào dòng họ sang. Về làm dâu nơi kinh kỳ, tấn phong ngôi Hữu cung Hoàng hậu. Nghiễm nhiên tỏa sáng cung Kiền, sánh đức khôn trinh đầy đặn. Gà gáy xong vội đi tìm áo[7] hợp với thơ Quan thư ở câu Hạnh thái.[8] Từ huấn tuân theo; mẫu nghi xứng đáng.

Mùa xuân năm Bính Thìn (1796), ruổi xe pháp về làng, chiêm bái nơi chùa cảnh. Vẻ khăn áo rỡ ràng cửa ngọc, sắc cư hoàng lóng lánh cung tuyền. Bầy nghi thức hội Vô già;[9] nêu thịnh điển đời bất quỹ.[10] Núi Tu Di[11] nhen cây đuốc ngọc; sông Căng Già[12] rắc hạt cát vàng.

Bèn mở đàn việt[13] ở làng tử tang.[14] Rộng ơn đầm đìa, ân cần thương cảm. Cho ruộng cùng đất, ban lụa lại tiền. Giảm sổ binh, miễn thuế hộ. Ngửa trông ơn nhuần từ nguồn đông hải; cảm nương bóng rợp ở chốn bắc đường.[15] Thật là ơn trạch tràn khắp cõi người và cõi trời, mà phối hợp với đức Từ Phật mẫu vậy.[16]

Ôi! Mành địch phất[17] xe ngư hiên,[18] tiếng hay còn chép trong thơ Cát đàm, thơ Quyển nhĩ;[19] lọng vũ bao[20] nhạc cổ xuý,[21] nghiệp lớn sánh cùng gái Hữu Sằn,[22] gái Đồ Sơn.[23] Há tất phải bù nhìn[24] cầu báo, bát nước tùy duyên,[25] mà rồi mới: Tốt thì phù hợp vua Đế Ất,[26] sang thì sánh cùng bậc Thái Thượng.[27] Nếu việc thi ơn báo đức không chuyên cần; lẽ nào để lòng bỉnh di hiếu đức bị mai một. Hạc con họa theo hạc mẹ,[28] điều phải đâu có lời mời; quạ non mớm lại quạ già,[29] niềm hiếu dám nào thưa thớt!

Này quận Vũ Ninh ta, là chốn u linh cũ. Há không quang hiển, vẫn giữ hiếu từ. Những trẻ già ta, cùng ở làng ta:

Cầy ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, nhờ đức ai nhỉ?

Quan không phiền, lại không nhiễu, nhờ sức ai nhỉ?

Ngày nguyên đán, ngày xuân xã, ngày hạ điền, ca hát thái bình, nhờ ai thi ơn nhỉ?

Tế xuân, tế thu, xôi oản đầy đủ, nhờ ai bỏ của ra nhỉ?

Đức trạch ấy, sức lực ấy, thi ơn ấy, bỏ của ra ấy, há không phải là

nhờ sự giúp đỡ của Hoàng hậu ta đấy ư!

Hoàng hậu ta giúp đỡ, há không phải là nhờ huệ trạch của đức Từ cung ta đấy ư!

Muốn báo đáp lại huệ trạch của đức Từ cung ta, há không phải là người trong làng ta thì còn ai đây!

Đức Phật phóng hào quang ở đôi my, tóc bạc cùng sáng, chiếu xa đông tây một vạn tám nghìn dặm, chiều nam bắc cũng thế. Người bốn phương đông tây nam bắc dùng "đèn soi rộng" đáp lại ơn Phật lâu dài. Làng ta cùng mưu tính xin theo sự báo đáp của Phật để báo đáp. Đức của Phật là từ là hiếu, người báo đáp lại thì bằng trung bằng tín, tất phải có lòng trung tín, mới báo đáp lại được cái ơn từ hiếu. Tuần tiết tế lễ hát xướng, nghi thức rước thánh cầu đảo, đã có điều lệ thứ tự khắc ở sau bia. Những hậu nhân ta nên theo ngay từ buổi đầu. Song, nếu không trung hậu thì là giả dối, đã giả dối thì không thành thực; nếu không đốc tín thì sinh trễ nải, đã trễ nải thì không lâu bền. Trái lại, đã trung hậu thì thành thực, đã thành thực thì không chây lười; đã đốc tín thì lâu dài, đã lâu dài thì vô cùng. Không chi bằng dùng từ hiếu để nghe lời Phật, dùng trung hiếu để giữ đạo người. *Quốc phong* có thơ Thái tần, Thái phồn, *Đại nhã* có thơ Hành vĩ, Quỳnh chước,[30] là để sáng tỏ lòng trung tín vậy. Nói về núi, không chi cao bằng núi nhà Phật, mặt trời mặt trăng còn thấp ở dưới; nói về nước, không chi yếu bằng nước nhà Phật, chiếc kim hạt cải cũng không dung nổi. Cao là thế, mà yếu là lý. Phật có sức mạnh lớn, tế độ lớn lao, cho nên mặt trời mặt trăng đều ở trong vòng bao bọc. Nếu bề trong[31] không có lòng chí thánh để cảm ứng, chẳng gần như sức nước kia yếu ớt không dung nổi chiếc kim hạt cải đấy chăng!

Ước này đã xong, bia này đã dựng, trông thấy núi Phật hiện tại, tưởng tới nước Phật quanh vòng, Hậu đãi với ta là "hậu," công đức của đức Từ cung thật là hậu đãi với con cháu đời sau ta. Nam vô ngài Quan Thế Âm Đại Bồ Tát chứng minh, nguyện đức Đại Phật Hậu ta như mặt trời sáng soi, sánh cùng với quỷ thần; sinh quần là "dân," tấm lòng của dân làng ta, sánh với Phật tổ ta. Nam vô ngài Trường Thọ Vương Đại Bồ Tát chứng minh, nguyện mọi người trong làng ta, khuyên bảo con cháu đời sau để phép muôn cổ. Nối viết bài minh rằng:

Trời hết thảy là lý,
Phật hết thảy là pháp.
Người hết thảy là tâm,

Đóa hoa khôi tháng chạp.[32]
Xưa kia rất quang minh,
Lý cao, pháp cũng tinh.
Trung tín nếu bỏ lỏng,
Thì trăm hoa tranh giành.
Tranh giành rồi ra sao?
Việc sai, ý rời rạc.
Mầu hồng tía dễ thay,
Xanh, trắng thành kém sức.
Sở dĩ thế là sao?
Lòng người chảy như thác.
Bia còn ghi ước suông,
Rùa về sông Hà Lạc.[33]
Mắt trời rất đáng sợ,
Mắt Phật rất đáng hãi.
Soi xét tới hạ dân,
Cảm ứng rất gần gũi.
Ta nguyện đời sau này,
Được chứng quả Bồ Đề.[34]
Trung tín không làm trái,
Y như ghi trong bia.

CHÚ THÍCH:

1. Phật, tức là Phật Thích Ca Mâu Ni; Tổ tức Tổ Tây thiên, là Bồ Đề Đạt Ma từ Tây Vực sang phương đông là Trung Quốc vào đời Lương Vũ Đế năm Phổ Thông thứ 7 Bính Ngọ (526). Đời sau suy tôn là vị tổ sư thứ nhất đi sang phía đông.

2. Phạn Vương: Thích Ca Mâu Ni là Thái tử của Tịnh PhạnVương, nên còn gọi Thích Ca là Phạn Vương.

3. "Chân ngôn," ở đầu kinh thường có câu: "Sở hữu phúng tụng chân ngôn, cẩn đương trì tụng" (nhân có lời nói thực ca tụng, xin kính cẩn đọc).

4. Chưa rõ điển cố.

5. Thượng thừa, bậc tu tới tột bậc, tức là ông Trưởng Giả Tu Đạt Nô, vì hay bố thí cho những kẻ cô độc bần cùng, nên có tên hiệu là Cấp Cô Độc. Muốn mua vườn Kỳ Đà của

Thái tử nước Xá Vệ, để làm nơi cho Phật thuyết pháp. Thái tử bảo: Giải vàng khắp vườn thì bán cho. Ông liền dem vàng rải khắp 80 khoảnh vườn. Thái tử không nhận, cùng Trưởng Giả xây Tinh xá, mời Phật thuyết pháp cho 250 người nghe. Bởi vậy gọi tên vườn là Kỳ thụ Cấp Cô Độc viên. 祈樹給孤獨園 (cây của ông Kỳ, vườn ông Cấp Cô Độc) gọi tắt là Kỳ viên.

6. Tên nữ quan có từ đời Đường, có Tam Tu: Tu hóa, Tu nghĩ, Tu dung. Tu dung là chức cuối nhất.

7. *Kinh Thi*, Tế phong, thơ *Nữ viết kê minh*: Đại ý khen bà hậu phi hiền, đêm hầu vua, khi trời gần sáng bà nói: Gà đã gáy, các quan đến chầu đã đông, mong vua dậy sớm ra coi chầu.

8. *Kinh Thi*: Thơ *Quan thư* có câu: Sâm si hạnh thái. Tả hữu lưu chi. Yểu điệu thục nữ. Ngụ mị cầu chi. (Rau hạnh thái so le. Trôi bên tả và bên hữu. Người thục nữ yểu điệu. Thức ngủ mong làm sao lấy được). Chu Tử chú thích: Ông Chu Văn Vương có thánh đức, lại được thánh nữ là Thái Tự làm vợ, kẻ cung nhân thấy bà mới đến đã có đức u nhàn thanh tĩnh, cho nên làm thơ ca ngợi.

9. Vô già là ý khoan dung không trở ngại. Mở vô già đại hội, tự do được pháp thí hay tài thí (Bố thí bằng lời nói phải, hay bố thí bằng tiền của), hiền hay ngu, tăng hay tục, sang hay hèn, trên hay dưới, nhất thiết bình đẳng, ai cũng được dự, tiếng Phạn gọi là: Bát già vu sắt 般遮于瑟 [pancavarsilxa].

10. Bất quỹ: Không cùng kiệt.

11. *Kinh Phật*: Núi Tu Di ở giữa bể thuộc Nam thiệm bộ châu, cao 336 vạn dặm, trên ngọn là Dao lợi thiên vương ở, giữa là Tứ đại thiên vương ở.

12. Sông Căng Già tức sông Hằng Hà (gange). Hằng hà sa số, số cát sông Hằng Hà, ý nói là nhiều.

13. Lập dàn bố thí, để vượt qua bể khổ. Đàn nghĩa là huệ thí; việt nghĩa là vượt qua.

14. Tử tang, tức là cây thị cây dâu, là nói nơi cố hương. *Kinh Thi*: Duy tang dữ tử, tất cung kính chi. (Cây dâu và cây thị, tất phải cung kính).

15. Bắc đường: Nơi mẹ ở, vì cỏ huyên ví với mẹ, mà nơi bắc đường thường trồng cỏ huyên.

16. *Kinh Báo ân*: Phật lấy pháp làm thầy, Phật nhờ pháp mà thành, cho nên gọi Pháp là Phật mẫu.

17. Địch phất, kết lông chim để che xe, nên cũng gọi là xe địch phất.

18. Xe của phu nhân đi.

19. Là hai bài thơ ở thiên *Châu nam, Kinh Thi*, nói về đức tốt hay làm của bà Thái Khương vợ của Văn Vương.

20. Chiếc lọng kết bằng lông chim.

21. Cổ xúy, tức kèn, khuyển, sáo, nhị...

22. Vua Thành Thang lấy vợ ở Hữu Sằn sinh ra Thái Đinh.

23. Đại Vũ lấy vợ ở Đồ Sơn tên là Du.

24. Bù nhìn (sô linh) là lấy cỏ vặn thành hình người, ta gọi là hình nhân hay bù nhìn, dùng cúng rồi đốt đi để thay mạng cho người sống, gọi là hình nhân thế mạng. *Kinh Lễ* thiên *Đàn cung*: Đồ xa sô linh, tự cổ hữu chi (Xe bằng đất, người bằng cỏ, đời xưa đã có). Đây nghĩa là đồ mã, dùng để tuẫn táng.

25. *Kinh Di Đà:* Đất nước Cực lạc, có ao Thất bảo, có 8 thứ nước công đức chứa đầy ở trong. Lý Cao Tông mộng thấy có câu: Nhất bát công đức thủy, tùy duyên hóa thế gian (Một bát nước công đức, tuỳ nhân duyên mà hóa độ cho cõi đời).

26. *Kinh Dịch* hào *Lục ngũ* quẻ Thái: Đế Ất quy muội, dĩ chỉ nguyên cát, [Vua Đế Ất (cuối đời Thương) gả em gái, dùng phúc lành rất tốt].

27. Thái Thượng hoàng là thân phụ của vua.

28. *Kinh Dịch* quẻ *Trung phu*: Minh hạc tại âm, kỳ tử họa chi (Chim hạc kêu ở chốn âm u, con nó họa theo).

29. Chim quạ hay mớm lại mẹ, nên gọi là hiếu điểu (chim có hiếu).

30. *Kinh Thi* thơ *Thái tần*, thơ *Thái phồn* đều nói về vợ các vua chư hầu và vợ các đại phu hết lòng thành kính về việc tế lễ tổ tiên.

Thơ *Quỳnh chước*, thơ *Hành vĩ*, một nói về ông Thiệu Khang Công răn bảo vua Thành Thang là đấng Hoàng thiên chỉ thân người có đức, chứng những người có đạo; một nói về sự trung hậu của nhà Chu.

31. Nguyên văn: Trung phu, xét trong *Kinh Dịch* có quẻ Trung phu, chỉ nói đến chữ "tín"(tín cập đồn ngư: Điều tin cảm tới loài cá ngu ngốc), chứ không nói tới chữ "thành."

32. Cây mai, mùa đông đã nở hoa, trước các loài hoa khác, trong khi đó các loài hoa khác thường phải đợi mùa xuân mới nở. Nên gọi là "hoa khôi."

33. Người ta thường tạc con rùa đá để đội bia đá. *Ca dao*: Thương cho cái phận con rùa, dưới sông đội đá trên chùa đội bia.

Kinh Dịch về *Lạc thư* có chú rằng: Vũ giúp vua Thuấn trị thuỷ, thuận cái tính của nước, trời đất đã bằng phẳng, thần rùa đội văn nổi lên ở sông Lạc, ông Vũ xem văn đó 45 vết, học theo mà vạch ra Hồng phạm cửu trù (Chín phép trong khuôn lớn).

34. Bồ đề nghĩa là "giác ngộ hết mọi lẽ," nên cái cây mà chỗ Phật Thích Ca ngồi nhập tịch gọi là cây bồ đề.

13. 廣嚴寺碑記

仙侶山之廣嚴寺，皇朝陳開山顯聖國師卓錫地也。國師發跡南天，脱形西土，騰雲祝嶺，夾日藍山，神通戰退明師，舍利鎮安越甸，香煙崇奉，名播中原。暨皇黎第二帝當陽，玉宇澄清，寶山

闡朗，存東阿於三恪，乃樓鳳於碧梧。厥有刑部尚書楊溪侯，實出金枝，高標膺塔，始以其字爲氏， 左登而右邑，鄧譜傳芳，實基慶址。

五世之後，篤生懿淑，作嬪鄭王，嗣京室之徽音，啓渭陽之美業，繼生第二祖，嚴郡主，承輝桂掖，發秀心園，乃能雅意三乘，追崇佛祖，廠三座之殿宇，潤百畝之香油，四壁旋倪，咸蒙慈蔭。

第三祖，分光世系，締積善餘，出掖寢而入松林，投禪六十餘秋，恒心苦節，保養全嗣。天雄大都督鄧台公，遭際明時，躋躋穹秩，身居帥幕，而心加禪扃，動念兵火之後，寺宇歌頹，凡力可撐扶，無不爲之修葺。

歲乙酉，地方人有欲撤寺以障水者，公力保之得存。

公女奉侍後宮，見封茂昭。龍化後，奏請出家，欽奉嗣皇帝賜住持山寺，乃追前祖郡主創造之功，養祖母皈依之所。甲寅春，既鑄洪鐘一顆。丁已秋，再謀捐貲鳩構，雖興執疑難，而信心無礙。於是十方供施，不約而同，上自公侯貴人，下及鄉村善信 ，各送銀錢，共成福果。台公力相其事。瀘噶獻木，輸寶捧繩，樓閣參天，金珠湧地，更寒暑而告竣，實倍蓰乎前構。

噫寺者嗣也。粵自白馬傳經，鴻臚居奉，西來遺教，衍及南天，雖有廢興，而道常嗣續。蓋菩提大功德，須待檀椰大力量。今後遊上方而參古剎，叩其所以嗣徽名蹟，可不尋太清音響之所從哉。

鄧家忠賢萃於一門，貴嬪增廠福基，遠近芳躅，其眞克嗣者矣。而其能成貴嬪之善念者。易曰：家有嚴君焉。

余與鄧台公相契，喜其世德之宏鉅，慶澤之綿延，因誌危言于石。

PHIÊN ÂM:

QUẢNG NGHIÊM TỰ BI KÝ

Tiên Lữ sơn chi Quảng Nghiêm tự, Hoàng triều Trần Khai Sơn hiển thánh Quốc sư trác tích địa dã. Quốc sư phát tích Nam thiên, thoát hình Tây thổ, đằng vân Chúc lĩnh, giáp nhật Lam sơn, thần thông chiến thoái Minh sư, xá lị trấn an Việt điện, hương yên sùng phụng, danh bá Trung Nguyên. Ký Hoàng Lê đệ nhị đế đương dương, ngọc vũ trừng thanh, bảo sơn xiển lãng, tồn Đông A ư tam khác, nãi lâu phượng ư bích ngô. Quyết hữu Hình bộ Thượng thư Dương Khê hầu, thực xuất kim chi, cao tiêu nhạn tháp, thủy dĩ kỳ tự vi thị, tả "đăng" nhi hữu "ấp," Đặng phả truyền phương, thực cơ khánh chỉ.

Ngũ thế chi hậu, đốc sinh ý thục, tác tần Trịnh Vương, tự Kinh thất chi huy âm, khởi Vị Dương chi mỹ nghiệp, kế sinh đệ nhị tổ Nghiêm Quận chúa, thừa huy quế dịch, phát tú tâm viên, nãi năng nhã ý Tam Thừa, truy sùng Phật tổ, xưởng tam toà chi điện vũ, nhuận bách mẫu chi hương du, tứ bích mao nghê, hàm mông từ ấm.

Đệ tam tổ, phân quang thế hệ, đế tích thiện dư, xuất dịch tẩm nhi nhập tùng lâm, đầu thiền lục thập dư thu, hằng tâm khổ tiết, bảo dưỡng toàn tự. Thiên hùng Đại đô đốc Đặng Thai công, tao tế minh thời, liệp tê cùng trật, thân cư suý mạc, nhi tâm gia thiền quynh, động niệm binh hoả chi hậu, tự vũ ca đồi, phàm lực khả sanh phù, vô bất vi chi tu tập.

Tuế Ất Dậu, địa phương nhân hữu dục triệt tự dĩ chướng thủy giả, công lực bảo chi đắc tồn.

Công nữ phụng thị hậu cung, kiến phong Mậu chiêu. Long hóa hậu, tấu thỉnh xuất gia, khâm phụng tự hoàng đế tứ trú trì sơn tự, nãi truy tiền tổ Quận chúa sáng tạo chi công, dưỡng tổ mẫu quy y chi sở. Giáp Dần xuân, ký trú hồng chung nhất khỏa. Đinh Tỵ thu, tái mưu quyên tư cựu cấu, tuy dư chấp nghi nan, nhi tín tâm vô ngại. Ư thị thập phương cung thí, bất ước nhi đồng, thượng tự công hầu quý nhân, hạ cập hương thôn thiện tín, các tống ngân tiền, cộng thành phúc quả. Thai công lực tương kỳ sự. Lô, Hát hiến mộc, Thâu, Lâu phủng thằng, lâu các tham thiên, kim chu dũng địa, canh hàn thử nhi cáo tuấn, thực bội tỉ hồ tiền cấu.

Y! Tự giả tự dã. Việt tự bạch mã truyền kinh, hồng lô cư phụng, tây lai di giáo, diễn cập Nam thiên, tuy hữu phế hưng, nhi đạo thường tự tục.

Cái bổ đề đại công đức, tu đãi đàn na đại lực lượng. Kim hậu du du thượng phương nhi tham cổ sát, khấu kỳ sở dĩ tự huy danh tích, khả bất tầm thái thanh âm hưởng chi sở tòng tai.

Đặng gia trung hiền tụy ư nhất môn, quý tần tăng xưởng phúc cơ, viễn cận phương trúc, kỳ chân khắc tự giả hĩ. Nhi kỳ năng thành quý tần chi thiện niệm giả. Dịch *viết: Gia hữu nghiêm quân yên.*

Dư dữ Đặng Thai công tương khế, hỷ kỳ thế đức chi hoằng cự, khánh trạch chi miên diên , nhân chí chi ngôn vu thạch.

DỊCH NGHĨA:

BÀI KÝ BIA CHÙA QUẢNG NGHIÊM

Chùa Quảng Nghiêm ở núi Tiên Lữ, là nơi hiển thánh Quốc sư Trần Khai Sơn triều ta trụ trì.[1] Quốc sư phát tích ở trời Nam, trút thi thể ở cõi Tây, vượt mây non Chúc, giúp trời núi Lam,[2] hiển hiện phép thần thông, đánh lui giặc Minh, xá lỵ[3] trấn yên cõi Việt, hương khói phụng thờ, danh tiếng lẫy lừng cả Trung Nguyên. Tới khi vua thứ hai triều Lê lên ngôi,[4] lầu ngọc lắng trong, non báu rực sáng, lưu ý xử họ Đông A vào lệ tam khác,[5] bèn cho chim phượng đỗ ở cành bích ngô. Nhân có quan Hình bộ Thượng thư là Dương Khê hầu[6] dòng dõi cành vàng, nổi danh tháp nhạn,[7] mới lấy tên thụy làm họ: Bên trái chữ "đăng," bên phải chữ "ấp." Gia phả họ Đặng lưu truyền dấu thơm, thật là bắt nguồn từ đấy.

Sau đó năm đời, sinh ra bậc từ thục, làm cung tần cho chúa Trịnh , nêu được tiếng hay trong nhà Kinh thất,[8] mở ra nghiệp lớn ở chốn Vị Dương,[9] liền sinh tổ thứ hai là Nghiêm Quận công chúa, nối ánh sáng trong cung quế dịch, phát tâm quảng đại, có nhã ý về đạo Tam Thừa,[10] truy tôn Phật tổ, mở ba tòa cung điện lớn, cúng trăm mẫu ruộng đèn nhang, già trẻ quanh làng, đều nhờ ơn trạch.

Tổ thứ ba, chia ánh sáng đời trước, chứa chất duyên lành, ra cung quế mà vào rừng thông, theo đạo thiền hơn 60 năm, cảnh ngộ éo le, nhưng lòng thường thư thái, nuôi dạy người cháu là Thiên hùng Đại đô đốc Đặng Thai công, gặp gỡ đời thịnh, quan tới cực phẩm, thân ở trong màn tướng soái, mà tâm thì để ở cửa thiền, nghĩ rằng, sau cơn binh hoả, chùa cảnh đổ nát, phàm những việc có thể giúp được, thì không gì là không làm.

Năm Kỷ Dậu (1789), dân địa phương có dịp bàn rỡ chùa đi để chống nước lụt, ông hết sức bảo quản, may được bảo toàn.

Con gái ông được vào hầu trong cung, hiện phong chức Mậu chiêu.[11] Sau khi nhà vua qua đời, tâu xin xuất gia, kính nhờ tự quân[12] ban cho được trụ trì tại chùa núi, bèn nghĩ tới công sáng tạo của vị Quận chúa là tổ trước kia và là nơi quy y của dưỡng tổ mẫu. Mùa xuân năm Giáp Dần (1794), đã đúc một quả chuông lớn. Mùa thu năm Đinh Tỵ (1797), lại bàn quyên tiền sửa chùa, dẫu mọi người nghĩ là khó khăn, mà lòng tin tưởng vẫn không quản ngại. Thế là, thập phương tiến cúng, không hẹn mà đồng lòng. Trên từ các vị công hầu quý nhân, dưới đến thiện nam tín nữ các làng xóm, cùng góp tiền của, để thành quả phúc. Thai công hết lòng giúp đỡ việc đó. Nào là từ sông Lô, sông Hát chuyển gỗ về, ông Thâu, ông Lâu[13] nảy mực thước. Lầu cao ngất trời, vàng ngọc đầy đất, qua một năm làm xong, qui mô gấp mấy lần trước.

Ôi! Chùa là sự tiếp nối vậy. Kể từ khi có bạch mã chở kinh kệ, toà hồng lô phụng thờ,[14] tông giáo cũ từ phương tây tới, lưu hành tới cõi trời Nam, dẫu có lúc thịnh lúc suy, nhưng đạo Phật vẫn được tiếp nối theo sau. Có lẽ công đức lớn lao của bồ đề,[15] phải nhờ có lực lượng lớn của đàn na.[16] Nay về sau, ai nấy rong chơi chốn thượng phương,[17] tham quan cổ sái,[18] muốn hỏi rõ sự tích nổi tiếng về người nối tiếp tốt đẹp đó, có thể không tìm tới âm hưởng của chuông thái thanh từ đâu tới ư?

Những bậc trung hiền nhà họ Đặng, tụ họp ở cả một cửa, bà quý tần lại mở rộng thêm nền phúc, dấu thơm gần xa, thật là đã có thể tiếp nối được, mà có thể thành được cái ý niệm tốt đẹp của vị quý tần đó. Đúng như *Kinh Dịch* nói rằng: "Nhờ có nghiêm quân ở trong nhà."[19]

Tôi cùng với Đặng Thai công là bạn, mừng về thế đức của nhà ông rộng lớn, phúc trạch thì lâu bền, nhân ghi lời tản mạn vào đá.

CHÚ THÍCH:

1. Hiển thánh Quốc sư: *Đại Nam nhất thống chí*, mục *Tự quán* của tỉnh Cao Bằng chép: "Quốc sư quê làng Bối Khê, huyện Thanh Oai, trụ trì tại chùa Quảng Nghiêm, pháp hiệu Bình An thiền sư, có phép linh thông, đời khen là "đắc đạo chân nhân". Khi mất hương thơm đầy nhà, người làng xếp thi thể vào trong khám để thờ, hàng năm cứ ngày mùng 4, 5, 6 tháng giêng vào hội, xa gần tới lễ bái rất đông.

2. Núi Lam, tức Lam Sơn, nơi Lê Lợi khởi nghĩa đánh giặc Minh.

3. Xá lỵ: Cao tăng sau khi lên hoả đàn, xác cháy thành than, trong đống than đó có những viên sáng như ngọc thất bảo, viên đó gọi là xá lỵ.

4. Triều vua Lê thứ hai, tức Lê Thái Tông (1434-1442).

5. Tam khác, nghĩa ba điều kính. Chu Vũ Vương lấy được thiên hạ của chúa Trụ, kính cẩn đối xử với ba đời trước, nhân phong cho con cháu vua Thuấn, vua Hạ Vũ, vua Thương Thang làm chư hầu ở ba nước Trần, Kỷ, Tống. Về việc phong cho ba nước ấy gọi là "Tam khác."

6. Dương Khê hầu, chưa rõ tên thật là gì.

7. Cành vàng, tức cành vàng lá ngọc, chỉ họ nhà vua, do Dương Khê hầu vốn là dòng họ nhà Trần.

Tháp nhạn: Ngôi chùa, người ta thường gọi là tháp nhạn, nhạn tháp hay phong đài...

8. Kinh thất, cũng như nói Vương thất, nhà vua ở.

9. Vị Dương, chỉ nơi ông cậu (em ruột mẹ) ở. *Kinh Thi*: "Ngã tống cữu thị, viết chi Vị dương," (Ta đưa tiễn cậu ta, tới bến bờ bắc sông Vị).

10. Tam thừa, tức ba cỗ xe để chở. Thượng thừa cũng như đại thừa, chở được hết cả mọi người, ví như bậc Bồ Tát; Trung thừa chỉ chở được mình và một người nữa, ví như bậc Viên giác; Tiểu thừa cũng như Hà thừa, ví với bậc A nan hán, chỉ chở được một mình.

11. Mậu chiêu, là một chức trong tam chiêu, nữ quan trong cung.

12. Tự quân, Thái tử bắt đầu lên nối ngôi, gọi là tự quân hay cũng gọi là tự hoàng.

13. Ông Thâu, ông Lâu, tức Công Thâu Minh và Ly Lâu, hai thợ mộc giỏi đời Xuân Thu.

14. Bạch mã, hồng lô: Đời Đường, sư Huyền Trang sang Tây Vực thỉnh kinh, xếp kinh trên lưng con bạch mã chở về. Về tới kinh đô Lạc Dương, để kinh vào toà hồng lâu tự. "Tự"gọi là chùa, gốc từ đây.

15. Bồ đề, nghĩa là "toàn giác"(hoàn toàn tỉnh ngộ), chỉ vào Phật tổ Như Lai.

16. Đàn na, là người bỏ tiền ra bố thí.

17. Thượng phương, danh từ gọi chùa ở trên cao.

18. Cổ sái cũng đọc cổ sát chỉ ngôi chùa trên cao.

19. Nhờ nghiêm quân ở trong nhà (gia hữu nghiêm quân yên), nghiêm quân, danh từ dùng để gọi cha mình. Chữ ở *Thoán từ*, quẻ *Gia nhân, Kinh Dịch*.

14. 崇德祠碑記

祠於景興丙戌春，先考文裕王所建也。先考以是年登第，即正寢之東，造土一區，築基堅址，乘艮龍立丙向，內堂自丁方祿儲，拜相砂彎抱乎其南，養龍水纏繞乎其北，東則巽山影照，西則銳江迴流，亦吾邑一勝地。

我列先顯祖，培篤仁基，迨我顯考，始開拓我門户，克篤其

慶，式至于今，詩書之澤累百餘年，猗歟休哉。惟皇上帝，實錫我家文獻。曾孫某承蔭于無疆，及其子弟若孫，引而不替。洪惟我列先祖考，陰騭之所貽裕，不既弘且遠歟。

某躬行實踐，不逮前人，才淺德薄，頓而復起，慄慄危懼，思先業之不可以墜。乃於酬世之暇，追述祖考之德，勒諸堅珉，以詔其後。

夫！以某之不德不足法也。先曾祖考丹岳公，樸厚誠實，循規蹈矩。先祖考雪齋公，高邁清逸，不願乎其外。先考文裕王，以文章高一世，心無適莫，而其大節凜然。繄我三祖皆無疵德，眞足以範來世。參嘗，無有踰越。

某恪奉家緒，他日祔諸先公之廟，當以次而祧，遵如典禮。

嗚呼！彝倫攸敘，人道所以爲大，凡我後人，紬繹此義，是我家文獻，常可邀昊貺而無泯墜也。

所有祭祀儀式並香火田池土園，銘刻碑陰，用傳永久。曾孫某恭記。

其祭祀儀式幷銘附下。

列祖不遷廟，時節享祀，與生時忌時，並依祭典。來世以昭穆爲序，左昭右穆，並在石床中間下。一位以上南面。其石床之東偏，以列祖次室之有子者從祀，妾附于廟者。禮：“繼別爲宗”。妾雖有所出，小宗不得宗爲繼別之少祖也。石床之西偏，以本音祖姑祖叔從祀。殤而無嗣，以之附祖，禮亦宜之。又有以義起者。崇德祠之西，別立永思堂，中設顯考妣影座，爲忌時闔門奠哭之所。此乃尊尊於廟，而親親於堂，來世推而行之，亦無不可。

第二郎字用吉，既已立後，禮其後宗所繼者，然當萃于祖考，許

祀于永思堂之西以上南面。其東則列祖諸妾與現在諸妾之有子女者從祀，但以東上西面爲別耳。

夫！禮因人情而爲之節文，今所位置，實求其情之所宜。如有推廣而斟酌之，以待吾後，謹爲之銘曰：

代有盛晚。

石則可轉。

不可轉者。

止於至善。

善端之推。

百世可知。

書不盡言。

何況於碑。

PHIÊN ÂM:

SÙNG ĐỨC TỪ BI KÝ

Từ ư Cảnh Hưng Bính Tuất xuân, tiên khảo Văn Dụ Vương sở kiến dã. Tiên khảo dĩ thị niên đăng đệ, tức chính tẩm chi đông, tạo thổ nhất khu, trúc cơ kiên chỉ, thừa Cấn long lập Bính hướng, nội đường tự Đinh phương lộc trừ, bái tương sa loan bão hồ kỳ nam, dưỡng long thủy triền nhiễu hồ kỳ bắc, đông tắc Huỳnh sơn ảnh chiếu, tây tắc Nhuệ giang hồi lưu, diệc ngô ấp nhất thắng địa.

Ngã liệt tiên hiển tổ, bồi đốc nhân cơ, đãi ngã hiển khảo, thủy khai thác ngã môn hộ, khắc đốc kỳ khánh, thức chí vu kim, thi thư chi trạch, lũy bách dư niên, y dư hưu tai. Duy Hoàng Thượng Đế, thực tích ngã gia văn hiến. Tằng tôn mỗ thừa ấm vu vô cương, cập kỳ tử đệ nhược tôn, dẫn nhi bất thế. Hồng duy ngã liệt tiên tổ khảo, âm chất chi sở di dụ, bất hoằng thả viễn dư?

Mỗ cung hành thực tiễn, bất đãi tiền nhân, tài tiển đức bạc, đốn nhi phục khởi, lật lật nguy cụ, tư tiên nghiệp chi bất khả dĩ trụy. Nãi ư thù thế chi hà, truy thuật tổ khảo chi đức, lặc chư kiên dân, dĩ chiếu kỳ hậu.

Phù! Dĩ mỗ chi bất đức bất túc pháp dã. Tiên tằng tổ khảo Đan Nhạc công, phác hậu thành thực, tuần quy đạo củ. Tiên tổ khảo Tuyết Trai công, cao mại thanh dật, bất nguyện hồ kỳ ngoại. Tiên khảo Văn Dụ Vương, dĩ văn chương cao nhất thế, tâm vô thích mạc, nhi kỳ đại tiết lẫm nhiên. Ế ngã tam tổ giai vô tỳ đức, chân túc dĩ phạm lai thế. Tham chước tình lễ, tịnh đương bách thế bất thiên, cung thượng từ hiệu viết: Sùng Đức, thiên thu chưng thường, vô hữu dư việt.

Mỗ khác phụng gia tự, tha nhật phụ chư tiên công chi miếu, đương dĩ thứ nhi diêu, tuân như điển lễ.

Ô hô! Di luân du tự, nhân đạo sở dĩ vi đại, phàm ngã hậu nhân, trừu dịch thử nghĩa, thị ngã gia văn hiến, thường khả yêu hạo hướng nhi vô dẫn trụy dã.

Sở hữu tế tự nghi thức tịnh hương hoả điền trì thổ viên, minh khắc bi âm, dụng truyền vĩnh cửu. Tằng tôn mỗ cung ký.

Kỳ tế tự nghi thức tịnh minh phụ hạ:

Liệt tổ bất thiên miếu, thời tiết hưởng tự, dữ sinh thời kị thời, tịnh y tế điển. Lai thế dĩ chiêu mục vi tự, tả chiêu hữu mục, tịnh tại thạch sàng trung gian hạ. Nhất vị dĩ thượng nam diện. Kỳ thạch sàng chi đông thiên, dĩ liệt tổ thứ thất chi hữu tử giả tòng tự, thiếp phụ vu miếu giả. Lễ: "Kế biệt vi tông." Thiếp tuy hữu sở xuất, tiểu tông bất đắc tông vi kế biệt chi Thiếu tổ dã. Thạch sàng chi tây thiên, dĩ bản âm tổ cô tổ thúc tòng tự. Thương nhi vô tự, dĩ chi phụ tổ, lễ diệc nghi chi. Hựu hữu dĩ nghĩa khởi giả. Sùng Đức từ chi tây, biệt lập Vĩnh Tư đường, trung thiết hiển khảo tỷ ảnh toạ, vi kị thời hạp môn điện khốc chi sở. Thử nãi tôn tôn ư miếu, nhi thân thân ư đường, lai thế suy nhi hành chi, diệc vô bất khả.

Đệ nhị lang tự Dụng Cát, ký dĩ lập hậu, lễ kỳ hậu tông sở kế giả, nhiên đương tụy vu tổ khảo, hứa tự vu Vĩnh Tư đường chi tây dĩ thượng nam diện. Kỳ đông tắc liệt tổ chư thiếp dữ hiện tại chư thiếp chi hữu tử giả tòng tự, đãn dĩ đông thượng tây diện vi biệt nhĩ.

Phù! Lễ nhân nhân tình nhi vi chi tiết văn, kim sở vị trí, thực cầu kỳ tình chi sở nghi. Như hữu suy quảng nhi châm chước chi, dĩ đãi ngô hậu, cẩn vi chi minh viết:

Đại hữu thịnh văn,
Thạch tắc khả chuyển.

Bất khả chuyển giả,

Chỉ ư chí thiện.

Thiện đoan chi suy,

Bách thế khả tri.

Thư bất tận ngôn,

Hà huống ư bi.

DỊCH NGHĨA:

BÀI KÝ KHẮC VÀO BIA TỪ ĐƯỜNG SÙNG ĐỨC

Từ đường này do Văn Dụ Vương là tiên khảo ta xây dựng vào mùa xuân năm Bính Tuất đời Cảnh Hưng (1766). Tiên khảo ta năm đó thi đỗ, nhân bên đông nhà chính tẩm tậu được một khoảng đất, đắp nền bao chái, cửa xoay theo hướng Bính, nội đường chứa lộc từ phương Đinh "bái tướng sa" ôm phía nam; "dưỡng long thủy" vòng phía bắc.[1] Phía đông thì bóng núi Huỳnh chiếu về, phía tây thì dòng sông Nhuệ đưa tới, cũng là một khu đất đẹp của làng ta vậy.

Các vị liệt tiên hiển tổ ta, đắp vững nền nhân, đến hiển khảo ta mới bắt đầu mở mang cửa nhà ta, bồi đắp thêm một nhánh, quy mô còn đến tới mãi ngày nay, ân trạch thi thư chứa chất đã trải hơn trăm năm. Ôi! Tốt đẹp thay! Kính nghĩ đấng Thượng Đế rộng lớn kia, quả thật đã ban nếp văn hiến cho nhà ta. Tằng tôn là mỗ tôi, nối tiếp mãi đến vô cùng, kịp tới con em và cháu chắt liên tục không dứt. Lớn lao thay các vị liệt tiên tổ khảo ta, âm chất[2] để lại, chẳng đã rộng mà còn dài xa đấy ư?

Mỗ tôi đây, thực đã noi theo, nhưng chưa kịp người xưa, tài hèn đức mỏng, mỗi khi xảy ngã lại vươn lên, nơm nớp lo sợ, mong sao cơ nghiệp của tổ tiên không thể sụp đổ, nhân những khi việc công thư rỗi, truy ngược mà thuật lại đức nghiệp của tổ khảo, khắc vào bia đá, để nhủ bảo đời sau.

Ôi! Mỗ tôi không có đức, không đủ làm khuôn phép. Tiên tằng tổ khảo Đan Nhạc công, phác hậu thành thực, vào khuôn ra phép; Tiên tổ khảo Tuyết Trai công, hào mại thanh thoát, không tham hãnh diện bề ngoài; Tiên khảo Văn Dụ Vương, văn chương trội hẳn một đời, lòng không ưa ghét ai, khí tiết to lớn lẫm liệt. Ba vị tổ khảo ta, đức hạnh vẹn toàn, thật đủ làm khuôn mẫu cho đời sau. Tham chước cả tình và lễ, đều "trăm

đời không đổi."[3] Kính dâng tên từ đường thờ các ngài là "Sùng Đức từ," nghìn năm những lễ đông chí, thường tân, không được bỏ qua.

Mỗ tôi đây, kính nối nghiệp gia tiên, sau này sẽ phụ phối vào miếu thờ Tiên công, cứ thứ tự mà xếp đặt, theo đúng như điển lễ.

Than ôi! Việc giữ gìn luân thường, đạo làm người phải coi điều đó làm trọng. Phàm những kẻ sau ta, hiểu được nghĩa lý đó, ấy là nếp văn hiến của gia đình ta luôn có thể được trời ban cho, không bị đổ vỡ vậy.

Tất cả nghi thức thờ cúng, ruộng đất vườn ao hương hoả, khắc ở mặt sau bia, để truyền lại lâu dài. Tằng tôn, mỗ kính ghi.

Phụ chép nghi thức cúng tế và lời minh.

Miếu liệt tổ không được thay đổi, các tuần tiết cúng lễ, ngày sinh ngày giỗ, đều như theo tế điển. Đời sau thì sắp xếp theo thứ tự hàng chiêu hàng mục: Hàng chiêu bên phải, hàng mục bên trái[4] đều ở bên dưới, khoảng giữa chiếc sập đá. Ở bên trên là ngôi thứ nhất thì thờ quay hướng nam. Bên đông chiếc sập đá, thì thờ các bà thứ thất của các cụ có con trai. Thiếp thì phụ thờ ở miếu. *Kinh Lễ* nói: "Đời tiếp theo đã chia ra thì là tông." Nàng thiếp tuy có con, nhưng vẫn không thể coi là vị Thiếu tổ của đời nối tiếp theo đã chia ra mà lập làm tiểu tông được.[5] Ở bên tây sập đá, thì thờ các vị tổ cô, tổ thúc, của bản tộc. Người chết non không có con, cho là yểu vong, thì phụ vào với tổ, thế cũng là hợp lễ. Lại cũng có ý vì nghĩa mà lập nên. Bên tây đền Sùng Đức, làm riêng chiếc Vĩnh Tư đường, ở giữa đặt thờ ảnh hai vị hiển khảo và hiển tỉ, để làm nơi khi gặp ngày kị khốc ở điện thì đóng cửa.[6] Đó là theo cái nghĩa "tôn vị tôn ở miếu, thân vị thân ở đường," đời sau cứ suy thế mà làm, cũng có thể được.

Con thứ hai ta tự là Dụng Cát, đã lập hậu rồi, theo lễ đã lập hậu rồi, nên được theo với tổ khảo, cho được thờ bên tây nhà Vĩnh Tư đường, ở hiên hướng nam. Bên đông thì thờ các bà thiếp của các cụ, và các nàng thiếp hiện tại đã có con trai, con gái, song phải thờ trên phía đông quay về tây, để phân biệt mà thôi!

Ôi! Lễ là dựa theo tình cảm của con người mà đặt ra thứ bậc các tiết, nay đặt ra vị trí đó, chính là mong hợp với tình cảm đó. Còn như việc mở rộng mà thêm hay bớt thì đợi ở con cháu đời sau vậy.

Kính cẩn làm bài minh rằng:

Đời có sớm có muộn,
Đá có thể di chuyển.
Cái không di chuyển được,
Đó là lòng chí thiện.

Suy mối thiện đó ra,
Trăm đời có thể biết.
Viết ra không cạn lời,
Huống chi bia nào hết.

CHÚ THÍCH:

1. "Bái tướng sa": Thuật ngữ của địa lý, nghĩa: Dòng nước triều cúng về.

"Dưỡng long thủ": Thuật ngữ địa lý, nghĩa: Dòng nước nhuần thấm từ bên ngoài.

2. Âm chất: Chỉ việc làm điều phúc, điều thiện không ai biết, chỉ có quỷ thần biết được mà thôi.

3. Trăm đời không đổi (bách thế bất thiên). *Kinh Lễ*: "Hữu bách thế bất thiên chi tổ, hữu ngũ thế tắc thiên chi tông" (Có vị tổ trăm đời không đổi, có vị tông năm đời thì thay đổi). Nghĩa là vị thủy tổ, vị nào mà con cháu bắt đầu khởi lên phú quý, thì vị đó được thờ ở miếu mãi, trăm đời không thay đổi. Ngoài ra chỉ thờ qua 5 đời, đến đời thứ 6 thì hóa thần chủ đi, rồi thờ vào hàng chiêu hàng mục theo thứ tự.

4. Hàng chiêu hàng mục: Ở nhà Thái miếu thờ vị thủy tổ ở giữa, trên cao hướng chính nam. Phía dưới hai bên: Tả thờ hàng chiêu, thờ các vị ở đời theo số chẵn, như đời thứ hai, thứ bốn, thứ sáu, gọi là " Tả chiêu;" hữu thờ hàng mục, thờ các vị ở đời theo số lẻ, như đời thứ ba, thứ năm gọi là "Hữu mục." Tả chiêu hữu mục cùng hướng vào nhau, vì không được cùng một hướng với thủy tổ. Và bố con không được cùng một hàng, cứ cháu thì theo ông. Phép thờ cúng này có từ đời nhà Chu.

5. Đời tiếp theo đã chia ra (kế biệt vi tông): Vì nhà thờ tứ thế (bốn đời, kể từ đời cha trở lên) người con trưởng là Thống tông, được thờ ở từ đường này, gọi là từ đường "tiểu tông." Những người con thứ, sau khi qua đời, được lập miếu thờ riêng.

Kinh Lễ nói: "Biệt tử vi tổ, kế biệt vi tông" (người con thứ đã tẽ ra thì là tổ, con của người đó là đời nối tiếp tẽ ra, thì lại là tông).

6. Đóng cửa (hạp môn), ngày giỗ có tổ chức tế, trong ban tế gồm: Một chủ tế, hai bồi tế, hai đông xướng, hai tây xướng... Trước hết xướng dâng hương, rồi xướng dâng rượu, dâng cơm, cuối cùng là hạp môn, nghĩa là đóng hẳn cửa từ đường trong mấy phút rồi mở ra, cho là đóng cửa cho tối đi để các vị về hâm hưởng, không bị dương khí lấn át.

15. 追遠壇碑記

我吳之邃，其詳不可聞矣。肇祖福基公，妣號慈慶徽人，邑於青威，實始我族。繼生十二代祖考美德公，官高山局正掌，文階也，祖妣慈樂徽人，氏不記。

顯十一代祖考弘毅公，官明翊將軍親軍神武後衛都指揮使司都指揮同知輕車尉威武侯，武階也。祖妣明慧徽人楊氏。

十代祖考謹節公，發科儒生中式。祖妣德心徽人，氏不記。公長男曰福源公，次男曰福全公。福全公之後：賜庚辰科進士，特進金紫榮祿大夫，參從户部尚書，入侍經筵，暉郡公，贈少保，賜謚敦雅，忠碩公，道號認齋先生；賜辛丑科進士，特進金紫榮祿大夫，宣力功臣，入侍陪從，兵部尚書，致仕，起復贈少保，芳郡公，賜謚端謹，洪量公，道號慎齋先生，乃其四世孫也。賜戊辰科進士，翰林院校討，明睿，道號醇謹先生，乃其五世孫也。我吳自是始大。分支亦始於此。

顯九代祖考福源公，官寧山縣主簿。祖妣純一徽人阮氏，繼祖妣徽人武氏。

顯八代祖考忠俊公，道號和溪先生，官瓊瑰縣宰，純一徽人出也。祖妣慈良徽人吳氏。

顯七代祖考直誠公，官主簿。祖妣慈莊徽人吳氏。

顯六代祖考福延公，道號安靖先生，國饒學。祖妣慈光徽人阮氏。公長男曰福綿公，今族長廷佳乃其五世孫也。次曰通達公，季曰卓犖公，首宏詞科。

顯五代祖考通達公，道號雅實先生，官光進慎祿大夫奉天府治中盛祿男。祖妣淑悌徽人，次祖妣慈儀徽人，二妣並阮氏。

顯曾祖考謙文公，道號丹岳先生，官謹事郎大理寺寺丞，慈儀

徽人出也。祖妣慈端徽人阮氏。

顯祖考醇美公，道號雪齋先生，官特進金紫榮祿大夫宣光等處贊治承政使司參議豐澤伯，贈封太僕寺卿修慎尹。祖妣節懿徽人蔣氏。

顯考世祿公，道號午峰先生，前朝奉準癸未進朝賜丙戌科正進士，奉差諒山處督鎮，户部右侍郎，今特進紫榮祿大夫，禮部尚書慶延侯。褒封溫博厚誠文裕匡運扶道昌澤護國保民洪烈大王。顯妣貞慈正夫人阮氏。

世次臚列，緬懷先德，報本反始，良切于心。考按經典，壇祭禮也，墓祭非禮也。謹築壇于本社德林村銳江岸處，號曰：追遠壇，以遞年春首本社祈慶後一日合祭。奉自肇祖福基公，至福源公，福全公列位同壇，次序昭穆。其自分支以下，大小祖宗考妣，與其各位諸公，通請配享，此尊祖敬宗，表顯功德，所以明"萃格崇報"之義也，萬世雲仍，宜率履不越。

有昭穆議，及祭田處所，祀事品節，並刻碑陰，用傳永久。耳孫某恭記。

其昭穆議附下：

是壇之設，迺某侯孝志也。萃十數世之昭明烹蒿而禋祀之。奉肇祖福基公，始祖美德公正位，而以列祖弘毅公、謹節公、福源公、福全公配，並無謚號。其次通請大小宗祖考妣附饗，明祭統也。

謹按經典，又有謹"以義起者"。父昭子穆，禮之常。祖功宗德，義之正。故古者王公之廟有世室，士大夫於世廟之外，亦有專廟。去廟爲壇，其義當參酌也。

我吳爲族，世望我國。其猶有記載可傳，幾四百年。儒書繼出，文武並行。才子才孫，世科世官。其福澤源源有未可量。此蓋先祖積慶有所自來，列祖弘毅公、謹節公、以德行道誼培固根

本。從此分支，各爲本支不遷之少祖。謹奉弘毅公爲左昭，謹節公爲右穆，而以本音祖考妣之不著謚號者從祀。惟忠碩公、洪量公、明審公（公先發科次序從譜）、世祿公、以科名事業，拔拓其門户，兄弟同朝，父子世科，實爲我族登龍門，傳衣鉢之赤幟。其功光祖宗，慶流嗣胤，並當在有功則祀之例。謹奉忠碩公配左昭，洪量公配右穆，明審公在忠碩公之次，世祿公在洪量公之次。顯著謚號，與四位昭穆同，後世子孫，登大科躋顯官者，以此例推，庶幾禮義兩得，爲萬世後賢者勸。豎碑之日，本族員目長幼同議，併書于石。

PHIÊN ÂM:

TRUY VIỄN ĐÀN BI KÝ

Ngã Ngô chi thúy, kỳ tường bất khả văn hĩ. Triệu tổ Phúc Cơ công, tỉ hiệu Từ Khánh huy nhân, ấp ư Thanh Oai, thực thủy ngã tộc. Kế sinh thập nhị đại tổ khảo Mỹ Đức công, quan Cao sơn cục chính chưởng, văn giai dã, tổ tỉ Từ Lạc huy nhân, thị bất kí.

Hiển thập nhất đại tổ khảo Hoằng Nghị công, quan Minh dực tướng quân thân quân thần vũ hậu vệ Đô chỉ huy sứ ty đô chỉ huy Đồng tri khinh xa uý Uy Vũ hầu, võ giai dã. Tổ tỉ Minh Tuệ huy nhân Dương thị.

Thập đại tổ khảo Cẩn Tiết công, phát khoa nho sinh trúng thức. Tổ tỉ Đức Tâm huy nhân, thị bất ký. Công trưởng nam viết Phúc Nguyên công, thứ nam viết Phúc Toàn công. Phúc Toàn công chi hậu: Tứ Canh Thìn khoa tiến sĩ, Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Tham tụng Hộ bộ Thượng thư, Nhập thị kinh diên, Huy quận công, tặng Thiếu bảo, tứ thụy Đôn Nhã, Trung Thạc công, đạo hiệu Nhận Trai tiên sinh; tứ Tân Sửu khoa Tiến sĩ, Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Tuyên lực công thần, Nhập thị bồi tụng, Binh bộ Thượng thư, trí sĩ, khởi phục tặng Thiếu bảo, Phương quận công, tứ thụy Đoan Cẩn, Hồng Lượng công đạo hiệu Thận Trai tiên sinh, nãi kỳ tứ thế tôn dã. Tứ Mậu Thìn khoa Tiến sĩ, Hàn lâm viện hiệu thảo, Minh Duệ công, đạo hiệu Thuần Cẩn tiên sinh, nãi kỳ ngũ

thế tôn dã. Ngã Ngô tự thị thủy đại. Phân chi diệc thủy ư thử.

Hiển cửu đại tổ khảo Phúc Nguyên công, quan Ninh Sơn huyện Chủ bạ. Tổ tỉ Thuần Nhất huy nhân Nguyễn thị, kế tổ tỉ huy nhân Vũ thị.

Hiển bát đại tổ khảo Trung Tuấn công, đạo hiệu Hòa Khê tiên sinh, quan Quỳnh Côi huyện tể, Thuần Nhất huy nhân xuất dã. Tổ tỉ Từ Lương huy nhân Ngô thị.

Hiển thất đại tổ khảo Trực Thành công, quan Chủ bạ. Tổ tỉ Từ Trang huy nhân Ngô thị.

Hiển lục đại tổ khảo Phúc Diên công, đạo hiệu An Tĩnh tiên sinh, Quốc nhiêu học. Tổ tỉ Từ Quang huy nhân Nguyễn thị. Công trưởng nam viết Phúc Miên công, kim tộc trưởng Đình Giai, nãi kỳ ngũ thế tôn dã. Thứ viết Thông Đạt công, quý viết Trác Lao công, thủ Hoành từ khoa.

Hiển ngũ đại tổ khảo Thông Đạt công, đạo hiệu Nhã Thực tiên sinh, quan Quang tiến thận lộc đại phu, Phụng Thiên phủ trị trung Thịnh Lộc nam. Tổ tỉ Thục Đễ huy nhân, thứ tổ tỉ Từ Nghi huy nhân, nhị tỉ tịnh Nguyễn thị.

Hiển tằng tổ khảo Khiêm Văn công, đạo hiệu Đan Nhạc tiên sinh, quan Cẩn sự lang Đại lí tự tự thừa Từ Nghi huy nhân xuất dã. Tổ tỉ Từ Đoan huy nhân Nguyễn thị.

Hiển tổ khảo Thuần Mỹ công, đạo hiệu Tuyết Trai tiên sinh, quan Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Tuyên Quang đẳng xứ Tán trị thừa chánh sứ ti Tham nghị, Phong Trạch bá, tặng phong Thái bộc tự khanh tu thận doãn. Tổ tỉ Tiết Ý huy nhân Tưởng thị.

Hiển khảo Thế Lộc công, đạo hiệu Ngọ Phong tiên sinh, tiền triều phụng chuẩn Quý Vị tiến triều tứ Bính Tuất khoa Chánh tiến sĩ, phụng sai Lạng Sơn xứ Đốc trấn, Hộ bộ Hữu thị lang, kim Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Lễ bộ Thượng thư Khánh Diên hầu. Bao phong "Ôn bác hậu thành văn dụ khuông vận phù đạo xương trạch hộ quốc bảo dân hồng liệt Đại Vương." Hiển tỉ Trinh Từ chánh phu nhân Nguyễn thị.

Thế thứ lô liệt, miến hoài tiên đức, báo bản phản thủy, lương thiết vu tâm. Khảo án kinh điển, đàn tế lễ dã, mộ tế phi lễ dã. Cẩn trúc đàn vu bản xã Đức Lâm thôn Nhuệ giang ngạn xứ, hiệu viết: Truy Viễn đàn, dĩ đệ niên xuân thủ, bản xã kỳ khánh, hậu nhất nhật hợp tế. Phụng tự Triệu tổ Phúc Cơ công, chí Phúc Nguyên công, Phúc Toàn công liệt vị đồng đàn, thứ tự chiêu mục. Kỳ tự phân chi dĩ hạ, đại tiểu tổ tông khảo tỉ, dữ kỳ các

vị chư công, thông thỉnh phối hưởng. Thử tôn tổ kính tông, biểu hiển công đức, sở dĩ minh "tụy cách sùng báo" chi nghĩa dã, vạn thế vân nhưng, nghi suất lý bất việt.

Hữu chiêu mục nghị, cập tế điển xứ sở, tự sự phẩm tiết, tịnh khắc bi âm, dụng truyền vĩnh cửu. Nhĩ tôn mỗ cung ký.

Kỳ chiêu mục nghị phụ hạ:

Thị đàn chi thiết, nãi mỗ hậu hiếu chí dã. Tụy thập sổ thế chi chiêu minh huân cao nhi yên tự chi. Phụng Triệu tổ Phúc Cơ công, thủy tổ Mỹ Đức công chính vị, nhi dĩ liệt tổ Hoằng Nghị công, Cẩn Tiết công, Phúc Nguyên công, Phúc Toàn công phối, tịnh vô thụy hiệu. Kỳ thứ thông thỉnh đại tiểu tông tổ khảo tỉ phụ hưởng, minh tế thống dã.

Cẩn án kinh điển, hựu hữu cẩn "dĩ nghĩa khởi giả." Phụ chiêu tử mục, lễ chi thường. Tổ công tông đức, nghĩa chi chính. Cố cổ giả Vương công chi miếu hữu Thế thất, sĩ đại phu ư Thế miếu chi ngoại, diệc hữu Chuyên miếu. Khử miếu vi đàn, kỳ nghĩa đương tham chước dã.

Ngã Ngô vi tộc, thế vọng ngã quốc. Kỳ do hữu ký tải khả truyền, cơ tứ bách niên. Nho thư kế xuất, văn vũ tịnh hành. Tài tử tài tôn, thế khoa thế hoạn. Kỳ phúc trạch nguyên nguyên hữu vị khả lượng. Thử cái tiên tổ tích khánh hữu sở tự lai, liệt tổ Hoằng Nghị công, Cẩn Tiết công, dĩ đức hạnh đạo nghị bồi cố căn bản. Tòng thử phân chi, các vi bản chi bất thiên chi thiếu tổ. Cẩn phụng Hoằng Nghị công vi tả chiêu, Cẩn Tiết ông vi hữu mục, nhi dĩ bản âm tổ khảo tỉ chi bất trước thụy hiệu giả tòng tự. Duy Trung Thạc công, Hồng Lượng công, Minh Duệ công (công tiên phát khoa thứ tự tòng phả), Thế Lộc công, dĩ khoa danh sự nghiệp, khôi thác kỳ môn hộ, huynh đệ đồng triều, phụ tử thế khoa, thực vi ngã tộc đăng Long môn, truyền y bát chi xích xí. Kỳ công quang tổ tông, khánh lưu tự dận, tịnh đương tại hữu công tắc tự chi lệ. Cẩn phụng Trung Thạc công phối tả chiêu, Hồng Lượng công phối hữu mục, Minh Duệ công tại Trung Thạc công chi thứ; Thế Lộc công tại Hồng Lượng công chi thứ. Hiển trước thụy hiệu, dữ tứ vị chiêu mục đồng, hậu thế tử tôn, đăng đại khoa tê hiển hoạn giả, dĩ thử lệ suy, thứ cơ lễ nghĩa lưỡng đắc, vi vạn thế hậu hiền giả khuyến. Thụ bi chi nhật, bản tộc viên mục trưởng ấu đồng nghị, tính thư vu thạch.

DỊCH NGHĨA:

BÀI KÝ KHẮC VÀO BIA ĐÀN TRUY VIỄN[1]

Họ Ngô ta sâu kín, không thể biết rõ. Vị Triệu tổ Phúc Cơ công, tổ tỉ hiệu Từ Khánh huy nhân, lập ấp ở Thanh Oai, mở đầu cho dòng họ ta. Tiếp nối sinh ra vị tổ khảo đời thứ 12[2] là Mỹ Đức công, quan tới chức Cao sơn cục chính chưởng, văn giai. Tổ tỉ Từ Lạc huy nhân, không rõ họ.

Tổ khảo đời thứ 11 là Hoằng Nghị công, quan tới chức Minh dực tướng quân thân quân thần vũ hậu vệ Đô chỉ huy sứ Đồng tri khinh xa uý, tước Uy Vũ hầu, vũ giai. Tổ tỉ họ Dương, thụy Minh Tuệ huy nhân.

Tổ khảo đời thứ 10 là Cẩn Tiết công, bắt đầu phát về khoa bảng, thi đỗ nho sinh trúng thức.[3] Tổ tỉ là Đức Tâm huy nhân, không rõ họ. Con trai trưởng là Phúc Nguyên công, thứ là Phúc Toàn công. Cháu chắt Phúc Toàn công là: Trung Thạc công, hiệu Nhận Trai tiên sinh, đỗ Tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700), quan tới chức Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Tham tụng Hộ bộ Thượng thư, Nhập thị kinh diên, tước Huy quận công, tặng hàm Thiếu bảo, ban tên thụy Đôn Nhã; Hồng lượng công đạo hiệu Thận Trai tiên sinh, đỗ Tiến sĩ khoa Tân Sửu (1721), quan tới Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Tuyên lực công thần, Nhập thị bồi tụng, Binh bộ Thượng thư, về hưu, lại triệu ra làm quan, tặng hàm Thiếu bảo, tước Phương quận công, được ban tên thụy Đoan Cẩn đều là cháu đời thứ 4 của cụ [Cẩn Tiết]. Minh Duệ công đạo hiệu là Thuần Cẩn tiên sinh, đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Thìn,[4] Hàn lâm viện hiệu thảo, là cháu 5 đời của ông. Họ Ngô ta từ đấy mới nảy nở to lớn, chia ra từng ngành cũng bắt đầu từ đây.

Hiển khảo tổ đời thứ 9 là Phúc Nguyên công, bổ chức Chủ bạ huyện Ninh Sơn. Tổ tỉ là Thuần Nhất huy nhân họ Nguyễn, kế tổ tỉ là huy nhân họ Vũ.

Hiển tổ khảo đời thứ 8 là Trung Tuấn công, đạo hiệu Hòa Khê tiên sinh, làm quan tới Tri huyện huyện Quỳnh Côi, do Thuần Nhất huy nhân sinh ra. Tổ tỉ là Từ Lương huy nhân họ Ngô.

Hiển tổ khảo đời thứ 7 là Trực Thành công, làm quan Chủ bạ. Tổ tỉ Từ Trang huy nhân họ Ngô.

Hiển tổ khảo đời thứ 6 là Phúc Diên công, đạo hiệu An Tĩnh tiên sinh, được dự vào hàng Quốc nhiêu học. Tổ tỉ là Từ Quang huy nhân họ Nguyễn. Con trai trưởng là Phúc Miên công, nay viên trưởng tộc Đình

Giai là cháu 5 đời, trai thứ là Thông Đạt công, trai út là Trác Lao công, đỗ đầu khoa Hoành từ.

Hiển tổ khảo đời thứ 5 là Thông Đạt công, đạo hiệu Nhã Thực tiên sinh, quan tới Quang tiến thận lộc đại phu, Phụng Thiên phủ trị trung, tước Thịnh Lộc nam. Tổ tỉ là Thục Đễ huy nhân, thứ tổ tỉ là Từ Nghi huy nhân, cả hai đều họ Nguyễn.

Hiển tằng tổ khảo là Khiêm Văn công, đạo hiệu Đan Nhạc tiên sinh, lĩnh chức Cẩn sự lang Đại lí tự tự thừa, do Từ Nghi huy nhân sinh ra. Tổ tỉ họ Nguyễn, hiệu Từ Đoan huy nhân.

Hiển tằng tổ khảo là Thuần Mỹ công, đạo hiệu là Tuyết Trai tiên sinh, quan tới Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Tuyên Quang đẳng xứ Tán trị thừa chính sứ ti Tham nghị, tước Phong Trạch bá, truy tặng Thái bộc tự khanh, Tu thận doãn. Tổ tỉ là Tiết Ý huy nhân, họ Tưởng.

Hiển khảo là Thế Lộc công, đạo hiệu Ngọ Phong tiên sinh, phụng mệnh triều đình trước cho được tiến triều[5] vào năm Quý Mùi (1763), thi đỗ Chánh tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766), quan tới Đốc trấn xứ Lạng Sơn, hàm Hộ bộ Hữu thị lang. Nay được truy tặng Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu. Lễ bộ Thượng thư, tước Khánh Diên hầu. Bao phong: "Ôn bác hậu thành văn dụ khuông vận phù đạo xương trạch hộ quốc bảo dân hồng liệt Đại Vương." Hiển tỉ là Trinh Từ chánh phu nhân, họ Nguyễn.

Trình bày thứ tự từng đời, tưởng tới công đức của tiền nhân, với nghĩa báo đáp lại nguồn gốc, tranh trạnh cõi lòng. Khảo xét về kinh điển, tế ở đàn là hợp lễ, tế ở mộ là không hợp lễ. Nhân kính đắp chiếc đàn ở bên bờ sông Nhuệ thuộc thôn Đức Lâm bản xã, gọi là đàn Truy Viễn, để cứ đầu xuân hàng năm, bản xã lễ cầu phúc, sau một ngày thì hợp tế. Thờ từ vị Triệu tổ Phúc Cơ công, đến các vị Phúc Nguyên công, Phúc Toàn công, liệt chung một đàn, rồi bày theo thứ tự thành hàng chiêu hàng mục. Các vị chia ngành trở xuống, các tổ tông khảo tỉ, vị lớn vị nhỏ, những vị đó đều gọi là phối hưởng. Đó là hậu với tổ, kính với tông, nêu công đức ra rõ ràng, để làm sáng tỏ cái nghĩa "Tuỵ cách sùng báo."[6] Con cháu muôn đời nên noi theo mà không vượt qua.

Có những lời bàn về hàng chiêu và hàng mục, và ruộng tế các xứ các sở, cùng là những nghi tiết tế tự, đều khắc ở mặt sau bia, để lưu truyền dài lâu. Nhĩ tôn mỗ kính ghi.[7]

Phụ chép lời bàn về thờ hàng chiêu hàng mục:

Đặt ra điều này là do cái chí hướng hiếu thảo của mỗ tôi. Tập họp tinh thần sáng sủa rực rỡ hơn mười đời mà thờ cúng. Đặt vị Triệu tổ Phúc Cơ công, vị thủy tổ Mỹ Đức công ở ngôi chính, đưa các liệt tổ Hoằng Nghị công, Cẩn Tiết công, Phúc Nguyên công, Phúc Toàn công phối vào, đều không rõ tên thụy, tên hiệu. Thứ đến, kính thỉnh cả các vị khảo tỉ tổ tông lớn nhỏ cùng phụ hưởng, để việc tế lễ được thống nhất, rõ ràng.

Kính xét trong kinh điển, lại có chép: "Vì nghĩa mà khởi ra." Cha hàng chiêu, con hàng mục, lễ đó là thường. Công của tổ, đức của tông, nghĩa đó là chính. Cho nên cổ giả miếu thờ của Vương công có nhà Thế thất, sĩ đại phu ngoài nhà Thế miếu ra, cũng có nhà Chuyên miếu. Bỏ miếu mà lập ra đàn, đó là cái ý nghĩa tham kim chước cổ vậy.

Họ Ngô ta, là một họ có danh vọng trong nước. Đã có sử sách ghi chép gần bốn trăm năm. Nho thư nối đời xuất hiện, văn vũ tiếp gót cùng ra. Con cháu tài hoa, đời đời khoa hoạn. Phúc trạch đó tràn trề không dong xiết. Có được điều này là vì tiên tổ tích đức đã lâu, các cụ tổ như Hoằng Nghị công, Cẩn Tiết công, lấy phẩm hạnh đạo đức, bồi đắp cội rễ. Từ đó chia ra chi phái, các chi gốc đều là các thiếu tổ không thay đổi.[8] Kính thờ Hoằng Nghị công làm tả chiêu, Cẩn Tiết công làm hữu mục, đưa các vị tổ khảo tỉ không chép rõ thuỵ hiệu ở bản tộc vào tòng tự.[9] Duy các ông Trung Thạc công, Hồng Lượng công, Minh Duệ công, Thế Lộc công, lấy khoa danh sự nghiệp mà mở mang nhà cửa, anh em cùng triều, cha con đồng khoa, thật là lá cờ đỏ vượt Long môn, truyền y bát[10] của họ ta vậy. Công lao của các vị làm rạng rỡ cho tổ tông, phúc khánh để lại cho con cháu, đều nên xếp vào bậc có công thì thờ. Kính thờ Trung Thạc công vào hàng tả chiêu, Hồng Lượng công vào hàng hữu mục, Minh Duệ công ở tiếp ngay Trung Thạc công, Thế Lộc công ở tiếp ngay Hồng Lượng công. Chép rõ thụy hiệu, hàng chiêu hàng mục của bốn vị cùng con cháu đời sau đỗ tới đại khoa, làm tới hiển hoạn, cứ chiểu theo mãi lệ ấy, ngõ hầu lễ và nghĩa cùng thoả đáng, để làm gương cho hiền giả đời sau.

Ngày dựng bia, các viên mục lớn nhỏ trong bản tộc cùng tới hội họp, bàn luận, viết vào đá.

CHÚ THÍCH:

1. Truy viễn là truy ngược lại những đời đã qua, theo nghĩa "thận chung truy viễn" trong *Luận ngữ*.

Đàn là đắp gò cao ở giữa đồng, gặp tuần tiết, bài thiết tế khí ra cúng tế.

2. Tổ khảo đời thứ 11: Phép thờ ở đàn này tính ngược lấy bản thân mình làm đời thứ

nhất, bố là đời thứ 2...cứ thế ngược lên.

3. Nho sinh trúng thức: Phép thi từ đời Hồng Đức: Lập ra văn quán tú lâm cục để dạy các con em nhà quan, được 3 năm thì thi. Kỳ thi thơ phú mà trúng được gọi là nho sinh. Vào đến kỳ thi đối sách mà trúng nữa thì gọi là nho sinh trúng thức.

4. Khoa Mậu Thìn Minh Duệ công đỗ Tiến sĩ: Tra *Đăng khoa lục*, khoa Mậu Thìn Cảnh Hưng thứ 9 (1748) có 13 người đỗ, không có ai họ Ngô?

5. Tiến triều: Lệ đời Lê, người mới đỗ Hương tiến, có tiếng hay chữ, được quan địa phương tiến cử, được làm quan trong triều gọi là tiến triều.

6. Tụy cách, sùng báo: "Tụy cách," chữ quẻ Tụng *Kinh Dịch*, Quái từ nói: "Tụy hanh, vương cách hữu miếu" (Tinh thần của tổ khảo tụ lại, tốt, nhà vua có thể đến miếu đường mà thờ cúng).

"Sùng báo," là sùng đức báo công (Tôn sùng đức của tổ tiên, báo lại công ơn của tổ tiên).

7. Nhĩ tôn, cũng như "Văn tôn," là người cháu chỉ tai nghe thấy sự nghiệp của tổ tiên, chứ không được trông thấy. Ý nói là cháu xa đời.

8. Bất thiên: Không thay đổi (xem chú thích số 3 bài *Sùng đức từ bi ký*).

9. Tòng tự, là được theo tổ tiên mà hâm hưởng.

10. Truyền y bát: Chiếc áo mặc, cái bát ăn từ đời này truyền lại cho đời khác cứ luân phiên mãi. Nguyên chữ "y bát truyền gia" của nhà Phật dùng khi thụ giới cho đệ tử. Ý nói truyền nghề nghiệp lại cho.

16. 永定瑩記

余不學地理，先考在時，嘗語余曰："父爲公擇萬年藏，他日免爲時師所誤"。迨先公撫諒，卒于官，未蒙擇賜。

歲甲寅余年四十九，其冬夢見襄先考孝事，擇地于本社之德林村，値野水漲溢，具舟而行，麻儀發引，帆幟聯絡。余取路遵陸而往，至下村見一簇寺宇，西向江岸，門樓巍業，樓前陳設旗幟傘蓋，儀衛甚嚴。余問侍衛者，麻衛何處供奉。忽見先考在樓中，尊手攜余入寺，至高堂處，香花排列，色相莊嚴，中有香案一座，體制高大。先考指謂余曰："穴在香案下，穿寺壁一重，立向甚好"。余對曰："案處取穴，恐寺僧不肯允諾"。先考答

云：“寺僧有一女，公聘而娶之，無有不允之理”。

余夢覺，知其爲先考賜地之夢也。地道玄微，余未知所擇。有閩貢者識理學，余迎至裝寺，微示以移寺立穴之意。其人欲有所點定，卻礙棟永虎分過宮。余亦以寺址立穴爲疑。占筮不吉。既而邑校陳實爲余言：園柑之地，來脈甚貴。余使擇地，初取一局，在來脈轉折處，艮龍丙向。筮得地雷復，六爻俱靜。卦辭曰：復亨出入無疾朋來無咎，反覆其道，七日來復，利有攸往。

象曰：復其見天地之心乎？

象曰：雷在地中復，先王以至日閉關，商旅不行，后不省方。

余潛玩卦體卦德卦辭，大要此地爲吉，復反覆辨認，方得龍穴之正。再使香篆黃甲阮公與黃舍助教嚴喜軾覆閱其地。又尋村中老人查訪此地眞形。一一標認封誌，初得一穴稍左，取辛氣立卯向。余觀其風水山向，亦稍平雅合法。參諸夢中所見，這局到頭撐出御街，象馬旗鼓羅列前後，即樓臺儀衛之象，脈來處爲曲折木，亦是几案之形。乘艮龍立卯向，以酉位當寺門，即卯位正居寺壁之後。是穿過寺壁一重，右砂突出木星，引虎水入懷，到時歸庫。即寺僧女可聘而取之也。余夢協余卜，詢謀僉同，因升其地爲永定塋，預爲萬年藏甲乙二局。

使香嶺伯爲記誌如左。

乙卯冬至立塋記。

PHIÊN ÂM: *VĨNH ĐỊNH OANH KÝ*

Dư bất học địa lý, tiên khảo tại thời, thường ngữ dư viết: "Phụ vi công trạch vạn niên tàng, tha nhật miễn vi thời sư sở ngộ." Đãi tiên công phủ Lạng, tốt vu quan, vị mông trạch tứ.

Tuế Giáp Dần dư niên tứ thập cửu, kỳ đông mộng kiến tương tiên khảo hiếu sự, trạch địa vu bản xã chi Đức Lâm thôn, trị dã thủy trướng

ích, cụ chu nhi hành, khâm nghi phát dẫn, phàm xí liên lạc. Dư thủ lộ tuân lục nhi vãng, chí Hạ thôn kiến nhất thốc tự vũ, tây hướng giang ngạn, môn lâu nguy nghiệp, lâu tiền trần thiết kỳ xí tản cái, nghi vệ thậm nghiêm. Dư vấn thị vệ giả, khâm vệ hà xứ cung phụng. Hốt kiến tiên khảo tại lâu trung, tôn thủ huề dư nhập tự, chí cao đường xứ, hương hoa bài liệt, sắc tướng trang nghiêm, trung hữu hương án nhất tòa, thể chế cao đại. Tiên khảo chỉ vị dư viết: "Huyệt tại hương án hạ, xuyên tự bích nhất trùng, lập hướng thậm hảo." Dư đối viết: "Án xứ thủ huyệt, khủng tự tăng bất khẩn doãn nặc." Tiên khảo đáp vân: "Tự tăng hữu nhất nữ, công sính nhi thú chi, vô hữu bất doãn chi lý."

Dư mộng giác, tri kỳ vị tiên khảo tứ địa chi mộng dã. Địa đạo huyền vi, dư vị tri sở trạch. Hữu Mân Cống giả thức lý học, dư nghênh chí Bùi tự, vi thị dĩ di tự lập huyệt chi ý. Kỳ nhân dục hữu sở điếm định, khước ngại đống vĩnh hổ phân quá cung. Dư diệc dĩ tự chỉ lập huyệt vi nghi. Chiêm bốc bất cát. Ký nhi ấp Hiệu Trần Thực vị dư ngôn: "Viên Cam chi địa, lai mạch thậm quý." Dư sử trạch địa, sơ thủ nhất cục, tại lai mạch chuyển triết xứ, Cấn long Bính hướng. Phệ đắc Địa lôi phục, lục hào câu tĩnh. Quái từ viết: "Phục hanh xuất nhập vô tật bằng lai vô cữu, phản phúc kỳ đạo, thất nhật lai phục, lợi hữu du vãng."

Thoán viết: "Phục kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ"?

Tượng viết: "Lôi tại địa trung Phục, tiên vương dĩ chí nhật bế quan, thương lữ bất hành, hậu bất tỉnh phương."

Dư tiềm ngoạn quái thể quái đức quái từ, đại yếu thử địa vi cát, phục phản phúc biện nhận, phương đắc long huyệt chi chính. Tái sử Hương Triện Hoàng giáp Nguyễn công dữ Hoàng Xá trợ giáo Nghiêm Hỷ Thức phúc duyệt kỳ địa. Hựu tầm thôn trung lão nhân tra phỏng thử địa chân hình. Nhất nhất tiêu nhận phong chí, sơ đắc nhất huyệt sao tả, thủ tân khí lập Mão hướng. Dư quan kỳ phong thủy sơn hướng, diệc sao bình nhã hợp pháp. Tham chư mộng trung sở kiến, giá cục đáo đầu chưởng xuất ngự giai, tượng mã kỳ cổ la liệt tiền hậu, tức lâu đài nghi vệ chi tượng, mạch lai xứ vi khúc triết mộc, diệc thị kỷ án chi hình. Thừa Cấn long lập Mão hướng, dĩ Dậu vị đương tự môn, tức Mão vị chính cư tự bích chi hậu. Thị xuyên quá tự bích nhất trùng, hữu sa đột xuất mộc tinh, dẫn hổ thủy nhập hoài, đáo Thìni quy khố. Tức tự tăng nữ khả sính nhi thủ chi dã. Dư mộng hiệp dư bốc, tuân mưu thiêm đồng, nhân thăng kỳ địa vi Vĩnh Định oanh, dự vi vạn niên tàng Giáp Ất nhị cục.

Sử Hương Lĩnh bá vi ký chí như tả.

Ất Mão Đông chí lập oanh ký.

DỊCH NGHĨA:

BÀI KÝ NGÔI MỘ VĨNH ĐỊNH

Tôi không học địa lý, khi tiên khảo[1] còn sống, từng bảo tôi rằng: "Cha vì ông mà chọn cho ngôi sinh phần,[2] để sau này khỏi bị thầy địa lý lúc bấy giờ họ làm cho lầm lỡ." Tới khi tiên khảo làm Đốc trấn Lạng Sơn, mất ở nơi làm quan, chưa kịp tìm chọn cho được.

Năm Giáp Dần (1794) tôi 49 tuổi, mùa đông năm đó, mộng gặp việc tang của tiên khảo, chọn được đất ở thôn Đức Lâm, thuộc địa phận bản xã, gặp phải nước đồng tràn ngập, đưa tang phải đi bằng thuyền, nghi lễ phát dẫn, buồm lèo tiếp liền nhau. Tôi phải tìm con đường đi bộ, tới thôn Hạ thấy một nóc chùa, hướng tây quay ra bờ sông, lầu cửa chót vót, trước lầu đặt những cờ quạt, tàn lọng, nghi vệ rất nghiêm trang. Tôi hỏi người thị vệ: "Nghi vệ này do xứ nào cung phụng?" Bỗng thấy tiên khảo ở trong lầu, đưa tay dắt tôi vào chùa, đến chỗ cao đường, hương hoa bày la liệt, tượng Phật trang nghiêm, trong có một chiếc hương án, thể chế cao to. Tiên khảo chỉ vào đó mà tôi bảo rằng: "Huyệt ở dưới hương án, đào một lớp đất chùa ra, lập hướng rất đẹp." Tôi thưa rằng: "Định huyệt ở nơi hương án, e rằng vị sãi chùa không chịu cho." Tiên khảo đáp: "Sãi chùa có một cô gái, ông hỏi mà cưới lấy, thì có gì mà không cho."

Tôi tỉnh giấc, biết đó là tiên khảo báo mộng cho đất. Địa đạo[3] là việc huyền bí, tôi chưa rõ phép kén chọn. Có viên Cống sinh ở đất Mân hiểu về môn lý học, tôi rước đến chùa Bùi, sẽ ngỏ cái ý rời chùa đi để lập huyệt. Viên đó cũng muốn điểm huyệt, song ngại vì hổ thủy phân tán qua cung đường. Tôi thì cũng cho là lập huyệt ở nền chùa là điều đáng ngờ, lại xem bói không được tốt. Sau đó có viên Hiệu sinh trong ấp là Trần Thực nói với tôi: "Cục đất ở vườn Cam rất quý." Tôi sai người chọn đất, trước hết lấy một chỗ ở nơi long mạch gấp khúc; mạch ở phương Cấn (đông bắc), hướng về phương Bính (nam), bói dịch được quẻ Địa lôi phục, sáu hào đều tĩnh. Lời quẻ nói: "Phục hanh xuất nhập vô tật, bằng lai vô cữu, phản phúc kỳ đạo, thất nhật lai phục, lợi hữu du vãng." (Quẻ Phục hanh thông, ra vào không bệnh tật, bạn đến không lỗi, xem xét kĩ đường đi, 7 ngày trở lại, có lợi ở chỗ đi xa).

Thoán từ nói: "Phục kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ?" (Quẻ phục nhận thấy được tấm lòng của trời đất tạo hóa đó chăng?)

Đại tượng nói: "Lôi tại địa trung Phục, tiên vương dĩ chí nhật bế quan, thương lữ bất hành, hậu bất tỉnh phương." (Sấm ở trong đất là quẻ Phục, đấng tiên vương lấy ngày Đông chí[4] đóng cửa ải, kẻ buôn bán không đi lại được, nhà vua không xem xét các địa phương).

Tôi nghiền ngẫm suy nghĩ về bản thể của quẻ, đức của quẻ, và lời của quẻ, tóm lại ngôi đất đó là tốt. Lại xem xét thật kĩ, mới nhận thấy

được chính đó là nơi long huyệt. Lại nhờ Hoàng giáp Nguyễn công ở làng Hương Triện, cùng Trợ giáo Nghiêm Hỷ Thức ở làng Hoàng Xá cùng xem xét lại đất ấy. Lại tìm cụ già trong thôn, hỏi về thế của đất đó. Nhất nhất đều đánh dấu để nhận, đắp nền để nhớ, lúc đầu được một huyệt hơi về bên trái một chút, cùng lấy địa khí từ phương Tân (tây), lập hướng về phương Mão (đông). Tôi thấy phong thủy đó hướng vào núi, cũng khá bằng phẳng, hợp phép. Tham khảo với chỗ trông thấy trong giấc mộng thì chỗ đất này có con đường ngự chạy dài, voi, ngựa, cờ, trống, bao bọc trước sau, tức là hình tượng của lâu đài nghi vệ, mạch đưa đến là dòng nước gấp khúc, cũng là hình cái bàn và ghế. Nhân mạch ở phương Cấn (đông bắc) lập hướng ở phương Mão (hơi đông nam), lấy ngôi Dậu (hơi tây bắc) làm cửa chùa. Chính ngay ngôi Mão là sau vách chùa. Đó là xuyên qua một lớp vách chùa, cái sa bên phải,[5] nhô lên một con mộc,[6] đưa hổ thủy (nước ở phương tây) vào trong lòng, đến cung Thìn (đông nam) đổ về kho. Tức là ứng với mộng "Con gái sãi chùa hỏi mà cưới lấy." Giấc mộng của tôi, với việc bói đất của tôi, so sánh đều hợp, nhân gọi tên ngôi đất là "Vĩnh Định oanh" (ngôi mộ Vĩnh Định), để dự làm hai chỗ đất Giáp và Ất là nơi sinh phần vậy.

Nhờ ông Hương Lĩnh bá làm bài ký ghi ở sau.

Viết bài "Oanh ký" (bài ghi phần mộ) vào ngày Đông chí năm Ất Mão.[7]

CHÚ THÍCH:

1. Tiên khảo, danh từ gọi bố đã quá cố.

2. "Cha và ông...": Cha tức Ngô Thì Sĩ, là cha Ngô Thì Nhậm. "Ông" tức Ngô Thì Sĩ gọi Ngô Thì Nhậm. Ngô Thì Nhậm tuy là con, nhưng đã vinh hiển, trưởng thành, gọi là ông để tỏ ý tôn kính.

Sinh phần (ngôi mộ lập khi còn sống).

3. Địa đạo, đạo của đất, chỉ môn địa lý.

4. Ngày Đông chí, là ngày khí dương mới bắt đầu sinh vào tháng 11 âm lịch, tức ngày 3 ngày 21, 22, 23 tháng chạp dương lịch.

5. Cái sa, thuật ngữ của môn địa lý, chỉ dòng nước.

6. Con mộc, thuật ngữ của môn địa lý, chỉ cái cồn đất dài mà thẳng.

7. Ất Mão, tức năm Cảnh Thịnh thứ 3 (1795).

NGHỊ - LUẬN

Đây là những lời kiến nghị, bàn xét... của Ngô Thì Nhậm viết thời Lê Trịnh, số lượng không nhiều, 7 bài nghị, 1 bài luận, tập hợp trong *Kim mã hành dư* chép trong các bộ tùng thư *Ngô gia văn phái,* có ký hiệu Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, sau:

Ngô gia văn phái:

VHv.1743/21; VHv.1743/26; VHv.16/6; A.117c/1; *A.117/9.*

Ở đây xin dùng bản có ký hiệu Thư viện A.117c/1 làm bản nền để so sánh, đối chiếu, khảo dị với các bản kia.

1. 篤慶祠昭穆議

（後改崇德祠）

昔我顯曾祖考丹岳先生，肇啓儒書，我顯祖考雪齋先生，弘恢道脈，我顯考午峰先生，創始科甲，皆有厚德深澤，豐功偉名，乃我本支百世之祖。

祠堂正中間，奉事顯曾祖考爲本支始祖。西邊事顯祖考妣爲左昭，東邊事顯考妣爲右穆。

今內屋仍舊三間，撤石床置板床。外屋當增爲五間，以便鋪陳登降。

謹案禮制，五世親盡而祧，而卿大夫之始賜族，當有功者，不在祧典，經傳載之詳矣。

我三代積累開拓，子孫世世奉祀，內三間當準古世室，顏曰：篤慶祠，廟主永爲祧毀。念惟厚積流光，乃陰騭自然之理，否終復泰，實始生不息之機。吾家俊爽未沒，孝弟相承，敗而非衰，可徵天意。九世同居之義，縱未能取法古人，一門和氣之風，此可以垂休後胤。尊所尊，親所親之謂道，憂亦憂，喜亦喜之謂仁，不

以世次遠近爲親疏；不以時運盛晚爲忻戚。謹愼以相告諭則不墜；驕泰以相規儆則不辱矣。將禮持家；門庭雍雍，上以光祖考之業；下以裕云仍之蔭，不其偉歟？

其我本支，自二代生下子孫，除爲人後者，世世一人，餘並還宗。從今以至後世，即有冠昏燕慶，恩榮誥命，並據篤慶祠行禮，不當以分支自別，以重宗統顯世家。百年之後，惟分支正 忌在別堂，其伏臘仍在篤慶祠，以本支之有學行科甲平常完美 者，配享昭穆東西疏玷者，雖貴顯不得與，以旌賢者沮不肖。 這關報本反始之誠，齊訓族之義。

參酌禮意，輒述數言，凡我同支，並宜体諒。今謹議。

PHIÊN ÂM:

ĐỐC KHÁNH TỪ CHIÊU MỤC NGHỊ

(HẬU CẢI SÙNG ĐỨC TỪ)

Tích ngã hiển tằng tổ khảo Đan Nhạc tiên sinh, triệu khải nho thư, ngã hiển tổ khảo Tuyết Trai tiên sinh, hoằng khôi đạo mạch, ngã hiển khảo Ngọ Phong tiên sinh, sáng thủy khoa giáp, giai hữu hậu đức thâm trạch, phong công vĩ danh, nãi ngã bản chi bách thế chi tổ.

Từ đường chính trung gian, phụng sự hiển tằng tổ khảo vi bản chi thủy tổ. Tây biên phụng sự hiển tổ khảo tỉ vi tả chiêu, đông biên sự hiển khảo tỉ vi hữu mục.

Kim nội ốc nhưng cựu tam gian, triệt thạch sàng trí bản sàng. Ngoại ốc đương tăng vi ngũ gian, dĩ tiện phô trần đăng giáng.

Cẩn án lễ chế, ngũ thế thân tận nhi diêu, nhi Khanh Đại phu chi thủy tứ tộc, đương hữu công giả, bất tại diêu điển, Kinh Truyện tải chi tường hĩ.

Ngã tam đại tích luỹ khai thác, tử tôn thế thế phụng tự, nội tam gian đương chuẩn cổ "Thế thất," nhan viết: Đốc Khánh từ, miếu chủ vĩnh bất diêu hủy. Niệm duy hậu tích lưu quang, nãi âm chất tự nhiên chi lí, bĩ

chung phục thái, thực thủy sinh bất tức chi cơ. Ngô gia tuấn sảng vị một, hiếu để tương thừa, bại nhi phi suy, khả trưng thiên ý. Cửu thế đồng cư chi nghĩa, túng vị năng thủ pháp cổ nhân, nhất môn hoà khí chi phong, thử khả dĩ thùy hưu hậu dận. Tôn sở tôn, thân sở thân chi vị "đạo," ưu diệc ưu, hỉ diệc hỉ chi vị "nhân," bất dĩ thế thứ viễn cận vi thân sơ; bất dĩ thời vận thịnh vãn vi hân thích. Cẩn thận dĩ tương cáo dụ tắc bất truỵ; kiêu thái dĩ tương quy cảnh tắc bất nhục hĩ. Thi lễ trì gia; môn đình ung ung. Thượng dĩ quang tổ khảo chi nghiệp; hạ dĩ dụ vân nhưng chi ấm, bất kỳ vĩ dư?

Kỳ ngã bản chi, tự nhị đại sinh hạ tử tôn, trừ vi nhân hậu giả, thế thế nhất nhân, dư tịnh hoàn tông. Tông kim dĩ chí hậu thế, tức hữu quan hôn yến khánh, ân vinh cáo mệnh, tịnh cứ Đốc Khánh từ hành lễ, bất đương dĩ phân chi tự biệt, dĩ trọng tông thống hiển thế gia. Bách niên chi hậu, duy phân chi chính kỵ tại biệt đường, kỳ phục lạp nhưng tại Đốc Khánh từ, dĩ bản chi hữu học hạnh khoa giáp bình thường hoàn mỹ giả, phối hưởng chiêu mục đông tây, tì điếm giả, tuy quý hiển bất đắc dự, dĩ tinh hiền giả tư bất tiếu. Giá quan báo bản phản thủy chi thành, tề gia huấn tộc chi nghĩa.

Tham chước lễ ý, triếp thuật sổ ngôn, phàm ngã đồng chi, tịnh nghi thể lượng. Kim cẩn nghị.

DỊCH NGHĨA:

BÀN THỜ HÀNG CHIÊU MỤC Ở TỪ ĐƯỜNG ĐỐC KHÁNH
(SAU ĐỔI LÀ TỪ ĐƯỜNG SÙNG ĐỨC) [1]

Nhớ xưa, hiển tằng tổ khảo ta, cụ Đan Nhạc tiên sinh, mở nền học vấn, hiển tổ khảo ta là cụ Tuyết Trai tiên sinh, khơi rộng nguồn đạo, hiển khảo ta cụ Ngọ Phong tiên sinh, khởi đầu khoa giáp, đều có đức dầy ơn sâu, công danh rực rỡ, và là các cụ tổ trăm đời của chi họ ta vậy.

Gian chính giữa từ đường, phụng thờ cụ hiển tằng tổ khảo là cụ thủy tổ của chi ta. Phía tây thờ cụ hiển tổ khảo và tổ tỉ làm tả chiêu, phía đông thờ cụ hiển khảo và hiển tỉ làm hữu mục.

Nay nhà trong vẫn nguyên ba gian cũ, bỏ chiếc sập đá đi, kê chiếc sập gỗ vào. Nhà ngoài nên làm thêm 5 gian, để tiện bài trí đồ thờ và lên xuống.

Kính xét, phép qui định của lễ: Đối với cụ tổ 5 đời, tình thân đã hết,

nên chôn thần chủ.[2] Nhưng các hàng quan Khanh, Đại phu, bắt đầu làm vẻ vang cho dòng họ, hay có công đức, thì không ở trong lệ này. *Kinh, Truyện* vẫn đã biên chép rõ ràng.

Cụ tổ ba đời tích lũy công đức, mở mang sự nghiệp, con cháu đời đời phụng thờ, 3 gian trong nên theo như nhà "Thế thất" đời xưa,[3] tên gọi là nhà thờ "Đốc Khánh" (Đốc Khánh từ), thần chủ chôn đã lâu. Nghĩ rằng: Đức tích dầy thì tràn trề ánh sáng, là các lẽ âm chất tự nhiên; cái xấu qua rồi, cái tốt sẽ đến, thật bởi cơ mầu sinh thành không dừng. Nhà ta tốt đẹp vẫn còn, hiếu để cùng giữ, bại mà không suy, có thể chứng nghiệm được ở ý trời. Cái ý nghĩa chín đời ở chung, dù chưa thể đạt được ở phép tắc người trước,[4] nhưng có phong thái một bầu hòa khí, đó có thể để lại sự tốt lành cho đời sau. Gọi là "đạo," thì phải tôn kính bậc tôn trưởng, thương yêu người thân của mình; cho là "nhân," tức phải buồn cùng buồn vui cùng vui, chớ cho thế thứ xa gần mà kẻ thân người sơ khác biệt; đừng vì thời vận thịnh suy mà khi vui lúc tẻ không thường. Cẩn thận khuyên bảo nhau thì không đổ vỡ, hoà thuận, bảo nhau cảnh giác thì không bị nhục. Gìn giữ thói nhà thi lễ; ung dung tỏ vẻ môn đình. Trên thì làm rạng rỡ sự nghiệp tổ tông; dưới thì để phúc lành cho con cháu, đó là điều chẳng cũng tốt đẹp lắm sao?

Chi họ ta, từ đời thứ 2 trở xuống, sinh hạ con cháu, phải đi làm con nuôi nhà người, đời nào cũng có một người, còn lại đều trở về gốc của mình. Từ nay cho đến đời sau, nếu có những việc như: Làm lễ, cưới xin, tiệc mừng, được ban sắc mệnh, đều tới từ đường Đốc Khánh làm lễ, không nên phân biệt chi phái khác nhau, để coi trọng tông thống, sáng tỏ đời đời. Trăm năm về sau, những ngành đã phân, duy ngày giỗ chính của chi thì lễ ở nhà thờ riêng, còn các tuần tiết khác, vẫn làm lễ ở từ đường Đốc Khánh, để cho những người có học hạnh, khoa giáp, tư cách hoàn mỹ, được phối hưởng ở hàng chiêu hàng mục đông tây, còn người có tì vết, dù rất hiển quý, cũng không được dự, để nêu kẻ hiền lương, gạt hẳn hạng bất tiếu. Đó là biểu hiện lòng thành đối với việc báo đền nơi nguồn gốc, và là cái nghĩa "xếp sắp gia đình, khuyên bảo họ hàng."

Tham chước ý nghĩa của nghi lễ, mà làm ra mấy lời này. Tất cả chi ta cùng nên thể tất,

Nay kính bàn.

CHÚ THÍCH:

1. *Nguyên chú*: Bài này làm khi lánh nạn, đã được ông em là Học Tốn xem lại.

Đền Đốc Khánh nay đổi là đền Sùng Đức.

2. Thần chủ xếp gọn một nơi, dịch thoát chữ "*Diêu*"祧 trong bài. *Diêu* theo nghĩa chú thích ở trong thiên *Xuân quan* sách *Chu Lễ*: "Rời thần chủ xếp đi gọi là *diêu*." Tục nước Việt ta xưa, có nhà đốt đi, có nhà đem ra mai táng ở mả của vị tổ ngũ đại (ngũ đại mai thần chủ).

3. Thế thất, có hai nghĩa, ngôi nhà ở giữa trong năm ngôi nhà, là nơi các nước chư hầu vào triều hội Thiên tử. Triều Hạ gọi Thế thất, triều Chu gọi là Minh đường. Đây là nhà tông miếu, thờ cúng tổ tiên. Chu Công khi xây dựng Lạc ấp, làm miếu thờ Văn Vương, Vũ Vương, cũng theo như kiểu cách nhà Minh đường, gọi là Văn thế thất, Vũ thế thất.

4. Người trước, chỉ Trần Sùng, và Trương Công Nghệ đời Đường. *Đường sử:* Trần Sùng quê ở Giang Châu, 9 đời vẫn ở chung với nhau, lớn nhỏ có tới 700 người, không hề cãi cọ nhau bao giờ. Mỗi bữa ăn quần tụ trong ngôi nhà rất rộng, những trẻ em cho ngồi riêng. Lại hay khuyến khích việc học, có làm chiếc lầu tích trữ các sách. Được Đường Hi Tông khen ngợi, có xuống chiếu tinh biểu gia đình ông.

Trương Công Nghệ cũng 9 đời ăn chung ở lộn (cửu thế đồng cư), Đường Cao Tông thân hành đến nhà, gọi Nghệ hỏi: "Cái đường lối làm cho cả nhà họ được hoà mục hết đời nọ sang đời kia, ông làm thế nào?" Nghệ viết "100 chữ nhẫn" tiến lên. Nhẫn là nhịn, hình tượng chữ "nhẫn"忍 do chữ "nhận"刃 là chiếc mũi nhọn ở trên, chữ "tâm" 心 là trái tim ở dưới. Nghĩa là dù ai đó dùng chiếc mũi nhọn đâm vào trái tim mình, mà mình vẫn kiên nhẫn chịu nhịn. Đây ý Trương Công Nghệ nói là dù số đông trăm nghìn người mặc, ai nấy cùng nhường nhịn cả thì không cãi cọ nhau, thù oán nhau, bì tị nhau, thế là ở chung mãi mãi được.

2. 崇恩恭議

恭惟：我高祖妣慈儀徽人阮氏，作配我高祖考雅實公。少年守寡撫育雙孤。我曾祖考丹岳公，生纔六月，而喪所怙。時惟外高祖舅福質公，實承高祖妣之命，保護幼甥。公無所出，視甥如子。既而高祖妣卜改築于今正寢也。豈其時天造草昧，行或使之，迄今百有餘年，子孫綿昌，拒有此土，龍回虎抱，鞏固書香，我高祖妣之德之盛，千百世不可忘也。

某考按譜，求其世次之所自出，而年紀邈遠，謚號無徵，感念其朔，茫可渺焉。思洪恩之匪報，乃緣情其降命。聞諸親叔爲言：外高高祖考德林西甲人，配家京城，以漁

爲業。唯漁爲天地藏德之府，是故圣人隱神其漁，懋潛德之幽光，隆陰孝之懿美，實其篤慶於我高祖妣，而啓大於我後人也。

經奉追號外高祖，爲京湖漁父，追謚爲安樂府君，外高高祖妣爲毓德徽人。又奉外高祖舅福質公爲左配。

迨我曾祖妣慈端徽人爲阮氏，迺外高祖考慈廉縣主薄純樸公，外祖妣慧容徽人吳氏之所自出也。初外族有伯舅生徒阮志續奉祀。今無後，歲時伏臘，繫惟外高高祖妣之精神，陟降于我家，禮當奉祀，以昭崇報，經奉同尊，與外高高祖考安樂公，外高高祖妣毓德徽人一卓。又奉祖叔吳二郎號慧正，令叔吳四郎號聰直，爲右配。

經按禮支子不祭，矧于外曾元祭外高曾越也。然禮可以義起，則血脈相承，內外一致，烝嘗之奉，其敢缺諸？參酌情禮，不敢別設廟壇，即其忌臘吊奉，恐或時有舛錯。經以遞年臘月二十三日質明，陳設在本廳紹聞堂，行合祭禮。其物禮豐嗇，隨年爲所實，所有祭文儀節，謹列于左，後世子孫，當遵守勿失，庶幾上報列位祖考之功德，且以迓和平而弘詒裕焉。

PHIÊN ÂM:

SÙNG ÂN CUNG NGHỊ

Cung duy: Ngã cao tổ tỉ Từ Nghi huy nhân Nguyễn thị, tác phối ngã cao tổ khảo Nhã Thực công. Thiếu niên thủ quả, phủ dục song cô. Ngã tằng tổ khảo Đan Nhạc công, sinh tài lục nguyệt, nhi táng sở hỗ. Thời duy ngoại cao tổ cữu Phúc Chất công, thực thừa cao tổ tỉ chi mệnh, bảo hộ ấu sinh. Công vô sở xuất, thị sinh như tử. Ký nhi cao tổ tỉ bốc cải trúc vu kim chính tẩm dã. Khởi kỳ thời thiên tạo thảo muội, hành hoặc sử chi, hất kim

bách hữu dư niên, tử tôn miên xương, cứ hữu thử thổ, long hồi hổ bão, củng cố thư hương, ngã cao tổ tỉ chi đức chi thịnh, thiên bách thế bất khả vong dã.

Mỗ khảo án phả, cầu kỳ thế thứ chi sở tự xuất, nhi niên kỷ liêu viễn, thụy hiệu vô trưng, cảm niệm kỳ sóc, mang khả diểu yên. Tư hồng ân chi phỉ báo, nãi duyên tình kỳ giáng mệnh. Văn chư thân thúc vi ngôn: Ngoại cao cao tổ khảo Đức Lâm Tây giáp nhân, phối gia kinh thành, dĩ ngư vi nghiệp. Duy ngư vi thiên địa tàng đức chi phủ, thị cố thánh nhân ẩn thần kỳ ngư, mậu tiềm đức chi u quang, long âm hiếu chi ý mỹ, thực kỳ đốc khánh ư ngã cao tổ tỷ, nhi khởi đại ư ngã hậu nhân dã.

Kinh phụng truy hiệu ngoại cao tổ, vi Kinh Hồ ngư phụ, truy thụy vi An Lạc phủ quân, ngoại cao cao tổ tỷ vi Dục Đức huy nhân. Hựu phụng ngoại cao tổ cữu Phúc Chất công vi tả phối.

Đãi ngã tằng tổ tỷ Từ Đoan huy nhân vi Nguyễn thị, nãi ngoại cao tổ khảo Từ Liêm huyện chủ bạ Thuần Phác công, ngoại tổ tỉ Tuệ Dung huy nhân Ngô thị chi sở tự xuất dã. Sơ ngoại tộc hữu Bá cữu Sinh đồ Nguyễn Chí tục phụng tự. Kim vô hậu, tuế thời phục lạp, hệ duy ngoại cao cao tổ tỉ chi tinh thần, trắc giáng vu ngã gia, Lễ đương phụng tự, dĩ chiêu sùng báo, kinh phụng đồng tôn, dữ ngoại cao cao tổ khảo An Lạc công, ngoại cao cao tổ tỉ Dục Đức huy nhân nhất trác. Hựu phụng tổ thúc Ngô nhị lang hiệu Tuệ Chính, lệnh thúc Ngô tứ lang hiệu Thông Trực vi hữu phối.

Kinh án Lễ, chi tử bất tế, thẩn vu ngoại tằng nguyên tế ngoại cao tằng việt dã. Nhiên Lễ khả dĩ Nghĩa khởi, tắc huyết mạch tương thừa, nội ngoại nhất trí, chưng thường chi phụng, kỳ cảm khuyết chư? Tham chước tình lễ, bất cảm biệt thiết miếu đàn, tức kỳ kỵ lạp điếu phụng, khủng hoặc thời hữu suyễn thố. Kinh dĩ đệ niên lạp nguyệt nhị thập tam nhật chất minh, trần thiết tại bản sảnh Thiệu Văn đường, hành hợp tế lễ. Kỳ vật lễ phong sắc, tuỳ niên vi sở thực, sở hữu tế văn nghi tiết, cẩn liệt vu tả, hậu thế tử tôn, đương tuân thủ vật thất, thứ cơ thượng báo liệt vị tổ khảo chi công đức, thả dĩ nhạ hoà bình nhi hoằng di dụ yên.

DỊCH NGHĨA:

KÍNH BÀN VỀ LỄ SÙNG ÂN

Kính nhớ: Cụ cao tổ tỉ ta là Từ Nghi huy nhân Nguyễn thị, kết

duyên với Nhã Thực công là cao tổ khảo ta. Còn trẻ đã ở goá, nuôi dạy hai con côi. Tằng tổ khảo ta là Đan Nhạc công sinh vừa được 6 tháng thì mồ côi cha, lúc đó cụ cao tổ cữu bên ngoại[1] là Phúc Chất công, vâng theo mệnh của cao tổ tỉ ta trông coi cháu nhỏ, cụ không sinh nở, coi cháu như con. Rồi cụ cao tổ tỉ di chuyển nơi ở, tức là ngôi nhà chính tẩm ngày nay. Há lẽ người ta lúc đó gặp phải thời đen tối, việc làm như bị xui giục, tới nay đã hơn trăm năm, con cháu lâu bền thịnh vượng, giữ khoảnh đất đó, rồng chầu hổ phục, mạch thư hương vững bền, đức lớn của cao tổ tỉ ta nghìn trăm đời không thể quên được!

Tôi đây khảo xét gia phả, muốn tìm thế thứ xuất phát từ đâu, nhưng năm tháng quá lâu, tên thụy, tên hiệu không rõ, nghĩ đến chỗ khởi đầu, đều rất là mờ mịt. Nghĩ rằng, nhớ ơn lớn không đền đáp, bởi chỗ tình thân trời phú cho. Nghe ông chú nói rằng: "Cụ cao cao tổ khảo bên ngoại, quê ở giáp Tây làng Đức Lâm, lấy vợ ở kinh thành, làm nghề chài lưới." Ôi! Cá là một cái kho chứa đức của trời đất, bởi vậy cho nên bậc thánh nhân ẩn náu tinh thần ở chỗ đánh cá, cố gắng giấu đức sáng vào nơi kín đáo, làm đẹp đường âm chất đầy đặn, thực là phúc lành của cao tổ tỉ ta để lại, mở ra con đường lớn lao cho người đời sau vậy.

Kính truy hiệu vị ngoại cao tổ là Kinh Hồ ngư phụ, truy thụy là An Lạc phủ quân, ngoại cao cao tổ tỉ là Dục Đức huy nhân. Lại phụng thờ vị ngoại cao tổ cữu Phúc Chất công phối hưởng ở bên tả.

Đến như vị tằng tổ tỉ Từ Đoan huy nhân ta, họ Nguyễn, tức do ngoại cao tổ khảo chủ bạ huyện Từ Liêm là Thuần Phác công, và ngoại cao tổ tỉ là Tuệ Dung huy nhân họ Ngô, sinh ra. Xưa kia, họ ngoại có vị Bá cữu đỗ Sinh đồ là Nguyễn Chí nối dõi phụng thờ. Nay không con cháu, hàng năm các tuần tiết kỵ lạp, linh hồn của ngoại cao cao tổ tỉ thăng giáng ở gia đình ta, theo Lễ phải phụng thờ, để làm sáng tỏ sự sùng báo, kính thờ cùng một bàn thờ với ngoại cao cao tổ khảo An Lạc công, ngoại cao cao tổ tỉ Dục Đức huy nhân. Lại phụng thờ tổ thúc Ngô nhị lang, hiệu Tuệ Chính, lệnh thúc Ngô tứ lang hiệu Thông Trực, đều phối hưởng ở bên hữu.

Xét ở Lễ: Con thứ không được thờ, huống chi với ngoại tằng tổ vốn không phải thờ, nay thờ đến ngoại cao tằng tổ là quá mức vậy. Song Lễ có thể theo Nghĩa mà đặt ra, thì huyết mạch cùng truyền, nội ngoại là một. Những lễ Đông chí hay cơm mới, có thể bỏ thiếu được chăng? Tham chước

cả tình và lễ, không dám thờ riêng miếu, riêng đàn, tức là sợ bỏ thiếu ngày giỗ chạp thường cúng, hoặc có đôi khi lầm lẫn. Vậy kính cẩn hàng năm, ngày 23 tháng chạp vào buổi sớm, bầy ở nhà Thiệu Văn đường trong bản sảnh, tế lễ chung cả. Nội đến lễ phẩm nhiều ít, phải tùy từng năm, vậy tất cả văn tế và nghi tiết ghi chép ở sau, con cháu sau này phải nên noi theo, chớ có bỏ trễ, may chăng báo đền được công đức các vị tổ khảo ở trên, và đem lại sự bình yên để lại cho đời sau.

CHÚ THÍCH:

1. Cao tổ cữu ngoại là ông cậu tổ 5 đời về họ ngoại.

3. 鄉宇別祀可否議

祠宇之爲，漢唐以前無聞焉。頌曰：“復周公宇”，蓋以廟言，而未以祠爲也。祠而曰宇，始見其宋，後世因之，凡祀先圣先師之所，必曰祠宇。在外不敢以宇言也。

我國俗有縣宇鄉宇之別，宇之爲蓋同，而別以祀之者有異：縣內則祀縣內先賢，以科榜進士事之，其次則監生陪祀；鄉宇則祀本邑進士，而以監生校生配享，蓋非有科舉者不得與預。

我邑中既有縣宇，前者又別建鄉宇，以區別之，至是始合爲一，當祭縣宇。中奉先圣望彰座，左配先賢，右配先師。先賢則通請科宦諸賢，先師則通請諸藝樂諸師，不復顯著謚號，蓋以義配者辨，義之謂何，報本反始之義是也！天子躬耕八蜡亦得以祭。伊耆后妃躬蚕，天下亦得以祀報辨。縣宇祀先圣，其義亦猶是也，不得謂之越禮也。祀先賢先師，亦所以明“有功德則祀之”之義也，不得謂之泛沒。苟徒以大科爲限，又區別監生校生，而曰：“不登科者，不得與於斯文”，則狹道之傳又過矣。先圣何曾爲王？諸賢何冒爲公侯伯？諸先儒可亦必以科榜中出！今宮墻之所崇奉，俎豆之所陪享，圣賢必不能如是之意必！鬼神必不如是之限界也！

若其平生操行，無有可取，不敢對越圣賢，別營一個安頓，謂

之鄉宇，不以圣賢爲歸。晏子所謂："海之東有蟭螟者，巢其蚊睫，飛亂去來，而蚊不之覺"。亦何貴術鄉宇爲也！借曰："鄉宇乃鄉校之意"，鄧喬且謂："毀校不可"則古之有校者爲學則也。今之爲宇爲祀所也，主於祀而不祀先聖先師失其意愈遠矣。

噫！祠宇也者，所以萃斯道之精神，陪讀斯文之命脈也。設若縣宇地遠，祀事無所主，則鄉宇或不可在！今縣宇在者，則聖賢之精神命脈，可得而瞻仰之，可得而歸向之。記曰："九原可作，吾誰與歸？"既有所歸，捨者人誰適乎？不適其縣宇，而別脩鄉宇，以爲備祀計，不幾捨其大而勝其小，野人之後，而非君子之後歟？

近來本社文會，以春秋二丁應祭縣宇，禮迄歸而序飲其勾當，既有成規，一切縟禮繁文，可以不須贅讀，庶幾其禮意當爲合。

茲議。

PHIÊN ÂM:

HƯƠNG VŨ BIỆT TỰ KHẢ PHỦ NGHỊ

Từ vũ chi vi, Hán Đường dĩ tiền vô văn yên. Tụng viết: "Phục Chu công vũ," cái dĩ miếu ngôn, nhi vị dĩ từ vi dã. Từ nhi viết vũ, thủy kiến kỳ Tống, hậu thế nhân chi, phàm tự Tiên thánh, Tiên sư chi sở, tất viết: Từ vũ. Tại ngoại bất cảm dĩ vũ ngôn dã.

Ngã quốc tục hữu Huyện vũ Hương vũ chi biệt, vũ chi vi cái đống, nhi biệt dĩ tự chi giả hữu dị: Huyện nội tắc tự huyện nội Tiên hiền, dĩ khoa bảng Tiến sĩ sự chi, kỳ thứ tắc Giám sinh bồi tự; Hương vũ tắc tự bản ấp tiến sĩ, nhi dĩ Giám sinh Hiệu sinh phối hưởng, cái phi hữu khoa cử giả bất đắc dữ dự.

Ngã ấp trung ký hữu Huyện vũ, tiền giả hựu biệt kiến Hương vũ, dĩ khu biệt chi, chí thị thủy hợp vi nhất, đương tế Huyện vũ. Trung phụng Tiên thánh vọng chương toà, tả phối Tiên hiền, hữu phối Tiên sư. Tiên hiền tắc thông thỉnh khoa hoạn chư hiền; Tiên sư tắc thông thỉnh chư

nghệ lạc chư sư, bất phục hiển trứ thụy hiệu, cái dĩ "nghĩa" phối giả biện, "nghĩa" chi vị hà, báo bản phản thủy chi nghĩa thị dã! Thiên tử cung canh Bát Xạ diệc đắc dĩ tế. Y Kỳ hậu phi cung tàm, thiên hạ diệc đắc dĩ tự báo biện. Huyện vũ tự Tiên thánh, kỳ nghĩa diệc do thị dã, bất đắc vị chi việt lễ dã. Tự Tiên hiền Tiên sư, diệc sở dĩ minh "hữu công đức tắc tự chi" chi nghĩa dã, bất đắc vị chi phiếm một. Cẩu đồ dĩ đại khoa vi hạn, hựu khu biệt Giám sinh Hiệu sinh, nhi viết: "Bất đăng khoa giả, bất đắc dự ư tư văn," tắc hiệp đạo chi truyền hựu quá hĩ. Tiên thánh hà tằng vi vương? Chư hiền hà mạo vi Công Hầu Bá! Chư Tiên nho khả diệc tất dĩ khoa bảng trung xuất! Kim cung tường chi sở sùng phụng, trở đậu chi sở bồi hưởng, thánh hiền tất bất năng như thị chi ý tất! Quỷ thần tất bất như thị chi hạn giới dã!

Nhược kỳ bình sinh tháo hành, vô hữu khả thủ, bất cảm đối việt thánh hiền, biệt doanh nhất cá an đốn, vị chi Hương vũ, bất dĩ Thánh hiền vi quy. Yến Tử sở vị: "Hải chi đông hữu tiêu minh giả, sào kỳ văn tiệp, phi loạn khứ lai, nhi văn bất chi giác." Diệc hà quý thuật Hương vũ vi dã! Tá viết: "Hương vũ nãi Hương hiệu chi ý." Đặng Kiều thả vị: "Huỷ hiệu bất khả," tắc cổ chi hữu hiệu giả vi học tắc dã. Kim chi vi vũ vi tự sở dã, chủ ư tự nhi bất tự Tiên thánh Tiên sư thất kỳ ý du viễn hĩ.

Y! Từ vũ dã giả, sở dĩ tụy tư đạo chi tinh thần, bồi hộ tư văn chi mệnh mạch dã. Thiết nhược Huyện vũ địa viễn, tự sự vô sở chủ, tắc Hương vũ hoặc bất khả tại! Kim Huyện vũ tại giả, tắc Thánh hiền chi tinh thần mệnh mạch, khả đắc nhi chiêm ngưỡng chi, khả đắc nhi quy hướng chi. Ký viết: "Cửu nguyên khả tác, ngô thùy dữ quy?" Ký hữu sở quy, sả giả nhân thùy thích hồ? Bất thích kỳ Huyện vũ, nhi biệt tu Hương vũ, dĩ vi bị tự kế, bất cơ sả kỳ đại nhi thắng kỳ tiểu, dã nhân chi hậu, nhi phi quân tử chi hậu dư?

Cận lai bản xã Văn hội, dĩ xuân thu nhị Đinh ứng tế Huyện vũ, lễ hất quy nhi tự ẩm kỳ câu đương, ký hữu thành qui, nhất thiết nhục lễ phồn văn, khả dĩ bất tu chuế độc, thứ cơ kỳ lễ ý đương vi hợp.

Tư nghị.

DỊCH NGHĨA:

BÀN VỀ HƯƠNG VŨ[1]
THỜ RIÊNG PHẢI HAY KHÔNG

Việc xây dựng từ vũ, đời Hán đời Đường về trước chưa từng nghe

thấy. *Lỗ Tụng* nói: "Phục Chu công vũ" (Khôi phục lại "vũ" cho Chu công), có lẽ lúc đó mới có miếu mà chưa có từ, từ mà gọi là "vũ," mới thấy từ đời Tống, đời sau noi theo, phàm những nơi phụng thờ Tiên thánh Tiên sư, ắt đều gọi là "từ vũ." Ngoài ra không dám gọi là "vũ."

Tục nước ta có phân biệt "Huyện vũ" và "Hương vũ," tên "vũ" thì giống nhau, mà việc thờ tự thì có khác: Trong huyện thì thờ các bậc Tiên hiền trong huyện, thờ những vị khoa bảng Tiến sĩ, thứ đến phối thờ các Giám sinh; Hương vũ thì thờ những vị Tiến sĩ trong ấp mình, cho các Giám sinh Hiệu sinh được phối hưởng. Còn người không đứng trong hàng khoa cử thì không được thờ.

Trong ấp ta đã có Huyện vũ, trước đây lại lập riêng ra Hương vũ để phân biệt, đến đây mới hợp làm một, nên tế ở Huyện vũ. Chính giữa là toà thờ bóng đức Tiên thánh (Khổng Tử), bên tả thì phối hưởng các Tiên hiền, bên hữu thì phối hưởng các Tiên sư. Về Tiên hiền thì kính thỉnh khắp các bậc hiền đức có khoa hoạn; về Tiên sư thì kính thỉnh khắp các vị tổ sư trong các ngành nghề, không có viết rõ thụy hiệu ai cả, có lẽ vì "nghĩa" mà phối thờ. "Nghĩa" là gì? Là cái nghĩa báo bản phản thủy! Thiên tử thân hành đi cầy, mà thần "Bát Xạ"[2] cũng được tế. Hậu phi vua Y Kỳ tự mình nuôi tằm,[3] cũng được thiên hạ phụng thờ làm tổ. Huyện vũ mà thờ Tiên thánh, ý nghĩa cũng như thế, không thể vượt ra ngoài phạm vi của lễ. Phụng thờ Tiên hiền Tiên sư, cũng là làm sáng tỏ cái nghĩa "có công thì thờ," không được cho rằng làm như vậy là đặt quá mức. Nếu chỉ lấy đại khoa làm giới hạn, phân biệt Giám sinh, Hiệu sinh, cho là "không có đỗ đạt, không được dự vào tư văn," thế thì đối xử việc truyền đạo quá ư hẹp hòi. Đức Tiên thánh đâu tự xưng làm "vương"! Các bậc danh hiền đâu dám mạo xưng là Công, là Hầu, là Bá! Các bậc Tiên nho xuất thân đâu phải đều từ trong hàng khoa bảng! Nay trường học được quý trọng, khay chén kính thờ, thánh hiền tất nhiên không có cái ý nghĩ như vậy! Quỷ thần tất nhiên không nghĩ tới giới hạn như vậy!

Đến như tiết tháo hạnh kiểm ở lúc thường ngày của người nào đó không có gì đặc biệt, thì không dám để thờ chung với thánh hiền, phải làm riêng một nơi mà phụng thờ, gọi là Hương vũ, không qui vào bậc Thánh hiền. Yến Tử bảo là: "Bên đông bể có loại sâu là tiêu minh, làm tổ trên

lông my con muỗi, bay nhẩy đi lại, mà con muỗi vẫn không biết". Thế thì việc tế ở Hương vũ này cũng có quý gì đâu! Nếu bảo là "Hương vũ có cái ý của Hương hiệu" thì Đặng Kiều nói: "Không thể phá hủy trường học," như thế là cổ giả làm trường học là chủ ý về việc học. Nay làm nhà vũ để làm nơi phụng thờ, chủ về việc thờ mà không thờ Tiên thánh, Tiên sư, là làm sai lạc cái bản ý quá xa vậy.

Ôi! Từ vũ là nơi để tụ họp tinh thần của đạo nho, là nơi bồi đắp mệnh mạch của văn hóa. Nếu vì Huyện vũ ở nơi xa xôi, việc tế lễ không thuận tiện, thì việc lập riêng ra Hương vũ sao không thể được! Nay Huyện vũ ở ngay đây, thì tinh thần mệnh mạch của Thánh hiền có thể chiêm ngưỡng được, có thể hướng về được. *Kinh Lễ* nói: "Người ở chín suối có thể sống dậy, thì ta đây sẽ theo về ai?" Đã có nơi hướng về rồi, bỏ đấy lại đi đâu đây? Không đến ở Huyện vũ mà lại làm riêng ra Hương vũ, để làm cái kế có nơi thờ cúng, như vậy há chẳng phải là bỏ chỗ lớn mà chấp nhận chỗ nhỏ, theo kẻ dã nhân, mà không chịu theo người quân tử đó ư?

Gần đây, Văn hội ở bản xã chọn hai ngày Đinh về mùa xuân và mùa thu ứng tế ở Huyện vũ, lễ xong thì trở về nhà câu đương[4] để yến ẩm, đã lập quy tắc rồi, tất cả những lễ văn phức tạp, có thể bị thừa, ngõ hầu ý nghĩa của lễ mới thoả đáng!

Nay bàn.

CHÚ THÍCH:

1. Hương vũ, toà miếu trong làng xã lập ra để thờ thần...Ở đây nói, vì làng thờ các Tiên hiền.

2. Thần Bát Xạ, Xạ là tên tuổi lễ vào tháng Kiến Hội (tháng 12 của triều Chu, tháng 10 của triều Hạ) đời cổ ở Trung Quốc đặt ra tế 8 vị thần, gọi là Bát Xạ: - Thần Tiên sắc, coi việc làm ruộng; -Thần Tư sắc, tức ông Hậu Tắc, trồng trọt trăm loại lúa ở đời Đế Thuấn; - Thần Nông, chức Điền tuấn đời cổ; -Biểu Xuyết, thần mèo thần hổ, hai giống này thường bắt chuột và các loài thú cắn hại lúa; -Thần Phường, có công về việc đê điều; -Thần Thủy dung coi về khai phóng sông ngòi; - Thần Côn trùng, thần trông coi lúa mạ, không cho côn trùng cắn phá, v.v...

3. Y Kỳ họ của vua Nghiêu, Hậu phi vua Y Kỳ, tức là vợ vua Nghiêu.

Có công thì thờ, như là thi hành hiến pháp cho dân, chết về chức việc, vất vả giúp nước, ngăn dữ tai to hoạn lớn, thế là có công nên thờ cúng (chữ ở thiên *Tế pháp* kinh *Lễ ký)*.

4. Câu dương, danh từ gọi người đứng đầu trông coi việc cúng tế ăn uống, cũng có nơi gọi là Giám trương, Thủ trương, hay Trương bộ...

4. 社亭月唱可否議

我鄉古俗春首祈慶，必構大亭，綸茅竹爲之，形如囷廩，以爲唱歌之所，大祈慶以一月爲節，有例存焉。

夫！鬼神不以淫樂降福，君子不以危道使人。

按大亭之制，縛竹爲柱，其高十數丈，使丁夫攀緣而上，懸賞以誘之，鳴鼓以促之。柱下又從而驅策之，所以敢使蹈危者，曰“賴有神助也”，舍人事而聽命於神。小民無知，惟其長者之令，萬一失手，至於殞殞，神豈能爲無理之助耶？孟子所謂：“刃人之政是也”。

且和樂以和爲貴，樂勝則流，流則漫。簫韶之奏無過九成，清廟之歌只於八闋。今唱歌至以一月爲節，使俳僞男女日夜諠譁，喋哇娛戲而不厭，官者曠職，民者廢業，相率爲放僻流連之樂。一月宴飲，需費無所限量，富者猶有供應，貧者困頓無聊，虐民事神，莫甚於此，非所迓神庥而同民樂也！記曰：“大樂必易，大禮必簡”。終日之祭，子路易之；一日之狂，子貢病之。況三十日之沉酣歌謔，曾以是爲禮樂之本体乎！

亭所以停人也，而反以危道使之。樂所以樂神也，而反以淫道漫之，其不可明甚！

茲議：嗣後遞年祈慶禮，如有歌唱無過五籌，其次三籌，又其次一籌。展前構作草亭，依棟宇新制，一連五間，內心長約十八尺，內外左右，排布侍唱，依四廂均分。其大亭月唱舊例，並應停罷者，如壞古制也，事有變通，道有損益。

洪惟：我圣帝圣妃，弘仁至道，視民如子，香火我邑，

垂一百年，顯相肅難，時將有待。其祀事之品節可變者，不可不隨時變，其不可變者，則明恕忠信，皆文獻之精意也。

茲議。

PHIÊN ÂM:

XÃ ĐÌNH NGUYỆT XƯỚNG KHẢ PHỦ NGHỊ

Ngã hương cổ tục xuân thủ kỳ khánh, tất cấu đại đình, luân mao trúc vi chi, hình như khổn lẫm, dĩ vi xướng ca chi sở, đại kỳ khánh dĩ nhất nguyệt vi tiết, hữu lệ tồn yên.

Phù! Quỷ thần bất dĩ dâm lạc giáng phúc, quân tử bất dĩ nguy đạo sử nhân.

Án đại đình chi chế, phọc trúc vi trụ, kỳ cao thập sổ trượng, sử đinh phu phan duyên nhi thướng, huyền thưởng dĩ dụ chi, minh cổ dĩ xúc chi. Trụ hạ hựu tòng nhi khu sách chi, sở dĩ cảm sử đạo nguy giả, viết "lại hữu thần trợ dã," xả nhân sự nhi thính mệnh ư thần. Tiểu dân vô tri, duy kỳ trưởng giả chi lệnh, vạn nhất thất thủ, chí ư thương vẫn, thần khởi năng vi vô lý chi trợ da? Mạnh Tử sở vị: "Nhận nhân chi chính thị dã."

Thả hòa nhạc dĩ hòa vi quí, lạc thắng tắc lưu, lưu tắc mạn. Tiêu Thiều chi tấu vô quá cửu hàm, Thanh miếu chi ca chỉ ư bát khuyết. Kim xướng ca chí dĩ nhất nguyệt vi tiết, sử bài ngụy nam nữ nhật dạ huyên hoa, diệp tiệp ngu hí nhi bất yếm, quan giả khoáng chức, dân giả phế nghiệp, tương suất nhi phóng tịch lưu liên chi lạc. Nhất nguyệt yến ẩm, nhu phí vô sở hạn lượng, phú giả do hữu cung ứng, bần giả khốn đốn vô liêu, ngược dân sự thần, mạc thậm ư thử, phi sở nhạ thần hựu nhi đồng dân lạc dã! Ký viết:"Đại nhạc tất dị, đại lễ tất giản." Chung nhật chi tế, Tử Lộ dị chi; nhất nhật chi cuồng, Tử Cống bệnh chi. Huống tam thập nhật chi trầm cam ca hước, tằng dĩ thị vi lễ nhạc chi bản thể hồ!

Đình sở dĩ đình nhân dã, nhi phản dĩ nguy đạo sử chi. Nhạc sở dĩ lạc thần dã, nhi phản dĩ dâm đạo mạn chi, kỳ bất khả minh thậm!

Tư nghị: Tự hậu đệ niên kỳ khánh lễ, như hữu ca xướng vô quá ngũ trù, kỳ thứ tam trù, hựu kỳ thứ nhất trù. Triển tiền cấu tác thảo đình, y đống vũ tân chế, nhất liên ngũ gian, nội tâm trường ước thập bát xích, nội ngoại tả hữu, bài bố thị xướng, y tứ hạ quân phân. Kỳ đại đình nguyệt xướng cựu lệ, tịnh ưng đình bãi giả, như hoại cổ chế dã, sự hữu biến

thông, đạo hữu tổn ích.

Hồng duy: Ngã Thánh đế Thánh phi, hoằng nhân chí đạo, thị dân như tử, hương hoả ngã ấp, thùy nhất bách niên, hiển tương túc nạn, thời tương hữu đãi. Kỳ tự sự chi phẩm tiết khả biến giả, bất khả bất tuỳ thời biến, kỳ bất khả biến giả, tắc minh thứ trung tín, giai văn hiến chi tinh ý dã.

Tư nghị.

DỊCH NGHĨA:

BÀN VỀ KHOA HÁT MỘT THÁNG Ở ĐÌNH XÃ PHẢI HAY KHÔNG

Tục cũ làng ta, vào đầu xuân có khoá lễ kỳ phúc, bao giờ cũng phải dựng một chiếc đình lớn, cột tre mái gianh, giống như chiếc kho thóc tròn, để làm nơi hát xướng đại kỳ phúc, hạn trong một tháng, vẫn có điều lệ để lại.

Ôi! Quỷ thần không căn cứ ở cái vui dâm đãng mà giáng phúc cho, người quân tử chẳng dùng các đạo nguy nghi để sai khiến dân.

Xét về cách thức làm ngôi đình lớn này, dùng tre làm cột, cao hơn vài trượng, sai dân phu vin vào mà leo lên, treo thưởng để dụ, đánh trống để thúc giục. Dưới chân cột, theo công việc mà sai bảo, cho nên có kẻ dám dẫm đạp lên nguy nan, lại cho là "đã có thần minh giúp đỡ," khiến cho coi rẻ mạng người, nghe theo mệnh lệnh của quỷ thần. Bọn tiểu dân không biết gì, chỉ biết nghe theo lệnh sai bảo của bậc đàn anh, vạn nhất lỡ tay, dẫn đến cái chết uổng mạng, thì quỷ thần sao có thể giúp đỡ được việc làm vô nghĩa lý ấy? Mạnh Tử nói: "Cái chính sách cầm dao giết người"là thế.

Vả chăng, nhạc lấy hoà làm quí, nếu vui quá thì sinh ra nhảm, nhảm thì sinh ra buông thả. Tấu nhạc Tiêu Thiều không quá 9 lần, ca bài Thanh miếu chỉ có tám lượt. Nay ca hát trong một tháng trời, khiến bọn trai gái chèo múa, ngày đêm reo hò, nhí nhảnh cợt bỡn nhau không thấy chán, khiến kẻ làm quan thì bỏ chức việc, người làm dân thì bỏ nghiệp làm ăn, cùng thi nhau hùa vào cuộc vui phóng đãng liên miên. Yến ẩm một tháng, hao phí không hạn độ, nhà giầu còn có chỗ cung ứng được, nhà nghèo thì khốn đốn vô cùng, làm hại dân để phụng sự thần, không gì quá đáng bằng việc đó, chẳng phải là việc đón phúc thần, mà chỉ là cùng dân chúng vui chơi thôi! Sách *Lễ ký* nói: "Nhạc lớn tất phải giản dị, lễ lớn tất

phải đơn giản." Suốt ngày tế lễ, thầy Tử Lộ khinh bỉ; một ngày điên cuồng, ông Tử Cống buồn rầu.[1] Huống chi đủ ba mươi ngày hát lâu chầu mỏi, mà lại cho là việc đó là cái bản thể của lễ và nhạc ư !

Đình sở là nơi người ta dừng lại nghỉ ngơi, ngược lại, lại dùng làm cái đạo nguy hiểm để xúi giục người. Nhạc là để làm vui cho thần, ngược lại, lại đem sự dâm đãng ra bỡn cợt, cái đó rất không sáng suốt!

Nay xin bàn: Từ nay về sau, hàng năm sửa lễ kỳ phúc, nếu có hát xướng không quá 5 chầu, thứ đến là 3 chầu, lại thứ nữa là 1 chầu. Trước đền dựng chiếc đình cỏ, kèo cột dựng theo kiểu mới liền thành 5 gian, bên trong rộng ước 18 thước, trong và ngoài, tả và hữu, là chỗ đợi nghe hát, 4 hiên chia đều. Còn như lệ cũ, hát một tháng ở đình lớn, đều nên bãi bỏ. Như thế không phải là phá hoại chế độ đời cổ, vì sự việc có lúc biến lúc thông, đạo làm có khi tổn khi ích.

Kính nghĩ: Thánh đế, Thánh phi ta, nhân rộng đạo lớn, coi dân như con, ấp ta hương lửa phụng thờ đã tới trăm năm, hiển hách giúp đỡ, nghiêm túc hòa vui, thời gian như vẫn còn chờ đợi. Còn như phẩm tiết phải phụng thờ, có thể biến đổi, thì không thể không tùy thời gian mà biến đổi, còn cái không thể biến đổi thì: Minh, thứ, trung, tín, đều là cái ý nghĩa mầu nhiệm của nền văn hiến.

Nay bàn.

CHÚ THÍCH:

1. Ông Tử Cống buồn rầu, dịch thoát chữ " Tử Cống bệnh chi" *Gia ngữ:* "Gặp ngày lễ Xạ về cuối năm, ông Tử Cống trông thấy nhân dân tranh nhau uống rượu say khướt, ông buồn mà nói với Khổng Tử rằng: "Coi nhân dân cả nước như điên cuồng cả." Khổng Tử bảo: "Anh chưa hiểu, nhân dân cả năm làm lụng vất vả, chỉ có một ngày hôm nay được nhàn rỗi yến ẩm, có gì là điên cuồng."

5. 廟制議

臣按古者，廟制三昭三穆，與太祖而七世代久遠，推一祖二宗，及四親其中，以序而祧。歷代互有因革，其制不同。有合爲一廟，有增爲九廟。雖禮由義起，文以時異。要之德盛者其禮備，功懋者其樂具，昭炯策府，綽有典型。

我王家匡扶帝室，世守仁厚，宮廟之制，循用古禮：入廟稱

祖，臨文稱謚。至德不詘，謙尊而光，成憲相乘，二百餘年以來，誠不敢有所增損，而踰越者也。

顧禮者，所以植立國本，維持人心。子曰："百世可知"，亦許其因時而爲之制。昔魯人祀周公以天子禮樂，或者謂賜受皆非。

臣竊以爲成王賢王，伯禽賢侯，必不敢過禮而賜，亦不至違禮而受。良以崇德報功，光忠顯孝，尊尊貴貴，是以保有線線悠悠之業。

洪惟：世祖明康王，奮一旅而翌帝圖扒亂反正，祀夏配天，當是時也。

莫氏僭干天位，已歷數世，皇家中僨，神民易望，豈一朝一夕之故哉。

世祖深惟恢復大義，使綱嘷已紊而復續，肇基王業，讓居帥府。入廟之後，稱謚以祭，歷朝因之，載爲典禮。是列聖有文王之至德，而世祖有以締造仁基於無窮也。

夫！聖人順名分以詔後世。至於盛禮備樂，推崇世德，乃孝子慈孫之事焉。

臣謹按，王禮宮廟，四時祭當行大祫之禮，百官具品服奉籩豆。教坊司文雅樂二署，奏大合樂。世祖列廟生時禮，當有廟樂舞笙，稱頌功德；忌時禮當參酌太廟禮，以示崇極昭不匱。謹議。

PHIÊN ÂM:

MIẾU CHẾ NGHỊ

Thần án cổ giả, miếu chế tam chiêu tam mục, dữ Thái Tổ nhi thất thế đại cửu viễn, suy nhất Tổ nhị Tông, cập tứ thân kỳ trung, dĩ tự nhi

diêu. Lịch đại hỗ hữu nhân cách, kỳ chế bất đồng. Hữu hợp vi nhất miếu, hữu tăng vi cửu miếu. Tuy lễ do nghĩa khởi, văn dĩ thời dị. Yếu chi đức thịnh giả kỳ lễ bị, công mậu giả kỳ nhạc cụ, chiêu đồng sách phủ, xước hữu điển hình.

Ngã vương gia khuông phù đế thất, thế thủ nhân hậu, cung miếu chi chế, tuân dụng cổ Lễ.[a] Nhập miếu xưng tổ, lâm văn xưng thuỵ. Chí đức bất hủ, khiêm tôn nhi quang, thành hiến tương thừa, nhị bách dư niên dĩ lai, thành bất cảm hữu sở tăng tổn, nhi du việt giả dã.

Cố Lễ giả, sở dĩ thực lập quốc bản, duy trì nhân tâm. Tử viết: "Bách thế khả tri," diệc hứa kỳ nhân thời nhi vi chi chế. Tích Lỗ nhân tự Chu Công dĩ thiên tử lễ nhạc, hoặc giả vị tứ thụ giai phi.

Thần thiết dĩ vi Thành Vương hiền vương, Bá Cầm hiền hầu, tất bất cảm quá lễ nhi tứ, diệc bất chí vi lễ nhi thụ. Lương dĩ sùng đức báo công, quang trung hiển hiếu, tôn tôn quí quí, thị dĩ bảo hữu miên miên du du chi nghiệp.

Hồng duy: Thế Tổ Minh Khang Vương, phấn nhất lữ nhi dực đế đồ, bát loạn phản chính, tự Hạ phối thiên, đương thị thời dã.

Mạc thị tiếm, can thiên vị, dĩ lịch sổ thế, Hoàng gia trung phấn, thần dân dịch vọng, khởi nhất chiêu nhất tịch chi cố tai!

Thế Tổ thâm duy khôi phục đại nghĩa, sử cương trù dĩ vấn nhi phục tục, triệu cơ Vương nghiệp, nhượng cư soái phủ. Nhập miếu chi hậu, xưng thuỵ dĩ tế, lịch triều nhân chi, tải[b] vi điển lễ. Thị liệt Thánh hữu Văn Vương chi chí đức, nhi Thế Tổ hữu dĩ đế tạo nhân cơ ư vô cùng dã.

Phù! Thánh nhân thuận danh phận dĩ chiếu hậu thế. Chí ư thịnh lễ bị nhạc, suy sùng thế đức, nãi hiếu tử từ tôn chi sự yên.

Thần cẩn án Vương lễ: Cung miếu, tứ thời tế đương hành Đại cáp chi lễ, bách quan cụ phẩm phục phụng biên đậu. Giáo phường tư văn nhã nhạc nhị thự, tấu Đại hợp nhạc. Thế Tổ liệt miếu sinh thời lễ, đương hữu miếu nhạc vũ sinh, xưng tụng công đức; kỳ thời lễ đương tham chước[c] Thái miếu lễ, dĩ thị sùng cực chiêu bất quĩ. Cẩn nghị.[d]

DỊCH NGHĨA:

BÀN VỀ PHÉP THỜ Ở MIẾU[1]

Thần phụng xét, phép thờ ở miếu thời cổ, có ba hàng chiêu và ba hàng mục, cộng với vị Thái Tổ là bảy. Trải đời đã lâu, kể từ 1 vị Tổ, 2 vị Tông, rồi tới 4 vị thân, trong đó, cứ theo thứ tự mà xếp thần chủ[2] vào một căn nhà kín mà không thờ nữa. Các triều đại đều có thay đổi, quy chế

không giống nhau. Có triều thờ chung vào một miếu lớn, có triều thì làm thêm những 9 miếu. Tuy lễ do nghĩa sinh ra, nhưng văn hiến thì tùy thời mà có sự khác biệt. Tóm lại, khi đức thịnh thì lễ cũng đầy đủ, lúc công tốt đẹp thì nhạc cũng hoàn toàn, kho sách rực rỡ, điển hình giầu thịnh.

Vương thất ta, giúp đỡ nhà vua, nối đời nhân hậu, phép thờ ở cung miếu, dùng theo lễ thời cổ: Thờ vào miếu thì gọi là Tổ, viết văn tế thì nói tên thuỵ. Đức thịnh nhưng không khoe khoang, khiêm tốn mà sáng sủa, phép đã lập sẵn, cứ thế mà noi theo, hơn hai trăm năm nay, thật không giám thêm hay bớt và vượt quá vậy.

Xét thấy: Lễ là cốt để xây dựng nền tảng cho nước, ràng buộc chặt chẽ lòng người. Khổng Phu Tử nói: "Trải hàng trăm đời cũng có thể biết,"cũng là cho phải theo thời mà đặt ra chế độ. Ngày xưa, người nước Lỗ thờ Chu Công[3]bằng lễ nhạc thiên tử, hoặc giả cho là do người ban cho hay người nhận lấy cũng đều là trái lễ.

Thần trộm nghĩ: Thành Vương là một vua hiền, Bá Cầm là một vị hầu giỏi, hẳn là không vượt lễ mà ban cho, cũng không dám trái lễ mà nhận. Chỉ vì tôn sùng người có đức, báo đáp kẻ có công, làm sáng tỏ người có lòng trung, nêu bật bậc chí hiếu, tôn trọng người đáng tôn trọng, quý mến người đáng quý mến, bởi thế mới giữ được cơ nghiệp bền lâu.

Kính nghĩ: Đức Thế Tổ Minh Khang Vương,[4] đem một đội quân giúp khôi phục cơ đồ nhà vua, dẹp tan mối loạn, trở lại ngôi chính, theo phép thờ nhà Hạ,[5] phối vào lễ tế trời, thực hợp thời thế.

Họ Mạc tiếm xưng cướp mất ngôi cao, đã trải mấy đời, Hoàng gia giữa lúc suy đồi, sự trông đợi của thần cũng như dân thay đổi, há phải chỉ do một sớm một chiều thôi đâu!

Đấng Thế Tổ suy nghĩ về đại nghĩa khôi phục, khiến cho dường mối đã đứt được nối lại, dựng lên nghiệp Vương, nhường lui về ở phủ nguyên soái. Sau khi Ngài nhập miếu, đọc tên thuỵ mà tế, trải các triều đều noi theo, chép thành điển lễ. Như vậy thì liệt Thánh có đức lớn như Văn Vương[6] mà Thế Tổ ta là người có công tạo dựng nền nhân để lại đến vô cùng vậy.

Ôi! Bậc thánh nhân phải thuận danh phận để dạy bảo đời sau. Còn như lễ phải long trọng, nhạc phải đầy đủ, biểu dương đức nghiệp ông cha, lại là việc của những con hiếu cháu hiền.

Thần kính cẩn xét trong Vương lễ: Bốn mùa tế ở Cung miếu, nên tổ chức lễ Đại cáp,[7] trăm quan mặc đủ phẩm phục, đứng bưng khay chén.

Hai ban giáo phường tư văn và nhã nhạc, cùng tấu nhạc Đại hợp. Miếu Thế tổ, liệt Thánh, khi làm lễ sinh nhật nên có miếu nhạc kèn sáo múa hát, để ca tụng công đức; khi làm lễ kỵ nhật, nên hợp cùng với lễ ở Thái miếu, để tỏ lòng tôn kính, không khiếm khuyết. Nay bàn.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/9: Gia lễ 家禮

b. Bản A.117/9: Tài 裁

c. Bản A.117/9: Phối 配

d. Bản A.117/9: không có "Cẩn nghị"謹議.

CHÚ THÍCH:

1. Thái miếu, nơi thờ liệt Thánh của Chúa Trịnh.

2. Thần chủ đóng thành hình hộp chữ nhật, rộng 10cm, cao 30cm, trong có mảnh gỗ, gọi là "hãm," để chức tước họ tên, tự, hiệu, thụy, của người chết vào đó, để thờ. Duy vị Thái Tổ thì để thờ mãi, còn từ đời con vị Thái Tổ tức là Thế Tổ trở xuống, hễ đời tổ thứ 6 thì không phải thờ, thần chủ của vị đó đem xếp vào một căn nhà kín.

3. Nước Lỗ do vua Thành Vương nhà Chu phong cho con trai Chu Công Đán là Bá Cầm ra làm hầu tước cai trị nước đó, đời đời con cháu nối nghiệp.

4. Thế Tổ Minh Khang Vương, tức Trịnh Kiểm, con rể Nguyễn Kim, bố đẻ ra Trịnh Thành Tổ Triết Vương Tùng, là tổ mở ra cơ nghiệp nhà Trịnh.

5. *Kinh Lễ*, thiên *Tế pháp*: Họ Hạ hậu tế Đế thì thờ vua Hoàng Đế (Vị thuỷ tổ của nhà Hạ) mà tế Giao (tế trời) thì phối hưởng Đế Cổn (cha vua Đại Vũ), nghĩa là Đế Cổn là thần phụ được thờ theo vào lễ tế trời (Hạ hậu thị đế Hoàng Đế nhi giao Cổn).

6. Văn Vương tức Cơ Xương làm chức Tây bá ở ấp Kỳ Sơn, có đức độ, thiên hạ nhà Ân lúc ấy theo về quá nửa, ông vẫn giữ lễ làm tôi, không dám nhận, mà đem cả dân đó cùng phụng thờ nhà Ân. Khi chúa Ân là Trụ tàn ác cực độ, con ông là Tây Bá Phát đuổi Trụ đi, nhận lấy thiên hạ, tức là vua Vũ Vương nhà Chu, bấy giờ mới tôn cha là Tây Bá Vương làm Văn Vương.

7. Đại Cáp, là tuần lễ lớn. Một năm có 4 mùa, có 4 lễ lớn: Xuân lễ Tự, Hạ lễ Thược, Thu lễ Thường (Cơm mới), Đông lễ Chưng (Đông chí).

6. 教議

竊惟：教化國家急務，風俗天下大事。本朝教法，有鄉學，有國學，有教條，有學規。近來頒布宣揚，載在册府，砥礪至矣，隄防備矣。而二化尚遷，淳風未挽，日趨澆薄而不自覺，皆由家庭之所誨諭，鄉國之所習學，徒教之以文，而不教之以行。所以致然，今之華辭富麗，才識豪邁者，實不乏人。此等於世務無所不

通，人情無所不曉。惟不教之以行，故或傲上爲高，倨長爲美，不好自修而好言國是。不務爲已，而務爲人謀。以雄辨之頰舌，文險詖之心胸，以昂藏之頭顱，蔽譎怪之肺腑。朝庭今日命一官，且諵諵然曰：此人由苞苴，彼人由奧援。在己非實有操行，但高談以眩俗子之聽聞。廟堂今日出一令，且紛紛然曰：此事爲不善，彼事爲難行。自己未必有經綸，但雄辨以鼓愚民之心志。士風至此，殆如宋儒所謂："假儒冠而挾策者"。僥倖竊祿則爲冗官，奔競依人則爲冗役。無事所事則爲刁唆。吏效之則爲姦爲猾，民效之則爲頑爲詐。法之不能齊，刑之不能禁，蓋所以教之之道，未有以復其本善，而遏其所由。夫陰陽失調，昔人以爲足懼，而廉恥道消，毀譽失眞，乃爲眞可畏。教化之不可忽也如此。

伏惟聖主以不世出之資，久其道而天下化成。堯舜躬教化於上，又當有敬敷五教者，匡直而輔翼之。非但教之以文，而且教之以行。非但教之以行，而且表之以行誼者以爲士勸，黜其澆薄者以爲士懲。精選國學直講之官，以爲士範。

臣竊見陳朝朱文公上七斬疏，掛冠而歸，其後得從孔子廟庭。爲士夫者，孰不聞風興起。迄今數四百年，無有繼其矩步。非賢人君子寥然無聞，蓋未有以表顯而尊崇之，故理學無自發揮，士風無由砥礪，頑夫懦夫亦無所廉立，日入於邪而不以爲恥。臣竊考國史續編，見前寺卿裴士暹，以直言罷黜，歸而私淑其徒，一時學者率皆名卿。奉先聖王軫念直臣，褒贈職爵。其遺風餘韻，猶令後世式其景行。臣伏乞照前朝朱文貞公例，準許從祀文廟，以增本朝理學之光，爲天下士夫之勸。

至於國學直講，近日以臺官爲之，臺官從政之臣，公事忙於酬應，文書雜於講論，勢亦不能相兼。臣伏乞簡擇當今儒臣之

恬淡無求，剛直不阿，可爲士子矜式者，擢爲國學講官。優禮以待之，後祿以賜之，尊隆師道，以行興多士，培養其浩然之氣，磨礪其廉恥之風。國學諸生，中式監生之未預中場，補內外任，及年四十以下，並飭令從學京師。講官直日講讀，與之討論經史，風厲名節，而詩賦詞章之課次之。貴游子弟，與未預鄉舉，情願入監肄業者，講官登名於簿，舉善而勸不能。其名在學官，更用他岐眩售，奔波末業，或爲某大臣從役，或爲某鎮司謾訟，或去而爲鄉黨豪橫，講官轉遞黜削，不預禮部之試，不齒吏部之蔭。其或言不中矩，行不中規，放古人夏楚之條，行講官鞭朴之教，非拘拘於文辭之批點，章句之探索而已。

至於各府，教官徒爲虛設。提舉文廟，可以府官兼之。而鄉學講習，仍以承司爲提督。擇中場之博者，每處二員，爲隨督學官，以各府學田給之，使之專意教習。其學規亦依國子例。爰及鄉閭之下仿古制置社官，擇社內之有學行名目者爲之。以五年之中，邑無刁唆，民無爭訟，俗無姦盜爲課。社官奉職，縣官達之承司，承司舉之政堂，隨才敘錄。使之胥相策勵，遷善而不自知。其有不入教者，然後董之以威，齊之以刑，自然澆者淳，薄者厚，日浸月漬，胥爲尊君親上之風，入孝出悌之俗。教化大行，習俗粹美，唐虞三代之隆，庶或復見於今日矣。

PHIÊN ÂM:

GIÁO NGHỊ

Thiết duy: Giáo hoá quốc gia cấp vụ, phong tục thiên hạ đại sự. Bản triều giáo pháp, hữu hương học, hữu quốc học, hữu giáo điều, hữu học quy. Cận lai ban bố tuyên dương, tải tại sách phủ, để lệ chí hĩ, đê phòng bị hĩ. Nhi nhị hoá thượng trì, thuần phong vị văn, nhật xu kiêu bạc nhi bất tự giác, giai do gia đình chi sở hối dụ, hương quốc chi sở tập học, đồ giáo chi dĩ văn, nhi bất giáo chi dĩ hành. Sở dĩ trí nhiên, kim chi hoa từ phú lệ, tài thức hào mại giả, thực bất phạp nhân. Thử đẳng ư thế vụ vô

sở bất thông, nhân tình vô sở bất hiểu. Duy bất giáo chi dĩ hành, cố hoặc ngạo thượng vi cao, cư trường vi mỹ, bất hảo tự tu, nhi hảo ngôn quốc thị. Bất vụ vi kỉ, nhi vụ vi nhân mưu. Dĩ hùng biện chi giáp thiệt, văn hiểm bì chi tâm hung, dĩ ngang tàng chi đầu lư, tệ quyệt quái chi phế phủ. Triều đình kim nhật mệnh nhất quan, thả tai tai nhiên viết: Thử nhân do bao thư, bỉ nhân do áo viện. Tại kỷ phi thực hữu thao hành, đãn cao đàm dĩ huyễn tục tử chi thính văn. Miếu đường kim nhật xuất nhất lệnh, thả phân phân nhiên viết: Thử sự vi bất thiện, bỉ sự vi nan hành. Tự kỷ vị tất hữu kinh luân, đãn hùng biện[a] dĩ cổ ngu dân chi tâm chí. Sĩ phong chí thử, đãi như Tống nho sở vị: "Giả nho quan nhi hiệp sách giả."Kiêu hãnh thiết lộc tắc vi những quan, bôn cạnh y nhân tắc vi những dịch. Vô sự sở sự tắc vi điêu toa. Lại hiệu chi tắc vi gian vi hoạt, dân hiệu chi tắc vi ngoan vi trá. Pháp chi bất năng tề, hình chi bất năng cấm, cái sở dĩ giáo chi chi đạo, vị hữu dĩ phục kỳ bản thiện, nhi át kỳ sở do. Phù âm dương thất điều, tích nhân dĩ vi túc cụ, nhi liêm xỉ đạo tiêu, hủy dự thất chân, nãi vi chân khả úy. Giáo hoá chi bất khả hốt dã như thử.

Phục duy Thánh chúa[b] dĩ bất thế xuất chi tư, cửu kỳ đạo nhi thiên hạ hoá thành. Nghiêu Thuấn cung giáo hoá ư thượng, hựu đương hữu kính phu ngũ giáo giả, khuông trực nhi phụ dực chi. Phi đãn giáo chi dĩ văn, nhi thả giáo chi dĩ hành. Phi đãn giáo chi dĩ hành, nhi thả biểu chi dĩ hạnh nghị giả dĩ vi sĩ khuyến, truất kỳ kiêu bạc giả dĩ vi sĩ trừng. Tinh tuyển Quốc học trực giảng chi quan, dĩ vi sĩ phạm.

Thần thiết kiến Trần triều Chu Văn Công[c] thường Thất trảm sớ, quải quan nhi quy, kỳ hậu đắc tòng Khổng Tử[d] miếu đình. Vi sĩ phu giả, thục bất văn phong hứng khởi. Hất kim sổ tứ bách niên, vô hữu kế kỳ củ bộ. Phi hiền nhân quân tử liêu nhiên vô văn, cái vị hữu dĩ biểu hiển nhi tôn sùng chi, cố lý học vô tự phát huy, sĩ phong vô do để lệ, ngoan phu nhu phu diệc vô sở liêm lập, nhật nhập ư tà nhi bất dĩ vi xỉ. Thần thiết khảo Quốc sử tục biên, *kiến tiền Tự khanh Bùi Sĩ Tiêm, dĩ trực ngôn bãi truất, quy nhi tư thục kỳ đồ, nhất thời học giả suất giai danh khanh. Phụng tiên thánh vương chẩn niệm trực thần, bao tặng chức tước. Kỳ di phong dư vận, do lệnh hậu thế thức kỳ cảnh hành. Thần phục hất chiếu tiền triều Chu Văn Trinh công lệ, chuẩn hứa tòng tự Văn Miếu, dĩ tăng bản triều lý học chi quang, vi thiên hạ sĩ phu chi khuyến.*

Chí ư Quốc học trực giảng, cận nhật dĩ đài quan vi chi, đài quan tòng chính chi thần, công sự mang ư thù ứng, văn thư tạp ư giảng luận, thế diệc bất năng tương kiêm. Thần phục khất giản trạch đương kim nho

thần chi điểm đạm vô cầu, cương trực bất a, khả vi sĩ tử căng thức giả, trạc vi Quốc học giảng quan. Ưu lễ dĩ đãi chi, hậu lộc dĩ tứ[e] chi, tôn long sư đạo, dĩ hành[g] hưng đa sĩ, bồi dưỡng kỳ hạo nhiên chi khí, ma lệ kỳ liêm xỉ chi phong. Quốc học chư[h] sinh, trúng thức giám sinh chi vị dự trúng trường, bổ nội ngoại nhậm, cập niên tứ thập dĩ hạ, tịnh sức lệnh tòng học kinh sư. Giảng quan trực nhật giảng độc, dữ chi thảo luận kinh sử, phong lệ danh tiết, nhi thi phú từ chương chi khoá thứ chi. Quý du tử đệ, dữ vị dự hương cử, tình nguyện nhập giám dị nghiệp giả, giảng quan đăng danh ư bạ, cử thiện nhi khuyến bất năng. Kỳ danh tại học quan, cánh dụng tha kỳ huyễn thù, bôn ba mạt nghiệp, hoặc vi mỗ đại thần tòng dịch, hoặc vi mỗ trấn ty hộ tụng, hoặc khứ nhi vi hương đảng hào hoành, giảng quan chuyển đệ truất bác, bất dự Lễ bộ chi thí, bất xỉ Lại bộ chi trừ. Kỳ hoặc ngôn bất trúng củ, hành bất trúng quy, phỏng cổ nhân hạ sở chi điều, hành giảng quan tiên phác chi giáo, phi câu câu ư văn từ chi phê điểm, chương cú chi thám sách nhi dĩ.

Chí ư các phủ, giáo quan đồ vi hư thiết. Đề cử Văn Miếu, khả dĩ phủ quan kiêm chi. Nhi hương học giảng tập, nhưng dĩ Thừa ty vi Đề Đốc. Trạch trúng trường chi bác giả, mỗi xứ nhị viên, vi tuỳ Đốc học quan, dĩ các phủ học điển cấp chi, sử chi chuyên ý giáo tập. Kỳ học quy diệc y quốc tử lệ. Viên cập hương lư chi hạ phỏng cổ chế trí xã quan, trạch xã nội chi hữu học hạnh danh mục giả vi chi. Dĩ ngũ niên chi trung, ấp vô điêu toa, dân vô tranh tụng, tục vô gian đạo vi khoá. Xã quan phụng chức, huyện quan đạt chi Thừa ty, Thừa ty cử chi Chính đường, tuỳ tài tự lục. Sử chi tế tương sách lệ, thiên thiện nhi bất tự tri. Kỳ hữu bất nhập giáo giả, nhiên hậu đổng chi dĩ uy, tề chi dĩ hình, tự nhiên kiêu giả thuần, bạc giả hậu, nhật xâm nguyệt trách, tế vi tôn quân thân thượng chi phong, nhập hiếu xuất đễ chi tục. Giáo hoá đại hành, tập tục túy mỹ, Đường Ngu Tam đại chi long, thứ hoặc phục kiến ư kim nhật hĩ.

DỊCH NGHĨA:

BÀN VỀ GIÁO DỤC

Thiết nghĩ: Giáo hoá là việc gấp của quốc gia, phong tục là việc lớn của thiên hạ. Phương pháp giáo dục của bản triều có hương học và quốc học, có giáo điều và học quy, gần đây đã được tuyên bố ban hành, và ghi lại ở kho sách lưu trữ. Việc trau dồi đức tốt và ngăn ngừa thói xấu như thế là đầy đủ và chu đáo. Song tình hình giáo hoá vẫn chậm chạp, phong tục thuần hậu vẫn chưa phục hồi được, mỗi ngày dân tình thêm kiêu bạc dần và không tự biết. Sở dĩ như thế đều là tại sự dạy dỗ ở gia đình và sự

học tập ở các trường hương học và quốc học, chỉ chăm dạy về văn mà không biết dạy về đức hạnh. Hiện nay những người văn hay chữ tốt, tài thức cao siêu không phải là hiếm. Những người ấy rất thông thạo việc đời và hiểu biết lòng người. Song vì họ không được dạy dỗ về hạnh, cho nên có những người lấy việc ngạo với bề trên cho là giỏi, nhờn với người lớn cho là hay; không thích sửa mình mà thích bàn việc nước, không cầu thực học, chỉ cầu hư danh. Họ đem cái miệng lưỡi hùng biện mà tô vẽ cho cái lòng dạ bí hiểm, đem cái đầu óc ngang tàng mà che đậy cho cái ruột gan quỉ quyệt. Hôm nay triều đình bổ một chức quan, thì họ bàn tán với nhau rằng: Người này vì đút lót, người kia vì thần thế. Chính họ thực chẳng có nết na gì, nhưng họ cũng khoác lác để làm mờ tai mắt của người thường. Hôm khác, chính phủ ra một mệnh lệnh, thì họ nhốn nhao lên rằng: Việc ấy là không tốt, việc kia là khó thi hành. Chính họ chẳng có tài năng gì, nhưng họ cũng nói bừa để làm rối tâm trí của dân ngu. Sĩ phu còn như thế, khác nào như người đời Tống đã nói: "Mượn mũ nhà nho để ăn cắp sách." Nếu gặp may mà được bổ dụng, thì họ là một viên quan tham nhũng; nếu khéo xun xoe dựa người, thì họ là một kẻ lại nhũng lạm. Khi không làm chức vụ gì, thì họ là hạng người điêu toa. Lại viên nào học thói họ, thì sẽ trở thành kẻ lại giảo hoạt; dân thường nào học thói họ, thì sẽ trở thành dân bướng dân điêu. Pháp luật không uốn nắn nổi họ; hình phạt không cấm đoán nổi họ. Lý do chỉ tại đường lối giáo dục chưa đem họ trở lại với cái tính thiện sẵn có để ngăn chặn cái xu phụ của họ. Xưa đã có người cho rằng: "Âm dương không hoà hợp, chưa đáng sợ, nhưng nếu liêm xỉ không còn, khen chê không xác đáng, thì đó mới là điều thật đáng sợ," Như vậy việc giáo hoá có thể nào xao nhãng được?

Kính nghĩ Thánh chúa lấy tư chất hơn đời, bền lòng giữ đạo để thiên hạ noi theo. Trên có Nghiêu Thuấn lấy mình làm mẫu để dạy dân, thì dưới cũng cần có người truyền bá năm điều dạy để uốn nắn và nâng đỡ họ. Không những phải dạy họ về văn chương, mà còn phải dạy họ về đức hạnh nữa. Không những phải dạy họ về hạnh, mà còn phải biểu dương những người có đức hạnh tốt để làm mẫu mực, và truất bỏ những kẻ kiêu bạc để răn đe, chọn lọc kỹ những viên quan giảng dạy ở Quốc học để làm khuôn mẫu cho học trò noi theo.

Thần được thấy Chu Văn Trinh đời Trần, sau khi dâng tờ Thất trảm sớ[1] thì treo mũ mà về. Đến sau được đem vào tòng tự[2] ở miếu Tiên thánh. Những sĩ phu được nghe nói về phong cách của ông ai mà không hăng hái, phấn khởi? Đến nay đã bốn trăm năm, chưa thấy có người nào

theo chân nối gót ông. Đó không phải là những bậc hiền nhân quân tử vắng vẻ không còn ai, mà chỉ vì những bậc ấy không được biểu dương và tôn sùng, cho nên cái học nghĩa lý không do đâu mà phát huy, sĩ phong không có cách gì trau chuốt, bọn ngang tàng, lười biếng không nhìn vào ai mà uốn nắn và phấn phát lên được, cứ mỗi ngày đi theo con đường sai trái mà không biết hổ thẹn. Thần cũng được xem cuốn *Quốc sử tục biên*, thấy có viên Tự khanh trước là Bùi Tiêm,[3] vì nói thẳng mà bị truất bỏ. Ông về nhà dạy học. Học trò ông thuở ấy đều trở thành những viên quan có danh vọng. Đức Tiên thánh vương tưởng nhớ đến người nói thẳng, đã khen tặng cho chức tước. Phong cách của ông còn để lại vẫn làm cho đời sau hâm mộ muốn theo con đường của ông. Thần kính xin theo lệ Chu Văn Trinh triều trước, cho đem ông Bùi Tiêm vào tòng tự ở Văn Miếu, để làm rạng vẻ cho nền lý học của bản triều và khuyến khích các sĩ phu trong thiên hạ.

Còn như quan coi giảng ở nhà Quốc học, gần đây cứ đem chức đài quan[4]bổ vào. Đài quan là bề tôi đương làm quan, còn bận thù ứng trong việc công, việc giấy tờ xen lẫn với việc giảng dạy, không thể nào kiêm nhiệm được. Thần kính xin lựa chọn trong đám nho thần hiện nay, người nào điềm đạm không cầu cạnh, ngay thẳng không xu phụ, có thể làm khuôn mẫu cho học trò, thì cứ làm giảng quan ở nhà Quốc học, lấy ưu lễ đãi ngộ, cấp lương cho dồi dào, đề cao bề thế ông thày, để cho học trò được phấn chấn, bồi dưỡng cho họ cái khí hạo nhiên,[5] trau dồi cho họ cái thói quen liêm sỉ. Trong đám nho sinh ở nhà Quốc học và giám sinh đã trúng thức, người nào chưa được dự tuyển để bổ vào những chức ở trong triều ngoài trấn, cùng với những người bốn mươi tuổi trở xuống, đều cho vào học ở kinh đô. Hàng ngày giảng quan bảo họ đọc sách giảng bài, cùng với họ bàn về kinh sử, khuyến khích họ về đường danh tiết. Thứ yếu mới đến những bài tập về từ chương như thơ phú. Những con em nhà quan, cùng với người chưa đỗ khoa hương, muốn tình nguyện theo học ở nhà Giám, thì giảng quan ghi tên vào sổ, cất nhắc những người tốt, khuyến khích những người kém. Nếu người nào đã có tên ở sổ ở nhà học, mà còn mải mê về nghề khác, bôn ba làm những việc nhỏ, hoặc làm tòng dịch cho một viên đại thần, hoặc làm thầy kiện cho một trấn ty, hoặc về hương thôn làm một cường hào, thì giảng quan tìm ra xoá tên ở sổ, không cho dự những kỳ thi ở Bộ Lễ, và dự vào sổ tuyển bổ của Bộ Lại. Nếu có người nào nói không lễ phép, nết không mẫu mực, thì giảng quan được dùng roi vọt, đánh để mà dạy, theo như lề lối của cổ nhân chứ không chỉ hạn chế ở chỗ phê điểm văn bài, hỏi han sách vở mà thôi.

Đến như các phủ, chức giáo quan đặt ra chỉ là cho có. Việc đề cử và

việc Văn miếu, có thể giao cho quan đầu phủ trông coi. Công việc giảng tập ở bậc hương học, cứ để cho Thừa ty làm Đề học và Đốc học, chọn những người thi đỗ có học thức rộng ở các xứ, mỗi xứ lấy hai người làm tùy giảng Đốc học. Viên Đốc học trích ruộng học điền ở các phủ mà cấp phát, để cho họ được chuyên tâm giảng dạy. Học quy cũng theo giống như nhà Quốc tử giám. Cho đến các làng xóm, cũng theo phép cổ, đặt xã quan, chọn ngũng người danh mục có học hạnh ở trong xã đem ra làm việc. Hẹn trong năm năm, làng không có người điêu toa, dân không kiện tụng, tục không gian tà trộm cướp, lấy đó mà xét công trạng. Xã quan làm hết bổn phận, thì huyện quan đề đạt lên Thừa ty, Thừa ty cử lên Chính đường, tùy tài bổ dụng, khiến cho họ khuyến khích lẫn nhau dần dần đi đến chỗ thiện mà không tự biết. Kẻ nào dạy bảo không được, thì đôn đốc bằng uy quyền, sửa trị bằng hình pháp. Thế là dân điêu cũng trở thành thuần, thói bạc cũng trở thành hậu. Ngày tháng thấm nhuần, ai cũng có lòng thờ trên kính vua, đâu cũng thành nếp vào hiếu ra đễ. Giáo hoá tràn khắp, phong tục tốt đẹp. Đời thịnh trị của Đường, Ngu, Tam đại, ngõ hầu lại có thể thấy được ở ngày nay.

Nguyễn Văn Tú (dịch)

(Theo *Tuyển tập Thơ văn Ngô Thì Nhậm* – S d d)

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/9: Hùng luận 雄 論
b. Bản A.117/9: Thánh Thượng 聖 上
c. Bản A.117/9: Chu Văn Trinh 朱 文 貞
d. Bản A.117/9: Tiên thánh 先 聖
e. Bản A.117/9: Thiêm chi 瞻 之
g. Bản A.117/9: Tác 作
h. Bản A.117/9: Nho sinh 儒 生

CHÚ THÍCH:

1. *Sớ thất trảm*: Chu Văn Trinh tức Chu Văn An, đại nho đời Trần, trong khi làm quan có dâng một tờ sớ xin chém đầu 7 nịnh thần. Không được nhà vua trả lời, liền bỏ quan về ở ẩn.

2. Tòng tự: Trong các triều đại phong kiến, Nho giáo được thừa nhận làm quốc giáo. Các xã, huyện, tỉnh và ở Kinh đô, đều có Văn miếu thờ Khổng Tử, và phối thờ các học trò của ông. Các bậc đại nho đời sau, người nào thật xứng đáng mới được đem vào Văn miếu để thờ, gọi là "tòng tự." Ở Trung Quốc có Hán nho (như Đổng Trọng Thư), Tống nho (Chu, Trình, Trương, Chu). Ở ta chỉ có Chu Văn Trinh.

3. Bùi Tiêm: Tức Bùi Sĩ Tiêm, người làng Kim Lũ, huyện Đông Quan, Tiến sĩ đời Lê Dụ Tông, làm Thái Thường tự khanh. Lúc Trịnh Giang cầm quyền, có dâng tờ khải điều trần mười việc, lời rất thống thiết, Trịnh Giang giận, tước hết quan tước, bãi cho về quê.

4. Đài quan: Các viên Thượng thư đứng đầu các Bộ.

5. Khí hạo nhiên: Chính khí ở trong người, khi được nuôi dưỡng đầy đủ, thì có thể trở thành vật cứng rắn, rất lớn lao, tràn ngập khắp trời đất (*Mạnh Tử, Công Tôn Sửu*).

7. 教目

士風何常，惟上所鼓，教養舉用四者，有條而不紊，則學者知勸，而成才日多。

國朝舊制，文館秀林局，以教貴游子弟，三年鄉試詩賦，中者謂之儒生，對策中者，謂之儒生中式，總學於館局，而齒胄於國學之敦倫堂，四仲朔望之課，與國子無異也。凡民之俊，登名鄉校者，肄於鄉學，登名鄉薦者，肄於六堂監生。今徒有其名，而館局鄉國之學，其實無所分別也。

近來之所謂府訓導者，無過於三年一科，考能文收庠窄，應故事而已。國子監官，雖有六堂門人，其爲日講月課者，無過驅京鋪挾策之士，使之升堂執經，略解章句，批點文義，以爲能事，足矣。其於館局之賢不肖，六堂之勤嬉不問也，此亦其勢然也。登名儒生校生者，未必盡能學，經義四六詩賦体，名登儒生中式者，未必能解經義四六對策之文，科目濫而士學廢。其未登科者，已不知學問爲何事，僥倖一榜之後，豈復知爲學之爲樂哉！故農者爲農，商者爲商，工者爲工，廝役者爲廝役，幸博科場以免身，終借末業以糊口，朝廷雖欲養之教之，有不勝其養之教之也。士而無所教養，欲使之文行彬彬，人才輩出，胡可得哉！故善養士者，以士養士，而不以國養士也，善教人者，以人教人，而不以己教人也。

臣竊謂：嚴考試以正科途，正學校以振儒風，正文章以作人才，別章服以定士志。

近日考法，有所謂撮尤舉，知者撮尤得應郡考，舉知得免輸通經錢，縣官隨意低昂，而縣考冗矣。

有所謂稍通情願者，情願得應稍通考，稍通考得三場不黜。二司用情取舍，而郡考冗矣。

試法所謂通經士人者，率皆借人代試，暗寫舊文，其實知字者少，巧作形跡者，不泥舊文，好餽有跡便中，取舍非出於公。其少有文字，不預稍通者，混入三區送考，多有連試不中，而試法冗矣。

今當廢擾，尤舉知情願稍通之法，參酌古者，肄場之制，其通文理者，縣考二遭，上之郡，郡考二遭，上之政堂，政堂考比，中者乃得應試，無三場不黜之例。三場中格，乃得與官員儒生能文應試四場。罷通經錢試士之法，行中國捐納之條。三年鄉試科，情願輸錢入庠者，以六十緡爲準，投揭縣官，縣官閱其面貌，言辭字畫，上之二司，二司上之政堂，送府學收及庠窘不試也。

其所捐納庠生，清乂四鎮視所收通經率數，外鎮與內鎮三分之一，哲作銀兩窘送鎮官，與內鎮各府同計一科所收捐納之銀錢，而量制六堂儒生中式，監生之受廩，以朔望四仲課，高者爲格，不進不修者，汰之可也。

國子之所教習，四六詩賦，倣行陳朝國初之法。經義 當倣國中八股之文。對策當以考古今通世務爲準。學官以考課別其能否，而章彈之。吏部朝堂，以場屋觀其優劣，而登黜之。教之有術，養之有制，舉之有法，用之有序，爲士孰不精白以承休德？至於各處提學，經義、四六、詩賦、對策、課法，亦視國子。科場入庠者，庸調全免。捐納入庠者，調免庸半輸，以是爲別。學有定式，士有定志，然後制爲衣冠，別其等殺，使見其服者，知其爲儒、爲士、爲吏、爲民。啄息者，不得以混冠裳，俗夫者，不得以廁輸墨。自然知有廉恥之可畏，氣節之可慕，邪僻之可遠，而士風正矣。

PHIÊN ÂM:

GIÁO MỤC

Sĩ phong hà thường? Duy thượng sở cổ. Giáo dưỡng cử dụng tứ giả, hữu điều nhi bất văn, tắc học giả tri khuyến,[a] nhi thành tài nhật[b] đa.

Quốc triều cựu chế, Văn quán tú lâm cục, dĩ giáo quý du tử đệ, tam niên Hương thí thi phú, trúng giả vị chi nho sinh, đối sách trúng giả, vị chi nho sinh trúng thức, tổng học ư Quán cục, nhi xỉ trụ ư Quốc học chi Đôn luân đường, tứ trọng sóc vọng chi khoá, dữ Quốc tử vô dị dã. Phàm dân chi tuấn, đăng danh Hương hiệu giả, dị ư Hương học, đăng danh Hương tiến giả, dị ư Lục đường giám sinh. Kim đồ hữu kỳ danh, nhi Quán cục Hương Quốc chi học, kỳ thực vô sở phân biệt dã.

Cận lai chi sở vị phủ Huấn đạo giả, vô quá ư tam niên nhất khoa, khảo năng văn thu tường trách, ứng cố sự nhi dĩ. Quốc tử giám quan, tuy hữu Lục đường môn nhân, kỳ vi nhật giảng nguyệt khoá giả, vô quá khu kinh phố hiệp sách chi sĩ, sử chi thăng đường chấp kinh, lược giải chương cú, phê điểm văn nghĩa, dĩ vi năng sự, túc hĩ. Kỳ ư Quán cục chi hiền bất tiếu, Lục đường chi cần hi bất vấn dã, thử diệc kỳ thế nhiên dã. Đăng danh nho sinh hiệu sinh giả, vị tất tận năng học, kinh nghĩa, tứ lục, thi, phú chi thể, danh đăng nho sinh trúng thức giả, vị tất năng giải kinh nghĩa tứ lục đối sách chi văn, khoa mục lạm nhi sĩ học phế. Kỳ vị đăng khoa giả, dĩ bất tri học vấn vi hà sự, kiêu hãnh nhất bảng chi hậu, khởi phục tri vi học chi vi lạc tai! Cố nông giả vi nông, thương giả vi thương, công giả vi công, tư dịch giả vi tư dịch, hạnh bác khoa trường dĩ miễn thân, chung tá mạt nghiệp dĩ hồ khẩu, triều đình tuy dục dưỡng chi giáo chi, hữu bất thăng kỳ dưỡng chi giáo chi dã. Sĩ nhi vô sở giáo dưỡng, dục sử chi văn hành bân bân, nhân tài bối xuất, hồ khả đắc tai! Cố thiện dưỡng sĩ giả, dĩ sĩ dưỡng sĩ, nhi bất dĩ quốc dưỡng sĩ dã; thiện giáo nhân giả, dĩ nhân giáo nhân, nhi bất dĩ kỷ giáo nhân dã.

Thần thiết vị: Nghiêm khảo thí dĩ chính khoa đồ, chính học hiệu dĩ trấn nho phong, chính văn chương dĩ tác nhân tài, biệt chương phục dĩ định sĩ chí.

Cận nhật khảo pháp, hữu sở vị toát vưu cử, tri giả toát vưu đắc ứng quận khảo, cử tri đắc miễn du thông kinh tiền, huyện quan tùy ý đê ngang, nhi huyện khảo nhũng hĩ.

Hữu sở vị Sảo thông tình nguyện giả, tình nguyện đắc ứng Sảo thông khảo, Sảo thông khảo đắc tam trường bất truất. Nhị ty dụng tình

thủ xả, nhi quận khảo nhũng hĩ.

Thí pháp sở[c] vị thông kinh sĩ nhân giả, suất giai tá nhân đại thí, ám tả cựu văn, kỳ thực tri tự giả thiểu, xảo tác hình tích giả, bất nê cựu văn, hiếu quỹ hữu tích tiện trúng, thủ xả phi xuất ư công. Kỳ thiếu hữu văn tự, bất dự Sảo thông giả, hỗn nhập tam khu tống khảo, đa hữu liên thí bất trúng, nhi thí pháp nhũng hĩ.

Kim đương phế toát, vưu cử tri tình nguyện Sảo thông chi pháp, tham chước cổ giả, tứ trường chi chế, kỳ thông văn lý giả, huyện khảo nhị tào, thướng chi quận, quận khảo nhị tào, thướng chi Chính đường, Chính đường khảo tỉ, trúng giả nãi đắc ứng thí, vô tam trường bất truất chi lệ. Tam trường trúng cách, nãi đắc dữ quan viên nho sinh năng văn ứng thí tứ trường. Bãi thông kinh tiền[d] thí sĩ chi pháp, hành Trung Quốc quyên nạp chi điều. Tam niên Hương thí khoa, tình nguyện du tiền nhập tường giả, dĩ lục thập mân vi chuẩn, đầu điệp huyện quan, huyện quan duyệt kỳ diện mạo, ngôn từ tự hoạch, thướng chi nhị ty, nhị ty thướng chi Chính đường, tống phủ học thu cập tường trách bất thí dã.

Kỳ sở quyên nạp tường sinh, Thanh Nghệ tứ trấn thị sở thu thông kinh suất số, ngoại trấn dữ nội trấn tam phân chi nhất, triết tác ngân lượng trách tống trấn quan, dữ nội trấn các phủ, đồng kế nhất khoa sở thu quyên nạp chi ngân tiền, nhi lượng chế Lục đường nho sinh trúng thức, giám sinh chi thụ lẫm, dĩ sóc vọng tứ trọng khoá, cao giả vi cách, bất tiến bất tu giả, thải chi khả dã.

Quốc tử chi sở giáo tập, tứ lục thi phú, phỏng hành Trần triều quốc sơ chi pháp. Kinh nghĩa đương phỏng quốc trung Bát cổ chi văn. Đối sách đương dĩ khảo cổ kim thông thế vụ vi chuẩn. Học quan dĩ khảo khoá biệt kỳ năng phủ, nhi chương đàn chi. Lại bộ triều đường, dĩ trường ốc quan kì ưu liệt, nhi đăng truất chi. Giáo chi hữu thuật, dưỡng chi hữu chế, cử chi hữu pháp, dụng chi hữu tự, vi sĩ thục bất tinh bạch dĩ thừa hữu đức? Chí ư các xứ đề học, kinh nghĩa, tứ lục, thi phú, đối sách khoá pháp, diệc thị Quốc tử. Khoa trường nhập tường giả, dung điệu toàn miễn. Quyên nạp nhập tường giả, điệu miễn dung bán du, dĩ thị vi biệt. Học hữu định thức, sĩ hữu định chí, nhiên hậu chế vi y quan, biệt kỳ đẳng sát, sử kiến kì phục giả, tri kỳ vi nho, vi sĩ, vi lại, vi dân. trác tức giả, bất đắc dĩ hỗn quan thường, tục phu giả, bất đắc dĩ xí hàn mặc. Tự nhiên tri hữu liêm sỉ chi khả úy, khí tiết chi khả mộ, tà tịch chi khả viễn, nhi sĩ phong chính hĩ.

DỊCH NGHĨA:

VẤN ĐỀ CỐT YẾU VỀ GIÁO DỤC

Thói thường của kẻ sĩ sao lại bất thường? Chỉ vì có liên quan đến sự cổ vũ của bề trên. Dạy bảo, nuôi dưỡng, cất nhắc, sử dụng, dùng bốn cái đó có đường lối rõ ràng, thì bậc học giả biết để cố gắng mà thành tài ngày càng nhiều.

Phép cũ của triều ta, đặt ra Văn quán tú lâm cục,[1] để dạy dỗ con em nhà quyền quý, cứ 3 năm một kỳ thi Hương, ai trúng cách cả thơ, phú, gọi là nho sinh; ai trúng đối sách gọi là nho sinh trúng thức, tóm lại, học ở Quán cục[2] nhưng cương vị cũng tương đương với học ở Đôn luân đường của trường Quốc học. Những khoá giảng vào ngày mồng 1 và 15, trong 4 tháng trọng,[3] không khác gì Quốc tử giám. Phàm những học sinh lỗi lạc là con nhà bình dân, đã đỗ ở Hương hiệu thì theo học ở Hương trường,[4] đã đỗ Hương tiến thì theo học ở Lục đường giám sinh.[5] Nhưng nay đó cũng chỉ là cái danh, còn học ở Quán cục, ở Hương học, ở Quốc học, thật ra không có gì khác.

Gần đây, cái gọi đặt ra chức Huấn đạo ở phủ, chẳng qua cũng ba năm một khoa, khảo hạch loại hay chữ, nhận kẻ nộp tiền vào Hương học, cũng chỉ là việc cũ mà thôi. Học quan ở Quốc tử giám, tuy có môn sinh ở Lục đường, song ngày tháng học tập, bất quá chỉ để giục những học trò cắp sách ở kinh, phố, vào trường theo thày học, chương cú hiểu qua loa, phê điểm nghĩa lý câu văn, cho là việc học của mình đã là đủ rồi. Còn học trò ở Quán cục, giỏi hay không giỏi, học trò ở Lục đường, chơi hay chăm chỉ, đều không tính đến, đó là cái thế phải như vậy. Kẻ đã là nho sinh, hiệu sinh, chưa hẳn đã học hết nghĩa của kinh nghĩa, tứ thư, lục kinh, thi phú. Người đã đỗ Nho sinh trúng thức, chưa hẳn đã hiểu được văn lý của đối sách tứ lục. Như vậy thì khoa cử bị lạm dụng mà lối thực học của học trò bị bãi bỏ. Còn kẻ chưa đỗ đạt, đã không hiểu học vấn là cái gì, may mắn mà chiếm được một khoa, thì há lại biết đến thú vui của sự học du! Cho nên, làm ruộng vẫn là làm ruộng, buôn bán vẫn là buôn bán, thuyền thợ vẫn là thuyền thợ, tôi đòi vẫn là tôi đòi, may mà thi đỗ, bản thân được miễn trừ cả phu sai tập dịch, song nghề nào vẫn nghiệp ấy để sinh sống, triều đình dẫu muốn cấp lương để nuôi, cho vào trường để dạy, nhưng không thể nuôi hết dạy hết được. Kẻ sĩ không thể nuôi, dạy được lại muốn có văn chương hay, hạnh kiểm tốt, nhân tài nảy nở nhiều, thì làm sao có được? Cho nên người khéo nuôi kẻ sĩ, thì dùng kẻ sĩ nuôi kẻ sĩ, mà không cần đến nhà nước nuôi dưỡng, người giỏi dạy người thì dựa vào người để

dạy người, không phải chỉ dựa vào mình để dạy người.

Thần trộm nghĩ, phải nghiêm phép thi cử để nắn thẳng con đường khoa giáp; chỉnh đốn trường học để phong cách nhà nho vươn lên cao; cải chính về văn bài để nhân tài nảy nở, áo mặc phải có phân biệt để ổn định chí nguyện kẻ sĩ.

Phép thi gần đây, thường bảo là "Chọn lấy kẻ ưu tú, cất nhắc người mà mình biết." Chọn kẻ ưu tú vào thi ở quận, cất nhắc người đã biết, thi hành lối nộp tiền thông kinh,[6] thì quan huyện tùy ý đánh giá cao thấp, vì thế mà phép khảo thí ở huyện thành ra nhũng tạp!

Thường bảo là "Sảo thông thì được tình nguyện," tức là người tình nguyện thì được vào khảo hạch Sảo thông, Sảo thông khảo hạch được tam trường thì không bị truất bỏ. Hai ty[7] lấy hay bỏ là theo dụng ý của mình, vì thế mà phép khảo hạch ở quận thành ra nhũng tạp!

Phép thi có nói: "Học trò làm lối nộp tiền thông kinh," thực chất đều là thuê người thi thay, viết ám tả theo lối văn cũ. Sự thực người biết chữ ít, khéo làm dấu của mình, không câu nệ vào lối văn cũ, hay hoặc dở, cứ có dấu là đỗ, việc lấy đỗ hoặc đánh hỏng, không công tâm. Còn người biết chút chữ nghĩa, không dự trúng kỳ Sảo thông, trộn lẫn 3 khu[8] cho đi khảo hạch, thi liền một mạch, phần nhiều không trúng cách, thành thử phép thi sinh ra nhũng tạp!

Vì vậy, nay nên bỏ các phép: Chọn kẻ ưu tú, cất nhắc người mình biết, tình nguyện vào Sảo thông, mà tham khảo phép thi tứ trường[9] ngày xưa, ai thông mạch sách, quan huyện xét hai lần, rồi tiến lên cấp quận, cấp quận xét 2 lần, rồi tiến lên Chính đường,[10] Chính đường khảo thí, trúng cách thì cho ứng cử, không có cái lệ "Đã trúng trường thứ 3 không bị truất bỏ." Đã trúng cách trường thứ 3, mới được cùng với quan viên nho sinh, và những người hay chữ được vào thi trường thứ 4. Bãi bỏ lối thi nộp tiền thông kinh, mà theo lối thi quyên nạp như ở Trung Quốc[11]: Ba năm mở khoa thi Hương, tình nguyện nộp tiền để vào học trường Hương học, hạn phải nộp 60 quan. Nộp đơn lên quan huyện, quan huyện khảo xét mọi mặt: Dung mạo, lời nói, chữ viết, rồi tiến lên 2 ty, 2 ty chuyển lên Chính đường, giao cho quan phủ học thu nhận số tiền vào Hương trường, không phải thi nữa.

Đến như nói là học ở trường Hương học phải nộp tiền thì Thanh, Nghệ và tứ trấn cứ chiểu theo lấy số người thông kinh, ở ngoại trấn bằng một phần ba ở nội trấn, trích ra số bạc thu rồi nạp lên trấn quan, cùng với

số tiền bạc quyên nạp đã thu được trong một khoa của các phủ nội trấn, mà tính chi số lương cho nho sinh trúng thức và giám sinh ở Lục đường, và cấp lương vào ngày sóc, ngày vọng trong 4 tháng trọng, trong kỳ khảo khoá, người nào cao điểm là trúng cách, kẻ nào không tu chỉnh không tiến bộ thì bỏ đi là phải.

Việc giảng tập ở Quốc tử giám, về thơ, phú, và tứ lục, phải thực thi triệt để phép học của triều nhà Trần và thời quốc sơ.[12] Còn về Kinh nghĩa thì nên phỏng theo lối văn Bát cổ ở trong nước. Về đối sách thì nên khảo xét chính trị xưa nay, thông hiểu sự việc đương thời, cốt sao cho chuẩn xác. Học quan thì qua kỳ khảo khoá, để phân biệt giỏi hay không mà thưởng phạt. Bộ Lại và quan chức triều đình coi hơn kém ở trường ốc mà thăng giáng. Dạy có thuật, nuôi có chế độ, cất nhắc có phương pháp, sử dụng có trật tự, kẻ đã làm sĩ phu ai là không trong trắng để hưởng đức tốt. Đến như đề học ở các xứ: Dạy kinh nghĩa, tứ lục, thi phú, đối sách, đều theo phép như trường Quốc tử giám. Đã là khoa trường và vào học ở Hương trường, thì thuế dung thuế điệu đều được miễn. Loại nộp tiền vào Hương trường, thì thuế điệu được miễn, thuế dung phải nộp một nửa, để có sự phân biệt. Việc học có quy thức nhất định, kẻ sĩ có ý chí nhất định, vậy sau đó phải chế ra mũ áo để phân biệt đẳng cấp, để khi trông thấy phẩm phục thì biết ngay là nho hay lại, là sĩ hay là dân. Để cho loại cầy cáo không lẫn được vào chốn áo xiêm, kẻ thô lỗ không lẫn được vào làng bút mực, rồi tự nhiên biết có liêm sỉ mà sợ, có khí tiết mà hâm mộ, tránh xa thói tà gian, thói thường của nho sĩ được chấn chỉnh.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/9: Miễn 勉
b. Bản A.117/9: Diệc亦
c. Bản A.117/9: Hữu 有
d. Bản A.117/9: Hành 行

CHÚ THÍCH:

1. Tú lâm cục, danh từ gọi con các quan có từ thời Hồng Đức. Sau này gọi là Chiêu sinh hay Ấm sinh. Con quan thì được vào cục đó học ở Văn quán.

2. Quán cục, tức cục Tú lâm ở Văn quán.

3. 4 tháng trọng: Trọng xuân tháng 2, trọng hạ tháng 5, trọng thu tháng 8, trọng đông tháng 11.

4. Thi hương trúng trường 3 (tam trường), gọi là Sinh đồ (đời Nguyên đổi là Tú tài), trúng trường 4 (tứ trường) gọi là Hương cống (triều Nguyễn gọi là Cử nhân), những danh từ

đó có từ năm Quang Thuận (1460-1469).

5. Lục đường giám sinh: Năm Hồng Đức 14 (1483) thi Hương, con nhà thường dân đỗ trường 3 gọi là Sinh đồ, hay Hiệu sinh, hay Tường sinh; đỗ trường 4, sung vào giám sinh ở Lục đường là: Đôn luân đường, Tiến đức đường, Tư nghiệp đường, Bác văn đường, Thứ lễ đường, Thể nhân đường.

6. Tiền Thông kinh: Năm Cảnh Hưng 11(1750), Phủ thự Đỗ Thế Giai, lấy cớ là chi phí về chiến tranh khá nhiều, hạ lệnh cho học sinh mỗi người phải nộp tiền 3 quan thì không phải khảo hạch, theo y như lệ thời Trung hưng, gọi là tiền Thông kinh.

7. Hai ty, tức là Thừa chánh sứ ty và Hiến sát ty, sau đổi là Phiên ty, Niết ty, hay Bố chánh sứ, Án sát sứ, 2 ty cùng với chức Tổng trấn, tục gọi là 3 toà quan lớn. Bài biểu dẫn trong sách *Quốc triều hương khoa* (VHv.287) nói: Triều Lê khoảng năm Bảo Thái (1720-1729) bãi việc xã khảo, đổi là Huyện khảo. Sĩ tử đã thông luật thơ, thì được sung tuyển, gọi là Thứ thông; chọn những kẻ ưu tú, cử lên 2 toà Thừa chính và Hiến sát, cùng hội đồng khảo xét lại, 2 lần cùng trúng cách cả, gọi Sảo thông.

8. 3 khu: Chưa hiểu tích.

9. Tứ trường: Thi Hương xưa nay thường hạn trong 4 trường, trúng trường 1 (nhất trường), thi vào trường 2; trúng trường 2 (nhị trường) được vào trường 3; trúng trường 3 (gọi Sinh đồ, Tú tài) được vào thi trường 4; trúng trường 4 (gọi là Hương cống, hay Hương tiến, hay Cử nhân).

Phép thi, mỗi triều đại có thay đổi , song 4 trường đại khái dùng: Trường 1 kinh nghĩa, trường 2 thi, phú, trường 3 văn sách, trường 4 chiếu, biểu, luận...

10. Chính đường, quan Tổng trấn (sau đổi Tổng đốc), đứng đầu hành chính một tỉnh.

11. *Nguyên chú*: Triều Minh khoảng năm Hồng Vũ (1368-1398) dùng học trò, do lấy những con em nhà giầu bằng cách phải nộp tiền hay nộp thóc đã định mức bằng nào đó, theo cái nghĩa ở thiên *Hồng phạm* nói: "Ký phú phương cốc" (Nhà đã giầu, sẵn lương học ăn, sau rồi mới bắt buộc họ phải làm những công việc tốt). Nhân tài phần nhiều do đó mà ra, về sau nhân mới có cái lệ nộp tiền nộp thóc để vào Quốc tử giám.

Tới triều Thanh vẫn theo tục cũ, thành cái lệ vĩnh viễn. Những cống sĩ thi đỗ thì nêu tên ở biển thếp vàng, những cống sĩ phải nộp tiền của thì nêu tên ở biển thếp bạc, lấy đó làm lệ.

12. *Nguyên chú:* Triều Trần thi học trò, câu đề: "Nghĩ làm bài biểu nước Trà Và vào cống; Nghĩ dâng bài văn mừng bà Đôn từ Hoàng Thái hậu." Phép thi đời Hồng Đức, câu đề: *Thơ:* Con trâu nằm trong nghiên mực (nghiễn trì ngưu); *phú*: Chú chài nguồn dào (Ngư phủ nhập đào nguyên), vẫn không có thể lệ nhất định.

***

KHẢI

Đây là những lời Ngô Thì Nhậm tâu bày chính kiến của mình dâng lên cho triều đình Lê - Trịnh.

Những bài khải trong *Kim mã hành dư* tập hợp ở các bộ Tùng thư *Ngô gia văn phái* khác nhau, có ký hiệu Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm như sau:

Ngô gia văn phái A.117c/1, A.117/31, A.117/1. Ở đây xin dùng bản có ký hiệu Thư viện *A.117c/1* làm bản nền, để so sánh đối chiếu, khảo dị với các bản còn lại.

Ngoài những bài đã dịch dưới đây, còn mấy bài có nội dung gần như nhau, hoặc thông tin không có điều gì quan thiết, nên tạm thời chưa dịch, đó là các bài trong *Ngô gia văn phái A.117c/1:*

Phụng ban kiêm Kinh Bắc Thái Nguyên lưỡng xứ Đốc đồng tạ khải 奉放兼京北太原兩處督同謝啓 Khải tạ ơn được ban cho kiêm chức Đốc đồng hai xứ Kinh Bắc và Thái Nguyên.

Từ kiêm Đốc khải 辭兼督啓 Bài khải từ chối kiêm Đốc đồng [Thái Nguyên].

Tái từ kiêm Đốc khải 再辭兼督啓 Lại bài khải từ chối kiêm Đốc đồng [Thái Nguyên].

Phụng ban đồn điền tiện nghi tạ khải 奉放屯田便宜謝啓 Khải tạ ơn được ban cho tuỳ tiện lập đồn điền.

Từ đồn điền sứ khải 辭屯田使啓 Khải từ chối chức Đồn điền sứ.

Thố trí Trường Yên hải điền sự nghi khải 措置長安海田事宜啓 Khải về việc tuỳ tiện xếp đặt ruộng bể ở huyện Trường Yên.

Trần địa khải 陳地啓 Khải điều trần về địa lý (Xem đất). Cho biết, long mạch Thăng Long có quan ngại vì: Sông Tô Lịch úng tắc, cạnh Văn Miếu bị đào ao to, quê ngoại nhà Chúa ở Linh Đường cũng bị đào bới nghiêm trọng, gần đền thờ Chu Văn An ở Cung Hoàng có đoạn sông bị lấp.

Luận khẩn điền khải 論墾田啓 Khải về việc vỡ ruộng.

Tảo cầu trực ngôn thượng phong sự 早求直言上封事 Vì hạn hán dâng phong thư cầu lời nói thẳng. Trình bầy 2 điều: -Yên ủi bách thần. -Giảm thuế cho muôn dân.

Hữu cầu ngôn biệt thể 右求言別體 Lại một thể văn cầu lời nói phải. Nêu 3 điều lo: -Lo về việc phân tán của binh lính. -Lo về tài chính thiếu thốn. -Lo về sự nhọc mệt của dân. Ba điều cần làm: -Xét định rõ ràng về chế độ đi lính. -Định các việc phu đài cho dân. -Của cải làm sao cho nhiều.

1. 條陳海陽處情弊啓

啓爲條陳事：臣奉照，上年準定條例，及茲年恭奉奉傳許歲季條陳方民情弊。臣忝以迂疏，敢不略述所聞，抑祈一得。所有實封二條，奉列于左。

一曰丁田之弊：蓋丁數之耗減，在於田數不脩。竊照本處上畔，如唐安，唐豪兩縣，下畔如先明、水棠、宜陽、安陽、東潮、安老、青河七縣，有間平原萬頃，或委爲流荒。計自青平以後，經奉差官勘課，迄今二百餘年，乃生穀之田，見業者十纔六七。從來各縣社民，率以土性之酸惡，鹹水之泛濫，付之無可奈何。

夫！東南之田，視天下爲極饒，江河縈帶，沃衍沮洳，旱澇皆不能爲之病。惟夫灌溉稀而酸生，障閘廢而鹹入，此則人功不脩之咎，非盡可諉之地力也。今田畝之蕪萊，聽其不理，而職該牧者，按元籍以概徵，輸田租者，借末技以取辦，民之隱病在於此，積至於供役之不能堪也。於是貧婁之眾，散寓旁鄰，頑巧之民，幸求除免。見今本轄始漂者五十三社，由諳曉饒夫除者三十社。奉照庚辰年前，正丁受役一萬三千五百有率，乃茲著入版籍者，纔九千八百餘率。此豈浚削之於歲月，而不知其別以然？仍此弊端，奉仿飭田政以厚民生，亦當今之不可緩。

伏乞旨下奉差官踏勘，各縣荒田若干，暫豁田上租稅，乃籍其田著入官，再付下鎮守公屯懇闢，若勘實舊漂始漂若干社，某係林原久廢，可申昔年招集之條，某係廬聚始扞，可嚴旁近匿逃之禁，務使流散回復，農畝相安，殺酸禦鹹，浸成樂土，俟其承黃之後，然後田歸百姓。稅歸有司，壯頑民希覯之風，重土官撫字之賞，則田疇之下，農者不遷，而人户日見其繁息矣。

二曰實客之弊：蓋人户之貧稀，在於實户客户之不相暇。當其招集勸課之始，户無實客，各授之田，實使之鄰保幫扶，以漸還復。迄今承平寖久，生齒日繁，覓畝爭阡，拋稼之端起。其不相下者，多借貸於豪家巨族：或轉賣園池田土，以憑占認，或托爲私奴假子，以便爭脅，因而別生事故，誣構成訟，遂致分拏。

臣奉照一年中本司受勘諸訟，究其致訟之由，半在其實客之交惡。此近日方民之通弊，雖不見其疾苦之狀，而疾苦之情，正在此也。

今屬寰海清寧，悉土悉臣，誠非可以實客相區別，第就中區別，率革弊行善之一端。伏乞旨下縣官，曉報屬内各社民，某社客户若干，情願附籍若干，逐一詳計，納在承司官，轉遞，仍奉付差官照某社客户，願附居者千丁，準許十丁爲一率，不滿十丁爲半率，與實户同受官役，使之居有定志，遵順不爭。其不願附居者，仍還原籍，以舒平民之癏。若至某社田土，從前或典賣斷賣者，據見原契出呈，仍查原賣的人，果係私田轉賣者聽。其瞞詐妄賣，聽照收實領錢數，付還原賣。以所賣田還民，量照社内民户若干，隨宜分給。然後申飭教條，許承司官，時常開諭。其不改舊惡者，聽隨輕重究治，以警頑風。如此則康衢之下，咸願爲氓，而方民之蘇息，從今始矣。

PHIÊN ÂM:

ĐIỀU TRẦN HẢI DƯƠNG XỨ TÌNH TỆ KHẢI

Khải vi điều trần sự: Thần phụng chiếu, thượng niên chuẩn định điều lệ, cập tư niên cung phụng phụng truyền hứa tuế quý điều trần phương dân tình tệ. Thần thiểm dĩ vu sơ, cảm bất lược thuật sở văn, ức kỳ nhất đắc. Sở hữu thực phong nhị điều, phụng liệt vu tả:

Nhất viết đinh điền chi tệ: Cái đinh số chi hao giảm, tại ư điền số[a]

bất tu. Thiết chiếu bản xứ thượng bạn, như Đường An, Đường Hào lưỡng huyện, hạ bạn như Tiên Minh, Thủy Đường, Nghi Dương, An Dương, Đông Triều, An Lão, Thanh Hà thất huyện, hữu gian bình nguyên vạn khoảnh, hoặc ủy vi lưu hoang. Kế tự thanh bình dĩ hậu, kinh phụng sai quan khuyến khoá, hất kim nhị bách[b] dư niên, nãi sinh cốc chi điền, kiến nghiệp[c] giả thập tài lục thất. Tòng lai các huyện xã dân, suất dĩ thổ tính chi toan ác, hàm thủy chi phiếm lạm, phó chi vô khả nại hà.

Phù! Đông nam chi điền, thị thiên hạ vi cực nhiêu, giang hà oanh đái, ốc diễn thư như, hạn lạo giai bất năng vi chi bệnh. Duy phù quán khái hi nhi toan sinh, chướng khổn phế nhi hàm nhập, thử tắc nhân công bất tu chi cữu, phi tận khả uỷ chi địa lực dã. Kim điền mẫu chi vu lai,[d] thính kỳ bất lý, nhi chức cai mục giả, án nguyên tịch dĩ khái trương, du điền tô giả, tá mạt kỹ dĩ thủ biện, dân chi ẩn bệnh[e] tại ư thử, tích chí ư cung dịch[g] chi bất năng kham dã. Ư thị bần lũ chi chúng, tán ngụ bàng lân, ngoan xảo chi dân, hạnh cầu trừ miễn. Kiến kim bản hạt thuỷ phiêu giả ngũ thập tam xã,[h] do am hiểu nhiêu phu trừ giả tam thập xã. Phụng chiếu Canh Thìn niên tiền, chính đinh thụ dịch nhất vạn tam thiên ngũ bách[i] hữu suất, nãi tư trước nhập bản tịch giả, tài cửu thiên bát bách dư suất. Thử khởi tuấn tước chi ư tuế nguyệt, nhi bất trì kỳ biệt dĩ nhiên? Nhưng thử tệ đoan, phụng phỏng sức Điền chính dĩ hậu dân sinh, diệc đương kim chi bất khả hoãn.

Phục khất chỉ hạ Phụng sai quan đạp khám, các huyện hoang điền nhược can, tiệm hoát điền thượng tô thuế, nãi tịch kỳ điền trước nhập quan, tái phó hạ trấn thủ công đồn khẩn tịch, nhược kham thực cựu phiêu thủy phiêu nhược can xã, mỗ hệ lâm nguyên cửu phế, khả thân tích niên chiêu tập chi điều, mỗ hệ lư tụ thủy thiên, khả nghiêm bàng cận nặc đào chi cấm, vụ sử lưu tán hồi phục, nông mẫu tương an, sát toan ngự hàm, tẩm thành lạc thổ, sĩ kỳ thừa hoàng chi hậu, nhiên hậu điền quy bách tính. Thuế quy hữu ty, tráng ngoan dân hi cận chi phong, trọng thổ quan phủ tự chi thưởng, tắc điền trù chi hạ, nông giả bất thiện, nhi nhân hộ nhật kiến kỳ phồn tức hĩ.

Nhị viết thực khách chi tệ: Cái nhân hộ chi bần hi, tại ư thực hộ khách hộ chi bất tương hạ.[k] Đương kỳ chiêu tập khuyến khoá chi thủy, hộ vô thực khách, các thụ chi điền, thực sử chi lân bảo bang phù, dĩ tiệm hoàn phục. Hất kim thừa bình tẩm cửu, sinh xỉ nhật phồn, mịch mẫu

tranh thiên, phao giá chi đoan khởi. Kỳ bất tương hạ giả, đa tá diệm ư hào gia cự tộc: Hoặc chuyển mãi viên trì điền thổ, dĩ bằng chiếm nhận, hoặc thác vi tư nô giả tử, dĩ tiện tranh hiếp, nhân nhi biệt sinh sự cố, vu cấu thành tụng, toại trí phân noa.

Thần phụng chiếu nhất niên trung bản ty thụ khám chư tụng, cứu kỳ trí tụng chi do, bán tại kỳ thực khách chi giao ác. Thử cận nhật phương dân chi thông tệ, tuy bất kiến kỳ tật khổ chi trạng, nhi tật khổ chi tình, chính tại thử dã.

Kim thuộc hoàn hải thanh ninh, tất thổ tất thần, thành phi khả dĩ thực khách tương khu biệt. Đệ tựu trung khu biệt, suất cách tệ hành thiện chi nhất đoan. Phục khất chỉ hạ huyện quan, hiểu báo thuộc nội các xã dân, mỗ xã khách hộ nhược can, tình nguyện phụ tịch nhược can, trục nhất tường kế, nạp tại Thừa ty quan, chuyển đệ, nhưng phụng phó sai quan chiếu mỗ xã khách hộ, nguyện phụ giả cư can đinh, chuẩn hứa thập đinh vi nhất suất, bất mãn thập đinh vi bán suất, dữ thực hộ đồng thụ quan dịch, sử chi cư hữu định chí, tốn thuận bất tranh. Kỳ bất nguyện phụ cư giả, nhưng hoàn nguyên tịch, dĩ thứ bình dân chi điền. Nhược chí mỗ xã điền thổ, tòng tiền hoặc điển mãi đoán mãi giả, cứ kiến nguyên khế xuất trình, nhưng tra nguyên mãi đích nhân, quả hệ tư điền chuyển mãi giả thính. Kỳ man trá vọng mãi, thính chiếu thu thực lĩnh tiền số, phó hoàn nguyên mãi. Dĩ sở mãi điền hoàn dân, lượng chiếu xã nội dân hộ nhược can, tuỳ nghi phân cấp. Nhiên hậu thân sức giáo điều, hứa Thừa ty quan, thời thường khai dụ. Kỳ bất cải cựu ác giả, thính tuỳ khinh trọng cứu trị, dĩ cảnh ngoan phong. Như thử tắc khang cù chi hạ, hàm nguyện vi manh, nhi phương dân chi tô tức, tòng kim thủy hĩ.

DỊCH NGHĨA:

KHẢI ĐIỀU TRẦN VỀ TÌNH TỆ XỨ HẢI DƯƠNG[1]

Khải về việc điều trần: Thần phụng xét, năm trước phê chuẩn định ra điều lệ, kịp đến cuối năm nay, kính vâng chỉ truyền cho điều trần về tệ nạn của dân địa phương, cuối năm. Thần tự hổ thẹn về học vấn vu khoát, song không dám không lược thuật lại những điều tai nghe mắt thấy. Ngước mong được xem xét phần nào. Tất cả những sự thực gói cả trong hai điều, trình bày sau đây:

1. Tệ về đinh và điền:

Có lẽ vì số đinh hao hụt, nên sổ ruộng không được tu sửa. Trộm xét,

phía trên của xứ này, như hai huyện Đường An và Đường Hào; phía dưới như bảy huyện Tiên Minh, Thuỷ Đường, Nghi Dương, An Dương, Đông Triều, An Lão và Thanh Hà, trong đó có những cánh đồng bằng kể tới vạn khoảnh, bỏ mặc cho cỏ mọc um tùm. Kể từ sau buổi thanh bình, nhiều lần sai quan đến khuyến khích khai phá, tới nay đã hơn hai trăm năm, những ruộng trồng được lúa thấy được chừng sáu bảy phần mười. Từ xưa tới nay, dân xã huyện đó theo cá tính địa phương rất độc ác, nước mặn tràn vào, cứ bỏ mặc, cho là không làm gì được.

Ôi! Ruộng đất ở miền đông nam, thuộc vào loại tốt nhất trong nước, sông ngòi vây như dải mũ, đai lưng, đồng lầy mầu mỡ, dù hạn hán hay lụt lội, cũng không phải lo ngại. Chỉ có điều, vì tưới nước ít nên sinh ra chua, đê điều bỏ nên nước mặn chảy vào, cái tội đó là do nhân công không chu đáo, chứ đổ cả cho chất đất là không được. Nay đồng ruộng hoang vu, để mặc không sửa sang lại, mà những nhân viên cai quản, chỉ căn cứ vào sổ cũ mà thu thuế, người nộp thuế thì mượn cớ tài hèn để biện bạch. Cái tệ ẩn lậu của dân là ở chỗ đó, hết năm này sang năm khác, các việc tạp dịch không chịu nổi, do đó, dân chúng nghèo kiết, tan tác cư ngụ ở các vùng lân cận, những dân chúng ngoan ngạnh xảo trá thì cầu cạnh cho được miễn trừ. Hiện tình ngày nay ở bản hạt, phiêu bạt có tới 53 xã, số nhiêu phu do am hiểu được miễn trừ có tới 30 xã. Phụng xét năm Canh Thìn trước, hạng chính đinh phải chịu phu dịch có tới hơn 13.500 suất, mà nay chép vào sổ đinh chỉ có hơn 9.800 suất. Cái đó há vì năm tháng hao mòn, mà không biết duyên cớ tại sao ư? Với cái đầu mối tệ hại đó, nên sức cho quan Điền chính chấn chỉnh lại, bồi dưỡng sức dân, cũng là công việc trước mắt không thể trì hoãn.

Cúi xin giao chỉ dụ xuống cho quan Phụng sai đi điều tra khám xét, những số ruộng bỏ hoang của các huyện có bao nhiêu, xoá hẳn ngạch thuế ruộng đó, rồi cho vào sổ ruộng công, lại giao xuống cho quan bản trấn mở đồn điền khai khẩn, như khám xét số phiêu bạt cũ và số phiêu bạt mới thực có bao nhiêu xã, đâu là thôn nguyên bỏ hoang phế đã lâu, có thể cho vào điều khoản chiêu tập năm trước, đâu là hộ vẫn tụ tập ở nhà mà mới bỏ đi, có thể nghiêm trị vào luật: "Cấm trốn tránh ẩn náu," khiến cho dân lưu tán trở về, đồng ruộng yên ổn, tháo nước chua, ngăn nước mặn, dần dần thành ra khu vực đông vui, đợi sau khi lúa đã chín vàng, bấy giờ sẽ giao trả ruộng cho dân. Thuế thì, do người có chuyên trách thu, ngăn cái

thói nhòm ngó của dân, trọng phần thưởng cho thổ quan có công vỗ về, như thế thì dưới việc đồng ruộng, nông dân không bỏ đi mà số nhân khẩu ngày thêm phồn thịnh.

2. Cái tệ thực hộ và khách hộ:

Có lẽ, số nhân khẩu đã ít lại nghèo túng, thực hộ và khách hộ không phục tùng nhau. Lúc ban đầu chiêu tập người đến khai phá, không phân biệt thực hộ hay khách hộ, đều được giao ruộng, chính là để cho họ giúp đỡ nhau, dần dần kéo nhau trở về. Đến nay bình trị đã lâu, sinh sôi ngày một nhiều, tranh ruộng, tranh bờ, xảy ra vu oan giá hoạ. Kẻ không chịu thua, phần nhiều ỷ vào quyền hống hách của bọn hào gia, lệnh tộc: Hoặc là chuyển bán ruộng đất vườn ao, nhờ cậy chiếm giữ; hoặc là thác làm đứa ở, con nuôi, để tiện tranh cướp, ức hiếp, vì vậy mà xảy việc, vu khống cấu kết nhau, thành ra kiện tụng, rồi đưa đến cảnh vợ con ly tán.

Thần phụng xét, trong một năm, bản ty khám xử các vụ kiện, cứu xét nguyên do, một phần do bọn thực khách gian ác. Vì vậy, cái thông tệ của nhân dân địa phương gần đây, tuy không nhìn thấy được hình trạng tật bệnh nghèo khổ, nhưng tình cảnh khổ sở tật bệnh, đó là nguyên nhân chính.

Ngày nay bốn bể bình yên, đâu cũng là đất nhà vua, đâu cũng là bầy tôi nhà vua, quả thực không nên phân biệt giữa thực hộ và khách hộ. Nhưng trong đó cần phải phân biệt, để trừ bỏ tệ nạn, làm việc từ thiện, thống nhất về một mối. Cúi mong giao lệnh chỉ xuống cho quan huyện, báo rõ cho dân các xã trong hạt biết: Khách hộ trong xã mình là bao nhiêu? Tình nguyện xin phụ vào sổ đinh là bao nhiêu, nhất nhất phải ghi chép rõ ràng rồi nộp lên quan Thừa ty để chuyển lên, song vẫn giao cho quan phụng sai chiểu theo số khách hộ ở xã, tình nguyện phụ vào sổ là bao nhiêu đinh, cho cứ 10 đinh thành một suất, không đủ 10 đinh, là nửa suất, cùng với thực hộ chịu phu dịch chung, khiến cho việc ăn ở được vui vẻ, khiêm tốn hoà thuận, không chút tranh giành. Còn hộ nào không chịu phụ thuộc, thì trả hẳn về nguyên quán của họ, để giãn bớt sự bức bách của dân thường. Đến như ruộng đất xã nào trước kia hoặc đem bán đợ, hay bán đoạn, bắt phải bỏ nguyên bản văn khế ra, tra xem người chủ bán trước quả là ruộng tư đem chuyển bán thì được. Nếu man trá bán bừa, cho được thu lại số tiền ở kẻ bán đó giao trả lại người mua. Đem số ruộng bán đó trả cho dân, tính xem trong xã có bao nhiêu hộ dân, theo lẽ công bằng

mà phân cấp. Sau đó ban mệnh lệnh cho quan Thừa ty phải thường xuyên giảng giải cho họ biết. Người nào không biết hối cải tội lỗi, cho ghép vào tội nặng hay nhẹ tùy lẽ công bằng, để trừng trị cái thói ngoan cố, như thế thì dân ở bốn phương đều tình nguyện trở về hết, mà đời sống của dân địa phương được khởi sắc bắt đầu từ đây!

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/12: Chính 正
b. Bản A.117/12: Nhị thập 二十
c. Bản A.117/12: Canh 耕
d. Bản A.117/12: hoang 荒
e. Bản A.117/12: Thống 痛
g. Bản A.117/12: Đốn 頓
h. Bản A.117/12: Ngũ lục thập xã 五六十社
i. Bản A.117/12: Tam 三
k. Bản A.117/12: Phục 服

CHÚ THÍCH:

1. Nguyên chú: Viết năm Canh Dần (1770), khi làm Hiến sứ.

2. 本處歲季條陳啓

（辛卯年）

啓爲條陳事：臣奉照上年準定條例歲季條陳方民情弊。謹奉實封二條，開列于后。

一條正民額：本處自清平後，生聚二十餘年，生齒日繁，流散漸還，乃今成丁受役不滿一萬。較之招集勸課之始，又似日酸月削，侵以彫耗。民數非不登，而規逃者眾，蓋貧婁者，或迫於該牧之苛徵，或病其豪家之爭占，因而寄居鄰境，廢爲漂流。今轄內始漂者五六十社，此皆蕩平之後，人爲之弊也。

伏乞付奉差官勘實，漂若干社，再付下縣官招集。其故意規逃僑居傍近者，許伊社備計寓人貫址，納在本縣縣官，扒還原籍，使之耕作，嚴區逃之禁，重撫字之賞，則户數可均矣。

一條稽田數：本處自庚申間，狂徒違誤，大地荊捺。自勸農之令

下，迄今日漸開墾。第一亂之後，敘籍多非其實，故隱漏 巧者，即肥饒之地，或逭其公繇。人工尚有未脩齊，故灌溉希者，即廣漠之區，或廢爲灌莽。此本轄近來，田政之通弊也。

伏乞付奉差官勘實，某社有漏田者，盡簿其田入官，其荒蕪不理者，照干萬畝，或係地廣人希，可行屯田之法，宜差官招募，使之合力而耨，該牧者待成田之後，方許起科，則借耕之人，無焚然去忽來之弊。其成田於海水之泛濫，土性之酸惡，而至其嗇稼，必時其灌溉，舉其障改，不至數年，生穀之土盡墾，而田數日倍矣。

PHIÊN ÂM:

BẢN XỨ TUẾ QUÍ ĐIỀU TRẦN KHẢI

(TÂN MÃO NIÊN)

Khải vi điều trần sự. Thần phụng chiếu thượng niên chuẩn định điều lệ tuế quí điều trần phương dân tình tệ. Cẩn phụng thực phong nhị điều, khai liệt vu hậu:

Nhất điều chính dân ngạch: Bản xứ tự thanh bình hậu, sinh tụ nhị thập dư niên, sinh xỉ nhật phồn,[a] lưu tán tiệm hoàn, nãi kim thành đinh thụ dịch bất mãn[b] nhất vạn. Giảo chi chiêu tập khuyến khoá chi thủy, hựu tự nhật toan nguyệt tước, xâm dĩ điêu hao. Dân số phi bất đăng, nhi qui đào giả chúng, cái bần lũ giả, hoặc bách ư cai mục chi hà trưng, hoặc bệnh kỳ hào gia[c] chi tranh chiếm, nhân nhi ký cư lân cảnh, phế vi phiêu lưu. Kim hạt nội thủy phiêu giả ngũ lục thập xã, thử giai đãng bình chi hậu, nhân vi chi tệ dã.

Phục khất phó phụng Sai quan khám thực, phiêu nhược[d] can xã, tái phó hạ huyện quan chiêu tập. Kỳ cố ý quy đào kiều cư bàng cận giả, hứa y xã bị kê ngụ nhân quán chỉ, nạp tại bản huyện huyện quan, bát hoàn nguyên bạ, sử chi canh tác, nghiêm khu đào[e] chi cấm, trọng phủ tự chi thưởng, tắc hộ số khả quân[g] hĩ.

Nhất điều kê điền số: Bản xứ tự Canh Thân gian, cuồng đồ vi ngộ, đại địa kinh nại. Tự khuyến nông chi lệnh hạ, hất kim nhật tiệm khai khẩn. Đệ nhất loạn chi hậu, tự tịch đa phi kỳ thực, cố ẩn lậu xảo giả, tức phì nhiêu chi địa, hoặc hoạn kỳ công do. Nhân công thượng hữu vị tu tề,

cố quán khái hi giả, tức quảng mạc chi khu, hoặc phế vi quan mãng. Thử bản hạt cận lai, điền chính chi thông tệ dã.

Phục khất phó phụng sai quan khám thực,[h] mỗ xã hữu lậu điền giả, tận bạ kỳ điền nhập quan, kỳ hoang vu bất lý giả, chiếu can vạn mẫu,[i] hoặc hệ địa quảng nhân hi, khả hành đồn điền chi pháp, nghi Sai quan chiêu mộ, sử chi hợp lực nhi chuyên, cai mục[k] giả đãi thành điền chi hậu, phương hứa khởi khoa, tắc tá canh chi nhân, vô thúc nhiên khứ hốt lai chi tệ. Kỳ thành điền ư hải thủy chi phiếm lạm, thổ tích chi toan ác, nhi chí kỳ sắc giá, tất thời kỳ quán khái, cử kỳ chướng cải, bất chí sổ niên, sinh cốc chi thổ tận khẩn, nhi điền số nhật bội hĩ.

DỊCH NGHĨA:

KHẢI ĐIỀU TRẦN VỀ CUỐI NĂM Ở BẢN XỨ
(NĂM TÂN MÃO)

Khải về việc điều trần. Thần phụng xét, năm trước phê chuẩn định ra điều lệ điều trần về tệ nạn của dân địa phương cuối năm. Kính đem những sự thực tóm lược thành hai điều, kê sau đây:

1. Sửa lại ngạch đinh tịch của dân:

Bản xứ sau buổi thanh bình, sinh dân cư tụ trải hơn hai mươi năm, sinh xôi ngày càng đông, kẻ bỏ làng xóm đi cũng đã về dần, nhưng nay những hạng dân đã thành đinh, chịu phu dịch chưa đầy một vạn suất. So với buổi chiêu tập khuyên dụ ban đầu, lại như hao hụt đi. Số dân không những không ghi thêm vào sổ mà còn trốn tránh nhiều, hoặc có người vì sự túng thiếu, hoặc bị bọn cai mục thu thuế nặng nề, hoặc khổ vì bọn cường hào tranh cướp, do đó ngụ cư sang xã lân cận, ruộng vườn bỏ hoang trở thành kẻ phiêu lưu. Nay những dân mới phiêu tán tới năm sáu mươi xã. Đó đều là tệ nạn người ta gây ra sau thời dẹp loạn.

Cúi xin giao xuống cho Sai quan khám xét đúng sự thực, phiêu bạt mấy xã, lại giao xuống cho quan huyện chiêu tập về. Còn người nào cố ý trốn tránh ở nhờ xã láng giềng, giao cho xã đó kê khai tất cả quê quán bọn ngụ cư nộp lên quan bản huyện, bắt phải trở về nguyên quán cầy cấy trồng trọt, nghiêm cấm trốn tránh, hậu thưởng cho những người vỗ về, có thế số hộ mới được quân bình.

2. Kê khai số ruộng:

Xứ này từ khoảng năm Canh Thân (1740) bọn giặc cướp nổi lên, ruộng đất bỏ hoang.(1) Từ khi có lệnh "khuyến nông" ban xuống, cho tới ngày nay, đã dần dần khai khẩn. Sau buổi biến loạn thứ nhất, ghi vào sổ sách phần nhiều không đúng sự thực, cho nên bọn khéo dấu diếm, ngay như khoảnh đất phì nhiêu, mà cũng trốn được thuế. Nhân công chưa được đầy đủ đồng đều, cho nên việc tưới tắm còn ít, ngay như khu đồng mênh mông rộng lớn, cũng bỏ cho cỏ mọc um tùm. Đó là tệ nạn thường xảy ra về việc ruộng nương thời kỳ gần đây ở bản hạt.

Cúi xin giao cho Sai quan đi khám xét sự thực, xã nào có ruộng lậu, thì tịch thu số ruộng đó cho vào ngạch ruộng công, ruộng nào hoang vu không làm được, tính xem độ mấy vạn mẫu, nếu khu vực đó đất rộng người ít, thì có thể lập ra đồn điền, Sai quan nên chiêu mộ dân cho hợp sức khai phá, cho phép người đứng đầu đó, đợi sau khi nơi đó đã hoàn toàn thành ruộng rồi, sẽ cho vào ngạch thuế, như thế thì những người cày cấy không có cái tệ lúc làm lúc bỏ. Ruộng nào bị nước bể tràn vào ngập, chất đất bị chua, trồng lúa bị chết, tất phải luôn luôn tưới tắm cho thay đổi chất đất, không đến vài ba năm, ruộng trồng trọt được sẽ được khai khẩn hết, mà số ruộng ngày một tăng thêm.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/12: Chúng 眾
b. Bản A.117/12: Đăng 登
c. Bản A.117/12: Ư thổ hào 於土毫
d. Bản A.117/12: Cựu phiêu 舊漂
e. Bản A.117/12: Đào nặc 逃匿
g. Bản A.117/12: Khả tăng 可增
h. Bản A.117/12: Độ (Đạc)度
i. Bản A.117/12: Can mẫu 千畝
k. Bản A.117/12: trưng 徵

CHÚ THÍCH:

1. Năm Canh Thân, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 1 (1740), bọn Vũ Hình Dung quê ở làng Ngân Cầu huyện Nam Chân Nam Định, cùng với đồ đảng là Đoàn Danh Chấn, Tú Cao nổi lên giữ lấy huyện lỵ.

3. 奉旨求直言陳時政啓

(丙申年)

啓爲陳言事：臣奉見聖主敬天恤民，務農重穀。今冬偶因凾雨，旨

下求言，諄諄以朝廷邊事，物隱民情爲念。臣仰奉德音，敢不略述迂疏，答揚休命。

臣竊見，南陲用兵，迄今三載。朝廷有伐罪吊民之舉，而天下孚同仇敵愾之心。二處之徵調，四宣之餽餉。在行六軍之戰守，以及各道商賈之轉漕。喜舊疆之完復，而望征勝之稍寬者。人之有思樂，息肩肩之躲。惟狂逋未帖，防秋未解。供億調役，未可以遽釋，遂有慨杼柚而依濛雨。漸至其調護之失和，重之以催科之苛擾，訟訴之繁興，征斂者多門，不無暑雨熱寒之嘆。故一雨少嗇，而閭里囂然，致此之由，其來如一日也。

奉聖主子育群生，孜孜勤恤，靡神不舉，無微不燭，一誠所感，自足以動天。而一飢一寒，或未達於四聰，蓽屋窮閭，方拭望其安集撫寧之政。天之視聽以民，民心能起，則天意可回。周書言："見相上帝"必驗之以寵綏四方。召公亦以撫和小民，爲祈天之道，聖賢之言信不誣也。

臣伏思當今事勢，其大籌畫大商確，無如南陲之役。臣以輸墨談邊鄙，固不能悉，大抵淳岳未滅，則邊兵不可不備，戰略不可不脩，萬燈雲屯仰給其糧，而糧足在國內寧，內寧在國安民，安民民道以寬。二處四宣爲要領，臣伏乞罷清華逃拿之令，而開召募之場，以足兵額。禁乂安督牧之擾，而弛重受之稅，以舒民急（如某社既受另率，重受土產掉扒官役之類），仍飭三司府縣，以宣慰撫字之責，有便可興，有弊可去，聽他方備陳，土官轉遞，爲之酌量施行。二處之民心安，則和氣集，湯沐龍興所在，自有回相協之機。

次及四宣，近來糶粟入邊，私積稍匱，軍士商賈，財力浸虧，獲寬一及，則民受一分之賜。臣伏乞旨下有司，詳稽出入之數，國

家賦外之財，與獲俘之貨，多濫其漏也。覈有餘，補不及，亦可佐軍需之貲，而其正賦二務之外，租稅有可暫免者，免之以悅農。司巡一正之外，支巡有可暫撤者，撤之以悅商。軍士從征若干，令各兵隊船類實某因陣殄者，復其子，某猶在戍者，給其家，以悅兵。至其該牧之苛濫豪濫之凌脅，玩愒歲久，弊孔實繁，四道采訪，當盡得其民隱之狀。臣伏乞急差查究，收還所失，以蘇民瘼，使天下知仁政之澤，實有以及國民。且通飭內外勘問諸司，惟重訟方得勘行，其餘一切暫緩，以省勾催之擾。某略備論贖罰其人窮無所出，及逃去他方，聽社民甘結，止勿再收，以革連投鄉村之弊。申命審讞諸臣，庶獄自徒流而上，正罪方可以羈檻，自徒種田兵以下，罪稍重者許贖，罪稍輕者杖決，盡行釋遣，以伸冤滯之氣。此皆今日發政惠仁之急務。民和感其下，天和應其上，屢豐之效，不期而然。大有之歌，于今再見，太平之治，萬世其永賴矣。

PHIÊN ÂM:

PHỤNG CHỈ CẦU TRỰC NGÔN TRẦN THỜI CHÍNH KHẢI[A]

(BÍNH THÂN NIÊN)

Khải vi trần ngôn sự: Thần phụng kiến Thánh chúa[b] *kính thiên tuất*[c] *dân, vụ nông trọng cốc. Kim đông ngẫu nhân sắc vũ, chỉ hạ cầu ngôn,*[d] *truân truân dĩ triều đình biên sự, vật ẩn dân tình*[e] *vi niệm. Thần ngưỡng phụng đức âm, cảm bất lược thuật vu sớ, đáp dương hưu mệnh.*

Thần thiết kiến, Nam thùy dụng binh, hất kim tam tải. Triều đình hữu phạt tội điếu dân chi cử, nhi thiên hạ phu đồng cừu địch khái chi tâm. Nhị xứ chi trưng điều, tứ Tuyên chi quí hướng. Tại hành lục quân chi chiến thủ, dĩ cập các đạo thương cổ chi chuyển tào. Hỉ cựu cương chi hoàn phục, nhi vọng chinh thắng chi sảo khoan giải. Nhân chi hữu tư lạc,

tức kiên kiên chi đoá.[g] *Duy cuồng bô vị thiếp, phòng thu vị giải. Cung ức điều dịch, vị khả dĩ cừ thích, toại hữu khái trữ trục nhi y mông vũ. Tiệm chí kỳ điều hộ chi thất hoà, trọng chi dĩ thôi khoa chi hà nhiễu, tụng tố chi phồn hưng, chinh liễm giả đa môn, bất vô thử vũ nhiệt hàn chi thán. Cố nhất vũ thiểu sắc, nhi lư lý hiêu nhiên, chí thử chi do, kỳ lai như*[h] *nhất nhật dã.*

Phụng Thánh chúa tử dục quần sinh, tư tư cần tuất, mi thần bất cử, vô vi bất chúc, nhất thành sở cảm, tự túc dĩ động thiên. Nhi nhất cơ nhất hàn, hoặc vị đạt ư tứ thông, bộ ốc cùng lư, phương thức vọng kỳ an tập phủ ninh chi chính. Thiên chi thị thính dĩ dân, dân tâm năng khởi,[i] *tắc thiên ý khả hồi.* Chu thư *ngôn "Kiến*[k] *tương Thượng đế," tất nghiệm*[l] *chi dĩ sủng tuy tứ phương. Thiệu Công diệc dĩ hám hoà tiểu dân, vi kỳ thiên chi đạo, thánh hiền chi ngôn tín bất vu dã.*

Thần phục tư đương kim sự thế, kỳ đại trù hoạch đại thương xác, vô như nam thùy chi dịch. Thần dĩ hàn mặc đàm biên bỉ, cố bất năng tất, đại để Thuần Nhạc[m] *vị diệt, tắc biên binh bất khả bất bị, chiến lược bất khả bất tu, Vạn Đăng Vân Đồn ngưỡng cấp kỳ lương, nhi lương túc tại quốc nội ninh, nội ninh tại quốc an dân, an dân dân đạo dĩ khoan. Nhị xứ tứ Tuyên vi yếu lĩnh, thần phục khất bãi Thanh Hoa "đào nã" chi lệnh, nhi khai triệu mộ chi trường, dĩ túc binh ngạch. Cấm Nghệ An đốc mục chi nhiễu, nhi thỉ trọng thụ chi thuế, dĩ thư dân cấp*[n] *(như mỗ xã ký thụ lánh suất, trùng thụ thổ sản điệu bát quan dịch chi loại), nhưng sức tam ty phủ huyện, dĩ tuyên uý phủ tự chi trách, hữu tiện khả hưng, hữu tệ khả khử, thính tha phương bị trần, thổ quan chuyển đệ, vi chi chước lượng thi hành. Nhị xứ chi dân tâm an, tắc hòa khí tập, Thang mộc long hưng sở tại, tự hữu hồi tương hiệp chi cơ.*

Thứ cập tứ Tuyên,[o] *cận lai địch túc nhập biên, tư tích sảo quĩ, quân sĩ thương cổ, tài lực xâm khuy, hoạch khoan nhất cấp, tắc dân thụ nhất phân chi tứ. Thần phục khất chỉ hạ hữu ty, tường kê xuất nhập chi số. Quốc gia phú ngoại chi tài, dĩ hoạch phu chi hóa, đa lạm kỳ lậu dã.*[p] *Hạch hữu dư, bổ bất cập, diệc khả tá quân nhu chi tư, nhi kỳ chính phú nhị vụ chi ngoại, tô thuế hữu khả tạm miễn giả, miễn chi dĩ duyệt nông! Ty tuần nhất chính chi ngoại, chi tuần hữu khả tạm triệt giả, triệt chi dĩ duyệt thương! Quân sĩ tòng chinh nhược can, lệnh các binh đội thuyền loại thực mỗ nhân trận điển giả, phục kỳ tử, mỗ do tại thú giả, cấp kỳ gia, dĩ*

duyệt binh. Chí kỳ cai mục chi hà lạm hào lạm chi lăng hiếp, ngoạn kệ tuế cửu, tệ khổng thực phồn. Tứ đạo thái phỏng, đương tận đắc kỳ dân ẩn chi trạng. Thần phục khất cấp sai tra cứu, thu hoàn sở thất, dĩ tô dân mạc,(9) sử thiên hạ tri nhân chính chi trạch, thực hữu dĩ cập quốc dân. Thả thông sức nội ngoại khám vấn chư ty, duy trọng tụng phương đắc khám hành, kỳ dư nhất thiết tạm hoãn, dĩ tỉnh câu thôi chi nhiễu. Mỗ lược bị luận thục phạt kỳ nhân cùng vô sở xuất, cập đào khứ tha phương, thính xã dân cam kết, chỉ vật tái thu, dĩ cách liên đầu hương thôn chi tệ. Thân mệnh thẩm hiến chư thần, thứ ngục tự đồ lưu nhi thượng, chính tội phương khả dĩ kỉ hạm, tự đồ chủng điền binh dĩ hạ, tội sảo trọng giả hứa thục, tội sảo khinh giả trượng quyết, tận hành thích khiển, dĩ thân oan trệ chi khí. Thử giai kim nhật phát chính huệ nhân chi cấp vụ. Dân hoà cảm kỳ hạ, thiên hòa ứng kỳ thượng, lũ phong chi hiệu, bất kỳ nhi nhiên. Đại hữu chi ca, vu kim tái kiến, thái bình chi trị, vạn thế kỳ vĩnh lại hĩ.

DỊCH NGHĨA:

KHẢI VÂNG CHỈ DỤ CẦU LỜI NÓI THẲNG VẠCH RÕ CHÍNH SÁCH HIỆN THỜI

(NĂM BÍNH THÂN)(1)

Khải về việc dâng lời nói: Thần ngửa thấy Thánh chúa ngài kính trời, thương dân, để ý nghề nông, coi trọng thóc lúa. Mùa đông năm nay, ngẫu nhiên không mưa, đã ban chỉ dụ xuống, cầu lời nói thẳng, Ngài băn khoăn bởi những việc ngoài biên của triều đình, lo ngại vì lòng dân ẩn khuất. Thần vâng lời hỏi, dám đâu không lược thuật chỗ hiểu biết sơ sài của mình, để đáp lại mệnh lệnh tốt đẹp ấy.

Thần trộm thấy, cõi Nam động binh đến nay đã 3 năm. Triều đình thương dân đem quân đi đánh kẻ có tội, mà thiên hạ thỏa tấm lòng cùng giận kẻ thù. Hai xứ thì góp binh lính,(2) bốn Tuyên(3) thì cung cấp lương thực. Sáu(4) quân ở nơi hành tại thì hoặc đánh hoặc giữ, cho đến kẻ buôn bán ở các đạo thì giữ việc chuyên chở. Vui vì cương giới cũ đã được khôi phục, mong mỏi việc đánh dẹp hay vỗ về dần dần bớt bỏ. Người người đều vui mừng, đôi vai thoát khỏi sự gánh vác nặng nề. Duy kẻ điên cuồng trốn tránh chưa yên, nên sự phòng thủ giặc giã chưa được cởi bỏ. Việc cung đốn phục dịch cũng còn phải bận rộn, thành thử có nỗi buồn về nghề thêu dệt(5) bỏ không, mà ở mãi cảnh mưa dầm.(6)Rồi tiếp đến việc điều hoà âm dương bị thất thường, cộng với sưu thuế nặng nề, kiện cáo xảy ra nhiều,

trưng thu sách nhiễu đủ lối, không thể không có lời than thở về nỗi nắng mưa nóng lạnh! Cho nên, gặp buổi không mưa, làng xóm kêu ca ầm ĩ, nguyên do dẫn đến việc đó, dường như không phải chỉ một ngày.

Thánh chúa nay coi muôn dân như con, luôn luôn thương đến, không thần linh nào không phong tặng, không chỗ ẩn vi nào không soi xét, chân thành cảm cách, đủ động đến trời. Thế mà một kẻ đói, một người rét, hoặc tin chưa tới tai, những túp nhà tranh ở hang cùng ngõ hẻm, đương dụi mắt mong chờ chính sách chiêu tập vỗ về được yên ổn. Thiên tử vì dân mà nghe ngóng, trông coi, một khi lòng dân khởi phát thì ý của Thiên tử có thể đạt được. Thiên *Chu thư* nói; "Thấy được sự giúp đỡ của thượng đế," tất trước phải nghiệm xem sự bình yên ở bốn phương. Thiệu Công cũng vì sự hoà thuận tiểu dân mà lập đạo cầu thiên tử. Lời nói của thánh hiền thật không phải là lừa dối.

Thần cúi nghĩ, sự thế hiện nay, việc tính toán bàn bạc phải sao cho đến nơi đến chốn, vì không gì khẩn cấp bằng công việc ở cõi Nam. Thần bàn công việc ngoài biên bằng bút mực thật không thể chu tất được, đại để bọn chúa Thuần và Nguyễn Nhạc chưa tiêu diệt được, thì binh bị ở biên giới không thể không phòng bị, chiến lược không thể không rèn tập. Nhờ có hai xứ Vạn Đăng và Vân Đồn cấp lương thực, mà lương thực đủ thì trong nước bình yên, mà trong nước bình yên thì dân an cư, dân an cư thì đạo trị dân được mở rộng. Hai xứ và tứ Tuyên là khu vực trọng yếu, thần cúi xin bãi bỏ cái lệnh "đào nã" ở Thanh Hoa, mở ra nơi chiêu mộ, để cho đủ ngạch binh lính. Nghiêm cấm sự những nhiễu của bọn đốc mục ở Nghệ An, xoá bỏ thứ thuế nặng nề, để cho dân khỏi khổ (như những việc: Các xã đã chịu suất lính, chịu thuế thổ sản nặng, phục dịch các việc quan), vẫn sức cho ba ty[7] và cấp phủ cấp huyện phải có trách nhiệm tuyên truyền, uý lạo và vỗ về, việc tốt thì khơi dậy, việc xấu thì trừ bỏ, lắng nghe đầy đủ những lời điều trần ở địa phương khác do quan địa phương chuyển đệ lên, rồi bàn bạc cân nhắc mà thi hành. Dân hai xứ đó yên tâm thì hòa khí sẽ nẩy sinh, đất Thang mộc nơi vua chúa phát tích, ắt tự có cơ cùng nhau hiệp lực khôi phục.

Thứ nữa đến bốn Tuyên, gần đây số thóc xuất đưa ra vùng biên, chứa riêng hơi hao hụt, quân sĩ cũng như các nhà buôn bán, cả tài lẫn lực dần dần thiếu thốn, nếu được nới ra phần nào, thì nhân dân được nhờ phần ấy. Thần cúi mong ban chỉ dụ xuống cho những người có chuyên

trách, kê tra rõ con số xuất và nhập. Tài khoản thuộc về ngoài khoản thuế khoá của nhà nước và hàng hóa tịch thu được của bọn giặc mà ta bắt được, phần nhiều lọt ra ngoài cả. Nay phải khám lại chỗ thừa để bổ sung vào chỗ thiếu, cũng có thể giúp đỡ vào việc chi phí cho quân đội. Mà ngoài hai vụ thuế chính ra, các ngạch thuế khác tạm miễn được, thì miễn đi, để cho nông hộ được vui vẻ! Ngoài một chức Ty tuần chính thức ra, còn các chi tuần đều có thể tạm thời rút bớt được thì rút đi, để cho nhà buôn bán được hài lòng! Quân sĩ đi chiến đấu có bao nhiêu, sai các cơ đội thực khai những tên nào bị chết trận, thì nên yên ủi vỗ về con cái của họ, tên nào còn ở trong quân, thì nên cấp đỡ gia đình họ, để cho quân lính được thoả thích. Còn như sự tham lam hà khắc của cai mục, sự lăng nhờn ức hiếp của cường hào hoành hành đã lâu, tệ hại cũng lắm. Bốn đạo phải đi dò xét, thu nhặt hết mọi tình trạng ẩn khuất trong dân. Thần cúi xin phải tra cứu khẩn cấp, thu lại những thứ đã mất, để cho dân được dễ thở, khiến thiên hạ biết được nguồn ơn huệ của chính sách có nhân đạo, thấm nhuần kịp tới hạ dân. Lại thông sức cho các ty đi hỏi han khám xét trong trấn cũng như ngoài trấn, chỉ có vụ kiện cáo nào quan trọng mới được khám hỏi, ngoài ra tạm hoãn hết thảy, để bớt cái tội nhũng nhiễu bắt bớ. Tên nào bị luận tội phải nộp tiền phạt, tên đó nếu cùng túng không sao bỏ ra được, hay là chốn tránh đi nơi khác, phải bắt xã dân cam kết, cấm chỉ không được thu hồi lần nữa, để trừ bỏ cái tệ liên luỵ tới xóm giềng. Lại lệnh cho các quan thẩm tra các án từ tội đồ, tội lưu trở lên, can vào tội chính thì có thể giam cùm, còn điền chủ hay binh lính mắc tội đồ trở xuống, tội nặng thì cho bỏ tiền ra chuộc, tội hơi nhẹ thì xử đánh gậy rồi đều tha bổng, để hả cái khí oan ức đang lưu đọng. Đó chính là việc cần kíp thi hành chính sách nhân huệ ở ngày nay. Thế là dưới thì dân sinh hoà thuận cảm thông, trên thì Thiên tử hoà thuận đáp ứng, kết quả là luôn năm được mùa lúa, không hẹn mà tự đến. Bài ca được mùa lớn nay lại xuất hiện, cảnh thịnh trị thái bình muôn đời vững bền mãi.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/12: Phụng trần thời chính khải 奉陳時政啓
b. Bản A.117/12: Thượng 上
c. Bản A.117/12: Cần 勤
d. Bản A.117/12: Chỉ cầu trực ngôn 旨求直言
e. Bản A.117/12: Triều chính biên sự vật tình dân ẩn 朝政邊事物情民隱
g. Bản A.117/12: Nguyện 願
h. Bản A.117/12: Phi 非

i. Bản A.117/12: Cố 固
k. Bản A.117/12: Khắc 克
l. Bản A.117/12: Kế 繼
m. Bản A.117/12: Tây Sơn 西山
n. Bản A.117/12: Dĩ trữ dân chí 以紓民志
o. Bản A.117/12: Trấn 鎮
p. Bản A.117/12: Đa phiếm lạm ư lậu chi 多泛濫於漏卮
q. Bản A.117/12: Tích 積

CHÚ THÍCH:

1. Năm Bính Thân (1776) tức năm Cảnh Hưng 37, sau một năm Ngô Thì Nhậm đỗ.

2. Hai xứ: Thanh Hoá Nghệ An.

3. Bốn tuyên: Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên.

4. Sáu quân: Quân của Thiên tử.

5. Thêu dệt, dịch thoát chữ: "Trữ trục" trong câu. Trữ trục nghĩa là 2 bộ phận chủ yếu trong khung cửi. *Kinh Thi*, thiên *Tiểu nhã:* "Đại đông tiểu đông, trữ trục kỳ không" (Nước lớn nước nhỏ bên phương đông, nghề khung cửi dệt phải bỏ không cả). Chu Tử chú thích là: Vì lúc đó các nước phương đông phải đi chinh dịch, mà bỏ cả nghề nghiệp, hại tới tài sản nên Đàm đại phu làm ra thơ này than thở mà cáo bệnh về.

6. Ở mãi cảnh mưa dầm, dịch chữ "y mông vũ," *Kinh Thi, Mân phong* thơ *Đông sơn:* "Ngã lai tự đông, linh vũ kỳ mông"(Ta lại từ phương đông, mưa xuống dầm đìa). Thơ này do Chu công sang đánh dẹp ở phương đông, mãi 3 năm mới trở về, khi khao quân sĩ, đã làm ra bài này để tả nỗi vất vả lầm than của họ, để uý lạo họ. Đây tác giả nhắc lại cảnh "Nghề thêu dệt bỏ không mà ở mãi cảnh mưa dầm" để nói về cuộc dụng binh ở nam thuỳ hiện nay.

7. Ba ty: Hiệp trấn, Thừa chính sứ, Hiến sát sứ. Sang triều Nguyễn thường gọi ba toà quan lớn: Tổng đốc, Bố chính, Án sát.

4. 御史臺本堂官歲季陳言啓

啓爲奏陳言事：臣等奉照定條例歲季，奉有實封。臣等濫預法曹，忝居言職，綱惟之地，敢不略述所聞，仰希一得。

臣仰見聖主簡心政理，廑恤民隱，霄旰圖回，無不以脩政愛民爲念。臣聞："官多則民擾，網疏則民富"。故周官曰："官不必備"。立政曰："式有慎以列中罰"，凡皆政書民命所係，豪厘之紊，便有千里之差。近來因循積久，繁冗浸漸。官有不得設而設，事

有不得增而增，訟情有不得論而論。大要緣職事以擾索，借文法以行私，使民膏罄其員多，政体虧其訟濫。今閭里之外，民頗艱食，獲寬一分，即受一分之賜，而寬民之道，竊倣以革雜冗省煩擾爲先。

伏乞省邊地冗員，以舒民瘼，減剩員職事，以正官律，革詞訟以昭寬政。雖行此故事未足以該正大公平之体。而生一事不如減一事，興一便不如去一害。今而隨宜斟酌，亦準弊行善之一端。區區管蠡，竊效迂疏，不勝惶懍之至。

一奉見太原上畔各縣，邊遠林隴之地，其民多儂土雜居，別當存撫。茲承司官併當鎮司，奉倣通化府官與白通、感化、定化、文朗、大慈、武崖陸縣，並應省任，一切詞訟，並當鎮司勘行，以省民費。

一奉照近來各處三司，別論處徒流等刑逾限，訟人無翻覆辨，已經差官，同與刑部官覆議，又遞年差官刷錄，而刑科官送各處三司官錄囚，頗深爲贅。奉差應傳刑科官，嗣後停送錄囚，定爲例。

一奉照從前以各衙門論罰差收，連累仝社，改爲論杖。茲各衙門論乞催拿，又煩在鎮司，更生民費。奉倣應傳嗣後憲司停送拿杖。其外任各衙門，如有當論杖而訟人不候，審其情理稍輕者，改爲免論，以示寬大省擾訟。

PHIÊN ÂM:

NGỰ SỬ ĐÀI BẢN ĐƯỜNG QUAN TUẾ QUÍ TRẦN NGÔN KHẢI[A]

Khải vi tấu trần ngôn sự: Thần đẳng phụng chiếu[b] *định điều lệ tuế quí, phụng hữu thực phong. Thần đẳng lạm dự pháp tào,*[c] *thiểm cư ngôn chức,*[d] *cương duy chi địa, cảm bất lược thuật sở văn, ngưỡng hi nhất đắc.*

Thần ngưỡng kiến Thánh chúa giản tâm chính lí, cẩn tuất dân

ẩn,[e] tiêu can đồ hồi, vô bất dĩ tu chính ái dân vi niệm. Thần văn: "Quan đa tắc dân[g] nhiễu, cương sơ tắc dân phú." Cố Chu quan *viết: "Quan bất tất bị."* Lập chính *viết: "Thức hữu thận dĩ liệt trung phạt,"phàm giai chính thư dân mệnh sở hệ, hào ly chi vấn, tiện hữu thiên lý chi sai. Cận lai nhân tuân tích cửu, phồn nhũng tẩm tiệm. Quan hữu bất đắc thiết nhi thiết, sự hữu bất đắc tăng nhi tăng, tụng tình hữu bất đắc luận nhi luận. Đại yếu duyên chức sự dĩ nhiễu sách, tá văn pháp dĩ hành tư, sử dân cao khánh kỳ viên đa, chính thể khuy kỳ tụng lạm. Kim lư lý chi ngoại, dân phả gian thực, hoạch khoan nhất phân, tức thụ nhất phân chi tứ, nhi khoan dân chi đạo, thiết phỏng dĩ chuẩn tạp nhũng tỉnh phiền nhiễu vi tiên.*

Phục khất tỉnh biên địa nhũng viên, dĩ thư dân mạc, giảm thặng viên chức sự, dĩ chính quan luật, cách từ tụng dĩ chiêu khoan chính. Tuy hành thư cố[h] sự, vị túc dĩ cai chính đại công bình chi thể. Nhi sinh nhất sự bất như giảm nhất sự, hưng nhất tiện bất như khử nhất hại. Kim nhi tùy nghi châm chước, diệc chuẩn tệ hành thiện chi nhất đoan. Khu khu Quản man, thiết hiệu vu sơ, bất thăng hoàng lẫm chi chí.

Nhất phụng kiến Thái Nguyên thượng bạn các huyện, biên viễn lâm lũng chi địa, kỳ dân đa Nùng Thổ tạp cư, biệt đương tồn phủ. Tư Thừa ty quan tính Đương trấn ty, phụng phỏng Thông Hoá phủ quan dữ Bạch Thông, Cảm Hoá, Định Hoá, Văn Lãng, Đại Từ, Võ Nhai lục huyện tịnh ưng tỉnh nhậm, nhất thiết từ tụng, tịnh đương trấn ti khám hành, dĩ tỉnh dân phí.

Nhất phụng chiếu cận lai các xứ tam ty, biệt luận xử đồ lưu đẳng hình du hạn, tụng nhân vô phiên phúc biện, dĩ kinh Sai quan, đồng dữ Hình bộ quan phúc nghị, hựu đệ niên Sai quan loát lục, nhi Hình khoa quan tổng các xứ Tam ty quan lục tù, phả thâm vi chuế. Phụng sai[i] ưng truyền Hình khoa quan, tự hậu đình tổng lục tù, định vi lệ.

Nhất phụng chiếu tòng tiền dĩ các nha môn luận phạt sai thu, liên lụy đồng xã, cải vi luận trượng. Tư các nha môn luận khất thôi nã, hựu phiền[k] tại Trấn ty, cánh sinh dân phí. Phụng phỏng ưng truyền tự hậu Hiến ty đình tổng nã trượng. Kỳ ngoại nhậm các nha môn, như hữu đương luận trượng nhi tụng nhân bất hậu thẩm kỳ tình lý sảo khinh giả, cải vi miễn luận, dĩ thị khoan đại tỉnh nhiễu tụng.[l]

DỊCH NGHĨA:

KHẢI ĐIỀU TRẦN VỀ CUỐI NĂM CỦA BẢN ĐƯỜNG QUAN Ở ĐÀI NGỰ SỬ

Khải về việc dâng lời nói: Bọn thần phụng chiếu điều lệ cuối năm,

kính có phong thư kể thực tình. Bọn thần lạm dự vào hàng pháp quan, ở chức vụ, dâng lời nói, ở địa vị làm dường mối, dám đâu không lược thuật dâng những điều đã được nghe, ngửa mong may được một phần nào.

Thần ngước thấy Thánh chúa chăm lo công việc triều chính, thương nỗi ẩn khuất của dân, ngày đêm tính toán, không lúc nào là không nghĩ đến việc tu sửa chính trị và thương yêu dân chúng. Thần nghe nói: "Đa quan thì nhiễu dân, lưới thưa thì dân giầu." Cho nên, thiên *Chu quan* nói: "Quan chức bất tất phải đủ số." Thiên *Lập chính* nói: "Cách thức phải thận trọng, để định phạt mức trung bình," hết thảy sách chép về hình án, đều quan hệ đến tính mệnh của dân, sai một li, đi nghìn dặm. Gần đây, nhân noi phép cũ đã lâu, sự phiền nhũng dần dần thêm mãi. Quan có chức không nên đặt thì lại đặt, có việc không nên thêm thì lại thêm ra, kiện tụng có vụ không nên xét mà cứ xét. Đại khái cứ dựa vào chức việc để sách nhiễu, dựa vào pháp luật để làm việc riêng, khiến cho đời sống của dân khánh kiệt vì quan nha nhiều, chính thể khiếm khuyết vì những lạm quá đáng. Nay ở ngoài thôn quê dân rất thiếu ăn, nới lỏng phần nào, tức dân được nhờ phần ấy, mà con đường nới lỏng cho dân, trộm nghĩ trước hết nên dẹp những chỗ phức tạp, tỉnh giảm những chỗ phiền nhiễu.

Cúi xin bớt ngay những quan tham lại nhũng ở biên giới, để đỡ sức dân. Giảm các viên chức thừa, để uốn thẳng luật làm quan, bỏ mọi kiện tụng để tỏ rõ chính sách khoan hồng. Chỉ làm vài việc cũ đó, chưa đủ tổng quát được thể thức chính đại công bằng, mà sinh thêm ra một việc, không bằng giảm bớt đi một việc, làm một việc có ích lợi, không bằng bỏ đi một việc tệ hại. Nay nếu tùy nghi mà châm chước, cũng là một mối bỏ điều tệ, làm điều thiện. Bọn quản Man khư khư này, trộm học được sự viển vông sơ sài, thì thật là đáng sợ.

1. Phụng thấy, các huyện ở phía trên trấn Thái Nguyên là nơi rừng rậm biên giới xa xôi, dân số phần nhiều là người Nùng người Thổ ở lẫn lộn, cũng nên để ý vỗ về. Nay quan Thừa ty và quan Đương trấn ty, phụng phỏng như quan phủ Thông Hoá cùng với sáu huyện Bạch Thông, Cảm Hoá, Định Hoá, Văn Lãng, Đại Từ và Vũ Nhai đều nên tỉnh giảm chức vụ, hết thảy các vụ kiện cáo đều nên giao cho quan Trấn ty xét xử, để bớt phí tổn cho dân.

2. Phụng xét gần đây, Tam ty ở các xứ, xét xử về các hình án như tội đồ, tội lưu để quá hạn, người bị kiện không kháng án điều gì, đã được

Sai quan cùng với quan Bộ Hình xét lại, lại hàng năm Sai quan xoá sổ, nhưng quan Hình khoa còn đưa đến quan Tam ty các xứ xét lại những tù tội, thật quá ư là thừa. Nên phụng truyền cho quan Hình khoa từ nay về sau, đình chỉ việc xét lại tù tội, định làm lệ.

3.Phụng xét từ xưa, các nha môn luận tội phạt thu tiền nộp quĩ công, liên lụy đến toàn xã, nên đổi phạt gậy. Nay các nha môn luận tội xin truy nã, lại phiền phức cho quan Trấn ty, càng sinh ra phí tổn cho dân. Từ nay nên phụng truyền, quan Hiến ty đình xử đánh gậy. Đến như nhậm chức ở các nha môn bên ngoài, nếu có trường hợp nên luận tội đánh gậy, nhưng người kiện không chờ xét, đủ biết tình và lý đều nhẹ cả, thì cho được miễn xét để tỏ rõ sự nới rộng và giảm việc kiện tụng phiền nhiễu.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/12: Tuế quý trần ngôn khải (Đại Ngự sử đài đài trưởng viên) 歲季陳言啓（代御史臺臺長員）
b. Bản A.117/12: Chuẩn 準
c. Bản A.117/12: Đài 臺
d. Bản A.117/12: Trách 責
e. Bản A.117/12: Gian 艱
g. Bản A.117/12: Lại 吏
h. Bản A.117/12: Số 數
i. Bản A.117/12: Phỏng 倣
k. Bản A.117/12: Loại 類
l. Bản A.117/12: Tróc 捉

5. 本屬臺官陳言

（甲體）

啓爲奉條陳事：奉照準定條例，歲季奉有實封。臣忝預法臺，敢不略陳愚衷，仰祈睿照。

臣見聖主孜孜圖治，汲汲親賢，嘿容灼見，恒以舜文爲心，旨下諸賢，各舉所知。雖草野遺逸，悉聽收采。天下之士莫不奮迅激昂，咸蒙休德。臣竊聞衢室之訪，總章之問，聖人澤及其芻蕘。詩云："采葑采菲，無以下体"，重兼收並蓄，當如此其廣！今廩碩大臣，夙

夜在公，非不以舉賢效君爲急事，而韜藏其藪澤者，勢不得以周知。惟親致諮其才，則所得有限，來章之效，恐或至其歲月之遲。以當南陲未帖，正宜簡俊其考槃，掄才於叩角。一藝一能以上，求之博方能采之周。臣伏乞準許諸臣，各得舉所知。或某有才猷術業，久未知名，情願自舉者，可準庚申之令，使才無屈滯，士樂奮庸。若某人既登名舉牒，與自舉得進，必視其所以，察其所由，稽孔圣觀人之法，程之以功，賦之以事；舉漢皇核實之規：資途既值者，任之爲州縣之官，資途未值者，或職以邊疆之事。差行樂愜，即不吝超遷，罷軟無奇，必覆加贖罰。而所舉知諸臣，亦視此課法一事。如此則選用咸精，人才遍得，可以爲國家不窮之用。虞之咸熙，周之無競，再見其今日矣。

PHIÊN ÂM:

BẢN THUẬT ĐÀI QUAN TRẦN NGÔN[a]

(GIÁP THỂ)

Khải vi phụng điều trần sự: Phụng chiếu chuẩn định điều lệ, tuế quí phụng hữu thực phong. Thần thiểm[b] *dự pháp*[c] *đài, cảm bất lược trần ngu trung, ngưỡng kỳ duệ chiếu.*

Thần[d] *kiến Thánh chúa tư tư đồ trị, cấp cấp thân hiền, trù tư chước kiến, hằng dĩ Thuấn Văn vi tâm, chỉ hạ chư hiền,*[e] *các cử sở tri. Tuy thảo dã di dật, tất thính thu thái. Thiên hạ chi sĩ mạc bất phấn tấn kích ngang, hàm mông hưu đức. Thần thiết văn Cù thất chi phỏng, Tống chương chi vấn, thánh nhân trạch cập kỳ sô nghiêu.* Thi *vân: "Thái phong thái phỉ, vô dĩ hạ thể," trọng kiêm thu tịnh xúc, đương như thử kỳ quảng! Kim bàng thạc đại thần, túc dạ tại công, phi bất dĩ cử hiền hiệu quân vi cấp sự,*[g] *nhi thao tàng kỳ sổ trạch giả, thế bất đắc dĩ chu tri. Duy thân trí am kỳ tài, tắc sở đắc hữu hạn, lai chương chi hiệu, khủng hoặc chí kỳ tuế nguyệt chi trì. Dĩ đương Nam thùy vị thiếp,*[h] *chính nghi giản tuấn kỳ Khảo Bàn, luân tài ư khấu dốc. Nhất nghệ nhất năng dĩ thượng, cầu chi bác phương năng thái chi chu. Thần phục khất chuẩn hứa*[i] *chư thần, các đắc cử sở tri. Hoặc mỗ hữu tài du thuật nghiệp, cửu vị tri danh, tình*

nguyện tự cử giả, khả chuẩn Canh Thân chi lệnh, sử tài vô khuất trệ, sĩ lạc phấn dung. Nhược mỗ nhân ký đăng danh cử điệp, dữ tự cử đắc tiến, tất thị kỳ sở dĩ, sát kỳ sở do, kê Khổng Thánh quan nhân chi pháp, trình chi dĩ công, phú chi dĩ sự; cử Hán Hoàng hạch thực chi qui: Tư đồ ký trị giả, nhậm chi vi châu[k] huyện chi quan, tư đồ vị trị giả, hoặc chức[l] dĩ biên cương chi sự. Sai hành lạc thiếp, tức bất lận siêu thiên, bãi nhuyễn vô kỳ, tất phúc[m] gia thục[n] phạt. Nhi sở cử tri chư thần, diệc thị thử khoá pháp nhất sự. Như thử tắc tuyển dụng hàm tinh, nhân tài biến đắc, khả dĩ vi quốc gia bất cùng chi dụng. Ngu chi hàm hi, Chu chi vô cạnh, tái kiến kỳ kim nhật hĩ.

DỊCH NGHĨA:

LỜI TRÌNH BẦY CỦA BẢN THUỘC ĐÀI QUAN

(BẢN GIÁP)

Khải về việc vâng mệnh điều trần: Phụng theo điều lệ đã chuẩn định, cuối năm kính có phong thư kể thực tình. Thần thẹn vì dựa vào địa vị pháp quan, đâu dám không đem ngu ý trình bày sơ lược, ngửa mong đèn trời soi tới.

Thần thấy Thánh chúa luôn lo việc trị nước, cần kíp kén chọn người hiền, hỏi han trù tính, luôn thể theo tấm lòng của vua Thuấn, vua Văn để tỏ rõ tấm lòng của mình, ban chỉ dụ xuống cho các quan, đều phải tiến cử những người mà mình đã biết. Dù là người ẩn dật ở thôn quê, cũng đều phải được thu thập về hết thảy. Vì vậy, sĩ phu trong thiên hạ không ai là không phấn khích, đều nhận được đức tốt của bề trên. Thần trộm nghe, những lời hỏi han ở nhà Cù thất,[1] lời thăm thú ở nhà Tổng chương,[2] thánh nhân cân nhắc cả tới lời nói của người kiếm củi, người cắt cỏ. *Kinh Thi* nói: "Hái rau phong, hái rau phỉ, không dùng đoạn gốc,"[3] coi trọng việc thu nạp, nên rộng rãi như thế! Nay các vị đại thần chức trọng quyền cao, đến bên công đường, không ai là không cho việc cử người hiền để giúp đỡ nhà vua là việc làm cần kíp, mà người còn ẩn núp ở rừng núi, vì tình thế không thể biết đến cho hết được. Duy việc các nhân tài thân đến được đông đảo, thì con số được đó rất hạn chế, cái hiệu quả đưa lại tốt đẹp, chỉ e năm tháng làm cho chậm trễ. Do cõi Nam còn chưa yên, chính vì thế nên cần phải hỏi bậc tuấn kiệt ở chốn Khảo Bàn,[4] chọn kẻ tài năng gõ sừng trâu.[5] Có từ một tí nghề mọn, một chút tài năng nhỏ trở lên, đều tìm hỏi cho rộng, thu nạp cho khắp. Thần cúi xin chuẩn cho các bề tôi, ai nấy đều được bảo cử người mình biết. Hoặc người nào có tài năng mưu lược, đã lâu không ai biết đến tên tuổi, cho được tự mình tình nguyện tiến

cử lấy, có thể chuẩn theo như tờ sắc lệnh năm Canh Thân, để cho người tài năng không bị che khuất, ứ đọng, kẻ sĩ vui vẻ, phấn khởi vì được sử dụng. Nếu người nào tên tuổi đã ở trong sổ đỗ, cùng với loại người tự mình tiến cử cho mình, thì tất phải xem việc thường làm của họ, xét lý do vì sao mà làm của họ, học cái phép xem xét người của Khổng Thánh: Xét công lao mà giao việc;[6] theo cái lối của vua Hán xét chỗ thực tế: Người nào tư cách đã ổn định thì dùng làm quan ở châu huyện, người nào tư cách chưa ổn định, thì cho thử đi làm việc ở nơi biên giới. Khi sai làm việc, được dân chúng vui vẻ, hài lòng, thì thuyên chuyển ngay không tiếc, nếu hèn kém không có tài, thì phạt thêm. Mà các quan bảo cử người mình biết, cũng theo phép đó mà định đoạt. Có như thế thì việc chọn người, dùng người, mới được tinh tế, nhân tài đâu đấy thu nạp được cả, nhân tài, quốc gia sử dụng không bao giờ hết. Đời Ngu nói là: "Đều rạng rỡ,"[7] đời Chu nói là: "Không cạnh tranh,"[8]lại trông thấy ở ngày nay.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/12: Đại Ngự sử đài thuộc đài viên 代御史台屬台員

b. Bản A.117/12: Lạm 濫

c. Bản A.117/12: Thuộc 屬

d. Bản A.117/12: Thần phụng 臣奉

e. Bản A.117/12: Chỉ hạ tam phẩm chư thần 旨下三品諸臣

g. Bản A.117/12: Vi chức 爲職

h. Bản A.117/12: Có thêm 4 chữ: "Điều khiển phương ân" 調遣方般

i. Bản A.117/12: Văn vũ dự ban 文武預班

k. Bản A.117/12: Phủ 府

l. Bản A.117/12: Thí 試

m. Bản A.117/12: Nghiêm 嚴

n. Bản A.117/12: Truất 黜

CHÚ THÍCH:

1. Cù thất, vua Nghiêu làm ra, là cung thất để triều hội các chư hầu khi vào triều cống.

2. Tổng chương, vua Thuấn làm ra, tức là cung Cù thất, do đời Nghiêu đổi lại.

3. Câu ở thơ *Cốc phong* , thiên *Bội phong, Kinh Thi* (Thái phong thái phỉ, vô dĩ hạ thể)

4. Chốn Khảo Bàn, là nơi hiền giả ẩn cư. *Kinh Thi*, thiên *Vệ phong*: " Khảo Bàn tại giản, thạc nhân chi khoan" (Chốn Khảo Bàn ở bên suối, kẻ thạc nhân ở chỗ rộng rãi).

5. Gõ sừng trâu: Nịnh Thích nhà nghèo đi ở chăn trâu cho người, một hôm cho trâu kéo xe sang nước Tề, đêm dậy cho trâu ăn cỏ, Thích gõ sừng trâu mà hát, trong có câu: "Sinh ra không gặp đời Nghiêu Thuấn truyền ngôi cho nhau, áo cộc, chăn đơn, cứ nằm mà kéo gỗ khò khò..." Vua Tề là Hoàn Công nghe thấy hát, cho là lạ, bèn dùng làm chức Thượng khanh.

6. Câu này xuất xứ trong thiên *Vi chính*, sách *Luận ngữ*.

7. Đều rạng rỡ (hàm hi), *Kinh Thư*, thiên *Thuấn điển*: Cứ 3 năm thì xét thành tích, loại giỏi bị truất, loại hay được thăng. Mọi thành tích được rõ ràng (Tam tải khảo tích, truất trắc u minh, thứ tích hàm hi).

8. Không cạnh tranh (vô cạnh), *Kinh Thi*, thiên *Đại nhã*: Không cạnh tranh với người, bốn phương nghe theo lời dạy bảo (vô cạnh duy nhân, tứ phương kỳ huấn chi).

6. 本屬臺官陳言

（乙體）

啓爲奉例陳言：臣仰見聖上自親政以來，孜孜圖治，子育群生，休養繁息之政，澤奉天下。乃今偶一不雨，民頗艱食，竊盜成群，所在枹鼓。稽之古史，後元貞觀，無非水旱，其弊不曾至此。意者生穀之土，多委爲留荒，力田之民，半弛爲末業。職治民與急於問訟，而勸相以爲迂，論生財者，巧於催科，而開墾以爲鑿。故民無兼時之積，國無九年之儲。近來南陲用兵，一有調度，遂使公私皆匱，歲不甚歉，而米價騰踴。貧者視一粒如珠，餓寒切身，往往去爲盜賊。彼非不知三尺法爲可畏，發以苟留生活，不逞者誘之爲非，民以食爲天，不思所以格其天，豈與足而使之爲善。

臣竊見清華，乂安，山西，京北，海陽，太原諸閒地，或肥田萬頃，廢爲虎豹之區，沃野連阡淪入龍蛇之沼。議者以往往山腳之不可耕，海潮之不可障，視爲石田。鄙趙過充國之謀，不若現成局爲易營，而其言爲易售。昔晁錯在漢時，拳拳以遊食未盡歸農爲念，欲轉而緣南畝，智囊者豈不知謀聚財其賦斂，而發爲此言？惟以蓄積多備其具，乃是國之第一張本。

國家數年之前，沿海剩田，經奉差官墾闢，所得粟子近百萬數，此已然之效驗也。今天下之蓄積日寡，方民之剽掠日煩，使及春而雨，夏麥所得不過十分之四五。居者不足，何以供行者之餱糧？而

大群小聚，勢必當之以繡衣，豈不處處生疑，而人人易扇？調户之謀，不及今番料理，即自繼秋以後，事力恐不得如今。臣以爲權謀制得，可行“募民墾曠”之條，施入粟拜爵之令。某處有荒田，旨下踏勘，據實得類田數若干，分差重臣與隨差各員，就其處曉報富民，各出牛耕田器，幷助辦公本錢，隨多少授職品。仍招集飢民，給以廩食，使之耕作。每處數員，董領其事。耕得若干，聽其半歸官，半歸私。俟其三年成田，然後一番差官勘科賦。其未成田以前，所歸官種得若干，隨所在權佇，以備漕運。或某地方富豪情愿糾率家丁，領耕千畝者，亦聽以畝數勸受。富者出財以助耕，則無官發之費，貧者出力而得飽，不生偷竊之心。以無窮之爵，而收不加賦之財。集無依之民，而耕可得穀之地，盜不必捕而自弭，米不必糴而自豐。此亦裕民止盜之良法，不出數年，因因陳陳之效，用之不窮，漸以實塞下之粟，乘必勝之機，廣南彈丸，可不戰而自克。竊意脩内安外之策，舉此措之矣。

PHIÊN ÂM:

BẢN THUỘC ĐÀI QUAN TRẦN NGÔN

(ẤT THỂ)

Khải vi phụng lệ trần ngôn: Thần ngưỡng[a] kiến Thánh thượng tự thân chính dĩ lai, tư tư đồ trị, tử dục quần sinh, hữu dưỡng phồn tức chi chính, trạch phụng[b] thiên hạ. Nãi kim ngẫu nhất bất vũ, dân phả gian thực, thiết đạo thành quần, sở tại bao cổ. Kê chi cổ sử, Hậu Nguyên Trinh Quán, vô phi thủy hạn, kỳ tệ bất tăng chí thử. Ý giả sinh cốc chi thổ, đa ủy vi lưu hoang, lực điền chi dân, bán thỉ vi mạt nghiệp. Chức trị dân dữ cấp tư vấn tụng, nhi khuyến tương dĩ vi vu, luận sinh tài giả, xảo tư thôi khoa, nhi khai khẩn dĩ vi tạc. Cố dân vô kiêm thời chi tích, quốc vô cửu niên chi sừ. Cận lai nam thùy dụng binh, nhất hữu điều độ, toại sử công tư giai quĩ, tuế bất thậm khiểm, nhi mễ giá đằng dũng. Bần giả thị nhất lạp như

chu, nga hàn thiết thân, vãng vãng khứ vi đạo tặc. Bỉ phi bất tri Tam xích pháp vi khả uý, phát dĩ cẩu lưu sinh hoạt, bất sính giả dụ chi vi phi, dân dĩ thực vi thiên, bất tư sở dĩ cách kỳ thiên,[c] khởi dữ túc nhi sử chi vi thiện.

Thần thiết kiến Thanh Hoa, Nghệ An, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Thái Nguyên chư nhàn địa, hoặc phì điền vạn khoảnh, phế vi hổ báo chi khu, ốc dã liên thiên luân nhập long sà chi chiểu. Nghị giả dĩ vãng vãng sơn cước chi bất khả canh, hải triều chi bất khả trướng, thị vi thạch điền. Bỉ Triệu Quá Sung Quốc chi mưu, bất nhược hiện thành cục vi dị doanh, nhi kỳ ngôn vi dị thù. Tích Triều Thố tại Hán thời, quyền quyền dĩ du thực vị tận qui nông vi niệm, dục chuyển nhi duyên nam mẫu, trí nang giả khởi bất tri mưu tụ tài kỳ phú liễm, nhi phát vi thử ngôn?[d] Duy dĩ xúc tích đa bị kỳ cụ, nãi thị quốc chi đệ nhất trương bản.

Quốc gia sổ niên chi tiền, diên hải thặng điền, kinh phụng sai quan khẩn tịch, sở đắc túc tử cận bách vạn sổ, thử dĩ nhiên chi hiệu nghiệm dã. Kim thiên hạ chi xúc tích nhật quả, phương dân chi phiêu lược nhật phiền, sử cập xuân nhi vũ, hạ mạch sở đắc bất quá thập phân chi tứ ngũ. Cư giả bất túc, hà dĩ cung hành giả chi hầu lương? Nhi đại quần tiểu tụ, thế tất đương chi dĩ tú y, khởi bất xứ xứ sinh nghi, nhi nhân nhân dị phiến? Điều hộ chi mưu, bất cập kim phiên liệu lý, tức tự kế thu dĩ hậu, sự lực khủng bất đắc như kim. Thần dĩ vi quyền mưu chế đắc, khả hành "mộ dân khẩn khoáng" chi điều, thi "nhập túc bài tước" chi lệnh. Mỗ xứ hữu[e] hoang điền, chỉ hạ[g] đạp khám, cứ thực đắc loại điền số nhược can, phân sai trọng thần dữ tuỳ sai các viên, tựu kỳ xứ hiểu báo phú dân, các xuất ngưu canh điền khí, tính trợ biện công bản tiền, tuỳ đa thiểu thụ chức phẩm. Nhưng chiêu tập cơ dân, cấp dĩ lẫm thực, sử chi canh tác. Mỗi xứ sổ viên, đổng lĩnh kỳ sự.[h] Canh đắc nhược can, thính kỳ bán quy quan, bán quy tư. Sĩ kỳ tam niên thành điền, nhiên hậu nhất phiên sai quan khám khoa phú. Kỳ vị thành điền dĩ tiền, sở qui quan chủng đắc nhược can, tuỳ sở tại quyền trữ, dĩ bị tào vận. Hoặc mỗ địa phương phú hào tình nguyện củ suất gia đinh, lĩnh canh can mẫu giả, diệc thính dĩ mẫu số khuyến[i] thụ. Phú giả xuất tài dĩ trợ canh, tắc vô quan phát chi phí, bần giả xuất lực nhi đắc bão, bất sinh thâu thiết chi tâm. Dĩ vô cùng chi tước, nhi thu bất gia phú chi tài. Tập vô y chi dân, nhi canh khả đắc cốc chi địa, đạo bất tất bổ nhi tự nhĩ, mễ bất tất địch nhi tự phong. Thử diệc dụ

dân chỉ đạo chi lương pháp, bất xuất sổ niên, nhân nhân trần trần chi hiệu, dụng chi bất cùng, tiệm dĩ thực tái hạ chi túc, thừa tất thắng chi cơ, Quảng Nam đạn hoàn, khả bất chiến nhi tự khắc. Thiết ý tu nội an ngoại chi sách, cử thử thố chi[k] *hĩ.*

DỊCH NGHĨA:

LỜI TRÌNH BẦY CỦA BẢN THUỘC ĐÀI QUAN

(THỂ ẤT)

Khải về việc vâng lệ mà điều trần: Thần ngước thấy Thánh thượng từ khi thân hành nắm giữ triều chính tới nay, vẫn chăm lo việc trị nước, coi sinh dân như con, thể hiện chính sách nuôi dưỡng cho dân phồn thịnh, ơn trạch kịp tới khắp thiên hạ. Nhân nay bỗng trời không mưa, dân thường thiếu ăn, trộm cướp nổi lên từng đoàn, đâu đấy đều nhốn nháo. Xét trong sử sách đời xưa, như khoảng niên hiệu Hậu Nguyên (88-87 trước công nguyên đời Hán Vũ Đế), niên hiệu Trịnh Quán (627-649 đời Đường Thái Tông) không phải không có lụt lội hạn hán, nhưng tệ nạn không đến nỗi như thế. Vì ruộng đất nảy nở ra thóc lúa được, phần nhiều bị bỏ hoang, người dân làm ruộng, quá nửa bỏ đi làm nghề khác. Quan chức trị dân, cần kíp ở việc kiện cáo, còn việc khuyên giải thì viển vông; kẻ bàn về cách sinh tài, chỉ khôn khéo ở chỗ thuế khóa, mà cho việc khai khẩn ruộng hoang là chuyện đào bới. Cho nên, dân không có gì chứa cất từng mùa, nhà nước không có sự tích lũy chín năm. Gần đây, có việc động binh ở miền nam, cần phải chi phí, thành thử khiến cho nhà chung, nhà riêng đều bị thiếu thốn, gặp phải năm mất mùa, giá thóc gạo cao vọt. Người nghèo túng coi hạt gạo như hạt ngọc, đói rét thiết thân, cùng kéo nhau xoay ra trộm cướp. Bọn ấy không phải không biết đến phép Tam xích[1] là đáng sợ, chỉ vì miễn sao sống được, nên bọn ấy phải làm liều, coi miếng ăn to như trời, không nghĩ sao mà cảm cách được tới trời, há đủ để cho họ làm được điều thiện?

Thần trộm thấy, các khoảnh ruộng đất bỏ hoang ở mấy xứ Thanh Hóa, Nghệ An, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương và Thái Nguyên, cũng có nơi ruộng mầu mỡ muôn khoảnh bị hoang phế, làm chỗ ẩn núp cho hổ báo; cũng có chỗ đồng bằng phì nhiêu liền bờ liền đồi bị bỏ phí, làm ao chuôm cho rồng rắn ở. Kẻ bàn xét thì luôn cho đó là giải đất sơn cước

không thể trồng cấy được, và cũng bị nước thuỷ triều ở bể tràn vào, không thể ngăn được, coi đó là "khu ruộng đá" vô dụng. Thấp hèn thay sự tính toán của bọn Triệu Quán Sung Quốc,[2] không phải thế thì, hiện đại cục đã thành thì dễ kinh doanh, mà lời nói ấy cũng dễ xuôi. Xưa ông Triều Thố ở thời nhà Hán,[3] chỉ chăm chắm lo lắng bọn du thủ du thực chưa về làm đồng ruộng hết, muốn chuyển sang cầy cấy ở đồn điền phía nam, kẻ có nhiều trí khôn há không biết tích tụ của cải phải bằng thu thuế khóa, mà lại nói ra những lời ấy? Chỉ có tích luỹ được nhiều và đầy đủ, lại là điều căn bản thứ nhất của quốc gia.

Nước nhà vài năm trước đây, những thặng điền ở ven biển, đã nhiều lần sai quân khai khẩn, số ruộng đã trồng lúa được, có tới trăm vạn mẫu, đó là một kết quả rõ ràng. Nay thiên hạ tích luỹ ngày một ít, dân chúng đi làm trộm cướp ngày càng nhiều, nếu tới mùa xuân mới có mưa, thì lúa vụ hạ này thu hoạch bất quá chỉ 4- 5 phần 10. Kẻ ở nhà ăn cũng không đủ, còn lấy gì mà cung cấp lương thực cho người đi chinh chiến, binh dịch nơi xa xôi? Rồi lại lũ lớn lũ nhỏ cùng nhau quần tụ, thế tất phải sai đội quân các thôn ngăn chặn,[4] há không chốn chốn sinh nghi, người người dễ thay lòng? Việc rào lấp cửa ngõ nếu ngày nay không kịp liệu mà giải quyết trước đi, tức ngay từ mùa thu này, sự việc và sức người, chỉ sợ không được như nay. Thần cho là có thể chế ngự được, có thể thi hành điều lệ "mộ dân khai hoang" ban bố sắc lệnh "nộp thóc phong tước." Xứ nào có ruộng hoang, giao chỉ dụ xuống tra khám, cứ số ruộng thực được bao nhiêu, quan phân sai trọng thần cùng với các nhân viên tuỳ sai, thân tới chốn đó hiểu thị và thông báo cho những dân giầu có đều bỏ ra các dụng cụ như trâu, bò, cầy, cuốc... và giúp các tiền vốn, tùy theo số bỏ ra nhiều hay ít mà trao cho chức tước phẩm hàm. Đồng thời, triêu tập các dân đói, cấp đỡ cho lương ăn, khiến họ cầy cấy. Mỗi xứ cử một vài viên chức ra đôn đốc việc đó, cấy cầy hiện được bao nhiêu mẫu, cho phân đều ra, nửa quy về ngạch ruộng công, nửa quy về ngạch ruộng riêng. Sau ba năm đã thành điền, bấy giờ mới sai quan khám thực diện tích mà định mức thuế. Các thửa ruộng chưa thành điền về trước, đem trả về nhà quan gieo trồng, được bao nhiêu mẫu, thì số thóc lúa thu được cứ tạm trữ ngay ở địa phương đó, để phòng khi có việc chuyên chở cho tiện. Nếu khu vực đó, có được nhà hào phú tự tình nguyện lĩnh thuê bao nhiêu mẫu để người nhà cấy cầy, cũng ưng đem đủ số ruộng giao cấp cho. Đã được các nhà hào phú bỏ tiền ra cho người cấy cầy giúp, thì nhà quan đỡ phải bỏ tiền chi phí, nhà nghèo thì được cơm no rồi gắng sức làm lụng, không manh

tâm gì tới sự trộm cướp. Thế là, tung ra các tước vị không hạn chế, mà thu lại được tiền tài, không phải thêm thuế khoá. Triêu tập dân không nơi nương tựa, mà trồng cấy, thu được thóc lúa, trộm cướp không phải đuổi, mà tự yên, thóc gạo không phải mua, mà tự đầy kho. Đó cũng là một phép hay: "Dân no đủ, ngăn ngừa trộm cướp," không đầy vài năm nữa, cái hiệu quả ấy cứ đem lại liên tiếp mãi, chi dùng không hết, dần dần đem số thóc chứa đầy biên ải, để nhân cái cơ hội toàn thắng, thì xứ Quảng Nam, có thể không đánh, mà tự thắng lợi. Trộm nghĩ, cái sách lược "sửa sang bên trong, để định yên bên ngoài," cứ thế mà làm.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/12: Phụng 奉
b. Bản A.117/12: Tại 在
c. Bản A.117/12: Dĩ dụ kì sở thiên 以裕其所天
d. Bản A.117/12: Nhi cố vi thị ngôn 而顧爲是言
e. Bản A.117/12: Các xứ mỗ hữu 各處某有
g. Bản A.117/12: Chỉ hạ sai quan 旨下差官
h. Bản A.117/12: Cơ dân 饑民
i. Bản A.117/12: Trừ除
k. Bản A.117/12: Hữu dư 有餘

CHÚ THÍCH:

1. Ba hình phép lớn: Sát (giết người), đạo (trộm cướp), dâm (hãm hiếp vợ con người).

2. Triệu Quá và Sung Quốc là hai người tài thao lược, đã giúp Hán Vũ Đế và Tuyên Đế phá tan giặc Hung Nô và rợ Khương, có công. Bình nhật có điều trần về việc lập sổ đồn điền, có 42 sự tiện lợi. Trong đó có điều nói về "Ngụ binh binh ư nông," các đời sau thường phỏng theo.

3. Triều Thố, quê ở Dĩnh Xuyên, đời Hán theo Thân Sinh học về lối hình danh, được vua Văn Đế yêu quý.

4. Đạo quân tú y (đạo quân mặc áo thêu) *Hán thư:* Đất Long Dư ở ven núi Thái Sơn, bọn trộm cướp do Từ Bột cầm đầu. Vua sai Bộc Thắng mặc áo thêu, cầm gậy, búa, đi bắt. Sau áo thêu được dùng làm trang phục cho quân đội triều đình mặc.

7. 代滾郡公草屯田事宜啓

啓爲奉洞達事：臣於前期奉勘閒田，在京北，海陽沿山諸縣。日者，偶因風霜感恙，仰賴洪福，已獲痊愈。奉大德曲垂体悉，諄勤顧問，餘生踵頂，莫答隆霑。祇惟老骨衰弱，行步艱辛，未能趨覲

天顏，俯陳衷曲。

臣自奉玉音宣諭，拳拳以國政民依爲念。計臣等策勵從事，半載于茲，臣懼無以上答聖心委任，辜負徒言爲之謗，而現前事勢，最難理會者，莫如田功，如奉領公本，給發豪民，即今累歲飢寒，粟價騰踴，富者不敢輕受，情愿領給。開懇者類多尋常頑梗，欲竊此以爲生涯，他日徵償，難尋詰問。所得不償所失，究非謀國善經。

臣思惟日久，竊有淺見二條，預奉開拓遞達。臣當筆飲冰，翹瞻陛闕，不勝時擣激切之至。

一條覈霸占以收捷效。

臣奉密查各道沿山社民，各有荒廢田疇，已經十分墾得四五。其伊社民於奉補民政期，以漸漂受率無幾，因而頑情逃避，轉賣買田與權貴勢家，暗爲田户，冀免搜差雜役。權貴亦利其易占，替受租庸正額。其別入其公者少，所得爲私者多。恭乞付下差官查究，有前項事情，備類遞納，仍付下覆勘。據成田若干，從前無有實乃受役，暫收其田入官，分獲冬務禾穀，隨在留置爲公儲。其勢家錢買者，聽伊民回復，聽照契贖依原錢，仍付田還民，即權宜濟急，蓋未可以通行。惟近來公積久虧，竊惟想從中料理，亦捐納裕民之一術。

一條撫豪右以責允成。

奉照見各道近山近海諸處，多有豪民富户，其手下散居作活，動有聲說。上上年各有鎮官，間有給發公本，聽言召募開墾。伊等算無所得，率多支吾抵賴，隨方催托，留免差行，事過便休，鎮官理無抑勒。

今概行放本收償之法，竊想事固應改，豪民亦不樂趨承。奉仿付下議行賞格。某人情願出牛千頭，耕夫千人，墾得閒田千畝，聽備

單納在鎮司，轉遞量隨出力多少，即行除受品職。其所墾田數若干，假以二務或三務勘實，取半分入官，仍許半分爲私。某不效者，按前單勒令繳納職敕。非如公本錢有易放難收之弊。豪民既以墾田得職，又有世業之利，即近來以客養得謗者，盡爲朝廷調用，可使反側自安。其原陵斤鹵之地，責以次第即工。且因此約束頑夫，亦鼓舞拎勒之一策也。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI CỒN QUẬN CÔNG THẢO ĐỒN ĐIỀN SỰ NGHI KHẢI[A]

Khải vi phụng động đạt sự: Thần ư tiền kỳ phụng khám nhàn điền, tại Kinh Bắc, Hải Dương diên sơn chư huyện. Nhật giả, ngẫu nhân phong sương cảm dạng, ngưỡng lại hồng phúc, dĩ hoạch thuyên dũ. Phụng đại đức khúc thuỳ thể tất, thuần cần cố vấn, dư sinh chủng đỉnh, mạc đáp long triêm. Chi duy lão cốt xuy nhược, hành bộ gian tân, vị năng xu cận thiên nhan, phủ trần trung khúc.

Thần tự phụng ngọc âm tuyên dụ, quyền quyền dĩ quốc chính dân y vi niệm. Kê[b] *thần đẳng sách lệ tòng sự, bán tải vu tư, thần cụ vô dĩ thượng đáp Thánh tâm uỷ nhiệm, cô phụ đồ ngôn vi chi báng, nhi hiện tiền sự thế, tối nan lý hội*[c] *giả, mạc như điền công, như phụng lĩnh công bản, cấp phát hào dân, tức kim luỹ tuế cơ hàn, túc giá đẳng dũng, phú giả bất cảm khinh thụ, tình nguyện lĩnh cấp. Khai khẩn giả loại đa tầm thường ngoan ngạnh, dục thiết thử dĩ vi sinh nhai, tha nhật trưng thường, nan tầm cật vấn. Sở đắc bất thường sở thất, cứu phi mưu quốc thiện kinh.*

Thần tư duy nhật cửu,[d] *thiết hữu tiển kiến nhị điều, dự phụng khai thác đệ đạt. Thần đương bút ẩm băng, kiều chiêm bệ khuyết, bất thăng thời đảo kích thiết chi chí.*[e]

Nhất điều hạch bá chiếm dĩ thu tiệp hiệu.

Thần phụng mật tra các đạo diên sơn xã dân, các hữu hoang phế điền trù, dĩ kinh thập phân khẩn đắc tứ ngũ. Kỳ y xã dân ư phụng bổ dân chính kỳ, dĩ tiệm phiêu thụ suất vô cơ, nhân nhi ngoan tình đào tị, chuyển mãi mại điền dữ quyền quý thế gia, ám vi điền hộ, ký miễn sưu sai tạp dịch. Quyền quý diệc lợi kỳ dị chiếm, thế thụ tô dung chính ngạch. Kỳ biệt nhập kỳ công giả thiểu, sở đắc vi tư giả đa. Cung khất phó hạ sai quan tra

cứu, hữu tiền hạng sự tình, bị loại đệ nạp, nhưng phó hạ phúc khám. Cứ thành điền nhược can, tòng tiền vô hữu thực nãi[g] thụ dịch, tạm thu kỳ điền nhập quan, phân hoạch đông vụ hoà cốc, tùy tại lưu trị vi công sử. Kỳ thế gia tiền[h] mại giả, thính y dân hồi phục, thính chiếu khế thục y nguyên tiền, nhưng phó điền hoàn dân, tức quyền nghi tế cấp, cái vị khả dĩ thông hành. Duy cận lai công tích cửu khuy, thiết duy tưởng tòng trung liệu lý, diệc "quyên nạp dụ dân"[i] chi nhất thuật.

Nhất điều, phủ hào hữu dĩ trách doãn thành.

Phụng chiếu, kiến các đạo cận sơn cận hải chư xứ, đa hữu hào dân phú hộ, kỳ thủ hạ tán cư tác hoạt, động hữu thanh thuyết. Thượng thượng niên các hữu trấn quan, gian hữu cấp phát công bản, thính ngôn chiêu mộ khai khẩn. Y đẳng toán vô sở đắc, suất đa chi ngô để lại, tùy phương thôi thác, lưu[k] miễn sai hành, sự quá tiện hưu, trấn quan lý vô ức lặc.

Kim khái hành "phóng bản thu thường" chi pháp, thiết tưởng sự cố[l] ưng cải, hào dân diệc bất lạc xu thừa. Phụng phỏng phó hạ nghị hành thưởng cách. Mỗ nhân tình nguyện xuất ngưu can đầu, canh phu can nhân, khẩn đắc nhàn điền can mẫu, thính bị đơn nạp tại trấn ty, chuyển đệ, lượng tùy xuất lực đa thiểu, tức hành trừ thụ phẩm chức. Kỳ sở khẩn điền số nhược can, hà dĩ nhị vụ hoặc tam vụ khám thực, thủ bán phân nhập quan, nhưng hứa bán phân vi tư. Mỗ bất hiệu giả, án tiền đơn lặc lệnh kiểu nạp chức sắc. Phi như công bản tiền hữu dị phóng nan thu chi tệ. Hào dân ký dĩ khẩn điền đắc chức, hựu hữu thế nghiệp chi lợi, tức cận lai dĩ khách dưỡng đắc báng giả, tận vi triều đình điều dụng, khả sử phản trắc tự an. Kỳ nguyên lăng cân lỗ chi địa, trách dĩ thứ đệ tức công. Thả nhân thử ước thúc ngoan phu, diệc cổ vũ cầm lặc chi nhất sách dã.

DỊCH NGHĨA:

THAY CỔN QUẬN CÔNG THẢO BÀI KHẢI VỀ VIỆC NÊN LẬP ĐỒN ĐIỀN

Khải về việc mong được thấu suốt cho: Thần nhân kỳ trước phụng mệnh đi khám xét ruộng bỏ hoang ở các huyện ven núi thuộc hai xứ Kinh Bắc và Hải Dương. Hôm đó thần bỗng trúng gió độc bị cảm mạo, ngửa nhờ hồng phúc, đã được lành bệnh. Kính phụng đức lớn lựa chiều thể tất, ân cần thăm hỏi, dẫu đem toàn thể tấm thân sống thừa này cũng không đền đáp được nguồn ơn lớn lao đó. Chỉ nghĩ, bộ xương già yếu, bước đi vất vả, chưa thể vào triều cận thiên nhan, giãi bày nỗi lòng.

Thần từ khi vâng được ngọc âm tuyên dụ, luôn luôn nghĩ tới thiện

chính của nước nhà, cuộc sinh sống của nhân dân. Tính từ ngày bọn thần cố gắng theo việc, đã nửa năm nay, thần lo sợ không lấy gì báo đáp lại được tấm lòng uỷ nhiệm của Thánh thượng, chịu mang những tiếng gièm pha ở ngoài, thành thử, công việc trước mắt ở cái thế rất khó giải quyết. Không gì bằng công việc ruộng đất, nếu đem tiền công cấp cho dân hào phú để khẩn hoang, tức thì vụ đói giáp hạt như nhiều năm nay, giá thóc gạo cao vọt, nhà giàu không dám coi nhẹ, tình nguyện lĩnh tiền. Còn người khai khẩn ruộng đất, phần nhiều là hạng tầm thường, ngoan ngạnh, muốn trộm dùng số tiền đó để sinh nhai, ngày khác đòi nộp trả tiền vốn, khó mà hỏi được. Vậy cái được không bõ với cái mất đi, xét ra, không phải là kế khôn khéo để trị nước.

Thần nghĩ đã nhiều ngày, trộm thấy có hai điều nông cạn, dự định phụng khai như sau, đệ đạt lên. Thần khi cầm bút như uống băng lạnh, nghển trông cửa khuyết, khôn xiết run sợ:

Điều I: Khám lại những ruộng bị chiếm, để thu lại cho có hiệu quả.

Thần phụng mệnh ngầm điều tra dân xã các đạo ven núi, đều có ruộng bỏ hoang, đã khai khẩn được 4 - 5 phần 10. Dân các xã đó, đối với kỳ hạn phụng bổ dân chính,[1] những tên phiêu bạt chịu suất sổ không có mấy, nhân cố ý ngoan ngạnh trốn tránh, đem số ruộng chuyển bán cho các nhà thế gia quyền quý, mập mờ làm chủ ruộng, mong khỏi sưu sai tạp dịch. Bọn quyền quý cũng có lợi về việc dễ chiếm đoạt, nên nhận thay thuế dung, thóc tô chính ngạch cho. Vậy cái thu vào của công thì ít, mà được hưởng về nhà tư thì nhiều. Kính xin sai quan tra cứu, nếu có gặp sự tình như trên đã trình bầy thì khai đủ từng loại để chuyển nạp, nhưng vẫn giao xuống phải khám xét lại. Căn cứ vào số ruộng đã cầy cấy được là bao nhiêu, từ trước có thực sự thụ dịch hay chưa, thì tạm thu số ruộng đó nộp vào ngạch ruộng công, chia ra mà gặt lúa vụ đông xong, tuỳ theo từng địa phương, cứ trữ làm của công. Còn như số tiền bọn quyền thế bỏ ra mua, cho dân ấy phải trả lại, cứ cho chiểu theo y số nguyên tiền trong văn khế mà chuộc, còn ruộng thì giao trả cho dân, tức cũng tạm cứu đỡ được trong trường hợp nguy cấp, có lẽ chưa thể lưu thông được. Duy gần đây, việc tích luỹ của công thiếu hụt đã lâu, trộm nghĩ cũng nên từ trong việc này mà định liệu chỉnh lý, cũng là một "phép quyên nạp làm cho dân được đầy đủ."

Điều II: Vỗ về bọn hào phú, bắt phải thành người tốt.

Phụng xét thấy các xứ ven biển, ven núi ở các đạo, phần nhiều các hào dân phú hộ, bọn tay chân của chúng toả đi ở các nơi làm lụng, động đến là to tiếng. Những năm trước đây, quan các trấn thường có vụ cấp

lĩnh tiền vốn, cho đi chiêu mộ dân chúng khai khẩn. Bọn ấy, tính toán không được lợi gì, phần nhiều đối phó, tùy theo cách thoái thác để khỏi phải sai làm, xong việc thì thôi, quan trấn không có lý gì áp chế được.

Nay nếu thi hành cái lối "bỏ vốn ra rồi thu lại lãi" thiết tưởng việc đó cần nên phải sửa đổi lại, bọn hào dân phú hộ cũng không thích tuân theo. Xin phỏng giao xuống cho đình thần bàn bạc về cách thức ban thưởng. Người nào tình nguyện bỏ trâu ra mấy con, phu cầy mấy người, khai khẩn được ruộng hoang mấy mẫu, cho làm đơn đầy đủ, nộp quan trấn ti chuyển đệ lên xem tùy sức lực bỏ ra ít nhiều thế nào, lập tức bổ thụ phẩm trật chức tước ngay. Còn như số ruộng đã khai vỡ được bao nhiêu, hạn cho hai vụ, hoặc ba vụ, khám đúng sự thực, trích lấy một nửa nộp vào quan, còn một nửa làm của riêng. Người nào không theo, thì xét đơn nộp trước, bắt phải nộp trả chức sắc. Việc này không như cái tệ tiền công dễ bỏ ra mà khó thu lại. Bọn dân hào phú hộ đã vì khai khẩn ruộng mà được chức tước, lại có cái lợi đời đời được bảo lưu, thì gần đây những kẻ vì nuôi gia khách bị hủy báng, nay hết thảy được triều đình sử dụng, có thể khiến bọn phản trắc tự nhiên im lặng. Đến như những khu đất cồn đống, hoặc nước mặn tràn vào, sẽ lần lượt được khai thác. Hơn nữa, cũng nhân đó mà bó buộc loại dân phu ngang bướng vào trong khuôn khổ, cũng là một sách vừa cổ võ, vừa bắt buộc vậy.

KHẢO DỊ:

a.Bản A.117/12: Trấn đồn điền sự nghi khải (Đại Cồn quận công thảo) 陳屯田事宜啓（代滾郡公草）

b. Bản A.117/12: Hứa 許

c. Bản A.117/12: Liệu lí 料理

d. Bản A.117/12: Thần nhật dạ tư duy 臣日夜思惟

e. Bản A.117/12: Thần hạnh đắc cân lực sao kiện tự khất khúc trần sự nghi phục hậu tài trạch thần lâm chi ẩm thuỷ kiều chiêm bệ khuyết bất thăng chấn lật chi chí 臣幸得筋力稍健嗣乞曲陳事宜伏候裁擇臣臨紙飲水翹瞻陛闕不勝震慄之至

g. Bản A.117/12: Thực hộ 實户

h. Bản A.117/12: Tiện 賤

i. Bản A.117/12: Tài 財

k. Bản A.117/12: Đồ 圖

l. Bản A.117/12: Đồng 同

CHÚ THÍCH:

1. Bổ dân chính, điều chỉnh lại sổ đinh.

8. 辭協屯田啓

（戊戌年）

啓爲奉洞達事：臣於茲期，恭奉旨傳準許協隨國老官奉行屯田公務。

臣仰見聖主謹念民依，留心國本，以康功田功爲首務，正臣子趨承效忠之命，夙夜匪懈之秩，庶幾上答隆知，無慚溫飽。臣竊想今番田政所當隨田斟酌。充國之屯田，事体不同，計惟抑兼並以廣公儲，驅奸雄而緣南畝，寓常平於捐納，存鈐勒於勸課。第刻覈太至，勢將不便其巨室，法亦未必可行，驅策豪右，非如順便應承。恐頑狡者乘便生心，安知耰鋤之下，不藏寸鐵？究其所終，稽其所弊，將有行止兩難之處，上無以術聖主責成之意，下無以解天下之譁。國老官柱石大臣，優遊斷可，祇可合提大綱決大議，憲問之外，即有勘視募墾，勢非可以勉疆筋體。臣以一介書生，濫預隨行，而歷涉甚淺，見識未周，晚有窒而不通，雖臣萬罪是甘，豈不誤國家大計。

臣奉命歸京，兢惶踧踖，爲此冒白直衷，仰望聖聰裁察。奉差本領已經事者數員，與臣偕隨國老官奉行，審熟便宜，以濟公務。臣冒昧塵瀆，不勝震慄懼悚之至。

PHIÊN ÂM:

TỪ HIỆP ĐỒN ĐIỀN KHẢI

(MẬU TUẤT NIÊN)

Khải vi phụng động đạt sự: Thần ư tư kỳ, cung phụng chỉ truyền chuẩn hứa hiệp tuỳ Quốc lão quan[a] phụng hành đồn điền công vụ.

Thần ngưỡng kiến Thánh chúa cẩn niệm dân y, lưu tâm quốc bản,[b] dĩ khang công[c] điền công vi thủ vụ, chính thần tử xu thừa hiệu trung chi

mệnh, túc dạ phỉ giải chi trật, thứ cơ thượng đáp long tri, vô tàm ôn bão. Thần thiết tưởng kim phiên điền chính sở đương tuỳ điền châm chước.[d] *Sung Quốc chi đồn điền, sự thể bất đồng, kế duy ức kiêm tịnh dĩ quảng công sử, khu gian hùng nhi duyên nam mẫu, ngụ thường bình ư quyên nạp, tổn kiểm lặc ư khuyến khoá. Đệ khắc hạch thái chí, thế tương bất tiện kỳ cự thất, pháp diệc vị tất khả hành, khu sách hào hữu,*[e] *phi như thuận tiện ưng thừa. Khủng ngoan giảo giả thừa tiện sinh tâm, an tri ưu sừ chi hạ, bất tàng thốn thiết? Cứu kỳ sở chung, kê kỳ sở tệ, tương hữu hành chỉ lưỡng nan chi xứ, thượng vô dĩ thuật Thánh chủ trách thành chi ý,*[g] *hạ vô dĩ giải thiên hạ chi ngoa. Quốc lão quan*[h] *trụ thạch đại thần, ưu du đoán khả, chỉ khả hợp đề đại cương quyết đại nghị, hiến vấn chi ngoại, tức hữu khám thị mộ khẩn, thế phi khả dĩ miễn cương cân thể. Thần dĩ nhất giới thư sinh, lạm dự tùy hành,*[i] *nhi lịch thiệp thậm tiển, kiến thức vị chu, văn hữu trất nhi bất thông, tuy thần vạn tội thị cam, khởi bất ngộ quốc gia đại kế!*

Thần phụng mệnh quy kinh, căng hoàng cục tích, vi thử bạo bạch trực trung, ngưỡng vọng Thánh thông tài sát. Phụng sai bản lĩnh dĩ kinh sự giả sổ viên, dữ thần giai tuỳ Quốc lão quan phụng hành, thẩm thục tiện nghi, dĩ tế công vụ. Thần mạo muội trần độc, bất thăng chấn lật cụ khủng[k] *chi chí.*

DỊCH NGHĨA:

KHẢI TỪ CHỐI NHẬN CHỨC HIỆP ĐỒN ĐIỀN

(NĂM MẬU TUẤT- 1778)

Khải về việc mong được thấu suốt cho: Kỳ này, thần kính vâng chỉ dụ truyền cho hiệp tuỳ quan Quốc lão[1] phụng làm việc về đồn điền.

Thần ngước thấy, Thánh chúa nghĩ tới chỗ nương tựa của dân, lưu tâm tới cái gốc của nước, coi việc lập công trạng yên dân, nuôi dân làm đầu,[2] chính vì thế mà những kẻ thần tử thừa hành trở hết lòng trung, ngày đêm không dám trễ biếng, hoạ may trên sẽ đền đáp ơn tri ngộ rộng lớn, không hổ thẹn về đường no cơm ấm áo. Thần trộm nghĩ, đối với chính sách ruộng đất, lần này phải nên tùy từng thửa ruộng mà châm chước. Thuyết đồn điền của Sung Quốc,[3] sự thể không giống nhau, mưu kế đó chỉ là ép phải gộp lại để mở rộng số tích trữ cho của công, xua đuổi bọn

gian hùng quay về vùng nam mẫu, ngụ cái ý quyên góp bình thường, giữ lại cái lối kiềm chế ràng buộc khuyên dậy. Nhưng nghiêm khắc thái quá, thế sẽ không tiện cho các nhà giầu, mà phép đó cũng vị tất đã làm được. Sai khiến bọn hào hữu, không bằng làm sao cho chúng thuận theo. Sợ rằng, đứa gian ngoan giảo quyệt thừa thế tiện lợi mà sinh lòng không tốt, sao mà biết được dưới lưỡi cầy cuốc, không chứa chất một tấc sắt nào? Xét đến cùng cực của nó, rồi đến cái tệ của nó, sẽ đưa đến chỗ "làm hay thôi," cả hai đều khó, trên không thỏa được ý nguyện bắt buộc phải thành công của Thánh chúa, dưới không giải được những lời sai ngoa của thiên hạ. Quan Quốc lão là bậc đại thần vững như trụ đá, thung dung nhưng quyết đoán, nắm được đại cương, quyết được đại nghị, ngoài việc hỏi về hiến pháp ra, thì có việc đi khám xét trông coi, chiêu mộ khai khẩn, cái thế không thể không cố gắng hết sức. Thần là một kẻ thư sinh, lạm được theo đuổi làm việc, song lịch duyệt thì rất nông cạn, kiến thức thì chưa đầy đủ, nhỡ ra có chỗ bế tắc, không giải quyết được, riêng thần cam chịu muôn tội, nhưng đó há không phải đã làm lầm lỡ mưu kế lớn của nhà nước đó sao?

Thần phụng mệnh về kinh sư, sợ sệt lo lắng tất bật, bởi thế phải bộc bạch nỗi lòng, ngửa mong Thánh thượng nghe qua mà xem xét. Về chức phụng sai bản lĩnh đã có mấy viên, cùng với thần đều theo Quốc lão mà thừa hành, xem xét kĩ rồi giao cho họ để gánh vác việc chung. Thần mạo muội tâu bầy, khôn xiết run sợ.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/12: Thần 臣
b. Bản A.117/12: Kế 計
c. Bản A.117/12: Khang công 康公
d. Bản A.117/12: Thêm câu: Dữ triệu quá chi đại điển 與趙過之代田
e. Bản A.117/12: Cương 疆
g. Bản A.117/12: Chí ý 至意
h. Bản A.117/12: Thần 臣
i. Bản A.117/12: Tuỳ sai phụng hành 隨差奉行
k. Bản A.117/12: Hoàng khủng 惶恐

CHÚ THÍCH:

1. Quan Quốc lão, tức Cổn quận công.

2. Công trạng yên dân, nuôi dân (khang công điền công), ý nói Thánh chúa có công đối xử với dân cũng như Văn Vương nhà Chu đời xưa. *Kinh Thư*, thiên *Vô dật*: "Văn Vương tư phục, tức khang công điền công" (Văn Vương mặc áo tầm thường, mà có công làm yên ổn dân, nuôi dưỡng dân).

3. Sung Quốc, xem chú thích số 2, bài *Trần ngôn của bản thuộc* (ất bản) trên.

9. 代遵生侯乞緩出師啓。

啓爲奉密陳事：臣聞之，用兵之道，謀勝然後求戰。茲者宣光上遊，師期在即。仰奉淵謨，指受廟算處分。臣淺見迂疏，實惟塵瀆是懼。第自六月至茲，經奉密旨規措這地面匪情，粗亦探知大略：逆演雖負滔天之惡，由他爲勢所使，事懷驚疑，非但未敢詣闕，亦不敢詣軍。正爲苟偷旬日之安，徐圖保身之計。顯知朝廷不罪，乃敢束手來歸。今日退保聚龍，閫臣調度文書，有呼即應，未敢公然旅拒，如芝青，鎮寧之比。處置得宜，操持有術，不急攻不倖勝，以此依林狡兔，當無煩大段虛張。

臣竊聞圻郡公所差細作，正在賊中，臣於前期，亦已分差投顯，尚未回復，以夷攻夷，且須計定。若大軍驟發，四道鼓行，將印兵符，顯他爲賊，遠近傳聞，指爲山道梗寇，海氛甫帖，無以制群動以服人心。且千鈞之弩，不爲小鼠發機。惡水麾軍，尤爲兵家所忌。今當八九月之交，林泉毒重，人馬犯之，聲嘶口啞，使大軍進薄聚龍，逆演聞風宵遁，執訊獲醜，尚需數旬半月。進既不效，退亦不可。如復再回善地，必至褒大威生匪情。兼以宣光山民，久驚疾苦凋殘，受此京士兵象，四面交攻，糧草所需，又將攜持轉徙。臣竊恐逆演未全授首，朝廷久費，一番休養，乃能蘇此方民。即行軍無制，剳賊無能，功令是甘。

惟朝廷事体，尤有重於此者，竊想制馭山撩，攻心爲上，攻城爲下，驅他入其籠絡，使之不測，乃爲兵勝之神。臣奉乞緩頒各道官統督將等各色，止許本道兵經略界首。惟太原道以措置送星嵐堪爲名，臣奉將本鎮各奇號官兵，從同姥，北件等條路進行，仍奉量擇水土稍平之處，權駐人兵，密飭前差行間的人，將計就計，伺

其機可乘，便奉進直抵河洋聚龍與宣興道策應，使軍情熟諳地便，瘴氣不能侵染，庶可運用調扒，如逆演確無走路，勢可一鼓成拎，即於連界取齊，以數路之兵，行雷廷之勢，仰賴洪福，須出軍名色，自可戢取元凶。兵以不戰爲威，尤以增壯天威，隆國体。

臣冒昧密陳，恭望圣聰体悉，頒下有宜，奉稟遵行，以寰戎幹濟公務。

PHIÊN ÂM:

ĐẠI TUÂN SINH HẦU KHẤT HOÃN XUẤT SƯ KHẢI[A]

Khải vi phụng mật trần sự: Thần văn chi, dụng binh chi đạo, mưu thắng nhiên hậu cầu chiến. Tư giả Tuyên Quang thượng du, sư kỳ tại tức. Ngưỡng phụng uyên mô, chỉ thụ miếu toán xử phân. Thần tiển kiến vu sơ, thực duy trần độc thị cụ. Đệ tự lục nguyệt chí tư, kinh phụng mật chỉ qui thố gía địa diện phỉ tình, thô diệc thám tri đại lược: Nghịch Diễn tuy phụ thao thiên chi ác, do tha vi thế sở sử, sự hoài kinh nghi, phi đãn vị cảm nghệ khuyết, diệc bất cảm nghệ quân. Chính vi cẩu thâu tuần nhật chi an, từ đồ bảo thân chi kế. Hiển tri triều đình bất tội, nãi cảm thúc thủ lai qui.[b] *Kim nhật thoái bảo Tụ Long, khổn thần điều độ văn thư, hữu hô tức ứng, vị cảm công nhiên lữ cự,*[c] *như Chi Thanh, Trấn Ninh chi tỉ. Xử trí đắc nghi, thao trì hữu thuật, bất cấp công bất hãnh thắng, dĩ thử y lâm giảo thố, đương vô phiền đại đoàn hư trương.*

Thần thiết văn, Hân quận công sở sai tế tác, chính tại tặc trung, thần ư tiền kỳ, diệc dĩ phan sai đầu ngung,[d] *thượng vị hồi phục, dĩ di công di, thả tu kế định. Nhược đại quân sậu phát, tứ đạo cổ hành, tướng ấn binh phù, hiển tha vi tặc, viễn cận truyền văn, chỉ vi sơn đạo ngạnh khấu, hải phân phủ thiếp, vô dĩ chế quần động dĩ phục nhân tâm. Thả thiên quân chi nỗ, bất vi tiểu thử phát cơ. Ác thủy mi quân, vưu vi binh gia sở kỵ. Kim đương bát cửu nguyệt chi giao, lâm tuyền độc trọng, nhân mã phạm chi, thanh tư khẩu á, sử đại quân tiến bạc Tụ Long, nghịch Diễn văn phong tiêu độn. Chấp tấn hoạch xú, thượng nhu sổ tuần bán nguyệt. Tiến ký bất hiệu, thoái*[e] *diệc bất khả. Như phục tái hồi thiện địa, tất chí tiết đại uy sinh phỉ tình. Kiêm dĩ Tuyên Quang sơn dân, cửu kinh tật khổ điêu tàn, thụ thử kinh sĩ binh tượng, tứ diện giao*[g] *công, lương*

thảo sở nhu, hựu tương huề trì chuyển tỉ. Thần thiết khủng nghịch Diễn vị toàn thụ thủ, triều đình cửu phí, nhất phiên hưu dưỡng, nãi năng tô thử phương[h] *dân. Tức hành quân vô chế, sát tặc vô năng, công lệnh thị cam.*

Duy triều đình sự thể, vưu hữu trọng ư thử giả, thiết tưởng chế ngự sơn liêu, công tâm vi thượng, công thành vi hạ, khu tha nhập kỳ lung lạc, sử chi bất trắc, nãi vi binh thăng[i] *chi thần. Thần phụng khất hoãn ban các đạo quan Thống Đốc tướng đẳng các sắc, chỉ hứa bản đạo binh kinh lược giới thủ. Duy Thái Nguyên đạo dĩ thố trí Tống Tinh Vông mỗ vi danh, thần phụng tương bản trấn các cơ hiệu quan binh, tòng Đồng Mụ, Bắc Cạn đẳng điều lộ tiến hành, nhưng phụng lượng trạch thủy thổ sảo bình chi xứ, quyền trú nhân binh, mật sức tiền sai hành gian đích nhân, tương kế tựu kế, tư kỳ cơ khả thừa, tiện phụng tiến trực để Hà Dương*[k] *Tụ Long dữ Tuyên Hưng đạo sách ứng, sử quân tình thục am địa tiện, chướng khí bất năng xâm nhiễm, thứ khả vận dụng điều bát, như nghịch Diễn xác vô tẩu lộ, thế khả nhất cổ thành cầm, tức ư liên giới thủ tề, dĩ sổ lộ chi binh, hành lôi đình chi thế, ngưỡng lại hồng phúc,* [l]*tu xuất quân danh sắc, tự khả trấp thủ*[m] *nguyên hung. Binh dĩ bất chiến vi uy, vưu dĩ tăng tráng thiên uy, long quốc thể.*[n]

Thần mạo muội mật trần, cung vọng Thánh thông thể tất,[o] *ban hạ hữu nghi, phụng bẩm tuân hành, dĩ hoàn nhung cán tế công vụ.*

DỊCH NGHĨA:

KHẢI XIN HOÃN VIỆC HÀNH QUÂN NGHĨ THAY CHO TUÂN SINH HẦU

Khải về việc mật tâu: Thần nghe nói rằng, đường lối dụng binh trước phải bàn đến thế thắng, rồi sau sẽ tìm cách đánh. Nay miền thượng du Tuyên Quang, việc dụng binh đang cần kíp. Ngửa thấy ý Thánh chúa mưu sâu, đã tiếp nhận được sự tính toán xem xét của triều đình. Thần kiến thức viển vông nông cạn, tâu trình các việc nhỏ nhặt, phiền hà, rất là lo sợ. Nhưng từ ngày tháng 6 tới nay, đã mấy lần phụng tờ mật chỉ nghiên cứu về tình hình bọn thổ phỉ ở địa phương đó, cũng tạm lượm nhặt được qua loa: Tên nghịch Diễn tuy mắc tiếng tội ác tày trời, là do thời thế xui nên, hãy còn kinh hãi, ngờ vực, không những chưa dám tới cửa khuyết thú tội, cũng không dám tới chỗ quan quân đóng nữa. Chính là do tạm

trộm được yên mấy ngày, từ từ mưu tính tới cái kế giữ thân. Hắn biết rõ là triều đình cũng chẳng bắt tội, nên mới dám bó tay về hàng. Ngày nay lui về giữ mỏ Tụ Long, nếu quan trấn thần ban văn thư điều độ, thì có hô là có ứng ngay, chứ chưa dám kháng cự ra mặt như ở Chi Thanh và Trấn Ninh. Xử trí hợp lý, nắm giữ có phương pháp, không cần đánh ngay, không cầu cái thắng lợi may mắn, lũ giảo thỏ ẩn nấp ở xó rừng đó, chẳng phải phiền đến hư trương gì to lớn lắm, cũng tự tan rã.

Thần trộm nghe, Hân quận công đã sai gián điệp vào ở trong trại giặc, bữa trước thần đây cũng đã chia người đến dò xét bọn chúng, chưa thấy báo tin tức về, dùng mọi rợ để đánh mọi rợ, theo kế đó là được. Nếu đại quân vội vã xuất phát, cả bốn đạo ồ ạt cùng đi, tướng tá đeo ấn, quân lính cầm phù, tỏ rõ bọn chúng là giặc, xa gần được tin, cho là giặc biển vừa im, miền núi lại có giặc chặn cướp, như thế đâu phải là phương pháp khống chế bọn phản động để trấn phục lòng người. Hơn nữa, chiếc nỏ giá quý nghìn vàng, không phải vì thấy con chuột mà bật lẫy ngay. Lưu nơi nước độc, binh pháp rất kiêng kị. Nay đương vào lúc giao thời giữa tháng tám và tháng chín, khí độc ở rừng suối chồng chất, nếu người và ngựa phạm vào, miệng câm mất tiếng, khiến đại quân tiến sâu vào sát khu mỏ Tụ Long, nghịch Diễn nghe được tin đã trốn ngay từ đêm trước. Đuổi bắt được bọn chúng cũng phải đến hàng nửa tháng. Thế là tiến cũng không lợi, mà thoái cũng không đành. Nếu như quay trở lại nơi nước lành tất dẫn đến chỗ vùi lấp đại uy của triều đình, mà bọn phỉ càng đắc ý. Hơn nữa, dân miền núi Tuyên Quang đã gặp những cơn khốn khổ điêu tàn, lại chịu thêm cái tai ách nào voi, nào lính của người Kinh, bốn mặt đánh đổ vào, phải cung cấp lương thực cũng như rơm cỏ, thế là dân lại phải bồng bế dắt díu nhau chuyển đi nơi khác. Thần trộm e rằng, Diễn chưa chắc đã hoàn toàn chịu đầu thú, triều đình tốn phí đã lâu, lại phải nghỉ ngơi một phen nữa, thì dân địa phương đó mới sống được. Thế là hành quân không phép tắc, giết giặc không đủ tài, đem quân lệnh mà trị, đành phải cam chịu.

Duy sự thể của triều đình, rất nên coi trọng việc đó, trộm nghĩ, phép chế ngự bọn sơn liêu, trước hết đánh vào tâm lý, sau đánh vào đồn luỹ, miễn sao đưa chúng vào lồng, khiến nó không lường trước được, đó là phép thần diệu của nhà binh. Thần phụng xin hoãn ban các chức Thống tướng, Đốc tướng ở các đạo, chỉ cho một đội quân kinh lược biên giới của bản đạo là đủ. Duy chỉ có trấn Thái Nguyên vì có tiếng về việc sắp đặt mỏ

Vông ở Tống Tinh, thần xin đem quan quân ở các cơ của bản trấn, theo các đường Đồng Mỏ và Bắc Cạn mà tiến, và chọn những chỗ nước lành tạm đóng quân, bí mật sai người thăm dò trước, nhân kế của chúng để làm kế của mình, thấy thời cơ có thể tiến được, bấy giờ tiến thẳng tới Hà Giang và Tụ Long cùng với đội quân ở Tuyên Quang, Hưng Hóa tiếp ứng, khiến cho quân sĩ thuộc quen thủy thổ, sơn lam chướng khí không thể tiêm nhiễm được, hoạ may mới có thể vận dụng điều khiển được quân, nếu nghịch Diễn đích xác là không còn đường chạy, thế của ta có thể một lần tiến quân là bắt được ngay, tức thì cùng đồng loạt tiến công với đội quân vài lộ, với cái thế như vũ như bão, ngước nhờ phúc lớn, đưa ra đội quân danh tiếng, tự khắc bắt được đầu sỏ. Việc binh không phải đánh mà tỏ oai, làm cho tiếng của triều đình mạnh thêm, thể thống của nước nhà tươi sáng thêm.

Thần mạo muội mật tâu, kính mong Chúa thượng thể tất, ban xuống những công việc nên làm, thần kính cẩn tuân theo, để việc quân được hoàn hảo, công việc được xong xuôi.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.112/12: Khất hoãn xuất sư khải (Đại Tuân Sinh hầu thảo) 乞緩出師啓（代尊生侯草）

b. Bản A.112/12: Hàng 降

c. Bản A.112/12: Để 抵

d. Bản A.112/12: Khoả 夥

e. Bản A.112/12: Trú 駐

g. Bản A.112/12: Giáp 夾

h. Bản A.112/12: Biên 邊

i. Bản A.112/12: Mưu 謀

k. Bản A.112/12: Dương 陽

l. Bản A.112/12: thêm chữ "bất" 不

m. Bản A.112/12: Quắc thủ 馘首

n. Bản A.112/12: Thế 勢

o. Bản A.112/12: Từ đây đến hết thay bằng câu: Lưu trung thẩm lãm, đặc chỉ ban hạ tiến hành sự nghi phụng lâm tuân phụng hành, dĩ hoàn thú cán tế công vụ. Thần bất thăng chiến lật chi chí. 留中審覽特旨頒下進行事宜奉慄遵奉行以完戍幹濟公務臣不勝戰慄之至.

10. 區處送星銀廠事宜啓

啓爲洞達事：臣奉旨措置太原場廠，問有區處調扒事宜，已奉具由遞達。惟所經見沿山風土，自通化府以上，人煙湊集，地利豐饒，巡市場埠諸稅，皆出其地。近來公課不完，多有欺隱情弊。其本轄各廠客長張得賢，趙翰斌，李盛會等，號稱黠頑，並已曉令隨管監得約束。惟在京諸商客，與外鎮廠客，會誓要約，爲日既久，伊等多于上游要地，倖求添置巡市，自乞家人坐量，操剔低昂，略捐這此小銀錢，充納稅課。就中，貿遷關隘，亦不能盤詰，因而陰縱偷搬，規取浮利。廠客亦互通聲息，倚爲奧援，朝廷命令，京城好尚，皆先事預知，以是輕蔑官司，侮弄條貫，乾沒公稅。滿囊橐即越嶺歸東，一聞官軍督徵，便謀挈夥逃竄。甚或漏透國情，擾撓邊計！所在蕃臣，互相韋脂交結，翼均剩餘之利。北邊一帶封疆，連互內地，土民稀少，勢不可無儂客幫扶。朝廷駕長馭遠，雖防隄條憲，屢已申嚴，鎮撫官率由勢力不及，此塞受湧，遂買邊情于度外。今沿邊縣州，皆辨髮編户，客人牟利，甚端甚微，而邊城鎖鑰，所係甚大。六洞已然之事，猶當逆折將來。臣奉照國朝舊典堪各縣客，具有定額，開採礦口，參用土人化韋。其區別內外，良有深意，上游地不受寶，山林之利，可助正賦。

客丁在廠作活，不宜勒回。惟京鎮事体相關，控制深留，所當一番並舉。奉乞傳報各鎮官，嚴加甄別客黨，除開礦與行商外，許隨便安插各社民，勒令同受徭役。其在京商客，以前私乞坐量巡市諸稅，恭乞付下户番官查實別量差收，仍停客商坐量。其伊等逐期自京回北，許嶺通行腰牌，在監當官給發轉送。各處鎮官參驗，以嚴防禦，折奸萌，庶幾場廠帖寧，國課日益豐裕。

臣迂闊嚎塵瀆，伏望聖聰裁察。

PHIÊN ÂM:

KHU XỬ TỐNG TINH NGÂN XƯỞNG SỰ NGHI KHẢI

Khải vi động đạt sự: Thần phụng chỉ thố trí Thái Nguyên trường xưởng, gian hữu khu xử điều bát sự nghi, dĩ phụng cụ do đệ đạt. Duy sở kinh kiến diên sơn phong thổ, tự Thông Hóa phủ dĩ thượng, nhân yên tấu tập, địa lợi phong nhiêu, tuần thị trường mỏ chư thuế, giai xuất kỳ địa. Cận lai công khóa bất hoàn, đa hữu khi ẩn tình tệ. Kỳ bản hạt các xưởng Khách trưởng Trương Đắc Hiền, Triệu Hàn Bân, Lý Thịnh Hội đẳng, hiệu xưng hiệt ngoan, tịnh dĩ hiểu lệnh tùy Quản giám đắc ước thúc. Duy tại kinh chư thương Khách, dữ ngoại trấn xưởng Khách, hội thệ yếu ước, vi nhật kí cửu, y đẳng đa vu thượng du yếu địa, hãnh cầu thiêm trí tuần thị, tự khất gia nhân tọa lượng, thao dịch để ngang, lược quyên giá thử tiểu ngân tiền, sung nạp thuế khóa. Tựu trung, mậu thiên quan ải, diệc bất năng bàn cật, nhân nhi âm túng thâu ban, quy thủ phù lợi. Xưởng Khách diệc hỗ thông thanh tức, ỷ vi áo viện, triều đình mệnh lệnh, kinh thành hiếu thượng, giai tiên sự dự tri, dĩ thị khinh miệt quan ti, vụ lộng điều quán, càn một công thuế. Mãn nang thác tức việt lĩnh qui Đông, nhất văn quan quân đốc trưng, tiện mưu khiết loã đào thử. Thậm hoặc lậu thấu quốc tình, nhiễu nhiêu biên kế! Sở tại phiên thần, hỗ tương Vi chỉ giao kết, dực quân thặng dư chi lợi. Bắc biên nhất đái phong cương, liên cắng Nội địa, thổ dân hi thiểu, thế bất khả vô Nùng khách bang phù. Triều đình giá trường ngự viễn, tuy phòng đề điều hiến, lũ dĩ thân nghiêm, trấn phủ quan suất do thế lực bất cập, thử tắc thụ dũng, toại mãi biên tình vu độ ngoại. Kim diên biên huyện châu, giai biện phát biên hộ, Khách nhân mâu lợi, thậm đoan thậm vi, nhi biên thành toả thược, sở hệ thậm đại. Lục động dĩ nhiên chi sự, do đương nghịch triết tương lai. Thần phụng chiếu, Quốc triều cựu điển kham các huyện Khách,[a] cụ hữu định ngạch, khai thái tào khẩu, tham dụng Thổ nhân hóa Vi. Kỳ khu biệt nội ngoại, lương hữu thâm ý, thượng du địa bất thụ bảo, sơn lâm chi lợi, khả trợ chính phú.

Khách đinh tại xưởng tác hoạt, bất nghi lặc hồi.[b] Duy kinh trấn sự thể tương quan, khống chế thâm lưu,[c] sở đương nhất phiên tịnh cử. Phụng khất[d] truyền báo các trấn quan, nghiêm gia yên biệt Khách đẳng, trừ khai khoáng dữ hành thương ngoại, hứa tùy tiện an sáp các xã dân,

lặc lệnh đồng thụ dao dịch. Kỳ tại kinh thương Khách, dĩ[e] tiền tư khất toạ lượng tuần thị chư thuế, cung khất phó hạ hộ phiên quan tra thực biệt lượng sai thu, nhưng đình Khách thương toạ lượng. Kỳ y đẳng trục kỳ tự kinh hồi Bắc, hứa lĩnh thông hành yêu bài, tại Giám đương quan cấp phát chuyển tống. Các xứ trấn quan tham nghiệm, dĩ nghiêm phòng ngự, triệt gian manh, thứ cơ trường xưởng thiếp ninh, quốc khóa nhật ích phong dụ.[g]

Thần vu khoát hào trần độc, phục vọng Thánh thông tài sát.

DỊCH NGHĨA:

KHẢI KHU XỬ SỰ VIỆC MỎ BẠC TỐNG TINH

Khải về việc mong được thấu suốt cho: Thần vâng chỉ, sắp đặt công xưởng ở Thái Nguyên, trong đó có việc sai khiến điều khiển, đã kể lý do cụ thể đệ trình. Duy những điều đã thấy là đất đai phong cảnh vùng ven núi, từ phủ Thông Hóa trở lên, nhà ở đông đúc, ruộng đất mầu mỡ, thu các thuế chợ xưởng và mỏ đều ở chỗ đó. Gần đây, vụ thu thuế không được chu đáo, có nhiều tệ nạn giả dối ẩn lậu. Những kẻ trùm trưởng người Khách ở các xưởng thuộc bản hạt là Trương Đắc Hiền, Triệu Hàn Bân, Lý Thịnh Hội, có tiếng là ngoan cố, đều đã bị ràng buộc bởi chức Quản giám. Duy bọn Khách buôn ở kinh sư, và bọn Khách công xưởng ở ngoại trấn, việc giao ước hội thề vì đã lâu ngày, nên bọn chúng phần nhiều dựa vào đất hiểm yếu ở thượng du, cầu cạnh đặt thêm sở thu thuế chợ, xin cho người nhà của chúng ngồi thu, tự đặt giá cao giá hạ, những loại tiền nhỏ thu được đem nộp thuế. Trong đó hàng hóa đưa ra khỏi cửa ải cũng không xét hỏi chặt chẽ, nhân đó ngấm ngầm dung túng cho chuyên chở trộm đi, để kiếm mối lời lớn. Bọn Khác[1] ở xưởng mỏ cũng báo tin cho nhau, bênh vực lẫn nhau, triều đình có lệnh gì, những kẻ ăn cánh với chúng ở kinh thành, đều đem sự việc báo trước, vì thế bọn chúng khinh miệt quan trên, coi nhờn pháp luật, tiêu mất thuế công. Khi đã đầy túi, vượt qua núi về Quảng Đông, khi nghe quan quân đốc trưng một huyện cũng nhân tiện đưa cả gia quyến trốn tránh. Thậm chí lại tiết lậu cả tình hình trong nước, làm những nhiễu cả kế hoạch ngoài biên! các quan phiên trấn sở tại liên kết với họ Vi,[(1)] để chia cái mối lợi còn thừa. Một giải biên giới phía bắc liền ngay với Nội địa, thổ dân thì ít, tình thế không thể không dựa vào người Nùng, người Khách giúp đỡ. Xa giá triều đình đi đến thì xa, thành thử điều luật phòng giữ biên giới đã nhiều lần ban bố nghiêm ngặt, quan trấn phủ đều vì thế lực không đủ, che chỗ này, giàn chỗ kia, tình hình

ngoài biên đành phải đặt ở ngoài sự kiểm chế. Nay các châu huyện ven biên giới đều theo tục gióc tóc,[2] còn bọn Khách thì tranh giành mối lợi rất tinh vi, mà việc giữ cho chặt chẽ chỗ trọng yếu nơi biên thành là rất lớn. Về sự việc sáu động[3] đã dĩ nhiên rồi, song còn phải lo tới việc giữ gìn về tương lai. Thần phụng xét điển lệ cũ của Quốc triều, bọn Khách mỏ ở các huyện đã có định ngạch đầy đủ, chúng khai thác hầm mỏ, dùng người Thổ đã đồng hoá với họ Vi. Sự phân biệt nội ngoại đó có ý nghĩa rất sâu xa, vì vùng thượng du không giữ được châu báu, một mối lợi của núi rừng có thể giúp vào ngạch thuế chính.

Những định suất người Khách sinh sống ở các xưởng mỏ không nên bắt về. Duy sự việc cụ thể trong kinh ngoài trấn, phải khống chế thật sâu sắc. Vậy nên phải một phen cùng chấn chỉnh. Kính xin truyền báo cho các quan ngoài trấn, đối với bọn Khách phải phân biệt cho nghiêm túc, trừ những bọn khai mỏ và đi buôn bán ra, còn lại cho tùy tiện nhập tịch vào làm dân các xã, còn bắt phải cùng chịu phu đài tạp dịch. Còn như khách buôn ở kinh thành, vì trước đây xin riêng ngồi thu thuế chợ, nay kính xin giao xuống cho quan coi về hộ khẩu, tra xét đích thực mà sai thu bằng cách khác, đình chỉ ngay bọn Khách buôn ngồi thu. Còn bọn chúng mỗi kỳ từ Kinh sư về Bắc quốc, cho được lĩnh thẻ bài thông hành, do quan Giám đương cấp phát chuyển đưa. Trấn quan các xứ phải cùng nhau phối hợp để nghiêm việc phòng thủ xét hỏi, ngăn chặn bọn gian trá lưu manh, may ra các xưởng mỏ được bình yên, thuế khóa nhà nước ngày thêm dồi dào phong phú.

Thần vu khoát kêu nhảm, cúi mong Thánh thượng soi xét.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/12: Trường mỗ khách hộ 場某客户

b. Bản A.117/12: Bất nghi tận pháp lặc hồi 不宜盡法勒回

c. Bản A.117/12: Viên 園

d. Bản A.117/12: Dĩ 已

e. Bản A.117/12: Tòng 從

g. Bản A.117/12: Từ đây đến hết chép: Thần vu thiển trần độc phục hậu tài sát 臣于淺塵瀆伏候裁察

CHÚ THÍCH:

1. Dân tộc Vi: Tục truyền dòng giống Hàn Tín, khi bị nạn trốn sang ở đó.

2. Gióc tóc (biện phát), là tục người Mãn Thanh.

3. Sáu động do Mạc Đăng Dung dâng cho nhà Minh.

11. 區處太原啓

啓爲奉條陳事：茲期榮奉奉傳申飭三司職掌。仰惟省成功令，訓董攸嚴。臣等叨領太原鎮務，兼行承憲司，間有經見事情，不敢恬然，仍奉具列措置四條，開后遞達。

一條控制黠客：

竊照上游場廠，客丁皆潮韶人户，權利相攻，獷捍成俗。率以鎮戍不擅剎内地人户。兵象不久留嵐瘴惡地。礦礵不能用人工開採，官法不盡誅林隴逋逃。以此驕黠肆行，經奉累番區處，迄不能式化。康、岐鎮司，又與太原遙隔，卒有警報，勢難相及。自非先幾措置，不但公課未能完足，且狡胡紛鬧，亦可爲邊疆意外之防。今番臣用命，四郊無警，伊等雖樹柵作會，自爭廠之外，未有他心，與提刀作賊者，意向自别。就中揮掉所當因其勢而善導之。竊見五號番臣，惟通郡父子爲最；各堺居客，惟趙、張、許、李四姓爲勝。今通郡年老，其養子世貴代將兵眾。監管嵐堺客自李盛會與朱深受計賺 殺許全忠，續聞伊黨，志在追仇，亦懷設備。此二人者，久知吾岸情狀，其隄防非不密，顧慮非不周。世貴之力，足以驅策蠻儂，全忠餘黨烏合，亦當見死。其李盛會，奉乞頒下旨傳。許世貴調扒兵丁。究之治惡棍黨羽，準定賞格，俾他知勸。授李盛會，朱深等敕命各一道，表其殺全忠之功，俾他奮力保護場堺。以夷攻夷，縱有佳誤聲息，内自相圖，即福山之趙，送星之張，亦將震懾而不敢肆。本鎮奉於同姥地面盛兵先爲聲勢，待冬月潦降，仍奉前往規畫，旌别淑慝，拓集循順。客人分處場廠，期在革除舊染，洗滌頑風，以固藩翰寧地面。

一條控制貨權。

竊照各堺百貨所出，地不愛寶，非昔旺而今虧，近來客黨因仇構釁，遂致礵口流荒，間有採得公銀，多與管監要結密地偷搬回北。每

追徵稅課，故意推延。管率亦幸其爲賊，大率爲他遮掩。甚有爲廠客傭借青衣儂人帶銀越險，過隘便即交還。路程綿渺，雖巡防幾察，勢亦難周情僞。奉按圖誌：宣、諒、高三處，係是太原藩限，客取裝回內地，自非各鎮隘口取路，不能飛嶺潛逃。各鎮官於稅課不干，累奉嚴禁踰越，亦不用心覺察。伏乞旨下三鎮官，於太原夾境嚴直巡防，一切客人從武振、福山、送星各堺山道回國，非有本處鎮印憑，並不容過界偷搬。如某鎮藩臣屯官，與管監及客人挾同陰縱越境，本鎮覺出有情，備啓遞達。準許該牧官分受稅課，關隘不約自發。其任本鎮界分，與三鎮連界之處，仍奉嚴飭屯按，察齊偷粧潛往，無官給憑，不問銀數多少，並收奉進。客人亦知所拎束，以便徵收折欺蔽。

一條綏集凋氓。

竊照，太原舊樂殷實。自經黃齒逆演扇動，漸致流移，不復平時之什一。計地力則林多於田，照見丁則客浮於實。虛數三百社莊，其實當中鎮一巨縣。從前該牧不能存撫，租庸累欠，多有契提入林。頑黠乘勢，凌逼山隴，遣民不免依客，自活。上年經奉巡略司農、大慈、譜安、富良等地面，所見零星三五，鳩集山菁，其疾苦情狀，實可加意。況復遠在遐陬，視此尤甚。如奉追徵逋欠，窮林下户，勢不堪供，應奉乞準許照各民社積久，自乙未以前，一切豁免，自丙申至茲，某社田饑荒漸漂，致有欠數，仍許暫緩追刷，候其一二年中，次第完復，再奉照原數徵收。即有某社久漂失跡，責所在蕃目各員，用心招集，歲季類開見數，納在本鎮轉遞。以所招得多少，準定公課，給許兵民。其始回社莊，曉令永不起科，使彫民樂相居聚，待後閭里繁阜，仍奉酌量平補，以增民額。

一條招懷商旅。

竊照太原公課欠足，係銀場物力豐虧，六七年來，送星區處未完，貨泉遂啬，巡市場場諸稅，雖征及魚桑屋架，原額亦不常供。貨聿四下散去，不樂樹店開作，客人無所仰給，往往聚劫爲生。

恭乞準頒查各屯堰與巡市諸稅，自茲年以前，積欠若干。或當暫緩徵收，著該牧員奉行，使遠道夷民，獲沾寬撫德意，場省措置，亦可從中就緒，易爲招攜。所謂豐財之源，以裕財之流。

至從前逋負，未能一齊清理，計其生財實數，自當加倍向時，仍待茲年豐熟，客丁稍裕作活，再責前所欠依數進納，以充國課。

PHIÊN ÂM:

KHU XỬ THÁI NGUYÊN KHẢI[A]

Khải vi phụng điều trần sự: Tư kỳ vinh[b] *phụng phụng truyền thân sức tam ti chức chưởng. Ngưỡng duy tỉnh thành công lệnh, huấn đổng du nghiêm. Thần đẳng thao lĩnh Thái Nguyên trấn vụ, kiêm hành Thừa hiến ty, gian hữu kinh kiến sự tình, bất cảm điềm nhiên, nhưng phụng cụ liệt thố trí tứ điều, khai hậu đệ đạt.*[c]

Nhất điều khống chế hiệt Khách:

Thiết chiếu thượng du trường xưởng, Khách đinh giai Triều, Thiều nhân hộ, quyền lợi tương công, khoáng hãn thành tục. Suất dĩ trấn thú bất thiện sát Nội địa nhân hộ. Binh tượng bất cửu lưu lam chướng ác địa. Khoáng tào bất năng dụng nhân công[d] *khai thái, quan pháp bất tận chu lâm lũng bô đào. Dĩ thử kiêu hiệt tứ hành, kinh phụng lũy phiên khu xử, hất bất năng thức hóa. Khang, Kỳ trấn ty, hựu dữ Thái Nguyên dao cách, tốt hữu cảnh báo, thế nan tương cập. Tự phi tiên cơ thố trí, bất đãn*[e] *công khóa vị năng hoàn túc, thả giảo Hồ phân náo, diệc khả vi biên cương ý ngoại chi phòng. Kim phiên thần dụng mệnh, tứ giao vô cảnh, y đẳng tuy thụ sách tác hội, tự tranh xưởng chi ngoại, vị hữu tha tâm, dữ đề đao tác tặc giả, ý hướng tự biệt. Tựu trung huy trạo sở đương nhân kỳ thế nhi thiện đạo chi. Thiết kiến ngũ hiệu phiên thần, duy Thông*[g] *quận phụ tử vi tối; các mỏ cư Khách, duy Triệu, Trương, Hứa, Lý tứ tính vi thắng. Kim Thông*[g] *quận niên lão, kỳ dưỡng tử Thế Quí*[h] *đại tương binh chúng. Giám quản Vông mỏ Khách tự Lý Thịnh Hội*[i] *dữ Chu Thâm thụ kế sàm sát Hứa Toàn Trung, tục văn y đẳng, chí tại truy cừu, diệc hoài thiết bị. Thử nhị nhân giả, cửu tri ngô ngạn tình trạng, kỳ đề phòng phi bất mật, cố lự phi bất chu. Thế Quí*[h] *chi lực, túc dĩ khu sách Man Nùng, Toàn Trung dư đẳng ô hợp, diệc đương kiến tử. Kỳ Lý Thịnh Hội, phụng khất ban hạ chỉ truyền. Hứa Thế Quí điều bát binh đinh. Cứu chi trị ác côn đẳng vũ, chuẩn định thưởng cách, tỷ tha tri khuyến. Thụ Lý Thịnh Hội,*[i]

Chu Thâm đẳng sắc mệnh các nhất đạo, biểu kỳ sát Toàn Trung chi công, tỷ tha phấn lực bảo hộ trường mỏ. Dĩ di công di, túng hữu giai ngộ thanh tức, nội tự tương đồ, tức Phúc Sơn chi Triệu, Tống Tinh chi Trương, diệc tương chấn nhiếp nhi bất cảm tứ. Bản trấn phụng ư Đồng Mụ địa diện thịnh binh tiên vi thanh thế, đãi đông nguyệt lạo giáng, nhưng phụng tiền vãng qui hoạch, tinh biệt thục thắc, thác tập tuân thuận. Khách nhân phân xử trường xưởng, kỳ tại cách trừ cựu nhiễm, tẩy điều ngoan phong, dĩ cố phiên hàn ninh địa diện.

Nhất điều khống chế hóa quyền.

Thiết chiếu, các mỏ bách hóa sở xuất, địa bất ái bảo, phi tích vượng nhi kim khuy, cận lai Khách đảng nhân cừu cấu hấn, toại chí tào khẩu lưu hoang, gian hữu thái đắc công ngân, đa dữ quản giám yếu kết mật địa thâu ban hồi Bắc. Mỗi truy trưng thuế khóa, cố ý thôi diên. Quản suất diệc hạnh kỳ vi tang, đại suất vi tha già yểm. Thậm hữu vi xưởng Khách dung tá thanh y Nùng nhân đái ngân việt hiểm, quá ải tiện tức giao hoàn. Lộ trình miên diểu, tuy tuần phòng cơ sát, thế diệc nan chu tình ngụy. Phụng án Đồ chí: Tuyên, Lạng, Cao tam xứ, hệ thị Thái Nguyên phiên hạn, Khách thủ trang hồi Nội địa, tự phi các trấn ải khẩu thủ lộ, bất năng phi lĩnh tiềm đào. Các trấn quan ư thuế khóa bất can, lũy phụng nghiêm cấm du việt, diệc bất dụng tâm giác sát. Phục khất chỉ hạ tam trấn quan, ư Thái Nguyên giáp cảnh nghiêm trực tuần phòng, nhất thiết Khách nhân tòng Vũ Chấn, Phúc Sơn, Tống Tinh các mỏ sơn đạo hồi quốc, phi hữu bản xứ trấn ấn bằng, tịnh bất dung quá giới thâu ban. Như mỗ trấn phiên thần đồn quan, dữ quản giám cập Khách nhân hiệp đồng âm túng việt cảnh, bản trấn giác xuất hữu tình, bị khải đệ đạt. Chuẩn hứa cai mục quan phân thụ thuế khoá, quan ải bất ước tự phát. Kỳ nhậm bản trấn giới phận, dữ tam trấn liên giới chi xứ, nhưng phụng nghiêm sức đồn án, sát tề thâu trang tiềm vãng, vô quan cấp bằng, bất vấn ngân số đa thiểu, tịnh thu phụng tiến. Khách nhân diệc tri sở cầm thúc, dĩ tiện trưng thu chiết khi tế.

Nhất điều tuy tập điêu manh.

Thiết chiếu, Thái Nguyên cựu lạc[m] ân thực. Tự kinh Hoàng Xỉ nghịch Diễn phiến động, tạm chí lưu di,[n] bất phục binh thời chi thập nhất. Kế địa lực tắc lâm đa ư điền, chiếu kiến đinh tắc Khách phù ư thực. Hư sổ tam bách xã trang, kỳ thực đương trung trấn nhất cự huyện. Tòng

tiền cai mục bất năng tồn phủ, tô dung lũy khiếm, đa hữu khế đề nhập lâm. Ngoan cật thừa thế, lăng bức sơn lũng, khiển dân bất miễn y Khách, tự hoạt. Thượng niên kinh phụng tuần lược Tư Nông, Đại Từ, Phổ Yên, Phú Lương đẳng địa diện, sở kiến linh tinh tam ngũ, cưu tập sơn thanh, kỳ tật khổ tình trạng, thực khả gia ý. Huống phục viễn tại hà thú, thị thử vưu thậm. Như phụng truy trưng bô khiếm, cùng lâm hạ hộ, thế bất kham cung, ứng phụng khất chuẩn hứa chiếu các dân xã tích cửu, tự Ất Vị dĩ tiền, nhất thiết khoát miễn, tự Bính Thân chí tư, mỗ xã điền cơ hoang tiệm phiêu, trí hữu khiếm số, nhưng hứa tạm hoãn truy loát, hậu kỳ nhất nhị niên trung, thứ đệ hoàn phục, tái phụng chiếu nguyên số trưng thu. Tức hữu mỗ xã[o] cửu phiêu thất tích, trách sở tại Phiên mục các viên, dụng tâm chiêu tập, tuế quí loại khai hiện số, nạp tại bản trấn chuyển đệ. Dĩ sở chiêu đắc đa thiểu, chuẩn định công khóa, cấp hứa binh dân. Kỳ thủy hồi xã trang, hiểu lệnh vĩnh bất khởi khoa, sử điêu dân lạc tương cư tụ, đãi hậu lư lý phồn phụ, nhưng phụng chước lượng bình bổ, dĩ tăng dân ngạch.

Nhất điều chiêu hoài thương lữ.

Thiết chiếu, Thái Nguyên công khóa khiếm túc, hệ ngân trường vật lực phong khuy, lục thất niên lai, Tổng Tinh khu xử vị hoàn, hóa tuyền toại sắc, tuần thị trường trường[p] chư thuế, tuy chinh cập ngư tang ốc giá, nguyên ngạch diệc bất thường cung. Hóa vi tứ hạ tán khứ, bất lạc thụ điếm[q] khai tác, Khách nhân vô sở ngưỡng cấp, vãng vãng tụ kiếp vi sinh.

Cung khất chuẩn ban tra các đồn mỏ dữ tuần thị chư thuế, tự tư niên dĩ tiền, tích khiếm nhược can. Hoặc đương tạm hoãn trưng thu, trước cai mục viên phụng hành, sử viễn đạo di dân, hoạch triêm khoan phủ đức ý, trường tỉnh thố trí, diệc khả tòng trung tựu tự, dị vi chiêu huề. Sở vị "phong tài chi nguyên, dĩ dụ tài chi lưu."

Chí tòng tiền bổ phụ, vị năng nhất tề thanh lý, kế kỳ sinh tài thực số, tự đương gia bội hướng thời, nhưng đãi tư niên phong thục, Khách đình sảo dụ tác hoạt, tái trách tiền sở khiếm y số tiến nạp, dĩ sung quốc khoá.

DỊCH NGHĨA:

KHẢI KHU XỬ TRẤN THÁI NGUYÊN

Khải về việc phụng mệnh điều trần: Kỳ này, vinh hạnh được

phụng mệnh, phụng truyền nhắc nhở cho viên chức ba tòa. Kính theo công lệnh xem xét công việc hoàn tất, giáo huấn và đôn đốc cho nghiêm túc. Bọn thần được lĩnh nhiệm vụ ở Thái Nguyên, kiêm giữ chức ở ty Thừa hiến, trong thời gian đó từng thấy hết mọi sự tình, không dám bỏ qua, nên kính liệt kê làm 4 điều, khai rõ ở sau, để đệ đạt lên:

1. Khống chế bọn Khách ác ôn:

Trộm xét, các xưởng mỏ ở miền thượng du, những tên Khách đinh đều là người hộ khẩu Triều Châu và Thiều Châu, tranh nhau về quyền và lợi, hung hăn thành thói quen. Đưa lính thú ở trấn ra, nhưng không dám tự tiện giết người có hộ khẩu của Nội địa. Binh lính và voi ngựa không dám ở lâu nơi nước độc chướng khí. Các hầm mỏ không thể dùng nhân công khai thác, phép quan không cho phép giết hết bọn trốn tránh ở nơi rừng suối. Bởi vậy, chúng hung hăng làm càn, đã mấy phen phụng mệnh đi giải quyết, song vẫn không cảm hoá được. Trấn ty đóng ở Khang và Kỳ lại cách xa xứ Thái Nguyên, gặp những lúc báo động, tình thế khó mà thông báo cho nhau được. Không sắp đặt trước, thì không những công thuế không thu được đủ, hơn nữa lại bị bọn người Hồ giảo quyệt quấy rối nhộn nhạo, cũng có thể phải đề phòng sự bất ngờ ở nơi biên ải. Nay phiên thần dụng mệnh, bốn cõi không phòng giữ, bọn chúng quây hàng rào làm nơi tụ tập, ngoài sự tranh giành nhau công xưởng, thì chưa có bụng dạ nào khác, cùng với bọn cầm dao làm giặc, ý hướng khác nhau. Tựu trung, muốn huy động bọn chúng, phải nên nhân tình thế mà dẫn dụ cho khéo. Trộm thấy, trong 5 đám phiên thần, duy có cha con Thông quận công là trội; bọn Khách ở các mỏ, duy có 4 họ Triệu, Trương, Hứa, Lý là hơn. Nay Thông quận công tuổi đã già, đứa con nuôi của y là Thế Quí ra nắm binh thay. Bọn Khách trông coi mỏ Vông, từ khi Lý Thịnh Hội cùng với Chu Thâm lập kế giết Hứa Toàn Trung, thì lại nghe đồng bọn ấy đương có ý truy ra kẻ thù, nghĩ cũng phải đặt kế phòng bị. Cả hai tên đó hiểu rõ tình hình bờ cõi nước ta đã lâu, cho nên ta phải đề phòng rất nghiêm mật, suy tính rất chu đáo. Lực của Thế Quí đủ dùng để sai khiến dân Mán dân Nùng, còn dư đảng của Toàn Trung thì ô hợp, cũng sẽ chết đến nơi. Đến như Lý Thịnh Hội phụng xin ban chỉ dụ xuống để tuyên truyền. Giao cho Hứa Thế Qui điều bát quân dân. Xét công trị bọn côn đồ độc ác mà thưởng, để y biết cố gắng. Trao cho bọn Lý Thịnh Hội, Chu Thâm mỗi tên một đạo sắc mệnh, để thưởng cái công giết tên Toàn Trung, khiến chúng gắng sức giúp đỡ xưởng mỏ. Dùng người di đánh người di, dù mang tiếng là cuồng ngộ, [nhưng được lợi] trong nội bộ chúng hại lẫn nhau, tức thì họ

Triệu ở Phúc Sơn, họ Trương ở Tống Tinh, cũng sẽ hoảng sợ mà không dám làm càn. Bản trấn đưa đội quân mạnh đến trước ở địa đầu xứ Đồng Mỏ phô trương thanh thế, đợi tới mùa đông, sau khi nước lũ đã rút, xin kéo quân đến trước để phân biệt rõ người tốt, kẻ xấu, chiêu tập những người đã quy thuận. Bọn người Khách phân tán ở các xưởng mỏ, bắt buộc phải từ bỏ thói cũ. Như thế ta rửa sạch những chứng ngoan cố, làm cho phên dậu vững bền, đất nước an ninh.

2. Khống chế quyền lợi của cải:

Trộm xét, hàng trăm của cải xuất ra từ các mỏ, đất không tiếc gì của báu, không phải trước kia thịnh vượng mà nay thiếu thốn, vì gần đây bọn Khách nhân hiềm thù mà gây hấn, bèn khiến cho cửa lò hoang phế, trong đó, nếu lấy được ít bạc, phần nhiều bọn chúng kết thân với viên giám mục, rồi ngấm ngầm chở vụng về Bắc quốc. Mỗi khi tới kỳ truy sổ thu thuế, bọn chúng cố ý kéo dài. Viên quản suất được món tiền đút lót, che giấu cho chúng. Thậm chí, có kẻ thuê người Nùng áo xanh giúp người Khách đem bạc vượt qua cửa ải rồi giao cho. Đường xá xa xôi, tuy có tuần phòng khám xét, nhưng khó mà biết rõ thực hư. Phụng xét, trong *Đồ chí* của ba xứ: Tuyên, Lạng, Cao, đều nguyên là phên dậu của Thái Nguyên, bọn Khách đem của cải về Nội địa, nếu không do cửa ải các trấn ấy mà đi, không thể nào bay qua mà trốn được. Quan lại các trấn thì không đếm xỉa gì tới việc thuế khoá, nhiều lần phụng mệnh nghiêm cấm những bọn vượt qua địa hạt mình, nhưng lại không dụng tâm tra xét kỹ. Cúi xin ban chỉ dụ xuống cho các quan ba trấn, cần phải tuần phòng nghiêm ngặt ở khu vực giáp giới với Thái Nguyên, hết thảy người Khách từ con đường ven núi ở các mỏ Vũ Chấn, Phúc Sơn, Tống Tinh, trở về nước, nếu không có giấy tờ ấn tín của quan trấn bản xứ, đều không cho chuyên chở gì vượt qua mốc giới. Nếu quan đồn và phiên thần ở trấn đó, cùng với viên quan giám và bọn Khách dụng tình âm mưu cho vượt qua khu vực mình, quan bản trấn phát giác ra được thực tình, phải viết khải đệ đạt lên đầy đủ. Chuẩn cho quan mục ở đó cùng chịu về việc thuế khóa, nơi quan ải không cho được tự phát. Người trị nhậm ở trấn đó, cùng với nơi giáp giới ba trấn, phải lập đồn canh gác cẩn mật, xét có kẻ nào mang trộm tang vật lẻn qua, không có giấy tờ quan cấp cho làm bằng, không cần phải hỏi số bạc ít nhiều, đều tịch thu tiến dâng về. Người Khách cũng phải nên biết sự kiềm thúc đó, để tiện cho việc thu thuế, và ngăn những việc giả dối che đậy.

3. Vỗ về chiêu tập những hạng dân điêu tán:

Phụng xét, hạt Thái Nguyên xưa kia giầu có đầy đủ. Từ khi nghịch Diễn ở làng Hoàng Xỉ nổi lên, dân chúng dần dần phải lưu tán, con số

hiện nay so với lúc bình thường không còn được một phần mười. Kể về đất đai thì rừng nhiều hơn ruộng; xét về đinh thì số Khách nhiều hơn thực dân. Con số kê rộng là 300 xã và trang, mà thực ra chỉ bằng 1 huyện lớn ở một trấn trung bình. Từ xưa bọn cai mục không thể vỗ về, sưu thuế thiếu chồng chất, phần nhiều phải dắt díu nhau vào rừng, bọn cứng đầu cứng cổ thừa thế bức bách đẩy vào khe sâu, thành thử, dân không có nghề nghiệp phải nương tựa vào người Khách để sinh sống. Năm trước, đã mấy lần phụng mệnh đi tuần tiễu, khu vực Tư Nông, Đại Từ, Phổ Yên và Phú Lương, thấy dân đinh lũ ba, lũ năm, tụ tập ở rừng núi, tình trạng đau đớn khổ sở của họ rất đáng để ý tới. Huống chi vỗ về dân ở nơi biên giới xa xôi, là việc hết sức cần thiết. Nếu lại đòi thu những sưu thuế còn thiếu từ trước, thì những hộ nghèo ở chốn cùng lâm, thế không thể nộp được, nên phụng xin cho những dân xã còn thiếu thuế từ năm Ất Mùi về trước, hết thảy tha bổng, từ năm Bính Thân trở lại đây, xã nào đói kém, dân dần phiêu bạt, bỏ hoang, dẫn đến việc thiếu thuế, vẫn cho tạm hoãn truy thu, đợi một vài năm, dần dần được hồi phục, bấy giờ lại phụng chiếu theo nguyên số mà trưng thu. Còn những xã nào dân phiêu bạt mất tích đã lâu, thì trách cứ các viên Phiên mục sở tại, phải hết lòng chiêu tập về, đến kỳ cuối năm khai rõ những số hiện tại, nộp lên bản trấn để chuyển đệ lên trên. Số đã chiêu tập được bao nhiêu, cho định số công thuế, cấp cho binh dân. Còn những xã trang mới hồi cư, hiểu thị cho biết là còn lâu chưa đánh thuế, khiến cho bọn dân điêu linh đó cùng vui vẻ xum họp với nhau, đợi về sau khi nào làng xã đã phồn thịnh giầu có, thì mới liệu bình bổ, để tăng thêm ngạch dân.

4. Kêu gọi vỗ về bọn nhà buôn:

Trộm xét, công khóa ở Thái Nguyên thiếu hay đủ có liên quan đến vật lực ở mỏ bạc nhiều hay ít, sáu bảy năm nay, khu xử mỏ Tống Tinh chưa xong, tiền của sút kém, sở thu thuế phải đánh thuế cả vào cá, trà, nhà sàn, thế mà nguyên ngạch cũng không cung cấp đủ. Tiền của tán lạc đi bốn phía, không thích mở cửa hàng buôn bán, người Khách không còn chốn nương nhờ, đành phải luôn luôn tụ tập làm trộm cướp để sinh sống.

Kính xin ban ra chỉ dụ tra hỏi các đồn, các mỏ, cùng các sở đánh thuế, từ năm nay trở về trước, con số bị thiếu hết năm ấy sang năm khác là bao nhiêu. Hoặc là tạm hoãn việc trưng thu, giao ngay viên cai mục phải thừa hành, khiến cho nhân dân ở nơi xa được thấm nhuần đức trạch khoan hồng phủ dụ, mà ở công trường bớt được sự xếp đặt, cũng có thể từ đó mà được tiếp nối, dễ dàng dìu dắt phủ dụ. Đúng như câu nói: "Nguồn

của cải phong phú, vốn tài chính dồi dào."

Đến như, trước đây trốn tránh thiếu nợ, chưa có thể nhất loạt thanh toán ngay được, nên kê ra thực số sinh lời, tự nên tăng gấp đôi số trước, nhưng phải đợi năm được mùa lúa tới, bọn dân Khách dần về làm lụng sinh sống, bấy giờ mới đòi lại số đã thiếu từ trước, dâng nộp, để cho thuế khoá nhà nước đầy đủ.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/12: Trấn khu xử Thái Nguyên tiện nghi khải 陳區處太原便宜啓

b. Bản A.117/12: Cung 恭

c. Bản A.117/12: Phục hầu tài định ban hạ nghị định, dĩ thoả biên tình, tiện công vụ 伏候裁定頒下議定以妥邊情便公務

d. Bản A.117/12: Thổ nhân 土人

e. Bản A.117/12: Tiện 便

g. Bản A.117/12: Xuân 椿

h. Bản A.117/12: Khiêm chất hầu Ma Thế Quí 謙質侯麻世貴

i. Bản A.117/12: Tự Lý Thịnh Xuân 自李盛春

k. Bản A.117/12: Khiêm Chất 謙質

l. Bản A.117/12: Xuân 春

m. Bản A.117/12: Xưng 稱

n. Bản A.117/12: Thuần chí phiêu lưu 馴至漂流

o. Bản A.117/12: Xã dân 社民

p. Bản A.117/12: Trường xưởng 場廠

q. Bản A.117/12: Yên 煙

12. 乞脩撰會鑒全書啓

啓爲恭望藻德平規，以照治象事。

臣竊惟聖人制作，當隨天下之時，有可爲之時。又有可爲之資， 乃能立一代之制，以垂不世之功業。故虞書二典，聖帝所以垂範，周禮一書，顯王所以立訓。爰及唐宋代有令辟，貞貫政要三宗以是術首。太平御覽，四聖於所尊貴。越我本朝，淳廟有作，遠覽古今，斟酌南朔，御製天南餘暇一秩，爲我國初令典。僞莫僭逆，紀綱廢壞。洪惟列先圣王，扒亂反正，匡扶王室，鼎新百慶。政和保泰之間，治具必舉。臣奉讀歷朝善政諸書， 固已蕩然煥然，規撲弘遠。惟代有

述作，事有因革，畫一之法，不刊之典，以傳之千萬世，蓋若有所待焉。

臣伏見，圣王親政以來，一德日新，五徵時若。聖學超乎千古，治功光於前烈。此正可爲之資，又有大可爲之時。興滯補弊，振作事功，立良法行善政。使前者不得過，後者不可及。臣竊以爲當今所謂隨時之義，莫茲爲急。聖人立極垂統，以建無窮之基，乃臣子奮迅激昂，趨事赴功之机會。

臣伏思，本朝制度，其大綱如：禮制、樂節、律歷考、州域志、風俗通、教法、試法、民政、田政、兵政、財政、官制、刑制；其目如：禮制之大者，曰廟制朝儀，王家功德茂盛，宜增重禮典。與正旦、延壽、觀試、省方、先農、旗纛，並當著成通禮，爲條目節制之詳。

樂制之大者，曰同文雅樂，國家薦享郊廟，正中樂章，與宮禁朝侍，官司讌饗，鄉曲事神，並宜裁制籌咸，嚴中外淫雜之禁。

律歷考以推測璣衡。圣王代天行化，子育群生，嘉吉協於穹示，當稽象外布，法月令迎時之禮。

州域志以考驗田野。國朝西拓牢盤，南闢烏哩，封疆廣於前代，當親四鄰封守，各鎮統轄之宜。

風俗通如：歲月社田婚娶喪祭，當一民視而使不撓，定民志而使不爭。

教法：自國學至府校。

試法：自鄉試會試博舉試，及不時考試，與書算雜試，並當有砥礪隄防，爲一新之式。

民政之户數之登耗，租調之欠足，當爲察驗之法。

田政如：官田之陋實，私田之荒闢，屯田之多少，河隄之堅潰，勸

農堤之實除，當爲察訪之法。

兵政如：內外兵之足實，步水陣之能否，與國外獻象，各場馴象，各鎮及奉陞各圓獻馬，當爲考閱之法。

財政如：關隘場堨之征，巡度號市之稅，鹽鐵銅桂之課，洲土山林陂池之賦，或豐或虧，有虛有實。所出所入，可增可減，當爲經常之法。

官制則文武屬官，番奇職事，朝庭階品，吏部銓除，官圓饒蔭，內外考課，及一切官方，當爲不易之法。

刑法如：勘訟條例，國朝刑律，當參酌損益，合爲一書，爲恒久之法。

上項條目，臣家實學，粗已什裒類編，考驗自李陳至本朝勑業初，歷代施設損益，著爲指掌集，以備考問。惟自元和以來，概設政事，雖經奉頒布，有可抄錄。但臣見識粗淺，不敢擅自著述。茲臣在制中，區區犬馬，思無報稱。爲此昌述狂疏，仰干俯鑑。恭乞準許臣校閱官閣書籍，業奉照所陳各條目，條理成書。間有膚淺見聞，遂即編次之下，著爲通論，陸續奉遞進覽，候奉宸奎定奪，望賜裁誨。爲聖朝會鑑全書，公之海宇，以昭聖政。臣冒昧陳事，不勝惶慄之至。

PHIÊN ÂM:

KHẤT TU SOẠN HỘI GIÁM TOÀN THƯ KHẢI

Khải vi cung vọng táo đức bình qui, dĩ chiếu trị tượng sự.

Thần thiết duy Thánh nhân chế tác, đương tùy thiên hạ chi thời. Hữu khả vi chi thời, hựu hữu khả vi chi tư, nãi năng lập nhất đại chi chế, dĩ thuỳ bất thế chi công nghiệp. Cố Ngu thư *nhị điển, thánh đế sở dĩ thuỳ phạm,* Chu Lễ *nhất thư, hiển vương sở dĩ lập huấn. Viên cập Đường Tống đại hữu lệnh tích,* Trinh quán chính yếu, *Tam tông dĩ thị thuật thủ.*[a] Thái bình ngự lãm, *Tứ thánh ư sở chuyên quí. Việt ngã bản triều, Thuần*

miếu hữu tác, viễn lãm cổ kim,[b] *châm chước nam sóc, Ngự chế* Thiên Nam dư hạ *nhất trật, vi ngã quốc sơ lệnh điển. Ngụy Mạc tiếm nghịch, kỷ cương phế hoại. Hồng duy liệt tiên thánh vương, bát loạn phản chính, khuông phù vương thất, đỉnh tân bách khánh.*[c] *Chính Hòa Bảo Thái chi gian, trị cụ tất cử. Thần phụng độc* Lịch triều thiện chính *chư thư, cố dĩ đãng nhiên hoán nhiên, qui mô hoằng viễn. Duy đại hữu thuật tác, sự hữu nhân cách, hoạch nhất chi pháp, bất san chi điển, dĩ truyền chi thiên vạn thế, cái nhược hữu sở đãi yên.*

Thần phục kiến, Thánh Vương thân chính dĩ lai, nhất đức nhật tân, ngũ trưng thời nhược. Thánh học siêu hồ thiên cổ, trị công quang ư tiền liệt. Thử chính khả vi chi tư, hựu hữu đại khả vi chi thời. Hưng trệ bổ tệ, chấn tác sự[d] *công, lập lương pháp hành thiện chính. Sử tiền giả bất đắc quá, hậu giả bất khả cập. Thần thiết dĩ vi đương kim*[e] *sở vị "tùy thời" chi nghĩa, mạc tư vi cấp. Thánh nhân lập cực thùy thống, dĩ kiến vô cùng chi cơ, nãi thần tử phấn tấn kích ngang, xu sự phó công chi cơ hội.*

Thần phục tư, bản triều chế độ, kỳ đại cương như: Lễ chế, Nhạc tiết, Luật lịch khảo, Châu vực chí, Phong tục thông, Giáo pháp, Thí pháp, Dân chính, Điền chính, Binh chính, Tài chính, Quan chế, Hình chế; kỳ mục như: Lễ chế chi đại giả, viết Miếu chế triều nghi, Vương gia công đức mậu thịnh, nghi tăng trọng lễ điển. Dữ Chính đán, Diên thọ, Quan thí, Tỉnh phương, Tiên nông, Kỳ đạo, tịnh đương trước thành "thông lễ," vi điều mục tiết chế[g] *chi tường.*

Nhạc chế chi đại giả, viết Đồng văn nhã nhạc, quốc gia tiến hưởng Giao miếu, chính trung nhạc chương, dữ cung cấm triều thị, quan tư khiêm khánh, Hương khúc sự thần, tịnh nghi tài chế trù hàm, nghiêm trung ngoại triệt tạp chi cấm.

Luật lịch khảo dĩ thôi trắc cơ hành. Thánh Vương đại thiên hành hóa, tử dục quần sinh, gia cát hiệp ư cùng thị, đương kê tượng ngoại bố, pháp Nguyệt lệnh nghênh thời chi lễ.

Châu vực chí dĩ khảo nghiệm điền dã. Quốc triều tây thác Lao Bồn, nam tịch Ô Rí, phong cương quảng ư tiền đại, đương thân tứ lân phong thủ, các trấn thống hạt chi nghi.

Phong tục thông như: Tuế nguyệt xã điền hôn thú tang tế, đương nhất dân thị nhi sử bất nhiễu, định dân chí nhi sử bất tranh.

Giáo pháp: Tự Quốc học chí phủ hiệu.

Thí pháp: Tự Hương thí Hội thí Bác cử thí, cập bất thời khảo thí, dữ Thư toán tạp thí, tịnh đương hữu chỉ lệ đề phòng, vi nhất tân chi thức.

Dân chính: Chi hộ số chi đăng hao, tô điệu chi khiếm túc, đương vi sát nghiệm chi pháp.

Điền chính như: Quan điền chi lậu thực, tư điền chi hoang tịch, đồn điền chi đa thiểu, hà đê chi kiên hội, khuyến nông đê chi thực trừ, đương vi sát phỏng chi pháp.

Binh chính như: Nội ngoại binh chi túc thực, bộ thuỷ trận chi năng phủ? Dữ quốc ngoại hiến tượng, các trường thuần tượng, các trấn cập phụng thăng các viên hiến mã, đương vi khảo duyệt chi pháp.

Tài chính như: Quan ải trường mỏ chi chính, tuần độ hiệu thị chi thuế, diêm thiết đồng quế chi khoá, châu thổ sơn lâm bì trì chi phú, hoặc phong hoặc khuy, hữu hư hữu thực. Sở xuất sở nhập, khả tăng khả giảm, đương vi kinh thường chi pháp.

Quan chế tắc văn võ thuộc quan, phiên cơ chức sự, triều đình giai phẩm, Lại bộ thuyên trừ, quan viên nhiêu ấm, nội ngoại khảo khoá, cập nhất thiết quan phương, đương vi bất dịch chi pháp.

Hình pháp như: Khám tụng điều lệ, Quốc triều hình luật, đương tham chước tổn ích, hợp vi nhất thư, vi hằng cửu chi pháp.

Thượng hạng điều mục, thần gia thực học, thô dĩ thập lý loại biên, khảo nghiệm tự Lý Trần chí bản triều sáng nghiệp sơ, lịch đại thi thiết tổn ích, trước vi Chỉ chưởng tập, *dĩ bị khảo vấn. Duy tự Nguyên Hoà dĩ lai, khái thiết*[h] *chính sự, tuy kinh phụng ban bố, hữu khả sao lục. Đãn thần kiến thức thô tiển, bất cảm thiện tự trước thuật. Tư thần tại chế trung, khu khu khuyển mã, tư vô báo xứng. Vi thử xương thuật cuồng sơ, ngưỡng vu phủ giám. Cung khất chuẩn hứa thần hiệu duyệt quan các thư tịch, nghiệp phụng chiếu sở trần các điều mục, điều lý thành thư, Gian hữu phu thiển kiến văn, toại tức biên thứ chi hạ, trước vi Thông luận, lục tục phụng nghênh tiến lãm, hậu phụng thần Khuê định đoạt, vọng tứ tài hối. Vi* Thánh triều hội giám toàn thư, *công chi hải vũ, dĩ chiêu thánh chính. Thần mạo muội trần sự,*[i] *bất thăng hoàng lật chi chí.*

DỊCH NGHĨA:

KHẢI XIN TU SOẠN BỘ HỘI GIÁM TOÀN THƯ

Khải về việc kính mong sửa sang quy chế ngay thẳng, để sáng tỏ

cảnh tượng thịnh trị.

Thần trộm nghĩ, Thánh nhân chế ra lễ, đặt ra nhạc, phải theo thời của thiên hạ. Có thời có thể làm được, lại có địa vị có thể làm được, thế mới lập được pháp chế một đời, mới truyền lại được công nghiệp hiếm có. Cho nên, hai điển[1] ở *Ngu thư,* bậc thánh đế để lại khuôn phép; một bộ *Chu Lễ,* đấng hiển vương lập nền giáo huấn. Rồi tới Đường và Tống, đời nào cũng có lời hay, như bộ *Trinh quán chính yếu,*[2] nói về Tam tông,[3]là bộ sách đứng đầu. Bộ *Thái bình ngự lãm*[4] chuyên về Tứ thánh, là bộ sách quý.[5]Trải đến bản triều, đời Thánh Tông Thuần Hoàng Đế có trước tác, xem rộng cả xưa cùng nay, châm chước cả Nam và Bắc, ngự chế ra một tập *Thiên Nam dư hạ,* là cuốn lệnh điển ban đầu của triều ta. Ngụy Mạc cướp ngôi, kỷ cương đổ nát. Kính nghĩ đấng liệt thánh tiên vương ta dẹp tan hoạ loạn, xoay lại nền chính thống, giúp đỡ nhà vua trăm việc đổi mới. Trong khoảng những năm Chính Hoà (1680 - 1705) Bảo Thái (1720 - 1729) chính sách trị bình đã được đầy đủ. Thần kính đọc các loại sách *Lịch triều thiện chính,* thì thấy rực rỡ, phóng túng, quy mô vừa xa vừa rộng. Đời nào cũng noi theo hoặc đổi mới, sự việc có khi nhân đó mà cách bỏ, vạch ra một phép tắc, nhưng không chọn thành điển chương, để truyền lại đến nghìn muôn đời, có lẽ hình như còn chờ đợi vậy.

Thần cúi thấy, từ khi Thánh Vương thân giữ chính quyền tới nay, đức sáng ngày một thêm mới, năm điều đều ứng thuận thời. Sự học của Thánh Vương hơn hẳn nghìn xưa, công nghiệp trị bình sáng rực tới liệt tổ thủa trước. Đó là điểm chính có thể làm được, lại là thời cơ lớn có thể đại được. Chấn chỉnh những chỗ ngưng trệ, sửa lại những chỗ hư nát, chấn chỉnh hết thảy mọi công việc, lập ra phép hay để thi hành chính sách tốt. Khiến cho trước đây chưa đời nào vượt qua, sau đây không ai sánh kịp. Thần trộm cho là ngày nay, cái nghĩa gọi là "tùy thời," không phải nay mới cần kíp. Thánh nhân đặt ra hiến pháp, truyền lại đầu mối vững bền, xây dựng nền tảng đến vô cùng, chính là một cơ hội để kẻ thần tử phấn khởi cảm kích làm mọi việc để đạt được công trạng.

Thần cúi nghĩ, chế độ của bản triều, về đại cương như: Lễ chế, Nhạc tiết, Luật lịch khảo, Châu vực chí, Phong tục thông, Giáo pháp, Thí pháp, Dân chính, Điền chính, Binh chính, Tài chính, Quan chế, Hình chế; về tiểu mục như: lễ chế lớn gọi là Miếu chế, Triều nghi. Công đức của nhà Chúa tốt đẹp, điển lễ nên tổ chức long trọng. Và các lễ Chính đán, Cầu

thọ, Quan thí (xem thi cử), Tỉnh phương (đi tuần du các nơi), Tiên nông (thần dạy cấy cầy trồng trọt), Kỳ đạo (tế thần cờ quạt) đều phải chép thành "thông lễ" xếp đặt điều mục, tiết chế rõ ràng.

Nhạc chế lớn gọi là Đồng văn nhã nhạc, cũng là nhạc nhà nước tiến hưởng ở đàn Nam giao và tông miếu, là chính trung nhạc chương, cung cấm triều thị, quan Tư khiêm khánh, Hương khúc sự thần, đều phải hạn chế cấp bậc, nghiêm cấm trong ngoài, không được lạm dụng hỗn độn.

Khảo cứu luật lịch để suy xét bộ máy *Toàn cơ ngọc hành.*[6] Bậc thánh vương thay trời ban hành giáo hóa, nuôi dưỡng muôn dân như con, điềm tốt phối hợp với trời đất, nên kê cứu tinh tượng mà ban bố ra ngoài bắt chước cuộc lễ "nghinh thời" (đón thời tiết) ở thiên *Nguyệt lệnh.*[7]

Ghi chép châu vực, để khảo nghiệm các khu vực. Quốc triều ta, về phía tây tới giáp Ai Lao và Bồn Mạn, phía nam mở tới Châu Ô châu Rí, mốc giới rộng hơn đời trước, phải nên thân mật với nước làng giềng, để giữ quyền thống trị của các trấn.

Phong tục phải nhất quán như: Hàng năm ngày tết, ngày chạp, hạ điền, cưới xin, tang tế, nên có một tục lệ duy nhất, khiến cho nhân dân không làm loạn, để dân thoả chí, khiến cho khỏi tranh giành.

Phép dạy học: Từ trường Quốc học đến trường ở phủ đều phải nhất quán.

Phép thi cử: Từ thi Hương, thi Hội, thi Bác cử và khảo thí bất thường, cùng là Thư toán tạp thí, đều nên phải mài giũa đề phòng, làm thành thể thức mới.

Về Dân chính: Sổ đăng ký số hộ, khoản thuế tô, thuế điệu, thiếu đủ, nên làm thành phép tắc, để xem xét kiểm tra.

Về Điền chính, như sổ ruộng Quan điền lậu hay thực, số ruộng tư còn để hoang hay đã khai khẩn, đồn điền nhiều hay ít, đê điều ven sông còn vững hay phải đắp, con đê khuyến nông làm hay thôi, nên đặt ra phép xem xét, dò hỏi.

Về Binh chính, như số lính ở trong kinh hay ngoài các trấn phải đầy đủ, thủy binh, bộ binh, có giỏi đánh trận hay không? Và số voi do nước ngoài đem hiến, voi do các sở huấn luyện, ngựa của các trấn và các viên phụng thăng dâng tiến, nên đặt ra phép khảo duyệt.

Về Tài chính, như thuế các cửa ải, hầm mỏ, thuế bến đò, chợ búa, thuế muối, sắt, đồng, quế, thuế đất bãi nổi, núi rừng, ao đầm, hoặc đủ

hoặc thiếu, hoặc hư hoặc thực. Việc xuất nhập có tăng, có giảm, nên đặt ra phép thu thường xuyên.

Về Quan chế thì, văn vũ thuộc quan, chức sự phiên cơ, cấp bậc phẩm trật triều đình, quyền thuyên chuyển của Bộ Lại, nhiêu ấm con các quan viên, khảo khóa các quan trong kinh ngoài trấn, và hết thảy việc quan, nên đặt ra phép bất di bất dịch.

Về Hình pháp như, điều lệ khám kiện, hình luật của Quốc triều, nên liệu thêm bớt, tập hợp thành một bản, để làm phép lâu dài.

Những điều mục kê ở trên, do lối thực học ở nhà thần, đã tạm sắp xếp biên thành loại, khảo xét từ đời Lý, đời Trần cho đến buổi đầu sáng nghiệp của bản triều, trải qua các triều bầy đặt, thêm bớt, chép làm tập *chỉ chưởng*[8] để khảo xét cho đầy đủ. Riêng từ niên hiệu Nguyên Hoà (1533-1539) về sau, phàm những chính sự đặt ra, đã được ban bố, có thể chép được. Nhưng thần kiến thức thô thiển, nông cạn, không dám tự tiện trước thuật. Nay thần được ở trong ban chế tác, khư khư giữ tình khuyển mã, nghĩ rằng chưa chút báo đáp. Vì thế mạo muội thuật ra những điều sơ lược, cúi mong Thánh thượng soi xét. Kính xin cho thần được xem xét sách vở ở quan các, phụng chiểu theo các điều mục đã trình bầy, mạch lạc xếp đặt thành sách. Trong đó có những chỗ mắt thấy tai nghe còn nông cạn, thì ngay dưới đoạn biên chép đó, chép thêm bài Thông luận, tiếp tục dâng lên Ngự lãm, vậy đợi Thánh Chúa như sao Khuê sáng tỏ định đoạt cho, mong ban lời dạy bảo. Cho tên là bộ *Thánh triều hội giám toàn thư,* công bố khắp bốn bể, để tỏ rõ chính sách của thánh triều. Thần mạo muội điều trần sự việc, thật run sợ khôn xiết.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/12: Thủ xưng 首稱

b. Bản A.117/12: Cổ nhân 古人

c. Bản A.117/12: Độ 度

d. Bản A.117/12: Hữu 有

e. Bản A.117/12: thêm 2 chữ "hành chi"行之

g. Bản A.117/12: Phẩm tiết 品節

h. Bản A.117/12: Thi hành 施行

i. Bản A.117/12: Thêm câu "Lâm đại ẩm thuỷ chiêm vọng quân thiều" 臨袋飲水瞻望鈞韶.

CHÚ THÍCH:

1. Hai điển: Tức Nghiêu điển và Thuấn điển, nói về công trạng hai vua Nghiêu và Thuấn.

2. *Trinh quán chính yếu*: Do Ngô Cạnh đời Đường soạn, cả thảy 10 quyển, ngoài truyện thực lục của vua Thái Tông ra, còn biên chép những lời vua tôi vấn đáp.

3. Tam tông: Chưa hiểu những ai, cứ sử sách cũ thường ca ngợi, Đường thì Thái Tông, Hán thì Văn Đế, Cảnh Đế, dân chúng được no đủ vui vẻ, cho là "đời tiểu khang" ở dưới "đại đồng" một bậc, có lẽ Tam tông là ba đời đó chăng?

4. *Thái bình ngự lãm*: Bộ sách do Lý Phỏng phụng sắc chỉ soạn vào năm Thái Bình Hưng Quốc thứ hai (977) triều Tống Thái Tông. Cả thảy có 1000 cuốn, trong chia làm 55 môn.

5. Tứ thánh: Bốn vị thánh: Vũ, Thang, Văn, Vũ.

6. Toàn cơ ngọc hành: Máy xem thiên văn của vua Thuấn.

7. Nguyệt lệnh, một thiên trong *Kinh Lễ*, ghi chép thời tiết 12 tháng trong một năm.

8. Chỉ chưởng, rõ ràng thuận tiện như trở bàn tay.

13. 奉頒屯田便宜謝啓

啓爲恭伸謝悃事。

本月期，臣奉准頒長安府海田沿海屯便。竊惟，西南海田，號稱沃衍，公儲之羨，足贍升斗。仰奉大德，降自特恩，憫臣孤身，未忍祿之以職，而祿之以事。洪鈞賦物，曲成而不遺，草木昆虫，誠無答於陶鑄者也。

臣在家聞命，感擊踰經，翹瞻楓庭，俯扼芹曝，不勝瞻仰險慄之至。

PHIÊN ÂM:

PHỤNG BAN ĐỒN ĐIỀN TIỆN NGHI TẠ KHẢI

Khải vi cung thân tạ khổn sự.

Bản nguyệt kỳ, thần phụng chuẩn ban Trường Yên phủ hải điền diên hải đồn tiện. Thiết duy, tây nam hải điền, hiệu xứng ốc diễn, công sừ chi tiển, túc thiệm thăng đẩu. Ngưỡng phụng đại đức, giáng tự đặc ân, mẫn thần cô thân, vị nhận lộc chi dĩ chức, nhi lộc chi dĩ sự. Hồng quân phú vật, khúc thành nhi bất di. Thảo mộc côn trùng, thành vô đáp ư đào chú giả dã.

Thần tại gia văn mệnh, cảm kích du kinh, kiều chiêm phong đình,

phủ ách cần bộc, bất thăng chiêm ngưỡng hiểm lật chi chí.

DỊCH NGHĨA:

KHẢI TẠ ƠN
ĐƯỢC BAN CHO TUỲ TIỆN LẬP ĐỒN ĐIỀN

Khải về việc kính cẩn giãi tỏ tấm lòng tạ ơn.

Kỳ tháng này, thần vâng được phê chuẩn ban cho được tự tiện lập đồn điền ven biển thuộc phủ Trường Yên. Trộm nghĩ, ruộng ven biển ở miền tây nam, có tiếng là mầu mỡ, kho chứa thóc của nhà nước được thừa thãi, thì chiếc thưng chiếc đấu cũng được đầy đủ. Ngước nhờ đức lớn, đã đặc biệt ban ơn, vì thương tới tấm thân cô đơn của thần, chưa ban lộc ở chức vị, thì ban lộc ở công việc. Trời phú cho muôn vật, đều lựa uốn cho thành mà không bỏ sót đến cỏ cây, sâu bọ, quả thật không thể đền đáp được cái công đào tạo đó được.

Thần ở nhà nghe được mệnh, cảm động quá mức, nghển trông sân rồng, giãi lòng cần bọc,[1]khôn xiết run sợ ngước trông.

CHÚ THÍCH:

1. Cần bọc: Rau cần, bóng nắng (Xem chú thích số 1 bài: Khải tạ ơn vâng được ban cho kiêm chức Đốc đồng hai xứ Kinh Bắc và Thái Nguyên).

VĂN - CÁO VĂN - TẾ VĂN

Đây là thể văn viết ra để cáo với trời đất, tế các linh hồn, v.v... sau khi cáo tế xong thì đốt (hoá) đi để cho trời đất hoặc các linh hồn ở thế giới bên kia nhận được, cho nên dân gian có câu "Khôn văn tế, dại văn bia." Văn, Văn cáo, Văn tế (cáo văn tế văn) thường viết ngắn gọn thể hiện ước mong của người cáo, tế hoặc thuật lại công trạng người được tế... Đối với Ngô Thì Nhậm, bản thảo những bài văn này đều giữ lại được và được soạn giả tùng thư *Ngô gia văn phái* tập hợp vào hai tập *Kim mã hành dư* và *Hào mân ai lục*. *Kim mã hành dư* ngoài các bài thuộc thể loại khác như kí, bi kí, tựa, phú, nghị, khải ... ra, là các bài văn, cáo văn, tế văn nói chung, còn *Hào mân ai lục* ngoài các bài thuộc loại câu đối, sớ ... cũng là cáo văn, tế văn, nhưng cáo, tế ở đây chỉ dành riêng cho Ngô Thì Sĩ, đó cũng là những lời "kêu trời" (hào mân) của Ngô Thì Nhậm đối với người cha yêu quý của mình ra đi một cách đột ngột tại nhậm sở.

Văn, cáo văn, tế văn ở *Kim mã hành dư* có số bài nhiều, nhưng số trang viết thì ít, vì nội dung mỗi bài cáo, tế thường được viết theo thể biền ngẫu, ngắn, có bài chỉ tám, hoặc mười câu. Cho nên lần này, những bài ngắn, thông tin không có là bao, hoặc một số bài có nội dung gần như nhau... thì chưa dịch thuật, song xin kê lại tên các bài ấy để bạn đọc tiện theo dõi và thấy được tổng thể cũng như quy mô của tác phẩm.

Văn, cáo văn, tế văn của tập *Kim mã hành dư* tập hợp trong các bộ Tùng thư *Ngô gia văn phái* có ký hiệu Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm như sau:

Ngô gia văn phái VHv.1743/18, VHv.1743/21, VHv.1743/26, VHv.1743/27, VHv.16/6, VHv.16/7; A.117/9.

Lần này xin dùng bản có ký hiệu Thư viện VHv.1743/ 18 làm bản nền để so sánh, đối chiếu, khảo dị với các bản khác.

Trong bộ *Ngô gia văn phái VHv.1743/18* có các bài văn cáo văn tế của *Kim mã hành dư* chưa dịch, sau:

Kỳ an cáo thiên địa văn 祈安告天地文 Văn cáo trời đất về việc cầu đảo bình yên. Thể biền ngẫu, 16 câu.

Nghĩ Trác Lĩnh hầu tế thiên địa văn 擬倬嶺侯祭天地文 Nghĩ văn tế trời đất cho Trác Lĩnh hầu. Thể biền ngẫu, chưa rõ Trác Lĩnh hầu là ai.

Đại nghĩ kỳ an nhương tinh văn 代擬祈安禳星文 Nghĩ giúp văn nhương sao kỳ yên. Thể biền ngẫu, không ghi rõ giúp cho ai.

Hựu đại nghĩ kỳ an nhương tinh văn 又代擬祈安禳星文 Lại nghĩ giúp văn nhương sao kỳ yên. Thể biền ngẫu, không ghi rõ giúp cho ai.

Phụng nghĩ Vương Hậu tạ Đổng Thiên Vương văn 奉擬王后謝

王文 Phụng nghĩ văn lễ tạ Đổng Thiên Vương cho bà Vương Hậu. Thể biền ngẫu, 10 câu; chỉ nói bà Vương Hậu họ Lê.

Nghĩ cáo bản xã thổ kỳ văn 擬告本社土祇文 Nghĩ văn cáo vị thổ thần bản xã. Thể biền ngẫu, 10 câu.

Phụng nghĩ Ngọc Trung điện luyện tế văn 奉擬玉中殿練祭文 Phụng nghĩ văn tế ngày giỗ đầu ở điện Ngọc Trung. Thể biền ngẫu, tế ngày giỗ đầu vua Quang Trung.

Phụng nghĩ Hoàng Chánh Hậu tế văn 奉擬皇正后祭文 Phụng nghĩ văn tế Hoàng Chánh Hậu. Văn vần, 10 câu, tế bà vợ cả vua Quang Trung.

Phụng nghĩ Ngự tế Tây chinh tướng sĩ văn 奉擬御祭西征將士文 Phụng nghĩ văn nhà vua tế các tướng sĩ đánh dẹp ở phía Tây. Thể biền ngẫu, chỉ là những lời ca tụng chiến công, không nói rõ trận đánh nào, thời kỳ nào.

Thừa nghĩ tiên thứ mẫu Thuận Nhân quan phụ tế văn 承擬先庶母順人官祔祭文 Vâng nghĩ thay cha bài văn tế mẹ thứ Thuận Nhân. Bà là vợ thứ 2 của Ngô Thì Sĩ.

Tế thúc mẫu văn 祭叔母文 Văn tế bà thúc mẫu (thím). Căn cứ vào nội dung thì, bà là vợ của em trai Ngô Thì Sĩ, nhưng cũng là em gái của mẹ Ngô Thì Nhậm, lẽ ra tác giả phải gọi bằng "dì," nhưng vì lấy chú của tác giả, nên lại gọi là thúc mẫu (thím). Như thế cha và chú, hai anh em lấy hai chị em.

Tế nhạc mẫu văn 祭岳母文 Văn tế mẹ vợ.

Cáo nhạc mẫu mộ văn 告岳母墓文 Văn cáo mộ mẹ vợ.

Tế thân cô văn 祭親姑文 Văn tế cô ruột.

Tế đệ Hy Kiều quân 祭弟希僑君 Tế em là Hy Kiều quân.

Đại điệt tế đệ Học Tốn thị Trung nguyên văn 代侄祭弟學遜氏中元文 Nghĩ giúp văn tế Trung nguyên cho cháu tế em là Học Tốn thị.

Đại điệt nghĩ đại tường tế văn 代侄擬太祥祭文 Văn tế giỗ Đại tường (giỗ năm thứ hai) nghĩ giúp người cháu.

Cải thiên Hoằng phần cáo văn 改扦弘墳告文 Văn cáo cải ngôi mộ Hoằng phần. Thể biền ngẫu, 8 câu. Hoằng phần là mộ Ngô Thì Ức, ông nội tác giả *(Ngô gia thế phả)*.

Tế Kiến phần văn 祭建墳文 Văn tế mộ Kiến phần. Thể biền ngẫu, 14 câu. Kiến phần là mộ Ngô Thì Cấm, tổ 6 đời của tác giả, do mới truy tôn tên mộ Kiến phần.

Cải thiên Hưng phần cáo văn 改扦興墳告文 Văn tế cáo về việc cải táng ngôi Hưng phần. Thể biền ngẫu, 10 câu. Hưng phần là mộ Ngô Thì

Tiết, tổ 10 đời của tác giả.

Truy Viễn đàn tế văn 追遠壇祭文 Văn tế đàn Truy Viễn.

Cáo Tiên Điền từ đường văn 告仙田祠堂文 Văn cáo từ đường ở Tiên Điền. Thể biền ngẫu, 10 câu. Theo văn tế thì tác giả gọi hai cha con Nguyễn Nghiễm và Nguyễn Khản là hai thày.

Nghĩ tế phụ Thành phục văn 擬祭父成服文 Nghĩ văn tế Thành phục cho cha. Khi cha mẹ mất, con cháu may áo để trở, may xong mặc vào tế, gọi là lễ Thành phục.

Vi môn sinh nghĩ vu tế phụ văn 爲門生擬于祭父文 Nghĩ thay cho học trò bài văn con tế cha.

Đại nghĩ tế cáo tạ nhạc phụ văn 代擬婿告謝岳父文 Nghĩ thay văn con rể lễ tạ bố vợ.

Đại nghĩ chúng nhân tế mẫu văn 代擬眾人祭母文 Nghĩ giúp các con tế mẹ.

Đại nghĩ mẫu tang cáo phục văn 代擬母喪告服文 Nghĩ thay bài văn tế cáo phục tang mẹ.

Đại nghĩ cáo sóc vọng văn 代擬告朔望文 Nghĩ thay văn lễ mẹ vào ngày sóc và ngày vọng.

Đại nghĩ sơ Khiển điện văn 代擬初遣奠文 Nghĩ thay văn bắt đầu lễ Khiển điện. Lễ khi bắt đầu đưa quan tài đi.

Đại nghĩ tái Khiển điện văn 代擬再遣奠文 Nghĩ thay văn lễ Khiển điện lần thứ hai.

Đại nghĩ tam Khiển điện văn 代擬三遣奠文 Nghĩ thay văn lễ Khiển điện lần thứ ba.

Đại nghĩ bách nhật tế văn 代擬百日祭文 Nghĩ thay văn tế bách nhật.

Đại nghĩ thành phần tế văn 代擬成墳祭文 Nghĩ thay văn tế thành phần (đắp phần mộ).

Đại nghĩ Tiểu tường tế văn 代擬小祥祭文 Nghĩ thay văn tế Tiểu tường (Giỗ đầu).

Đại Thấn văn 代殯文 Nghĩ thay văn tế Thấn (dừng quan tài lại giữa đường để cúng tế)

Đại nghĩ tế chấp mẫu văn 代擬祭執母文 Nghĩ thay văn tế bà bạn với mẹ.

Đề vũ tướng minh tinh 題武將銘旌 Đề minh tinh của viên tướng võ.

Quốc sử khắc thành thượng tiên thân quan kim tiên 國史刻成上先親官金免 Cho khắc bộ Quốc sử xong, dâng tờ kim tiên lên cụ Tiên khảo ta.

1. 追遠壇論譔文

第一位

伏審：洋演眞源，道海匯一泓之星宿，巍峨峻址，文峰標萬仞之崑崙。

純德無疆；顯仁有慶。

恭惟：肇祖福基府君，祖妣慈慶徽人：

玄元降系；太一儲精。

薄博淵泉，留福蔭於文物詩書之地；輝燮漢宿，寄精神於周流磅礴之間。

永惟奕葉之流光；景仰根源之有自。

明德也遠矣；繼序其皇之。

謹按禮典：先祖爲本族所自出之祖，謹奉爲追遠壇肇祖。法有論譔：德之爲言，恩也福也，有自生而得於天，有躬行而得於心。惟先祖以善起家，闡我族奕世文明之命脈，德莫大焉。謹上墳號曰德墳，式修報本之崇儀，丕迓綏將之景祐。

煒燁華門紳笏，萬代昭如見之孝慈；烹蒿清廟烝嘗，百世毒不遷之功德。

謹奉譔。

第二位

伏審：於穆昭昭，視善難名於恢浩；厥靈濯濯，存神莫狀於高明。

上下同流；曦舒長照。

恭惟：顯十二代祖考美德公，顯祖妣慈樂徽人：

仁心寥廓；直道胥懷。

不息則久久則徵，純德偕貞觀貞明之無極；所助者順順者信，宏休自無聲無臭之用中。

泰喬景仰於高山；豐衍長貽於銳水。

恭按禮典：在祧廟之七，在所自出之廟之二。謹奉爲追遠壇始祖。法有論譔：慶之所基善也。易曰：積善之家，必有餘慶，我族蕃昌盛大，我先祖發之，是之謂克篤其慶。謹上墳號曰慶墳。

虔鋪懿爍；祇表洪徽。

從其朔以明堙，般厲式昭於祭義；準之南而永裕，大亨益衍於斯文。

謹奉譔。

第三位

伏睿：維岳隆神，巍業雙青之棟幹；自天錫嘏，蟬聯萬葉之簪纓。

福澤潤弘；德輝光曄。

恭惟：顯十一代祖考弘毅公，顯祖妣明慧徽人，六材超卓，四德完圓。

出儒門而密勿周盧，陟蘭冤桓圭之顯秩；參將閫而勒渠歐荻，開錦袍香帶之初基。

豐勛炳炳勒崇鴻；盛德昭昭歌赫喧。恭按禮典：在祧廟之六，在所自出之廟之三，謹奉爲追遠壇左昭。法有論譔：茂大繁昌曰盛，吾族宦業顯榮，始盛於此。謹上墳號曰盛墳，尚其鑒臨在邇，相佑孔弘。

綿延萬代孝慈，弗替引流光之澤；赫奕兩階，文武繼登符影照之山。謹奉譔。

第四位

伏審：影山鐘秀，廕百年繼發之科途；流澤申休，裕萬代成崇之慶址。

厥施斯普；不顯其光。

恭惟：顯十代祖考謹節公，顯祖妣德心徽人：金玉清標；琚璜建範。

肇儒策高名於泮水，首自將門，開翰墨之香；昌後徽美蔭於燕山，先報次枝唱靴袍之貴。

積善難名於世德；將誠聊寓於時思。

恭按禮典：在祧廟之五，在所自出之廟之四。謹奉爲追遠壇右穆。法有論禩：奮發作起曰興，吾家書澤實起於此。謹上墳號曰興墳，尚其赫濯如臨；烝嘗不散。

豐祀永歆於此土，默垂相佑之仁；繁禧保定於彼天，長衍詩書之澤。謹奉禩。

第五位

伏審：地靈毓秀，芳芬開翰墨之先；傳家流光，烏奕廕簪紳之厚址。

不顯惟德；克升其明。

恭惟：顯九代祖考福源公，顯祖妣純一徽人，顯繼祖妣慈態徽人。

履坦風標；恒貞性格。

委吏乘田卑自牧，冰壺分韋緩之清；家人內則敬無違，金縷協瑟琴之雅。

光耀引冠紳於永世；徽華留琬琰於長天。恭按禮典：在祧廟之

四，在所自出之廟之五。謹奉爲追遠壇，左昭少祖。法有論譔：光顯善美曰昌，吾家書澤繼昌於此。謹上墳號曰昌墳。

虔伸報本之誠；永迓開成之慶。

善源衍派，綿綿瓜瓞滋培，書澤流香，郁郁桂蘭秀發。

謹奉譔。

第六位

伏審：德林地古，百年儲美之初基；福澤天昌，萬代申休之景命。

克開厥後；有燁其光。

恭惟：顯九代世少祖考福全公，少祖妣慈在徽人。易上幽人；詩中吉士。

善之積自初將軍繼鄉解，八十年承至德之輝；慶所鐘爲三進士兩尚書，四五代食美施之報。

錫類方濃於茂蔭；敬宗載侈於崇儀。恭按禮典：繼別爲宗。謹奉爲小宗，不遷之祖，配追遠壇右穆，尚其假廟洋洋；降祥簡簡。

水菜尋常薦潔，如在孚明信之心；本支次第聯榮，有秩保崇成之祐。謹奉譔。

第七位

伏審：穹崇德表，廠居仁由義之初基；博碩道根，垂裕後光前之遠蔭。

可宗可慕；彌光彌芳。

恭惟：顯八代祖考忠俊公，顯祖妣慈良徽人：

仁厚門風；莊閑壺行。

表廉規於琴鶴，瓊水揚水玉之清；彰美業於衿笄，彤管勒琚璜之懿。

將大長申於景僕；必先數貴於弘麻。

恭按禮典：在祧廟之三，在所自出之廟之六。謹奉爲追遠壇，從祀之祖。法有論譔：寧可得一之效也。先祖純德淑行，無貳其心，是用子孫保之，以篤于先祐。詩大雅曰：懷德維寧，亶世德之似。謹上墳號曰寧墳。

闡播崇徽；鋪揚懿爍。

靈爽洋洋濯濯，陟降歆明德之香；休嘉簡簡穰穰，亨通壽斯文之脈。謹奉譔。

第八位

伏審：氣稟地靈，明媚會星峰之秀；麻申天錫，悠長流書種之芳。

建閫礪硍；崇禧琬琰。

恭惟：顯七代祖考直誠公，顯祖妣慈莊徽人：

溫和意致；婉雅容儀。

參善化於邑司，棲鷺播名賢之譽；表良規於壺助，弋鴻裹吉士之勤。

述承重貴於先傳；崇報長流於景慕。

恭按禮典，在祧廟之二，在所自出之廟之七。謹奉爲追遠壇，從祀之祖。法有論譔：明著光耀曰顯，長支世儒之澤，繼顯於此。謹上墳號曰顯墳。

親賢有感；明信可羞。

缶盈顯若有孚，顯廟格藻蘋之饗；蔭遠引之弗替，華門留紳笏之輝。謹奉譔。

第九位

伏審：斯文命脈，萬春傳翰墨之香；至道源流，百世裕冠紳之澤。

引之弗替；久而愈徽。

恭惟：顯六代祖考福延公，顯祖妣慈光徽人：

孝敬克家；溫莊宜室。

禮樂詩書敦素業，恬淡怡抱道之精神；言容工行播芳徽，幽閑卓居之規範。

溯前源而濬發；垂後業而長青。

恭按禮典：在祧廟之二，在所自出之廟之八。謹奉爲追遠壇，從祀之祖。有法有論譔：建樹立之謂。語曰：如有所立卓爾。先祖以道自樂，不願乎外。故能建明家學，建立家門，崇表當從建，謹上墳號曰建墳。

尚其：降監在茲；克昌厥後。

童冠詠歸之餘韻，雲仍長仰於道眞；儒賢繼出之名家，雨露永霑於國渥。謹奉譔。

第十位

伏審：群峰影照，繼科之族望彌欽；萬派同流，濟美之門風正盛。

昂昂令聞；簡簡繁禧。

恭惟：進士尚書暉郡公：

弓冶眞傳；經綸建抱。

登蕊榜而入翰出使，人推錦繡之文章；歷笋班而拜相封公，世羨礌碌之事業。

燕及可稱美慶；鴻稱式耀徽音。

恭按禮典：殽于祖廟之謂仁義。仁義者合敬同愛。謹奉爲追遠壇從左昭。尚 其降假有孚，垂休無斁。

爲奕書簪禮珥，百年之科官相承；蕊芬雅迴風蘋，萬代之烝嘗弗替。謹奉饌。

第十一位

伏審：斗奎耀彩，煌煌文獻之郊；科祿流輝，燦燦儒書之譜。

克迪有祿；云胡不思。

恭惟：進士尚書芳郡公：

龍虎英標；鳳麟瑞邑。

挺特中流砥柱，舒槩解錯之才猷；雍容朝著羽儀，搢笏垂紳之風度。

卓爾達尊之後望；煥然垂裕之洪庥。

恭按禮典：大學曰：君子賢其賢而親其親，謹奉爲追遠壇從右穆。

式表崇徽；用彰懿美。

衍眞源於萬派，長霑泗水之波；連俊第於一門，永照巖山之影。

謹奉饌。

第十二位。

伏審：地出名流，鐘祿水權星之秀；天申景貺，郁禮門書户之香。

式至今休；永懷先範。

恭惟：顯五代祖考通達公，顯祖妣淑悌徽人，顯次祖妣慈儀徽人：

圭璋令聞；珩璜芳儀。

迪官常而輦下有聲，五等爵聯於朝士；端中則而壺中無間，二爻位正於家人。

冠裳永裕繁禧；琬琰丕昭盛德。

恭按禮典：親在第四廟。謹奉爲追遠壇從祀。法有論譔，享發盛大曰豐，高祖而後，吾家科官日盛日大。謹上墳號曰豐墳。

尚其：鑒臨如在；相佑孔弘。

居歆妥侑之馨肥，烝萬萬古；陟降崇成之慶址，胙螽千秋。

謹奉譔。

第十三位

伏審：崧岳儲精，間世出雄文之傑；銳江引派，異代流厚德之光。

亦孔之嘉；於乎不顯。

恭惟，進士翰林明睿公：

奧參理藪；美擅詞林。

簪花瓊苑破天荒，爲我族科途之始唱；視草鸞坡紆主眷，實吾儒遭際之奇緣。

騷壇有烜於徽音；祫遠式昭於曠典。

恭按禮典：有功則祀之。謹奉爲追遠壇從右穆。

尚其：爽靈不散；鑒格有孚。

藻蘋於此居歆，迪後廣祖宗之澤；瓜蓏嗣今益盛，濟美連相將之科。謹奉譔。

第十四位

伏審：銳水長流，地出儒書之閥；奎星彩燦，天昌文獻之家。

明德惟馨，宏休滋貴。

恭惟：顯曾祖考丹岳公，顯曾祖妣慈端徽人：

歲寒雅度；月皓明姿。

兼三尊而樂育人才，八十壽普薰淘涵之澤；具四德而茂襄壺政，千百年資培壅之仁。

蕃昌衍慶於雲仍；盛美 流輝於琬琰。

恭按禮典：親在第三廟。謹奉爲追遠壇從祀。法有論譔：茂豐盛也。本支自先祖謹節公之後，曾祖再嗣儒業，於是以文章世 家，科名之盛，寵祿之豐，非茂乎？謹上壙號曰茂壙。

尚其：升香攸格；降福孔皆。

俾曾孫篤之，孝祀有林於百禮；似先公酋矣，昭融畢集於千祥。

謹奉譔。

第十五位

伏審：山奇水秀，地鍾豪傑之生；葉茂花芳，天裕孝慈之蔭。

克篤其慶；斯普厥施。

恭惟：顯祖考雪齋公，顯祖妣節懿徽人：

卓越人豪；端純女士。

師文陣而逍遙自得，庭蔭留茂於綠槐；相儒門而婉娩無違，壺範郁餘香於彤史。

懿爍久孚於則象；芳徽永勒於崇鴻。恭按禮典：在第二廟。謹奉爲追遠壇。從祀法有論譔：弘之爲言大也。志有之潤弘者其光曄。先祖考妣，積行累功，而壽齒於顏回，節苦於共姜，天固留有不盡之福，以大其所受， 不亦弘乎？謹上壙號曰弘壙。

尚其：陟降在茲；栽培厥後。

契精神於萃假，孔時之俎豆如新；昌胤胄於泰亨，累葉之簪紳增郁。謹奉譔。

第十六位

伏審：望峻泰山，光芳示後生之矩範；謀深豐水，發達符先見之禎祥。

福址穰穰；德音秩秩。

恭惟：顯考世祿公，顯妣貞慈正夫人：

天才曠卓；地德含弘。

顯科魁而位極侯王，二青峒與並傳德業文章之懿；勒締造而慶貽子姓，百彤管不勝述容工言行之徽。

長流仁澤於無窮；渙發孝思於不匱。

恭按禮典：親在第一廟，先親位極人神，名冠四海。

望存朝郡；德留子孫。

與吾族前輩諸公，同爲光前耀後。謹奉爲追遠壇，從祀右穆。法有論譔：仁者人之安宅，而天之尊爵，非全體不息者，不足以當之。參稽經傳曰：君子體人足以長人。又曰仁者必有後。先公先夫人，積善之慶，如其仁！如其仁！謹上墳號曰仁墳。

尚其錫之慶嘏；顧此烝嘗。

仰彌高鑽彌堅，即科官爲功德不遷之廟；續愈長熾愈烈，有譽望於文明大著之朝。

謹奉譔。

PHIÊN ÂM:

TRUY VIỄN ĐÀN LUẬN SOẠN VĂN

ĐỆ NHẤT VỊ

Phục thẩm: Dương diễn chân nguyên, đạo hải hối nhất hoằng chi

tinh tú, nguy nga tuấn chỉ, văn phong tiêu vạn nhận chi Côn Lôn.

Thuần đức vô cương; hiển nhân hữu khánh.

Cung duy: Triệu tổ Phúc Cơ phủ quân, tổ tỉ Từ Khánh huy nhân:

Huyền nguyên giáng hệ; thái nhất sừ tinh.

Bạc bác uyên tuyền, lưu phúc ấm ư văn vật thi thư chi địa; huy oanh Hán túc, ký tinh thần ư chu lưu bàng bạc chi gian.

Vĩnh duy dịch diệp chi lưu quang; cảnh ngưỡng căn nguyên chi hữu tự.

Minh đức dã viễn hĩ; kế tự kì hoàng chi.

Cẩn án lễ điển: Tiên tổ vi bản tộc sở tự xuất chi tổ, cẩn phụng vi Truy Viễn đàn Triệu tổ. Pháp hữu luân soạn: Đức chi vi ngôn, ân dã phúc dã, hữu tự sinh nhi đắc ư thiên, hữu cung hành nhi đắc ư tâm. Duy tiên tổ dĩ thiện khởi gia, xiển ngã tộc dịch thế văn minh chi mệnh mạch, đức mạc đại yên. Cẩn thướng phần hiệu viết Đức phần, thức tu báo bản chi sùng nghi, phi nhạ tuy tương chi cảnh hựu.

Vĩ việp hoa môn thân hốt, vạn đại chiêu như kiến chi hiếu từ; huân cao thanh miếu chưng thường, bách thế thọ bất thiên chi công đức.

Cẩn phụng soạn.

ĐỆ NHỊ VỊ

Phục thẩm: Ư mục chiêu chiêu, thị thiện nan danh ư khôi hạo; quyết linh trạc trạc, tồn thần mạc trạng ư cao minh.

Thượng hạ đồng lưu; hi thư trường chiếu.

Cung duy: Hiển thập nhị đại tổ khảo Mỹ Đức công, Hiển tổ tỉ Từ Lạc huy nhân:

Nhân tâm liêu quách; trực đạo tư hoài.

Bất tức tắc cửu cửu tắc trưng, thuần đức giai trinh quán trinh minh chi vô cực; sở trợ giả thuận thuận giả tín, hoằng hưu tự vô thanh vô xú chi dụng trung.

Thái Kiều cảnh ngưỡng ư cao sơn; Phong Diễn trường di ư Nhuệ thuỷ.

Cung án lễ điển: Tại Diêu miếu chi thất, tại sở tự xuất chi miếu chi nhị. Cẩn phụng vi Truy Viễn đàn thủy tổ. Pháp hữu luận soạn: Khánh chi

sở cơ thiện dã. Dịch viết: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh,"ngã tộc phồn xương thịnh đại, ngã tiên tổ phát chi, thị chi vị khắc đốc kì khánh. Cẩn thướng phần hiệu viết Khánh phần .*

Kiền phô ý thước; chỉ biểu hồng huy.

Tòng kỳ sóc dĩ minh yên, ân tiến thức chiêu ư tế nghĩa; chuẩn chi nam nhi vĩnh dụ, đại hanh ích diễn ư tư văn.

Cẩn phụng soạn.

ĐỆ TAM VỊ

Phục thẩm: Duy nhạc giáng thần, nguy nghiệp song thanh chi đống cán; tự thiên tích hỗ, thiền liên vạn diệp chi trâm anh.

Phúc trạch nhuận hoằng; đức huy quang việp.

Cung duy: Hiển thập nhất đại tổ khảo Hoằng Nghị công, Hiển tổ tỉ Minh Tuệ huy nhân, lục tài siêu trác, tứ đức hoàn viên.

Xuất nho môn nhi mật vật Chu lư, trắc miết oan hoàn khuê chi hiển trật; tham tướng khổn nhi lặc cừ Âu địch, khai cẩm bào hương đái chi sơ cơ.

Phong huân bính bính lặc sùng hồng; thịnh đức chiêu chiêu ca hách huyến. Cung án lễ điển: Tại Diêu miếu chi lục, tại Sở tự xuất chi miếu chi tam. Cẩn phụng vi Truy Viễn đàn tả chiêu. Pháp hữu luân soạn: "Mậu đại phồn xương viết thịnh," ngô tộc hoạn nghiệp hiển vinh, thuỷ thịnh ư thử. Cẩn thướng phần hiệu viết "Thịnh phần," thượng kì giám lâm tại nhĩ, tương hựu khổng hoằng.

Miên diên vạn đại hiếu từ, phất thế dẫn lưu quang chi trạch; hách dịch lưỡng giai, văn võ kế đăng phù ảnh chiếu chi sơn.

Cẩn phụng soạn.

ĐỆ TỨ VỊ

Phục thẩm: Ảnh sơn chung tú, xưởng bách niên kế phát chi khoa đồ; lưu trạch thân hưu, dụ vạn đại thành sùng chi khánh chỉ.

Quyết thi tư phổ; bất hiển kì quang.

Cung duy: Hiển thập đại tổ khảo Cẩn Tiết công, Hiển tổ tỉ Đức Tâm huy nhân:

Kim ngọc thanh tiêu; cư hoàng vĩ phạm.

Triệu nho sách cao danh ư Phán Thủy, thủ tự tướng môn, khai hàn mặc chi hương; xương hậu trưng mỹ ấm ư Yên Sơn, tiên báo thứ chi xương hóa bào chi quí .

Tích thiện nan danh ư thế đức; tướng thành liêu ngụ ư thời tư.

Cung án lễ điển: Tại Diêu miếu chi ngũ, tại Sở tự xuất chi miếu chi tứ. Cẩn phụng vi Truy Viễn đàn hữu mục, pháp hữu luận soạn: Phấn phát tác khởi viết "hưng," ngô gia thư trạch thực khởi ư thử. Cẩn thướng phần hiệu viết "Hưng phần," thượng kỳ hách trạc như lâm; huân cao bất tán.

Phong tự vịnh hâm ư thử thổ, mặc thùy tương hựu chi nhân; phồn hi bảo định ư bỉ thiên, trường diễn thi thư chi trạch.

Cẩn phụng soạn.

ĐỆ NGŨ VỊ

Phục thẩm: Địa linh dục tú, phương phân khai hàn mặc chi tiên; truyền gia lưu quang, tả dịch xưởng trâm thân chi hậu chỉ.

Bất hiển duy đức; khắc thăng kỳ minh.

Cung duy:

Hiển cửu đại tổ khảo Phúc Nguyên công, Hiển tổ tỉ Thuần Nhất huy nhân, Hiển kế tổ tỉ Từ Thái huy nhân.

Lý thản phong tiêu; hằng trinh tính cách.

Uỷ lại thừa điền tỷ tự mục, băng hồ phân chương hoãn chi thanh; Gia nhân Nội tắc kính vô vi, kim lũ hiệp sắt cầm chi nhã.

Quang diệu dẫn quan thân ư vĩnh thế; huy hoa lưu uyển diễm ư trường thiên.

Cung án lễ điển: Tại Diêu miếu chi tứ, tại Sở tự xuất chi miếu chi ngũ. Cẩn phụng vi Truy Viễn đàn, tả chiêu Thiếu tổ. Pháp hữu luận soạn: Quang hiển thiện mỹ viết "xương," ngô gia thư trạch kế xương ư thử. Cẩn thướng phần hiệu viết "Xương phần."

Kiển thân báo bản chi thành; vĩnh nhạ khai thành chi khánh.

Thiện nguyên diễn phái, miên miên qua điệt tư bồi; thư trạch lưu

hương, úc úc quế lan tú phát.

Cẩn phụng soạn.

ĐỆ LỤC VỊ

Phục thẩm: Đức Lâm địa cổ, bách niên sừ mỹ chi sơ cơ; phúc trạch thiên xương, vạn đại thân hưu chi cảnh mệnh.

Khắc khai quyết hậu; hữu việp kỳ quang.

Cung duy: Hiển cửu đại thế Thiếu tổ khảo Phúc Toàn công, Thiếu tổ tỉ Từ Tại huy nhân:

Dịch thượng u nhân; Thi trung cát sĩ.

Thiện chi tích tự sơ Tướng quân kế Hương giải, bát thập niên thừa chí đức chi huy; khánh sở chung vi tam Tiến sĩ lưỡng Thượng thư, tứ ngũ đại thực mỹ thi chi báo.

Tích loại phương nồng ư mậu ấm; kính tông tải xỉ ư sùng nghi.

Cung án lễ điển: "Kế biệt vi tông," cẩn phụng vi tiểu tông, bất thiên chi tổ, phối Truy Viễn đàn hữu mục, thượng kỳ giả miếu dương dương; giáng tường giản giản.

Thuỷ thái tầm thường tiến khiết, như tại phu minh tín chi tâm; bản chi thứ đệ liên vinh, hữu trật bảo sùng thành chi hựu.

Cẩn phụng soạn.

ĐỆ THẤT VỊ

Phục thẩm: Cùng sùng đức biểu, xưởng cư nhân do nghĩa chi sơ cơ; bác thạc đạo căn, thùy dụ hâu quang tiền chi viễn ấm.

Khả tôn khả mộ; di quang di phương.

Cung duy: Hiển bát đại tổ khảo Trung Tuấn công, Hiển tổ tỉ Từ Lương huy nhân:

Nhân hậu môn phong; trang nhàn hồ hạnh.

Biểu liêm quy ư cầm hạc, quỳnh thủy dương thủy ngọc chi thanh; chướng mỹ nghiệp ư khâm trâm, đan quản lặc cư hoàng chi ý.

Tương đại trường thân ư cảnh bộc; tất tiên phu bí ư hoằng hưu.

Cung án lễ điển: Tại Diêu miếu chi tam, tại Sở tự xuất chi miếu chi lục. Cẩn phụng vi Truy Viễn đàn, tòng tự chi tổ. Pháp hữu luận soạn:

□*Ninh*□ *khả đắc nhất chi hiệu dã. Tiên tổ Thuần Đức thục hạnh, vô nhị kỳ tâm thị dụng tử tôn bảo chi, dĩ đốc vu tiên hựu. Thi* Đại nhã *viết: "Hoài đức duy ninh," đàn thế đức chi tự. Cẩn thướng phần hiệu viết "Ninh phần."*

Xiển bá sùng huy; phô dương ý thước.

Linh sảng dương dương trạc trạc, trắc giáng hâm minh đức chi hương; hựu gia giản giản nhương nhương, hanh thông thọ tư văn chi mạch .

Cẩn phụng soạn.

ĐỆ BÁT VỊ

Phục thẩm: Khí bẩm địa linh, minh my hội tinh phong chi tú; hựu thân thiên tích, du trường lưu thư chủng chi phương.

Vĩ phiệt lỗi lương; sùng hi uyển diệm.

Cung duy: Hiển thất đại tổ khảo Trực Thành công, Hiển tổ tỉ Từ Trang huy nhân:

Ôn hoà ý trí, uyển nhã dung nghi.

Tham thiện hóa ư ấp ti, thê loan bá danh hiền chi dự; biểu lương quy ư hồ trợ, dặc hồng tương cát sĩ chi cần.

Thuật thừa trọng bí ư tiên truyền; sùng báo trường lưu ư cảnh mộ.

Cung án lễ điển: Tại Diêu miếu chi nhị, tại Sở tự xuất chi miếu chi thất. Cẩn phụng vi Truy Viễn đàn, tòng tự chi tổ. Pháp hữu luận soạn: Minh trước quang diệu viết "hiển," trưởng chi thế nho chi trạch, kế hiển ư thử. Cẩn thướng phần hiệu viết "Hiển phần."

Thân hiền hữu cảm; minh tín khả tu.

Phẫu doanh ngung nhược hữu phu, Hiển miếu cách tảo tần chi hưởng ấm; viễn dẫn chi phất thế, hoa môn lưu thân hốt chi huy.

Cẩn phụng soạn.

ĐỆ CỬU VỊ

Phục thẩm: Tư văn mệnh mạch, vạn xuân truyền hàn mặc chi hương; chí đạo nguyên lưu, bách thế dụ quan thân chi trạch.

Dẫn chi phất thế; cửu nhi dũ trưng.

Cung duy: Hiển lục đại tổ khảo Phúc Diên công, Hiển tổ tỉ Từ Quang huy nhân:

Hiếu kính khắc gia; ôn trang nghi thất.

Lễ nhạc thi thư đôn tố nghiệp, điềm đạm di bão đạo chi tinh thần; ngôn dung công hạnh bá phương huy, u nhàn trác cư chi quy phạm.

Tố tiền nguyên nhi tuấn phát; thùy hậu nghiệp nhi trường thanh.

Cung án lễ điển: Tại Diêu miếu chi nhị, tại Sở tự xuất chi miếu chi bát. Cẩn phụng vi Truy Viễn đàn, tòng tự chi tổ. Hữu pháp hữu luận soạn: Kiến thụ lập chi vị. Ngữ viết: "Như hữu sở lập trác nhĩ." Tiên tổ dĩ đạo tự lạc, bất nguyên hồ ngoại. Cố năng kiến minh gia học, kiến lập gia môn, sùng biểu đương tòng "kiến," cẩn thướng phần hiệu viết "Kiến phần."

Thượng kì: Giáng giám tại tư; khắc xương quyết hậu.

Đồng quan vịnh quy chi dư vận, vân nhưng trường ngưỡng ư đạo chân; nho hiền kế xuất chi danh gia, vũ lộ vĩnh triêm ư quốc ốc.

Cẩn phụng soạn.

ĐỆ THẬP VỊ

Phụng thẩm: Quần phong ảnh chiếu, kế khoa chi tộc vọng di hâm; vạn phái đồng lưu, tế mĩ chi môn phong chính thịnh.

Ngang ngang lệnh văn; giản giản phồn hy.

Cung duy: Tiến sĩ Thượng thư Huy quận công:

Cung dã chân truyền; kinh luân vĩ bão.

Đăng nhị bảng nhi nhập hàn xuất sử, nhân thôi cẩm tú chi văn chương; lịch duẩn ban nhi bái tướng phong công, thế tiện lỗi lương chi sự nghiệp.

Yến cập khả xưng mỹ khánh; hồng xưng thức diệu huy âm.

Cung án lễ điển: Hào vu tổ miếu chi vị nhân nghĩa. Nhân nghĩa giả "hợp kính đồng ái." Cẩn phụng vi Truy Viễn đàn tòng tả chiêu. Thượng kì giáng hạ hữu phu, thùy hưu vô dịch.

Tả dịch thư trâm lễ nhĩ, bách niên chi khoa hoạn tương thừa; bật phân Nhã Quỳnh phong Tần, vạn đại chi chương thường phất thế.

Cẩn phụng soạn.

ĐỆ THẬP NHẤT VỊ

Phục thẩm: Đẩu Khuê diệu thái, hoàng hoàng văn hiến chi giao;

khoa lộc lưu huy, xán xán nho thư chi phổ.

Khắc địch hữu lộc; vân hồ bất tư.

Cung duy: Tiến sĩ Thượng thư Phương quận công:

Long hổ anh tiêu; phượng lân thụy ấp.

Đĩnh đặc trung lưu chỉ trụ, thư bàn giải thố chi tài du; ung dung triều trước vũ nghi, tấn hốt tuỳ thân chi phong độ.

Trác nhĩ đạt tôn chi hậu vọng; hoán nhiên thuỳ dụ chi hồng hưu.

Cung án lễ điển: Đại học *viết: Quân tử hiền kì hiền nhi thân kì thân, cẩn phụng vi Truy Viễn đàn tòng hữu mục.*

Thức biểu sùng huy; dụng chương ý mỹ.

Diễn chân nguyên ư vạn phái, trường triêm Tứ thuỷ chi ba; liên tuấn đệ ư nhất môn, vĩnh chiếu Huỳnh Sơn chi ảnh.

Cẩn phụng soạn.

ĐỆ THẬP NHỊ VỊ

Phục thẩm: Địa xuất danh lưu, chung Lộc thuỷ Quyền tinh chi tú; thiên thân cảnh huống, úc Lễ môn Thư hộ chi hương.

Thức chí kim hưu; vĩnh hoài tiên phạm.

Cung duy: Hiển ngũ đại tổ khảo Thông Đạt công, Hiển tổ tỉ Thục Để huy nhân, Hiển thứ tổ tỉ Từ Nghi huy nhân:

Khuê chương lệnh văn; hành vũ phương nghi.

Địch quan thường nhi liễn hạ hữu thanh, ngũ đẳng tước liên ư Triều sĩ; đoan trung tắc nhi hồ trung vô gián, nhị hào vị chính ư gia nhân.

Quan thường vĩnh dụ phồn hy; uyển đạm phi chiêu thịnh đức.

Cung án lễ điển: Thân tại đệ tứ miếu, cẩn phụng vi Truy Viễn đàn tòng tự. Pháp hữu luận soạn: Hanh phát thịnh đại viết "Phong," cao tổ nhi hậu, ngô gia khoa hoạn nhật thịnh nhật đại. Cẩn thướng phần hiệu viết Phong phần.

Thượng kỳ: Giám lâm như tại; tương hựu khổng hoằng.

Cư hâm thỏa hựu chi hinh phì, huân cao vạn cổ; trắc giáng sùng thành chi khánh chỉ, hất hưởng thiên thu.

Cẩn phụng soạn.

ĐỆ THẬP TAM VỊ

Phục thẩm: Tùng nhạc sừ tinh, gian thế xuất hùng văn chi kiệt; Nhuệ giang dẫn phái, dị đại lưu hậu đức chi quang.

Diệc khổng chi gia; ư hồ bất hiển.

Cung duy: Tiến sĩ Hàn lâm Minh Duệ công:

Áo tham lý sổ; mỹ thiện tư lâm.

Trâm hoa quỳnh uyển phá thiên hoang, vi ngã tộc khoa đồ chi thuỷ xướng; thị thảo Loan pha vu chủ quyến, thực ngô nho tào tế chi kỳ duyên.

Tao đàn hữu huyễn ư huy âm; hiệp dị thức chiêu ư khoáng điển.

Cung án lễ điển: Hữu công tắc tự chi, cẩn phụng vi Truy Viễn đàn tòng hữu mục.

Thượng kì: Sảng linh bất tán; giám cách hữu phu.

Tảo tần ư thử cư hâm, địch hậu quảng tổ tông chi trạch; qua cát tự kim ích thịnh, tề mỹ liên tướng tướng chi khoa.

Cẩn phụng soạn.

ĐỆ THẬP TỨ VỊ

Phục thẩm: Nhuệ thủy trường lưu, địa xuất nho thư chi phiệt; Khuê tinh thái xán, thiên xương văn hiến chi gia.

Minh đức duy hinh, hoành hưu tư bí.

Cung duy: Hiển tằn tổ khảo Đan Nhạc công, Hiển tằng tổ tỉ Từ Đoan huy nhân:

Tuế hàn nhã độ; nguyệt hạo minh tư.

Kiêm tam tôn nhi nhạc dục nhân tài, bát thập thọ phổ huân hung hàm chi trạch; cụ tứ đức nhi mậu tương hồ chính, thiên bách niên tư bồi ủng chi nhân.

Phồn xương diễn khánh ư vân nhưng; thịnh mỹ lưu huy ư uyển diễm.

Cung án lễ điển: Thân tại đệ tam miếu, cẩn phụng vi Truy Viễn đàn tòng tự. Pháp hữu luận soạn: Mậu phong thịnh dã. Bản chi tự Tiên tổ

Cẩn Tiết công chi hậu, Tằng tổ tái tự nho nghiệp, ư thị dĩ văn chương thế gia, khoa danh chi thịnh, sủng lộc chi phong, phi mậu hồ? Cẩn thướng phần hiệu viết "Mậu phần."

Thượng kì: Thăng hương du cách; giáng phúc khổng giai.

Tỷ tằng tôn đốc chi, hiếu tự hữu lâm ư bách lễ; tự tiên công tù hĩ, chiêu dung tất tập ư thiên tường.

Cẩn phụng soạn.

ĐỆ THẬP NGŨ VỊ

Phục thẩm: Sơn kỳ thủy tú, địa chung hào kiệt chi sinh; diệp mậu hoa phương, thiên dụ hiếu từ chi ấm.

Khắc đốc kỳ khánh; tư phổ quyết thi.

Cung duy: Hiển tổ khảo Tuyết Trai công, Hiển tổ tỷ Tiết Ý huy nhân:

Trác việt nhân hào; đoan thuần nữ sĩ.

Sư văn trận nhi tiêu dao tự đắc, đình ấm lưu mậu ư lục hoè; tương nho môn nhi uyển miễn vô vi, hồ phạm úc dư hương ư đồng sử.

Ý thước cửu phu ư tắc tượng; phương huy vĩnh lặc ư sùng hồng.

Cung án lễ điển: Tại đệ nhị miếu. Cẩn phụng vi Truy Viễn đàn tòng tự. Pháp hữu luân soạn: "Hoằng" chi vi ngôn đại dã. Chí hữu chi nhuận hoằng giả kỳ quang việp. Tiên tổ khảo tỷ, tích hạnh lũy công, nhi thọ sắc ư Nhan Hồi, tiết khổ ư Cung Khương, thiên cố lưu hữu bất tận chi phúc, dĩ đại kỳ sở thụ, bất diệc hoằng hồ? Cẩn thướng phần hiệu viết "Hoằng phần."

Thượng kỳ: Trắc giáng tại tư; tài bồi quyết hậu.

Khiết tinh thần ư tụy hạ, khổng thời chi trở đậu như tân; xương dận trụ ư thái hanh, lũy diệp chi trâm thân tăng úc.

Cẩn phụng soạn.

ĐỆ THẬP LỤC VỊ

Phục thẩm: Vọng tuấn Thái sơn, tiên phương thị hậu sinh chi củ phạm; mưu thâm Phong thủy, phát đạt phù tiên kiến chi trinh tường.

Phúc chỉ nhương nhương; đức âm trật trật.

Cung duy: Hiển khảo Thế Lộc công, Hiển tỉ Trinh Từ chính phu nhân:

Thiên tài khoáng trác; địa đức hàm hoằng.

Hiển khoa khôi nhi vị cực hầu vương, Nhị Thanh động dữ tịnh truyền đức nghiệp văn chương chi ý; lặc đề tạo nhi khánh di tử tính, bách đồng quản bất thắng thuật dung công ngôn hạnh chi huy.

Trường lưu nhân trạch ư vô cùng; hoán phát hiếu tư ư bất quỹ.

Cung án lễ điển: Thân tại đệ nhất miếu, tiên thân vị cực nhân thần, danh quán tứ hải.

Vọng tồn triều quận ; đức lưu tử tôn.

Dữ ngô tộc tiền bối chư công, đồng vi quang tiền diệu hậu. Cẩn phụng vi Truy Viễn đàn, tòng tự hữu mục. Pháp hữu luận soạn: Nhận giả nhân chi an trạch, nhi thiên chi tôn tước, phi toàn thể bất tức giả, bất túc dĩ đương chi. Tham kê Kinh truyện viết: "Quân tử thể nhân, túc dĩ trưởng nhân." Hựu viết: "Nhân giả tất hữu hậu." Tiên công Tiên phu nhân, tích thiện chi khánh, như kỳ nhân! Như kì nhân! Cẩn thướng phần hiệu viết "Nhân phần."

Thượng kỳ: Tích chi khánh hỗ; cố thử chưng thường.

Ngưỡng di cao toản di kiên, tức khoa hoạn vi công đức bất thiên chi miếu; tục dũ trường xí dũ liệt, hữu dự vọng ư văn minh đại trước chi triều. Cẩn phụng soạn.

DỊCH NGHĨA:

BÀI LUẬN VỀ ĐÀN TRUY VIỄN

VỊ THỨ NHẤT

Cũi xét: Đầy rẫy nguồn thiêng, bể tinh tú một doành, cuốn nguồn đạo học; chon von nền báu, núi Côn Lôn muôn nhận, ngất ngọn văn phong.(1)

Đức tốt không cùng; nhân lành có phúc.

Kính nghĩ: Ngài Triệu tổ Phúc Cơ phủ quân, ngài tổ tỷ Từ Khánh huy nhân:

Cõi huyền nguyên gây dòng dõi; khí thái nhất đúc tinh anh.(2)

Suối thẳm bao la, phúc ấm để lại chốn thi thư văn vật; sông Ngân sáng tỏ, tinh thần gửi nơi bàng bạc chảy quanh.

Bao đời nhớ mãi ánh lưu quang; nguồn gốc ngửa trông nơi phát tích.

Sâu xa đức sáng; thịnh vượng nối truyền.

Kính cẩn xét trong lễ điển: Tiên tổ là vị tổ ra trước nhất ở họ ta, kính thờ làm vị Triệu tổ ở đàn Truy Viễn. Theo phép, phải bàn xét rõ: "Đức" nghĩa là ơn huệ, là phúc ấm, tự trời sinh ra, tự tâm làm được. Tiên tổ ngài dùng điều thiện để gây dựng gia đình, mở đầu mối văn minh đời đời cho họ ta, đức ấy có gì lớn hơn. Kính cẩn dâng tên phần mộ ngài là "Đức phần," để tỏ nghi thức cao quý về việc đáp lại nguồn gốc; để đón phúc lộc to lớn sao cho kế tiếp dồi dào.

Trước cửa cao, rực rỡ xiêm đai, con hiếu cháu hiền, gương "như kiến"[3]muôn đời chiếu mãi; trong miếu thẳm ngạt ngào hương khói, công đức tiên tổ, dấu "bất thiên"[4] muôn thuở vững bền.

Kính cẩn phụng soạn.

CHÚ THÍCH:

1. *Từ nguyên*: Côn Lôn, một dải núi cao nhất ở Á châu, khởi ở bên đông nước Mạch Mễ Nhĩ, qua Tây Tạng, Tân Cương vào tới Trung Hoa.

Bể Tinh tú là nguồn sông Hoàng Hà, đời Hán Trương Khiên đi tìm nguồn sông Hoàng Hà đã tới nơi.

2. *Huyền nguyên* cũng như *thái nhất*, là thời kỳ nguyên khí còn hỗn độn, trời đất trong đục chưa phân. Đây ý nói vị sơ tổ của họ.

3. Như kiến, *Luận ngữ*: Xuất môn như kiến đại tân (ra ngoài cửa cũng phải kính cẩn như gặp thấy vị tân khách đại tôn quý).

4. *Lễ*: Bất thiên chi miếu (ngôi miếu không di dịch) là nói miếu thờ vị sơ tổ, khai sáng thứ nhất, cứ thờ phụng mãi, không thay đổi như miếu các vị thế tổ trở xuống.

VỊ THỨ HAI

Cúi xét: Hoà mục sáng tỏ, đức lành thêm rộng lớn, khó được mà khen; linh ứng lẫy lừng, tinh thần rất cao minh, lấy gì mà vẽ.

Trời đất cùng lưu thông; trăng sao cùng thấu suốt.

Kính nghĩ: Ngài Hiển tổ khảo đời thứ 12 là Mỹ Đức công, ngài Hiển tổ tỷ là Từ Lạc huy nhân:

Lòng nhân rộng rãi; đạo thẳng giữ gìn.

Không ngưng trệ thì dài lâu, dài lâu thì rõ rệt thêm, đức thuần

nhất sánh đôi vừng trong sáng mà không khi cùng cực; đã giúp đỡ thì hoà thuận, hoà thuận thì tin tưởng mãi, điềm tốt lành do lòng trời lặng lẽ mà xử lấy đạo trung.

Ngọn Thái Kiều ngửa ngắm trái non cao;[1] nguồn Phong Diễn kéo dài dòng nước Nhuệ;[2]

Kính cẩn xét trong lễ điển: Tính thờ ở Diêu miếu[3] (từ đời thứ 6 ngược lên) ngài là tổ thứ 7; tính ở miếu Sở tự xuất[4] (trở xuôi xuống) ngài là vị thứ hai. Kính thờ ngài làm vị thủy tổ ở đàn Truy Viễn. Theo phép phải bàn xét rõ: Gây dựng nền "khánh" là do điều thiện mà ra. *Kinh Dịch* nói: "Nhà tích góp điều thiện, tất có dư điềm lành," họ ta thịnh vượng đông đảo, do tiên tổ ta tạo dựng ra, bảo là "khánh trạch hưởng được dầy dặn[5]" là thế. Vậy kính cẩn xin dâng tên phần mộ ngài là "Khánh phần."

Kính khoe đức sáng, để lộ danh thơm.

Đặt theo Tổ cả[6] phụng thờ, tỏ nghĩa kính dâng rực rỡ; mong cùng hướng nam[7] phối hợp, giúp thêm văn mạch lâu bền.

Kính cẩn phụng soạn.

CHÚ THÍCH:

1. Thái Kiều, nghĩa là núi Thái Sơn cao, một trong Ngũ nhạc ở Trung Quốc. Đây đem ví với vị Tiên tổ. *Kinh Thi*, thiên *Tiểu nhã:* Cao sơn ngưỡng chỉ (Ngửa trông núi cao).

2. Phong diễn, nghĩa là nguồn Phong kéo dài. *Kinh Thi* thiên *Đại nhã:* Phong thủy hữu dĩ, Vũ Vương khởi bất sĩ, di quyết tôn mưu, dĩ yên dực tử (Bến nước sông Phong còn có rau dĩ, Vua Vũ Vương há không việc gì, thường để mưu nghĩ cho cháu, để con hiếu kính được yên vui); sông Nhuệ, con sông quê hương họ Ngô.

3. Diêu miếu là miếu thờ tiên tổ (con vị thứ nhất) và hằng đời thường xếp dồn thần chủ của các vị từ 6 đời trở lên, mà ở gia miếu không thờ nữa. Theo *Gia lễ*: Về gia miếu (miếu thờ riêng của nhóm con cháu) bản thân mình (kể đích tôn) chỉ được thờ từ cha mẹ lên đến ông, cụ, kỵ tức đến vị cao tổ, từ mình trở lên là 5 đời. Còn trên là vị 6 đời trở lên, tình thân đã xa, không phải để tang, không phải cúng giỗ, thì rước thần chủ để trong Diêu miếu, là miếu thờ vị tiên tổ, con vị tổ cả (tổ thứ nhất), tổ cả thờ ở Thái miếu, tế vào ngày Đông chí, tiên tổ thờ ở Diêu miếu tế vào tiết Lập xuân, các vị đã xếp thần chủ ở đó, được phối hưởng theo. Tục ta gọi Thái miếu là Từ đường họ cả; gọi Diêu miếu là Từ đường họ chi, gia miếu là từ đường tứ thế.

4. Miếu Sở tự xuất, miếu thờ vị sinh ra tiên tổ, tức vị Thủy tổ.

5. Nguyên văn: "Khắc đốc kỳ khánh". *Kinh Thi*, thiên *Đại nhã:* Khắc đốc kỳ khánh, tái tích chi quang (Phúc được dầy dặn, cho được sáng tỏ).

6. Nguyên văn: "Tùng kỳ sóc," theo vị tổ trước hết, tức vị Thuỷ tổ.

7. Phép thờ ở Diêu miếu, vị tiên tổ ở ngôi chính thờ quay hướng nam, cũng như thờ vị thuỷ tổ ở Thái miếu, còn hai bên tả hữu theo thế thứ thờ các con cháu (các vị được xếp thần chủ ở Diêu miếu) cứ con thờ bên tả, gọi là tả chiêu (sáng sủa bên tả) cháu thờ bên hữu, gọi là hữu mục (hòa mục bên hữu). Thờ làm ba vị trí như vậy, là theo nghĩa "Con cháu không được thờ cùng hướng với tiên tổ," cha không ở cùng hàng với con, để tỏ trật tự của lễ.

VỊ THỨ BA

Cúi xét: Thần từ núi xuống,[1] ngất cao dường cột chốn song Thanh;[2] phúc bởi trời cho, nối dõi áo xiêm nhà vạn thế.

Rộng nhuần phúc trạch; sáng tỏ đức âm.

Kính nghĩ: Đấng Hiển tổ khảo đời 11 là ngài Hoằng Nghị công, đấng Hiển tổ tỷ là ngài Minh Tuệ huy nhân; sáu tài[3] siêu việt, bốn đức[4] vẹn toàn.

Sinh ở nhà nho, mà gắng gỏi chốn Chu lư,[5] tới phẩm trật mũ mồi bài ngọc; về giúp cửa tướng mà cần cù nghề Âu địch,[6] mở mới nền bào gấm đai hoa.

Non biển ghi công lớn rỡ ràng; hách huyến[7] tụng đức lành tỏ rõ.

Kính xét trong lễ điển: Ở Diêu miếu ngài là tổ thứ 6; ở miếu Sở tự xuất ngài là tổ thứ 3, kính cẩn thờ ở hàng tả chiêu trong đàn Truy Viễn. Theo phép phải bàn xét tới: "Tốt tươi to lớn, giầu mạnh là thịnh," họ ta trên con đường làm quan hiển hách vinh quang, thịnh đạt bắt đầu từ đó. Kính cẩn dâng tên phần mộ ngài là "Thịnh phần," ngõ hầu soi tới gần gũi, giúp đỡ rộng sâu.

Muôn đời từ hiếu kéo dài, không thể dứt như mặt hồ sóng dẫy; đôi đường văn vũ rực rỡ, nối bước lên ngọn núi bóng hồng.

Kính cẩn phụng soạn.

CHÚ THÍCH:

1. *Kinh Thi*, thiên *Đại nhã:* Tủng cao duy nhạc, duy nhạc giáng thần, sinh Phủ cập Thân, sinh Thân cập Phủ (Cao ngất là núi, núi giáng thần thánh, sinh ra ông Phủ và ông Thân, sinh ra ông Thân và ông Phủ).

2. Song Thanh, hai Thanh: Làng Tả Thanh Oai ở huyện Thanh Oai.

3. Sáu tài: Trí, nghĩa, nhân, dũng, trung, tín.

4. Công, dung, ngôn, hạnh (việc làm, trang sức, cười nói, nết na, phải chăm chỉ và giữ gìn đứng dắn, đó là bốn nết của phụ nữ.)

5. Chu lư là nơi quân Túc vệ đóng, có từ đời Hán.

6. Âu dịch: *Tống sử:* Âu Dương Tu 4 tuổi mồ côi cha, mẹ tự dạy cho học, nhà nghèo không mua được giấy bút, phải bẻ cành vạch chữ xuống đất mà học. "Âu dịch" là cành sậy của ông Âu. Ý nói là mẹ hiền dạy con.

7. Hách huyến: *Kinh Thi* thơ *Vệ phong*: Hách hề, huyến hề, hữu phỉ quân tử, chung bất khả huyên hề (Rực rỡ, sáng sủa, tốt thay người quân tử, mãi mãi không sao quên), khen Vũ Công nước Vệ chăm học.

VỊ THỨ TƯ

Cúi xét: Khí tốt sẵn non cao chung đúc, đường khoa danh nối tiếp trăm năm; điềm lành như nước chảy tràn trề, nền khánh thiện lưu truyền muôn thủa.

Ơn sâu rải khắp; đức sáng tỏ bầy.

Kính nghĩ: Ngài Hiển tổ khảo đời thứ 10 là Cẩn Tiết công, ngài Hiển tổ tỉ là Đức Tâm huy nhân:

Vàng ngọc giá cao; cư huỳnh khuôn đẹp.

Ao Phán Thủy[1] tiếng vang về học hỏi, cửa võ biền[2] mà nổi bật nếp thi thư; ngọn Yên Sơn[3] bóng rợp tới đàn sau, ngành trọng tử gợi xướng nên nền áo mũ.[4]

Nhà tích thiện[5] dồi dào kho thế đức;[6] lòng tương thành[7] chan chứa nghĩa thời tư.[8]

Kính xét trong lễ điển: Ở Diêu miếu ngài là tổ thứ 5, ở miếu Sở tự xuất ngài là tổ thứ 4. Kính thờ ngài vào hàng hữu mục trong đàn Truy Viễn. Theo phép phải bàn xét tới: Ra sức dấy lên là "hưng," nhà ta ơn trạch thi thư, khởi từ đây trước, kính cẩn xin dâng tên phần mộ ngài là "Hưng phần."

Ngõ hầu: Hồn thiêng[9] xét tới; hương ngát không tàn.

Phụng thờ chốn đó kính bầy, ơn mặc tướng những mong vĩnh cửu; tốt đẹp trời kia định sẵn, mạch thư hương kéo mãi vô cùng.

Kính cẩn phụng soạn.

CHÚ THÍCH:

1. Phán Thủy là nơi trường Quốc học mở ra dạy người đã qua lớp Hương học. Ở đây chỉ cụ tổ Cẩn Tiết công đã thi đỗ nho sinh trúng thức (theo *Ngô gia thế phả).*

2. Nguyên văn: "Thủ tự tướng môn" (bắt đầu từ cửa võ tướng), do cụ thân làm quan võ.

3. Đậu Quân ở khu núi Yên Sơn, dạy 5 con trai đều hiển đạt cả, thường ví như 5 cây quế.

4. Con thứ 2 của cụ Cẩn Tiết công là Phúc Toàn, sinh 2 trai là Đình Thạc, Đình Chất đều đỗ Tiến sĩ, mở đầu đại khoa trong họ. (Theo *Ngô gia thế phả*).

5. Tích thiện, là chứa điều lành. *Kinh Dịch*: Nhà chứa điều lành thì có phúc.

6. Thế đức, là đức của tiền nhân mấy đời.

7. Tương thành, là đem lòng thành giãi bầy ra.

8. Thời tư, là lúc nào cũng tưởng nhớ. *Kinh Lễ*: "Dĩ thời nhi tư chi."

9. Nguyên văn: "Hách trạc" *Kinh Thi*: Tích dã hách hách quyết thanh, kim dã trạc trạc quyết linh (Xưa thì tiếng tăm rực rỡ, nay thì linh thiêng lẫy lừng).

VỊ THỨ NĂM

Cúi xét: Đất đức khí thiêng, sực nức trước truyền hương hàn mặc; nhà soi đức sáng, rỡ ràng dầy đắp nếp trâm anh.

Đức vẫn hiển dương; ngày thêm sáng tỏ.

Kính nghĩ ngài Hiển tổ khảo đời thứ 9 là Phúc Nguyên công, ngài Hiển tổ tỉ là Thuần Nhất huy nhân, ngài Hiển kế tổ tỉ là Từ Thái huy nhân.

Bẩm tính vững bền;[1] giữ lòng bằng phẳng.[2]

Lĩnh chức Uỷ lại Thặng điền thấp hèn chẳng quản,[3] bầu giá trong[4] chia ấn, tín bao phong; theo phép Gia nhân[5] Nội tắc,[6] kính cẩn không nhờn,[7] giải vàng nhẹ lẫn sắt cầm hòa nhịp.[8]

Mũ áo rạng đời sáng tỏ; giản biên[9] lưu chốn chốn vang lừng.

Kính xét trong lễ điển: Ở Diêu miếu ngài là tổ thứ 4, ở miếu Sở tự xuất ngài là tổ thứ 5. Kính thờ ngài là vị Thiếu tổ ở hàng tả chiêu trong đàn Truy Viễn. Theo phép phải bàn xét: Sáng tỏ, tốt đẹp, xương thịnh là "xương," ở nhà ta nối tiếp được nguồn ơn thi thư là từ đây. Kính cẩn xin dâng tên phần mộ ngài là "Xương phần."

Kính giãi chút lòng báo đáp;[10] dài đưa điềm tốt mở mang.

Dòng phúc thiện tuôn trào, dai dẳng bí dưa bón tưới;[11] hương thi thư đầy rẫy, ngạt ngào lan quế đua tươi.[12]

Kính cẩn phụng soạn.

CHÚ THÍCH:

1. Nguyên văn: "Hằng trinh tính cách" (Tính cách thường trinh chính) *Kinh Dịch* quẻ

Hằng: Hằng lợi trinh (Thường thường lợi ở trinh chính).

2. Nguyên văn: "Lý thản phong tiêu" (phong cách đặt vào nơi bằng phẳng). *Kinh Dịch* quẻ *Lý*: Lý đạo thản thản (đi đường bằng phẳng).

3. Theo *Ngô gia thế phả*, ông đỗ khoa Thư toán.

4. Nguyên văn: "Băng hồ," sách *Tinh lý*, Đặng Thiên Khải nói: Nguyên tâm trung như băng hồ, thu nguyệt, oánh triệt vô hà (Trong lòng vẫn trong như bầu băng trăng thu, sáng sủa không chút tì vết).

5. *Gia nhân* là tên quẻ ở *Kinh Dịch*, nói về đàn bà giữ lòng trung, ngay thẳng

6. Nội tắc là một thiên ở *Kinh Lễ*, nói về khoa dạy nữ giới.

7. Mạch Tử dẫn lời Lê nói: Con gái khi cưới, mẹ đưa chận ra tới ngõ nói: Mày về nhà mày, phải kính cẩn, răn sợ, chớ trái ý chồng.

8. Sắt cầm ví với vợ chồng hoà thuận. *Kinh Thi*: Thê tử hảo hợp, như cổ sắt cầm (vợ chồng hoà hợp, như gảy đàn sắt đàn cầm).

9. Nguyên văn: "Uyển điểm" *Từ nguyên*: Thứ ngọc đẹp, dùng để viết, cũng như giản sách.

10. Nguyên văn "báo bản," báo đáp lại nguồn gốc. *Kinh Lễ*: Báo bản phản thủy.

11. *Kinh Thi* thiên *Đại nhã*: Miên miên qua điệt, dân chi sơ sinh (Dân chúng mới sinh, cũng như dây dưa dây bí đời đời cứ kéo dài mãi).

12. Lan quế ví với con cháu, Cố Vinh có câu: Quế tử lan tôn, vi gia chi bảo. Con như quế, cháu như lan, là của báu trong nhà).

VỊ THỨ SÁU

Cúi xét: Đức Lâm đất có từ xưa, trăm năm mở nền đầu tiên đẹp đẽ; phúc trạch trời ban thêm thịnh, muôn đời trao mệnh lớn tốt lành.

Mở mãi về sau; sáng nguyên từ trước.

Kính nghĩ, ngài Hiển Thiếu tổ khảo đời thứ 9 là Phúc Toàn công, ngài Thiếu tổ tỉ là Từ Tại huy nhân,[1] xem trong *Kinh Dịch*, ngài là vị u nhàn;[2] xét trong *Kinh Thi*, ngài là bậc cát sĩ.[3]

Nhà chứa thiện, trước từ làm Tướng quân, kế đến lĩnh Hương giải, tám mươi năm nhờ đức lớn tỏ ngời; gương đúc lành, ba bằng Tiến sĩ, hai sắc Thượng thư, bốn năm đời hưởng báo đền tốt đẹp.

Cho phúc lý, rườm rà nhờ bóng mát; kính tổ tiên, rực rỡ soạn văn thờ.

Kính xét trong lễ điển: "Nối biệt thì làm tông."[4] Kính cẩn thờ ngài làm vị tổ bất thiên ở tiểu tông, đặt vào hàng hữu mục trong Truy Viễn đàn.

Ngõ hầu: Tới miếu đường mãi mãi; ban điềm tốt bời bời.

Lễ khiết linh[5] dâng nước suối rau vườn, lòng tin tưởng nhớ câu "như tại;"[6] Đời kế tiếp được xanh cành vững gốc, phúc đề đa[7] ghi chữ "trật tư."[8]

Kính cẩn phụng soạn.

CHÚ THÍCH:

1. Theo *Ngô gia thế phả:* Phúc Toàn công là em Phúc Nguyên công, sinh hai con trai là Đình Thạc, Đình Chất đều đỗ Tiến sĩ phân ra chi thứ từ đây.

2. *Kinh Dịch,* hào *Cửu nhị;* quẻ *Lý:* Lý đạo thản thản, u nhàn trinh (Đi đường bằng phẳng, người u nhàn thi trinh chính).

3. Cát sĩ, kẻ sĩ phu tốt. *Kinh Thi* thiên *Đại nhã,* thơ *Quyền a*: Tể tể vương đa cát sĩ, duy thiên tử sử (Sĩ phu tốt của nhà vua đông tấp nập, để cho thiên tử sử dụng).

4. Tập giải ở *Kinh Lễ* có nói: "Con thứ tức là biệt tử, người con nối tiếp của biệt tử đó, biệt làm một tông." Đây ý nói: Ngành trưởng tức đích tôn thì vẫn được thờ ở Thế miếu, người con thứ thì không được thờ ở Thế miếu, còn người con thứ đó phải làm riêng miếu để thờ bố mẹ mình.

5. Khiết linh là trong sạch và thơm tho.

6. *Luận Ngữ,* thiên *Bát dật*: Tế như tại (Tế tiên tổ, tưởng tượng như tiên tổ ở ban thờ).

7. Phúc dề đa, nguyên văn "sùng thành chi hỗ" (phúc tôn quý đưa đến). *Kinh Thi* thiên *Đại nhã:* Công thi yến ẩm, phúc lộc lai thành (Vị thần công thi, (đời cổ khi cúng giỗ ông, thì người cháu đích tôn ngồi lên ban thờ làm thần công thi, để tưởng tượng như ông còn sống), ăn uống phúc lộc đưa tới).

8. Trật tư, nguyên văn "hữu trật" (có thường thường) *Kinh Thi,* thơ *Thương tụng:* Ta ta liệt tổ, hữu trật tư hỗ, thân phúc vô cương, cập nhĩ tư sở (Các vị liệt tổ, vẫn có phúc thường, ban phúc không cùng, kịp tới chốn này).

VỊ THỨ BẢY

Cúi xét: Ngọn đức cao vút vòm trời, nền mở ở nhân noi nghĩa; cội đạo bám sâu xuống đất, bóng che sáng trước tỏ sau.

Nhờ được thơm lây; đáng nên kính mến.

Kính nghĩ ngài Hiển tổ khảo đời thứ 8 là Trung Tuấn công, ngài Hiển tổ tỉ là Từ Nương huy nhân:

Thói nhà nhân hậu; nếp cửa u nhàn.

Khuôn thanh liêm hiện trong tiếng hạc cung cầm,[1] bầu quỳnh

thủy nổi mầu băng ngọc;[2] nghiệp thịnh mỹ tỏ trước cành trâm giải áo, nét sử đồng[3] in nhịp cư hoàng.[4]

Cảnh tương đại[5] ngày một giúp thêm;[6] nền tất tiên[7] xưa từng mở rộng.

Kính xét trong lễ điển: Ở Diêu miếu ngài là tổ đời thứ 3, ở miếu Sở tự xuất ngài là tổ đời thứ 6. Xin thờ làm vị tổ tòng tự ở đàn Truy Viễn. Theo phép phải bàn xét: "Ninh" là yên, là được cái hiệu quả của đức thuần nhất.[8] Tiên tổ ngài đức hạnh thuần thục, lòng không sai lầm, được con cháu bảo vệ làm dầy thêm đức hạnh của tổ tiên. *Kinh Thi* thiên *Đại nhã* nói: "Giữ đức cho an ninh" tin đó là đức của nhiều đời. Vậy, kính cẩn dâng tên phần mộ ngài là "Ninh phần."

Mở mang đức sáng; phô diễn điềm hay.

Khí linh thiêng đầy rẫy tràn lan, hương minh đức dầy khi lên xuống; điềm tốt đẹp dồi dào trùng điệp, mạch từ văn mở hội hanh thông.

Kính cẩn phụng soạn.

CHÚ THÍCH:

1. Đời Tống, Triệu Biện vào làm quan ở đất Thục, chỉ mang theo một chiếc đàn cầm và một con chim hạc. Ý nói là giản dị. Theo *Ngô gia thế phả*. Trung Tuân công tên Hộ, đỗ về Thư toán, không nói quan tước, sinh năm 1557.

2. Băng ngọc, chữ dùng để chỉ bố vợ và con rể. Đời Tấn, Vệ Giới cùng bố vợ là Nhạc Quảng đều có danh tiếng, người ta khen là băng thanh và ngọc nhuận.

Lại băng ngọc, danh từ dùng để khen bố con. Tô Tử Do vào bái yết Lưu Ngưng Chi, khi ra về than rằng: "Ngưng Chi là cha, Nguyên Đạo là con, liêm khiết không thay dổi, thật là "băng thanh mà ngọc cương."

3. Nguyên văn "Đồng quản" là chiếc bút đỏ, *Kinh Thi*: Di ngã dĩ đồng quản, đồng quản hữu vĩ (Cho ta chiếc quản đỏ, chiếc quản đỏ có sắc đẹp). Sau người ta dùng chữ *đồng quản* đỏ là chiếc bút quản đỏ để chép tiểu sử đàn bà.

4. Những thứ ngọc: Quỳnh, cư, hoàng, vũ, các hiền phụ thường dùng làm vật deo trong mình, để tỏ cái đức tốt đẹp của mình.

5. Tỉnh lý: Tử tôn tài, tộc tương đại (Con cháu có tài năng, họ đó sẽ to lớn thêm).

6. Giúp thêm, dịch nguyên văn chữ "cảnh bộc'. *Kinh Thi*: Cảnh mệnh hữu bộc" (có giúp cho mệnh lớn).

7. *Kinh Thi*: Hữu khải tất tiên (Tất có người mở mang ra trước).

8. Lão Tử nói: Thiên đắc nhất dĩ thanh, địa đắc nhất dĩ ninh (Trời được một cái đức thuần túy thì trong sáng, đất được một cái đức thuần túy thì yên lặng).

VỊ THỨ TÁM

Cúi xét: Đất đúc khí thiêng, sáng tỏ ngọn tinh phong[1] in vẻ đẹp; trời ban điềm lạ, lâu bền hương thư chủng[2] ngát thơm tho.

Thế phiệt cửa cao; phúc bền cảnh lạ.

Kính nghĩ đấng Hiển tổ khảo đời thứ 7 là Trực Thành công,[3] đấng Hiển tổ tỉ là Từ Trang huy nhân:

Đức tính ôn hòa; dung nghi nhã nhặn.

Giúp đỡ tốt ở nơi huyện lỵ, dạu chim loan[4] nơi tiếng khen là bạc danh hiền; nêu phép lành ở chốn khuê môn, bắn chim nhạn,[5] cần mẫn giúp cho người cát sĩ.

Đạo nối dõi lưu truyền sáng tỏ; nghĩa đền bồi kính mến dài lâu.

Kính xét trong lễ điển: Ở Diêu miếu ngài là vị tổ đời thứ 2, ở miếu Sở tự xuất ngài là vị tổ đời thứ 7. Kính cẩn thờ vào hàng tòng tự ở đàn Truy Viễn. Theo phép phải bàn xét: Rõ ràng sáng tỏ là "Hiển," cái ơn trạch bao đời nghiệp nho ở ngành trưởng, nối tiếp mà hiển đạt từ đây. Kính cẩn dâng tên phần mộ ngài là "Hiển phần."

Gần người hiền mà cảm khái; tỏ niềm tin thêm thẹn thùng.

Chậu đầy, ngửa ngắm thường tin,[6] nhà Hiển miếu lễ tảo tần[7] chứng hưởng; bóng cả, kéo dài không dứt,[8] cửa hoa môn nền trâm hốt[9] sáng ngời.

Kính cẩn phụng soạn.

CHÚ THÍCH:

1. Chiếc cồn đất ở gần mộ, thường gọi là tinh phong, như con kim, con thổ, con mộc...(theo thuyết địa lý đời phong kiến).

2. Thư chủng, nòi sách vở (theo nòi sách vở).

3. Theo *Ngô gia thế phả:* Trực Thành công, húy là Thận (1587-1622) đỗ Thư toán.

4. *Hậu Hán thư:* Chông gai không phải là nơi chim phụng chim loan đậu, trăm dặm không phải là con đường của bậc đại hiền đi.

5. *Kinh Thi*, thơ *Kê minh*: Bắn chim duyên cùng chim nhạn. Chu Tử giải thích: Thơ này là do hai vợ chồng hiền hậu khuyên răn nhau.

6. *Kinh Dịch*, quẻ *Quan*: Quán nhi bất tiến, hữu phu ngung nhược (Rửa sạch mà

không dâng tiến, có lòng tin thường ngửa trông).

7. Món rau các bà quan hái ở khe suối về để cúng tổ tiên. *Kinh Thi:* Vu dĩ thái tần, nam giản chi tân. Vu dĩ thái tảo, vu bỉ hành lạo (Đi hái rau tần, ở bãi suối nam. Đi hái rau tảo, ở dòng nước chảy).

8. Nguyên văn: "Dẫn chi phất thế." Dùng câu ở *Kinh Thi:* Vật thế dẫn chi.

9. Lễ phục của quan chức.

VỊ THỨ CHÍN

Cúi xét: Truyền mạch văn chương, muôn thủa nức mùi hương hàn mặc; nối nguồn đạo đức, trăm năm nêu nền nếp cân đai.

Tiếp mãi không cùng; lâu càng thêm tỏ.

Kính nghĩ, ngài Hiển tổ khảo đời thứ 6 là Phúc Diên công, ngài Hiển tổ tỉ là Từ Quang huy nhân:

Hiếu kính trị gia đình; trang nghiêm đối quyến thuộc.

Nối nghiệp cũ: Thi, thư, lễ, nhạc, tinh thần mộ đạo, điềm đạm tự nhiên; nức tiếng thơm: Công, hạnh, ngôn, dung, khuôn mẫu cư trinh, u nhàn tột bậc.

Rõi nguồn trước bao la mà mở rộng; để ngành sau tươi tốt mà kéo dài.

Kính xét trong lễ điển: Ở Diêu miếu ngài là vị tổ đời thứ 2, ở miếu Sở tự xuất ngài là vị tổ đời thứ 8. Kính thờ là vị tổ tòng tự ở đàn Truy Viễn. Theo phép phải bàn tới: "Kiến" nghĩa là dựng đứng lên. *Luận ngữ* nói: "Như thể sừng sững đứng vậy." Tiên tổ ngài tự vui với đạo, không để ý tới bề ngoài. Cho nên có thể dựng được lối học của nhà sáng sủa, tạo nên môn phái của nhà, nêu cao nên dùng chữ "kiến," vậy kính cẩn dâng tên phần mộ ngài là "Kiến phần."

Ngõ hầu: Soi sáng ở đây; đời sau thêm thịnh.

Thú hào hứng "vịnh quy đồng quán,"[1] nền đạo cao, con cháu ngước trông; xếp danh gia "kế xuất nho hiền,"[2] ơn nước nặng, móc mưa dài gội.

Kính cẩn phụng soạn.

CHÚ THÍCH:

1. Vịnh quy đồng quán, nghĩa là cùng học trò ngâm thơ rồi về. *Luận ngữ:* Tăng Điểm

nói cái chí của mình, chỉ muốn về tháng cuối xuân, tắm ở sông Nghi, hứng gió ở đàn Vũ Vu, cùng với mấy học trò ngâm thơ rồi trở về.

2. Kế xuất nho hiền, nghĩa là đời nào nho giả hiền đức cũng kế tiếp sinh ra.

VỊ THỨ MƯỜI

Cúi xét: Bóng mọi trái núi cùng soi, nền nếp kế khoa[1] cao ngất; nước muôn dòng sông cùng chảy, cửa nhà tế mĩ[2] thịnh truyền.

Chất ngất tiếng hay; bời bời phúc đẹp.

Kính nghĩ ngài Tiến sĩ, Thượng thư Huy quận công[3]:

Truyền nghề cung dã;[4] ôm chí kinh luân.

Chiếm bảng rồng mà nào đi sứ, nào vào viện Hàn lâm, người ca ngợi văn chương gấm vóc, lên đường hoạn, mà nào bái tướng, nào tấn phong công tước, đời than khen sự nghiệp ly kì.[5]

Yên mãi phúc lành; rộng khen tiếng đẹp.

Kính xét trong lễ điển: Được tòng tự chung tổ miếu gọi là nhân nghĩa. Nhân nghĩa nghĩa là "hợp kính cùng yêu." Kính cẩn thờ ngài theo hàng tả chiêu ở đàn Truy Viễn. Ngõ hầu, tin khi giáng giám, để phúc không cùng.

Trăm năm khoa hoạn rõi truyền, rực rỡ thi thư làm trâm, mà lễ nhạc làm hốt; muôn đời tuần tiết không dứt, ngạt ngào Đại nhã thì Quýnh, mà Quốc phong thì Tần.[6]

Kính cẩn phụng soạn.

CHÚ THÍCH:

1. Kế tiếp thi đỗ.

2. Tế mĩ nối vẻ đẹp. *Tả truyện:* Thế tế kỳ mĩ, bất vẫn kỳ danh (Đời sau hay nối được vẻ đẹp của đời trước, không để hỏng mất danh dự đời trước).

3. Huy quận công huý là Đình Thạc, con trưởng của Phúc Toàn công, anh của Tiến sĩ Đình Chất, thuộc về ngành thứ (*Ngô gia thế phả*).

4. Cung dã: Chiếc cung và đồ gốm. *Kinh Lễ:* Con nhà làm cung, thì trước phải học uốn vành thúng; con nhà làm gốm thì trước phải học lấy mảnh da mà chắp vá áo cừu (Lương cung chi tử tất học vi cơ, lương dã vi tử tất học vi cừu). Ý nói là con cháu nối nghiệp cha ông.

5. Ly kì, nguyên văn "lôi long" thứ đá đẹp như ngọc. "Lôi long sự nghiệp" là sự nghiệp tốt đẹp. Dịch là ly kì cho được vần, để đối với gấm vóc.

6. *Kinh Thi* thiên *Đại nhã:* Quýnh chước bỉ hành lạo (Đi xa múc nước ở dòng đương chảy). Thiên *Quốc phong:* Vu đĩ thái tần, nam giản chi tân (Đi hái rau tần ở bên suối nam). Nước và rau tần do các bà vợ hiền của đại phu đi lấy về làm lễ phẩm để cúng tổ tiên. *Tả truyện*: *Quốc phong* có thơ *Thái phồn* thơ *Thái tần*; *Đại nhã* có thơ *Hành vi* thơ *Quýnh chước*, là tỏ lòng trung tín đối với thần minh (Phong hữu thái tần, Thái phồn; Nhã hữu Hành vi, Quýnh chước, chiêu trung tín dã).

VỊ THỨ MƯỜI MỘT

Cúi xét: Khuê đẩu[1] bóng soi, sáng tỏ khắp nền văn hiến; Lộc khoa[2] toả chiếu, rỡ ràng đầy phả nho thư.

Lộc vẫn còn truyền; tình sao chẳng nhớ.

Kính nghĩ ngài Tiến sĩ Thượng thư Phương quận công[3]:

Tướng lạ hổ rồng;[4] điềm lành lân phượng.[5]

Cột đá giữa dòng sừng sững,[6] đủ tài ba giải quyết những nơi rễ quánh, vấu bền;[7] vẻ lông,[8] sân ngọc tỏ bầy, sẵn phong độ ung dung bằng cách buông xiêm, đỡ hốt.[9]

Đạt tôn[10] ngất tầm ngưỡng vọng; lưu truyền rực phúc vinh quang.

Kính xét trong lễ điển: Sách *Đại Học* nói: "Người quân tử tôn người hiền, mà thân kẻ thân." Kính cẩn thờ ngài theo hàng hữu mục ở đàn Truy Viễn.

Khuôn phép nêu cao; rực rỡ đức đẹp.

Muôn phái ngọn nguồn dẫn lối, sóng dờn nước Tứ[11] chan chan; một nhà mặt bằng liền tên,[12] bóng chiếu non Huỳnh[13] mãi mãi.

Kính cẩn phụng soạn.

CHÚ THÍCH:

1. Hai sao Khuê và Bắc Đẩu, chủ việc văn chương trên trời.

2. Hai sao Hóa Khoa và Hóa Lộc, chủ về khoa cử và bổng lộc.

3. Phương quận công, húy là Đình Chất, anh là Đình Thạc cùng đỗ Tiến sĩ (xem chú thích số 3 vị thứ mười).

4. Mình dưa như rồng, chân bước như hổ, đó là tướng lạ thuộc quý cách.

5. Đời thái bình thì có phụng hoàng kỳ lân ra.

6. Nguyên văn "trung lưu chỉ trụ." *Vân uyển*: Ở giữa bể thuộc huyện Xương Quốc có chiếc cột đá, đứng sững ở giữa dòng nước trông như người khoanh tay đứng. Sau thành danh

từ khen người có chí hiên ngang độc lập.

7. Dịch chữ "bàn căn thác tiết." Đời Hán, Ngu Hủ phải sai ra làm quan ở đất Triêu Ca, là nơi lắm giặc cướp. Bạn bè ai cũng lo ngại cho ông. Ông cười mà trả lời: "Có trải qua những chốn vấu bền rễ quánh, mới biết búa rìu của mình là sắc, nếu không trải qua thì làm sao biết được."

8. Về lông, dịch nghĩa chữ "Vũ nghi." Hào *Thượng lục* quẻ *Tiệm*: Hồng tiệm vu quỳ, kỳ vũ khả dụng vi nghi (Chim hồng bay dần lên đường cao, lông của nó có thể dùng làm khuôn mẫu).

9. Nguyên văn "tấn hốt thùy thân" là nghi lễ của các quan vào chầu.

10. *Mạnh Tử:* Đức hạnh, tuổi tác, chức tước, 3 cái đó thiên hạ đều tôn trọng (Tiên hạ chi đạt tôn tam, xỉ nhất, tước nhất, đức nhất).

11. Sông Tứ, sông Thù ở bên nơi Khổng Tử ở.

12. Ý nói hai anh em cùng đỗ Tiến sĩ.

13. Non Huỳnh, tức Huỳnh cung, một trường Quốc học đời cổ, cũng như nhà Tường nhà Tự.

VỊ THỨ MƯỜI HAI

Cúi xét: Đất sinh bậc danh tiếng, đúc trong bầu nước Lộc ngọn Quyền;[1] trời tiếp phúc cao dầy, ngát tước vị cửa Thư sân Lễ.

Đẹp nay còn đó; khuôn trước đâu quên.

Kính nghĩ, ngài Hiển tổ khảo 5 đời là Thông Đạt công, ngài Hiển tổ tỉ Thục Đễ huy nhân, ngài Hiển thứ tổ tỉ là Từ Nghi huy nhân:

Khuê Chương tiếng tốt; Hành Vũ danh thơm.[2]

Có tiếng hay dưới chốn quan thường,[3] dự năm tước[4] đứng hàng Triều sĩ;[5] không lời trách trong khuôn Nội tắc,[6] ở hào hai hợp quẻ gia nhân.[7]

Mũ xiêm truyền mãi phúc nhiều; ngọc đá nêu cao đức thịnh.

Kính xét trong lễ điển: Ở miếu ngài là hàng thân đời thứ 4. Kính đặt ngài tòng tự ở đàn Truy Viễn. Phép cần phải bàn tới: Phát mạnh thịnh lớn là "Phong," từ ngài cao tổ về sau, khoa cũng như hoạn, ở nhà ta càng ngày càng lớn. Kính cẩn xin dâng tên phần mộ ngài là "Phong phần."

Ngõ hầu: Soi xét xa gần; giúp đỡ sâu rộng.

Lễ phẩm chứng giám, muôn thủa thơm tho; nền phúc cao dầy, nghìn thu sáng rực.

Kính cẩn phụng soạn.

CHÚ THÍCH:

1. Hoá Lộc và Hóa Quyền, hai vì sao chủ về quyền bính và bổng lộc *(Tử Vi đẩu số)*.

2. Khuê Chương Hành Vũ, 4 loại ngọc tốt, đàn bà thường đeo để thể hiện đức tốt.

3. Quan thường, viên quan lĩnh chức thường.

4. 5 tước: Công, Hầu, Bá, Tử, Nam, có từ đời Chu.

5. Triều sĩ, chức quan ở trong triều.

6. Một thiên trong *Kinh Lễ*, nói về công việc của phụ nữ.

7. *Kinh Dịch* quẻ *Gia nhân* hào *Hai* nói: Tại trung quỹ, trinh cát (Giữ tay hòm chìa khoá ở trong nhà, trinh chính thì tốt).

VỊ THỨ MƯỜI BA

Cúi xét: Non Tùng chứa khí tốt, văn chương hay, nổi tiếng đời đời; sông Nhuệ dẫn nguồn trong, phúc trạch lớn, rạng đàn sau mãi mãi.

Rất là tốt đẹp; há chẳng hiển dương.

Kính nghĩ: Ngài Tiến sĩ Hàn lâm Minh Duệ công[1]:

Nhàn sâu ao lý học, nêu đẹp áng từ chương.

Vườn quỳnh uyển bẻ cành hoa,[2] phá sạch trời hoang,[3] vì trong họ mở đường khoa giáp; chốn Loan phi coi bản thảo,[4] nhuộm bền ơn chúa, thật nhà nho tiện bước tao phùng.

Tiếng thơm nổi bật đàn thơ; ơn điển sáng trưng miếu tổ.

Kính xét trong lễ điển: Có công thì thờ cúng. Kính cẩn thờ ngài theo hàng hữu mục ở đàn Truy Viễn.

Ngõ hầu, linh thiêng mãi mãi; soi xét luôn luôn.

Hâm hưởng cho chút lễ tảo tần, ban phát lộc tổ tiên rộng lớn; xanh tốt mãi mọi dây qua cát, liên tiếp khoa tướng tướng rỡ ràng.

Kính cẩn phụng soạn.

CHÚ THÍCH:

1. *Ngô gia thế phả:* Ông tên húy là Trân (1679-1760). Đây nói ông đỗ Tiến sĩ, trong *Đăng khoa lục* không thấy chép.

2. Lệ cũ từ triều Đường, ai đỗ Tiến sĩ được vào vườn thượng uyển xem hoa, thích hoa gì, tự hái lấy, nhà vua sai thợ đúc thành hoa vàng, ban cho để giắt bên hữu tai mũ.

3. Người khai khoa của một họ gọi là "phá cõi trời hoang" (phá thiên hoang).

4. Coi xét bản thảo về chiếu chỉ ở Loan đài, là văn phòng nhà vua.

VỊ THỨ MƯỜI BỐN

Cúi xét: Bên dòng sông Nhuệ, đất xây thành cửa thi thư; dưới bóng sao Khuê, trời mở đẹp nhà văn hiến.

Thơm tho đức sáng; rộng mở điềm lành.

Kính nghĩ, ngài Hiển tằng tổ khảo là Đan Nhạc công,[1] ngài Hiển tổ tỉ là Từ Đoan huy nhân:

Tiết tháo hiện trong khi tháng lạnh;[2] dung nhan in tựa bóng trăng trong.

Đủ ba tôn[3] mà dạy tốt bậc anh tài, tám chục tuổi tràn trề ơn trạch; vẹn năm đức[4] mà làm đẹp nơi khuê các, trăm nghìn năm bồi đắp nhân từ.

Phúc lành đông đảo cháu con; đức sáng rỡ ràng ngọc đá.

Kính xét trong lễ điển: Ở miếu ngài là hàng thân đời thứ 3, kính cẩn xin tòng tự ở đàn Truy Viễn. Theo phép phải bàn tới. "Mậu phong" tức là thịnh đó. Họ ta từ sau ngài Tiên tổ Cẩn Tiết công, thì ngài Tằng tổ lại nối được nghiệp nho, rồi thành văn chương gia thế, khoa danh thịnh vượng, sủng lộc đầy đủ, há không phải là "mậu" hay sao? Kính cẩn xin đặt tên phần mộ ngài là "Mậu phần."

Ngõ hầu, hương thơm thấu tới; phúc lớn ban đều.

Khiến cháu chắt thường chăm, thành kính giữ bền trăm lễ; như tiên linh vẫn chứng, hoà vui họp đủ nghìn điềm.

Kính cẩn phụng soạn.

CHÚ THÍCH:

1. *Ngô gia thế phả:* Tên húy là Ức, đỗ Hương cống.

2. *Luận ngữ:* Năm tới tháng lạnh mà sau rồi mới biết cây tùng cây bách vẫn rụng lá sau cây khác (Tuế hàn nhi hậu tri tùng bách chi hậu điêu dã), ý khen tiết tháo cứng rắn, không vì đời loạn mà thay đổi.

3. Tuổi thọ, đạo đức, phẩm tước, người đạt được 3 điều đó đều được thiên hạ tôn trọng.

4. Công, dung, lời nói nết na.

VỊ THỨ MƯỜI LĂM

Cúi xét: Non xanh nước lạ, đất sinh hào kiệt ra đời; lá tốt hoa thơm,

trời mở hiếu từ rợp bóng.

Lâu bền hưởng phúc; rộng lớn ban ơn.

Kính nghĩ ngài Hiển tổ khảo là Tuyết Trai công, ngài Hiển tổ tỉ Tiết Ý huy nhân:

Là bậc nhân hào nổi trội; là hàng nữ sĩ đoan trang.

Tự đắc nhởn nhơ, trên trận văn nức tiếng hùng sư,[1] bóng mát rợp sân, lục hoè xanh biếc;[2] thuận tòng uyển chuyển, trong cửa nho nổi tài thục tướng,[3] hương ngát đưa phòng đồng sử đỏ hồng.[4]

Tốt đẹp in trong khuôn phép từ lâu; sáng tỏ nêu trước cao sâu còn mãi.

Kính xét trong lễ điển, ở miếu ngài là tổ đời thứ 2. Kính cẩn tòng tự trong đàn Truy Viễn. Phép phải bàn tới: "Hoằng" nghĩa là lớn. Chí[5] có nói: "Thấm nhuần rộng thì ánh sáng rực rỡ." Tiên tổ khảo tỉ ngài cả công và hạnh chứa góp đầy đủ, mà số mệnh bị yểu như ông *Nhan Hồi,* giữ tiết khổ não như bà *Cung Khương,*[6] trời vẫn đem cái phúc bất tận, để cho hưởng thụ được to lớn, thế không hải là "hoằng" hay sao? Kính cẩn đặt tên phần mộ ngài là "Hoằng phần."

Ngõ hầu: Lên xuống nơi đây; vun trồng con cháu.

Tinh thần tụ họp, bốn mùa mâm chén mới luôn; dòng giống sáng tươi, muôn thuở mũ đai tiếp mãi.

Kính cẩn phụng soạn.

CHÚ THÍCH:

1. Nguyên văn: "Văn trận hùng thư" (Đội quân mạnh ở trong trận văn). *Đường thư:* Trương Cửu Linh khen văn của Trương Thuyết: "Tốt đẹp đầy đủ, không ai địch nổi, là đội quân mạnh ở trong trận văn" (Tuấn thiện vô địch, văn trận chi hùng sư dã).

2. Sân hoè, đời Tống, Vương Hựu có tài mà không được làm Tể tướng, ông nói: "Ta không làm, con ta sẽ làm," rồi trồng ba cây hoè ở sân nói: "Con cháu ta tất sau làm tới Tam công." Sau con ông là Vương Đán quả làm tới Tể tướng.

3. Thục tướng: Vị tướng thuần thục, cũng như "nội tướng," một danh từ khen người đàn bà đảm đang việc nội trợ mà có đức hạnh tốt.

4. Đồng sử, cuốn sử chép lịch sử đàn bà tốt.

5. *Chí* là một loại sử không theo lối biên niên, cũng như quyển truyện. Thí dụ như *Tam quốc chí, Quận huyện chí, Doanh hoàn chí...* Đây nói Chí chưa rõ tên sách gì.

6. Nhan Hồi, học trò giỏi nhất của Khổng Tử, khi chết có 35 tuổi. Cung Khương chồng là Cung Bá mất sớm, bố mẹ muốn gả chồng cho nàng. Nàng cố giữ tiết không chịu, nhân làm ra thơ *Bách châu* để tỏ ý nguyện của mình.

VỊ THỨ MƯỜI SÁU

Cúi xét: Cao cao non Thái[1] ngửa trông, nổi vẻ sáng trong, khuôn mẫu để đời sau mãi; thăm thẳm sông Phong[2] mưu tính, nối đời phát đạt, trinh tường nghiệm buổi trước kia.

Phúc trạch bời bời; đức âm rực rỡ.

Kính nghĩ, ngài Hiển tổ khảo là Thế Lộc công,[3] ngài Hiển tổ tỉ là Trinh Từ chính phu nhân:

Tài năng cao rộng; đức độ bao la.

Đỗ khôi nguyên, phong tước tới Vương hầu, tốt đẹp thay đức nghiệp văn chương, Nhị Thanh động[4] còn ghi tới mãi; chăm gây dựng phúc dành cho cháu, tươi sáng nhỉ công, dung, ngôn, hạnh, trăm quản đồng khó vẽ cho ra.[5]

Nguồn nhân trôi chảy vẫn dài lâu; niềm hiếu kính thành không khiếm khuyết.

Kính xét trong lễ điển, ở miếu ngài là bậc thân đời thứ nhất. Tiên thân ngài ngôi ở trên cả nhân thần, tiếng tăm lừng khắp bốn bể.

Danh vọng để trong triều ngoài quận; đức âm truyền cho cháu cùng con.

Cùng với các vị tiền bối trong họ ta, làm sáng đời trước, rạng đời sau. Kính cẩn tôn ngài tùng tự ở đàn Truy Viễn. Phép nên bàn tới: Điều "nhân" là ngôi nhà ở yên ổn của người, mà tôn tước trời cho nếu không đủ toàn diện và không gián đoạn, thì không đủ đảm đương được. Tham khảo trong *Kinh Truyện:* "Người quân tử thể tất cho người, nên mới hơn được người." Lại nói: "Bậc nhân giả tất có con cháu sau kế tục." Tiên công và Tiên phu nhân để phúc lại bằng sự chứa góp điều thiện, nhân như thế! Nhân như thế! Kính cẩn dâng tên phần mộ ngài là Nhân phần.

Ngõ hầu: Phúc lành ban mãi; tuần tiết chứng cho.

Ngửa trông càng thấy cao, dùi vào càng thấy bền, tức phụng thờ vào miếu "bất thiên công đức;"[6] nối dõi càng kéo dài, phát đạt càng tiến mạnh, có danh vọng ở triều "đại trứ văn minh."[7]

Kính cẩn phụng soạn.

CHÚ THÍCH:

1. Đời Đường, Hàn Dũ có tài đức lớn, được học giả coi như núi Thái Sơn, sao Bắc Đẩu.

2. Xem chú thích 2 vị thứ 2.

3. Tên huý là Ngô Thì Sĩ, đỗ Đình nguyên Hoàng giáp năm Cảnh Hưng Bính Tuất (1766) làm Đốc trấn Lạng Sơn, mở ra động Nhị Thanh và tạc tượng truyền thần vào vách đá. Sang triều Tây Sơn hiển linh, được phong Thượng đẳng thần.

4. Xem chú thích trên.

5. Đồng quản: Xem chú thích số 3 vị thứ 7.

6. Bất thiên công đức, vì có công trạng đức nghiệp đặc biệt, thì được lập riêng miếu thờ, thành ra ngôi miếu "bất thiên" cũng như miếu đức Thủy tổ, vĩnh viễn không phải rời thần chủ sau khi đã tới 6 đời như các vị khác.

7. Đại trứ văn minh, là văn minh sáng rực.

2. 重修德林靈庵寺普勸文

竊聞：道體源流一貫，理罔分儒顯釋藏；人倫植立兩間，恩莫重父生師教。

訓存經典；義亙古今。

靈庵寺：文斗名區；裨藍勝概。

銳水縈迴後漲，三台聳立於坤維；鬢山影照前巒，雙筆高擎於巽位。

實儲靈於右岳；乃降貴於大儒。

承先親官夢應佛生；祥鐘僊誕。

五十五年降世，文章道德之楷模；億千萬果還空，廣大慈悲之受用。

實眞數修行之非偶；蓋福臺開拓之有期。

茲族長某，切慕三玄；追懷九字。

念此土菩提常柱，久經葵麥之風霜；想先親優鉢餘輝，思廣丹茨之堂宇。

已於本月十四日吉辰，改造寺基，（坐戌向辰兼辛乙）擇以十二月旬起工，爲三連工字，（中前二連奉事三寶諸佛，後一連奉事先親）。

計材治役，量事呈功。

體慈心而率履常規；仰佛力而崇憑信施。（内勸自親兄弟，及本場同門諸員，外諸十方達官職及諸善信列員）。

望推善念；廣布婆心。

或施錢財；或資木石。

多少並檀娜之助；遠近同般若之霑。

蓮花八寶層層，榮花向祇園而並茁；纍果千株朵朵，福果皆鷲嶺以齊高。

PHIÊN ÂM:

TRÙNG TU ĐỨC LÂM LINH AM TỰ PHỔ KHUYẾN VĂN

Thiết văn: Đạo thể nguyên lưu nhất quán, lý võng phân Nho hiển Thích tàng; nhân luân thực lập lưỡng gian, ân mạc trọng phụ sinh sư giáo.

Huấn tồn kinh điển; nghĩa cắng cổ kim.

Linh Am tự: Văn đẩu danh khu; thiền lam thắng khái.

Nhuệ thủy oanh hồi hậu trướng, Tam Thai tủng lập ư khôn duy; Huỳnh sơn ảnh chiếu tiền loan, song Bút cao kình ư Tốn vị.

Thực trừ linh ư hữu nhạc; nãi giáng quý ư đại nho.

Thừa tiên thân quan: Mộng ứng Phật sinh; tường chung tiên đản.

Ngũ thập ngũ niên giáng thế, văn chương đạo đức chi giai mô; ức thiên vạn quả hoàn không, quảng đại từ bi chi thụ dụng.

Thực chân số tu hành chi phi ngẫu; cái phúc đài khai thác chi hữu kì.

Tư tộc trưởng mỗ, thiết mộ tam huyền; truy hoài cửu tự.

Niệm thử thổ bồ đề thường trú, cửu kinh quỳ mạch chi phong sương; tưởng tiên thân ưu bát dư huy, tư quảng đan thứ chi đường vũ.

Dĩ ư bản nguyệt thập tứ nhật cát thì, cải tạo tự cơ, (toạ Tuất hướng Thìn kiêm Tân Ất), trạch dĩ thập nhị nguyệt tuần khởi công, vi tam liên công tự, (trung tiền nhị liên phụng sự tam bảo chư Phật, hậu nhất liên phụng sự tiên thân).

Kế tài trị dịch, lượng sự trình công.

Thể từ tâm nhi suất lý thường quy; ngưỡng Phật lực nhi chuyên

bằng tín thi (Nội khuyến tự thân huynh đệ, cập bản trường đồng môn chư viên, ngoại chư thập phương đạt quan chức, cập chư thiện tín liệt viên).

Vọng suy thiện niệm; quảng bố bà tâm.

Hoặc thí tiền tài, hoặc tư mộc thạch.

Đa thiểu tịnh đàn na chi trợ; viễn cận đồng bát nhã chi triêm.

Liên hoa bát bảo tằng tằng, vinh hoa hướng Kỳ viên nhi tịnh truất ; đàm quả thiên chu đoá đoá, phúc quả giai Thứu lĩnh dĩ tề cao.

DỊCH NGHĨA:

BÀI VĂN PHỔ KHUYẾN SỬA LẠI CHÙA ĐỨC LÂM LINH AM

Trộm nghe: Đạo thể[1] nguyên cùng một gốc, Thích mờ Nho tỏ, lý nào phân; nhân luân[2] đứng giữa đất trời, thầy dạy cha sinh, ơn rất trọng.

Lời dạy còn ghi kinh sách, nghĩa thường vẫn để xưa nay.

Chùa Linh Am: Nổi tiếng khu văn vật; nức đẹp cảnh già lam.

Sau lưng sông Nhuệ nước tràn, mặt đất mọc ngọn Tam Thai đứng vững; trước mặt non Huỳnh bóng chiếu, ngôi Tốn[3] nêu gò song Bút[4] vươn cao.

Thật là điềm núi lớn đúc thiêng; nên có bậc nho hiền phát quý.

Đấng tiên thân làm quan[5]: Mộng Phật đầu sinh; điềm tiên giáng đản.

Năm mươi năm giáng thế, văn chương đạo đức mở khuôn; ức nghìn vạn quả đều không, quảng đại từ bi vận dụng.

Thật tu tỉnh số lành không ngẫu hợp; nên mở mang đài phúc có thời kỳ.

Nay viên tộc trưởng l`. mỗ... mộ đạo tam huyền;[6] nhớ ơn chín chữ.[7]

Nghĩ đất đó bồ đề lưu dấu ở,[8] vì phong sương mà quỳnh bay mạch múa[9] trải bao lâu; tưởng cha xưa ưu bát để hương thừa,[10] với đường vũ mà mái cỏ kèo son[11] nên đổi mới.

Giờ tốt ngày 14 tháng này đã đắp lại nền chùa, hướng Tây Bắc Đông Nam. Chọn tới tuần tháng 12 khởi công, làm ba gian theo kiểu chữ công (gian tiền đường và gian giữa thờ Phật, gian hậu đường thờ tiên thân).

Tính vật liệu mà dùng phu dịch, xem sự việc mà định công trình.

Thể hiện lòng từ theo dõi phép thường; ngước trông sức Phật nhờ về quyên góp. (Quyên anh em thân thích nhà mình, và các học trò bản

trường, các quan chức các nơi và thiện tín thập phương).

Mở niềm thiện niệm; phát tấm bà tâm.[12]

Hoặc giúp tiền tài; hoặc giùm gỗ đá.

Dù nhiều hay ít, phù trì nhờ sức đàn na;[13] nào xa nào gần, ưu ốc nhờ ơn bát nhã.[14]

Lớp lớp mở liên hoa chín cánh, hoa vinh quang tranh tốt với vườn Kỳ;[15] chùm chùm kết đàm quả[16] nghìn cành, quả phúc thiện sánh cao cùng non Thứu.[17]

CHÚ THÍCH:

1. Đạo thể, thể thống của đạo (con đường phải).

2. Nhân luân: Luân lý của con người.

3. Ngôi Tốn (Tốn vị), thuộc phương đông bắc.

4. Song Bút, hai chiếc gò nhọn, hoặc núi nhọn như hình ngòi bút, mọc ở phương tốn(theo thuyết địa lý).

5. Cha trước có làm quan, trỏ vào Ngô Thì Sĩ.

6. Tam Huyền: *Chu Dịch* là Chân Huyền, *Lão Tử* là Hư Huyền, *Trang Tử* là Hàm Huyền.

7, 9. Chữ: "Tức cù lao cửu tự" (chín chữ cù lao) thơ *Lục nga, Kinh Thi:* Sinh ngã (sinh ta), cúc ngã (nuôi ta), phụ ngã (vỗ về ta), súc ngã (nuôi lớn), trưởng ngã (khôn lớn), dục ngã (dậy nuôi), cố ngã (nhìn nhận), phục ngã (trở đi trở lại), phúc ngã (bồng bế).

8. Nguyên văn "bổ đề thường trụ" tức ngôi chùa các tăng ni thường tu hành.

9. Quỳnh bay mạch múa, tức là nơi bị bỏ hoang các thứ cỏ mọc um tùm, gió thổi lá bay. *Đường thư:* Lưu Vũ Tích làm quan bị biếm, khi qua quán Huyền Đô thấy vị đạo sĩ trồng đào đầy vườn xanh tốt, 14 năm sau trở về qua, thì thấy không còn cây đào nào, chỉ có cỏ mọc rườm rà. Vũ Tích than rằng: "Lay động trước gió xuân, chỉ phó cho cỏ thỏ quỳ, cỏ yến mạch mà thôi!

10. Ưu bát, là thứ hoa, trong lõi có hình như vị tượng phật, mình vàng. Song ưu bát ở đây là bát ăn cơm của nhà sư, cộng với chiếc áo mặc, thường gọi là "y bát."

11. Mái có kèo son, *Kinh Thư:* Ký cầu viên dung, duy kỳ đồ kỵ từ; ký cầu phác tác, duy kỳ đồ đan hoạch (Đã chăm làm bức tường, phải dùng cỏ từ mà lợp mái, đã chăm bào chạm gỗ lạt, phải dùng sơn đỏ mà sơn quét).

12. Bà tâm: Tấm lòng rộng rãi.

13. Đàn na, tiếng Phạn Dana, tức là bố thí.

14. Bát nhã, tiếng Phạn Prafna, tức là đem trí tuệ mà tế độ.

15. Vườn Kỳ, vườn của Thái tử Kỳ Đà ở nước Dà duy ha vệ. Sau Tu Đạt bỏ vàng ra

mua để làm nơi Phật thuyết pháp, cũng có người dịch là Chi viên (Jéta).

16. Đàm quả, quả sung do "hoa sung" rồi biến ra quả sung. Thật cho hoa sung (ưu dàm hoa) ít khi có, khi nào có hoa thì đạo Phật thịnh hành.

17. Núi Linh Thứu ở Tây Vực, Phật thường giảng kinh *Bát nhã pháp hoa* ở đó.

3. 重修三台寺普勸文。

僊靈觀者，不知始於何代？相傳北人所建，世代經久，村民重遠古，乃香火而崇奉之。

兵興以來，是觀廢壞，其象亦頹圮。此豈人力所及，夫亦運會使然。神僊渺茫，吾不得而知。佛雖虛無，而主敬主愛，其道近人，吾人愛好而崇祀之，不論報施，亦道理之所存也。

此地三台引脈，由乾亥轉寅申，突出土星。左右撐出御屏爲對山。前臨江渚，庚水到堂，眞爲神僊之地。

今謀起廢，當其舊址，改觀爲寺，可命名曰三台寺，以北人所塑三清遺像，重修爲三世像，歸奉中間，以便香火。

夫寺以三台名，若曰吾邑世出三台，以應風水之吉，則此寺爲之兆也。吾邑老少於意云何？本員請捐資少許，以助興功，員目有同志者，幸不以斯言爲迂，相與會主，以完一條福根可也。

PHIÊN ÂM:

TRÙNG TU TAM THAI TỰ PHỔ KHUYẾN VĂN

Tiên Linh quán giả, bất tri thủy ư hà đại? Tương truyền Bắc nhân sở kiến, thế đại kinh cửu, thôn dân trùng vi cổ, nãi hương hoả nhi sùng phụng chi.

Bỉnh hưng dĩ lai, thị quán phế hoại, kỳ tượng diệc đồi tị. Thử khởi nhân lực sở cập, phù diệc vận hội sử nhiên. Thần tiên diểu mang, ngô bất đắc nhi tri. Phật tuy hư vô, nhi chủ kính chủ ái, kỳ đạo cận nhân, ngô nhân ái hiếu nhi sùng tự chi, bất luận báo thí, diệc đạo lý chi sở tồn dã.

Thử địa Tam Thai dẫn mạch, do Kiền Hợi chuyển Dần Thân, đột

xuất thổ tinh. Tả hữu sanh xuất ngự bình vi đối sơn. Tiền lâm giang chử, Canh thủy đáo đường, chân vi thần tiên chi địa.

Kim mưu khởi phế, đương kỳ cựu chỉ, cải quán vi tự, khả mệnh danh viết Tam Thai tự, dĩ Bắc nhân sở tố Tam Thanh di tượng, trùng tu vi Tam Thế tượng, quy phụng trung gian, dĩ tiện hương hoả.

Phù, tự dĩ Tam Thai danh, nhược viết ngô ấp thế xuất Tam Thai, dĩ ứng phong thủy chi cát, tắc thử tự vi chi triệu dã. Ngô ấp lão thiếu ư ý vân hà? Bản viên thỉnh quyên tư thiểu hứa, dĩ trợ hưng công. Viên mục hữu đồng chí giả, hạnh bất dĩ tư ngôn vi vu, tương dữ Hội chủ, dĩ hoàn nhất điều phúc căn khả dã.

DỊCH NGHĨA:

BÀI PHỔ KHUYẾN[1] SỬA LẠI CHÙA TAM THAI

Quán Tiên Linh không biết bắt đầu có từ đời nào? Truyền rằng do người phương Bắc xây dựng ra. Trải thời gian đã lâu, dân làng tu sửa đã nhiều lần; vẫn giữ đèn hương mà phụng thờ.

Từ khi binh đao xảy ra tới nay, quán này bỏ điêu tàn, tượng thánh cũng đổ nát. Đó, đâu phải do sức người gây ra, ôi vì vận hội tạo ra như thế. Truyện thần tiên thật mênh mang, tôi không thể nào biết được. Phật dẫu là hư vô, mà chủ yếu ở trang nghiêm và bác ái, đạo đó rất gần với người, nên người ta yêu mến mà phụng thờ, không kể đến sự thi ơn báo đức, song vẫn có đạo lí ở trong.

Đất này có Tam Thai[2] dẫn long mạch tới, từ phương Kiền Hợi (tây bắc), chuyển tới phương Dần Thân (tây nam), nổi lên gò con thổ.[3] Bên tả bên hữu toả ra như chiếc màn ngự, để làm đối sơn.[4] Đằng trước tới sông, nước từ phương Canh (tây) đưa lại minh đường,[5] thật là kiểu đất thần tiên.

Ngày nay mưu tính sửa sang lại cái cảnh đã bị phế hoại, theo y nền cũ, đổi "quán" là "tự," có thể gọi là "Tam Thai tự" (chùa Tam Thai). Đem tượng Tam Thanh[6] cũ do người phương Bắc đắp, sửa lại thành tượng Tam Thế[7] rước thờ ở gian giữa, để tiện khêu đèn thắp hương.

Này! Chùa dùng hai chữ Tam Thai gọi tên, nghĩa là làng ta lúc nào cũng có vị Tam Thai ra đời, để ứng nghiệm với cái danh từ tốt đẹp của nhà Phong thủy, thì chùa này là điềm hay vậy. Làng ta từ già đến trẻ, ý

nghĩ thế nào? Riêng tôi đây xin quyên góp thí chút để giúp cho việc khởi công. Các viên chức có đồng một ý chí, may không cho lời tôi nói là thừa thì cùng với vị Hội chủ trồng nên cây phúc, là phải.

CHÚ THÍCH:

1. Phổ khuyến, khuyến hóa khắp mọi người, cùng góp của hay góp công vào việc ích lợi chung, có một cuốn sổ, ai cúng bao nhiêu thì ghi vào, tức là sổ lạc quyên, danh từ quen dùng của nhà chùa.

2. Tam Thai là tên ba vì sao Thượng Thai, Trung Thai, Hạ Thai. Ở triều đình có ba vị quan chủ chốt: Thái uý, Tư đồ, Tư không, ứng với ba vị sao đó.

3. Ở cánh đồng, nổi lên gò đất cao, hình tròn gọi là con kim, dài gọi con mộc, vuông gọi là con thổ. Danh từ của nhà địa lý dùng.

4. Đối sơn, hai quả núi đối nhau.

5. Minh đường, một khoảng đất rộng mà bằng ở trước mặt.

6. Tượng Tam Thanh, do Đạo giáo đắp thành tượng thờ ba vị tiên ở ba cung: Thượng Thanh, Ngọc Thanh, Thái Thanh.

7. Tượng Tam Thế, là tượng của ba đời Phật, quá khứ, hiện tại, vị lai. Phật quá khứ (kiếp trước của Phật hiện tại) là Văn Thù Bồ Tát Phật; Phật hiện tại (có sống ở trong lịch sử) là Thích Ca Mâu Ni Phật; Phật vị lai (kiếp sau của Phật hiện tại) là Di Lặc Phật.

4. 奉擬御禱雨文

惟：天相佑下民，雨暘煥寒風以時。二氣順布，百穀用成，而民命所恃以制者也。

迺自開春迄茲，恒暘嗇雨，田土龜析，禾穀焦殺，下民囂囂然，將有無年之嘆。臣夙夜不寧，深用怵惕，顧其爲長者之過，百性何辜？靜言思之，自兵役繁而民多死於非命。重之征役，加以科徭，積戾乖和，乃干天譴。

竊惟：倉赤生理未蘇，重罹凶鞠，將焉聊賴！爲此虔誠，懇叩。

伏望：旁燭無疆，臨下有赫，時降澍雨，以救稿苗，俾下民得以相安於田里之中，而臣亦不至獲戾於高高之上。是所大願也。

PHIÊN ÂM:

PHỤNG NGHĨ NGỰ ĐẢO VŨ VĂN

Duy: Thiên tương hựu hạ dân, vũ dương úc hàn phong dĩ thời. Nhị khí thuận bố, bách cốc dụng thành, nhi dân mệnh sở thị dĩ chế giả dã.

Nãi tự khai xuân hất từ, hằng dương sắc vũ, điền thổ quy tích, hoà cốc tiêu sát, hạ dân hiêu hiêu nhiên, tương hữu vô niên chi thán. Thần túc dạ bất ninh, thâm dụng truật dương, cố kỳ vi trưởng giả chi quá, bách tính hà cô? Tĩnh ngôn tư chi, tự binh dịch phồn nhi dân đa tử ư phi mệnh. Trọng chi chinh dịch, gia dĩ khoa dao, tích lệ quai hoà, nãi can thiên khiển.

Thiết duy: Thương xích sinh lý vị tô, trùng la hung cúc, tương yên liêu lại! Vi thử kiền thành, khẩn khẩu.

Phục vọng: Bàng chúc vô cương, lâm hạ hữu hách, thời giáng thụ vũ, dĩ cứu cao miêu, tỉ hạ dân đắc dĩ tương an ư điền lý chi trung, nhi thần diệc bất chí hoạch lệ ư cao cao chi thượng. Thị sở đại nguyện dã.

DỊCH NGHĨA:

VÂNG NGHĨ THAY THÁNH THƯỢNG BÀI VĂN CẦU MƯA

Kính nghĩ: Trời giúp kẻ hạ dân, ban cho mưa nắng nóng lạnh và gió, đúng thì. Hai khí âm dương thuận hoà, trăm giống lúa nảy nở, sinh mạng của dân nhờ đó mà trông cậy.

Suốt từ ngày khai xuân tới nay, nắng mãi không mưa, ruộng đất nứt nẻ, lúa má héo khô, kẻ hạ dân đều ngơ ngác, thốt ra những lời than thở, sẽ bị mất mùa. Thần ngày đêm không yên, vô cùng sợ hãi, tự cho là bề trên có lỗi, còn như bách tính thì có tội gì? Điềm tĩnh mà suy nghĩ, bởi tự chiến tranh, lấy những binh lính phu dịch nhiều, mà dân đa số bị chết uổng mạng. Lại vì chinh dịch nặng nề, sưu thuế chồng chất, cứ chứa chất mãi sự lầm lỗi, làm trái ngược cả hoà khí, thành thử trời phải khiển trách!

Trộm nghĩ: Từ lúc xảy ra binh biến tới nay, con đường sinh sống của dân đen, chưa khôi phục được, lại luôn mắc nạn đói kém, thật biết nương nhờ vào đâu! Vì thế, thành khẩn kêu cầu.

Cúi mong: Rộng soi không bờ bến, xét tới kẻ hạ dân, xuống ngay một trận mưa rào, để cứu lúa má đang khô héo, khiến cho hạ dân được yên ổn trong chốn thôn quê, mà thần đây cũng không đến nỗi bị tội khi ngồi ngôi cao. Đó là nguyện vọng lớn lao của muôn dân vậy.

5. 擬遵生侯告天地文

臣忝由猥瑣；幸竊寵溫。

節旄叨制於兩陲，堡障全虧薄效；戍鎮濫專於四道，勤勞未答洪私。

仰憑覆載之仁；獲保平康之慶。

旋旆已踰三夏，公私多冗，未伸祈籲之儀；赴司恪值初秋，榮衛少寧，彌切監臨之懼。

庸憑菲薄；仰叩高明。

伏望：恢洗無私；感通不遠。

護臣微躬健旺，暨仝家人眷，咸臻亨吉之休；佑臣祿命延長，及屬轄吏民，共享清平之福。

PHIÊN ÂM

NGHĨ TUÂN SINH HẦU CÁO THIÊN ĐỊA VĂN

Thần thiêm do úy toả; hạnh thiết sủng ôn.

Tiết mao thao chế ư lưỡng thùy, bảo chướng toàn khuy bạc hiệu; thú trấn lạm chuyên ư tứ đạo, cần lao vị đáp hồng tư.

Ngưỡng bằng phú tái chi nhân; hoạch bảo bình khang chi khánh.

Tuyền bái dĩ du tam hạ, công tư đa nhũng, vị thân kỳ thược chi nghi; phó ty khác trị sơ thu. vinh vệ thiểu ninh, di thiết giám lâm chi cụ.

Dung bằng phỉ bạc; ngưỡng khẩu cao minh.

Phục vọng: Khôi tẩy vô tư; cảm thông bất viễn.

Hộ thần vi cung kiện vượng, ký đồng gia nhân quyến, hàm trăn hanh cát chi hưu; hựu thần lộc mệnh diên trường, cập thuộc hạt lại dân, cộng hưởng thanh bình chi phúc.

DỊCH NGHĨA:

NGHĨ THAY TUÂN SINH HẦU BÀI VĂN CÁO TRỜI ĐẤT

Nay thần: Thẹn vì tài nhỏ; may chịu ơn nhiều.

Phất ngọn cờ khống chế hai khu, sự che chắn vẫn còn e số mỏng; vung lưỡi búa lạm quyền bốn cõi, sức cần lao chưa báo được ơn riêng.

Lượng nhân từ che chở được nương nhờ; đường hạnh phúc bình an mong giữ vững.

Cầm cờ trở lại, đã qua ba tháng hạ, công tư còn phức tạp, chưa sao dâng lễ để kêu cầu; vừa mới đến ty, đương giữa buổi sơ thu, khí huyết chưa điều hoà, đối với sáng soi càng sợ sệt.

Tỏ tình đơn bạc; kêu trước cao minh.

Cúi mong: Rộng lớn không riêng; cảm thông vẫn nghiệm.

Giúp cho thần, thân thêm mạnh khoẻ, và cả nhà nhân số, đều gặp điềm cát khánh luôn luôn; ban cho thần, lộc kéo lâu bền, và toàn hạt lại dân, cùng hưởng phúc trị bình mãi mãi.

6. 聞變告天地文

臣抱恙在京，適聞家信，震雷家祠之棠樹，其實其虛，亦無準信。

仰惟：天之明畏，自民明威。事忽傳聞，亦非偶然之故。念臣自壬寅遭變，不遑啓居，而操存持守之功，尚有慚於衿影。推之應事接物，其不滿人意甚多，更有深可懼者。

臣家世業儒，科甲功名，至臣身而寖滿，或者盛衰興廢之機，在於今日，而所以培福之道，茫乎無聞。尚賴皇天仁愛，未忍臣家門之廢墜，故譴告以警懼之。輒敢焚香叩籲。

伏惟：浩浩垂仁，宥其既往之愆，開以自新之善。俾臣因得悔過，培護福基，長綿香火之祠，永祐簪紳之澤。實惟高厚扶持之大德也。

PHIÊN ÂM:

VĂN BIẾN CÁO THIÊN ĐỊA VĂN

Thần bão dạng tại kinh, thích văn gia tín, chấn lôi gia từ chi đường

thụ, kì thực kỳ hư, diệc vô chuẩn tín.

Ngưỡng duy: Thiên chi minh uý, tự dân minh uy. Sự hốt truyền văn, diệc phi ngẫu nhiên chi cố. Niệm thần tự Nhâm Dần tao biến, bất hoàng khải cư, nhi thao tồn trì thủ chi công, thượng hữu tàm ư khâm ảnh. Xuy chi ứng sự tiếp vật, kỳ bất mãn nhân ý thậm đa, cánh hữu thâm khả cụ giả.

Thần gia thế nghiệp nho, khoa giáp công danh, chí thần thân nhi tẩm mãn, hoặc giả thịnh suy hưng phế chi cơ, tại ư kim nhật, nhi sở dĩ bồi phúc chi đạo, mang hồ vô văn. Thượng lại hoàng thiên nhân ái, vị nhẫn thần gia môn chi phế truy, cố khiển cáo dĩ cảnh cụ chi. Triếp cảm phần hương khấu thược.

Phục duy: Hạo hạo thùy nhân, hựu kỳ ký vãng chi khiêm, khai dĩ tự tân chi thiện. Tỷ thần nhân đắc hồi quá, bồi hộ phúc cơ, trường miên hương hoả chi từ, vĩnh dụ trâm thân chi trạch. Thực duy cao hậu phù trì chi đại đức dã.

DỊCH NGHĨA:

NGHE TIN CÓ BIẾN, LÀM BÀI VĂN CÁO VỚI TRỜI ĐẤT

Thần bị ốm ở kinh thành, chợt nghe tin nhà bị sét đánh cây đường ở từ đường, nào thật nào hư, cũng chưa tin hẳn.

Kính nghĩ: Tin đáng sợ đó rõ ràng do trời đưa đến, cái uy đó đúng là từ dân mà ra. Nay bỗng nghe tin truyền đến, cũng không phải là cái cớ ngẫu nhiên. Nghĩ như thần, từ khi gặp biến cố năm Nhâm Dần (1782), không lúc nào ăn ở được yên tâm, mà cái công e dè gìn giữ, vẫn còn nằm thẹn với chăn, đi hổ với bóng. Suy rộng ra, phàm những lam làm mọi việc, giao tiếp với người đời, không làm vừa lòng người còn rất nhiều, điều đó lại càng đáng sợ hơn.

Gia đình thần đời đời theo nghiệp nho, khoa bảng công danh, tới bản thân thần đây dần dần đầy đủ, hoặc giả cái cơ suy thịnh hưng vong là ở ngày nay, nên con đường vun đắp nền phúc, mờ mịt không đâu. Còn nhờ có lòng thương yêu của hoàng thiên, chưa nỡ để cho nhà cửa thần sa sút sụp đổ, cho nên mới quở trách răn bảo cho sợ hãi. Bởi thế, thắp nhang kêu khấn.

Cúi nghĩ: Lòng nhân rủ xuống mênh mang, thứ cho cái lỗi đã qua,

mở ra con đường lương thiện để tự đổi mới. Khiến cho nhờ đó mà được ăn năn sửa đổi, bồi đắp nền phúc, kéo dài ngôi từ đường toả ngát hương thơm, lưu mãi nguồn ơn trạch hào hoa trâm ngọc. Thật là nhờ đức lớn của trời cao đất dầy giúp đỡ cho.

7. 告床銅寨土神文

惟神德體含光；道齊博厚。

萬里蟠龍出洞，儼然眞宰之當朝；四圍回虎拜堂，若凜將軍之出鎮。

蓋地運之荊榛既久；故天光之開發有時。

小生，叨領兩宮；濫司一路。

偶負薪而到此，爲虞水土之殊常；幸披棘而得斯，實感神明之厚畀。

迺營始構；爰卜私庄。

既擇吉以築基，謹陳儀而告禮。

伏望和平以聽；鑒格有孚。

相新居永奠里仁，山水護高明之宅；佑小腆稠膺國寵，文武兼相將之科。

PHIÊN ÂM:

CÁO SÀNG ĐỒNG TRẠI THỔ THẦN VĂN

Duy thần: Đức thể hàm quạng; đạo tề.bác hậu.

Vạn lý bàn long xuất động, nghiễm nhiên chân Tể chi đương triều; tứ vi hồi hổ bái đường, nhược lẫm tướng quân chi xuất trấn.

Cái địa vận chi kinh trăn ký cửu; cố thiên quang chi khai phát hữu thời.

Tiểu sinh, thao lĩnh lưỡng cung; lạm ty nhất lộ.

Ngẫu phụ tân nhi đáo thử, vi ngu thủy thổ chi thù thường; hạnh phi cức nhi đắc tư, thực cảm thần minh chi hậu tí.

Nãi doanh thủy cấu; viên bốc tư trang.

Ký trạch cát dĩ trúc cơ; cẩn trần nghi nhi cáo lễ.

Phục vọng, hoà bình dĩ thính; giám cách hữu phu.

Tương tân cư vĩnh điện lý nhân, sơn thủy hộ cao minh chi trạch; hựu tiểu điển trù ưng quốc sủng, văn vũ kiêm tướng tướng chi khoa.

DỊCH NGHĨA:

VĂN CÁO VỊ THỔ THẦN Ở TRẠI SÀNG ĐỒNG

Kính nghĩ Thổ thần ngài: Đức vẫn bao hàm sáng tỏ; đạo thường rộng lớn vững dầy.

Bốn bên hổ lượn quanh nhà, khác chi tướng quân ra trấn thủ; muôn dặm rồng bò ra trước động, y như Tể tướng đóng hàng châu.

Có lẽ mạch đất để ngưng trệ đã nhiều khi; cho nên lòng trời cho mở mang vừa gặp lúc.

Tiểu sinh tôi: Lạm quyền một trấn; lĩnh việc hai cung.

Vì cái lo đội củi[1] bỗng qua đây, nhận thấy cảnh khác thường riêng đất nước; may được buổi phá gai[2] mà được đó, thật nhờ công giúp đỡ của thần minh.

Bèn mới kinh dinh; bèn xem bói toán.

Đã chọn ngày tốt đắp nền đắp trái; kính bày nghi lễ nào khấn nào cầu.

Cúi mong: Cho được hoà bình; tin mà chứng giám.

Giúp nhà mới ở lòng nhân mãi mãi, núi cùng sông ủng hộ nếp cao minh; khiến tiểu nhân[3] được mang ơn nước trùng trùng, văn với vũ bao gồm khoa tướng tướng.

CHÚ THÍCH:

1. Đội củi, là nói bị đau ốm, lời khiêm tốn. *Kinh Lễ*: Nếu nhà vua sai kẻ sĩ đi bắn mà không quen, thì phải từ chối là bị ốm, nói là có cái lo "đội củi" (Hữu phụ tân chi ưu).

2. Phá gai, phá sạch gai góc, cũng như nói phá hoang.

3. Nguyên văn "tiểu điển," cũng như nói tiểu nhân, lời tự khiêm.

8. 安梂社迎神告文

恭惟令公：紫府儲精；神童降秀。

一十八年出世，寒芒吐焰，不污塵境之炎涼；五百餘載會神，英氣流光，再返僊班之酬奉。

驗端陽之飛貨；與上哲而同符。

蒲簿赴宴當年，應箕尾歸天之信息；蓮沼呈祥此日，聚斗奎照地之英華。

既愛敬之攸同；實尊親之罔間。

茲本社等一心信向，敬奉與陳朝狀元宋先生並同享祀，奉同尊爲斗南雙俊。

蠲穀旦而奉迎；駕雕輦而進發。

風伯雨師清道，旺紅旗紫蓋於東南；雲駢霧輦旋宮，如章甫衮衣之左右。

伏惟赫濯；俯賜鑒臨。

PHIÊN ÂM:

AN CẦU XÃ NGHÊNH THẦN CÁO VĂN

Cung duy lệnh công: Tử phủ sừ tinh; thần đồng giáng tú.

Nhất thập bát niên xuất thế, hàn mang thổ diệm, bất ô trần cảnh chi viêm lương; ngũ bách dư tải hội thần, anh khí lưu quang, tái phản tiên ban chi thù phụng.

Nghiệm Đoan dương chi phi hoá; dữ thượng triết nhi đồng phù.

Bồ chiêm phó yến đương niên, ứng ky vĩ quy thiên chi tín tức; liên chiểu trình tường thử nhật, tụ Đẩu Khuê chiếu địa chi anh hoa.

Ký ái kính chi du đồng; thực tôn thân chi võng gián.

Tư bản xã đẳng nhất tâm tín hướng, kính phụng dữ Trần triều

Trạng nguyên Tống tiên sinh tịnh đồng hưởng tự, phụng đồng tôn vi Đẩu Nam song tuấn.

Quyên cốc đán nhi phụng nghênh; giá điêu liễn nhi tiến phát. Phong bá vũ sư thanh đạo, vượng hồng kỳ tử cái ư đông nam; vân biển vụ liễn tuyền cung, như chương phủ cổn y chi tả hữu.

Phục duy hách trạc; phủ tứ giám lâm.

DỊCH NGHĨA:

VĂN CÁO RƯỚC THẦN CỦA XÃ AN CẦU[1]

Kính nghĩ lệnh công ngài: Nơi phủ tía tinh hoa chứa góp; vị thần đồng tuấn tú giáng sinh.

Ra đời mười tám năm tròn,[2] tia sáng chiếu ra, xá quản cõi trần gian nóng nực; ứng vận năm trăm năm lẻ,[3] khí thiêng rớt lại, bèn về nơi tiên cảnh ứng thù.

Nghiệm xem ngày mất, vào tiết Đoan dương;[4] chính được đồng đều với bậc thượng triết.[5]

Năm đó hiên bồ thưởng tiệc,[6] ứng tin tức cưỡi sao Cơ sao Vĩ chầu trời;[7] và ngày điềm báo hoa sen,[8] họp cả sao Đẩu sao Khuê rọi đất.[9]

Đã tỏ đồng đều ái kính; nào đâu chia rẽ tôn thân.

Nay dân bản xã, một lòng tín ngưỡng, thờ cùng với Tống tiên sinh trạng nguyên triều Trần, cùng hưởng thờ tự, coi như là đôi sao Bắc Đẩu cao vút ở phương Nam.

Chọn ngày tốt mà rước thần; đem kiệu rồng mà hộ giá.

Dọn đường nhờ có thầy mưa bác gió, cờ hồng lọng tía rợp đông tây; về cung, nào là xe móc tàn mây, mũ rộng áo dài chen tả hữu.

Cúi mong đức sáng; nhờ được xét soi.

CHÚ THÍCH:

1. Xã An Cầu, huyện Phủ Cừ, Hưng Yên, quê Trạng nguyên Tống Trân. Đền Ngô Thì Nghi, tự Dụng Cát, là con thứ 2 của Ngô Thì Nhậm, 18 tuổi mất (1776-1793), được phong là Thượng đẳng phúc thần Văn Trang Đại Vương. Có ruộng hương hoả giao cho dân làng.

2. Chỉ Ngô Thì Nghi, 18 tuổi mất.

3. Năm trăm năm, Mạnh Tử nói: Cứ 500 năm sẽ có vị thánh nhân ra đời. Đây tác giả cho Ngô Thì Nghi ứng vào hội đó mà sinh.

4. Tiết Đoan dương, tức mồng 5 tháng 5.

5. Bậc thượng triết, chưa rõ chỉ ai?

6. Hiến bồ thưởng tiệc, ý nói mồng 5 tháng 5 uống tiệc rượu Xương bồ ở trước hiên.

7. Cưỡi sao Cơ, Vĩ: Liệt Tử nói, đời thương Phó duyệt chết, tinh thần thác vào sao Cơ, sao Vĩ.

8. Ao sen, tức nói cảnh mùa hè.

9. Đẩu, Khuê: Là hai vì sao văn tinh.

9. 下田祭文

尊神：刱始三農，肇興百穀。

高麥下稻，栽成二氣發生， 火耨始耕，參贊兩間亭毒。

茲因夏麥之告成，正直秋禾之用 續。

伏望：茂相天工， 順從民俗。

是穗是褒，三時咸遂耕耘；斯倉斯箱，百室胥陶富足。

一 誠聊具齋明，萬壽仰祈景福。

PHIÊN ÂM:

HẠ ĐIỀN TẾ VĂN

Tôn thần: Sáng thủy tam nông, triệu hưng bách cốc.

Cao mạch hạ đạo, tài thành nhị khí phát sinh, hoả nậu thủy canh, tham tán lưỡng gian đình độc.

Tư nhân hạ mạch chi cáo thành, chính trực thu hoà chi dụng tục,

Phục vọng: Mậu tướng thiên công, thuận tòng dân tục.

Thị lộc thị cổn, tam thời hàm toại canh vân, tư thương tư sương, bách thất tế đào phú túc.

Nhất thành liêu cụ trai minh, vạn thọ ngưỡng kỳ cảnh phúc.

DỊCH NGHĨA:

VĂN TẾ HẠ ĐIỀN

Kính nghĩ tôn thần: Mở đầu ba nghề nông;[1] gây trồng trăm giống lúa.

Lốc thì cao, nếp thì thấp, giúp cho ba khí[2] phát sinh; lửa thì xới, nước thì bừa, sánh cùng trời đất đắp bồi.

Nay nhân lúa mạch tháng hè vừa gặt; chính gặp vụ lúa mùa thu phải trồng.

Cúi mong: Giúp lẽ tự nhiên; thuận theo thói tục.

Nào gặt, nào xén, ba mùa[3] xong công việc cầy bừa; thành đụn thành kho, trăm họ hưởng mùa màng no đủ.

Một chút lòng thành, lập đàn cầu đảo; muôn tuổi thọ ngửa trông cầu phúc lớn.

CHÚ THÍCH:

1. Ba nghề nông, chỉ làm ruộng trên cao, làm ruộng nơi đồng bằng, làm ruộng ở dưới thấp.

2. Ba khí, tức âm, dương và bán âm bán dương.

3. Ba mùa: xuân, hạ, thu, là mùa làm lụng của nhà nông.

10. 本縣祭文

（孔廟祭）

大哉斯道；
統宗萬世。
日用彝倫；
巨細悉備。
師儒傳授；
曰行曰藝。
成人之道，
不外乎是。
禮有常經，
報本反始。
茲因合會，
敬陳薄祭。
仰惟景行，
弘施陰庇。
凡預宮牆，

絃歌洋濟。
進德修業，
釋回增美。
文派汪汪，
書澤不已。
衣冠名區，
益多受祉。

PHIÊN ÂM:

BẢN HUYỆN TẾ VĂN
(KHỔNG MIẾU TẾ)

Đại tai tư đạo;
Thống tông vạn thế.
Nhật dụng di luân;
Cự tế tất bị.
Sư nho truyền thụ;
Viết hành viết nghệ.
Thành nhân chi đạo,
Bất ngoại hồ thị.
Lễ hữu thường kinh,
Báo bản phản thủy.
Tư nhân hợp hội,
Kính trần bạc tế.
Ngưỡng duy cảnh hành,
Hoằng thi ấm tí.
Phàm dự cung tường,
Huyền ca dương tế.
Tiến đức tu nghiệp,
Thích hồi tăng mỹ.
Văn phái uông uông,
Thư trạch bất dĩ.
Y quan danh khu,
Ích đa thụ chỉ.

DỊCH NGHĨA:

VĂN TẾ BẢN HUYỆN
(TẾ Ở MIẾU THỜ KHỔNG TỬ)

Lớn lao thay đạo nho!
Thâu tóm làm tông chỉ cho muôn đời.
Những đạo lý dùng thường ngày;
Dù lớn dù nhỏ, đầy đủ hết.
Các bậc nho giả truyền thụ;
Nào hạnh kiểm, nào nghề nghiệp.
Con đường đào luyện thành người,
Không vượt ngoài hai cái đó.
Báo đáp cái gốc, trở lại chỗ bắt đầu,
Là đạo thường của lễ.
Nay nhân cùng hội họp,
Kính bầy lễ mọn.
Ngửa trông bậc tiên triết,
Mở rộng ơn trở che.
Phàm đã được dự tới cung tường,[1]
Đàn ca dào dạt vui vẻ.
Đức tiến, nghiệp sửa sang,
Mở mang tăng thêm vẻ đẹp.
Nguồn văn nguồn học lai láng,
Ơn sách vở bút mực khôn cùng.
Nơi mũ áo đai lưng danh tiếng,
Càng nhận được nhiều phúc lành.

CHÚ THÍCH:

1. Cung tường: Chỉ nơi thờ Khổng Tử, ý nói là được dự vào hạng văn thân hàng huyện.

11. 入席唱歌文

（聯珠格）

竊惟：

三以九爲孫，

聖人奉無私三，

作樂以道和平。
三生五，聲五音五，
五五盛于九，
故簫韶奏而鳳皇來儀。
成曰九，
九以三爲祖。
治世如天保九，
登歌而侑福貺。
九配七，命七德七，
七七會於三，
故世道泰而騶鱗爲畜。
陽則三，
陽則三，寓正直而一。
直而一，實化育是參，
參天地主宰。
讀國庇民跡乃晦，
對時育物用乃隱。
神之爲德盛矣，
上可與天地並，
並乾坤無疆。
陟左降右德何宏！
烝夏嘗秋福何長！
民之享神格思，
大則等乾坤咸。
咸之爲義溥博，

博也其澤濡涵。

涵泳聖澤，

謳歌鼓舞。

今朝斯樂斯陶，

三之日無雲無霾行在北。

仰賴神功保佑扶持本邑：

多福多壽，百斯男！

爲棵爲棟旺於南。

PHIÊN ÂM:

NHẬP TỊCH XƯỚNG CA VĂN

(LIÊN CHU CÁCH)

Thiết duy:
Tam dĩ cửu vi tôn,
Thánh nhân phụng vô tư tam,
Tác nhạc dĩ đạo hoà bình.
Tam sinh ngũ, thanh ngũ âm ngũ,
ngũ ngũ thịnh vu cửu,
Cố Tiêu thiều tấu nhi phụng hoàng lai nghi.
Thành viết cửu,
Cửu dĩ tam vi tổ.
Trị thế như Thiên bảo cửu,
Đăng ca nhi hựu phúc huống.
Cửu phối thất, mệnh thất đức thất,
Thất thất hội ư tam,
Cố thế đạo thái nhi kỳ lân vi súc.
Dương tắc tam.
Dương tắc tam, ngụ chính trực nhi nhất,
Trực nhi nhất, thực hoá dục thị tham,
Tham thiên địa chủ tể.
Hộ quốc tí dân tích nãi hối,

Đối thời dục vật dụng nãi ẩn.
Thần chi vi đức thịnh hĩ,
Thượng khả dữ thiên địa tịnh,
Tịnh càn khôn vô cương.
Trắc tả giáng hữu đức hà hoằng!
Chưng hạ thường thu phúc hà trường!
Dân chi hưởng thần cách tư,
Đại tắc[a] *đẳng càn khôn hàm.*
Hàm chi vi nghĩa phổ bác,
Bác dã kỳ trạch nhu hàm.
Hàm vịnh thánh trạch,
Âu ca cổ vũ.
Kim triêu tư lạc tư đào,
Tam chi nhật vô vân vô mai hành tại bắc.
Ngưỡng lại thần công bảo hựu phù trì bản ấp:
Đa phúc đa thọ bách tư nam!
Vi lương vi đống vượng ư nam.

DỊCH NGHĨA:

VĂN XƯỚNG CA VÀO ĐÁM

(DÙNG CÁCH LIÊN CHÂU)

Trộm thấy:
Số ba lấy số chín làm cháu,
Thánh nhân theo ba điều không riêng,[1]
Làm ra nhạc để dẫn dụ hoà bình.
Số ba sinh ra số năm, năm thanh năm âm.[2]
Năm lần số năm thịnh ở số chín,
Cho nên, nhạc Tiêu thiều tâu lên thì phượng hoàng lại chầu.[3]
Tâu chín khúc là xong!
Số chín lấy số ba làm ông.
Đời trị như số chín thơ Thiên bảo[4]
Hát lên mà đón phúc thần.
Số chín phối hợp với số bảy, bảy mệnh, bảy đức.[5]

Bảy lần số bảy hội lại ở số ba,
Cho nên, thế đạo hanh thông, kỳ lân theo ra.[6]
Dương là ba;
Dương là ba, gửi vào đức chính trực mà thành ra một.
Chính trực là một, đúng là có hoá dục tham dự vào,[7]
Tham dự với quyền chủ tể của trời đất.
Cứu nước giúp dân, hình tích vẫn dấu kín,
Thuận thời, nuôi vật, tác dụng còn ẩn sâu.
Đức thần linh thịnh vượng,
Trên cùng trời, dưới cùng đất,
Cùng với càn khôn, vô bờ.
Lên bên tả xuống bên hữu, đức sao mà rộng!
Cúng mùa hạ tế mùa thu, phúc sao mà dài!
Dân phụng thờ, thần tới hâm hưởng,
To lớn thì sánh đều cùng trời đất.
Cái nghĩa đồng đều thì rất rộng,
Vì rộng, nên ơn trạch tràn trề.
Tắm gội ơn trạch nhà Thánh,
Ngợi ca khua trống nhảy múa.
Sớm nay vui vẻ nồng nàn,
Ngày tháng ba dương[8] không mây không
mù trôi về phía bắc.
Ngửa nhờ công lao thần linh gìn giữ giúp đỡ cho
bản ấp:
Tiền của nhiều, tuổi nhiều, con trai kể hàng trăm!
Để làm kèo làm cột, thịnh vượng ở miền nam.

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/10: Huệ khả 惠可

CHÚ THÍCH:

1. Ba điều không riêng: Trời không che riêng, đất không chở riêng, mặt trời mặt trăng không che riêng.

2. Năm thanh: Cung, thương, giác, chuỷ, vũ. Năm âm: Cũng như năm thanh.

3. Nhạc Tiêu thiều, nhạc của vua Thuấn, *Kinh Thư:* Tiêu thiều cửu thành, phụng

hoàng lai nghi (Múa hát nhạc Tiêu thiều chín khúc xong, có chim phượng hoàng lại chầu).

4. Thơ *Thiên bảo* có 9 chữ "như" chúc phúc nhà vua: Như núi, như cồn, như gò, như đống, như nước sông chảy đến, như mặt trăng thường sáng, như mặt trời đương mọc, như núi Nam sơn thọ mãi, như cây tùng cây bách thường xanh tốt.

5. Bảy mệnh, cũng như "bảy can" (thất gián) do Trương Hiệp làm ra.

Bảy đức, Kinh Phật nói về bảy đức: Tin tưởng, tiến lên, cấm giới, hổ thẹn, nghe ngóng, hỉ xả, định tuệ.

6. Kỳ lân làm gia súc, ý nói đời thái bình thì có kỳ lân ra, thái bình lâu dài thì kỳ lân ra số nhiều, có thể nuôi được như súc vật trong nhà.

7. Hoá dục, biến hoá nuôi dưỡng muôn vật, đó là việc tự nhiên của trời đất. *Trung Dung* nói: Vị thánh nhân hay thể tất hết được bản tính của vạn vật, thế là có thể giúp đỡ được sự hoá dục cho trời đất. Đã giúp đỡ được hoá dục cho trời đất, thì có thể cùng trời đất mà trường tồn.

8. Tháng 3 dương, tức tháng 3 hào dương đã sinh, trỏ vào tháng giêng âm lịch, vì thuộc về quẻ Địa lôi phục.

Trong bài có nói đến những con số có vẻ như không ăn khớp gì với nhau, nhưng có lẽ đó là những con số chỉ số tiếng đàn gảy hoà nhịp vào số tiếng trống gõ khi hát. Hoặc có thể là số nhịp trống, nhịp đàn hoà vào số câu hát của điệu hát liên châu (xâu chuỗi vào với nhau).

12. 告床銅寨孤魂文

嗟嗟爾倖，藏骨此區。
閱歷風霜，幾度春秋。
蟠龍出峒，形靈氣幽。
爾有子孫，爲爾營丘。

或探龍珠，或攀龍鬚。
爾魂何附，神龍亦收。
未躍虞淵，未騰天衢。
容爾陰魂，暫止山隅。

蓁莽不開，蛇虺所鳩。
爾魂何依，烏啼蟬啾。

四顧山青，八泓水流。
淡煙漠漠，白雲悠悠。

予悲爾魂，天地浮蜉。
何能消受，何能管勾。
天光既發，披闢蓁蕪。
龍乃奮爪，致雲九洲。

非爾攸寧，誰爲爾謀。
予建新庄，爲臺爲樓。
惟神相協，惟龍助休。
人鬼殊途，爾無滯留。

爾有宗親，爾諮爾諏。
給爾棺衾，拾爾髑髏。
遷爾別塋，爾墳乃修。
爾無怨恫，享予薄酬。
萬古蔚藍，爾優爾游。

PHIÊN ÂM:

CÁO SÀNG ĐỒNG TRẠI CÔ HỒN VĂN

Ta ta nhĩ trù, tàng cốt thử khu.
Duyệt lịch phong sương, kỷ độ xuân thu.
Bàn long xuất động, hình linh khí u.
Nhĩ hữu tử tôn, vi nhĩ doanh khưu.

Hoặc thám long châu, hoặc phàn long tu.
Nhĩ hồn hà phụ, thần long diệc thu.
Vị dược ngu uyên, vị đẳng thiên cù.
Dung nhĩ âm hồn, tạm chỉ sơn ngung.

Trăn mãng bất khai, xà hủy sở cưu.
Nhĩ hồn hà y, ô đề thiền thu.

Tứ cố sơn thanh, bát hoằng thủy lưu.
Đạm yên mạc mạc, bạch vân du du.

Dư bi nhĩ hồn, thiên địa phù phu.
Hà năng tiêu thụ, hà năng quản câu.
Thiên quang ký phát, phi tịch trăn vu.
Long nãi phấn trảo, trí vân cửu châu.

Phi nhĩ du ninh, thùy vi nhĩ mưu.
Dư kiến tân trang, vi đài vi lâu.
Duy thần tương hiệp, duy long trợ hữu.
Nhân quỷ thù đồ, nhĩ vô trệ lưu.

Nhĩ hữu tông thân, nhĩ tư nhĩ thu.
Cấp nhĩ quan khâm, thập nhĩ chúc lâu.
Thiên nhĩ biệt oanh, nhĩ phần nãi tu.
Nhĩ vô oán đồng, hưởng dư bạc thù.
Vạn cổ uất lam, nhĩ ưu nhĩ du.

DỊCH NGHĨA:

VĂN CÁO CÔ HỒN Ở TRẠI SÀNG ĐỒNG

Thương thay cho lũ chúng bay, gửi xương ở khu này.
Gió sương đã từng trải, xuân thu bao đổi thay.
Rồng quanh ra khỏi động, hình thiêng khí âm u.
Bay có con có cháu, vì bay đắp thành mồ.

Có kẻ móc ngọc rồng, có kẻ vin râu rồng.
Hồn bay dựa dẫm đâu, rồng thần cũng chạy mau.
Chưa vượt khỏi đầm rộng, chưa vươn trên đường trời.
Dung thứ âm hồn bay, tạm cho ở góc đồi.

Bỏ hoang vu chưa khai, rồng rắn tụ họp nhau.
Hồn bay dựa vào đâu, vượn hót ve kêu sầu.
Bốn mặt non xanh quây, nước chảy tám vụng đầy.
Mờ mờ khói nhạt toả, rằng rặc mây trắng bay.

Ta thương linh hồn bay, như muỗi ở cõi đời.
Tiêu thụ sao cho được, quản thúc cũng chẳng rời.
Ánh sáng trời đã lộ, phá hết cõi hoang vu.
Rồng kia dương nanh vuốt, nhả mây khắp chín châu.

Phải nơi yên thân đâu, ai vì bay bày mưu.
Ta mở trang trại mới, lập nên đài nên lầu.
Được thần minh giúp đỡ, được long mạch hộ trì.
Khác nhau người với quỷ, bay không được dừng lại.

Bay có thân thích ai, ta thăm dò tới ngay.
Cấp quan tài chăn gói, để thu hài cốt bay.
Thiên bay đi mả khác, mả bay ta sửa sang.
Bay không nên oán hận, chứng hưởng lễ tiễn xoàng.

Xanh xanh trong cảnh thiên đường,
Là nơi muôn thuở bay thường tiêu dao.

13. 奉擬皇正后誄文

朕惟，誄者紀其實，所以重悼亡之情，亦以昭褒德之道。

朕於后，夫婦也，君臣也，于存沒之感，安得不表斯人之淑，以慰在天之靈，垂永世之鑒。蓋實錄，非溢美也。

皇正后生而神靈，柔順端莊，貞純靜一，以禮自守。年十六歸于朕，執德婉娩，敬戒無違。朕時年踰冠，以濟世安民爲念，東西結納，徙地不常，后欣然從之，勸成其志。嬪京之初，塵埃中備嘗艱阻，而躬執婦道，日益加勤，凡賞賜饗待。軍中多所需用，后夙夜拮据，身任勤勞，雖不貲之費，亦不之靳。將士咸得其歡心，預附日以益眾。從征將士妻子，后居常存問其艱苦，賑濟其匱乏。且日與之遊處，撫恤之，勞慰之，使之樂爲用，而忘其從役之勞。

朕起自布衣，芟刈群雄，得將士之力，成經營之志，后之功也。

朕既定北城，南旋富春，天下大勢略定，而戎車歲駕，不遑啓

居，后聿來胥宇，內主陰教，本根深固。

朕奄有天下，光登寶位，后正位宮中，肅肅雍雍，莫不承德。

自事朕以來，后惟朕言是從，毫無異同，朕心是契，毫無乖戾。

朕征伐四方，久兵于外，后蓁縞穆思，視於無形，聽於無聲，后之心未嘗不在於朕之身也。

天下既一，雞鳴告旦，相予以治，后儉勤謙損，其心未嘗以五曜一日安也。

天眷我國，作之良配，以贊有興之業，后之生其不偶哉！

后少孤，與母居，甚孝敬，溫厚敦雅，與人無爭。然有所不爲，則確乎其守。微時雖屢遭橫逆屈迫，置之不辨。蓋困心衡慮，天篤生意也。始事皇太后甚謹，溫清定省之禮不敢缺，親奉紫供養，未嘗少惰，皇宗姓皆以孝幸稱。

相事宗廟，俎豆之薦，躬執其事，僮祁之被，心主乎敬，孝思尤爲純篤。

其不驕不妒，雖貴賤始終如一也，嬪御中有以賢行蒙寵，后心誠好之，且衣服以與之而疵護其乖錯疏斥者，俾無所失，六宮之人，飲和食德。

且黎后之初來也，后請躋之右宮，以共佐內政，毫無挾舊爭長之意。左右兩宮，有和巽之風，無猜忌之嫌。后先施之以德，稱之者內外無異辭。

朕觀堯女之事舜，足媲其美，而其事更有難者，非坤德不習無不利能之乎？

自古媵嬪者流，鮮不驕妒，比來陋習尤甚。后謙以處已，仁以逮下，朕刑于之化，得后而成之，使天下咸和夫婦之道，嫡庶之分。藹然燦然！凡親炙其德化者，皆滌心改行，而聞其風者，尤足以警頑

悍起錮疾者矣。

接遇文武妻室，極其和易寬恕，雖疏遠卑陋，無不恩意浹洽。進止間稍有罣誤，必假顏色曲容之，漠然若不知。左右或乘間讚毀，后曰："斥人過失，非忠厚之意。不欲聞此言。"以故群下感悅，樂於趨赴。

諸掖庭有得罪罹怒譴者，后必待其威霽，徐辨救解之，多賴以免。

左右侍從，御之以寬，不大聲以色，然宮庭之間，秩然有序。前代諸宗婦有進謁者，以禮貌接之，且奏請祿田，使不至顛越。

孤窮者恤之，疾苦者字之，仁聲孚於遠近。

尋常富貴家，見其貧寒孤苦者，往往掩口羞斥，若將免焉。后稔知生民塗炭之苦，目擊心痛，不以宮闈褕褘尊貴間隔之，非天性仁慈之至不能也。

螽斯之和氣充溢，麟趾之仁厚蕃衍，良有以夫。

其尤卓卓然者，宮中未嘗干預外政，雖親舊貴寵，不敢有所干請。諸庶子視同所生，或失母者，乳哺顧復，尤爲古來母后所難及。

歷觀后嘉言懿範，足以基王化，贊帝業，彤管殆不及書。古所謂太姒德妃邑姜亂臣，庶幾之矣。

計十九年間，后贊助于內，艱難締造，乃有此大業，朕方以母儀天下期之。嗟夫！天假之年，二南之化，未可知也。此吾所以悲悼愛惜之深，非獨以伉儷之情也。

方后病時，外而朝臣，內而宮婦，咸沐齋致禱，殞越請命。雖村野匹夫匹婦，亦皆奔走祈禱，咸謂福且壽天所必篤意于者，事固有莫可計者，命矣。

夫！事而未可算者是命乎？后以今年二月癸午崩，享年三十有四，寧陵于香茶海葛金鳳山之陽，其年五月戊戌也，號其陵曰昌瑞陵，去富

春都城十餘里。

嗚呼！其人已矣，而德音嚶嚶，宛然猶在！

后之靈陟降在天，后之德感思在人。朝野遠近，莫不流涕，悲痛者，如失所恃。況宮中失此良佐，朕之心其曷既哉！

夫！以此人此德，而卒不能享壽，抑造化有所缺。賦予有不齊，使人于閒數之局不能無憾焉。

呼嗟后兮，德爲聖女，其生也榮，其死也哀，謚之曰仁恭端靖貞淑，且爲文以哀之，其辭曰：

繫神霄之嵌嶔兮，毓翠質于太陰，闡金波之祥光兮炯蕊珠之瑤簪！

五百年之前後兮，匪清河之單應；倪天妹之作配兮，實扶輿之精孕。

來震旦於帝閽兮，珩珮鏘其和聲；儼作則於天宮兮，失湘山之皇英。

惟皇正后，鐘靈坤厚；德邁姚妃，道隆文母。

徽柔恭懿，淑慎端莊，金輝玉瑩，梅潔蘭芳。

帝命造舟，其光不顯，是尊儀型，是師聖善。

冰霜爲操，琚璜爲儀，風化二南，實始王基。

長秋宮兮桂影高，予求衣兮后心憂勞。

承明庭兮金聲曉，予聞磬兮后心眄想。

后相予兮垂二十年，一險夷兮榮悴不遷。

家南北兮助予薰絃，忽仳離兮悠悠蒼天。

婺星慘以收輝，蓬嶺頹其欲墜，金鸞號於九皋，碧藕泣乎中沚。

豈其璇宮公輸竣工，輕軨鼓吹，還歸太空。

豈其塵世，濁陰酸鼻，霓裳羽衣，清虛乃逝。

悲乎噫，土瘞蒿燈，匪后朕憎，東北喪朋！

悲乎噫，副笄六珈，匪后朕多，陸隊駒過。

鱗趾慟蟠桃之難攀，魚串哭槎木以不見。

濟濟刻白檀而可像，蚩蚩素簪奈其即遠。

寸腸兮欲斷，十意兮難如，存亡兮契闊，升沉兮居諸。

天茫茫兮不可問，仁者壽兮何乃斬？

神悠悠兮不可求，夢輾轉兮余心憂。

朕有盤水，持盈如始；內無聽職，誰從予治！

朕有六轡，錫鑾方鳴；庭無章順，孰和我聲！

朕思燕翼，豐水有芑；長樂無鐘，曷兮予悴。

朕思時敕，庭燎有輝；永巷無簪，疇相予勤。

有山嵯峨，白雲靉靆，玉人何歸，神旌旆旆。

有水縈迴，綠波悠揚；好逑何之，舟鷁煌煌。

夏日永兮銅龍細，玉宇瓊樓兮雲侵翡翠；撫素琴兮扣 鳳簫，朕心慘傷兮，雞鳴卷耳。

南風高兮繁蟬悲，鼛鼓無聲兮芙蓉淚垂；駕玉橋兮望翠微，朕心慘傷兮曷私曷之！

嗚呼百年，松枝破瓦；周原膴宇，髮膚宗社。

嗚呼重泉，幽谷埋香；麥飯一匙，窮際思量。

嗚呼長天，落霞孤鶩；至哉徽音，爭光漢宿。

嗚呼大塊，巨浸浮槎；卓然厚積，根腳泰華。

雲光艷兮明河好；織就紫綃兮支磯石倒。

嗚鳩響斷兮露冷籧篨；哀哀婉婺兮涕零玉藻。

閭闔啓兮信風溫；上林花謝兮梁燕無言。

幃鞠影殘兮霜侵穠棣；嗟嗟賢淑兮，淚落金根。

長悲思悲思愷悌；蔭裕樾聊兮澤覃葛藟。自我不見兮，夙昔鐏鋗乎紫陛。

長悲思悲思溫恭；敬存繅績兮，莊在祁儃。自我不見兮，芳儀約略乎丹楓。

如可作兮重扃曉；有尺素兮聊相照。

天台路兮月渺茫；青鳥不來兮倦鄉杳杳。

如可贖兮百身輕；雖八表兮雲何慳？

上清宮兮煙落漠；去鶴不返兮雲達溟溟。

蓋至人之不亡，偕太素之無極；觀穿滴之俱泯，雖喬松而瞬息。

天相吉兮啓祥；地儲靈兮錫昌。

金鳳翔雲兮屴峻；玉樽吸川兮深長。

松楸遠近兮新宮；枌榆高低兮故宇。萃佳氣之鬱葱，同合之吾土。豐邑瞻盼，乾坤崗陵。皇正后宅之，聲靈不崩。

閟宮茲芬，聖神宗廟；皇正后享之，雲仍是保。

乃訣離別，乃寫悲傷，乃鋪懿鑠，乃敘休光。

乃紀縑緗，衮華千古；追誄皇正后之德，與兩儀之間而同壽。

PHIÊN ÂM:

PHỤNG NGHĨ HOÀNG CHÁNH HẬU LỤY VĂN

Trẫm duy, lụy giả kỷ kỳ thực, sở dĩ trùng điệu vong chi tình, diệc dĩ chiêu bao đức chi đạo.

Trẫm ư Hậu, phu phụ dã, quân thần dã, vu tồn một chi cảm, an đắc bất biểu tư nhân chi thục, dĩ uý tại thiên chi linh, thuỳ vĩnh thế chi giám. Cái thực lục, phi ích mỹ dã.

Hoàng chánh hậu sinh nhi thần linh, nhu thuận đoan trang, trinh thuần tĩnh nhất, dĩ lễ tự thủ. Niên thập lục quy vu trẫm, chấp đức uyển miễn, kính giới vô vi. Trẫm thời niên du quan, dĩ tế thế an dân vi niệm, đông tây kết nạp, tỉ địa bất thường, Hậu hân nhiên tòng chi, khuyến thành kỳ chí. Tần kinh chi sơ, trần ai trung bị thường gian trở, nhi cung chấp phụ đạo, nhật ích gia cần, phàm thưởng tứ hưởng đãi. Quân trung

đa sở nhu dụng, Hậu túc dạ cát cứ, thân nhậm cần lao, tuy bất tư chi phí, diệc bất chi cận. Tướng sĩ hàm đắc kỳ hoan tâm, dự phụ nhật dĩ ích chúng. Tòng chinh tướng sĩ thê tử, Hậu cư thường tồn vấn kỳ gian khổ, chẩn tế kỳ quỹ phạp. Thả nhật dữ chi du xứ, phủ tuất chi, lao úy chi, sử chi lạc vi dụng, nhi vong kỳ tòng dịch chi lao.

Trẫm khởi tự bố y, sam ngoạt quần hùng, đắc tướng sĩ chi lực, thành kinh dinh chi chí, Hậu chi công dã.

Trẫm ký định Bắc Thành, nam tuyền Phú Xuân, thiên hạ đại thế lược định, nhi nhung xa tuế giá, bất hoàng khải cư, Hậu duật lai tế vũ, nội chủ âm giáo, bản căn thâm cố.

Trẫm yêm hữu thiên hạ, quang đăng bảo vị, Hậu chính vị cung trung, túc túc ung ung, mạc bất thừa đức.

Tự sự trẫm dĩ lai, Hậu duy trẫm ngôn thị tòng, hào vô dị đồng, trẫm tâm thị khế, hào vô quai lệ.

Trẫm chinh phạt tứ phương, cửu binh vu ngoại, Hậu cơ cảo mục tư, thị ư vô hình, thính ư vô thanh, Hậu chi tâm vị thường bất tại ư trẫm chi thân dã.

Thiên hạ ký nhất, kê minh cáo đán, tướng dư dĩ trị, Hậu kiệm cần khiêm tổn, kỳ tâm vị thường dĩ ngũ địch nhất nhật an dã.

Thiên quyến ngã quốc, tác chi lương phối, dĩ tán hữu hưng chi nghiệp, Hậu chi sinh kỳ bất ngẫu tai!

Hậu thiếu cô, dữ mẫu cư, thậm hiếu kính, ôn hậu đôn nhã, dữ nhân vô tranh. Nhiên hữu sở bất vi, tắc xác hồ kỳ thủ. Vi thời tuy lũ tao hoành nghịch khuất bách, trí chi bất biện. Cái khốn tâm hành lự, thiên đốc sinh ý dã. Thủy sự Hoàng thái hậu thậm cẩn, ôn thanh định tỉnh chi lễ bất cảm khuyết, thân phụng án cung dưỡng, vị thường thiếu đoạ, Hoàng tông tính giai dĩ hiếu hạnh xưng.

Tướng sự tông miếu, trở đậu chi tiến, cung chấp kỳ sự, đồng kỳ chi bị, tâm chủ hồ kính, hiếu tư vưu vi thuần đốc.

Kỳ bất kiêu bất đố, tuy quý tiện thủy chung như nhất dã, tần ngự trung hữu dĩ hiền hạnh mông lung, Hậu tâm thành hiếu chi, thả y phục dĩ dữ chi nhi tí hộ kỳ quai thố sơ xích giả, tỉ vô sở thất, lục cung chi nhân, ẩm hoà thực đức.

Thả Lê hậu chi sơ lai dã, Hậu thỉnh tê chi Hữu cung, dĩ cộng tá nội

chính, hào vô hiệp cựu tranh trưởng chi ý. Tả Hữu lưỡng cung, hữu hoà tốn chi phong, vô sai kỵ chi hiềm. Hậu tiên thi chi dĩ đức, xứng chi giả nội ngoại vô dị từ.

Trẩm quan Nghiêu nữ chi sự Thuấn, túc tỳ kỳ mỹ, nhi kỳ sự cánh hữu nan giả, phi khôn đức bất tập vô bất lợi năng chi hồ?

Tự cổ yên đại giả lưu, tiên bất kiêu đố, tỉ lai lậu tập vưu thậm. Hậu khiêm dĩ xử kỷ, nhân dĩ đãi hạ, trẩm hình vu chi hoá, đắc Hậu nhi thành chi, sử thiên hạ hàm hoà phu phụ chi đạo, đích thứ chi phận. Ái nhiên! Xán nhiên! Phàm thân trá kỳ đức hoá giả, giai điều tâm cải hạnh, nhi văn kỳ phong giả, vưu túc dĩ cảnh ngoan hãn khởi cố tật giả hĩ.

Tiếp ngộ văn võ thê thất, cực kỳ hoà dị khoan nhứ, tuy sơ viễn ti lậu, vô bất ân ý hiệp hiệp. Tiến chỉ gian sảo hữu quải ngộ, tất giả nhan sắc khúc dung chi, mạc nhiên nhược bất tri. Tả hữu hoặc thừa gián tán hủy, Hậu viết: "Xích nhân quá thất, phi trung hậu chi ý. Bất dục văn thử ngôn." Dĩ cố quần hạ cảm duyệt, lạc ư xu phó.

Chư dịch đình hữu đắc tội ly nộ khiển giả, Hậu tất đãi kỳ uy tễ, từ biện cứu giải chi, đa lại dĩ miễn.

Tả hữu thị tòng, ngự chi dĩ khoan, bất đại thanh dĩ sắc, nhiên cung đình chi gian, trật nhiên hữu tự. Tiền đại chư tông phụ hữu tiến yết giả, đãi lễ mạo tiếp chi, thả tấu thỉnh lộc điền, sử bất chí điên việt.

Cô cùng giả tuất chi, tật khổ giả tự chi, nhân thanh phu ư viễn cận.

Tầm thường phú quý gia, kiến kỳ bần hàn cô khổ giả, vãng vãng yểm khẩu tu xích, nhược tương miễn yên. Hậu nẫm tri sinh dân đồ thán chi khổ, mục kích tâm thống, bất dĩ cung khổn du bạt tôn quý gián cách chi, phi thiên tính nhân từ chi chí bất năng dã!

Chung tư chi hoà khí sung dật, lân chỉ chi nhân hậu phồn diễn, lương hữu dĩ phù.

Kỳ vưu trác trác nhiên giả, cung trung vị thường can dự ngoại chính, tuy thân cựu quý sủng, bất cảm hữu sở can thỉnh. Chư thứ tử thị đồng sở sinh, hoặc thất mẫu giả, nhũ bộ cố phục, vưu vi cổ lai mẫu hậu sở nan cập.

Lịch quan Hậu gia ngôn ý phạm, túc dĩ cơ Vương hoá, tán Đế nghiệp, đồng quản đãi bất cập thư. Cổ sở vị: "Thái Tự đức phi Ấp Khương loạn thần," thứ cơ chi hĩ.

Kế thập cửu niên gian, Hậu tán trợ vu nội, gian nan đế tạo, nãi hữu thử đại nghiệp, trẩm phương dĩ "Mẫu nghi thiên hạ" kỳ chi. Ta phù!

Thiên giả chi niên, Nhị nam chi hoá, vị khả tri dã. Thử ngô sở dĩ bi điệu ái tích chi thâm, phi độc dĩ khang lệ chi tình dã.

Phương Hậu bệnh thời, ngoại nhi triều thần, nội nhi cung phụ, hàm mộc trai trí đảo, vẫn việt thỉnh mệnh. Tuy thôn dã sất phu sất phụ, diệc giai bôn tẩu kỳ đảo, hàm vị phúc thả thọ thiên sở tất đốc ý vu giả, sự cố hữu mạc khả kế giả, mệnh hĩ.

Phù! Sự nhi vị khả toán giả thị mệnh hồ? Hậu dĩ kim niên nhị nguyệt Canh Ngọ băng, hưởng niên tam thập hữu tứ, ninh lăng vu Hương Trà Hải Cát Kim Phụng sơn chi dương, kỳ niên ngũ nguyệt Mậu Tuất dã, hiệu kỳ lăng viết Xương Thụy lăng, khứ Phú Xuân đô thành thập dư lý.

Ô hô! Kỳ nhân dĩ hĩ, nhi đức âm vỉ vỉ, uyển nhiên do tại. Hậu chi linh trắc giáng tại thiên, Hậu chi đức cảm tư tại nhân. Triều dã viễn cận, mạc bất lưu thế, bi thống giả, như thất sở thị. Huống cung trung thất thử lương tá, trẫm chi tâm kỳ hạt ký tai!

Phù! Dĩ thử nhân thử đức, nhi tốt bất năng hưởng thọ, ức tạo hoá hữu sở quyết, phú dữ hữu bất tề? Sử nhân vu nhàn số chi cục bất năng vô hám yên.

Hu ta Hậu hề, đức vi thánh nữ, kỳ sinh dã vinh, kỳ tử dã ai, thụy chi viết "Nhân cung đoan tĩnh trinh thục," thả vi văn dĩ ai chi, kỳ từ viết:

Hệ thần tiêu chi khảm khâm hề, dục túy chất vu thái âm, xiển kim ba chi tường quang hề, huyến nhụy châu chi dao trâm!

Ngũ bách niên chi tiền hậu hề, phỉ thanh hà chi đơn ứng; hiện thiên muội chi tác phối hề, thực phù dư chi tinh dựng.

Lai chấn đán ư đế khuyết hề, Hành Bội tương kỳ hoạ thanh; nghiễm tác tắc ư thiên cung hề, thất Tương sơn chi Hoàng Anh.

Duy Hoàng chánh hậu, chung linh khôn hậu; đức mại Nguyên phi, đạo long Văn mẫu.

Huy nhu cung ý, thục thận đoan trang, kim huy ngọc oánh, mai khiết lan phương.

Đế mệnh tạo chu, kỳ quang bất hiển, thị tôn nghi hình, thị sư thánh thiện.

Băng sương vi tháo, Cư Hoàng vi nghi, phong hoá Nhị Nam, thực thủy vương kì.

Trường thu cung hề quế ảnh cao, dư cầu y hề Hậu tâm ưu lao.

Thừa minh đình hề kim thanh lượng, dư văn khánh hề Hậu tâm miện tưởng.

Hậu tương dư hề thùy nhị thập niên, nhất hiểm di hề vinh tụy bất thiên.

Gia nam bắc hề trợ dư huân huyền, hốt tỷ ly hề du du thương thiên.

Vụ tinh thảm dĩ thu huy, Bồng lĩnh đồi kỳ dục truy, kim loan hiệu ư cửu cao, bích ngẫu khấp hồ trung chỉ.

Khởi kỳ tuyền cung Công Thâu tuấn công, ôn lương cổ xuý, hoàn quy thái không?

Khởi kỳ trần thế, trọc ấm toan tị, nghê thường vũ y, thanh hư nãi thệ.

Bi hồ y, thổ chướng cát đăng, phỉ Hậu trẫm tăng, đông bắc tang bằng!

Bi hồ y, phó kê lục gia, phỉ Hậu trẫm đa, lục khích câu quá.

Lân chỉ đỗng bàn đào chi nan phàn, ngư xuyên khốc cù mộc dĩ bất kiến.

Tế tế khắc bạch đàn nhi khả tượng, xi xi tố trâm nại kỳ tức viễn.

Thốn trường hề dục đoán, thập ý hề nan như, tồn vong hề khế khoát, thăng trầm hề cư chư.

Thiên mang mang hề bất khả vấn, nhân giả thọ hề hà nãi cận?

Thần du du hề bất khả cầu, mộng triển chuyển hề dư tâm ưu.

Trẫm hữu bàn thủy, trì doanh như thủy; nội vô thính chức, thùy tòng dư trị!

Trẫm hữu lục bí, tích loan phương minh; đình vô chương thuận, thục hoà ngã thanh!

Trẫm tư yến dực, Phong thủy hữu dĩ; trường lạc vô chung, hạt hề dư tụy.

Trẫm tư thời sắc, đình liêu hữu huy; vĩnh hạng vô trâm, trù tương dư cần.

Hữu sơn ta nga, bạch vân ái đãi; ngọc nhân hà quy, thần tinh bái bái.

Hữu thủy oanh hồi, lục ba du dương; hảo cầu hà chi, chu ích hoàng hoàng.

Hạ nhật vĩnh hề đồng long tế, ngọc vũ quỳnh lâu hề vân xâm phỉ thuý; phủ tố cầm hề khấu phượng tiêu, trẫm tâm thảm thương hề Kê minh Quyển nhĩ.

Nam phong cao hề hệ thiền bi, triệu cổ vô thanh hề phù dung lệ thùy; giá ngọc kiều hề vọng thúy vi, trẫm tâm thảm thương hề hạt tư hạt chi!

Ô hô bách niên, tùng chi phá ngoã; chu nguyên tế vũ, phát phu tông xã.

Ô hô trùng tuyền, u cốc mai hương; mạch phạn nhất chuỷ, cùng tế tư lường.

Ô hô trường thiên, lạc hà cô vụ; chí tai huy âm, tranh quang Hán tú.

Ô hô đại khối, cự tẩm phù sà; trác nhiên hậu tích, căn cước thái hoa;

Vân quang diệm hề Minh Hà hảo; chức tựu tử tiêu hề Chi Cơ thạch đảo.

Minh cưu hưởng đoán hề lộ linh cừ khuông; ai ai uyển vụ hề để linh ngọc tảo.

Lư hạp khải hề tín phong ôn; Thượng lâm hoa tạ hề lương yến vô ngôn.

Vĩ cúc ảnh tàn hề sương xâm nùng đệ; ta ta hiền thục hề lệ lạc kim căn.

Trường bi tư bi tư khải để; ấm dụ thúc da hề, trạch đàm cát lũy. Tự ngã bất kiến hề, túc tích tăng đào hồ tử bệ.

Trường bi tư bi tư ôn cung; kính tồn sào tích hề, trang tại kỳ đồng. Tự ngã bất kiến hề, phương nghi ước lược hồ đan phong.

Như khả tác hề trùng quynh hiểu; hữu xích tố hề liêu tương chiếu.

Thiên Thai lộ hề nguyệt diểu mang; thanh ô bất lai hề tiên hương yểu yểu.

Như khả độc hề bách thân khinh; tuy bát biểu hề vân hà kiên?

Thượng Thanh cung hề yên lạc mạc; khứ hạc bất phản hề vân đạt minh minh.

Cái chí nhân chi bất vong, giai thái tố chi vô cực; quan xuyên trích chi câu dẫn, tuy kiều tùng nhi thuấn tức.

Thiên tướng cát hề khởi tường; địa trừ linh hề tích xương.

Kim phượng tường vân hề đẩu tuấn; ngọc tôn hấp xuyên hề thâm trường.

Tùng thu viễn cận hề tân cung; phần du cao đê hề cố vũ. Toái giai khí chi uất thông, đồng hợp chi ngô thổ.

Phong ấp chiêm phán, càn khôn cương lăng. Hoàng chánh hậu trạch chi, thanh linh bất băng.

Bí cung bật phân, thánh thần tông miếu; Hoàng chánh hậu hưởng chi, vân nhưng thị bảo.

Nãi quyết ly biệt, nãi tả bi thương, nãi phô ý thược, nãi tự hưu quang.

Nãi kỷ kiêm tương, cổn hoa thiên cổ; truy luỵ Hoàng chánh hậu chi đức, dữ lưỡng nghi chi gian nhi đồng thọ.

DỊCH NGHĨA:

PHỤNG NGHĨ BÀI VĂN LỤY (VIẾNG) BÀ HOÀNG CHÁNH HẬU

Trẫm nghĩ: Lụy là ghi sự thực, là để trọng cái tình thương tiếc người qua đời, và cũng là làm sáng tỏ cái đạo ca ngợi người có đức.

Trẫm với Hậu, là chồng vợ, là vua tôi, với mối thương cảm kẻ khuất người còn, sao lại chẳng được nêu cao đức tốt của con người ấy, để yên ủi vong linh ở trên trời, soi tấm gương sáng cho muôn đời sau! Phải chăng, bản thực lục này không phải là quá khen ngợi!

Hoàng chánh hậu khi sống, lanh lẹ, nhu thuận đoan trang, trinh thuần tĩnh nhất, luôn tự giữ lễ. Tuổi 16 về với trẫm, giữ đức uyển chuyển, kính sợ không trái ý. Trẫm lúc đó tuổi mới ngoài 20, bụng chỉ để ở chỗ giúp đời yên dân, nay đây mai đó, chốn ở không nhất định, Hậu vẫn vui vẻ theo đi, khuyên cho đạt được chí nguyện. Ngay buổi đầu mới về làm dâu ở kinh đô, trong đám gió bụi vất vả nếm đủ, nhưng vẫn giữ đúng đạo làm vợ, càng ngày càng siêng năng, đại phàm như những việc ban thưởng, hay yến ẩm, khoản đãi. Trong quân chi dùng nhiều, Hậu ngày đêm luôn chân luôn tay, tự mình chăm chỉ gánh vác, dẫu tiêu phí vô hạn, mà cũng không tiếc. Tướng sĩ ai cũng vui lòng, mừng rỡ mà quy phụ ngày càng nhiều. Vợ con những tướng sĩ đi tòng chinh, Hậu thời thường tới thăm hỏi nỗi gian khổ, giúp đỡ mọi thiếu thốn. Hơn nữa, hàng ngày cùng chơi bời vỗ về họ, yên ủi họ, khiến họ vui lòng giúp việc, quên cả những việc tòng dịch vất vả.

Trẫm xuất thân từ một người dân mặc áo vải, đánh dẹp mọi kẻ hùng mạnh, nhờ sức tướng sĩ, thoả được chí kinh dinh, là công của Hậu đó!

Bình định được Bắc Thành, trẫm trở về kinh đô Phú Xuân trong nam, đại thế thiên hạ tạm ổn, nhưng quanh năm vẫn phải dong ruổi nhung xa, ở chưa được yên, Hậu theo về chốn đó, chủ việc giáo hoá ở bên trong, khiến cho cội gốc được bền vững.

Trẫm có cả thiên hạ, ngự lên ngôi báu, Hậu cũng chính ngôi trong cung, nghiêm túc hoà nhã, không ai không đội đức.

Từ sau khi thờ trẫm, nói gì theo vậy, không chút trái ngược, hợp với ý trẫm, không chút ngang ngạnh.

Trẫm đánh dẹp bốn phương, đóng quân mãi ở ngoài, Hậu đội khăn đen, mặc áo trắng, nhớ nhung sâu sắc, nhìn cái bóng vô hình, nghe cái lời vô thanh, tấm lòng của Hậu luôn để ở bên trẫm.

Thiên hạ đã thống nhất, gà gáy báo dậy sớm, Hậu cùng giúp đỡ việc trị bình cho ta. Hậu luôn cần kiệm khiêm tốn, tấm lòng ấy, với xe ngũ địch[1] chưa một ngày được yên.

Trời yêu tới nước ta, tác thành lương duyên, giúp dấy lên cơ nghiệp. Hậu sinh ra đời há không phải ngẫu nhiên đấy chăng!

Hậu khi còn nhỏ mồ côi cha, ở với mẹ rất hiếu kính, ôn hoà, nhã nhặn, với người không tranh giành. Song cái gì không nên làm, thì giữ vững ý định. Hồi còn nhỏ, dẫu gặp những việc ngang trái uẩn khúc, thì gác sang một bên không bận tâm. Có lẽ, khi gặp khó khăn, lòng biết gác lại, đó là ý trời sinh ra vậy. Lúc đầu, phụng thờ đấng Hoàng thái hậu kính cẩn, cái lễ quạt nồng ấp lạnh, sớm thăm tối hỏi, không dám khiếm khuyết, tự mình bưng cơm nuôi nấng, chưa từng tỏ chút lười nhác, người trong Hoàng phái đều khen là hiếu hạnh.

Giúp việc tông miếu, dâng tiến đồ tế lễ, tỏ cái lễ độ đồng đồng kỳ kỳ,[2] lòng chủ ở chữ kính, hiếu tư rất thành khẩn.

Bản tính không kiêu căng, không ghen tuông, dẫu sang hay hèn, vẫn trước sau như một. Trong những cung tần có ai vì đức hạnh hiền hậu mà được yêu tới, Hậu cũng tỏ thật lòng vui vẻ, hơn nữa, lại cho cả khăn áo, che trở, giúp đỡ những chỗ sai xót sơ hở, khiến cho được vẹn toàn. Mọi người trong lục cung, đều được hưởng đức ấy.

Vả, khi Lê hậu[3] mới tới, Hậu xin cho ở Hữu cung, để cùng giúp cho

công việc nội trợ, không hề có ý cậy là cũ, tranh là chị. Hai cung Tả và Hữu vẫn giữ vẻ thuận hoà, không sinh lòng ghen ghét. Hậu trước hết đem ơn đức để thi hành, nên trong ngoài đều cùng khen ngợi.

Trẫm xem con gái vua Nghiêu thờ đế Thuấn, Hậu đủ sánh kịp đức tốt của họ, mà công việc của Hậu lại có chỗ hơn, không có cái đức của quẻ Khôn "Bất tập vô bất lợi" (Không mắc tập quán hủ lậu, thì không gì là không lợi), mà có thể được thế chăng?

Từ xưa phái son phấn, ít có ai không có máu ghen, gần đây cái thói quen hủ lậu đó rất sẵn. Riêng Hậu lấy khiêm tốn giữ mình, lấy nhân từ đãi kẻ dưới, cái giáo hoá "hình vu"[4] của trẫm được hậu tán thành, khiến cho thiên hạ đều biết cái đạo làm chồng, làm vợ, cái bổn phận làm vợ cả, làm vợ lẽ. Tốt đẹp sao! Rực rỡ sao! Phàm những người được gần gũi hấp thụ đức hoá của Hậu, đều cải tính đổi nết, mà cả đến người được nghe phong thanh của Hậu, lại cũng tự ngăn ngừa cái thói ngoan ngạnh kiêu hãnh, mà bỏ cái cố tật từ lâu.

Về việc tiếp đãi ứng xử với các bà vợ của văn vũ bách quan, rất mực hoà dị khoan thứ, dẫu họ sơ xuất quê lậu, song vẫn có ý gia ân hoà hợp chu đáo. Trong lúc đi đứng, nếu họ có chút sai lầm, sắc mặt vẫn như thường, dung thứ cho, ngơ đi như không biết. Xung quanh hoặc có kẻ nhân khi sơ hở mà gièm pha, Hậu bảo ngay: "Vạch cái sai lầm của người, không phải là cái ý trung hậu. Không muốn nghe những lời đó." Vì thế, những kẻ dưới quyền cảm phục, thoả ý vui lòng làm theo.

Trong các dịch đình nếu có kẻ vì có tội bị giận mà khiển trách, Hậu vẫn đợi khi cơn thịnh nộ đã nguôi rồi, từ tốn biện bạch cứu giải hộ, phần nhiều nhờ đó mà được vô sự.

Các tên thị tòng tả hữu, Hậu dùng khoan thứ đối xử, không hề đỏ mặt to tiếng, nhưng trong chốn cung đình vẫn có trật tự. Các bà dâu trong Hoàng phái của triều đại trước, nếu có vào thăm, Hậu tiếp đãi đủ lễ độ, lại tâu xin lộc điền cho, để khỏi chật vật.

Thương kẻ mồ côi cùng quẫn, giúp kẻ ốm đau khổ sở, tiếng nhân từ đưa khắp xa gần, ai cũng tin tưởng.

Những nhà giầu sang tầm thường, họ thấy kẻ cô đơn nghèo khổ, thường thường bịt miệng xua đuổi, như sợ sẽ dính phải. Hậu thì vẫn biết nỗi khổ sở lầm than của sinh dân, mắt nhìn, lòng đau, không vì mình có đệm gấm chăn hoa ở trong cung cấm là tôn quý mà xa cách họ. Cái đó

không thể làm được, nếu không có thiên tính nhân từ!

Hoà khí như cánh chung tư đầy dẫy, nhân hậu như gót kỳ lân kéo dài,[5] là bởi thế đó.

Nói đến sự cao quý thì trước hết là: Ở trong nội cung chưa từng can dự đến chính sự bên ngoài, dẫu họ hàng, bè bạn, người quyền quý, đều không dám cầu cạnh gì. Hậu luôn coi các con bà khác, như là con mình sinh ra, nếu đứa nào mẹ không còn, thì cho bú mớm vỗ về, cái đó càng làm cho những mẫu hậu xưa nay không theo kịp.

Trải thấy Hậu có lời hay, nết tốt, đủ làm nền tảng cho Vương hoá, giúp đỡ cho Đế nghiệp, không bút mực nào tả kịp. Người xưa nói: "Thái Tự là bà phi có đức, Ấp Khương là nữ thần dẹp loạn,"[6] Hậu sánh được như thế.

Tính trong khoảng 19 năm, Hậu đóng vai nội trợ, vất vả gây dựng, mới có cơ nghiệp lớn này, trẫm đương kỳ vọng Hậu là bậc "Mẫu nghi thiên hạ." Than ôi! Nếu trời gia hạn tuổi cho, thì cái nền phong hoá Chu nam và Thiệu nam[7] chưa thể biết được. Do đó ta sở dĩ đau buồn thương tiếc vô vàn, không phải chỉ riêng ở tình cảm đẹp đôi phải lứa.

Khi Hậu mới bị bệnh, ngoài thì các triều thần, trong thì mọi cung phụ, cùng chay tịnh cầu đảo, vật vã xin thêm thọ mệnh. Dẫu đến cả thất phu thất phụ ở thôn quê, cũng đều chạy vạy khấn cầu, đều bảo phúc và thọ trời tất nhiên sẽ hậu đãi cho người có đức đó.

Ôi! Việc không thể tính được, là mệnh đấy chăng? Hậu ngày Canh Ngọ tháng 2 năm nay mất, tuổi mới 34, an táng ở phía nam núi Kim Phụng xã Hải Cát huyện Hương Trà, vào ngày Mậu Tuất tháng 5 năm đó, gọi tên lăng là Xương Thụy lăng, cách đô thành Phú Xuân hơn 10 dặm.

Đời người thôi thế là thôi,

Đức âm phảng phất, than ôi vẫn còn!

Linh hồn của Hậu khi lên khi xuống ở cõi đời, mà đức của Hậu ở mãi trong sự cảm nhớ của mọi người. Gần thì triều đình, xa thì thôn dã, chẳng ai là không sa nước mắt mà đau thương, như mất chốn trông cậy. Huống chi trong cung vắng một tay phù tá giỏi, lòng của trẫm sao mà nguôi được!

Ôi, người ấy, đức ấy, mà thọ không được hưởng, hay là tạo hoá có chỗ thiếu xót, phú dữ có chỗ không đều chăng? Khiến cho người đời, với cục số nhàn hạ không thể không oán hận.

Than ôi! Hậu này! Kể đức thì là bậc thánh nữ, sống thì vẻ vang, thác thì buồn rầu, đặt tên thuỵ là: "Nhân cung đoan tĩnh trinh thục," lại làm mấy chữ để tỏ nỗi buồn. Lời rằng:

Trời mây cao thẳm chừ, đúc thành vừng thái âm; nổi ánh sáng trên sóng vàng chừ, rực rỡ, ngọc châu là hoa mà ngọc dao là trâm!

Năm trăm năm trước và sau chừ, chẳng phải sông Hoàng Hà trong không ứng rõ;[8] ví như em gái trời[9] cùng phối hợp chừ, thật tinh khí của cuộc phù dư[10] nảy nở.

Từ cõi đông tới cửa vua chừ, đeo ngọc Hành ngọc Bội tiếng kêu ôn hoà; nghiễm nhiên làm khuôn phép trong cung trời chừ, nàng Nga Hoàng và Nữ Anh[11] ở non Tương còn kém xa.

Nhớ Hoàng chánh hậu, đất thiêng nung đúc; đức hơn bà Nguyên phi,[12] đạo sánh bà Văn mẫu.[13]

Đoan trang thục thận, mềm mỏng ôn cung; lan thơm, mai sạch, vàng sáng ngọc trong.

Trời sai đóng thuyền, đức sáng tốt đẹp;[14] khuôn hay noi theo, điều lành bắt phép.

Băng sương tiết sạch, Cư Hoàng tiếng vang;[15] Nhị Nam[16] thói đẹp, mở mang nền vương.

Trong cung cuối thu chừ, bóng trăng cao; ta tìm áo[17] chừ, Hậu tỏ lòng lo âu.

Nhân buổi triều đình sáng sủa chừ, tiếng chuông rầm rộ; ta nghe tiếng khách chừ, Hậu để lòng nom ngó.

Hậu giúp đỡ ta chừ, hai mươi năm trời, coi hiểm trở như bằng phẳng chừ, tươi, héo chẳng rời.

Nam bắc một nhà chừ, giúp ta lựa khúc đàn phải thời;[18] hốt nhiên chia rẽ chừ, trời xanh trêu ngươi!

Sao Vụ[19] buồn mà lờ mờ, non Bồng[20] xiêu tạm sụp đổ; chim kim loan kêu gào ở gò kia, sen biếc bỗng khóc lóc trong hồ nọ.

Có lẽ cung ngọc, Công Thâu[21] làm xong; kiệu xe kèn quyển, đón về cõi thái không?

Có lẽ cõi trần, tanh hôi nhơ cấn; áo vũ xiêm nghê, về nơi thanh tịnh.[22]

Ôi! Thương thay, đất che ngọn đèn, Hậu vắng, ta buồn; đời mất bạn hiền!

Ôi! Thương thay, trâm ngọc cài đầu,[23] Hậu vắng ta sầu; ngựa qua cửa mau![24]

Con cháu thương, cành đào sao khó vín; cung tần buồn, cây cù[25] sao dễ héo.

Khắc tượng bạch đàn đồ sộ nữa mà chi, bóng tố trâm[26] vội xa kìa khuất nẻo.

Tấc ruột chừ sẽ đứt, mong muốn chừ khó hay; còn mất chừ xa cách, chìm nổi chừ tháng ngày.

Trời mênh mông chừ, không thể hỏi; người có lòng nhân thì thọ chừ, sao lại yểu?

Thần xa xa chừ, không thể cầu; trằn trọc giấc mơ chừ, lòng ta lo âu.

Trẫm có chậu nước, giữ đầy như trước; nội trợ vắng người, ai giúp ta được!

Trẫm có sáu ngựa, nhạc loan hài hoà; sân vắng nhạc khúc,[27] ai hoạ đàn ta!

Ta nghĩ mưu xa, nhớ câu Phong dĩ;[28] Trường lạc vắng chuông,[29] ta luống tiều tuỵ.

Ta muốn lời răn, đuốc sân sáng tỏ; ngõ vắng[30] trâm rơi, ai người giúp đỡ?

Non xanh chon von, mây trắng phất phới; người ngọc đi đâu, minh tinh rũ rượi.[31]

Dòng sông uốn quanh, sóng biếc lăn tăn; người yêu đi đâu, thuyền rồng lênh đênh.

Ngày hè lâu chừ, giọt đồng rỏ nhẹ, cung ngọc lầu quỳnh chừ, mây trùm chăn phỉ thuý; gảy đàn cầm chừ, thổi kèn phụng tiêu, lòng ta dầu chừ thơ *Kê minh* thơ *Quyển nhĩ*.[32]

Gió nam mạnh chừ gợi tiếng ve sầu, trống chầu vắng chừ hoa phù dung xa lệ châu; cưỡi cầu ngọc chừ trong vòm trời cao, lòng ta bồn chồn chừ biết đi nơi đâu!

Than ôi! Trăm năm, cành thông gõ mái ngói; nhà ở yên vui[33] xã tắc ích lợi.[34]

Than ôi! Suối vàng, hang sâu vùi hương; bát cơm chiếc thìa, nhớ kỹ càng thương.

Than ôi! Trời cao, ráng sa, vụ chiếc;[35] đức âm tốt thay, sông Ngân tranh sáng.

Than ôi! Đất rộng, biển cả, bè trôi; lớn thay đức dầy, vững vàng rễ cội.

Mây sáng tỏ chừ, sông Minh Hà đẹp đẽ; lụa tía dệt xong chừ, đá Chi cơ[36] nghiêng nghé.

Tiếng chim kêu dứt chừ, sương lạnh nong tầm; xót thương người đẹp chừ, vẻ ngọc lệ đầm.

Cửa Xương hạp[37] mở chừ, thổi làn gió ấm; hoa vườn Thượng lâm rụng chừ, én lặng trên thượng lương.

Bóng áo quần vắng vẻ chừ, sương đầm ngọn đường lệ;[38] thương ôi người hiền thục chừ, lệ thấm cỗi vàng.[39]

Nhớ thương hoài! Nhớ thương hoài người khải đễ;[40] bóng rợp cành tiêu[41] chừ, ơn nhuần dây cát lũy.[42] Từ nay ta chẳng thấy chừ, sớm tối tiếng vang nơi bệ tía.

Nhớ thương hoài! Nhớ thương hoài, người ôn cung; kính cẩn ở nơi rút kén chắp gai[43] chừ, đi đứng thung dung. Từ nay ta chẳng thấy chừ, dùng nghi phảng phất chốn sân rồng.

Có thể trỗi dậy chừ, suối vàng sáng tỏ, một lá thơ gửi chừ sẽ cùng soi rõ.

Đường đi tới Thiên Thai[44] chừ, trăng lờ mờ; sứ chim xanh[45] không tới chừ, cảnh tiên hương cách trở.

Có thể chuộc lại được chừ, sẽ coi rẻ trăm tấm thân,[46] dẫu ở ngoài tám cõi chừ, mây sao phải ghen?

Cung Thượng Thanh chừ khói mờ mịt; hạc đi không trở lại chừ, đường mây mông mênh.

Có lẽ, bậc chí nhân không mất, cùng với thái hư mà vô tận; thấy giọt lệ rơi đều tan hết, dẫu như cây tùng cao cũng chỉ trong chớp mắt.

Trời giúp bậc cát nhân chừ, điềm lành mở đầu; đất đúc khí tốt chừ, ban cho thịnh giầu.

Phụng hoàng liệng chừ, mây lơ lửng cao; chén ngọc vục nước sông uống chừ, dài và sâu.

Cây tùng và cây thu xa chừ, ở nơi phần mồ; cây phần cây du thấp cao chừ, ở nơi quê cũ. Khí tốt tụ họp kìa âm u; khắp cả sáu cõi miền ngô thổ.

Ấp Phong[47] ngó trông; trời đất núi sông. Hậu yên chốn ở, linh thiêng vô cùng.

Cung sâu hương thơm, tông miếu thần tổ; Hậu nay phối hưởng, phù hộ dòng họ.

Này nỗi ly biệt, này lời bi thương; này phô đức tốt, này tỏ vinh quang.

Trướng lụa mấy hàng, hoa vóc nghìn thủa; nhắc lại đức hạnh Chánh hoàng hậu mà viết bài luỵ, cùng với trời cao đất dầy mà trường thọ.

CHÚ THÍCH:

1. Địch là lông chim chả, ngũ sắc, dùng để kết thành bức mành che xe Hoàng hậu.

2. *Kinh Thi*, thơ *Thái phồn*: "Bị chi đồng đồng, túc dạ tại công, bị chi kỳ kỳ, bạc ngôn tuyền quy" (Đội khăn chỉnh tề kính cẩn, sớm tối chầu trực công đường; đội khăn thong thả, chào nói trở về phòng riêng). Ý tả cái đức của vợ chư hầu.

3. Tức Ngọc Hân công chúa.

4. *Kinh Thi*, thiên *Đại nhã*: "Hình vu quả thê, chí vu huynh đệ, dĩ ngự vu bang gia" (Làm khuôn phép ở vợ con, rồi đến anh em, để ngự trị nước nhà).

5.Cánh chung tư, gót kỳ lân, chữ trong thơ *Chung tư* và Lân chỉ, *Kinh Thi* khen vợ Văn Vương là Thái Tự không có tính đố kỵ, con cháu nhiều; vì có đức tốt , con cháu họ hàng đều thiện.

6. Thái Tự, vợ hiền của Văn Vương; Ấp Khương là vợ Vũ Vương. *Luận ngữ*: "Ta có 10 loạn thần" *Chú thích*: Loạn thần là bề tôi dẹp loạn, trong 10 người đó, có một người đàn bà là Ấp Khương.

7. Chu và Thiệu là 2 nước ở phía nam Phong Đô, nữ giới ở đó cảm đức chính của Văn Vương và Thái Tự đều hoá thành người tốt, vịnh thành những câu thơ, chép trong thiên *Châu nam* và *Thiệu nam*, *Kinh Thi*.

8. Sông Hoàng Hà 500 năm một lần trong, khi đó sẽ có thánh nhân ra đời.

9. Câu ở thơ *Đại minh*, *Kinh Thi*, khen bà Thái Tự là vợ Văn Vương như em gái trời.

10. Phù dư cũng như phù dao, là trận gió lốc lớn.

11. Hai vợ của Thuấn, con gái vua Nghiêu.

12. Mẹ Hậu Tắc.

13. Mẹ Văn Vương, tức là Thái Nhâm, vợ Vương Quý.

14. *Kinh Thi*, thơ *Đại minh*: "Đại bang hữu tử, nghiễm thiên chi muội, văn định quyết tường, thân nghinh vu vị, tạo châu vi lương, bất hiển kỳ quang (Nước lớn có con, ví như em gái trời, lễ cưới gặp ngày tốt, tự đón dâu về, đóng thuyền làm cầu, đức sáng rõ rệt). *Chú thích*: Đóng thuyền làm cầu, tức là kết thuyền ngay trên mặt nước, gép gỗ lên trên, tục gọi

cầu phao. Câu này ý nói cái lễ của thiên tử, do Văn Vương chế ra.

15. Thứ ngọc dân bà thường deo.

16. Chu nam, Thiệu nam, xem chú thích số 7.

17. *Thế thuyết:* Hoàn Xung không thích mặc áo mới, sau khi tắm, vợ đưa áo mới cho mặc, Xung giận hất đi mà hỏi lấy áo cũ. Vợ thư thả nói: "Áo không qua lúc mới, thì làm sao có cũ?" Xung cho là đúng, cười mà nhận áo mới.

18. Nguyên văn "Huân huyền." Vua Thuấn thường gảy đàn cầm 7 dây, hát bài *Nam phong*: "Nam phong chi huân hề, khả dĩ giải ngô dân chi uất hề" (Gió nam thổi mát chừ, có thể giải nỗi ấm ức cho dân ta chừ).

19. Sao Nam Vụ, tức sao Nữ, một trong 28 ngôi sao chủ về nữ giới.

20. Bồng Lai, nơi tiên ở, là một trong Tam thần sơn.

21. Công Thâu, tức Lỗ Ban, tay thợ mộc danh tiếng thời cổ.

22. Nguyên văn: "Nghê thường vũ y, thanh hư nãi thệ" (Áo mũ xiêm nghê, về cung Quảng Hàn thanh hư) *Đường sử:* Đêm trung thu, Đường Minh Hoàng nhờ được pháp thuật của đạo sĩ La Công Viễn mà tới được cung trăng, biển đề là: "Phủ Quảng Hàn thanh hư," có vài mươi tố nữ múa hát dưới cột, chim bạch loan nữa ở trên. Vua hỏi, Viễn bảo: Đó là khúc "Áo vũ xiêm nghê."

23. Nguyên văn: "Phó kê lục dà" (Chiếc trâm cài tóc, nạm bằng sáu thứ ngọc). Chữ *Kinh Thi*, thiên *Dung phong*, về quân tử giai lão.

24. Tống Thái Tổ bảo Thạch Thủ Tín: "Cuộc sống của người ta như ngựa trắng phi qua cửa sổ" (Nhân sinh như bạch câu quá khích).

25. Tức cây cù mộc, cũng là tên bài thơ trong *Kinh Thi*, do các tì thiếp ca ngợi cái đức của bà Thái Tự (vợ Văn Vương), khéo cư xử, mà không có tính ghen.

26. Chiếc trâm dân bà dùng cài tóc.

27. Nguyên văn: "Đình vô chương thuận" (Sân không có nhạc Chương, nhạc Thuận). Chương là nhạc Chương hạ, thường kẻ công thần thì tấu khúc nhạc đó; Thuận là tên khúc nhạc Cổ xuý, tức khúc Thuận thiên đạo, phổ vào điệu quyển.

28. *Kinh Thi*, thơ *Văn Vương hữu thanh*: "Phong thuỷ hữu dĩ, Vũ Vương khởi bất sĩ, di quyết tôn mưu, dĩ yến dực tử, Vũ Vương chưng tai" (Nước sông Phong có cỏ, vua Vũ Vương há không có việc gì? Ông thường nghĩ để mưu mô cho cháu, khiến con (Thành Vương) hiếu kính.)

29. Cung Tường Lạc là nơi Hoàng hậu ở, có từ đời Hán.

30. Truyện *Liệt nữ:* Đời Chu, vua Tuyên Vương thường dậy muộn, vợ là Khương Hậu phải bỏ cả châm cài, vứt cả hoa đeo, ngồi chịu tội ở ngõ sâu. Sai người vào tâu với vua rằng: "Thiếp tôi bất tài, khiến nhà vua ham sắc mà quên đức, bỏ lễ mà dậy muộn, đó là lỗi ở thiếp." Từ đó vua mới chú ý về chính sự, thành một vua tốt.

31. Mảnh vải đỏ viết phấn trắng vào giữa, để rõ chức tước, thụy hiệu người chết, khi

đưa đám mang đi trước quan tài, gọi là minh tinh.

32. Thơ *Kê minh, Trịnh phong, Kinh Thi*, nói về đôi vợ chồng hiền cùng khuyên răn nhau; thơ *Quyển nhĩ*, thiên *Chu nam*, *Kinh Thi*, do bà Hậu phi nhớ chồng đi vắng mà làm ra.

33. Nguyên văn: "Châu nguyên tư vũ" (Tới cánh đồng nước Châu, cùng chọn nơi ở): Thơ *Miên*, *Kinh Thi*, nói: Ông Cổ công Đản phủ, sớm đã phóng ngựa, (tránh nạn rợ Địch) tới bến nước phía tây, ngay dưới núi Kỳ, rồi cùng bà Khương Nữ (vợ), cùng tới chọn nơi ở (Cổ công Đản phủ, lai triêu tẩu mã, suất tây thủy hử, chí vu kỳ hạ, viên cập Khương Nữ, duật lai tư vũ.)

34. Nguyên văn: "Phát phu xã tắc." *Tống sử*: Thái hoàng Thái hậu (vợ Anh Tông), thường nói: "Nếu việc gì ích lợi tới xã tắc, ta không tiếc gì mảnh da sợi tóc," ý nói, vì lợi cho nước, mà hy sinh cũng cam lòng.

35. Do chữ: "Lạc hà dữ cô vụ tề phi" ở bài *Đằng Vương các tự* của một danh sĩ đời Đường.

36. Hòn đá kê khung cửi của Chức Nữ. Đời Hán, Trương Khiên đi sứ tìm nguồn sông Hoàng Hà, khi tới sông Ngân được cô gái dệt vải cho hòn đá đó.

37. Cửa nhà vua.

38. *Kinh Thi*: "Hà bỉ nùng hĩ, đường lệ chi hoa, hạt bất túc ung, Vương Cơ chi xa (Gì tươi tốt kia, hoa cây đường lệ, sao chẳng kính cẩn hoà nhã, là xe của vợ vua). Đây nói sương dầm ngọn đường lệ, là ngụ ý Hậu chết rồi, xe để sương phủ.

39. Nguyên văn: "Kim căn."

40. Khải đễ là hoà vui dễ dãi.

41. Thơ *Tiêu liêu, Đường phong, Kinh Thi*, đại ý nói cành tiêu thì dài, quả thì sai, ví Chiêu công nước Tấn nếu biết sửa sang chính trị, thì con cháu cũng đông đủ thịnh vượng như cây tiêu, sẽ trung hưng được nước Tấn.

42. *Kinh Thi*, thiên *Chu nam*: "Nam hữu cù mộc, cát lũy cung chi (Nam có cây cù mộc, dây sắn leo quấn), ý khen bà Hậu phi không có lòng ghen, các tì thiếp được nhờ, nhân vui mừng mà làm ra thơ *Cù mộc* này.

43. Công việc của đàn bà.

44. Thiên Thai là động tiên ở, đời Hán Minh Đế, khoảng năm Vĩnh Lạc, Lưu Thần và Nguyễn Triệu mồng 5 tháng 5 đi hái thuốc rồi lạc vào đó.

45. Sứ thần của bà Tây Vương Mẫu dùng để truyền tin.

46. Thơ *Hoàng điểu, Kinh Thi*, nói, Trần Mục Công mất, ba anh em họ Tử Xa là người trong nước, đều bị tuẫn táng, nên người trong nước thương tiếc mà làm ra thơ đó, trong có câu: "Như khả thục hề, kim bách kỳ thân" (có thể chuộc được, xin đổi trăm thân khác).

47. Hán Cao Tổ sinh ở ấp Phong, làng Bái. Về sau người ta thường gọi cố hương nhà vua là Phong Bái.

14. 祭先庶母順人官文

嗚呼，哀哉！

我先妣捐幃於某年十七。時群弟妹尤幼，二三年間，家政簫條，我家尊百冗裝懷，膝下五兒，以父兼母，千愁萬慮，種種難言。

甲申年次母始歸，我家尊以閫政委之。凡百方舟，一任綜理，孝敬以奉先，勤儉以持家，慈惠以遇諸嫡子，人無間於家庭之言，我家尊始寬內顧之憂，而我等婚嫁猶未也。

家尊時既有位于朝，家道猶寒約，爲子請婚，爲女擇婿，苦心苦景，往往形諸篇什。

諸子中惟某稍長，亦預有知。家尊嘗以家計詢諸庶母，即擇其可贊成之，因及於綵幣粧匳，無不極力斡旋，每次第就緒，輒歡喜不自勝。其親愛之眞，群弟妹雖猶未悟，其後皆孚焉。

既而家尊歷西臺，參太閫，按清華。某以年長，承尊命留學鄉家。庶母帶群弟妹相隨，自筆硯針線，無不一一管顧。某在家既不能晨昏，輒以尊命慰賚之，音信無虛日。儼然攝女君專閫政，略不見炫大之容，雖奇贏在手，亦無一毫私自封植。此心惟青天白日，傍人，知不知，亦不計焉。蓋以爲嫡子鞏，必不凡，必無較量之心，而以遠大許之也。

某等方以爲庶母相我家尊之日長，而我等與弟某定有並秀連榮時會，以家庭光顯，報庶母之知。壎篪肅雍，酬庶母之德，豈料倏馭匆匆，而未及見耶！

嗚呼！六月旬，庶母臥病京中，家尊在驩，未及聞信。某自海

陽得妹燄來書，兩夜而回，則病已彌留，方欲飛書使婦某與弟某回省視，則又再三固止之，蓋不欲往返爲嫡子煩。至于視藥迎醫，唯某是信。請所囑，則自思我家尊之外無別辭。其愼密用旋到此，則又非常人所能。某誠確然冀我庶母之病，尚可旬日愈也。

嗚呼哀哉，庶母出世二十有九年，佐我家尊，僅七年于茲，雖居順境，而飽歷艱辛，未如意事，殆十之八九。焂然歸化，有若避塵，使我家尊積愁思，二弟喪所恃。嫡子輩亦茫然無塵滴之酬，其爲痛可已耶？

雖然人生大都不過百。桂蘭見馥，庶母之壽，彤管流芳，庶母之名。天之所以報庶母者，不在乎目前區區，惟夫冥陽契闊固有，不能爲情者焉。即途設祖，亦曰綱常之祭云耳。靈爽有知，其忍弗垂歆格者歟。

PHIÊN ÂM:

TẾ TIÊN THỨ MẪU THUẬN NHÂN QUAN VĂN

Ô hô, ai tai!

Ngã tiên tỉ quyên vi ư mỗ niên thập thất. Thời quẫn đệ muội vưu ấu, nhị tam niên gian, gia chính tiêu điều, ngã gia tôn bách nhũng trang hoài, tất hạ ngũ nhi, dĩ phụ kiêm mẫu, thiên sầu vạn lự, chủng chủng nan ngôn.

Giáp Thân niên thứ mẫu thủy quy, ngã gia tôn dĩ khổn chính ủy chi. Phàm bách phương chu, nhất nhậm tông lý, hiếu kính dĩ phụng tiên, cần kiệm dĩ trì gia, từ huệ dĩ ngộ chư đích tử, nhân vô gián ư gia đình chi ngôn, ngã gia tôn thuỷ khoan nội cố chi ưu, nhi ngã đẳng hôn giá do vị dã.

Gia tôn thời ký hữu vị vu triều, gia đạo do hàn ước, vị tử thỉnh hôn, vị nữ trạch tế, khổ tâm khổ cảnh, vãng vãng hình chư thiên thập.

Chư tử trung duy mỗ sảo trưởng, diệc dự hữu tri. Gia tôn thường dĩ gia kế tuân chư thứ mẫu, tức trạch kỳ khả tán thành chi, nhân cập ư thái

tệ trang khu, vô bất cực lực cán tuyền, mỗi thứ đệ tựu tự, triếp hoan hỉ bất tự thăng. Kỳ thân ái chi chân, quần đệ muội tuy do vị ngộ, kỳ hậu giai phu yên.

Ký nhi gia tôn lịch Tây đài, tham Thái khổn, Án Thanh Hoa. Mỗ dĩ niên trưởng, thừa tôn mệnh lưu học hương gia. Thứ mẫu đái quần đệ muội tương tùy, tự bút nghiên châm tuyến, vô bất nhất nhất quản cố. Mỗ tại gia ký bất năng thần hôn, triếp dĩ tôn mệnh úy trách chi, âm tín vô hư nhật. Nghiễm nhiên nhiếp nữ quân chuyên khổn chính, lược bất kiến huyễn đại chi dung, tuy kì doanh tại thủ, diệc vô bất hào tư tự phong thực. Thử tâm duy thanh thiên bạch nhật, bàng nhân, tri bất tri, diệc bất kế yên. Cái dĩ vi đích tử bổi, tất bất phàm, tất vô giảo lượng chi tâm, nhi dĩ viễn đại hứa chi dã.

Mỗ đẳng phương dĩ vi thứ mẫu tướng ngã gia tôn chi nhật trường, nhi ngã đẳng dữ đệ, mỗ định hữu tịnh tú liên vinh thời hội, dĩ gia đình quang hiển, báo thứ mẫu chi tri. Huân Trì túc ung, thù thứ mẫu chi đức! Khởi liệu tiên ngự thông thông, nhi vị cập kiến da!

Ô hô! Lục nguyệt tuần, thứ mẫu ngoạ bệnh Kinh trung, gia tôn tại Hoan, vị cập văn tín. Mỗ tự Hải Dương đắc muội Diễm lai thư, vũ[a] dạ nhi hồi, tắc bệnh dĩ dĩ lưu, phương dục phi thư sử phụ mỗ dữ đệ mỗ hồi tỉnh thị, tắc hựu tái tam cố chỉ chi, cái bất dục vãng phản vi đích tử phiền. Chí vu thị dược nghênh y, duy mỗ thị tín. Thỉnh sở chúc, tắc tự tư ngã gia tôn chi ngoại vô biệt từ. Kì thận mật dụng tuyền đáo thử, tắc hựu phi thường nhân sở năng. Mỗ thành xác nhiên ký ngã thứ mẫu chi bệnh, thượng khả tuần nhật, dũ dã.

Ô hô ai tai! Thứ mẫu xuất thế nhị thập hữu cửu niên, tá ngã gia tôn, cẩn thất niên vu tư, tuy cư thuận cảnh, nhi bão lịch gian tân, vị như ý sự, đãi thập chi bát cửu. Thúc nhiên quy hoá, hữu nhược tị trần, sử ngã gia tôn tích sầu tư, nhị đệ táng sở thị. Đích tử bổi diệc mang nhiên vô trần đích chi thù, kỳ vi thống khả dĩ da?

Tuy nhiên, nhân sinh đại đô bất quá bách, quế lan mịch phức, thứ mẫu chi thọ, đồng quản lưu phương, thứ mẫu chi danh. Thiên chi sở dĩ báo thứ mẫu giả, bất tại hồ mục tiền khu khu, duy phù minh dương khế khoát cố hữu, bất năng vi tình giả yên. Tức đồ thiết tổ, diệc viết cương

thường chi tế vân nhĩ. Linh sảng hữu tri, kỳ nhẫn phất thùy hâm cách giả dư?

DỊCH NGHĨA:

VĂN TẾ BÀ MẸ THỨ THUẬN NHÂN[1]

Than ôi, thương thay!

Mẹ ta trước kia qua đời, lúc ta mới 17 tuổi. Khi ấy các em trai em gái còn nhỏ, trong khoảng hai, ba năm, cảnh nhà tiêu điều, cha ta lo toan trăm việc, dưới gối 5 đứa trẻ, là cha mà kiêm cả là mẹ, muôn lo nghìn thảm, khó khăn chồng chất, thật khó nói.

Năm Giáp Thân (1764), thứ mẫu mới về, cha đem việc nhà phó thác cho. Trăm việc lựa chiều mà làm, một tay xếp đặt, hiếu kính thờ tiên tổ, cần kiệm nắm giữ việc nhà, hiền từ rộng lượng với các con bà cả, với gia đình tông tộc không khiếm khuyết chỗ nào để người đời chê trách, việc đối nội từ đây cha ta mới đỡ phải lo, nhưng về việc dựng vợ gả chồng của bọn ta còn chưa gì cả.

Cha ta lúc đó đã có địa vị ở triều,[2] song nhà còn nghèo khó, vì gái mà gả chồng, vì trai mà dựng vợ, lòng khổ, cảnh ngộ khổ, trở đi trở lại thể hiện bằng những câu thơ, câu văn.

Trong các con, riêng ta lớn hơn, cũng tạm có trí khôn. Cha ta từng đem gia kế bàn cùng thứ mẫu, tức thì chọn nơi xứng đáng, mà tác thành, cho đến những lễ vật ăn hỏi, lễ cưới, đều hết sức được chu toàn, cứ mỗi lần làm xong, thì vui mừng khôn xiết. Tấm lòng thân yêu chân thật ấy, các em còn thơ ấu quá chưa biết gì, song sau rồi cũng đều tin tưởng.

Rồi sau đó cha ta thăng tới chức Giám sát Ngự sử ở Sơn Tây, lại chuyển đi Đốc đồng ở xứ Thái Nguyên, rồi nhận chức Hiến sứ ở Thanh Hoa. Ta tuổi đã lớn, vâng mệnh ở quê hương học tập. Thứ mẫu mang các em bé đi theo, từ giấy bút tới kim chỉ, không gì là không chu cấp. Ta ở nhà đã không thể sớm tối hầu hạ, chỉ dựa theo lệnh cha ta mà an ủi luôn, tin tức không ngày nào vắng. Thứ mẫu nghiễm nhiên thay quyền chính thất, chuyên giữ chính sự trong chốn khuê phòng, không có thái độ hống hách, khoe khoang, dù tài chính nắm trong tay, song không mảy may sắm tậu riêng. Tấm lòng trong sáng như thanh thiên bạch nhật, người ngoài biết

hay không biết, cũng không cần để ý tới. Có lẽ cho là lũ con bà cả ắt không phải là tầm thường, ắt không có lòng so đo mà hứa hẹn điều cao xa.

Lũ ta đương được thứ mẫu giúp đỡ cha ta, ngày tháng còn dài, mà lũ ta cùng với em là mỗ, định thời cơ cùng nhau hiển vinh tốt đẹp, để làm vẻ vang cho gia đình, báo được cái ơn săn sóc của thứ mẫu. Tiếng huân, tiếng Trì[3] hoà hợp, để đền bồi cái đức của thứ mẫu! Ngờ đâu ngựa tiên vụt đi, mà chưa kịp trông thấy!

Than ôi, thương thay! Vào tuần tháng 6, thứ mẫu mắc bệnh ở trong Kinh, cha ta thì ở châu Hoan chưa nhận được tin. Ta ở xứ Hải Dương bắt được thư của em gái và em trai Diễm gửi tới, đêm mưa dấn thân mà về, thì bệnh đã hấp hối rồi, đương muốn viết thư báo cấp cho vợ và em ta về Kinh hỏi thăm, thì lại hai ba lần gạt đi, vì không muốn làm phiền đến con bà đích. Đến như rước thày lang, và trông coi thuốc thang, chỉ có tin tưởng ở ta. Hỏi bà muốn giối lại điều gì, thì ngoài việc nhớ cha ta ra, không có lời gì khác. Với tấm lòng cẩn thận chu đáo của thứ mẫu như thế thì người thường không thể sánh kịp. Ta thật lòng mong bệnh của thứ mẫu có thể chỉ trong tuần nhật sẽ khỏi.

Than ôi, thương thay! Thứ mẫu ra đời 29 năm, giúp cha ta tới nay vừa 7 năm, tuy ở vào cảnh thuận, nhưng đủ mùi cay đắng, những việc chưa được như ý chiếm tới tám chín phần mười. Hốt nhiên hoá đi như là thánh cõi trần, khiến cho cha ta vừa nhớ vừa buồn, hai em ta mất chốn nương cậy. Các con bà đích cũng bàng hoàng chưa chút đền đáp, đau thương này có thể nguôi được ư?

Tuy rằng, người đời phần nhiều không thọ quá trăm tuổi, nhưng đối với tuổi thọ của thứ mẫu thì, như lan quế đưa hương, danh thơm của thứ mẫu, bút son lưu chép. Trời báo đáp cho thứ mẫu, không phải cứ sờ sờ ra trước mắt, mà chỉ là sự hoà hợp vốn có của âm dương, không thể chỉ là vì tình vậy. Nhân bên đường đặt lễ tống biệt, đó là việc tế bái giữ đúng cương thường mà thôi. Linh hồn có biết, nỡ nào không xuống chứng giám cho chăng?

CHÚ THÍCH:

1. Thuận Nhân là huy hiệu vợ quan tam tứ phẩm. Bà là vợ thứ hai của Ngô Thì Sĩ, họ

Nguyễn, phong tặng Thuận Nhân, hiệu Trang Chính, mất ngày 1 tháng 7 năm 1771 (*Ngô gia thế phả*).

2. Địa vị ở triều, lúc này Ngô Thì Sĩ đã đỗ Hương cống (1723), được tiến triều, quan tới Công khoa cấp sự trung.

3. Huân trì là kèn quyển, ví với anh em, *Kinh Thi*: "Bá thị xuy huân, trọng thị xuy tì" (Ông anh thổi ống huân, ông em thì thổi ống tì) .

15. 祭庶母黃氏文

嗚呼！惟姬事我先君，十有餘年，同苦時多，同甘時少。先君撫諒，姬隨琴鶴，代我諸孤，以奉我親，厥勞鉅焉。

姬命何薄，一璋不育，一瓦尚稚。先君又捨而去，諸孤靡瞻，姬亦靡依，百般苦境，傷目驚心。近奔喪成營，見姬抱病呻吟，請從先君。我心傷悲，爲姬禱藥，而卒不效。回程在即，不能牽掛。十二日奉喪出城，留姬在營，尚冀痊可，姬更以十四日從殉。在道聞信，深用憮然。

姬先死以我先君爲依，可謂貞誠，我輩奉親無狀，不獨得罪於父，而亦愧於姬也。

今靈襯在道，計程猶至月底，始達家鄉。喪孝大事，正在輳輻，此處山溪險峻，行途迂遠，勢未能攜姬遺骸以歸。敢囑吉權窆於永寨之原，此邑奉先君祠户，有傳神峒在，英靈所萃，鬱鬱葱葱，姬可來依，以安先君。別置田二笏爲姬歲時伏臘，並刻碑陰，傳之無窮。

姬有弱媳，我輩爲之存問，姬在泉下，其無悶。三年之吉，爲姬歸襯，陪先君寢園，以慰姬懷。

PHIÊN ÂM:

TẾ THỨ MẪU HOÀNG THỊ VĂN

Ô hô! Duy Cơ sự ngã tiên quân, thập hữu dư niên, đồng khổ thời đa, đồng cam thời thiểu. Tiên quân phủ Lạng, Cơ tùy cầm hạc, đại ngã

chư cô, dĩ phụng ngã thân, quyết lao cứ yên.

Cơ mệnh hà bạc, nhất chương bất dục, nhất ngoã thượng trĩ. Tiên quân hựu sả nhi khứ, chư cô my chiêm, Cơ diệc my y, bách ban khổ cảnh, thương mục kinh tâm. Cận bôn tang Thành dinh, kiến Cơ bão bệnh thân ngâm, thỉnh tòng tiên quân. Ngã tâm thương bi, vi Cơ đảo dược, nhi tốt bất hiệu. Hồi trình tại tức, bất năng khiên quải. Thập nhị nhật phụng tang xuất thành, lưu Cơ tại doanh, thượng ký thuyên khả, Cơ cánh dĩ thập tứ nhật tòng tuẫn. Tại đạo văn tín, thâm dụng vũ nhiên.

Cơ sinh tử dĩ ngã tiên quân vi y, khả vị chinh thành, ngã bối phụng thân vô trạng, bất độc đắc tội ư phụ, nhi diệc quý ư Cơ dã.

Kim linh thấn tại đạo, kế trình do chỉ nguyệt để, thủy đạt gia hương. Tang hiếu đại sự, chính tại dao cát, thử xứ sơn khê hiểm tuấn, hành đồ vu viễn, thế vị năng huề Cơ di hài dĩ quy. Cảm quyên cát quyền thấn ư Vĩnh Trại chi nguyên, thử ấp phụng tiên quân từ hộ, hữu Truyền thần động tại, anh linh sở tụy, uất uất thông thông, Cơ khả lai y, dĩ sự tiên quân. Biệt trí điền nhị hoàn vi Cơ tuế thời phục lạp, tịnh khắc bi âm, truyền chi vô cùng.

Cơ hữu nhược tức, ngã bối vi chi tồn vấn. Cơ tại tuyền hạ, kỳ vô muộn. Tam niên chi cát, vị Cơ quy thấn, bồi tiên quân tẩm viên, dĩ uý Cơ hoài.

DỊCH NGHĨA:

VĂN TẾ BÀ THỨ MẪU HỌ HOÀNG[1]

Than ôi! Nhớ Cơ xưa thờ đấng tiên quân ta, kể hơn mười năm, cùng chịu đắng cay thì nhiều, cùng hưởng ngọt bùi thì ít. Khi tiên quân coi trấn Lạng, Cơ cùng cây đàn chim hạc đi theo,[2] thay cho bọn con côi chúng ta, phụng dưỡng cha ta, công lao kể cũng là lớn.

Mệnh của Cơ sao quá mỏng, sinh một trai thì không nuôi được, một gái thì còn nhỏ. Tiên quân ta lại bỏ mà đi, đàn con côi không nơi nương tựa, Cơ cũng chẳng được trông cậy, trăm cảnh khổ cực, lòng sợ mắt buồn. Gần đây chạy tang ở dinh thự Đoàn Thành, thấy Cơ bị bệnh rên rỉ, xin theo tiên quân. Lòng ta thương buồn, vì Cơ lễ bái thuốc thang nhưng

không kiến hiệu. Ngày trở về đã tới, không thể săn sóc. Ngày 12 đưa tang ra khỏi thành, để Cơ ở lại dinh, còn mong cho khỏi, nhưng vào ngày 14 Cơ bèn theo tiên quân mà lìa cõi trần. Ở giữa đường nghe được tin, rất lấy làm buồn.

Cơ sống hay chết đều theo tiên quân ta, có thể coi là bậc trinh thuận thành thực, còn bọn ta thờ phụng đấng thân, không có công trạng gì, không những đắc tội với cha, mà cũng thẹn với Cơ nữa.

Nay linh cữu ở dọc đường, tính đường đất đến cuối tháng mới tới quê nhà. Tang sự là việc lớn, chính đương lúc chật vật, nơi này núi khe sâu thẳm và cao vút, đường đi xa xăm, thế không thể cho phép mang cả di hài của Cơ cùng đi theo mà về. Vậy xin chọn ngày tốt, tạm chôn ở cánh đồng Vĩnh Trại, ấp này phụng thờ đền tiên quân, có động *Truyền thần* ở đó. Khí thiêng chung đúc, um tùm âm u, Cơ có thể lại nương tựa, để phụng thờ tiên quân. Đặt hai khoảnh ruộng để hàng năm tuần tiết thờ cúng Cơ, đều khắc vào mặt sau bia, truyền lại lâu dài.

Cơ có con dại, lũ tôi xin vì Cơ nuôi dạy, Cơ có mẹ già, lũ tôi xin vì Cơ thăm hỏi, Cơ ở dưới chín suối, sẽ không để lòng lo buồn. Ba năm đã sạch sẽ rồi, sẽ cải cát đưa hài cốt về để hầu hạ mồ mả tiên quân, sẽ yên ủi lòng mong mỏi của Cơ.

CHÚ THÍCH:

1. Bà họ Hoàng này, theo *Ngô gia thế phả*, tên hiệu là Tuệ Trang, vợ thứ tư Ngô Thì Sĩ.

2. Cây đàn chim hạc, cái thú tiêu dao thanh nhã của người làm quan, đi đâu cũng mang theo. Đời Tống, Triệu Biện khi đổi vào làm quan ở đất Thục, chỉ mang một cây đàn cầm, một con chim đi theo.

16. 陳情告靖王文

竊聞：君臣之義，本諸天地，情猶父子之恩也。

臣不才，遭遇聖明，蚤霑國祿，愧無報補。濫竊寵溫，受知十有四年，聖上不以臣愚疏，教誨培養，期于大成。竊記臣在京北時，上言邊事情，恭奉御翰以才學不在人下許之。粵奉協同功討宣光，再奉飛白軍中，以好督同褒之。既又奉旨修撰聖朝會鑑，書成進

覽，奉獎之曰“我養某如養駿，駿善蹄善齧，爲人所憎，日行千里，非善馭者不得其力。駑者惟人驅策，誰不愛之，腹囊伏櫪，徒費草料耳”。臣自以過蒙簡注，義雖君臣，情猶父子，凡事不敢有所隱。

賡子密案事發，臣處瓜李之地，有所聞知，暴白冒陳。聖人深惟春秋大義，不容已於家庭之訓，以臣不敢隱情於君父，故吝重賞以明示天下。臣亦不敢以惡居下流之情，施於事君，故寧受重賞，以尸眾謗。然天下之不知者，皆曰：“聖上之所以福臣者，乃所以禍臣也，臣之忠聖上者，乃所以誤聖上也”。

夫！廢長立幼，未有不階禍亂，聖上明見遠覽，沉幾先物，豈其念不及此？臣雖狂妄，豈不知巫蠱之獄爲可戒！顧偷一時之富貴，而自陷於菲薄之名？

聖上對太慈於鬱宮曰：“國者伯氏之國，臣當以國還伯子”。實有堯舜公左右知之，外人不知也！臣語大臣於左阼堂：“以爲事須無隱，抵罪群小，庶可默回天怒”。實竊有周公撻伯禽之志，臣自知之，他人不知也。

事勢推移，故世子得立，今嗣王蒙譴，聖上非有成心，臣亦不能逆睹。此乃天心未悔過，非人力之所能及也！

及其綴衣改陳，禁庭啓變，臣更以遞案之故，累蒙恒情處之，此固宜然。臣雖奔播江湖，顛流離然國有長君，社稷之福，臣不敢以一身之禍，而有所懊悔者也。

顧臣竊有惜者，大事之際，廊廟糊塗，使故世子不得善其終，今嗣王不得正其始。以傷聖上之明。而世之輕薄鄙猥者，著之傳檄，播之歌謠，造僞飭訛，蠱天下於無父無君之教。

夫！始終之義最重，綱常之道最大。宋神宗崩，宣仁皇太后權同處分軍國重事，擁立延安，而禁岐加二王母輒入。漢昭帝無嗣，宣帝以皇曾孫入承大統，繼昭帝之後大綱豈不甚正，家法豈不甚明？宋人奉公子鮑，以因襄夫人，聖人賊之，漢順帝爲安帝所廢，得立於十九侯。其事不出三公，君子惜之。

當禍未發之前，無能以此義反覆於太慈，陳辨於今王，舒徐鎮靜，以待神器之歸，而徒篙帆異見，矛盾爲心。撰出陳眞黎念無根無據之疑，以速簫牆之釁。志奉故世子者，以謂不死命，則大謗不可解，乃死命而貽國家以軍士廢立之禍，非大臣體國之遠猷。志扶今嗣王者，以謂不立長，則權臣不可除，乃立長而貽社稷，以樞前穢奪之羞。非有道治朝之盛事。

本朝二百年以來，仁厚肇培之澤，傳授最明，世及以亂。忽有此人倫之大變，此二三顧命不能無負於聖上也。罪籍之中，惟臣奔命得脱。然其他平日聖上以奴隸畜之，便嬖賤之，苟欲殺其人，以爲其爲所擠者報他，亦不當於廢立之間，形諸告諭！謀國者以此爲初政第一義，莫急於辨密案。前年之事爲誣，然後此年之事爲正。蓋其意切切焉，翹君父之過，而甘心於其所發舉之人。“投鼠忌器”於義云何？“三年無改”之文，豈其不讀？崇讎傷孝，所損實多。此又一二執政不能無負於今王也。臣誠不敢愛一朝之命，以成今王之意，第念無俚之死，徒死無益，苟爲匹夫匹婦之諒，無以答聖上之知。聖上拔臣於韋布之中，燭其無他，將欲成就於遠者大者，魚水分乖，龍雲緣薄。鼎湖縹緲，衣冠之飄馭難攀。江海飄零，簑笠之逋臣失怙，然此生未死之年，不敢忘聖上無涯之造。

臣竊惟春秋之義不明，忠孝之道微，苟免之意勝，臣願從事於忠孝之學，寧栖遲藪澤，爲今王之罪人，而不敢希圖苟免，爲聖上之罪人。天其或者安全而隱約之，西山哭薺，蘇門讀書，此臣以所忠於聖上之職分也！又其或者拂亂而大用之，齊王重封，建文入朝，此臣所以報於聖上之志願也。

臣自出亡至茲，寓百姓，哭考妣於草萊。今三年之喪畢，未得瞻清廟而拜肅雍，犬馬之情，曷維其已。謹於禫月之盡，焚香望拜，具陳心事，仰對蔚藍，聖上洋洋之靈，願鑒臣一片素衷腸也。

PHIÊN ÂM:

TRẦN TÌNH CÁO TĨNH VƯƠNG VĂN

Thiết văn: Quân thần chi nghĩa, bản chư thiên địa, tình do phụ tử chi ân dã.

Thần bất tài, tao ngộ thánh minh, tao chiêm quốc lộc, quý vô báo bổ. Lạm thiết sủng ôn, thụ tri thập hữu tứ niên, Thánh thượng bất dĩ thần ngu sơ, giáo hối bồi dưỡng, kỳ vu đại thành. Thiết ký thần tại Kinh Bắc thời, thượng ngôn biên sự tình, cung phụng ngự hàn dĩ tài học bất tại nhân hạ hứa chi. Việt phụng hiệp đồng công thảo Tuyên Quang, tái phụng phi bạch quân trung, dĩ hiếu Đốc đồng bao chi. Ký hựu phụng chỉ tu soạn Thánh triều hội giám, *thư thành tiến lãm, phụng tưởng chi viết: "Ngã dưỡng mỗ như dưỡng tuấn, tuấn thiện đề thiện niết, vi nhân sở tăng, nhật hành thiên lý, phi thiện ngự giả bất đắc kỳ lực. Nô giả duy nhân khu sách, thùy bất ái chi, phúc nang phục lịch, đồ phí thảo liệu nhĩ." Thần tự dĩ quá mông giản chú, nghĩa tuy quân thần, tình do phụ tử, phàm sự bất cảm hữu sở ẩn.*

Canh Tí mật án sự phát, thần xử qua lý chi địa, hữu sở văn tri, bạo bạch mạo trần. Thánh nhân thâm duy Xuân thu đại nghĩa, bất dung kỷ ư gia đình chi huấn, dĩ thần bất cảm ẩn tình ư quân phụ, cố lận trọng thưởng dĩ minh thị thiên hạ. Thần diệc bất cảm dĩ ố cư hạ lưu chi tình, thí

ư sự quân, cố ninh thụ trọng thưởng, dĩ thi chúng báng. Nhiên thiên hạ chi bất tri giả, giai viết: "Thánh thượng chi sở dĩ phúc thần giả, nãi sở dĩ hoạ thần dã, thần chi trung thánh thượng giả, nãi sở dĩ ngộ Thánh thượng dã."

Phù! Phế trưởng lập ấu, vị hữu bất giai hoạ loạn, Thánh thượng minh kiến viễn lãm, trầm cơ tiên vật, khởi kỳ niệm bất cập thử? Thần tuy cuồng vọng, khởi bất tri vu cổ chi ngục vi khả giới! Cố thâu nhất thời chi phú quý, nhi tự hãm ư phỉ bạc chi danh?

Thánh thượng đối Thái từ ư Huỳnh Cung viết: "Quốc giả bá thị chi quốc, thần đương dĩ quốc hoàn bá tử." Thực hữu Nghiêu Thuấn công tả hữu tri chi, ngoại nhân bất tri dã! Thần ngữ đại thần ư Tả Tỉnh đường: "Dĩ vi sự tu vô ẩn, để tội quần tiểu, thứ khả mặc hồi thiên nộ." Thực thiết hữu Chu Công thát Bá Cầm chi chí, thần tự tri chi, tha nhân bất tri dã.

Sự thế suy di, cố Thế tử đắc lập, kim Tự vương mông khiển, Thánh thượng phi hữu thành tâm, thần diệc bất năng nghịch đổ. Thử nãi thiên tâm vị hồi quá, phi nhân lực chi sở năng cập dã!

Cập kì xuyết y cải trần, cấm đình khải biến, thần cánh dĩ đệ án chi cố, lũy mông hoàn tình xử chi, thử cố nghi nhiên. Thần tuy bôn bá giang hồ, điên lưu li nhiên quốc hữu trưởng quân, xã tắc chi phúc, thần bất cảm dĩ nhất thân chi hoạ, nhi hữu sở áo hối giả dã.

Cố thần thiết hữu tích giả, đại sự chi tế, lang miếu hồ đồ, sử cố Thế tử bất đắc thiện kỳ chung, kim Tự vương bất đắc chính kỳ thủy. Dĩ thương Thánh thượng chi minh. Nhi thế chi khinh bạc bỉ ôi giả, trước chi truyền hịch, bá chi ca dao, tạo nguy sức ngoa, cổ thiên hạ ư vô phụ vô quân chi giáo.

Phù! Thủy chung chi nghĩa tối trọng, cương thường chi đạo tối đại. Tống Thần Tông băng, Tuyên Nhân Hoàng thái hậu quyền đồng xử phân quân quốc trọng sự, ủng lập Diên An, nhi cấm Kỳ Gia nhị vương mẫu triếp nhập. Hán Chiêu Đế vô tự, Tuyên Đế dĩ hoàng tăng tôn nhập thừa đại thống, kế Chiêu Đế chi hậu, đại cương khởi bất thậm chính, gia pháp khởi bất thậm minh? Tống nhân phụng công tử Bào, dĩ nhân Tương phu nhân, thánh nhân tặc chi, Hán Thuận Đế vi An Đế sở phế, đắc lập ư thập cửu hầu. Kỳ sự bất xuất Tam công, quân tử tích chi.

Đương hoạ vị phát chi tiền, vô năng dĩ thử nghĩa phản phúc ư Thái

từ, trần biện ư kim vương, thư từ trấn tĩnh, dĩ đãi thần khí chi quy, nhi đồ cao phàm dị kiến, mâu thuẫn vi tâm. Soạn xuất Trần Chân Lê Niệm vô căn vô cứ chi nghi, dĩ tốc tiêu tường chi hấn. Chí phụng cố Thế tử giả, dĩ vị bất tử mệnh, tắc đại báng bất khả giải, nãi tử mệnh nhi di quốc gia dĩ quân sĩ phế lập chi hoạ, phi đại thần thể quốc chi viễn du. Chí phù kim tự vương giả, dĩ vị bất lập trưởng, tắc quyền thần bất khả trừ, nãi lập trưởng nhi di xã tắc, dĩ cữu tiền nhương đoạt chi tu. Phi hữu đạo trị triều chi thịnh sự.

Bản triều nhị bách niên dĩ lai, nhân hậu triệu bồi chi trạch, truyền thụ tối minh, thế cập dĩ loạn. Hốt hữu thử nhân luân chi đại biến, thử nhị tam cố mệnh bất năng vô phụ ư Thánh thượng dã. Tội tịch chi trung, duy thần bôn mệnh đắc thoát. Nhiên kỳ tha bình nhật Thánh thượng dĩ nô lệ súc chi, tiện tỳ tiện chi, cẩu dục sát kỳ nhân, dĩ vi kỳ vi sở tề giả báo tha, diệc bất đương ư phế lập chi gian, hình chư cáo dụ! Mưu quốc giả dĩ thử vi sơ chính đệ nhất nghĩa, mạc cấp ư biện mật án. Tiền niên chi sự vi vu, nhiên hậu thử niên chi sự vi chính. Cái kỳ ý thiết thiết yên, kiều quân phụ chi quá, nhi cam tâm ư kỳ sở phát cử chi nhân. "Đầu thử kị khí" ư nghĩa vân hà? "Tam niên vô cải" chi văn, khởi kỳ bất độc? Sùng thù thương hiếu, sở tổn thực đa. Thử hựu nhất nhị chấp chính bất năng vô phụ ư kim vương dã. Thần thành bất cảm ái nhất triêu chi mệnh, dĩ thành kim vương chi ý, đệ niệm vô ly chi tử, đồ tử vô ích, cẩu vi sất phu sất phụ chi lượng, vô dĩ đáp Thánh thượng chi tri. Thánh thượng bạt thần ư vi bố chi trung, chúc kỳ vô tha, tương dục thành tựu ư viễn giả đại giả, ngư thuỷ phân quai, long vân duyên bạc. Đỉnh hồ phiếu diểu, y quan chi tiên ngự nan phan. Giang hải phiêu linh, suy lạp chi bô thần thất hỗ, nhiên thử sinh vị tử chi niên, bất cảm vong Thánh thượng vô nhai chi tạo.

Thần thiết duy, Xuân thu chi nghĩa bất minh, trung hiếu chi đạo vi, cẩu miễn chi ý thắng, thần nguyện tòng sự ư trung hiếu chi học, ninh thê trì sổ trạch, vi kim vương chi tội nhân, nhi bất cảm hi đồ cẩu miễn, vi Thánh thượng chi tội nhân. Thiên kỳ hoặc giả an toàn nhi ẩn ước chi, tây sơn khốc tê, Tô môn độc thư, thử thần dĩ sở trung ư Thánh thượng chi chức phận dã! Hựu kỳ hoặc giả phất loạn nhi đại dụng chi, Tề Vương trọng phong, Kiến Văn nhập triều, thử thần sở dĩ báo ư Thánh thượng chi chí nguyện dã.

Thần tự xuất vong chí tư, ngụ Bách Tính, khốc khảo tỷ ư thảo lai. Kim tam niên chi tang tất, vị đắc chiêm thanh miếu nhi bái túc ung, khuyển mã chi tình, hạt duy kì dĩ. Cẩn ư đàm nguyệt chi tận, phần hương vọng bái, cụ trần tâm sự, ngưỡng đối úy lam, Thánh thượng dương dương chi linh, nguyện giám thần nhất phiến tố trung trường dã.

DỊCH NGHĨA:

VĂN TRẦN TÌNH CÁO TĨNH VƯƠNG[1]

Trộm nghe: Nghĩa vua tôi gốc ở trời đất, tình như ơn của cha con vậy.

Thần bất tài, may gặp thánh minh, sớm hưởng lộc nước, thẹn chưa báo đáp được. Mười bốn năm qua, thần quá được yêu thương, được biết đến, Thánh thượng không cho thần là ngu vụng mà dạy dỗ, vun vén, mong cho làm nên nghiệp lớn. Trộm nhớ hồi ở Kinh Bắc,[2] thần viết sớ tâu về biên sự, được Thánh thượng phê khen: "Tài học không ở dưới người." Lúc hiệp đồng đánh giặc ở Tuyên Quang, lại có giấy đến trong quân khen là: "Đốc đồng giỏi." Sau đó, lại phụng chỉ tu soạn sách *Thánh triều hội giám*, sách soạn xong dâng trình lại được khen: "Ta nuôi ngươi như nuôi tuấn mã, tuấn mã hay đá hay cắn làm người ghét, ngày chạy ngàn dặm mà không có người cầm cương giỏi thì không chạy hết sức. Còn loại ngựa tồi thì mặc người sai khiến, ai mà chẳng yêu, nhưng ăn no nằm chuồng, chỉ tốn rơm cỏ thôi." Thần tự nghĩ được Chúa thượng quá lòng chú ý đến, nghĩa tuy vua tôi nhưng tình như cha con, phàm có việc gì đều không dám giấu.

Mật án năm Canh Tý (1780) vỡ lở, thần ở vào thế bị hiềm nghi, hễ nghe biết được gì, đều đánh bạo bộc bạch hết. Thánh thượng hiểu sâu nghĩa lớn của sách *Xuân thu*, không dừng lại ở sự giáo huấn trong nhà, vì vậy thần không ẩn tình với quân phụ, không tiếc trọng thưởng để bảo rõ cho thiên hạ biết sự thật. Thần cũng không dám lấy cái tình ghét ở chỗ thấp để thờ vua, hoặc thà nhận trọng thưởng mà làm bung xung cho người phỉ báng. Nhưng kẻ không biết trong thiên hạ, đều bảo rằng: "Thánh thượng làm phúc cho thần mà gây hoạ cho thần, thần thì trung với Thánh thượng mà làm cho Thánh thượng sai lầm."

Ôi! Việc phế trưởng lập ấu, chưa bao giờ không là thềm của hoạ

loạn, Thánh thượng là người nhìn xa thấy rộng, tính trước việc đời, lẽ nào lại không biết lấy điều xấu làm răn! Lẽ nào lại vì phú quý nhất thời mà chịu chôn mình trong tiếng thị phi của người đời?

Nhớ lúc ở Huỳnh Cung, Thánh thượng có nói với Thái hậu rằng: "Nước này là nước của bác, con sẽ hoàn lại cho con bác."[3] Lời nói đó thực có công tâm như Nghiêu, Thuấn, tả hữu đều biết mà người ngoài không biết! Thần ở Tả Tỉnh đường cũng có nói rằng: "Việc đã không thể che giấu được nữa, trị tội bọn tiểu nhân mới có thể làm nguôi cơn giận của chúa." Đó cũng là cái chí như Chu Công đánh Bá Cầm,[4] thần tự biết mà người ngoài không biết.

Thế sự đổi thay, cố Thế tử được lập để Tự vương bị oán trách, điều đó Chúa thượng không muốn mà thần cũng không biết trước. Đây là do lòng trời sắp đặt, chứ sức người thì sao có thể làm nổi!

Đến lúc triều đình đổi vị, cấm đình nổi loạn, thần vì cớ liên lụy mật án mà khổ sở, đó cũng là việc đương nhiên. Thần tuy bôn ba giang hồ, lênh đênh lưu lạc, nhưng trong nước mà có chúa giỏi, đó là phúc của xã tắc, thần dù thân có chịu đầy đoạ cũng không dám ân hận.

Thần chỉ tiếc giữa lúc bàn đại sự, triều đình hồ đồ đến nỗi cố Thế tử không giữ trọn ngôi vị, khiến Tự vương ngay từ đầu đã không giữ được chính cương. Điều đó làm thương tổn đến đức sáng của Thánh thượng. Những kẻ khinh bạc, bỉ ổi còn phao tin, làm vè, đặt điều điêu ngoa, phạm vào điều vô phụ, vô quân với chúa.

Ôi! Cái nghĩa thủy chung rất trọng, cái đạo cương thường rất lớn. Tống Thần Tông chết, Tuyên Nhân Hoàng thái hậu tạm giữ quyền cùng quân thần phân xử quân quốc trọng sự, hộ lập Diên An Vương mà giữ mẹ hai vua Kỳ, Gia không vào được.[5] Hán Chiêu Đế không con, Tuyên Đế là tằng tôn mà được nối ngôi, kế tục sự nghiệp của Chiêu Đế,[6] cương thường đâu phải không đúng đắn, gia pháp đâu phải không rõ ràng? Người Tống rước công tử Bào, vì Tương phu nhân mà bị thánh nhân coi là giặc,[7] Hán Thuận Đế bị An Đế phế bỏ, lập nên chư hầu thứ 19. Việc đó không ngoài Tam công,[8] người quân tử vẫn lấy làm tiếc.

Trước lúc hoạn nạn xảy ra, chẳng người nào lấy cái nghĩa như vậy mà nói nhiều lần với Thái hậu, trần biện nhiều lần với chúa nay, để bình

tĩnh chờ xem ngôi vua thuộc về ai; mỗi người nêu một kiến giải khác ngược lại nhau, trong lòng mâu thuẫn với nhau. Từ đó nẩy ra sự hiềm nghi như Trần Chân, Lê Niệm, chẳng căn cứ gì,[9] thúc đẩy thêm cái họa anh em đánh lẫn nhau. Lúc bấy giờ, người có chí thờ cố Thế tử bảo nếu không chết sẽ không cởi được sự chê bai của thiên hạ, cho nên chết và để lại cho nước nhà cái nạn binh lính làm việc phế lập, cái đó không phải cái chí giúp nước của bậc đại thần. Còn những kẻ có chí phò chúa mới, thì cho rằng không lập con trưởng thì không trừ được cái nạn quyền thần, vì vậy họ lập con trưởng mà gây ra cái nhục anh em giết lẫn nhau trước linh cữu cha. Đó không phải là điềm thịnh của một triều đình có đạo trị.

Hơn 200 năm của bản triều, ơn huệ nhân hậu được vun đắp, việc truyền ngôi sáng tỏ, thế mà đời đến loạn. Bỗng nhiên có cái biến lớn về nhân luận như thế, cái đó hai, ba cố mệnh đại thần không thể không phụ với Thánh thượng. Nay trong số những người có tội, chỉ có thần là chạy thoát. Đối với những kẻ thường ngày được Thánh thượng nuôi nấng hoặc khinh rẻ, muốn giết họ để thỏa mãn sở thích tùy tiện, làm việc đó để trả thù một cách khiên cưỡng, thiết nghĩ cũng không nên làm giữa lúc phế lập này, huống hồ là viết thành cáo dụ! Có kẻ giúp nước, coi nghĩa thứ nhất lúc chính sự mới lập, không gì gấp hơn là việc tranh biện về mật án. Họ cho rằng việc năm trước có biết là sai thì việc năm sau mới biết là đúng. Họ cứ bo bo theo ý ấy, mà cam tâm theo kẻ bới móc những cái sai của Thánh thượng. Ôi! Nghĩa câu "Ném chuột sợ vỡ đồ" là thế nào? Câu "ba năm không đổi"[10] cớ sao không đọc đến? Những kẻ gây thù chuốc oán, làm hại đến chữ hiếu đã làm tổn thất không nhỏ cho nước nhà. Bởi vậy, nay một vài người chấp chính, không thể không phụ với chúa mới. Thần thực không dám yêu cái mạng ngắn ngủi này để thoả mãn cái ý của chúa ngày nay, nhưng nghĩ đến cái chết vô lý, được tiếng khen của những hạng tầm thường thì không báo đáp được cái ơn tri ngộ của Thánh thượng. Thánh thượng vực thần từ chỗ tối tăm, biết rõ thần không có ý gì khác nên muốn gây dựng cho thần được danh phận cao xa, chẳng may tình cá nước chia lìa, duyên rồng mây quá bạc. Nay Thánh thượng đã mất rồi, thần không thể theo vào được nơi cao xa. Tấm thân này lênh đênh sông bể, cuộc đời tơi nón long đong, nhưng còn những năm chưa hết của cuộc đời này, thần vẫn không dám quên ơn gây dựng của Thánh thượng.

Thần thiết nghĩ, nay nghĩa Xuân thu không rõ, đạo trung hiếu đã phải cô quạnh nơi đầm lầy hoang vu, làm tội nhân của chúa ngày nay

cũng không dám làm điều gì cầu may để trốn tránh, để làm tội nhân của Thánh thượng. Trời hoặc giả che trở cho thần, như họ Thái khóc cỏ tê ở núi tây, họ Diêu đọc sách ở cửa Tô,[11] đó cũng là chức phận hết lòng trung của thần với Thánh thượng vậy! Hoặc giả nếu có đại loạn mà được trọng dụng như Tề Vương trọng phong, Kiến Văn vào triều[12] thì đó cũng là chí nguyện của thần báo đáp Thánh thượng.

Thần từ ngày chạy loạn đến nay, trú ngụ ở Bách Tính, khóc bố mẹ nơi hoang vu. Nay ba năm hết tang, vẫn chưa được vào triều để bái vọng trước nhà thờ, tình khuyển mã chưa hết được. Trong ngày lễ "đàm nguyệt" này, thần chỉ xin thắp hương vọng bái, bày tỏ lòng thành, trông lên trời xanh, mong Thánh thượng linh thiêng chứng giám cho tấm lòng trung nghĩa.

Trần Lê sáng (dịch)

(Theo *Tạp chí Văn học số 3- 1973)*

CHÚ THÍCH:

1. Tĩnh Vương, tức Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm, căn cứ nội dung trong bài thì bài văn này được Ngô Thì Nhậm sáng tác vào năm 1783, thời gian ông đang lánh nạn (1782-1786). Chúa nay, chỉ Trịnh Khải bấy giờ đã được kiêu binh lập nên; cố Thế tử chỉ Trịnh Cán đã chết.

2. Nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

3. Đây là câu Trịnh Sâm trả lời Thái hậu khi bà muốn Sâm truyền ngôi cho Trịnh Khải. Con bác chỉ Trịnh Bồng.

4. Thành Vương lên ngôi còn bé, Chu Công đánh con mình là Thái Câm để gián tiếp dạy Thành Vương.

5. Đây là sự kiện thời Tống (Trung Quốc), sau khi Tống Thần Tông chết (1085).

6. Sự kiện thuộc thời Hán Chiêu Đế (86-74 trước CN) và Tuyên Đế (73-49 trước CN).

7. Sự kiện ở nước Tống thời Xuân Thu.

8. Tam công là chức quan đầu triều.

9. Nguyên bản chú: Đời Trần Phế Đế có câu hát: "Họ Trần có một người làm vua thiên hạ" câu này do Hồ Quý Ly đặt ra để làm hại Trần Khát Chân. Đời Lê Thánh Tông lại có thư nặc danh viết: "Nhân hữu nhị tâm, thậm khả nghi" (Người có hai lòng, rất đáng nghi) [Nhân hữu nhị tâm là chữ Niệm]. Vua biết đây là lời vu Lê Niệm nên không nghe.

10. *Luận ngữ* có câu: "Tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả hiếu hĩ," nghĩa là: Ba năm không đổi cái đạo của cha, có thể nói là có hiếu được.

11. Thái, tức Thái Nguyên Định; Diêu, tức Diêu Khu Tông, người đời Tống.

12. Tế Vương người đời Tống, Kiên Văn người đời Minh.

17. 密禱天地文

臣質本庸常，學多鹵莽。

貪名利而奔波宦海，至虧持守之功；挾斗筲而放轡華途，遂入驕盈之域。

凡所律身行己，實非據德懷仁。

殺機較勝生機，寬恕少中孚之澤；順境不思逆境，高亢罹小過之災。

自去冬爲逋播之孤臣；至今夏歷居諸之二載。自揣少年得路，不知禍福吉凶之理，暗以取敗，急以招殃；仰惟大德好生，尚開省修悔過之途，窮而思過，困而念善。

暢舒屬南薰之令；長育當太昊之時。

愁縈客地江村，正屬生死升沉之未卜；淚灑先人墳宅，增憶合離聚散之無常。

困心衡慮，種種由衷；危福難全，洋洋在上。

伏願：洪鈞轉照，大造開仁。

軫臣先父向年積累之勤；憫臣妻子今日分攜之苦。

臣身有罪，深惟渝恕以兢惶；臣家無依，仰望照臨之赫宥。

今臣：獨居一室，冒叩九霄。

靜悔前非，好還切昭昭之懼；永言陰騭，儆省深兢兢之誠。

昆蟲安遇，幸得避藏；犬馬延生，伏蒙覆載。

PHIÊN ÂM:

MẬT ĐẢO THIÊN ĐỊA VĂN

Thần chất bản dung thường, học đa lỗ mãng.

Tham danh lợi nhi bôn ba hoạn hải, chí khuy trì thủ chi công; hiệp đấu sảo nhi phóng bí hoa đồ, toại nhập kiêu doanh chi vực.

Phàm sở luật thân hành kỷ; thực phi cứ đức hoài nhân.

Sát cơ giảo thắng sinh cơ, khoan thứ thiếu Trung phu chi trạch; thuận cảnh bất tư nghịch cảnh, Cao cang ly Tiểu quá chi tai.

Tự khứ đông vi bô phiên chi cô thần; chí kim hạ lịch cư chư chi nhị tải. Tự suỷ thiếu niên đắc lộ, bất trì hoạ phúc cát hung chi lý, ám dĩ thủ bại, cấp dĩ chiêu ương; ngưỡng duy đại đức hiếu sinh, thượng khai tỉnh tu hối quá chi đồ, cùng nhi tư quá, khốn nhi niệm thiện.

Xướng thư thuộc Nam huân chi lệnh; trường dục đương Thái hạo chi thời.

Sầu oanh khách địa giang thôn, chính thuộc sinh tử thăng trầm chi vị bốc; lệ sái tiên nhân phần trạch, tăng ức hợp ly tụ tán chi vô thường.

Khốn tâm hành lự, chủng chủng do trung; nguy phúc nạn toàn, dương dương tại thượng.

Phục nguyện: Hồng quân chuyển chiếu, đại tạo khai nhân.

Chẩn thần tiên phụ hướng niên tích luỹ chi cần; mẫn thần thê tử kim nhật phân huề chi khổ.

Thần thân hữu tội, thâm duy dũ nộ dĩ căng hoàng; thần gia vô y, ngưỡng vọng chiếu lâm chi hách hựu.

Kim thần: Độc cư nhất thất, mạo khấu cửu tiêu.

Tỉnh hối tiền phi, hiếu hoàn thiết chiêu chiêu chi cụ; vĩnh ngôn âm chất, cảnh tỉnh thâm khích khích chi thành.

Côn trùng an quá, hạnh đắc độn tàng; khuyển mã diên sinh, phục mông phú tái.

DỊCH NGHĨA:

VĂN MẬT CÁO VỚI TRỜI ĐẤT

Thần là kẻ: Tư chất tầm thường, học hành lỗ mỗ.

Tham danh lợi mà ngược xuôi bể hoạn, công nắm giữ đành chịu buông tay; ôm thưng đấu mà rong ruổi đường hoa,[1] cõi kiêu mãn thành ra lạc tới.

Phàm những giữ mình sửa nết; đều không bám đức theo nhân.

Sát cơ thường thắng hẳn sinh cơ,[2] ơn khoan thứ ở Trung phu[3] đành ít gặp; thuận cảnh không màng chi nghịch cảnh, hoạ Cao cang[4] Tiểu quá[5] bỗng sa vào.

Thân cô thần trốn tránh tự đông qua; vòng nhị tải[6] lần lừa nay hạ tới.

Tự xét: Ngay từ nhỏ đã hanh thông, nên không thấu lẽ rủi may tốt xấu, thành thử ở chỗ tối tăm mà chuốc lấy thất bại, vì mau chóng mà chịu tai ương; ngửa mong đức lớn hiếu sinh, mở ra lối sửa chữa lỗi lầm, khiến cho lúc cùng mà biết đến sai lầm, khi khốn mà nghĩ đến điều thiện.

Ơn trưởng dục[7] gặp giữa thời Thái Hiệu;[8] khí hoà đương thuộc buổi Nam huân.[9]

Mối sầu xe thôn nước quê người, chính gặp lúc: Cơ sống thác nổi chìm chưa dám bói; giọt lệ đầm phần mồ dấu tổ, luống thêm ê: Nỗi hợp ly tan hợp khá vô thường.

Lòng thì rối, ý thì ngang, lớp lớp tự trong khôn tả xiết; nạn được toàn, nguy được cứu, phúc lành rực rỡ ở trên sáng soi.

Cúi mong: Đất trời soi sáng khắp, tạo hoá mở lòng nhân.

Nghĩ tới thân phụ thần cần cù tích luỹ kể bao năm; thương tới vợ con thần hiện nhật rất ư khó nhọc.

Bản thân thần có tội, vậy nên nổi giận để răn đe; gia đình thần không chốn nương nhờ, mong được xét soi mà cứu vớt.

Nay thần: Nhà ở riêng một túp, cúi lậy chín tầng trời.

Hối cải tội xưa, vằng vặc chữ "hiếu hoàn" luôn sợ sệt;[10] nói về âm đức báo[11] kinh hoàng câu "cảnh tỉnh" rất chân thành.[12]

Loài sâu bọ gặp chốn yên thân, may tìm được nơi ẩn náu; lũ chó ngựa được sống thêm, ơn nhờ công trở che.

CHÚ THÍCH:

1. Đường hoa, chỉ con đường làm quan.

2. Sát cơ: Cái cơ bị giết, sinh cơ: Cái cơ được sống.

3. Trung phu: Một quẻ trong *Kinh Dịch*. Đại tượng quẻ đó nói: Trạch thượng hữu phong; Trung phu, quân tử dĩ nghị ngục hoãn tử (Trên đầu có gió là Trung phu, người quân tử dùng tượng quẻ đó để bàn việc ngục tụng, hoãn điều chết lại). Đây tác giả đang trốn tránh, mong được khỏi chết, nên nhắc tới câu đó.

4. Cao cang: Quá cao và cứng rắn.

5. Tiểu quá: Lỗi nhỏ, tên quẻ ở *Kinh Dịch*, hào Thượng lục nói: Phất ngộ quá chi, thị vị tai sảnh (Không gặp, vì quá rồi, thế gọi là tai ương). Tiểu tượng hào đó giải thích: Phất ngộ quá chi, đĩ cang dã (Không gặp vì quá rồi, vì đã khô rắn vậy). Đây tỏ ý thú tội.

6. Vòng nhị tải, mới trong vòng hai năm.

7. Ơn trưởng dục: Cái ơn nuôi dưỡng cho lớn. Đây chỉ ngọn gió mùa hạ, làm cho vạn vật đều trưởng thành.

8. Thái Hiệu là thần coi về mùa xuân, mùa hạ thì thuộc thần Viêm Đế.

9. Nam huân, gió nam mát.

10. Hiếu hoàn, muốn trả lại. Sách nho xưa nói: Thiên đạo hiếu hoàn (Đạo trời muốn trả ngay lại), cũng như thuyết báo ứng của nhà Phật.

11. Âm đức cũng như âm chất, làm điều phúc hậu, ngoài mình ra, chỉ có quỷ thần biết, gọi là âm đức.

12. Cảnh tỉnh, răn đe cho tỉnh ngộ lại.

18. 又密禱天地文

臣：忝以庸常，幸蒙培壅。

圖澤濫叨溫寵，負乘皆非分之恩；身謀徒巧應酬，操履少澄心之事。

釁實招自己；禍延及所親。

關山萬里奔喪，父子不相聞，契闊實無窮之悔；雨露九天沛澤，君王新有命，傴僂增非據之慚。

深惟倚伏之機關；莫測斡旋之樞紐。

失父而得官，權衡於失得，小人罪惡之太深；虧人而盈己，推測於盈虧，大造飄陶之更巧。

撫躬而增懼；仰隆鑒之無私。

伏願：不遠監觀，曲加矜閔。

恢浩浩好生之德，卑聽孔昭；佑惸惸在疚之兒，可貞獲吉。

PHIÊN ÂM:

HỰU MẬT ĐẢO THIÊN ĐỊA VĂN[A]

Thần: Thiệm dĩ dung thường, hạnh mông bội ủng.

Quốc trạch lạm thao ôn sủng, phụ thừa giai phi phận chi ân; thân mưu đồ xảo ứng thù, thao lý thiếu trừng tâm chi sự.

Hấn thực chiêu tự kỷ, hoạ diên cập sở thân.

Quan san vạn lý bôn tang, phụ tử bất tương văn, khế khoát thực vô cùng chi hối; vũ lộ cửu thiên bái trạch, quân vương tân hữu mệnh, khu lũ

tăng phi cữ chi tàm.

Thâm duy ỷ phục chi cơ quan; mạc trắc cán tuyền chi khu nữu.

Thất phụ nhi đắc quan, quyền hành ư thất đắc, tiểu nhân tội ác chi thái thâm; khuy nhân nhi doanh kỷ, suy trắc ư doanh khuy, đại tạo phiêu đào chi cánh xảo.

Phú cung nhi tăng cụ; ngưỡng long giám chi vô tư.

Phục nguyện: Bất viễn giám quan, khúc gia căng mẫn.

Khôi hạo hạo hiếu sinh chi đức, ty thính khổng chiêu; hựu quỳnh quỳnh tại cữu chi nhi, khả trinh hoạch cát.

DỊCH NGHĨA:

LẠI VĂN MẬT CÁO VỚI TRỜI ĐẤT

Thần, hổ phận tầm thường, nhờ ơn vun đắp.

Giúp nước những lạm nhờ vinh sủng, việc gánh vác đều do ơn phi phận thấm nhuần; xuất thân chỉ khéo ở ứng thù, sự dày đạp ít, hẳn lặng lòng suy nghĩ.

Tự mình khơi ra hiềm khích; cả nhà liên luỵ tới tai ương.

Đường chạy tang muôn dặm non sông, cha con vắng tin nhau, nỗi xa cách thật vô cùng hối hận; ơn tưới mát chín tầng mưa móc, mệnh Chúa ban khen vừa tới, bước lom khom[1] không cứ được, đáng thẹn thùng.

Cơ quan dựa dẫm[2] nghĩ cho sâu; bộ máy chuyển vần khôn đo được.

Mất cha mà được chức quan, đắn đo sự được mất, tiểu nhân này tội quá sâu dầy; vơi người mà đầy mình, suy xét việc đầy vơi, đại tạo hỡi nặn vo sao khéo tá?

Ngẫm thân hèn thêm sợ sệt; nhờ gương sáng chẳng riêng tây.

Cúi mong: Soi xét không xa, rủ lòng thương tới.

Mở đức hiếu sinh rộng lớn, để nghe được rõ ràng; thương con côi vò võ cư tang, được ban điều tốt đẹp.

KHẢO DỊ:

a. Đầu đề này, ở bản A. 117/10 ghi: Tại tang phụng thăng Công bộ Hữu thị lang cáo tạ thiên địa văn 在喪奉陞工部右侍郎告謝天地文 (Khi có tang cha, vâng được thăng chức Hữu thị lang Bộ Công, làm bài văn cáo với trời đất).

CHÚ THÍCH:

1. Lom khom (khu lũ), ý nói khi được nhận thăng chức lom khom sợ hãi. *Tả truyện:* "Nhất mệnh nhi lũ, tái mệnh nhi khu, tam mệnh nhi phủ." Nghĩa là, nhận mệnh lần đầu (làm

quan Sĩ) thì cúi, nhận mệnh lần thứ hai (làm Đại phu) thì khom mình, nhận mệnh lần thứ ba (làm quan Khanh) thì cúi rạp người xuống.

2. Dựa dẫm (ỷ phục), do câu: "Phúc giả hoạ chi sở ỷ, hoạ giả phúc chi sơ phục." Nghĩa là, khi hưởng phúc, cái mầm hoạ của nó đã dựa ở trong; khi gặp hoạ, thì cái mầm phúc của nó đã nằm ở trong.

19.祭 表弟吳二郎

嗚呼！人世死生，一大關頭。所貴乎人道者，生則握手相歡，死則臨屍相吊。缺一於此，邂逅焉耳，烏足以將情哉！

我於壬寅避難，飄零江湖，托外家兄弟，首尾相周，幸而得保無事。惟君左右周旋，外禦其侮，於瓜葛之情，有胞血之親。

我以去秋，歸朝國事，家情百般轇轕。聞君居鄉抱病，卒不能一來省視，及聞其喪又不能憑棺一哭。

嗚呼傷哉！夫復何信，惟我兄弟，一片情懷，對于蔚藍冥陽別路，然而百年之後，則相逢，不必諰諰于尋常泣哭，效兒女之情也。

千里遠道，無能爲奠，謹委家幹某代行奠禮，君如有靈，尚其鑒諸。

PHIÊN ÂM:

TẾ BIỂU ĐỆ NGÔ NHỊ LANG

Ô hô! Nhân thế tử sinh, nhất đại quan đầu. Sở quý hồ nhân đạo giả, sinh tắc ác thủ tương hoan, tử tắc lâm thi tương điếu. Khuyết nhất ư thử, giải cấu yên nhĩ, ô túc dĩ tương tình tai!

Ngã ư Nhâm Dần tị nạn, phiêu linh giang hồ, thác ngoại gia huynh đệ, thủ vĩ tương chu, hạnh nhi đắc bảo vô sự. Duy quân tả hữu chu tuyền, ngoại ngự kỳ vụ, ư qua cát chi tình, hữu bào huyết chi thân.

Ngã dĩ khứ thu, quy triều quốc sự, gia tình bách ban giao cát. Văn quân cư hương bão bệnh, tốt bất năng nhất lai tỉnh thị, cập văn kỳ tang

hựu bất năng bằng quan nhất khốc.

Ô hô thương tai! Phù phúc hà tín, duy ngã huynh đệ, nhất phiến tình hoài, đối vu uý lam, minh dương biệt lộ, nhiên nhi bách niên chi hậu, tắc tương phùng, bất tất tỷ tỷ vu tầm thường khấp khốc, hiệu nhi nữ chi tình dã.

Thiên lý viễn đạo, vô năng vi Điện, cẩn uỷ gia cán mỗ đại hành Điện lễ, quân như hữu linh, thượng kỳ giám chư.

DỊCH NGHĨA:

TẾ EM HỌ NGOẠI LÀ NGÔ NHỊ LANG

Than ôi! Sự sống chết của đời người là một việc rất trọng đại. Cái quý của đạo làm người là, sống thì dắt tay nhau cùng vui vẻ, thác thì tới sát thây mà viếng. Hai cái đó nếu thiếu một thì chỉ là một cuộc gặp gỡ nhau mà thôi, sao có thể gọi là chí tình được!

Tôi năm Nhâm Dần trước tránh nạn, phiêu bạt giang hồ, phải nhờ vào anh em họ ngoại trước sau giúp đỡ, may mà vô sự. Lúc đó có em săn sóc bên tả bên hữu, ngăn những bọn dòm ngó bên ngoài, bằng tình thân thiết, và lòng thân yêu như cùng máu mủ.

Mùa thu năm ngoái tôi về với triều đình, việc nước tình nhà, trăm đường chật vật. Được tin em ở làng bị ốm, kết cục chẳng sao tới hỏi thăm được ! Kịp khi nghe thấy tang, lại chẳng sao vỗ vào áo quan mà khóc được.

Than ôi thương thay! Ôi, còn biết nói gì đây, anh em ta một khối tình hoài, đối với cõi trời xanh, dẫu âm dương khác đường, nhưng sau khi ta trăm năm, sẽ lại gặp nhau, thế thì bất tất phải tỏ thói của đàn bà khóc lóc kể lể tầm thường làm gì!

Đường xa ngàn dặm, không thể đến tế Điện được, xin sai con trai cả là mỗ đến làm lễ thay, em có linh thiêng, sẽ soi xét cho.

20. 祭友范石洞公文

嗚呼！石洞公如有靈，神魄逍遙，曾已至京否耶？

自壬寅別袂，天各一方，公爲封彊奔走之臣，我爲江湖飄零

之漢，斷金情緒，剩對樹雲。

今年某自海陽歸臨，聞公在乂安，忠義之氣，發之文章，不見容於賊。播越臨蒁，酸苦無悔。子曰：顛沛必如是，造次必如是。公於仁字用功，非深有得者歟？

公今死矣，平素公所握手深交，惟希志與我三人耳。公性磊落，多與俗心忤，而浩然之氣，又非夫人所能。希志與我偏斌媚，公因事箴之，未曾相謏以辭色，相安以姑息。古之所謂益友 者，殆不過是。十朋之龜，今將於何尋耶？

嗚呼！天造草昧，賢者宜死節於邊，公以不屈於賊而 死。古詩云：

人生自古誰無死？

留取丹心照汗青。

然則其死也榮，可以悲，可以不必悲，公如至京，當 飲我一樽酒也。

PHIÊN ÂM:

TẾ HỮU PHẠM THẠCH ĐỘNG CÔNG VĂN

Ô hô! Thạch Động công như hữu linh, thần phách tiêu dao, tằng dĩ chí Kinh phủ da?

Tự Nhâm Dần biệt duệ, thiên các nhất phương, công vi phong cương bôn tẩu chi thần, ngã vi giang hồ phiêu linh chi hán, đoán kim tình tự, thặng đối thụ vân.

Kim niên mỗ tự Hải Dương quy lâm, văn công tại Nghệ An, trung nghĩa chi khí, phát chi văn chương, bất kiến dung ư tặc. Bá việt lâm mãng, toan khổ vô hối. Tử viết: "Điên bái tất như thị, tháo thứ tất như thị." Công ư "nhân" tự dụng công, phi thâm hữu đắc giả dư?

Công kim tử hĩ, bình tố công sở ác thủ thâm giao, duy Hy Chí dữ

ngã tam nhân nhĩ. Công tính lỗi lạc, đa dữ tục tâm ngộ, nhi hạo nhiên chi khí, hựu phi phù nhân sở năng. Hy Chí dữ ngã thiên vụ my, công nhân sự châm chi, vị tằng tương tẩu dĩ từ sắc, tương an dĩ cô tức. Cổ chi sở vị ích hữu giả, đãi bất quá thị. Thập bằng chi quy, kim tương ư hà tầm da?

Ô hô! Thiên tạo thảo muội, hiền giả nghi tử tiết ư biên, công dĩ bất khuất ư tặc nhi tử. Cổ thi vân:

Nhân sinh tự cổ thuỳ vô tử?

Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh.

Nhiên tắc kỳ tử dã vinh, khả dĩ bi, khả dĩ bất tất bi, công như chí Kinh, đương ẩm ngã nhất tôn tửu dã.

DỊCH NGHĨA:

VĂN TẾ BẠN PHẠM THẠCH ĐỘNG

Than ôi! Bác Thạch Động nếu linh thiêng, thần phách tiêu dao, đã từng đến Kinh sư hay chưa?

Từ năm Nhâm Dần chia tay nhau, mỗi người một ngả, bác thì làm người bề tôi ở chốn biên thuỳ, còn tôi thì làm kẻ phiêu bạt nơi giang hồ, mối tình chia cắt như mây trên ngọn cây phía trước.

Năm nay tôi từ Hải Dương về thăm, được tin bác ở Nghệ An, có khí phách trung nghĩa, phát ra văn chương, không dung thứ cho bọn giặc. Bác lặn lội nơi rừng rú, nếm đủ mùi đắng cay, nhưng không lấy làm hối tiếc. Đức Khổng Tử có nói: "Dù có xấp ngửa cũng vẫn như vậy, dù vội vã cũng vẫn như vậy." Bác dụng công ở chữ "nhân," không phải đã đạt tới chỗ sâu sắc đó hay sao?

Bác nay mất rồi, bình nhật nắm tay nhau kết bạn, riêng có Hy Chí[1] và tôi, ba người chúng ta mà thôi! Tính bác lỗi lạc, phần nhiều trái với thói tục, nhưng cái khí hạo nhiên đó không phải người khác có được. Hy Chí và tôi thiên về mặt uỷ my, bác nhân việc đó mà khuyên răn, chưa bao giờ dùng lời ngon ngọt phỉnh nịnh, cốt cho yên chuyện. Đời cổ bảo bạn có ích, thật cũng không hơn được. Con rùa quý những mười bằng[2] nay còn tìm thấy ở đâu đây?

Than ôi! Đất trời âm u, bậc hiền giả nên giữ tiết mà chết ở nơi biên cương, bác do không khuất phục giặc mà chết. Thơ cổ có câu:

Từ xưa cái chết ai không?

Lòng son để lại soi hồng sử xanh.

Thế là cái chết đó là vinh, có thể là buồn, có thể bất tất phải buồn, bác nếu có tới Kinh sư, nên uống với tôi một be rượu.

CHÚ THÍCH:

1. Hy Chí là tên tự của Ninh Tốn, hiệu là Chuyết Sơn, Tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1778), quê làng Côi Trì, huyện Yên Mô, Ninh Bình. Dưới triều Tây Sơn làm đến Đốc học.

2. Con rùa quý 10 bằng, ý nói vô giá. *Kinh Dịch*, quẻ Tổn, hào Lục ngũ: Hoặc ích chi thập bằng chi quy (Hoặc thêm cho con rùa 10 bằng). Bằng là đơn vị tiền tệ đời cổ.

21. 祭年友金堆范公文

嗚呼！公生於臺閣，死於林泉。

其生赫奕，其死團圓。

此近日科名中人所希罕，非尋常仕止者所能企及，其芳躅焉。

忝等與公和而不同，蓋非意之所及，乃事勢之使然。

公實獲忝心，固我所自會，而非可以言傳。

方欲與公於三德之江一談，忽上帝召公，飄飄乎塵化而登僊。

此公之得意處，忝等何敢徒爲無從之涕漣。

安世之山，富溪之川。

繫公新還神，與埃軋而相爲後先。

生芻一奠，隴崗之扞。

嗚呼此情！夫豈四海九州之人之年。

PHIÊN ÂM:

TẾ NIÊN HỮU KIM ĐÔI PHẠM CÔNG VĂN

Ô hô! Công sinh ư đài các, tử ư lâm tuyền.

Kỳ sinh hách dịch, kỳ tử đoàn viên.

Thử cận nhật khoa danh trung nhân sở hy hãn, phi tầm thường sĩ

chỉ giả sở năng xí cập, kỳ phương trục yên.

Thiệm đẳng dữ công hoà nhi bất đồng, cái phi ý chi sở cập, nãi sự thế chi sử nhiên.

Công thực hoạch thiệm tâm, cố ngã sở tự hội, nhi phi khả dĩ ngôn truyền.

Phương dục dữ công ư Tam Đức chi giang nhất đàm, hốt Thượng đế triệu công, phiêu phiêu hồ trần hoá nhi đăng tiên.

Thử công chi đắc ý xứ, thiệm đẳng hà cảm đồ vi vô tòng chi dễ liên.

Yên Thế chi sơn, Phú Khê chi Xuyên.

Ế công tân hoàn thần, dữ ưởng trát nhi tương vi hậu tiên.

Sinh sô nhất điện, lũng cương chi thiên.

Ô hô thử tình! Phù khởi tứ hải cửu châu chi nhân chi niên.

DỊCH NGHĨA:

VĂN TẾ BẠN ĐỒNG KHOA PHẠM CÔNG LÀNG KIM ĐỘI[1]

Than ôi! Ông sống nơi đài các, mất ở suối ngàn; sống thì rực rỡ, mất cũng an toàn.

Gần đây những người trong hàng khoa mục rất hiếm, không phải hạng tầm thường làm quan hay về hưu mà theo được như bước chân ông khoan nhàn.

Bọn tôi với ông "hoà mà chẳng đồng," có lẽ không phải ý nghĩ không kịp, mà đó là sự thế xui nên.

Ông thật hợp lòng tôi, tự tôi hiểu được, nhưng không thể nói ra bằng lời truyền.

Đương muốn cùng ông có một buổi hội đàm ở sông Tam Đức,[2] bỗng nhiên Thượng đế mời ông, nhẹ nhàng thay, thoát hẳn cõi trần mà lên tiên.

Đó là chỗ đắc ý của ông , lũ tôi đâu dám vì cõi không đâu mà tuôn trào giọt lệ!

Non Yên Thế kìa cao, sông Phú Khê kìa sâu.[3]

Nay ông đã quy thần rồi, cùng với tám cõi mà cùng trước sau.

Cỏ tươi một bó, đặt trước lũng khâu.[4]

Than ôi tình này còn mãi, nào phải tuổi của người bốn bể chín châu!

CHÚ THÍCH:

1. Phạm công, tức Phạm Đình Dư, người làng Kim Đôi, huyện Vũ Giàng (Quế Võ, Bắc Ninh), đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775), cùng khoa với Ngô Thì Nhậm.

2. Tam Đức: Thiên Đức, Nhật Đức, Nguyệt Đức (Sông Thương, sông Cầu, sông Đuống), 3 con sông thuộc vùng quê Phạm công.

3. Núi Yên Thế, sông Phú Khê, cùng thuộc vùng quê Phạm công.

4. Lũng khâu, khu ruộng cao để mả.

22. 祭友拙山希志氏文

嗚呼！公能守拙，而不能藏拙。拙於處，故爲人所知，拙於出，故爲時所欺。然公拙於生而巧於死，此則能拙之效也。

夫！使公死於江湖，則分非五相，徒爭草木之枯；使公死於岩廊，則位非三公，何求桃荊之撫。

惟公：爲人所知，而不爲人所忌；爲時所欺，而不爲時所忌。

雖生於塵網中，而得死於塵網外，此造化憐公之拙，使得於故山還故物。脱履解縶，無少障礙，夫非至巧以養至拙者歟？吾故知公之至樂，不以契闊爲公悲。

三爵爲儀，以刑容拙山之拙，且以鋪張造化之巧。巧爲拙山還拙者也。拙哉巧噫！

PHIÊN ÂM:

TẾ HỮU CHUYẾT SƠN HY CHÍ THỊ VĂN

Ô hô! Công năng thủ chuyết, nhi bất năng tàng chuyết. Chuyết ư xử, cố vi nhân sở tri, chuyết ư xuất, cố vi thời sở khi. Nhiên công chuyết ư sinh nhi xảo ư tử, thử tắc năng chuyết chi hiệu dã.

Phù sử công tử ư giang hồ, tắc phận phi Ngũ tướng, đồ tranh thảo mộc chi khô; sử công tử ư nham lang, tắc vị phi Tam công, hà cầu đào liệt chi phủ.

Duy công: Vi nhân sở tri, nhi bất vi nhân sở ky; vi thời sở khi, nhi bất vi thời sở câu.

Tuy sinh ư trần võng trung, nhi đắc tử ư trần võng ngoại, thử tạo hoá lân công chi chuyết, sử đắc ư cố sơn hoàn cố vật. Thoát lý giải trụ, vô thiếu chướng ngại, phù phi chí xảo dĩ dưỡng chí chuyết giả dư? Ngô cố tri công chi chí lạc, bất dĩ khế khoát vi công bi.

Tam tước vi nghi, dĩ hình dung Chuyết Sơn chi chuyết, thả dĩ phô trương tạo hoá chi xảo. Xảo vi Chuyết Sơn hoàn chuyết giả dã. Chuyết tai xảo y!

DỊCH NGHĨA:

BÀI VĂN TẾ BẠN CHUYẾT SƠN HY CHÍ[1]

Than ôi! Ông có thể giữ cái vụng,[2] nhưng không thể giấu cái vụng được. Vụng lúc xử, nên người biết, vụng khi xuất, nên bị thời gian dối lừa. Nhưng ông lúc sống thì vụng, còn đến lúc chết thì lại khéo, đó là kết quả của cái vụng đem đến vậy.

Này, nếu ông chết ở nơi sông hồ, thì phận của ông không phải là bậc Ngũ tướng,[3] mà chỉ là tranh giành với sự khô héo của cỏ cây; nếu ông chết ở lang miếu, thì ngôi của ông không phải là Tam công,[4] mà như thế cần gì phải cầu cạnh sự trừ tai tróc quái bằng cành đào.[5]

Như ông, là người làm cho người ta biết đến, không làm cho người ta ghét; là người bị thời gian dối lừa, không bị thời gian câu thúc.

Cho nên, tuy ông sống ở trong lưới của trần ai, nhưng được chết ở ngoài lưới trần ai, đó là do tạo hoá thương ông vụng, khiến cho ông được là vật cũ trở về với núi cũ. Trút dép, cởi giải ấn, không chút vấn vương, há chẳng phải là ông đem cái rất khéo để nuôi dưỡng cái vụng về đó sao? Cho nên tôi đây, biết được cái "chí lạc" (rất vui) của ông, không dám vì nỗi phải xa cách mà thương tiếc ông.

Rượu ba chén làm lễ, để hình dung cái vụng của ông Chuyết Sơn, và cũng để phô trương cái khéo của tạo hoá. Khéo ở chỗ làm cho ông Chuyết Sơn trở về chỗ vụng vậy. Vụng thay mà cũng khéo thay! Ôi!

CHÚ THÍCH:

1. Chuyết Sơn, xem chú thích số 1, bài số 20 trên.

2. Vụng, cách chơi chữ, để nói tên hiệu của Ninh Tốn: Chuyết Sơn (Núi vụng về).

3. Ngũ tướng, 5 vị tướng. Thơ Bạch Cư Dị: Đồng thời lục học sĩ, ngũ tướng nhất ngư ông (Đồng thời có 6 vị học sĩ, 5 vị tướng và 1 ông chài).

4. Tam công: Thái sư, Thái phó, Thái bảo.

5. Cành đào, dịch chữ "đào liệt" trong bài. Đào liệt là kết nhiều cành đào lại làm chổi, dùng để quét trừ những cái không tốt lành. *Tả truyện:* Bèn sai bà mụ (bà cốt), dùng chiếc chổi đào làm lễ Phất ở linh cữu (Nãi sử vu đĩ đào liệt tiên Phất thấn). Lễ Phất là để bài trừ tai ương, đón phúc lành.

***

TỰ - THƯ

Những bài tự, tựa Ngô Thì Nhậm đề cho các thi văn tập của các bạn đồng liêu được viết chủ yếu vào thời Lê - Trịnh, còn các bức thư lại được viết sau khi Nhô Thì Nhậm ra với nhà Tây Sơn, hiện tập hợp vào tập *Kim mã hành dư* ở trong tùng thư *Ngô gia văn phái,* với các ký hiệu Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, sau:

Ngô gia văn phái VHv.1743/19, VHv.1743/21. VHv.1743/28; VHv.16/6, VHv.16/7; A.117/10.

Lần này xin dùng bản có ký hiệu Thư viện VHv.1743/19 làm bản nền để so sánh, đối chiếu, khảo dị với các bản còn lại.

1. 芹曝卮言序

乾以始覆萬物，而不厭繁聲，故禽鳥得鳴，坤以生載萬物，而不厭繁聲，故伏蟄得吟；聖人以道理天下，而不厭繁聲，故篇羣得言。夫事可爲之君，知而不爲，不忠也；立得言之朝，默而不言，不誠也。

伏惟聖上，道高軒昊，化隆胥庭。臨御以來，天人和應，德音之所發越，英謨之所運量溥博淵泉，而時出之；猶且凝神聽覽，容蓋不遺。臣以是知聖人之不厭繁聲也。

臣聞之董子有言：“爲治之道無他，在乎加之意而已”，“加之意”者，非霄衣旰食，日不暇給之謂也，亦非開闔動搖，更制變化之謂也。操得其要，故能以落閂 一身，萬心爲一心，不動而化，不見而章，無爲而成。二帝三王，有垂衣裳而天下治，有垂拱而天下治，曷嘗不加之意哉？得其所操，故能逸而有成也。操者何？“教”“法”；“政”三者之要是也。三者相須而行，不能偏舉而治法以輔教，教以行政帝王之隆，載在方策“謨”之“九功”。“範”之“九疇”，義斯備矣。後之有國家者，何代無教，何世無法，何時無政。然有偏而不舉者，故徒教不能立，徒法不能行，徒政不能施。遂有一個村宰 相出焉。元首明而股肱不良，腹心運而手足不動，己則不善，歸過於君。自

謂伯仲皋，夔，等夷旦奭，藉口古人，文飾鄙淺，使人君必飯於土簋，飲於土缾，衣皂褘，履革舄，而後可，此唐堯漢文之糟粕也。必未顯求衣，匪雞則鳴，討論墳典，夜分乃寢而後可。此周宣唐太之糠秕也。治天下者，不可以天下奉一人，得不以天下應天下乎？宗廟之享祀，郊社之禴禘，軍旅之賞勞，都蕃之賜賚，如之何其可闕也？人君之自奉有限，而天下之事酬應無窮。天地神祈之所付托，百官六軍之所瞻仰，非哈兀然之可言治。其爲不足之情與不足之事者，不可逆料而數計。人君思之不得其道，於是聚斂之政行焉。聚斂之政行，於是貪鄙之吏出焉。貪鄙之吏出，於是平治之法廢焉。平治之法廢，於是乎四民之業殘焉。民之業殘，於是乎姦冗之風熾焉。姦冗之風熾，於是乎惇敘之教斁焉。是故欲治之君，必得輔治之臣，然後教法政可舉。

國家天啓中興，列聖相承，肇培二百年以來，正和、保泰之間，重整朝綱，更絃化瑟。先主禧廟，以曠古之雄略，先臣公沆，遭遇聖明，作禮樂以文太平，立紀綱以傳永久。其於化民成俗，求賢審官，富國彊兵，蓋已得其要矣。學者徒知爲教，法，政之跡，而未知其所以爲教，法，政之心。教之不行，士之不學也，士之不學，師說之不精也。法之不立，人之不用也，人之不用，賞罰之不公也。政之不舉，吏之不廉也，吏之不廉，俸祿之不贍也。而師說之不精，賞罰之不公，俸祿之不贍，由夫不足之情，與不足之事。固有急於此者，不得其要，雖其智足以知之，而其勢有不能以及之也。

聖人參贊化育，上而天地，神祈有常享，百官六軍有常仰，下而一介之士，四海之民，有所養，則必有丕應蹊志，風行草偃，億兆之心猶一心。以之立教，何患無匡直之，以之立法，何患無持守之；以之立政，何患無勵相之。民不必提耳而化，俗不必丕變而成，賢不求於草野而自來，官不在於員多而自治，國可以不取民而富，兵可以

不驅於戰而彊。聖祖於化民成俗，求賢審官，富國彊兵，六件事並行不悖。而其要在於不足之情，與事者講明，而振刷之。此萬世爲治之心法也。故不知大學，不可以經綸天下之大經，不曉周官，不可以理會三才之能事。聖人於事事物物，燎然於方寸中，而耐以天下爲一家，中國爲一人，非意之也。操得其要，然後忠信孝弟之爲教，本末度數之爲法，兵才禮樂之爲政，可舉而措之有餘。

舜好問而好察邇言，用其中于民。舜大聖人，而邇言不罪於四聰。臣得事於聖人，豈敢以千慮之愚，不效區區芹曝，以答栽培之萬一乎。謹列教，法，政三則而弁數言於篇端。臣拜首稽首謹爲序。

PHIÊN ÂM:

CẦN BỘC CHI NGÔN TỰ

Càn dĩ thủy phúc vạn vật, nhi bất yếm phồn thanh, cố cầm điểu đắc minh, khôn dĩ sinh tải vạn vật, nhi bất yểm phồn thanh, cố phục trập đắc ngâm; thánh nhân dĩ đạo lí thiên hạ, nhi bất yếm phồn thanh, cố sô nghiêu đắc ngôn. Phu sự khả vi chi quân, tri nhi bất vi, bất trung dã; lập đắc ngôn chi triều, mặc nhi bất ngôn, bất thành dã.

Phục duy Thánh thượng, đạo cao Hiên Hiệu, hoá long Tư đình. Lâm ngự dĩ lai, thiên nhân hòa ứng, đức âm chi sở phát việt, anh mô chi sở vận lượng, bạc bác uyên tuyền, nhi thời xuất chi, do thả ngưng thần thính lãm, dung cái bất di Thần dĩ thị tri thánh nhân chi bất yếm phồn thanh dã.

Thần văn chi Đổng Tử hữu ngôn: "Vi trị chi đạo vô tha, tại hồ gia chi ý nhi dĩ." "Gia chi ý" giả, phi tiêu y can thực, nhật bất hà cấp chi vị dã; diệc phi khai hạp động dao, cánh chế biến hóa chi vị dã. Thao đắc kì yếu, cố năng dĩ vạn thân vi nhất thân, vạn tâm vi nhất tâm, bất động nhi hóa, bất kiến nhi chương, vô vi nhi thành. Nhị đế Tam vương, hữu thùy y thường nhi thiên hạ trị, hữu thùy củng nhi thiên hạ trị, hạt thường bất gia chi ý tai! Đắc kì sở thao, cố năng dật nhi hữu thành dã. Thao giả hà? "Giáo", "pháp", "chính" tam giả chi yếu thị dã. Tam giả tương tu nhi hành, bất năng thiên cử nhi trị pháp dĩ phụ giáo, giáo dĩ hành chính đế

vương chi long, tải tại phương sách "Mô" chi "Cửu công." "Phạm" chi "Cửu trù," nghĩa tư bị hĩ. Hậu chi hữu quốc gia giả, hà đại vô giáo, hà thế vô pháp, hà thời vô chính. Nhiên hữu thiên nhi bất cử giả, cố đồ giáo bất năng lập, đồ pháp bất năng hành, đồ chính bất năng thi. Toại hữu nhất cá thôn Tế tướng xuất yên. Nguyên thủ minh nhi cổ quăng bất lương, phúc tâm vận nhi thủ túc bất động, kỉ tắc bất thiện, quy quá ư quân. Tự vị bá trọng Cao, Quỳ, đẳng di Đán Thích, tạ khẩu cổ nhân, văn sức bỉ thiển, sử nhân quân tất phạn ư thổ quĩ, ẩm ư thổ hình, y tạo đệ, lý cách tả, nhi hậu khả. Thử Đường Nghiêu, Hán Văn chi tao phách dã. Tất vị hiển cầu y, phỉ kê tắc minh, thảo luận phần điển, dạ phân nãi tẩm nhi hậu khả. Thử Chu Tuyên Đường Thái chi khang bỉ dã. Trị thiên hạ giả, bất khả dĩ thiên hạ phụng nhất nhân, đắc bất dĩ thiên hạ ứng thiên hạ hồ? Tông miếu chi hưởng tự, giao xã chi yên khánh, quân lữ chi thưởng lao, đô phiên chi tứ lại, như chi hà kì khả khuyết dã? Nhân quân chi tự phụng hữu hạn, nhi thiên hạ chi sự thù ứng vô cùng. Thiên địa thần kỳ chi sở phó thác. Bách quan lục quân chi sở chiêm ngưỡng, phi cáp ngột nhiên chi khả ngôn trị. Kì vi bất túc chi tình dữ bất túc chi sự giả, bất khả nghịch liệu nhi sổ kế. Nhân quân tư chi bất đắc kỳ đạo, ư thị tụ liễm chi chính hành yên. Tụ liễm chi chính hành, ư thị tham bỉ chi lại xuất yên. Tham bỉ chi lại xuất, ư thị bình trị chi pháp phế yên. Bình trị chi pháp phế, ư thị hồ tứ dân chi nghiệp tàn yên. Dân chi nghiệp tàn, ư thị hồ gian những chi phong xí yên. Gian những chi phong xí, ư thị hồ đôn tự chi giáo dịch yên. Thị cố dục trị chi quân, tất đắc phụ trị chi thần, nhiên hậu giáo pháp chính khả cử.

Quốc gia thiên khải trung hưng, liệt thánh tương thừa, triệu bồi nhị bách niên dĩ lai, Chính Hòa, Bảo Thái chi gian, trùng chỉnh triều cương, canh huyền hoá sắt. Tiên chúa Hy miếu, dĩ khoáng cổ chi hùng lược, tiên thần Công Hãng, tao ngộ thánh minh, tác lễ nhạc dĩ văn thái bình, lập kỉ cương dĩ truyền vĩnh cửu. Kỳ ư hóa dân thành tục, cầu hiền thẩm quan, phú quốc cường binh, cái dĩ đắc kỳ yếu hĩ. Học giả đồ tri vi giáo, pháp, chính chi tích, nhi vị tri kì sở dĩ vi giáo, pháp, chính chi tâm. Giáo chi bất hành, sĩ chi bất học dã, sĩ chi bất học, sư thuyết chi bất tinh dã. Pháp chi bất lập, nhân chi bất dụng dã, nhân chi bất dụng, thưởng phạt chi bất công dã. Chính chi bất cử, lại chi bất liêm dã, lại chi bất liem, bổng lộc chi bất thiêm dã. Nhi sư thuyết chi bất tinh, thưởng phạt chi bất công, bổng lộc chi bất thiêm, do phù bất túc chi tình, dữ bất túc chi sự. Cố hữu cấp ư

thử giả, bất đắc kỳ yếu, tuy kì trí túc dĩ tri chi, nhi kì thế hữu bất năng dĩ cập chi dã.

Thánh nhân tham tán hóa dục, thượng nhi thiên địa, thần kỳ hữu thường hưởng, bách quan lục quân hữu thường ngưỡng, hạ nhi nhất giới chi sĩ, tứ hải chi dân, hữu sở dưỡng, tắc tất hữu phi ứng hề chí, phong hành thảo yển, ức triệu chi tâm do nhất tâm. Dĩ chi lập giáo, hà hoạn vô khuông trực chi, dĩ chi lập pháp, hà hoạn vô trì thủ chi; dĩ chi lập chính, hà hoạn vô lệ tương chi. Dân bất tất đề nhĩ nhi hóa, tục bất tất phi biến nhi thành, hiền bất cầu ư thảo dã nhi tự lai, quan bất tại ư viên đa nhi tự trị, quốc khả dĩ bất thủ dân nhi phú, binh khả dĩ bất khu ư chiến nhi cường. Thánh tổ ư hóa dân thành tục, cầu hiền thẩm quan, phú quốc cường binh, lục kiện sự tịnh hành bất bột. Nhi kỳ yếu tại ư bất túc chi tình, dữ sự giả giảng minh, nhi chấn loát chi. Thử vạn thế vi trị chi tâm pháp dã. Cố bất tri đại học, bất khả dĩ kinh luân thiên hạ chi đại kinh, bất hiểu chu quan, bất khả dĩ lý hội tam tài chi năng sự. Thánh nhân ư sự sự vật vật, liệu nhiên ư phương thốn trung, nhi nại dĩ thiên hạ vi nhất gia, trung quốc vi nhất nhân, phi ý chi dã. Thao đắc kỳ yếu, nhiên hậu trung tín hiếu để chi vi giáo. Bản mạt độ số chi vi pháp, binh tài lễ nhạc chi vi chính, khả cử nhi thố chi hữu dư.

Thuấn hiếu vấn nhi hiếu sát nhĩ ngôn, dụng kỳ trung vu dân. Thuấn đại thánh nhân, nhi nhĩ ngôn bất tội ư tứ thông. Thần đắc sự ư thánh nhân, khải cảm dĩ thiên lự chi ngu, bất hiệu khu khu cần bộc, dĩ đáp tài bồi chi vạn nhất hồ. Cẩn liệt giáo, pháp, chính tam tắc nhi biền sổ ngôn ư thiên đoan. Thần bái thủ khể thủ cẩn vi tự.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ TỰA TẬP CẦN BỘC CHI NGÔN[1]

Trời che muôn vật, nhưng trời không nhàm chán những âm thanh đa tạp, cho nên các loài chim được kêu, đất chở muôn loài, nhưng đất không nhàm chán những âm thanh đa tạp, nên các loài sâu được ngâm, thánh nhân trị thiên hạ bằng đạo lý, nhưng thánh nhân không nhàm chán những âm thanh đa tạp, cho nên những kẻ quê mùa được nói. Làm người bề tôi, thờ một ông vua tài giỏi, mình biết mà không làm, thế là không trung; đứng ở một triều đình có thể nói được mà cứ lặng im không nói, thế là không thành.

Nay được Thánh thượng, có đạo cao như vua Hiên Viên, Thái

Hiệu,[2] có đức hóa thịnh như Tư đình.[3] Từ khi lên ngôi đến nay, trời người hòa hợp, đức âm vang dội, kế sách anh minh, dào dạt như nước suối nguồn, chảy ra đúng lúc. Thế mà người vẫn để tâm lắng nghe, dung nạp không bỏ sót lời nào. Thần thấy thế, biết rằng thánh nhân không bao giờ nhàm chán những âm thanh đa tạp.

Thần nghe Đổng Tử[4] có nói: " Đạo trị nước không có gì khác, chỉ cốt để ý mà thôi". "Để ý" không có nghĩa là phải thức khuya dậy sớm, suốt ngày bận bịu; cũng không có nghĩa là mở đóng, lay chuyển, biến đổi chế độ. "Để ý" chỉ là "nắm lấy điều mấu chốt," cho nên có thể lấy muôn thân làm một thân, lấy muôn lòng làm một lòng, không vận động mà tự nhiên hóa, không trưng bày mà tự nhiên sáng, không làm gì mà tự nhiên thành. Trong thời Nhị đế, Tam vương[5] có người buông thõng áo xiêm mà thiên hạ trị, có người thõng áo chắp tay mà thiên hạ trị, có lẽ nào các vị ấy lại không "để ý"? Chỉ vì các vị ấy đã nắm được cái mấu chốt, cho nên cứ nhàn rỗi mà vẫn thành công. Vậy thì những điều mấu chốt các vị ấy nắm được là gì? Là "giáo," là "pháp," là "chính." Ba điều ấy hỗ trợ cho nhau mà thực hiện, không thể thiên về một mặt mà thành công được: "Pháp" để giúp đỡ cho "giáo", "giáo" để thực hành cho "chính." Nền nếp thịnh trị của các bậc đế vương ngày trước, đã được ghi trong sách, như *Cửu công* ở thiên *Mô*,[6] *Cửu trù*[7] ở thiên *Phạm*, ý nghĩa thật là đủ. Đến đời sau, những người có quốc gia, không triều nào là không có "giáo," không đời nào là không có "pháp," không thời nào là không có "chính." Song vì thiên lệch, mà không chấn hưng lên được, cho nên dù có "giáo" cũng không đứng vững, dù có "pháp" cũng không thực hành, dù có "chính" cũng không thi thố được. Bấy giờ mới nảy ra một viên "Tể tướng nhà quê," khác nào như đầu sáng suốt mà vai vế chẳng lành, tâm vận dụng mà chân tay bị liệt,[8] mình chẳng ra gì lại hay đổ lỗi cho nhà vua. Viên đó tự cho mình là giỏi như Cao, Quỳ,[9] ngang với Đán, Thích,[10] vin vào lời cổ nhân để trang sức cho cái hẹp hòi, nông cạn của mình, cứ muốn cho nhà vua ăn bằng bát đàn, uống bằng chén đất, mặc áo vải mộc, đi đôi giày da, bảo rằng như thế mới được. Nhưng đó chẳng qua là những cái cặn bã của Đường Nghiêu và Hán Văn Đế [11] mà thôi. Lại muốn cho nhà vua mặc áo từ lúc còn đêm, ngồi chầu khi gà chưa gáy, thảo luận kinh điển, mãi đến nửa đêm mới đi nằm, bảo rằng như thế mới được. Nhưng đó chẳng qua là những cái cặn bã của Chu Tuyên Vương và Đường Thái Tông[12] mà thôi. Đã đành rằng người trị thiên hạ không thể đem thiên hạ mà cung phụng cho một mình, nhưng

nếu không lấy thiên hạ mà thù ứng cho thiên hạ liệu có được không? Những việc thờ tự ở tôn miếu, yến tiệc khi tế giao, tế xã, thưởng cấp cho quân lính, ban phát trong triều ngoài phiên, bỏ thiếu thế nào được? Người làm vua tự cung phụng cho mình chỉ có hạn thôi, nhưng công việc thù ứng cho thiên hạ thì vô cùng; trời, đất thần kỳ phó thác, trăm quan, sáu quân trông cậy, không phải chỉ nghiễm nhiên ngồi suông mà bảo là "trị" được. Biết đâu mà lường và tính trước được những tình trạng thiếu thốn và sự thực thiếu thốn? Nhà vua lo nghĩ, không tìm được đường đúng cho nên chính sách "tụ liễm" mới được thi hành. Một khi chính sách "tụ liễm" được thi hành, thì quan lại tham lam thô bỉ xuất hiện; quan lại tham lam thô bỉ xuất hiện, thì pháp luật để bình trị bị phế bỏ; pháp luật để bình trị bị phế bỏ, thì nghề nghiệp của tứ dân bị điêu tàn; nghề nghiệp tứ dân điêu tàn thì thói gian những nảy nở; thói gian nảy nở, thì giáo hóa về luân thường bị sụp đổ. Bởi vậy, một ông vua muốn "trị," tất phải có người bề tôi giúp "trị," sau đó "giáo", "pháp" và "chính" mới có thể thực hiện được.

Nhà nước ta được trời mở vận trung hưng, các liệt thánh nối tiếp nhau bồi đắp hai trăm năm nay. Trong những năm Chính Hòa và Bảo Thái, chỉnh đốn cương kỷ triều đình, thay cũ đổi mới. Chúa trước là Hy miếu[13] là bậc hùng lược hiếm có, triều trước là Công Hãng[14] gặp được thánh minh, đặt ra lễ nhạc để trang sức đời thái bình, dựng nền kỷ cương để truyền lại lâu dài. Những việc hóa dân, thành tục, cầu hiền, thẩm quan, phú quốc cường binh, đều đã nắm được mấu chốt. Những học giả về sau chỉ nhìn thấy cái bên ngoài của "giáo", "pháp," và "chính" mà chưa biết được cái tinh thần của "giáo", "pháp" "chính." Sở dĩ "giáo" không phổ cập được là do học trò không được học, mà học trò không học là do thầy giảng không tinh; sở dĩ "pháp" không thành lập được là do người giỏi không được dùng, mà người giỏi không được dùng là do thưởng phạt không công bằng; sở dĩ "chính" không thi hành được, là do quan lại không được liêm, mà quan lại không được liêm là do bổng lộc không đủ. Song thầy giảng không tinh, thưởng phạt không công bằng, và bổng lộc không đủ, duyên cớ đều là do tình trạng thiếu thốn và thực sự thiếu thốn. Cho nên, dù có cấp bách lo việc này nhưng nếu không nắm được mấu chốt của nó, thì dù "trí" có thể biết được, nhưng "thế" vẫn không thể làm được.

Bậc thánh nhân giúp trời chăn dạy dân, trên thì trời, đất, thần linh vẫn thường kỳ được tế hưởng, trăm quan sáu quân vẫn thường ngày được cung cấp; dưới thì từ kẻ sĩ hèn mọn cho đến nhân dân bốn bể, vẫn thường

ngày được nuôi dưỡng. Như vậy là được đâu đấy hưởng ứng và đồng tình, như gió lướt ngọn cỏ, ức triệu lòng như một lòng. Dựa vào đấy mà lập "giáo," lo gì không có người dạy dỗ uốn nắn; dựa vào đấy mà lập "pháp," lo gì không có người trông coi giữ gìn; dựa vào đấy mà lập "chính," lo gì không có người giúp đỡ khích lệ? Dân không cần phải dắt bảo từng người mà vẫn tốt, tục không phải thay đổi hàng loạt mà vẫn hay, nhân tài không phải tìm ở đồng nội mà tự nhiên đến, quan không cần phải đặt nhiều mà tự nhiên trị, nước không cần phải lấy của dân mà vẫn giầu, binh không cần phải xua ra trận mà vẫn mạnh. Thánh tổ trước đây đối với sáu công việc: Hóa dân, thành tục, cầu hiền, thẩm quan, phú quốc, cường binh, cả sáu việc ấy đồng thời cử hành, không cản trở nhau. Song điều mấu chốt là phải đem cái tình trạng thiếu thốn và cái sự thực thiếu thốn mà nghiên cứu chỉnh đốn lại. Đó là cái tâm pháp[15] làm chính trị của muôn đời. Cho nên không biết sách *Đại học*[16] không thể xếp đặt được công việc lớn trong thiên hạ, không hiểu sách *Chu quan*[17] không thể hiểu được công dụng của tam tài.[18] Bậc thánh nhân đối với mọi sự, mọi vật, đều đã thuộc làu trong bụng, nhờ đó mà coi thiên hạ là một nhà, coi cả nước là một người, không phải dụng ý gì, chỉ cốt nắm được điều mấu chốt. Sau đó lấy hiếu, đễ, trung, tín, làm "giáo," lấy gốc, ngọn, độ số làm "pháp," lấy binh, tài, lễ, nhạc làm "chính," có thể thừa sức thi thố.

Vua Thuấn hay hỏi và hay xét đến nhưng lời nói gần gũi. Vua Thuấn là bậc Đại thánh nhân, mà câu nói gần gũi cũng không sợ rườm tai. Thần nay được thờ bậc thánh nhân, dám đâu lại không đem cái kiến thức ngu muội nghìn điều được một, mà thành khẩn trình bày, để đền đáp phần nào cái công vun trồng của bề trên. Xin chép ra đây ba bài "giáo", "pháp" và "chính," và ghi vài lời mở đầu lên trên tập.

Nguyễn Văn Tú (dịch)

(Theo *Tuyển tập Thơ văn Ngô Thì Nhậm – S.d.d*)

CHÚ THÍCH:

1. Cần bộc chi ngôn: "Cần" là một loại rau nước, "bộc" là khí ấm mặt trời lúc phơi nắng. Ngày trước có người dân quê ưa vị rau cần, tưởng là thứ rau hiếm có, đem dâng lên nhà vua, không biết rằng rau cần chỉ là một thứ rau thường. Lại có người nằm phơi mình ra nắng thấy ấm áp dễ chịu, bảo vợ rằng: "Khí ấm này chỉ có một mình ta biết, không có ai cả. Đem dâng vua, hẳn được thưởng to" (*Liệt Tử*). Do đó, người ta dùng chữ "cần", "bộc" để chỉ sự cống hiến tầm thường, nhưng đầy lòng chân thật. Chi ngôn là lời nói nhảm nhí, thất thường,

như chén nước lúc không thì đứng, lúc đầy thì nghiêng. Theo nội dung của bài, thì bài tựa này là bài tựa của bài khải nói về "giáo", "pháp", "chính;" tác giả viết dâng lên chúa Trịnh.

2. Vua Hiên: Vua Hoàng Đế, họ Hiên Viên. Vua Hiệu: Vua Thái Hiệu, họ Phục Hy.

3. Tư đình: Triều đình của nước Hoa Tư. *Liệt Tử* chép: Vua Hoàng Đế mộng thấy mình đến chơi nước Hoa Tư, thấy nước ấy chuyên dùng đức hóa trị dân, khắp nơi yên ổn, trăm họ sống theo tự nhiên và đều được vui vẻ.

4. Đổng Tử: Đổng Trọng Thư, một đại nho đời Hán Vũ Đế.

5. Nhị đế: Hai đời đế là đế Nghiêu đời Đường, đế Thuấn đời Ngu. Tam vương: đã chú ở trên.

6. Cửu công: chín công việc của nhà vua nói ở thiên *Đại vũ mô, Kinh Thư*. Chín công việc ấy gồm có: Sáu phủ (lục phủ) là thủy, hỏa, kim, mộc, thổ, cốc (thóc), sáu thứ ấy là thứ cần dùng cho đời sống của dân, và ba việc (tam sự) là chính đức uốn nắn đức tốt cho dân), lợi dụng (sinh lợi cho dân) và hậu sinh (trông coi cho dân sống đầy đủ).

7. Cửu trù: Chín mục của thiên *Hồng phạm, Kinh Thư*, nêu chức vụ của đế vương phải uốn nắn đức mình để cư xử với dân với trời. Chín mục ấy là: Ngũ hành; Ngũ sự; Bát chính; Ngũ kỷ; Hoàng cực; Tam đức; Kê nghi; Thu hưng; Phúc cực.

8. Ý nói: Vua sáng suốt mà triều thần giúp việc kém tài.

9. Cao, Quỳ: Cao Dao và Quỳ, là những người tài giỏi làm quan ở đời vua Nghiêu, Thuấn.

10. Đán, Thích: Chu Công Đán và Thiệu Công Thích là những người tài giỏi làm quan ở triều nhà Chu về thời Văn Vương, Vũ Vương và Thành Vương.

11. Đường Nghiêu, Hán Văn: Đế Nghiêu đời Đường, Văn Đế đời Hán đều là những vua chăm chỉ, tiết kiệm.

12. Chu Tuyên, Đường Thái: Tuyên Vương đời Chu và Thái Tông đời Đường, đều là những vua chăm chỉ công việc triều đình.

13.Hy miếu: Trịnh Cương được dâng miếu hiệu là Hy Tổ.

14. Nguyễn Công Hãng: Tham tụng thời Trịnh Cương.

15.Tâm pháp: Cũng như "bí quyết" nghĩa là phương pháp truyền thụ ở trong lòng.

16. Sách *Đại học*: Một cuốn sách trong bộ *Tứ thư* của Nho giáo, gồm 8 mục, trong đó có mục "trị quốc bình thiên hạ" nêu hai điều chủ chốt là "lý tài" và "dùng người".

17. Sách *Chu quan:* Sách ghi chế độ thống trị của triều đình nhà Chu. Trong sách ấy, các chức vụ được phân phối theo hiện tượng của trời đất. Có những chức vụ: Thiên quan; Địa quan; Xuân quan; Hạ quan; Thu quan; Đông quan.

18. Tam tài: Là trời, đất và người.

2. 沂詠詩集序

惟祖考雪齋先生早謝世，某不得而事之耳。年十一時，家嚴在番僚，從先曾祖考丹岳公受業。祖曾爲言：先祖學問文章之粹。某俱求之舉業中，近歲始得雜題九章，及南程聯詠，乃與僚友張浩齋所作，家嚴素珍藏之書獨者。某請壽之梓，蒙教曰：此吾意也。因併以行狀授之，則先祖之精神風韻如見焉。

夫！詩之爲言志也，先祖理趣宏深，胸怀洒洛，非志在一第，而尚友古人。觀題詠諸作，蓋有俯視塵俗之意，如灣鵠翔翱，人無得而羈縻。其浩然之放者，殆托之於詩，而區區聲韻，未足以盡之也。使天假之年，當能尋童冠風詠之樂矣。雖然，英豪寄諸磅礴，福蔭裕諸子孫，則先祖之壽，固有不可得而年之者。

至於世守書澤，傳之無窮，其未達不失爲高士，既達不失爲忠臣，嘗持此心，在家亦不失爲孝子。此某心會於貽厥之旨，而耳提於義方之訓，又以流夫吾之後焉。

校卷完集，名於家嚴，命之曰：沂詠，曰可，遂以付之紅箋。

PHIÊN ÂM:

NGHI VỊNH THI TẬP TỰ

Duy: Tổ khảo Tuyết Trai tiên sinh tảo tạ thế, mỗ bất đắc nhi sự chi nhĩ. Niên thập nhất thời, gia nghiêm tại phiên liêu, tòng Tiên tằng tổ khảo Đan Nhạc công thụ nghiệp. Tổ tằng vi ngôn: Tiên tổ học vấn văn chương chi túy. Mỗ câu cầu chi cử nghiệp trung, cận tuế thủy đắc Tạp đề *cửu chương, cập* Nam trình liên vịnh, *nãi dữ liêu hữu Trương Hạo Trai sở tác, gia nghiêm tố trân tàng chi thư độc giả. Mỗ thỉnh thọ chi tử, mông giáo viết: "Thử ngô ý dã." Nhân tính dĩ hành trạng thụ chi, tắc Tiên tổ chi tinh thần phong vận như kiến yên.*

Phù ! Thi chi vi ngôn chí dã, Tiên tổ lý thú hoằng thâm, hung hoài

sái lạc, phi chí tại nhất đệ, nhi thượng hữu cổ nhân. Quan đề vịnh chư tác, cái hữu phủ thân trần tục chi ý, như loan hộc tường cao, nhân vô đắc nhi ky mi. Kỳ hạo nhiên chi phóng giả, đãi thác chi ư thi, nhi khu khu thanh vận, vị túc dĩ tận chi dã. Sử thiên giả chi niên, đương năng tầm đồng quán phong vịnh chi lạc hĩ. Tuy nhiên, anh hào ký chư bàng bạc, phúc ấm dụ chư tử tôn, tắc Tiên tổ chi thọ, cố hữu bất khả đắc nhi niên chi giả.

Chí ư thế thủ thư trạch, truyền chi vô cùng, kỳ vị đạt bất thất vi cao sĩ, ký đạt bất thất vi trung thần, thường trì thử tâm, tại gia diệc bất thất vi hiếu tử. Thử mỗ tâm hội ư di quyết chi chỉ, nhi nhĩ đề ư nghĩa phương chi huấn, hựu dĩ lưu phù ngô chi hậu yên.

Hiệu quyển hoàn tập, danh ư gia nghiêm, mệnh chi viết: Nghi vịnh, viết khả, toại dĩ phó chi Hồng Lục.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ TỰA TẬP THƠ NGHI VỊNH[1]

Kính nghĩ: Tổ khảo Tuyết Trai tiên sinh mất sớm,[2] mỗ tôi không được theo đòi. Năm 11 tuổi, gia nghiêm làm quan ở phiên sảnh, mỗ tôi theo Tiên tằng tổ Đan Nhạc công[3] học tập. Tằng tổ từng vì mỗ tôi mà nói rằng, Tiên tổ khảo xưa học vấn và văn chương rất tinh túy. Mỗ tôi vì vậy mà muốn tìm đủ những bài cử nghiệp ấy, nhưng mãi mấy năm gần đây mới tìm được 9 bài *Tạp đề* và bài *Nam trình liên vịnh* là bài Tiên tổ cùng làm với bạn đồng liêu Trương Hạo Trai, mà gia nghiêm vẫn trân trọng xếp ở trong tủ sách. Mỗ tôi xin cho khắc bản in, được chỉ giáo rằng: "Đó là ý muốn của ta." Nhân lại đem tập hành trạng trao cho, như thế thì, tinh thần và phong vận của Tiên tổ lại như được trông thấy vậy.

Ôi! Thơ là để nói chí mình, như Tiên tổ ta về lý thú thì sâu rộng, về tấm lòng thì chan chứa, bản chí không phải chỉ đi ở một chỗ đỗ đạt, mà chuộng kết bạn với người nghìn xưa. Xem như những bài đề vịnh, có lẽ vẫn có cái ý vượt ngoài trần tục, như chim loan, chim hộc bay cao, người không thể thả dò giăng lưới được. Đó là sự buông thả khí hạo nhiên, gửi cả vào lời thơ, mà thanh vận khư khư chưa thể hết được. Nếu trời cho sống được ít năm nữa, tất có thể tìm được thú vui cùng mấy học trò hóng mát ngâm thơ.[4] Tuy rằng, bậc anh hào đã gửi thân vào chốn mênh mang, phúc ấm đã để lại cho con cháu, thế nhưng tuổi thọ của Tiên tổ vẫn không thể thêm được một năm.

Đến như, đời đời gìn giữ ơn trạch thi thư, truyền lại đến vô cùng, khi chưa hiển đạt, vẫn không bỏ mất phẩm giá bậc cao sĩ, lúc hiển đạt rồi, không bỏ mất tấm lòng trung của kẻ tôi trung từng giữ tấm lòng đó, dẫu ở nhà cũng vẫn làm người con hiếu đễ. Đó là điều trong lòng mỗ tôi đã lĩnh hội được cái ý chỉ của Tiên tổ để lại, mà bên tai luôn nghe được lời dậy "nghĩa phương,"[5] lại để lại cho con cháu ta về sau.

Hiệu đính tập thơ đã xong, gia nghiêm sai cho đặt tên, xin đặt là: *Nghi vịnh*, gia nghiêm cho là được. Bèn giao cho thợ Hồng Lục khắc in.[6]

CHÚ THÍCH:

1. Nghi vịnh, nghĩa là "tắm mát ở sông Nghi rồi vịnh thơ," tỏ ý tiêu dao nhàn tản. Tăng Điểm nói chí mình: "Cuối mùa xuân cùng với năm sáu học trò tắm ở sông Nghi, hóng gió mát ở đàn Vũ Vu, ngâm thơ rồi trở về" *(Luận ngữ)*.

2. Tỏ khảo: Ông ba đời đã mất rồi. Tuyết Trai tiên sinh, tức Ngô Thì Ức, tự là Thuần Mỹ, 24 tuổi thi Hương đỗ Á nguyên, mất sớm (1709-1736) là con Đan Nhạc tiên sinh Ngô Trân, là cha Ngô Thì Sĩ, là ông nội Ngô Thì Nhậm.

3. Tiền tằng tổ: Cụ 4 đời. Đan Nhạc, tên hiệu của Ngô Trân, Ngô Thì Nhậm gọi là cụ nội.

4. Tắm mát ngâm thơ: Xem chú thích số 1.

5. Nghĩa phương: Điều phải để dạy con. Sách *Tam tự* nói: Đậu Yên Sơn, dùng nghĩa phương dạy 5 con trai đều thành danh.

6. Hồng Lục, tên xã ở Hải Dương, dân có nghề khắc ván in.

3. 新曇心鏡錄序

恭惟！道之大原出於天，其体具於圣人。易曰：無思無爲，寂然不動，感而遂通天下之故，非天下之至神，其孰能與於此。釋氏之言神通言無相無靈。吾夫子之欲無言是也。

顏回一簞一瓢，達摩一瓶一缽，曾點欲沂風雨，目犍連雲遊四方，其爲明心見性，不室於物，不關於事，同此道也。夫子賢回貧與點，釋子祖犍連宗達摩，其旨深哉！

先君午峰相公，道學醇粹，洞究人天，泛濫百家，模楷六經，所雪山三教碑銘，深言儒道釋，一貫之旨。某幼親炙得聞之，逮先君

蒞愛州撫諒山，巢盤阿崗，二青托興于煙霞，怡情于經典，寄懷于琴詩，蓋有單瓢瓶缽詠雲遊之趣。至於大忠孝大慈信大義行，有懍然不可奪，不動于容，不形于聲，有若無實若虛，此無思無爲無相無靈，深而不可幾，神而不可窺，妙之又妙，玄之又玄者也。

二青峒今有先君傳神像，外有三教祠，先君著爲祀典，同以三祖同尊，而俎豆其中，焚蒿華假，實相從遊焉。某始時弗獲登峒爲壽，遙上佛號，先君允可。忽馮岳裂山頹，遺命以上號爲道謚。粤大禮卜葬於邑南之德林原，其地有寺，古號靈庵，謹奉配享三寶諸佛，晉稱出世佛中乘菩薩。使弟某略述行狀，著成大供科儀，顏曰：新曇心鏡錄，錄成付鋟，私之村邑，歲時宣白，如見蓁墻。某反復習誦，尤有感焉。

嗚呼！禮莫重於謚，稱謚以釋非古也，道莫尊於儒，問儒以釋二上也。高高明君子，其或以非禮見罪，以功乎巽端爲此言。某不敢以一家之規，創萬古之見。要之分殊理一，固已略敘于前。惟先君生平奇氣節眞，操履卓，精神曠，胸襟無可無不可，得吾儒之精；非想非非想，會我釋之体。光而不炫，淡而無極，色而非色，空而非空，不可見而知之，不可聽而知之，此豈科錄鋪張之所能盡哉！先君之道，淵源於儒釋，磅礴於宇廟，傳之千萬世子孫。今而後嘗守忠信慈孝義行，爲儒則不悖於格致誠正，爲釋則不昧於知覺定慧，道之全体於是乎在，嘵嘵鳧乙，此正彼異，非所勉於賢雲仍也。長男某頓首謹序。

PHIÊN ÂM:

TÂN ĐÀM TÂM KÍNH LỤC TỰ

Cung duy! Đạo chi đại nguyên xuất ư thiên, kỳ thể cụ ư Thánh nhân. Dịch viết: *"Vô tư vô vi, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố, phi thiên hạ chi chí thần, kỳ thục năng dữ ư thử. Thích thị*

chi ngôn "Thần thông" ngôn "Vô tướng vô linh." Ngô Phu tử chi dục vô ngôn thị dã.

Nhan Hồi nhất đan nhất biều, Đạt Ma nhất bình nhất bát, Tăng Điểm dục Nghi phong vũ, Mục Kiện Liên vân du tứ phương, kỳ vi minh tâm kiến tính, bất thất ư vật, bất quan ư sự, đồng thử đạo dã. Phu Tử hiền Hồi bần dữ Điểm, Thích tử tổ Kiện Liên tông Đạt Ma, kỳ chỉ thâm tai!

Tiên quân Ngọ Phong tướng công, đạo học thuần túy, động cứu nhân thiên, phiếm dật bách gia, mô giai lục kinh, sở Tuyết Sơn Tam Giáo bi minh, thâm ngôn Nho, Đạo Thích, nhất quán chi chỉ. Mỗ ấu thân trá đắc văn chi, đãi Tiên quân lỵ Ái Châu, phủ Lạng Sơn, sào Bàn A cương, Nhị Thanh thác hứng vu yên hà, di tình vu kinh điển, ký hoài vu cầm thi, cái hữu đan biều bình bát vịnh vân du chi thú. Chí ư đại trung hiếu đại từ tín đại nghĩa hạnh, hữu lẫm nhiên bất khả đoạt, bất động vu dung, bất hình vu thanh, hữu nhược vô thực nhược hư, thử vô tư vô vi vô tướng vô linh, thâm nhi bất khả cơ, thần nhi bất khả khuy, diệu chi hựu diệu, huyền chi hữu huyền giả dã.

Nhị Thanh động kim hữu Tiên quân truyền thần tượng, ngoại hữu Tam Giáo từ, Tiên quân trước vi tự điển, đồng dĩ Tam tổ đồng tôn, nhi trở đậu kỳ trung, huân cao hoa giả, thực tương tòng du yên. Mỗ thủy thời phất hoạch đăng động vi thọ, dao thướng Phật hiệu, Tiên quân doãn khả. Hốt phùng nhạc liệt sơn đổi, di mệnh dĩ thượng hiệu vi đạo thụy. Việt đại lễ bốc táng ư ấp nam chi Đức Lâm nguyên, kỳ địa hữu tự, cổ hiệu Linh Am, cẩn phụng phối hưởng Tam bảo chư Phật, tấn xưng "Xuất thế Phật trung thừa Bồ Tát." Sử đệ mỗ lược thuật hành trạng, trước thành Đại cúng khoa nghi, nhan viết: Tân đàm tâm kính lục, *lục thành phó xâm, tư chi thôn ấp, tuế thời tuyên bạch, như kiến canh tường. Mỗ phản phúc tập tụng, vưu hữu cảm yên.*

Ô hô! Lễ mạc trọng ư thụy, xưng thụy dĩ Thích phi cổ dã, đạo mạc tôn ư Nho, gian Nho dĩ Thích nhị thượng dã. Cao cao minh quân tử, kỳ hoặc dĩ phi lễ kiến tội, dĩ công hồ tốn đoan vi thử ngôn. Mỗ bất cảm dĩ nhất gia chi qui, sáng vạn cổ chi kiến. Yếu chi phân thù lý nhất, cố dĩ lược tự vu tiền. Duy Tiên quân sinh bình kỳ khí tiết chân, thao lý trác, tinh thần khoáng, hung khâm vô khả vô bất khả, đắc ngộ Nho chi tinh; phi tưởng phi phi tưởng, hội ngã Thích chi thể. Quang nhi bất huyễn, đạm nhi

vô cực, sắc nhi phi sắc, không nhi phi không, bất khả kiến nhi tri chi, bất khả thính nhi tri chi, thử khởi khoa lục phô trương chi sở năng tận tai! Tiên quân chi đạo, uyên nguyên ư Nho, Thích, bàng bạc ư vũ miếu, truyền chi thiên vạn thế tử tôn. Kim nhi hậu thường thủ trung tín từ hiếu nghĩa hạnh, vi Nho tắc bất bột ư cách trí thành chính, vi Thích tắc bất muội ư tri giác định tuệ, đạo chi toàn thể ư thị hồ tại, hiểu hiểu phù ất, thử chính bỉ dị, phi sở miễn ư hiền vân nhưng dã. Trưởng nam mỗ đốn thủ cẩn tự.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ TỰA TẬP TÂN ĐÀM TÂM KÍNH LỤC

Kính nghĩ: Đạo lớn do trời sinh ra, bản thể của nó chỉ có thánh nhân mới bàn được đầy đủ. *Kinh Dịch* nói: "Không lo, không làm, lặng lẽ chẳng chút chuyển động, cảm xúc là cái cớ thấu suốt thiên hạ, chẳng phải là sự tột bậc thần diệu của thiên hạ, thì ai có thể dự vào bậc đó đây"[1]? Họ Thích nói: "Thần thông," nói: "Vô tướng, vô linh," còn Phu tử ta thì muốn không nói gì, là thế.

Thầy Nhan Hồi một giỏ cơm, một bầu nước,[2] thầy Đạt Ma một cái lọ, một chiếc bát,[3] thầy Tăng Điểm tắm ở sông Nghi, hóng gió ở đài Vũ Vu,[4] thầy Mục Kiện Liên vân du bốn phương,[5] những việc làm đó là để làm cho tấm lòng được trong sáng, thể hiện bản tính, không bị vật dục che lấp, không bị sự việc lôi kéo, cũng đều cùng một đạo đó mà ra vậy. Phu tử cho Nhan Hồi, Tăng Điểm là người hiền; họ Thích tôn Mục Kiện Liên làm tổ sư, Đạt Ma làm tông sư, những ý nghĩ ấy thật sâu sắc thay.

Ngọ Phong tướng công là Tiên quân ta,[6] đạo học thuần túy, nghiên cứu sâu cả đạo trời, đạo người, xem rộng cả học thuyết của trăm nhà, đem sáu kinh ra làm khuôn mẫu, viết ra bài văn bia chùa Tam Giáo ở Tuyết Sơn,[7] nói rõ cái tông chỉ nhất quán[8] của Nho, Đạo, Thích. Tôi khi còn nhỏ, được trực tiếp nghe, tới khi Tiên quân ra làm Hiến sứ ở Ái Châu, Đốc trấn ở Lạng Sơn, dựng lều Bàn A, mở hang Nhị Thanh, nhờ hứng thú ở khói mây, vui tính tình với kinh điển, gửi hoài cảm cùng đàn và thơ, có lẽ có đủ cái phong thú giỏ cơm, bình bát, vịnh gió, chơi mây. Còn như tấm lòng đại trung hiếu, đại từ tín, đại nghĩa hạnh, vẫn lẫm liệt, không ai có thể đoạt được, không động tới dung nhan, không hình dung ra tiếng nói, có cũng như không, thực cũng như hư. Đó là những điều "vô tư, vô vi, vô tướng, vô linh," những điều đó thật sâu sắc, nhưng không thể đo, thần diệu nhưng không thể dòm ngó được, đã thần diệu lại thần diệu hơn, đã huyền bí lại huyền bí hơn vậy.

Động Nhị Thanh nay có tượng truyền thần của Tiên quân, ngoài có

đền Tam Giáo, Tiên quân chép vào tự điển, cùng suy tôn ba vị tổ sư,[9] nhang khói nghi ngút phụng thờ, quả là đang cùng theo nhau mà tiêu dao vậy. Lúc mới mở động, tôi không được lên làm lễ chúc thọ, chỉ ở nơi xa dâng Phật hiệu, Tiên quân cho là tạm được[10]. Rồi đột nhiên núi lở đồi nghiêng, trong lời di chúc bảo lấy Phật hiệu đã dâng đó làm tên thụy. Tiếp đó là làm lễ lớn bói đất, rước linh cữu về an táng ở cánh đồng Đức Lâm, phía nam bản ấp. Nguyên nơi đó có chùa, xưa tên gọi là Linh Am, kính thờ chư Phật Tam bảo. Lại tôn xưng pháp hiệu cho Tiên quân là "Xuất thế Phật trung thừa Bồ Tát." Sai em là mỗ thuật qua về hành trạng, chép thành nghi thức Đại cúng khoa, đặt tên là *Tân đàm tâm kính lục*, khi đã hoàn thành, cho khắc bản gỗ, để riêng trong thôn ấp, hàng năm hàng tháng thường tuyên đọc, như trông thấy ở trước mặt. Ta xem đi xem lại, rất là cảm động.

Than ôi! Lễ không gì trọng bằng tên thụy, đem Thích mà đặt thụy, là trái lẽ của cổ nhân; đạo không gì tôn bằng Nho. Nho lại lẫn cả Thích, thế là hai ngôi đều ở trên. Bậc cao minh quân tử, có khi buộc tội kẻ phi lễ, chê cười công kích dị đoan. Riêng ta không dám lấy khuôn sáo riêng của một nhà, sáng chế ra sự kiến giải cho muôn đời. Tóm lại, kể phận thì khác, nhưng lý cũng chỉ là một, như đã lược kể ở trên. Duy có điều, Tiên quân lúc bình sinh, khí tiết thì ngay thẳng, thao lược, tinh thần thì trác việt, tấm lòng rộng mở, đã thu được những tinh túy của đạo Nho ở "cái khả thủ và không khả thủ;" hiểu được tận gốc của đạo Thích ta ở điều "nghĩ đến và không nghĩ đến." Sáng mà không quá sáng, nhạt mà không quá nhạt, sắc mà không phải sắc, không mà chẳng phải không, không thể thấy mà biết được, lại chẳng phải nghe mà biết, những điều đó, trong cuốn *Khoa lục đại cúng* há dễ phô bầy được hết ư? Đạo của Tiên quân bắt nguồn sâu xa ở Nho và Thích, phát ra tràn trề khắp vũ trụ, lưu truyền mãi cho con cháu muôn đời. Nay về sau, trung tín, từ hiếu, nghĩa hạnh, thì thường được giữ mãi, để cho, làm Nho thì không đi ngược lại ý tưởng "cách, trí, thành, chính;"[11] làm Thích thì không mơ hồ về phép "trị, giác, định, tuệ"[12] cái toàn thể của đạo là ở cả đó. Hốt hoảng phù ất, đây đúng kia sai,[13] không phải là điều người hiền tài vẫn cố gắng. Trai trưởng mỗ cúi đầu kính cẩn đề lời tựa.

CHÚ THÍCH:

1. Câu này ở *Kinh Dịch, Hệ từ,* lời của Khổng Tử.

2. Nhan Hồi, học trò Khổng Tử, tự Nhan Uyên, giỏi nhưng mất sớm.

3. Đạt Ma, tức Bồ Đề Đạt Ma, người Nam Thiên Trúc, vào Trung Quốc năm Phổ

Thông thứ 7 (526), tu ở Thiếu Lâm, ngồi quay vào vách 9 năm mới ngộ được đạo. Là vị tổ thứ nhất ở Đông Độ, truyền pháp cho tổ thứ 2 là Tuệ Khả.

4. Tăng Điểm: Xem chú thích số 1 bài *Nghi vịnh thi tập*.

5. Mục Kiện Liên là một trong mười đại đệ tử của Phật, học được phép thần thông do Phật truyền cho.

6. Tiên quân: Tiếng để gọi người cha đã quá cố. Đây chỉ Ngô Thì Sĩ, cha của tác giả.

7. Chùa Tam Giáo ở trong hang núi Bắc Nham, Lạng Sơn. Ngô Thì Sĩ mở động Nhị Thanh ở núi này. Đây nói "Tuyết Sơn" chưa rõ tên gọi đó có từ bao giờ.

8. Nhất quán, nghĩa là tóm lại làm một. Khổng Tử bảo Tăng Sâm: "Ngô đạo nhất dĩ quán chi" (Đạo ta nhất nhất thâu tóm lại làm một mối" *(Luận ngữ)*.

9. Ba vị tổ sư: Khổng Tử tổ đạo Nho; Lão Tử tổ đạo Giáo; Thích Ca Mâu Ni, tổ đạo Phật.

10. Dăng Phật hiệu: Năm Cảnh Hưng Kỷ Hợi (1779), Ngô Thì Sĩ mở xong động Nhị Thanh, cho tạc tượng truyền thần vào vách đá. Lúc đó Ngô Thì Nhậm đang giữ chức Đốc đồng trấn Kinh Bắc, gửi đăng Phật hiệu là "Nhị Thanh trường thọ quán tự tại phúc lượng đại hải chân như vô tận ý thiện Bồ Tát"二青長壽觀自在福量大海眞如無盡意善菩薩

11. Tức: Cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm là 4 điều trong 8 điều của sách *Đại học*.

7. Tri, giác, định, tuệ, tức là giới, định, tuệ, môn học "Tam vô lậu"三無漏 của nhà Phật, vì đủ tri giác giữ giới luật rồi, thì mới thiền định được mà sinh ra trí tuệ. Có trí tuệ rồi thì sinh ra 4 vạn 8 ngàn pháp môn khác.

14. Phù ất: Chim phù, chim ất, dùng để ví sự ngộ nhận. Xưa có con chim hồng bay tít trên cao, người nước Việt bảo là chim phù, người nước Sở lại bảo là chim ất, người này "phù," người kia "ất," nhưng chim thì vẫn là chim hồng mà thôi (*Nam Tề thư*).

4. 西扈漫興序

古今南北言詩，自二雅以後，魏推曹子建，唐推李杜，我皇越推蔡呂塘阮抑齋，其錦心繡口，咀嚼珠玉，誠後世工詩之士，鮮克涉其藩要之奇者流於譎。鍊者入於巧，荒寒簫瑟者，多於近淒惋。惟淳厚易直，不譎不巧不淒惋者，究歸於尊君親上。閉邪存誠，乃爲詩之正經。吾友希志氏，其二雅之長城歟？甚矣！詩社之風塵久矣。公奮然泛濫百家，去其疵以就其醇。自未第時題詠，愛州諸作，磨崖揮翰，六飛歌風，見而器之，即寘之朝列。詩之遭逢亦奇。西扈集乃公登朝後陪鸞所作也。

夫！以冠冕中人，侵然有煙霞之思。吾嘗見其斗酒隻柑，步於城門，遙望蒼山，高嘯雄吟，無非翰墨可傳。至于江山風月，與千乘萬騎相應接，咫尺龍顏，操觚紫微傍，一花一樹一雲一石，盡在點綴，而歸縮于忠愛，策勵寅恭懋勉，凡皆臣道之著蔡溢乎言表；張而伸之，可以續天保繼卷阿，譜之管絃，登之郊廟，闢雕虫之謬，追鳳鳴之響。是詩爲教，珠玉錦繡云乎哉！是爲序。

PHIÊN ÂM:

TÂY HỒ MẠN HỨNG TỰ

Cổ kim Nam Bắc ngôn thi, tự Nhị nhã dĩ hậu, Ngụy suy Tào Tử Kiến, Đường suy Lý Đỗ, ngã Hoàng Việt suy Sái Lã Đường Nguyễn Ức Trai, kỳ cẩm tâm tú khẩu, thư tước chu ngọc, thành hậu thế công thi chi sĩ, tiên khắc thiệp kỳ phiên yếu chi kỳ giả lưu ư quyệt. Luyện giả nhập ư xảo, hoang hàn tiêu sắt giả, đa ư cận thê uyển. Duy thuần hậu dị trực, bất quyệt bất xảo bất thê uyển giả, cứu qui ư tôn quân thân thượng. Bế tà tồn thành, nãi vi thi chi chính kinh. Ngô hữu Hy Chí thị, kỳ Nhị nhã chi trường thành dư? Thậm hĩ! Thi xã chi phong trần cửu hĩ. Công phấn nhiên phiếm lạm bách gia, khử kỳ tỳ dĩ tựu kỳ thuần. Tự vị đệ thời đề vịnh, Ái Châu chư tác, ma nhai huy hàn, lục phi ca phong, kiến nhi khí chi, tức trí chi triều liệt. Thi chi tao phùng diệc kỳ. Tây Hồ tập *nãi công đăng triều hậu bồi loan sở tác dã.*

Phù! Dĩ quan miện trung nhân, xâm nhiên hữu yên hà chi tư. Ngô thường kiến kỳ đẩu tửu chích cam, bộ ư thành môn, dao vọng thương sơn, cao khiếu hùng ngâm, vô phi hàn mặc khả truyền. Chí vu giang sơn phong nguyệt, dữ thiên thặng vạn kỵ tương ứng tiếp, chỉ xích long nhan, tháo cô Tử Vi bàng, nhất hoa nhất thụ, nhất vân nhất thạch, tận tại điểm xuyết, nhi quy xúc vu trung ái, sách lệ dần cung mậu miễn, phàm giai thần đạo chi thi sái, dật hồ ngôn biểu; trương nhi thân chi, khả dĩ tục Thiên bảo *kế* Quyền a, *phổ chi quản huyền, đăng chi giao miếu, tịch điêu trùng chi mậu, truy phượng minh chi hưởng. Thị thi vi giáo, chu ngọc cẩm tú vân hồ tai! Thị vi tự.*

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ TỰA TẬP TÂY HỒ MẠN HỨNG

Từ cổ chí kim, từ Nam ra Bắc bàn về thơ, từ hai thiên *Tiểu nhã* và

Đại nhã về sau, thì đời Ngụy suy tôn Tào Tử Kiến, đời Đường suy tôn họ Lý, họ Đỗ, nước Hoàng Việt ta suy tôn Lã Đường họ Sái,[1] Ức Trai họ Nguyễn,[2] quả thật kẻ sĩ giỏi thơ đời sau ít người có thể theo kịp họ. Vì ly kỳ sẽ dẫn đến quỷ quyệt, điêu luyện sẽ dẫn đến tinh khéo, còn lạnh lẽo, khe khắt thì phần nhiều gần với buồn rầu. Duy những thơ ôn hòa thuần hậu, giản dị ngay thẳng, không quỉ quyệt, không tinh khéo, không buồn rầu, tóm lại đó chỉ là những thơ tôn vua chúa. Còn ngăn được lòng tà, giữ lòng thành thực, thì đó mới là con đường chính đáng của nghề thơ. Bạn ta, ông Hy Chí, là một bức trường thành cho hai thiên *Tiểu nhã* và *Đại nhã* đó chăng? Quá lắm! Làng thơ bị lâm trong cảnh gió bụi đã lâu rồi. Nay ông đột nhiên vượt hơn trăm nhà, bỏ đi tì vết để đạt tới chỗ thuần túy. Ngay từ lúc chưa đỗ, những bài đề vịnh ở châu Ái, vung bút khắc vào đá, khi nhà vua đi tuần thú xem phong tục, trông thấy rất yêu quí, lập tức cho vời vào làm quan trong triều. Cái duyên gặp gỡ của nhà thơ, thế mới kỳ lạ. Tập thơ *Tây Hồ* làm ra lúc bồi tụng xe loan, sau khi đã lĩnh chức quan ở triều.

Kìa như: Những người trong hàng mũ cao áo dài, lặng lẽ mà tự có tứ thơ ẩn dật? Ta từng thấy những bài về một quả cam, một be rượu, chân bước ra cửa thành, xa ngắm núi xanh, giọng cao ngân bổng, không phải là không có bút mực để có thể truyền tụng. Đến như những bài về trăng, núi, gió, sông, ứng tiếp với nghìn xe muôn ngựa ở nơi gang tấc trước long nhan, tay cầm thẻ gỗ bên toà Tử Vi,[3] một đoá hoa, một ngọn cây, một áng mây, một tảng đá, hết thảy đều tìm thấy ở sự điểm xuyết, mà rút lại, với trung quân ái quốc, khuyến khích, gắng gỏi, đều là khuôn phép của kẻ làm tôi, thể hiện ra lời nói; mở cho rộng ra, có thể nối thơ *Thiên bảo,* tiếp thơ *Quyển a,*[4] phổ vào đàn sáo, dâng lên giao miếu,[5] tránh được cái sai lầm gọt rũa[6] truy tìm âm hưởng của phượng kêu.[7] Đó là lối dạy làm thơ, là châu ngọc, là gấm vóc đó thôi! Nay tựa.

CHÚ THÍCH:

1. Họ Lã, tức Sái Thuận, tự Nghĩa Hòa, người làng Liễu Lâm, huyện Siêu Loại (nay là Thuận Thành, Bắc Ninh), đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi đời Hồng Đức thứ 6 (1475), làm quan tới Tham chính, có tập *Lã Đường thi tập* nổi tiếng.

2. Họ Nguyễn, tức Nguyễn Trãi (1380- 1442), hiệu Ức Trai, người làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc (nay thuộc Thường Tín, Hà Tây), đỗ Hoàng giáp khoa Canh Thìn đời Hồ Thánh Nguyên (1400), giúp Lê Lợi đánh giặc Minh, quan tới Thái sư dực Quốc công, có tập *Ức Trai di tập*, do người đời sau tập hợp.

3. Tử Vi là sao đế tinh, thường ví với cung vua.

4. Thơ *Thiên bảo* trong thiên *Tiểu nhã, Kinh Thi*, nói về việc chúc tụng nhà vua. Thơ

Quyền a trong thiên *Đại nhã, Kinh Thi*, nói về Thiệu Khang công theo Thánh Vương lên chơi ở Quyền a (đồi quanh co) nhân làm ra để răn Thành Vương.

5. Giao là đàn tế trời đất, miếu là nơi thờ tổ tiên.

6. Gọt rũa, nguyên văn "điêu trùng," có nghĩa trạm trổ loài sâu. Đời Hậu Chu, lối viết văn rất phù phiếm. Lý Ngạc dâng sớ nói: "Triều Ngụy trước đây, chỉ chuộng về từ chương mà khinh cả đạo lý, chỉ thích đẽo gọt trạm trổ loài sâu, tranh cạnh bằng một vần thơ kỳ dị..." Dương Tử nói: "Cái lối văn trạm trổ loài sâu, kẻ dũng phu không thèm làm."

7. Phượng kêu (phượng minh), thơ *Quyền a, Kinh Thi*: "Phượng hoàng minh hĩ, vu bỉ cao cương. Ngô đồng sinh hĩ, vu bỉ triêu dương" (Phượng hoàng hót vang, ở đồi cao kia. Cây ngô đồng nảy nở, ở phương mặt trời mới mọc kia).

5. 錦堂詩集序

大方家有詩集行世者，翰墨之國風也！大臣致仕，儼然三尊，詩集行世者，香山洛社之二雅三頌，曠古今而一見也。

如京張國老，以勳賢踐閣，德望才智，出將入相，年六十有六，援例錦旋。得請日留東同朝，有唐詩國音各一章。朝唐諸名公有錢賀敘文屬和詩，總若干首書于帳，公錄其萬，彙城一集，顏曰：錦堂詩集。

甲申春，公奉旨起復，每於朝侍之暇，與昆弟讌處，莊誦一二章，輒欣然自樂。

某獲登公之堂，盼聲韻而瞻色笑者屢矣。越五年己丑，公次男請以是集付剖劂。公許之，命某爲序。某惟夫，公功在國家，事業在朝廷，勳名在天下，勒旂常而盟帶礪者，夫人所識也。曲江勝餞，爲黃髮佳譜，可紀之縑緗，被之管弦，以華美業。公獨取而梨棗之，其爲訓世之意深矣。一切行藏，至老而宿；一切言默，至道而極，非書何以形詩？詩以詠言，言以載道，道者也，忠孝之謂也。以天下之老，享忠孝之福，與時行藏，何適非道？

庚申龍飛，捧日當天，臨大事決大疑，無智名勇功，而措天下於泰山之安，不謂之大臣之忠乎？

五十餘年，揚歷朝鎮，受累朝隆顧，未嘗以矜能功炫聲譽爲意，富貴權利之都，虛以受之；永綏之澤謙以保之，以光我先太母，與列先相公之懿，不謂之大臣之孝乎？

完名晚節，不居成功，濤不及岸，蘭玉滿堂，非忠孝之美報乎？

丹扆式之，縉佩範之，綠野言旋，玉音賜勞，宸奎璀燦，翰簡流光，珠璣賡酬，鋪張盛事，凡皆贊揚頌美之詞，寫得義公忠孝受福之實。讀之者見皋契之勤勞焉，見方召之猷略焉，見馬鄧之義方焉，見潞溫之風致焉。以爲天下後世之爲臣子者，守忠與孝之勉，非直公一家之私寶，實有國之公寶也。

雖然天地五色文章，繪之爲一錦；太清一百八萬響，叩之爲一聲，三垣二十八宿光芒，聚之爲一球；百川眾讀之水，湊之爲一泓，非夫大力量，大心思，大經緯者，不能與於此！書云："人之有枝，若己有之，人之彥聖，其心好之"。不啼如自其口出，於我公見之矣！是爲序。

PHIÊN ÂM:

CẨM ĐƯỜNG THI TẬP TỰ

Đại phương gia hữu thi tập hành thế giả, hàn mặc chi Quốc phong dã. Đại thần trí sĩ, nghiễm nhiên tam tôn, thi tập hành thế giả, Hương Sơn Lạc Xã chi Nhị nhã Tam tụng, khoáng cổ kim nhi nhất kiến dã.

Như Kinh Trương Quốc lão, dĩ huân hiền vĩ phiệt, đức vọng tài trí, xuất tướng nhập tướng, niên lục thập hữu lục, viện lệ cẩm tuyền. Đắc thỉnh nhật lưu gián đồng triều, hữu Đường thi Quốc âm các nhất chương. Triều đường chư danh công hữu tiễn hạ tự văn thuộc họa thi, tổng nhược can thủ thư vu trướng, công lục kỳ cảo, vựng thành nhất tập, nhan viết: Cẩm đường thi tập.

Giáp Thân xuân, công phụng chỉ khởi phục, mỗi ư triều thị chi hạ, dữ côn đệ yến xứ, trang tụng nhất nhị chương, triếp hân nhiên tự lạc.

Mỗ hoạch đăng công chi đường, miện thanh vận nhi chiêm sắc tiếu giả lũ hĩ. Việt ngũ niên Kỷ Sửu, công thứ nam thỉnh dĩ thị tập phó phẫu quyết. Công hứa chi, mệnh mỗ vi tự. Mỗ duy phù, công công tại quốc gia,

sự nghiệp tại triều đình, huân danh tại thiên hạ, lặc kỳ thường nhi minh đái lệ giả, phù nhân sở thức dã. Khúc Giang thắng tiễn, vi hoàng phát giai phả, khả kỷ chi liêm tương, bị chi quản huyền, dĩ hoa mĩ nghiệp. Công độc thủ nhi lê táo chi, kỳ vi huấn thế chi ý thâm hĩ. Nhất thiết hành tàng, chí lão nhi túc; nhất thiết ngôn mặc, chí đạo nhi cực, phi thư hà dĩ hình thi? Thi dĩ vịnh ngôn, ngôn dĩ tải đạo, đạo giả dã, trung hiếu chi vị dã. Dĩ thiên hạ chi lão, hưởng trung hiếu chi phúc, dữ thời hành tàng hà thích vi đạo?

Canh Thân long phi, phủng nhật đương thiên, lâm đại sự quyết đại nghi, vô trí danh dũng công, nhi thố thiên hạ ư Thái Sơn chi an, bất vị chi đại thần chi trung hồ?

Ngũ thập dư niên, dịch lịch triều trấn, thụ luỹ triều long cố, vị thường dĩ cẳng năng công huyễn thanh dự vi ý, phú quý quyền lợi chi đồ, hư dĩ thụ chi; vĩnh tuy chi trạch khiêm dĩ bảo chi, dĩ quang ngã tiên Thái mẫu, dữ liệt tiên tướng công chi ý, bất vị chi đại thần chi "hiếu" hồ?

Hoàn danh văn tiết, bất cư thành công, đào bất cập ngạn; lan ngọc mãn đường, phi trung hiếu chi mỹ báo hồ?

Đan ỷ thức chi, tấn bội phạm chi, lục dã ngôn tuyền, ngọc âm tứ lao, thần khuê suy xán, hàn giản lưu quang, chu cơ canh thù, phô trương thịnh sự, phàm giai tán dương tụng mỹ chi từ, tả đắc nghĩa công trung hiếu thụ phúc chi thực. Độc chi giả kiến Cao Khiết chi cần lao yên, kiến Phương Thiệu chi du lược yên, kiến Mã Đặng chi nghĩa phương yên, kiến Lộ Ôn chi phong trí yên. Dĩ vi thiên hạ hậu thế chi vi thần tử giả, thủ trung dữ hiếu chi miễn, phi trực công nhất gia chi tư bảo, thực hữu quốc chi công bảo dã.

Tuy nhiên, thiên địa ngũ sắc văn chương, hội chi vi nhất cẩm; Thái thanh nhất bách bát vạn hưởng, khấu chi vi nhất thanh, tam viên nhị thập bát tú quang mang, tụ chi vi nhất cầu; bách xuyên chúng độc chi thuỷ, tấu chi vi nhất hoằng, phi phù đại lực lượng, đại tâm tư, đại kinh vĩ giả, bất năng dữ ư thử! Thư *vân: "Nhân chi hữu chi, nhược ký hữu chi, nhân chi ngạn thánh, kỳ tâm hiếu chi." Bất đề như tự kỳ khẩu xuất, ư ngã công kiến chi hĩ! Thị vị tự.*

DỊCH NGHĨA:

LỜI TỰA TẬP THƠ CẨM ĐƯỜNG

Nhà đại phương có tập thơ truyền ở đời, [giá trị của nó là] một tập

Quốc phong trong trường bút mực vậy! Bậc đại thần về hưu, nghiễm nhiên gồm được cả "tam tôn"[1] mà có tập thơ ra đời, [giá trị của nó như là] "Nhị nhã Tam tụng"[2] ở trong hội Hương Sơn và Lạc Xã, xưa nay rất hiếm thấy vậy!

Trương Quốc lão công ở huyện Như Kinh,[3] là bậc công thần thế phiệt, gồm đủ đức vọng tài trí, ra võ vào văn, tuổi 66 theo lệ về hưu. Ngày được nhà vua chuẩn y cho về, ông đã để lại cho các quan đồng triều một bài thơ chữ và một bài thơ Nôm. Các vị danh tiếng trong triều có những bài văn tiễn, thơ chúc họa, có bao nhiêu bài viết vào trướng, ông đều chép lại, tập hợp thành một tập, lấy tên *Tập thơ Cẩm đường (Cẩm đường thi tập)*.

Mùa xuân năm Giáp Thân (1764), theo chỉ dụ của vua, ông lại phải ra làm quan, mỗi buổi triều hạ xong trở về, gặp lúc rỗi rãi, cùng anh em tụ họp ngâm nga một vài chương, vui vẻ tự lấy làm khoái trá.

Mỗ tôi vốn được mời đến nhà ông, được nghe thấy âm vận và nhìn thấy vẻ cười đã nhiều lần. Năm năm sau, năm Kỷ Sửu (1769), người con trai thứ của ông, xin đem tập thơ đó cho khắc ván in. Ông vui lòng, rồi sai xin mỗ tôi đề tựa. Mỗ tôi nghĩ rằng, như ông, công để ở Quốc gia, sự nghiệp để ở triều đình, huân danh để ở thiên hạ, đều đã được ghi vào cờ biển, khắc vào bia đá, người đời ai cũng đã biết. Buổi tiễn đưa ở Khúc Giang,[4] làm ra cuốn phả tốt của người đã hai thứ tóc, đều có thể ghi vào lụa là, phổ vào đàn sáo, làm vẻ vang thêm cái sự nghiệp vốn đã đẹp. Ông lại đem khắc bản gỗ, có ý dạy bảo cho đời thực sâu xa. Tất cả những việc đã làm hay không làm, đều đã đạt tới mức vốn có của bậc chí lão; tất cả những lời nói ra hay im lặng, đều đã đạt đến chỗ cùng cực của người chí đạo. Những điều đó nếu không viết ra thì lấy gì mà hình dung ra thơ? Thơ là để thay cho lời nói, lời nói là để tải đạo, đạo tức là trung và hiếu vậy. Thân già nua vì thiên hạ, có phúc hưởng trung hiếu, cùng với đời hành hay tàng, thì làm gì mà không hợp đạo?

Năm Canh Thân (1740), nhà vua lên ngôi, chọn ngày đăng quang, gặp việc đại sự, giải quyết mọi mối hiềm nghi lớn, không có tiếng là khôn khéo, không có công là uy dũng, mà đặt thiên hạ vào chỗ yên ổn, vững như núi Thái Sơn, đó chẳng phải là đạo "trung" của bậc đại thần hay sao?

Hơn 50 năm, từng trải trong triều ngoài trấn, nhiều lần bị thăng giáng, nhưng chưa bao giờ để lộ ra cái ý cậy công, kiêu căng, khoe tài, coi phú quý quyền lợi như không; ơn trạch thưởng ban cho, vẫn khiêm tốn

bảo toàn, để làm sáng tỏ ý nguyện của tiên Thái từ và các đấng tiên Tướng công, đó chẳng phải là đạo "hiếu" của bậc đại thần hay sao?

Hoàn toàn danh tiết, công đã thành mà vẫn không nhận là của mình; bể hoạn chưa tới bờ, con cháu đã xum họp đầy nhà, đó chẳng phải là điềm đền đáp cho tấm lòng trung hiếu ấy đó sao?

Làm chỗ dựa cho nhà vua, làm khuôn mẫu cho các quan, khi về hưu, lời vua uý lạo, Ngự văn rực rỡ, Ngự bút ngời ngời, những vần ngọc xướng họa thù tạc, phô trương, mọi việc tốt lành, hết thảy đều là những lời ca tụng tán dương, tả được sự thực vì trung hiếu mà ông được hưởng phúc báo đáp. Đọc tập thơ đó, thấy được sự cần lao của ông Cao, ông Khiết,[5] thấy được mưu lược của ông Phương, ông Thiệu,[6] thấy được nghĩa phương của họ Mã, họ Đặng,[7] thấy được phong trí của ông Lộ Ôn.[8] Để lại cho thiên hạ đời sau, những kẻ làm tôi, làm con, phải bám sát vào chữ trung chữ hiếu, không phải chỉ là vật báu riêng của nhà ông, mà còn là vật báu của quốc gia vậy.

Tuy nhiên, ngũ sắc văn chương của trời đất, dệt thành một bức gấm; một trăm tám vạn âm hưởng của tầng trời Thái thanh, gõ lên thành một tiếng; ánh sáng rực rỡ của ba chòm sao và hai mươi tám vì tinh tú, tụ lại thành một tinh cầu; nước của trăm sông ngàn suối dồn về thành một vụng lớn, không phải là hạng người có đại lực lượng, đại tâm tư, đại kinh vĩ, thì không đương nổi được như thế! *Kinh Thư* nói: "Người có tài năng, coi như mình có, người mà tốt đẹp, mong mình cũng thế." Câu nói đó không khác gì tự miệng mình nói ra, nghiệm thấy ở nhà ông! Nay đề tựa.

CHÚ THÍCH:

1. Tam tôn, nghĩa là ba điều tôn quí; Tuổi nhiều, tước cao, đức trọng *(Mạnh Tử)*.

2. Nhị nhã: Tên hai thiên *Đại nhã* và *Tiểu nhã* trong *Kinh Thi*. Tam tụng: Chu tụng, Thương tụng, Lỗ tụng.

3. Như Kinh: Tên huyện có từ đời Lê, sau đổi là Như Quỳnh, lại đổi là Văn Lâm, thuộc phủ Mỹ Hào (Hưng Yên).

4. Khúc Giang, nghĩa là con sông chảy cong queo, cũng là tên một con sông thuộc địa phận tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc. Khách ở kinh đô thường tới thưởng thức, nhất là ngày Thượng kỷ thuộc tiết Trung hòa, là huyên náo hơn cả. Ở đây có lẽ mượn để chỉ nơi tiễn Trương Quốc lão về hưu của các đại thần trong triều.

5. Cao, Khiết: Hai vị danh thần đời Nghiêu, Thuấn.

6. Phương Thiệu, tức Phương Thúc và Thiệu Bá đều là danh thần đời Chu.

7. Mã, tức Mã Hậu, vợ Hán Minh Đế, mẹ Chương Đế, con gái Mã Viện. Bà có đức tốt, rất công bằng. Chương Đế muốn phong tước cho các cậu là em trai bà, bà nhất định gạt đi. Đặng, tức Đặng Hậu, vợ Hán Hòa Đế, cử động giữ đúng pháp độ. Vua mất, bà nắm triều chính hơn 10 năm, có nhiều đức chính.

8. Lộ Ôn: Văn Ngạn Bác được phong tước là Lộ Ôn công. Lộ Ôn công 78 tuổi về hưu, lập ra hội Đồng canh (Hội cùng tuổi), cứ tuổi, chứ không cứ chức tước. Vì ở Lạc Dương, nên gọi là *Lạc Dương Kỳ anh hội*.

6. 春秋管見序自

五岳接天崒嶵岩屹，而腳乎地；四海亙地，汪洋澎湃，而原于天。故天地者山川之君父，而君父者春秋之根腳。是經之旨，在於明君父之大倫，以立天地之大義。所謂天無二日，土無二王，家無二主，尊無二上，事事物物之有根有腳者也。

方周之衰，邪說暴行有作，臣弒其君者有之，子弒其父者有之。其效至於四夷交侵，禽獸食人。孔子懼作春秋，春秋天子之事也。子曰：知我者其惟春秋乎？罪我者其惟春秋乎？蓋知尊君父者知之，不知尊君父者罪之。孟氏發明時宗旨，於是春秋之根腳，昭然於世，歷代先儒，羽翼而摧廣之，其宏綱大用，標揭指歸，無待於云云矣。

世之觀山於山者，徒知其高之不可幾，而不能反求其所以高；觀水於水者，徒知其深之不可量，而不能反求其所以深。此記誦詞章之習，大爲學者，心術之病也。夫！學以知道爲本，而求道之門，莫近於春秋。道非他，忠孝而已。春秋之爲教，以臣忠於君，以子孝於父，爲大根大腳。而所以立其根腳者，在於養浩然之氣。則富貴不能淫，貧賤不能移，威武不能屈，而其忠孝者也固。故其微辭奧義定之于一一者，不可遷易。不淫於富貴，有篡弒者乎？不移於貧賤，有攘奪者乎？不屈於威武，有鄙倍者乎？是之謂扒亂反之正。學者苟能講貫乎是，体認乎是，及其出而應世，可以斷國是，可以立治

法，博而約之，律身行己，亦不外是矣。

某遭時多艱，遁世五稔。乃取是經編錄，顏曰：春秋管見，首尾約數十萬言。大祇依傍經文，旁摧古後，事理之致，如何是合道，如何是不合道、自家理會得分曉。求所以學爲忠爲孝，而志壹動氣，氣壹動志，亦於是求之。極知評山品水，何加於天地之秋毫？惟以自訓于心，自淑其徒。高明君子，見而正之。幸毋以小兒豎瓦，見棄于大方可也。南越後學某自序。

PHIÊN ÂM:

XUÂN THU QUẢN KIẾN TỰ TỰ

Ngũ Nhạc tiếp thiên, huân lân chiêu ngật, nhi cước hồ địa; tứ hải cắng địa, uông dương bành bái, nhi nguyên vu thiên. Cố thiên địa giả sơn xuyên chi quân phụ, nhi quân phụ giả Xuân Thu chi căn cước. Thị kinh chi chỉ, tại ư minh quân phụ chi đại luân, dĩ lập thiên địa chi đại nghĩa. Sở vị thiên vô nhị nhật, thổ vô nhị vương, gia vô nhị chủ, tôn vô nhị thượng, sự sự vật vật chi hữu căn hữu cước giả dã.

Phương Chu chi suy, tà thuyết bạo hành hữu tác, thần thí kỳ quân giả hữu chi, tử thí kỳ phụ giả hữu chi. Kỳ hiệu chí ư tử di giao xâm, cầm thú thực nhân. Khổng Tử cụ tác Xuân Thu, Xuân Thu *thiên tử chi sự dã. Tử viết: "Tri ngã giả kỳ duy* Xuân Thu *hồ? Tội ngã giả kỳ duy* Xuân Thu *hồ? Cái tri tôn quân phụ giả tri chi, bất tri tôn quân phụ giả tội chi. Mạnh Thị phát minh thời tông chỉ, ư thị Xuân Thu chi căn cước, chiêu nhiên ư thế. Lịch đại tiên nho, vũ dực nhi suy quảng chi, kỳ hoằng cương đại dụng, tiêu yết chỉ qui, vô đãi ư vân vân hĩ.*

Thế chi quan sơn ư sơn giả, đồ tri kỳ cao chi bất khả cơ, nhi bất năng phản cầu kỳ sở dĩ cao; quan thủy ư thủy giả, đồ tri kỳ thâm chi bất khả lượng, nhi bất năng phản cầu kỳ sở dĩ thâm. Thử ký tụng từ chương chi tập, đại vi học giả, tâm thuật chi bệnh dã. Phù! Học dĩ tri đạo vi bản, nhi cầu đạo chi môn, mạc cận ư Xuân Thu. Đạo phi tha, trung hiếu nhi dĩ. Xuân Thu chi vi giáo, dĩ thần trung ư quân, dĩ tử hiếu ư phụ, vi đại căn đại cước. Nhi sở dĩ lập kì căn cước giả, tại ư dưỡng hạo nhiên chi khí,

tắc phú quí bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất, nhi kỳ trung hiếu giả dã cố. Cố kỳ vi từ áo nghĩa định chi vu nhất nhất giả, bất khả thiên dịch. Bất dâm ư phú quí, hữu soán thí giả hồ? Bất di ư bần tiện, hữu nhương đoạt giả hồ? Bất khuất ư uy vũ, hữu bỉ bội giả hồ? Thị chi vị "bát loạn phản chi chính." Học giả cẩu năng giảng quán hồ thị, thể nhận hồ thị, cập kỳ xuất nhi ứng thế, khả dĩ đoán quốc thị, khả dĩ lập trị pháp, bác nhi ước chi, luật thân hành kỷ, diệc bất ngoại thị hĩ.

Mỗ tao thời đa gian, độn thế ngũ nẫm. Nãi thủ thị kinh biên lục, nhan viết: Xuân Thu quản kiến, *thủ vĩ ước sổ thập vạn ngôn. Đại để y bàng kinh văn, bàng suy cổ hậu, sự lý chi trí, như hà thị hợp đạo, như hà thị bất hợp đạo, tự gia lý hội đắc phân hiểu. Cẩu sở dĩ học vi trung vi hiếu, nhi "chí nhất động khí, khí nhất động chí," diệc ư thị cẩu chi. Cực tri bình sơn phẩm thủy, hà gia ư thiên địa chi thu hào? Duy dĩ tự huấn vu tâm, tự thục kỳ đồ. Cao minh quân tử, kiến nhi chính chi. Hạnh vô dĩ tiểu nhi thụ ngoã, kiến khí vu đại phương khả dã. Nam Việt hậu học mỗ tự tự.*

DỊCH NGHĨA:

TỰ ĐỀ TỰA BỘ XUÂN THU QUẢN KIẾN

Ngũ Nhạc[1] cao sát trời, chon von lởm chởm, nhưng chân thì mọc lên từ đất; bốn biển vòng quanh khắp đất, lai láng mênh mông, nhưng khởi nguồn từ trời. Cho nên, có thể nói rằng, trời và đất là vua, là cha của núi và sông, mà vua và cha lại là nền, là gốc của kinh *Xuân Thu*. Vậy tôn chỉ của kinh *Xuân Thu* là ở chỗ làm sáng tỏ đạo lớn của vua và cha, để dựng nên nghĩa lớn của trời đất. Nên cái gọi là trời không có hai mặt trời, đất không có hai vua, nhà không có hai chủ, tôn quí không có hai ngôi ở trên, là nói sự sự vật vật đều có một gốc, một nền.

Đương lúc nhà Chu suy tàn, thì lời nói càn rỡ, hành vi tàn bạo nổi lên, có kẻ bầy tôi giết vua, có kẻ làm con giết cha. Kết quả là, bọn di địch bốn phương thay nhau đến xâm lược, thật là cái cảnh cầm thú ăn thịt người. Đức Khổng Tử thấy vậy sợ quá mới làm ra kinh *Xuân Thu*. Thế thì, kinh *Xuân Thu* là việc của đấng thiên tử vậy. Cho nên Khổng Tử nói: "Kẻ biết ta là do có kinh *Xuân Thu* chăng? Kẻ buộc tội ta cũng là do có kinh *Xuân Thu* chăng"? Có lẽ phải hiểu là: Kẻ biết tôn kính vua, cha là biết, kẻ không biết tôn kính vua, cha là có tội. Rồi, thầy Mạnh Tử lại phát minh ra tông chỉ, thế là, cái nền, cái gốc của kinh *Xuân Thu* được làm sáng tỏ ở đời, lại được tiên nho các đời giúp mở rộng ra, nên kỷ cương được hoàn bị

có tác dụng lớn, nêu cao được ý chỉ rồi qui tụ lại, không phải đợi nói điều gì nữa.

Người đời xem núi chỉ biết núi cao, không hay núi cao chừng nào, lại không biết lường chiều cao của núi; nhìn nước, chỉ biết nước sâu, không thể đo, mà không biết tìm độ sâu của nước. Đó là kết quả của lối học tầm chương trích cú, là cái bệnh phần lớn những bậc học giả tâm thuật mắc phải. Ôi! Học là để biết đạo, mà cửa đi đến đạo, không gì gần hơn kinh *Xuân Thu*. Đạo không gì khác, chỉ là trung hiếu mà thôi! Những điều đã dạy trong kinh *Xuân Thu* là làm tôi phải trung với vua, làm con phải hiếu với cha, đó là nền to, là gốc lớn. Sở dĩ lập nền to, gốc lớn ấy là do đã nuôi dưỡng được cái khí hạo nhiên. Được như vậy thì "Phú quí bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất,[2]" mà nền trung gốc hiếu mới vững chắc. Cho nên lời tuy huyền vi, nhưng ý nghĩa thì thật sâu sắc, nhất nhất đã được định rồi, không thể thay đổi. Người không bị giầu sang làm cho mê đắm, thì làm gì có lòng soán nghịch? Kẻ không bị nghèo hèn làm thay đổi, thì làm gì có sự cướp đoạt? Người không bị uy vũ khuất phục, thì làm gì có sự phản bội xấu xa? Bởi vậy mới có câu: "Dẹp loạn, khiến trở lại con đường chính nghĩa." Bậc học giả nếu có thể học thuộc điều đó, thể nhận điều đó, thì đến khi ra ứng dụng với đời, mới có thể quyết đoán được mưu kế lớn của nước, mới có thể lập nên được phép trị bình, từ việc mở rộng hay co hẹp, đến việc giữ thân hay sửa mình, tất thảy đều không ngoài những điều đó.

Ta khi gặp nạn, luôn vất vả, phải lẩn tránh 5 năm trời. Nhân đem *Kinh* đó ra biên chép, đặt tên là *Xuân Thu quản kiến*, từ đầu chí cuối, ước tới vài mươi vạn lời. Đại để là dựa vào lời kinh, suy rộng ra chung quanh những lý lẽ phải trái xưa nay, thế nào là hợp đạo, tự mình lý giải cho phân minh rõ ràng. Đi tìm điều học được là trung hiếu, vì "chí đã chuyên nhất thì động đến khí, khí đã chuyên nhất thì động đến chí,"[3] thì cũng tìm được ở đó. Rất biết rằng: Việc phẩm bình non nước, sao thể thêm một chút gì cho trời đất? Nhưng nó có tác dụng giúp cho tự nhủ lòng mình, tự dạy môn đồ mình. Mong các bậc cao minh quân tử thấy mà hiệu chính cho. May ra không như là trò đùa của trẻ nhỏ bỏ đi mất qui mô to lớn của tập sách là được.

Hậu học ở Nam Việt mỗ tự đề tựa.

CHÚ THÍCH:

1. Ngũ Nhạc: Năm ngọn núi cao nổi tiếng ở Trung Quốc. Tức núi Thái Sơn (đông); Hoạ Sơn (tây); Hành Sơn (nam); Hằng Sơn (bắc); Tung Sơn (giữa).

2. Nghĩa là: Giàu sang không mê đắm, nghèo khó không đổi thay, uy vũ không chịu khuất phục.

3. Câu này là Mạnh Tử trả lời học trò Công Tôn Sửu.

7. 字學纂要序

六書垂則四海同文。二韻翻聲五方異譯。故“塔失達識”，昔賢深辨於土音，而“牛汞昂邦”，北朝不棄夫國語。

我越文獻立國，文字與中華同，而切義解音則與中華異。姑舉一二以類其餘如：輕清者天也，中華呼爲“天”，我國於天之下加上字；重濁者地也，中華呼爲“地”，我國於土之傍加“旦字”。

至於車么個巨，草頭竹頭千字一晝隨寫增加正於如皇極經世所稱。開口撮口者，此亦南朔自然之理。故我國字較難於中國，先正名公曾著指南雙字，因畫翻義概，未足以盡天地事物之理。

余早事翰墨，今觀華簪，有意義所不足者，質之大方，輒相築舍。凡以音切迥殊，字母各別，無所究其指歸。近日，承乏黃扉，因得遍閱名書，旁搜廣採，得其梗概者，拾襲而珍藏之。音註爲義，義聯爲韻，韻分爲對，該得三千字，顏曰：字學纂要。書成付之剞劂。

或曰：聖人造書，三萬九千余字，公乃三千焉，得無狹道之傳耶？

曰：道不在遠，遠不是道。雖曰萬殊理一，而已蝌蚪蟲魚，變爲“飛白”、“舞劍”平上去入，散爲西域東洋，偏旁點畫。文以時增，詰屈聱牙，義因音異。而天地之所以爲天地，萬物之所以爲萬物，五經四傳諸子百家，傳經載道，衣被後人，曾有幾字幾義，出吾儒耳目齒牙之外哉！故水火常見也。醴泉夜光，不能奪其成功；粟布常有也，火浣熊掌，無能爭於日用。余之爲三千字，其音常其義約，而於其所，不常用者不曾泛及。誠以林枝海勺，未涉於字典。韻會之藩，而隱顯之理細大之事，凡皆鄙夫，鄙婦之所易

知，亦可課童話奪。庶有助於吾徒之登高行遠者。非敢取聖賢之文字尋而丈之爲私家，自説也。博聞君子，幸諒其心焉。

PHIÊN ÂM:

TỰ HỌC TOẢN YẾU

Lục thư thùy tắc tứ hải đồng văn. Nhị vận phiên thanh ngũ phương dị dịch. Cố "tháp thất đạt thức," tích hiền thâm biện ư thổ âm, nhi "ngưu lục ngang bang" Bắc triều bất khí phù Quốc ngữ.

Ngã Việt văn hiến lập quốc, văn tự dữ Trung Hoa đồng, nhi thiết nghĩa giải âm tắc dữ Trung Hoa dị. Cô cử nhất nhị dĩ loại kỳ dư, như: Khinh thanh giả thiên dã, Trung Hoa hô vi "thiên," ngã quốc ư thiên chi hạ gia thượng tự; trọng trọc giả địa dã, Trung Hoa hô vi "địa," ngã quốc ư "thổ" chi bàng gia "đán" tự.

Chí ư "xa ma cá cự, thảo đầu, trúc đầu," thiên tự nhất hoạch, tùy tả tăng gia chính ư như Hoàng cực kinh thế *sở xưng. Khai khẩu toát khẩu giả, thử diệc nam sóc tự nhiên chi lý. Cố ngã quốc tự giảo nan ư Trung Quốc, tiên Chính Danh công tằng trước* Chỉ Nam song tự, *nhân hoạ phiên nghĩa khái, vị túc dĩ tận thiên địa sự vật chi lý.*

Dư tảo sự hàn mặc, kim quán hoa trâm, hữu ý nghĩa sở bất túc giả, chất chi đại phương, triếp tương trúc xá. Phàm dĩ âm thiết quýnh thù, tự mẫu các biệt, vô sở cứu kỳ chỉ qui. Cận nhật, thừa phạp hoàng phi, nhân đắc biến duyệt danh thư, bàng sưu quảng thái, đắc kỳ ngạnh khái giả, thập tập nhi trân tàng chi. Âm chú vi nghĩa, nghĩa liên vi vận, vận phân vi đối, cai đắc tam thiên tự, nhan viết: Tự học toản yếu. *Thư thành phó chi phẫu quyết.*

Hoặc viết: Thánh nhân tạo thư, tam vạn cửu thiên dư tự, công nãi tam thiên yên, đắc vô hiệp đạo chi truyền da?

Viết: Đạo bất tại viễn, viễn bất thị đạo. Tuy viết vạn thù lý nhất! Nhi dĩ khoa đẩu trùng ngư, biến vi "Phi bạch" "Vũ kiếm," bình thượng khứ nhập, tán vi Tây Vực Đông Dương, thiên bàng điểm hoạch. Văn dĩ thời tăng, cật khuất ngao nha, nghĩa nhân âm dị. Nhi thiên địa chi sở dĩ vi thiên địa, vạn vật chi sở dĩ vi vạn vật, ngũ kinh tứ truyện chư tử bách gia, truyền kinh tải đạo, y bị hậu nhân, tằng hữu kỷ tự kỉ nghĩa, xuất ngô nho nhĩ mục xỉ nha chi ngoại tai! Cố thủy hoả thường kiến dã. Lễ tuyền dạ

quang, bất năng đoạt kỳ thành công; túc bố thường hữu dã, hoả hoản hùng chương, vô năng tranh ư nhật dụng. Dư chi vi Tam thiên tự, *kì âm thường kỳ nghĩa ước, nhi ư kỳ sở, bất thường dụng giả bất tăng phiếm cập. Thành dĩ lâm chi hải thược, vị thiệp ư Tự điển Vận hội chi phiên, nhi ẩn hiển chi lý tế đại chi sự, phàm giai bỉ phu, bỉ phụ chi sở dị tri, diệc khả khóa đồng thoại đoạt. Thứ hữu trợ ư ngô đồ chi đăng cao hành viễn giả. Phi cảm thử Thánh hiền chi văn tự, tầm nhi trượng chi vi tư gia, tự thuyết dã. Bác văn quân tử, hạnh lượng kì tâm yên.*

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ TỰA TẬP TỰ HỌC TOẢN YẾU [1]

Phép lục thư ra đời,[2] thì bốn bể cùng lối viết.[3] Hai vận phiên thành tiếng,[4] thì năm phương dịch thành âm khác.[5] Cho nên, các chữ "tháp, thất, đạt, thức" (塔 、失 、達 、識) đã được bậc hiền nhân xưa phân biệt rành rọt với thổ âm, mà các chữ "ngưu, lục, ngang, bang" (牛 、衆 、昂 、邦) bên Bắc triều không bỏ đi vì nó là lời quốc ngữ.

Việt Nam ta dựng nước văn hiến, văn tự cũng giống Trung Hoa, nhưng thiết nghĩa giải âm so với Trung Hoa có khác. Xin tạm dẫn một vài ví dụ, ngoài ra đều na ná thế cả. Như: Tiếng phát ra nhẹ và trong nghĩa là "trời," Trung Hoa đọc là "thiên" (天 tiàn), còn ở nước ta thì dưới chữ 'thiên'(天) thêm chữ "thượng" (上); tiếng phát ra nặng mà đục, nghĩa là "đất." Trung Hoa đọc là "địa" (地 dì), ở nước ta thì bên cạnh chữ "thổ" (土), thêm chữ "đán" (旦).

Đến như các bộ thủ như: "xa, ma, cá, cự, thảo đầu, trúc đầu" (車 、么 、個 、巨 、草 、竹), nghìn chữ cũng chỉ dùng cách viết bộ này, tuỳ từng chữ mà thêm hoặc bớt, đúng như trong sách *Hoàng cực* kinh *thế*[6] đã nói. Nói là "khai khẩu, toát khẩu (開 口 、撮 口) mở miệng mím miệng" cũng là cái lẽ tự nhiên khác nhau giữa Nam và Bắc. Cho nên chữ nước ta khó hơn Trung Quốc, Chính Danh công trước đã viết *Chỉ Nam song tự*, nhân đó mà dịch nghĩa khái quát, chưa nêu hết lẽ tự nhiên của mọi vật trong trời đất.

Tôi đây, sớm theo nghề bút mực, nay ở chốn hoa trâm,[7] có chữ nào ý nghĩa chưa ổn, đem đi hỏi các bậc đại gia, bèn cùng nhau tìm kiếm, lấy hoặc bỏ. Phàm những âm phiên thiết quá khác nhau mà tự mẫu cũng khác, không thể xét đến cùng được thì nhặt lại. Gần đây, được bổ vào nơi hoàng các, nhân được xem hết cả các sách có tiếng, nhặt nhạnh gần xa,

thấy được điểm chính, thu lượm lại cất đi làm của báu. Rồi chú âm thích nghĩa, nghĩa đi liền với vần, vần chia ra đối nhau, cộng được 3000 chữ, đặt tên là *Tự học toản yếu*. Sách làm song cho khắc ván in.

Hoặc có kẻ hỏi: Thánh nhân đặt ra lối viết, tất cả có trên 3 vạn 9 ngàn chữ. Nay ông nói có 3 ngàn, đó chẳng phải là rút hẹp lại con đường truyền đạo hay sao?

Xin thưa rằng: Đạo không ở xa, nếu ở xa thì không phải là đạo. Tuy nói là muôn vẻ khác nhau, mà lý thì chỉ có một mà thôi! Từ lối chữ khoa đẩu hình sâu, hình cá, biến thành lối "phi bạch," lối "vũ kiếm,"[8] đến những dấu "bình, thượng, khứ, nhập," tản ra lối đếm nét bên cạnh của các xứ Tây Vực Đông Dương. Văn theo thời gian mà thêm ra, những lời "cật khuất ngao nha," nghĩa thì đồng mà âm lại khác. Nhưng rồi, trời đất sở dĩ là trời đất, vạn vật sở đĩ là vạn vật, tứ thư, ngũ kinh, bách gia chư tử, truyền kinh giảng đạo, thấm nhuần người đời sau, nào có mấy chữ, mấy nghĩa thoát khỏi tai mắt, nanh vuốt của làng Nho ta đâu! Cho nên, nước và lửa là những thứ thường thấy. Nhưng suối rượu nếp, ánh sáng ban đêm, cũng không thể đoạt được công lao của nước lửa; thóc và vải là những vật thường có, nhưng lò lửa, tay gấu cũng không thể tranh được sự thường dùng hàng ngày của thóc, vải. Tôi từng làm cuốn *Tam thiên tự*, âm thường dùng, nghĩa giản lược, những chữ không thường dùng, không chép vào. Quả thật, như một cành cây trong rừng, một gáo nước dưới biển, chưa tới phên dậu của cuốn *Tự điển Vận hội*, nhưng cái lẽ mờ tỏ, sự việc nhỏ to, tất cả đều là những điều mà kẻ sất phu bỉ phụ dễ thấy, cũng rất có thể là một khuôn mẫu linh hoạt để dạy trẻ học tập. Ngõ hầu giúp bạn ta lên cao, đi xa hơn. Có đâu dám đem văn tự của Thánh hiền ra đo dài vấn, để làm một học thuyết riêng của nhà mình vậy. Hân hạnh mong bậc bác lãm quân tử hiểu rõ bản tâm của tôi!

CHÚ THÍCH:

1. Tự học toản yếu: Nghĩa là nhặt ra những chỗ trọng yếu để học.

2. Lục thư: Sáu phép viết chữ Hán: Tượng hình, hội ý, chuyển chú, xử sự, giả tá, hài thanh.

3. Bốn bể cùng lối viết (tứ hải đồng văn), *Trung dung*: "Kim phù thiên hạ thư đồng văn" (Thiên hạ ngày nay viết cùng lối chữ).

4. Hai vận: Vần bằng và vần trắc.

5. Năm phương: Phương đông; phương tây; phương nam; phương bắc và phương trung ương. Chỉ mọi nơi nói chung.

6. *Hoàng cực kinh thế*: Sách viết về khoa học do Thiệu Ung soạn ra.

7. Hoa trâm: Đất Giang Đô có 22 giống hoa thược dược, duy loại hoa vàng đới đỏ là

rất hiếm. Khi Hàn Kỳ làm Thái thú ở quận đó, ngẫu nhiên nở được 4 bông. Lúc này Vương Khuê, Vương An Thạch, Trần Thăng Chi, đều là liêu thuộc, Hàn Kỳ bảo 4 người cùng ngồi dưới hoa, mỗi người cài một bông. Về sau những người này thay nhau làm tướng, nên người ta cho đó là "hoa thụy" (điềm hoa).

8. Lối chữ viết "phi bạch": Lối chữ viết nét chữ để trắng, do Thái Ung đời Hậu Hán tự chế ra. Lối "vũ kiếm": Lối chữ viết thảo, do Vương Hựu xem người ta múa kiếm, nhân chế ra lối chữ thảo "vũ kiếm."

8. 華程學步序

拙常言：平日有四不知，看珠蘭花不知香，吃龍井茶不知佳，聽宮調曲不知樂，誦錦瑟詩不知工。蓋其清高之過，非所宜於常俗也。然此特未知耳。及其既知之，則天下之所謂華者，茶者，曲者，詩者豈有高妙於此者乎！要之知之爲難，非老於視聽，思亦隨人好道云耳！

錦瑟詩之後，我越名家詩拙意，蔡呂塘"一聲秋在木犀花"之句，與程明道"只恐風花一片飛"相似。可謂溫柔敦厚，而言外意不可勝窮。今見中書同議阮公，奉使時作，集中無慮數百章如：

狂歌天欲暮。

飛鳥過孤岑。

與：

人尋野渡歸林外。

鳥帶斜陽入洞門，等句。

清逸大都如此，此可以沈潛玩味，風概如呂塘，意致如錦瑟。蓋珠蘭之香，龍井之佳，宮調之樂，神會而後得之，易以常知見言也。

卮言膚淺，未知主人以爲是否。

PHIÊN ÂM:

HOA TRÌNH HỌC BỘ TỰ

Chuyết thường ngôn: Bình nhật hữu tứ bất tri, khán chu lan hoa bất tri hương, ngật Long tỉnh trà bất tri giai, thính cung điệu khúc bất tri lạc, tụng Cẩm sắt thi bất tri công. Cái kì thanh cao chi quá, phi sở nghi ư thường tục dã. Nhiên thử đặc vị tri nhĩ. Cập kỳ ký tri chi, tắc thiên hạ chi

sở vị hoa giả, trà giả, khúc giả, thi giả khởi, hữu cao diệu ư thử giả hồ! Yếu chi tri chi vi nan, phi lão ư thị thính, tư diệc tuỳ nhân hiếu đạo vân nhĩ!

Cẩm sắt thi chi hậu, ngã Việt danh gia thi chuyết ý, Sái Lã Đường "nhất thanh thu tại mộc tê hoa" chi cú, dữ Trình Minh Đạo "chỉ khủng phong hoa nhất phiến phi" tương tự. Khả vị ôn nhu đôn hậu, nhi ngôn ngoại ý bất khả thăng cùng. Kim kiến Trung thư đồng nghị Nguyễn Công, phụng sứ thời tác, tập trung vô lự sổ bách chương như:

Cuồng ca thiên dục mộ,

Phi điểu quá cô sầm.

Dữ:

Nhân tầm dã độ qui lâm ngoại,

Điểu đái tà dương nhập động môn, đẳng cú.

Thanh dật đại đô như thử, thử khả dĩ trầm tiềm ngoạn vị, phong khái như Lã Đường, ý trí như cẩm sắt. Cái chu lan chi hương, Long tỉnh chi giai, cung điệu chi nhạc, thần hội nhi hậu đắc chi, dị dĩ thường tri kiến ngôn dã.

Chi ngôn phu tiển, vị tri chủ nhân dĩ vi thị phủ.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ TỰA TẬP HOA TRÌNH HỌC BỘ[1]

Tôi thường nói: Bình nhật có bốn cách chơi mà không biết: Xem hoa chu lan mà không biết mùi thơm; uống trà Long tỉnh mà không biết là ngon; nghe khúc ca cung điệu mà không biết là vui; ngâm thơ Cẩm sắt mà không biết là hay.[2] Sở dĩ như vậy có lẽ là vì những cái đó quá ư thanh cao, không hợp với thói thường. Nhưng đó chỉ là do mình chưa biết đó thôi. Khi đã biết rồi, thì cái mà thiên hạ gọi là hoa, là trà, là khúc, là thơ, có gì cao xa, huyền diệu đâu! Tóm lại, chỉ cái "biết" là khó, nếu không phải mắt thấy tai nghe, suy nghĩ kỹ lưỡng, thì cũng chỉ là hành động theo người nói ra mà thôi!

Tiếp theo bài thơ Cẩm sắt, nhà thơ nổi danh ở nước Việt ta, tôi nghĩ câu: "Một tiếng thu ở trong khóm hoa mộc tê" (nhất thanh thu tại mộc tê hoa) của Sái Lã Đường,[3] cùng với câu: "Chỉ sợ một cánh hoa bay trước gió" (Chỉ khủng phong hoa nhất phiến phi) của Trình Minh Đạo[4] là giống

nhau. Có thể nói là rất ôn hòa, mềm mại, thuần hậu, mà ý thì ở ngoài lời, không thể cùng tận. Nay thấy tập thơ của quan Trung thư đồng nghị Nguyễn Công làm khi đi sứ, trong đó, số thơ vô lo nghĩ, kể tới vài trăm bài, như câu:

Cuống ca lúc trời sắp tối,

Chim bay qua ngọn núi trơ vơ.

Và câu:

Người tìm bến đò vắng về nhà ở phía ngoài rừng;

Chim lướt qua bóng tà dương bay vào cửa động.

Thực là thanh nhã, siêu thoát, phần lớn đều như thế cả, nên chỉ lặng lẽ mà nghĩ kỹ, phong cách như thơ Lã Đường, ý đạt đến như thơ Cẩm sắt. Có lẽ, hương thơm hoa chu lan, vị ngon chè Long tỉnh, nhạc vui điệu cung từ, dùng tinh thần mà lĩnh hội, rồi sau sẽ tự có được, chưa dễ coi sự "biết và "thấy" là tầm thường mà nói được đâu.

Lời minh nông cạn, chưa biết chủ nhân có cho là phải hay không?

CHÚ THÍCH:

1. Hoa trình học bộ, có nghĩa là: Tập bước đi trên con đường đi sứ. Ở đây dùng để chỉ ý khiêm tốn.

2. Chu lan, có tên là Kim túc lan, một loài hoa có vị quí.

Trà Long tỉnh, hãm nước vẫn xanh, xưa là một loại cống phẩm quí.

Cung điệu, danh từ gọi chung cho nhạc khúc.

Cẩm sắt, bài thơ của Lý Thương Ẩn, trong hai câu thực và hai câu luận gồm đủ: Thích, oán, thanh, hòa, được người đời cho là tuyệt diệu.

3. Xem chú thích số 2 bài: Đề tựa tập Tây hồ mạn hứng.

4. Trình Di, một danh nho đời Tống.

9. 鶴和餘音序

余於癸丑菊月，自燕京使回，次男用吉以其年蒲月逝沒。屬離永別，不得相見，王事靡監。余歸視故廬，哭得數聲而已。既又匆匆點檢入覲南京，甲寅春抄，始得旨回省鄉貫，則已屆練期矣。圖書宛然，修文去不復反。

嗚呼！傷心無可奈何。乃於故箱，撰用吉所藏詩文，得五言律五

十餘首，自題曰：蛾述詩蒿。其文則舉業奪也。余細玩其詩，溫而莊，儼而雅，有大方氣骨。余匆茫應世，不暇教其子，亦不曾知其所學焉。是可爲余友，而況爲余子乎？余蔭濁實多不得而友之，宜其含余而去也。然文星降世，縱不爲世用，亦須少露其倪，乃大返其眞。易曰：飛鳥遺之音。蓋音之遺者，雖飛之遠而其響存也。

夫！響之存，形死而神不散。用吉雖不爲余之子，而其神則我家之血脈，固流動乎

塊止，而不可終窮。余什襲其詩，顏之曰：鶴和余音，記之縑緗，以供余閑玩，嘗若用吉之過余庭也。

PHIÊN ÂM:

HẠC HỌA DƯ ÂM TỰ

Dư ư Quí Sửu cúc nguyệt, tự Yên Kinh sứ hồi, thứ nam Dụng Cát dĩ kỳ niên bổ nguyệt thệ một. Thuộc ly vĩnh biệt, bất đắc tương kiến, vương sự mị giam. Dư qui thị cố lư, khốc đắc sổ thanh nhi dĩ. Ký hựu thông thông điểm kiểm nhập cận Nam kinh, Giáp Dần xuân miểu, thủy đắc chỉ hồi tỉnh hương quán, tắc dĩ giới luyện kỳ hĩ. Đồ thư uyển nhiên, tu văn khứ bất phục phản.

Ô hô! Thương tâm vô khả nại hà. Nãi ư cố xương, soạn Dụng Cát sở tàng thi văn, đắc ngũ ngôn luật ngũ thập dư thủ, tự đề viết: Nga thuật thi cảo. *Kỳ văn tắc cử nghiệp đoạt dã. Dư tế ngoạn kỳ thi, ôn nhi trang, nghiêm nhi nhã, hữu đại phương khí cốt. Dư thông mang ứng thế, bất hà giáo kỳ tử, diệc bất tằng tri kỳ sở học yên. Thị khả vi dư hữu, nhi huống vi dư tử hồ? Dư ấm trọc thực đa bất đắc nhi hữu chi, nghi kỳ hàm dư nhi khứ dã. Nhiên Văn tinh giáng thế, túng bất vi thế dụng, diệc tu thiểu lộ kỳ nghê, nãi đại phản kỳ chân.* Dịch *viết: "Phi điểu di chi âm." Cái âm chi di giả, tuy phi chi viễn nhi kỳ hưởng tồn dã.*

Phù! Hưởng chi tồn, hình tử nhi thần bất tán. Dụng Cát tuy bất vi dư chi tử, nhi kỳ thần tắc ngã gia chi huyết mạch, cố lưu động hồ khối chỉ, nhi bất khả chung cùng. Dư thập tập kỳ thi, nhan chi viết: Hạc họa dư âm, *ký chi liêm tương, dĩ cung dư nhàn ngoạn, thường nhược Dụng Cát chi quá dư đình dã.*

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ TỰA TẬP HẠC HỌA DƯ ÂM[1]

Tháng cúc nở hoa (tháng chín) năm Quý Sửu (1793), khi ta từ Yên Kinh đi sứ trở về, thì con trai thứ là Dụng Cát đã qua đời vào tháng xương bồ (tháng năm) năm đó. Xót nỗi biệt ly, không được gặp mặt con, bởi bận việc nhà vua, nào dám bỏ vắng. Ta chỉ về qua nhà cũ, khóc lóc được vài tiếng mà thôi. Rồi lại vội vàng kiểm điểm hành trang vào triều kiến Nam kinh,[2] đến cuối mùa xuân năm Giáp Dần (1794), mới được chỉ dụ cho về thăm quê, thì đã đến ngày mãn tang rồi. Sách vở vẫn còn, nhưng người làm ra sách thì một đi không trở lại.

Than ôi! Đau lòng lắm thay! Nhưng không biết làm sao được. Rồi bèn lượm lặt những thơ văn của Dụng Cát chứa cất trong hòm cũ, được hơn 50 bài ngũ ngôn, tự đề tên là *Nga thuật thi cảo*. Lời văn ấy đoạt văn cử nghiệp. Ta xem kỹ thơ đó, thấy vừa ôn hòa mà trang trọng, vừa diễm lệ mà thanh nhã, có được cốt cách của bậc đại gia. Ta bận rộn việc đời, không rỗi mà dạy con, cũng không biết nó học thế nào. Nó đáng là bạn của ta, đâu phải là con của ta! Phúc ấm của ta có nhiều điều không trong sạch, không được kết bạn với nó, nên nó phải bỏ ta mà đi. Nhưng một khi sao văn tinh đã giáng xuống cõi đời, nếu không cho đời dùng mình, cũng nên lộ chút đầu mối, rồi mới về hẳn cõi nguồn gốc của mình. *Kinh Dịch* nói: "Chim bay rồi, còn để lại tiếng hót." Có lẽ tiếng hót để lại đó, dẫu bay xa mà tiếng dội lại của nó vẫn còn.

Ôi! Tiếng tiếng dội lại vẫn còn, thì hình thể dù đã chết, nhưng tinh thần vẫn không bị tán lạc. Dụng Cát tuy không còn làm con của ta, nhưng tinh thần lại là giọt máu của nhà ta, nên cứ chảy mãi không bao giờ cạn. Ta thu lượm số tập thơ còn lại xếp thành tập, đặt tên là *Hạc họa dư âm*, chép vào lụa tốt, để lúc nhàn rảnh ngồi xem, như luôn thấy Dụng Cát đi qua sân ta vậy.[3]

CHÚ THÍCH:

1. Hạc họa dư âm, nghĩa là "Tiếng còn rớt lại của chim hạc họa theo". *Kinh Dịch*, hào *Cửu nhị*, quẻ *Trung phu:* "Hạc minh tại âm, kỳ tử họa chi," nghĩa là: Hạc kêu ở chỗ tối, con nó họa theo. Ý nói: Con cũng noi theo nghề cha.

2. Nam kinh: Kinh đô ở trong Nam, tức kinh đô Phú Xuân, nơi triều đình Tây Sơn đóng đô.

3. Qua sân (quá đình): *Luận ngữ:* "Thường độc lập, lý xu như quá đình, viết học thi

hồ? Đối viết vị đã." Nghĩa là: "Thấy tôi (tức Khổng Tử) thường lúc đứng một mình, Lý tôi rảo bước qua sân, hỏi rằng: Đã học *Kinh Thi* chưa? Tôi thưa rằng chưa học." Ý nói là con học cha.

10. 黃公詩集序

兵、刑、禮、樂聖人之法律在焉。兵法主止齊，刑律主戒禁，禮法主威儀，樂律主聲音，聖人舉以示人，最明白易曉。至於詩之法律，此乃聖人不傳之秘，可以神契而不可以知索也。何以言之？在心爲志，發言爲詩。言之所發，苟無法律，則此心無法律矣。綺艷浮靡之辭，荒寒簫瑟之句，隨觸而發，凡爲能詩者能之，法律不與焉。法律也者，模範乎此心之運是也。觀詩之正風正雅，其言有法律，故樂而不淫，哀而不傷。寫出哀樂之情，不踰哀樂之節，此聖人之言法而心法亦不外是。推之，修，齊，治，平，自有一個法式。詩之功用宏遠乎哉！

吾老友黃公，從事詩書，鳴名京國，自余入侍鸞坡，與公同遊，曾見其詠史及閒詠諸作，游神於千古之上，寄情於雲物之表，固已伯仲屈宋，頡頏沈謝。然特其土苴之發見焉爾。及其沈潛玩味，則字字句句皆有法律。蓋公眞積力久，此有準的，而所學淵源，殆非尋常說詩，可以涉其藩者。余心悅而有得焉。因求公所著諸作，其中法律之易曉者，歸以教其子弟，且見公之心學，眞足以儀後進也。

以公之心術，而有此心法，其於兵，刑，禮，樂乎何有？公方卷而懷之，余故表而出之，使公之所學未盡展于所行者。士之欲行所學，体認於斯，細繹於斯；持心有法，而出言有章，於以律身行己，應事接物，求之有餘師矣。是爲序。

PHIÊN ÂM:

HOÀNG CÔNG THI TẬP TỰ

Binh, hình, lễ, nhạc, Thánh nhân chi pháp luật tại yên. Binh pháp

chủ chỉ tề, hình luật chủ giới cấm; lễ pháp chủ uy nghi, nhạc luật chủ thanh âm, thánh nhân cử dĩ thị nhân, tối minh bạch dị hiểu. Chí ư thi chi pháp luật, thử nãi Thánh nhân bất truyền chi mật, khả dĩ thần khiết, nhi bất khả dĩ trí sách dã. Hà dĩ ngôn chi? Tại tâm vi chí, phát ngôn vi thi. Ngôn chi sở phát, cẩu vô pháp luật, tắc thử tâm vô pháp luật hĩ. Ỷ diễm phù mị chi từ, hoang hàn tiêu sắt chi cú, tùy xúc nhi phát, phàm vi năng thi giả năng chi, pháp luật bất dữ yên. Pháp luật dã giả, mô phạm hồ thử tâm chi vận thị dã. Quan Thi *chi* Chính Phong Chính Nhã, *kỳ ngôn hữu pháp luật, cố lạc nhi bất dâm, ai nhi bất thương. Tả xuất ai lạc chi tình, bất du ai lạc chi tiết, thử thánh nhân chi ngôn pháp nhi tâm pháp diệc bất ngoại thị. Suy chi, tu, tề, trị, bình, tự hữu nhất cá pháp thức. Thi chi công dụng hoằng viễn hồ tai!*

Ngô lão hữu Hoàng Công, tòng sự thi thư, minh danh Kinh quốc, tự dư nhập thị loan pha, dữ công đồng du, tằng kiến kỳ vịnh sử cập nhàn vịnh chư tác, du thần ư thiên cổ chi thượng, ký tình ư vân vật chi biểu, cố kỉ bá trọng Khuất, Tống, hiệt ngoan Thẩm, Tạ. Nhiên đặc kỳ thổ thư chi phát kiến yên nhĩ. Cập kỳ trầm tiềm ngoan vị, tắc tự tự cú cú giai hữu pháp luật. Cái công chân tích lực cửu, thử hữu chuẩn đích, nhi sở học uyên nguyên, đãi phi tầm thường thuyết thi, khả dĩ thiệp kỳ phiên giả. Dư tâm duyệt nhi hữu đắc yên. Cố cầu công sở trước chư tác, kỳ trung pháp luật chi dị hiểu giả, qui dĩ giáo kỳ tử đệ, thả kiến công chi tâm học, chân túc dĩ nghi hậu tiến dã.

Dĩ công chi tâm thuật, nhi hữu thử tâm pháp, kỳ ư binh, hình, lễ, nhạc, hồ hà hữu? Công phương quyển nhi hoài chi, dư cố biểu nhi xuất chi, sử công chi sở học vị tận triển vu sở hành giả. Sĩ chi dục hành sở học, thể nhận ư tư, tế dịch ư tư, trì tâm hữu pháp, nhi xuất ngôn hữu chương, ư dĩ luật thân hành kỉ, ứng sự tiếp vật, cầu chi hữu dư sư hĩ. Thị vi tự.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ TỰA TẬP THƠ HOÀNG CÔNG

Việc binh, hình, lễ nhạc, pháp luật của Thánh nhân đặt ra ở đó: Binh pháp cốt ở ngăn chặn, tề chỉnh; hình luật cốt ở răn giới, cấm kỵ; lễ pháp cốt ở uy nghi, nghiêm chỉnh; nhạc luật cốt ở thanh điệu âm luật, Thánh nhân đem những điều đó ra dạy người, rất là rõ ràng, dễ hiểu. Đến như pháp và luật của thơ, đó là điều huyền bí Thánh nhân không thể truyền lại, ta chỉ có thể hiểu được bằng cái "thần" chứ không tìm bằng cái

"biết" được. Tại sao lại nói như vậy? Vì còn ở trong tâm là "chí," phát ra lời là thơ. Lời nói phát ra nếu không có pháp, có luật, thì cái tâm đó cũng không có pháp có luật. Những lời đẹp đẽ văn hoa, những câu lạnh lùng, hưu hắt, phát ra tùy theo cảm xúc, phàm người sành về thơ mới có thể làm được, nhưng pháp và luật không có ở trong đó. Pháp và luật đúng là khuôn mẫu cho cái tâm vận hành. Xem thể *Chính Phong, Chính Nhã* trong *Kinh Thi*,[1] lời nói ở đó cũng có pháp và luật, cho nên vui mà không quá đắm đuối, thương mà không quá đau xót. Tả được cái tình buồn vui, không vượt quá mức độ buồn vui, đó là ngôn pháp của thánh nhân, mà tâm pháp[2] cũng không ở ngoài cái đó. Suy rộng ra, đến việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ[3] đều có phép tắc riêng. Công dụng của thơ xa rộng lắm thay!

Hoàng công, ông bạn già của tôi, theo đòi sự nghiệp thi thư, lừng danh trong ngoài nước, từ khi tôi vào chầu trong điện, cùng ông chơi bời với nhau, từng được xem những bài vịnh sử và nhàn vịnh của ông, thấy được ở thơ ông cái "thần" dong ruổi trên ngàn xưa, cái "tình" gửi ở ngoài mây khói, thật ngang hàng với họ Khuất, họ Tống,[4] sánh đôi với họ Thẩm, họ Tạ.[5] Nhưng khi phát hiện những chỗ cặn bã và ngồi trầm lặng đọc kỹ, thì thấy từng chữ, từng câu đều có pháp và luật cả. Có lẽ do ông dụng công đã lâu, nên mới có chuẩn mực đó, và sở học của ông có gốc sâu xa, người làm thơ bình thường khó thể đạt tới được. Tôi rất vui và cũng có những điều sở đắc nữa. Cho nên cố ý xin ông những bài thơ đã làm, trong đó bài nào có pháp và luật dễ hiểu, đưa về dạy cho con em, và để tỏ rằng, cái "tâm học" của ông, thực làm khuôn mẫu cho kẻ hậu tiến.

Xét tâm thuật của ông có tâm pháp như thế thì, đem áp dụng với việc binh, hình, lễ, nhạc có khó gì? Ông đương gói lại toan cất đi, ta phải cố ý nêu ra, làm cho cái sở học của ông chưa được phát huy hết, lại được phát huy. Kẻ sĩ muốn thi hành cái sở học của mình, cứ thể nhận ở đó, lần giở ở đó; giữ bản tâm có phép tắc, nói lên cho có văn, rồi từ đấy trau dồi thân mình, ứng tiếp với sự vật, cứ tìm trong đó cũng thừa sức. Thế nên viết lời tựa.

CHÚ THÍCH:

1. *Kinh Thi, Chính Phong, Chính Nhã: Kinh Thi* có 3 tập: *Phong, Nhã, Tụng*. *Phong* nói về phong tục từng nước. *Nhã* nói về chính sự triều chính. *Tụng* là ca tụng công đức của các vua trước. Thơ *Phong, Nhã* lại chia làm *Chính Phong, Chính Nhã* và *Biến Phong, Biến*

Nhã. Chính Phong, Chính Nhã là thơ làm trong lúc nhà Chu đương thịnh, triều chính và phong tục đều lành mạnh. *Biến Phong, Biến Nhã* là thơ làm lúc nhà Chu đã suy, triều chính và phong tục đã thay đổi xấu đi.

2. Ngôn pháp là khuôn phép của lời nói. Tâm pháp là khuôn phép ở trong lòng.

3. Tu, tề, trị, bình: Tức là tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ (sửa mình, sắp đặt việc nhà, trông coi đất nước, bình định thiên hạ).

4. Khuất, Tống: Tức Khuất Nguyên và Tống Ngọc. Tống Ngọc là học trò của Khuất Nguyên, hai người đều giỏi về từ, phú, thời Chiến Quốc. Khuất Nguyên là tác giả thiên Ly tao; Tống Ngọc là tác giả của các bài phú Thần nữ và Cao Đường.

5. Thẩm, Tạ: Tức Thẩm Ước, Tạ Linh Vận, Tạ Huệ Liên, đều là những người có tiếng về thơ đời Nam Triều.

11. 滾郡公致仕詩集序

常謂：賢者致身于熙代，惟兩途兼相將，爲出人經緯之奇才；大夫致事有恒規，即九老會身親賢，實曠古，耆英之韻事。

睠惟台公：坎維毓秀；坤德流英。

端良遹奉徽音，門闕周攀之美；嚴翼夙閑將矩韜鈐方召之猷。

既舞象於成均；遂隨龍於宣室。

椒禁密九宸之邃，中勤早結隆知；隸花分百兩之香，莊敬愈彰賢範。

武選掄才，三鑾疊勝；弁班發軔，間發五遷。

典御林而霜肅旌旗，統御凜丈人之令；條時事而風生翰墨，對揚優儒相之謨。

凝旒之簡注時殷；漸陸之遭逢日密。

府軸郡苴，華章累寵，都富貴而謙卑自牧，不見招權炫大之容；禁幃京鞏嚴鑰專司，應糾紛而調度甚閒。莫爭治劇處繁之敏。

大橫屬經綸好會；前著參帷幄密籌。

再造回日月之光，忠存劉祖；同休鑿山河之約，績邁韓紳。

旋乾既著勳庸；濟蹇重擬手段。

內鎮四城，外撫列郡，垂益底事，兼枭契底官；入參揆席，出董元戎，太公之志，亦周召之治。

舉楫投壺儒流之勇；伐柯繆户智處是忠。

糾摘神而姦伏靡遺，先機帖伏戎于環轂；解舒力而錯槩輒效，勝算清蔓寇於浹旬。

賞牌彰敵愾之殊勞；保牘見去思之遺愛。

權重親軍，三提營印，訓齊孚萬眾之同心；鉞旌得伐兩扈師軺，耆定贊一戎之武烈。

趨赴咸宜於先後；勤勞靡憚於險夷。

按鎮訪察監督守張，以身爲裴度子儀，内外總關酬應；京北山南海陽安廣，在處即朝歌渤海，逋逃汽底襄夷。

朝邊兩策懋勳；社稷重參至計。

阿輔重凝承之任，蒙泉翊正聖功；封典詳監撫之儀，振象扶隆國棟。

以幹猷作股肱心膂；在情義爲父子君臣。

山陵陵襄大禮於景昭；崇游肅五番之廠衛。

家宅豁重門於枭應；閶闔新九陛之丹塗。

忠貞奉以周旋；驅策事無鉅細。

典春省而鑑衡不撓，五色開瑞氣之雲；領閫旌而砲轂無驚，一方潤膏苗之雨。

適用之治才采采；有容之雅度休休。

惟允衛賢宰相而兼官，龍納格堅讒之命；者華式燕將車而説禮，虎形昭象闕之文。

敷施中稔著全才；踐履處具孚峻望。

典宗圖於周譜，正文昭武穆之表儀；司藩屏於湯州，固豐大鎬成之原本。

歸勉弗勞於從事；龍鐘匪懈於急公。

西巡兩度觀風，執掌著居行之績；南伐六師沛雨，鑊鑠多戰勝之勤。

豐功韙烈前後夙彰；曠渥殊霑始終不替。

蓋我后重忠誠之報；而彼天昌平格之耆。

計重臣四朝棨弼咸勤，丹書記此宗功，眞無負鼎鐘之貺；實外家累世忠貞華慶，崧岳降斯碩輔，宜愈光蒲騶之門。

遂成之錦增華；忠信之帆既岸。

九重式黃髮，薪間曲賜俞音；一品沐洪私，優禮直逾常格。

潤澤光承天寵；榮華增貴家休。

元老明農，錦里之旆旌色色；令公有子，彩堂之蘭玉行行。

郁瑞氣於蓮村；耀春輝於松邑。

提劍夷凶之故道，彷彿馬頭；移樽侈壽之新亭，逍遙犢背。

引喬彭之歲月；怡胥葛之精神。

珂笏面前，喬蔭之留不盡；鈞韶耳傍，康衢之樂方濃。

洵戚畹之艷談；實將門之備福。

錦旋之日，有留柬同朝一律溫良著於言表和，樂溢於篇端。職等誼在芦聯，情殷松悅。

酌紫霞而作餞，實慶芳筵；賡白雪以揚輝，用華勝會。

PHIÊN ÂM:

CỔN QUẬN CÔNG TRÍ SĨ THI TẬP TỰ

Thường vị: Hiền giả trí thân vu hi đại, duy lưỡng đồ kiêm tướng tướng, vi xuất nhân kinh vĩ chi kỳ tài; đại phu trí sự hữu hằng qui, tức

cửu lão hội thân thân hiền, thực khoáng cổ, kỳ anh chi vận sự.

Quyển duy đài công: Khảm duy dục tú; Khôn đức lưu anh.

Đoan lương nhĩ phụng huy âm, môn phiệt Chu Phàn chi mỹ; nghiêm dực túc nhàn tương củ thao kiền Phương Thiệu chi du.

Ký vũ tượng ư Thành quân; toại tùy long ư Tuyên thất.

Tiêu cấm mật cửu thần chi thúy, trung cần tảo kết long tri; lệ hoa phân bách lưỡng chi hương, trang kính dũ chương hiền phạm.

Vũ tuyển luân tài, tam loan điệp thắng; biền ban phát nhận, gian phát ngũ thiên.

Điển ngự lâm nhi sương túc tinh kỳ, thống ngự lẫm trượng nhân chi lệnh; điều thời sự nhi phong sinh hàn mặc, đối dương ưu nho tướng chi mô.

Ngưng dục chi giản trú thời ân; tiệm lục chi tao phùng nhật mật.

Phủ trục quận thư, hoa chương lũy sủng, đô phú quí nhi khiêm ti tự mục, bất kiến chiêu quyền huyễn đại chi dung; cấm vi kinh liễm nghiêm thược chuyên ti, ứng củ phân nhi điều độ thậm nhàn, mạc tranh trị kịch xử phồn chi mẫn.

Đại hoàng thuộc kinh luân hảo hội; tiền trước tham duy trướng mật trù.

Tái tạo hồi nhật nguyệt chi quang, trung tồn Lưu đản; đồng hưu tạc sơn hà chi ước, tích mại Hàn thân.

Tuyền càn ký trước huân dung; tế kiển trùng hộ thủ đoạn.

Nội trấn tứ thành, ngoại phủ liệt quận, Thùy Ích để sự, kiêm Cao Tiết để quan; nhập tham quĩ tịch, xuất đống nguyên nhung, Thái công chi chí, diệc Chu Thiệu chi trị.

Cử tiếp đầu hồ nho lưu chi dũng; phạt kha mâu hộ trí xử thị trung.

Củ trích thần nhi gian phục mị di, tiên cơ thiếp phục nhung vu hoàn cốc; giải thư lực nhi thố bàn triếp hiệu, thăng toán thanh mạn khấu ư hiệp tuần.

Thưởng bài chương địch khái chi thù lao; bảo độc kiến khứ tư chi di ái.

Quyền trọng thân quân, tam đề doanh ấn, huấn tề phu vạn chúng

chi đồng tâm; việt mao đắc phạt lưỡng hỗ sư thiều, kỳ định tán nhất nhung chi vũ liệt.

Xu phó hàm nghi ư tiên hậu; cần lao mị đạn ư hiểm di.

An trấn Phỏng sát Giám đốc Thủ trương, dĩ thân vi Bùi Độ, Tử Nghi, nội ngoại tổng quan thù ứng; Kinh Bắc, Sơn Nam, Hải Dương An Quảng, tại xứ tức Triêu Ca Bột Hải, bô đào khí để tương di.

Triều biên lưỡng sách mậu huân; xã tắc trùng tham chí kế.

A phụ trùng ngưng thừa chi nhậm, Mông tuyền dực chính thánh công; phong điển tường giám phủ chi nghi, chấn tượng phù long quốc đống.

Dĩ cán du tác cổ quăng tâm lữ; tại tình nghĩa vi phụ tử quân thần.

Sơn lăng lăng tương đại lễ ư Cảnh Chiêu; sùng du túc ngũ phiên chi Khâm vệ.

Gia trạch hoạt trùng môn ư Cao Ứng; Xương Hạp tân cửu bệ chi đan đồ.

Trung trinh phụng dĩ chu tuyền; khu sách sự vô cứ tế.

Điển Xuân sảnh nhi giám hành bất nhiễu, ngũ sắc khai thuy khí chi vân; lĩnh khổn mao nhi pháo cốc vô kinh, nhất phương nhuận cao miêu chi vũ.

Thích dụng chi trị tài thái thái; hữu dung chi nhã đạc hưu hưu.

Duy doãn vệ hiền Tể tướng nhi kiêm quan, long nạp cách tức sàm chi mệnh; giả hoa thức yến, tướng xa nhi thuyết lễ, hổ hình chiêu tượng khuyết chi văn.

Phu thi trung nẫm trước toàn tài; tiễn lý xứ cụ phu tuấn vọng.

Điển tông đồ ư Chu phả, chính văn chiêu vũ mục chi biểu nghi; ty phiên bình ư Thang Châu, cố Phong đại Cảo thành chi nguyên bản.

Qui miễn phất lao ư tòng sự; long chung phỉ giải ư cấp công.

Tây tuần lưỡng độ quan phong, ương chưởng trước cư hành chi tục; Nam phạt lục sư bái vũ, cược thước đa chiến thắng chi cần.

Phong công vĩ liệt tiền hậu túc chương; khoáng ốc thù triêm thủy chung phất thế.

Cái ngã hậu trọng trung thành chi báo; nhi bỉ thiên xương bình cách chi kỳ.

Kế trọng thần tứ triều phỉ bật hàm cần, đan thư ký thử tông công, chân vô phụ đỉnh chung chi huống; thực ngoại gia luỹ thế trung trinh hoa khánh, tùng Nhạc giáng tư thạc phụ, nghi dũ quang bồ tứ chi môn.

Toại thành chi cẩm tăng hoa; trung tín chi phàm ký ngạn.

Cửu trùng thức hoàng phát, tân nhàn khúc tứ du âm; nhất phẩm mộc hồng tư, ưu lễ trực du thường cách.

Nhuận trạch quang thừa thiên sủng; vinh hoa tăng bí gia hưu.

Nguyên lão minh nông, cẩm lý chi bái tinh sắc sắc; lệnh công hữu tử, thái đường chi lan ngọc hành hành.

Úc thụy khí ư Liên thôn; diệu xuân huy ư tùng ấp.

Đề kiếm di hung chi cố đạo, phảng phất mã đầu; di tôn xỉ thọ chi tân đình, tiêu dao độc bối.

Dẫn Kiều Bành chi tuế nguyệt; di Tư Cát chi tinh thần.

Kha hốt diện tiền, kiều ấm chi lưu bất tận; cân thiều nhĩ bạng, khang cù chi lạc phương nồng.

Tuần Thích uyển chi diễm đàm; thực tướng môn chi bị phúc.

Cẩm tuyền chi nhật, hữu lưu gián đồng triều nhất luật ôn lương trước ư ngôn biểu họa, lạc dật ư thiên đoan. Chức đẳng nghị tại duẩn liên, tình ân tùng duyệt.

Chước tử hà nhi tác tiễn, thực khánh phương diên; canh bạch tuyết dĩ dương huy, dụng hoa thắng hội.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ TỰA TẬP THƠ TRÍ SĨ CỦA CỔN QUẬN CÔNG

(THỂ BIỀN NGẪU)

Từng bảo: Bậc hiền giả xuất thân ở triều đại sáng sủa, duy có vị kiêm cả hai ban văn vũ, mới đủ tài năng kỳ lạ, ngang dọc hơn người; quan đại phu về hưu có quy chế thông thường, tức như họp những bạn cựu lão[1] hiền lương, thật là vận sự vẻ vang, tuổi già hiếm có.

Quý đài: Bẩm sinh ở phương Bắc; đức sánh như quẻ Khôn.[2]

Hiền từ vẫn nức tiếng khen, nhà thế phiệt cùng Chu Phàn[3] tốt

đẹp; nghiêm kính sớm quen nghề võ, tài lược thao như Phương Thiệu[4] rỡ ràng.

Đã múa voi ở chốn Thành quân;[5] lại theo rồng tại nhà Tuyên thất.[6]

Hầu tiêu cấm[7] chín lần cung thẳm, dạ trung cần sớm được vua yêu; chia lệ hoa[8] trăm lạng hương thơm, niềm trung kính tỏ khuôn hiền đẹp.

Kén tài vũ lược, ba trận thắng luôn; tiến bước biền ban[9], cách năm chuyển mãi.

Coi ngự lâm[10] mà cờ quạt ngậm khí sương nghiêm túc, lệnh trượng phu thống lĩnh hùng hào; bàn thời cơ mà bút nghiên nổi trận gió thanh tao, mưu nho tướng giãi bầy hoạt bát.

Ơn quyến chú thời thường mật thiết; bước tao phùng ngày một hanh thông.

Nào phủ, quận, lên xe xuống dép, mấy độ cổn ba, quên giàu sang mà tự giữ khiêm cung, chẳng lộ vẻ uy quyền hống hách; nào cấm, kinh, ra cáng vào mành, chuyên tay then khóa, gặp bề bộn mà điều hòa nhàn rảnh, chẳng đem hơi phiền náo đua tranh.

Hội kinh luân thuộc bậc đại tài; mưu màn trướng tỏ tay tiền tiến.

Cuộc tái tạo xoay vừng nhật nguyệt, tay áo giơ, trung với Lưu xưa[11] nghĩa đồng hưu[12] trọng ước sơn hà,[13] dải đai rủ, công hơn Hàn cũ.[14]

Chuyển trời từng tỏ sức; dẹp nạn vẫn ra tay.

Bốn thành trong trấn, các quận ngoài trông, việc Ích, Thùy, mà ngôi quan Cao với Tiết[15]; mưu kế nào bàn, quân nhung ra nắm, chí Thái công, mà chính trị Thiệu cùng Chu.[16]

Vừa gõ mái,[17] vừa reo hò,[18] cả nho lẫn dũng; nào chặt cành[19] nào dọi ngõ,[20] kiêm trí cùng trung.

Tra xét tinh, mà gian tà trốn tránh không nơi, bọn phục nhung[21] quét sạch quanh xe, cơ thần khó tả; giải quyết khéo, mà dẫn dắt xong xuôi mọi chốn, lũ man khấu[22] dẹp quang mấy buổi, chước lạ khôn lường.

Chiếc thưởng bài[23] đền sức mệt buổi bình nhung;[24] tờ bảo độc[25] tỏ tình yêu khi tạm biệt.

Quân thân vệ cầm quyền rất trọng, doanh đại tướng ba lần giữ ấn,

huấn luyện cho binh sĩ cùng lòng; tay búa cờ đi dẹp đôi nơi, xe quân vương hai độ theo hầu, bình định giúp võ công lừng tiếng.

Đi lại trước sau vẫn hợp; nhọc nhằn hiểm trở không nề.

Khi An trấn, khi Phỏng sát, khi Giám đốc, khi Thủ trương, đặt mình làm Bùi Độ,[26] Tử Nghi,[27] cuộc ứng tiếp trong ngoài quan hệ; lúc Kinh Bắc, lúc Sơn Nam, lúc Hải Dương, lúc An Quảng, khắp chốn nảy Triêu Ca[28] Bột Hải,[29] cảnh bình di,[30] trốn tránh đâu còn.

Triều, biên, đôi chốn tỏ huân lao; xã tắc bao phen bàn kế hoạch.

Gánh ngưng thừa nặng ngôi A phụ[31] giúp thánh công nổi tiếng Mông tuyền;[32] lễ giám phủ[33] tỏ buổi bao phong,[34] phò quốc vận trổ tài chấn tượng.[35]

Dùng mưu lược làm cổ quăng tâm phúc; theo nghĩa tình là phụ tử quân thần.

Nơi Cảnh Chiêu, từng giúp lễ đại táng sơn lăng;[36] đội Khâm vệ kính đón trải năm phen du ngoạn.

Gia môn mở rồng tầng Cao Ứng;[37] Xương Hạp[38] tươi mọi sắc vàng sơn.

Lòng trung trinh vẫn giữ chu tuyền; việc khu xử không nề lớn nhỏ.

Giữ Xuân sảnh[39] mà chọn dùng không lộn xộn, mây lành năm vẻ lửng lơ bay; lĩnh khổn mao[40] mà súng đạn chẳng ồn ào, mưa ngọt một khu hòa dịu tưới.

Đẹp đẽ tài năng sử dụng; tốt lành độ lượng bao dung.

Đem lòng thành hộ vệ người hiền, Tể tướng mà chức khác cùng kiêm, giúp long nạp[41] vít lời sàm báng; chỉ hoa vàng đặt bầy tiệc yến,[42] Tướng quân mà bàn việc lễ, soi hổ văn[43] rạng cửa triều đình.

Tay thi vi tường tỏ tài ba; bước tiễn lý đủ nêu danh vọng.

Đồ phả giúp nhà Chu miếu[44] văn chiêu võ mục, tỏ rõ đôi hàng; dậu phên cõi ngoài chốn Thang Châu, [45] Phong tước Cảo sau,[46] vững bền cội rễ.

Vẫn cố gắng, việc làm không ngại khó; dẫu suy tàn, công sự chẳng chây lười.

Xe quan phong[47] hai độ Tây tuần, mỏi mệt nhỉ, theo hầu khắp

chốn; trận bái vũ[48] sáu quân Nam phạt, quắc thước thay, thắng lợi nhiều phen.

Nghiệp lớn công cao, trước sau rõ rệt; ơn sâu trạch rộng, mới cũ tràn trề.

Có lẽ vua ta nặng tình báo đáp với bậc trung thành; mà khiến trời kia thêm tuổi lâu dài cho người bình tĩnh.

Trải bốn triều giúp đỡ, bậc trọng thần tỏ bầy mẫn cán, công lớn nọ sử son ghi chép, nền đỉnh chung chỉ phụ ban ơn; bao thế hệ trung trinh, cảnh ngoại gia[49] tụ họp phúc lành, tài cao kia non Nhạc giáng sinh[50] cửa bồ tứ[51] nên càng rạng vẻ.

Gấm toại thành[52] thêu hoa rực rỡ; buồm tín trung tới bến xong xuôi.[53]

Lượng cửu thiên cảm tới tuổi già, chiếu tạm cấp về quê nhàn dưỡng; hàm nhất phẩm riêng nhuần ơn lớn, cách phi thường tỏ lẽ ưu dung.

Nhuận trạch thêm, trên đội ơn trời; vinh hoa mãi, trong nhờ phúc tổ.

Vị nguyên lão rõ nghề làm ruộng, làng gấm thêu vẻ vẻ quạt cờ;[54] bậc lệnh công vui có con hiền, nhà văn vẻ hàng hàng lan ngọc.[55]

Chốn tùng ấp vẻ xuân rạng rỡ; miền Liên thôn khí lạ lan tràn.

Đầu ngựa kia phảng phất chưa quên, nơi đường cũ vung gươm thần giết giặc; lưng nghé nọ tiêu dao là thú, chốn tân đình đưa chén thọ mừng xuân.

Kéo dài năm tháng Kiều Bành;[56] vui chứa tinh thần Tư Cát.[57]

Trước mặt bài ngà hốt ngọc, bóng cây cao để lại khôn cùng; bên tai tiếng nhạc cung thiều, đường ngã bốn thú vui đương đậm.[58]

Truyện Thích uyển[59] tin là tốt đẹp; phúc tướng môn thật đã chu toàn.

Ngày quý đài áo gấm về làng, có để lại bạn đồng triều một bài thơ, ôn hậu thuần lương thể hiện ở ngoài lời nói, hòa nhã vui vẻ tràn trề ở ngay đầu thiên. Bọn tôi nào nghĩa đồng liêu,[60] nào tình cộng tác.[61]

Rót chén tử hà[62] mà tiễn biệt, tiệc ngọc đầy vui; nối vần bạch

tuyết [63] mà kính mừng, hội may thêm đẹp.

CHÚ THÍCH:

1. Cửu lão: Đời Đường, Bạch Cư Dị khi về hưu cùng 9 ông già lập hội Hương Sơn. Trọng tuổi cao chứ không chuộng tước cao.

2. Quẻ *Khôn, Kinh Dịch* nói: Khôn hậu tải vật, đức hợp vô cương (Đất dầy chở muôn vật, đức hợp mãi không cùng).

3. Chu, Phàn: Chu Bột người ấp Bái, cùng quê với Hán Cao Tổ, giúp Cao Tổ định thiên hạ, được phong là Giáng hầu. Sau họ Lã phản nhà Hán, ông giết cả họ Lã, rước vua Văn Đế từ đất Đại trở về nối ngôi, nhà Hán nhờ đó được bảo toàn. Phàn Khoái cũng người ấp Bái, theo Hán Cao Tổ giết Hạng Vũ được phong là Vũ Vương hầu.

4. Phương, Thiệu: Phương Thúc là hiền thần đời Chu Tuyên Vương. Rợ Kinh Man làm phản, ông phụng mạng đi đánh; Kinh Man đầu hàng. *Kinh Thi* khen: Phương Thúc nguyên lão, khắc tráng kỳ du (Phương Thúc là bậc nguyên lão, mưu mô rất hùng tráng).

Thiệu Công Thích cũng gọi là Thiệu Khang Công, hay Thiệu bá. Ông thường ban bố chính sách tốt ở nước phương nam, thường vẫn nghỉ ngơi ở dưới gốc cam đường. Khi mất, nhân dân nhớ thương, nhân làm ra thơ Cam đường.

5. Thành quân: Trường đại học đời cổ.

6. Tuyên thất: Một cung trai giới ở đời Hán, làm ở trước điện Vị Ương. Sau thường dùng để chỉ vào nhà tuyên bố chính sách.

7. Tiêu cấm, tức là Tiêu phòng, phòng Hoàng hậu ở, dùng hồ tiêu tán nhỏ trộn với hồ, trát vào tường để giữ hơi ấm, vì thế gọi là tiêu phòng, ngoài bọn hoạn quan ra, cấm không ai được vào, nên gọi là tiêu cấm. Có từ triều Hán.

8. Lệ hoa: Hoa cây đường lệ, *Kinh Thi, Tiểu nhã:* Đường lệ chi hoa, ngạc bất vi vi, phàm kim chi nhân, mạc như huynh đệ (Hoa cây đường lệ, sao chẳng tươi tốt; phàm người đời nay, không gì bằng anh em). Là nhạc chương hát khi anh em yến ẩm.

9. Biển ban, cũng như võ ban.

10. Ngự lãm, vườn thượng uyển của vua.

11. Đời Hán, Chu Bột toan giết họ Lã để khôi phục họ Lưu, nhưng sợ lòng dân không theo, bèn ra lệnh cho quân rằng: Ai về phe họ Lưu thì vén tay áo bên tả lên (tả đản)? Lúc đó tất cả quân lính đều vén tay áo bên tả lên cả, vì thế giết được họ Lã mà khôi phục được nhà Hán. Đời sau thường dùng hai chữ "tả đản" là nghĩa bênh vực.

12. Đồng hưu, là cùng hưởng phúc lành.

13. Ước sơn hà, Hán Cao Tổ thề ước với công thần: Thái Sơn như đối, Hoàng Hà như lệ, quốc dĩ vĩnh tồn, viên cập miêu duệ (Núi Thái Sơn mòn chỉ còn bằng hòn đá mài, Hoàng hà cạn chỉ còn bằng chiếc dây lưng. Song nước nhà vẫn còn lâu dài, vẫn kịp đến mãi đời con cháu).

14. Hàn, có lẽ là Hàn Tín, Đại tướng đời Hán Cao Tổ.

15. Ích, Thùy, Cao, Tiết. Bốn vị danh thần đời Nghiêu Thuấn.

16. Thái Công Vọng, Thiệu Công Thích, Chu Công Đán, đều là danh thần đời Chu.

17. Gõ mái chèo: *Tấn thư*, Tổ Địch qua sông, khi tới giữa dòng, gõ mái chèo mà thề rằng: "Tổ Địch này nếu chưa quét sạch giặc dã ở Trung Nguyên, mà lại trở về qua đây, thì cũng như dòng sông này," ý nói cũng chết theo dòng sông.

18. Reo hồ: Đời cổ khi chủ khách yến ẩm, muốn bầy trò vui, đặt một chiếc hồ (ống) ở đằng xa, chủ và khách đổi nhau ném mũi tên vào, ai ném trúng vào trong chiếc hồ, thì rót rượu bắt người không trúng phải uống, tức là uống rượu phạt, trò chơi này gọi là "đấu hồ," các văn thần thường chơi.

19. Chặt cành, nguyên văn "phạt kha." *Kinh Thi*, thơ *Mân phong*: Phạt kha như hà, phi phủ bất đắc; Thứ thê như hà, phi môi bất đắc (Chặt cành cây phải sao? Không có búa không được! Lấy vợ phải sao? Không có mối không được), ý nói phải có mưu chước.

20. Dọi cửa ngõ; Nguyên văn "mâu hộ." *Kinh Thi*, thơ *Chi hào*: Đãi thiên chi vị âm vũ, tiệt bỉ tang đỗ, trù mâu đũ hộ (Đợi khi trời chưa mưa dầm, chặt gốc dâu kia, dặm dọi cửa sổ và cổng ngõ). Ý nói đề phòng trước khi việc xảy ra.

21. Phục nhung, bọn giặc mai phục.

22. Man khấu, bọn giặc còn dây dưa mãi.

23. Thưởng bài, chiếc thẻ bài ban khen.

24. Bình nhung, dẹp tan giặc .

25. Bảo độc, chưa hiểu nghĩa. Có lẽ một bức thư bảo toàn cho được nghỉ ngơi.

26. Bùi Độ, người đời Đường Hiến Tông có công dẹp bọn Hoài Thái, được phong Tấn quốc công, ở triều nói thẳng và nói hết, khoảng 30 năm thờ nước. Sau vì bọn Yêm hoạn chuyên quyền, tự xin rút lui, làm nhà riêng ở Đông Đô, gọi là Lục Dã đường.

27. Quách Tử Nghi, một danh tướng đời Đường Huyền Tông, gánh an nguy cho thiên hạ hơn 20 năm, quan tới Thái uý trung thư lệnh, tước Phần Dương Vương.

28. Triêu Ca, chúa Trụ đóng đô ở đó. Khi Vũ Vương đã đổi Ân sang Chu, dân Triêu Ca vẫn không phục.

29. Bột Hải, vùng biển giáp giới với quần đảo Liêu Đông và Sơn Đông, hình thể hiểm trở, gặp năm đói, giặc cướp thường tụ họp. Hán Tuyên sai Cung Toại ra làm Thái thú, cảm đức chính của ông, giặc cướp xin đầu hàng, bán hết gươm giáo sắm trâu cầy bừa làm ruộng, biến thành dân lương thiện.

30. Nguyên văn "tương di," làm cho bằng phẳng.

31. A phụ là giúp đỡ; ngưng thừa như là thuận thừa.

32. Mông tuyền, *Kinh Dịch*, Đại tượng quẻ *Mông* nói: Sơn hạ xuất tuyền Mông (Dưới núi chảy ra suối, là hình tượng quẻ Mông). Lời Thoán nói: Môn đĩ dưỡng chính, thánh công dã (Theo như suối chảy ở quẻ Mông mà nuôi tấm lòng chân chính, đó là công thánh nhân vậy).

33. Giám phủ, trông coi võ về.

34. Nguyên văn "phong điển", ơn điển về việc phong tặng.

35. Chấn tượng, hình tượng quẻ Chấn. *Kinh Dịch* quẻ *Chấn* nói: Nghe tiếng sét vang tới, sợ hãi, sẽ được phúc lành... ra ngoài có thể giữ yên tôn miếu xã tắc.

36. Sơn lăng, tiếng gọi phần mộ nhà vua. Cảnh Chiêu có lẽ là tên đất.

37. Cao Môn, Ứng Môn, hai tên cửa kinh thành.

38. Một tên cửa lớn của nhà vua.

39. Xuân sảnh cũng như Xuân quan, một quan trong sáu quan đời Chu (Thiên, địa, xuân, thu, đông) tức đời sau gọi là Bộ Lễ.

40. Khổn mao, cờ tiết mao của tướng cầm quân.

41. Long nạp, nhà vua nhận lời can.

42. Nguyên văn "giả hoa thức yến" *Kinh Thi,* thiên *Tiểu nhã;* Hoàng hoàng giả hoa, vu bỉ nguyên thấp (Rực rỡ bông hoa, nảy ở bãi ruộng ẩm thấp), đó là bài thơ sai sứ, sau khi đãi yến.

43. Hổ văn, nguyên văn "hổ hình", hình con hổ, ý nói như Hổ thần, vị võ thần mạnh như hổ.

44. Chu miếu, tông miếu nhà Chu, tức tông miếu nhà vua.

45. Thang Châu, cũng như Thang mộc ấp, nơi cố hương của nhà vua.

46. Phong, Cảo, nhà Chu phát tích ở đất Mân, rồi rời đi Kỳ Sơn và ấp Phong lại đóng đô ở đất Cảo.

47. Quan phong, nhà vua đi tuần du các địa phương để xem xét phong tục.

48. Bái vũ, đổ mưa xuống.

49. Ngoại gia, nhà họ ngoại.

50. *Kinh Thi:* Trùng cao duy nhạc, duy nhạc giáng thần, sinh Phủ cập Thân, sinh Thân cập Phủ (cao vút là núi, núi tự giáng thần, sinh ông Phủ và ông Thân, sinh ông Thân và ông Phủ).

51. Bồ tứ, Bồ xa tứ mã, tức là xe ngựa. Đời xưa vua đi làm lễ phong thiện, bánh xe thường quấn cỏ xương bồ để đi cho êm, nên gọi là bồ xa. Tứ mã là 4 con ngựa kéo một chiếc xe, nên gọi là tứ mã.

52. Toại thành, tức "Công thành danh toại," nói tắt.

53. Trung tín: Đời Tống, Đường Giới vì thẳng thắn can vua, bị biếm ra Anh Châu. Khi vượt sông Hoài đến giữa dòng, bỗng gặp sóng to dữ dội, cả thuyền đều sợ dắm. Giới vững vàng ngồi giữa thuyền ngâm câu: 'Triều Thánh Tông ta, không phải như vua Sở điên cuồng, sông Thanh Hoài đây khác hẳn sông Mịch La; Bình sinh giữ vững niềm tín, sóng gió ngày nay có hề gì." Chiều hôm đó sang tới bờ nam, cả thuyền ai cũng vui mừng.

54. Làng gấm thêu, nguyên văn là "Cẩm lý." Sách *Hoa Dương quốc chí* nói: "Ở nam thành có sông Cẩm giang, những nhà dệt gấm thường giặt ở sông đó, thì gấm đẹp thêm mầu, nên khu đó gọi là Cẩm lý." Đời sau làng nào có nhiều quan cũng gọi là Cẩm lý.

55. Chi lan, ngọc thụ, ví với con nhà anh em hiển đạt. *Tấn thư:* Quan Thái bảo Tạ An thường răn bảo các cháu (con các anh em) nhân nói: "Các con em không phải dự bàn nhân sự, miễn sao con người tốt là được." Cả bọn không ai nói gì, duy có Tạ Huyền nói ngay: "Ví như chi lan ngọc thụ (cỏ lan, cây ngọc), muốn cho mọc ở thềm chái mà thôi." Sau nước có loạn Bồ Kiên, Tạ An cử Huyền đem tám nghìn quân tinh nhuệ đánh tan được quân Bồ Kiên hơn một trăm vạn ở Phì Thủy, được phong tới Tiền tướng quân.

56. Vương Kiều, Bành Tổ hai người sống lâu trên tám trăm năm trở lên, Vương Kiều sau cưỡi hạc bay đi mất.

57. Tư, Cát: Xích Tỉ thị và Cát Thiên thị, hai họ được hưởng thái bình vô sự nhất ở đời thái cổ.

58. Đường ngã bốn, nguyên: "khang cù." *Sử ký*: Vua Nghiêu trị thiên hạ đã 50 năm, chưa biết dân đã thái bình chưa. Nhân cải trang đi chơi, qua chốn khang cù (đường ngã tư) nghe bọn trẻ hò hát..., một ông cụ già cùng bọn trẻ đánh khăng vui chơi.

59. Thích uyển là họ ngoại.

60. Đồng liêu là bạn cùng làm quan. Nguyên văn: "Nghị tại duẩn liên," nghĩa cùng ở hàng măng. Ý nói nhân tài làm quan nhiều như hàng măng cùng đứng.

61. Cộng tác là cùng làm việc, nguyên văn: "Tình ân tùng duyệt" mối tình ân cần cùng cây tùng vui mừng. Ý nói bạn với nhau cùng vui mừng , do cổ nhân có câu; "Bách mậu nhi tùng duyệt" (柏茂而松悅) (Cây bách tốt mà cây tùng vui mừng).

62. Tử hà chén rượu thọ.

63. Bạch tuyết, Dương xuân, hai điệu thơ cao nhất, không ai họa được.

12. 星槎紀行序

古今文章，得稱家者爲難，得稱大家者爲尤難。大家者持世機杼之謂。有錦繡之機杼，有布帛之機杼。然錦繡之流或爲史，布帛之流或爲野。可謂之文章家，不可謂之大家。

文章家能持其世者，不一而足。詩、賦、歌、行、辨、論、記、誌、序、跋、解、釋、駢偶、散行，蘊之於心術，發之於詞章，有如錦繡之悅人目，布帛之適人体，是爲文章家。其中能興起人能感發人，則莫大呼詩。故於詩專乎爲家。

我越以文獻立國。詩胎于李，盛于陳，大發揚于皇黎洪德間。一部全越詩古体，不讓漢晉；近体不讓唐、宋、元、明；戛玉，敲金

眞可稱詩國。就中求其機杼大段，可稱詩家者蔡呂唐、白雲庵諸公。此外茫乎渺矣！

暨夫皇黎中興以後，各家之詩雜見於使華諸作。其或尋幽訪古，觸景生情，去國懷鄉，因事道意。殘膏賸馥，可以澤丐後人。至於錦繡而不史，布帛而不野，則惟星槎紀行集。蓋巧笑美目之素者歟？

是集乃侍中御史潘台公奉使祝嘏年所作。公以會元冠翰苑，家世爲名進士，文章機杼得諸先宰相致仕大人所傳。其爲文貴典雅渾厚，以實踐作骨子，稍以綺羅繡縫之。爲詩亦然。涉程朱之藩，而踰屈，宋之閫，入尹、旦之室，而超李，杜之衢如錦繡布帛用無不宜。始中古以來，我國文章大家罕有而僅見焉也。

拙與公有年眷之誼，少同遊，壯同升，素服公之文章，於典雅渾厚中有綺麗在。間或不揣，自以爲過之，靜思實不及也。迨見是集，悅服不已。毋論字、句、韻、格，超凡入雅。且看古來，避世天子；誰如趙尉陀？公過趙都有句云："故知皇帝賢天子，誰禁蠻夷長老夫"，更有誰人道得？又看，古來善泣大丈夫，誰如白居易？公望琵琶亭有句云："九江煙水多遷客；千古風流獨短亭"，更有誰人道得？又看，天地間非言非默底物事，誰如江山？公過河南有句云："河五百年空此笑；山三萬歲忽能言"，更有誰道得？若乃"婺婦周恤杞梁城壞"，"碩人舞邶"，"盆鼓莊周之歌"則"同鷁一人"，"清霄獨懷慚"之句，溫厚慷慨之意，溢於言表，非惟他人道也不得。夫！如是乃可以言詩，乃可以言詩家，乃可以言大家之詩。拙曾奉使燕臺，有華程詩賦抄一集，今見公詩，連拙集亦不敢以問世矣。

庚申初春入覲，公以所作，使拙批閱，是有難下筆處。蓋公之

文字，同輩推爲法手，近來上達宸知，聲價增重。奉我皇上，聖學高明，宸奎煥發。拙常被召入大內，上諭及文章，獎公詩文有氣骨。拙問有酬奉，上輒問：此字句公意以爲何如？蓋深以程度許之。內閣文衡，九重睿藻已定，尋常點閱，何敢復贅。

第既玩訟是集，不能無言。因僭弁其綜于端。竊以爲詩三百篇，一言以蔽之曰："思無邪"。公詩八十五首，一言以蔽之曰："得無邪之思"。

忝年眷侍中大學士晴派侯吳時任希尹甫拜序。

PHIÊN ÂM:

TINH SÀ KỈ HÀNH TỰ

Cổ kim văn chương, đắc xứng gia giả vi nan, đắc xứng đại gia giả vi vưu nan. Đại gia giả trì thế cơ trữ chi vị. Hữu cẩm tú chi cơ trữ, hữu bố bạch chi cơ trữ. Nhiên cẩm tú chi lưu hoặc vi sử, bố bạch chi lưu hoặc vi dã. Khả vị chi văn chương gia, bất khả vị chi đại gia.

Văn chương gia năng trì kỳ thế giả, bất nhất nhi túc. Thi, phú, ca, hành, biện, luận, ký, trí, tự, bạt, giải, thích, biền ngẫu, tản hành, ổn chi ư tâm thuật, phát chi ư từ chương, hữu như cẩm tú chi duyệt nhân mục, bố bạch chi thích nhân thể, thị vi văn chương gia. Kỳ trung năng hưng khởi nhân, năng cảm phát nhân, tắc mạc đại hồ thi. Cố ư thi chuyên hồ vi gia.

Ngã Việt dĩ văn hiến lập quốc. Thi thai vu Lý, thịnh vu Trần, đại phát dương vu Hoàng Lê Hồng Đức gian. Nhất bộ Toàn Việt thi *cổ thể, bất nhượng Hán Tấn; cận thể bất nhượng Đường, Tống, Nguyên, Minh; dặc ngọc, xao kim chân khả xứng "thi quốc." Tựu trung cầu kỳ cơ trữ đại đoạn, khả xứng thi gia giả Thái Lã Đường, Bạch Vân Am chư công. Thử ngoại mang hồ diểu hĩ!*

Khái phù Hoàng Lê trung hưng dĩ hậu, danh gia chi thi tạp kiến ư sử hoa chư tác. Kỳ hoặc tầm u phỏng cổ, xúc cảnh sinh tình, khứ quốc hoài hương, nhân sự đạo ý. Tàn cao thắng phức, khả dĩ đạm cái hậu nhân. Chí ư cẩm tú nhi bất sử, bố bạch nhi bất dã, tắc duy Tinh sà kỷ hành tập. *Cái xảo tiếu mỹ mục chi tố giả dư ?*

Thị tập nãi Thị trung Ngự sử Phan Thai công phụng sứ chúc hỗ niên sở tác. Công dĩ Hội nguyên quan hàn uyển, gia thế vi danh Tiến sĩ, văn chương cơ trữ đắc chư tiên Tể tương trí sĩ đại nhân sở truyền. Kỳ vi văn quý điển nhã hồn hậu, dĩ thực tiễn tác cốt tử, sảo dĩ ỷ la nhĩ phùng chi. Vi thi diệc nhiên. Thiệp Trình Chu chi phiên, nhi du Khuất, Tống chi phạt, nhập Doãn, Đán chi thất, nhi siêu Lý, Đỗ chi cù như cẩm tú bố bạch dụng vô bất nghi. Thuỷ trung cổ dĩ lai, ngã quốc văn chương đại gia hãn hữu nhi cẩn kiến yên dã.

Chuyết dữ công hữu niên quyến chi nghi, thiếu đồng du, tráng đồng thăng, tố phục công chi văn chương, ư điển nhã hồn hậu trung hữu ỷ lệ tại. Gián hoặc bất xuyến, tự dĩ vi quá chi, tĩnh tư thực bất cập dã. Đãi kiến thị tập, duyệt phục bất dĩ. Vô luận tự, cú, vận, cách, siêu phàm nhập nhã. Thả khán cổ lai, tị thế thiên tử, thuỳ như Triệu Uý Đà? Công quá Triệu đô hữu cú vân: "Cố tri hoàng đế hiền thiên tử; thùy cấm man di trưởng lão phu,"cánh hữu thùy nhân đạo đắc? Hựu khán, cổ lai thiện khấp đại trượng phu, thùy như Bạch Cư Dị? Công vọng Tì Bà đình hữu cú vân: "Cửu Giang yên thuỷ đa thiên khách; thiên cổ phong lưu độc đoản đình," cánh hữu thùy nhân đạo đắc ? Hựu khán, thiên địa gian phi ngôn phi mặc để vật sự, thùy như giang sơn? Công quá Hà Nam hữu cú vân: "Hà ngũ bách niên không thử tiếu; Sơn tam vạn tuế hốt năng ngôn,"cánh hữu thùy đạo đắc? Nhược nãi "Li phụ chu tuất Kỷ Lương thành hoại," "Thạc nhân vũ bỉ," "Bồn cổ tráng Chu chi ca" *tắc "Đồng minh nhượng nhất nhân," "Thanh tiêu độc hoài tàm" chi cú, ôn hậu khảng khái chi ý, ích ư ngôn biểu, phi duy tha nhân đạo dã bất đắc. Phù, như thị nãi khả dĩ ngôn thi, nãi khả dĩ ngôn thi gia, nãi khả dĩ ngôn đại gia chi thi. Chuyết tằng phụng sứ Yên Đài, hữu* Hoa trình thi phú sao *nhất tập, kim kiến công thi, liên chuyết tập diệc bất cảm dĩ vấn thế hĩ.*

Canh Thân sơ xuân nhập cận, công dĩ sở tác, sử chuyết phê duyệt, thị hữu nan hạ bút xứ. Cái công chi văn tự, đồng bối suy vi pháp thủ, cận lai thượng đạt thần tri, thanh giá tăng trọng. Phụng ngã hoàng thượng, thánh học cao minh, thần khuê hoán phát. Chuyết thường bị triệu nhập Đại nội, Thượng dụ cập văn chương, tưởng công thi văn hữu khí cốt. Chuyết gian hữu thù phụng, Thượng triếp vấn: "Thử tự cú công ý dĩ vi hà

như," cái thâm dĩ trình độ hứa chi. Nội các văn hành, cửu trùng duệ tảo dĩ định, tầm thường điểm duyệt, hà cảm phục chuế.

Đệ ký ngoạn tụng thị tập, bất năng vô ngôn. Nhân tiếm biền kỳ tông vu đoan. Thiết dĩ, vi Thi tam bách thiên, nhất ngôn dĩ tế chi viết: "Tư vô tà."Công thi bát thập ngũ thủ, nhất ngôn dĩ tế chi viết: "Đắc vô tà chi tư."

Thiêm niên quyến Thị trung đại học sĩ Tình Phái hầu Ngô Thì Nhậm Hy Doãn phủ bái tự.

DỊCH NGHĨA:

TỰA TẬP THƠ TINH SÀ KỶ HÀNH[1]

Văn chương xưa nay, được xem là "tác gia" đã khó, được xem là "đại tác gia" lại càng khó hơn. "Đại tác gia" là nói những người có khuôn mẫu văn chương có thể giúp đời.[2] Có khuôn mẫu văn chương gấm vóc, có khuôn văn chương vải lụa. Nhưng trong dòng văn chương gấm vóc, cũng có người quá bay bướm, trong dòng văn chương vải lụa, cũng có người quá quê mùa.[3]Những người đó có thể gọi là "tác gia,"không có thể gọi là "đại tác gia."

Những nhà văn có văn chương giúp đời, sáng tác không phải chỉ có một loại. Thơ, phú, ca, hành, biện luận, ký, chí, tựa, bạt, giải thích, biền ngẫu, tản văn, chất chứa trong lòng, phát ra lời đẹp, như gấm vóc làm đẹp mắt, như vải lụa làm thích thân, đó gọi chung là nhà văn. Trong các thể loại đó, cái có thể làm phấn chấn lòng người, cảm phát tình người, thì không gì lớn hơn thơ. Cho nên trong thơ được riêng gọi là nhà thơ.

Nước Việt ta lấy văn hiến dựng nước. Thơ phôi thai từ thời Lý, thịnh ở đời Trần, phát triển mạnh trong thời Hồng Đức nhà Lê. Một bộ *Toàn Việt thi*,[4] về cổ thể không nhường thơ các đời Hán, Tấn; về cận thể không nhường thơ các đời Đường, Tống, Nguyên, Minh; tiếng vàng tiếng ngọc, thực có thể gọi là "nước thơ." Tựu trung, tìm ra khuôn mẫu văn chương to lớn, đáng gọi là thi gia, thì chỉ có các ông Thái Lã Đường,[5] Bạch Vân Am.[6] Ngoài ra, thật xa vời vắng lặng!

Từ Lê trung hưng về sau, những nhà thơ danh tiếng xuất hiện nhiều qua các tập thơ đi sứ. Hoặc thăm chốn thanh u, viếng nơi cổ tích, gặp cảnh sinh tình, xa nước nhớ quê, nhân việc tỏ ý, dư hương của nó có thể thấm đượm người sau.[7] Đến như gấm vóc mà không bay bướm, vải

lụa mà không quê mùa, thì chỉ có tập *Tinh sà kỷ hành*. Vì nó có cái vẻ đẹp của nụ cười tươi, nét mày đẹp đấy chăng? [8]

Tập thơ này là do ông Thị trung Ngự sử họ Phan làm trong dịp đi sứ triều hạ. Ông đỗ Hội nguyên, đứng đầu hàng văn, nhà nổi tiếng mấy đời Tiến sĩ,[9] khuôn mẫu văn chương được cha truyền cho. Làm văn quý ở chỗ điển nhã mà hồn hậu, lấy thực tiễn làm cốt tử, chỉ hơi thêu dệt là lượt để trang sức. Làm thơ cũng thế. Băng lên hàng rào Trình Hạo, Chu Hy, vượt qua cửa ngõ Khuất Nguyên, Tống Ngọc, vào nhà Y Doãn, Chu Công, rời khỏi con đương Lý Bạch, Đỗ Phủ..., như gấm vóc vải lụa, dùng chỗ nào cũng hợp. Có lẽ từ Trung cổ đến nay những bậc đại gia văn chương ở nước ta, ít thấy người như thế.

Tôi với ông vừa có tình nghĩa đỗ đồng khoa lại là quyến thuộc, lúc nhỏ cùng chơi, lớn lên cùng làm quan. Tôi vốn phục văn chương ông, trong chỗ điển nhã hồn hậu lại có văn vẻ đẹp. Có lúc tôi chẳng cân nhắc, tự cho thơ mình hơn, nhưng ngẫm lại quả không bằng. Kịp đến khi xem tập thơ này, mừng vui và khâm phục mãi không thôi. Vô luận dùng chữ đặt câu hay dùng vần, dùng cách đều vượt cõi tục vào cõi thanh. Hãy xem xưa nay, ông vua tránh đời ai bằng Triệu Uý Đà? Ông qua đô cũ nhà Triệu có câu thơ: "Cố tri Hoàng đế hiền thiên tử; thùy cấm man di trưởng lão phu" (Vẫn biết Hoàng đế là bậc thiên tử hiền, nhưng ai cấm dân đất man di tôn lão phu này làm Trưởng) [10] thì có ai đã nói được thế? Lại xem xưa nay là kẻ đại trượng phu mà hay khóc, có ai bằng Bạch Cư Dị? Khi ông qua đình Tỳ Bà có câu: "Cửu Giang yên thủy đa thiên khách; thiên cổ phong lưu độc đoản đình" (Mây nước Cửu Giang có nhiều khách bị thiên trích đến; nhưng để lại tiếng phong lưu nghìn thủa chỉ một ngôi "đoản đình" này) [11] thì đã có ai viết được như thế? Lại xem trong khoảng trời đất, vật không nói cũng không im, gì bằng núi, sông? Khi ông qua Hà Nam có câu: "Hà ngũ bách niên không tỉ tiếu; sơn tam vạn tuế hốt năng ngôn" (Sông Hoàng Hà năm trăm năm một lần trong luống đem ví với một nụ cười ; [12] núi Tung Sơn bỗng nhiên biết hô ba lần câu vạn tuế) [13] thì ai đã nói được thế? Còn đến các bài ca: "Thương gái hoá như Hoa Châu, khóc chồng là Kỷ Lương đến đổ thành."[14] "Kẻ thạc nhân múa ở Bội," [15] "Trang Chu gõ chậu làm nhịp" [16] thì như câu: "Đồng minh nhượng nhất nhân..." (Cùng

bạn nhường một người), "Thanh tiêu độc hoài tàm..." (Đêm thanh riêng hổ thẹn), cái ý ôn hậu khảng khái tràn ra cả ngoài lời, người khác không ai nói được. Ôi, như thế mới gọi là thơ, mới có thể gọi là nhà thơ, mới có thể gọi là thơ đại gia. Tôi từng phụng mệnh sang sứ Yên Kinh, có tập *Hoa trình thi phú sao*, nay thấy thơ của ông thì tập thơ của tôi không dám cho ra đời nữa.

Đầu mùa xuân năm Canh Thân (1800) vào triều kiến, ông đem tác phẩm bảo tôi xem và bình luận. Thật khó mà có chỗ hạ bút: Vì văn chương của ông, các bạn tôn làm khuôn phép, gần đây được nhà vua biết đến, thanh giá thêm tăng. Hoàng thượng ta học thức cao minh, lời văn rực rỡ. Tôi từng được gọi vào Đại nội, Hoàng thượng bàn đến văn chương, khen văn thơ ông có khí cốt. Tôi đôi lúc thù phụng, Hoàng thượng hỏi: "Câu ấy chữ ấy, ý ngươi cho là thế nào," bởi vì Hoàng thượng khen những câu chữ ấy trình độ đã sâu. Nội các đánh giá, cửu trùng khen ngợi đã định, kẻ bình luận tầm thường như tôi, đâu dám rườm lời!

Nhưng đã ngâm đọc tập này, không thể không nói. Nhân tiếm đề tựa ở đầu sách. Trộm nghĩ: "Ba trăm thiên *Kinh Thi*, một lời bao trùm hết, là câu "tư vô tà" [17](nghĩ không sai trái), thơ ông 85 bài, một lời có thể bao trùm hết, là "đắc vô tà chi tư" (có được cái nghĩa không sai trái).

Tôi bạn đồng khoa và quyến thuộc, chức Thị trung Đại học sĩ tước Tình Phái hầu Ngô Thì Nhậm tự là Hy Doãn bái tựa.

Mai Quốc Liên (dịch)

(Theo *Tuyển tập Thơ văn Ngô Thì Nhậm* – S đ d)

CHÚ THÍCH:

1. *Tinh sà kỷ hành*: Tên tập thơ của Phan Huy Ích làm trong chuyến đi sứ năm 1790.

2. Nguyên văn: "cơ trữ". "Cơ": Trục khung cửi. "Trữ": Thoi. Cơ trữ văn chương: Thêu dệt nên văn chương.

3. Văn chương gấm vóc (cẩm tú văn chương), ý nói văn chương đẹp. Văn chương vải lụa (tố bạch), ý nói văn chương bình dị, nhưng cần thiết và có ích như vải lụa.

4. *Toàn Việt thi lục* do Lê Quí Đôn sưu tập.

5. Thái Lã Đường tức Thái Thuận (1440-?), có *Lã Đường thi tập*, 4 quyển.

6. Bạch Vân Am tức Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585), có Bạch Vân Am *thi tập*.

7. Nguyên bản chép chữ "niêm cái," ngờ chép lầm là "triêm cái" thì đúng hơn, chữ trong *Đỗ Phủ truyện ở Đường thư:* Phủ nãi yểm dư, tàn cao thặng phức, triêm cái hậu nhân da hĩ" (Cái dư thừa của Đỗ Phủ như mỡ rớt trong dư thừa vẫn còn có thể làm nhuần thấm cho người sau rất nhiều).

8. *Kinh Thi (Vệ phong)*: Xảo tiểu miến hề, mỹ mục miện hề" (Nét cười đẹp, mắt nhìn đẹp).

9. Cha Phan Huy Ích là Phan Huy Áng đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1754), còn Huy Ích đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775), em ruột là Phan Huy Ôn đỗ Tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1779).

10. Cuối đời Tần, Triệu Đà làm Nam Hải Úy nên cũng gọi là Triệu Úy Đà, nhà Tần mất, Đà chiếm cả đất Quế Lâm, Tượng quận gồm cả cõi Âu Lạc (tức Việt Nam) lập thành nước Nam Việt, tự xưng là Triệu Vũ Vương. Đời Hán Cao Tổ phong làm Nam Việt Vương, về sau lại xưng là Vũ Đế. Đến đời Hán Văn Đế (con Hán Cao Tổ) cho Lục Giả sang trách về việc xưng đế, Đà mới bỏ đế hiệu.

11. Bạch Cư Dị (772-846), bị giáng chức làm Tư mã ở Giang Châu, nhân tiễn khách trên sông Tầm Châu, làm bài *Tỳ bà hành* nổi tiếng. Sông lớn chảy tới Tầm Dương chia làm 9 nhánh, nên gọi là Cửu Giang.

12. Tục truyền, sông Hoàng Hà năm trăm năm một lần trong, có thánh nhân ra đời. Bao Công đời Tống ít cười, nên người ta đem ví nụ cười của ông với Hoàng Hà khi trong.

13. Hán Vũ Đế lên núi Tung Nhạc, nghe tiếng hô "vạn tuế" ở trong núi vọng ra ba lần. Về sau người ta dùng từ "tung hô" làm lời chúc mừng thiên tử, và điển thường nói "thạch năng ngôn" (đá biết nói). Thực ra đó chỉ là một hiện tượng hồi âm.

14. Kỷ Lương là đại phu nước Tề, đi đánh nước Cử bị chết. Vợ là Hoa Châu tìm đến, ôm thây chồng khóc thảm thiết, mười ngày sau thành bị đổ.

15. *Kinh Thi (Bội phong)*: "Thạc nhân ngỗ ngỗ, công đình can vũ" (Kẻ cao lớn táo tợn, múa can trước công đình).

16. Vợ Trang Tử chết, ông ngồi hát, gõ chậu làm nhịp.

17. Lời Khổng Tử nói về *Kinh Thi* ở sách *Luận ngữ* (thiên *Vi chính*).

13. 答寶篆陳黃甲公書

想公念我，猶我念公。要之非離群者，但當相離久，則相渴深矣。昨所囑賢姪來說云云，易曰："睽孤，見豕負塗，載鬼一車，先張之弧，後說之弧，匪寇婚媾，往遇雨則吉"。至處睽疑之地，莫不皆是。但我心說弧，即我行遇雨，使他人有鬼豕之意，我亦不可以動心。況夫無形之鬼豕，而何以睽睽之見哉。此達人自當了悟。已囑貴姪口呈一切。蘭月望前，相見爲禱。幣屋無事，掃徑以須。餘不備。

PHIÊN ÂM:

ĐÁP BẢO TRIỆN TRẦN HOÀNG GIÁP CÔNG THƯ

Tưởng công niệm ngã, do ngã niệm công. Yếu chi phi ly quần giả, đãn đương tương ly cửu, tắc tương khát thâm hĩ. Tạc sở chúc hiền điệt[a] *lai thuyết vân vân,* Dịch *viết: "Khuê cô, kiến thỉ phụ đồ, tải quỷ nhất xa, tiên trương chi hồ, hậu thuyết chi hồ, phỉ khấu hôn cấu, vãng ngộ vũ tắc cát." Chí*[b] *xứ khuê nghi chi địa, mạc bất giai thị. Đãn ngã tâm thuyết hồ, tức ngã hành ngộ vũ, sử tha nhân hữu quỷ thỉ chi ý, ngã diệc bất khả dĩ động tâm. Huống phù vô hình chi quỷ thỉ, nhi hà*[c] *dĩ khuê khuê chi kiến tai. Thử đạt nhân tự đương liễu ngộ. Dĩ chúc quý điệt khẩu trình nhất thiết. Lan nguyệt vọng tiền, tương kiến vi đảo. Tệ ốc vô sự, tảo kính dĩ tu. Dư bất bị.*

DỊCH NGHĨA:

THƯ TRẢ LỜI ÔNG HOÀNG GIÁP HỌ TRẦN Ở BẢO TRIỆN[1]

Tưởng ông nhớ tôi, cũng như tôi nhớ ông. Tóm lại không phải là những kẻ lìa đàn, nhưng xa nhau lâu thì nhớ nhau càng đậm. Những điều ngày nọ ông dặn cháu nói với tôi v.v... *Kinh Dịch* nói rằng: Quẻ *Khuê* tượng trưng cho cô đơn. Thấy con lợn lấm bùn, chở một xe ma. Lúc đầu trương dây cung định bắn nó, sau lại buông dây cung ra. Không phải là thù địch, mà là thông gia, khi đi gặp mưa thì tốt lành."[2] Có lẽ người ở vào cảnh chia lìa và ngờ vực, không ai là không thế. Nhưng lòng tôi ưa "cái cung," tức là tôi đi sẽ "gặp mưa," dù kẻ khác có cái ý "ma, lợn," tôi vẫn cứ vững tâm, huống chi loài "ma, lợn," vô hình, thì hơi đâu mà đem cái nhìn của quẻ *Khuê* để nhìn nó. Đó là điều bậc đại nhân tự nên thấu suốt. Tôi đã dặn cháu về thưa lại tất cả mọi điều. Tháng hoa lan[3]trông ngóng, mong được gặp nhau, nhà rách thư nhàn, quét ngõ chờ đợi. Ngoài ra không nói được hết.

Mai Quốc Liên (dịch)

(Theo *Tuyển tập Thơ văn Ngô Thì Nhậm* – S đ d)

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/9: Quý điệt 貴 姪

b. Bản A.117/9: Cái 蓋

c. Bản A.117/9: Hà khổ 何 苦

CHÚ THÍCH:

1. Trần Danh Án (?-1794), quê làng Bảo Triện, Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, đậu Hoàng giáp năm 1787. Năm 1789, Tây Sơn ra Bắc, Chiêu Thống chạy sang Trung Quốc, Trần Danh Án ốm không theo được, trốn về quê. Tây Sơn mời ra làm quan, không chịu. Trần Danh Án cùng với Trần Quang Châu, Dương Đình Tuấn khởi binh chống Tây Sơn. Sau khi nghe Lê Chiêu Thống chết, Trần Danh Án quay mặt về phương Bắc kêu gào rồi chết.

2. *Khuê:* Một quẻ trong *Tự thuyết, Kinh Dịch*. Hào *Thượng cửu* này ở cuối quẻ *Khuê*, là "Khuê chi cực." Khuê đã đến cực điểm thì sự nghi kỵ nhau không còn chỗ nói! Đến nỗi không phải lợn, mà tưởng là lợn, không phải ma mà tưởng là ma, đã toan dương cung để bắn, nhưng sau vỡ lẽ lại bỏ cung xuống, kết làm hôn nhân, êm đẹp như nắng gặp mưa. Đó là đại ý của hào này. Qua đây có thể biết ý của Trần Danh Án, đồng thời cũng biết ý Ngô Thì Nhậm cương quyết đi theo nhà Tây Sơn tới mức nào.

3. Tháng lan: Tháng xuân.

14. 答寧雙安公書

某不能在家守制，遂及于事，又及於鹿臺事，以爲兄羞。盥捧來箋，公之教我誠深矣。夫公有默亭，而我不能默，公有逸池，而我不能逸，公有德磯，而我在熱利磯，公有吉島，而我在其繁華島，公有涼臺，而我在于熱鬧臺。公有太極之拙，探萬物之巧，而我以一技之巧，敢求助於公，以唐突于拙山。其羞不知公，而受惡于山亦多矣。此公所以拳拳之于其過，思以不拙之拙，與朋友共之。有此亭、臺、池、島、磯而不厭于曲藝者與之遊。子曰："未嘗無誨焉"，其此之謂歟。啓我竊有聞焉：誠不息，不息則久，久則徵，徵則悠遠。此山自造設，以至於今茲，又自今茲以至于無窮，人有萬邂逅，而山有萬應接，則誠之效也。抑不知山之心，果眞有所好耶？抑以無所好爲拙，而公默會于心，偶觸而默掇之耶？清風在天，山谷皆鳴，亭默而山未能默也。岫雲往還，山鳥去來，池逸而山未逸也。花如錦，草如茵，宜雨宜晴，宜春宜秋，臺涼而山未涼也。吉人居之，吉神相焉，何島非吉，德者居之，德星聚焉。何

磯非德。想拙山固已具默，涼、逸、吉、德之情，而未嘗見其有默、涼、逸“德、吉之色。此所以爲拙，即所以爲誠，故其壽與太極偕。蓋其拙與太極同，而其誠與太極合也。古人云：“山不在高，有仙則名”。我之意竊以爲：山不在名，有誠則形。吾兄隨意而呼之可也。然弟固是嘵嘵然者，何足以知山之情狀。祇其吾兄未嘗頃刻忘情處，深感其相與之誠，相愛之厚，故敢以山之情狀爲問，知公之不我棄也。

意長筆短，請以望後拜訪名山，便道相攜爲三谷之遊，請聞“拙山序”教，未知意許允否。日前弊紙，以尋常公務之牘，今知萬罪，希望乞庶。承教“盡心民事”敢不拜受。

PHIÊN ÂM:

ĐÁP NINH SONG AN CÔNG THƯ

Mỗ bất năng tại gia thủ chế, toại cập vu sự, hựu cập ư lộc sắc sự, dĩ vi huynh tu. Quán bổng lai tiên, công[a] chi giáo ngã[b] thành thâm hĩ. Phù công hữu mặc đình, nhi ngã[b] bất năng mặc, công[a] hữu dật trì, nhi ngã[b] bất năng dật, công hữu đức kì, nhi ngã[b] tại nhiệt[c] lợi kì, công[a] hữu cát đảo, nhi ngã[b] tại kỳ phồn hoa đảo, công[a] hữu lương đài, nhi ngã[b] tại vu nhiệt náo đài. Công[a] hữu thái cực chi chuyết, thám vạn vật chi xảo, nhi ngã[b] dĩ nhất kỹ chi xảo, cảm cầu trợ ư công,[a] dĩ đường đột vu Chuyết Sơn. Kỳ tu bất tri công,[a] nhi thụ ác vu sơn diệc đa hĩ. Thử công sở dĩ quyền quyền chi vu kỳ quá,[d] tư dĩ bất chuyết chi chuyết, dữ bằng hữu cộng chi; hữu thử đình, đài, trì, đảo, kì nhi bất yếm vu khúc nghệ giả dữ chi du. Tử viết: “Vị thường vô hối yên,”kỳ thử chi vị dư. Khởi ngã thiết hữu văn yên: “Thành bất tức, bất tức tắc cửu, cửu tắc trưng, trưng tắc du viễn.” Thử sơn tự tạo thiết, dĩ chí ư kim tư, hựu tự kim tư dĩ chí vu vô cùng, nhân hữu vạn giải cấu, nhi sơn hữu vạn ứng tiếp, tắc thành chi hiệu dã. Ức bất trì sơn chi tâm, quả chân hữu sở hảo da? Ức dĩ vô sở hảo vi chuyết, nhi công mặc hội vu tâm, ngẫu xúc nhi mặc xuyết[e] chi da? Thanh phong tại thiên, sơn cốc giai minh, đình mặc nhi sơn vị năng mặc dã. Tụ vân vãng hoàn, sơn điểu khứ lai, trì dật nhi sơn vị dật dã. Hoa như cẩm, thảo

như nhân, nghi vũ nghi tình, nghi xuân nghi thu, đài lương nhi sơn vị lương dã. Cát nhân cư chi, cát thần tương yên, hà đảo phi cát, đức giả cư chi, đức tinh tụ yên, hà kì phi đức. Tưởng Chuyết Sơn cố dĩ cụ mặc, lương, dật, cát, đức chi tình, nhi vị thường kiến kỳ hữu mặc, lương, dật, đức, cát chi sắc. Thử sở dĩ vi chuyết, tức sở dĩ vi thành, cố kỳ thọ dữ thái cực giai. Cái kỳ chuyết dữ thái cực đồng, nhi kỳ thành dữ thái cực hợp dã. Cổ nhân vân: "Sơn bất tại cao, hữu tiên tắc danh." Ngã chi ý thiết dĩ vi: Sơn bất tại danh, hữu thành tắc hình. Ngô huynh tuỳ ý nhi hô chi khả dã. Nhiên đệ cố thị nhiêu nhiêu nhiên giả, hà túc dĩ tri sơn chi tình trạng. Chỉ kỳ ngô huynh vị thường khoảnh khắc vọng tình xứ, thâm cảm kỳ tương dữ chi thành, tương ái chi hậu, cố cảm dĩ sơn chi tình trạng vi vấn, tri công[a] chi bất ngã khí dã.

Ý trường bút đoản, thỉnh dĩ vọng hậu bái phỏng danh sơn, tiện đạo tương huề vi tam cốc chi du, thỉnh văn "Chuyết Sơn tự" giáo, vị tri ý hứa doãn phủ. Nhật tiền tệ chỉ, dĩ tầm thường công vụ chi độc, kim tri vạn tội, hy vọng khất thứ. Thừa giáo "tận tâm dân sự" cảm bất bái thụ.

DỊCH NGHĨA:

THƯ TRẢ LỜI ÔNG NINH SONG AN[1]

Tôi không thể ở nhà chịu tang, thế là mắc phải tai vạ, lại mắc phải tiếng thô lỗ, để thẹn với ông. Rửa tay nâng bức thư gửi tới, thấy lời ông dạy bảo tôi thực là sâu vậy. Ông có đình "Mặc" mà tôi không thể lặng thinh, ông có ao "Dật" mà tôi không thể thư nhàn, ông có ghềnh "đức" mà tôi ở ghềnh thế lợi, ông có đảo "tốt" mà tôi ở đảo phồn hoa, ông có đài "mát" mà tôi ở đài náo nhiệt. Ông đem cái vụng về của trạng thái nguyên sơ (Thái cực) để xét cái khéo léo muôn vật, mà tôi đem cái khéo léo của một nghề mong góp sức cho ông, để xúc phạm tới Chuyết Sơn. Thẹn rằng không hiểu ông mà bị núi khinh thường cũng nhiều lắm vậy. Bởi thế điều mà ông áy náy với cái lỗi ấy, mong đem cái vụng về không vụng về, để chung cùng bạn hữu; có đình, đài, ao, đảo, ghềnh này mà không ngại giao du với kẻ nghề mọn. Khổng Tử nói: "Chưa từng không dạy dỗ"[2] đó là như vậy. Tôi trộm nghe "Trung thực thì lâu bền, lâu bền thì có sự chứng nghiệm, có sự chứng nghiệm thì còn mãi mãi."Núi này từ khi xây dựng

cho đến bây giờ, lại từ bây giờ cho đến mai sau, người có muôn lần gặp gỡ, núi có muôn lần đón tiếp đó là sự hiệu nghiệm của lòng trung thực. Biết đâu tấm lòng của núi hẳn có sự ưa thích hoặc lấy sự không ưa thích làm vụng về, mà ông ngầm hiểu điều đó ở trong lòng, rồi tình cờ có sự cảm xúc mà điểm xuyết nó ra chăng? Gió mát ở trời, hang núi đều vang, đó là đình im mà núi chưa thể im. Mây núi đi về, chim rừng qua lại, ao thư nhàn mà núi chưa thể thư nhàn. Hoa như gấm, cỏ như nệm, thích hợp với mưa nắng, thích hợp với xuân thu, đài mát mà núi chưa từng mát. Người tốt ở đó, thần tốt trông coi thì không đảo nào là không tốt; người có đức ở đó, đức tích tụ vào thì không ghềnh nào là không có đức. Xem ra Chuyết Sơn vốn đã có đầy đủ cái tình *im, mát, nhàn, đức, tốt*, mà chưa từng thấy nó có cái sắc của *im, mát, nhàn, đức, tốt*. Nó vụng về, cũng tức là nó chân thực, cho nên nó còn sống mãi với Thái cực. Bởi vì cái vụng về của nó đồng nhất với Thái cực, nên cái chân thành của nó hoà hợp với Thái cực. Người xưa nói rằng: "Núi không phải nổi danh ở chỗ cao, mà nổi danh ở chỗ có tiên ở." Vậy ý của tôi trộm cho rằng núi không ở chỗ nổi danh, mà ở chỗ có lòng chân thực thì biểu lộ ra. Ông anh gọi nó là gì thì gọi cũng được, còn tôi vốn là kẻ ngác ngác ngơ ngơ, đâu có thể hiểu cái tình và trạng của núi? Chỉ ở nơi ông anh chưa từng giây phút quên tình, nên cảm được sâu sắc niềm yêu thương nhau da diết của nó, cho nên tôi mới dám đem cái tình, trạng của núi đặt thành câu hỏi, điều đó biết rằng ông chẳng bỏ tôi.

Ý dài giấy ngắn, xin hẹn sau ngày rằm thì đi thăm viếng danh sơn, tiện đường dắt díu nhau, làm cuộc đi chơi Tam Cốc, xin được nghe bài *Chuyết Sơn tự*,[3] không biết ý ông có ưng không? Mảnh giấy rách hôm nọ là tờ công văn tầm thường, nay biết có lỗi muôn vàn, mong ông anh tha thứ. Tiếp được lời chỉ dạy "hết lòng vì việc dân," đâu dám không bái nhận.

Mai Quốc Liên (dịch)

(Theo *Tuyển tập Thơ văn Ngô Thì Nhậm* – S đ d).

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/9: Tất cả các chữ "Công" 公 đều thay bằng chữ "Huynh" 兄

b. Bản A.117/9: Tất cả các chữ "Ngã" 我 đều thay bằng chữ "Đệ" 弟

c. Bản A.117/9: Vu thế 于勢

d. Bản A.117/9: Tiên thi 先施

e. Bản A.117/9: Điểm xuyết 點掇

CHÚ THÍCH:

1. Ninh Song An tức Ninh Tốn (1743-?) hiệu Chuyết Sơn người làng Côi Trì, huyện

Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, là tác giả *Chuyết Sơn thi tập*, đỗ Tiến sĩ năm 1778, từng làm Công bộ Hữu thị lang thời Lê Chiêu Thống, sau theo Tây Sơn làm đến Thượng thư.

2. Chữ trong thiên *Thuật nhi*, sách *Luận ngữ*: "Tự hành thúc tu dĩ thượng ngô vị thường vô hối yên" (Đem đến từ bó nem trở lên ta chưa từng không dạy dỗ cho họ). Ý nói, dù lễ vật mọn vẫn dạy. Ở đây, ý Ngô Thì Nhậm nói với Ninh Song An: Tôi đã học được những điều ông dạy bảo.

3. Ninh Tốn có viết bài *Chuyết Sơn tự*.

15. 復親叔公書

秋末冬初，連承親叔來教二札。論"事勢"二字，提起聖人於兵莱卻費，直截擔當，而絶糧于陳，微復過宋，亦有無不可者，意所有較量。此議甚明白達理，謹已服膺。

後札論"禍福"二字，姪反覆況思：大抵學者以禍福論人，中間多有差處。竊見朱子論左傳，謂他是個曉了識利害底人，大率只道得禍福利害分明底説話。又曰，他好以成敗論人，遇他做得來好時，便説他好，做得來不好時，便説他不好，都不折之以理之是非，這便是他大病。又論孟子"枉尺直尋"章云：凡人做事，要趨利避害，不知纔有利便有害，吾雖處得十分利，有害隨在後。不如且就理上求之。是聖賢直把禍福之禍福抬出一邊，只就禍福之義理上看。如君仁臣忠，三綱正，九疇敘，便是國之福；父慈子孝，兄友弟恭，夫義婦從，便是家之福，反是卻是禍了。吾儒當從這裏體了，便其避禍就福見得透。烏有之得喪，還烏有之風塵；必然之死生，副必然之夜旦，則事物都豁然了。姪近來暗室沉潛，方理會此理。惟吾家遭值厄運，叔姪，兄弟，正在競業恐懼之時。詩云："求福不回"，甚有意味。來教所謂：肇造培植之家風，合當把作骨子。擴而充之，開誠心布公道，叔今日之，所

以爲之敎也。亡人無爲寶，仁親爲寶，姪今日之所以爲學。立愛惟親，立敬惟長，守靜讀書，處約明善，群弟今日之所以事也。家庭以此相勉，這中便是福。易“未濟”在“既濟”之後。彖曰：“未濟亨”。這“亨”義包得闊，不以既濟之亨獨善其未濟之亨也。愚淺所見，幸賜正之。

PHIÊN ÂM:

PHÚC THÂN THÚC CÔNG THƯ

Thu mạt đông sơ, liên thừa thân thúc lai giáo nhị trát. Luận "thế sự" nhị tự, đề khởi Thánh nhân ư binh Lai khước Phí, trực tiệt đảm đương, nhi tuyệt lương vu Trần, vi phục quá Tống, diệc hữu vô bất khả giả, ý sở hữu giảo lượng. Thử nghị thậm minh bạch đạt lý, cẩn dĩ phục ưng.

Hậu trát luận "hoạ phúc" nhị tự, điệt phản phúc huống tư: Đại để học giả dĩ hoạ phúc luận nhân, trung gian đa hữu sai xứ. Thiết kiến Chu Tử luận Tả truyện, *vị tha thị cá hiểu liễu thức lợi hại để nhân, đại suất chỉ đạo đắc hoạ phúc lợi hại phân minh để thuyết thoại. Hựu viết, tha hảo dĩ thành bại luận nhân. Ngộ tha tố đắc lai hảo thời, tiện thuyết tha hảo, tố đắc lai bất hảo thời, tiện thuyết tha bất hảo, đô bất chiết chi dĩ lý chi thị phi, giá tiện thị tha đại bệnh. Hựu luận* Mạnh Tử *"Uổng xích trực tầm" chương vân. Phàm nhân tố sự, yếu xu lợi tị hại, bất tri tài hữu lợi tiện hữu hại, ngô tuy xử đắc thập phân lợi, hữu hại tuỳ tại hậu, bất như thả tựu lý thượng cầu chi. Thị thánh hiền trực bả hoạ phúc chi hoạ phúc đài suất nhất biên, chỉ tựu hoạ phúc chi nghĩa lý thượng khán. Như quân nhân thần trung, tam cương chính, cửu trù tự, tiện thị quốc chi phúc; phụ từ tử hiếu, huynh hữu đệ cung, phu nghĩa phụ tòng, tiện thị gia chi phúc; phản thị khước thị hoạ liễu. Ngô nho đương tòng giá lý thể liễu, tiện kỳ tị hoạ tựu phúc kiến đắc thâu. Ô hữu chi đắc tang, hoàn ô hữu chi phong trần; tất nhiên chi tử sinh, phó tất nhiên chi dạ đán, tắc sự vật đô hoạt nhiên liễu. Điệt cận lai ám thất trầm tiềm, phương lý hội thử lý. Duy ngô gia tao trực ách vận, thúc điệt, huynh đệ, chính tại cạnh nghiệp khủng cụ chi*

thời. Thi vân: "Cầu phúc bất hồi," thậm hữu ý vị. Lai giáo sở vị: Triệu tạo bồi thực chi gia phong, hợp đương bả tác cốt tử, khuyếch nhi sung chi, khai thành tâm bố công đạo, thúc kim nhật chi, sở dĩ vi chi giáo dã. Vong nhân vô vi bảo, nhân thân vi bảo, điệt kim nhật chi sở dĩ vi học. Lập ái duy thân, lập kính duy trưởng, thủ tĩnh độc thư, xử ước minh thiện, quần đệ kim nhật chi sở dĩ sự dã. Gia đình dĩ thử tương miễn, giá trung tiện thị phúc. Dịch "Vị tế" tại "Ký tế" chi hậu. Thoán viết: "Vị tế hanh." Giá "hanh" nghĩa bao đắc khoát, bất dĩ ký tế chi hanh độc thiện kỳ Vị tế chi hanh dã. Ngu tiển sở kiến, hạnh tứ chính chi.

DỊCH NGHĨA:

THƯ TRẢ LỜI CHÚ RUỘT[1]

Cuối thu đầu đông, liên tiếp nhận được hai lá thư của chú gửi tới dạy bảo. Bàn về hai chữ "sự thế," có nhắc tới Thánh nhân[2] dứt khoát đảm đương việc đóng quân ở ấp Lai, đẩy lùi ấp Phí, nhưng bị tuyệt lương ở nước Trần, mặc áo thường qua nước Tống, cũng không phải là điều không thể xảy ra, ý chừng chú có điều muốn so sánh. Lời bàn này rất rõ ràng, thấu lý, cháu đã kính cẩn ghi dạ.

Thư sau bàn tới hai chữ "hoạ phúc," cháu đã suy đi nghĩ lại: Đại để trong sách các học giả đem "hoạ, phúc" bàn về con người, trong đó có nhiều chỗ sai. Cháu trộm thấy Chu Tử[3] bàn về *Tả truyện,*[4] nói tác giả của nó là người hiểu rõ lợi hại, thì đại khái cũng chỉ nói được những lời hoạ phúc lợi hại rõ ràng mà thôi. Chú lại nói rằng: Tác giả của nó là người thích lấy việc thất bại để đánh giá con người. Gặp lúc họ làm được điều tốt, liền bảo họ là người tốt, gặp lúc họ làm điều không tốt, liền bảo họ là người không tốt, chứ không phân tích được cái lý phải trái, đó là cái bệnh lớn của ông. Chú lại nói tới cái thuyết "Cong một thước để duỗi một tầm" của Mạnh Tử. Nói chung người ta làm phần nhiều chỉ xông vào cái lợi mà tránh cái hại, không hiểu rằng hễ có cái lợi liền có cái hại, tuy ta nắm được mười phần lợi, nhưng vẫn có cái hại theo sau, không bằng hãy xét nó trên mặt nghĩa lý. Đó là thánh hiền đem hoạ phúc của hoạ phúc gác ra một bên, chỉ nhìn hoạ phúc trên mặt nghĩa mà thôi. Thí dụ như vua nhân tôi trung, tam cương chính[5] cửu trù thuận,[6] thế là cái phúc của nước; cha hiền con thảo, anh kính em nhường, chồng hoà vợ thuận, thế là cái

phúc của nhà, trái những điều đó là hoạ. Bọn nhà nho chúng ta nên thể nhận cho rõ điều này, mới thấy được thấu suốt việc lánh hoạ tới phúc. Sự mất còn nào đó, mặc cho sự gió bụi nào đó; sự sống, chết tất nhiên phó cho buổi sớm tối tất nhiên; thì sự vật đều lâng lâng. Cháu gần đây ẩn náu nơi bóng tối, mới lĩnh hội được ý ấy. Riêng nhà ta gặp vận tai ách, chú cháu, anh em đương ở lúc sợ sệt lo âu. *Kinh Thi* nói: "Cầu phúc phúc không trở lại," thật có ý vị. Những lời bàn trong thơ gửi tới, đều là những lời mở mang gây dựng gia phong, thật đúng là những điều cốt tử, mở rộng ra và làm cho sung túc thêm, khai mở tấm lòng thành, công bố cái đạo chung, đó là sự dạy bảo ngày nay của chú. Người đi trốn còn có gì là quý, nhàn với người thân mới là quý, đó là bài học ngày nay của cháu. Yêu người thân, kính kẻ trưởng, tĩnh tâm đọc sách, ở trong cái kiệm ước, làm sáng tỏ điều thiện là việc làm ngày nay của các em. Gia đình lấy đấy khuyến khích nhau, thì là cái phúc ở trong đó. Trong *Kinh Dịch* quẻ *Vị tế*[7] ở sau quẻ *Ký tế*.[8] *Thoán* nói rằng: "Vị tế thì hanh thông." Cái nghĩa hanh thông này bao quát rất rộng, chớ đem cái hanh thông của *Ký tế* mà cho là hay hơn cái hanh thông của Vị tế. Đó là sở kiến ngu hèn, nông cạn của cháu, mong chú chỉ giáo cho.

Mai Quốc Liên (dịch)

(Theo *Tuyển tập Thơ văn Ngô Thì Nhậm* – S đ d)

CHÚ THÍCH:

1. Tức Ngô Tưởng Đạo, (lấy chữ đệm Tưởng, là theo họ mẹ để thờ cúng họ bên mẹ), sinh năm 1732, mất năm 1802, đỗ Giải nguyên khoa hoành từ năm Đinh Sửu (1757) và sau làm quan đến Hiến sứ Kinh Bắc. Ngô Tưởng Đạo sống lưu vong ở vùng Sơn Nam chống nhà Tây Sơn.

2. Thánh nhân tức Khổng Tử.

3. Chu Tử tức Chu Hy một nhà lý học đời Tống.

4. Tả truyện: Tác giả là Tả Khâu Minh thời Xuân Thu.

Tam cương: Ba mối dường cột lớn: Vua là mối dường của tôi, cha là mối dường của con, chồng là mối dường của vợ, theo trật tự xã hội của Nho gia.

6. Cửu trù là chín loại đại pháp: 1. Ngũ hành. 2. Kính dụng ngũ sự. 3. Nông dùng bát chính. 4. Hiệp dùng năm kỷ. 5. Kiến lập thì dùng hoàng cực. 6. Trị thì dùng tam đức. 7. Sáng tỏ thì dùng kê nghi. 8. Niệm thì đùng thứ trung. 9. Hưởng thì dùng ngũ phúc, uy thì dùng lục cực.

7. Vị tế: Tên một quẻ trong *Kinh Dịch*, *Khảm* dưới *Ly* trên. Tượng của *Ly* là lửa, lửa ở trên nước, nên không dùng gì cho nhau được.

8. Ký tế: Một quẻ trong *Kinh Dịch*, *Ly* dưới *Khảm* trên. Tượng của quẻ là nước ở trên lửa, nước lửa giao nhau thành tác dụng, nên không việc nào không xong xuôi, tức không việc nào không an định.

16. 答年契左溪伯書

傳有之："君子和而不同"。夫波濤洶湧，游人之所不能泳者。非中庸之道，謹厚之士所不願爲，而亦不能爲之也。然而狂簡之士，往往能之。是雖植性不同，要之謹厚與狂簡者。使其並遊於聖人之門，想在時雨之均潤，童冠沂詠，兵材禮樂，豈不異趨而同歸者哉！

我年兄天資端懿，不忤其物，而亦不累於物。蓋其玉淵金井者，志愿高潔，故於事物之來，一一以疑難視之。方在風恬浪帖者然，況於風濤洶湧中，乃責其奮然游泳，而一不顧者，此以不願爲，不能爲者，望之謹厚之士，毋乃刻舟之見乎！此弟所以了然於心，不以兄之遺世特立，而有所崖異，故不覺其愛之深，其敬之切也。且兄之所處，揆以聖賢之教，誠有未可以自由也，無論年前遇廳的事。語曰："父母在不遠遊，遊必有方"。又曰："君子不登高，不履深，懼辱親也"。兄有尊慈二位在堂，則此身尤當自保重，從可探龍頷而取其珠，探虎尾而奪之食，亦非兄之所得爲也。此弟心自知之，未嘗不以兄之警疑迴翔爲是。弟前所囑姪榜，一切由衷，諒已在台照矣。今接華楮，如獲兼金，且得康勝好音，倍加忻慰。夫士君子，龍蛇大行，隨遇而安，顯則兼善天下，藏則私淑其徒。此前哲往事歷歷記載。今堯道隆而優容巢許。玉諭溫存，播諸視聽，南北東西自在，既可繩趨尺步，何不返枌梓之鄉。吾兄既許弟以茶碗酒盃之樂，蚤望言旋，握手並遊。以弟之狂簡，幸不見棄于時；酬應轇轕，不能教其子弟，吾兄爲我教之。

其爲賜又當何如者？久闊芝眉，懷音如面，玄酒方淡，耑後回軒。

PHIÊN ÂM:

ĐÁP NIÊN KHẾ TẢ KHÊ BÁ THƯ[A]

Truyện hữu chi: "Quân tử hoà nhi bất đồng." Phù ba đào hung dũng, du nhân chi sở bất năng vịnh giả. Phi Trung dung chi đạo, cẩn hậu chi sĩ sở bất nguyện vi, nhi diệc bất năng vi chi dã. Nhiên nhi cuồng giản chi sĩ, vãng vãng năng chi. Thị tuy thực tính bất đồng, yếu chi cẩn hậu dữ cuồng giản giả. Sử kỳ tịnh du ư Thánh nhân chi môn, tưởng tại thời vũ chi quân nhuận, đồng quan Nghi vịnh,[b] *bình tài lễ nhạc, khởi bất dị xu nhi đồng quy giả tai?*

Ngã niên huynh thiên tư đoan ý, bất ngỗ kỳ vật, nhi diệc bất luỵ ư vật. Cái kỳ ngọc uyên kim tỉnh giả, chí nguyện cao khiết, cố ư sự vật chi lai, nhất nhất dĩ nghi nan thị chi. Phương tại phong điềm lãng thiếp giả nhiên, huống ư phong đào hung dũng trung, nãi trách kỳ phấn nhiên du vịnh, nhi nhất bất cố giả, thử dĩ bất nguyện vi, bất năng vi giả, vọng chi cẩn hậu chi sĩ, vô nãi khắc chu chi kiến hồ! Thử đệ sở dĩ liễu nhiên ư tâm, bất dĩ huynh chi dị thế đặc lập, nhi hữu sở nhai dị, cố bất giác kỳ ái chi thâm,[c] *kỳ kính chi thiết*[d] *dã. Thả huynh chi sở xứ, quý dĩ Thánh hiền chi giáo, thành hữu vị khả dĩ tự do dã, vô luận niên tiền ngộ sảnh đích sự. Ngữ viết: "Phụ mẫu tại bất viễn du du tất hữu phương." Hựu viết: "Quân tử bất đăng cao, bất lý thâm, cụ nhục thân dã." Huynh hữu tôn từ nhị vị tại đường, tắc thử thân vưu đương tự bảo trọng, tòng khả thám long hàm nhi thủ kỳ châu, thám hổ vĩ nhi đoạt chi thực, diệc phi huynh chi sở đắc vi dã. Thử đệ tâm tự tri chi, vị thường bất dĩ huynh chi cảnh nghi hồi tường vi thị. Đệ tiền sở chúc điệt Bảng, nhất thiết do trung, lượng dĩ tại*[e] *đài chiếu hĩ. Kim tiếp hoa chử, như hoạch kiêm kim, thả đắc khang thắng hảo âm, bội gia hân uý. Phù sĩ quân tử, long xà đại hành, tùy ngộ nhi an, hiển tắc kiêm thiện thiên hạ, tàng tắc tư thục kỳ đồ. Thử tiền triết vãng sự lịch lịch ký tái. Kim Nghiêu đạo long nhi ưu dung Sào Hứa.*[g] *Ngọc dụ ôn tồn, bá chư thị thính, nam bắc đông tây tự tại, ký khả thằng xu xích bộ, hà bất phẩn*[h] *phần tử chi hương. Ngô huynh ký hứa đệ dĩ trà oản tửu bôi chi lạc, tao vọng ngôn tuyền, ác thủ tịnh du. Dĩ đệ chi cuồng giản, hạnh bất kiến khí vu thời; thù ứng giao cát, bất năng giáo kỳ tử đệ, ngô huynh vị ngã giáo chi.*

Kỳ vi tử hựu đương hà như giả? Cửu khoát chi mi, hoài âm như diện, "huyền tửu" phương đạm, chuyên hậu hồi biền.

DỊCH NGHĨA:

THƯ TRẢ LỜI BẠN ĐỒNG KHOA NGUYỄN TẢ KHÊ[1]

Truyện có nói điều này: "Người quân tử *hoà* mà không *đồng*." Ôi, sóng nước gầm gào, người biết bơi còn không thể bơi. Nếu không phải là cái đạo Trung dung thì kẻ sĩ cẩn hậu không muốn làm, mà cũng không thể làm vậy. Nhưng kẻ sĩ sơ cuồng thì thường có thể được. Đó tuy là bản tính khác nhau, nhưng tóm lại chỉ ở "cẩn hậu" và "sơ cuồng" mà thôi. Giả sử họ đều cùng nhau nhởn nhơ ở cửa Thánh nhân vào những lúc mưa hoà tưới khắp thì người này "cùng mấy trẻ nhỏ tắm ở sông Nghi, hóng gió mát ở đài Vũ Vu," người kia "binh lương lễ nhạc,"[2] há không phải là cái thú khác nhau mà lối về chung một đó sao?

Người bạn đồng niên của ta, thiên tư đoan chính, không trái với sự vật mà cũng không luỵ sự vật. Bởi vì điều suy nghĩ như vực ngọc giếng vàng, chí nguyện cao khiết cho nên đối với sự xảy tới của mọi vật, thảy đều đem con mắt ngờ vực mà nhìn nó. Ở vào lúc sóng lặng gió yên còn thế, huống chi trong lúc sóng nước gầm gào mà lại đòi phải ra sức bơi lội không kể tới mình, đó là đem điều không muốn làm và không thể làm đòi hỏi ở kẻ sĩ cẩn hậu, há chẳng phải là mơ hồ lắm sao! Đó là điều lòng tôi thấy rõ, nên không đem việc đứng tách ra ngoài đời của anh mà có điều này nọ, cho nên bất giác càng kính yêu anh sâu đậm. Vả lại, ở vào cái thế của anh, nếu đo bằng lời giáo huấn của Thánh hiền, thì thực có chỗ chưa có thể tự do được, dù rằng năm nọ có gặp việc lầm lỡ đã được xá rồi. Sách *Luận ngữ* nói: "Cha mẹ còn, không nên đi chơi xa, nếu đi chơi xa ắt phải có nơi." Lại nói: "Người quân tử không trèo lên núi cao, không đứng trước vực sâu, sợ rằng làm nhục tới cha mẹ vậy." Anh song thân còn đó, thì tấm thân này càng nên giữ gìn, dù có thể mò tới hàm rồng mà lấy hạt trai, kéo đuôi hổ mà cướp lấy mồi của nó, cũng không phải là điều anh được làm. Điều đó lòng tôi tự biết, nên chưa từng cho cái việc nghi sợ, xa lánh của anh là không phải. Những điều mà tôi căn dặn cháu Bảng trước đây, hết thảy đều do tấm lòng chân thực, chắc anh đã thấu tỏ điều này. Nay tiếp tờ hoa, như bắt được vàng, được tin anh khoẻ mạnh càng thêm vui dạ. Phàm kẻ sĩ quân tử việc làm như rồng như rắn, tuỳ cảnh mà yên, hiển thì làm cho cả thiên hạ đều hay, ẩn tàng thì dạy bảo cho học trò. Đó là cái việc đã

qua của các bậc hiền triết mà sách vở đã ghi lại rõ ràng. Nay đạo của vua Nghiêu hưng thịnh, ưu dung cả Sào Phủ, Hứa Do.[3] Lời ngọc ôn tồn ban ra mọi người đều biết, đông tây nam bắc thảy đều đã vào khuôn phép, sao anh chẳng trở về làng cũ. Anh đã hứa với tôi cái vui chén rượu ly trà, mong anh sớm chiều quay gót, để cùng nhau tay nắm tay dạo bước đó đây. Với sự cuồng giản của tôi, may không bị đời ruồng bỏ, ứng thù bận rộn, không thể dạy bảo được con em của mình, anh vì tôi mà bảo ban bọn chúng.

Anh cho biết ý nên như thế nào? Lâu ngày xa cách, đợi tin như gặp mặt, rượu "huyền tửu" vừa nhạt, mong đợi quay xe.

Mai Quốc Liên (dịch)

*(*Theo *Tuyển tập Thơ văn Ngô Thì Nhậm* – S đ d*)*

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/9: Đáp niên khế Nguyễn Tả Khê bá thư 答年契阮左溪伯書

b. Bản A.117/9: Phong dục 風浴

c. Bản A.117/9: Chi chi thâm 之之深

d. Bản A.117/9: Chi chi thiết 之之切

e. Bản A.117/31: Tại kỉ 在己

g. Bản A.117/31: Do 由

h. Bản A.117/31: Tự 自

CHÚ THÍCH:

1. Nguyễn Tả Khê tức Nguyễn Nha, đỗ Tiến sĩ năm Ất Mùi (1775), cùng khoa với Ngô Thì Nhậm.

2. Hai ý của Tăng Điểm và Nhiễm Cầu nói lên cái chí của mình, khi Khổng Tử hỏi về chí của họ.

3. Sào Phủ và Hứa Do đều là bậc cao sĩ đời Đường. Sào Phủ ở ẩn không ra làm quan, từng làm tổ trên cây rồi ngủ ở trên ấy, cho nên gọi là Sào Phủ. Vua Nghiêu đem thiên hạ nhường cho, ông ta không nhận. Vua Nghiêu lại nhường cho Hứa Do, Do đem việc đó nói với Sào Phủ, Sào Phủ trả lời: "Sao ông không đem ẩn cái hình của ông đi, giấu cái ánh sáng của ông đi? Ông không phải là bạn của tôi vậy."

17. 誡弟子侄書

今年開科，以經義文段取士，入選者，有司引拔入京。青雲長途，學優者乃可投牒。

看爾等學殊孟浪，方須藏脩游息以待後次承休。世家子弟，已在齒胄之列，不比自白屋驟進，學力不足，希圖分外，以玷家聲也。爾輩叔侄在家，宜益相規勉，讀勤書史，以世有文人爲貴。至於科舉，自有定分。陶邴之事，貽笑大方，戒之戒之！勿以吾言爲迂遠不切。倘或有司逼勒不投牒者，以觀望見責，應縣考選閱，縱以鹵莽黜落，亦無所妨。切不可畫蛇刻鵠，力不足而彊爲，至於覆試不第，甚爲可恥。

道遠情懷，懸念爾等，飛翰寄示，心記無違。

仲春下浣書於南京旅寓，併報安寧爲喜。

PHIÊN ÂM:

GIỚI ĐỆ TỬ ĐIỆT THƯ

Kim niên khai khoa, dĩ kinh Nghĩa văn đoạn thủ sĩ, nhập tuyển giả, hữu ty dẫn bạt nhập kinh. Thanh vân trường đồ, học ưu giả nãi khả đầu điệp.

Khán nhĩ đẳng học thù mạnh lãng, phương tu tàng tu du tức dĩ đãi hậu thứ thừa hưu. Thế gia tử đệ, dĩ tại xỉ trụ chi lệ, bất tự tỉ bạch ốc sậu tiến, học lực bất túc, hi đồ phân ngoại, dĩ điếm gia thanh dã. Nhĩ bối thúc diệt tại gia, nghi ích tương quy miễn, độc cần thư sử, dĩ thế hữu văn nhân vi quý. Chí ư khoa cử, tự hữu định phận. Đào Bính chi sự, di tiếu đại phương, giới chi giới chi! Vật dĩ ngô ngôn vi vu viễn bất thiết. Thảng hoặc hữu ty bức lặc bất đầu điệp giả, dĩ quan vọng kiến trách, ứng huyện khảo tuyển duyệt, túng dĩ lỗ mãng truất lạc, diệc vô sở phương. Thiết bất khả hoạ sà khắc hộc, lực bất túc nhi cưỡng vi, chi ư phúc thí bất đệ, thậm vi khả sỉ.

Đạo viễn tình hoài, huyền niệm nhĩ đẳng, phi hàn ký thị, tâm ký vô vi.

Trọng xuân hạ hoán thư ư Nam Kinh để ngụ, tính báo an ninh vi hỉ.

DỊCH NGHĨA:

THƯ KHUYÊN BẢO EM, CON VÀ CHÁU

Năm nay mở khoa thi, lấy học trò đỗ bằng những bài Kinh nghĩa và văn sách.[1] Khi thi tuyển, quan hữu ty dẫn dắt, cất nhắc vào kinh. Bước đường mây xanh dài rộng, người học giỏi mới được nộp danh sách.

Xem ra, lũ chúng mày học thì đểnh đoảng, cần nên sửa chữa, đừng có chơi đùa, để đợi khoa sau sẽ gặp dịp tốt. Là con em nhà thế gia, đứng trong hàng đai mũ, không thể sánh với con em nhà thường dân, gặp bước tiến mau, sức học thì không đủ, nhưng mong muốn những việc ngoài bổn phận, để nhục tới danh tiếng gia đình. Chú cháu chúng mày ở nhà, càng nên bảo nhau cố gắng, chăm đọc sử sách, vì ở đời người có văn chương là quý. Đến như việc khoa cử, phận trời đã định. Truyện nhà Đào Bính, để lại trò cười cho các nhà đại gia, phải răn cấm, phải răn cấm! Chớ cho lời ta nói là viển vông không thiết thực. Nếu nhà chức trách cho việc không nộp danh sách ứng cử mà trách móc, thì khi ra ứng khảo hạch ở huyện, nếu có mỗ mãng mà bị đánh hỏng, cũng không hại gì. Cần nhất là không nên"vẽ rắn trổ chim", tài sức không đủ mà cứ miễn cưỡng làm, đến lúc thi lại, bị trượt, rất là hổ thẹn.

Đường xá xa xôi, trong lòng nhớ nhung, nghĩ tới các ngươi, mượn bút gửi lời, ghi lòng chớ trái.

Cuối tháng trọng xuân, viết ở nhà trọ Nam Kinh, và để báo tin bình an mà mừng.

18. 答雲耕制科陳伯覽書

道一而已，可仕則仕，可止則止。君子當求其義之安。賢侯科榜中人，必自有主見。忝嘗思之：士君子當大過之時，要在義理上秤停得當。有能獨立不懼，遯世無悶，成敗得喪，吉凶悔吝，不入乎胸中；生死以之，固是一理。至若以應義自處，而猶欲存身，以圖將來之利，是獨立而有懼心，遯世而有悶心，高明之見，豈其見不及此。稽諸前輩，遯世如富示高進士者，有取富貴之途，而逍遙自

得，是遯世而無悶，雲耕陳大王者，有可生存之路，而從容就義，是獨立而不懼也。前朝科榜，此二公其不可及已。若其不然，而尚欲留身於世，林泉托蹟，爲卜爲醫，是亦以處爲出之機。夫既挾機于心，當勤厥機；機也者利害大關頭，間不容髮。

蓋，凡獨立者可懼是嫌疑，遯世者可悶是艱難。潛形匿姓，依傍於人，此等情景，忝曾當之。然此時世事勢不得以名義自舍。行小過之時，固不離飛鳥也。

今賢侯之所謂獨立，遯世者則異夫是。曰“義存故國”，曰“不事二姓”。挾是以動其所依傍者爲懼悶中依傍之資。抑不知所依傍之人，果眞不以賢侯爲奇貨而眩鬻于罣魚弧烏之市乎？若是則懼而益懼，悶而益悶，其爲算抑亦左矣。

忝職與賢侯，曾于五龍樓前談詩之夕，見其明快高邁。致於年前使命，要以一行。本意賢侯爲應世中人，而非以富布，雲耕二賢之局，爲指南也。今賢侯當在，則指南車以留身爲子午。曷不於藏身之固之機緘上，一致其精意歟？夫！以稅床遠客，客不加損，而床足剝矣。果以違世爲留身之利，其去遠客爲剝床之害幾矣！賢達相處，當以肺肝相告，豈以形骸相索？縱使年前翻案，賢侯或以不美之字加諸忝職，此事設身處地，自古有之。鮑子豈以管子之貪怯，而易其相知之好者？側聞刑部堂大人薦書奉召，賢侯卒未敢到。或云：賢侯與忝職有些礙處，足相進而趑趄。拙意以爲非此之謂。是必賢侯於進退仕止之機定有主見，托此以爲辭耳。

相闊許久，聞賢侯雲遊之處，更有許多賢達君子，聊佈心腹，請以質諸大方可也。刑部堂大人，休休雅量，其於吾黨凡事要有周旋。倘相見，諒勿以忝職此篇議論爲迂。幸即應承君命，早赴槐階，握手之歡，十朋未足爲美。囑切佇切。茲肅書。

PHIÊN ÂM:

ĐÁP VÂN CANH CHẾ KHOA TRẦN BÁ LÃM THƯ [A]

Đạo nhất nhi dĩ, khả sĩ tắc sĩ, khả chỉ tắc chỉ. Quân tử đương cầu kỳ nghĩa chi an. Hiền Hầu khoa bảng trung nhân, tất tự hữu chủ kiến. Thiêm thường tư chi: Sĩ quân tử đương Đại Quá chi thời, yếu tại nghĩa lý thượng xứng đình đắc đương. Hữu năng độc lập bất cụ, độn thế vô muộn, thành bại đắc táng, cát hung hối lận, bất nhập hồ hung trung; sinh tử dĩ chi, cố thị nhất lý. Chí nhược dĩ ứng nghĩa tự xử,[b] nhi do dục tồn thân, dĩ đồ tương lai chi lợi, thị độc lập nhi hữu cụ tâm,[c] độn thế nhi hữu muộn tâm, cao minh chi kiến, khởi kỳ kiến bất cập thử. Kê chư tiền bối, độn thế như Phú Thị Cao tiến sĩ giả,[d] hữu thủ phú quý chi đồ,[e] nhi tiêu dao tự đắc, thị độn thế nhi vô muộn, Vân Canh Trần đại vương giả, hữu khả sinh tồn chi lộ, nhi thung dung tựu nghĩa, thị độc lập nhi bất cụ dã. Tiền triều khoa bảng, thử nhị công kỳ bất khả cập dĩ. Nhược kỳ bất nhiên, nhi thượng dục lưu thân ư thế, lâm tuyền thác tích, vi bốc vi y, thị diệc dĩ xứ vi xuất chi cơ. Phù ký hiệp cơ vu tâm, đương cần quyết cơ; cơ dã giả lợi hại đại quan đầu, gian bất dung phát.

Cái, phàm độc lập giả khả cụ thị hiềm nghi, độn thế giả khả muộn thị gian nan. Tiềm hình nặc tính, y bàng ư nhân, thử đẳng tình cảnh, thiêm tằng đương chi. Nhiên thử thời thế sự thế bất đắc dĩ danh nghĩa tự xá. Hành tiểu quá chi thời, cố bất ly phi điểu dã.

Kim Hiền Hầu chi sở vị độc lập, độn thế giả tắc dị phu thị. Viết "Nghĩa tồn cố quốc," viết "bất sự nhị tính." Hiệp thị dĩ động kỳ sở y bàng giả vi cụ muộn trung y bàng chi tư. Ức bất tri sở y bàng chi nhân, quả chân bất dĩ Hiền Hầu vi kỳ hoá nhi huyễn dục vu trạo ngư hồ điểu chi thị hồ? Nhược thị tắc cụ nhi ích cụ, muộn nhi ích muộn, kỳ vi toán ức diệc tả hĩ.

Thiểm chức dữ hiền hầu, tằng vu Ngũ Long lâu tiền đàm thi chi tịch, kiến kỳ minh khoái cao mại. Trí ư niên tiền sứ mệnh, yếu dĩ nhất hành. Bản ý Hiền Hầu vi ứng thế trung nhân, nhi phi dĩ Phú Thị, Vân Canh nhị hiền chi cục, vi chỉ nam dã. Kim Hiền Hầu đương tại, tắc chỉ nam xa dĩ lưu thân vi Tỷ Ngọ. Hạt bất ư tàng thân chi cố chi cơ giam thượng, nhất trí kỳ tinh ý dư? Phù! Dĩ thuế sàng viễn khách, khách bất

gia tổn, nhi sàng túc bác hĩ. Quả dĩ vi thế vi lưu thân chi lợi, kỳ khứ viễn khách vi bác sàng chi hại cơ hĩ! Hiền đạt tương xứ, đương dĩ phế can tương cáo, khởi dĩ hình hài tương sách? Túng sử niên tiền phiên án, Hiền Hầu hoặc dĩ bất mĩ chi tự gia chư thiêm chức, thử sự thiết thân xứ địa, tự cổ hữu chi. Bào Tử khởi dĩ Quản Tử chi tham khiếp, nhi dị kỳ tương tri chi hảo giả? Trắc văn Hình bộ đường đại nhân tiến thư phụng triệu, Hiền Hầu tốt vị cảm đáo. Hoặc vân: Hiền Hầu dữ thiêm chức hữu ta ngại xứ, túc tương tiến nhi thư ngộ. Chuyết ý dĩ vi phi thử chi vị. Thị tất Hiền Hầu ư tiến thoái sĩ chỉ chi cơ định hữu chủ kiến, thác thử dĩ vi từ nhĩ.

Tương khoát hứa cửu, văn Hiền Hầu vân du chi xứ, cánh hữu hứa đa hiền đạt quân tử, liêu bố tâm phúc, thỉnh dĩ chất chư đại phương khả dã. Hình bộ đường đại nhân, hưu hưu nhã lượng, kỳ ư ngộ đảng phàm sự yếu hữu chu tuyền. Thẳng tương kiến, lượng vật dĩ thiêm chức thử thiên nghị luận vi vu. Hạnh tức ứng thừa quân mệnh, tảo phó hoè giai, ác thủ chi hoan, thập bằng vị túc vi mỹ. Chúc thiết trữ thiết. Tư túc thư.

DỊCH NGHĨA:

THƯ GỬI CHẾ KHOA TRẦN BÁ LÃM Ở VÂN CANH[1]

Đạo chỉ có một mà thôi, khi nên ra làm thì làm quan, khi nên nghỉ thì nghỉ. Người quân tử phải tìm cái chỗ đúng nhất của cái nghĩa này. Hiền Hầu là người trong khoa bảng, tất nhiên tự mình có chủ kiến. Tôi thường nghĩ: Người sĩ quân tử ở vào thời kỳ Đại Quá[2] nên cân nhắc cho đúng về mặt nghĩa lý. Có người có thể đứng một mình không sợ, trốn đời không buồn, được thua còn mất, gian tối dữ lành, không mảy may để bụng; sống chết bằng cái đó cũng là một lý. Còn như kẻ tự cho mình là làm theo việc nghĩa, nhưng lại còn muốn lưu tấm thân này để mưu cái lợi về sau, thì tất nhiên đứng một mình mà có lòng lo sợ, trốn đời mà có lòng buồn, kẻ sĩ cao minh há không thấy điều đó sao. Xét ở bậc tiền bối trốn đời như tiến sĩ họ Cao ở Phú Thị,[3] coi khinh giầu sang mà tiêu dao tự tại, đó là trốn đời mà không buồn, đứng một mình như đại vương họ Trần ở Vân Canh,[4] có con đường có thể sống mà ung dung đi con đường chết vì nghĩa, như thế là đứng một mình mà không sợ. Những bậc khoa bảng triều trước hai vị này là những người không thể sánh kịp. Nếu không được như vậy

mà còn muốn lưu tấm thân ở đời, gửi dấu ở suối rừng, làm thày thuốc, thày bói, đó cũng chỉ lấy cái ở ẩn để làm cái cơ may xuất hiện. Phàm đã ôm cái cơ may trong lòng thì thường ngay ngáy với cơ may; cơ may đó là cái quan ải của lợi hại, khe hở không lọt sợi tóc.

Đại phàm, kẻ đứng một mình, điều đáng sợ là hiểm nghi, kẻ trốn đời điều đáng buồn là gian khổ. Náu hình dấu họ nương tựa nơi người, tình cảnh nay, tôi từng chịu đựng. Nhưng, thời thế lúc ấy, sự thể của tôi, không cho phép tự đứng vào danh nghĩa gì. Ở vào thời Tiểu Quá,[5] cố nhiên không khác gì con chim bay trốn tránh.

Ngày nay, cái mà Hiền Hầu bảo là "độc lập", "trốn đời" thì lại khác hẳn thế. Hiền Hầu nói rằng "nghĩa phải bảo tồn nước cũ," rằng "không thờ hai họ," rồi đem cái đó khích động người mà mình nương tựa để làm cái vốn liếng nhờ cậy trong khi buồn bã sợ sệt. Thực là khó biết con người mà Hiền Hầu nương tựa, có quả thực không cho Hiền Hầu là món hàng quý lạ đem bán rao ở chợ, cá lưới, chim cung hay không? Nếu vậy thì lại sợ càng sợ, buồn lại càng buồn, tôi e rằng sự tính toán của Hiền Hầu có phần lầm lỡ.

Tôi cùng Hiền Hầu đã từng có lúc bàn thơ ở trước lầu Ngũ Long. Tôi thấy Hiền Hầu là người cao minh linh lợi, cho nên việc sứ mệnh năm trước mời Hiền Hầu cùng đi một thể. Bản ý Hiền Hầu là người ra ứng dụng với đời, chứ không đem cái ý cục diện của hai vị hiền giả ở Phú Thị và Vân Canh làm kim chỉ nam cho mình. Nay Hiền Hầu còn đó, thì kim chỉ nam lấy lưu tấm thân mình làm phương Tý Ngọ. Vì sao không dốc hết tâm lực của mình đối với sự biến hoá của khí vận là nơi bền vững nhất của việc tàng thân? Ôi! Dời giường để xa khách, khách có thiệt thòi gì đâu, nhưng chân giường bị xước. Nếu quả lấy việc ngoảnh lưng lại với đời làm cái lợi lưu lại tấm thân, thì so với cái hại tránh khách xước chân giường cũng không xa làm mấy! Kẻ hiền đạt ăn ở với nhau, nên bảo cho nhau bằng điều tâm huyết, đâu phải là đem chuyện hình hài mà trói buộc lẫn nhau? Mặc dù vụ án năm trước, Hiền Hầu có lúc dung lời không đẹp gán cho bản chức, việc đó nếu đặt địa vị mình vào địa vị ấy, thì từ xưa vẫn có. Bão Tử há cho Quản Tử là người tham và nhát mà thay đổi cái nghĩa tương tri? Riêng nghe quan bộ Hình gửi thư kính mời, rốt cuộc Hiền Hầu vẫn chưa dám tới. Hoặc có người cho rằng: Hiền Hầu và bản chức tôi có

chỗ nghi ngại, đủ làm cho Hiền Hầu sắp đi tới mà lại chần chừ. Ý tôi cho rằng không phải như vậy. Đó ắt là Hiền Hầu có chủ kiến đối với thời tiến lui xuất xử, cho nên thác ra như vậy để làm điều từ chối.

Xa nhau lâu ngày, nghe nơi chỗ Hiền Hầu lui tới, có nhiều bậc hiền nhân quân tử, tôi tạm thổ lộ tâm can, xin Hiền Hầu nên đem điều đó trao đổi với các bậc hiền đạt mới được. Quan Hình bộ là người hiền hoà và độ lượng, ông đối với bọn ta, mọi việc đều làm chu đáo lắm. Nếu như gặp mặt, hẳn Hiền Hầu không cho thiên nghị luận này của bản chức là điều vu khoát. Mong Hiền Hầu mau ứng mệnh vua, sớm tới thềm hoè, tay bắt mặt mừng, dù bao nhiêu tặng vật cũng chưa đẹp bằng. Nhấn nhủ tha thiết, trông đợi ân cần. Nay kính thư.

Mai Quốc Liên (dịch)

(Theo *Tuyển tập Thơ văn Ngô Thì Nhậm* – S đ d)

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/9: Gián Vân Canh Chế khoa Trần hầu thư 柬云耕制科陳侯書

b. Bản A.117/9: Chí như giao giao nhiễu nhiễu dĩ danh nghĩa tự sá 至如膠膠擾擾以名義自詫

c. Bản A.117/9: Tất nhiên độc lập do hữu cụ tâm 必然獨立猶有懼心

d. Bản A.117/9: Phú Thị tiên sinh 富市先生

e. Bản A.117/9: Bạc thị phú quý 薄視富貴

CHÚ THÍCH:

1. Chế khoa Trần Bá Lãm, đỗ Tiến sĩ chế khoa năm Đinh Mùi (1787).

2. Đại Quá: Tên một quẻ trong *Kinh Dịch*, "Quá" tức "vượt quá". Đem việc đời làm thí dụ, như các bậc thánh nhân "vượt quá" lễ thường để cứu chữa hoạn nạn.

3. Phú Thị Cao tiến sĩ, chưa rõ là ai.

4. Vân Canh Trần đại vương, chưa rõ.

5. Tiểu Quá: Tên một quẻ trong *Kinh Dịch*: Lời đại tượng quẻ Tiểu Quá nói: "Quân tử đi hạnh quá hồ cung, tang quá hồ ai, dụng quá hồ kiệm" (Người quân tử hạnh quá cung kính, tang quá bi ai, dùng quá kiệm ước).

***

HIỂU - ƯỚC - ĐÁP - DẪN - BIỆN - THUYẾT

Thể loại này, mỗi loại có một vài bài, được chép rải rác xen kẽ với các thể loại khác trong tập *Kim mã hành dư,* vì tính đa dạng, nên nội dung khá phong phú, phản ánh nhiều mặt về cuộc sống và những hoạt động của Ngô Thì Nhậm. Những bài này tập hợp trong tùng thư *Ngô gia văn phái,* với các ký hiệu Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm: A.117c/2, A.117/9, VHv.1743/18, VHv.1743/19, VHv.1743/21, VHv.1743/28, VHv.16/6, VHv.16/7, A.117/10...

Do có một số bài nội dung gần như nhau, có bài lượng thông tin không có là bao, v.v..., nên chưa dịch, đó là 2 bài sắc phong, 1 bài tiễn, 1 đơn, 1 bài đáp, 1 bài thiếp, xin kê tên sau đây để bạn đọc nắm được toàn cục tác phẩm:

Sắc phong Đại đô đốc Huyên Hoà hầu 敕封大都督暄和侯 Sắc phong cho Đại đô đốc Huyên Hoà hầu. Sắc đời Tây Sơn, thể biền ngẫu. Thăng cho Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân Đại điểm kiểm, Hầu tước, thống quản mọi việc ở Cấm vệ.

Sắc phong Mỗ quan tước 敕封某官爵 Sắc cho quan tước Mỗ... Sắc thời Tây Sơn, thể biền ngẫu. Bài sắc mẫu dùng cho quan văn hoặc võ chung chung...

Ninh Tập xã Bảo thần đơn 寧集社保神單 Đơn bầu thần làm Thành hoàng cho xã Ninh Tập. Viết thời Tây Sơn, xã làm đình, xin bầu Quý Hầu (không rõ tên), là công thần nhà Chúa cũ, nhưng vì có công với xã nên bầu làm Thành hoàng.

Đáp phó Bắc Thành Giám thị 答付北城監市 Đáp phó về việc được làm Giám thị ở Bắc Thành. Viết thời Tây Sơn, thể biền ngẫu. Có nói việc lập ngôi đền thờ Khổng Tử và các tiên nho ở khu đất sau đài Ngự sử. Có đơn của xóm Minh Triết, cạnh Quốc Tử Giám, xin sau khi Ngô Thì Nhậm qua đời được phối hương ở đó. Lại đặt 2 mẫu 2 sào ruộng, 1 ao 1 sào 8 thước, để đèn hương muôn thuở. Số ruộng ao đó mua lại của riêng quan Quốc lão Hoản Quận công triều trước.

Thướng Nghiêm thân xuân nghi thiếp 上嚴親春儀帖 Thiếp mừng xuân dâng lên Nghiêm thân. Thể biền ngẫu. Làm Đốc đồng ở Thái Nguyên, từ xa dâng thư chúc thọ cha.

Tiễn đồng niên Đồng Hương Phó sứ hạ từ 餞同年桐鄉副使賀詞 Lời mừng tiễn bạn đồng khoa người làng Đồng Hương sung chức Phó sứ. Thể biền ngẫu. Đó là bạn Đỗ Huy Cư, người làng Đồng Hương, huyện Đông Sơn, Thanh Hoa, 30 tuổi đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775), sung chức Phó sứ, mất trên đường đi sứ (*Đăng khoa lục*).

1. 縣祭曉

嘗聞：詩稱多士，賢關何限百千；論取四科，聖域豈拘衡尺。

故學以彬彬爲盛；而祭必濟濟攸宜。

凡從事於儒流；亦同尊夫道統。

苟設爲界限，嚴其防畛，專論科舉，乃執籩豆，非樂育樊勸合敬同愛之道也。

本縣敬祭先賢祠宇，原在青威社地分。從前縣文會例，自鄉貢以上，其儒生生徒書算止預社文會，不預縣文會。學生士人專門受業，亦不得預社文會。春秋丁後二祭，預祭者以此爲限，參之作人知禮之訓，甚相背馳。

今奉熙朝，道弘教育，不以科途限士。凡自小學以上，皆得鼓篋登堂，矧縣社斯文時祭奉璋，並宜因循舊例，備辦祭禮，至祭日並就縣祠宇行禮，不必私設社文會，亦不專限試中科場，凡有學識字，情願入縣士者，咸得駢集瞻拜，以顯文風之盛，昭儒道之公。

夫周流磅礴，聖道所以爲大，藹藹洋濟，人才所以爲盛。周道四達，禮教所以爲廣，萬殊一本，莫不由斯。凡我士流並宜體認，毋以創見爲詫異，亦毋以通融爲難行。茲曉。

PHIÊN ÂM:

HUYỆN TẾ HIỂU

Thường văn: Thi xưng đa sĩ, hiền quan hà hạn bách thiên; Luận thủ tứ khoa, thánh vực khải câu hành xích.

Cố học dĩ bân bân vi thịnh; nhi tế tất tế tế du nghi.

Phàm tòng sự ư nho lưu; diệc đồng tôn phù đạo thống.

Cẩu thiết vi giới hạn, nghiêm kì phòng chẩn, chuyên luân khoa cử, nãi chấp biên đậu, phi lạc dục tưởng khuyến hợp kính đồng ái chi đạo dã!

Bản huyện kính tế Tiên hiền từ vũ, nguyên tại Thanh Oai xã địa

phận. Tòng tiền huyện Văn hội lệ, tự Hương cống dĩ thượng, kỳ Nho sinh Sinh đồ Thư toán chỉ dự xã Văn hội, bất dự huyện Văn hội. Học sinh sĩ nhân chuyên môn thụ nghiệp, diệc bất đắc dự xã Văn hội. Xuân thu Đinh hậu nhị tế, dự tế giả dĩ thử vi hạn, tham chi tác nhân tri lễ chi huấn, thậm tương bối trì.

Kim phụng hy triều, đạo hoằng giáo dục, bất dĩ khoa đồ hạn sĩ. Phàm tự tiểu học dĩ thượng, giai đắc cổ tư đăng đường, thẩn huyện xã Tư văn thời tế phụng chương, tịnh nghi nhân tuần cựu lệ, bị biện tế lễ, chí tế nhật tịnh tựu huyện từ vũ hành lễ, bất tất tư thiết xã Văn hội, diệc bất chuyên hạn thí trúng khoa trường, phàm hữu học chức tự, tình nguyện nhập huyện sĩ giả, hàm đắc biền tập chiêm bái, dĩ hiển văn phong chi thịnh, chiêu nho đạo chi công.

Phù chu lưu bàng bạc, thánh đạo sở dĩ vi đại, hoàn ái dương tế, nhân tài sở dĩ vi thịnh. Chu đạo tứ đạt, lễ giáo sở dĩ vi quảng, vạn thù nhất bản, mạc bất do tư. Phàm ngã sĩ lưu tịnh nghi thể nhận, vô dĩ sáng kiến vi sá dị, diệc vô dĩ thông dung vi nan hành. Tư hiểu.

DỊCH NGHĨA:

BÀI HIỂU THỊ VỀ LỆ TẾ TIÊN HIỀN CỦA HÀNG HUYỆN

Từng nghe: *Kinh Thi* khen nhiều kẻ sĩ,[1] cửa danh hiền nào hạn mức trăm nghìn; sách *Lễ Luận* nói lấy bốn khoa,[2] cửa chí thánh há buộc tầm cân thước.[3]

Nên việc học lấy rực rỡ là thịnh; mà hội tế cầu tấp nập làm hơn.

Phàm đã theo sự nghiệp nhà nho; thì cùng được tôn sùng mối đạo.

Nếu đặt ra giới hạn, nghiêm việc đề phòng, chuyên bàn khoa cử, mới được cầm khay chén để cúng tế, thì không phải là cái đạo vui đường giáo dục, khen ngợi khuyến khích, cùng lòng kính ái vậy!

Toà đền tế Tiên hiền của huyện ta, nguyên ở địa phận xã Thanh Oai. Trước kia lệ Văn hội hàng huyện, phải từ Hương cống trở lên. Còn Nho sinh, Sinh đồ, Thư toán, chỉ được dự Văn hội ở xã mình, chứ không được dự Văn hội hàng huyện. Những học sinh, sĩ nhân chuyên môn học tập, cũng không được dự Văn hội xã. Hai ngày tế Đinh[4]về mùa xuân mùa thu, những người dự tế vẫn lấy thế làm hạn mức, tham khảo lời dạy "tác nhân, tri lễ" rất là trái ngược.[5]

Nay gặp triều đại trị bình, mở rộng giáo dục, không vì con đường

khoa cử mà hạn chế kẻ sĩ. Phàm từ cấp tiểu học trở lên, đều được cấp cặp lên thềm, huống chi dâng ngọc chương[6] trong khi tế Tư văn ở huyện ở xã, hết thảy theo lệ cũ, sửa lễ phẩm, đến ngày tế cùng tới Văn từ hàng huyện làm lễ, bất tất phải đặt riêng Văn hội xã nhà, cũng không hạn chế riêng người thi đỗ khoa trường, phàm đã có học biết chữ, tình nguyện vào làm sĩ tử hàng huyện đều được thu nhận làm lễ, để tỏ sự thịnh vượng của văn phong, làm sáng đạo chí công của nhà nho.

Ôi! Tràn trề đầy rẫy, đạo thánh thế mới là lớn; rực rỡ đông đảo, nhân tài thế mới là thịnh. Khắp đường bốn ngả, lễ giáo thế mới là rộng. Muôn khác mà cùng một gốc, không gì là không từ đấy mà ra ! Phàm các phái sĩ phu ta, đều nên thể nhận, chớ coi việc mới thấy mà cho là lạ, cũng chớ coi việc đồng đều cả mà cho là khó làm. Nay hiểu thị!

CHÚ THÍCH:

1. *Kinh Thi*, thơ *Chu tụng*: Ôi nhà Thanh miếu sâu thẳm, những người nào giúp việc cúng tế kính cẩn hòa nhã, tấp nập nhiều kẻ sĩ, đều chấp hành đức hóa của ông Văn Vương (Ô mục thanh miếu, Túc ung hiển tướng, Tề tề đa sĩ, Bỉnh văn chi đức).

2. *Luận ngữ*, thiên *Tiên tiến*: Khoa Đức hạnh có Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên, Nhiễu Bá Ngưu, Trọng Cung; khoa Ngôn ngữ có Tể Ngã, Tử Cống; khoa Chính sự: Nhẫm Hữu, Quý Lộ; khoa Văn học: tử Du, Tử Hạ, gồm 4 khoa, do Khổng Tử tùy tài của từng người mà dạy.

3. Cân, chiếc cân để cân nặng nhẹ; Thước, chiếc thước để đo đạc dài ngắn.

4. Đinh, thuộc về phương nam, chủ về văn minh, nên lễ văn miếu thường dùng ngày đó.

5. "Tác nhân tri lễ," nguyên văn viết chữ "nhân" là người, nghi viết là sai, vì "nhân" là nhân nghĩa mới đúng. Đầu sách *Tam tự* có câu: Nhĩ tiểu sinh, bát cửu tử, giai tác nhân, khả tri lễ (Học trò nhỏ chúng mày, tám chín anh, cùng làm điều nhân, có thể biết được lễ).

6. Ngọc Chương là thứ ngọc dùng để tế. *Chu Lễ*: Quan Đại Tông Bá dùng ngọc xích chương (ngọc chương sắc đỏ) để lễ phương nam.

2. 考補禮生約

曾聞：禮有五經，率神莫重於祭；道無二致，成俗必始於鄉。

故小生禮要可知；而君子和之爲貴。

惟我本邑；發秀右文。

一水灣環，文派擅三唐之譽；五山影照，武星標二宋之芳。

向年兩會，人士多私；今日同文，儀章如一。

禮匪云玉帛，敬愛同罔不是乎；道豈限宮牆，成就廣於斯爲盛。

凡諸試中科場、考中禮生之士，許以齒於員目，列於祭宴之儀。

此番結綬聯纓，既是衣冠之濟膝；他日鳴珂疊笏，行看圭璧之顒昂。

慶並會於尚書；美兼完於仁里。

條則如左；率履無違。

茲約：

一遞年春秋二祭，並用已日，設祭在朝官家，輪流爲常。

一會士自七十歲以上陞會，依如舊例。

一司祭四員，會給錢數，整辦祭物，以會士右幹辦者爲之。

一坐次科場與禮生，以齒爲序。

一祭田給耕收稅，以補收斂之缺。

一祭期給錢，朝官三品以上，給古錢一貫，五品以上，給古錢八陌，八品以上，給古錢六陌，會士給古錢三陌，惟會老給應隨心酌補。

PHIÊN ÂM:

KHẢO BỔ LỄ SINH ƯỚC

Tăng văn: Lễ hữu ngũ kinh, suất thần mạc trọng ư tế; đạo vô nhị trí, thành tục tất thủy ư hương.

Cố tiểu sinh lễ yếu khả tri; nhi quân tử hòa chi vi quí.

Duy ngã bản ấp; phát tú hữu chi.

Nhất thủy loan hoàn, văn phái thiện Tam Đường chi dự; ngũ sơn ảnh chiếu, Vũ tinh tiêu nhị Tống chi phương.

Hướng niên lưỡng hội, nhân sĩ đa tư; kim nhật đồng văn, nghi chương như nhất.

Lễ phỉ vân ngọc bạch, kính ái đồng võng bất thị phù; đạo khải hạn cung tường, thành tựu quảng ư tư vi thịnh.

Phàm chư thí trúng khoa trường khảo trúng Lễ sinh chi sĩ, hứa dĩ

xỉ ư Viên mục, liệt ư tế yến chi nghi.

Thử phiên kết thụ liên anh, kí thị y quan chi tế tất; tha nhật minh kha điệp hốt, hành khán Khuê Bích chi ngung ngang.

Khánh tịnh hội ư thượng thư; mĩ kiêm quan ư nhân lý.

Điều tắc như tả; suất lý vô vi.

Tư ước:

Nhất đệ niên xuân thu nhị tế, tịnh dụng Tỵ nhật, thiết tế tại Triều quan gia, luân lưu vi thường.

Nhất hội sĩ tự thất thập tuế dĩ thượng thăng hội, y như cựu lệ.

Nhất tỉ tế tứ viên, Hội cấp tiền số, chỉnh biện tế vật, dĩ Hội sĩ hữu cán biện giả vi chỉ.

Nhất tọa thứ khoa trường dữ Lễ sinh, dĩ xỉ vi tự.

Nhất tế điền cấp canh thu thuế, dĩ bổ thu liễm chi khuyết.

Nhất tế kì cấp tiền, Triều quan tam phẩm dĩ thượng, cấp cổ tiền nhất quán, ngũ phẩm dĩ thượng, cấp cổ tiền bát mạch, bát phẩm dĩ thượng, cấp cổ tiền lục mạch, Hội sĩ cấp cổ tiền tam mạch, duy Hội lão cấp ứng tuỳ tâm trước bổ.

DỊCH NGHĨA:

XÉT BỔ THÊM ĐIỀU ƯỚC LỄ - SINH

Từng nghe: Lễ có 5 thường,[1] kính thần minh không gì trọng hơn là tế lễ; đạo không hai lối, thành tục tốt tất trước phải ở chốn hương thôn.

Nên kẻ tiểu sinh cần nên biết lễ; mà người quân tử phải biết dĩ hoà vi quí.

Như làng ta đây; phát chi hữu thịnh.

Một dòng nước lượn, mạch văn chương nêu danh dự buổi Tam Đường;[2] năm bóng non soi, sao Vũ Khúc[3] nổi dấu thơm nhà nhị Tống.[4]

Trước kia hai hội, số nhiều nhân sĩ chia riêng; nay buổi đồng văn, hợp cả cúng tế như một.

Lễ không cần phải ngọc lụa, kính thành một dạ, là được cảm thông; đạo đâu hạn ở cung tường, thành tựu rộng đường đi thì nay mới thịnh.

Phàm những sĩ phu: Ai thi trúng khoa trường, ai khảo trúng Lễ sinh, cùng được dự vào Viên mục, biên vào nghi thức trong văn tế và yến ẩm.

Phen này thắt khuy liền giải, đều cùng áo mũ xênh sang; rồi sau

trâm hốt chen đai, chờ ngắm Bích Khuê[5] mầu nhã nhặn.

Toà Thượng thư phúc lành tụ họp;[6] cảnh xóm làng tục tốt hoàn toàn.[7]

Điều lệ như sau; noi theo chớ trái!

Nay có lời hẹn ước rằng:

1. Mỗi năm 2 kỳ tế xuân và thu, đều dùng ngày Tị tổ chức tế ở nhà vị Triều quan,[8] cứ luân chuyển mãi.

2. Sĩ nhân trong hội, tuổi 70 trở lên được thăng thứ bậc theo như lệ cũ.

3. Có 4 viên tổ chức việc tế, do Hội bỏ tiền ra để sắm sửa lễ vật. Viên đó do chọn sĩ nhân trong Hội, ai đảm đương tốt thì cho làm.

4. Ngôi thứ chỗ ngồi: Khoa trường cũng như Lễ sinh, theo tuổi mà ngồi theo tứ bậc.

5. Ruộng tế: Phát canh rồi thu tô, để đỡ phải đóng góp, thiếu thốn.

6. Góp tiền vào kỳ tế: Triều quan từ tam phẩm trở lên, góp cổ tiền 1 quan; ngũ phẩm trở lên, góp cổ tiền 8 mạch; bát phẩm trở lên, góp cổ tiền 6 mạch; sĩ tử trong Hội, góp cổ tiền 3 mạch; duy những cụ già trong Hội tùy tâm quyên góp, miễn lệ bổ.

CHÚ THÍCH:

1. Theo lễ Triều châu, có 5 lễ tế lớn trong mỗi năm, là Đế, Cáp, Tổ, Tông, Báo, là tế tổ và tế thần.

2. Tam Đường: Sơ Đường, Thịnh Đường và Văn Đường, một triều Đường văn thơ chia ba đời khác nhau. Nên có câu: "Đường văn tam hiến."

3. Vũ Khúc, một vì sao chủ về việc võ. Đây nguyên văn "Vũ tinh," nghi là "Văn tinh," vì điều ước nói về Văn hội.

4. Nhị Tống: Tống Tường, em là Tống Kỳ, cùng đỗ Tiến sĩ một khoa, người đời gọi Nhị Tống.

5. Bích Khuê: Hai thứ ngọc dùng để phân thứ bậc của các quan. *Chu Lễ*: Lấy ngọc làm 6 chiếc bài(lục thuỵ) để chia rõ thứ bậc, tước Vương thì cầm ngọc trấn khuê, tước Công thì cầm ngọc Hoàn khuê, tước Hầu thì cầm ngọc Tín khuê, tước Tử thì cầm ngọc Cốc bích, tước Nam thì cầm ngọc Bồ bích. Ngọc Khuê thì hình vuông, ngọc Bích thì hình tròn.

6. Nguyên văn: "Khánh tịnh hội ư Thượng thư" chưa hiểu điển, tạm dịch cho xuôi nghĩa.

7. *Luận ngữ:* Khổng Tử nói: "Làng có nhân hậu là tục tốt, thế mà chọn lại không ở vào làng nhân hậu đó, thì sao được gọi là người khôn (Lý nhân vi mỹ, trạch bất xử nhân, yên đắc trí).

8. Triều quan: Quan chức có sắc mệnh triều đình phong cho, từ cửu phẩm lên tới nhất phẩm.

3. 論文示弟學遜氏

頃因陳子“文章太極之粹”一句，靜思甚有意味。太極文章，上著爲日月星辰，中發爲聖賢經傳，下辨爲川岳河海。而日月星辰，山岳河海，所以錯行流峙之情不可見。其形則可得而知。惟聖賢經傳，盡發太極之性情，形體者。夫太極者道也，性情形體者道之隱質也。有待於文章而著。

自生民以來，文章之聖，莫如孔子。孔子文章，見於六經。六經之蘊，只是渾然一太極，太極之道，六經特載之爾。然則，六經者舟也，道者舟中人也。孔子以道爲體，以六經爲舟，故曰百家風濤而中流帖然不動。楊朱，墨翟，韓非，李斯之徒，破壞之而不沉，如日月星辰，昏霾不能掩其光明；山岳河海，煙霧不能損其高深。是之謂太極之粹。

孟子七篇以後，楊之太玄，韓之原道，周之易通，程之易傳，張之啓蒙，邵之經世，皆六經之餘裔，然其發揮闡奧，主意不一。朱子出而集其大成。朱子文章，大要從六經舟中補緝滲漏。而其粹在大學，中庸“或問”。於渾然無所窮際而求其歸宿，不出眞積，力踐，主敬，窮理。眞積，力踐其體也，主敬，窮理其用也。

朱子之後，眞德秀，魏了翁，許衡，姚樞，劉因，吳澄之徒，蓋文章家之知道者；而其眞見則劉因爲長。劉因退齋記曰：“挾老氏之術者，以一時之利害，節量天下之休戚，其終必至於悟國害民。然而猶立萬物之表，而不受其責焉，且方以孔孟之時義，程朱之名理，自居不疑，而人亦莫之奪”。此其文章之有理，蓋有深識孔孟程朱之妙處矣。何言老子之術？蓋聖賢之眞積，實踐茫然無從理會，止從主敬，窮理用工。而主敬之效，至於凝神，默識，危

坐定想，把敬字作寂寞，無運動底事物。窮理之效，至於主心茫昧，高談轉空，執此理作虛白，不可執著底事物。不惟不能得其粹，反以益其駁，是豈文章之流弊歟？抑粹之反而爲漓？若日月星辰之錯行，高明之極，變而爲晦蝕，山岳河海之流峙，悠久之極變而崩竭，戾氣感召所致。學主敬窮理而至於駁，乃高明泛溢所致。若其所謂粹者，更無時而漓矣。

朱子同時，惟蔡，陸二子。陸以主敬爲學，蔡以窮理爲學。朱子以"正"貫之，二子皆深造夫粹。但學者不能體認其謂粹之本領，故宏深凝遠之士，學主敬則流於禪，學窮理則流於莊。其流蓋不自知其然而然。此學者不能博學詳說約之病也。故嘗曰：孔子之文章，一太極也。孟子以後諸儒，太極生兩儀也。朱子以後諸儒，兩儀生四象也。四象變化而庶類繁夥。既繁夥矣，則不能純粹，其弊至於駁。苟既駁矣，則所謂文章者，土苴焉耳。不能變化其氣質，存養其心性，走入禪莊去了。雖欲省番身，截吾文，去華就實，刪訛爲淳，而不可得矣。

細看陳子之詩如曰：

古人誰至今
今人倏成古。
聖賢去不歸，
智愚同一路。

又曰：

才多道所憎，
學廣人爭妒。
聰明鑿混沌，
英發喪衷素。

則其意近於莊。當今學力才品如此子者，誠不易得。看來似未見

本領。聞其初時，與從石洞遊。石洞文字如不繫之舟，泛駕之馬，英氣雄談，卻無把定骨子，故其氣質心性亦然。謂之能文之士則可，謂之博文約禮之士則不可。此陳子師友淵源之所自也。率此以往，殆孔門之所謂狂簡者，其究也挾老子之術，而居孔孟之時義，程朱之應理天下之受禍不淺矣。

雖然此眞可與進。今爲學者安得有此等人而與之言文章哉？是必其氣質，心性乃聰明英發底人。要之，聰明英發，非是尤物。但患不能之耳。苟能之而涵養其聰明，蘊蓄其英發於純粹地步特一蹴耳。夫！今人古人，同此人也。思所以立人之道何如？“聖賢去不歸”，然未嘗去也，思所以希聖希賢之事業何如？“智愚同此路”，而路有智愚也，從其智則無顛躓之患矣。“才多道所憎”，才多而不驕吝，誰憎之乎？“學廣人爭妒”，學廣而不自立異，誰妒之乎？吾之聰明足以辨宇宙內事，而不鑿混沌；吾之英發，足以悟上帝降衷，而不喪衷素，樂而行之憂而違之。此意渾然，動靜一太極也。此豈非夫子之文章之粹之可聞者歟？苟能求其所謂粹之本領而用力焉，則華不期去而自去，訛不期刪而自刪，可以返淳實而全吾眞矣。

續筆書之，公意云何，抑可以語陳子否？

PHIÊN ÂM:

LUẬN VĂN THỊ ĐỆ HỌC TỐN THỊ

Khoảnh nhân Trần Tử “Văn chương Thái cực chi túy” nhất cú, tĩnh tư thậm hữu ý vị. Thái cực văn chương, thượng trứ vi nhật nguyệt tinh thần, trung phát vi thánh hiền kinh truyện, hạ biện vi xuyên nhạc hà hải. Nhi nhật nguyệt tinh thần, sơn nhạc hà hải, sở dĩ thố hành lưu trĩ chi tình bất khả kiến. Kỳ hình tắc khả đắc nhi tri. Duy thánh hiền kinh truyện, tận phát Thái cực chi tính tình, hình thể giả. Phù, Thái cực giả Đạo dã, tính tình hình thể giả, Đạo chi ẩn chất dã. Hữu đãi ư văn chương nhi trứ.

Tự sinh dân dĩ lai, văn chương chi thánh, mạc như Khổng Tử.

Khổng Tử văn chương, kiến ư lục Kinh. Lục Kinh chi ổn, chỉ thị hồn nhiên nhất Thái cực, Thái cực chi Đạo, lục Kinh đặc tải chi nhĩ. Nhiên tắc, lục Kinh giả chu dã, Đạo giả chu trung nhân dã. Khổng Tử dĩ Đạo vi thể, dĩ lục Kinh vi chu, cố viết bách gia phong đào nhi trung lưu thiếp nhiên bất động. Dương Chu, Mặc Địch, Hàn Phi, Lý Tư chi đồ, phá hoại chi nhi bất trầm, như nhật nguyệt tinh thần, hôn mai bất năng yểm kì quang minh; sơn nhạc hà hải, yên vụ bất năng tổn kì cao thâm. Thị chi vị thái cực chi túy.

Mạnh Tử thất thiên dĩ hậu, Dương chi Thái huyền, Hàn chi Nguyên đạo, Chu chi Dịch thông, Trình chi Dịch truyện, Trương chi Khải mông, Thiệu chi Kinh thế, giai lục Kinh chi dư duệ, nhiên kỳ phát huy khổn áo, chủ ý bất nhất. Chu Tử xuất nhi tập kì đại thành. Chu Tử văn chương, đại yếu tòng lục Kinh chu trung bổ tập thẩm lậu. Nhi kì túy tại Đại học, Trung dung Hoặc vấn. *Ư hồn nhiên vô sở cùng tế nhi cầu kì quy túc, bất xuất chân tích, lực tiễn, chủ kính, cùng lý. Chân tích, lực tiễn kỳ thể dã, chủ kính, cùng lý kì dụng dã.*

Chu Tử chi hậu, Chân Đức Tú, Ngụy Liễu Ông, Hứa Hành, Diêu Khu, Lưu Nhân, Ngô Trừng chi đồ, cái văn chương gia chi tri đạo giả. Nhi kỳ chân kiến tắc Lưu Nhân vi trưởng. Lưu Nhân Thoái Tề ký *viết: Hiệp lão thị chi thuật giả, dĩ nhất thời chi lợi hại, tiết lượng thiên hạ chi hưu thích, kỳ chung tất chí ư ngộ quốc hại dân. Nhiên nhi do lập vạn vật chi biểu, nhi bất thụ kỳ trách yên, thả phương dĩ Khổng, Mạnh chi thời nghĩa, Trình Chu chi danh lý, tự cư bất nghi, nhi nhân diệc mạc chi đoạt." Thử kỳ văn chương chi hữu lý, cái hữu thâm thức Khổng, Mạnh, Trình, Chu chi diệu xứ hĩ. Hà ngôn Lão Tử chi thuật? Cái thánh hiền chi chân tích, thực tiễn*[a] *mang nhiên vô tòng lý hội, chỉ tòng chủ kính, cùng lý dụng công. Nhi chủ kính chi hiệu, chí ư ngưng thần, mặc thức, nguy toạ định tưởng, bả kính tự tác tịch mịch, vô vận động để sự vật.*[b] *Cùng lý chi hiệu, chí ư chủ tâm mang muội, cao đàm chuyển không, chấp thử lý tác hư bạch, bất khả chấp trước để sự vật.*[c] *Bất duy bất năng đắc kì túy, phản dĩ ích kì bác, thị khải văn chương chi lưu tệ dư? Ức túy chi phản nhi vi ly? Nhược nhật nguyệt tinh thần chi thố hành, cao minh chi cực, biến nhi vi hối thực, sơn nhạc hà hải chi lưu trĩ, du cửu chi cực biến nhi băng kiệt, lệ khí cảm triệu sở trí. Học chủ kính cùng lý nhi chí ư bác, nãi cao minh phiếm dật*[d] *sở trí. Nhược kỳ sở vị túy vị giả, cánh vô thời nhi ly hĩ.*

Chu Tử đồng thời, duy Thái, Lục nhị tử. Lục dĩ chủ kính vi học,

Thái dĩ cùng lý vi học. Chu Tử dĩ "chính"quán chi, nhị tử giai[e] thâm tạo phu túy. Đãn học giả bất năng thể nhận kỳ vị túy chi bản lĩnh, cố hoằng thâm ngưng viễn chi sĩ, học chủ kính tắc lưu ư Thiền, học cùng lý tắc lưu ư Trang. Kỳ lưu cái bất tự tri kỳ nhiên nhi nhiên. Thử học giả bất năng bác học tường thuyết ước chi bệnh dã. Cố thường viết: Khổng Tử chi văn chương, nhất thái cực dã.[g] Mạnh Tử dĩ hậu chư nho, Thái cực sinh Lưỡng nghi dã. Chu Tử dĩ hậu chư nho, Lưỡng nghi sinh Tứ tượng dã. Tứ tượng biến hóa nhi thứ loại phồn loã. Kí phồn loã hĩ, tắc bất năng thuần túy, kỳ tệ chí ư bác. Cẩu kí bác hĩ, tắc[h] sở vị văn chương giả, thổ thư yên nhĩ. Bất năng biến hóa kì khí chất, tồn dưỡng kỳ tâm tính, tẩu nhập thiền Trang khứ liễu, tuy dục tỉnh ngộ thân, tiệt ngộ văn, khử hoa tựu thực, san ngoa vi thuần,[i] nhi bất khả đắc hĩ.

Tế khán Trần Tử chi thi như viết:

Cổ nhân thuỳ chí kim,
Kim nhân thúc thành cổ.
Thánh hiền khứ bất quy,
Trí ngu đồng nhất lộ.

Hựu viết:

Tài đa đạo sở tăng,
Học quảng nhân tranh đố,
Thông minh tạc hỗn độn,
Anh phát tang trung tố.

Tắc kỳ ý cận ư Trang. Đương kim học lực tài phẩm như thử tử giả, thành bất dị đắc. Khán lai tự vị kiến bản lĩnh. Văn kỳ sơ thời, dữ tòng Thạch Động du. Thạch Động văn tự như bất hệ chi chu, phiếm giá chi mã, anh khí hùng đàm, khước vô bả định cốt tử, cố kỳ khí chất tâm tính diệc nhiên. Vị chi năng văn chi sĩ tắc khả, vị chi bác văn ước lễ chi sĩ tắc bất khả. Thử Trần Tử sư hữu uyên nguyên chi sở tự dã. Suất thử dĩ vãng, đãi Khổng môn chi sở vị cuồng giản giả, kỳ cứu dã hiệp Lão Tử chi thuật, nhi cư Khổng Mạnh chi thời nghĩa, Trình, Chu chi ứng lý[k] thiên hạ chi thụ họa bất thiển hĩ.

Tuy nhiên thử chân khả dữ tiến.[l] Kim vi học giả an đắc hữu thử đẳng nhân nhi dữ chi ngôn văn chương tai? Thị tất kì khí chất, tâm tính nãi thông minh anh phát để nhân. Yếu chi, thông minh anh phát, phi thị

vưu vật. Đãn hoạn bất năng chi nhĩ. Cẩu năng chi nhi hàm dưỡng kì thông minh, uẩn súc kỳ anh phát ư thuần túy địa bộ đặc nhất tựu nhĩ. Phù! Kim nhân cổ nhân, đồng thử nhân dã. Tư sở dĩ lập nhân chi đạo hà như? "Thánh hiền khứ bất quy," nhiên vị thường khứ dã, tư sở dĩ hi thánh hi hiền chi sự nghiệp hà như? "Trí ngu đồng thử lộ," nhi lộ hữu trí ngu dã, tòng kỳ trí tắc vô điên chất chi hoạn hĩ. "Tài đa đạo sở tăng," tài đa nhi bất kiêu lận, thùy tăng chi hồ? "Học quảng nhân tranh đố," học quảng nhi bất tự lập dị, thùy đố chi hồ? Ngô chi thông minh túc dĩ biện vũ trụ nội sự, nhi bất tạc hỗn độn; ngô chi anh phát, túc dĩ ngộ thượng đế giáng trung, nhi bất tang trung tố, lạc nhi hành chi ưu nhi vi chi. Thử ý hồn nhiên, động tĩnh nhất Thái cực dã. Thử khải phi Phu Tử chi văn chương chi túy chi khả văn giả dư? Cẩu năng cầu kỳ sở vị tuý chi bản lĩnh nhi dụng lực yên, tắc hoa bất kỳ khứ nhi tự khứ, ngoa bất kỳ san nhi tự san, khả dĩ phản thuần thực nhi toàn ngô chân hĩ.

Tục bút thư chi, công ý vân hà, ức khả dĩ ngữ Trần Tử phủ?

DỊCH NGHĨA:

BÀN VỀ VĂN, VIẾT CHO EM THỨ HAI LÀ HỌC TỐN

Mới đây, ta suy nghĩ câu "Văn chương là tinh túy của Thái cực"[1] của Trần Tử,[2] thấy nó rất có ý vị. Văn chương của Thái cực phát lộ ra ở phía trên là mặt trời, trăng sao, ở giữa là kinh truyện của thánh hiền, ở dưới là núi non, sông bể. Song mặt trời, trăng, sao, núi non, sông, bể tại sao mà chuyển vần, trôi, đứng, cái tình lý của nó, ta không thể biết được. Ta chỉ thấy cái "hình" của nó thôi. Riêng có kinh, truyện của thánh hiền là nêu ra được hết tinh thần và hình thể của Thái cực. Thái cực tức là Đạo, tinh thần và hình thể của Thái cực là những cái rộng lớn và ẩn vi[3] của Đạo. Những cái đó đều nhờ văn chương mà biểu lộ ra.

Từ khi có người sinh ra đến nay, văn chương thịnh nhất, không ai bằng Khổng Tử. Văn chương của Khổng Tử được chép ra sáu Kinh.[4] Những cái uẩn súc của sáu Kinh chỉ là một khối Thái cực như nhau, còn sáu Kinh chỉ là để chép lại cái Đạo của Thái cực mà thôi. Vậy, thì sáu Kinh là thuyền, mà Đạo là người ở trong thuyền. Khổng Tử lấy Đạo làm thể, lấy sáu Kinh làm thuyền, cho nên dù có trăm nhà nổi dậy như sóng gió, nhưng thuyền của Khổng Tử ở giữa dòng vẫn vững vàng không lay chuyển. Dương Chu, Mặc Địch, Hàn Phi, Lý Tư[5] đã ra sức phá hoại mà thuyền vẫn không chìm, khác nào như mặt trời, trăng, sao dù mây đen

cũng không che nổi ánh sáng; núi non, sông bể, dù khói mờ cũng không giảm bớt được cao sâu. Đây là chỗ gọi là cái tinh túy của Thái cực.

Từ sau bảy thiên của Mạnh Tử,[6] họ Dương có *Kinh Thái huyền,*[7] họ Hàn có thiên *Nguyên đạo,*[8] họ Chu có sách *Dịch thông,*[9] họ Trình có sách *Dịch truyện,*[10] họ Thiệu có sách *Kinh thế,*[11] họ Trương có sách *Khải mông,*[12] đều là dòng dõi sáu Kinh, phát huy cái ý nghĩa thâm thúy của sáu Kinh, song chủ trương mỗi người một khác. Chu Tử[13] ra đời, mới tập hợp tất cả lại, thành một cái hoàn mĩ. Văn chương Chu Tử đại để là hàn gắn những chỗ rò thủng ở con thuyền sáu Kinh. Song tinh túy của nó thì tập trung vào hai cuốn *Hoặc vấn* về sách *Đại học, Trung dung*. Trong khoảng mênh mông vô cùng tận, tác giả đã tìm ra được những chỗ qui kết. Những qui kết ấy không ngoài mấy điều "chân tích" (thực sự chứa góp), "lực tiện" (dùng sức thực hành). "Chủ kính" (lấy kính làm cốt), "cùng lý" (suy đến cùng). "Chân tích", "lực tiễn" là "thể", "chủ kính", "cùng lý" là "dụng."

Sau Chu Tử, thì Chân Đức Tú, Ngụy Liễu Ông, Hứa Hành, Diêu Khu, Lưu Nhân, Ngô Trừng,[14] cũng là những nhà văn "biết đạo." Nhưng trong đám ấy, người có chân kiến hơn cả phải kể Lưu Nhân Trong bài *Thoái Tề ký*, Lưu Nhân nói: "Những người mang cái thuật của họ Lão, đem cái lợi, hại của một thời mà lường sự vui buồn của thiên hạ, cuối cùng đi đến chỗ lỡ nước, hại dân. Song những người ấy vẫn đứng ra ngoài vòng vạn vật mà không chịu trách nhiệm gì, lại còn tự cho là mình đúng với cái nghĩa "tuỳ thời" của Khổng, Mạnh và cái "danh lý" của Trình, Chu. Họ không ngần ngại gì mà tự đánh giá thế và mọi người cũng không ai tranh cãi." Văn chương của Lưu Nhân như thế là có lý. Nhân hẳn là người đã hiểu sâu đến chỗ thần diệu của Khổng, Mạnh, Trình, Chu rồi. Nhưng sao Lưu Nhân lại nói cái "thuật của Lão Tử"? Vì các học giả đã nhìn vào sự "chân tích," "lực tiễn" của các bậc hiền thánh rất mơ hồ, họ chỉ biết dụng công vào việc "chủ kính" và "cùng lý" mà thôi. Thế rồi công việc "chủ kính" đã đưa họ đến chỗ "ngưng thầm lặng biết," "ngồi yên định tưởng," biến chữ "kính" thành một thứ tĩnh mịch không vận động gì hết, chữ "cùng lý" đã đưa họ đến chỗ "chủ tâm mơ hồ," nói phiếm thành suông, cho cái "lý" ấy là một vật trống không, không thể nắm được. Như thế, không những không đạt tới tinh túy, mà còn lộn sộn thêm nữa. Đó phải chăng là lưu tệ của văn chương? Hay là cái tinh túy đã bị lật trái mà thành phai mờ? Nếu

như mặt trời, trăng, sao vận chuyển lẫn lộn thì cái cao sáng nhất lại biến thành tối tăm mờ mịt;[15] núi non, sông bể, khi chảy, khi dừng, là lâu dài nhất lại biến thành "vỡ lở," "khô cạn," đó là do khí không lành gây ra. Đến như học "chủ kính" "cùng lý," mà đến nỗi lộn sộn, là do cao minh quá lạm gây ra. Còn cái gọi là tinh túy thì chẳng bao giờ phai mờ cả.

Đồng thời với Chu Tử có hai người họ Thái và họ Lục.[16] Họ Lục theo cái lối "chủ kính," họ Thái theo cái học "cùng lý." Chu Tử đã lấy cái "chính" quán triệt cả hai, nên hai người này đều đã đi đến cái sâu của chỗ tinh túy. Chỉ vì bản lĩnh của cái gọi là tinh túy như thế nào, học giả không thể nhận được, cho nên những kẻ sĩ học rộng nghĩ xa, học "chủ kính" thì sa vào thuyết Thiền học, "cùng lý" thì sa vào thuyết Trang. Đó đâu phải vì họ không biết nguyên nhân, nên mới sa vào hai thuyết ấy. Đấy là cái bệnh của học giả không biết rằng học rộng thì phải tóm tắt lại cho tường. Bởi thế ta thường nói: Khổng Tử là khối Thái cực của văn chương. Mạnh Tử và các nhà nho về sau, tức là Thái cực sinh ra Lưỡng nghi.[17] Chu Tử và các nhà nho về sau, tức là Lưỡng nghi sinh Tứ tượng.[18] Tứ tượng biến hóa, mọi loài đông đúc.[19] Đã đông đúc thì không còn tinh túy nữa và trở thành lộn sộn. Đã lộn sộn, thì cái gọi là văn chương chẳng qua chỉ là cỏ rác mà thôi. Các học giả, nếu không biến đổi được khí chất, nuôi dưỡng được tâm tính, mà cứ đi vào con đường Thiền và Trang, thì dù có muốn xét lại thân mình đẽo gọt văn mình, bỏ cái phù hoa để trở về với hiện thực, cắt cái sai ngoa để giữ lấy thuần túy, cũng không thể nào làm được.

Hãy đọc kỹ thơ của Trần Tử, như những câu:

Người xưa nay còn ai?
Người nay bỗng thành cổ.
Thánh hiền đi không về,
Khôn dại cùng lối cũ.

Lại những câu:

Tài nhiều bị đời ghét,
Học rộng bị người ghen.
Thông minh lẫn hỗn độn,[20]
Sắc sảo mất hồn nhiên.

Ý những câu ấy gần gũi với thuyết Trang. Hiện nay, kiếm được người có học, có tài như người này thật là khó. Nhưng xem chừng ông ấy cũng chưa có bản lĩnh. Nghe nói lúc trước, ông ấy đã theo học Phạm

Thạch Động.[21] Văn chương của Thạch Động như thuyền không lái, ngựa bất kham, khí phách sắc sảo, lời lẽ hùng hồn, nhưng không có cốt cách vững chắc. Cho nên, khí chất và tâm tính cũng thế. Gọi là kẻ sĩ giỏi văn thì được, chứ gọi kẻ sĩ "bác văn ước lễ"[22] thì không được. Đây là do nguồn gốc thầy bạn của Trần Tử khiến cho như vậy. Cứ theo cái đà ấy mà đi, thì sẽ trở thành con người "cuồng giản"[23] như cửa Khổng thường gọi và đến cuối cùng thì sẽ mang cái thuật Lão Tử đứng vào chỗ cái nghĩa "tùy thời" của Khổng, Mạnh và "danh lý" của Trình, Chu. Thiên hạ mắc vạ không nhỏ.

Tuy nhiên, với người ấy, ta vẫn có thể đánh bạn được. Trong các học giả ngày nay, lấy đâu ra những người như thế để cùng nhau nói chuyện về văn chương? Chắc chắn khí chất và tâm tính của ông đã vào bậc thông minh, sắc sảo. Thông minh sắc sảo đâu phải là một thứ gì thái quá? Chỉ sợ không được như thế mà thôi. Nếu được như thế, mà lại biết hàm dưỡng cái thông minh, chứa chất cái sắc sảo, thì trên đường đi đến tinh túy, chỉ có một bước thôi. Ôi! "Người nay, người xưa," đều là người cả, nhưng đạo làm người, ta phải nghĩ sao để lập thành được? "Thánh hiền đi không về," nhưng có bao giờ đi đâu? Sự nghiệp của thánh hiền, ta phải nghĩ sao để nối tiếp. "Khôn dại cùng một lối," vậy thì đường cũng có đường khôn, đường dại. Theo đường khôn mà đi, thì hẳn không bị vấp ngã. "Tài nhiều bị đời ghét." Tài nhiều mà không kiêu, không lận, thì ai ghét? "Học rộng bị đời ghen." Học rộng mà tự mình không lập dị thì ai ghen? Trí thông minh của ta là đủ để nhận xét việc của vũ trụ, mà không xuyên tạc hỗn độn; tài sắc sảo của ta, dùng đủ để hiểu biết lẽ trung trời cho[24] mà không để mất tính hồn nhiên, vui thì ta làm, buồn thì ta tránh. Đó là một Thái cực, động tĩnh hồn nhiên, há lại không phải tinh túy trong văn chương của Phu Tử (Khổng Tử) mà mọi người được nghe đó sao? Nếu biết tìm đến cái gọi là bản lĩnh của tinh túy mà ra sức làm. Thì những cái phù hoa không cần phải bỏ mà tự nó bỏ, những cái sai ngoa không cần phải cắt mà tự nó cắt, có thể trở lại với đơn thuần thực tế và giữ được nguyên vẹn cái "bản chân"[25] của ta.

Tiện bút viết ra đây, ông nghĩ thế nào? Có thể đem nói chuyện với Trần Tử được không?

Nguyễn Văn Tú (dịch)

(Theo *Tuyển tập Thơ văn Ngô Thì Nhậm* – S đ d)

KHẢO DỊ:

a. Bản A.117/9: Lực 力

b. Bản A.117/9: Vô sở vận động để đạo lý 無所運動底道理

c. Bản A.117/9: Câu 拘

d. Bản A.117/9: Lạm 濫

e. Bản A.117/9: Năng 能

g. Bản A.117/9: Khổng Tử văn chương chi nhất thái cực dã 孔子文章之一太極也

h. Bản A.117/9: Kì 其

i. Bản A.117/9: Thuần 醇

k. Bản A.117/9: Danh 名

l. Bản A.117/9: Du 遊

CHÚ THÍCH:

1. Thái cực: Khối mịt mờ vô cùng cực lúc chưa phân âm, dương, chưa có trời đất.

2. Trần Tử: Có lẽ là Trần Danh Án, học trò Phạm Nguyễn Du, hiệu Thạch Động.

3. Rộng lớn và ẩn vi: Do chữ "Phi nhi ẩn" trong sách *Trung dung*. Ý nói: Đạo rất rộng lớn bao la, mà cũng rất ẩn vi, nhỏ bé.

4. Sáu *Kinh: Thi, Thư, Lễ, Dịch, Nhạc, Xuân Thu*. Vì nhà Tần đốt sách, *Kinh Nhạc* mất chỉ còn sót lại có năm Kinh.

5. Dương Chu, Mặc Địch, Hàn Phi, Lý Tư đều người đời Chiến Quốc. Dương Chu chủ trương thuyết "vị ngã" (vì mình), Mặc Địch chủ trương thuyết "kiêm ái" (yêu cả mọi người), Hàn Phi, Lý Tư đều chủ trương "pháp trị" (trị nước bằng hình pháp).

6. Mạnh Tử tên là Kha, đời Chiến Quốc làm ra sách *Mạnh Tử*, 7 thiên.

7. Dương Hùng ở cuối đời Tây Hán, phỏng theo *Kinh Dịch* làm ra *Kinh Thái huyền*.

8. Hàn Dũ đời Đường viết thiên *Nguyên đạo* để bài xích thuyết Phật, Lão.

9. Chu Đôn Di đời Tống làm sách *Dịch thông* 40 chương, phát huy lẽ *Dịch* và đạo *Thông* của Khổng, Mạnh.

10. Trình Di, biệt hiệu Y Xuyên, đời Tống, viết sách *Dịch truyện* để phát triển nghĩa *Kinh Dịch*.

11. Thiệu Ung, tự là Nghiêu Phu, hiệu là Khang Tiết tiên sinh, đời Tống, viết sách *Hoàng cực kinh thế*, phát huy tượng số của *Kinh Dịch*, đặt ra nguyên, hội, vận thế.

12. Trương Tái hiệu Hoàng Cừ tiên sinh, đời Tống, làm sách *Chính mông*, phát sinh ra tính trời đất và khí chất của con người.

13. Chu Tử đây là Chu Hy, tự là Trọng Hối, hiệu Hối Am, một đại Nho đời Tống, ông tập hợp tất cả các thuyết của các nhà Nho khác, chú giải các Kinh, Truyện của Khổng Tử, Mạnh Tử và viết cuốn *Đại học hoặc vấn* để phát huy những nghĩa thâm thúy của các sách ấy.

14. Chân Đức Tú, Nguỵ Liễu Ông, Hứa Hành, Diêu Khu, Lưu Nhân, Ngô Trừng đều

là môn đệ Chu Hy, hoặc theo phái Chu Hy.

15. Ngày hối: Ngày 30 mỗi tháng, mặt trăng tối hẳn, ngày thực: Ngày có nhật thực hoặc nguyệt thực, mặt trời, mặt trăng bị tối đi.

16. Họ Thái: Thái Nguyên Định, tự Quí Thông, biệt hiệu Tây Sơn tiên sinh.

Họ Lục: Lục Cửu Uyên, tự là Tử Tĩnh, hiệu Tượng Sơn.

17. Lưỡng nghi: Hai nghi, tức âm dương.

18. Tứ tượng: Bốn hình dáng, tức Thái dương, Thái âm, Thiếu dương, Thiếu âm.

19. Theo thuyết cổ: "Thái cực" sinh "Lưỡng nghi", "Lưỡng nghi" sinh ra "Tứ tượng", "Tứ tượng" biến hóa sinh ra muôn loài.

20. Hỗn độn: Nguyên khí hồn nhiên lúc ban đầu chưa phân ra âm dương, chưa có trời đất và vạn vật. Trang Tử đã hình dung bằng một bài ngụ ngôn như sau; "Thần bể Nam tên là Thúc, thần phương Bắc tên là Hốt, thấy Hỗn độn là một khối trơ trơ không cảm giác gì, thương tình mới cùng nhau khoét cho Hỗn độn mỗi ngày một khiếu (lỗ). Bảy ngày khoét xong bảy khiếu, thì Hỗn độn chết." Ý nói: Khi đã thành người có tri giác, tình cảm thì không còn bản tính hồn nhiên lúc ban đầu nữa. Câu thơ ở trên phỏng theo bài ngụ ngôn đó.

21. Phạm Thạch Động: Phạm Nguyễn Du tự Hiếu Đức, hiệu là Thạch Động đỗ Hoàng giáp đời Lê Cảnh Hưng, làm quan đến Đông các đại học sĩ. Khi nhà Lê mất, ông lánh nạn ở Thạch Động rồi chết. Ông quê ở làng Đặng Điền, huyện Chân Phúc, tỉnh Nghệ An.

22. Bác văn ước lễ: Do câu Khổng Tử nói: "Bác học ư văn, ước chi dĩ lễ", "diệc khả dĩ phất an hĩ phù" nghĩa là "học rộng về văn, tóm tắt lại bằng lễ" "có thể không trái đạo," *(Luận ngữ)*.

23. Cuồng giản: Ngông cuồng và giản lược. Do câu Khổng Tử nói: "Ngô đan chi tiểu tử cuồng giản" (Bọn nhỏ trong đám ta là người cuồng giản). Chu Tử giải nghĩa: Cuồng giản nghĩa là có chí lớn nhưng sơ sài với công việc, *(Luận ngữ - Công Dã Tràng)*.

24. Lẽ trung trời cho: Do câu *Kinh Thư*: "Duy hoàng Thượng đế giáng trung vu hạ dân" nghĩa là "nhờ có Thượng đế ban lẽ trung cho hạ dân" là lẽ phải rất đúng ở trong người, do trời phú cho từ lúc sơ sinh.

25. Bản chân: Chân chính bản nhiên do trời phú cho.

4. 劄付户兒明哲笘

曾聞：上帝降衷，知能是其固有；太上貴德，施報出於自然。

故情自中孚；而禮由義起。

老夫行已謖劣；遭時坎坷。

歸惡下流，跡似夷吾脱桎；包羞中士，情同王旦受珠。

幸不棄于明時；忝有遭于晚路。

儒館獻歌之地，從事賢關；禪林示偈之堂，投緣淨域。

知未孚於視指；思自托於神明。

乃于所居之御臺後邊一區，創置祠宇：中正奉文字祖師神牌；左右奉儒學書學先師神牌從祀。儼洋濯之有臨；翼操持之罔忽。

探晦吝吉凶幽蹟，心求心著奧爲歸；惟敬怠義欲機關，色非色竹林作範。

擬無歉乎方寸；敢求多於勺拳。

茲據壽昌縣國子監市明哲筥，有單協推爲龍編大隱士。百年後配享祖師先師在本營祠宇，本筥爲本祠誼子。擬顯於隱，合異爲同。惟夫隱之爲義，不願乎外，無求於人。

世與我相遺，山林之隱固未易；人在傍不洽，城市之隱爲尤難。

老夫繫絆塵纓；浮沉世局。

揣自已實非隱者；顧斯名良有歉然。

惟同人于野，勝似同人于宗，賢者敦和辨宜，當推不孤有鄰之義；且大過之時，當有大過之行，君子遁世獨立，多在紛華波蕩之中。

誠非果於隱藏；蓋有懷於明哲。

仍許本營田區二畝二高，池二口六高八尺。這田池乃前國老院郡公私土買來，現有令紙憑批幷契字留來爲跡，與四近畫圖爲誌。

用供萬年香火；整辦四季粢牲。

夫世間萬事，一切歸空，田池乃空中烏有？但天理四端全體，固有鬼神於有處非空？

受用隨心德之盛衰；胖響視情田爲近久。

同筥近依聖域，即有人有土，高厚間悠久者無疆；老夫遠卜人

心，在爲本爲端，仁義處耨耕者不盡。

尚勉咸遵直道；共圍淳風。

敬所尊愛所親，人人會蕩平之極；服爾田寧爾幹，世世陶熙曠之天。

茲劄付。

PHIÊN ÂM:

ĐÁP PHÓ HỘ NHI MINH TRIẾT CHIÊM

Tằng văn: Thượng đế giáng trung, tri năng thị kỳ cố hữu; thái thượng quý đức, thi báo xuất ư tự nhiên.

Cố tình tự trung phu; nhi lễ do nghĩa khởi.

Lão phu hành dĩ tiễn liệt; tao thời khảm kha.

Quy ố hạ lưu, tích tự Di Ngô thoát trất; bao tu trung sĩ, tình đồng Vương Đán thụ châu.

Hạnh bất khí vu minh thời; thiêm hữu tao vu văn lộ.

Nho quán hiến ca chi địa, tòng sự hiền quan; thiền lâm thị kệ chi đường, đầu duyên tĩnh vực.

Tri vị phù ư thị chỉ; tư tự thác ư thần minh.

Nãi vu sở cư chi ngự đài hậu biên nhất khu, sáng trí từ vũ: Trung chính phụng Văn tự tổ sư thần bài; tả hữu phụng Nho học, Thư học tiên sư thần bài tòng tự.

Nghiễm dương trạc chi hữu lâm; dực thao trì chi võng hốt.

Thám hối lận cát hung u tích, tâm cầu tâm thi áo vi quy; duy kính đãi nghĩa dục cơ quan, sắc phi sắc Trúc Lâm tác phạm.

Nghĩ vô khiêm hồ phương thốn; cảm cầu đa ư thược quyền.

Tư cứ Thọ Xương huyện, Quốc tử giám thị Minh Triết chiêm, hữu đơn hiệp suy vi Long Biên đại ẩn sĩ. Bách niên hậu phối hưởng Tổ sư Tiên sư tại bản doanh từ vũ, bản chiêm vi bản từ nghi tử. Nghĩ hiển ư ẩn, hợp dị vi đồng. Duy phù ẩn chi vi nghĩa, bất nguyện hồ ngoại, vô cầu ư nhân.

Thế dữ ngã tương di, sơn lâm chi ẩn cố vị dị; nhân tại bàng bất miễn, thành thị chi ẩn vi vưu nan.

Lão phu hệ bạn trần anh; phù trầm thế cục.

Sủy tự dĩ thực phi ẩn giả; cố tư danh lương hữu khiếm nhiên.

Duy đồng nhân vu dã, thắng tự đồng nhân vu tông, hiền giả đôn hòa biện nghi, đương thôi bất cô hữu lân chi nghĩa; thả đại quá chi thời, đương hữu đại quá chi hành, quân tử độn thế độc lập, đa tại phân hoa ba đãng chi trung.

Thành phi quả ư ẩn tàng; cái hữu hoài ư minh triết.

Nhưng hứa bản doanh điền khu nhị mẫu nhị cao, trì nhị khẩu lục cao bát xích. Giá điền trì nãi tiền Quốc lão Viện quận công tư thổ mại lai, hiện hữu lệnh chỉ bằng phê tính khế tự lưu lai vi tích, dữ tứ cận hoạ đồ vi chí.

Dụng cúng vạn niên hương hoả; chỉnh biện tứ quý xuy sanh.

Phù thế gian vạn sự, nhất thiết quy không, điền trì nãi không trung ô hữu? Đãn thiên lý tứ đoan toàn thể, cố hữu quỷ thần ư hữu xứ phi không?

Thụ dụng tùy tâm đức chi thịnh suy; bàng hưởng thị tình điền vi cận cửu. Đồng chiêm cận y thánh vực, tức hữu nhân hữu thổ, cao hậu gian du cửu giả vô cương; lão phu viễn bốc nhân tâm, tại vi bản vi đoan, nhân nghĩa xứ nậu canh bất tận.

Thượng miễn hàm tuân trực đạo; cộng hữu thuần phong.

Kính sở tôn ái sở thân, nhân nhân hội dãng bình chi cực; phục nhĩ điền ninh nhĩ cán, thế thế đào hy cao chi thiên.

Tư đáp phó.

DỊCH NGHĨA:

TỜ ĐÁP PHÓ[1] VỀ VIỆC HỘ NHI [2]XÓM MINH TRIẾT

Từng nghe: Đức Thượng đế giáng cho lòng trung cái lương tri lương năng[3] ai cũng có sẵn; bậc thái thượng trọng về đức hạnh, việc bỏ ra đáp lại[4] lễ vốn tự nhiên.

Cho nên, tình từ trong lòng phát ra; mà lễ thì do ở nghĩa mà xuất hiện.

Lão phu tôi: Giữ mình kém cỏi; gặp buổi khó khăn.

Làm kẻ hạ lưu trở về chịu tiếng xấu xa, hình tích giống như ông Di Ngô [5] thoát vòng gông trói; làm bậc trung sĩ rõ thật hổ thẹn, sự tình khác chi người Vương Đán[6] lấy ngọc minh châu.

May gặp đời bình trị không bị bỏ rơi; thẹn đến lúc tuổi nhiều lại còn gặp gỡ.

Trong chốn nhà nho dâng khúc hát, theo bước quan trường; trước thềm nhà Phật giảng câu kinh, gửi duyên tịnh độ.

Tự biết chưa đáng cho người chiêm ngưỡng; vậy nên phải nhờ tới lượng thần minh.

Nhân trích một khu bên sau ngự đài đương ở, xây dựng ngôi đền: Ở giữa thờ bài vị ngài Văn tự tổ sư; tả và hữu phối hưởng bài vị các bậc Nho học, Thư học tiên sư.

Thiêng liêng đầy rẫy như thường giáng lâm; kính cẩn giữ gìn không dám khinh hốt.

Tìm huyền bí như cát, hung, hối, lận, mọi lẽ,[7] lòng để hỏi lòng bằng thi, bốc[8] làm tin; song cơ quan nào kính đãi, nghĩa, dục mọi đường,[9] sắc không phải sắc lấy Trúc Lâm[10] làm chủ.

Nhận thấy trong lòng không khuyết; dám đâu nắm mớ bòn nhiều.

Nay, căn cứ xóm Minh Triết bên chợ Quốc tử giám thuộc huyện Thọ Xương, có đơn cùng suy tôn (ta) làm Long Biên đại ẩn sĩ. Sau khi trăm tuổi già, phối hưởng theo các vị Tổ sư, Tiên sư ở ngôi đền bản doanh này, bản xóm xin làm nghĩa tử của nhà đền. Nghĩ rằng: Hiển ở chỗ ẩn, hợp dị làm đồng. Song cái nghĩa của chữ ẩn, không mong ở ngoài, chẳng cầu ở người.

Đời cùng ta quên hẳn, ẩn ở sơn lâm không phải là dễ; người ở bên không khinh, ẩn ở thành thị lại càng khó.

Lão phu tôi: Tơ trần vướng vít; cuộc thế nổi chìm.

Nghĩ tự mình ẩn dật phải đâu; mang tên ấy hão huyền sao được.

Song, thôn quê với mọi người, cũng như đảng phái với mọi người,[11] người quân tử ở hòa xử phải, nên suy cái nghĩa không cô lập mà có láng giềng;[12] vả, thời kỳ của đại quá, nên có việc làm của đại quá, người quân tử ở ẩn, trốn đời,[13] thường ở trong lớp phồn hoa ba đãng.

Thật thế, không phải tàng với ẩn; vì còn là mong triết với minh.[14]

Nhân ban cho bản doanh ruộng 2 mẫu 2 sào, ao 2 chiếc 6 sào 8 thước. Ruộng và ao này là mua đất riêng của Viện quận công, là vị Quốc lão khi trước, có đủ tờ lệnh chỉ phê phó, và văn khế lưu lại làm dấu tích, hơn nữa , có cả bản đồ ghi chép cả 4 bên lân cận. Ruộng này:

Dùng để cung phụng lửa hương muôn thủa; chỉnh đốn mua sắm

xôi, lợn bốn mùa.

Ôi! Muôn việc ở cõi đời, hết thảy là không, ruộng ao là vật có đâu ở trong không có? Nhưng toàn thể bốn mối[15] của lẽ trời, quỷ thần ở nơi có thật, đâu phải là không?

Việc sử dụng, quan hệ ở đức thịnh hay suy; lễ phụng thờ, căn cứ ở tình phai hay thắm.

Cả xóm các ông nương nhờ gần cõi thánh, thật có người thì có đất,[16] khoảng cao dầy, lâu vững khôn cùng;[17] lão phu tôi đây xét kỹ lòng người, đã có gốc tức có đầu, chốn nhân nghĩa cấy cầy không hết.

Sẽ cố: Cùng theo đường thẳng; đều giữ thói thuần.

Kính kẻ tôn, yêu kẻ thân, người người xum họp buổi thái bình thịnh trị; làm ruộng ấy, yêu việc ấy, đời đời hưởng thụ phúc hoà hảo hoan ngu.

Nay lời đáp phó.

CHÚ THÍCH:

1. Thuộc về giấy tờ nhà quan cũng như tờ trát.

2. Hộ nhi, người phụng sự nhờ vả ở đền miếu.

3. Lương tri, cái tri thức người ta vốn biết, không cần phải suy nghĩ và học tập. Lương năng, cái tài năng của người ta không học mà có. *Mạnh Tử*, thiên *Tận tâm thượng*: Nhân chi sở bất học nhi năng giả, kỳ lương năng dã; sở bất lự chi tri giả, kỳ lương tri dã (người không học mà có tài năng, đó là lương năng; không phải suy nghĩ mà biết, đó là lương tri).

4. Thiên *Khúc lễ*: Thái thượng quý đức, kỳ thứ vụ thi báo, lễ thượng vãng lai (bậc Thái thượng thì quý đức, bậc thứ thì cần phải bố thí ra, và báo đáp lại, vì lễ phải có đi có lại).

5. *Tả truyện*: Quản Trọng tự là Di Ngô cùng Thiệu Hốt thờ công tử Củ, công tử Củ bị Hoàn Công giết, Thiệu Hốt tuẫn theo. Quản Trọng không chịu tuẫn mà xin ở tù, sau lại giúp vua Hoàn Công dựng nên nghiệp bá ở nước Tề.

6. Vương Đán là con Vương Hựu đỗ Tiến sĩ đời Tống Chân Tông, làm tới Khu mật viện, làm việc không để bề bộn, không nghe lời gièm pha.

Nhận lấy ngọc châu: Chưa rõ điển tích.

7. Cát hung là tốt xấu, hối hận là mờ tối buồn tiếc.

8. Thi bốc, Thi là thứ cỏ thơm, dùng để bói Dịch.

9. Kính đãi nghĩa dục: ?

10. Một tông phái Thiền học ở đời Trần: Điều Ngự Vương phật (Nhân Tông), Pháp Loa tôn giả (Đồng Kiên Cương), Huyền Quang tôn giả (Lý Đạo Tái) xưng là Trúc Lâm tam

tổ. Ngô Thì Nhậm tu hành xưng là Hải Lượng đại thiền sư, được đồ đệ là Hải Âu (Vũ Trinh), Hải Hoà (Nguyễn Đăng Sở)... tôn làm Trúc Lâm đệ tứ tổ, mà cả thầy trò xưng là Trúc Lâm tông chi phái.

11. Kinh Dịch quẻ *Đồng nhân* nói: Đồng nhân vu dã, hanh, đồng nhân vu tông, lận (Cùng mọi người ở thôn dã thì tốt; cùng mọi người ở đảng riêng thì lận).

12. Luận ngữ: Đức bất cô, tất hữu lân (kẻ có đức không bị cô lập, tất có bạn chung quanh giúp đỡ).

13. Kinh Dịch, quẻ *Đại quá,* đại tượng nói: Quân tử độc lập bất cụ, độn thế vô muộn (người quân tử đứng một mình không sợ, trốn đời không buồn).

14. Kinh Thi: Ký minh thả triết, dĩ bảo kỳ thân (đã sáng suốt lại khôn khéo để giữ thân mình), *Kinh Thư:* Minh triết thực tác tắc (sáng suốt khôn khéo chính để làm khuôn phép).

15. Bốn mối: *Mạnh Tử:* Bốn tình như thương xót, hổ thẹn, nhún nhường, phải trái nó là cái đầu mối nẩy ra nhân, nghĩa, lễ, trí.

16. Đại học: Có đức thì có người, có người thì có đất, có đất thì có tiền tài, có tiền tài thì có dùng.

17. *Trung dung:* Dầy và rộng phối hợp với đất, cao và sáng phối hợp với trời, lâu xa không cùng.

5. 永定塋封神券文

爲建塋封神立券傳遠事。

余惟：人物之生，皆本乎祖，故太公封於營丘，而歸葬於周，取狐死丘首之義焉。

余生長我邑，自余上逮我祖，十有三代四百有餘年，世守文獻，以表此鄉。余憑藉我列祖之德，錫類于後，我踐歷坎坷，幸得無咎。今年五十有一，加不稱天之上之一歲矣。從此以往，幸邀天監，康彊若干年紀，余不敢知。矧余以身應世，亦未敢知其死所？惟我先考世祿公，實鐘愛我，曾賜余以夢：他日歸隱于竹林村之原。余夢協余卜。爰擇吉於園柑處，升其地爲永定塋。惟爾有神，實司此土，是用

封爾爲永定塋，恭直順正守塋之神。以永定塋記金葉字紙一本付爾，爾其膺受顯號，恪遵雅言。他日余與余正室歸隱此土，同塋異穴。甲局爲鳳凰展翅。乙局爲嫦娥照鏡。余與余正室幸得保有終吉，以從先人于九原。惟爾有神，實左右余，萬年松柏，鬱葱攸萃。

於戲！精氣爲物，遊魂爲變，未知敢不求知，子孫維城，懷德維寧，有人便當有土。受余明約，迪我後人。

PHIÊN ÂM:

VĨNH ĐỊNH OÁNH PHONG THẦN KHOÁN VĂN

Vi kiến oánh phong thần lập khoán truyền viễn sự.

Dư duy: Nhân vật chi sinh, giai bản hồ tổ, cố Thái công phong ư Doanh Khâu, nhi quy táng ư Chu, thủ hồ tử khâu thủ chi nghĩa yên.

Dư sinh trưởng ngã ấp, tự dư thượng đãi ngã tổ, thập hữu tam đại tứ bách hữu dư niên, thế thủ văn hiến, dĩ biểu thử hương. Dư bằng tạ ngã liệt tổ chi đức, tích loại vu hậu, ngã tiễn lịch khảm kha, hạnh đắc vô cữu. Kim niên ngũ thập hữu nhất, gia bất xứng yểu chi thượng chi nhất tuế hĩ. Tòng thử dĩ vãng, hạnh yêu thiên giám, khang cường[a] nhược can niên kỉ, dư bất cảm tri. Thẩn dư dĩ thân ứng thế, diệc vị cảm tri kì tử sở? Duy ngã tiên khảo Thế Lộc công, thực chung ái ngã, tằng tứ dư dĩ mộng: Tha nhật quy ẩn vu Trúc Lâm thôn chi nguyên. Dư mộng hiệp dư bốc. Viên trạch cát ư Viên Cam xứ, thăng kì địa vi Vĩnh Định oánh. Duy nhĩ hữu thần, thực tì thử thổ, thị dụng phong nhĩ vi Vĩnh Định oánh, cung trực thuận chính thủ oánh chi thần. Dĩ Vĩnh Định oánh ký kim diệp tự chỉ nhất bản phó nhĩ, nhĩ kì ưng thụ hiển hiệu, khác tuân nhã ngôn. Tha nhật dư dữ dư chính thất quy ẩn thử thổ, đồng oánh dị huyệt. Giáp cục vi phượng hoàng triển xí. Ất cục vi Thường Nga chiếu kính. Dư dữ dư chính thất hạnh đắc bảo hữu chung cát, dĩ tòng tiên nhân vu cửu nguyên. Duy nhĩ hữu thần, thực tả hữu dư, vạn niện tùng bách, uất thông du túy.

Ư hí! Tinh khí vi vật, du hồn vi biến, vị tri cảm bất cầu tri, tử tôn duy thành, hoài đức duy ninh, hữu nhân tiện đương hữu thổ. Thụ dư minh ước, địch ngã hậu nhân.

DỊCH NGHĨA:

BÀI KHOÁN VĂN PHONG CHO VỊ THỔ THẦN COI GIỮ NGÔI SINH PHẦN VĨNH ĐỊNH

Về việc định ngôi sinh phần[1] lập tờ khoán phong cho vị Thổ thần, truyền mãi dài lâu.

Ta nghĩ: Người và vật sinh ra đều có gốc ở tổ, cho nên, Thái công được phong ở đất Doanh Khâu, mà đem về táng ở đất nước Chu, là lấy cái ý nghĩa "cáo chết quay đầu về núi"vậy.[2]

Ta sinh trưởng ở ấp này, từ ta kể lên tới cụ tổ ta, đã được 13 đời, hơn 400 năm, đời đời giữ nền văn hiến, tiêu biểu cho làng này. Ta nhờ đức nghiệp các tổ ta, để phúc về sau, ta đạp trên đường đời, thường gặp bước éo le, may được vô sự. Nay tuổi 51, đã lẻ thêm một tuổi rồi, không thể nói là yểu nữa. Từ đây trở đi, may nhờ có trời cao soi tới, khoẻ mạnh được bao nhiêu năm tháng nữa, ta không thể biết. Huống chi đem thân gánh vác việc đời, ta cũng chưa biết rồi thác ở nơi nào? Duy cha ta là Thế Lộc công vẫn chú ý yêu ta, thường báo mộng cho ta: "Sau này về ẩn ở cánh đồng thuộc thôn Trúc Lâm." Ta mộng cộng với ta bói như một. Nhân chọn được ngôi đất ở xứ Vườn Cam, cho tên đất là "Vĩnh Định oánh" (ngôi đất sinh phần Vĩnh Định). Duy ngươi là thần thiêng, trông coi ở đất này, vậy nên phong cho ngươi là "Vĩnh Định oánh cung trực thuận chính thử oánh chi thần" (Vị thần kính thuận ngay thẳng coi mộ Vĩnh Định). Lấy một bản giấy chữ vàng lá ghi là mộ Vĩnh Định giao cho ngươi, ngươi nên nhận lấy tôn hiệu vẻ vang, kính theo lời tao nhã. Ngày sau ta cùng bà vợ cả của ta về ẩn ở đất này, cùng mồ nhưng khác huyệt. Kiểu đất kia là: "Chim phượng hoàng vươn cánh," kiểu đất này là "Ả Hằng Nga soi gương." Ta cùng bà vợ cả may được bảo vệ tốt, dài lâu, để đi theo tiền nhân ở nơi chín suối. Duy có ngươi là thần thiêng, quả thực luôn ở bên tả bên hữu ta, cùng với cây tùng cây bách muôn năm, um tùm tụ họp.

Than ôi! Tinh khí tụ mà thành vật, du hồn tán mà ra biến,[3] chưa biết, dám đâu không muốn biết cho tường;[4] con cháu vây làm bức thành, đức tốt giữ mãi cho yên,[5] có người tất nhiên sẽ có đất.[6] Nhận lấy lời minh ước của ta, mở đường cho con cháu ta.

KHẢO DỊ:

a. Nguyên bản viết chữ "cương"疆 có lẽ là chữ "cường"強 mới hợp nghĩa.

CHÚ THÍCH:

1. Sinh phần, ngôi mộ lập khi còn sống.

2. *Kinh Lễ* thiên *Đàn cung thượng*: Ông Thái công được phong ở đất Doanh Khâu nước Tề tới mãi 5 đời sau, vẫn đưa về táng ở đất nước Chu, đó là theo lễ không quên nơi cội gốc. Cổ nhân có nói: "Cáo chết quay thẳng đầu về núi", vì có lòng nhân hậu.

3. Hai câu này trích ở lời *Tương hệ, Kinh Dịch*: "Tinh khí vi vật, du hồn vi hiến, thị cố tri quỷ thần chi tình trạng": Tinh khí tụ lại mà thành vật (hình), du hồn tán loạn ra mà thành biến, thế nên biết rõ được tình trạng của quỷ thần.

4. Nguyên văn: "Vị tri" nên dịch là "chưa biết," có lẽ do câu của Khổng Tử trả lời câu hỏi của Quý Lộ. *Luận ngữ*: "Quý Lộ hỏi sự chết? Khổng Tử đáp: "Chưa biết sự sống, sao đã biết được sự chết" (Vị tri sinh, yên tri tử).

5. Hai câu này trích ở thơ *Bản, Kinh Thi*: "Hoài đức duy minh, tông tử duy thành. Vô tí thành hoại" (Giữ đức cho yên, con cháu như bức thành che chở giúp đỡ, đừng để cho thành đổ).

6. *Đại học*: Có đức thì có người, có người thì có đất, có đất thì có của cải, có của cải thì có tiêu dùng(Hữu đức thử hữu nhân, hữu nhân thử hữu thổ, hữu thổ thử hữu tài, hữu tài thử hữu dụng).

6. 永定塋小引

子曰：未知生安知死？余之預築也，豈知死後之必無改易者哉！顧余憑於夢卜，參之朋友所定，甲塋爲鳳凰展翅局，酉山卯向，乙塋爲嫦娥照鏡局，坤山艮向其於巒頭理氣，實無所犯。結作與否，則余不敢知也。

余已封該處土神爲永定塋恭直順正守塋之神，吉地神之所居，使余該逢吉地，神亦該爲余用。百年之後，余夫婦之精神，必常萃聚於此。

此地旗鼓干盾扇蓋喝形悉備，皆余之無盡藏也。後世子孫其或以盛晚推移擬議此土，必有直見過我學問，勝我揮斥宇宙役使神祇似我方可以我迂也。不然則未可以輕議。

應世道人海量大禪師自爲誌。

PHIÊN ÂM:

VĨNH ĐỊNH OÁNH TIỂU DẪN

Tử viết: Vị tri sinh an tri tử? Dư chi dự trúc dã, khải tri tử hậu chi tất vô cải dị giả tai! Cố dư bằng ư mộng bốc, tham chi bằng hữu sở định, giáp oánh vi phượng hoàng triển xí cục, Dậu sơn Mão hướng, Ất oánh vi Thường Nga chiếu kính cục, Khôn sơn Cấn hướng, kỳ ư loan đầu lý khí, thực vô sở phạm. Kết tác dữ phủ, tắc dư bất cảm tri dã.

Dư dĩ phong cai xứ Thổ thần vi Vĩnh Định oánh cung trực thuận chính thủ oánh chi thần, cát địa thần chi sở cư, sử dư cai phùng cát địa, thần diệc cai vi dư dụng. Bách niên chi hậu, dư phu phụ chi tinh thần, tất thường tụy tụ ư thử.

Thử địa kỳ cổ can thuẫn phiến cái khát hình tất bị, giai dư chi vô tận tàng dã. Hậu thế tử tôn kì hoặc dĩ thịnh văn suy di nghĩ nghị thử thổ, tất hữu trực kiến quá ngã học vấn, thắng ngã huy xích vũ trụ dịch sử thần chi tự ngã phương khả dĩ ngã vu dã. Bất nhiên tắc vị khả dĩ khinh nghị.

Ứng thế đạo nhân Hải Lượng đại thiền sư tự vi chí.

DỊCH NGHĨA:

BÀI TIỂU DẪN VỀ NGÔI SINH PHẦN VĨNH ĐỊNH

Khổng Tử nói: "Chưa biết lẽ sống, sao biết được lẽ chết"? Ta dự đắp ngôi sinh phần này, biết đâu sau khi chết đã chắc chắn không thay đổi được ư? Song ta dựa vào mộng, vào bói, và nhờ bầu bạn ấn định, ngôi trên là kiểu "Phụng hoàng vươn cánh" gối vào phương Dậu (tây), mà quay về phương Mão (đông nam); ngôi dưới là kiểu "Hằng Nga soi gương," gối vào phương Khôn (tây nam) mà quay về phương Cấn (đông bắc). Đối với *lý* cùng *khí* là do mạch núi gò đưa đến, không bị phạm gì cả. Còn như việc kết phát hay không kết phát, thì ta đây chưa dám biết.

Ta đã phong vị Thổ thần xứ này làm "Vĩnh Định oánh cung trực thuận chính thủ oánh chi thần," đất tốt thần ở, khiến ta gặp được đất tốt, thần cũng để ta sử dụng, sau khi trăm tuổi tinh thần của vợ chồng ta thường thường tụ họp ở đây.

Kiểu đất này có đủ cả các hình: Cờ, trống, mộc, mác, quạt, lọng, đều là kho vô tận của ta. Con cháu ta đời sau hoặc có kẻ cho là phát phúc quá muộn, bàn nhau về ngôi đất này phải dời mộ đi nơi khác, như thế, tất phải có học vấn hơn ta, kiến thức hơn ta, bao quát trời đất, sai khiến quỷ thần như ta, thì mới có thể cho ta là viển vông vu khoát được. Nếu không thì rất không nên bàn nhảm.

Ứng thế đạo nhân, Hải Lượng đại thiền sư, tự viết bài chí.

7. 家規要約

我先公道高德重，仁宏義深，洛恰猗畬a門，建王侯之業。余不才寡德，遭時坎坷，危而復安，敗而復興，自揣雕蟲小技，何足以致此，先澤之所留也。

余既以身應世，須以馳驅許國，南北東西，惟人主是命。余將有燕雲之行，此乃請封大典。欽奉皇上玉諭：“卿國報先帝之恩正在今日”。知臣莫如主，此予所以踴躍趨赴爲國謀者，亦所以爲家謀也。先公厚積流光，是以有今日繁昌之盛。萬年根基在吾之諸弟，與吾之諸子若孫，宜世篤孝友，不替詩書之澤。吾鄉風水甚佳，可與共安樂也。宗廟墳墓之所在，子弟侄孫以至于奕世順雲仍，必恭敬止。然而輔車相依，志亦有之。此我先公心命於我，他人不得與也。吾弟學遜公，既而先我還神，爾侄侃，可築祠堂以奉吾弟于本邑。其祠堂並從舊宅後日以爾及爾之長子奉祀。爾弟長成後，可築居于寶篆與爾舅黃甲公相依，「定嶺侯」待爾母年老，奉歸寶篆，百年後與爾父合葬。今爾母未登五十我未許回。

吾次弟廣業君無後，從弟爾儋他年事吾叔爲昭，宜事爾兄廣業君爲穆。爾亦才子，爲人不俗，我可無多言也。

爾次弟倣在本支爲次，在先次母順人爲長，既奉先次母順人神主配享先公，此我孝心，遵承先志，世世無有踰越。倣爾宜與吾長子伸同居，爾叔侄恪奉烝嘗，無違我孝友之意。爾所居在爾侄伸之右前土一區：我先公所許，又池一口，我收爲香火池，以舊凌池一所，高尺相當易之。

次次弟僖，爾妻不幸有功無繼，許爾居爾妻貫，與爾表族兄弟相依。爾可續絃于爾妻族，以繼其後。歲時伏臘，回鄉貫與兄弟宗族款敘可也。

次次弟倩爾母改嫁，爾妻亦夭，爾甚屯蹇，我亦憐之。然而他日爾必成立，此非論人事論天道也。爾少年孤苦，天道乘除，必長年亨通。他日

爾宜以嫁母之服，服爾生母。現在不得相見。爾妻無出，許爾娶爾妻之妹爲繼妻。爾可築居高舍社，隸入鄉籍。其本居土在德林村處，今第二嫂暫居，他日以其屋爲祀爾先妻之所。爾岳母父母以二女嫁汝半子猶全子，他日禮服期年，情服三年，不得有違吾言。

長子爾伸爾嫡嗣也，居父母之鄉，奉尊祖之祠，爾與爾叔倣同居，宜以孝友相規，以誠篤相處，以無墜我先公之緒。爾監守香火，池一區，又監守追遠壇香火，土園一區，幷祭田各所，勤於作業以備鹽諸，亦不至有匱乏也。

次子儀，我壬寅出亡辰，與爾母有約，使爾居外貫百姓社，奉事外家本分忌臘。爾宜與爾舅同樂氏隸入鄉籍。今許爾一室，在爾兄伸之右，後土一區達於長支土分，以備歲辰伏臘，回歸宿謁可也。

次次子僩已許吾眷倖嶺侯吾妹恭和徽人爲後，許爾築室居憑烈社，以奉事其所養父母。其爾生母，許一室在爾兄伸之左，後達于祠堂後園，卑有依憑，以奠厥居。

其餘幼小子女，聽天所命，不敢多約。

又堂兄佑承我先公養爲子，以年當爲我弟，我今成爾室家，以奉長支宗祊之祀，爾宜與爾次次兄致堂侄伸同居，當一家友愛，號間始終，切宜以彼此爲戒。有違吾言，列祖鑒之。

夫予應世人也，予曾有夢天台賦云：

遍宇宙以爲盧兮，夫何繫乎鴻毛。

予之馳驅履歷，將來未可卜也。仰憑洪慶，皇華事峻，駟駒回期，家庭父子兄弟祖孫之樂，更有許多佳話。

此一宗議論，乃其要約耳。

PHIÊN ÂM:

GIA QUY YẾU ƯỚC

Ngã Tiên công đạo cao đức trọng, nhân hoằng nghĩa thâm, thị

dụng khởi ngã gia môn, kiến vương hầu chi nghiệp. Dư bất tài quả đức, tao thời khảm kha, nguy nhi phục an, bại nhi phục hưng, tự sủy điêu trùng tiểu kỹ, hà túc dĩ trí thử, tiên trạch chi sở lưu dã.

Dư ký dĩ thân ứng thế, tu dĩ trì khu hứa quốc, nam bắc đông tây, duy nhân chủ thị mệnh. Dư tương hữu Yên Vân chi hành, thử nãi thỉnh phong đại điển. Khâm phụng Hoàng thượng ngọc dụ: "Khanh quốc báo tiên đế chi ân chính tại kim nhật." Tri thần mạc như chủ, thử dư sở dĩ dũng dược xu phó vi quốc mưu giả, diệc sở dĩ vi gia mưu dã. Tiên công hậu tích lưu quang, thị dĩ hữu kim nhật phồn xương chi thịnh. Vạn niên căn cơ tại ngô chi chư đệ, dữ ngô chi chư tử nhược tôn, nghi thế đốc hiếu hữu, bất thế thi thư chi trạch. Ngô hương phong thủy thậm giai, khả dữ cộng an lạc dã. Tông miếu phần mộ chi sở tại, tử đệ điệt tôn dĩ chí vu dịch thế thuận vân nhưng, tất cung kính chỉ. Nhiên nhi phụ xa tương y, chí diệc hữu chi. Thử ngã Tiên công tâm mệnh ư ngã, tha nhân bất đắc dự dã. Ngô đệ Học Tốn công, ký nhi tiên ngã hoàn thần, nhĩ điệt Phẩm, khả trúc từ đường dĩ phụng ngô đệ vu bản ấp. Kỳ từ đường tịnh tòng cựu trạch, hậu nhật dĩ nhĩ cập nhĩ chi trưởng tử phụng tự. Nhĩ đệ Sủng trưởng thành hậu, khả trúc cư vu Bảo Triện dữ nhĩ cữu Hoàng giáp công tương y (Định Lĩnh hầu) đãi nhĩ mẫu niên lão, phụng quy Bảo Triện, bách niên hậu dữ nhĩ phụ hợp táng. Kim nhĩ mẫu vị đăng ngũ thập, ngã vị hứa hồi.

Ngô thứ đệ Quảng Nghiệp quân vô hậu, tòng đệ nhĩ Thiệm tha niên sự ngô thúc vi chiêu, nghi sự nhĩ huynh Quảng Nghiệp quân vi mục. Nhĩ diệc tài tử, vi nhân bất tục, ngã khả vô đa ngôn dã.

Nhĩ thứ đệ Trí tại bản chi vi thứ, tại tiên thứ mẫu Thuận nhân vi trưởng, ký phụng tiên thứ mẫu Thuận nhân thần chủ phối hưởng Tiên công, thử ngã hiếu tâm, tuân thừa tiên chí, thế thế vô hữu du việt. Trí nhĩ nghi dữ ngô trưởng tử Thân đồng cư, nhĩ thúc điệt khác phụng chưng thường, vô vi ngã hiếu hữu chi ý. Nhĩ sở cư tại nhĩ điệt Thân chi hữu tiền thổ nhất khu: Ngã Tiên công sở hứa, hựu trì nhất khẩu, ngã thu vi hương hoả trì, dĩ cựu lăng trì nhất sở, cao xích tương đương dịch chi.

Thứ thứ đệ Hoàng, nhĩ thê bất hạnh hữu công vô kế, hứa nhĩ cư nhĩ thê quán, dữ nhĩ biểu tộc huynh đệ tương y. Nhĩ khả tục huyền vu nhĩ thê tộc, dĩ kế kì hậu. Tuế thời phục lạp, hồi hương quán dữ huynh đệ tông tộc khoản tự khả dã.

Thứ thứ đệ Hương nhĩ mẫu cải giá, nhĩ thê diệc yểu, nhĩ thậm đồn

kiển, ngã diệc lân chi. Nhiên nhi tha nhật nhĩ tất thành lập, thử phi luận nhân sự luận thiên đạo dã. Nhĩ thiếu niên cô khổ, thiên đạo thặng trừ, tất trưởng niên hanh thông. Tha nhật nhĩ nghi dĩ giá mẫu chi phục, phục nhĩ sinh mẫu. Hiện tại bất đắc tương kiến. Nhĩ thê vô xuất, hứa nhĩ thú nhĩ thê chi muội vi kế thê. Nhĩ khả trúc cư Cao Xá xã, lệ nhập hương tịch. Kì bản cư thổ tại Đức Lâm thôn xứ, kim đệ nhị tẩu tạm cư, tha nhật dĩ kì ốc vì tự nhĩ tiên thê chi sở. Nhĩ nhạc mẫu phụ mẫu dĩ nhị nữ giá nhữ bán tử do toàn tử, tha nhật lễ phục kỳ niên, tình phục tam niên, bất đắc hữu vi ngô ngôn.

Trưởng tử nhĩ Thân nhĩ đích tự dã, cư phụ mẫu chi hương, phụng tôn tổ chi từ, nhĩ dữ nhĩ thúc Trí đồng cư, nghi dĩ hiếu hữu tương quy, dĩ thành đốc tương xử, dĩ vô trụy ngã tiên công chi tự. Nhĩ giám thủ hương hoả, trì nhất khu, hựu giám thủ Truy Viễn đàn hương hoả, thổ viên nhất khu, tịnh tế điền các sở, cần ư tác nghiệp dĩ bị diêm chư, diệc bất chí hữu quỹ phạp dã.

Thứ tử Nghi, ngã Nhâm Dần xuất vong thời, dữ nhĩ mẫu hữu ước, sử nhĩ cư ngoại quán Bách Tính xã, phụng sự ngoại gia bản phân kị lạp. Nhĩ nghi dữ nhĩ cữu Đồng Lạc thị lệ nhập hương tịch. Kim hứa nhĩ nhất thất, tại nhĩ huynh Thân chi hữu, hậu thổ nhất khu, đạt ư trưởng chi thổ phận, dĩ bị tuế thời phục lạp, hồi quy túc yết khả dã.

Thứ thứ tử Quán dĩ hứa ngô quyến Trác Lĩnh hầu ngô muội Cung Hòa huy nhân vi hậu, hứa nhĩ trúc thất cư Bằng Liệt xã, dĩ phụng sự kỳ sở dưỡng phụ mẫu. Kỳ nhĩ sinh mẫu, hứa nhất thất tại nhĩ huynh Thân chi tả, hậu đạt vu từ đường hậu viên, tỉ hữu y bằng, dĩ điện quyết cư.

Kỳ dư ấu tiểu tử nữ, thính thiên sở mệnh, bất cảm đa ước.

Hựu đường huynh, hữu thừa ngã tiên công dưỡng vi tử, dĩ niên đương vi ngã đệ, ngã kim thành nhĩ thất gia, dĩ phụng trưởng chi tông phương chi tự, nhĩ nghi dữ nhĩ thứ thứ huynh Trí đường điệt Thân đồng cư, đương nhất gia hữu ái, hiệu gian thủy chung, thiết nghi dĩ bỉ thử vi giới. Hữu vi ngô ngôn, liệt tổ giám chi.

Phù, dư ứng thế nhân dã, dư tằng hữu Mộng Thiên Thai phú vân:

Biến vũ trụ dĩ vi lư hề, phu hà hệ hồ hồng mao.

Dư chi trì khu lí lịch tương lai vị khả bốc dã. Ngưỡng bằng hồng khánh, hoàng hoa sự tuấn, nhân tứ hồi kì, gia đình phụ tử huynh đệ tổ

tôn chi lạc, cánh hữu hứa đa giai thoại.

Thứ nhất tông nghị luận, nãi kì yếu ước nhĩ.

DỊCH NGHĨA:

NHỮNG QUY ƯỚC CHỦ YẾU CỦA GIA ĐÌNH

Đấng Tiên công ta đạo cao đức trọng, nhân rộng nghĩa sâu, nên mới mở mang nhà ta, dựng nên nghiệp vương hầu.

Ta tài hèn đức mọn, gặp bước gập ghềnh, hết nguy rồi lại yên, hết suy rồi lại vượng, tự xét cái nghề chạm trổ con sâu nhỏ mọn, có đâu được đủ như thế, đó là do phúc trạch của tiền nhân để lại vậy.

Ta đã đem thân ra ứng phó với đời, phải lặn lội để giúp nước, nay nam mai bắc, hết đông lại tây, chỉ biết theo lệnh của Chúa thượng sai đâu đi đấy. Nay ta sắp có dịp đi Yên Kinh, chuyến đi này là xin ân điển lớn về việc cầu phong. Kính vâng được ngọc dụ của Hoàng thượng rằng: "Nhà ngươi báo đáp ơn đức của Tiên đế, chính ở lúc này đây." Biết rõ bầy tôi, không ai bằng vua, do đó ta phải chạy vạy vượt trèo lo việc nước, và cũng lo tính cả việc nhà nữa. Đấng Tiên công chứa chất đức dầy, để ánh sáng lại, nên mới có được phồn vinh thịnh vượng như ngày nay. Nền gốc muôn năm sau chính ở các em ta, và các con cùng cháu ta, nên phải đời đời hiếu thuận, không để mất ơn trạch thi thư. Kiểu đất làng ta rất đẹp, có thể cùng yên vui mãi mãi. Từ đường phần mộ ở đó, nên từ con em cháu chắt, cho tới chút chít, tất phải cung kính, phải nương tựa lẫn nhau, người có chí phải biết điều đó. Đó là tấm lòng của đấng Tiên công ra lệnh cho ta, người khác không được dự. Học Tốn công em ta, đã trở về trước ta rồi, cháu Phẩm mày nên lập từ đường ở bản ấp để thờ cúng em ta. Từ đường đó cứ theo như nhà cũ, sau này mày, rồi con trưởng mày phụng thờ. Sủng là em mày, sau khi khôn lớn, nên làm nhà ở làng Bảo Triện cùng nương tựa vào cậu là Hoàng giáp công (Định Lĩnh hầu), đợi khi nào mẹ mày tuổi già, rước về Bảo Triện, lúc trăm tuổi hợp táng với cha mày. Nay mẹ mày tuổi chưa tới 50, ta chưa cho về.

Em thứ ta là Quảng Nghiệp quân, không có con, theo anh mày là Thiệm, sau này thờ chú ta làm hàng chiêu, nên thờ anh mày là Quảng Nghiệp quân ở hàng mục. Mày là người có tài, không phải tục tằn, ta đâu phải nhiều lời.

Em thứ mày là Trí, ở chi ta là ngành thứ, song đối với bà thứ mẫu

Thuận nhân lại là ngành trưởng, đã thờ thần chủ bà thứ mẫu Thuận nhân phối hưởng với Tiên công, đó là lòng hiếu kính của ta theo chí hướng của các cụ trước, đời đời không dám vượt quá. Trí mày nên cùng với Thân con cả ta ở chung. Chú cháu mày phụng thờ tư tết phải kính cẩn, không được trái cái ý hiếu thuận của ta. Mày nên ở một khu đất ở trước mà bên phải nhà của cháu Thân mày. Đất đó do Tiên công ta cho, lại một chiếc ao nữa, ta thu lại làm ao hương hoả, sẽ lấy một chiếc ao đào cũ, sào thước cũng đúng bằng ấy để đổi.

Em thứ thứ là Hoàng, vợ mày có công mà không may không có con, cho mày được ở quê vợ, cùng nương tựa với anh em họ ngoại. Mày nên lấy vợ kế, người họ vợ mày, để kế về sau. Hằng năm lễ tết giỗ chạp thì về quê quán cùng anh em tôn tộc hội họp yến ẩm, là được.

Em thứ thứ nữa là Hương, mẹ mày cải giá, vợ mày cũng mất sớm, cảnh ngộ mày rất lận đận, ta thương lắm. Nhưng mà sau này mày tất thành thân, đó là không nói về việc người, mà nói về đạo trời đó. Vì mày còn nhỏ cô đơn, đạo trời thì thêm bớt, lớn lên tất hanh thông. Ngày sau này sinh mẫu mày quá cố, mày phải lấy cái lễ "giá mẫu"[1] mà để tang. Hiện tại mày không được gặp mặt. Vợ mày không có con, cho mày lấy em gái vợ mày làm kế thất. Mày nên làm nhà ở xã Cao Xá, nhập tịch xã đó. Còn như thổ cư ở thôn Đức Lâm, nay chị dâu thứ nhì tạm ở, sau này lấy nhà đó làm nơi thờ vợ mày. Bố mẹ vợ mày đem con gái thứ hai gả cho mày, con rể cũng như con đẻ[2]sau này, theo lễ thì để tang 1 năm, lấy tình thì để tang 3 năm, không được làm trái lời ta.

Con trưởng Thân! Mày là đích tử, ở quê cha mẹ, phụng thờ tổ tông, mày cùng chú Trí mày ở chung, phải lấy hiếu thuận khuyên bảo, lấy thành thực đối xử, chớ phá hoại nền nếp ông cha. Mày giữ một khu ao hương hoả và các thửa ruộng tế của đàn Truy Viễn, siêng năng sản nghiệp, để đủ dưa muối, không được khiếm khuyết.

Nghi, con thứ. Năm Nhâm Dần (1782) lúc ta phải trốn tránh, cùng bàn với mẹ mày, cho mày ở quê ngoại xã Bách Tính, để phụng thờ những giỗ chạp về họ ngoại. Mày nên cùng cậu mày là Đồng Lạc thị nhập tịch làng đó. Nay cho mày một ngôi nhà ở bên phải nhà anh Thân mày, đó là một khu đất đằng sau suốt mãi tới phần đất của chi trưởng, để khi tuần tiết hàng năm, trở về ở đó mà cúng tế cho tiện.

Quán, con thứ thứ! Đã cho làm thừa tự em gái ta là Cung Hòa huy

nhân, vợ Trác Lĩnh hầu, cho mày làm nhà ở xã Bằng Liệt để thờ tự bố mẹ nuôi. Còn mẹ đẻ mày, cho một ngôi nhà ở bên trái nhà anh Thân mày, đằng sau suốt mãi tới vườn sau từ đường, cho có nơi dựa dẫm, ăn ở được yên.

Ngoài ra, con trai, con gái còn nhỏ, phó cho mệnh trời, không dám mong ước nhiều.

Lại ông anh họ Hựu, được nhờ cha ta xưa nuôi làm con, kể tuổi thì phải làm em ta, nay ta đã xây dựng gia đình cho mày để giữ hương khói ngành trưởng, mày phải cùng anh thứ thứ Trí và cháu họ là Thân ở chung, phải một nhà hòa thuận yêu mến, có thủy có chung, nhất là chia rẽ người kia người này, phải răn cấm hẳn. Nếu trái lời ta, tổ tiên chứng giám!

Này, ta là người ứng phó với việc đời, từng làm bài phú Mộng Thiên Thai, có câu rằng:

Lấy cả vũ trụ làm lều chừ, ôi sao buộc được cánh chim hồng đây?

Con đường dong ruổi chạy vạy của ta, tương lai chưa thể đoán được. Ngửa trông phúc lớn, việc đi sứ xong, khi cưỡi ngựa nhìn thấy cái vui của gia đình, nào cha con, nào anh em, nào ông cháu, càng có nhiều câu truyện lí thú.

Một thiên nghị luận về việc họ này, chỉ là sơ lược mà thôi.

CHÚ THÍCH:

1. Mẹ đã đi lấy chồng khác. Theo *Lễ*, Văn Công để tang xuất mẫu 5 tháng, mặc áo vén gấu.

2. Nguyên văn: Bán tử do toàn tử. *Bán tử* do chữ ở *Kinh Lễ*: Bán tử chi tình (mối tình một nửa là con), tức con rể. *Đường thư* truyện *Hồi ngột*: Kim tế bán tử dã (nay con rể là bán tử).

Toàn tử, *Kinh Lễ*: Phụ mẫu toàn nhi sinh chi, tử toàn nhi quy chi, khả vị hiếu hĩ (Cha mẹ sinh ra thân thể hoàn toàn, người con cũng phải giữ gìn thân thể hoàn toàn mà về (chết) thế mới là hiếu).

8. 漣夏詩盟說

孟子曰："詩亡而後春秋作"。詩王者之教也，春秋伯者之事也。盟盛於春秋，詩何以盟乎爲哉？雅詩之亡九矣，騷，選，以降，詞鋒筆鍔，鬥麗爭葩。一字之奇一韻之巧，強儒富士，日尋于干戈，遂爲詩戰然矣。於是杜詩王出，創爲陣法一部杜詩，典型規則，臚列滿目。善戰

者不陣，杜殆伯而未王也，杜王僭矣。惟晦庵朱夫子性理詩，無慮五十餘首，義理渾全，都從自然寫出。其中師友互相講習，或借景以見情，借情以見事，或借事以見理，借理以見道。王詩命脈，庶乎其中興焉。然而吾儕小人，從事竊剽文字，雖欲學之而不可得。故復遠而師杜。余與番年公，年前所作菊花詩陣，至欲涉天地，風雲，龍虎，烏蛇之蕃，以造杜之牆。靜而思之，縱使技擊之精，騎射之情，得杜陣之生景門而入，亦奚以爲也。

庚申夏與邑契周和甫，家弟成甫，並留覲春京。其年，覲番諸大夫，並以得旨北回。北士之在朝列者，惟吾同邑三人，趍陪酬奉之暇，即以文籍自娛。常有南士三數人，持書問字，爲余言：城西南有潭，潭在竹林邑界，蓮花盛開。余欣然欲往，本意以竹林爲吾禪況，今湊巧有此邑，復有此潭，此蓮，因約兄弟以勝日爲採蓮之游。會省閣演綸多，遂未果行。而唱酬往復，積一月有餘，已得一百餘首。其中爲採蓮取興，遂及於性理之談，義理之論，經、傳、子、史之蘊，參究互發。蓋以風雲月露相戒，而以著實下工夫相勉。予與兄弟，乃同志同胞，千里宦游，同朝而同邑，義有大於切偲者乎？道有大於敦睦者乎？非夫以字韻相爭。而詩道既希，經古實難。春秋善胥命，同盟次之。苟未到於胥命，便以同盟相與，亦無不可。然猶推敲不解，未及成編。暨夏至扈蹕方潭壇，始取路訪游，補以眞見十景，乃足爲兩百篇之數。余謀之兄弟，顏其集曰："蓮夏詩盟"。而邑契周和甫又自誌曰詩社。夫三人同行，亦可名之曰社。古人通以枌榆顏社，論景而未論人。今詩社有三人焉，通論人景。當添之曰松、竹、梅、蓮，君子也。而以松竹梅與之並游，非所謂同道爲朋者歟？

若夫詩之春秋不陣而盟，或者"魯一變至道"，此余與兄弟之所好也。是爲說。

PHIÊN ÂM:

LIÊN HẠ THI MINH THUYẾT

Mạnh Tử viết: "Thi *vong nhi hậu* Xuân Thu *tác.*"Thi *vương giả chi giáo dã,* Xuân Thu *bá giả chi sự dã. Minh thịnh ư Xuân Thu, thi hà dĩ minh hồ vi tai?* Nhã thi *chi vong cửu hĩ,* Tao, Tuyển *dĩ giáng, từ phong bút ngạc, đấu lệ tranh ba. Nhất tự nhất kỳ, nhất vận chi xảo, cường nho phú sĩ, nhật tầm vu can qua, toại vi thi chiến nhiên hĩ. Ư thị Đỗ thi vương xuất, sáng vi trận pháp nhất bộ Đỗ thi, điển hình qui tắc, lô liệt mãn mục. Thiện chiến giả bất trận, Đỗ đãi bá nhi vị vương dã, Đỗ vương tiếm hĩ. Duy Hối Am Chu phu tử* Tính lý *thi, vô lự ngũ thập dư thủ, nghĩa lý hồn toàn, đô tòng tự nhiên tả xuất. Kỳ trung sư hữu hỗ tương giảng tập, hoặc tá cảnh dĩ kiến tình, tá tình dĩ kiến sự, hoặc tá sự dĩ kiến lý, tá lý dĩ kiến đạo. Vương thi mệnh mạch, thứ hồ kỳ trung hưng yên. Nhiên nhi ngô sài tiểu nhân, tòng sự thiết phiếu văn tự, tuy dục học chi nhi bất khả đắc. Cố phục viễn nhi sư Đỗ. Dư dữ Phan niên công, nên tiền sở tác* Cúc hoa thi trận, *chí dục thiệp thiên địa, phong vân, long hổ, ô sà chi phiên, dĩ tạo Đỗ chi tường. Tĩnh nhi tư chi, túng sử kỹ kích chi tinh, kỵ xạ chi tình, đắc Đỗ trận chi sinh cảnh môn nhi nhập, diệc hề dĩ vi dã.*

Canh Thân hạ dữ ấp khế Chu Hoà phủ, gia đệ Thành phủ, tịnh lưu cận Xuân kinh. Kỳ niên, cận phiên chư đại phu, tịnh dĩ đắc chỉ Bắc hồi. Bắc sĩ chi tại triều liệt giả, duy ngô đồng ấp tam nhân, xu bồi thù phụng chi hạ, tức dĩ văn tịch tự ngu. Thường hữu Nam sĩ tam sổ nhân, trì thư vấn tự, vị dư ngôn: Thành tây nam hữu đàm, đàm tại Trúc Lâm ấp giới, liên hoa thịnh khai. Dư hân nhiên dục vãng, bản ý dĩ trúc lâm vi ngô thiền huống, kim tấu xảo hữu thử ấp, phục hữu thử đàm, thử liên, nhân ước huynh đệ dĩ thắng nhật vi thái liên chi du. Hội sảnh các diễn luân đa, toại vị quả hành. Nhi xướng thù vãng phục, tích nhất nguyệt hữu dư, dĩ đắc nhất bách dư thủ. Kỳ trung vị thái liên thủ hứng, toại cập ư tính lý chi đàm, nghĩa lý chi luận, kinh, truyện, tử, sử chi uẩn, tham cứu hỗ phát. Cái dĩ phong vân nguyệt lộ tương giới, nhi dĩ trước thực hạ công phu tương miễn. Dư dữ huynh đệ, nãi đồng chí đồng bào, thiên lý hoạn du, đồng triều nhi đồng ấp, nghĩa hữu đại ư thiết tai giả hồ? Đạo hữu đại ư đôn mục giả hồ? Phi phù dĩ tự vận tương tranh. Nhi thi đạo ký hi, kinh cổ thực nan. Xuân Thu thiện tư mệnh, đồng minh thứ chi. Cẩu vị đáo ư tư mệnh, tiện dĩ đồng minh tương dữ, diệc vô bất khả. Nhiên do thôi xao bất giải, vị cập thành biên. Ký hạ chí hỗ tất Phương Trạch đàn, thuỷ thủ lộ

phỏng du, bổ dĩ chân kiến thập cảnh, nãi túc vi lưỡng bách thiên chi số. Dư mưu chi huynh đệ, nhan kỳ tập viết: Liên hạ thi minh. *Nhi ấp khế Chu Hoà phủ hựu tự chí viết Thi xã. Phù tam nhân đồng hành, diệc khả danh chi viết xã. Cổ nhân thông dĩ phần du nhan xã, luận cảnh nhi vị luận nhân. Kim Thi xã hữu tam nhân yên, thông luận nhân cảnh. Đương thiêm chi viết tùng, trúc, mai, liên quân tử dã. Nhi dĩ tùng trúc mai dữ chi tịnh du, phi sở vị đồng đạo vi bằng giả dư?*

Nhược phù thi chi Xuân Thu bất trận nhi minh, hoặc giả "Lỗ nhất biến chí đạo," thử dư dữ huynh đệ chi sở hiếu dã. Thị vi thuyết.

DỊCH NGHĨA:

BÀI THUYẾT "LIÊN HẠ THI MINH"[1]

Mạnh Tử nói rằng: "*Kinh Thi* mất đi, sau đó *Kinh Xuân Thu* dấy lên." *Kinh Thi* là giáo huấn của bậc vương giả, *Kinh Xuân Thu* là sự việc của bá. Ước thề thịnh hành ở đời Xuân Thu. Thơ, sao cũng ước thề? *Thơ Nhã* mất đi đã lâu; từ *Ly Tao*, *Thi tuyển* về sau, lời bén, bút sắc, tranh đẹp đua tươi, cái lạ của một chữ, cái khéo của một vần, nho sĩ mạnh giầu, dần dần đi tới chuyện gươm đao, kết quả biến thành chiến thi. Bấy giờ vương giả của thơ là họ Đỗ ra đời, đặt ra trận pháp. Một bộ thơ họ Đỗ mà phép tắc mẫu khuôn ngập mắt. Kẻ thiện chiến thì không cần bày trận, e rằng họ Đỗ là bá mà chưa phải là vương, tôn Đỗ làm vương là tiếm. Riêng thơ *Tính lý* của Hối Am Chu phu tử, chỉ độ hơn năm chục bài, mà nghĩa lý hồn hậu, đều viết ra từ cái tự nhiên. Trong đó có lời thày trò bạn hữu cùng nhau giảng tập, hoặc mượn cảnh để thể hiện tình, mượn tình để thể hiện sự việc, mượn sự việc để thể hiện lý, mượn lý để thể hiện đạo. Mệnh mạch của nền thơ theo đạo vương, cơ hồ trung hưng lên được. Nhưng bọn ta là hạng người nhỏ mọn, chỉ chăm chăm vào việc ăn cắp văn tự, tuy muốn học điều đó, nhưng vẫn không được. Cho nên lại trở về xa xăm mà tôn thờ họ Đỗ làm bậc thầy. Tập *Cúc hoa thi trận* mà tôi và ông Phan[2] bạn đồng niên sáng tác vào năm trước đây, có ý muốn vượt qua phên giậu gió mây, long hổ chim muông của trời đất, để đi tới bức tường của họ Đỗ. Lặng lẽ mà suy, dù có sử dụng cái tinh thông về đánh thành cướp đất, hay cái thói quen về nghề cưỡi ngựa bắn tên để vào được cửa "Cảnh" cửa "Sinh" của trận đồ họ Đỗ, cũng có ích gì.

Mùa hè năm Canh Thân (1800), tôi cùng với người bạn cùng thôn là Chu Hoà phủ [3] và em trai là Thành phủ[4] đều được lưu lại triều cận ở

Xuân kinh. Năm đó các quan đại phu hết phiên triều đều đã được sắc chỉ của Hoàng đế cho trở về Bắc. Những kẻ sĩ ở triều đình thuộc kẻ sĩ Đường Ngoài, chỉ còn ba người cùng ấp chúng tôi, ngoài lúc triều cận, chỉ còn biết lấy văn thơ sách vở làm vui. Đôi lúc có một vài kẻ sĩ Đường Trong đem sách tới hỏi han chữ nghĩa, nhân đó mách với tôi rằng: Phía tây nam thành này có một cái đầm, đầm ở địa phận ấp Trúc Lâm, hoa sen nở rộ. Tôi hớn hở muốn đi ngay, vì bản ý của tôi vẫn lấy "rừng trúc" để làm mùi vị thiền của mình, nay vừa khéo có ấp này, lại có đầm này, sen này, nhân đó hẹn anh em chọn ngày đẹp trời đi chơi thưởng sen. Nhưng lại gặp công việc của sảnh các bề bộn, nên chưa đi được. Thế là xướng hoạ qua lại, đến hơn một tháng, đã được hơn một trăm bài. Trong đó lấy việc hái sen làm khởi hứng, rồi đến bàn về tinh lý, luận về nghĩa lý và chỗ sâu kín của kinh, truyện, sử, tử, cũng tham cứu xen vào. Thường đem lối thơ sương, gió, trăng, mây để răn nhau, lấy lối thơ dụng công vào chân thực để khuyên nhau. Tôi và anh em là tình đồng chí đồng bào, làm quan nơi xa xôi ngàn dặm, đồng triều lại đồng ấp, nghĩa có gì lớn hơn sự ân cần, đạo có gì lớn hơn sự hoà mục? Đâu phải việc tranh hơn từng chữ từng vần. Nhưng đạo của thơ đã suy vi, muốn đi tới "cái xưa" thực khó. Thời Xuân Thu khéo ở "đợi mệnh," lấy việc cùng nhau ước thề là điều thứ yếu. Nếu chưa tới được "đợi mệnh," thì lấy việc cùng nhau ước thề thay vào, điều đó không phải không được. Nhưng bởi bận việc thôi xao, nên chưa kịp đóng thành tập. Tới ngày hạ chí tôi hộ giá tới đàn Phương Trạch, mới tiện đường ghé thăm, và bổ sung thêm cho tập thơ mười cảnh thấy tận mắt, thế là đủ số hai trăm bài. Tôi bàn với anh em đặt tên cho tập đó là *Liên hạ thi minh*. Nhưng người bạn cùng ấp với tôi là Chu Hoà phủ lại tự ghi thêm là "Thi xã." Nói chung ba người cùng đi cũng có thể đặt tên cho nó là "Thi xã." Người xưa thường thường đem "cây bưởi cây dâu"(phần du) để đặt tên cho xã, như vậy là bàn tới cảnh mà chưa bàn tới người. Bây giờ Thi xã có ba người, thế là bàn luôn cả cảnh lẫn người. Vậy nên thêm cho nó là "thông mai trúc." Sen là người quân tử trong các loài hoa, mà đem nó cùng chơi với "thông mai trúc," thì chẳng phải là "cùng đạo thì làm bạn với nhau đó sao"?

Nói chung, thời Xuân Thu trong thơ không bày trận mà ước thề. "Nước Lỗ một lần biến đổi mà đi tới đạo," đó là điều tôi và anh em cùng ưa thích. Vậy tôi làm bài thuyết này.

Mai Quốc Liên dịch

Theo *Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm - S đ d*

CHÚ THÍCH:

1. Liên hạ thi minh: Thơ làm trong cuộc ước hẹn đi thưởng sen mùa hạ.
2. Phan, tức Phan Huy Ích.
3. Chu Hoà phủ, chưa rõ là ai.
4. Thành phủ, tức Ngô Thì Hương, sau đổi Ngô Thì Vị (*Ngô gia thế phả*).

9. 祖官尊顯辨

先祖爲高山局局正，其奉侍某朝不可考。

奉按國朝官制（洪德二年辛卯校定）局正乃八品（宣達，青衣，承諭，御用，應事等局局正）九品之官（侍衛局局正）其出何資格例受是官者亦不可考。

仍奉按今條例各局，除承諭常班外（條條詳見禮部工番）。局正副以下皆工爲之歸工番禮部官照管。然閱百工部無是局號。

舊譜照國史有高山巾名（見國史紹平元年），意其局名從巾，引以爲證。

竊嘗疑之高山折衝（二巾名）均之爲巾，亦今之單葉重葉平頂類也。巾樣分文武官，莫今爲詳百工分局，典籍存於工番，亦莫今爲備，然亦不開有三巾三局者，豈高山獨緣巾設，其制更詳於今日耶！盆花丁字太古折衝（四者並陳朝與國初巾名）所與高山對者，巾之名非一類，亦冠之衝天幪頭，帽之平横西瓜，蓋有不勝也。冠一局，帽一局，巾一局，其中析之，巾又類分而各設一局冠帽亦然。當時之制，不應如此之細碎也。就使疆合附會，謂必信然。一物而一匠，一匠而一局，信有如其言者。諸又引歷朝之制以辨之。

李陳與國初，局與館閣省院對待，如祈侯局，人文局，尚輦局，太史局（李陳官制），學生局，添作局，裱褙局，冠作局，親隨局，近侍局，秀林局（國初紹平、洪德定制）之類。總若干局，雖史別事互

見，所載有不盡。某局職某事，義存於局名者，雖有可推有不可推。局官名微有差異，副掌微有輕重，蓋或正改爲知，或知又在正長之上，與前朝品給，而紹平優加之，雖有可考有不可考。然見任年限：館閣十年，省院局十五年（陳制）。考課條例，路鎮禦官本道行謹考，各鎮將校本道總管宣慰考，省院局官少保右弼考。是局固昂然職事之一官。陳朝阮柄以局正，甲寅大慶，試太學生賜爵簿書家，命局正阮柄教習之。國朝程清會試登第，紹平除太學生局局長，朱三省紹平由局副陞左刑院大夫，陳封紹平爲局副，洪德遷太保刑部尚書御史臺都御史，黎壽域紹平由少保黎抄子除侍邊三局正長，洪德當國爲宰執大臣。由是觀之，分明是時所謂局者，皆有正副知掌，以爲之官，其亦今之知番，副知，僉知，而所以爲官者之人，又皆從科榜勳閥中來，確非以工克其職也。

本社稱匠人高師蕩稱匠人高烈稱省院局人，各帶口糧器用等件。就土分稱督百作諸局。造藍京廟殿，玩人之一字，參以省院局官四字，匠與官別，不待辨矣。

若然高山所職何事？曰：史不備載，未易彊辨，但以高山巾與折衝巾對。奉按洪德崇文館錦衣衛秀林局，羽林衛，一文一武，若有高山折衝之意存焉。審此高山局號，意亦洪德之秀林而與折衝對也。

若然先祖仕何朝代？曰：家譜所不載，但以三十年爲一世，先祖至今有十二世孫，現已成立，推之世次，比之年紀，大要可該三百五十六載之間。計自戊申順天元年，至今三百四十一年，可見先祖所值恰當陳末國初時節，只是局正職名，惟陳有之，而國朝曰長，曰正掌，曰知某局者，與陳不同，則夫先祖仕陳，亦可於此推之矣。

雖然，余所深辨不專在此也。先祖以才德致顯位，簪纓詩禮，以世其家。由是子孫日蕃，福履日盛，聯芳兢秀，各支並發，文武兼全，儒

吏間出，往往以才藝驚人中場出督，吏道設奇，又往往出格之遇。至於同胞兄弟，並擢甲科，並躋顯官，並尚書郡公宰相，加官又皆人，非本常得之福！而今之衣鉢可傳引，而弗替。進朝進士魁會元庭，才子才孫，世科世官，其福澤有未可量。使吾吳名族，郡國皆談科舉者，不獨稱其善中，亦皆服其善文。說福德者，如有併及其人，亦難指其愚蠢。豈非幹大枝茂。源深流長，而致然歟？

先祖非徒德盛而已矣。身貴顯，子貴顯，則其前此貴顯，固有自來，亦非尋常工人始肇基之心好而跡微者。

惟夫局正，至今視爲匠人，此蓋歷朝沿革，類亦禮樂之分合曆數之重輕，乃自家譜失於筌符，經今垂二百年。溺於見聞，寡於稽考，纔說局正，輒以工視，有羨之者，亦曰賢哉工人，有此子孫。安知夫先祖局正，與阮柄程清黎壽域等之局正同，而非今之百工者比。予所以辨。

PHIÊN ÂM:

TỔ QUAN TÔN HIỂN BIỆN

Tiên tổ vi Cao sơn cục Cục chính, kỳ phụng thị mỗ triều bất khả khảo.

Phụng án Quốc triều quan chế (Hồng Đức nhị niên Tân Mão hiệu định) Cục chính nãi Bát phẩm (Tuyên đạt, Thanh y, Thừa dụ, Ngự dụng, Ứng sự đẳng cục Cục chính) Cửu phẩm chi quan (Thị vệ cục Cục chính) kỳ xuất hà tư cách lệ thụ thị quan giả diệc bất khả khảo.

Nhưng phụng án kim điều lệ các cục, trừ Thừa dụ thường ban ngoại (điều điều tường kiến, Lễ bộ Công phiên), Cục chính phó dĩ hạ giai công vi chi quy Công phiên Lễ bộ quan chiếu quản. Nhiên duyệt bách công bộ vô thị cục hiệu.

Cựu phả chiếu Quốc sử hữu Cao sơn cân danh (kiến Quốc sử Thiệu Bình nguyên niên), ý kỳ cục danh tòng cân, dẫn dĩ vi chứng.

Thiết thường nghi chi Cao sơn Chiết hành (nhị cân danh) quân chi vi cân, diệc kim chi đơn diệp trùng diệp Bình đính loại dã. Cân dạng phân văn vũ quan, mạc kim vi tường. Bách công phân cục, điển tịch tồn ư Công phiên, diệc mạc kim vi bị, nhiên diệc bất văn hữu tam cân cục giả, khởi Cao sơn độc lục cân thiết, kỳ chế cánh tường ư kim nhật da! Bồn hoa, Đinh tự, Thái cổ, Chiết hành (tứ giả tịnh Trần triều dữ Quốc sơ cân danh) sở dữ Cao sơn đối giả, cân chi danh phi nhất loại, diệc quán chi Xung thiên Phốc đầu, mạo chi Bình hoành Tây qua, cái hữu bất thắng dã.

Quán nhất cục, mạo nhất cục, cân nhất cục, kỳ trung tích chi, cân hựu loại phân nhi các thiết nhất cục, quán mạo diệc nhiên. Đương thời chi chế, bất ưng như thử chi tế toái dã. Tựu sử cương hợp phụ hội, vị tất tín nhiên. Nhất vật nhi nhất tượng, nhất tượng nhi nhất cục, tín hữu như kỳ ngôn giả, thỉnh hựu dẫn lịch triều chi chế dĩ biện chi.

Lý Trần dữ Quốc sơ, Cục dữ Quán Các Sảnh Viện đối đãi, như kỳ hầu cục, Nhân văn cục, Thượng liễn cục, Thái sử cục (Lý Trần quan chế), Học sinh cục, Thiêm tác cục, Biểu tập cục, Quán tác cục, Thân tùy cục, Cận thị cục, Tú lâm cục (Quốc sơ Thiệu Bình, Hồng Đức định chế) chi loại. Tổng nhược can cục, tuy sử biệt sự hỗ kiến, sở tải hữu bất tận. Mỗ cục chức mỗ sự, nghĩa tồn ư cục danh giả, tuy hữu khả suy hữu bất khả suy. Cục quan danh vi hữu sai dị, phó chưởng vi hữu khinh trọng, cái hoặc chính cải vi tri, hoặc tri hựu tại chính trưởng chi thượng, dữ tiền triều phẩm cấp, nhi Thiệu Bình ưu gia chi, tuy hữu khả khảo hữu bất khả khảo. Nhiên kiến nhậm niên hạn: Quán các thập niên, sảnh viện cục thập ngũ niên (Trần chế). Khảo khoá điều lệ, lộ trấn ngự quan bản đạo Hành khiển khảo, các trấn Tướng hiệu bản đạo Tổng quản Tuyên uý khảo, sảnh viện cục quan Thiếu bảo Hữu bật khảo. Thị cục cố ngang nhiên chức sự chi nhất quan. Trần triều Nguyễn Bính dĩ cục chính, Giáp Dần Đại Khánh, thí Thái học sinh tứ tước bạ thư gia, mệnh cục chính Nguyễn Bính giáo tập chi. Quốc triều Trình Thanh Hội thí đăng đệ, Thiệu Bình trừ Thái học sinh cục Cục trưởng, Chu Tam Tỉnh Thiệu Bình do cục phó thăng tả Hình viện đại phu, Trần Phong Thiệu Bình vi Cục phó, Hồng Đức thiên Thái bảo Hình bộ Thượng thư Ngự sử đài Đô ngự sử, Lê Thọ Vực Thiệu Bình do Thiếu bảo Lê Sao Tử trừ thị biên tam cục Chính trưởng, Hồng Đức đương quốc vi Tể chấp đại thần. Do thị quan chi, phân minh thị thời sở vị cục giả, giai hữu chánh phó tri chưởng, dĩ vi chi quan, kỳ diệc kim chi Tri phiên, Phó tri, Thiêm tri, nhi sở dĩ vi quan giả chi

nhân, hựu giai tòng khoa bảng huân phiệt trung lai, xác phi dĩ công sung kỳ chức dã.

Bản xã xưng Tượng nhân Cao Sư Đăng xưng tượng nhân Cao Liệt xưng sảnh viện cục nhân, các đái khẩu lương khí dụng đẳng kiện. Tựu thổ phân xưng Đốc bách tác chư cục. Tạo Lam Kinh miếu điện, ngoạn nhân chi nhất tự, tham dĩ sảnh viện cục quan tứ tự, tượng dữ quan biệt, bất đãi biện hĩ.

Nhược nhiên Cao sơn sở chức hà sự? Viết: Sử bất bị tải, vị dị cương biện, đãn dĩ Cao sơn cân dữ chiết xung cân đối. Phụng án Hồng Đức sùng văn quán Cẩm y vệ; Tú lâm cục, Vũ lâm vệ, nhất văn nhất vũ, nhược hữu Cao sơn chiết xung chi ý tồn yên. Thẩm thử, Cao sơn cục hiệu, ý diệc Hồng Đức chi Tú lâm nhi dữ chiết xung đối dã.

Nhược nhiên tiên tổ sĩ hà triều đại? Viết: Gia phả sở bất tải, đãn dĩ tam thập niên vi nhất thế, Tiên tổ chí kim hữu thập nhị thế tôn, hiện dĩ thành lập, suy chi thế thứ, tỉ chi niên kỷ, đại yếu khả cai tam bách ngũ thập lục tải chi gian. Kế tự Mậu Thân Thuận Thiên nguyên niên, chí kim tam bách tứ thập nhất niên, khả kiến tiên tổ sở trị cáp đương Trần mạt Quốc sơ thời tiết. Chỉ thị cục chính chức danh, duy Trần hữu chi, nhi Quốc triều viết Trưởng, viết Chánh chưởng, viết Tri mỗ cục giả, dữ Trần bất đồng, tắc phù tiên tổ sĩ Trần, diệc khả ư thử xuy chi hĩ.

Tuy nhiên dư sở thâm biện bất chuyên tại thử dã. Tiên tổ dĩ tài đức trí hiển vị, trâm anh thi lễ, dĩ thế kỳ gia. Do thị tử tôn nhật phồn, phúc lý nhật thịnh, liên phương căng tú, các chi tịnh phát, văn vũ kiêm toàn, nho lại gian xuất, vãng vãng dĩ tài nghệ kinh nhân trúng trường xuất đốc, lại đạo thiết cơ, hựu vãng vãng xuất cách chi ngộ: Chí ư đồng bào huynh đệ, tịnh trạc giáp khoa, tịnh tê hiển hoạn, tịnh Thượng thư Quận công Tể tướng, gia quan hựu giai nhân, phi bản thường đắc chi phúc! Nhi kim chi y, bất khả truyền dẫn, nhi phất thế. Tiến triều Tiến sĩ Khôi hội Nguyên đình, tài tử tài tôn, thế khoa thế hoạn, kỳ phúc trạch hữu vị khả lượng. Sử ngô Ngô danh tộc, quận quốc giai đàm khoa cử giả, bất độc xưng kỳ thiện trung, diệc giai phục kỳ thiện văn. Thuyết phúc đức giả, như hữu tính cập kỳ nhân, diệc nan chỉ kỳ ngu tàm. Khởi phi cán đại chi mậu. Nguyên thâm lưu trường, nhi trí nhiên dư?

Tiên tổ phi đồ đức thịnh nhi dĩ hĩ. Thân quý hiển, tử qúi hiển, tắc kỳ tiền thử quí hiển, cố hữu tự lai, diệc phi tầm thường công nhân thủy

triệu cơ chi tâm hảo nhi tích vi giả.

Duy phù cục chính, chí kim thị vi tượng nhân, thử cái lịch triều diên cách, loại diệc lễ nhạc chi phân hợp lịch số chi trọng khinh, nãi tự gia phả thất ư giai phù, kinh kim thùy nhị bách niên. Nịch ư kiến văn, quả ư kê khảo, tài thuyết cục chính, triếp dĩ công thị, hữu tiển chi giả, diệc viết hiền tai công nhân, hữu thử tử tôn. An tri phù Tiên tổ cục chính, dữ Nguyễn Bính Trình Thanh Lê Thọ Vực đẳng chi cục chính đồng, nhi phi kim chi bách công giả tỉ. Dư sở dĩ biện.

DỊCH NGHĨA:

BIỆN LUẬN SỰ TÔN HIỂN VỀ QUAN CHỨC CỤ TỔ

Tiên tổ ngài làm Cục chính cục Cao sơn, làm việc cho triều đại nào không thể tra xét được.

Phụng xét quan chế của Quốc triều (hiệu định năm Tân Mão niên hiệu Hồng Đức thứ 2 - 1471), chức Cục chính là hàm Bát phẩm (Cục chính ở các cục: Tuyên đạt; Thanh y; Thừa dụ; Ngự dụng; Ứng sự) hàm cửu phẩm, (Cục chính ở Cục Thị vệ) dựa vào lệ do tư cách gì mà được nhận chức đó, cũng không thể tra xét được.

Cứ phụng xét điều lệ hiện nay, các cục trừ thường ban Thừa dụ ra (các điều này thấy rõ ở Công phiên Lễ bộ) từ Chánh Phó cục trở xuống, đều dùng thợ làm, thuộc quyền quan Công phiên Bộ Lễ quản lý. Song tra trong Bộ bách công, không có danh hiệu cục ấy.

Gia phả cũ chiểu theo Quốc sử có tên Cao sơn cân,[1] (thấy trong Quốc sử năm Thiệu Bình nguyên niên, 1434) ngờ là tên cục theo "bộ cân" dẫn ra đây để làm chứng.

Tôi thường ngờ rằng: Cao sơn và Chiết hành[2] (hai tên khăn) đều là khăn, cũng như loại mũ Bình đính lá đơn và lá kép ngày nay. Kiểu khăn nhận biết giữa quan văn và quan võ nay không hiểu rõ. Phân cục của bách công, sổ sách hiện còn ở Bộ Công, nay cũng không đủ mấy, song cũng không nghe thấy có 3 cục 3 thứ khăn, há lẽ riêng cục Cao sơn dùng chiếc khăn mầu lục, mà quy chế đó ngày nay mới rõ dư? Các khăn: Bồn hoa; Đinh tự; Thái cổ, Chiết hành, (bốn tên đó đều tên khăn ở triều Trần và hồi Quốc sơ) cùng với Cao sơn đối nhau, tên khăn không phải một loại, cũng như mũ Phốc đầu và Xung thiên, mũ Bình hoành và Tây qua, không thể nói hết được.

Quán có một cục, mạo có một cục, cân có một cục, trong đó lại phân

tích ra, cân lại chia loại mà đều đặt một cục riêng, quán và mạo[3] cũng thế. Quy chế bấy giờ không phải vụn vặt như thế. Tựu trung, gò ép gượng gạo, chưa thể tin được. Một vật có một thợ, một thợ có một cục, nói như thế đáng tin. Xin lại dẫn quy chế các triều để biện luận.

Lý Trần và hồi Quốc sơ, Cục cùng với Quán, Các, Sảnh, Viện đối nhau, như: Cục Chi hầu, Cục Nhân văn, Cục Thượng liễn, Cục Thái sử; (quan chế triều Trần) Cục Học sinh, cục Thiêm tác; Cục Biểu tập, Cục Quan tác; Cục Thân tùy, Cục Cận thị, Cục Tú lâm (định chế của năm Thiệu Bình, năm Hồng Đức đời Quốc sơ)... Tóm lại có mấy cục, tuy trong sử thấy ở những việc riêng, ghi chép không hết. Cục này giữ chức này, nghĩa của nó chỉ còn ở tên cục tuy có chỗ có thể suy ra mà biết được, cũng có chỗ không thể suy ra mà biết được. Tên quan trong cục hơi có khác nhau, chức phó chưởng có khinh trọng đôi chút, bởi hoặc Chánh đổi làm Tri hoặc Tri lại ở trên Chánh trưởng, cũng như phẩm cấp triều đại trước, mà năm Thiệu Bình thêm vào, tuy có chỗ khảo xét được, cũng có chỗ không thể khảo xét được. Song niên hạn làm việc: Quán các hạn 10 năm, sảnh viện cục hạn 15 năm (chế độ đời Trần). Điều lệ khảo khóa: Quan coi lộ và trấn, do chức Hành khiển ở đạo đó khảo xét; Tướng hiệu các trấn do chức Tổng quản chức Tuyên uý khảo xét; Cục quan ở các Sảnh, các Viện, do chức Thiếu bảo chức Hữu Bật khảo xét. Đó là những viên quan có chức việc hẳn hoi. Triều Trần, ông Nguyễn Bính làm chức Cục chính, năm Đại Khánh Giáp Dần (1314) thi Thái học sinh, bổ tước Bạ thư gia[4] sai quan Cục chính Nguyễn Bính giáo luyện. Triều ta ông Trình Thanh đỗ khoa thi Hội (1429) tới niên hiệu Thiệu Bình bổ làm Cục trưởng Cục Thái học sinh; ông Chu Tam Tỉnh niên hiệu Thiệu Bình, do chức Cục phó thăng tới Tả hình viện đại phu; ông Trần Phong niên hiệu Thiệu Bình làm chức Cục phó, tới niên hiệu Hồng Đức thăng tới Thái bảo Hình bộ Thượng thư Ngự sử đài Đô ngự sử; ông Lê Thọ Vực niên hiệu Thiệu Bình nhờ được là con quan Thiếu bảo Lê Sao, bổ chức Thị biên tam cục Chánh trưởng, sang đời Hồng Đức làm Tể chấp đại thần, cứ đó mà suy, rõ ràng đời ấy gọi là Cục, đều có những chức Chánh, Phó, Tri chưởng để làm quan, nó cũng như những chức Tri phiên, Phó tri, Thiêm tri đời nay, mà những người sở dĩ được bổ làm quan chức đó, lại đều từ trong khoa bảng huân phiệt mà ra, nhất định không phải do chân thợ thuyền mà sung làm chức đó.

Xã ta có những tên gọi Tượng nhân Cao Sư Đăng, gọi tượng nhân

Cao Liệt, gọi sảnh viện cục nhân[5] đều có khẩu lương và đồ dùng mọi thứ. Về thổ phần thì gọi là Đốc bách tác chư cục, xây dựng điện miếu Lam Kinh. Nghiền nghĩ một chữ "nhân" tham khảo 4 chữ "sảnh viện cục quan" thì chữ "tượng" và chữ "quan" có khác nhau, không đợi phải biện bạch gì nữa.

Như thế thì chức Cao sơn làm việc gì? Trả lời: Sử không chép đủ, chưa dễ khiên cưỡng mà biện chiết xong. Những đem khăn Cao sơn cùng khăn Chiết xung đối nhau. Phụng xét: Quán Sùng văn, Vệ cẩm y, Cục Tú lâm, Vệ vũ lâm đời Hồng Đức, một văn ban, một vũ ban, cái ý nghĩa của Cao sơn và Chiết xung có lẽ là như thế. Như vậy gọi là cục Cao sơn, ý giả cũng như Tú lâm mà cùng với Chiết xung đối nhau ở đời Hồng Đức.

Thế thì, đấng Tiên tổ ngài làm quan ở triều đại nào? Trả lời: Gia phả không ghi lại được, nhưng cứ 30 năm là một đời thì Tiên tổ tới nay đã có cháu 12 đời, hiện đã trưởng thành, đem thế thứ so với niên kỷ, đại khái có thể trong khoảng 356 năm. Kể từ năm Mậu Thân là năm Thuận Thiên nguyên niên (1428) đến nay[6] là 341 năm, có thể biết Tiên tổ ngài sống vào quãng cuối đời Trần, đầu đời bản triều. Bởi vì tên chức cục, duy triều Trần mới có, mà triều ta thì gọi là Trưởng, là Chánh trưởng là Tri, ở cục nào đó, không giống với triều Trần, cũng có thể nhân chỗ này mà suy ra được.

Tuy nhiên, tôi liệu xét sâu kỹ hơn, chứ không chuyên hẳn chỗ này. Tiên tổ ngài do có tài có đức mà làm đến chức vi hiển hách, trâm anh thi lễ, tạo nên một gia thế. Từ đó con cháu ngày càng nhiều, phúc trạch ngày một thịnh vượng, thơm tho đưa tới, phát cả các chi, kiêm cả văn lẫn võ, làm nho làm lại, đôi khi cũng có. Thường thường vì tài nghệ mà người đời phải kính phục, trúng giải khoa trường, ra làm Đốc trấn, đặt những kỳ mưu trong trường quan lại, lại thường thường gặp ơn tri ngộ, vượt ra ngoài luật lệ, đến như anh em ruột thịt cùng chiếm khoa bảng, cùng ở ngôi cao, cùng Thượng thư, Quận công, Tể tướng, gia phong lại đều là người không thể thường được cái phúc đó! Mà tới nay Y bát[7] vẫn truyền, kéo dài không dứt. Nào Tiến triều[8] nào Tiến sĩ, nào Khôi hội, Nguyên đình,[9] con cháu trổ tài, nối đời khoa hoạn, phúc trạch đó chưa thể lường được. Khiến cho họ Ngô ta danh tiếng, ở tỉnh ở nước khi bàn về khoa cử, không những khen là khéo đỗ, cũng đều phục là khéo cả văn nữa. Nói về phúc đức, như là ai cũng hưởng thụ đều cả, cũng khó mà vạch ra kẻ đần ngu. Điều đó há không phải do gốc do cành rậm, nguồn sâu nhánh dài đưa đến ư?

Tiên tổ ngài không chỉ riêng về đức thịnh mà thôi. Đời mình quí hiển, đời con quí hiển, thì đến trước đó cũng quí hiển, hẳn đã tự đưa đến, cũng không phải tay thuyền thợ tầm thường bắt đầu gây dựng nên được, bằng lòng tốt mà gốc tích nhỏ nhoi.

Duy chức Cục chính tới nay coi như là tượng nhân (người thợ), cái đó ngờ là sự thay đổi của các triều đại, giống như lễ nhạc phân hay hợp, lịch số khinh hay trọng, nhân vì khi gia phả bị trộm cướp lấy mất tới nay trải 200 năm. Quá tin về kiến thức văn, ít chịu kê cứu, mới nói đến cục chính, đã cho như là thuyền thợ. Nếu có lời khen ngợi, cũng nói rằng: "Ông thợ hiền thay, có con cháu ấy." Biết đâu chức chính của Tiên tổ ngài cũng cùng như chức cục chính của các ông Nguyễn Bính, Trình Thanh và Lê Thọ Vực, chứ không phải giống như hàng trăm thợ thuyền ngày nay. Vì thế, nên tôi phải biện luận.

CHÚ THÍCH

1. Chiếc mũ cao sơn.

2. Nguyên bản viết: Chiết hành (折衡), ngờ là Chiết xung (折衝), đúng hơn.

3. Mạo cũng như quán, nghĩa là mũ.

4. *Đăng khoa lục*: Năm Đại Khánh Giáp Dần thi Thái học sinh, ai đỗ thì bắt đầu trao cho chức Tịch thư lệnh (籍書令). Sai cục chính là Nguyễn Bính giáo tập, để đợi khi dùng tới.

5. Nhân, ngờ là chữ "quan' xem ở dưới thấy rõ.

6. Tác giả viết tập Tổ quan tôn hiển này, có lẽ là năm Cảnh Hưng 29 Mậu Tý (1768) vì ta đem số năm Thuận Thiên nguyên niên, là năm dương lịch 1428, cộng với 341 năm, sẽ thành 1769, trừ đi 1 số dư còn 1768.

7. Do chữ "Y Bát truyền gia" của nhà chùa. Y là áo pháp, Bát là bát ăn cơm, truyền đạo gọi là truyền y bát. Đây ý nói là khoa và hoạn đời đời truyền mãi.

8. Chưa đỗ mà vì có tài đức được đặc cách ra làm quan, gọi là Tiến triều.

9. Thi Hội đỗ đầu, thi Đình đỗ đầu.

*

* *

MỤC LỤC

	Lời nói đầu	5
	Ngô Thì Nhậm – Thân thế và sự nghiệp	9
	-Tiểu sử	9
	-Niên biểu tác giả	23
	-Trích dịch *Ngô gia thế phả*	26
	-Đôi nét về Tùng thư *Ngô gia văn phái*	33
	Quy cách biên soạn	39
	BÚT HẢI TÙNG ĐÀM	41
	Giới thiệu	43
1	*Tân niên cung hoạ nghiêm thân:* Năm mới kính mừng cha	47
2	*Hạ nghiêm thân phó trị*: Mừng cha đi nhậm chức	49
3	*Phụng nghĩ Trấn thủ tiễn Đốc đồng:* Vâng viết giúp quan Trấn thủ tiễn quan Đốc đồng	51
4	*Tiền trung thu lãng ngâm hoạ hữu Nguyễn Hiếu Đức nguyên vận (tứ thủ):* Hoạ nguyên vận bài ngâm thơ trong tiết trung thu năm trước của bạn Nguyễn Hiếu Đức (bốn bài) *Kỳ nhất:* Bài 1	52
5	*Kỳ nhị:* Bài 2	54
6	*Kỳ tam:* Bài 3	56
7	*Kỳ tứ*: Bài 4	57
8	*Tống hữu Nguyễn Hiếu Đức (Thạch Động) bồi giá hạnh Vạn Niên cung y vận (nhị thủ):* Tiễn bạn Nguyễn Hiếu Đức (Thạch Động), theo xa giá nhà vua đến cung Vạn Niên, y theo vận (hai bài). *Kỳ nhất:* Bài 1	59
9	*Kỳ nhị*: Bài 2	61
10	*Tiễn cựu Hiến Bắc:* Tiễn cựu Hiến sát sứ Kinh Bắc	62
11	*Tống Cao Bằng Đốc đồng:* Tiễn quan Đốc đồng Cao Bằng	64
12	*Tống hữu Bắc sứ (nhị thủ):* Tiễn bạn đi sứ phương Bắc (hai bài). *Kỳ nhất:* Bài 1	65
13	*Kỳ nhị:* Bài 2	67
14	*Toạ Dục Thúy sơn thiển thạch loan tức cảnh:* Ngồi mom đá núi Dục Thuý, tức cảnh	68
15	*Hạ hữu Ninh Chuyết Sơn đăng đệ*: Mừng bạn Ninh Chuyết Sơn thi đỗ	70

16	*Thắng nhật phú đắc Đồng Lại thập nhị nghi:* Ngày đẹp trời viết nên mười hai cảnh thích hợp ở Đồng Lại. *Kỳ nhất:* Bài 1	72
17	*Kỳ nhị:* Bài 2	74
18	*Kỳ tam:* Bài 3	75
19	*Kỳ tứ:* Bài 4	77
20	*Kỳ ngũ*: Bài 5	78
21	*Kỳ lục:* Bài 6	80
22	*Kỳ thất:* Bài 7	81
23	*Kỳ bát:* Bài 8	82
24	*Kỳ cửu:* Bài 9	84
25	*Kỳ thập:* Bài 10	85
26	*Kỳ thập nhất*: Bài 11	86
27	*Kỳ thập nhị:* Bài 12	88
28	*Hạ hữu cử nam:* Mừng bạn sinh con trai	89
29	*Hạ Quốc sư Nguyễn quận công trí sĩ:* Mừng Quốc sư Nguyễn quận công về hưu	91
30	*Đề long phi dược đồ:* Đề bức tranh cá nhảy rồng bay	93
31	*Tống khế hữu hành biên (nhị thủ):* Tiễn bạn thân lên biên giới (hai bài). *Kỳ nhất:* Bài 1	95
32	*Kỳ nhị*: Bài 2	97
33	*Uỷ niên quyến Phan Thuỵ Nham bổ ngoại:* An ủi người anh em đồng niên Phan Thuỵ Nham, được bổ quan ở ngoài	98
34	*Kinh lược nhập Tuyên Quang giới:* Đi kinh lược vào địa giới Tuyên Quang	100
35	*Ngư triều hồ ký thuỵ:* Ghi điềm lành cảnh hồ cá chầu	102
36	*Kim Đài trú quân*: Đóng quân ở Kim Đài	103
37	*Thạch Long tuyền:* Suối Thạch Long	105
38	*Hạ hữu thăng thụ tân mệnh:* Mừng bạn được thăng chức vâng mệnh lệnh mới	106
39	*Đãi Hoãn quận công tiễn Cổn quận công trí sĩ chi tác:* Viết thay Hoãn quận công tiễn Cổn quận công về hưu	108
40	*Khải hộ:* Mở cửa	111
41	*Hạ Tả nạp ngôn Thanh Nguyên hầu:* Mừng quan Tả nạp ngôn là Thanh Nguyên hầu	113

42	*Đáp Hương La khế hữu:* Trả lời người bạn thân ở Hương La	115
43	*Tống hữu Ninh Chuyết Sơn hiệp đồng Huy quận công xuất dương thảo thuỷ phỉ (tam thủ):* Tiễn bạn Ninh Chuyết Sơn hiệp đồng với Huy quận công ra khơi dẹp cướp biển (ba bài). *Kỳ nhất:* Bài 1	117
44	*Kỳ nhị*: Bài 2	119
45	*Kỳ tam*: Bài 3	121
46	*Độ Như Thiết thuỷ:* Qua đồng nước Như Thiết	122
47	*Độ Nguyệt Đức giang:* Qua sông Nguyệt Đức	123
48	*Bình thị trú quân:* Quân đóng ở chợ Bằng	125
49	*Thu nhật sơn du (tam thủ):* Ngày thu chơi núi (ba bài) *Kỳ nhất:* Bài 1	126
50	*Kỳ nhị*: Bài 2	128
51	*Kỳ tam:* Bài 3	129
52	*Tặng niên quyến Phan Thuỵ Nham hậu mệnh quan thượng:* Tặng người anh đồng niên Phan Thuỵ Nham chờ mệnh trên cửa ải	131
53	*Đáp Phạm Thạch Động Nhập thị Thiêm sai đắc bệnh:* Phúc đáp Nhập thị Thiêm sai Phạm Thạch Động bị ốm	135
54	*Hạ quyến đệ Hoàng Trác Lĩnh hầu án trấn Nghệ An*: Mừng em vợ là Trác Lĩnh hầu họ Hoàng vào trấn thủ Nghệ An	138
55	*Tiễn Ỷ La Dương Hiến sứ tuyên chỉ Phú Xuân thành:* Tiễn quan Hiến sứ họ Dương ở Ỷ La tới thành Phú Xuân tuyên chỉ	140
56	*Xuân nhật thị Phạm Thạch Động:* Ngày xuân ngỏ ý cùng bạn Phạm Thạch Động	141
57	*Vịnh canh:* Vịnh người đi cày	143
58	*Vịnh mục:* Vịnh trẻ chăn trâu	144
59	*Hạ đồng niên Minh Tảo Nguyễn công Hiến sát Thanh Hoa:* Mừng bạn đồng khoa là Nguyễn công người ở Minh Tảo làm Hiến sát Thanh Hoa	146
60	*Phúc Phạm Thạch Động nguyên vận*: Phúc đáp nguyên vận bài thơ của Phạm Thạch Động	148

61	*Phụng chấp sự Linh Đường Khôn Nghi cung hoạ hữu Thạch Động chi tác:* Vâng lệnh trông coi công việc cung Khôn Nghi ở Linh Đường hoạ thơ của bạn Thạch Động	149
62	*Hạ hữu Phan Huy Ôn đăng đệ:* Mừng bạn Phan Huy Ôn thi đỗ	151
63	*Xuân nhật hoạ Phạm Thiên Nhất chi tác (lục thủ):* Ngày xuân hoạ thơ Phạm Thiên Nhất (sáu bài). *Kỳ nhất:* Bài 1	155
64	*Kỳ nhị:* Bài 2	156
65	*Kỳ tam:* Bài 3	158
66	*Kỳ tứ:* Bài 4	159
67	*Kỳ ngũ:* Bài 5	160
68	*Kỳ lục:* Bài 6	162
69	*Hạ đồng chí Dương huynh văn mệnh sung Hải Đông Hiến sứ:* Mừng người đồng chí là Dương huynh vâng mệnh sung chức Hiến sứ Hải Đông	163
70	*Xuân mộ*: Cuối xuân	167
71	*Văn An Ninh Thân gia trạch (tam thủ):* Viếng nhà họ Thân ở An Ninh (ba bài). *Kỳ nhất:* Bài 1	168
72	*Kỳ nhị:* Bài 2	170
73	*Kỳ tam:* Bài 3	171
74	*Nam Sơn thạch*: Đá núi Nam	173
75	*Hoạ khế hữu nguyên vận (tam thủ):* Hoạ nguyên vận bài thơ của người bạn thân (ba bài). *Kỳ nhất:* Bài 1	174
76	*Kỳ nhị:* Bài 2	176
77	*Kỳ tam:* Bài 3	177
78	*Thu phong hành ký Phạm Thạch Động:* Hành khúc gió thu gửi Phạm Thạch Động	179
79	*Xuân tiết hạ Vương Thế tử (ngũ thủ):* Nhân tiết xuân mừng Vương Thế tử. *Kỳ nhất*: Bài 1	187 188
	Kỳ nhị: Bài 2	
81	*Kỳ tam:* Bài 3	189
82	*Kỳ tứ*: Bài 4	191
83	*Kỳ ngũ*: Bài 5	192

84	*Phụng canh Vương tử tứ thi nguyên vận:* Phụng hoạ nguyên vận bài thơ của Vương tử tặng cho	193
85	*Phụng đề hoạ bình (ngũ tuyệt):* Phụng đề bức bình phong của Chúa (năm bài). *Kỳ nhất:* Bài 1	19
86	*Kỳ nhị*: Bài 2	196
87	*Kỳ tam:* Bài 3	197
88	Kỳ tứ: Bài 4	198
89	*Kỳ ngũ:* Bài 5	89
90	*Đề Ngự bình hoạ đồ (tứ tuyệt):* Đề bức vẽ tấm bình phong của nhà vua (bốn bài tứ tuyệt). *Kỳ nhất: Đào viên tam kết nghĩa*: Bài 1 Ba người kết nghĩa ở vườn đào	200
91	*Kỳ nhị: Dược mã quá khê Kiều:* Bài 2 Phóng ngựa qua khe Kiều	201
92	*Kỳ tam: Tam cố thảo lư:* Bài 3 Ba lần thăm túp lều tranh	202
93	*Kỳ tứ: Gia Cát tế phong:* Bài 4 Gia Cát cầu gió	203
94	*Phụng hạ thuỵ lan ứng chế:* Phụng mệnh làm bài thơ mừng cây lan quý	205
	THUỲ VÂN NHÀN VỊNH.	207
	Giới thiệu	209
1	*Khiển hoài:* Tiêu khiển nỗi lòng	213
2	*Bát nguyệt kỵ cảm hoài:* Ngày giỗ tháng tám cảm hoài	214
3	*Ký đệ Học Tốn thị (tam thủ):* Gửi cho em Học Tốn (ba bài). *Kỳ nhất:* Bài 1	216
4	*Kỳ nhị:* Bài 2	218
5	*Kỳ tam:* Bài 3	220
6	*Xuân ngâm (nhị thủ):* Khúc ngâm mùa xuân (hai bài). *Kỳ nhất*: Bài 1	221
7	*Kỳ nhị*: *Kỳ nhị:* Bài 2	225
8	*Cung văn Tiên thánh vương (nhị thủ):* Kính viếng Tiên thánh vương (hai bài). *Kỳ nhất:* Bài 1	228
9	*Kỳ nhị:* Bài 2	230
10	*Cung văn Tiên thân*: Kính viếng cha	231
11	*Hứng đình thảo ký đệ Học Tốn thị:* Cảm hứng cỏ mọc trước sân gửi cho em là Học Tốn thị	233

12	*Hựu ký đệ Học Tốn thị (tam thủ):* Lại gửi thư cho em là Học Tốn (ba bài). *Kỳ nhất Tự uý:* Bài 1 Tự an ủi	236
13	*Kỳ nhị Tự cường:* Bìa 2 Tự cường	238
14	*Kỳ tam Tự hối:* Bài 3 Tự răn mình	240
15	*Hoán nhĩ ngâm (nhị thủ):* Khúc ngâm mỉm cười (hai bài). *Kỳ nhất*: Bài 1	242
16	Kỳ nhị: Bài 2	243
17	*Thạch ngưu hành:* Bài hành trâu đá	245
18	*Bát nguyệt ky cảm hoài:* Cảm xúc nhân ngày giỗ tháng tám	249
19	*Cảm hứng:* Cảm hứng	253
20	*Hoài nội (nhị thủ):* Nhớ vợ (hai bài). *Kỳ nhất*: Bài 1	254
21	*Kỳ nhị*: Bài 2	256
22	*Đại phong:* Gió lớn	258
23	*Điếu Huy quận công:* Viếng Huy quận công	259
24	*Uý quyến đệ Đồng Lạc thị:* An ủi em vợ là Đồng Lạc	261
25	*Hữu sở thán:* Có điều than thở.	262
26	*Thần du ngâm:* Khúc ngâm thần du.	266
27	*Ngụ hứng:* Gửi vào cảm hứng	267
28	*Hữu sở tiếu:* Có điều nực cười	271
29	*Ký hữu Chi Mỹ thị quyến đệ Đồng Lạc thị*: Gửi bạn Chi Mỹ thị và em vợ Đồng Lạc thị	273
30	*Mạ lưỡng khả huyện quan:* Mắng viên quan huyện lập lờ hai mặt	275
31	*Cải mạ Nguỵ Trưng:* Lại mắng Nguỵ Trưng	278
32	*Hoạ hữu Chi Mỹ thị:* Hoạ thơ bạn Chi Mỹ	281
33	*Thập nhị nguyệt ky cảm hoài:* Cảm tưởng ngày giỗ tháng chạp	283
34	*Xân nhật:* Ngày xuân	284
35	*Ngụ hứng:* Gửi hứng	286
36	*Mộng trung ký thắng:* Ghi cảnh đẹp trong mộng	287
37	*Hoạ Chi Mỹ thị "Hỉ vũ" chi tác:* Hoạ bài thơ "Mừng trời mưa" của bạn Chi Mỹ thị	290

38	*Lệ Trạch am tức hứng:* Ở am Lệ Trạch nhân hứng viết ngay	291
39	*Đáp quyến đệ Đồng Lạc thi:* Trả lời em vợ là Đồng Lạc	293
40	*Bệnh thuật (tam thủ):* Thuật hoài trong khi ốm (ba bài). *Kỳ nhất:* Bài 1	294
41	*Kỳ nhị:* Bài 2	295
42	*Kỳ tam:* Bài 3	297
43	*Đề nhị tẩu ỷ tùng:* Đề bức tranh hai ông già tựa cây thông.	298
44	*Hoạ Bắc khách Đăng Sơn thị*: Hoạ thơ người khách phương Bắc là Đăng Sơn	299
45	*Hoạ đệ Học Tốn thị "Dao đề Bàn A sơn"*: Hoạ bài thơ "Xa đề núi Bàn A" của người em trai là Học Tốn	301
46	*Xuân nhật phỏng Hoàng Xá Thư Xuyên từ đường:* Ngày xuân đến thăm từ đường Thư Xuyên ở Hoàng Xá	302
47	*Phú đắc Huyền Quang "Vạn duyên tuyệt đoạn nhất thân nhàn" chi cú:* Vịnh câu thơ "Cắt đứt muôn duyên nợ thì thân được thảnh thơi" của Huyền Quang	304
48	*Phú Minh Đạo "Bạng hoa tuỳ liễu quá tiền xuyên" chi cú:* Vịnh câu thơ "Hoa kề hàng liễu tới đầu sông" của Minh Đạo	306
49	*Chu bạc Hội Khê tân:* Đậu thuyền ở bến đò Hội Khê	307
50	*Phỏng Vân Động thư đường:* Thăm phòng sách ở Vân Động	309
51	*Quân bất kiến:* Anh chẳng thấy ư !	310
52	*Thư đề Miễn Trai:* Viết đề nhà sách Miễn Trai	314
53	*Thần khởi tức sự:* Dậy sớm tức sự	315
54	*Chân Định đạo trung:* Trên đường đi Chân Định	318
55	*Vân Môn tự*: Chùa Vân Môn	320
56	*Phú đắc "Cận thuỷ lâu đài tiên đắc nguyệt" chi cú:* Vịnh câu "Lâu đài ở bên sông đón ánh trăng trước"	322
	KIM MÃ HÀNH DƯ	325
	Giới thiệu	327
	Phú	331
1	*Diệu Vũ đình phú:* Bài phú đình Diệu Vũ	331

2	*Thiên quân thái nhiên phú:* Phú Lòng luôn thanh thản	339
3	*Mộng Thiên Thai phú:* Phú Giấc mộng ở Thiên Thai	345
4	*Tiêu dao du phú*: Phú Tiêu dao du	358
5	*Du Tiêu sơn phú*: Phú Du chơi non Tiêu	368
6	*Thu nguyệt trường thiên phú:* Phú Vòm trời trăng thu	374
7	*Lâm trì phú:* Phú Lâm trì	381
8	*Biểu trung phú:* Phú Biểu lòng trung	386
9	*Tuyết nguyệt nghi phú:* Phú Ngờ ánh trăng là ánh tuyết	394
10	*Hoàng Hạc lâu phú:* Phú Lầu Hoàng Hạc	399
11	*Tục Ai Vân phú:* Nối bài phú Ai Vân	407
12	*Thái Học môn lâu phú:* Phú Nhà lầu ở cửa nhà Thái Học	418
13	*Thưởng liên đình phú:* Phú đình thưởng sen	427
	Ký - Bi Ký	437
1	Phụng nghĩ Lãng Chiếu đài lậu chung ký: Phụng nghĩ bài ký trên chuông dò ở đài Lãng Chiếu	437
2	*Phụng nghĩ Thuỷ Nhất đình ký:* Phụng nghĩ bài ký đình Thuỷ Nhất	442
3	*Thanh Nhàn tự hồng chung ký:* Bài ký quả chuông lớn ở chùa Thanh Nhàn	447
4	*Tự Mục đình ký:* Bài ký đình Tự Mục.	452
5	*Phạm thị từ đường ký:* Bài ký từ đường họ Phạm	458
6	*Nguyễn tộc từ đường phả ký:* Phả ký từ đường họ Nguyễn	465
7	Kim Lan ước ký: Ghi lời hẹn ước ở Kim Lan	469
8	*Thái Nguyên địa hình binh tình tặc thế ký:* Ghi về thế lực địch, tình trạng quân đội, địa hình đất đai ở trấn Thái Nguyên	472
9	*Tuyên Quang Hoàng Văn Đồng sự trạng ký:* Ghi về sự trạng Hoàng Văn Đồng ở Thuyên Quang	475
10	*Tiên Linh điện bi ký:* Bài ký trên bia tại điện Tiên Linh	482
11	*Bạch Sam Phổ Tế tự bi ký:* Bi ký chùa Phổ Tế xã Bạch Sam	489

12 *Đại Từ hậu Phật bi ký*: Bìa ký bia hậu Phật chùa Đại Từ 491
13 *Quảng Nghiêm tự bi ký:* Bài ký trên bia chùa Quảng Nghiêm 500
14 *Sùng Đức từ bi ký:* Bài ký khắc vào bia từ đường Sùng Đức 505
15 *Truy Viễn đàn bi ký:* Bài ký khắc vào bia đàn Truy Viễn 512
16 *Vĩnh Định oanh ký:* Bài ký ngôi mộ Vĩnh Định 520
1 **Nghị – Luận** 525
Đốc Khánh từ chiêu mục nghị: Bàn về thờ hàng chiêu hàng mục ở từ đường Đốc Khánh
2 *Sùng Ân cung nghị:* Kính bàn về lễ Sùng Ân 529
3 *Hương vũ biệt tự khả phủ nghị:* Bàn về hương vũ thờ riêng phải hay không 533
4 *Xã đình nguyệt xướng khả phủ nghị:* Bàn về khoa hát một tháng ở đình xã phải hay không 538
5 *Miếu chế nghị:* Bàn về phép thờ ở miếu 541
6 *Giáo nghị:* Bàn về giáo dục 645
7 *Giáo mục:* Vấn đề cốt yếu về giáo dục 553
Khải 651
1 *Điều trần Hải Dương xứ tình tệ khải:* Khải điều trần về tình tệ xứ Hải Dương 562
2 *Bản xứ tuế quý điều trần khải:* Bài khải điều trần về cuối năm ở bản xứ 568
3 *Phụng chỉ cầu trực ngôn trần thời chính khải:* Bài khải vâng chỉ dụ cầu lời nói thẳng, vạch rõ chính sách hiện thời 571
4 *Ngự sử đài bản đường quan tuế quý trần ngôn khải:* Bài khải điều trần về cuối năm của bản đường quan ở đài Ngự sử 578
5 *Bản thuộc đài quan trần ngôn (giáp thể):* Lời trình bầycủa bản thuộc đài quan 582
6 *Bản thuộc trần ngôn (ất thể):* Lời trình bầy của bản thuộc 586

7	*Đại Cổn quận công thảo đồn điền sự nghi khải:* Thay Cổn quận công thảo bài khải về việc nên lập đồn điền	591
8	*Từ Hiệp đồn điền khải:* Khải từ chối nhận chức Hiệp đồn điền	597
9	*Đại Tuân Sinh hầu khất hoãn xuất sư khải:* Bài khải xin hoãn việc hành quân, nghĩ thay cho Tuân Sinh hầu	600
10	*Khu xử Tống Tinh ngân xưởng sự nghi khải:* Bài khải khu xử sự việc mỏ bạc Tống Tinh	605
11	*Khu xử Thái Nguyên khải:* Bài khải khu xử trấn Thái Nguyên	609
12	*Khất tu soạn Hội giám toàn thư khải:* Khải xin tu soạn bộ Hội giám toàn thư	617
13	*Phụng ban đồn điền tiện nghi tạ khải:* Khải tạ ơn được ban cho tuỳ tiện lập đồn điền	625
	Văn - Cáo văn - Tế văn	627
1	*Truy Viễn đàn luận soạn văn:* Bài văn luận về đàn Truy Viễn	630
2	*Trùng tu Đức Lâm Linh Am tự phổ khuyến văn:* Bài văn phổ khuyến sửa lại chùa Đức Lâm Linh Am	667
3	*Trùng tu Tam Thai tự phổ khuyến văn:* Bài văn phổ khuyến sửa lại chùa Tam Thai	671
4	*Phụng nghĩ Ngự đảo vũ văn:* Vâng nghĩ thay Thánh Thượng bài văn cầu mưa	673
5	*Nghĩ Tuân Sinh hầu cáo thiên địa văn:* Nghĩ thay Tuân Sinh hầu bài văn cáo trời đất	675
6	*Văn biến cáo thiên địa văn:* Nghe tin có biến, làm bài văn cáo với trời đất	676
7	*Cáo Sàng Đồng trại Thổ thần văn:* Văn cáo Thổ thần ở trại Sàng Đồng	678
8	*An Cầu xã nghênh thần cáo văn:* Văn cáo rước thần của xã An Cầu	680

9	*Hạ điền tế văn:* Văn tế Hạ điền	682
10	*Bản huyện tế văn:* Văn tế bản huyện	683
11	*Nhập tịch xướng ca văn:* Văn xướng ca vào đám	685
12	*Cáo Sàng Đồng trại cô hồn hồn văn:* Văn cáo cô hồn ở trại Sàng Đồng	690
13	*Phụng nghĩ Hoàng chánh hậu luỵ văn:* Phụng nghĩ bài văn luỵ (viếng) bà Hoàng chánh hậu	693
14	*Tế tiên thứ mẫu Thuận Nhân quan văn:* Văn tế bà mẹ thứ Thuận Nhân	714
15	*Tế thứ mẫu Hoàng Thị văn:* Văn tế bà thứ mẫu họ Hoàng	719
16	*Trần tình cáo Tĩnh Vương văn:* Văn trần tình cáo Tĩnh Vương	721
17	*Mật đảo thiên địa văn:* Văn mật cáo với trời đất	731
18	*Hựu mật đảo thiên địa văn*: Lại văn mật cáo với trời đất	734
19	*Tế biểu đệ Ngô nhị lang:* Tế em họ ngoại là Ngô nhị lang	736
20	*Tế hữu Phạm Thạch Động công văn:* Văn tế bạn Phạm Thạch Động	737
21	*Tế niên hữu Kim Đôi Phạm công văn:* Văn tế bạn đồng khoa Phạm công làng Kim Đôi	740
22	*Tế hữu Chuyết Sơn Hy Chí thị văn:* Văn tế bạn Chuyết Sơn Hy Chí	742
	Tự - Thư	745
1	*Cần Bộc chi ngôn tự:* Bài tựa tập Cần Bộc chi ngôn	745
2	*Nghi Vịnh thi tập tự:* Tựa tập thơ Nghi Vịnh	754
3	*Tân đàm tâm kính lục tự:* Đề tựa tập Tân đàm tâm kính lục	756
4	*Tây Hồ mạn hứng tự:* Đề tựa tập Tây Hồ mạn hứng	761
5	*Cẩm Đường thi tập tự:* Lời tựa tập thơ Cẩm Đường	764
6	*Xuân Thu quản kiến tự tự:* Tự đề tựa bộ Xuân Thu quản kiến	769
7	*Tự học toản yếu tự:* Tựa tập Tự học toản yếu	773
8	*Hoa trình học bộ tự:* Đề tựa tập Hoa trình học bộ	777
9	*Hạc hoạ dư âm tự:* Tựa tập Hạc hoạ dư âm	779

10	*Hoàng Công thi tập tự*: Tựa tập thơ Hoàng Công	782
11	*Cổn quận công Trí sĩ thi tập tự:* Tựa tập thơ Trí sĩ của Cổn quận công	785
12	*Tinh sà kỷ hành tự:* Tựa tập thơ Tinh sà kỷ hành	797
13	*Đáp Bảo Triện Trần Hoàng giáp công thư:* Thư trả lời ông Hoàng giáp họ Trần ở Bảo Triện	804
14	*Đáp Ninh Song An công thư:* Thư trả lời ông Ninh Song An	806
15	*Phúc Thân thúc công thư:* Thư trả lời chú ruột	810
16	*Đáp niên khế Tả Khê bá thư:* Thư trả lời bạn đồng khoa họ Nguyễn ở Tả Khê	814
17	*Giới đệ tử điệt thư:* Thư khuyên bảo em, con và cháu	817
18	*Đáp Vân Canh Chế khoa Trần Bá Lãm thư:* Thư trả lời Chế khoa Trần Bá Lãm ở Vân Canh	819
	Hiểu - Ước - Đáp - Dẫn - Biện	825
1	*Huyện tế hiểu:* Bài hiểu thị về lệ tế Tiên hiền hàng huyện	826
2	*Khảo bổ Lễ sinh ước:* Xét bổ thêm điều ước Lễ sinh	828
3	*Luận văn thị đệ Học Tốn thị:* Bàn về văn, viết cho ông em thứ hai là Học Tốn	832
4	*Đáp phó hộ nhi Minh Triết chiêm:* Tờ đáp phó về việc hộ nhi xóm Minh Triết	842
5	*Vĩnh Định oanh phong thần khoán văn*: Bài khoán văn phong cho vị Thổ thần coi giữ ngôi sinh phần Vĩnh Định	848
6	*Vĩnh Định oanh tiểu dẫn*: Bài tiểu dẫn về ngôi sinh phần ở Vĩnh Định	851
7	*Gia quy yếu ước*: Những quy ước chủ yếu của gia đình	853
8	*Liên hạ thi minh thuyết:* Bài thuyết về tập liên hạ thi minh	859
9	*Tổ quan biện*: Biện luận sự tôn hiển về chức quan của cụ tổ	864

NGÔ THÌ NHẬM
TOÀN TẬP
TẬP 1

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. VI QUANG THỌ
Biên tập nội dung
NGUYỄN BẠCH LY
Vẽ bìa
THU HÀ
Vi tính
NGUYỄN MINH TUÂN
Sửa bản in
NGUYỄN HỒNG THANH

In 300 bản, khổ 19x27 tại Xí nghiệp in 15-Bộ Công Nghiệp
Số đăng ký KHXB 12/1045/ CXB cấp ngày 12/09/2002
In xong và nộp lưu chiểu tháng 04 năm 2003

ngô thì nhậm-tập 1



Giá: 220.000đ